# KINH TRUNG A-HAM (Viện CĐPH Hải Đức)

*Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)*

TAM TẠNG THÁNH ĐIÊN 4S SX

PHẬT GIÁO w NAM %

M0 :>

ỉỷ í^ ^

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TANG THANH DI PH*T GIAO VIETNAM

TAM TẠNG PHẬT GIÁO Bô PHÁI 02

KINH TRUNG A-HÀM

Việt dịch: VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC • NHA TRANG Hiệu đính: Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hổ CHÍ MINH

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC

HÔI ĐÒNG CHỨNG MINH
(Nhiệm kỳ 2017-2022)
PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HÔI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
• Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ e Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
• Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH
HÔI ĐÒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH
• Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
. Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
• Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

• Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG
-Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
-Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội
• Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
BAN BIÊN TẬP & ÁN HÀNH TAM TẠNG PHẠT GIÁO Bộ PHÁI

•Trưởng ban . Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN
•Tổng Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ
•Phó Tổng Biên tập
-Hòathưcmg THÍCH PHƯỚC CẨN
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH HẠNH BÌNH
-Thượng tọa Thạc sĩ THÍCH CHÚC PHÚ
Thư ký Biên tập
-Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG •ủy viên Biên tập
-Hoa thượng THÍCH THÔNG THIỀN
-Thượng tọa THÍCH THIỆN THUẬN
-Đại đức THÍCH NGUYEN HÙNG
Đại đức THÍCH NGUYÊN TRANG
-Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
•Trưởng ban Tài chánh
Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN
LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật ,, r ĩ - 9

rong Kỉnh Hoa Nghiêm có ghi: "Phật dĩ nhát nhát thân, xứ xứ chuyên

T pháp ỉuări"',nghia là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của minh, ở
mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp. Thật hoan hỷ, tinh thân chuyên bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pali, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác. Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: “Di Thảnh giáo vỉ minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm

vi trí đăng chiếu kinh u chr ,nghĩa là lấy Phật pháp làm
tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phạt dạy, thành tựu nhiều kết quả hLơn. Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nên văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bác thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trân, vân đang tiêp tục đông hành cùng đát nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm uĐạo pháp - Dân toe?9 Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

viii KINH TRƯỜNG TRƯNG A-HÀM

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh “Tác Như Lai sứ, hành Như Lai SỊT.” Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHÔ TUỆ (Ph chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)

LỜI GIỚI THIỆU

hay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội

T đồng Quản tri Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này. Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pali, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm ] 989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. 1. về thuật ngữ Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "Đại tạng kỉnh Việt Nam"\ vốn chiu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam"\ nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay. Khái niệm "Đại tạng kinh” chí đề cập đến “Kinh tạng" (P. Sutta Pltaka. H. )tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo,9 có nội hàm

rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. Vỉnaya Pỉtaka. H.,LuRt tạng), kho tàng Triết học tâm (P. Abhidhamma Pitaka, H.,Luân tạng), Văn học Chú giải (P. Atthakatha). Văn học Phụ chú giải (P. Tĩkã). Văn học Tục tạng (các tác phẩm Phật học và văn học Phật giao Việt Nam). Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam bao gôm các tuyên tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v... 2. về Văn học sử Phật giáo "Thánh điển Phật giWo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

x 9t KINH TRƯNG A-HÀM

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. Dhammaṃ s. Dharma. H.Pháp), Đạo đức (P=s. Vìnaya, H.Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. Abhỉdhamma, s. Abhỉdharma, H.,Vô tỷ pháp). Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngon ngữ Pali từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đen Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm Đảo sử (Dīpavamsa) và Đại sử (Mahāvamsa) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pãli băt đâu viêt kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn. Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở di, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa

khruyền

LỜI GIỚI THIỆU xi

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pâli sang tiếng Việt.1 Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pali. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pâli và Hòa thượng Tinh Sự dịch Luận tạng Pâli. Gần đây? Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pâli. Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,2 gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tang Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam. Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồnẹ Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tông hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành Linh Sơn

Pháp bảo Đại tạng kinh. Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản tri VNCPHVN thành lập Ban Biên tập Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa. 4. về bản sắc quốc gia Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam tìuyền như Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pãli? đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ. Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đàu tiên có Khai Bảo tạng được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

1 Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hầnhKinh Trường bộ từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập ÌII, IV). Các năm kế tiep, Hòa thượng cho ấn hành các tập Kỉnh Trung bô: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III). 2 Còn thiếu 6 quyển trong Kinh Tiểu bộ: Diễn giải, Phân tích đạo, Thảnh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng và Mỉlinda vấn đạo.



Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng. Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản Cao Ly Đại tạng kinh (),hay còn gọi là Bát vạn Đại tạng kinh (),có cấu trúc mục lục khác với
các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn. Nhật Bản có Thiên Hải tạng ()dầu tiên được thực hiện từ năm 1637
đến 1648. Đen đầu thế kỷ XX, Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ( 1924-1934) do
các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và Ono Genmyou biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển? trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo An Độ, Trung Quốc. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất. Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nālandā nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác. Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trò thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm

1973 cũng đã trải qua 46 năm, Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam chỉ mới hoàn tát một nửa chặng đường phiên dịch. Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGYN cần có Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. Sutamayāpannā, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. Cintāmayapaññā, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiên chí, thiên quán (P. Bhāvanāmayapaññā, Tu tuệ). Đê tạo nên bản sác văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam. góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh Tam tạng Thánh điển



Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam sớm thành tựu mỹ mãn. Xuất bản Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vôn là nhân khô đau, đông thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phân làm cho Tô quôc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triên bên vững.

VesakLiên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.2019 Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN (Chủ tịch Hội đồng Tri sự GHPGVN)

LỜI NÓI ĐẦU

am tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy

T đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá tri vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Viet Nam* Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam băt đâu từ rát sớm và xuyên suôt dòng lịch sử luôn đông hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyên hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là

một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật. Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuêch tán ở mức cao nhát ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đau nguồn là đang Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn ỵ và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, Ương đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Sañghamittā của vương triêu này đã truyền bá đạo Phật



sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vattagāmanī Ābhāya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. ở Ấn Độ, làn kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniska từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảnệ bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền. Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bi gián đoạn, thậm chí mai một. Anh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điên Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pâli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vattagāmanī Ābhāya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihâra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách. Tạng Pãli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thông Nam truyên như An Độ, Tích Lan, Miên Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ v đã có công lớn đối với Thánh tạng Pâli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điên, và nôi tiêng với bộ kinh băng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm I88l, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pâli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ân hành nguyên bản Pâli và phiên dịch sang tiêng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pâli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ v. Ngoài tạng Pâli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng

khác nhau. Bản Đại tạng khăc gô đây đủ đâu tiên của Trung Quôc được đặt tên là Khai Bảo tạng. hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó Bát vạn Đại tạng kinh (còn gọi là Cao Ly Đại tạng kinh) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá tre, có 9 bản Đại tạng. Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh (Taishô Shinshū Daizokyo,)do Takakusu Junjiro, Watanabe Kaikyoku và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh



nhất cho đến năm 1934. Mông cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lân khác bản, được in ân khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng). 9 9 r Tam tạng Thảnh điên Phật giáo Việt Nam có diêm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào nam 131Í (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành Đại tạng kỉnh Việt Nam có biểu hiện dừng lại hẳn, nhimg thật ra vân được chư Tôn đức tiên hiên âm thâm thực hiện. Lịch sử thực hiện Đại tạng kinh Việt Nam khởi sắc trong giai đoạn chấn hrnig Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phàm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiên bôi và đương thời nôi tiêp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Khánh Anh, Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Phước Hảo, Hòa thượng Thích Tịnh Thuận, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,... Như vậy, nội dung bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Băc truyên, hoặc có một phân của nhau, nhưng không đây đủ. Trong khi đó, Tam

tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ)? cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải,



Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải. Nguồn tư liệu này dựa vào Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiêng Sanskrit, tiêng Anh và một sô ngôn ngữ khác. Phân Tục tạng của Tam tạng Thánh điên Phật giảo Việt Nam bao gôm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ trí thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch Tam tạng Thảnh điển Phật giảo Việt Nam của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo. Phiên dịch Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pali cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, một số rào cản ngôn ngữ trong các để bản đã được giải mã và phản ánh trong các bản dịch mới trong Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam phản ánh việc đinh hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của Tam tạng Thánh điển Phật giảo Việt Nam. Tam tạng Thánh điên Phật giáo Việt Nam mở ra một triên vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam. Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chát liệu cao cáp, thiêt kê mâu mực, kỹ thuật in ân tiên tiên, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam còn thực hiện bản số hóa làm tăng

thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tôi tru. Bộ Tam tạng Thảnh điển Phật giáo Việt Nam ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, r : r chọn lựa từng chữ, cân nhác từng thuật ngữ Phật học, đôi khảo các bản dịch, bô sung từng cước chú, nhuận sác từng dâu châm phây, đê đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo. Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam lần này thật bất khả tư nghì. Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vi. Thành kính cúng dâng ấn phẩm Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ su, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 - DL.20Ỉ9 Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN (Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)

MỤC LỤC LỜI CHÚNG MINH..... vii LỜI GIỚI THIỆU..... ix LỜI NÓI ĐẦU..... XV MỤC LỤC.....xxi BANG VIẾT TẮT.....xxix DẪN LUẬN..... XXXV

1. KINH THIỆN PHÁP..... l 2. KINH TRÚ ĐÔ THỌ..... 5 3. KINH THÀNH DỤ..... 7 4. KINH THỦY DỤ.....13 5. KINH MỘC TÍCH DỤ..... 17 6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG..... 23 7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC.....27 8. KINH THẤT NHẬT..... 31 9. KINH THẤT XA..... 35 10. KINH LẬU TẬN..... 41 11. KINH vi DỤ HẠT MUỐI..... 45 12. KINH HÒA-PHÁ..... 49 13. KINH ĐÔ..... 53 14. KINH

LA-VÂN..... 57 15. KINH Tư..... 63 16. KINH GIÀ-LAM..... 67 17. KINH CA-DI-NI..... 73 18. KINH Sư TỬ..... 77 19. KINH NI-KIỀN..... 83 20. KINH BA-LA-LAO..... 93 21. KINH ĐẲNG TÂM..... 105 22. KINH THÀNH Tựu GIỚI..... 109



23. KINH TRÍ..... 115 24. KINH Sư TỬ HỐNG..... 121 25. KINH THỦY DỤ..... 127 26. KINH CÙ-NI-SƯ..... 131 27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN..... 135 28. KINH GIÁO HÓA BỆNH..... 143 29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA..... 153 30. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ..... 165 31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ..... 173 32. KINH VỊ TẰNG HỮU PHÁP..... 181 33. KINH THỊ GIẢ.....189 34. KINH BẠC-CÂU-LA..... 199 35. KINH A-TU-LA..... 203 36. KINH ĐỊA ĐỘNG.....209 37. KINH CHIÊM-BA..... 213 38. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (A)..... 217 39. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (B)..... 223 40. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (A)..... 227 41. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (B)..... 233 42. KINH HÀ NGHĨA.....235 43. KINH BẤT Tư..... 237 44. KINH NIỆM..... 239 45. KINH TÀM QUÝ (A)..... 241 46. KINH TÀM QUÝ (B)..... 243 47. KINH GIỚI (A)..... 245 48. KINH GIỚI (B)..... 247 49. KINH CUNG KÍNH (A)..... 249 50. KINH CƯNG KÍNH (B)..... 251 51. KINH BỔN TẾ..... 253 52. KINH THỨC ĂN (A)..... 255 53. KINH THỨC ĂN (B)..... 259 54. KINH TẬN TRÍ..... 261 55. KINH

NIẾT-BÀN..... 263 56. KINH DI-HÊ..... 265



57. KINH VỊ TỲ-KHEO THUYẾT..... 269 58. KINH THẤT BẢO.....271 59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG..... 273 60. KINH TỨ CHÂU..... 277 61. KINH NGƯU PHẤN DỤ..... 283 62. KINH TÀN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT..... 287 63. KINH BỆ-BÀ-LÀNG-KỲ.....293 64. KINH THIÊN sứ.....305 65. KINH Ô ĐIỂU DỤ.....315 66. KINH THUYẾT BỔN..... 323 67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM..... 333 68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG.....343 69. KINH TAM THẬP DỤ..... 353 70. KINH CHUYÊN LUÂN VƯƠNG..... 359 71. KINH BỆ-TỨ..... 373 72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI..... 395 73. KINH THIÊN..... 413 74. KINH BÁT NIỆM.....417 75. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO..... 423 76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA..... 427 77. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM Tộc TÁNH TỬ.....431 78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT..... 439 79. KINH HỮU THẮNG THIÊN..... 447 80. KINH CA-HY-NA.....455 81. KINH NIỆM THÂN..... 463 82. KINH CHLLY-DLLÊ..... 473 83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN..... 479 84. KINH VÔ THÍCH..... 483 85. KINH CHÂN NHÂN..... 485 86. KINH THUYẾT xứ..... 489 87. KINH UẾ PHẦM..... 499 88. KINH CẦU PHÁP..... 509 89. KINH TỲ-KHEO THỈNH.....515 90. KINH TRI PHÁP..... 519



91. KINH CHÂU-NA VẤN KIẾN..... 521 92. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ..... 525 93. KINH THỦY TINH PHẠM CHÍ..... 527 94. KINH HẮC

TỲ-KHEO..... 531 95. KINH TRỤ PHÁP..... 535 96. KINH VÔ..... 537 97. KINH ĐẠI NHÂN..... 539 98. KINH NIỆM xứ..... 553 99. KINH KHỔ ẤM (A)..... 561 100. KINH KHỔ ẤM (B)..... 567 101. KINH TÀNG THƯỢNG TÂM..... 573 102. KINH NIỆM..... 577 103. KINH Sư TỬ HỐNG..... 581 104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA..... 585 105. KINH NGUYỆN..... 599 106. KINH TƯỞNG..... 603 107. KINH LÂM (A).....605 108. KINH LÂM (B)..... 609 109. KINH Tự QUÁN TÂM (A)..... 611 HO. KINH Tự QUÁN TÂM (B)..... 613 111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH..... 615 112. KINH A-NÔ-BA..... 619 113. KINH CHƯ PHÁP BỔN.....625 114. KINH ƯU-ĐÀ-LA.....627 115. KINH MẬT HOÀN DỤ..... 629 116. KINH CÙ-ĐÀM-DI..... 635 117. KINH NHƯ NHƯYẾN..... 643 118. KINH LONG TƯỢNG..... 645 119. KINH THUYẾT xứ..... 649 120. KINH THUYẾT vô THƯỜNG..... 651 121. KINH THỈNH THỈNH..... 653 122. KINH CHIÊM-BA.....657 123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức..... 661 124. KINH BÁT NẠN..... 667

MỤC LỤC XXV

125. KINH BÀN CÙNG..... 671 126. KINH HÀNH DỤC..... 675 127. KINH PHƯỚC ĐIỀN..... 679 128. KINH ƯU-BÀ-TẮC..... 681 129. KINH OÁN GIA.....685 130. KINH GIÁO ĐÀM-DI..... 689 131. KINH HÀNG MA.....695 132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA..... 703 133. KINH ƯU-BÀ-LY.....719 134. KINH THÍCH VẤN..... 733 135. KINH THIỆN

SANH..... 751 136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI..... 761 137. KINH THẾ GIAN.....769 138. KINH PHƯỚC..... 771 139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO..... 775 140. KINH CHÍ BIÊN..... 777 141. KINH DỤ..... 779 142. KINH VŨ-THẾ..... 781 143. KINH THƯƠNG-CA-LA.....791 144. KINH TOÁN số MỤC-KIỀN-LIÊN..... 797 145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN..... 803 146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ..... 811 147. KINH VÀN ĐỨC..... 819 148. KINH HÀ KHỔ..... 823 149. KINH HÀ DỤC..... 827 150. KINH ƯẤT-SẤU-CA-LA.....829 151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA..... 837 152. KINH ANH VŨ..... 849 153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ..... 861 154. KINH BÀ-LA-BÀ-ĐƯỜNG..... 871 155. KINH TU-ĐẠT-ĐA..... 883 156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN..... 887 157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN..... 891 158. KINH ĐẦU-NA..... 895

xxvi KINH TRƯNG A-HÀM

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA..... 899 160. KINH A-LAN-NA.....901 161. KINH PHẠM-MA.....909 162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI..... 923 163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ..... 931 164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP..... 937 165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN.....943 166. KINH THÍCH TRƯNG THIỀN THẤT TÔN..... 951 167. KINH A-NAN THUYẾT..... 957 168. KINH Ý HÀNH..... 961 169. KINH CÂU-LÂU-SẤU vô TRÁNH..... 965 170. KINH ANH vũ.....973 171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP..... 981 172. KINH TÂM..... 989 173. KINH PHÙ-DI..... 993 174. KINH THỌ PHÁP (A)..... 999 175. KINH THỌ PHÁP (B)..... 1003 176. KINH HÀNH

THIỀN..... 1007 177. KINH THUYẾT..... 1015 178. KINH LẠP Sư..... 1021 179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ..... 1027 180. KINH CÙ-ĐÀM-DI.....1033 181. KINH ĐA GIỚI..... 1037 182. KINH MÃ ẤP (A)..... 1043 183. KINH MÃ ẤP (B)..... 1047 184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A)..... 1051 185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B)..... 1059 186. KINH CẦU GIẢI..... 1065 187. KINH THUYẾT TRÍ..... 1069 188. KINH A-DI-NA..... 1077 189. KINH THÁNH ĐẠO..... 1081 190. KINH TIỂU KHÔNG..... 1085 191. KINH ĐẠI KHÔNG..... 1089 192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI..... 1097



193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUÀN-NA..... 1107 194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI..... 1115 195. KINH A-THẤP-BỐI.....1125 196. KINH CHẢU-NA..... 1133 197. KINH ƯU-BÀ-LY..... 1143 198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA..... 1149 199. KINH SI TUỆ ĐỊA..... 1157 200. KINH A-LÊ-TRA..... 1169 201. KINH TRÀ-ĐẾ..... 1181 202. KINH TRÌ TRAI..... 1195 203. KINH BÔ-LỴ-ĐA..... 1203 204. KINH LA-MA..... 1211 205. KINH NGŨ HẠ PHÀN KIẾT..... 1221 206. KINH TÂM UẾ..... 1227 207. KINH TIỄN MAO (A)..... 1231 208. KINH TIÊN MAO (B)..... 1237 209. KINH BỆ-MA-NA-TU..... 1247 210. KINH PHÁP LẠC TỲ-KHEO-NI..... 1253 211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA..... 1261 212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ..... 1269 213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM..... 1279 214. KINH BỆ-HA-ĐỀ..... 1287 215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC..... 1295 216. KINH ÁI SANH..... 1299 217. KINH BÁT

THÀNH.....1305 218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (A)..... 1309 219. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (B)..... 1311 220. KINH KIẾN.....1313 221. KINH TIỄN DỤ..... 1315 222. KINH LỆ..... 1321

PHỤ LỤC..... 1331 SÁCH DẪN..... 1337

BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PÃLI

A. Añguttara Nikãya (Kinh Tăng chỉ bô)
AA. Añguttara Nikâya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Tăng chỉ bộ)
Áp. Apadãna (Thánh nhãn kỷ sự)
ÁpA. Apadāna Atthakathā (Chú giải Thánh nhân kỷ sự)
Asi. Atthasālinī (Chú giải Pháp tụ)
Bvs. Buddhavamsa (Phật sử)
BvsA. Buddhavamsa Atthakathā (Chủ giải Phật sử)
CNid Cūlaniddesa (Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải)
CNidA. Cūlaniddesa 9Atthakathā ~
{Chu giải Tiêu ng/ĩĩa tnich / Chu giai Tiêu diên giai)
Cp. Carỉyãpỉtaka (Hạnh tạng)
CpA. Cariyāpitaka Atthakathā (Chú giải Hạnh tạng)
Cv. Cūlavagga (Tiểu phẩm)
Cvs. Cūlavamsa (Tiểu sử)
D. Dīghā Nikãya (Kỉnh Trường bộ)
DA, Dīghā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Trường bộ)
Dh. Dhammapada (Kinh Pháp cú)
DhA. Dhammapada Atthakathā (Chủ giải Kinh Pháp cu)
Dhs. Dhammasañganī (Pháp tụ)
Dpvs. Dīpavamsa (Đảo sử)
Gãi. Gāthā (Therā và Therĩ); Trưởng lão Tăng kệ và Trưởng lão Nỉ kệ ít. Itỉvuttaka (Kinh Phật thuyết như vậy}
ItA. Itỉvuttaka Atthakathā (Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy)
J. Jātaka (Chuyện Tiên thân)
Kh. Khuddakapātha (Tiểu tụng)
XXX KINH TRUNG A-HÀM

Kkvt, Kañkhāvitaranī (Giải nghí) Kv. Kathāvatthu (Luân sự / Những điểm dỉ biệt) M. Majjhimā Nikãya (Kỉnh Trung bộ) MA. Majjhimā Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh

Trung bộ) Mhbv. Mahābodhivamsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Larỉ) Mhvs. Mahāvamsa (Đại sử) Mỉln. Milindapañha {Mi-tỉên vân đáp / Milỉnda vân đạo) MNid. Mahãnỉddesa (Đại nghĩa thích /Đại diễn giải) MNỈdA. Mahãniddesa Atthakathā (Chủ giải Đại nghĩa thích / Chủ giải Đại diễn giải) MT. Majjhimā Nikāya Tīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ) Mv. Mahāvagga (Đại phẩm) Nid. Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải) NỉdA. Niddesa Atthakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải) Netti. Nettipakarana (Chí đạo luân / cẩm nang học Phật) Pat, Patthāna (Duyên hệ) Pe. Petakopadesa (Chú thích Kỉnh tạng / Tìm hiểu Tam tạng) Ps. Patisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo /Phân tích đạo) PsA. Patisambhidāmagga Atthakathā (Chủ giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo) r Pug Puggalapaññatti (Nhân thi thiêt) PugA. Puggalapaññatti Atthakathā (Chú giải Nhân thỉ thiết) Pv. Petavatthu (Nga quỷ sự / Chuyện Ngợ quỹ) PvA. Petavatthu Atthakathā (Chủ giải Nga quỷ sự / Chú giải Chuyện Nga quỹ) S. Samyutta Nikãya (Kinh Tương ưng bộ) SA. Samyutta Nikāya Atthakathā (Chú giải Kỉnh Tương ưng bộ) Sn. Suttanipâta (Kỉnh tập) SnA. Suttanipāta Atthakathā (Chủ giải Kinh tập) Sum. Sumañgalavilāsini (Chú giải Kinh Trường bộ) Thag. Theragãthã (Trưởng lão Tăng kệ) ThagA. Theragāthā Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ) Thĩg. Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)



ThĩgA. Therĩgãthã Atthakathā (Chú giải Trưởng lão Nỉ kệ)
Thũvs. Thūpavamsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)
Ud. Udãna (Kỉnh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)
UdA. Udāna Atthakathā
(Chủ giải Kỉnh Phật tự thuyết / Chủ giải Cảm hứng ngữ)
Uj. Upãsakcỳanãlaùkãra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)
Vbh. Vibhañga (Phân tích)
VbhA. Vibhañga Atthakathā (Chú giải Phân tích)
Vỉn. Vỉnaya Pitaka (Luật tạng)
VỉnA, Vinaỵa Atthakathā (Chú giải Luật tạng)
Vism, Vỉsuddhỉmagga (Thanh tịnh đạo)
Vv. Vimãnavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)
VvA. Vỉmãnavatthu Atthakathā
(Chủ giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung)
Yam. Yamaka (Song đối)
TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT
Divy. Divyāvadāna (Thiên cung sự)
Mhvu, Mahãvastu (Đại sự)
MPS. Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niết-bàrỉ)
TÁC PHẨM TIẾNG ANH BBS. Burmese-scrỉpt Buddhasãsana Samiti edition of the Majjhimā Nikāya (Kinh Trung bộ. phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti) BD. Book ofDiscipline (Luật tạng) BL Buddhist India (Phật giảo Ân Đô) BPE. Buddhist

Manual ofPsychological Ethics (Cẩm nang Tâm ly Đạo đức Phật giáo) Cpd. Compendium ofphilosophy (Cương yếu Triết học / Tóm tắt và giải thích bộ A bhidhammatthasañgaha) DB. Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bô) Expos, Expositor (Chủ giải Pháp tụ) GS. Gradual Sayings (Kinh Tăng chỉ bộ)

xxxii KINH TRUNG A-HÀM

KS. Kindred Sayings (Kinh Tương ưng bộ) MB. A Manual ofBuddhism (Cẩm nang Phật giáo) MLS. Middle Length Sayings (Kinh Trung bộ) QKM. Questions ofKing Milinda (Milinda vân đạo) PC. Points of Controversy (Những điểm di biệt) Pss. Breth, Psalms of the Brethren (Trưởng lão Tăng kệ) Pss. Sis. Psalms of the Sisters (Trưởng lão Ni kệ) SBB. Sacred Books of the Buddhists (Thánh điển Phật giảo) SBE. The Sacred Books of the East (Thảnh điển phương Đông)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT TTTĐPGVN. Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam TTP V. Tam tạng Pali- Việt

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG
ĐCT./Đạt/T. Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh ()
N. Nam truyền Đại tạng kỉnh ()
Biệt Tạp. Biệt dịch Tạp A-hàm kinh ()
Tăng./EĀ. Tăng nhất A-hàm (,Ekottarikāgama)
Tạp./SĀ. Tạp A-hàm (,Samyuktāgama)
Trung./MA. Trung A-hàm kinh (,Mādhyamāgamă)
Trường./DĀ. Trường A-hàm kỉnh (,Dīrghāgama)
TỪ ĐIỂN BHSD. Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary (Từ điển Phật giảo Sanskrit hon hợp) CPD. Critical Pali Dictionary (Từ điển Biện giải Pall) DPPN, Dictionary ofPali Proper Names (Từ điển Danh từ riêng Pali) EB. Encyclopaedia ofBuddhism (Bách khoa Từ điển Phật giáo) EPD. English-Pāli Dictionary (7z> điển Anh - Pali) ERE. Encyclopedia of Religion and Ethics (Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức) PED. Pāli-English Dictionary (Từ điển Pali - Anh) PQĐTĐ. Phật Quang đại từ điển

_____ BẢNG VIẾT TẮT xxxiii

TỔ CHỨC HIỆP HÔI VÀ TẠP CHÍ CST. Chattha Sañgāyana Tipitaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6) PTS. Pali Text Society (Hội Thánh điển Pali) VRL Vipassanā Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) JPTS. Journal ofPali Text Society (Tạp chí Hội Thánh điển pall) JRAS. Journal ofthe Royal Asiatic Society (Tạp chí Hội Hoàng gia A châu)

CÁC TỪ VIẾT TẮT Tiếng Việt

S. Tiếng Sanskrit P. Tiếng Pali H. Tiếng Hán E. Tiếng Anh TTL. trước Tây lịch DL. Dương lịch PL. Phật lịch tr. trang Sđd. Sách đã dẫn NXB. Nhà xuất bản nt. như trên

HT. Hòa thượng TT. Thượng tọa ĐĐ. Đại đức NS. Ni sư se. Sư cô TS. Tiến sĩ ThS. Thạc sĩ ND. Người dịch BBT. Ban Biên tập

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini) Công nguyên BC. (Before Christ) trước Công nguyên Cf. (confer) Tham chiếu, so sánh ed. (by) biên tập (bởi) edn. (edition) ấn bản etc. (ét cetera) vân vân... (v.v...) f./ ff. (following pages) trang kê tiêp / các trang kê tiêp fig- hình minh họa ibid, (ibidem) cùng trang đã dẫn / như trên n. (note) chú thích op. cit (opere citato) sách đã dẫn p./ pp. (page/ pages) trang / các trang

xxxiv KINH TRƯNG A-HÀM

(by) dịch bởi trans, (translation) bản dịch v. (verse) bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn A M y A , vol./ vols. (volume/ volumes) tập, quyên / các tập, các quyên

DẪN LUẬN KINH TRUNG A-HÀM

I. TỔNG QUAN KINH TRUNG A-HÀM 1. Tựa đề kinh và mã số trong Đại Chảnh Kỉnh Trung A-hàm S. MadhyamaĀgamā,1 gồm 222 bài kinh có độ dài trung bình P. majjhimappamānāni suttãní là tuyển tập trong bốn tuyển tập kinh A-hàm S. catvãrỉ-ãgama,tứ A-cấp-ma, thuộc Kinh tạng Phật giáo Bộ phái .Trong Đại Chánh tân tu Đại tạng ,2 Kinh Trung A-hàm thuộc A-hàm blà bản văn thứ 26 trong tập 1. Mã số Kinh Trung A-hàm trong ấn bản CBETA tức ấn bản điện tử của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa , Chinese Buddhist Electronic Text Association^ viết tắt là 7Tln0026, trong khi mã số tựa đề Đại Chánh của SAT4 là 7B001 26.5 Trong tựa đề Sanskrit, "Madhyama Āgamā" được tạo thành bởi chữ ^madhyamd" có nghĩa là "trung binh" hay "vừa” x "không ngắn cũng không dài" và chữ "āgamc^ thường được người Trung Quốc phiên âm là "Acấp-ma" ,có nghĩa là "tuyển tập Thánh giao"hay “tuyển tập các bài kinh".về số lượng văn tự, kinh điển Pali và A-hàm thường được phân nhóm theo độ dài P. pamāna của kinh. Tuy nhiên, tính từ "trung binh” trong tuyển tập kinh này chỉ mang ý nghĩa tương đối. Trên thực tế, một số bài kinh

1 Trung A-hàm của ấn bản CBETA tại địa chỉ: https://tripitaka.cbeta.org/ 7Bln0026 truy cập ngày 01-12-2021. • 2 Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh Taishõ Shinshu Daizokyo, ĨỆ do Junjiro Takakusu và Watanabe Kaikyoku chủ biên, gồm 85 tập chữ Hán, lần đầu được Công ty Cô phân xuất bản Đại tạng xuất bản tại Tokyo vào năm 1924-34, nhanh chóng sau đó trở thành nguồn tài liệu gốc của các nghiên cứu và trích dẫn về văn học Phật giáo Trung Quốc quan trọng nhát trên thế giai. 3 CBETA được thành lập vào ngày 15-02-1999, do Thượng tọa Huệ Mần làm Tổng Biên tập. Các cơ quan tham gia thực hiện có Viện Nghiên cứu Phật học Trung Hoa Pháp cổ Sơn, Đại học Trung ương, Đại học Huyền Trang, Học viện Phạt học Hương Quang, Học viện Phạt học Viên Quang, Học việnzPhật học Phươc Nghiêm và Hoa Nghiềm Liên Xa?CBETA là kho tư liệu điền tử bằng chư Han của ấn bản Đại Chảnh đầy đủ nhất từ trước đến giờ. Đến ngày 18-02-2006, CBETA đã hoan tất các tập 1-55 và 85 gồm 7.877 vạn chữ. Đen năm 200CBETA hoan tất Vạn tân tục gồm 7.122 vạn chữ?Ấn bản offline có thể download tại: http://www.cbeta.org/download/cbreader.php 4 SÁT có nghĩa là "Co sở dữ liệu văn bản Đại tạng kinh” Sarhganikīkrtarh Taiśhotripitakam thường gọi là ấn bản SÁT, có trụ sở tại7Tokyo, Nhật Bản, hoàn thành điện tử hóa các

tập 56-84 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh, cũng là tổ chức giữ tác quyền và cho phép CBETA thực hiện điện tử hóa các tập 1-55 và 85 của Đại Chảnh tân tu Đại tạng kỉnh. 5 Trung A-hàm của ấn bản SÁT: https://21dzk.Lu-tokyo.ac.jp/SAT2012/ddb-sat2.php?s=&mode=detai l&useid=0001_26 truy cập ngày 01-12-2021.

xxxvi KINH TRƯNG A-HÀM

trong Trung A-ham có sô lượng chữ ít hơn một sô bài kinh trong Tăng nhát A-ham S. EkottaraĀgamā,6 và Tạp A-hàm S. Samyukta Agamā, §,7 một số bài kinh trong Trung A-hàm có số trang nhiều hơn so với bên Trường A-hàm S. Dĩrgha Āgamā,. về phương diện văn học Phật giáo, "Ahàm" S. āgamā,trong Hán ngữ là tuyển tập hàng ngàn bài kinh của Phật giáo Bộ phái, tương ứng với 'Tâli Nikya" tức tuyển tập hơn 17.000 bài kinh Pâli của Thượng Tọa bộ S. Sthaviravãda, p. Theravâda,.Trong khi các bộ Kỉnh Trường bộ Dīghā Nikãyă, Kinh Trung bộ ^Majjhimā Nikãyă. Kỉnh Tương img bộ Samyutta Nỉkãyă, Kinh Tăng chỉ bộ Añguttara Nỉkãyă và Kinh Tiểu bộ Khuddaka Nỉkãyà đã được dịch sang Anh ngữ từ lâu, bốn bộ kinh A-hàm mới được các giới học giả quan tâm, được dịch ra tiếng Anh chưa bao lâu.678 Kinh Trung A-hàm chỉ có 98/222 bài kinh tương ứng9 với 152 bài Kỉnh Trung bộ P. Majjhimā Nikãya,,Nam truyền Trung bộ kinh điển của Phật giáo Thượng Tọa bộ trong thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy , Sơ kỳ Phật gio,,Early Buddhism với cấu trúc và vị trí khác nhau. 2. Hai bản dịch chữ Hán của Kinh Trung A-hàm Trong lịch sử phiên dịch Hán tạng, Kinh Trung A-hàm được phiên dịch hai lần. Theo ngài Tăng Hựu ,445-518, tác giả của Xuất Tam tạng kỷ tập th Chu sanzangyz/z?1011 ở quyển 13, cho rằng có hai bản dịch chữ Hán về Kỉnh Trung A-ham được ân hành vào cuôi thê kỷ IY cách nhau 14 năm. i Kinh Trung A-hàm 59 quyển ,bản dịch chữ Hán đầu tiên, cũng là bản dịch đã thất truyền, còn gọi là Kinh Trung A-hàm bản đời Tần ,hay gọi tắt là "Bản 59 quyển"được Tôn giả Đàm-ma-nan-đề S. Dharmanandi,Pháp Hỷ,11 đọc thuộc

6 Tương đương với Kinh Tăng chi bộ P. Añguttara Nikāya,Tăng nhất Nỉ-ca-da trong Phật giáo Thượng Tọa bộ S. Sthaviravāda, p. Theravāda,. 7 Tươiig đương với hai bộ Kinh Tương ưng bộ P. Samvutta Nikāya, Ti/ơng ưng Nỉ-ca-da v Kinh Tiểu bộ P. Khuddaka Nikāya,Tiểu Nỉ-ca-da trong Phật giáo Thượng Tọa bộ. 9 Akanuma Chizen là học giả Nhật Bản đầu tiên đối chiếu các kinh tương đương giữa Kinh Trung A-hàm và Kinh Trung bọ, đanh dấu bước ngoặt nghiên cứu so sánh về 4 bộ A-hàm va 5 bộ Pali. Xem Akanuma Chizen, Kanpa shibu shiagon goshõroku: The Comparative Catalogue of Chinese Ẩgamas and Pali Nikāyas Nagoya: Hajinkakushobo, 1929. 10 Xuất Tam tạnệ ký tậpy của ngài Tăng Hựu còn gọi là Tăng Hựu lục hoặc Hựu lục gồm 15 quyển, biên soạn vào đầu thế kỷ VI thuộc triều đại nhà Lương , Nam Lương hạy Nam, triều Lương 502-57. Đây là bản văn đầu tiên trong tập 24 bộ Mục lục có mã sô trong ân bản Đại Chảnh tân tu Đại tạng kinh và CBETA là 755n2145: http://

tripitaka.cbeta.org/T55n2145 truy cập ngày 01-01-2022. 11 Đàm-ma-nan-đềS. Dharmanandi,thường được dịch là Pháp Hỷ là công dân nước Tukhāra Thổ-hỏa-la quốc, nổi tiếng đọc thuộc lòng Kỉnh Tăng nhất A-hàm S. Ekottara Āgamā,và Kinh TrungA-hàm S. MadhyamaẪgama,,có công lớn trong việc truyền bá bốn bộ kinh A-hàm .



Tôn giả Trúc Phật Niệm 13 dịch sang chữ Hán vào năm 384 lòng,1213 14 nhằm niên hiệu Kiến Nguyên thứ 20 thuộc triều đại Tiền Tần , 351-394, còn gọi là Phù Tần .14 Thông tin trên chủ yếu dựa vào “Lòi tựa” của Kinh Tăng nhất A-hàm Ekottarỉka Āgamā do ngài Đạo An 312-385 viết. Lời tựa này cung cáp thông tin răng Tôn giả Đàm-ma-nan-đê đên Trường An vào năm 384 và là người học thuộc lònệ Kỉnh Trung A-hàm và Kỉnh Tăng nhất A-hàm, Trong khi ngài Đạo An gắn két công việc tô chức các nhóm phiên dịch kinh điên thì ngài Trúc Phật Niệm, một vị giỏi song ngữ Ấn - Hoa đang hành đạo tại Trường An trong giai đoạn Tôn giả Đàm-ma-nan-đề đen đây. Do nhân duyên này, ngài Đàm-ma-nan-đề được thỉnh cau tuyên đọc Kinh Trung A-hàmf ngài Trúc Phật Niệm trực tiếp dịch sang Hán ngữ và ngài Tuệ Tung học trò của ngài Trúc Phật Niệm nhuận văn. Năm 385 nhằm năm Kiến Nguyên thứ 21, ngài Đạo An đã viết lời tựa cho Kinh Trung A-hàm mà hiện nay bản này đã thất lạc.15 Dựa vào cấu trúc thống nhất của các bản văn, nghiên cứu của Kõgen Mizuno1617 khẳng định rằng 24/30 bài kinh Trung A-hàm của nhóm Tôn giả Đàm-ma-nan-đề vẫn còn tồn tại, được bảo tồn dưới hình thức các bài kinh biệt dịch và được ghi trong Đại Chánh là "không rõ tác giả?n Quyển Xuất Tam tạng kỷ tập xuất bản năm 515, liệt kê 23 bài kinh Trung A-hàm vào nhóm "không rõ tác giả." Vào năm 597, quyển Lịch đại Tam bảo kỷ cung cấp tên dịch giả cho một số bài kinh này.18

12 Được hiểu là "miêng đọc bản Sanskrit” ,tức học thuộc lòng, không cần văn bản kinh. 13 Sa-môn Trúc Phật Niệm^ còn gọi là Phật Niệm ,người Kinh Châu là nhà phiên dịch kinh điển nổi tiếng của triều Tân ,qua đời tại Trường An vào đầu the kỷ IV. Trúc Phật Niệm chép bảnSanskrit và dịch truyện của Thập tụng Tỳ-kheo Giới bắn cùng với Đàm-ma-trì và Tuệ Thường dịch Giới bổn trên. Năm 413, ngài Phật-đà-da- xá tụng đọc Kỉnh Trường A-hàm, ngài Trúc Phạt Niệm dịch sang tiếng Hán. Ngài Trúc Phật Niệm còn hợp tác với Dam-ma-ty S. Dharmaprīya,dịch Ma-ha-bái-la-nhã Ba-la-mật kinh sao hợp tác với Cưu-ma-la Phật-đề S. Kumāra Buddhi,dịch Tứ A-hàm mộ sao giải ... Các bộ kinh do Trúc Phật Niệm dịch gồm: Bồ-tắt Anh lạc kinh u Thập trụ đoạn kiết kinh ,iii Xuất diêu ,iv Bồ-tắt xử thai kinh v Trung ấm kinh ,vi Vương tử pháp ích hoại mục nhân duyên kinh và nhiều tác phẩm quan trọng khác. 14 Các thông tin nàyđược giới thiệu trong Xuất Tam tạng kỷjạp dỉ M ^, quyển 13; Khai Nguyên Thích giảo lục ,quyển 3; Cao Tăng truyện ,quyển l, dù co một số thông tin dị biệt nho.
15 Hán văn: t4Bản phiên dịch thứ nhất này đã thất truyền,, .Thông tin chi tietve ấn bản bị mất xem Lời tựa của Tăng nhất A-hàm tại Xuất Tam tạng ký

tập F.55. 2145. 064b01 và Chủng kinh mục lục T.55. 2146. 0147Ò27. 16 Kõgen Mizuno, "Kanyaku Chūagonkyo to Zoichiagonkyo no yakushutsu ni tsuite” in Okurayama gakum kìyõ 2 1956: 41 -90; t4ChuagonJcyo kaidai" in Kokuyaku issai-gyõ Agon bu Tokyo: Taito, 1969, revised ed., vol. 6, pp. 403-117 17 Xem Xuất Tam tạng kỷ tập T.55. 2145. 0021bl7. 18 Xem thảo luận chi tiết trong Jen-Jou Hung, Marcus Bingenheimer and Simon Wiles, "Quantitative Evidence for a Hypothesis regarding the Attribution of Early Buddhist Translations,, in Literary and Linguistic Computing, 2009. DOI: 10.1093/llc/fqp036.

xxxviii KINH TRUNG A-HÀM

ii Kinh Trung A-hàm 60 quyển 19 là bản dịch chữ Hán thứ hai, còn gọi là Kỉnh Trung A-hàm bản đời Tấn hay "Bản 60 quyển^,2 .Kỉnh Trung A-hàm này là công trình phiên dịch của nhóm dịch giả Ấn - Hoa, do Sa-môn Tăng-già-la-xoa S. Samgharaksa, PChúng Hộ,,2người Kashmir Ke-tan19 đọc bằng *2122 tiếng “H*'22 có thể là tiếng Prakrit2324 hoặc Sanskrit, Tôn giả Cù-đàm Tăng- già-đề-bà S. Gautam Samghadeva,24 phiên dịch bằng miệng từ tiếng Prakrit hoặc Sanskrit sang tiếng Hán của nhà Tần,2526 Sa-môn Đạo Từ ở Dự Châu ghi chép .26 Bản dịch chữ Hán với hai

19 Các ấn bản internet về Kinh Trung A-hàm thường ghi nhầm dịch giả chữ Hán là Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm, thay vì phải là nhóm Tôn giả Tāng-gia-la-xoa và Tăng-già-đề-bà. Chẳng hạn trên trang Buddhasasana: https://www.budsas.org/uni/u-kinh-ahamtrung/trungaham_idx.htm truy cập ngày 01-01-2022 hay Thư viện Hoa Sen: https://thuvienhoasen.org/images/file/8sN5q51G0QgQAFU/Kinh-giao-hoa-nguoi-binh-thich-tue-sy-dich.pdf truy cập ngày 01-01-2022 và Thế giới Phạt giáo: https:// thegioiphatgiao.org/kinh/bo-kinh-bac-truyen-a-ham-sanskrit-phan/kinh-trung-a-ham-thich-tue-sy- dich.html truy cập ngày 01-01-2022 và nhiều trang khác. Tôn giả Tāng-gia-la-xoa S. Samgharaksa, ìỷ,Chúng Hộ,còn được phiên âm là Tăng-già-la-sát là công dân nước Saurāstra, thường được phiên âm là Tu-lại quốc hoặc Tô-lạt-đà quốc ,là thầy của Vua Kaniska Ca-nị-sắc-ca vương, 127- 151. Ngaila Thí dụ sư S. Dārstāntika,lỗi lạc của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ S. Sarvāstivāda, .Các dịch phẩm tiêu biểu của ngài gồm: i Tu hành đạo địa kinh S. Yoga-cārya-bhūmi, được Trúc Pháp Hộ S. Dharmaraksa,dịch chữ Hán vào năm 284, có mã số Đại Chảnh và CBETA là H5n0606: http://tripitaka.cbeta.Org/T15n0606 truy cập ngày 01-01-2022; ii Tăng-già-la-sát sở tập kinh được ngài Tăng-già-bạt-trừng S. Sañghabhūti, dịch năm 385, có mã sô Đại Chảnh và CBETA là 7ì5n0194: http://tripitaka.cbeta.org/T04n0194 truy cập ngày 01-01-2022. 21 Kế-tân ® hay tiếng Sanskrit là Kāśmīra còn được phiên âm là Kiếp-tân ,Kiết-tân ; Trong Đại Đường Tây Vức ký ,Huyền Trang phiên âm là Ca-thấp-di-la quốc .Tiếng Anh viết là Kashmir. 22 Chữ h8"trong ngữ cảnh này viết đủ là tfcHồ văn?, X}, về việc lý giải chữ hay UHÔ văn,, mà người Trung Quôc gọi là

"Phạn vn”cũng chính là chữ "Prakrit" trông Kinh Trung A-hàm noi riêng va ương van học Phật giáo Trung Quốc nói chung. Tham khảo P. V. Bapat, 4tChmese Madhyamāgama and the Language of Its Basic Texf in Dr. Satkari Mookerji Felicitation Volume, B. p. Sinha ed. Varanasi: Chowkhamba Publications, 1969, pp. 1-6; cũng như Fumio Enomoto, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Agamas^ in Buddhist Studies Review, vol. 3, 1986, pp. 19-30. Tuy nhiên, trên thực tê, chữ "H6" hay "H6 vn"được người Trung Quốc sử dụng có khi chỉ cho chữ Sanskrit, mà không phải lúc nao cũng là chư Prakrit. 23 Prakrit có chữ Devanagari là Prākrta^^lctid vốn là ngôn ngữ Trung Ấn - Aryan. Prakrit hay Prākrta được sử dụng tại đại lục An Đô vào thế ky III TTL cho đen the kỷ VIII. về từ nguyên, Prakrit có nghĩa đen là í4tự nhieny natural, đoi lập với chữ ^Samskrtc^ tức chữ Sanskrit, ngôn ngữ An - Aryan được sử dụng ở Nam Á, có nghĩa đen là ùđược cấu trúc" consiructed. Prakni là loại phương ngữ được quan chúng sử dụng rộng raC trong khi Sanskrit là ngôn ngữ tiêu chuẩn được sử dụng trong giới trí thức và văn bản hành chánh. 24 Tăng-giàđề-bà S. Sarnghadeva,còn được phiên âm là Tăng-già-đề-hòa ,hạy NnggiàdSbà và dịch ý là uChúng Thiên",người Kasmir S. Kāśmīra, Kê- tân, la cao Tăng nổi trội trong triều đại nhà Tầiự;được người Trung Quốc xem là thủy to của tông Tỳ-đàm hay học phái Tỳ-đàm . 25 Trong ngữ cảnh của Xuất Tam tạng ký tập gọi là t4bản đời Tấn”^, tức là "Tấn ngữ” hay “Tấn văn,, là một ngôn ngữ độc lập, thuộc hệ tcHặn ngữ t0c".Nói nôm na, đó là bản chữ Hán được viết theo phong cách của triều đại nhà Tấn 265-420. 26 Chữ "bút thọ”trong ngữ cảnh này đồng nghĩa với “blit Iịic”,có nghĩa là ghi chép hoặc ghi lại.



cộng Sự "cùng làm thư ky”27 là Lý Bảo và Khang Hóa 28 29 nhằm niên hiệu Long An thứ hai thuộc triều đại Đông vào năm 39827 28 Tấn 317-420.30 Nói cách khác, Tôn giả Tăng-già-đề-bà là vi chủ dịch Kỉnh Trung A-hàm. Bản dịch Hán ngữ thứ hai của Kỉnh Trung A-hàm của nhóm Tôn giả Tăng- già-la-xoa và Tôn giả Tăng-già-đề-bà tiến hành sau 14 năm kể từ bản dịch của nhóm Tôn giả Đàm-ma-nan-đê được ân hành. Đê cập đên lý do dịch lại Kinh Trung A-hàm, nhóm Tôn giả Tăng-già-đề-bà cho rằng bản dịch trước không trung thành với nguyên tác, mất đi nguyên nghĩa, có nhiều đoạn tối nghĩa, khó hiểu đối với người Trung Quốc.31 Thực ra, Trúc Phật Niệm là dịch giả Phật giáo nổi tiếng lão thông tiếng Prakrit, Sanskrit, bên cạnh tiếng Hán của ngài.32 Sau khi chiến tranh kết thúc, nhóm dịch giả Phật giáo này bắt đầu công việc dịch kinh tại Trường An và được sự bảo trợ của nhà thư pháp nổi tiếng Vương Tuân , 349-400, vốn thâm tín Phật pháp, xây dựng tmh xá, cung thỉnh các bậc dịch Kết quả là bản dịch Kinh TrungA-hàm có mã giả khắp nơi quy tụ cùng lo Phật sự.3334 số 7Dln0026 trong Đại Chảnh này được hoàn tất và phổ biến rộng rãi.

3. Các bản dịch Bạch thoại, Nhật ngữ và Anh ngữ Bên cạnh hai bản dịch chữ Hán nêu trên, Kỉnh Trung A-hàm còn có các bản dịch Bạch thoại, tiếng Nhật và Tây Tạng. Dưới sự đàn áp Phật giáo của Vua Glang-dar-ma 838-842, toàn bộ bản dịch Kỉnh Trung

A-hàm tiếng Tây Tạng bi tiêu hủy. i Trung A-hàm kỉnh tân dịch 34 do Hòa thượng Ngộ Từ dịch và chú thích bằng Bạch thoại, xuất bản tại Đài Nam, Đài Loan, 1997. ii “Kinh Trung A-hàrrí^ trong Hiện đại ngữ dịch A-hàm kinh điển Trung A-hàm kỉnh •,NXB. Bình Hà Đông Kinh Đô 2001.

27 Cộng thư viết đủ là t4cộng vi thư ky” có nghĩa là ucả hai cùng làm thư ký" cho công trình phiên dịch Kinh Trung A-hàm này. 28 Quyển Cao Tăng không đề cập đến sự đóng góp của Đạo Từ ,Ly Bảo và Khang Hóa .Xem T50.2059. 0361b25-26 và 0329a22. Cũng trong Cao Tăng truyện, Đạo Từ được đề cập là Tôn giả sanh sau giai đoạn này khoảng 100 năm T.50. 2059. 0374c23. 2^iw^tá£chữHánMl$, roi. 0026.
0809b26. 31 Xem chi tiết trong Cao Tăng truyện T50. 2059. 0328bl2. 32 Xem mô tả về năng lực song ngữ của Trúc Phật Niệm tại Hâu xuất Trung A hàm kinh TOI. 0026. 0809b06-08. . • 33 Cao Tăng truyện T50 2059. 0329al3.

34 Trung A-hàm kinh tân dịch của Hòa thượng Ngộ Từ: http://www.swastika.org.tw/contents/4tika/333-0. htm truy cập ngày 01-12-2021 hoặc http://www.fjdh.cn/wumin/20 13/02/213248209320.html truy cập ngày 08-02-2013.



(iii) Trung A-hàm kỉnh ()35 do cư sĩ Trang Xuân Giang () dịch Bạch thoại, 2010. Đây là bản dịch Bạch thoại có nhiều chú thích tự động rất hữu ích. Chỉ can đặt chuột vào các từ, cụm từ có gạch dưới thì phan giải thích được hiển thị, giúp người đọc nhanh chóng hiểu được ngữ cảnh của từ, cụm từ đó. Ngoài ra, trên trang web của Trang Xuân Giang còn có Hán dịch A-hàm kỉnh từ điển ()36 trực tuyến giúp độc giả tra cứu các khái niệm, nhân danh, địa danh xuất hiện trong bốn bộ kinh A-hàm. (iv) "Kỉnh Trung A-harri"()trong Quốc dịch nhất thiết kinh: A-hàm bộ ()do Nham Dã Chân Hùng (,Shin-0 Iwano) và Liên Trạch Thành Thuần (,Seijun Hasuzawa) dịch tiếng Nhật, NXB. Đại Đông (),Tokyo, 1929. Đây là bản dịch tiếng Nhật đầu tiên có nhiều chú thích hữu ích và tài liệu đoi chiếu bản văn rất phong phú. Bản dịch này còn là tài liệu tham khảo quý giá đối với các nghiên cứu về Kỉnh Trung A-hàm. văn học A-hàm cũng như việc chuyển dịch từ Hán cổ sang Bạch thoại của các học giả Trung Quốc và Đài Loan như được nêu ở bản dịch (i), (ii) và (iii) của mục này. (v) The Madhyama Agamā: Middle-length Discourses (Kinh Trung A-hàm: Những bài kỉnh có độ dài trung binh)* 2 vols, co-edited by Bhikkhu Anālayo, Marcus Bingenheimer, Rodney s. Bucknell (Berkeley, California: Bukkyo Dendo Kyokai America, BDK English Tripitaka, 2013). Bản dịch Anh ngữ duy nhất này mới hoàn tất 2 tập, tập l gồm kinh 1-71 và tập 2 gồm kinh 72-131, do Marcus Bingenheimer làm Tổng Biên tập, Bhikkhu Anālayo và Roderick s. Bucknell đong biên tập. Các dịch giả từ Hán ngữ sang Anh ngữ gồm Kin-Tung Yit, William Chu, Teng Weijen, Shi Chunyin, Kuan Tse-fu, Anālayo và Roderick. (vi) Vê tài liệu đôi chiêu băng Anh ngữ và Việt ngữ vê Kỉnh Trung A-ham và Kỉnh Trung bộ có Luận án Tiến sĩ của Hòa thượng Thích Minh Châu, So sảnh Trung A-ham kỉnh chữ Hán và Kỉnh Trung bộ chữ Pali (A Comparative Study of the Chinese Madhyama Āgamā and the Pali Majjhimā Nikāya) trình tại Đại

học Nālandā năm 1961, được Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch ra tiếng Việt và xuất bản năm 1998. Đây là tác phẩm nghiên cứu Kỉnh Trung A-hàm và Kỉnh Trung bộ có cấu trúc và nội dung rất công phu. Một tác phẩm nghiên cứu được đánh giá cao trong giới học thuật quốc tế,38 giới thiệu các khác biệt về nội dung và học thuyết chính giữa hai bản kinh.*

35 Kinh Trung A-hàm do Trang Xuân Giang dịch Bạch thoại phổ biến tại: https://agama.buddhason.org/ MA/index.htm (truy cập ngày 01-12-2021). 36 Hán dịch A-hàm kinh từ điển của Trang Xuân Giang: https://agama.buddhason.org/ad/index.htm (truy cập ngày 01-01-2022). 37 File pdf của tập 1: https://bdkamerica.org/product/the-madhyama-agama-middle-length-discourses-volume-i/ và tập 2: https://bdkamerica.org/product/the-madhyama-%E2%80%82gama-middle-length-discourses-volume-ii/ (truy cập ngày 01-01-2022). 38 Bhikkhu Anālayo, Marcus Bingenheimer, Rodney s. Bucknell, (co-editors), The Madhyama Agamā: Middle-length Discourses (Berkeley, California: Bukkyo Dendo Kyokai America, BDK English Tripitaka, 2013), tr. xvi.

DẪN LUẬN xli

4. Ba bản dịch chữ Việt Kinh Trung A-hàm 60 quyển, bản dịch chữ Hán của nhóm Tôn giả Sa-môn Tăng-già-la-xoa S. Sarngharaksa,Chúng Hộ,và Tôn giả Tăng-già-đề-bà S. Saipghadeva,là bản văn có 3 bản dịch chữ Việt hiện đang lưu hành trong và ngoài nước. Mặc dù rất muốn in tất cả 3 bản dịch trong ấn bản Tam tạng Thảnh điên Phật giảo Việt Nam nhăm tôn vinh đóng góp của các dịch giả Việt Nam, nhưng do những trở ngại về tác quyền, Ban Biên tạp chỉ có thể sử dụng bản dịch i và iii trong ấn bản của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. i Kỉnh Trung A-hàm do Tăng sinh Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, Nha Trang, dịch trước năm 1975, được Hòa thượng Thích Thiện Siêu hiệu đính, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam biên tập 1991, do Cục Xuất bản cấp giấy phép, in năm 1991-92. do Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch và chú thích, ii Kỉnh Trung A-hàm3940 41 NXB. Tôn giáo, Hà Nội cấp giấy phép, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam in năm 2008, nhằm chào mừng Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2008. Ấn bản này được Thư quán Hương Tích tái bản năm 2013 bởi NXB. Hồng Đức, Hà Nội. iii Kỉnh Trung A-hàm do nhóm phiên dịch của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh thuộc Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam dịch từ tháng 12-2018 đến tháng 05-2020. 5. Niên đại và hình thức truyền thừa Trong thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy và thời kỳ Phật giáo Bộ phái ,Tam tạng Phật giáo chủ yếu được truyền thừa bằng phương thức "khẩu truyền,^ từ thầy sang trò, cho đến thế kỷ I TTL mód chính thức truyền thừa bằng bản văn .Trong hai giai đoạn này, Kinh Trung A-hàm được xem là bản kinh tương đương với Kinh Trung bộ P. Majjhimā Nỉkãya.được truyền miệng từ thời kỳ biên tập kinh điển lần thứ nhất với sự tham dự của 500 vi A-la-hán 4tại động Thất Diệp S. Sapta-pami-guha, p. Sattapannaguhā,thuộc thành Vương Xá S. Rajgir, P. Rājagaha,cho đến thời kỳ biên tập kinh điển lần thứ hai với sự tham dự

của 700 vị Tỳ-kheo 41 tại thành Tỳ-xá-ly S. Vaiśālī, P. Vesālī,,khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn.

39 Ấn bản pdf của Kinh Trung A-hàm do Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ dịch: https://hoangphap.org/tue-sy- dich-viet-Kinh-trung-a-ham/ truy cập ngày 01-12-2021.
40 Còn gọi là "Biên tập kinh điển tại thành Vương x",diễn ra trong mùa an cư vào năm đức Phật Niết-bàn nham thống nhất hóa về Kinh tạng và Luật tạng. 41 Còn gọi là ctBiên tập kinh điển tại thành Tỳ-xá-ly,, ,diễn ra khoảng 100 năm sau Phật Niết-bàn. Ngoài bất đồng chính yếu là 10 việc hoặc 10 điều trái với giới luật , về nội dung, đại hội này trên căn bản thống nhát cao về Kinh tạng và Luật tạiig. Mươi điều tranh chấp bao gồm các quy định thạnh tịnh về: i Tích chứa mu6iy,ii Ăn sau ngọ quá 2 ngón tay ,iii Ăn một lần rồi đến làng khác khất ứiực ,iv Tỳ-kheo ở môt trú xứ được phép tô chức các pháp yết-ma Tăng sự độc lập 2 v Túc sô Tăng không đủ vẫn tổ chức các pháp yết-ma vi cho rằng Tăng chúng sẽ tùy thuận ,vi Làm theo tiền lệ hoặc các vị thầy trươc đa làm ;vii Sau giờ ngọ vẫn được dùng sữa chua ,viii Được phép uống nước lên men ,ix Tọa cụ không cần viền ,x Được phép giữ vàng, bạc
.

xlii KINH TRƯNG A-HÀM

về tổng số các bài kinh tương đương, có 98/222 bài kinh Trung A-hàm có nội dung tương đương với 152 bài kinh Trung bộ. Trong giai đoạn Phật giáo Bộ phái, dĩ nhiên, tất cả Kinh tạng của các trường phái Phật giáo chủ yếu là khẩu truyền. Kinh Trung A-hàm chứa đựng 12 thể loại văn học42 tiếp tục được truyền thừa cho đến đầu kỷ nguyên Tây lịch, khi Tam tạng Phật giáo Nguyên thủy và Tam tạng Phật giáo Bộ phái được biên tập thành văn. Như vậy, thời điểm biên tập thành văn sớm nhất của Kỉnh Trung A-hàm có the là đau kỷ nguyên Tây lịch. 6. Kinh Trung A-hàm là tụng băn của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Có sự khác biệt căn bản về tính đại diện bộ phái giữa Kinh tạng Pali và Kinh điển A-hàm. Nếu năm bộ kinh Pâli như Kinh Trường bộ (Dīghā Nỉkãya), Kinh Trung bộ (Majjhimā Nỉkãyă). Kinh Tương ưng bộ {Samyutta Nikãya), Kỉnh Tăng chỉ bộ (Añguttara Nỉkãyă) và Kỉnh Tiểu bộ {Khuddaka Nikãyà) hình thành nên Kinh tạng của Thượng Tọa bộ từ thế kỷ I TTL đến thế kỷ v tại các nước Nam truyền thì bốn bộ kinh A-hàm (S. catvãrỉ-ãgama.)đại diện cho các bộ phái Phật giáo Bắc truyền (Northern Schools of Buddhism) được truyền thừa bằng một số phương ngữ Ấn Độ như Prakrit (S. Prākrtd), Sanskrit (S. Samskrta), truyền đên Trung A qua Con đường Tơ lụa (Silk Road). về phạm vi địa lý truyền bá, Kỉnh Trung A-hàm và Kinh Trung bộ đều khởi nguyên tại Trung Ấn Độ ().Đen thời đại của Đại đế A-dục (S. Aśoka Maurya,)thế kỷ III TTL mới bắt đầu được truyền bá phân hóa. Kỉnh Trung A-hàm và ba bộ kinh A-hàm còn lại được truyền bá tại quốc gia Ca-thấp-di-la (S. Kaśmira,),từ đó được truyền bá sang các nước Đại thừa gồm Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly, Nhật Bản. Đang khi Kinh Trung bộ và bốn bộ kinh Pâli còn lại được truyền bá sang nước Tích Lan (Sri Lanka, )và từ đây được truyền sang các nước Phật giáo Nam truyền gồm Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Nhóm dịch giả của Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh dựa vào

thảo luận ngắn của ngài Huyền Trang (602-664) trong Thành duy thức luận (S. Vijñāpti-mātratā- sỉddhỉ.)cho rang Kỉnh Trung A-hàm là tụng bản của Đại Chúng bộ (S. Mahāsāñghika, ).Quan điểm này khá mới mẻ và đi ngược lại truyền thống đồng thuận lâu đời rằng Kỉnh Trung A-hàm là một phần của văn học Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (S. Sarvāstivāda, p. Sabbatthivāda,)hay Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (S. Mūlasarvāstivāda).

42 Mười hai thể loại văn học còn gọi là p nhị phần giáo"()hay uthậpnhị bộ kinh,, ( )gồm: (i) KJÍế kinh (S. Sutra,,Tu-da-la), (ii) Titng tụng (S. Geya,,Ky-dạ), (iiirrho ky/ś. Vyākarana,);(ly) Kệ tụng (S.Phung tung;jyt, Gia-da), (v) Tự thuyêt (S. Udāna,Ưu-đà-na), (vi) Như thị ngữ (S. Itivrttaka),(vii) Bôn sanh (S. Jataka,),(viii) Phương quảng (S. Vaipulya,),(IX)Vị tằng hữu (S. Adbhutadharma, )(x) Nhân duyên (S. Nidāna, fel fe ,Ni-da-na), (xi) Thí dụ (S.Avadāna,; ,A-ba-đà-na) và (xii) Liiận nghị (S. Upadeśa, Quang diễn;,Ưu-bà-đề-xá). Xem Thiện phapkinh^(1. 0026.1. 0421al2); Tâm kinh (roi. 0026.172. 0709al2); A-lê-tra kỉnh (foiT 0026.200. 0763b01).



Trên thực tế, dựa vào lịch sử truyền thừa của các bộ phái Phật giáo, Kỉnh Trung A-hàm (S. Madhyama Āgamā,)được xem là tụng bản () quan trọng của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Theo Câu-xá luận kê cổ lục ( ),ngài Pháp Tràng (),tại Nhật Bản cho rằng "Kinh Trung A-hàm và Kinh Tạp A-hàm là tụng bản của Tát-bà-đa b()"43 mà Tát-bà-đa bộ là từ phiên âm của chữ Sanskrit caSarvāstivāda,\ có nghĩa là Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Vào thế kỷ XVIII, Tôn giả Pháp Đạo ( Hõdõ, 1740-1770) được xem là nhà sớ giải đầu tiên giới thiệu các đoạn trích dẫn trong A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận (S. Abhidharmakośabhāsya.)qua đó chứng minh rằng các bộ A-hàm trở thành tụng bản của các bộ phái Phật giáo khác nhau. Trong lời tựa cho Luận Câu-xá, ngài Pháp Đạo viết rang: "Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Tạp A-hàm đều thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu b6."44 Không chỉ có cùng quan điểm tương tự với Pháp Bạo, hai học giả Marcus Bingenheimer43 45 và 44 Mizuno46 còn cho rằng cả hai bản dịch của Kỉnh Trung A-hàm đều thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ. Cụ thể hơn, Shõkũ Bando và Fumio Enomoto4748 còn chứng minh rằng Kinh Trung A-hàm thuộc truyền thống Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ ở Kashmir (Kashmiri Sarvāstivādin tradition)^ Két luận này sở dĩ được nhiều học giả hiện đại chấp nhận là do Tôn giả Sañgharaksa là cư dân Kashmir, mà Kashmir là mảnh đất phát nguyên của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ.49 Cho đến ngày nay, chúng ta không thể tìm thấy50 toàn bộ Kỉnh Trung A-hàm bằng tiếng Sanskrit, Prakrit hay Gandhārī. Các học giả đã phát hiện gần đầy đủ 30 bài kinh Trường A-hàm bằng tiếng Ấn Độ,51 đang khi chỉ có rất ít "các mảnh bản tho" (manuscriptfragments) ve các bài kinh trong Trung A-hàm được phát hiện. Trong các công trình nghiên cứu có giá trị về các mảnh bản thảo của Kỉnh Trung A-hàm. Jin-il Chung và Takamichi Fukita đã có công hệ thống hóa các

43 Nguyên tác Hán văn: Đọc chi tiết tại A-tỳ-đạt-ma Câu-xả luận kê cô (T64. 2252. 0440c). 44 Xem chi tiết tại A-tỳ-đạt-ma Câu-xả

luận kê cổ (T64. 2252. 0440c). 45 Xem thảo luận chi tiết trong Marcus Bingenheimer, Studies in Āgamā Literature with Special Reference to the Shorter Chinese Sarnyuktāgarna (Taipei: Xinwenfeng, 2011), pp. 23-32. 46 Mizuno, "Kanyaku no Chūagonkyo to Zõichiagonkyõ,\ p. 6. 47 Fumio Enomoto, "On the Formation of the Original Texts of the Chinese Agamas" in Buddhist Studies Review 3/1 [1986], p. 21f. 48 Shokū Bando, “Kanyakuz6agongy6k0" in Journal of Indian and Buddhist Studies 30/2 [1982], tr. 856f. 49 Oskar von Hinūber, "Upali's Verses in the Majjhimanikāya and the Madhyamāgama,, in L.A. Hercus, ed., Indological and Buddhist Studies, Volume ỉn Honour of Professor J. w. de Jong on His 60th Birthday (Canberra: Faculty of Asian Studies, 1982), p. 251. 50 Không thể tìm thấy có thể do chất liệu ghi chép không giữ được lâu, do tác động của thời gian hay do chiến tranh tàn phá... 51 Cacnghien cứu đầy đủ và rất thuyết phục về bản thảo của Kinh Trường A-hàm bằng Sanskrit Phật giáo, xem Oar von Hinuber, "Origin and Varieties of Buddhist Sanskrit"% Colette Caillat, ed., Dialectes dans les Lỉttẻratures Indo-aryennes (Paris: De Boccard, 1989), pp. 341-67; hoặc Seishi Karashima, Chõagonkyõ no gengo no kenkyū (A Study of the Original Language of the Chinese Dīrghaāgama) (Tokyo: Hirakawa shuppan, 1994).



mảnh bản thảo Sanskrit trong bài nghiên cứu "Khảo sát các mảnh tiêng Sanskrit tương ứng với Kỉnh Trung A-ham bản dịch Hán ",52 cung cấp nhiều dữ liệu đối chiếu, trích dẫn, phân loại pháp số và các cụm từ Phật học khúc chiết. Vê ngôn ngữ sử dụng trong bản nguyên tác của Kỉnh Trung A-hàm. có hai giả thuyết chính. Một số học giả như Oskar von Hinũber52 53 và Seishi Karashima54 cho rằng Kinh Trung A-hàm được viết bằng chữ Sanskrit đang khi các học giả khác cho rằng tiếng Prakrit chính là ngôn ngữ của Kỉnh Trung A-ham. Giáo sư P. V. Bapat qua phân tích văn bản Kỉnh Trung A-ham trong sự so sánh với Kinh Trung bộ đi đên két luận răng Kỉnh Trung A-ham không được viêt băng tiêng Pali, lại càng không bằng chữ Sanskrit mà bằng tiếng Prakrit.5556 *58 Vì bản nguyên tác bằng tiếng Ấn Độ (original Indic language) của Kỉnh Trung A-hàm đã bị that lạc, các giả thuyêt vê ngôn ngữ của kinh này dựa vào một số mảnh bảo thảo Sanskrit hay Prakrit chưa đủ sức thuyết phục rằng Kinh Trung A-hàm được viết bang ngôn ngữ Sanskrit hay Prakrit. Hơn nữa, dựa vào quyển Hậu xuất Trung A hàm kinh (),56 chữ "Ha” ()được người Trung Quốc sử dụng trong ngôn ngữ dịch kinh thường ám chỉ cho chữ Prakrit, cũng có khi chỉ cho chữ Sanskrit, nói chung là "phương ngữ An Đậy Do đó có the dịch đoạn văn trong Lời tựa Kình Trung A-ham như sau: "Sa-m6n Tăng-già-la-xoa (S. Samgharaksa) người Kashmir (Ke-tan) thuyết giảng bản văn trong phương ngữ Ấn Độ (Hồ bản), ngài Tăng-già-đề-bà (Sainghadeva) dịch từ tiếng Ấn Độ sang tiếng Hán và Sa-môn Đạo Từ () chấp bút chữ Hán, Lý Bảo ()v Khang Hóa ()címg làm thư ký gồm 60 quyen.,57> Do khái niệm "Hồ ban^ (tức bản Ấn Độ là tìr chung chung nên có thể hiểu là chữ Prakrit hay Sanskrit đều có thể chấp nhận được. 7. Hai bộ kinh tương đương: cấu trúc và số lượng bài kỉnh Có ít nhất hai ấn bản tương đương về tuyển tập Kinh có độ dài trung binh5S thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ và Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ như sau:

52 Jin-il Chung and Takamichi Fukita, Survey of the Sanskrit Fragments Corresponding to the Chinese Madhyamagama\ Including References to Sanskrit Parallels, Citations. Numerical Categories of Doctrinal Concepts and Stock Phrases (Tokyo: Sankibo Press, 2011). 53 Oskar von Hinüber, "Upli's Verses in the Majjhimanikāya and the Madhyamāgama,, in L. A. Hercus, ed., Indological and Buddhist Studies, Volume in Honour of Professor J. w. de Jong on His 6ơh Birthday (Canberra: Faculty of Asian Studies, 1982), pp. 250f. 54 Xem bài nghiên cứu Seishi Karashima, “The Underlying Language of the Chinese Translation of the Madhyama-agama,^ trong quyển Research on the Madhyama-Āgarna, edited by Dhammadinnā (Taipei: Dharma Drum Publishing Co., 2017), p. 205. 55 P. V. Bapat, “Chinese Madhyamāgama and the Language of Its Basic Text” in B. p. Sinha, ed., Dr. Satkari Mookerji Felicitation Volume (Varanasi: Chowkhamba Publications, 1969), pp. 1-6. 56 Xem chi tiết tại Hậu xuất Trung A-hàm kinh (01. 0026.60. 0809b29-c03). ^Nguyên tác trong Hậu xuất Trung A-hàm kỉnh kỷ (TOI. 0026.60. 0809b29-c03): h,,
,60#*. 58 về những bài kinh tương đồng và dị biệt của hai ấn bản tương đương này, tham khảo Thích Nhật Từ, Số tay mục lục Tam tạng Pali (Hà NỘI ÑXB. Hồng Đức, 2021).

ĐẢN LUẬN xlv

i Kinh Trung bộ của Nam truyền P. Dīghā Nikãya,,Nam truyền Trung bộ kinh điển gom 152 kinh, chia thành 3 phan paññāsa.15 phàm yagga..Hai phân đâu, môi phân gôm có 50 kinh, riêng phân cuôi có 52 kinh. Trong môi phân lại chia ra 5 phàm, môi phàm có 10 kinh, riêng phàm thứ 15 gồm 12 kinh.59 ii Kinh Trung A-hàm của Bắc truyền ,Bắc truyền Trung A-hàm kinh do nhóm Tôn giả Tăng-già-la-xoa S. Samgharaksa, và Tôn giả Cù-đàm Tăng-già-đề-bà S. Gautama Sarnghadeva, dịch được phân làm 5 tụng, 18 phần, 222 kinh, 60 quyển,60 là bản văn thứ 26 của tập l Đại Chánh tân tu Đại tạng kỉnh với mã số CBETA là 7Bln0026. So sánh vê phân loại chương, cả hai bản Kỉnh Trung A-hàm và Kỉnh Trung bộ đều có 4 phẩm yagga,c6 cùng tựa đề và nội dung tương đồng, gồm phẩm Vua ,Vương tương ưng phẩm có 2 kinh, phẩm Phạm chí Phạm chí phẩm có 4 kinh, phẩm Giải thích căn bản phân biệt phẩm có 9 kinh và phẩm Song đối ,song phẩm có 4 kinh như bảng đối chiếu sau đây.61

Phẩm Vua Phẩm Phạm chí Phẩm Giải thích Phẩm Song đối j

MĀ. \62=M. 140

MĀ. 163 = M. 137

MĀ. 150 = M 96 MĀ. 164 = Ai 138 MĀ. 182 = M 39

63= M 81 MĀ. 151 = Ai 93 MĀ. 165 - Ai 133 MĀ. 183 = M 40 Kinh tương MĀ.=M. 83 MĀ. 152 = M 99 MĀ. Ỉ66 = M. 134 MĀ. 184-M 32 đương MĀ. 161 = Ai 91 MĀ. 167 = M. 132 MĀ. 185 = M 31

MĀ. Ỉ69=M. 139

MĀ. Ỉ1O = M. 135

MĀ. 171 =M. 136

59 Thông tin chi tiết về cách cấu tạo 152 bài Kinh Trung bộ của Thượng Tọa bộ, xem Thích Nhật Từ, Sớ tay Tam tạng Pali Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021, tr. 163-202. • 60 TrungA-hcirn kinh^Tu,“",
roi. 0026. 0809b29-c03. 61 Xem chi tiết trong Chizen Akanuma,
The Comparative Catalogue of Chinese Āgamas & Pali Nikāyas Delhi: Sri Satguru Publications, 1990, 1st edn. 1929. về cách so sánh các bài kmh tương đương khác với Akanuma, xem Bhikkhu Anālayo, Comparative Notes on the Madhyama-āgama, 2006, pp. 32-33;



Trong bảng đối chiếu dưới đây, Kỉnh Trung A-hàm có 10 kinh cùng tựa đề và nội dung tương đương với Kỉnh Trường bộ\ 10 kinh tương đương với Kỉnh Tương mĩg bộ và 77 kinh tương đương với Kinh Tăng chỉ bộ.62 Cũng cần ghi nhận rằng có 14/222 bài Kỉnh Trung A-hàm không tương đương với kinh nào trong văn học Pãli. Nếu lấy Kỉnh Trung bộ làm quy chiếu so sánh, có 54 bài Kinh Trung bộ không có kinh tương đương trong Kỉnh Trung A-hàm gom M 4, M 9, M 12, M. 23. M. 29. M, 3Ồ. M. 33 34, M 35, M. 36, M 37, M 41, M 42, ÀÍ 48, M. 51 M. 53 M. 55 M. 57 M. 58 M. 59 M. 60 M. 62 M. 67
M. 71 M, 72 M. 73, M. 74, M. 76, M 84, M 85, M 86? M 92, M. 94, M. 95, M 98, M 100 M. 102,M 103,M 105,M 109,M 110,M 1115ÀÍ 114,M 116, 118,M 131 M. 144, M 145, M 146, M 147, 149, M 150, M 151, M 152. Một số bài kinh trong Kinh Trung A-hàm có nội dung tương đương với Kỉnh Trường bộ được Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ đưa vào, cho thấy chiu ảnh hưởng nhất định của Thượng Tọa bộ về Kinh tạng và quan điểm Phật học.63

Kinh Trung A-ham Kinh Trung A-hàm Kinh Trung A-hàm và m Kình Tăng chi bộ và 77 Kinh Tăng chi bộ và 10 Kinh Trường bộ MĀ. 1 =A. 7.64 MĀ. 84=4 10.72 MĀ. 59 = D. 30 MĀ. 2= A. 7.65 MĀ. 90= A. 10.24 MĀ. 68 = D. 17 MĀ. 3=4 7.63 MĀ. 94=4 10.87 MĀ. 70 = D. 26 =4 7.15 MĀ. 95=4 10.53 MĀ, 71 =D. 23 MĀi5=A. 7.68 MĀ. 96= A. 10.55 MĀ. 97 = D. 15 .8=4 7.62 MĀ. 105 10.71 MĀ. 98 = D. 22 MÃ. 11 =A. 3.99 MĀ. 109= A. 10.54 Mí. 104 = D 25 MĀ. 12= A. 4.195 MĀ. 110=4 10.51 MĀ. 134=0 21 MĀ. 13=4 3.63 MĀ. Ill =A. 6.63 MĀ. 135 = D 31 Mí. 15=410.217-18 MĀ. 112=A. 6.62 MĀ. 154= n 27

62 Tùy theo cáchrđịnh nghĩa cũng nhự tiêu chí đánh giá "nội dung tương đương,\ các tác giả hiện đại đưa ra các con số bất đong. Đây là điều hiển nhiên, mang tính tương đốt Theo Akanuma Chizen trong quyển sách mang tựa đe "Kanpci Shỉbu Shiagon Goshõroku: The Comparative Catalogue of Chinese Agamas and Pall Nikāyas" (Nagoya: Hajinkakushobo, 1929), nêu ra rằng Kinh Trung A-ham có 14 bài tương đương với Kinh Trương bộ, 17 bài tương đương với Kinh Tương ưng bô và 87 bài tương đương với Kỉnh Tang chi bô. Một trong các nguyên nhân đem khác biệt là do một bài kinh trong Trung A-ham tương đương với một so bài kinh Ương các bộ khác và ngược lại. Bhikkhu Anālayo Ương nghiên cứu của mình, A Comparative Study of the Majjhima-nikāya

(Taipei: Dharma Drum, 2011), p. 9 cho rằng chỉ có 96 bài kinh Trung A-hàm tương đương với Kinh Trung bộ. 63 Xem các khảo cứu đối chiếu các điểm dị biệt trong ba nghiên cứu sau đây, Jens-Uwe Hartmann, "Zueiner Neuen Handschrift des Dīrghāgama^, in Vividharatnakarandaka'. Festgabe fur Adelheid Mette, Chojnacki ét ai (ed.) (Swisttal-Odendorf, Germany: Indica etTibetica Verlag, 2000), pp. 359-67; Bhikkhu Anālayo, Comparative Notes on the Madhyama-āgama, 2006 và Bhikkhu Anālayo, Madhyama-āgama Studies (Taipei: Dharma Drum Publishing, 2012).



MĀ. 113= A 8.83, Kinh Trung A-ham MĀ. 16=4 3.65 A. 10.58 và Kinh Tương ưng bộ

MĀ. 18=4 8.12 MĀ. 116=4 8.51 MĀ. 17 = S. 42.6 MÃ. 21 =A. 2.4.5-Ó 117=4 3.38-39 Mí. 20 = S. 42.13

MĀ. 22= A. 5.166 MĀ. 118=4 6.43 MĀ. 23 = 5. 55.26 MĀ. 24=4 9.11 MĀ. 119=4 3.67 MĀ. 28 = S. 55.26

MĀ. 122= A 8.10, MĀ. 25=4 5.162 MĀ. 58 = S. 46.42 A. 8.20 MĀ. 35=4 8.19 MĀ. 123= A. 6.55 MĀ. 61 = S. 22.96 MĀ. 36=4 8.70 MĀ. 124= A 8.29 MĀ. 114 = s. 35.103 MĀ. 37=4 8.20 .126=4 10.91 MĀ. 116 = S. 42.12 MĀ. 38= A 8.21 MĀ. 127=4 2.4.4 MĀ, 120 = S. 22.76 MĀ, 40= A 8.24 MĀ. 128=4 5.179 MĀ. 121 = S 8.7 Mỉ. 41= A 8.23 MĀ. 129= A 7.60 Kinh Trung A-ham MĀ, 42= A 10.1 Mí. 130=4 6.54 và Trưởng lão Tăng kệ MĀ. 43= A 10.2 MĀ. 137 = A. 4.23 MĀ. 45= A 7.65 MĀ. 138= A 7.58 MĀ. 2\ = Thag. 1234-37 MĀ. 46= A. 7.65 MĀ. 142=^. 7.20 MĀ. 33 = Thag. 1018-50 MĀ. 47=4 10.3 Mí. 143=4 3.60 MĀ. 66 = Thag. 910-19 .48 =4 1045 149=4 5.62 MĀ. S3 = Thag. 1146-49 MĀ. 49= A 5.21-22 Mỉ. 155= A 9.20 MĀ. 118 = 7%og. 689-704 MĀ. 50= A. 5.21-22 MĀ. 157=4 8.11 MĀ. 51 =A. 10.61-62 MĀ. 158=4 5.192 MĀ. 52=4 10.61-62 MĀ. 160= J. 7.69-70 MĀ. 53=4 10.61-62 .172=4 4.186

MĀ. 56= A. 9.3 MĀ. 188= A 10.115-6

MĀ. 202= A. 8.43,

MĀ. 57= A. 9.1

A, 3.70

MĀ. 73=4 8.64 MĀ. 206= A. 10.14

MĀ. 74=4 8.30 MĀ. 215=4 10.29

MĀ. 82= Ả. 6.60 Mỉ. 220 =4 7.51

MĀ. 83=4 7.58



IL NỘI DUNG KINH TRUNG A-HÀM 1. Bố cục của Kinh Trung A-hàm Kỉnh Trung A-hàm do nhóm Tôn giả Tăng-già-la-xoa S. Samgharaksa, và Tôn giả Cù-đàm Tang-già-đề-bà S. Gautama Samghadeva, dịch sang chữ Hán gồm có 222 kinh, chia làm 18 phẩm, tổng cộng 60 quyển. Nhìn chung, cách đặt tựa đe của 18 phẩm cũng như của 222 bài kinh Trung A-hàm chủ yếu dựa vào nội dung của từng bài kinh. Phẩm thứ nhất giới thiệu 10 bài kinh về 7 pháp số .Phẩm thứ 2 gồm 10 kinh về nghiệp .Phẩm thứ 3 gồm 11 kinh do Tôn giả Sāriputta Xá-lê-tử ,Xá-lợi-phất nói.

Phẩm thứ 4 gồm 10 kinh về những điều hy hữu .Phẩm thứ 5 gồm 16 kinh về các pháp tương ưng về nhân-duyên-quả. Phàm thứ 6 gôm 14 kinh vê quôc vương . Phàm thứ 7 gôm 15 kinh về truyện tích của Vua Trường Thọ .Phẩm thứ 8 gồm 10 kinh về cấu uế của tâm. Phẩm thứ 9 gồm l o kinh về quán nhân duyên . Phẩm thứ 10 gồm 10 kinh về sinh hoạt trong rừng . Phẩm thứ 11 gồm 25 kinh về các loại thuyết pháp nên gọi là lớn . Phẩm thứ 12 có 20 kinh với phần đầu gồm 10 kinh và phần sau gồm 10 kinh về tiêu chuẩn Bà-la-môn .Phẩm thứ 13 gồm 10 kinh giải thích về những điều nền tảng !1 như sáu cõi giới ,v.v... Phẩm thứ 14 gồm 10 kinh nói về tâm . Phẩm thứ 15 gồm 10 kinh song đối theo chủ đề. Phẩm thứ 16 gồm 10 kinh tiếp tục thảo luận về chủ đề Tớn”tức các loại thuyết pháp tiếp theo phẩm thứ 11. Phẩm thứ 17 gồm 10 kinh lấy tên kinh đầu tiên là kinh "B6-lợi-da”lm chủ đề chung. Phẩm thứ 18 gồm 11 kinh về dẫn chứng ie. 2.
Các chủ đề nội dung của Kinh Trung A-hàm về nội dung, Kỉnh Trung A-hàm có chủ đề chính a Giới thiệu đức Phật lịch sử từ lúc đản sinh đên lúc nhập Niêt-bàn, b Triêt học trọng tâm của đức Phật, c Đối thoại liên tôn giáo và triết học. Triết học của đức Phật trong Kỉnh Trung A-hàm tương đồng với các học thuyết quan trọng trong Thượng Tọa bộ và nhiều bộ phái Phật giáo. Trong phần này, tôi khái lược các chủ đề nội dung của Kỉnh Trung A-hàm. i về thế giới quan Phật giáo Đức Phật phủ định 3 học thuyết về nguyên nhân đầu tiên hình thành thế giới, con người và vạn vật gôm thuyêt duy thân, thuyêt duy vật và thuyêt duy tâm. Đức Phật giới thiệu thuyêt tương quan S. pratĩtya-samutpãda, p. paticca- samuppãda.duyên khởi theo công thức thuận: "Do cái này có nên cái kia có. Do cái này sinh nên cái kia sinh. Do cái này không có nên cái khác không có. Do cái này hoại diệt nên cái kia hoại diet." về chiều nghịch: “Do cái này có nên cái khác không có. Do cái này sinh nên cái khác không sinh. Do cái này không có nên cái khác có. Do cái này hoại diệt nên cái khác phát sinh.”



ii về nhân sinh quan Phật giáo Đức Phật khẳng định con người không phải là vật thụ tạo của Thượng đế sáng thế, mà do cha mẹ sanh ra dưới hình thức năm to hợp tâm vật lý, chịu sự chi phối của luật vô thuơng và về bản chất là phi ngã. Chết không phải là hết. Sau khi chết, tâm thức tiếp tục đầu thai, mang theo tổng thể nghiệp chung, nghiệp riêng. Dưới đây là hai trong một số khái niệm quan trọng hình thành nhân sinh quan Phật giáo. Năm tổ hợp tâm vật lý S. pañca skandha, p. pañca khandha,gồm thân thể ,cảm giác ,tri giác ,tam tư ÍT, nhận thức Trong đó, tổ hợp thân thể được hình thành bởi bốn yếu tố phổ quát gồm đất , nước lửa ,gió trong khi, tổ hợp tâm gồm bốn yếu tố còn lại. Mười hai mắc xích sự sống Lý giải ba chiều thời gian của cuộc sống con người và hữu tình khác. Sự sống không có điểm bắt đầu, tức lâu xa vô thủy. Sự sống không có kết thúc. Các kiếp quá khứ được biết qua: i vô minh ,ii hành . Từ khi chết liền tiếp tục tái sinh, được biết qua iii thức ở kiếp hiện tại, bắt đầu bằng iv tâm và phôi thai ,v sáu giác quan /X vi tiếp xúc ,vii cảm xúc ,viii tham ái về tính dục, tồn tại và không tồn tại, ix chấp thủ nên tiếp tục x hiện hữu . ở kiếp tương lai, xi được sinh ra rồi lại tiếp tục trải qua xii già và chét . iii

về tâm lý học Phật giáo Sáu giác quan S. sadãyatana, p. saḶãyatana, lục XÚT Ipc nhập , lục nội xú* gồm: mắt ,tai ,mũi ,lưỡi ,thân ,ý . Sáu trần cảnh lục trần Ḛ1C cảnh lục ngoại xứ gồm: hình thái ,2m thanh ,mùi ,vi ,tiếp xúc ,sự vật . Sáu tiếp xúc lục xúc ,1ỊIC xúc thân gồm: tiếp xúc mắt , tiếp xúc tai ,tiếp xúc mũi ,tiếp xúc lưỡi ,tiếp xúc thân ,tiếp xúc ý . Sáu thức lục thức ,Iqc thức thân ,lúc thức giới gồm: thị giác nhãn thức ,thính giác nhĩ thức ,khứu giác tỷ thức , vị giác thiệt thức ,xúc giác thân thức ,ý thức . Sáu tri giác lục tưởng 1ỊIC tưởng thân gồm: tri giác mắt ,tri giác tai ,tri giác mai ,tri giác lưỡi ,tri giác thân ,tri giác ý hay ý tưởng . Sáu tư duy lục tư 11ỊC tư thân gồm: tư duy mắt ,tư duy tai ,tư duy mũi ,tư duy lưỡi ,tư duy thân ,ý tư . Sáu ái lục ái Iqc ái thân gồm: ái của mắt ái của tai ,ái của mũi ái của lưỡi ,ái của thân ,ái của ý .

l KINH TRUNG A-HÀM _____

Sáu yếu tố (lục giới )gồm: đất (),nước (),lửa (),gió (),hư không (),nhận thức () Mười hai yếu tố (thập nhị xứ )gồm: sáu giác quan và sáu đối tượng giác quan. Mười tám yếu tố (thập bát giới )gồm: sáu giác quan, sáu đối tượng giác quan và sáu nhận thức giác quan. (iv) về đạo đức quan Phật giáo Đức Phật nhấn mạnh vai trò đạo đức trong việc hoàn thiện con người nhân bản. về đạo đức tại gia có năm điều đạo dức, tám điều đạo đức và mười điều thiện. Năm điều đạo đức (S.pañca-śīla. p. pañca-sīla,)gồm: (i) không giết hại ()(ii) không trộm cắp ()(iii) không ngoại tình (), (iv) không nói láo (),(v) không uống rượu (). Tám điều đạo đức (S. astānga-śīla, astā-sīla. p. atthañga-sīla, attha-sīla, )gồm: (i), (ii) giống năm điều đạo đức, (iii) không dâm dục ( )trong 24 giờ, (iv), (v) giống năm điều đạo đức, (vi) không sử dụng giường cao, rộng, sang ()(vii) không sử dụng trang sức mỹ phẩm ()và không xem hát múa (),(viii) không ăn sau 12 giờ (). Mười điều thiện (S. daśa-kusala-karmāni. p. dasakusalakammapathā, )gồm: (i) (ii) (iii) và (iv) giống năm điều đạo dức, (v) không nói chia rẽ ( )5 (vi) không văng tục ( ), (vii) không thêu dệt (),(viii) không tham dục (),(ix) không sân han (),(x) không tà kiến (). về đạo đức xuất gia có 10 điều đạo đức Sa-di64 (nam giới), hoặc Sa-di-ni65 (nữ giới), sáu điều tu học của Thức-xoa66 (nữ giới), 250 điều đạo đức của Tỳ- kheo67 để làm Thày và 348 điều đạo đức của Tỳ-kheo-ni68 để làm Sư cô. về đạo đức Bồ-tát có đạo đức Bồ-tát xuất gia69 và Bồ-tát tại gia.70

64 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới Sa-dỉ, oai nghi, tỳ-ni và cảnh sách (Hà Nội: NXB. Hông Đức, 2021). Tương tự, xem chú thích trong Thích Quảng Hóa, Giải thích giới luật và oai nghi của Sa-dỉ, Thích Nhật Từ dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). 65 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới Sa-di-ni, oai nghi, tỳ-nỉ và cảnh sách (Hà Nội:NXB. HỒngĐưc, 2021). • 66 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới bổn Thức-xoa của Luật tứ phần (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). 67 Xem chi tiết trong Thích0Nhát Từ dịch và chú thích, Giới bổn Tỳ-kheo của Luật tứ phần (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). Đe biết các điểm dị biệt trong các trường phái

Luật Phật giáo, xem Lý Phụng My, Nghiên cứu Giới Ty-kheo của Thượng Tọa bộ (đôi chiêu với năm phải Luật Phật giảo), Thích Nhật Tư dịch (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). . . • 68 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới bản Tỳ-kheo-nỉ của Luật tứ phần (Hà Nội: NXB. Hong Đúc, ^)21). - 69 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới Bồ-tắt cho người xuất gia (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021). 70 Xem chi tiết trong Thích Nhật Từ dịch và chú thích, Giới Bồ-tắt cho người tại gia (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2021).



v về xã hội quan và chính tri quan Ngoài việc chủ trương xóa bỏ bôn giai cáp, xây dựng xã hội bình đăng, không phân biệt trọng nam khinh nữ, đề cao dân chủ, nhân quyền và tự do, đức Phật trong Kỉnh Trung A-hàm còn giới thiệu các học thuyêt quan trọng sau đây: Chuyển Luân Thánh Vương S. Cakravarti-rāja, p. Cakkavattỉn, :Mô hình vị vua lý tưởng, quản trị đất nước theo chủ nghĩa pháp quyền, được hỗ trợ bởi đạo đức và chân lý. Chủ nghĩa pháp quyền của Chuyển Luân Thánh Vương :Điều hành đất nước dựa vào luật pháp ,lap pháp L đầy đủ hành pháp .Tôn trọng, cung kính luật pháp, luật pháp là trên hết và tôn trọng Chánh pháp .71 Bảy yếu tố đặc thù hỗ trợ cho Chuyển Luân Thánh Vương gồm: i bánh xe vàng báu ,ii voi trắng báu ,iii ngựa tía báu ,iv thần châu báu 9 v ngọc nữ báu ? vi cư sĩ báu ,vii chủ binh báu . A vi Vê tu tập quan và giải thoát quan Con đường chân chánh gồm tám yếu tố hướng đến giác ngộ và giải thoát của đức Phật chủ yếu giúp con người hoàn thiện trí tuệ, đạo đức và thiền định. Dưới đây là một số phương pháp tu căn bản trong Kỉnh Trung A-hàm. giúp con người kết thúc kho đau, giác ngộ, giải thoát bây giờ và tại đây. Bốn sự thật cao quý S. catvāri āryasatyāni, p. cattāri ariyasaccāni, gồm các sự thật về: i thực trạng khổ đau ii nguyên nhân khổ đau iii sự chấm dứt khổ đau iv con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau . Đạo Thánh tám nhánh lgồm: i tầm nhìn chân chánh M, ii tư duy chân chánh ,72 iii ngôn ngữ chân chánh ,iv hành động chân chánh v mưu sinh chân chánh vi nỗ lực chân chánh ,73 vii ghi nhớ chân chánh ,viii đinh tâm chân chánh . Bốn nền tảng chánh niệm gồm: i quán thân như thân ,ii quán cảm giác như cảm giác ,Hi quán tâm như tâm ,iv quán pháp như pháp . Bốn thiền gồm: hỷ lạc do lìa tham ái ,ii hỷ lạc do định sanh ,iii an lạc sâu do lìa hỷ lạc ,iv buông xả mọi ý niệm ,dạt thanh tịnh tuyệt đối .

71 "Kinh Chuyển Luân Thánh Vương tu hành"' trong Trường A-hàm\ https://suttacentral.net/da6/lzh/ taisho truy cập ngày 01-02-2022. 72 Trong Kinh Trung A-hàm, "chánh chí"chỉ cho "chánh tư duy". 73 Trong Kinh Trung A-hàm, uchánh phương tiên"chỉ cho “chanh tinh tấn".

Năm sức mạnh gồm: i niềm tin ,ii tinh tấn ,iii chánh niệm ,iv thiền định ,v trí tuệ . Bảy yếu tố giác ngộ gồm: i chánh niệm ,ii trạch pháp ,iii tinh tấn ,iv hoan hỷ ,v khinh an ,vi định , vii buông x. Bảy tài sản Thánh gồm: i niềm tin ,ii đạo đức ,iii tự thẹn với mình ,iv xấu hổ với người ,v học rộng Phật pháp , vi bố thí ,vii trí tuế . Bốn quả Thánh i Thánh quả Tu-đà-hoàn ,ii Thánh quả Tư-đà-hàm ,iii Thánh quả A-na-hàm ,iv Thánh quả A-la-hán . 3. Bảng đối chiếu Kinh Trung A-hàm và Kinh Trung bộ Kinh Trung A-hàm Kinh Trung bộ 1. Kinh Thiện pháp không tương đương Trung bộ 2. Kinh Trú Độ thọ không tương đương Trung bộ 3. Kinh Thành dụ không tương đương Trung bộ 4. Kinh Thủy dụ không tương đương Trung bộ 5. Kinh Mộc tích không tương đương Trung bộ 6. Kinh Thiện nhãn vãng không tương đương Trung bộ 7. Kinh Thế gian phước không tương đương Trung bộ 8. Kinh Thất nhật không tương đương Trung bộ 9. Kinh Thất xa 74 24. Kinh Trạm xe P. Rathavinītasuttain. 2. Kinh Tất cả lậu hoặc 10. Kinh Lậu tận 75 P. Sabbāsavasuttam, n . Kinh ZM4 không tương đương Trung bộ 12. Kinh Hòa-phá không tương đương Trung bộ n . Kinh Độ không tương đương Trung bộ 61. Kinh Giảo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la 14. Kinh La-văn 76 P. Ambalatthikārāhulovādasuttarn, 15 . Kinh 7ìr không tương đương Trung bô 16. Kinh Gid-lam không tương đương Trung bộ

74 Thất xa kinh TOI. 0026.9. 0429c28. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.39.10. 0733c28. 75 Lậu tận kinh TOI. 0026.10. 0431 d 3. Tham chiếu: Nhất thiết lưu nhiếp thủ nhân kinh TOI. 0031. 0813a05; Tăng.02. 0125.40.6. 0740a25. * 76 La-vānkinh TOI. 0026.14. 0436a 12. Tham chiếu: Pháp củ thỉ dụ kinh "Tượng phẩm^, 7.04?0211.31. Xuất diệu kinh “Lgi dGỡngphẩm” roi 0212.14. 0678b05; Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da 7.23. 1442.24. 0760b16; Đại trí đô luận 7.25. 1509.13. 0158a29.



17. Kinh Già-di-ni không tương đương Trung bộ ỈS.KinhSưtử không tương đương Trung bộ 19. Kinh Ni-kiền 77 101. Kinh Devadaha P. Devadahasuttam. 20. Kinh Bada-lao không tương đương Trung bộ 21. Kinh Đẳng tâm không tương đương Trung bộ 22. Kinh Thành tựu giới không tương đương Trung bộ 23. Kinh 7>/ không tương đương Trung bộ 24. Kinh Sư tử hống không tương đương Trung bộ 25. Kinh Thủy không tương đương Trung bộ 26. Kinh 78 69. Kinh Goliyāni P. Goliyānisuttarn, 27. Kinh Đà-nhiên Phạm chí 97. Kinh Dhanañjāni 79 P. Dhānañjānisuttarn, 143. Kinh Giáo giới cấp Cô Độc 28. Kinh Giảo hóa bệnh P. Anāthapindikovādasuttam. 29. Kinh Đại Câu-hy4a không tương đương Trung bộ 28. Đại kinh Dụ dấu chân voi 30. Kinh Tượng tích d"81 P. Mahāhatthipadopamasuttam, 31. Kinh Phân biệt Thánh đế 141. Kinh Phân biệt

về sự thật 82 P. Saccavibhañgasuttam, 123. Kinh Hy hữu, vị tằng hữu pháp 32. Kinh Vi tằng hữu pháp 83 P. Acchariyaabbhutadhammasuttarn, 33, Kinh TTiZgH không tương đương Trung bộ 124. Kinh Bạc~câu4a 34. Kinh Bạc-câu4a 84 P. Bakkulasuttam, 35. KinhA-tu4a không tương đương Trung bộ 36. Kinh Địa động không tương đương Trung bộ 37. Kinh Chiêm-ba không tương đương Trung bộ 38. Kinh ủc-già trưởng giả j A không tương đương Trung bộ

11 Ni-kiền kinh roi. 0026.19. Ọ442Ồ29 có phần tương đồng với M. 27, CũỊahatthỉpadopamasuttam Tiêu kinh Dụ dâu chân voi. 78 Cù-ni-sưkinh T.Ol. 0026.26. 0454c24. Phạm chỉĐà-nhiên kỉnh TOI. 0026.27. 0456a22. 80 Giảo hóa bệnh kinh TOI. 0026.28. 0458b28. Tham chiếu: s. 55.26; Tạp.7102. 0099.1032. 0269C08;g.T.02. 0125.51.8. 0819bll. 81 Tượng tích dụ kỉnh roi. 0026.30. 0464bl7. 82Phdn biệt Thảnh đế kỉnh ;TOI. 0026.31. 0467a28. Tham chiếu: Tứ đế kinh roi. 0032. 0814b08; Tăng.T.02. 0125.27.1. 0643a26. 83 Vi tằng hữu pháp kinh TOI. 0026.32. 0469c20. MBạc-cau-la kinh roi. 0026.34. 0475all.



39. Kinh ủc-già trưởng giả j B không tương đương Trung bô

40. Kinh Thủ trưởng giả không tương đương Trung bộ A 41. Kinh Thủ trưởng giả không tương đương Trung bộ B 42. Kinh Hà nghĩa không tương đương Trung bộ 43. Kinh 8 không tương đương Trung bộ 44. Kinh Niệm không tương đương Trung bộ 45. Kinh Tam quỷ A không tương đương Trung bô 46. Kinh Tàm quý B không tương đương Trung bô 47. Kinh Giới A không tương đương Trung bộ 48. Kinh Giới B không tương đương Trung bộ 49. Kinh Cung kỉnh A không tương đương Trung bộ 50. Kinh Cung kỉnh B không tương đương Trung bộ 5\.Kinh 8W không tương đương Trung bộ 52. Kinh Thực A không tương đương Trung bộ 53. Kinh Thực B không tương đương Trung bộ 54. Kinh không tương đương Trung bộ 55. Kinh Niết-bàn không tương đương Trung bộ

56. Kinh DW không tương đương Trung bộ

57. Kinh Tức vị Tỳ-kheo thuyết không tương đương Trung bộ

58. Kinh Thất bảo không tương đương Trung bộ 59. Kinh Tam thập nhi tướng ’• không tương đương Trung bô

60. Kinh Tứ châu không tương đương Trung bộ èì.Kinh Ngưu phấn không tương đương Trung bộ 62. Kinh Tần~tỳsa4a vương ngưỡng không tương đương Trung bộ p/iậệ 63. Kinh Bệ-bà4ăng-kỳ 81. Kinh Ghatikāra P. Ghatikārasuttam. 64. Kinh Thiên sứ í:85 130. Kinh Thiên sứ P. Devadūtasuttam, 65. Kinh ô điểu dụ không txrơng đương Trung bộ 66. Kinh Thuyết bổn không tương đương Trung bộ

^Thiên sứ kinh TOI. 0026.64. 0503a21. Tham chiếu: Thiệt thành Nệ-lê kinh roi. 0042. 0826c26; Diem-la vương ngũ thiên sứ giả kinh roi. 0043. 0828bl2; Tăng. 7.02. 0125.32.4. 0674b16.

DẪN LUẬN lv

67. Kinh Đại Thiên nại lâm 83. Kinh Makhādeva . P. Makhādevasuttam, 68. Kinh Đại Thiện Kiến vương không tương đương Trung bộ

69. Kinh Tam thập "« không tương đương Trung bộ 70. Kinh Chuyển Luân Vương không tương đương Trung bộ lì. Kinh 787 không tương đương Trung bộ 72. Kinh Trường Thọ vương bổn khởi 128. Kinh Tùy phiền não 88 • P. Upakkilesasuttam, 73. Kinh Thiên không tương đương Trung bô 74. Kinh Bát niệm không tương đương Trung bộ 75. Kinh Tịnh bất động đạo 106. Kinh Bất động lợi ích 89 • • P. Āneñjasappāyasuttam, 76. Kinh Úc-già-chi4a không tương đương Trung bộ 77. Kinh Sa-kê~đế tam tộc tánh tử 68. Kinh Nalakapāna 9• P. Nalakapānasuttam, 78. Kinh Phạm thiên thỉnh Phật 49. Kinh Phạm thiên cầu thỉnh 91 P. Brahmanimantanikasuttam. 79. Kinh Hữu Thắng Thiên 127. Kinh A-na4uật 92 P. Anuruddhasuttam, 80. Kinh Ca-hy-na không tương đương Trung bộ 119. Kinh Thân hành niệm 81. Kinh Niệm thân 93 P. Kāyagatāsatisuttam, 82. Kinh Chi4y-di4ê không tương đương Trung bộ 83. Kinh Trưởng lão thượng tôn thụy miên• • không tương đương Trung bộ

84. Kinh Vô thích không tương đương Trung bộ

113. Kinh Chân nhân

85. Kinh Chân nhân 94

P. Sappurisasuttam,

86Đợ/ Thiên nại lâm kinh 7^01.0026.67.0511c21. Tham chiếu: Tdng.T.Ồ2. 0125.50.4. 0806C21; Ma-điều vương kỉnh T.03. 0152.87. 0048025. 87 Tỳ-tứ,.Tham chiếu: Tệ-tủc kinh roi. 0001.07. 042Ồ24. 88 Trường Thọ vương bổn khởi kỉnh TOI. 0026.72. 0532c09. Tham chiếu: Tdng. r.02. 0125.24.8. 0626bll 89 Tịnh bất động đạo kinh roi. 0026.75. 0542b03. ^Sa-kê-đế tam tộc tánh tử kinh roi. 0026.77. 0544Ồ21. 91 Phạm thiên thỉnh Phật kinh Z01. 0026.78. 0547a09. 92 Hữu Thắng Thiên kinh rol?0026.79. 0549Ồ03. 93 Niệm thân kỉnh TOI. 0026.81. 0554c 10. Tham chiếu: Niệm xứ kinh 7.01. 0026.98. 0582b07; Tăng.r.02. 0125.12.1. 0568a01. 94 Chân nhân kinh TOI. 0026.85. 0561a20. Tham chiếu: Thị pháp phi pháp kỉnh roi, 0048. 0837c21; Tăng.02. 0125.17.9. 0585al8.

Ivi KINH TRƯNG A-HÀM

86. Kinh Thuyết xứ ()95 148. Kinh Sáu sáu (P. Chachakkasuttam,)

5. Kinh Không uế nhiễm

87. Kinh uế phẩm ()96

(P. Anañganasuttam.)
3. Kinh Thừa tự pháp
88. Kinh cầu pháp ()97
(P. Dhammadāyādasuttarn,)
89. Kinh Tỷ-kheo thỉnh ()98 15. Kinh Tư lượng (P. Anumānasuttam.)
90. Kinh Tri pháp () không tương đương Trung bộ
9Ỉ.Kinh Châu-na vấn kiến
8. Kinh Đoạn giảm (P. Sallekhasuttarn,)
()99
92. Kinh Thanh bạch liên hoa dụ
()• • không tương đương Trung bộ
93. Kinh Thủy Tinh Phạm chỉ 7. Kinh Vỉ dụ tẩm vải
( (P. Vatthūpamasuttam.)
94. Kinh Hắc Tỳ-kheo () không tương đương Trung bộ
95. Kinh Trụ pháp () không tương đương Trung bộ
96. Kinh không tương đương Trung bộ
97. Kinh Đại nhân () không tương đương Trung bộ
98. Kinh Niệm xứ ()0 10. Kinh Niệm xứ (P. Satipatthānasuttarn,)
U . Đại kinh Khổ uẩn
99. Kinh Khổ ẩm ()32 (A)
(P. Mahādukkhakkhandhasuttam. )
14. Tiểu kinh Khổ uẩn
100. Kinh Khổ ẩm ()95
102
101
100
99
98
97
96
103 (B)
(P. CũỊadukkhakkhandhasuttam.)
101. Kinh Tăng thượng tâm 20. Kinh An trú tầm
( (P. Vitakkasanthānasuttarn.)
95 Thuyết xứ kỉnh (TOI. 0026.86. 0562al9). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.304. 0086c23). 96 uế phẩm kinh (TOI. 0026.87. 0566al3). Tham chiếu: cầu dục kinh (TOI. 0049. 0839a05); Tăng.(r.O2. 0125.25.6. 0632a20). 97 Caw pháp kỉnh (TOI. 0026.88. 0569c23). Tham chiếu: Tăng.(7102. 0125.18.3. 0587cl6). 98 Tỷ-kheo thỉnh kinh (TOI. 0026.89. 0571b29). Tham chiếu: Thọ tuế kinh (roi. 0050. 0842b03). 99

Châu-na vấn kiến kinh (roi. 0026.91.0573bl3). Tham chiếu: Tăng.(r02.0125.47.9. 0784a06). 100 Thủy Tịnh Phạm chỉ kinh (TOI. 0026.93. 0575a19). Tham chiếu: Phạm chỉ Kẻ Thủy Tịnh kinh (TOI. 0051. 0843cl3); Tạp.(T02. 0099.1185. 032U24); Biệt Tạp. (È02. 0100.98. 0408b25); Tăng.(r.02. 0125.13.5. 0573c01). 101 Niệm xứ kỉnh ,(TOI. 0026.98. 0582b07). Tharn chiếu: D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh Đại Niệm xu)\ Tham chiếu: Phân biêt Thảnh dekinh (01. 0026.31. 0467a28);Mew thân kỉnh (roi. 0026.81. 0554cl0); Tứ đế kinh (mi. 0032. 0814Ồ08); T.(02. 0125.12.1. 0568a01). 102Khổ ấm kinh (TOI. 0026.99. 0584c08). Tham chiếu: Khổ ấm kinh (TOI. 0053. 0846c05); Tăng.(r.02. 0125.21.9. 0604c07). Khổ ấm kinh (TOI. 0026.100.0586002). Tham chiếu: Ma-nam bẳn tử tử kỉnh (TOI. 0054. 0848b03); Khổ ấm nhân sự kỉnh (roi. 0055. 0849b23); Tăng. (r.02. 0125.41.1. 0744a02). .4 Tăng thượng tâm kinh (01. 0026.101. 0588a03).

DÂN LUẬN Ivii

19. Kinh Song tầm
102. Kinh Niệm 0
P. Dvedhāvitakkasuttarn.
11. Tiểu kinh Sư tử hắng
103. Kinh Sư tử hống 106
P. Cūlasīhanādasuttarn,
104. Kinh Ưu-đàm-bà-la không tương đương Trung bộ

6. Kinh Ước nguyện
105. Kinh Nguyện 17
P. Ākañkheyyasuttam.
1. Kinh Pháp môn căn bản ìũè.Kinh Tìtg 18
P. Mūlapariyāyasuttam
17. Kinh Khu rừng
107. Kinh Lâm 1°9 A
P. Vanapatthasuttarn,
17. Kinh Khu rừng
ỈQS.Kinh Lâm 11B
P. Vanapatthasuttam,
109. Kinh Tự quán tâm A không tương đương Trung bộ
HO. Kinh Tự quán tâm B không tương đương Trung bộ
111. Kinh Đạt Phạm hạnh không tương đương Trung bộ
112. KinhA-nô-ba không tương đương Trung bộ
113. Kinh Chư pháp bổn không tương đương Trung bộ
114. Kinh Ưu-đàÂa không tương đương Trung bộ
18. Kinh Mật hoàn

115. Kình Mật hoàn dịẩ E

P. Madhupindikasuttarn,

116. Kinh Cù-đàm-di không tương đương Trung bộ

117. Kinh Nhu nhuyến không tương đương Trung bộ

118. Kinh Long tượng không tương đương Trung bộ

U9. Kinh Thuyết xứ không tương đương Trung bộ

120. Kinh Thuyết vô thường không tương đương Trung bộ nỉ. Kinh Thỉnh thỉnh không tương đương Trung bộ

122. Kinh Chiêm-ba không tương đương Trung bộ

123. Kinh Sa-môn Nhị Thập ức

• không tương đương Trung bộ

XQ5Niệm kinh roi. 0026.102. 0589all. 106 Sư tử hống kỉnh TOI. 0026.103. 0590ÒO5. Tham chiếu: Tăng.02. 0125.27.2. 0643c02. ^Nguyện kinh roi. 0026.105. 0595cll. 108 Tưởng kinh SậẪ TOI. 0026.106. 0596b09. Tham chiếu: Lạc tưởng kinh TOI. 0056. 0851a23; TWg.T.02. 0125.44.6. 0766a04. 109Lâm kinh roi. 0026.107. 0596c25. Tham chiếu: Tăng. if T.02. 0125.45.3. 0771CÍ7. Như trên. 111 Mật hoàn dụ kinh TOI. 0026.115. 0603ỒO9. Tham chiếu: Tạp.T.02. 0099.304. 0086c23; Tăng.7.02. 0125.40.10. 0743a04.

Iviii KINH TRƯNG A-HÀM

124. Kinh Bát nạn không tương đương Trung bộ 125. Kinh Bần cùng không tương đương Trung bộ 126. Kinh Hành dục không tương đương Trung bộ 127. Kinh Phước điền không tương đương Trung bộ 128. Kinh Ưu-bà-tắc không tương đương Trung bộ Ì29. Kinh OdMg không tương đương Trung bộ 130. Kinh Giáo-đàm-di không tương đương Trung bộ 50. Kinh Hàng ma 131. Kinh Hàng ma 112 P. Māratajjanīyasuttam, 132. Kinh Lại-tra-hòa-la 82. Kinh Ratthapāla É113114 115 P. Ratthapālasuttam, 133. Kinh ưu-bà-ly 56. Kinh Ưu-ba-ly P. Upālisuttam, 134. Kinh Thích vấn không tương đương Trung bộ 135. Kinh Thiện Sanh không tương đương Trung bộ 136. Kinh Thương nhân cầu tài không tương đương Trung bộ \37. Kinh Thế gian không tương đương Trung bộ Ỉ3S. Kinh Phước không tương đương Trung bô 139. Kinh Tức chỉđạo không tương đương Trung bộ 140. Kinh Chí biên không tương đương Trung bộ 141. KDụ không tương đương Trung bộ 142. Kinh Vũ-thế không tương đương Trung bộ 143. Kinh Thương-ca-la không tương đương Trung bộ 144. Kinh Toán số Mục-kiền-liên 107. Kinh Ganaka Moggallāna H4 • P. Ganakamoggallānasuttam. 145. Kinh Cù-mặc Mục-kiền-liên 108. Kinh Gopaka Moggallāna • P. Gopakamoggallānasuttam, 146. Kinh Tượng tích dụ 27. Tiểu kinh Dụ dấu chân voi 3 P. Cūlahatthipadopamasuttarn. 147. Kinh Văn đức không tương đương Trung bộ 148. Kinh Hà không tương đương Trung bộ 149. Kinh Hà dục không tương đương Trung bộ

xxẹHàng ma kỉnh TOI. 0026.131. 0620ỒO7. Tham chiếu: Phật thuyết Ma nhiễu loạn kinh Sroi. 0066. 0864b02; Tê ma thỉMục-liểĩĩ kinh roi. 0067. 0867a02. Lại-tra-hòa-la kinh 7^01. 0026.132. 0623all. Tham chiếu: Lại-tra-hòa-ỉa kinh 0.01. 0068. 0868c23; Hộ Quốc kinh roi. 0069. 0872al8; Lại-tra-hòa-la kỉnh T.04. 0199.18. 0196b01 114 Toản sổ Mục-kiền-ỉỉên kinh roi. 0026.144. 0652a07. Tham chiếu: số kỉnh roi. 0070. Ó875all. 115 Cù-mặc Mục-kiền-liên kỉnh roi. 0026.145. 0653c20. Tượng tích dụ kỉnh TOI. 0026.146. 0656al4.



150. Kinh uất-sấu~ca-la 96. Kinh EsukãrĩP. Esukārīsuttam, U7

151. Kinh Phạm chỉA-nhiếp-hòa 93. Kinh Assalāyana W P. Assalāyanasuttam.

152. Kinh Anh vũ U9 99. Kinh Subha P. Subhasuttaṃ,

75. Kinh Māgandiya
153. Kinh Tu-nhàn-đề 12
P. Māgandiyasuttam.
154. Kinh Bà-la-bà-đường không tương đương Trung bộ

155. Kinh Tu-đạt-đa không tương đương Trung bộ
156. Kinh Phạm-ba-la-diên
j không tương đương Trung bộ
157. Kinh Hoàng Lô viên không tương đương Trung bộ 158. KH Đầu-na không tương đương Trung bộ 159. Kinh A-già-la-ha-na không tương đương Trung bộ

160. Kinh A4an-na không tương đương Trung bộ 91. Kinh Brahmāyu ỉèỉ.Kinh Phạm-ma 121 P. Brahmāyusuttam, 162. Kinh Phân biệt lục giới Kỉnh Giới phăn biệt 122 • • P. Dhātuvibhañgasuttarn, 163. Kinh Phân biệt lục xứ 137. Kinh Phân biệt sáu xứ • • P. Salāyatanavibhañgasuttam,

117 uất-sấu-ca-la kinh roi. 0026.150. 0660c29. n,8 Phạm chỉ A-nhiếp-hòa kinh rol. 0026.151. 0663b25. Tham chiếu: Phạm chỉ Át-ba-la-dìên vấn Chủng Tôn kinh r.Ol. 0071. 0876b24; Tăng,T.02. 0125.40.9. 0742b03. 119 Anh vũ kỉnh 70. 0026.152. 0666c26. Tham chiếu: Anh vũ kinh^roi. 0026.170. 0703c21; Dāu-dieu kinh 01. 0078. 0887b04; Anh vũ kinh ®rol 0079. 0888ỒI5; Phật vị Thủ-ca trưởng giả thuyệt nghiệp bảo sai biệt kinh roi. 0080. 0891al7. , 120 Tu-nhàn-đểkinh TOI. 0026.153. 0670a26. Tham chiếu: Pháp củ phẩm,^ 0.04. Ì0.3&. 0573a23; Xuất diêu kỉnh ^Ne-hoanpham^ii T.04. 0212.27. 0730CÔ6; Pháp tập yếu tụng kinh “Viên tịch phẩm,, 04. 02Ì3.26. 0790b 16. nẹPhạm-ma kỉnh TOI. 0026.161. 0685a05. Tham chiếu: Phạm-ma dụ kỉnh 0.01. 0076. 0883Ò07; Pháp củ “chí phẩm”

ro*. 0210.35. 05720; diệu kỉnh t4Phạm J3” r.O4. 0212.34.
0798a01; Pháp tập yếu tụng kỉnh uPhạm chí phẩm,, 0213.33. 0798a01.
122Phân biệt lục giới kinh 01. 0026.162. 0690a19. Tham chiếu: Phật thuyết Bình-sa vương ngũ nguyện kinh ri4. 0511. 0779a06. 123 Phân biệt lục xử kỉnh TOI. 0026.163. 0692b22. Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận T26. 1536.18. 0440c23.

lx > KINH TRUNG A-HÀM

164. Kinh Phân biệt quán pháp 138. Kinh Tổng thuyết và biệt thuyết
()124 • (P. Uddesavibhañgasuttam)
133. Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhứt dạ Hiền giả
165. Kinh ôn Tuyền lâm thiên
(P. Mahākaccānabhaddekarattasuttam.
()125
)
134. Kinh Lomasakañgiya Nhứt dạ Hiền giả
166. Kinh Thích trung thiền thất tôn
()126 (P. Lomasakañgiyabhaddekarattasuttam.

132. Kinh A-nan Nhứt dạ Hiền giả
167. Kinh A-nan thuyết ()127
(P. Ānandabhaddekarattasuttam, )
120. Kinh Hành sanh
168. Kinh Ỷ hành ()128
(P. Sañkhārupapattisuttam.)
169. Kinh Câu-lâu-sẩu vô tránh 139. Kinh Vô tránh phân biệt
()129 (P. Aranavibhañgasuttam. )
135. Tiểu kinh Nghiệp phân biệt
170. Kinh Anh vũ ()13
(P. Cūlakammavibhañgasuttam.)
171. Kinh Phân biệt đại nghiệp 136. Đại kinh Nghiệp phân biệt
()* * (P. Mahākammavibhañgasuttarn,)
\12.Kinh Tâm () không tương đương Trung bộ
173. Kinh Phù di ()132 126. Kinh Phù-di (P. Bhūmijasuttam,)
45. Tiểu kinh Pháp hành
174. Kinh Thọ pháp ()*
133134
129
126
125 (A)

(P. Cūladhammasamādānasuttam.)

46. Đại kinh Pháp hành

175. Kinh Thọ pháp ()134 (B)

(P. Mahādhammasamādānasuttam.)

176. Kinh Hành thiền () không tương đương Trung bộ

ỉ24 Phân biệt quản pháp kinh (TOI. 0026.164. 0694b13). Tham chiếu: Tạp.(02. 0099.43. 0Ỏ10C19); Tạp.(r02. 0099.66. 0017b16). 125 Ớ« Tuyền lâm thiên kinh ắẫ (701. 0026.165. 0696Ồ26). Giống nội dung kinh 131, 132. Tham chiếu: Phật thuyết Thiện dạ kinh (T.21. 1362. 0881c03). 126 Thích trung thiền thất tồn kinh (TOI. 0026.166. 0698c03). Tham chiếu: Tôn thượng kinh (roi. 0077. 0886a25). . ỉ21A-nan thuyết kỉnh (r.01. 0026.167. 0699c27). Ỷ hành kinh TOI. 0026.168. 0700Ồ24); Tiểu không kinh (roi. 0026.190. 0736c27); Đại không kinh (roi. 0026.191. 0738a03). 129 Câu-lâu-sấu vô tránh kinh (TOI. 0026.169. 0701b22). 13M vũ kỉnh (roi. 0026.170. 0703c21). Tham chiếu: Đâu-điều kinh (roi. 0078. 0887b04); Anh vũ kinh í!TO]. 0079. 0888bl5); Phật vị Thủ-ca trưởng giả thuyêt nghiệp báo sai biệtkinh (TOI. 0080. Ó89Íal7); Phân biêt thiển ác bảo ímg kinh (roi. 0081. 0895b25). n\Phan biệt đại nghiệp kinh (TOI. 0026.171. 0706b12). Tham chiếu: Đại trí độ luận (r.25. 1509.24. 0238bl2). E p.di kinh (T.01. 0026.173. 0709c22). 133 Thọ pháp kinh (01. 0026.174. 0711bl7). 134 Thọ pháp kỉnh (TOI. 0026.175. 0712c04). Tham chiếu: ứng pháp kỉnh (roi. 0083. 0902004).



m. Kinh không tương đương Trung bộ

178. Kinh Lạp sư 135 25. Kinh Bay mồi P. Nivāpasuttam,

179. Kinh Ngũ chi vật chủ 78. Kinh Samanamundika

136 . P. Samanamundikasuttam.

142. Kinh Phân biệt cúng dường

180. Kinh Cù-đàm-di 137

P. Dakkhināvibhañgasuttam.

115. Kinh Đa giới

ỈSỈ.Kinh £giới 138

P. Bahudhātukasuttam.

39. Đại kinh Xóm Ngựa

182. Kinh MãÂp 139 A

P. Mahāassapurasuttam.

40. Tiểu kinh Xóm Ngựa

183. Kinh MãẮp 14B

P. CũỊaassapurasuttarn.

184. Kinh Ngưu Giác Sa-la lâm 32. Đại kinh Rừng Sừng Bò

A P. Mahāgosiñgasuttam.

185. Kinh Ngưu Giác Sa-la lâm 31. Tiểu kinh Rừng Sừng Bò

B P. Cūlagosiñgasuttam.
186. Kinh cầu giải 143 47. Kinh Tư sát P. Vīmarnsakasuttarn.
112. Kinh Sáu thanh tinh
187. Kinh Thuyết trí
P. Chabbisodhanasuttarn,
188. KinhA-di-na  không tương đương Trung bộ
117. Đại kinh Bốn mươi
189. Kinh Thánh đạo
P. Mahācattārīsakasuttam. m .Kinh Tiểu không
190. Kinh Tiểu không
P. Cūlasuññatasuttam.
122. Kinh Đại không
191. Kinh Đại không
P. Mahāsuññatasuttam^
192. Kinh Ca4âu-ô-đà-di 66. Kinh Ví dụ con chim cáy
144 P. Latukikopamasuttam.
135Lẹip sư kinh roi. 0026.178. 0718b23. Ngũ chỉ vật chủ kinh roi. 0026.179. 0720a28. n\Cù-đàm-di kinh TOI. 0026.180. 0721c21. Tham chiệup/zqw biệt bố thỉ kinh  roi. 0084. 0903b23; Hiên ngu kinh "Ba-ba-ly pham, RSro4.0202.50. 0434a01; Tạp bảo tạng kinh “Tháp xa vương duyên„ r.04. 0203.1. 0447al6. 138 Đứ giới kinh roi. 0026.181. 0723a08. Tham chiếu: Phật thuyết Tứ phẩm pháp môn kinh  r 17. 0776. 0712b 10; Tạp.02. 0099.451. 0Ì15c27. Mã Ấp kinh TOI. 0026.182. 0724c 17. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.49.8. 0801C14. Mã Áp kỉnh roi. 0026.183. 0725CÍ6. '4'Ngưu Giác Sa-la lâm kỉnh roi. 0026.184. 0726c25. Tham chiếu: Tăng.T02. 0125.37.3.0710C05; Phật thuyết Tỷ-kheo cácngôn chíkinh 03.0154.16.0080c26. '42Ngưu Giác Sa-la lâm kinh TOI. 0026.185. 0729b27. Tham chiếu: TWg.02. 0125.24.8. 0626b 11. Ỵ43 Cầu giải kinh roi. 0026.186. 0731a29. 144 Ca-lâu-ô-đà-dỉ kỉnh TOI. 0026.192. 0740c15. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.49.7. 0800b27.

Ixii  KINH TRUNG A-HÀM

193. Kinh Mâu4ê-phá-quần-na 21. Kinh Vỉ dụ cái cưa 145 P. Kakacūpamasuttarn,

194. Kinh Bạt-đà-hòa-lợi 65. Kinh Bhaddãli 6 P. Bhaddālisuttam,

70. Kinh Kītāgiri 195. Kinh A-thẩp-bối 147 P. Kītāgirisuttam

104. Kinh Làng Sāmā 196. Kinh Châu-na 148 P. Sãmagãmasuttam.

197. Kinh ưu-bàAy  không tương đương Trung bộ
125. Kinh Điều ngự địa

198. Kinh Điều ngự địa 149
P. Dantabhūmisuttam.
129. Kinh Hiền ngu
199. Kinh Si tuệ địa 15
P. Bālapanditasuttam,
22. Kinh Vỉ dụ con rắn
200. KinhA4ê-tra
P. Alagaddūpamasuttam.
38. Đại kinh Đoạn tận ái
2Qi.Kinh Trà-đếạ^152
P. Mahātanhāsañkhayasuttam^
202. Kinh Trì trai  không tương đương Trung bộ
203. Kinh Bô4ợi-đa 153 54. Kinh Potaliya P. Potaliyasuttam,
26. Kinh Thánh cầu
204. Kinh La-ma 154
P. Ariyapariyesanāsuttam.
205. Kinh Ngũ hạ phần kiết 64. Đại kinh Māluñkya
0 • P. Mahāmāluñkyasuttam,
145Mâu-ỉê-phá-quần-na kinh TOI. 0026.193. 0744a04. Tham chiếu: Tăng.7.02. 0125.50.8. 0813c02. ^Bạt-đà-hòa-lợỉkinh TOI. 0026.194.0746b18. Tham chiếu: 7g.T.02.0125.49.7. 0800b27. ^A-thấp-bỐikinh roi. 0026.195. 0749c01. 148 Châu-na kỉnh roi. 0026.196. 0752CÍ1. Tham chiếu: Tức tránh nhân duyên kỉnh  T.01. 0085. 0904027; A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận r.26. 1536.7. 0428c 16. ^Điều ngự địa kỉnh 01. 0026.198. 0757a03.
lS tuệ địa kinh roi. 0026.199. 0759al9. Tham chiếu: Phật thuyếtNê-lê kinh r.Ol. 0086.0907al0. 151 A-lê-tra kinh TOI. 0026.200. 0763Ồ0Í. Tham chiếu: Tăng.T.02. 0125.43.5. 0759c29. 152 Trà-ăếkỉnh TOI. 0026.201. 0766b28. Tham chiếu: Tạp.7Í02. 0099.304. 0086c23. 153 Bô-lợỉ-đa kỉnh TOI. 0026.203. 0773a02; ưu-bà-ly^kỉnh TOI. 0026.133. 0628al8. 154La-ma kinh roi. 0026.204. 0775c07. Tham chiếu: Bổn sự kinh 17. 0765.4. 0679b23. X55 Ngũ hạ phần kiết kinh roi. 0026.205. 0778c09.

ĐẢN LUẬN  Ixiii

16. Kinh Tâm hoang vu
206. Kinh Tâm uế ()156
(P. Cetokhilasuttam,)
77. Đại kinh Sakuludāyi
207. Kinh Tiễn mao ()157 (A)
(P. Mahāsakuludāyisuttam.)
79. Tiểu kỉnh Sakuludāyi

208. Kinh Tiễn mao ()158 (B)
(P. Cūlasakuludāyisuttam,)
209. Kinh Bệ-ma-na~tu 80. Kinh Vekhanassa
(É)156 159*
*158 (P. Vekhanassasuttarn,)
210. Kinh Pháp Lạc Tỳ-kheo-ni 44. Tiểu kinh Phương quảng
( (P. CũỊavedaỉlasuttarn.)
2ỈỈ. Kinh Đại Câu-hy4a 43. Đại kinh Phương quảng
(É)161*163 164 (P. Mahāvedallasuttam,)
90. Kinh Kannakatthala
212. Kinh Nhất thiết trí )162
(P. Kannakatthalasuttarn.)
213. Kinh Pháp trang nghiêm 89. Kinh Pháp trang nghiêm
()163 (P. Dhammacetiyasuttam.)
214. Kinh Bệ-ha-đề (y64 88. Kinh Bãhitìka (P. Bāhitikasuttam, ặậ)
215. Kinh Đệ nhất đắc ( ) không tương đương Trung bộ
216. Kinh Ải sanh ()165 87. Kinh Ái sanh (P. Piyajātikasuttarn.)
52. Kinh Bát thành
217. Kinh Bát thành (/6
(P. A tthakanāgarasuttam)
218. Kinh A-na-luật-đà
()(A)* không tương đương Trung bộ
156 Tâm uế kinh ([pl. 0026.206. 0780ỒỈ5). Tham chiếu: Thập thượng kinh (01. 0001.10. 0052c17); Tăng.(T.02. 0125.51.4. 0817al6). Tiễn mao kinh (TOI. 0026.207. 0781b27). Tham chiếu: A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận (T.26. 1536.18. 0440c23). , 158 Tiễn mao kinh (TOI. 0026.208. 0783c03). ỉ59Bệ-ma-na-tu kinh (TOI. 0026.209. 0786b12). Tham chiếu: Bệ-ma-tủc kinh (oi. 0090. 0913c04); Bệ-bà-lăng-kỳ kinh (TOI. 0026.63. 0499a09); Phật thuyết Kho hạnh túc duyên kinh (r.04. 0197.10. 0172c05). Bản dịch của Trung tẩm Dịch thuật Trí Tịnh: Kinh Tỳ-ma-na-tu. ỉ6QPhập Lạc Tỳ-kheo-ni kỉnh (TOI. 0026.210. 0788al4). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.568. 0150al7). Ỵ6ỴĐại Cầu-hy-ỉa kinh (roi. 0026.211. 0790ỒỈ08). ỉ62Nhất thiết trí kinh (roi. 0026.212. 0792cl3). 163 Pháp trang nghiêm kỉnh ( 1. 0026.213. 0795b17). Tham chiếu: Tăng. if(r.02. 0125.38.10. 0724b28); Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự (r.24. 1451.8. 0237a06).
164 Trung tâm Dịch thuật Trí Tịnh dịch: Kỉnh Tỳ-ha-đề. ì65Ải sanh kinh (4Q£. 0026.216. 0800c20). Tham chiếu: Phật thuyết Bà-la-môn tử mạng chung ải niệm (101.0091. 09Ì5a04); Tăng.(7102. 0125.13.3. 0571028);(roi. 0026.214. 0797c07). ì66Bátthành kinh (TOI. 0026.217. 0802all). Tham chiếu: Thập Chỉ cư sĩ bát thành nhân kỉnh (roi. 0092. 0916al7).

219. Kinh A-na-luật-đà ()(B) • không tương đương Trung bộ

220. Kinh Kiến () không tương đương Trung bộ
63. Tiểu kinh Mālunkya
22Ỉ.Kinh Tiễn ()167
(P. Cūlamāluñkyasuttam^ )
222. Kinh Lệ () không tương đương Trung bộ
***

Kết luận Dựa vào các bảng đối chiếu tựa đề Kinh Trung A-hàm và Kỉnh Trung bộ trong bài này, chúng ta cân ghi nhận răng Kinh Trung A-hàm bản chữ Hán của Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda Dĩrgha Āgamā) có 10 bài kinh tương đương với Kinh Trường bộ (Dīghā Nikãya), 77 bài tương đương với Kỉnh Tăng chi bộ và 10 bài tương đương với Kinh Tương ưng bộ của Thượng Tọa bộ. Ngoài ra, phần lớn nội dung các chủ đề Phật học của Kinh Trung A-hàm chia sẻ cùng các phạm trù triêt học Phật giáo trong Thượng Tọa bộ. về nội dung, ngoài những chủ đề về đức Phật lịch sử, vai trò đạo sư của đức Phật và các học thuyêt quan trọng của triêt học Phật giáo, Kinh Trung A-hàm còn là nguồn dữ liệu phong phú về đối thoại liên tôn giáo và đối thoại liên triết học giữa đức Phật với các bậc đạo sư Ấn Độ. Quan trọng hơn hết, trong phương diện ứng dụng, vì Kinh Trung A-hàm tổng hợp những bài kinh căn bản nhất của Thượng Tọa bộ, gần nhất với lời dạy của đức Phật, nên nội dung của kinh này có khả năng trị liệu khổ đau rất hiệu quả, giúp người thực tập giải phóng các xiềng xích trói buộc tâm, đạt được giải thoát tâm, giải thoát bằng trí tuệ, đạt được các quả Thánh ngay trong kiếp sống hiện tại này.

Hướng về ngày Phật thành đạo
Chùa Giác Ngộ, ngày 04-01-2022
TT.TS. THÍCH NHẬT TỪ
(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển PGVN)
167 Tiễn dụ kinh (TOI. 0026.221,0804a21). Tham chiếu: Tiễn dụ đại kinh (TOI. 0094. 09Ì7bl3);7, w luân (r.25. 1509.15. 0170a08).

. PHÁP L KINH THIÊN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-ve, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: r r . y  Nêu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp, tát được vui vẻ, an lạc trong bậc Hiên thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết hội chúng và biết sự hơn kém của người. Thế nào gọi là Tỳ-kheo biết pháp? Nghĩa là Tỳ-kheo biết Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục5 Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo biết pháp. Nêu có Tỳ-kheo không biết pháp, tức không biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ? Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Tỳ-kheo như vậy là không biết pháp. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết pháp, tức biết Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết

nghĩa. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết pháp. Như thế nào là Tỳ-kheo biết nghĩa? Nghĩa là Tỳ-kheo biết nghĩa của các loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo biết nghĩa. Nếu có Tỳ-kheo không biết nghĩa, tức là kh6ng biết nghĩa của những loại giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, không biết điêu này có nghĩa như thế kia, kh6ng biết điều kia có nghĩa như thế này. Tỳ-kheo như vậy là không biết nghĩa. Nêu có Tỳ-kheo khéo biết nghĩa, tức biết nghĩa của những giáo thuyết này hay giáo thuyết kia, biết điều này có nghĩa như thế kia, biết điều kia có nghĩa như thế này. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết nghĩa. Như thế nào là Tỳ-kheo biết thời? Nghĩa là Tỳ-kheo biết lúc nào nên tu pháp tháp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Áy là Tỳ-kheo biêt thời. Nếu có Tỳ-kheo không biết thời, tức không biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Tỳ-kheo như vậy là không biết thời. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết thời, tức biết lúc nào nên tu pháp thấp, lúc nào nên tu pháp cao, lúc nào nên tu pháp xả. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết thời. Như thế nào là Tỵ-kheo biết tiết độ? Tỳ-kheo biết tiết độ trong việc uống, ăn, di, đứng, ngồi, năm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ



nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo biết tiết độ. Nếu có Ty-kheo không biết tiết độ, tức không biết tiết độ trong việc uống, ăn5 đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và không biêt giảm bớt ngủ nghi, tu tập chánh trí. Tỳ-kheo như vậy là không biết tiết độ. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết tiết độ, tức biết tiết độ về các việc uống, ăn, di, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, đại tiểu tiện và biết giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập chánh trí. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết tiết độ. Như thế nào là Tỳ-kheo biết mình? Tỳ-kheo tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là biết mình. Nếu có Tỳ-kheo không biết mình, tức không tự biết mình có chừng ấy tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Tỳ-kheo như vậy là không biết mình. Nếu có Tỳ-kheo khéo biêt mình, tức tự biêt mình có chừng ây tín, giới, văn, thí, huệ, biện A-hàm và sở đắc. Ấy là Tỳ-kheo khéo biết mình. Như thế nào là Tỳ-kheo biết hội chúng? Tỳ-kheo biết: uĐây là hội chúng Sát-lợi, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vay." Ấy là Tỳ-kheo biết hội chúng. Nếu có Tỳ-kheo không biết hội chúng, tức không biết: "Bây là hội chúng Sát-lợi, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, đứng như vậy, ngồi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy?5 Tỳ-kheo như vậy là không biết hội chúng. Nếu có Tỳ-kheo khéo biết hội chúng, tức biết: "Bây là hội chúng Sát-lọd, đây là hội chúng Phạm chí, đây là hội chúng cư sĩ, đây là hội chúng Sa-môn; và ở nơi hội chúng ấy, ta nên đi như vậy, dứng như vậy, ngoi như vậy, nói như vậy, im lặng như vậy?9 Ấy là Tỳ- kheo khéo biêt hội chúng. Như thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: Có lòng tin và không có lòng tin. Người có lòng tin là cao thượng, nẹười không có lòng tin là thấp kém. Người có lòng tin lại có hai hạng: Thường đen gặp thày Tỳ-kheo và không thường đến gặp thầy Tỳ-kheo. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo là cao thượng, người không thường đến gặp thầy Tỳ- kheo là thấp kém. Người thường đến gặp thầy Tỳ-kheo lại có

hai hạng: Có kính lễ thầy Tỳ-kheo và không kính lễ thầy Tỳ-kheo. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo là cao thượng, người không kính lễ thầy Tỳ-kheo là thấp kém. Người kính lễ thầy Tỳ-kheo lại có hai hạng: Có hỏi kinh và không hỏi kinh. Người có hỏi kinh là cao thượng, người không có hỏi kinh là thấp kém. Người có hỏi kinh lại có hai hạng: Nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là cao thượng, người không nhất tâm nghe kinh là thấp kém. Người nhất tâm nghe kinh lại có hai hạng: Nghe rồi chấp trì pháp và nghe rồi không chấp trì pháp. Người nghe rồi có chấp trì pháp là cao thượng, người nghe rồi không châp trì pháp là thấp kém. Người nghe rồi có châp trì pháp lại có hai hạng: Nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là cao thượng, người nghe pháp không quán sát nghĩa là thấp



kém. Người nghe pháp có quán sát nghĩa lại có hai hạng: Biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biêt nghĩa, không hướng pháp, không thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là cao thượng; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng pháp, không thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là tháp kém. Người biết pháp, biêt nghĩa, hướng pháp, thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp lại có hai hạng: Tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích, cũng không làm lợi ích cho người khác, không làm lợi ích cho mọi người, không xót thương thế gian, không cầu nghĩa lý? lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa lý, lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người; người ấy là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người. Ví như từ bò có sữa, từ sữa có lạc, từ lạc có sanh tô, từ sanh tô có thục tô, từ thục tô có tinh tô; tinh tô là bậc nhất, là hơn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu đối với những loại kia. Cũng vậy, nếu người nào tự làm lợi ích, cũnệ làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, câu nghĩa lý? lợi ích, an ổn và khoái lạc cho trời và người thì trong hai hạng người như trên đã nói, đã phân biệt, đã thi thiết; người ấy là bậc nhất, là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu. Ấy là Tỳ-kheo biết sự hơn và kém của người. Đức Phật dạy như thê, các vị Tỳ-kheo kia nghe lời Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

2. KINH TRU ĐỌ THỌ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Nếu lá cây Trú Độ trên Tam Thập Tam thiên úa vàng thì lúc đó thiên chúng ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: "Lá cây Trú Độ chẳng bao lâu nữa sẽ rụng." Rồi lá cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã rụng. Lúc đó? chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: “Lá cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ mọc lại." Rồi lá cây Trú Độ

ở Tam Thập Tam thiên đã mọc lại. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: uCây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ kết ra mạng lirói.” Rồi lá cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã kết mạng lưới. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho răng: "Cây Tru Độ chăng bao lâu sẽ nở nụ giông mỏ chim." Rồi cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã nở nụ giống như mỏ chim. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở, cho rằng: "Cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa như cái bt." Rồi cây Trú Độ ở Tam Thập Tam thiên đã nở hoa như cái bát. Lúc đó, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vui mừng hớn hở? cho rằng: “Cây Trú Độ chẳng bao lâu sẽ nở hoa tròn trịa?5 Nếu cây Trú Độ đã nở hoa tròn trịa thì nó chiếu ra ánh sáng, màu sắc và tỏa ra mùi thơm trong chu vi một trăm do-diên. Lúc bấy giờ, vào tháng Tư mùa hạ, các vi Tam Thập Tam thiên vui đùa với nhau băng năm thứ dục lạc với đây đủ tát cả các đặc tính của chúng. Đó là các vị Tam Thập Tam thiên tập trung dưới cây Trú Độ mà hưởng thụ sự vui sướng. Theo ý nghĩa như thế, vị Thánh đệ tử cũng vậy. Khi suy nghĩ đến việc xuất gia, lúc đó, vi Thánh đệ tử được gọi là lá úa vàng, cũng giống như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên trở nên úa vàng. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là lá rụng, như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên rụng xuống. ___ r

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bát thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an tru sơ thiên; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là sanh trở lại, cũng như lá cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên sanh trở lại.

6 KINH TRƯNG A-HÀM

Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử không còn giác và quán, nội tâm tịch tịnh, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhi thiền; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là sanh mạng lưới, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên sanh mạng lưới. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử ly hỷ dục, an trú xả, vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trụ không, thành tựu an trú tam thiền; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là nở nụ như mỏ chim, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở nụ như mỏ chim. Lại nữa, khi vị Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ và hỷ ưu cũng đã diệt, không khô lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an trú tứ thiên; lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là nở hoa như cái bát, như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở hoa như cái bát. Lại nữa, khi vi Thánh đệ tử các lậu đã tận, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng: “Sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa” lúc đó, Thánh đệ tử được gọi là hoa nở tròn trịa, cũng như cây Trú Độ ở cõi Tam Thập Tam thiên nở hoa tròn trịa. Đó là vi Tỳ-kheo lậu tận A-la-hán, được Tam Thập Tam thiên tập hội tại chánh điện Thiện Pháp hỏi han, khen ngợi rằng: Thánh đệ tử tôn quý đó9 ở tại thôn ấp đó, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa9 chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, các lậu đã hết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an tru, biêt một cách như thật răng: 'Sanh đã hêt? Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh

nữa.'" Đó là các A-la-hán lậu tận cùng tập hội như Tam Thập Tam thiên cùng tập hội dưới cây Tru Đọ vạy. Đức Phật dạy như vậy, các vị Tỳ-kheo kia nghe những lời Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

3. KINH THÀNH DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật đến nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Như vương thành ở biên giới có bảy việc đầy đủ và bốn thứ lương thực sung túc, dễ tìm, không khó; do đó, vương thành không bị ngoại địch đánh phá, ngoại trừ bên trong tự phá hoại. Những gì là bảy việc mà vương thành có đầy đủ? Là vương thành ở biên . r ỉ 7 9

giới xây cát những vọng gác, đáp đất cho chác, không thê phá vỡ, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đây đủ thứ nhát của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới có đào hào, vét ao cho thật sâu rộng, sửa sang đê có thê nương tựa, làm cho bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ hai của vương thành. Lại nữa, như dọn dẹp những con đường nối liền xung quanh vương thành ở biên giới cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ ba của vương thành. . ỉ Lại nữa, như biên thành của vua tập trung bôn quân chủng: Tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ tư của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới chuẩn bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đây đủ thứ năm của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mun chước, người hiền lành thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ sáu của vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới xây đáp tường cao cho thật kiên cô, trét bùn, tô đát, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là việc đầy đủ thứ bảy của vương thành. r /y

Bôn thứ lương thực sung túc, dê tim, không khó là gì? Là vương thành ở biên giới có săn, có chuân bị nước, cỏ, củi, gô, đê bên trong được an ôn và chê



ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ nhất sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ hai sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu, tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ ba sung túc, dễ tìm, không khó ở vương thành. Lại nữa, như vương thành ở biên giới cất chứa bơ, dầu, mật, mía, đường, cá, muối, thịt khô, tất cả đều đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Đó là loại lương thực thứ tư sung túc, dễ tim, không khó ở vương thành. Như vậy, vương thành đầy đủ bảy việc, bốn thứ lương thực sung túc, dễ tim, không khó nên không bi ngoại địch đánh phá, chỉ trừ bên trong tự phá hoại. Cũng vậy, nếu Thánh đệ

tử cũng được bảy thiện pháp và bốn tăng thượng tâm dễ được, không khó thì vi Thánh đệ tử không bi Ma vương lung lạc, cũng không theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại. Bảy thiện pháp mà Thánh đệ tử có được là gì? Là Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã vững, trọn không theo Sa-môn? Phạm chí ngoại đạo? cũng như Thiên ma, Phạm thiên và hàng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử được thiện pháp thứ nhất. Lại nữa, Thánh đệ tử thưcmg thực hành xấu hổ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ hai mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành hổ thẹn, điều đáng hổ thẹn biết hổ thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là thiện pháp thứ ba mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tấn, đoạn trừ ác, bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhát kiên cô, làm các góc thiện, không bỏ phương tiện. Đó là thiện pháp thứ tư mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiêu, ghi nhớ không quên, tích lũy sự học rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; học rộng, nghe nhiêu các pháp như vậy, luyện tập đên cả ngàn lân, ý chăm chú những điêu tư duy, quán sát đến chỗ thấy rõ hiểu sâu. Đó là thiện pháp thứ năm mà Thánh đệ tử có được. Lại nữa, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những điều đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là thiện pháp thứ sáu mà Thánh đệ tử có được.

3. KINH THÀNH DỤ 9

Lại nữa, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán sát sự hưng suy của các pháp. Do có trí như vậy, có thánh huệ, có sự thâu hiêu, phân biệt rõ ràng mà vi ây diệt tận hoàn toàn sự kho. Đó là thiện pháp thứ bảy mà Thánh đệ tử có được. Những gì là bốn tăng thượng tâm dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến? Là Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trú sơ thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ nhất dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử đã dứt giác và quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhị thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ hai dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu xả, vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trú không, thành tựu an trú tam thiên. Đó là tăng thượng tâm thứ ba dê được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Lại nữa, Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ và hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tinh, thành tựu an trú tứ thiền. Đó là tăng thượng tâm thứ tư dễ được, không khó mà Thánh đệ tử đạt đến. Như vậy, Thánh đệ tử được bảy thiện pháp, đạt đến bốn tâm tăng thượng dễ được, không khó, không bị Ma vương lung lạc, cũng chẳng theo pháp ác, bất thiện, không bị nhiễm phiền não, không còn thọ sanh trở lại. Như vương thành ở biên giới xây cất vọng gác, đắp đất cho chắc, không thể phá vỡ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử có lòng tin kiên cố sâu xa đối với Như Lai, tín căn đã lập, trọn không theo Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo, cũng như Thiên ma, Phạm thiên và các hạng thế gian khác. Đó là Thánh đệ tử có vọng gác tín

tâm để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới đào hào, vét ao thật sâu rộng, sửa sang đê có thê nương tựa, làm cho bên trong được an on và che ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thực hành xấu hổ, điều đáng xấu hổ biết xấu hổ, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có hồ ao xấu hổ, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới dọn dẹp những con đường liền chung quanh cho bằng phẳng, rộng rãi, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành hô thẹn, điêu đáng hô thẹn biết hổ thẹn, ghét pháp bất thiện và phiền não ô uể là thứ khiến thọ nhận các ác báo, tạo gốc rễ sanh tử. Đó là Thánh đệ tử có con đường bằng phẳng hổ thẹn, đê trừ ác và bát thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới tập trung bốn quân chủng: Tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân, để bên trong được yên ổn và chế ngự oán địch bên



ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành tinh tân, đoạn trừ ác? bát thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhát, kiên cô, làm các góc rê thiện, không bỏ phương tiện. Đó là Thánh đệ tử có quân lực tinh tấn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới chuân bị binh khí, cung, tên, mâu, kích, đê bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự nghe rộng các pháp tốt ở khoảng đầu, tốt ở khoảng giữa, tốt ở khoảng cuối, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; học rộng, nghe nhiều các pháp như thế, luyện tập đên cả ngàn lân, ý chăm chú những điêu tư duy, quán sát đên chô thây rõ hiểu sâu. Đó là Thánh đệ tử có binh khí đa văn, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới lập vị đại tướng trấn thủ sáng suốt, thao lược, cơ trí, tháo vác, dũng mãnh, cương nghị, giỏi mưu chước, người hiền thì cho vào, kẻ không lương thiện thì cấm, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử thường thực hành niệm, thành tựu chánh niệm, những gì đã từng học tập từ lâu, đã từng nghe từ lâu, nhớ luôn không quên. Đó là Thánh đệ tử có đại tướng trấn thủ, để trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới xây đắp tường cao cho thật kiên c6, trét bùn, tô đát, đê bên trong được an ôn và chê ngự oán địch bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử tu hành trí tuệ quán pháp hưng suy, do có Thánh tuệ như vậy có sự thấu hiểu, phân biệt rõ ràng mà hoàn toàn diệt tận khổ. Đó là Thánh đệ tử có bức tường trí tuệ đe trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp. Như vương thành ở biên giới có chuẩn bị sẵn nước, cỏ, củi, gỗ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử ly dục, ly ác và pháp bất thiện, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, thành tựu an trú sơ thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới thu nạp nhiều lúa gạo và chứa cất lúa mạch, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử đã dứt giác quán, nội tỉnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, thành tựu an trú nhị thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa nhiều niêm đậu, đại đậu và tiểu đậu, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử ly hỷ dục, thành tựu

xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc, trụ không, thành tựu an trú tam thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Như vương thành ở biên giới chứa cất bo, dầu, mật, mía, đường, cả, muối, thịt khô, tất cả đều đầy đủ, để bên trong được an ổn và chế ngự oán địch ở bên

3. KINH THÀNH DU  11

ngoài. Cũng như vậy, Thánh đệ tử diệt lạc diệt khổ, hỷ ưu cũng đã diệt, không khổ lạc, xả niệm thanh tịnh, thành tựu an tru tứ thiền, lạc trụ, không thiếu thốn, an ổn, khoái lạc, tự mình đi đến Niết-bàn. Đức Phật dạy như vậy, các thây Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật thuyêt xong, hoan hỷ phụng hành.

4. KINH THỦY DỤ A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta sẽ giảng cho các thây nghe vê bảy hạng người ở nước, các thây hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:  Những gì là bảy? Hoặc có người năm dưới nước; hoặc có người ra khỏi nước rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia; hoặc có người ra khỏi nước rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ bên kia rồi được gọi là người đứng trên bờ. Cũng vậy, Ta cũng giảng cho các thây nghe vê bảy hạng người như ví dụ vê nước, các thầy hãy lang nghe, lang nghe, hãy khéo suy nghĩ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Những gì là bảy? Hoặc có hạng người nằm mãi; hoặc có người ra đã khỏi rồi chìm trở lại; hoặc có người ra khỏi và đứng lại; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; hoặc có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia; hoặc lại có người ra khỏi rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi tới bờ bên kia, tới bờ bên kia rồi, được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ. Đó là Ta nói vắn tắt bảy hạng người theo ví dụ về bảy hạng người ở nước. Như đã nói trên, như đã giảng giải trên, các thầy có biết ý nghĩa gì, có phân biệt gì, có nhân duyên gì? Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn rằng: r  __ _? __ _  —The Ton la góc cua pháp, The Ton là chu
te cua pháp, pháp do Thê Tôn mà có, kính mong Thế Tôn nói ra để chúng con sau khi nghe rồi, sẽ hiểu biết rộng rãi ý nghĩa!

14  KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy: - Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghi, Ta sẽ phân biệt ý nghĩa ấy cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: -Thế nào là hạng người nằm mãi? Nghĩa là có người bị những pháp bất thiện che lấp, bị nhiễm bởi nhiễm 6, thọ quả báo của ác pháp, tạo gốc sanh tử. Đó là hạng người nằm mãi như người nằm mãi dưới nước; Ta nói hạng người kia cũng y như vậy. Đó là ví dụ thứ nhất

về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra khỏi rồi chìm lại? Là người đã phát sanh lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp. Người ấy sau đó lại quên mất tín tâm, không kiên cố, mất sự trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ không kiên cố. Đó là hạng người ra rồi chìm lại. Như người chìm nước, đã ra được rồi lại chìm; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ hai về hạng người ở nước. The gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra rồi đứng? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên c6, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều kiên cố, không mất. Đó là hạng người ra khỏi nước rồi đứng. Như người chìm nước, ra khỏi nước rồi đứng; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ ba về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn kiên cố, không mất, trú trong thiện pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết sử liền dứt sạch: Đó là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kiết sử đã dứt sạch chứng đến Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, quyết định thẳng đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh bảy lần, qua lại bảy lần trong nhân gian, thiên thượng roi chứng đăc biên tê của sự khô. Đó là hạng người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh. Như người chìm nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ tư về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mất, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ đều đã kiên cố, không mất, trú trong thiện pháp, biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, biết như thật về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, ba kiết sử liền đã dứt sạch: Đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Ba kiết sử đã dứt sạch, dâm, nộ, si vơi mỏng, còn phải một



lần vãng lai trong nhân gian, thiên thượng, sau khi qua lại một lần đó rồi liền chứng đác biên tê của sự khô. Đó là người ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn roi đi qua. Như người chìm nước ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua; Ta nói người kia cũng như lại như thế. Đó là ví dụ thứ năm về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; về sau, tín tâm của người đó vẫn chắc chắn, không mát, trì giới, bô thí, đa văn, trí tuệ đêu vân kiên cô, không mát, trụ trong thiện pháp, biết như thật về khổ, về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, năm hạ phần kiết sử dứt sạch: Đó là tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi. Năm hạ phần kiết sử dứt sạch rồi, sanh vào cõi ây, roi nhập Niêt-bàn, chứng pháp bát thôi, không trở lại thê gian này nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, đi qua rồi đên bờ bên kia. Như người chìm nước ra roi đứng, đứng roi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia; Ta nói người kia

cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ sáu về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Thế nào là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đên bờ bên kia, đên bờ bên kia roi được gọi là người Phạm chí đứng trên bờ? Là người đã phát khởi lòng tin nơi thiện pháp, trì giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, tu tập thiện pháp; vê sau, tín tâm của người đó vân chăc chăn, không mât5 trì giới, bô thí, đa văn, trí tuệ đêu vân kiên cô5 không mát, trụ trong thiện pháp, biêt như thật về khổ, về khổ tập, về khổ diệt, về khổ diệt đạo. Người kia biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: Sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Đó là người ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đến bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là vi Phạm chí đứng trên bờ. Như người chìm nước ra rồi đứng, đứng rồi nhìn quanh, nhìn rồi đi qua, qua rồi đen bờ bên kia, đến bờ kia rồi gọi là người đứng trên bờ; Ta nói người kia cũng lại như vậy. Đó là ví dụ thứ bảy về hạng người ở nước. Thế gian thật có hạng người như vậy. Ta trước có nói sẽ giảng cho các thầy về bảy hạng người chìm trong nước, thế là Ta đã nói. Phật thuyết như vậy, các vị Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

5. KINH MỌC TÍCH dụ _ \ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở Câu-tát-la9 du hành giữa nhân gian và có đại chúng Tỳ-kheo đi theo. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi giữa đường, chợt thấy có đống cây lớn ở một nơi kia bỗng nhiên bừng cháy. Thế Tôn thấy rồi liền rẽ xuống bên đường, đi đến một cây khác trải ni-sư-đàn, kiết-già mà ngồi yên. Đức Thế Tôn ngồi rồi, bảo các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy đằng kia có đống cây lớn bỗng nhiên bừng cháy không? Khi đó, các thầy Tỳ-kheo trả lời: -Có thấy, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: -Các thầy nghĩ sao, với đong cây lớn phựt cháy bừng bừng đó, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; và với người con gái của dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư SĨ hay thợ thuyên đang độ tuôi cường thạnh, tăm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm; việc nào sung sướng hơn? LÚC ây9 các thây Tỳ-kheo thưa răng:  Bạch Thế Tôn, với đống cây lớn đang phựt cháy bừng bừng, hoặc ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Với người con gái dòng Sát-lợi? Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thạnh, tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể mà tới ôm, hoặc ngồi, hoặc nằm thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo: -Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để cho các thầy học làm Sa-môn mà lại mát đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà ôm đông cây lớn đang phựt cháy bừng bừng, hoặc ngôi, hoặc năm; việc ây mặc dù vì thế mà phải chịu khổ, hoặc chết, nhưng không do đó mà khi thân 9 r r hoại mạng chung phải thăng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, không phải là Phạm hạnh mà gọi là Phạm hạnh, không phải là Sa-môn mà gọi là Sa-môn9 hoặc ôm người con gái dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay thợ thuyền đang độ tuổi cường thạnh, đã tắm gội, xông hương thơm, mặc y phục sạch sẽ, dùng tràng

18  KINH TRUNG A-HÀM

hoa, chuỗi ngọc trang sức thân thể, hoặc ngồi, hoặc nằm; người ngu si kia vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến nơi ác, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, và suy nghĩ như thế này: "Ta xuất gia học đạo không phải vô ích, không phải luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, được sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, làm cho các thí chủ được phước đức lớn, quả báo lớn, quang minh lớn." Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy nghĩ sao, như có lực sĩ lấy sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi; hoặc theo người dòng Sát-lqi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân thì việc nào sung sướng hơn? Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Còn nếu theo người dòng Sát-lọd, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để được cúng thí, rờ rẫm thân thể, chi tiết và tay chân thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! The Ton bảo: Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn lại mất đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem sợi dây thừng bằng lông cột siết cho đến bứt da, bứt da rồi bứt thịt, bứt thịt rồi bứt gân, bứt gân rồi bứt xương, bứt xương cho tới tủy mới thôi; việc ấy mặc dù do vậy mà các thầy thọ khổ, hoặc chết, nhimg không do đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới và không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, không phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa- môn5 rồi theo người dòng Sát-lợi5 Phạm chí, cư si, thợ thuyền để thọ sự cúng thí, rờ rẫm thân thể, các chi tiết và tay chân; người ngu si ấy do đó vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Vì thế9 các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa, hãy suy nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh vào các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ẩm thực, giường, nệm, thuốc thang của người tín thí, khiên cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn." Các thày nên học như vậy!

5. KINH MỘC TÍCH DỤ 19

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi; hay là theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước; điều nào sung sướng hơn? r 5

Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa răng: Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem con dao đã mài giũa sắc bén chặt đứt ngang đùi thì rất khổ, bạch Thế Tôn; còn theo người dòng Sát-lqi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận sự lễ bái của tín thí, cung kính, đón rước thì rất sung sướng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thây biêt, không

đê các thây học làm Sa-môn mà mát đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem dao bén đã mài giũa chặt đứt ngang đùi; việc ấy dù do đó mà chiu sự đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì đó mà khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng Phạm hạnh, chẳng phải Sa- môn xưng là Sa-môn, rồi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền mà thọ sự lễ bái, cung kính, tiếp đón của tín thí; người ngu si kia vì thế vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, tiếp nhận áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của người cúng thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:  Các thây nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem lá đông hay săt đót cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể; hoặc theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận y phục của người tín thí; cái nào sung sướng hơn? Bây giờ, các Tỳ-kheo thưa răng:  Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể thì rất khổ, bạch Thế Tôn! Nếu theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh y phục của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng:  Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà đê cho lực sĩ đem lá đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi quấn quanh thân thể; dù việc đó vì thế sẽ chiu sự khổ, hoặc chết, nhimg không do vậy mà khi thân hoại mạng



chung phải thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh ximg là Phạm hạnh, đê roi theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyên mà thọ lãnh y phục của tín thí; người ngu kia vì the vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Do đó, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống công, mà có quả, có báo, có sự an lạc cùng cực, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn." Các thày nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng:  Các thây nghĩ sao, hoặc có lực sĩ đem kem săt nóng kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt cháy đó đốt cháy moi, đót môi roi đót lưỡi, đót lưỡi roi đót lợi, đót lợi roi đót cô, đót cô roi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới; hoặc theo dòng người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để lãnh thọ đồ ăn, vô lượng mùi vi của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng:  Bạch đức Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi lấy viên sắt đã đốt cháy hừng hực bỏ vào

miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và ruột, đốt bao tử và ruột rồi đốt xuống dưới thì rất khổ; còn nếu theo theo dòng người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để lãnh thọ đồ ăn, vô lượng mùi vị của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng:  Ta sẽ nói cho các thầy biết, không để các thầy học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Các thây nêu muôn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà đê lực sĩ đem kềm sắt nóng kéo cho hả miệng ra rồi đem viên sắt đã đốt cháy hừng hực quăng vào trong miệng, viên sắt nóng ấy đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi, đốt lợi rồi đốt cổ, đốt cổ rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt bao tử và đốt ruột, đốt bao tử và đốt ruột rồi đốt xuống dưới; điều ấy nhân đó mà phải chiu đau khổ, hoặc chết, nhưng không vì thế mà khi thân hoại mạng chung thẳng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nêu người ngu si phạm giới không tinh tân, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh sự cúng thí thực phẩm, vô lượng mùi vị; người ngu si đó vì the mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, chịu quả báo ác pháp, sau khi thân hoại mạng chung thăng đên ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thê các thây nên quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế



này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, CÓ sự an lạc cùng cực, sanh đên các thiện xứ đê được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm5 thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:  Các thầy nghĩ sao, nếu có lực sĩ đem giường sắt hay đồng đốt cháy hừng hực roi cưỡng bức người kia phải năm ngôi trên đó; hoặc là theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh giường chõng và ngọa cụ của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thê Tôn, nêu có lực sĩ đem giường sát hay đông đót cháy hừng hực rồi cưỡng bức người kia phải nằm ngồi trên đó thì rát khổ, bạch Thế Tôn; còn nếu theo các người dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để thọ lãnh giường chõng và ngọa cụ của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: -Ta sẽ nói cho các thây biêt, không đê cho các thây học làm Sa-môn mà mất đạo Sa-môn. Nếu các thầy muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem giường đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi cưỡng bức phải nằm ngoi trên đó; việc đó dù vì the mà chịu sự kho sở, hoặc chết, nhưng không vì thế mà sau khi thân hoại mạng chung thẳng đen ác xứ hay sanh vào địa n^ục. Nếu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chẳng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, chẳng phải Sa-môn xưng là Sa-môn, rồi theo những người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để thọ lãnh ngọa cụ, giường chõng của tín thí; người ngu si đó vì the vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đen ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế, các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa; nên nghĩ thế này: “Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ, được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí,

khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả bảo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo rằng: Các thây nghĩ sao, nêu có lực sĩ đem nôi đông hay sát đót cháy hừng hực rồi tóm một người xóc ngược lên và quăng vào trong nồi; hoặc là theo người Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; việc nào sung sướng hơn? Bấy giờ, các Tỳ-kheo thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, nếu có lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi bắt một người xóc ngược lên và ném vào nồi thì quá khổ sở, bạch Thê



Tôn; còn nếu theo những người Sát-lọd, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo5 chắc chắn, lò sưởi của tín thí thì sung sướng hơn, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo rằng: Ta sẽ nói cho các thây biêt, không đê các thây học làm Sa-môn mà mát đạo Sa-môn. Các thầy nếu muốn thành tựu Phạm hạnh vô thượng thì thà để cho lực sĩ đem nồi lớn bằng đồng hay sắt đốt cháy hừng hực rồi bắt một người xóc ngược lên quăng vào trong nồi; mặc dù vì the mà chiu đau kho, hoặc chết, nhưng không do vậy mà sau khi thân hoại mạng chung lại thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Nấu người ngu si phạm giới không tinh tấn, sanh ra pháp ác, bất thiện, chăng phải Phạm hạnh xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn xưng là Sa-môn, theo người Sát-lợi, Phạm chí, cư si, thợ thuyền để nhận lãnh phòng xá tô trét bùn đất, cửa nẻo kín đáo, chắc chắn, lò sưởi của tín thí; người ngu si đó vì thế mà vĩnh viễn không thiện, không nghĩa, thọ quả báo ác, sau khi thân hoại mạng chung thẳng đến ác xứ hay sanh vào địa ngục. Vì thế các thầy hãy quán sát nghĩa này, quán sát nghĩa kia, quán sát cả hai nghĩa nên nghĩ thế này: "Ta xuất gia học đạo không vô ích, không luống không, mà có quả, có báo, có sự an lạc vô cùng, sanh đến các thiện xứ để được trường thọ, nhận lãnh áo chăn, đồ ăn uống, giường, nệm, thuốc thang của tín thí, khiến cho các thí chủ được phước đức lớn, được quả báo lớn, được quang minh lớn.,, Các thầy nên học như the! Khi đức Phật dạy bài pháp này xong, sáu mươi vị Tỳ-kheo dứt sạch các lậu? giải thoát kiết sử; sáu mươi Tỳ-kheo xả giới, hoàn tục. Sao vậy? Vì sự giáo huấn của đức Thế Tôn rất sâu, rất khó; sự học đạo lại còn sâu, còn khó hơn. Đức Phật dạy như thế, các vi Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta sẽ nói cho các thầy biết về nơi mà bảy bậc Thiện Nhân đi đến và Vô dư r 5 r Niêt-bàn. Các thây hãy lăng nghe, lăng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các thây Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Phật dạy: Những gì là bảy? Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thây được dâu vét đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng vân chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đốt trấu vừa nhen đã tắt. Nên biết, Tỳ-kheo kia cũng thế, chút ít mạn chưa trừ hết nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc

Thiện Nhân thứ nhất. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.Thực hành như thê sẽ do tuệ mà thây dâu vét đạo vô thượng, tịch tinh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút mạn chưa trừ hết nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc Thiện Nhân thứ hai. Thê gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả? có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.^, Thực hành như thê sẽ do tuệ mà thây dâu vét đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa đốm tung lên và rơi trở xuống chưa tới đất liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn hết



nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Trung Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ ba. Thế gian quả thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vầy: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không châp tnróc." Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực roi lây búa đập, lửa đôm tung lên rơi xuông tới đát thì tát. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Sanh Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ tư. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không châp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhimg chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực roi lây búa đập, lửa đôm tung lên rớt xuông trên nhúm cỏ liên bốc khói hoặc phựt cháy, vừa cháy liền tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thể, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết, chứng Hữu hành Bát-niết-bàn. Đó là chỗ đi đến của bậc Thiện Nhân thứ năm. Thế gian thật có người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đác xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không châp tru&c." Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên rớt xuống trên đống củi hay cỏ liền bốc khói hoặc phựt cháy, cháy hết mới tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhưng năm hạ phân kiêt sử đã đoạn hét, chứng Vô hành Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ sáu. Thế gian thật có

người như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nên thực hành như vây: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tinh, nhưng chưa được chứng ngộ. Tỳ-kheo thực hành như thế sẽ đi đến đâu? Ví như đem sắt đốt cháy hừng hực rồi lấy búa đập, lửa tung lên rơi xuống đống củi hay cỏ liền bốc khói hoặc phựt cháy, cháy lan cả thôn ấp, thành quách, rừng núi, đồng nội, rồi hoặc đến đường đi, hoặc mé nước, đến đất bằng thì tắt. Nên biết, Tỳ-kheo cũng lại như thế, còn chút ít mạn chưa đoạn nhimg năm hạ phần kiết sử đã đoạn hết,

6. KINH THIỆN NHÂN VÃNG 25

chứng Thượng lưu A-ca-nị-trá Bát-niết-bàn. Đó là nơi đi đến của bậc Thiện Nhân thứ bảy. Thế gian thật có người như vậy. Vô dư Niết-bàn là gì? Tỳ-kheo nên thực hành như vay: "Không có gì là ta và của ta. Trong tương lai cũng không có gì là ta và của ta, đã có thì đoạn trừ, đã đoạn trừ thì chứng đắc xả, có lạc, không nhiễm, thứ gì cũng không chấp trước.,, Thực hành như thế sẽ do tuệ mà thấy dấu vết đạo vô thượng, tịch tịnh và đã được chứng ngộ. Ta nói răng Tỳ-kheo kia không cân đên phương Đông, không cân đên phương Tây, phương Nam, phương Bắc, bốn góc và trên dưới mà ngay trong hiện tại chứng được đạo tịch tịnh, diệt độ. Ta nói về nơi đi đến của bảy bậc Thiện Nhân và Vô dư Niết-bàn là nhân đó mà nói. r

Đức Phật dạy như thê, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Câu-xá-di, ở tại vườn Cù-xá-la. Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả Ma-ha Châu-na tư chỗ nghỉ đứng dậy, đến trước Phật, đến rồi đảnh lễ? lui ngồi một bên và thưa rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài có thể giảng giải cho con về phước thế gian chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: —Có thê được, Châu-na! Có bảy loại phước thê gian, có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Này Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí phòng xá, nhà gác cho chúng Tỳ-kheo. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí giường, tòa, thảm lông, chiêu lông, nệm da, ngọa cụ trong các phòng xá. Châu-na, đó là loại phước thế gian thứ hai có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí y phục cho chúng Tăng. Châu-na5 đó là loại phước thế gian thứ ba có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na9 có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi cúng thí cháo sáng; cơm trưa cho chúng Tăng ở trong phòng xá; lại cung cấp người làm vườn đê sai khiên; hoặc khi gió mưa, tuyêt lạnh, đích thân đên vườn cúng dường thêm. Các Tỳ-kheo ăn xong, không lo gió mưa, tuyêt lạnh thâm ướt y phục đê ngày đêm yên ổn tu tập thiền định. Châu-na, đó là bảy loại phước thế gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc đi, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc ngày, hoặc đêm, phước ây vân thường sanh, càng lúc càng thêm, càng lúc

càng rộng. Châu-na, ví như nước sông Hằng-già từ nguồn chảy ra, tuôn vào đại hải, ở vào khoảng giữa càng lúc càng sâu, càng lúc càng rộng. Cũng vậy, Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đó đã tạo được bảy loại phước thế gian này rồi thì hoặc di, hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc ngủ, hoặc thức, hoặc



ngày, hoặc đêm, phước ấy thường sanh trưởng, càng lúc càng thêm, càng lúc càng rộng. Bây N giả Ma-ha 7 . giờ, Tôn r Châu-na r từ chô \ngôi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, gói phải sát dát, quỳ xuông chăp tay, bạch răng: Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ dạy cho con về phước đức xuất thế gian được chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: Có thể được, Châu-na! Lại có bảy loại phước xuất thế gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Những gì là bảy? Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai, hoặc đệ tử của đức Như Lai du hóa ở xứ nào đó, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rất phấn khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thế gian thứ nhất có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử đức Như Lai muốn từ nơi kia đến dây, nghe rồi vui vẻ, trong lòng rát phân khởi. Châu-na, đó là loại phước xuất thê gian thứ hai có phước lớn, có danh dự lớn, có quả báo lớn, có công đức lớn. Lại nữa, Châu-na, có tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi nghe đức Như Lai hay đệ tử của đức Như Lai đã từ nơi kia đến đây, nghe rồi vui vẻ, lòng rất phấn khởi, với tâm thanh tịnh đích thân tới thăm viếng; lễ kính; cúng dường; cúng dường xong thọ pháp ba tự quy đối với Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo; . r • . r - £ :

và thọ giới câm. Châu-na, đó là bảy loại phước xuất thê gian có phước lớn, có quả báo lớn, có danh dự lớn, có công đức lớn. Châu-na, nếu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy loại 7 • . r L • phước thê gian và lại có bảy loại phước xuất thê gian này thì phước của người kia không thể tính được là có bao nhiêu phước, có bao nhiêu kết quả của phước, có bao nhiêu phước báu, chỉ có thể nói là không thể hạn lượng và không thể biết được số lượng phước đức. y \ Châu-na, ví như từ châu Diêm-phù-đê, có năm con sông: Một là Hăng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-lao-phù5 bôn là A-di-la-bà-đê và năm là Ma-xí chảy vào biên lớn, ở khoảng giữa của chúng, không thê tính được sô nước là bao nhiêu thăng, hộc, chỉ có thể tính là số nước nhiều không thể hạn lượng, không thể tính được. Cũng vậy, Châu-na, nêu tín nam hay tín nữ con nhà dòng dõi đã tạo được bảy phước thế gian, và lại có bảy loại phước xuất thế gian thì phước của người đó không thể tính được là có bao nhiêu phước, bao nhiêu phước quả, bao nhiêu phước báu mà chỉ có thể tính là phước ấy nhiều không thể hạn lượng, không thể tính được.

## 7. KINH THẾ GIAN PHƯỚC 29

LÚC đó, đức Thế Tôn nói bài tụng rằng: Con sông Hăng-già, Trong sạch dễ qua, Biển nhiều của quý, Là vua các sông. Cũng như nước sông, Người đời kính phụng, Các sông chảy về, Đều vào biển lớn. Cũng vậy, người nào, Cúng áo, thực phẩm, Giường chõng, nệm, chăn, Và những tọa cụ, Phước báu không lường, Đưa đến cõi lành, Cũng như nước

sông, Tuôn ve biên lơn. Đức Phật dạy như thế, Tôn giả Ma-ha Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

8. KINH THẤT NHẬT Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-ly, trong vườn cây Nại-thị. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: -Tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Vì sao thế? Ví như lúc không mưa, ngay khi không mưa ấy, tất cả cây cối, trăm thứ lúa má cây thuốc đều phải khô héo, gãy nát, chết cả, không thể thường trụ. Vì thế, tất cả các hành đêu vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đôi thay, là pháp không the nương tựa; các hành như vậy không nên tham đam mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện thì các rãnh, ngòi, sông, lạch đều phải khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đêu vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đôi, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhàm chán, ghê sợ, phải tìm sự xả ly, phải tìm sự giải thoát. Lại nữa, có lúc ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện thì tất cả các dòng sông lớn đêu khô cạn, không thê thường trụ. Do đó, tát cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không the nương tựa; các hành như vậy không nên tham đam mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát. Lại nữa, có lúc bốn mặt trời xuất hiện. Khi bốn mặt trời cùng xuất hiện thì các dòng suối lớn chảy ra năm con sông lớn trên châu Diêm-phù-đề: Một là Hăng-già5 hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-lao-phù, bôn là A-di-la-bà-đê và năm là Ma-xí, các dòng suôi nguồn lớn ây đêu khô cạn cả, không thê thường trụ. Do đó, các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đổi thay, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc năm mặt trời xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện thì nước trong biên lớn sụt xuống một trăm do-diên, sụt dân đên bảy trăm do- diên. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện như vậy thì biển có mức nước bảy trăm do-diên sụt dần cho đến một trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước trong biên lớn sụt một cây da-la, sụt dân đên bảy cây đa-la. Khi năm mặt trời



cùng xuất hiện thì những biển có mức nước bảy cây đa-la sụt dần cho đến một cây đa-la. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước biển giảm sụt một người, sụt dần cho đến bảy người. Khi năm mặt trời xuất hiện thì những biển có mức nước bảy người, giảm dần cho đến một người. Khi năm mặt trời xuất hiện thì nước biển giảm cho đên cô, đên vai, đên lưng, đên háng, đên đâu gói, đên măt cá cho đên lúc nước biển ráo hết, không đủ chìm một ngón chân. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đoi, là pháp chẳng the nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuât hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuât hiện thì tát cả đại địa và núi chúa Tu-di thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, cả

thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Như vậy, khi sáu mặt trời xuất hiện thì tất cả đại địa thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng đôi thay, là pháp không thê nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phựt cháy bừng bừng, tạo thành ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì tất cả đại địa và núi chúa Tu-di bỗng phựt cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa, gió thổi ngọn lửa ấy vươn cao đến trời Phạm thiên. Lúc đó, các vị trời Hoảng Dục mới sanh lên cõi này, những vi trời mới sanh lên cõi này không rõ sự thành bại của thế gian, không thấy sự thành bại của thế gian, không biết sự thành bại của thế gian, khi thây ngọn lửa vĩ đại đên liên sợ hãi, dựng lông, suy nghĩ như thê này: “Lửa không đến đây được chăng? Lửa không đến đây được chng?" Các vị trời sanh r L " r r trước đã rõ sự thành bại của thê gian, đã thây việc thành bại của thê gian, biêt sự thành bại của thế gian, khi thấy ngọn lửa vĩ đại, liền an ủi các vị trời kia rằng: "Chớ nên sợ hãi, lửa cháy chỉ chừng đó, không thể lên đến đây duve.” Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di sụp lở, tán hoại, diệt tận một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đên bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết, không còn khói đen. Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện thì núi chúa Tu-di và cõi đại địa này không còn tro than. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, là pháp chóng thay đổi, là pháp không thể nương tựa; các hành như vậy không nên tham trước mà phải nhàm chán, ghê sợ nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát. Nay Ta nói cho các thây biêt, ai có thê tin được răng núi chúa Tu-di sẽ sụp đổ? Chỉ có những người thấy được sự thật. Nay Ta nói cho các thầy biết, ai có thể tin được rằng nước trong đại hải sẽ khô cạn tất cả? Chỉ có những người đã



thấy sự thật. Nay Ta nói cho các thầy biết, ai có thể tin rằng tất cả đại địa đều cháy sạch? Chỉ có những người đã thấy sự thật. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, xưa có vị đại sư tên là Thiện Nhãn, là bậc tôn sư của các tiên nhơn ngoại đạo, xả ly dục và ái? chứng như ý túc. Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử. Khi Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thê cho các đệ tử thì trong sô đệ tử đó có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy, người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi Tứ Thiên Vương, hoặc Tam Thập Tam thiên, hoặc trời Diệm-ma, hoặc sanh lên trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên trời Tha Hóa Lạc. Nếu khi Đại sư Thiện Nhãn dạy pháp Phạm thế, mà trong số đệ tử đó có ai phụng hành đây đủ pháp ây thì người ây phải tu bôn Phạm thát, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó, Đại sư Thiện Nhãn nghĩ thế này: "Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng Dịic." Đại sư Thiện Nhãn liền sau đó tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử

học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn. Này các Tỳ-kheo, các thầy nghĩ sao? Xưa kia Đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhơn ngoại đạo cung kính như là bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc, các thầy cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó Ta là Đại sư Thiện Nhãn, được tiên nhơn ngoại đạo tôn kính như bậc thầy, xả ly ái dục, chứng như ý túc; lúc đó, Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử, Ta dạy pháp Phạm thế cho các đệ tử. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong số đệ tử có người không phụng hành đây đủ pháp ây thì người ây sau khi mạng chung, hoặc sanh lên trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên Tam Thập Tam thiên, hoặc sanh lên trời Diệm-ma, hoặc sanh lên trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên trời Tha Hóa Lạc. Khi Ta dạy pháp Phạm thế, nếu trong hàng đệ tử có người phụng hành đây đủ pháp ây, tu bôn Phạm thát, xả ly các dục thì người đó đến khi mạng chung được sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó5 Ta nghĩ thế này: “Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi vào đời sau. Nay Ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục.^, Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng Dục. Thời ấy, Ta và các đệ tử học đạo không hư uông, được quả báo lớn. Thời ây, Ta thân hành đạo này vì lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, vì trời và người mà tìm càu nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì không rốt ráo Phạm hạnh nên bấy giờ Ta không xa lìa được sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu, cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

34 KINH TRUNG A-HÀM

Này các thầy Tỳ-kheo, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là bậc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, gọi là Phật, là đấng Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho chính minh, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thê gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn, khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh. Do rốt ráo Phạm hạnh, Ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

9. KINH THAT XA Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong tinh xá Trúc Lâm, cùng an cư mùa mưa với đại chúng Ty-kheo. Tôn giả Mãn Từ Tử cũng an cư mùa mưa tại sanh quán mình. Lúc bấy giờ, các Ty-kheo địa phương, sau khi đã trải qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa sang lại các y đã xong, xếp y cầm bát, từ sanh quán đi về phía thành Vương Xá, lần lượt đi về phía trước đến thành Vương Xá, ở trong tinh xá Trúc Lâm, tại thành Vương Xá. Bấy giờ, các Tỳ-kheo địa phương tới trước đức Thế Tôn, cúi đầu lễ bái, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi rằng: Các Tỳ-kheo, các thầy từ đâu đến đây? An cư mùa mưa ở đâu? Các Tỳ-kheo địa phương ấy thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con từ sanh quán đến đây và an cư mùa mưa tại sanh quán. Đức Thế Tôn hỏi: Trong các thầy Tỳ-kheo địa phương đây, có Tỳ-kheo nào được

các Tỳ- kheo khen ngợi là tự mình thiêu dục tri túc và khen ngợi thiêu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ chăng? Các Tỳ-kheo địa phương thưa:  Bạch Thế Tôn, Tôn giả Mãn Từ Tử ở nơi sanh quán của mình được các Tỳ-kheo cùng khen ngợi là tự mình thiểu dục tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tan và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhất tâm và khen ngợi nhất tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Lúc bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử ngồi giữa đại chúng; Tôn giả Xá-lê-tử suy nghĩ như vầy: uĐức Thế Tôn đúng theo pháp mà hỏi các Tỳ-kheo địa phương.



Các Tỳ-kheo địa phương vô cùng khen ngợi Hiền giả Mãn Từ Tử là tự mình thiểu dục tri túc và khen ngợi thiểu dục tri túc; tự mình nhàn cư và khen ngợi nhàn cư; tự mình tinh tấn và khen ngợi tinh tấn; tự mình chánh niệm và khen ngợi chánh niệm; tự mình nhát tâm và khen ngợi nhát tâm; tự mình có trí tuệ và khen ngợi trí tuệ; tự mình lậu tận và khen ngợi lậu tận; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ và khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ.^, Tôn giả Xá-lê-tử lại suy nghĩ như vầy: "Biết lúc nào ta mới được gặp gỡ Hiền giả Mãn Từ Tử để hỏi một vài nghĩa lý. Hiền giả ấy thật có thể nghe và trả lời những điều ta h6i." Bấy giờ, đức Thế Tôn, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá, đã sửa sang lại các y. Ngài xếp y ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ, lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ rồi ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Tôn giả Xá-lê-tử và các Tỳ-kheo địa phương cùng ở lại Vương Xá vài ngày, rồi xếp y ôm bát đi đến nước Xá-vệ9 lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ cùng ở tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử ở tại sanh quán mình, sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa, đã sửa sang lại các y, xép y ôm bát, từ sanh quán mình đi đến nước Xá-vệ9 lần lượt tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ cùng ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ton giả Mãn Từ Tư đen cho đức The Ton, cui đâu lê bai roi trải ni-sư-đàn mà ngôi kiêt-già trước đức Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử hỏi các Tỳ-kheo khác rằng:  Này chư Hiền, vi nào là Hiền giả Mãn Từ Tử? Các Tỳ-kheo thưa:  Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, vị ngồi trước đức Như Lai, trắng trẻo, mũi cao như mỏ chim oanh vũ là vi ấy. Tôn giả Xá-lê-tử đã biết dáng mặt Mãn Từ Tử, liền ghi nhớ kỹ. Ton giả Mãn Từ Tử, sau đêm đó đến sáng mai, khoác y cầm bát đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Tôn giả Xá-lê-tử cũng qua đêm đó, đến sáng mai, khoác y cầm bát đi vào Xá-vệ để khất thực. Sau khi ăn trưa xong, Tôn giả lại cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi đến rừng An-đà, là nơi kinh hành. Bấy giờ, Tôn giả Mãn Từ Tử đến rừng An-đà, trải ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê-tử cũng đến rừng An-đà? cách

Tôn giả Mãn Từ Tử không xa, trải ni-sư-đàn dưới một gốc cây ngồi kiết-già. Tôn giả Xá-lê-tử vào lúc xế chiều, từ chỗ ngồi nghỉ đứng dậy, đi đến chỗ Mãn Từ Tử, cùng chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên và hỏi Tôn giả Mãn Từ Tử:

9. KINH THẤT XA 37

Này Hiền giả, ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Đúng như vậy! -Này Hiền giả, vì lý do gì? Có phải vì để giới được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Thưa không phải vậy! -Vì để tâm được thanh tinh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chăng? Tôn giả Mãn Từ Tử đáp: Không phải vậy! Tôn giả Xá-lê-tử lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả rằng: "C6 phải ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh cháng?" Thì ngài đáp rằng: "Đúng vay!" Rồi tôi hỏi ngài rằng: "C6 phải vì để giới được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chang?^ Ngài lại đáp rằng: "Không phải vậy r Tôi lại hỏi: "C6 phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tinh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh chĩig?" Ngài cũng lại đáp rằng: "Không phải vậy!99 Nhưng theo ý nghĩa nào mà ngài theo Sa-môn Cù-đàm tu Phạm hạnh? Ton gia Mãn Tư Tư đáp: -Này Hiền giả, vì Vô dư Niết-bàn vậy. Ton giả Xá-le-tử hỏi: Này Hiền giả? có phải vì để giới được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? Không phải vậy! Có phải vì để tâm được thanh tịnh, để kiến được thanh tinh, để nghi cái được thanh tịnh. để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng? Không phải vậy! Tôn giả Xá-lê-tử lại hỏi: -Tôi vừa hỏi Hiền giả: “Này Hiền giả, có phải vì để giới được thanh tinh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chăng?95 Hiền giả đáp rằng: "Không phải!" Tôi hỏi: "C6 phải vì để tâm được thanh tịnh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh

38 KINH TRUNG A-HÀM

tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh nên Sa-môn Cù-đàm giảng dạy Vô dư Niết-bàn chng?” Hiền giả cũng đáp: "lỌiông phai!" Vậy những điều Hiền giả nói có ý nghĩa gì? Làm thế nào để biết được? Ton giả Mãn Tư Tử đáp: Này Hiền giả, nếu vì để giới được thanh tịnh mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Nếu vì để tâm được thanh tinh, để tri kiến được thanh tịnh, để nghi cái được thanh tịnh, để đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích tri kiến được thanh tịnh, để đạo tích đoạn trí được thanh tịnh mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì tức là lấy hữu dư mà gọi vô dư. Này Hiền giả, nếu lìa pháp đó mà đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn thì người phàm phu cũng sẽ được Bát-niết-bàn, bởi vì phàm phu cũng xa lìa pháp đó. Này Hiền giả, nhưng vì giới thanh tịnh nên tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tinh nên tri kiến được thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái được thanh tịnh, vì nghi cái thanh tịnh nên đạo phi đạo

tri kiến được thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến được thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tịnh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, vì đạo th đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn. Hiền giả, xin hãy nghe thêm! Xưa, vua xứ Câu-tát-la là Ba-tư-nặc ở nước Xá-ve, có đại sự ở xứ Bà-kê-đế. Nhà vua suy nghĩ như vầy: "Dùng phương tiện gì để trong một ngày đi từ Xa-vệ đến Bà-kê-đế duọrc?" Lại nghĩ thế này: 4íNay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế9 ở giữa quãng đường đó, sắp đặt bảy cỗ xe." Bấy giờ, từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở quãng giữa đó vua bố trí bảy cỗ xe. Bố trí bảy CÔ xe xong, từ Xá-vệ nhà vua đi đên cô xe thứ nhát; ngôi trên cô xe thứ nhát đi đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngôi cô xe thứ ba đên cô xe thứ tư, bỏ cô xe thứ ba; ngôi cô xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy, bỏ cỗ xe thứ sáu; ngồi CÔ xe thứ bảy, trong một ngày mà đên Bà-kê-đê. Vua ở tại Bà-kê-đê? sau khi lo làm xong đại sự, ngồi trong chánh điện của nhà vua, với các đại thần vây quanh. Quần than tâu rang: "Tâu Thiên vương, có phải chỉ trong một ngày mà Thiên vương đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?" • Vua nói: "Đúng vậy!" "Tâu Thiên vương, có phải ngài chỉ ngồi trên một cỗ xe mà trong một ngày đi từ Xá-vệ đến Bà-kSdế?"



Vua nói: "Không phải vay!" "C6 phải ngài ngồi trên cỗ xe thứ hai, cỗ xe thứ ba, cho đến cỗ xe thứ bảy từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế chng?" Vua nói: "Không phải vāy!" Này Hiên giả, nêu quân thân lại hỏi nữa, Ba-tư-nặc, quôc vương xứ Câu- tát-la sẽ đáp thế nào? Có phải vua trả lời cho quần thần rằng: "Ta ở Xá-vệ, vì có đại sự ở Bà-kê-đế? ta nghĩ thế này: 'Dùng phương tiện gì để trong một ngày có thể đi từ Xá-yệ đến Bà-kê-đế được?9 Ta lại nghĩ thế này: 'Nay ta nên từ Xá-vệ đến Bà-kê-đế, ở quãng giữa đoạn đường đó, bố trí bảy cỗ xe.' Rồi thì ta từ Xá- vệ đên Bà-kê-đê? giữa đoạn đường ây5 ta bô trí bảy cô xe. Bô trí xong, từ nước Xá-vệ ra đi đến cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ nhất đến cỗ xe thứ hai, bỏ cỗ xe thứ nhất; ngồi cỗ xe thứ hai đến cỗ xe thứ ba, bỏ cỗ xe thứ hai; ngồi cỗ xe thứ ba đến cỗ xe thứ tư, bỏ cỗ xe thứ ba; ngồi cỗ xe thứ tư đến cỗ xe thứ năm, bỏ cỗ xe thứ tư; ngồi cỗ xe thứ năm đến cỗ xe thứ sáu, bỏ cỗ xe thứ năm; ngồi cỗ xe thứ sáu đến cỗ xe thứ bảy, bỏ cỗ xe thứ sáu; ngồi cỗ xe thứ bảy ấy trong vòng một ngày đến Ba-ke-de." -Thưa Hiên giả, Ba-tư-nặc, vua xứ Câu-tát-la trả lời câu hỏi của quân thân như vậy. Cũng vậy, thưa Hiên giả, vì giới thanh tinh nên tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên tri kiến được thanh tịnh, vì tri kiến thanh tịnh nên nghi cái được thanh tịnh, vì nghi cái thanh tinh nên đạo phi đạo tri kiến được thanh tịnh, vì đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh nên đạo tích tri kiến được thanh tịnh, vì đạo tích tri kiến thanh tinh nên đạo tích đoạn trí được thanh tịnh, vì đạo tích đoạn trí thanh tịnh nên đức Thế Tôn giảng dạy Vô dư Niết-bàn. Bay giờ, Ton giả Xá-lê-tư hỏi Ton giả Man Từ Tư: -Tôn hiệu của Hiền giả là gì? Các người Phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào? Ton gia Mãn Tư Tử tra lơi răng: Thân phụ tôi tên Mãn, thân mẫu tôi tên Từ; do đó5 các Phạm hạnh gọi tôi là Mãn Từ Tử. * Tôn giả Xá-lê-tử tán thán rằng: Lành thay, lành thay! Hiền giả Mãn Từ Tử là đệ tử của đức Như Lai, những gì phải làm, những điều trị biện, thảy đều thông minh, quyết định, an lạc, vô úy, thành tựu chế ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn

cam lồ, trong cõi cam lô tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an tru; những điêu này khi đem hỏi Hiền giả thảy đều được trả lời bằng những ý nghĩa vô cùng sâu xa. Cho nên,



Hiền giả Mãn Từ Tử, những người Phạm hạnh sẽ được nhiều lợi ích nếu gặp được Hiền giả Mãn Từ Tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Những người Phạm hạnh nên quấn y lên đầu mà đội Hiền giả Mãn Từ Tử để được nhiêu lợi ích. Nay tôi cũng được nhiêu lợi ích, tùy thời mà thăm viêng, tùy thời mà lễ bái. Ton giả Mãn Từ Tử hỏi Ton giả Xa-lê-tử: Hiền giả tôn hiệu là gì? Các Phạm hạnh gọi Hiền giả như thế nào? Tôn giả Xá-lê-tử trả lời rằng: -Tôi tự là Ưu-ba-đề-xá, thân mẫu tôi tên Xá-lê nên những người Phạm hạnh gọi tôi là Xá-lê-tử. Tôn giả Mãn Từ Tử tán thán rằng: - Hôm nay tôi được bàn luận với đệ tử đức Thế Tôn mà không biết, cùng với bậc Đệ nhị tôn luận bàn mà không biết nhau, cùng với vị Pháp tướng luận bàn mà không biết, cùng với bậc đệ tử chuyển lại pháp luân đã chuyển luận bàn mà không biết. Nếu tôi biết ngài là Tôn giả Xá-lê-tử thì tôi đã không thể trả lời nổi một câu, huống gì lại bàn luận sâu xa như thế. Lành thay, lành thay! Tôn giả Xá-lê-tử, ngài là đệ tử đức Như Lai, những điều cần phải làm, những điều trị biện, thảy đêu thông minh, quyêt đinh, an ôn, vô úy, thành tựu chê ngự, đạt đến đại biện tài, được phướn cam lồ, trong cối cam lồ tự mình đã chứng ngộ, thành tựu và an trú. Tôn giả đã hỏi những điều này rất sâu xa, rất sâu xa! Tôn giả Xá-lê-tử9 các Phạm hạnh sẽ được lợi ích lớn nếu gặp Tôn giả Xá-lê-tử, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Nay tôi cũng được nhiều lợi ích, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Các người Phạm hạnh phải quấn y trên đầu mà đội Tôn giả Xá-le-tử để được nhiều lợi ích. Nay tôi cũng được nhiều lọi 11, tùy thời mà thăm viếng, tùy thời mà lễ bái. Hai vị Hiền giả khen ngợi nhau như vậy, cùng khen ngợi nhau như vậy rồi hoan hỷ phụng hành và từ chô ngôi đứng dậy, trở vê chô nghỉ của mình.

10. KINH LẬU TẬN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa ở Câu-lâu-sấu5 tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Do tri, do kiến mà các lậu tận diệt chứ không phải do không tri, không kiến. Sao gọi là do tri, do kiến mà các lậu tận diệt? Do có chánh tư duy và không chánh tư duy. Nếu không chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liên tăng trưởng. Nêu có chánh tư duy thì dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã sanh liền tiêu diệt. Nhưng người phàm phu ngu si, không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết pháp như thật. Nêu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Vì không biết pháp như thật, do đó pháp không nên niệm lại niệm, pháp nên niệm lại không niệm. Vì pháp không nên

niệm lại niệm và pháp nên niệm lại không niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Thánh đệ tử đa văn được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, biết Thánh pháp, điều ngự Thánh pháp, biết pháp như thật. Nếu không có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ phát sanh, đã phát sanh liền tăng trưởng. Nếu có chánh tư duy, dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Khi đã biết như thật về các pháp, pháp không nên niệm sẽ không niệm, pháp nên niệm liên niệm. Vì pháp không nên niệm thì không niệm và pháp nên niệm liền niệm nên dục lậu chưa sanh sẽ không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt; hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh thì không phát sanh, đã phát sanh liền tiêu diệt. Có bảy pháp đoạn trừ lậu, phiền não, buồn rầu. Những gì là bảy? Hữu lậu được đoạn bởi kiến, hữu lậu được đoạn bởi hộ, hữu lậu được đoạn bởi ly, hữu



lậu được đoạn bởi dụng, hữu lậu được đoạn bởi nhẫn, hữu lậu được đoạn bởi trừ, hữu lậu được đoạn bởi tư duy. Thế nào là hữu lậu được đoạn trừ bởi kiến? Kẻ phàm phu ngu si không nghe Chánh pháp, không được gặp bậc chơn tri thức, không biết Thánh pháp, không điều ngự Thánh pháp, không biết như thật về pháp. Vì không có chánh tư duy nên suy nghĩ thế này: "Ta có đời quá khứ hay ta không có đời quá khứ? Do nhân gì ta có đời quá khứ và ta có đời quá khứ như thế nào? Ta có đời vị lai hay ta không có đời vị lai? Do nhân gì ta có đời vị lai và ta có đời vi lai như thế nào? Tự nghi thân ta là gì? Nó là thế nào? Nay chúng sanh này từ đâu mà đến và sẽ đi về đâu? Trước kia do nhân gi mà có và sẽ do nhân gì mà c6?” Người kia khởi tư duy không chánh như vậy roi, trong sáu tà kiến, tùy theo đó, một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật có ngâư Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Quả thật không c6 ngâL” Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Ngã thấy là nga.99 Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Ngã thấy là phi ngây Hoặc một tà kiến khởi lên cho rằng: "Không phải ngã thấy là ngâL" Một tà kiến khởi lên cho rằng: "Chính ngã ấy có thể nói, có thể biết, có the hành động, có thể sai hành động, có thể đứng dậy, có thể sai đứng dậy, sanh vào nơi này, nơi kia, thọ lãnh thiện báo, ác báo, quyết không từ đâu đến, quyết không phải đã có, quyết không phải sẽ c6.” Đó là tệ tập của tà kiến. Bị tà kiến lay động, bị kiết sử tà kiến buộc chặt, kẻ phàm ngu si vì thế mà phải bi sanh, già, bệnh, chết. Đa văn Thánh đệ tử được nghe Chánh pháp, gặp bậc chơn tri thức, biết Thánh pháp, điều ngự Thánh pháp, biết như thật về pháp, biết như chơn về khổ, biết khổ tập, biết khổ diệt và biêt như chơn về kho diệt đạo. Biết như thật như thế rồi, ba kiết sử tận trừ. Khi ba kiết sử, thân kiến, giới thủ, nghi đã trừ hết, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa lạc ác pháp, chắc chắn thẳng tiến đến chánh giác, thọ sanh tối đa bảy đời trong nhân gian hay thiên thượng. Sau bảy lần qua lại, liền chứng đắc khổ tế. Nếu không có tri kiến thì phát sanh phiền não, buồn rầu; có tri kiến thì không phát sanh phiền não, buồn rầu. Đó là hữu lậu được đoạn bởi kiến. Hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ là gì? Này Ty-kheo, khi mắt thấy sắc, nếu có phòng hộ nhãn căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bất tịnh vậy; nếu không phòng hộ nhãn căn thì sẽ do khônẹ

chánh tư duy mà quán tinh; nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buôn; nêu có phòng hộ thì không sanh phiên não, ưu buồn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân hay ý biết pháp mà có phòng hộ ý căn thì sẽ do chánh tư duy mà quán bát tịnh; nêu không phòng hộ ý căn thì sẽ do không chánh tư duy mà quán tịnh; nếu không phòng hộ thì sanh phiền não, ưu buồn; nếu có phòng hộ thì không sanh phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi hộ. Hữu lậu được đoạn trừ bởi ly la gì? Này Ty-kheo, khi thấy voi dữ thì nên xa lánh; ngựa dữ, trâu dữ, chó dữ, rắn độc, đường hiểm, hầm hố, nhà tiêu, sông ngòi, suối sâu, núi dốc, ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung



ác, nơi cư trú hung dữ; hoặc ở chung một chỗ với các người Phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ thì nên xa lánh. Là Tỳ-kheo5 phải nên xa lánh ác tri thức, ác bằng hữu, ác ngoại đạo, làng mạc hung ác5 nơi cư trú hung dữ, hoặc ở chung một chỗ với các người Phạm hạnh, người không nghi ngờ mà khiến nghi ngờ, hãy nên xa lánh tất cả, nếu không xa lánh thì sẽ sanh khởi phiền não, ưu sầu, nếu xa lánh thì không phát sanh phiền não, ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi ly. Hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng là gì? Này Tỳ-kheo, khi thọ dụng y phục, chẳng phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà vì muỗi mòng, gió mưa, lạnh nóng và vì hổ thẹn. Khi thọ dụng đồ ăn uống, chẳng phải vì mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để mập béo mà vì để làm cho thân thể ở đời lâu dài mà diệt trừ phiền não, ưu buồn, vì để thực hành Phạm hạnh, vì muôn cho bệnh cũ tiêu trừ đừng sanh bệnh mới và vì đê sông lâu an ổn9 không bệnh hoạn. Khi thọ dụng nhà cửa, phòng xá, giường nệm, ngọa cụ, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, chẳng phải để trang sức mà chỉ đe lúc mệt mỏi có nơi an nghỉ, để có nơi tĩnh tọa. Khi thọ dụng thuốc thang, không phải để mưu lợi, chẳng phải để kiêu hãnh, không phải để mập béo mà chỉ đê trừ bệnh hoạn, đê điêu hòa mạng căn, đê an ôn không bệnh. Nêu không thọ dụng những thứ ây thì sẽ sanh phiên não, ưu sâu, còn thọ dụng thì không sanh phiền não, ưu sầu. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi dụng. Hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn là gì? Này Tỳ-kheo, hãy tinh tấn đoạn ác và bất thiện, tu tập thiện pháp. Thường khởi tưởng, chuyên tâm tinh cần. Thân thể, da, thịt, gân, xương, máu, tủy thà để khô kiệt tất cả chứ không bỏ tinh tấn, phải đạt được mục đích mong muốn mới xả sự tinh tấn. Này Tỳ-kheo, lại nên chịu đựng sự đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, ruồi, bọ chét, chấy; dù mưa gió hay mặt trời bức bách, bị lời dữ, bị đánh đập cũng đều có thể nhẫn chịu được; dù thân mang bệnh tật rất là đau đớn đến nỗi gần muốn tuyệt mạng và những điều không thể ưa vui được; tất cả đều chịu đựng được. Nếu không nhẫn chịu thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; nếu nhẫn chịu được thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi nhẫn. Hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ là gì? Này Tỳ-kheo, nếu sanh khởi dục niệm mà không trừ đoạn hay xả ly; sanh nhuê niệm, hại niệm mà không đoạn trừ, xả ly thì sanh khởi phiền não, ưu buồn; nếu trừ diệt thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi trừ. Hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy là gì? Này Tỳ-kheo9 hãy tư duy về giác chi thứ nhát là niệm, y ly, y vô dục, y diệt tận, thăng đên xuât yêu; trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định cho đến tư duy về giác chi thứ bảy là xả, y ly, y vô dục, y diệt tận, thăng đên xuât yêu. Nêu không tư duy thì

sanh khởi phiên não, ưu sầu; còn có tư duy thì không sanh khởi phiền não, ưu buồn. Đó là hữu lậu được đoạn trừ bởi tư duy.

44 KINH TRƯNG A-HÀM

Nếu có thầy Tỳ-kheo nào phải đoạn hữu lậu bởi kiến thì vị ấy dùng kiến để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi hộ thì dùng hộ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi ly thì dùng ly để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi dụng thì đem dụng để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi nhẫn thì dùng nhẫn để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi trừ thì dùng trừ để đoạn; phải đoạn hữu lậu bởi tư duy thì dùng tư duy để đoạn. Đó là vị Tỳ-kheo đã đoạn trừ tất cả lậu, đã giải trừ các kiết sử, có thể bằng chánh trí mà chứng đắc khổ tê. Đức Phật dạy như thế, các vi Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

11. KINH VÍ DỤ HẠT MUỐI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Tùy theo nghiệp sở tác của mỗi người mà thọ lay quả báo của mình. Như vậy5 nếu không thực hành Phạm hạnh thì không dứt hết khổ được. Nếu nói như vậy: "Tùy theo nghiệp sở tác của mỗi người mà thọ lấy quả báo của minh.” Như vậy, nếu tu hành Phạm hạnh thì tận diệt được khổ. Vì sao như vậy? Giả sử CÓ người tạo nghiệp bát thiện, tát phải thọ quả báo khô sở ở địa ngục. Thê nào là người tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở ở địa ngục? Nghĩa là, nếu có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Ví như có người đem một lạng muối bỏ vào một chút nước, muốn làm cho nước mặn, không thể uống được. Các thầy nghĩ sao? Một lạng muối đó có thể làm cho một ít nước mặn, không thể uống được chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Vì sao thế? Vì muối nhiều, nước ít nên có thể làm cho mặn, không thể uống được. —Cũng vậy, nêu có người tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở ở địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo kho sở ở địa ngục. Lại nữa, có người tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở ở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bát thiện tất phải thọ quả báo kho sở ở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong đời hiện tại. Cũng như có người đem một lạng muối bỏ vào sông Hằng, muốn làm cho nước măn, không thể uống được. Các thầy nghĩ sao? Một lạng muối đó lại có thể làm cho nước sông Hằng mặn, không thể uống được chăng? -Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì nước song Hằng rất nhiều mà một lạng muối thì quá ít; do đó, không thể làm mặn đến nỗi không uống được.

46 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật dạy: Cũng vậy, có n^ười tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở ở trong đời hiện tại. The nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng

rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong đời hiện tại. Lại nữa, có người tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Ví như, có người đoạt lấy con dê của người khác. Thế nào là có người đoạt lấy con dê của người khác? Nghĩa là, người đoạt dê ấy, hoặc là vua hay quan, có nhiều uy thế; n^ười chủ dê kia thì nghèo hèn, yêu đuôi. Kẻ ây bát lực nên van lơn đủ cách, chăp tay cầu xin, nói như thế này: "Thưa Tôn giả, mong ngài trả dê lại hoặc trả tiền dê cho t°i!" Đó là có người đoạt lấy dê của kẻ khác. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ngay trong hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu tâm, tu giới, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở ở trong hiện tại. Cũng như có người tuy trộm dê của kẻ khác nhưng chủ dê đến đoạt lấy lại. Thế nào là có người tuy lấy trộm dê của kẻ khác nhung chủ dê tới đoạt lấy lại? Nghĩa là, người trộm dê nghèo hèn, cô thế; còn người chủ dê kia hoặc vua hay quan có rất nhiều uy lực, vì có uy lực nên bắt trói người lấy trộm và đoạt dê lại. Đó là có người tuy trộm dê của kẻ khác nhung chủ đoạt bắt trở lại. Cũng như vậy, có người tạo nghiệp bất thiện chắc chắn sẽ thọ quả báo khổ sở ở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Lại nữa, có người tạo nghiệp bát thiện tát phải thọ quả báo khô sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Cũng như có người nợ kẻ khác năm tiền bị chủ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bi chủ bắt trói. Thế nào là người nợ kẻ khác năm tiền bị chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói?



Nghĩa là, người mắc nợ kia nghèo và không có thế lực; nệười kia vì nghèo và cô thế nên nợ kẻ khác năm tiền liền bị chủ nợ bắt trói, cho đên chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Đó là người nợ kẻ khác năm tiền bi chủ nợ bắt trói, cho đến chỉ nợ một tiền cũng bị chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo kho sở trong địa ngục? Nghĩa là, có một người không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu huệ, thọ mạng rất ngắn. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện, tất phải thọ quả báo khổ sở trong địa ngục. Lại nữa, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo

khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ? thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Cũng như có người tuy mắc nợ một trăm tiền nhưng không bị chủ nợ bắt trói, cho đến ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói. Thế nào là có người tuy mắc nợ một trăm tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bị chủ nợ bắt trói? Nghĩa là, n^ười mắc nợ có vô lượng tài sản và thế lực rát lớn, người ấy nhờ vậy nên tuy mác nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bắt trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng khônệ bị chủ nợ bắt trói. Đó là người tuy mắc nợ trăm tiền vẫn không bị chủ nợ bát trói, cho đến nợ ngàn vạn tiền cũng không bi chủ nợ bắt trói. Cũng vậy, có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Thế nào là có người tạo nghiệp bất thiện tất phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại? Nghĩa là, có một người tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, thọ mạng rất dài. Đó là có người tạo nghiệp bất thiện chắc chắn phải thọ quả báo khổ sở trong đời hiện tại. Người ấy ở trong đời hiện tại cho dù thọ nghiệp báo thiện hay ác, vẫn thơ thới như vậy. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

12. KINH HÒA-PHÁ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Thích-cơ-sấu9 nước Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni- câu-loại. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cùng với đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ ngọ thực, vì có việc phải làm nên tập hợp, ngôi ở giảng đường. Lúc bây giờ, Ni-kiền có một đệ tử thuộc dòng họ Thích tên là Hòa-phá, sau giờ ngọ ung dung r #5 Ae \ r : . đên chô Mục-kiên-liên5 cùng chào hỏi roi ngôi sang một bên. Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên hỏi vê việc này: -Này Hòa-phá, ý ông nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, ông có thây vị ây nhân đó mà sanh khởi lậu bát thiện, khiến phải đi đến đời sau chăng? Hòa-phá trả lời rằng: Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này5 tôi thấy rằng vị ấy vì thế mà sanh khởi lậu bất thiện khiến phải đi đến đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai ở đời trước thực hành hạnh bất thiện; người ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau.

. LÚC đó, đức Thê Tôn đang an tọa nơi văng vẻ, băng 9 9y thiên _nhĩ thanh tinh, • siêu việt hãn mọi người nên nghe Tôn giả Đại Mục-kiên-liên và Thích-hòa-phá, đệ tử Ni-kiên cùng bàn luận như trên. Đức Thê Tôn nghe xong, vào lúc xê trưa ây, từ nơi ngôi nghỉ, đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ và ngồi trước đại chúng Tỳ-kheo. Sau khi ngồi, đức The Tôn hỏi: Này Đại Mục-kiền-liên, vừa rồi ông cùng đệ tử Ni-kiền là Thích-hòa-phá bàn luận vê việc gì? Lại có việc gì mà tập hợp, ngôi tại giảng đường này? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa: Bạch The Tôn, hôm nay con cùng đại chúng Tỳ-kheo, sau giờ ngọ thực, vì có việc phải làm nên tập hợp tại giảng đường và Thích-hòa-phá, đệ tử Ni-kiền, sau giờ ngọ ung dung đi đến chỗ con, cùng chào hỏi nhau rồi lui ngồi một phía. Con hỏi thế này: "Y Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý; trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau chng?" Thích-hòa-phá, đệ tử Ni-kiền liền trả lời với con răng: "Giả sử có vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khâu, ý; trong trường hợp này, tôi

thây vị ây nhân đó mà sanh khởi lậu bát thiện, khiên phải đi đên đời sau. Này Đại Mục-kiền-liên, giả sử có ai đời trước thực hành hạnh bất thiện; người ấy do đó sanh khởi lậu bất thiện khiến phải đi đến đời sau." Bạch đức Thế Tôn, vừa rồi con cùng Thích-hòa-phá, đệ tử Ni-kiền, bàn luận như vậy, do việc đó mà ngồi tập hợp tại giảng đường. Lúc đó, đức Thế Tôn bảo Thích-hòa-phá, đệ tử Ni-kiền rằng: -Nếu những gì Ta nói là đúng, ông nên trả lời là đúng; nếu không đúng, Ông nên trả lời là không đúng. Ong có điêu gì nghi ngờ thì nên hỏi Ta như vây: "Sa-môn Cù-đàm9 điều này có sự gì? Điều này có nghía gi?" Tùy những điều Ta nói mà ông có thể chấp nhận được thì Ta với ông có thể cùng bàn luận điều ấy. Hòa-phá trả lời: Sa-môn Cù-đàm? nếu điều Ngài nói là đúng, tôi sẽ nói đúng; nếu không đúng, tôi sẽ nói không đúng; nêu có điêu nào nghi ngờ, tôi sẽ hỏi Cù-đàm: "Thua Cù-đàm, điều này có sự gì? Điều này có nghĩa gi?" Tùy theo những điều Sa-môn Cù-đàm nói, tôi chấp nhận vậy, Sa-môn Cù-đàm hãy cùng bàn luận việc ây. Đức Thế Tôn hỏi: Ý Hòa-phá nghĩ sao? Giả sử có vi Tỳ-kheo sanh khởi thân hành bất thiện, lậu, phiền não, tru bi. Vị kia sau đó diệt trừ thân hành bất thiện, không tạo lại những nghiệp mới, vất bỏ nghiệp cũ, tức thì ngay trong đời hiện tại5 liền chứng được cứu cánh, không còn phiền não, thường trụ bất biến; đó là chỗ thấy của trí tuệ bậc Thánh, chỗ biết của trí tuệ bậc Thánh. Nếu thân hành bất thiện, khẩu hành bất thiện, ý hành bất thiện, vô minh hành lậu, phiền não và ưu sầu; người kia sau đó diệt trừ vô minh hành bất thiện, tạo những nghiệp mới, vất bỏ nghiệp cũ, ngay trong đời này, liền chứng được cứu cánh, không còn phiền não, thường trụ bất biến, đó là chỗ thấy của trí tuệ bậc Thánh, chỗ biết của trí tuệ bậc Thánh. Thế nào, này Hòa-phá, vi Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý nghiệp như vậy trong trường hợp này, ông có thấy vị ấy nhân đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đến đời sau chăng? Hòa-phá trả lời: - Thưa Cù"đàm5 giả sử co vị Tỳ-kheo thủ hộ thân, khẩu, ý như vậy, trong trường hợp này, tôi không thấy vị ấy do đó mà sanh khởi lậu bất thiện, khiến phải đi đen đời sau. Đức Thế Tôn khen: Lành thay, Hòa-phá! Thế nào, này Hòa-phá? Nếu có vị Tỳ-kheo vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị ấy vô minh đã dứt, minh đã sanh khởi, có cảm giác vê hậu thân thì biêt là mình có cảm giác vê hậu thân, có cảm giác vê hậu mạng thì biết là mình có cảm giác về hậu mạng, khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã két thúc, tức ngay trong đời này tát cả mọi cảm giác đêu dứt sạch,



tự biết rằng sẽ đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa-phá, cũng như thân cây mà có bóng, giả sử có người mang búa thật bén đến chặt đứt rễ cay, chặt nát ra thành mười phần, hoặc thành trăm phàn, đem lửa đốt thành tro rồi hoặc bi gió thổi hay mang đổ vào nước. Ý Hòa-phá nghĩ sao? Bóng nhân cây mà c6, bóng ấy do đó mà mất hẳn cái nhân của nó nên tuyệt diệt không còn sanh nữa chăng? Hòa-phá trả lời: - Đúng như thế, thưa Cù-đàm! Này Hòa-phá? nên biết vị Tỳ-kheo cũng lại như vậy, vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi. Vị kia vô minh đã dứt hết, minh đã sanh khởi, có cảm giác hậu thân liền biết mình có cảm giác hậu thân, khi có cảm giác hậu mạng liền biết mình có cảm giác hậu mạng, khi thân hoại mạng chung, tuổi thọ đã kết thúc, tức ngay trong đời này tất cả mọi cảm giác đều chấm dứt, tự biết đi đến chỗ lãnh đạm hoàn toàn. Này Hòa-phá, vi Tỳ-kheo có tâm giải thoát như vậy liền được sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ đó

là gì? Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo mắt thấy sắc mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hòa-phá, vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy đó gọi là được trụ xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Này Hba-phá, vi Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy gọi là được trụ xứ thiện thứ sáu. Vị Tỳ-kheo chánh tâm giải thoát như vậy thì được sáu trụ xứ thiện này. Hòa-phá bạch:  Đúng như vậy, thưa Sa-môn Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy, được ở sáu trụ xứ thiện. Sáu trụ xứ là những gì? Thưa Cù-đàm? đa văn Thánh đệ tử, khi mat thây sac không hỷ, không ưu, xả câu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy gọi là trụ xứ thiện thứ nhất. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp mà không hỷ, không ưu, xả cầu, vô vi, chánh niệm, chánh trí. Đúng như thế, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy gọi là trụ xứ thiện thứ sáu. Như vậy, thưa Cù-đàm5 đa văn Thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như vậy được sáu trụ xứ thiện này. Bấy giờ, Hòa-phá lại bạch đức Thế Tôn: -Bạch đức Cù-đàm9 con đã biết! Bạch đức Thiện Thệ, con đã hiểu! Bạch đức Cù-đàm9 cũng như người có mắt sáng, cái gì bị úp thì lật lên, cái gì bị che đậy thì giở ra, đối với người mê thì chỉ đường, trong chỗ tối thì cho ánh sáng để ai có mắt thì thấy có màu sắc; Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy, vì con mà dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp và hiển hiện nghĩa lý Tỳ-kheo đạo thậm thâm. Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc5 kê từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đen khi mạng chung! Bạch The Tôn, cũng như có người nuôi con ngựa dở mà mong có lợi ích, uổng phí sự kho nhọc của mình mà vẫn



không thu được lợi ích. Bạch đức Thê Tôn, con cũng như vậy, Ni-kiên ngu si kia không khéo hiểu rõ, không thể giải biết, không biết được ruộng tốt mà con không tự xét vẫn mải miết thờ phụng, cúng dường, lễ bái, mong được lợi ích, nhưng chỉ luống khổ nhọc. Bạch Thế Tôn, con nay lần thứ hai xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đen khi mạng chung! Bạch The Tôn, con vốn không biết nên đối với Ni-kiền ngu si mà có tín, có kinh, từ nay dứt hẳn. Vì sao thế? Vì phỉnh gạt con vậy. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba, xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà- tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết giảng như vậy, Thích-hòa-phá và các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

13. KINH ĐO Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: -Có ba độ xứ khác tánh, khác danh, khác tông, khác thuyết; nghĩa là người có trí tuệ, khéo nhận lãnh, khéo ghi nhớ để nói cho người khác, nhimg không thu được lợi ích. Những gì là ba? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi của con người đều do túc mạng đinh sẵn." Lại có Sa-môn9 Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi con người đều do đấng chủ tể định đoạt sẵn.” Lại có Sa-môn9 Phạm chí thấy

như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên. ở đây, nếu có Sa-mon, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi của con người đều do túc mạng định đoạt", Ta liền đến nơi người kia, đên roi liên hỏi: -Này chư Hiên, quả thật các người thây như vây, nói như vây: "Tát cả hành vi của con người đều do túc mạng định đoạt sẵn,9 chăng? Người kia trả lời rằng: -Thật vậy! Ta lại nói với người kia rằng:  Nêu quả thật như vậy, các người là những kẻ sát sanh cả. Vì sao thê? Bởi tát cả đêu do túc mạng đinh đoạt săn. Cũng vậy, này chư Hiên, các người đêu là những người trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đêu do túc mạng đinh đoạt săn. Này chư Hiên, nêu đôi với kiên chập răng tát cả đều do túc mạng đinh đoạt sẵn mà cho là như thật thì ở trong nội nhân, những điều nên hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phươnẹ tiện. Này chư Hiên, nêu đôi với điêu nên làm và không nên làm, mà không biêt như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn được. 9 9 r Nói như vậy mới có thê dùng lý đê khuất phục các Sa-môn9 Phạm chí kia. ở đây, nếu có Sa-môn9 Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi đều do đấng chủ tể định đoạf\ Ta liên đi đến chỗ người kia, đến rồi liền hỏi:



-Này chư Hiên, có quả thật răng các người thây như vây, nói như vây: “Tát cả hành vi của con người đêu do đang chủ tê định đoạt sW chăng? Người kia trả lời:  Thật vậy! Ta lại nói với người kia: -Nếu đúng vậy thì các người đều là những người sát sanh cả. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều do đấng chủ tể định đoạt sẵn. Cũng vậy, này chư Hiền, các người đều là những người trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tát cả đêu do đang chủ tê định đoạt săn. Này chư Hiên, nêu đôi với những người chấp rằng: "Tất cả đều do đấng chủ tể định đoạt san^ mà cho là như thật thì ở trong nội nhân, những điều nên làm hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với những điều nên hay không nên làm mà không biết như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh 9

trí, không có cách nào có thê giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn. Nói như vậy mới có thể dùng lý khuất phục được các Sa-môn9 Phạm chí kia. ở đây, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi của con người đêu vô nhân, vô duyên”Ta liên đi đên chô người kia, đen roi liên noi: -Này chư Hiền, có quả thật rằng các người thấy như vầy, nói như vầy: "Tất cả hành vi của con người đều vô nhân, vô duyên,9 chăng? Người kia trả lời:  Thật vậy! Ta lại nói với người kia:  Nếu quả thật như vậy, các người đều là những kẻ sát sanh. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều vô nhân, vô duyên. Cũng vậy, này chư Hiền, các người đều là những kẻ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến. Vì sao thế? Bởi vì tất cả đều VÔ nhân, vô duyên. Này chư Hiên, nêu đôi với người có kiên chập răng: "Tát cả đều vô nhân, vô duyên” mà cho là như thật thì ở trong nội nhân, điều nên làm hay không nên làm, hoàn toàn không có ý dục, không có phương tiện. Này chư Hiền, nếu đối với điều nên làm hay không nên làm mà không biết như thật thì sẽ mất chánh niệm, không có chánh trí, không có cách nào khả dĩ giáo hóa đúng theo pháp của Sa-môn. Nói như vậy mới có thê dùng lý khuất phục được các

Sa-môn5 Phạm chí kia. Những gì Ta tự tri, tự giác và Ta nói cho các thầy biết, dù là Sa-môn5 Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác đều không thể khuất phục được, không thể làm cho nhơ uế được, không thể chế phục được. Thế nào là những gì Ta tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết mà không thể bị Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác có thể khuất phục được, có thể

13. KINH ĐỘ^ 55

r 9 jF

làm cho nhơ uê được và có thê chê phục pháp được? Đó là pháp sáu xứ mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thây biêt mà không thê bị Sa-môn, Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài the gian khác có the khuất phục được. Lại có pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết mà không thể bị Sa-môn5 Phạm chí hay Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác có thể khuất phục được, có thể làm cho nhơ uế được và có thể chế phục được. Thế nào là pháp sáu xứ mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết? Đó là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Đó là pháp sáu xứ Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết. Thế nào là pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết? Đó là địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Đó là pháp sáu giới mà Ta đã tự tri, tự giác và nói cho các thầy biết. Do sáu giới hòa hiệp nên sanh thai nhi; nhân sáu giới mà có sáu xứ; nhân sáu xứ mà có xúc; nhân xúc mà có thọ. Này các Tỳ-kheo, nếu ai giác ngộ, liền biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tap, biết như thật về khổ diệt, biết như thật về khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thù nghịch mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà chia ly là khổ, cầu mong mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm xí thạnh kho. Đó là như thật ve kho. Thế nào là biết như thật về khổ tập? Tức là do ái này mà thọ hữu trong tương lai, cùng với lạc dục, mong cầu hữu ở nơi này hay nơi kia. Đó là biết như thật về khổ tập. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Do ái này mà thọ hữu trong tương lai, cùng với lạc dục, mong cầu hữu ở nơi này hay nơi kia; tất cả như vậy đã đoạn trừ, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật về khổ diệt đạo? Đo là tám chi Thánh đạo: Chánh kiến... chánh định là tám. Đó là biết như thật về khổ diệt đạo. Tỳ-kheo nên biết như thật về khổ, nên đoạn khổ tập, nên tác chứng khổ diệt, nên tu khổ diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về khổ, đoạn khổ tập, tác chứng khổ diệt, tu khổ diệt đạo thì đó là vị Tỳ-kheo đã tận trừ tất cả lậu, giải trừ các kiết, có thể bằng chánh trí chứng đắc khổ tế. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

14. KINH LA-VÂN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả La-vân cũng ở tại thành Vương Xá, trong rừng ôn Tuyền. Lúc đó, đức Thế Tôn sau đêm, vào buổi bình minh, khoác y, cầm bát đi vào thành Vương Xá để khất thực. Khất thực xong, Ngài đi đến rừng ôn Tuyền, trú xứ của Tôn giả La-vân. Tôn giả La-vân từ đàng xa thấy đức Phật đi đến, lập tức đến rước, cầm y bát của đức Phật, trải tọa cụ và múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi nơi tòa của La-vân. Khi đó, đức Thế Tôn liền lấy chậu nước đô ra một ít, roi hỏi:  Ong có thây Ta câm chậu nước này đô ra một ít nước không? Tôn giả La-vân trả

lời: - Bạch Thế Tôn, con có thấy! Phật bảo Tôn giả La-vân:  Ta nói đạo của người kia cũng ít như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người kia cũng không có điều ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được cười giỡn và nói dôi. Đức Thế Tôn lấy lại cái chậu còn một ít nước, đổ hết ra rồi hỏi:  Này La-vân, ông có thấy Ta cầm cái chậu còn một ít nước ấy đổ hết ra ngoài không? La-vân trả lời:  Con có thấy, bạch Thế Tôn! Phật bảo rằng:  Này La-vân, Ta nói rằng đạo của những người kia cũng mất hết như vậy, nghĩa là đã biết rồi còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thê này: Không được cười giỡn và nói dôi. Đức Thế Tôn lại cầm chậu nước trống không úp xuống đất rồi hỏi: -Này La-vân, ông có thấy Ta cầm chậu nước trống không này úp xuống đất không?



La-vân trả lời: - Con có thấy, bạch Thế Tôn! Phật bảo: -Này La-vân, Ta nói rằng đạo của người kia cũng bị lật úp như vậy, nghĩa là đã biết rồi mà còn nói dối mà không xấu hổ, không ăn năn, không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được cười giỡn và nói dối. Đức Thế Tôn lại cầm chậu nước lật ngửa lên rồi hỏi:  Này La-vân, ông có thây Ta câm cái chậu nước úp này ngửa lên không? Tôn giả La-vân trả lời: -Con có thấy, bạch Thế Tôn! Đức Phật bảo Tôn giả La-vân:  Ta nói răng đạo của người kia lại cũng ngửa lên như vậy, nghĩa là đã biêt rồi còn nói dối mà vẫn không xấu hổ, không ăn năn5 không tàm, không quý. Này La-vân, người ấy cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được cười giỡn và nói dối. Cũng như nhà vua có thớt voi lớn, khi xông vào trận chiên đâu thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng chỉ giữ gìn chiếc vòi; tượng sư thấy vậy rồi suy nghĩ như thế này: "Thớt voi lớn của nhà vua vẫn còn tiếc mạng song." Vì sao thế? Vì thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiên đâu thì dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, tất cả đều dùng chỉ gìn giữ chiếc vòi. Này La-vân, nếu thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến dấu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, dâu, trán, tai, ngà, vòi đem dùng tát cả; tượng sư thây như vậy roi liên suy nghĩ như thế này: "Thớt voi lớn của nhà vua không còn tiếc mạng sống nữa.99 Vì sao thê? Thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiên đâu, dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, trán, tai, ngà, vòi, tất cả đều đem dùng. Này La-vân, nếu thớt voi lớn khi xông vào trận giặc chiến đấu mà dùng cả chân trước, chân sau, đuôi, bộ xương, xương sống, hông, đầu, . r n -i v í-  e trán, tai, ngà, vòi, tát cả đêu đem dùng; này La-vân, Ta nói răng thớt voi lớn của nhà vua khi xông vào trận giặc chiến đau, không có việc dữ nào mà không làm. Cũng vậy, này La-vân? đã biết rồi còn nói dối, không hổ thẹn, không ăn năn, không tàm, không quý; này La-vân, Ta nói rằng người kia cũng không có việc ác nào mà không làm. Do đó, này La-vân, nên học như thế này: Không được cười giỡn và nói dối. Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng rằng: Kẻ nào phạm một pháp, Pháp đó là nói dối, Thì không sợ đời sau, Không chừa sự dữ nào.

Thà nuốt viên sát cháy, Bi nóng như lửa đỏ, Chứ không nên phạm giới, Mà nhận đời cúng thí. Nếu lo sợ khổ sở, Thì không nên niệm ái, ở nơi chỗ sáng, tối, Chớ nên tạo nghiệp ác. Nếu các nghiệp bất thiện, Đã làm, nay đang làm, Thì trọn không thoát được, Và cũng không chỗ tránh. Đức Phật nói bài tụng rồi, lại hỏi: Này La-vân, ông nghĩ thê nào, người ta dùng gương đê làm gì? Tôn giả La-vân trả lời: Bạch Thế Tôn, để nhìn xem khuôn mặt sạch hay không sạch. Cũng vậy, này La-vân, nêu ông sáp làm thì hãy quán sát thân nghiệp ây rằng: "Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Tự mình làm hay vì người khác?" Này La-vân, nêu khi quán sát như vậy thì biêt răng: "Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp kia tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nêu đó là bất thiện thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ b5o." Này La-vân, ông nên bỏ thân nghiệp sap làm ây đi. Này La-vân, nêu khi quán sát như vậy thì biết rằng: “Ta sắp làm thân nghiệp, thân nghiệp kia bất tinh, tự mình làm hay . r e : r r VÌ người khác. Nêu đó là nghiệp thiện thì nó đưa đên lạc quả và sự thọ lây lạc báo." Này La-vân, ông hãy châp nhận thân nghiệp săp làm ây. Này La-vân, nếu ông đang tạo thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp ấy rằng: "Ta đang làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy tịnh hay bất tịnh? Tự mình làm hay vì người khác?" Này La-vân, khi quán sát như vậy thì biết rang: "Ta đang làm thân nghiệp, thân nghiệp này là tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ bao?9 Này La-vân, ông nên bỏ thân nghiệp đang làm ây đi. Này La-vân, nêu khi quán sát như vậy thì biết rằng: "Ta đang làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy là bất tinh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc b^o." Này La-vân5 ông nên chấp trì thân nghiệp đang làm ấy. Này La-vân, nếu ông đã làm một thân nghiệp, hãy quán sát thân nghiệp kia rằng: “Ta đã làm một thân nghiệp, thân nghiệp kia đã đi qua, đã diệt tận, đã biến dịch, nó là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác?,, Này La-vân, nêu khi quán sát như vậy thì biêt răng: "Ta đã làm thân nghiệp, thân nghiệp đã đi qua, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp kia là tịnh, tự mình hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo." Này La-vân5 ông nên đi đến nơi người Phạm hạnh, thiện tri thức, đối với thân nghiệp đã tạo ây chí tam phát lo, xin ăn năn loi lam, can thân không che giau, rồi lại phải khéo giữ gìn. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy, tất biết rằng: "Ta đã làm thân nghiệp, thân nghiệp ấy đã đi qua, diệt tận, biến dịch, thân nghiệp ấy bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác; nếu đó là thiện thì sẽ đưa



đến lạc quả và sự thọ lấy lạc báo"; này La-vân, ông nên ngày đêm vui mừng, an trú chánh niệm, chánh trí. Khẩu nghiệp cũng lại như vậy. Này La-vân, nếu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, hãy quán sát ý nghiệp ây răng: "Nêu nhân việc làm trong quá khứ nên đã sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy tinh hay bất tịnh, là tự mình làm hay vì người khác?" Này La-vân, nêu khi quán sát như vậy, tát biêt răng: "Nhân việc làm trong quá khứ mà sanh ra ý nghiệp, ý nghiệp ấy đã đi qua, diệt tận, biến dịch, ý nghiệp ấy tịnh, tự mình hay vì người khác. Nếu đó là bất thiện thì nó đưa đến khổ quả

và sự thọ lấy khổ báo." Này La-vân, ông nên bỏ ý nghiệp trong quá khứ ấy đi. Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy5 tất biết rang: "Nhân việc làm trong quá khứ mà đã sanh ra trong ý nghiệp đã lui về quá khứ, diệt tận, biến dịch, ý nghiệp ấy bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc bao.^ Này La-vân, ông nên chấp trì ý nghiệp quá khứ ấy. Này La-vân, nhân việc làm trong vi lai nên sẽ sanh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy: "Nếu nhân việc làm trong vi lai nên sẽ sanh ý nghiệp, ý nghiệp ấy là tịnh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác." Này La-vân, nếu khi quán sát như vậy thì biết rằng: "Nhân việc làm trong vị lai nên sẽ sanh ý nghiệp, ý nghiệp ây tịnh, hoặc tự mình làm hay vì người khác. Nêu đó là bát thiện thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo.” Này La-van, ông nên xả bỏ ý nghiệp đó trong vị lai đi. Này La-vân, nếu khi quán sát biết rằng: "Nhân việc làm trong vị lai sẽ sanh ý nghiệp, ý nghiệp đó bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ lấy lạc bAo." Này La-vân, ông nên chấp trì ý nghiệp đó trong vị lai. Này La-vân, nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, hãy nên quán sát ý nghiệp ấy rằng: "Nếu nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tinh hay bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác.” Này La-vân, nếu khi quán sát biết rằng: "Nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy tịnh, tự mình làm hoặc vì người khác. Nếu đó là bất thiện thì nó đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo." Này La-vân, ông nên xả Q . . . 9 r -v T • > bỏ ý nghiệp trong hiện tại ây đi. Này La-vân, nêu khi quán sát biêt răng: "Nhân việc làm trong hiện tại nên đang sanh khởi ý nghiệp, ý nghiệp ấy bất tịnh, tự mình làm hay vì người khác. Nếu đó là thiện thì nó đưa đến lạc quả và sự thọ M , A , e l • /\ . • . lây lạc báo." Này La-vân, ông nên châp trì ý nghiệp hiện tại ây. Này La-vân, nêu trong quá khứ đã có những vị Sa-môn5 Phạm chí hoặc Bà- la-môn tạo nghiệp thân, khẩu, ý đã quán sát rồi lại quán sát nữa, đã thanh tịnh lại thanh tịnh hơn. Tất cả những vị ấy ngay nơi nghiệp, thân, khẩu, ý của mình quán rồi lại quán nữa, đã thanh tịnh lại thanh tinh hơn. Này La-vân, nếu trong vi lai sẽ có những VỊ Sa-môn, Phạm chí hoặc Bà-la- môn tạo nghiệp thân, khâu, ý sẽ quán sát roi lại quán sát nữa, sẽ thanh tịnh lại



thanh tịnh hơn. Tát cả những vi ây ngay nơi nghiệp thân, khâu, ý của mình quán sát rồi lại quán sát nữa, sẽ thanh tinh rồi thanh tịnh hơn. Này La-vân, nếu trong hiện tại, có những vị Sa-môn, Phạm chí hoặc Bà- la-môn tạo nghiệp thân, khâu, ý đang quán sát roi lại quán sát nữa, đang thanh tịnh roi lại thanh tịnh hơn. Tát cả những vị ây ngay nơi nghiệp thân, khâu, ý của mình đang quán sát rồi lại quán sát nữa, đang thanh tịnh rồi lại thanh tịnh hơn. Này La-vân9 ông nên học như thê. Chính Ta cũng ngay nơi thân, khâu, ý nghiệp của Ta đang quán sát rồi lại quán sát nữa, đang thanh tinh rồi lại thanh tịnh hơn. Lúc đó, đức Thế Tôn lại nói bài kệ rằng: Thân nghiệp và khẩu nghiệp, Ý nghiệp, này La-vân, Pháp thiện hay bất thiện, Ông hãy thường quán sát. Đã biết còn nói dối, Này La-vân, đừng nói; Vốn sống theo người khác, Sao lại dám nói dối? Pháp Sa-môn bi úp, Trống không, không chân thật, Đó chính là nói dối, Không giữ gìn miệng mình. Cho nên không nói dối, Là con bậc Chánh giác, Đó là pháp Sa-môn, La-vân hãy

nên học. Nơi nơi vui, sung túc, An ổn, không sợ hãi, La-vân muốn đến đó? Đừng làm hại người khác. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả La-vân và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

15. KINH Tư Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: -Nêu kẻ nào cô ý tạo nghiệp, Ta nói răng kẻ ây phải thọ quả báo, hoặc thọ ngay trong đời hiện tại, hoặc thọ vào đời sau. Nếu tạo nghiệp mà không cố ý? Ta nói rằng người ấy chắc chắn không thọ quả báo. ở đây, thân cố ý tạo ba nghiệp bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ khổ báo. Miệng có bốn nghiệp, ý có ba nghiệp bất thiện đưa đến khổ quả, thọ khổ báo. Những gì là ba nghiệp do thân cố tạo, bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ khổ báo? Một là sát sanh: Quá hung dữ, uống máu, cứ muốn sát hại, không thương xót chúng sanh cho đên loài côn trùng. Hai là không cho mà lây: Đăm trước tài vật của kẻ khác với ý muôn trộm căp. Ba là tà dâm: Người kia đôi với con gái có cha gìn giữ, hoặc được mẹ gìn giữ, hoặc được anh em gìn giữ, hoặc được cô cậu gìn giữ, hoặc được người thân thuộc gìn giữ, hoặc được người cùng dòng họ gìn giữ, hoặc đoi với những phụ nữ khác bi đe dọa bằng hình phạt hay roi vọt, hoặc đã được thuê, hoặc đã hứa hôn, cho đến chỉ mới nhận tràng hoa làm tin; nếu chính mình xúc phạm tới những người nữ như vậy. Đó là ba nghiệp do thân cô ý tạo bát thiện đưa đên khô quả và sự thọ lây khô báo. Những gì là bôn nghiệp do miệng cô ý tạo bát thiện đưa đên khô quả và sự thọ lấy khổ báo? Một là nói dối: Người kia, hoặc ở giữa đám đông, hoặc ở trong quyến thuộc, hoặc ở tại vương gia, nếu có ai kêu người ấy mà hỏi rằng: "Ngươi có biết thì n6i", nhưng người ấy không biết nói biết, biết mà nói không biêt, không thây nói thây, thây nói không thây, vì minh, vì người, hoặc vì của cải, biết rồi mà lại nói dối. Hai là nói hai lưỡi: Muốn ly gián người khác nên nghe nơi người này đem nói lại với người kia vì muốn phá hoại người này, nghe nơi người kia đem nói lại người này vì muốn phá hoại người kia, những kẻ hợp nhau muốn cho ly tán, những kẻ đã ly tán lại muốn cho xa rời để kết bè đảng. Ba là nói thô ác: Người ấy nếu có nói nang gì thì lời lẽ thô tục, hung bạo, tiếng dữ trái tai, không ai ưa nôi5 không ai mến nôi, làm cho người khác khổ não, khiến cho không được định tâm, nói lời như vậy. Bốn là nói thêu dệt: Người ấy nói không đúng lúc, nói không thành thật, nói lời không đúng nghĩa, nói lời không đúng pháp, nói lời không tịch tĩnh, lại còn khen ngợi sự không tịch tĩnh, trái



ngược thời gian, không khéo dạy dỗ, không khéo la mắng. Đó là bốn nghiệp do miệng cố ý tạo bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo. Những gì là ba nghiệp do cố ý tạo bất thiện đưa đến khổ quả và sự thọ lấy khổ báo? Đó là tham: Rình mò của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác, thường tham lam, ước muôn sao cho được vê của mình. Hai là sân nhuê: Trong ý ôm lòng oán ghét, nghĩ rằng: "Chúng sanh kia đáng giết, đáng trói, đáng bắt, đáng loại bỏ? đáng đuổi di, mong cho kẻ kia thọ khổ vô lượng.99 Ba là tà kiến, sở kiến điên đảo: Thấy như vầy, nói như vầy: "Không có bố thí, không có trai phước, không có chú thuyết, không có nghiệp thiện ác và nghiệp báo thiện ác, không có đời này và đời sau, không có cha mẹ, trên đời này không có bậc chân

nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua cõi này, khéo hướng đến đời này hay đời sau, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú." Đó là ba nghiệp do ý cố tạo bất thiện đưa đến khổ quả, thọ lấy khổ báo. Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện của thân, tu thân thiện nghiệp; xả bỏ nghiệp bất thiện của miệng và ý, tu thiện nghiệp miệng và ý. Đa văn Thánh đệ tử đầy đủ giới đức tinh tấn như vậy, thành tựu tinh nghiệp nơi thân, đầy đủ tịnh nghiệp nơi miệng và y, lia sân nhuế, lìa não hại, từ bỏ ngủ nghí, không trạo cử và cống cao, đoạn nghi, vượt kiêu mạn, chánh niệm, chánh trí, không còn ngu si; tâm vi ấy đi đôi với từ, rải khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bôn phương và bôn góc trên dưới, rải kháp tát cả, tâm đi đôi với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Người kia suy nghĩ rằng: "Tâm ta xưa kia vốn nhỏ hẹp, không khéo tu; tâm ta nay quảng đại vô lượng, khéo tu tap." Đa văn Thánh đệ tử với vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân ác tri thức, vì đã phóng dật mà tạo tác nghiệp bất thiện; nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ, hoặc trai hoặc gái, vừa sanh ra liền có thể tu hành từ tâm giải thoát; về sau thân, khẩu và ý có còn tạo những nghiệp bất thiện nữa chăng? Các Tỳ-kheo thưa:  Bạch Thế Tôn, không the! Vì sao vậy? Tự mình không tạo ác nghiệp thì ác nghiệp ấy do đâu mà sanh?  Do đó, người tại gia và xuất gia, nam hay nữ thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia và xuất gia, nam hay nữ ấy tu từ tâm giải thoát thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: "Ta vốn vì buông lung mà tạo nghiệp bất thiện, tất cả có thê thọ báo trong đời này chứ không đê đên đời sau nữa?9 Nêu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn người ấy sẽ chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa. Cũng vậy, tâm bi và hỷ tương ứng với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại vô lượng, vô biên, khéo tu tập, rải khắp tất cả thế gian, thành tựu và

15. KINH Tư  65

an trú. Người ấy suy nghĩ như vầy: “Tâm ta trước vốn nhỏ hẹp, không khéo tu tập; tâm ta nay rộng lớn vô lượng, được khéo tu tap.” Đa văn Thánh đệ tử với tâm vô lượng, khéo tu tập như vậy, nếu trước kia nhân ác tri thức mà đã phóng dật và tạo nghiệp bất thiện, nay những thứ ấy không thể lôi kéo, không thể làm cho ô uế, không còn đi theo nữa. Giả sử có một trẻ thơ trai hay gái vừa sanh ra liên có thê thực hành xả tâm giải thoát, vê sau thân, khâu, ý có còn tạo tác những nghiệp bất thiện nữa chăng? Tỳ-kheo trả lời:  Bạch Thế Tôn, không the! Vì sao vậy? Tự mình không tạo ác nghiệp thì ác nghiệp do đâu mà sanh?  Do đó9 người tại gia và xuất gia, nam hay nữ thường phải siêng tu xả tâm giải thoát; nếu những người tại gia và xuất gia, nam hay nữ kia mà tu xả tâm giải thoát, sẽ không còn mang thân này đi đên đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vầy: "Ta vốn buông lung tạo nghiệp bất thiện, tất có thể thọ báo trong đời này chứ không để đến đời sau nữa.^ Nêu có người thực hành xả tâm giải thoát, rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, chắc chắn chứng quả A-na-hàm hay là chứng cao hơn. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

16. KINH GIÀ-LAM Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Già-lam viên cùng đại chúng Tỳ-kheo đến Cơ-xá-tử, trụ trong vườn Thi-nhiếp-hòa phía Bắc thôn Cơ-xá-tử. Bấy giờ, những người Già-lam ở Cơ-xá-tử nghe đồn Sa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, đã từ giã dòng họ Thích, xuất gia học đạo, đang du hóa tại Già- lam viên cùnệ đại chúng Tỳ-kheo đến Cơ-xá-tử này, trụ trong rừng Thi-nhiếp- hòa ở phía Bác thôn Cơ-xá-tử. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, truyền khắp mười phương rằng: "Sa-môn Cù-đàm là bậc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này giữa chư Thiên và Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú. Vi ấy nếu có thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu gặp được đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường, thờ kính thì sẽ rất được thiện lợi. Chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái cúng đường." Những người Già-lam ở Cơ-xá-tử nghe như vậy, mỗi người cùng với quyến thuộc của mình kéo nhau đến Cơ-xá-tử, đi về phía Bắc, tới rừng Thi-nhiếp-hòa, họ muốn gặp đức The Ton đe le bai, cung dương. Đi đến chỗ Phật ngự, những người Già-lam ấy hoặc có người cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chào hỏi đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người chắp tay hướng đến đức Phật rồi ngồi sang một bên, hoặc có người từ đàng xa thấy đức Phật rồi im lặng ngồi xuống. Lúc đó, những người Già-lam đều đã ngồi yên, đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu tâm hoan hỷ, Ngài ngồi im lặng. Bấy giờ, những người Già-lam sau khi đã được đức Phật thuyết pháp, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, họ thảy đều từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo, trịch vai bên hữu, chắp tay hướng đến đức Phật rồi bạch Thế Tôn: Thưa Cù-đàm, có một vi Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam viên chỉ tự khen ngợi tri kiên của mình mà chê bai tri kiên của người khác. Thưa Cù-đàm? lại có một vị Sa-môn, Phạm chí đi đến Già-lam viên cũng chỉ tự khen ngợi tri



kiến của mình mà chê bai tri kiến của người khác. Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghe như vậy, liền sanh ngờ vực: “Những vi Sa-môn, Phạm chí ấy, vị nào thật, vị nào hu?" Đức Thế Tôn dạy: Này các người Già-lam, các người chớ sanh ra ngờ vực. Vì sao vậy? Vì nhân có ngờ vực liền sanh ra do dự. Này các người Già-lam, các người vốn không có tịnh trí đê biêt có đời sau hay không có đời sau. Này các người Già- lam, các người cũng không có tinh trí để biết điều đã làm có tội hay không có tội. Này các người Già-lam, nên biết các nghiệp vốn sẵn có ba tập nhân. Những gì là ba? Này các người Già-lam, tham là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Này các người Già-lam, nhuế và si là tập nhân sẵn có của các nghiệp. Này các người Già-lam, người có tham thì bị tham che lâp, tâm không yêm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lay, hoặc hành tà dâm, hoặc biết roi nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có nhuế thì bị nhuế che lấp, tâm không yểm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có si thì bị si che lấp, tâm

không yểm túc, hoặc sát sanh, hoặc không cho mà lấy, hoặc hành tà dâm, hoặc biết rồi nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc sát, đoạn trừ việc sát; vứt bỏ đao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Những vị ấy, đối với việc sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc không cho mà lấy, đoạn trừ việc không cho mà lấy; chỉ lấy của được cho, vui trong việc lấy của đã được cho, thường ưa sự bố thí, vui vẻ, không keo kiết, không mong người kia đền trả. Những vi ấy, đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự phi Phạm hạnh, đoạn trừ những việc phi Phạm hạnh; siêng tu Phạm hạnh, siêng tu diệu hạnh, thanh tịnh, không uế, ly dục, đoạn dâm. Những vị ấy, đối với việc phi Phạm hạnh, tắm đã tinh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói dối, đoạn trừ sự nói dối; nói lời chân thật, ưa thích sự chân thật, an trú nơi sự chân thật không di động; tất cả những điều vị ấy nói đều đáng tin, không lừa gạt thế gian. Những vị ấy đối với sự nói dối, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa sự nói hai lưỡi, đoạn trừ việc nói hai lưỡi; thực hành hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại kẻ khác, không nghe nơi người này nói lại với người kia muốn phá hoại người này, không nghe nơi người kia nói lại với người này vì muốn phá hoại người kia, đối với những người xa lìa nhau thì muốn kết hợp lại, thấy người kết hợp lại thì vui vẻ, không kết bè đảng, không ưa việc bè đảng, không khen việc bè đảng. Những vị ấy, đối với việc nói hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ.

16. KINH GIÀ-LAM  69

Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa việc nói thô ác, đoạn trừ việc nói thô ác; nếu có nói những lời mà từ khí thô bạo, âm thanh hung dữ, trái tai, mọi người không vui, mọi người không tra, làm cho người khác kho não, làm cho họ không được yên ổn; vi ấy đoạn trừ những lời như vậy. Nếu có nói lời gì thì hòa nhã, dịu dàng, xuôi tai, đi vào lòng người, đáng thích, đáng yêu, làm cho người kia an lạc, âm thanh vừa đủ rõ ràng, không làm cho người kia sợ sệt, làm cho người kia được yên ổn, vị ấy nói những lời như vậy. Những vị ấy, đối với việc thô ác, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt; nói đúng lúc, nói đúng sự thật, nói vê pháp, nói vê nghĩa, nói vê tịch tĩnh, ưa nói về tịch tĩnh, hợp việc, hợp thời, thích nghi, khéo dạy dỗ, khéo quở rầy. Những vị ấy, đối với việc nói lời thêu dệt, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa các tham lam, đoạn trừ tham lam; không ôm lòng não hại5 thấy của cải và các nhu cầu sinh sống của người khác, không nóng lòng tham lam, muốn cho được về mình. Những vi ấy, đối với việc tham lam, tâm đã tinh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa giận dữ, đoạn trừ giận dữ5 có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tát cả, cho đên loài côn trùng. Những vị ấy, đối với việc ghét giận, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến; thực hành chánh kiên, không điên đảo, thây như vây, nói như vây: “C6 sự bô thí, có sự trai phước và cũng có chú thuyết, có thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này đời sau, có cha, có mẹ, trên đời có những bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua cõi này, khéo hướng đến đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú." Những vị ấy, đối

với tà kiến, tâm đã tịnh trừ. Này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử thành tựu tinh nghiệp nơi thân, thành tựu tinh nghiệp nơi khẩu và ý? xa lìa nhuế, xa lìa não hại, trừ bỏ ngủ nghí, không trạo cử, cống cao, đoạn trừ nghi, vượt qua mạn, chánh niệm, chánh trí, không có ngu si; tâm vi kia tương ứng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cũng vậy, trong hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, cùng khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an tru; cũng vậy, tâm bi, hỷ tương ứng với xả, không thù, khôn^ oán, không sân nhuế, không não hại, rất rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, này các người Già-lam? đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, liền được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn? Nếu có đời này đời sau, có nghiệp báo thiện ác; khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, ta thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh các cõi trời. Như vậy, này các



người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ nhất. Lại nữa, này các người Giàlam, không có đời này đời sau, không có nghiệp báo thiện ác. Như vậy, ở ngay trong đời này, không phải do cớ ấy mà ta bị người kia chê bai, nhtrng lại được bậc chánh trí khen ngợi là người tinh tấn, là người có chánh kiến. Như vậy, này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ hai. Lại nữa, này các người Già-lam, nêu có tạo tác, chác chăn ta không tạo ác, vì không niệm ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác? kho do đâu sanh? Như vậy, này các người Giàlam, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ ba. Lại nữa, này các người Già-lam, nếu có tạo tác, chắn chắn ta khônệ tạo ác, vì ta không xâm phạm đời sợ hay không sợ, thương nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với thế gian, không vân đục, hân hoan. Như vậy, này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại; đó là trụ xứ an ổn thứ tư. Như vậy, này các người Già-lam, đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là bốn trụ xứ an ổn. Các người Già-lam bạch Phật: Thật như vậy, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không não hại, sẽ được bốn trụ xứ an ổn. Những gì là bốn? Nếu có đời này đời sau, có nghiệp báo thiện ác; khi ta đã được nghiệp tương ứng với chánh kiến này rồi, thọ trì đầy đủ, thân hoại mạng chung chắc chắn sanh đến thiện xứ cho đến sanh lên các cõi trời. Nhu vậy, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử tam không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ nhất. Lại nữa, thưa Cù-đàm, nếu không có đời này đời sau, không có nghiệp báo thiện ác, ngay trong đời này, không phải do cớ ấy mà ta bi người kia chê bai nhưng lại được bậc chánh trí khen ngợi là người tinh tấn, là người có chánh kiến. Như vậy, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ hai. Lại nữa, thưa Cù-đàm, nếu có tạo tác, chắc chắn ta không tạo ác. Vì sao vậy? Vì tự mình không tạo ác, khổ do đâu sanh? Như vậy, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán,

không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ ba. Lại nữa, thưa Cù-đàm? nêu có tạo tác, chác chăn ta không tạo ác, vì ta không xâm phạm đời sợ hay không sợ, thường nên thương xót tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp với thế gian, không vẩn đục, hân hoan. Như vậy, thưa Cù- đàm, đa văn Thánh đệ tử tâm không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại; đó là được trụ xứ an ổn thứ tư.



Như vậy, thưa Cù-đàm, đa văn Thánh đệ tử tâm không kết, không oán, không sân hận, không não hại; đó là được bôn trụ xứ an ôn. Thưa cti-dàm, chúng con đã biết! Bạch Thiện Thệ, chúng con đã hiểu! Bạch Thế Tôn, chúng con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận chúng con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyêt như vậy, tát cả các người Già-lam và các vị Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

17. KINH CA-DI-NI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại vườn Na-nan-đà, trong rừng Tương-thôn-nại. Bấy giờ, vị trời A-tư-la có người con là Ca-di-ni, sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ; lúc đêm gân vê sáng, đi đên nơi đức Phật, cúi lạy dưới chân đức Phật roi ngôi sang một bên. Ca-di-ni, con trời A-tư-la bạch Phật răng: - Bạch đức Thế Tôn, các người Phạm chí tự cao ngạo ngang bằng trời. Họ cho rằng, nếu có chúng sanh nào mạng chung, họ có thể làm cho tự do qua lại các thiện xứ, sanh lên cõi trời. Đức Thế Tôn là đấng Pháp Chủ, mong đức Thế Tôn làm cho chúng sanh khi mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời! Đức Thế Tôn dạy: Này Ca-di-ni, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiêu biêt của ông mà trả lời. Này Ca-di-ni? ý ông nghĩ thê nào, nêu trong thôn áp hoặc có người nam, nữ biêng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: Sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến; người ấy khi mạng chung, nếu có một số người đến chắp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nói như thế này: uCác người nam hoặc nữ, các người biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: Sát sanh, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi cho đên tà kiên; các vị nhân việc này, duyên việc này, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời." Như vậy, này Ca-di-ni, những người nam hay nữ biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: Sát sanh, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi cho đên tà kiên; có thê nào vì được một số người đến chắp tay hướng về họ mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ấy, duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung, họ lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cối trời không? Ca-di-ni thưa: - Không thể được, bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: Đúng thế, Ca-di-ni! Vì sao thế? Những người nam hay nữ kia biếng nhác, không siêng năng, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại nghiệp đạo bất thiện: Sát sanh, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi cho đên tà kiên; nêu được một sô người đên chăp tay hướng vê họ mà kêu gọi, van lơn, nhân việc ây,



duyên việc ấy mà lúc thân hoại mạng chung, họ lại được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; việc đó không thể có. Này Ca-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa có vực nước

sâu, nơi đó có một người ôm một tảng đá lớn và nặng ném vào trong nước, nêu có một sô người đến chắp tay hướng về tảng đá mà kêu gọi, van lơn, nói như thế này: “Mong tảng đá nổi lên! Mong tảng đá nổi len!^ Này Ca-di-ni, ông nghĩ thế nào? Tảng đá lớn nặng đó có thê nào vì được một sô người chăp tay hướng vê nó khen ngợi, cầu xin, nhân việc đó, duyên việc đó mà sẽ nổi lên không? Ca-di-ni trè lời: - Không thể được, bạch đức Thế Tôn!  Cũng vậy, này Ca-di-ni, những người nam hay nữ kia biếng nhác, không tinh tấn, lại thực hành ác pháp, thành tựu mười loại đạo nghiệp bất thiện: Sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến; nếu được một số người đên chăp tay hướng vê họ mà kêu gọi5 van lơn, nhân việc đó? duyên việc đó mà lúc thân hoại mạng chung, họ được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; điều ấy không thể có được. Vì sao thế? Bởi vì mười loại nghiệp đạo bất thiện này vốn dèn, có quả báo đen, tự nhiên đi thẳng xuống, chắc chắn đến ác xứ. Này Ca-di-ni, ông nghĩ thê nào, nêu như trong thôn áp hoặc có người nam hay nữ tinh tấn siêng tu, lại thực hành Diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Người ấy khi mạng chung, nêu có một sô người đên chăp tay hướng vê người đó mà kêu gọi, van lơn, nói như thê này: "Này các người, nam hoặc nữ, các người đã tinh tân siêng tu, lại thực hành Diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Các người nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục!99 Này Ca-di-ni, ông nghĩ thê nào? Các người nam hoặc nữ kia tinh tân siêng tu, lại thực hành Diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giêt, đoạn trừ việc giêt, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi cho đên xa lìa tà kiên, đoạn trừ tà kiên, được chánh kiên; có thể nào vì bị một số người đến chắp tay hướng về người đó kêu gọi, van lơn, nhân việc đỏ, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung họ phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục không? Ca-di-ni trả lời: - Không thể được, bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn khen: r  Đúng thê, Ca-di-ni! Vì sao vậy? Này Ca-di-ni, những người nam hay nữ kia siêng năng tinh tấn, lại thực hành Diệu pháp, thành tựu mười nghiệp đạo thiện, xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết, không cho mà lấy, tà dâm, nói doi cho



đên xa lìa tà kiên, đoạn trừ tà kiên, được chánh kiên; nêu được một sô người chắp tay hướng về người đó mà kêu gọi, van lơn, nhân việc đó, duyên việc đó mà khi thân hoại mạng chung hãy đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục; điều này không thể có. Vì sao vậy? Này Ca-di-ni? bởi vì mười nghiệp đạo thiện này là  • :  r r -l • /K trăng, có quả báo trăng, tự nhiên thăng lên, chác chăn đên thiện xứ. Này Ca-di-ni, cũng như cách thôn không bao xa có vực nước sâu, nơi đó CÓ người đem hũ dâu bỏ quăng vào nước nên bê ra, sành cặn chìm xuông, dâu bơ noi lên trên. Cũng vậy, này Ca-di-ni, những người nam hay nữ kia tinh tan siêng tu, lại thực hành Diệu pháp, thành tựu mười đạo nghiệp thiện, xa lìa việc giêt, đoạn trừ việc giêt, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi cho đên xa lìa tà kiên, đoạn trừ tà kiến, được chánh kiến. Ngườd ấy khi mạng chung, thân thể là sắc thô nặng, thuộc về bốn đại, do cha mẹ sanh, nuôi lớn bằng cơm áo, chống dựa khi

ngồi nằm, chăm sóc bằng tắm gội, là pháp phá hoại, là pháp diệt tận, là pháp ly tán. Sau khi mạng chung, hoặc chim quạ rỉa mổ, hoặc hùm sói ăn, hoặc bị đốt, ỉ e * / hoặc bị chôn; tát cả trở thành cát bụi; tâm, ý, thức của người ây thường được huân tập bởi tín, bởi tinh tấn, bởi đa văn, bố thí, trí tuệ; người ấy nhân việc đó, duyên việc đó mà tự nhiên thăng lên cao, sanh đến thiện xứ. Này Ca-di-ni, người ấy đối với việc sát sanh đã xa lìa việc giết, đoạn trừ việc giết; đó là con đường viên quán, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Này Ca-di-ni, cũng vậy, đối với sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối cho đến tà kiến, xa lìa tà kiến, được chánh kiến; đó là con đường viên quán, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Này Ca-di-ni, lại có con đường viên quán, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Thế nào là con đường viên quán, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ? Đó là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Này Ca-di-ni, đó là con đường viên quán, con đường thăng tấn, con đường thiện xứ. Đức Phật thuyết như vậy, Ca-di-ni và các vị Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

M

18. KINH Sư TỬ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Tỳ-xá-ly, Cao Lâu Đài quán bên bờ Di-hầu. Bấy giờ, một số đông Lệ-xế ở Tỳ-xá-ly tụ họp ở thính đường, một số xưng tán Phật, một số xưng tán Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền cũng ở trong chúng đó. Bấy giờ, đại thần Sư Tử muốn đến thăm viếng đức Phật để cúng dương, lễ bái. Đại thần Sư Tử trước hết đi tới các vị Ni-kiền, thưa với các vị Ni-kiền:  Thưa chư Tôn, tôi muốn thăm viếng Sa-môn Cù-đàm! Tức thì các Ni-kiền quở Sư Tử rằng: - Ông chớ đến thăm Sa-môn Cù-đàm! Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng giảng cho mọi người về pháp không nên làm. Này Sư Tử, nêu thăm viêng người có tông chỉ không nên làm sẽ không được may măn; cúng dường, lê bái cũng sẽ không được may măn. Nhóm đông Lệ-xế ở Tỳ-xá-ly kia, lần thứ hai, rồi lần thứ ba tụ tập nơi thính đường, một số ximg tán Phật, một số xưng tán Pháp và chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, đại thần Sư Tử, đệ tử Ni-kiền cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba ở trong chúng đó. Bấy giờ, đại thần Sư Tử cũng lần thứ hai, rồi lần thứ ba muốn đến thăm viếng đức Phật để cúng dường, lễ bái. Đại thần Sư Tử không cáo từ các Ni-kiền nữa mà đi thẳng đến chỗ đức Phật, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên và nói: -Tôi nghe rằng Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm giảng cho người khác. Thưa Cù-đàm, nếu có người nói như vầy: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm giảng cho người khác." Người đó há không hủy báng Sa-môn Cù-đàm chăng? Người ấy có nói sự thật chăng? Người ấy nói có đúng pháp chăng? Người ây nói pháp như pháp chăng? Đôi với như pháp, người ây không có sai lầm và không bị chỉ trích chăng? Đức Thế Tôn trả lời:  Này Sư Tử, nếu có ai nói như vầy: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm giảng cho mọi ngườiy Người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ây nói sự thật, người ây nói đúng pháp, người ấy nói như pháp, đối với pháp không có sai lầm, cũng không bị chỉ trích.

Vì sao vậy? Này Sư Tử, có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm ấy nói cho người khác.,, Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sam6n Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm ấy nói cho người khác.,? Này Sư Tử, lại có một sự kiện nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt nói cho người khác." Này Sư Tử, có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 66Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tang o và cũng đem pháp khả tang ố ấy nói cho người kh§c.” Này Sư Tử, lại có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa.m6n Cù-đàm có tông chỉ Pháp, Luật và cũng đem Pháp, Luật ấy nói cho người khác.” Này Sư Tử, lại có một sự kiện khác nữa mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: 6íSa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh nói cho người khác?9 Này Sư Tử, lại có một sự kiện mà nhân sự kiện đó5 đối với pháp như thật, không the hủy báng rang: "Sam6n Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai nói cho người khác.” Này Sư Tử, lại có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn nói cho người khC.” Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó? đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sam6n Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem tông chỉ không nên làm nói cho người khác?" Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh là không nên làm, khẩu và ý ác hạnh cũng không nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đấy là cội gốc của sự hữu trong tương lai, là nhân của kho báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả pháp ấy đều không nên làm. Này Sư Tử, đó là một sự kiện mà nhân sự kiện đỏ, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không nên làm và cũng đem pháp không nên làm nói cho người khác.” Này Sư Tử, thê nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó5 đôi với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm nói cho người khác?" Này Sư Tử, Ta nói thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh cũng nên làm. Này Sư Tử, nếu có vô lượng thiện pháp tương tự như vậy thì chúng sẽ mang lại lạc quả, được thọ lạc báo, sanh về thiện xứ và được sống lâu. Này Sư Tử, Ta nói tất cả những pháp này đều nên làm.

18. KINH SU TỬ  79

Này Sư Tử, đó là có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ nên làm và cũng đem pháp nên làm nói cho người khác." Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện khác mà nhân sự kiện đó? đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác?" Này Sư Tử, thân ác hạnh nên đoạn diệt, khâu và ý ác hạnh cũng nên đoạn diệt. Này Sư Tử, nêu có vô lượng pháp ô uê, bát thiện tương tự như vậy thì đây là cội góc cho sự hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, Ta nói tất cả pháp đó

nên đoạn diệt. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân Sự kiện đó đôi với pháp như thật, không thê hủy báng răng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ đoạn diệt và cũng đem pháp đoạn diệt ấy nói cho người khác." Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tang ố và cũng đem pháp khả tang ố ấy nói cho người khác?" Này Sư Tử, Ta nói thân ác hạnh nên tang 6, khẩu và ý ác hạnh cũng nên tang ố. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đấy là cội gốc cho sự hữu trong tương lai, làm nhân cho khổ báo phiền nhiệt và cho sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, những pháp ấy Ta nói đều nên tang ố. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó? đôi với pháp như thật, không thê hủy báng răng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ khả tang ố và cũng đem pháp khả tang ố nói cho người khác.^, Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ Pháp, Luật và cũng đem Pháp, Luật ấy nói cho người khác?" Này Sư Tử, vì mục đích đoạn tham dâm mà Ta nói Pháp, Luật, vì mục đích đoạn sân nhuế và ngu si mà Ta nói Pháp, Luật. Này Sư Tử, nếu có vô lượng pháp ô uế, bất thiện tương tự như vậy thì đấy là cội gốc của sự hữu trong tương lai, là nhân của khổ báo phiền nhiệt và của sanh, già, bệnh, chết. Này Sư Tử, vì mục đích đoạn trừ những sự kiện ấy mà Ta nói Pháp, Luật. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện d6, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ Pháp, Luật và cũng đem tông chỉ Pháp, Luật ây nói cho người khác." Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-m6n Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp kho hạnh nói cho người khác?" Này Sư Tử, hoặc có Sa-môn9 Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc dùng tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục, hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước băng gáo, không ăn đô ăn xóc xỉa băng đao gậy, không ăn đô ăn lừa dối, không tự mình đến, không gởi tin di, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý, không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người thứ hai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có lang



xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước giấm, hoặc không uống gì cả, hoặc không uống, hoặc ăn một miếng và cho một miêng là đủ? hoặc ăn hai, ba, bôn cho đên bảy miêng và cho bảy miêng là đủ, hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ, hoặc ăn bởi hai. ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ, hoặc ngày ăn một lần và cho một lần ăn là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ, hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nép tuê, hoặc ăn cám, hoặc ăn đậu dâu-la, hoặc đô ăn thô, hoặc đến rừng vắng, nương nơi rừng vang, hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rụng xuống, hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có soi lỗ, hoặc mặc da toàn soi lỗ, hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, 7 J -í 2 - 9 o /K 9

hoặc chỉ nhô tóc, hoặc chỉ nhô râu, hoặc nhô cả râu tóc, hoặc chỉ đứng thăng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trái, lây trái làm giường, hoặc thờ nước ngày đêm lây tay vọc, hoặc thờ lửa ngày đêm đốt lên, hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn Hựu, Đại Dức, chắp tay hướng vê. So như vậy thì phải chiu vô lượng khô đê học hạnh phiên lao. Này Sư Tử, có những khổ hạnh như vậy, chớ Ta chẳng nói là không có. Này Su Tử, nhimg những khổ hạnh như vậy là những nghiệp hạ tiện, rất khổ, rất khốn là do sự thực hành của người phàm phu, không phải Thánh đạo. Này Sư Tử, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với các pháp khổ hạnh ấy, biết đoạn diệt 9 r ĩ Xe y r và nhô đứt tuyệt tát cả góc rê của chúng đên rót cùng, không cho sanh ra. Ta nói rằng những người kia là khổ hạnh. Này Sư Tử, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với các pháp khổ hạnh ấy, đã đoạn trừ, đã diệt tận, nhổ đứt tuyệt tát cả góc rê của chúng đên rót cùng, không cho sanh ra nữa; do đó, Ta là người khổ hạnh. Này Sư Tử, đó có sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: uSa-môn Cù-đàm có tông chỉ khổ hạnh và cũng đem pháp khổ hạnh ấy nói cho người kMc." Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: C6Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai ấy nói cho người khác?" Này Sư Tử, nếu có Sa- môn, Phạm chí đối với sự thai sanh trong tương lai mà biết đoạn trừ, diệt tận, 9 r r  r r • nhô đứt tuyệt tát cả góc rê của nó cho đên rót cùng, không cho sanh ra nữa. Ta nói rằng, người kia không còn vào thai. Này Sư Tử, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác đôi với thai sanh trong tương lai, đã biêt, đã đoạn trừ, đã diệt tận, nhổ đứt tuyệt gốc rễ của chúng cho đến rốt cùng, không cho sanh ra nữa; do đó, Ta không còn vào thai nữa. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ không vào thai và cũng đem pháp không vào thai đó nói cho người khác.”

18. KINH SU TỬ  81

Này Sư Tử, thế nào là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó? đối với pháp như thật, không thể hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an on nói cho người khác?" Này Sư Tử, có một thiện nam tử nào đó cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục đích thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ở ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Ta tự an ổn và cũng an ổn cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưubàtắc, ưu-bà-di khác. Ta đã an ổn và làm cho chúng sanh lệ thuộc sự sanh được gi thoát sự sanh ấy; chúng sanh lệ thuộc sự già, tật bệnh, sự chét, ưu sâu, nhiêm ô được giải thoát khỏi sự ưu sầu, nhiễm ô ấy. Này Sư Tử, đó là có một sự kiện mà nhân sự kiện đó, đoi với pháp như thật, không the hủy báng rằng: "Sa-môn Cù-đàm có tông chỉ an ổn và cũng đem pháp an ổn nói cho người khác." Đại thần Sư Tử thưa:  Bạch Cù-đàm, con đã biết! Bạch Thiện Thệ, con đã hiểu! Bạch Cù-đàm, cũng như người tỏ mt, cái gì úp thì giở lên, cái gì che kín thì mở ra, chỉ đường cho người mê, ban sự sáng đến chỗ tối, nếu người nào có mắt sáng liền thấy màu sắc, Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, bằng vô lượng phương tiện để thuyết pháp cho con, bày rõ nghĩa lý tùy theo các

xu hướng. Bạch Cù-đàm? nay con xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức The Tôn nhận con làm xru-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Bạch Thế Tôn, cũng như có người nuôi một con ngựa chứng mà mong được sự lợi ích, chỉ uổng công nhọc nhằn mà chẳng được lợi ích gì cả. Bạch Cù-đàm? con cũng như vậy, các Ni-kiên ngu si kia không khéo hiên biêt, không the tự biết; con không nhận thức được đâu là ruộng tốt mà lại không tự suy xét, mải miết thờ kính, cúng dường, lễ bái để trông được lợi ích, khổ nhọc mà vô ích. Bạch Thế Tôn, nay con lần nữa xin quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Bạch Thế Tôn, con vốn không hiểu nên đối với các Ni-kiền ngu si kia có sự tin tưởng và kính trọng, từ nay chấm dứt. Vì sao thế? Vì họ dối trá con. Bạch Thế Tôn, nay con lần thứ ba xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc, bát đâu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, đại thần Sư Tử và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

19. KINH NI-KIEN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Thích-ki-sấu, trong Thiên Ấp. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: Các vị Ni-kiên thây như vây, nói như vây: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nấu những nghiệp cũ của chúng do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa thì ác nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế.” Ta liền đến nơi các vị ấy, đến rồi liền hỏi: -Này Ni-kiên, phải chăng quả thật các vị thây như vây, nói như vây: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ của họ do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên t8?” Họ trả lời: Đúng vậy, thưa Cù-đàm! Ta lại hỏi các vị Ni-kiền kia: Các vị tự cho là có tịnh trí, vậy có biết rằng: "Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bi chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết? Nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn hay không? Chính ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng?” Họ trả lời Ta: Không, thưa Cù-đàm! Ta lại bảo các Ni-kiền kia: Các vi tự không có tinh trí để biết rằng: "Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết? Nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn? Chính ngay trong đời này đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng?” Và các ông lại nói rằng: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nêu những nghiệp cũ của họ do nhân khô hạnh diệt và



không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt till đạt đến khổ biên tế." Này Ni-kiền, nếu các ông tự cho là có tịnh trí để hiểu biết rằng: "Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bị chừng ấy khổ là hết hay bị chừng

ấy khổ vẫn chưa hết? Nếu hết rồi thì sẽ được vĩnh viễn hay kh6ng?" Và nếu ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng, thì này Ni-kiền, các ông mới 9 e y CÓ thê nói như vây: "Những gì mà con người cảm thọ đêu do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ đó do nhân khổ hạnh diệt và không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế." Này Ni-kiên, cũng như có người thân thê trúng tên độc, vì trúng tên độc nên rất đau đớn, người ấy được quyến thuộc yêu mến xót thương, muốn đem lại sự thiện ích, an ổn nên lập tức mời vị y sư nhổ tên đến. Vi y sư nhổ tên đến liên lây dao bén đê giải phau vét thương, do sự giải phau vét thương nên người ấy lại rất đau dơn. Sau khi y sư giải phẫu vết thương liền tìm mũi tên vàng, khi y sư tìm mũi tên vàng người ấy lại càng rất đau đớn. Tìm được mũi tên vàng rồi y sư lập tức nhổ ra, lúc nhổ ra người ấy lại càng đau đớn thêm. Nhổ mũi tên vàng ra rồi y sư đậy vết thương lại và băng bó, vì y sư băng bó vết thương nên bấy giờ người ấy lại đau đớn hơn. Sau khi được nhổ mũi tên vàng ra, người ấy được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, bình phục như cũ. Này Nikiền, người ấy có sẵn khôn ngoan nên liền suy nghĩ như vay: "Ta trước kia bị trúng tên độc, vì bị trúng tên độc nên rất đau dơn, các quyến thuộc của ta thấy vậy, yêu mến xót thương, muốn đem lại lợi ích và an lạc cho ta nên liền mời y sư nhô tên vàng. Vi y sư nhô tên vàng đên liên lây mũi dao bén mô vét thương cho ta, vì mổ vết thương nên lúc ấy ta rất đau đớn. Khi mổ vết thương rồi y sư liền tìm mũi tên vàng, khi y sư tìm mũi tên vàng ta lại thêm rất đau đớn. Tìm được mũi tên vàng roi y sư liên nhô ra, vì y sư nhô ra nên lúc ây ta lại đau đớn hơn. Khi nhổ mũi tên vàng ra rồi y sư đậy vết thương lại và băng bó? vì băng bó nên lúc ấy ta lại rất đau đớn hơn. Ta, sau khi được nho mũi tên vàng ra rồi, được khỏe mạnh, không bệnh hoạn, các căn không hư hoại, trở lại bình thường như cũ." Cũng vậy, này Ni-kiền, nếu các vị tự có tịnh trí, biết rằng: "Trước kia ta có hay không có? Trước kia ta tạo tác ác hay không tạo tác ác? Ta bi chừng ấy khổ là hết hay bị chừng ấy khổ vẫn chưa hết và nếu hết rồi thì sẽ được hết vĩnh viễn hay kh6ng?” Và nếu ngay trong đời này mà đoạn các pháp bất thiện và tạo được các thiện pháp, tu tập và tác chứng, thì này Ni-kiền, các vị mới có thể nói thế này: "Những gì mà con người cảm thọ đều do nhân đã tạo tác từ trước. Nếu những nghiệp cũ đó do nhân khổ hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì đạt đến khổ biên tế.”

19. KINH NI-KIỀN  85

Ta hỏi như vậy mà không thấy các Ni-kiền nào có thể trả lời Ta rằng: "Thua Cù-đàm, đúng như vậy hay không đúng như vấyy Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền rằng:  Nêu các vi Ni-kiên có sự tinh cân bậc thượng, có sự khô hạnh bậc thượng; bấy giờ, các Ni-kiền có sanh khởi sự khổ bậc thượng chăng? Họ trả lời: -Đúng như vậy, thưa Cù-đàm! -Nếu các ông có sự tinh cần bậc trung, có sự khổ hạnh bậc trung; bấy giờ, các vi Ni-kiền có sanh khởi sự khổ bậc trung chăng? Họ trả lời:  Đúng như vậy, thưa Cù-đàm!  Nếu các ông có sự tinh cần bậc hạ, có sự khổ hạnh bậc hạ; bấy giờ, các ông có sự sanh khởi sự kho bậc hạ chăng? Họ trả lời: -Đúng như vậy, thưa Cù-đàm! Đó là các Ni-kiền có sự tinh cần

bậc thượng và khổ hạnh bậc thượng, bấy giờ các Ni-kiền sanh khởi sự khổ bậc thượng; có sự tinh cần bậc trung và khổ hạnh bậc trung, bấy giờ các Ni-kiền ấy sanh khởi sự khổ bậc trung; có sự tinh cần bậc hạ và khổ hạnh bậc hạ, bấy giờ các Ni-kiền ấy sanh khởi sự khổ bậc hạ. Nêu cho răng các vị Ni-kiên có sự tinh cân bậc thượng và khô hạnh bậc thượng, bấy giờ các vị Ni-kiền ấy chấm dứt các nỗi khổ bậc thượng; có sự tinh cần bậc trung và khổ hạnh bậc trung, bấy giờ các vị Ni-kiền ấy chấm dứt các nỗi khổ bậc trung; có sự tinh cần bậc hạ và khổ hạnh bậc hạ, bấy giờ các Ni- kiền ấy chấm dứt nỗi khổ bậc hạ; nếu làm như vậy hay không làm như vậy mà chấm dứt được những nỗi khổ cùng cực và các nỗi khổ rất nặng nề, nên biết, các Ni-kiền ngay trong đời này mà gây ra nỗi khổ. Nhưng các Ni-kiền bi sự mê che lấp, bi sự mê trói buộc nên nói thế này: “Những gì mà con người cảm thọ đêu do nhân đã tạo tác từ trước. Nêu những nghiệp cũ đó do nhân khô hạnh diệt mà không tạo nghiệp mới nữa thì các nghiệp ấy sẽ chấm dứt. Các nghiệp đã chấm dứt thì các khổ sẽ được chấm dứt. Các khổ đã được chấm dứt thì đã đạt đến khổ biên tế.” Ta hỏi như vậy, nhimg không thây các Ni-kiên ây chịu trả lời cho Ta răng: "Thua Cù-đàm9 đúng như vậy hay không đúng như vay.” Lại nữa, Ta hỏi các Ni-kiền:  Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại lạc báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh càn và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành khổ báo chăng? Họ trả lời Ta rằng:  Không thể có, thưa Cù-đàm!



Này các Ni-kiền, nếu có nghiệp mang lại khổ báo thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khô hạnh mà chuyên thành lạc báo chăng? Họ trả lời: - Không thể có, thưa Cù-đàm!  Các vị Ni-kiền, nếu có nghiệp báo trong đời hiện tại thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời sau chăng? Họ trả lời: - Không thể c6, thưa Cù-đàm!  Nàỵ các Ni-kiền, nếu có nghiệp báo đời sau thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cân và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo đời hiện tại chăng? Họ trả lời: - Không thể có, thưa Cù-đàm!  Các Ni-kiền, nếu có nghiệp báo không chín muồi thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín muồi chăng? Họ trả lời: -Không thể c6, thưa Cù-đàm!  Này các Ni-kiền, nếu có nghiệp báo chín muồi ngay thì nghiệp ấy có thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi cho khác đi chăng? Họ trả lời: -Không thể có, thưa Cù-đàm!  Các Ni-kiền, đó là lạc nghiệp báo, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khô hạnh mà chuyên thành khô báo được. Này các Nikiền, khổ báo nghiệp, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần hay nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành lạc báo được. Các Nikiền, hiện báo nghiệp, nghiệp ấy không thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành hậu báo được. Các Ni-kiền, sanh báo nghiệp, nghiệp ây không thê nhân sự tinh cân và nhân sự khô hạnh mà chuyển thành hiện báo được. Các Ni-kiền, nghiệp không chín muồi, nghiệp ấy khônệ thể nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển thành quả báo chín muôi. Các Ni-kiền, nghiệp báo chín muồi, nghiệp ấy không thể nào nhân sự tinh cần và nhân sự khổ hạnh mà chuyển đổi thành khác đi được. Vì thế, này các Ni-kiên, sự nô lực của các ông là hư vọng, sự tinh cân ây là trông rông, chẳng đạt được gì cả. Các vi Ni-kiền ấy liền trả lời Ta rằng:  Thưa Cù-đàm? chúng tôi có Tôn sư tên là Thân-tử-ni-kiền, có nói

thế này: "Các Ni-kiền, nếu các ông trước kia đã tạo tác ác nghiệp, nghiệp ấy đều có thể nhân sự khổ hạnh này mà bị diệt tận tất cả. Nếu nay hộ trì thân, khẩu, ý, nhân đó nên không còn tạo ác nghiệp nữa.,,

19. KINH NI-KIỀN 87

Ta lại hỏi các vị Ni-kiền ấy: Các vị tin vào Tôn sư Thân-tử-ni-kiền mà không chút nghi hoặc sao? Họ trả lời: Thưa Cù-đàm9 chúng tôi tin vào Tôn sư Thân-tử-ni-kiền không hề có nghi hoặc. Ta lại hỏi các Ni-kiền ấy: Có năm loại pháp quả báo trong đời này đem đến: tín, nhạo, văn, niệm, hiền thiện quán. Các Ni-kiền, có người sẵn có bản tánh hư vọng, nói rằng điều này đáng tin, đáng ưa mến, đáng nghe theo, đáng suy gẫm, đáng chiêm nghiệm kỹ chăng? Họ trả lời Ta rằng: -Đúng như vậy, thưa Cù-đàm! Ta lại bảo các Ni-kiền: Đó là lời dối trá, sao đáng tin, sao đáng ưa muốn, sao đáng nghe theo, sao đáng suy gẫm, sao đáng chiêm nghiệm? Trong khi người ấy có sẵn bản tánh dối trá mà nói rằng: "C6 tín, nhạo, văn, niệm, hiền thiện quán.^, Nếu các Ni-kiền nói như thê thì đôi với như pháp có năm điêu đáng khiên trách, chát vân, đáng ghê tởm. Những gì là năm? Nay, những chúng sanh này thọ lãnh sự khổ hay vui đều do sự tạo tác của chính họ trước kia, nếu đúng vậy thì các vị Ni-kiền vốn trước kia đã tạo các nghiệp ác. Vì sao thê? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiên phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ nhất của các Ni-kiền. Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do sự tập hợp, nếu đúng vậy thì các ông vốn tập hợp các điều ác. Vì sao thế? Bởi vì thế nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ hai của các Ni-kiền. Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do định mạng, nếu đúng vậy thì các Ni-kiên vôn có định mạng ác. Vì sao thê? Bởi nhân đó cho nên nay các Ni-kiền phải thọ lãnh khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ ba của các Ni-kiền. Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do kiến, nếu đúng vậy thì các Ni-kiền kia vốn có ác kiến. Vì sao thế? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ cực trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ tư của các Ni-kiền. Lại nữa, chúng sanh lãnh thọ sự khổ vui đều do Tôn Hựu tạo, nếu đúng vậy thì các Ni-kiền vốn có một Tôn Hựu hung ác Vì sao thế? Bởi nhân đó nên nay các Ni-kiền phải thọ khổ trọng đại. Đó là điều đáng ghê tởm thứ năm của các Ni-kiền. Nêu các Ni-kiên vôn do tạo tác ác nghiệp, ác tập hợp, ác định mạng, ác kiến, ác Tôn hựu, được sáng tạo bởi một ác Tôn hựu, nhân đó mà các Ni-kiền nay phải lãnh thọ khổ cực trọng đại. Đó là nhân những việc ấy nên các Ni-kiền là những người đáng ghê tởm.

88 KINH TRUNG A-HÀM

Pháp mà Ta tự tri, tự giác và nói cho các ông, dù là Sa-môn5 Phạm chí hoặc Thiên, Ma, Phạm và những kẻ khác trên thê gian đêu không thê hàng phục được, đều không thể làm cho ô uế được, đều không thể chế ngự được. Thế nào là pháp mà Ta tự tri, tự giác và nói cho các vị mà chẳng thể bị Sa- môn? Phạm chí, hoặc Thiên, Ma, Phạm và những người khác trong thế gian có thê khuất phục được, có thê làm cho ô uê được, có thê chê ngự được? Nêu có Tỳ-kheo xả bỏ thân nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi thân; xả bỏ khẩu, ý nghiệp bất thiện để tu thiện nghiệp nơi khẩu, ý. Vị đó đối với sự khổ đời vị lai liền tự biết: "Ta không có khổ đời vị lai", được sự an lạc như pháp nên không xả bỏ.

Vi ấy hoặc muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do tập thành băng dục, hoặc muôn nô lực đoạn trừ đôi với nguyên nhân của khô do sự tập thành bằng xả dục. Vị ấy nếu muốn nỗ lực đoạn trừ đối với nguyên nhân của khổ do tập hành bằng dục, vi ấy tu tập sự tập hành bởi dục ấy và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khô liên châm dứt. Vị ây nêu muôn nô lực đoạn trừ đôi với nguyên nhân của khổ do sự tập hành bởi xả dục, tức tu tập sự tập hành bởi xả dục ấy và sau khi nỗ lực đã thành tựu, sự khổ liền chấm dứt. Bây giờ, nêu Tỳ-kheo ây suy nghĩ như thê này: uTùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, còn thiện pháp bị tiêu diệt. Nêu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh." Rồi vi ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bi tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi; bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thê? Này các Tỳ-kheo, những gì cân phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng. Này các Tỳ-kheo, cũng như anh thợ làm tên dùng kem đê uôn tên, khi cây tên đã thẳng thì không còn dùng kềm nữa. Vì sao thế? Vì việc phải làm trước đó nay đã làm xong roi, nêu còn dùng kem nữa thì việc ây không đúng. Cũng vậy, một Tỳ-kheo suy nghĩ thế này: "Tùy theo sự tạo tác và tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nếu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi thì ta hãy tự tinh cần khổ hạnh ấy." Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi; bấy giờ vi ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Này các Tỳ-kheo, những gì cần phải làm trước đó, nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng. Này các Tỳ-kheo, cũng như có người thương nhớ, say đắm, trông chờ, săn đón một người nữ kia, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; người ấy do đó mà thân tâm phát sanh khổ não, rất buồn rầu không?



Các Tỳ-kheo trả lời: -Quả như vậy, bạch Thế Tôn! Vì sao thế? Vì người kia thương nhớ, say đắm và hết sức trông chờ, săn đón nữ nhân mà nữ nhân ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ thì thâm tâm người kia làm sao khỏi sanh ra khô não, buôn râu. - Này các Tỳ-kheo, nếu cho rằng người kia suy nghĩ như thế này: "Ta thương nhớ, săn đón người nữ ấy, nhưng người nữ ấy lại nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ. Nay ta có nên vì sự tự gây khổ, tự gây sầu não này mà dứt trừ sự thương nhớ, say đắm người nữ kia chàng?" Người ấy, sau đó vì tự gây khổ, tự gây sầu não nên liền dứt trừ sự thương nhớ, say đắm người nữ ấy. Nêu người nữ kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ; người ấy sau đó có thể nào vẫn còn sanh ra khổ não, buồn rầu chăng? Các Tỳ-kheo trả lời: Không còn nữa, bạch Thế Tôn! Vì sao thế? Vì người ấy đối với nữ nhân kia không còn thương nhớ, say đắm nữa. Nếu nữ nhân kia vẫn còn nói chuyện với người khác, thăm hỏi lẫn nhau, qua lại chung chạ, thế mà cho rằng người kia vì thế mà thân tâm lại còn sanh khởi khổ não, buồn rầu thì điều ấy không đúng. -Có vị Tỳ-kheo suy nghĩ như thê này: "Tùy theo sự tạo tác, tùy theo sự thực hành mà pháp bất thiện sanh khởi, thiện pháp bị tiêu diệt. Nấu tự tinh cần khổ hạnh mà pháp bất thiện bi tiêu diệt, thiện pháp

sanh khởi thì ta hãy tự tinh cần khổ h@nh.” Rồi vị ấy tự tinh cần khổ hạnh. Sau khi đã tinh cần khổ hạnh, pháp bất thiện bị tiêu diệt, thiện pháp sanh khởi; bấy giờ vị ấy không còn tinh cần khổ hạnh nữa. Vì sao thế? Những gì cần phải làm trước đó nay mục đích đã thành tựu, nếu còn tinh cần khổ hạnh thì việc ấy không đúng. Vị ây lại nghĩ như thê này: "Nêu có những nguyên nhân đê đoạn trừ các khô não kia, ta liền đã đoạn trừ roi, nhưng đoi với dục, ta vẫn còn như cũ chớ chưa đoạn được. Nay ta hãy tìm cách đoạn được due?9 Vi ấy tìm cách đoạn dục. Vi ây, vì đê đoạn dục nên sông cô độc, ân dật nơi rừng văng, hoặc đên dưới bóng cây, nơi vắng vẻ, sườn núi, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đi vào rừng sâu, hoặc ở giữa bãi tha ma; khi vi ấy đã sống nơi rừng vắng rồi, hoặc là đến dưới bóng cây, nơi vắng vẻ yên lặng, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh niệm, phản chiếu tâm niệm, đoạn trừ tham lam, tâm không còn não hại, thấy của cải và dụng cụ sinh sống của người khác thì không còn móng khởi tham lam, muốn sao cho được về mình; vị ấy đối với sự tham lam đã tinh trừ tâm ý. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự đôi với các thiện pháp; vi ây đôi với nghi hoặc đã tinh trừ. Vi ây đã đoạn trừ năm triên cái làm tâm nhơ uê, tuệ kém cỏi, ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đệ tứ thiền, thành tựu và an trú.



Vị ấy đạt được tâm thanh tịnh, không nhơ uế và không phiền nhiệt, như vậy nhu nhuyến và khéo léo an tru, chứng đắc tâm bất động, tiến thẳng về lậu tận, chứng ngộ tối thông. Vi ấy biết như thật rằng: Đây là khổ? biết đây là khổ tập, biết đây là khổ diệt và biết như thật đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật rằng đây là lậu, biết đây là lậu tập, biết đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ây biêt như vậy, thây như vậy roi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Đức Như Lai với chánh tâm giải thoát như vậy mà được năm điều tán thán như pháp, không tranh, khả ái, khả kính. Những gì là năm? Những chúng sanh kia thọ lãnh khô vui đêu do sự tạo tác trước kia của họ. Nếu đúng như vậy thì đức Như Lai vốn có nghiệp vi diệu. Bởi vậy nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. ĐÓ là điêu xung tán thứ nhát mà đức Như Lai đạt được. 9 e y r Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khô vui đêu do sự tập hợp, nêu đúng như vậy thì đức Như Lai vôn có sự tập hợp vi diệu. Bởi vậy nên nay đức Như Lai mới có sự tập hợp vi diệu, sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tinh, tĩnh chỉ, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ hai mà đức Như Lai đạt được. Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do định mạng, nếu đúng như vậy thì đức Như Lai vốn có định mạng vi diệu. Bởi vậy nên nay đức Như Lai mới có sự an lạc vô lậu của bậc Thánh, tịch tịnh, tĩnh chi, cảm thọ lạc. Đó là điều xưng tán thứ ba mà đức Như Lai đạt được. Lại nữa, chúng sanh thọ lãnh khổ vui đều do kiến, nếu đúng như vậy thì đức Như Lai vốn có kiến vi diệu. Bởi vậy nên nay đức Như

20. KINH BA-LA-LAO Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lệ-sấu cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Bắc thôn, trụ ở phía Bắc của Bắc thôn, trong rừng

Thi-nhiếp-hòa. Bấy giờ, Ba-la-lao Già-di-ni nghe rằng: uSa-môn Cù-đàm thuộc dòng họ Thích, bỏ tông tộc họ Thích để xuất gia học đạo, đang du hóa ở Câu-lệ-sấu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Bắc thôn, trụ ở phía Bắc của Bắc thôn, trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương. Sa-môn Cù-đàm là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trong thế gian này mà tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an tru. Vị ây nêu có thuyêt pháp thì sơ thiện, trung thiện, cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ Phạm hạnh, hiển hiện thanh tịnh. Nấu được yết kiến đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường và thờ kính thì thật là sung sướng, được sự lợi ích an lành. Người ta suy nghĩ rằng: 'Nên đến yết kiến Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng đường.'" Ba-la-lao Già-di-ni nghe như vậy, roi từ Bác thôn ra di, vê hướng Băc đi đên rừng Thi-nhiếp-hòa, muốn yết kiến Thế Tôn để lễ bái, cúng dường. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy Thế Tôn ở trong rừng cây, đoan nghiêm, đẹp đẽ như mặt trăng giữa đám tinh tú, sáng suốt, chói lọi, rực rỡ như tòa núi vàng, đày đủ tướng hảo, uy thần nguy nguy, các căn tịch tịnh, không gì ngăn che, thành tựu sự điều ngự, tức tâm tĩnh mặc. Ba-la-lao Già-di-ni từ xa trông thấy đức Thế Tôn, rồi đến trước chỗ Thế Tôn, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một phía, thưa Vơi The Ton răng: -Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật và là nhà huyễn thuật. Thưa Cù-đàm, nếu ai nói như vầy: "Sa-m6n Cù-đàm biết huyễn thuật và là nhà huyễn thuāf9 thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cu-dam chăng? Người ấy nói chân thật chăng? Người ấy nói đúng chăng? Người ấy nói pháp như pháp chăng? Đối với như pháp không có lỗi lầm, không bị chỉ trích chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Già-di-ni, nêu ai nói như vây: "Sa-môn Cù-đàm biêt huyên thuật và là nhà huyễn thuật^ thì người ấy không hủy báng Sa-môn Cù-đàm, người ấy nói chân thật, người ây nói đúng, người ây nói pháp như pháp, đôi với như pháp



không có lỗi lầm, không bị chỉ trích. Vì sao thế? Này Già-di-ni, Ta biết huyễn thuật ấy, nhưng chính Ta không phải là nhà huyễn thuật. Già-di-ni nói: Các Sa-môn, Phạm chí kia đều nói chân thật, nhimg tôi không tin, họ nói rằng: "Sa-m6n Cù-đàm biết huyễn thuật và là nhà huyễn thuat." Đức Thế Tôn bảo: Này Già-di-ni, nếu người nào biết huyễn thuật thì người đó tức là nhà huyễn thuật chăng? Già-di-ni thưa: Quả thật vậy, bạch Thế Tôn! Quả thật vậy, bạch Thiện Thệ! Đức Thế Tôn dạy: Này Già-di-ni5 ông đừng tự lầm lẫn mà hủy báng Ta. Nếu hủy báng Ta thì chỉ tự gây tổn hại, có sự não hại, có xúc phạm, điều mà Hiền thánh ghét bỏ và bị tội lớn. Vì sao thế? Này Già-di-ni? điều ấy thật ra không đúng như lời ông nói. Này Già-di-ni, ông có nghe Câu-lệ-sấu có binh lính chăng? Già-di-ni đáp: -Tôi có nghe. Này Già-di-ni5 ông nghĩ thế nào, Câu-lệ-sấu dùng binh lính ấy để làm gì? Già-di-ni đáp: Thưa Cù-đàm5 để sai giết giặc. Vì việc đó nên Câu-lệ-sấu nuôi các binh lính vậy. Này Già-di-ni, ông nghĩ thế nào, binh lính Câu-lệ-sấu có giữ giới cấm hay không giữ giới cấm? Già-di-ni đáp: Thưa Cù-đàm, nếu trên thế gian này có những người không giữ giới cấm, vẫn không thể tệ hơn binh lính Câu-lệ-sấu. Vì sao thế? Vì binh lính Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác

pháp. The Ton hỏi: Ong thây như vậy, biêt như vậy, Ta không hỏi ông. Nêu có người khác hỏi ông: "VI Già-di-ni biết rằng binh lính Câu-lệ-sấu phạm rất nhiều cấm giới, chỉ làm các ác pháp; nhân việc đó nên Già-di-ni cũng phạm rát nhiêu các câm giới, chỉ làm các ác pháp." Nêu nói như vậy là nói đúng sự thật chăng? Già-di-ni đáp: -Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Vì sao thế? Vì binh lính Câu-lệ-sấu có tri kiến khác, có ý muốn khác, có sở nguyện khác nên binh lính Câu-lệ-sấu phạm rát nhiêu câm giới, chỉ làm các ác pháp. Còn tôi rát trì giới, không làm các ác pháp.



làm những gì mà nay đầu đội tràng hoa, hoặc dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười với nữ sắc, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời răng: "Người ây vì quôc vương mà giêt những kẻ thù. Quốc vương sau khi vui vẻ liền ban thưởng; do đó, người ấy đội tràng hoa, dùng nhiều loại hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui cười với nữ sắc, hoan lạc như vua." Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng? Già-di-ni đáp: -Tôi có thấy vậy, bạch Cù-đàm9 tôi đã nghe và sẽ nghe! Này Già-di-ni, rồi lại thấy quốc vương bắt bớ tội nhân, trói quặp hai tay lại, đánh trống, xướng lệnh, kéo ra cửa thành phía Nam để ngồi dưới gốc cây nêu cao, roi chém bêu đâu. Nêu có người hỏi răng: “Ngườd này mác tội gì mà bị quốc vương giêt chét?" Hoặc có người trả lời răng: "Người này giêt lâm người vô tội trong vương gia; do đó, quốc vương ra lệnh hành hình như vay." Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng? Già-di-ni trả lời: -Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe! Này Già-di-ni, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: "Nêu có người nào sát sanh, tát người ây phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, phải sanh ra ưu, kh6" thì đó là lời nói chân thật hay lời nói hư vọng? Già-di-ni đáp: Đó là lời nói hư vọng, thưa Cù-đàm! Nêu người ây nói lời hư vọng, ông có tin chăng? Già-di-ni đáp: -Tôi không tin, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay, Già-di-ni! Ta lại hỏi Già-di-ni: - Ông nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sác, hoan lạc như vua. Nêu có người hỏi răng: "Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua?” Hoặc có người trả lời rằng: "Người ấy ở trong nước khác, vì lấy của không cho nên người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua." Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?



Già-di-ni thưa: -Tôi có thấy như vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe! Này Già-di-ni, roi lại còn thây quôc vương bat bớ tội nhân, trói quặp hai tay ra sau, đánh trống, xướng lệnh kéo ra cửa thành phía Nam đê ngôi dưới cây nêu cao, roi chém bêu đau. Nêu có người hỏi rang: "Người này mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết?” Hoặc có người trả lời rằng: "Người ấy vì lấy của không cho ở trong nước; do đó, quốc vương ra lệnh hành hình như vậy.,, Này Già-di- ni5 ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng?

Già-di-ni trả lời: -Tôi có thấy vậy, thưa Cù-dàm, tôi đã nghe và sẽ nghe! Này Già-di-ni, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí thấy và nói như vầy: "Nếu có kẻ nào lấy của không cho; tất kẻ ấy phải thọ báo ngay trong đời hiện tại này, phải sanh ra ưu, kho99 thì đó là lời nói chân thật hay hư vọng? Già-di-ni đáp: Đó là lời nói hư vọng, thưa Cù-đàm! - Nếu người ấy nói lời hư vọng thì ông có tin không? Già-di-ni đáp: -Tôi không tin, bạch Cù-đàm! Đức Thế Tôn khen rằng: -Hay thay, hay thay, Già-di-ni! Ta lại hỏi Già-di-ni: Ônệ nghĩ thế nào, nếu trong thôn ấp, hoặc có một người đầu đội tràng hoa, dùng nhiêu thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua. Nếu có người hỏi rằng: "Người này trước kia đã làm những việc gì mà nay đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua?" Hoặc có người trả lời rằng: "Người ấy có khả năng ca múa cười đua, nó dùng lời dối trá làm cho quốc vương vui vẻ, sau khi quốc vương vui vẻ, liền ban thưởng cho; do đó, người ấy đầu đội tràng hoa, dùng nhiều thứ hương xoa vào thân, rồi xướng nhạc, ca vũ, tự mình thỏa thích, vui chơi với nữ sắc, hoan lạc như vua." Này Giàdi-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy chăng? Già-di-ni trả lời: Tôi có thấy như vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe! Này Già-di-ni, rồi lại còn thấy quốc vương bắt bớ tội nhân, dùnẹ gậy đánh đên chét, roi bỏ vào cũi cây, chở trên xe trông, đi ra cửa thành phía Bc, vất vào trong rãnh nước. Nếu có người hỏi rằng: "Người ấy mắc tội gì mà bị quốc vương giết chết?" Hoặc có n^ười trả lời rằng: "Nệười ấy trước mặt quốc vương mà nói dối mình có chứng đác; do đó, lừa gạt quôc vương nên quốc vương ra lệnh bắt làm như thế." Này Già-di-ni, ông có thấy như vậy, nghe như vậy không?

98 KINH TRUNG A-HÀM

Già-di-ni trả lời: -Tôi có thấy vậy, thưa Cù-đàm, tôi đã nghe và sẽ nghe!

20. KINH BA-LA-LAO 99

do vậy vẫn không có nghiệp ác, do vậy vẫn không có nghiệp báo ác. ở bờ Nam sông Hằng giết, rồi cắt, rồi nấu, rồi bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết; không do đó mà có tội, có phước; không do đó mà có quả báo tội phước. Cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ, lợi hành, không do đó mà có phước, không do đó mà có quả báo của phước?9 Luận sĩ thứ tư lại có chánh kiên, trái ngược với sở tri, sở kiên của vị luận sĩ thứ ba, vị ấy thấy thế này, nói thế này: "Tụ* mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn và dạy nệười khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bực bội, lo lang, buồn bã5 đấm ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá phách thành, diệt nước, làm như vậy chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh trong vòng một ngày, mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lách từng phần, từng khối, do vậy mà có nghiệp ác, do vậy mà có nghiệp báo ác. ở bờ Nam sông Hăng giết, cắt, nấu, bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết; do đó mà có tội phước; do đó mà có quả báo tội phước, cấp thí, tự chế ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, ái ngữ lợi hành; do đó mà có phước, do

đó mà có quả báo của phu&C.” Thưa Cù-đàm9 tôi nghe như vậy, liền sanh nghi hoặc: "Những vị Sa-môn9 Phạm chí đó5 ai nói chân thật, ai nói hư vQĩig?” Đức Thế Tôn dạy: Này Già-di-ni, ông đừng sanh ra nghi hoặc, vì sao thế? Vì do có nghi hoặc mà sanh ra do dự. Này Già-di-ni, ông tự mình không có tịnh trí để hiểu biết là có đời sau hay không có đời sau. Này Già-di-ni, ông lại không có tịnh trí để biết sự tạo tác ấy là ác hay là sự tạo tác ấy là thiện. Này Già-dini, có một phép đinh được gọi là viễn ly. Ông nhờ định ấy sẽ có thể được chánh niệm, có thể đạt tới nhất tâm; như vậy, ở trong đời hiện tại, ông sẽ đoạn trừ sự nghi hoặc, rồi được thăng tấn. Lúc đó, Già-di-ni từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, sửa áo, chắp tay hướng về đức Thế Tôn mà bạch rằng:  Thưa Cù-đàm, thê nào là phép đinh tên viên ly, khiên cho tôi do đó mà có thê được chánh niệm, có thê đạt tới nhát tâm, và như vậy, trong đời hiện tại, tôi sẽ đoạn được sự nghi hoặc rồi được thăng tiến? Đức Thế Tôn bảo:  Đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vi ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi vào nhà ngồi thiền định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ thế này: “Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến nên được chánh kiến.,, Vị ấy liền tự thấy: "Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.,, Vị ấy, sau khi tự thấy



đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan; sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân an đinh; sau khi thân được an đinh, thân liền cảm thọ lạc; sau khi thân cảm thọ lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi thì tâm tương ưng với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú; cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Vị ây nghĩ như thê này: "Nêu có Sa-môn, Phạm chí nào thây như vây, nói như vầy: 'Không có sự bố thí, không có trai tế, không có sự chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời này, đời sau, không có cha, không có mẹ, trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ5 khéo đi khỏi cõi này, khéo hướng về đời này và đời sau, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú'; nếu điều vị Sa-môn, Phạm chí kia nói ra là chân thật thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không cùng tranh chấp với thế gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tấn, trụ trong sự an lạc; đó là phép định viễn ly. Những gì vị Sa-môn, Phạm chí kia nói, [ta] không cho là dúng, không cho là sai; sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chi." Này Già-di-ni, đó là phép định được gọi là viễn ly, ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, mà được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này mà được thăng tiến. Lại nữa, này Già-di-ni, đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, tà dâm, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giống, đến chiều nghỉ ngơi vào nhà ngồi thiền đinh, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ như thế này: "Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự kh6ng cho mà lây, nói dối, cho

đến đoạn tà kiến, được chánh kiến.,, Vị ấy liền tự thây: "Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiên." Vị ấy, sau khi tự thấy đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan; sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân an định; sau khi thân được an đinh, thân liền cảm thọ lạc; sau khi cảm thọ lạc thì được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi thì tâm tương ưng với bi, biến khắp một phương, thành tựu và an trú; cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với bi, không kết, không oán, kh6ng sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tát cả thế gian, thành tựu và an trú. Vị ấy liền nghĩ như thế này: "Nếu có Sa-môn, Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: 'Có bố thí, có trai tế5 có chú thuyết, có nghiệp thiện ác, có nghiệp báo thiện ác, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ, trên đời này có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo vượt qua, khéo hướng đến đời này và đời sau, tự tri, tự giác,



tự chứng, thành tựu và an trú'; nêu điêu mà vị Sa-môn9 Phạm chí ây nói là chân thật thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay không sợ hãi mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không tranh chấp cùng với thế gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tiến, trụ trong sự an lạc; đó là phép định viễn ly. Những gì vi Sa-môn, Phạm chí kia nói, [ta] không cho là đúng, không cho là sai; sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liền được nội tâm tĩnh chỉ.^^ Này Già-di-ni, đó là phép đinh được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân đinh này mà được chánh niệm, được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này và được thăng tiến. Lại nữa, Già-di-ni, đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vi ấy, ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giông, đên chiêu nghỉ ngơi vào nhà ngôi thiên định, qua đêm ấy, sáng hôm sau nghĩ thế này: "Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lây, nói dôi, cho đên đoạn tà kiên được chánh kiên." Vi ây liên tự thấy: "Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác, niệm mười nghiệp đạo thiện.,, Vị ấy, sau khi tự thấy mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh ra hân hoan; sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm thọ lạc; sau khi thân cảm thọ lạc thì liền được nhất tâm. Này Già-di-ni, sau khi đa văn Thánh đệ tử được nhát tâm roi, tâm tương ưng với hỷ, biên kháp một phương, thành tựu và an trú; cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với hỷ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại5 vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Vi ấy nghĩ thế này: "Nấu có Sa-môn, Phạm chí thấy như vầy, nói như vầy: 'Tự mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn và dạy người khác đoạn, tự mình nấu và dạy người khác nấu, rầu rĩ, bực bội, lo lắng, buồn bã, đấm ngực, ảo não, khóc lóc5 ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đen ngõ hẻm lạ đe ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước, làm như vậy chính là làm ác. Lại dùng vòng sắt bén như dao cạo, người ấy ở tại đất này, đối với tất cả chúng sanh trong vòng một ngày mà bửa, mà cắt, mà chém, mà chặt, mà lột, mà lóc, xẻo từng miếng thịt, lóc

từng phần, từng khối; do vậy mà có nghiệp ác; do vậy mà có nghiệp báo ác. ở bờ Nam sông Hằng giết, rồi cắt, rồi nấu, rồi bỏ đi đến bờ Bắc sông Hằng bố thí, trai tế, chú thuyết; do đó mà có tội, do đó mà có phước; có quả báo tội phước. Cấp thí, tự che ngự, thủ hộ, nhiếp trì, tán thán, nhiêu ích, huệ thí, ái ngữ, lợi hành; không do đó mà có phước; không do đó mà có quả báo của phước/Nếu điều mà vi Sa-môn? Phạm chí ấy nói là đúng, chân thật thì ta cũng không xúc phạm đời, không phải vì sợ hãi hay khôNẹ sợ hãi mà vì thương mến tất cả thế gian, tâm ta không cùng tranh chấp với thê gian, cũng không ô trược, được hân hoan. Nay ta được pháp của bậc Vô thượng, thăng tiến, trụ trong sự an lạc; đó



là phép định viễn ly. Những gì vi Sa-môn, Phạm chí kia nói, [ta] khônẹ cho là đúng, không cho là sai; sau khi không cho là đúng, không cho là sai, liên được nội tâm tĩnh chí.” Này Già-di-ni, đó là phép định được gọi là viễn ly. Ông có thể nhân định này mà được chánh niệm, được nhất tâm. Như vậy, ông có thể đoạn hết nghi hoặc ở trong đời này và được thăng tiến. Lại nữa, này Già-di-ni, đa văn Thánh đệ tử ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, cho đến đoạn tà kiến và được chánh kiến. Vị ấy ban ngày làm ruộng, cày bừa và gieo giông, đên chiêu nghỉ ngơi vào nhà ngôi thiên định, qua đêm ây5 sáng hôm sau nghĩ thê này: "Ta ly sát, đoạn sát, đoạn sự không cho mà lấy, nói dối, cho đến đoạn tà kiến được chánh kiến.” Vị ấy liền tự thấy: "Ta đã đoạn mười nghiệp đạo ác và niệm mười nghiệp đạo thiện rồi, liền sanh hân hoan; sau khi sanh ra hân hoan, liền phát sanh hỷ; sau khi phát sanh hỷ, thân an định; sau khi thân được an định, thân liền cảm thọ lạc; sau khi cảm thọ lạc thì được nhát tâm. Này Già-di-ni, sau khi đa văn Thánh đệ tử được nhất tâm rồi, tâm tương ưng với xả, biến khắp một phương, thành tựu và an trú; cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả. Tâm tương ưng với xả, không kết5 không oán, không sân nhuế, không não hại, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú." Vị áy nghĩ như thê này: "Nêu có Sa-môn9 Phạm chí thây như vây, nói như vầy: 'Tự mình làm và dạy người khác làm, tự mình đoạn và dạy người khác đoạn, tự mình nau và dạy người khác nau, rầu rĩ, bực bội, lo lang, buồn bã, đam ngực, ảo não, khóc lóc, ngu si, sát sanh, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, uống rượu, đào vách, mở kho, đến ngõ hẻm lạ để ăn cướp, phá làng hại xóm, phá thành, diệt nước, làm như thế không phải là làm ác. Lại dùng



Này Già-di-ni? đó là phép định được gọi là lTTTTTTTTTTTTTTTỗà

21. KINH ĐẲNG TÂM Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng đại chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường vào ban đêm, nhân đem các nội kiêt sử và ngoại kiêt sử mà phân biệt nghĩa lý cho các thay Tỳ-kheo: Này chư Hiên, trên đời quả thật có hai hạng người. Những gì là hai? Đó là người có nội kiết sử, bậc A-na-hàm không trở lại thế gian này; và người có ngoại kiết sử, không phải là bậc A-na-hàm sẽ còn trở lại thế gian

này. Này chư Hiền, thế nào là người có nội kiết sử, bậc A-na-hàm không còn trở lại thế gian này? Nếu có người tu tập các giới cấm, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đay đủ. Vị ấy nhân tu tập các giới cấm, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học tập sự nhàm chán dục. vô dục và đoạn dục. Do học tập sự nhàm chán dục, vô dục và đoạn dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát; sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được Cứu cánh trí; khi thân hoại mạng chung vượt qua các cõi trời Đoàn Thực sanh về các cõi trời Ý Sanh khác. Khi sanh về các nơi ấy rồi, vi ấy suy nghĩ thế này: "Ta trước kia còn làm người, lúc ây tu tập các giới câm, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uê, không câu trược, hoàn toàn không thê chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đay đủ; do tu tập các giới cam, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uế, không cấu trược, hoàn toàn không thể chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học tập sự nhàm chán dục, vô dục và đoạn dục. Do học tập sự nhàm chán dục, vô dục và đoạn dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát; sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mến tiếc, không chiu xa lìa, trong đời hiện tại không được Cứu cánh trí; khi thân hoại mạng chung, vượt qua các dục cõi trời Đoàn Thực sanh về cõi trời Ý Sanh khác, và đang ở nơi dây." Này chư Hiên, lại có người tu tập giới câm, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uê9 không câu trược, \ hoàn toàn không r thê chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đây đủ, lại học săc hữu, đoạn tham, đoạn nghiệp và



học xả ly dục nên được tịch tinh, tâm giải thoát; sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được Cứu cánh trí; khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực, sanh vê các cõi trời Y Sanh khác. Khi sanh vê các nơi ây roi, vị ây suy nghĩ thế này: "Ta trước kia còn làm người, lúc ấy tu tập các giới cấm, không rách nát, không sứt mẻ, không ô uê, không câu trược, hoàn toàn không thê chỉ trích, được bậc Thánh ngợi khen, khéo tu, khéo đầy đủ, lại học sắc hữu, đoạn tham, đoạn nghiệp và học xả ly dục nên được tịch tịnh, tâm giải thoát; sau khi chứng đắc như vậy, trong cảm thọ lạc lại mến tiếc, không chịu xa lìa, trong đời hiện tại không được Cứu cánh trí; khi thân hoại mạng chung, vượt qua các cõi trời Đoàn Thực, sanh về các cõi trời Ý Sanh khác và đang ở nơi dây." Này chư Hiền, đó là người có nội kiết sử, bậc A-na-hàm không còn trở lại thế gian này. Này chư Hiên, thê nào là người có ngoại kiêt sử, không phải bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại thế gian này? Nấu có người tu tập giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh tâm lo sợ, thọ trì học giới. Này chư Hiền, đó là người có ngoại kiết sử, không phải là bậc A-na-hàm, sẽ còn trở lại the gian này. Bây giờ, một sô đông thiên chúng Đăng Tâm, thân sác nguy nga, ánh sáng rực rỡ, chói lọi, lúc đêm gần tàn, đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đêm qua cùng đại chúng Tỳ-kheo vân tập tại giảng đường, nhân đem nội kiết sử và ngoại kiết sử mà phân biệt nghĩa lý

cho các Tỳ-kheo nghe như vầy: 'Này chư



biệt nghĩa lý cho các Tỳ-kheo nghe như vây: 'Này chư Hiên, trên đời quả thật có hai hạng người: Người có nội kiết sử và người có ngoại kiết sử.' Bạch Thế Tôn, đại chúng đã hoan hỷ, cúi mong Thế Tôn thương xót, mẫn niệm đến nơi giảng đường." Này Xá-lọi-phất, Ta liền im lặng nhận lời chư thiên Đẳng Tâm kia. Chư thiên Đẳng Tâm đã biết Ta đã im lặng nhận lời, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ta, nhiêu quanh ba vòng, roi biên mát khỏi chô đó. Này Xá-lọi-phất, chư thiên Đẳng Tâm hoặc mười hay hai mươi vị, hoặc ba mươi hay bốn mươi vị, hoặc năm mươi hay sáu mươi vị cùng đứng trên đàu một mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất5 chư thiên Đẳng Tâm chẳng phải do sanh ra trong cõi ấy, nhưng do tu tập thiện tâm rất rộng, rất lớn cho nên chư thiên Đẳng Tâm hoặc có mười hay hai mươi, hoặc có ba mươi hay bốn mươi, hoặc năm mươi hay sáu mươi cùng đứng trên đầu mũi dùi vẫn chẳng chướng ngại lẫn nhau. Này Xá-lợi-phất, chư thiên Đẳng Tâm trước kia khi còn là loài người, đã tu tập thiện tâm rát rộng, rát lớn, do đó khiên cho chư thiên Đẳng Tâm hoặc có mười hay hai mươi, hoặc ba mươi hay bốn mươi, hoặc năm mươi hay sáu mươi cùng đứng trên đâu mũi dùi vân không chướng ngại lẫn nhau. Do đó, này Xá-lợi-phất, nên học pháp tịch tịnh: Các căn tịch tinh, tâm ý tịch tịnh, ba nghiệp thân, khẩu, ý tịch tịnh, hướng về đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí. Này Xá-lợi-phât, các hàng dị học dôi trá, luôn luôn suy tôn, vĩnh viễn lầm lạc. Vì sao vậy? Vì không được nghe Diệu pháp như the này. Đức Phật thuyêt như vậy, các vị Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

.•w

22. KINH THÀNH Tựu GIỚI Tôi nghe như vây: Một thòi, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng: -Nấu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có thể xảy ra. Còn ngay trong đời hiện tại mà không chứng được Cứu cánh trí thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sanh lên các cõi trời Ý Sanh, tại các cõi ây mà ra vào định Tưởng tri diệt; điêu này chác chăn có xảy ra. Lúc đó, Tôn giả Ô-đà-di cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Ô-đà- di thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 nếu các vị Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý Sanh khác mà ra vào định Tưởng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy. Tôn giả Xá-lợi-phất, lần thứ hai, rồi lần thứ ba, bảo các Tỳ-kheo: -Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại ra vào đinh Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại này mà không chứng được Cứu cánh trí thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sanh lên các cõi trời Ý Sanh, tại các cõi ấy mà ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Tôn giả Ô-đà-di cũng lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba, thưa rằng: Thưa Tôn giả Xálqi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý Sanh khác mà ra vào định Tưởng tri diệt, chắc chắn không có điều ấy. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất liền suy nghĩ thế này: "Vị Tỳ-kheo này cho đến hai roi ba lan phỉ báng lời ta

nói, và cũng không có vị Tỳ-kheo nào tán thán lời ta nói. Vậy ta hãy đi đến đức Thế Tôn/9 Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi chẳng bao lâu, Tôn giả Ô-đà-di và các vi Tỳ- kheo cũng đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các Tỳ-kheo rằng:



Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại ra vào định Tưởng tri diệt; điêu này chác chăn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được Cứu cánh trí thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sanh lên các cõi trời Ý Sanh, tại các cõi ây mà ra vào định Tưởng tri diệt; điêu này chác chăn có xảy ra. Tôn giả Ô-đà-di lại thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các vị Tỳ-kheo sanh lên các cõi trời Ý A r Sanh khác mà ra vào định Tưởng tri diệt, chác chăn không có điêu ây. Tôn giả Xá-lợi-phất, lần thứ hai, lần thứ ba, bảo các vị Tỳ-kheo: -Nếu vị Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu định và thành tựu tuệ thì ngay trong đời hiện tại ra vào đinh Tưởng tri diệt; điêu này chác chăn có xảy ra. Còn nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được Cứu cánh trí thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sanh lên cõi trời Ý Sanh, tại các cõi ây mà ra vào định Tưởng tri diệt; điêu này chác



nếu ngay trong đời hiện tại mà không chứng được Cứu cánh trí thì khi thân hoại mạng chung, vượt qua cõi trời Đoàn Thực, sanh lên các cõi trời Ý Sanh, tại các cối ấy mà ra vào định Tưởng tri diệt; điều này chắc chắn có xảy ra. Đức Phật nói như vậy xong liền vào thiền thất, mặc nhiên tĩnh tọa. Bấy giờ, Tôn giả Tỳ-kheo Bạch Tịnh đang hiện diện trong đại chúng. Tôn giảA-nan thưa Tôn giả Bạch Tịnh rằng: Đó là việc làm của vị khác mà tôi lại bị quở trách. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, vào lúc xế trưa chắc là đức Thế Tôn sẽ từ thiền thất đi ra, đến trước đại chúng Tỳ-kheo trải chỗ mà ngồi, cùng thảo luận ý nghĩa này. Thưa Tôn giả Bạch Tịnh, ngài nên trả lời việc này; tôi rất hổ thẹn đối với đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ thiền thất đi ra, đến trước đại chúng Tỳ-kheo, trải chỗ ngồi mà ngồi, rồi Ngài dạy: Này Bạch Tịnh, vi Tỳ-kheo trưởng lão có mấy pháp để được các vi Phạm hạnh kính mến, tôn trọng? Tôn giả Bạch Tịnh thưa: Bạch Thê Tôn, vị Tỳ-kheo trưởng lão có năm pháp đê được các vi Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Những gì là năm? Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-k ế



tác chứng, thành tựu và an trú, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, biết đúng như thật. Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn đã lậu tận ấy sẽ được các vị Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo trưởng lão thành tựu năm pháp này sẽ được các vị Phạm hạnh kính mên, tôn trọng. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bạch Tịnh, nếu vi Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn không có năm pháp này thì do nghĩa nào để cho các vi Phạm hạnh kính mến, tôn trọng? Tôn giả Bạch Tinh thưa: Bạch Thế Tôn, nếu vị Tỳ-kheo Trưởng lão

Thượng tôn không có nam pháp này thì thật không còn điều nào khác để cho các vị Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sự khỏe mạnh ngày càng suy tàn, thân còm, chân vẹo, cơ thê nặng nê, hơi thở đưa lên, chông gậy mà đi, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí; vị kia A M , r • - Ị . nhân những điêu ây mà được các vị Phạm hạnh kính mên, tôn trọng. Đức Thế Tôn dạy: Quả đúng như vậy, quả thật vậy đó. Nếu Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn mà không có năm pháp này thì thật không còn điều kiện nào khác để cho các vị Phạm hạnh kính mến, tôn trọng. Chỉ còn lấy sự già nua, tóc bạc, răng rụng, sự khỏe mạnh ngày càng suy tàn, thân còm, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, chống gậy mà di, thịt teo, da nhăn, xù xì như cây gai, các căn rời rụng, nhan sắc xấu xí; vi kia nhân những điều ấy mà được các vị Phạm hạnh kính mên, tôn trọng. Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có đủ năm pháp ấy, các ong phải kính mến, tôn trọng. Vì sao thế? Này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu tập giới cấm, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại còn khéo thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, thọ trì học giới. Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất học rộng nghe nhiêu, ghi nhớ không quên, tích lũy kiên thức rộng rãi; pháp do vị ây nói ra từ sơ thiện, trung thiện, và cứu cánh cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ Phạm hạnh, thanh tinh hiển hiện, học rộng, nghe nhiều các pháp như vậy, luyện tập cho đến cả ngàn, tâm ý tư duy quán sát, thây rõ ràng và hiêu sâu xa. Lại nữa, này Bạch Tinh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có bốn tâm tăng thượng, hiện tại được an lạc, dễ được chớ không khó. Lại nữa, này Bạch Tịnh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tu tập trí huệ, quán pháp hưng suy, được Thánh trí tuệ minh đạt như vậy, phân biệt rõ ràng để chân chánh dứt hết khổ.

22. KINH THÀNH Tựu GIỚI 113

Lại nữa, này Bạch Tinh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã dứt sạch các lậu, không còn hữu kết, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Này Bạch Tinh, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu năm pháp này, các ông nên kính mên, tôn trọng. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạch Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

23. KINH TRÍ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quàn-nậu xả giới, bỏ đạo. Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu xả giới, bỏ đạo, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lạy dưới chân rồi ngồi xuống một bên, ngồi xong thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất5 Ngài nên biết, Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu đã xả giới, bỏ đạo. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Tỳ-kheo Mâu-lợi-phá-quần-nậu đối với giáo pháp này có sự ái lạc chăng? Tỳ-kheo Hắc Xỉ hỏi lại: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât, Ngài đôi với giáo pháp này có sự ái lạc chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: Này Hắc Xỉ, trong giáo pháp này ta không hề có sự nghi hoặc. Tỳ-kheo Hắc Xỉ lại hỏi: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Ngài đối với những việc trong tương lai như thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: Ta đối với việc trong tương lai cũng không có gì do dự. Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên,

thưa rằng:  Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa rồi tự cho rằng mình có trí tuệ, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, biết đúng như thật. Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một vi Tỳ-kheo:  Ông đến chỗ Xá-lợi-phất nói với Xá-lợi-phất rằng: uĐức Thế Tôn gọi Tôn gi Vị Tỳ-kheo ấy nghe Phật dạy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lạy Phật rồi đi, qua đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: uĐức Thế Tôn gọi Ton giả Xá-lợi- phất." Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi liền đi đến trước Phật, cúi đầu lễ rồi ngồi xuống một ben. Đức The Ton hoi:



Này Xá-lợi-phất, có thật vừa rồi thầy tự cho rằng mình có trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn, không phải với lời ấy, không phải với câu ấy mà con chỉ nói vê nghĩa ây. Đức Thế Tôn bảo: -Này Xá-lợi-phất? một thiện nam tử hãy tùy phương tiện mà nói, hễ có trí tức nói có trí. Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thê Tôn, con vừa nói, không phải với lời ây? không phải với câu ây, mà con chỉ nói về nghĩa ấy. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Xá-lợi-phất, nếu có các vị Phạm hạnh đến hỏi thầy rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất9 biết thế nào, thấy thế nào để có thể tự cho rằng mình có trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?” Này Xá-lợi-phất, nghe như vậy rồi thầy sẽ trả lời sao? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn, nếu có các vị Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, biết thế nào, thấy thế nào để có thể tự cho rằng mình có trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?" Bạch Thê Tôn, nêu có vị Phạm hạnh đên hỏi con như vậy thì con sẽ trả lời như thê này: "Này chư Hiên, sự sanh có nguyên nhân, nguyên nhân của sự sanh này dứt hết và biết rõ nguyên nhân của sự sanh đã dứt hết nên tôi tự xưng rằng được trí tuệ, biết đúng như thật, sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^, Đức Thế Tôn khen:  Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phât! Nêu các vị Phạm hạnh đên hỏi như thê, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như thế, nên biết, đó là nói nghĩa. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Xá-lợi-phất, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, sự sanh do nhân gì, do duyên gi, từ đâu mà sanh, lấy gì làm gốc?" Thầy nghe những câu hỏi đó thì sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:  Bạch Thế Tôn, nếu có các vị Phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phât, sự sanh do nhân gi, do duyên gi, từ đâu mà sanh, lây gì làm g6c?" Con nghe vậy roi, sẽ trả lời như thê này: “Này chư Hiên, sự sanh vôn lây hữu



làm nhân, lấy hữu làm duyên, từ hữu phát sanh, lấy hữu làm g6c." Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế thì con sẽ đáp như vậy. Đức Thế Tôn khen:  Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Xá-lợi-phất, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, hữu do nhân gì, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm g6c?" Thầy nghe những câu hỏi đó

thì sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế Tôn, nếu có các vị Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thưa Tôn giả Xa-lợi-phất, hữu lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, từ đau mà sanh, lấy gì lam g6c?" Bạch Thế Tôn, con nghe vậy rồi, sẽ trả lời như thế này: "Này chư Hiền, hữu lấy tìiủ làm nhân, lấy thủ làm duyên, từ thủ phát sanh, lấy thủ làm gốc.,, Bạch Thế Tôn, nếu các vi Phạm hạnh đến hỏi như thế thì con sẽ trả lời như vậy. Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vi Phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa. Đức Thế Tôn hỏi: Này Xá-lợi-phất, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ do nhân gi, do duyên gì, từ đâu mà sanh, lấy gì làm g6c?" Thầy nghe những câu hỏi đó thì sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: Nếu có các vi Phạm hạnh đến hỏi con rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thủ lấy gì làm nhân, lấy gì làm duyên, từ đâu mà sanh, lấy gì làm goc?99 Bạch Thế Tôn, con nghe vậy rồi sẽ trả lời như thế này: "Này chư Hiền, thủ lấy ai làm nhân, lấy ái làm duyên, từ ái phát sanh, lấy ái làm g6c." Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế thì con sẽ trả lời như vậy. Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa. _ _ r _ Đức The Ton hỏi: Này Xá-lợi-phất, nếu các vi Phạm hạnh đến hỏi thầy thế này: "Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là i?" Thầy nghe những câu hỏi đó thì sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: - Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi con rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thế nào là ai?" Bạch Thế Tôn, con nghe vậy rồi sẽ trả lời như thế này: "Này chư Hiền, vì có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; ưa thích,



nhiễm trước ba thọ đó, gọi là Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế thì con sẽ đáp như vậy. Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì nói như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa. Đức Thế Tôn hỏi: Này Xá-lợi-phất, nếu các vị Phạm hạrửi đến hỏi thầy rằng: “Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, thấy thế nào, biết thế nào để đối với ba thọ không nhiễm trước lạc dqc?” Thầy nghe vậy rồi, sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: -Bạch Thế Tôn, nếu các vi Phạm hạnh đến hỏi rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi- phất, thấy thế nào, biết thế nào để đối với ba thọ không nhiễm trước lạc dục?,, Con nghe vậy roi sẽ trả lời như thê này: uNày chư Hiên, ba thọ này là pháp vô thường, pháp khổ, pháp diệt. Pháp vô thường tức là khổ, thấy khổ rồi liền không còn nhiễm trước lạc dục đối với ba thọ.95 Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế thì con sẽ trả lời như vậy. Đức Thế Tôn khen: —Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phât! Nêu có các vị Phạm hạnh đên hỏi như thê, thầy nên đáp như vậy. Vì sao thế? Vì trả lời như thế, nên biết, đó là nói nghĩa. Bay giơ, đức The Ton bảo: Này Xá-lợi-phất, lời nói này còn có một ý nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt. Này Xá-lợi-phất, còn có nghĩa gì để lời nói này có thể được trả lời vắn tắt? Những gì được cảm thọ, những gì được làm ra đêu là khô. Này Xá-lợi-phât, đó là còn có một ý nghĩa nữa đê lời nói ây có thê được trả lời văn tát. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Xá-lợi-phất, nếu có các vị Phạm hạnh đến hỏi rằng: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất? đối với bội xả mà tự cho rằng có trí huệ, biết như thật, sự sanh đã dứt,

Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?” Thầy nghe như vậy rồi sẽ trả lời thế nào? Tôn giả Xá-lợi-phất thưa: - Bạch Thế Tôn, nếu có các vi Phạm hạnh đến hỏi con như thế này: "Thua Tôn giả Xá-lợi-phất, đối với bội xả mà tự cho rằng có trí huệ, biết như thật, sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?" Con nghe vậy rồi, sẽ trả lời như thế này: “Này chư Hiền, tôi đối với bội xả mà dứt hết các thứ ải, không kinh hãi, không sợ sệt, không nghi, không lầm, thực hành sự thủ hộ như vậy; thủ hộ như thế rồi không còn sanh ra lậu bất thiên.” Bạch Thế Tôn, nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy.



Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay, Xá-lợi-phất! Nếu các vị Phạm hạnh đến hỏi như thế, thầy nên trả lời như vậy. Vì sao thế? Vì trả lời như vậy, nên biết, đó là nói nghĩa. Đức Thế Tôn bảo: Này Xá-lợi-phất, lại còn ý nghĩa nữa để có thể trả lời vắn tắt cho lời nói ấy: "Đối với những kiết sử mà một vị Sa-môn nói đến, những kiết sử ấy không phải ta có, thực hành sự thủ hộ như vậy, thủ hộ như thế rồi không còn sanh ra lậu bất thiện.,, Này Xá-lợi-phất? đó là còn có ý nghĩa để có thể trả lời vắn tắt cho lời nói ấy. Đức Thế Tôn nói như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất để tĩnh tọa. Sau khi đức Thế Tôn đi vào tinh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi- phất bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, thoạt tiên tôi vốn chưa kịp gợi ý mà đức Thế Tôn đã hỏi ý nghĩa đó; tôi đã nghĩ rằng, sợ không thể trả lời được. Này chư Hiền, khi tôi nói ra ý nghĩa thứ nhất liền được đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: “Nếu đức Thế Tôn trong một ngày một đêm với những lời khác, với câu khác mà hỏi tôi vê nghĩa này thì tôi vân có thê trong một ngày một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu đức Thế Tôn trong hai, ba, hay bốn, cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này thì tôi cũng vẫn có thể trong hai, ba, bốn, cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy." Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghe Tôn giả Xá-lợi-phất noi như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vội đến chỗ đức Phật mà bạch với Thế Tôn: Sau khi đức Thế Tôn vào tinh thất chẳng bao lâu, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói lời cùng tột, chăng thua gì tiêng rông của sư tử: "Này chư Hiên, thoạt tiên tôi vốn chưa gợi ý mà đức Thế Tôn đã hỏi ý nghĩa đó; tôi lại nghĩ rằng, sợ không thể trả lời được. Này chư Hiền, nhưng khi tôi nói ra nghĩa thứ nhất liền được đức Thế Tôn tán thán, tôi lại nghĩ thế này: 'Nếu đức Thế Tôn trong một ngày một đêm với những lời khác, với câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này thì tôi vẫn có thể trong một ngày một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời đức Thế Tôn về nghĩa ấy. Nếu đức Thế Tôn trong hai, ba, bốn? cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi tôi về nghĩa này thì tôi cũng vẫn có thể trong hai, ba, bốn, cho đến bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác ma tra lơi đức The Ton ve nghĩa áy Đức Thế Tôn bảo: Này Hắc Xỉ, thật vậy, thật vậy! Nếu Ta trong một ngày một đêm với những lời khác, câu khác mà hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phât chác chăn có thê trong một ngày, một đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời Ta về nghĩa ấy. Nếu Ta trong hai, ba, bốn, cho đến bảy ngày bảy

đêm với các lời khác, câu khác để hỏi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất về nghĩa này thì Tỳ- kheo Xá-lợi-phât cũng có thê trong hai, ba, bôn, cho đên bảy ngày bảy đêm với những lời khác, câu khác mà trả lời cho Ta về nghĩa ấy. Vì sao thế? Này Hắc Xỉ, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đã thấu đạt sâu xa về pháp giới vậy. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

24. KINH Sư TỬ HỐNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng du hóa nước Xá-vệ rồi an cư mùa mưa. Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ xong, đã trải qua ba tháng, sau khi vá sửa các y rồi liền xếp y, ôm bát đi đến nơi đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui qua một bên, thưa: Bạch Thế Tôn, con an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ vừa xong. Bạch Thế Tôn, bây giờ con muốn du hành trong nhân gian. Đức Thế Tôn dạy: Này Xá-lợi-phất, thầy hãy đi đến nơi nào tùy ý; những người nào chưa được hóa độ, hãy khiến cho họ được hóa độ; những người nào chưa được giải thoát, hãy khiến cho họ được giải thoát; những ai chưa chứng Niết-bàn, hãy khiên cho họ chứng Niêt-bàn. Này Xá-lợi-phât, thây hãy đi đên nơi nào tùy theo ý muôn! Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe đức Phật dạy xong, khéo léo thọ tri, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi lui ra, trô vê phòng riêng dọn dẹp chô ngôi, xép y, ôm bát roi đi du hành trong nhân gian. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất ra đi không bao lâu, có một vị Phạm hạnh phạm vào pháp tương vi trước mặt đức Phật. Vi ấy thưa đức Thế Tôn: -Hôm nay, Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian. Đức Thế Tôn nghe rồi, bảo một vị Tỳ-kheo rằng: Thầy hãy tìm đến chỗ Xá-lợi-phất, bảo với Xá-lợi-phất: "Dức Thế Tôn gọi Tôn giả, sau khi Tôn giả đi không bao lâu, có một vị Phạm hạnh phạm pháp tương vi trước mặt Như Lai, nói thế này: 'Bạch Thế Tôn, hôm nay Tôn giả Xá- lợi-phất sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian.,,, Vị Tỳ-kheo kia sau khi vâng lời đức Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật rồi ra đi.

122 KINH TRUNG A-HÀM

Bây giờ, Tôn giả A-nan đứng sau đức Thê Tôn, đang câm quạt hâu đức Phật. Sau khi vị Tỳ-kheo kia ra đi không bao lâu. Tôn giả A-nan liền cầm chìa khóa cửa, đi đến khắp các phòng, gặp vị Tỳ-kheo nào cũng nói như thế này: “Lành thay, thưa chư Tôn! Mau đến đại giảng đường, vì hôm nay Tôn giả Xá" lợi-phất sẽ ở trước đức Phật mà rống tiếng sư tử. Nếu Tôn giả Xá-lợi-phất nói ra những điều sâu xa, tịch tịnh ở trong tịch tịnh, vi diệu ở trong vi diệu; những lời như vậy, sau khi các vi và tôi được nghe rồi nên khéo tu tập, nên khéo thọ tri!" Lúc ấy, các vị Tỳ-kheo nghe Tôn giảA-nan nói vậy, tất cả đều đến giảng đường. Bấy giờ, vi Tỳ-kheo kia đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất thưa rằng: "Bức Thế Tôn gọi Tôn giả, sau khi Tôn giả đi không bao lâu, có một vị Phạm hạnh ở trước đức Thế Tôn phạm pháp tương vi, rồi nói thế này:

24. KINH Sư TỬ HỐNG 123

trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một người Phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì làm sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian? Bạch Thê Tôn, cũng như mặt đât5 dung nạp tát cả đô sạch và đô nhơ, đại tiên, tiêu tiện, nước mũi, nước miêng, mặt đát không phai VI the ma co sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như mặt đất kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tap, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi đi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như dòng nước, rửa sạch tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, dòng nước không phải vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thê Tôn, con cũng như vậy, tâm con như dòng nước kia, không két, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như ngọn lửa đốt cháy tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiêu tiện, nước mũi, nước miêng, ngọn lửa không vì thê mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch Thế Tôn, tâm con cũng như vậy, tâm con như ngọn lửa kia không kết, không oán, không sân nhuê, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu và an tru. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ây sẽ khinh mạn một vị Phạm hạnh roi đi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vi Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như gió thổi bay đồ sạch và đồ nho, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, gió vẫn không phải vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xâu xa, không xâu hô9 cũng chăng thẹn thùng. Bạch Thê Tôn, con cũng vậy, tâm con như ngọn gió kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu và an tru. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vi Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như cây chổi quét sạch tất cả đồ sạch và đồ nhơ, đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, cây chổi vẫn không phải vì thế mà có sự yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng thẹn thùng. Bạch



Thế Tôn, con cũng như vậy, tâm con như cây chổi kia, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thê gian, thành tựu và an tru. Bạch Thê Tôn, nêu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ây sẽ khinh mạn một vị Phạm hạnh roi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như cái Bô-chiên-ni, chùi lau tất cả đồ sạch và đồ

nhơ, đại tiện, tiêu tiện, nước mũi, nước miêng, cái Bô-chiên-ni vân không phải vì thê mà có SỊT yêu ghét, không lay làm xấu xa, không xấu ho, cũng chẳng thẹn thting. Bạch Thê Tôn, con cũng như vậy, tâm con như cái Bô-chiên-ni kia, không két, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn vô biên, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như bình mỡ nứt nẻ cùng khắp, đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh nắng mặt trời, chảy rỉ thấm ướt khắp cả; nếu người có mắt đến dứng bát cứ bên nào cũng thây bình mỡ ây nứt nẻ cùng kháp, đựng đầy mỡ rồi đê dưới ánh nắng mặt trời, chảy rỉ khắp, thấm ướt tất cả. Bạch Thế Tôn, con cũng như thê, con thường quan sát thân này có chín lỗ, thường chảy đồ bất tịnh, rỉ khắp, thấm ướt khắp. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vị Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian. Bạch Thê Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì làm sao con lại khinh mạn một vi có Phạm hạnh rồi du hành trong nhân gian? Bạch Thế Tôn, cũng như một người ưa thh tuổi thiếu niên của mình, tắm gội sạch sẽ, xông thân thể bằng hương hoa, mặc áo trắng, đeo vòng ngọc để trang sức, cạo râu, sửa tóc, đầu đội tràng hoa. Nếu đem ba xác chết, xác chết rắn, xác chết chó và xác một người chết, máu ứ bầm xanh, sình trướng to lên, rất thối tha, rữa nát, nước dơ chảy tràn ra dính đầy cổ họng; người ấy sẽ ôm lòng hổ thẹn, rất ghét đồ nhơ uế đó. Bạch Thế Tôn, con cũng như thế, thường quan sát những chỗ thối tha, không sạch sẽ trong thân này, tâm ôm lòng hổ thẹn, rất ghét vật nhơ uế đó. Bạch Thế Tôn, nếu ai không có thân hành niệm trên thân thì người ấy sẽ khinh mạn một vi Phạm hạnh roi du hành trong nhân gian. Bạch Thế Tôn, con khéo có thân hành niệm trên thân thì sao con lại khinh mạn một vị Phạm hạnh roi du hành trong nhân gian? Lúc ấy, vi Tỳ-kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật và bạch: Bạch Thê Tôn, con xin sám hôi, như người ngu si, như người bát định, như người bất thiện! Vì sao thế? Vì con đã đem lời dối trá để vu báng Tỳ-kheo Xá- lợi-phất, là bậc Phạm hạnh thanh tinh. Bạch Thế Tôn, con nay sám hối tội lỗi, mong Ngài chấp nhận cho! Sau khi đã phát lồ rồi, con sẽ không còn tạo tội nữa.

24. KINH Sư TỬ HỐNG 125

Đức Thế Tôn dạy: Quả thật vậy, này Tỳ-kheo, thầy quả thật như người ngu si, như người bất định, như người bất thiện! Vì sao thế? Vì thầy đã đem lời dối trá, hoàn toàn không chân thật để vu báng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc Phạm hạnh thanh tịnh. Thầy có thể sám hối tội lỗi, đã phát lồ rồi, sau này sẽ không còn tạo tội nữa. Nêu cór người nào sám hôi tội lôi, đã phát lô rôi5 sau này 9 không còn tạo tội nữa, như thê sẽ được trưởng thành trong Thánh Pháp, Luật mà chăng bị suy giảm. Thê roi, đức Thê Tôn bảo Ton gia Xa-lai-phat răng: Thày nên sớm nhận sự sám hối tội lỗi của người ngu si kia, chớ để Tỳ- kheo ấy lập tức ở trước thầy mà đầu bị vỡ thành bảy mảnh. Tôn giả Xá-lợi-phât vì thương xót Tỳ-kheo kia nên liên nhận sự sám hôi tội lỗi. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

25. KINH THỦY DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiền, hôm nay tôi sẽ nói năm pháp trừ não cho các vi, hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ! Các vị Tỳ-kheo kia vâng lời, lắng nghe. Tôn giả Xá-lợi-phất nói rằng: Những gì là năm? Này chư Hiên, hoặc một người thân không tịnh hạnh nhưng khẩu có tịnh hạnh, nêu người có trí thây mà sanh phiên giận thì phải nên trừ bo. x 9

Lại nữa, này chư Hiên, hoặc một người khâu có tịnh hạnh nhưng thân không tịnh hạnh, nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì phải nên trừ bỏ. Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tịnh hạnh nhưng tâm có chút tịnh hạnh, nếu người trí thấy mà sanh phiền giận thì phải nên trừ bỏ. Lại nữa, này chư Hiên, hoặc một người thân không tinh hạnh, khâu và ý không tịnh hạnh, nếu người trí có thấy mà sanh phiền giận thì phải nên trừ bỏ. Lại nữa, này chư Hiền, hoặc một người thân tịnh hạnh, khẩu và ý tinh hạnh, nếu người trí thấy mà sanh phiền giận thì phải nên trừ bỏ. Này chư Hiền, hoặc một người thân không tinh hạnh nhưng khẩu tịnh hạnh, nêu người có trí thây mà sanh phiên giận thì nên trừ bỏ như thê nào? Này chư Hiền, cũng như Tỳ-kheo A-luyện-nhã mặc y phấn tảo, thấy áo rách vất trong đống phẩn, hoặc bi đại tiện dơ dáy, hoặc tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tịnh khác thấm dơ, thấy roi tay trái cầm lên, tay phải căng rộng ra, nếu chẳng bị đại tiện, tiểu tiện, nước mũi, nước miếng và các đồ bất tinh khác thấm dơ, lại không có rách lủng, liên xép cat lây. Cũng vậy, này chư Hiên, hoặc một người thân không tịnh hạnh nhưng khẩu tịnh hạnh, chớ nghĩ thân không tịnh hạnh của người kia, chỉ nên nghĩ về khau tinh hạnh của người kia; nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên đoạn trừ như vậy. Này chư Hiền, hoặc có người khẩu không tịnh hạnh nhưng thân tịnh hạnh, nêu có người trí thây mà sanh phiên giận thì nên trừ bỏ như thê nào? Này chư



Hiền, như ngoài thôn xóm không xa có hồ nước rất sâu, rêu cỏ che lấp, nếu có người đi đến rất nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn, bi gió nóng bức bách. Người ây đên hô roi cởi áo đê trên bờ, liên nhảy xuống hô, hai tay khoát rêu ra, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người khẩu không tịnh hạnh nhưng thân tịnh hạnh, đừng nghĩ về khẩu không thanh tịnh của người ấy, chỉ nên nghĩ về thân thanh tịnh của người ấy; nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên đoạn trừ như vậy. Này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tinh hạnh nhưng tâm có chút ít tinh hạnh, nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, như trên con đường ngã tư có nước trong vết chân trâu đi, nếu có người đi đến, vì quá nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn, gió nóng bức bách, người ấy nghĩ thế này: “Mặc dù nước trong lỗ chân trâu ở nệ̃ tư đường này ít, nếu ta dùng tay hay lá cây múc lấy thì sẽ quậy thành đục ngau, không the trừ bỏ sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát, thiếu thốn cho ta. Ta hãy nên quỳ xuống, tay và đầu gối áp sát đất, dùng miệng uống nước.99 Người ấy liền quỳ dài xuống, tay và đầu gối áp sát đất, dùng miệng uống nước. Người ấy liền trừ được sự nóng bức vô cùng, phiền muộn, đói khát,

thiêu thôn. Cũng vậy, này chư Hiên, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu không tịnh hạnh nhưng tâm có chút ít tịnh hạnh, chớ nên nghĩ thân không tịnh hạnh và khẩu không tịnh hạnh của người ấy, chỉ nên nghĩ đến tâm có chút ít tịnh hạnh của người ấy. Này chư Hiền, nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên trừ bỏ đi. Này chư Hiền, hoặc một người thân không tịnh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh, nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như có người đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc bịnh, rất là khốn đốn, héo hắt, cô độc, không bạn bè, thôn xóm phía sau đã cách xa rồi mà thôn xóm phía trước lại chưa đến. Nếu có người đi đến đứng bên cạnh, thấy người bộ hành này đi xa trên con đường dài, nửa đường mắc binh, rất là khốn đôn, héo hát, một mình không có bạn bè gì cả, thôn xóm phía sau đã cách xa roi mà thôn xóm phía trước thì chưa đến. Người ấy nếu chịu giúp đỡ người này, từ trước cánh đông xa xôi dát đên thôn áp chăm sóc, cho uông thang thuôc hay, bô dưỡng, băng đô ăn ngon mỹ diệu; thì do vậy, bịnh của người ây chác chăn được giảm bớt. Đó là người kia có lòng rất thương xót, mẫn niệm đối với người bịnh này. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc một người thân không tinh hạnh, khẩu và ý không tịnh hạnh, nêu người có trí thây nên nghĩ thê này: này thân không tịnh hạnh, khau và ý không tịnh hạnh, đừng đe cho vị này khẩu và ý không tịnh hạnh mà khi thân hoại mạng chung thẳng đen ác xứ, sanh vào địa ngục. Nêu vị này gặp thiện tri thức sẽ bỏ thân không tịnh hạnh để tu thân tinh hạnh, bỏ khẩu và ý không tịnh hạnh để tu khẩu và ý tịnh hạnh; thì do vậy, vị này sẽ do thân tinh hạnh, khau và ý tinh hạnh nên khi thân hoại mạng chung chắc chắn sanh



lên thiện xứ cho đến khi sanh lên thiên thượng.,, Đó là vị kia có lòng thương xót, mân niệm đôi với vị này; nêu người có trí thây mà sanh lòng phiên giận thì nên đoạn trừ như vậy. Này chư Hiền, hoặc có một người thân tịnh hạnh, khẩu và ý tịnh hạnh, nếu người có trí thấy mà sanh phiền giận thì nên trừ bỏ như thế nào? Này chư Hiền, cũng như ngoài thôn xóm không xa có ho nước tốt, đã trong lại ngọt, đáy sâu bằng phẳng, đầy đặn, cỏ biếc ngập bờ, bốn phía có cây cỏ. Nếu có người đến, rát nóng bức, phiên muộn, đói khát, thiêu thôn, gió nóng bức bách. Người kia đến bờ rồi cởi áo để trên bờ, nhảy xuống hồ, khoan khoái mặc tình tắm rửa, trừ bỏ sự nóng bức, phiền muộn, đói khát, thiếu thon. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có một người thân tinh hạnh, khẩu và ý tịnh hạnh thường nên nghĩ về thân tịnh hạnh, khâu và ý tinh hạnh của người ây, nêu người có trí thây mà sanh phiền muộn thì nên trừ bỏ đi. Này chư Hiền, tôi vừa nói có năm pháp trừ não, chính là do vậy mà nói. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

26. KINH CÙ-NI-SƯ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tỳ-kheo Cù-ni-sư cũng trú tại thành Vương Xá, ở trong một khu vô sự, cười đùa, kiêu ngạo, tháo động, không chánh niệm, tâm như khỉ vượn. Tỳ-kheo Cù-ni-sư có chút việc nên đến thành Vương Xá. Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử cùng với đại chúng Tỳ-kheo sau giờ ngọ thực, vì có chút việc nên vân tập tại giảng đường. Tỳ-kheo Cù-ni-sư sau khi đã làm xong việc trong thành Vương Xá, đi đến

giảng đường. Tôn giả Xá-lợi-tử từ đàng xa thấy Cù-ni-sư đi đến, nhân Cù-ni-sư mà bảo các Tỳ-kheo:  Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, phải học sự kính trọng và phải biêt tùy thuận. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự, mà phần nhiều không kính trọng, không biết tùy thuận thì sẽ bi các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: "Vị Hiền giả này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiên giả vô sự này sông ở nơi vô SỊT, nhimg phân nhiêu lại không biêt kính trọng, không biết tùy thuận.,, Nếu vi ấy đến ở trong đại chúng thì cũng bi các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học kính trọng và biết tùy thuận. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học hạnh không cười đùa, không tháo động. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà hay cười đùa, tháo động thì sẽ bi các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: Hiền giả VÔ sự này sông ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thê? Vị Hiên giả vô sự sông ở nơi vô sự, nhưng hay cười đùa, tháo dong.99 Nếu vị ấy đến trong đại chúng thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học hạnh không cười đùa, không tháo động. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học không nói những vấn đề súc sanh. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà nói những vấn đề súc sanh thì sẽ bi các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: uVị Hiền giả vô Sự này sông ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thê? Vị Hiên giả vô sự này sông ở nơi vô sự mà hay nói những vấn đề súc sanh." Nếu vị ấy đến trong đại chúng thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô Sự sông ở nơi vô sự nên học không nói những vân đê súc sanh.



Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học không kiêu ngạo và ít nói. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà hay kiêu ngạo và nói năng nhiều thì sẽ bi các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vi Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà lại hay kiêu ngạo và nói năng nhiêu." Nêu vị ây đên trong đại chúng thì cũng sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích và cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự song ở nơi vô sự nên học không kiêu ngạo và ít nói. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học giữ gìn các căn. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự mà phân nhiêu không chịu thủ hộ các căn thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích và cật vấn: Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà phân nhiêu không chiu giữ gìn các căn/9 Nêu vi ây đên giữa đại chúng thì cũng bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học giữ gìn các căn. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học biết tiết độ trong việc ăn uống. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà ham ăn nhiều món, không biết đủ thì sẽ bị các Tỳ-kheo chỉ trích, cật vấn: Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, mà ham ăn nhiều món, không biết đủ.,, Nếu vị ấy đến giữa đại chúng thì cũng bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó? này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học biết tiết độ trong việc ăn uống. Này chư Hiên, Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự nên học tinh tân, không giải đãi. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự mà lại không tinh tân, giải đãi thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn:

Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vi Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, không tinh tân, mà trái lại còn giải di."Nêu vi ây đên giữa đại chúng thì cũng bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học tinh tấn, không giải đãi. Này chư Hiên, Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự nên học hạnh chánh niệm và chánh trí. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự mà không có chánh niệm, không có chánh trí thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: "Vi Hiền giả vô sự này sông ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thê? Vị Hiên giả vô sự sồng ở nơi vô sự mà không có chánh niệm, không có chánh trí.,, Nếu vị ấy đến giữa đại chúng thì cũng bi các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ- kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học chánh niệm, chánh trí. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học biết thời và đúng thời, không đi vào thôn để khất thực quá sớm, cũng chẳng trở về quá trễ. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà vào thôn ấp để khất thực quá sớm và trở về trễ thì bị các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự



nhưng đi vào thôn áp đê khát thực quá sớm, lại còn trở vê trê." Nêu vị áy đên giữa đại chúng cũng thường bi các Tỳ-kheo quở trách, cật van. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học biết thời và đúng thời. Này chư Hiên, Ty-kheo vô sự sông ở nơi vô sự nên học biêt ngôi và ngôi đúng chỗ, không chiếm chỗ ngồi của vi Trưởng lão để bị vị Tỳ-kheo nhỏ quở trách. Này chư Hiên, nêu vi Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự mà chiêm chô ngồi của bậc Trưởng lão để bi Tỳ-kheo nhỏ ạuở trách thì làm cho các Tỳ-kheo quở trách, cật vấn: "Vj Hiền giả vô sự này sông ở nơi vô sự mà làm gi? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự, nhưng lại chiếm chỗ ngoi của bậc Trưởng lão để bi Tỳ-kheo nhỏ quở trách." Nếu vị ấy đến giữa đại chúng thì cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Ty-kheo sống ở nơi vô sự nên biết ngồi và ngồi đúng chỗ. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học cung nhau bàn luận về Luật và A-tỳ-đàm; Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự và có người đến hỏi về Luật và A-tỳ-đàm. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà kh6ng biết trả lời về Luật và A-tỳ-đàm thì bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật van: Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự này sống ở nơi vô sự nhưng không biết trả lời về Luật và A-tỳ-đàm.^ Nấu vị ấy đến giữa đại chúng thì cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó, này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Luật và A-tỳ-đàm. Này chư Hiên, Tỳ-kheo vô sự sônẸ ở nơi vô sự nên học cùng nhau bàn luận vê tịch tĩnh, giải thoát và ly sác, cho đên vô sác định. Vì sao thê? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự và có người đến hỏi thăm về sự tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc, cho đến vô sắc định. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mà không biết trả lời về tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc, cho đến vô sắc đinh thì bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn: Hiền giả này vô sự sống ở nơi vô sự mà làm gi? Vì sao thế? Vị Hiền giả vô sự sống ở nơi vô sự, nhưng khônệ biết trả lời ve tịch tĩnh, giải thoát và ly sắc, cho đến vô sắc djnh." Nêu vi ây đên giữa đại chúng cũng bị các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vân. Do đó9 này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về tịch tĩnh, giải thoát

và ly sắc, cho đến vô sắc định. Này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Lậu tận trí thông. Vì sao thế? Này chư Hiền, khi Tỳ-kheo vo sự sống ở nơi vô sự, hoặc có người đến hỏi về Lậu tận trí thông. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Lậu tận trí thông thì bị các Tỳ-kheo thườnẹ quở trách, cật vấn: "Hiền ệiả vô sự này sống ở nơi vô sự mà làm gì? Vì sao thê? Vì Hiên giả vô sự này sông ở nơi vô sự mà không biết trả lời về Lậu tận trí thong?5 Nếu vị ấy đến giữa đại chúng thì cũng bi các Tỳ-kheo thường quở trách, cật vấn. Do đó? này chư Hiền, Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự nên học thảo luận về Lậu tận trí thông.

134 KINH TRƯNG A-HÀM

LÚC ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng hiện diện trong đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa rằng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-tử, chỉ những Tỳ-kheo vô sự sống ở nơi vô sự, mới nên học những pháp như vậy, chứ không phải là những Tỳ-kheo ở giữa người đời sao? Tôn giả Xá-lợi-tử trả lời: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, Tỳ-kheo vô sự sông ở nơi vô sự còn nên học những pháp như vậy, huống gì là Tỳ-kheo sống giữa nhân gian? Như vậy, hai vị Tôn giả cùng khen ngợi, tán thán lẫn nhau: "Lành thay!" Sau khi nghe điêu đã nói, họ từ chô ngôi đứng dậy mà đi. Kính trọng, không cười cợt, Không phiếm luận, kiêu ngạo, Giữ căn, ăn biết đủ, Tinh tấn, chánh niệm, trí, Biết thời, ngồi đúng chỗ, Thảo luận Luật, Tỳ-đàm? Và tịch tĩnh, giải thoát, Lậu tận thông, cũng vậy.

27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN r 1, Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, cùng đông đủ đại chúng Tỳ-kheo đang an cư mùa mưa. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử đang ở nước Xá-vệ cũng an cư mùa mưa. Lúc ấy? có một vị Tỳ-kheo đang ở thành Vương Xá sau khi trải qua ba tháng an cư mùa mưa xong, vá sửa lại các y, rồi khoác y, ôm bát từ thành Vương Xá đi đến nước Xá-vệ ở trong vườn Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Vị Tỳ-kheo ấy đi đến chỗ Tôn giả Xá-lê-tử, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả rồi lui ngồi một bên. Tôn giả Xá-lê-tử hỏi: Này Hiên giả, Hiên giả từ đâu đên và an cư mùa mưa ở đâu? Vị Tỳ-kheo kia trả lời: Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, tôi từ thành Vương Xá đến đây và an cư tại thành Vương Xá. Này Hiền giả, đức Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá, pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường không? Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê-tử, đức Thế Tôn an cư tại thành Vương Xá, pháp thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái và khí lực bình thường. Này Hiền giả, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và có mong muốn được nghe pháp không? Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê-tử, đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ- kheo-ni an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, pháp the được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viêng đức Phật và mong muôn được nghe pháp. Này Hiền giả, chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di tại thành Vương Xá, thân the có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe pháp không?

Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê-tử, chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di tại thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại



thoải mái, khí lực bình thường, có thường muôn thăm viêng đức Phật và mong muốn được nghe pháp. -Này Hiền giả, tất cả Sa-môn5 Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và có mong muốn được nghe pháp không? Thật vậy, thưa Tôn giả Xá-lê-tử? tất cả Sa-môn, Phạm chí dị học an cư mùa mưa tại thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe pháp. Ton gia Xá-le-tử lại hỏi: Này Hiền giả, tại thành Vương Xá có một Phạm chí tên là Đà-nhiên, vốn là bạn của tôi trước kia, khi tôi chưa xuất gia, Hiền giả có biết vị ấy không? - Thưa có biết. Này Hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và có mong muốn được nghe pháp không? Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, nhưng không muốn thăm viếng đức Phật và không ưa nghe pháp. Vì sao thế? Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, Phạm chí Đa-nhiên không tinh tấn, phạm các cấm giới. Vì ông ta dựa thế vào quốc vương đến lừa gạt các Phạm chí, cư sĩ; dựa thế vào , n. k • • các Phạm chí, cư sĩ đê lừa gạt quôc vương. Tôn giả Xá-lê-tử nghe rồi, và ba tháng an cư mùa mưa ở nước Xá-vệ đã trải qua, sau khi vá sửa các y, Tôn giả khoác y, ôm bát từ nước Xá-vệ đi đến thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê-tử khoác y, ôm bát vao thành Vương Xá9 lần lượt đi khất thực. Sau khi khất thực xong, Tôn giả đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên. Lúc ấy, Phạm chí Đà-nhiên từ nhà ra đi, đến bên dòng suối, khu cư ngụ để hành hạ dân chúng. Phạm chí Đà-nhiên từ xa trông thấy Tôn giả Xá-lê-tử? liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng đến Tôn giả Xá-lê-tử mà tán thán rang: Kính chào Xá-lê-tử! Đã lâu rồi, Xá-lê-tử không đến đây. Rồi Phạm chí Đà-nhiên, với lòng tôn kính dìu Tôn giả Xá-lê-tử dẫn vào nhà, trải giường đẹp mà mời ngồi. Tôn giả Xá-lê-tử liền ngồi trên giường đó. Phạm chí Đà-nhiên thấy Tôn giả Xá-lê-tử đã ngồi xuống, bèn bưng một cái châu băng vang mơi Ton giả Xa-lê-tử ăn. Ton giả Xá-le-tử noi: -Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ trong lòng vui mừng là đủ.



Phạm chí Đà-nhiên lại mời ăn lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Tôn giả Xá-lê-tử cũng lần thứ hai rồi làn thứ ba nói: Thôi, thôi, Đà-nhiên! Chỉ trong lòng vui mừng là đủ. Lúc đó, Phạm chí Đà-nhiên hỏi: r ?

-Này Xá-lê-tử, cớ gì vào nhà như thê này mà lại chăng chịu ăn? Ngài Xá-lê-tử trả lời: Này Đà-nhiên, ông không tinh tân lại phạm vào các giới câm, dựa thê r 9 \ • -i < quôc vương đê lường gạt các Phạm chí, cư sĩ; roi dựa thê các Phạm chí, cư sĩ đê lừa gạt quôc

vương. Phạm chí Đà-nhiên trả lời:  Xá-lê-tử nên biêt, nay ta còn sông tại gia, lây gia nghiệp làm bôn phận; tôi còn phải lo cho mình được an ổn, cung dưỡng cha mẹ? săn sóc vợ con, cung cấp nô tỳ, phải nộp thuế cho vua, thờ tự thiên thần, cúng tế tổ tiên và còn phải bố thí các Sa-môn, Phạm chí để sau này sanh lên cõi trời, mong được trường thọ, được quả báo an lạc. Này Xá-lê-tử, tất cả các việc ấy không thể nào bỏ đi để chuyên theo giáo pháp. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử bảo:  Này Đà-nhiên, nay tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà trả lời. Này Đà-nhiên, ông nghĩ thê nào, nêu có người vì cha mẹ mà tạo tác việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: "Nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao thế? Tôi đã vì cha mẹ mới tạo các việc Se.” Thê nào, này Đà-nhiên, người ây có thê nào từ ngục tót thoát khỏi sự khổ sở ấy không? Phạm chí Đà-thiên trả lời: - Không thể vậy!  Này Đà-nhiên, ông nghĩ thê nào, nêu có người vì vợ con mà tạo tác việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: "Nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao thế? Tôi đã vì vợ con mới tạo các việc ác." Thê nào, này Đà-nhiên, người ây có thê nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không? Phạm chí Đà-nhiên trả lời: -Không thể vậy!  Này Đà-nhiên, ông nghĩ thê nào, nêu có người vì nô tỳ mà tạo tác việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ sở, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: "Nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao thế? Tôi đã vì nô



• r e e < 7 r tỳ mới tạo các việc ác.” Thê nào, này Đà-nhiên, người ây có thê nào từ ngục tót thoát khỏi sự khổ sở ấy không? Phạm chí Đà-nhiên trả lời: - Không thể vậy!  Này Đà-nhiên, ông nghĩ thế nào, nếu có người vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Phạm chí mà tạo các việc ác, vì tạo ác nên khi thân hoại mạng chung đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; sanh vào địa ngục rồi, khi ngục tốt bắt trói hành hạ rất khổ s&, người ấy hướng về ngục tốt mà nói thế này: "Nên biết, chớ hành hạ tôi! Vì sao thế? Tôi đã vì quốc vương, vì thiên thần, vì tổ tiên, vì Sa-môn, Phạm chí mà tạo các việc C."Thế nào, này Đà-nhiên, người ấy có thể nào từ ngục tốt thoát khỏi sự khổ sở ấy không? - Không thể vậy!  Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử vẫn có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc phước đức, chứ chẳng gây ác nghiệp. Này Bà-nhiên, nêu một tộc tánh tử vân có thê như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của để tôn trọng, kính phụng, hiếu dưỡng cha mẹ, làm các nghiệp phước đức, chứ chẳng gây ác nghiệp; người ấy được cha mẹ thương yêu và nói thế này: "Mong cho con được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao? Vì ta nhờ con nên được an ổn5 khoái lạc." Này Đà-nhiên, nếu người nào được cha mẹ thương yêu rất mực, người đó công đức càng ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương, cung cấp và săn sóc vợ con, làm các nghiệp phước dức, chứ chẳng gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên, nếu một tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, yêu thương, cung cấp và săn sóc

vợ con, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp thì người ấy được vợ con tôn trọng và nói thế này: "Mong cho Tôn trưởng được mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao vậy? Vì ta nhờ Tôn trưởng nên được an ổn, khoái lac.99 Này Đà-nhiên, nếu người nào được vợ con tôn trọng rất mực, người đó công đức ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, thương xót, chu cấp, săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên, nếu có tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, thương xót, chu cấp, săn sóc nô tỳ, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp thì người ấy được nô tỳ tôn trọng và nói thế này: “Mong cho Đại gia được mạnh khỏe, song lâu vô cùng! Vì sao vậy? Vì nhờ Đại gia mà chúng tôi được an ổn.,, Này Đà-nhiên, nếu người nào được nô tỳ rất mực tôn trọng, công đức người ấy ngày tăng thêm, không bao giờ suy giảm.

27. KINH PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN  139

Này Đà-nhiên, một tộc tánh tử có thể như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng, cúng dường các vị Sa-môn5 Phạm chí, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp. Này Đà-nhiên5 nếu có tộc tánh tử như pháp, như nghiệp, như công đức mà làm ra tiền của, tôn trọng, cúng dường các vị Sa- môn, Phạm chí, làm các nghiệp phước đức, chứ không gây ác nghiệp thì người ấy được các vị Sa-môn, Phạm chí yêu mến rất mực và nói thế này: "Mong cho thí chủ mạnh khỏe, sống lâu vô cùng! Vì sao vậy? Vì ta nhờ thí chủ mà được an ổn, khoái Jạc.” Này Đà-nhiên, nếu người nào được Sa-môn? Phạm chí yêu mến rất mực thì công đức người ấy ngày càng tăng thêm, không bao giờ suy giảm. Bấy giờ, Phạm chí Đà-nhiên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về Tôn giả Xá-lê-tử? mà thưa:  Thưa Ton giả Xá-lê-tử, tôi có người vợ yêu quý tên là Đoan Chánh. Tôi vì say mê bà ấy nen đã phóng dật, tạo quá nhiều các nghiệp tội lỗi. Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, bắt đầu từ nay tôi bỏ người vợ Đoan Chánh kia, xin quy y với Tôn giả Xá-lê-tử! Tôn giả Xá-lê-tử trả lời:  Này Đà-nhiên, ông đừng quy y nơi tôi! Ông nên tự quy y nơi Phật, là bậc tôi quy y. Phạm chí Đà-nhiên thưa:  Thưa Tôn giả Xá-lStử, từ hôm nay, tôi xin quy y Phật, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thể Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Thế rồi, Tôn giả Xá-lê-tử thuyết pháp cho Phạm chí Đà-nhiên, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Tôn giả Xá-lê-tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến thành Vương Xá. ở đây được vài ngày, Ngài xếp y, ôm bát, từ thành Vương xá ra đi, đến Nam Sơn, ở trong rừng Thi-nhiếp-hòa thuộc phía Bắc thôn Nam Sơn. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo đi đến thành Vương Xá, ở đây qua được vài ngày, xếp y, ôm bát, từ thành Vương Xá ra đi, cũng đi đến Nam Sơn, trụ trong rừng Thi-nhiếp-hòa, thuộc phía Bắc thôn Nam Sơn. Rồi vi Tỳ-kheo ấy đi đến Tôn giả Xálê-tử, cúi đầu đảnh lễ dưới chân và ngồi sang một bên. Tôn giả Xá-lê-tử hỏi: Hiền giả từ nơi nào tới đây và tru ở đâu? Vị Tỳ-kheo ấy trả lời:  Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, tôi từ thành Vương Xá đến và trú ở thành Vương Xá. Ton gia Xa-lê-tử lại hỏi:  Này Hiền giả, Hiền giả có biết Phạm chí tên là Đà-nhiên ở thành Vương Xá, vốn là bạn của tôi xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia không?

- Thưa, có biết! Này Hiền giả, Phạm chí Đà-nhiên ở thành Vương Xá, thân thể có được an khang, mạnh khỏe, không bệnh tật, đi lại thoải mái, khí lực bình thường, có thường muốn thăm viếng đức Phật và mong muôn được nghe pháp không? Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, Phạm chí Đà-nhiên thường đến thăm viếng đức Phật và mong muốn được nghe pháp nhưng không được mạnh khỏe, khí lực dần dần suy yếu. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, hiện giờ Phạm chí Đà-nhiên mang tật bệnh rát khôn khô, nguy hiêm, không chừng do đó có thê mạng chung. Tôn giả Xá-lê-tử nghe xong lời ấy, liền xếp y, ôm bát từ Nam Sơn ra đi, đến thành Vương Xá, tru trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lê-tử khoác y, ôm bát đi đến nhà của Phạm chí Đà-nhiên. Phạm chí Đà-nhiên từ đàng xa trong thấy Tôn giả Xá-lê-tử đi đến, muốn từ giường đưng dậy. Tôn giả Xá-lê-tử thấy Phạm chí Đà-nhiên muốn từ giường đứng dậy, liền ngăn ông ấy rằng: -Này Phạm chí Đà-nhiên, ông cứ nằm, đừng đứng dậy! Đã có giường khác đây rồi, tôi sẽ ngồi riêng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử liền ngồi xuống giường ấy, ngồi rồi hỏi: -Hôm nay căn bệnh ra sao? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn bớt dần, không đến nỗi tăng thêm chăng? Đà-nhiên trả lời: —Căn bệnh rát là khôn đôn, ăn uông chăng được gì cả, sự đau đớn chỉ tăng thêm mà không cảm thấy giảm bớt tí nào. Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, giống như người lực sĩ đem con dao bén nhọn đâm vào đầu, chỉ sanh sự khổ sở quá mức thôi. Đầu tôi hôm nay nhức nhối címg giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê-tử? cũng như lực sĩ lấy sợi dây thừng chắc đem quấn riết chung quanh đầu, chỉ sanh sự khổ sở quá mức. Đầu tôi hôm nay nhức nhối cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê-tử? cũng giống như người mổ trâu đem con dao bén mổ bụng trâu, chỉ sanh sự khổ sở quá mức. Bụng tôi hôm nay đau quặn cũng giống như vậy. Thưa Tôn giả Xá-lê-tử, cũng như hai người lực sĩ bắt một người ốm yếu đem nướng trên ngọn lửa, chỉ sanh ra sự đau đớn cùng cực. Thân thể tôi hôm nay đau đớn, cả mình sanh ra khổ sở, chỉ tăng thêm chứ không giảm bớt, cũng giống như vậy. Tôn giả Xá-lê-tử bảo: Này Đà-nhiên, bây giờ tôi hỏi ông, tùy sự hiểu biết mà ông trả lời. Này Phạm chí Đà-nhiên5 ông nghĩ thế nào, địa ngục và súc sanh nơi nào tốt đẹp hơn? Đà-nhiên trả lời: Súc sanh tốt đẹp hơn. -Này Đà-nhiên5 súc sanh và nga quỷ, loài nào tốt đẹp hơn? -Nga quỷ tót đẹp hơn.



Này Đà-nhiên, nga quỷ so với người, loài nào tốt đẹp hơn? Loài người tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, người và Tứ Thiên Vương, cõi nào tốt đẹp hơn? Tứ Thiên Vương tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, Tứ Thiên Vương và Tam Thập Tam thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? Tam Thập Tam thiên tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, Tam Thập Tam thiên và Diệm-ma thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? Diệm-ma thiên tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, Diệm-ma thiên và Đâu-suất-đà thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? Đâu-suất-đà thiên tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, Đâu-suất-đà thiên và Hóa Lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên, Hóa Lạc thiên và Tha Hóa Lạc thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? - Tha Hóa Lạc thiên tốt đẹp hơn. Này Đà-nhiên? Tha Hóa Lạc thiên và Phạm thiên, cõi nào tốt đẹp hơn? Phạm thiên tốt đẹp hơn cả! Phạm thiên là tối thắng! Tôn

giả Xá-lê-tử bảo:  Này Đà-nhiên, đức Thế Tôn là bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có nói về bốn Phạm thất. Nếu một tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào tu tập, tu tập nhiều, đoạn dục, xả dục niệm thì khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh lên cõi Phạm thiên. Những gì là bốn? Này Đà-nhiên, đa văn Thánh đệ tử có tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, với hai, ba, bốn phương, tứ duy và thượng hạ thấu khắp tất cả; tâm tương ưng với từ, không thù, không oán, không sân hận, không não hại, bao la quảng đại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng thế, tâm tương ưng với bi, hỷ và xả, không thù, không oán, không sân hận, không não hại, bao la quảng dại, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Nay Da-nhien, đó là đức Thế Tôn, bậc Tn Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói về bốn Phạm thất. Nếu một tộc tánh nam hay tộc tánh nữ nào tu tập, tu tập nhiều, đoạn dục, xả dục niệm thì khi thân hoại mạng chung sanh lên cõi Phạm thiên. Bây giờ, sau khi giáo hóa cho Đà-nhiên? nói vê pháp Phạm thiên, Tôn giả Xá-lê-tử từ chỗ ngồi đứng dậy và đi. Tôn giả Xá-lê-tử từ thành Vương Xá đi ra, chưa đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; đang lúc nửa đường ấy, Phạm chí Đà- nhiên nhờ tu tập bốn Phạm thất, đoạn dục, xả dục niệm nên khi thân hoại mạng chung được sanh lên cõi Phạm thiên.

142  KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đang vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn thấy Tôn giả Xá-lê-tử từ đàng xa đi đến, liền nói với các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo Xa-lê-tử là bậc thông huệ, tốc huệ, tiệp huệ, lợi huệ, quảng huệ, thâm huệ, xuất yếu huệ, minh đạt huệ, biện tài huệ. Tỳ-kheo Xá-lê-tử đã thành tựu thật huệ. Tỳ-kheo Xá-lê-tử đã giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên, đã nói về pháp Phạm thiên, roi vê đây. Nêu được giáo hóa cao hơn nữa thì người kia mau biêt pháp, như pháp. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn bảo:  Này Xá-lê-tử, vì sao thầy không giáo hóa Phạm chí Đà-nhiên bằng một pháp cao hơn Phạm thiên? Nêu thây giáo hóa cao hơn thì người kia sẽ mau biêt pháp, như pháp. Tôn giả Xá-lê-tử thưa:  Bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí mải miết ái trước Phạm thiên, ưa thích Phạm thiên, cho Phạm thiên là rốt ráo, Phạm thiên là tôn quý, thật có Phạm thiên, là Phạm thiên của họ. Do đó, bạch Thế Tôn, con đã giáo hóa như vậy! Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lê-tử và vô lượng trăm ngàn đại chúng sau khi nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

28. KINH GIÁO HÓA BỆNH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp cò Độc. Bấy giờ, trưởng giả cấp Cô Độc mang bệnh hiểm nghèo. Lúc ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc bảo một người sứ giả rằng:  Ngươi hãy đi đến chỗ đức Phật, vì ta mà cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn, thăm hỏi đức Thế Tôn, xem pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vầy: 'Trưởng giả cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, thăm hỏi đức Thế Tôn pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường kh6ng." Sau khi ngươi đã vì ta ma thăm hoi đức The Ton roi, hãy đi đen cho Ton giả Xa-lợi-phât9 hãy VI

ta mà đảnh lễ dưới chân ngài, rồi hỏi thăm Tôn giả pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Rồi nói như vầy: "Trưởng giả cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lợi-phất5 thăm hỏi pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Thưa Tôn giả Xá-lợi- phất, trưởng giả cấp Cô Độc đang mang tật bệnh rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả cấp Cô Độc với tâm chí thiết, rất muốn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, nhưng cơ thê quá sức yêu đuôi, không còn chút khí lực đê đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin ngài hãy vì lòng từ mẫn, mong ngài đến nhà trưởng giả cấp Cô E)0c!" Bấy giờ, sau khi vâng lãnh lời dạy của trưởng giả cấp Co Độc, sứ giả liền đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, rồi đứng sang một bên, thưa rang: Bạch đức Thế Tôn, trưởng giả cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, thăm hỏi đức Thế Tôn pháp thể có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Đức The Ton bao sư giả: Mong cho trưởng giả Cáp Cô Độc an ôn, khoái lạc! Mong cho chư thiên, a-tu-la, kiền-tháp-hòa, la-sát và tất cả chủng loại khác, thân thể được an ổn, khoái lạc!

144 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, sứ giả nghe Phật dạy như thế, khéo léo thọ trì, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng rồi đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên, thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trưởng giả cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả Xá-lợi-phât, xin thăm hỏi Tôn giả pháp thê có được an khang, mạnh khỏe, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực có được bình thường không? Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, trưởng giả cấp Cô Độc đang mang tật bệnh rất hiểm nghèo, nay đã đến hồi nguy kịch. Trưởng giả cấp Cô Độc với tâm chí thiêt, rát muôn được gặp Tôn giả Xá-lợi-phât5 nhưng cơ thê quá sức yêu đuôi, không còn chút khí lực để có thể đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất được. Lành thay, Tôn giả Xá-lợi-phất! Xin ngài hãy vì lòng từ mẫn, mong ngài đến nhà trưởng giả cấp Cô Độc! Tôn giả Xá-lợi-phất liền im lặng nhận lời. Bấy giờ, sứ giả biết rằng Tôn giả Xá-lợi-phất đã im lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ, đi quanh ba vòng rồi ra về. Sau khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất khoác y, ôm bát, đi đến nhà trưởng giả cấp Cô Độc. Trưởng giả cấp Cô Độc thấy Tôn giả Xá-lợi-phất từ đàng xa đi đến, muốn từ giường ngồi dậy. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy vị trưởng giả ấy muốn từ giường ngồi dậy, liền cản lại: Này trưởng giả, chớ ngôi dậy! Này trưởng giả, chớ ngôi dậy! Còn giường khác dây, tôi sẽ ngồi riêng. Tôn giả Xá-lợi-phất liền ngồi lên giường ấy, ngồi rồi hỏi rằng: Bệnh trạng của trưởng giả hôm nay thế nào? Ăn uống được nhiều ít? Sự đau đớn giảm dần, không đến nỗi tăng thêm chăng? Trưởng giả trả lời: Bệnh trạng của con rất nguy hiểm, ăn uống chẳng được gì cả, sự đau đớn chỉ tăng thêm mà không cảm thấy giảm chút nào. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo: Này trưởng giả, chớ sợ! Này trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Vì nếu là kẻ phàm phu ngu si, thành tựu bất tín thì khi thân hoại mạng chung sẽ đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; còn trưởng giả không hề có sự bất tín mà chỉ có lòng tin cao thượng. Này trưởng giả, nhờ lòng tin cao thượng ấy nên sẽ diệt được sự đau nhức khổ sở, sanh ra khoái lạc vô cùng, hoặc do lòng tin cao thượng ấy sẽ chứng

quả Tư-đà-hàm hay quả A-nahàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Này trưởng giả, chớ sợ! Này trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thế? Nếu là kẻ phàm phu ngu si, do ác giới, khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; còn trưởng giả không hề có ác giới mà chỉ có thiện giới. Trưởng giả nhân có thiện giới ấy nên sẽ tiêu diệt sự đau đớn khổ sở, sanh ra sự khoái



khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh thoát nên sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Này trưởng giả, chớ sợ! Này trưởng giả, đừng sợ! Vì sao thê? Vì nêu là kẻ phàm phu ngu si, do có tà trí nên khi thân hoại mạng chung, đi thẳng đến ác xứ, sanh vào địa ngục; còn trưởng giả không có tà trí mà chỉ có chánh trí. Trưởng giả nhân có chánh trí nên sẽ chấm dứt sự thống khổ, sanh ra khoái lạc vô cùng, hoặc nhân có chánh trí nên sẽ chứng quả Tư-đà-hàm hay quả A-na-hàm, vì trưởng giả vốn đã chứng quả Tu-đà-hoàn. Bấy giờ, bệnh trạng của trưởng giả liền được thuyên giảm, bình phục như CŨ, đang năm liên ngôi dậy, khen Tôn giả Xá-lợi-phât răng: Hay thay, hay thay! Ngài thuyết pháp cho bệnh nhân rất kỳ, rất lạ. Thưa Tôn giả Xá-lọd-phất, khi con nghe xong bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân ấy, liên châm dứt hãn thông khô, sanh ra khoái lạc vô cùng. Thưa Tôn giả Xá-lợi- phát, bây giờ bệnh của con đã thuyên giảm han, bình phục như cũ. Thưa Tôn . o [" 5 r giả Xá-lợi-phât5 trước kia, nhân có chút việc cân làm, con đi đên thành Vương Xá, tru tạm trong nhà của một trưởng giả. Lúc ấy, vi trưởng giả kia, buổi sáng hôm sau sẽ cúng dường cho đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, qua đêm ây, lúc trời gân sáng, vị trưởng giả kia sai con cháu, nô tỳ, sứ giả và quyên thuộc: uCác ngươi hãy dậy sớm để cùng nhau bày biện, trang hoàng.,, Những người kia đều vâng lời, cùng nhau sắp xếp việc bếp núc, bày biện cỗ bàn với những loại ngon lành; còn trưởng giả đích thân trải bày một chỗ ngồi cao, trang nghiêm vô lượng. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 sau khi thấy vậy, con liền nghĩ thế này: "H6m nay, vị trưởng giả này vì việc hôn nhân, hay việc lễ hội rước dâu, hay việc thỉnh quốc vương, hay việc mời đại thần mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lơn như vậy?,, Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, suy nghĩ như vậy rồi, con liền hỏi vị trưởng giả kia răng: - Ông vì việc hôn nhân, hay việc lễ hội rước dâu, hay việc thỉnh quốc vương, hay việc mời đại thần mà lại sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đãi đằng lớn như vậy? Lúc ấy, vị trưởng giả kia trả lời con rằng: -Tôi không phải vì việc hôn nhân, cũng không phải rước dâu, không phải lễ hội, không phải thỉnh quốc vương và mời đại thần, nhưng tôi sắm sửa tiệc cơm, mở cuộc đại thí là vì sáng mai tôi sẽ cúng dường cho đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, vì con chưa từng nghe đến danh hiệu đức Phật nên khi nghe rồi, toàn thân lông dựng ngược. Con liền hỏi rằng: Trưởng giả nói Phật, vậy thế nào là Phật?



LÚC đó, vi trưởng giả kia liền trả lời con rằng: Ông chưa được nghe sao? Có một vị dòng dõi họ Thích, từ giã dòng họ Thh, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không nhà để học dạo, chứng quả vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; vị ấy gọi là Phạt. Con lại hỏi rằng: Trưởng giả vừa nói đại chúng, vậy thê

nào là đại chúng? Bây giờ, vị trưởng giả kia trả lời con răng: -Còn có rất nhiều vị, có dòng họ và danh hiệu khác, cũng cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa với lòng tin chí thiết, lìa bỏ gia đình, sống không nhà để theo đức Phật học đạo. Những vị ấy gọi là đại chúng. Đức Phật và đại chúng ấy là những bậc tôi sáp thỉnh đen* Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại hỏi vị trưởng giả kia rằng: Đức Thế Tôn bây giờ đang ở nơi nào? Tôi muốn đến yết kiến. Bây giờ, vị trưởng giả kia trả lời con răng: Đức Thế Tôn đang ở tại thành Vương Xá, trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan- đa, ông có muốn đến đó thì cứ tùy tiện. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con nghĩ thế này: “Mong cho chóng sáng để lập tức đi đến yết kiến đức Phát." Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ, với tâm chí thành, con muôn đên yêt kiên đức Phật nên lúc đang đêm ây mà tưởng đã sáng roi, liên từ nhà trưởng giả ây đi ra, đên trạm dừng nơi công thành. Bây giờ, tại trạm dừng nơi cổng thành có hai người lính gác, một ngưòd gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người gác cuối đêm cho hành khách ở trong thành đi ra cũng chẳng làm trở ngại gì. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât, con lại nghĩ thê này: "Đêm nay còn chưa sáng lăm. Vì sao vậy? Vì tại trạm dừng ở cổng thành có hai người lính gác, một người gác đầu hôm thì cho hành khách bên ngoài vào thành, không làm trở ngại gì; một người nữa gác cuối đêm cho hành khách đi ra cũng không làm trở ngại." Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 con vượt qua trạm dừng ở cửa thành để đi ra bên ngoài, chẳnệ bao lâu ánh sáng biên mát và trời tôi han lại. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phât, con liên sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, mong sao đừng có người nào hay loài phi nhân đến xúc nhiễu con. Bấy giờ, tại trạm dừng ở cửa thành có một vi trời, từ thành Vương Xá đi đên Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa? có ánh sáng tỏa chiêu kháp nơi, đến bảo con rằng: Này trưởng giả, chớ sợ! Này trưởng giả, đừng sợ! Vì sao vậy? Tôi kiếp trước đây vốn là bằng hữu của ông, tên là Mật Khí, vào lúc còn trẻ tuổi, chúng ta rất yêu mến nhau. Này trưởng giả, thuở xưa ấy, tôi đi đến chỗ Tôn giả Đại Mục- kiền-liên cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi sang một bên. Tôn giả Đại Mục- kiền-liên thuyết pháp cho tôi, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau



, 2 Ị. r

khi dùng vô lượng phương tiện đê thuyêt pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho tôi rồi, ngài ban cho tôi pháp tam tự quy y và trao cho năm giới. Này trưởng giả, tôi do tam tự quy y và thọ trì năm giới nên khi thân hoại mạng chung, sanh lên Tứ Thiên Vương ở trong trạm dừng tại cổng thành này. Trưởng giả hãy đi mau lên! Trưởng giả hay đi vội lên! Quả thật, đi tốt hơn là đứng lại. Vị trời ấy nói bài tụng để khuyên con như vầy: Được trăm ngựa, tỳ nữ, Trăm xe đầy châu báu, Không băng phân mười sáu Một bước đi đến Phật. Trăm voi trắng tối thượng, Sắm yên cương vàng, bạc, Không bằng phần mười sáu Một bước đi đến Phật. Trăm nữ nhân đẹp đẽ, Đeo chuỗi ngọc tràng hoa, Không băng phân mười sáu Một bước đi đến Phật. Chuyển Luân Vương kính trọng, Báu ngọc nữ đệ nhất, Không bằng phần mười sáu Một bước đi đến Phật. Vị trời nói tụng xong rồi khuyên con rằng: Này trưởng giả, đi mau lên! Này trưởng giả, đi nhanh lên! Quả thật, đi tốt hơn đứng lại. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con lại nghĩ thế

này: "Dức Phật có ân đức che chở bao trùm, Pháp và đại chúng Tỳ-kheo cũng có ân đức che chở bao trùm. Vì sao vậy? Cho đến bậc trời cũng muốn khiến ta yết kiến." Thưa Tôn giả Xá-lợi- phất, con do ánh sáng ấy mà đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đêm còn chưa sáng tỏ, đức Thế Tôn từ thiền thất đi ra, kinh hành ở khu đất trống để chờ con. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, từ xa con trông thấy đức Phật đẹp đẽ, đoan nghiêm như mặt trăng giữa các vì tinh tú, ánh sáng chói lọi rực rỡ, sáng rực như tòa kim sơn, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nguy, các căn tịch tịnh chẳng có gì che khuất, thành tựu điều ngự, tức tâm tĩnh mặc. Con thấy rồi liền hoan hỷ đi đến trước đức Phật, đảnh lễ sát chân rồi kinh hành theo Ngài, theo pháp của bậc trưởng giả mà nói bài tụng thăm hỏi rằng: rpl Á rp A 7 Ấ

The Ton ngu an on, Đen trọn đêm khỏe chăng? Như Phạm chí diệt độ5 Vì không nhiễm trước dục. Xả ly tất cả nguyện, Được an ổn vô cùng, Tâm từ, không phiền nhiệt, Ngủ an lạc, vui vẻ. Bấy giờ, đức Thế Tôn vừa đi đến cuối đường kinh hành, liền trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy, con đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng cho con rồi, như pháp thông lệ của chư Phật, trước nói pháp đoan chánh, để người nghe hoan hỷ. Đó là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê dục vọng là tai họa, sanh tử là nhơ uế, ngợi khen vô dục là đạo phàm vi diệu, bạch tinh. Đức Thê Tôn nói những pháp như vậy cho con roi, đức

28. KINH GIÁO HÓA BỆNH  149

Phật biết con có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm vươn lên, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không che lấp, có khả năng kham thọ Chánh pháp, nghĩa là những điều chính yếu mà chư Phật nói ra, Thế Tôn liền nói khổ, tập, diệt, đạo cho con. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, ngay khi con ngôi đây, đã thây được bôn Thánh đê: Khô, tập, diệt, đạo. Cũng như tam vải trăng dê nhuộm thành màu sác, con cũng như vậy, ngay khi đang ngôi đã thấy bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 con đã thấy pháp, đắc pháp, giác pháp bạch tịnh, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn sùng ai, cũng chẳng theo người khác, không còn do du, đã trụ nơi quả chứng, được sự không sợ hãi đối với giáo pháp đức Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, con hôm nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! ĩ r y Cúi mong đức Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc, bát đâu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, bấy giờ, con chắp tay thưa rằng:  Bạch đức Thế Tôn, ngưỡng mong Ngài nhận lời mời của con cùng đại chúng Tỳ-kheo đên nước Xá-vệ đê an cư mùa mưa! Lúc ấy, đức Phật hỏi con:  Ông tên là gì? Nhân dân nước Xá-vệ gọi ông là gì? Con liền trả lời:  Con tên là Tu-đạt-đa, vì con thường cung cáp cho những người cô độc, do đó nhân dân nước Xá-vệ gọi con là cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn lại hỏi con: -Tại nước Xá-vệ9 ông có phòng xá gì chưa? Con trả lời rằng: -Tại nước Xá-ve, con chưa có phòng xá gì cả. Bay giơ, đức The Ton bao con:  Nếu có phòng xá thì các thầy Tỳ-kheo mới có thể vãng lai, mới có thể trú ngụ được. Con lại thưa:  rril J A 1 1 rr^-l A rps/K \ y 'L Ấ xỉ -

ẤJ 1 4-Ả z .1 \ rp A  That vạy, bạch The Ton, VI the con sẽ xay cat phong xa đe các thây Tỳ- kheo có thể vãng lai và có thể trú ngụ tại nước Xá-vệ. Mong đức Thế Tôn cho một vi đến giúp đỡ con! Bấy giờ, đức Thế Tôn liền sai Tôn giả Xá-lợi-phất, khiến Tôn giả Xá-lợi-phất đến giúp đỡ. Bay giờ, sau khi nghe đức Phật dạy xong, con khéo léo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật, đi quanh ba vòng rồi đi về.

150 « KINH TRUNG A-HÀM

Khi công việc cần làm tại thành Vương Xá đã hoàn tất, con cùng Tôn giả Xá-lợi-phất đi đến nước Xá-vệ, nhưng không vào trong thành Xá-vệ? cũng chẳng trở về nhà mà lập tức đi dạo khắp bên ngoài thành để xem chỗ nào có thể đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng chẳng ruồi bọ? không lạnh không nóng, có thể xây phòng xá để cúng dường đức Phật và đại chúng. Thưa Tôn giả Xá-lqi-phất, bấy giờ con chỉ thấy vườn của Thắng Đồng Tử là đi lại tốt nhất, ban ngày không ồn ào, ban đêm thì tịch tĩnh, không có muỗi mòng, cũng chăng môi bọ, không lạnh, không nóng. Con thây roi liên suy nghĩ thế này: "Chi có chỗ này là tốt nhất, có thể xay cất phòng xá để cúng dường Phật và đại chúng.y Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc ấy con vào nước Xá-vệ? nhưng cũng chưa về nhà, liền đi đến chỗ Thắng Đồng Tử thưa rằng:  Thưa Đồng Tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không? Bấy giờ, Đồng Tử liền bảo con:  Trưởng giả nên biết, tôi không bán vườn đâu. Cứ như vậy, lân thứ hai roi lân thứ ba, con thưa răng: -Thưa Đồng Tử, ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi không? Bây giờ, Đông Tử cũng lại lân thứ hai roi lân thứ ba bảo con răng: -Tôi không bán vườn, chỉ khi nào ức triệu trải đầy. Con liền thưa:  Này Đồng Tử, ngài đã quyết định giá cả, chỉ còn việc trao tiền nữa thôi. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con và Đồng Tử người thì nói đã quyết định giá cả, người thì nói chưa quyết định giá cả? cùng nhau tranh tụng lớn, rồi dắt nhau đên vi phán xử của nước Xá-vệ đê xin phán luận vê việc này. Bây giờ, vi phán xử nước Xá-vệ bảo Thắng Đồng Tử rằng:  Này Đồng Tử, thế là ngài đã tự quyết đinh giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền nữa thôi. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, con liền vào nước Xá-vệ, trở về nhà lấy tiền, dùng voi, ngựa và xe đê chuyên chở các kho lâm đem đên, đã xuât ra tới ức triệu để trải khắp mặt đất, nhưng còn vài chỗ chưa khắp đến. Thưa Tôn giả Xá- lọd-phất, con nghĩ như vầy: "Nên xuất ở kho nào nữa đây để mang đến trải khắp chỗ dư này, không thừa cũng không thiếu?” Bấy giờ, Thắng Đồng Tử liền bảo con rằng:  Này trưởng giả, nếu có ăn năn về số tiền ấy thì hãy tự mang trở về, trả lại khu vườn cho tôi. Con bảo với Đồng Tử rằng: -Quả thật tôi không có ăn năn. Tôi suy nghĩ xem nên lấy ở kho nào để trải kháp chô dư này, không thừa cũng không thiêu.

28. KINH GIÁO

29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ vào lúc xế trưa, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la, chào hỏi lẫn nhau rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Tôn giả Đại Câu-hy-la như vầy: -Tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời: -Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? ngài muốn hỏi điều gì xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ! Tôn giả

Xá-lợi-phất hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la? có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ- kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là có thầy Tỳ-kheo biết bất thiện và biết gốc bất thiện. Thế nào là biết bất thiện? Thân ác hạnh bất thiện, khẩu và ý ác hạnh bất thiện, đó là biết bất tìiiện. Thế nào là biết gốc bất thiện? Tham là gốc bất thiện, nhuế và si là gốc bất thiện. Đó là biết gốc bất thiện. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết bất thiện và gốc bất thiện như vậy thì đó là thầy Tỳ-ldieo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Cau-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng?



Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đó là có thầy Tỳ-kheo biết thiện và biết gốc thiện. Thế nào là biết thiện? Đó là diệu hạnh của thân là thiện, diệu hạnh của khẩu và ý là thiện. Đó là biết thiện. Thế nào là biết gốc thiện? Vô tham là gốc thiện, vô nhuế và vô si là gốc thiện. Đó là biết gốc thiện. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết thiện và gốc thiện như vậy thì đó là thầy Tỳ-kheo đã thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiên giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiên giả Đại Câu-hy-la, lại có điêu kiện nào mà nhân điêu kiện đó. thây Tỳ-kheo thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la trả lời: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghía là thầy Tỳ-kheo biết như thật về ăn, biêt như thật vê sự tập khởi của ăn, vê sự diệt tận của ăn và về con đường diệt tận của ăn. Thế nào là như thật biết về ăn? Có bốn loại ăn: Một là cách ăn đồ ăn thô tế, hai là cách ăn bang cảm xúc, ba là cách ăn bang ý tư, bon là cách ăn bang thức. Đó là biết như thật về ăn. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của ăn? Nghĩa là do nhiễm ái mới có sự ăn. Đó là biết như thật về sự tập khởi của ăn. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận ăn? Nghĩa là nhiễm ái diệt thì sự ăn diệt. Đó là biết như thật về sự diệt tận ăn. Thế nào là biết như thật về con đường diệt tận ăn? Tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường diệt tận ăn. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về ăn, biết như thật về sự tập khởi ăn, sự diệt tận ăn và con đường diệt tận ăn thì đó là thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và the nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và the nhập Chánh pháp chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu, sự đoạn diệt lậu và con đường đoạn diệt lậu. Thế nào là như thật biết về lậu? Có ba lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Đó là biết như thật về lậu. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của lậu? Nghĩa là vô minh mới có lậu. Đó là biết như thật về lậu tập. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt lậu? Nghĩa là vô minh diệt tức lậu diệt. Đó là biết như thật về lậu diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt lậu? Nghĩa là tám chi Thánh dạo, từ chánh kiến cho tới chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt lậu. Thưa Tôn giả Xá-lọi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về lậu, biết như thật về sự tập khởi của lậu5 sự đoạn diệt lậu và con đường đoạn diệt lậu như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và the nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen rằng: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la9 lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tịnh và the nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: —Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về khổ5 biết như thật về khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo. Thế nào là biết như thật về khổ? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, oán ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, những điều mong cầu mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm là khổ. Đó là biết như thật về khổ. Thế nào là biết như thật về khổ tập? Nghĩa là do già, chết mới có khổ. Đó là biết như thật về khổ tập. Thế nào là biết như thật về khổ diệt? Nghĩa là già, chết diệt tức khổ diệt. Đó là biết như thật về khổ diệt. Thế nào là biết như thật về khổ diệt đạo? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho tới chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về khổ diệt đạo.



Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiên giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về già, chết; biết như thật về sự tập khởi của già, chết; sự đoạn diệt của già, chết và con đường đoạn diệt của già, chết. Thế nào là biết như thật về già? Nghĩa là người kia già cả, đâu bạc, răng rụng, sự cường tráng càng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thê nặng nê, hơi thở khó khăn, chông gậy mà di, các cơ teo rút, da nhăn lại như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí, đó gọi là già. Thế nào là biết như thật về chết? Nghĩa là chúng sanh kia và tất cả loại chúng sanh khác khi mạng chung, cơn vô thường đến thì chết, tiêu mất và tan rã, hoại diệt, tuổi thọ chấm dứt và bị phá hoại, mạng căn bế tắc, đó gọi là chết. Đây là nói về chết, trước đó nói về già; đó là già, chết. Đó là biết như thật về già, chết. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của già, chết? Nghĩa là do

sanh mà có già, chết. Đó là biết như thật về sự tập khởi của già, chết. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của già, chết? Nghĩa là sanh diệt tức già, chết diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của già, chết. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt già, chết? Nghĩa là tám chi Thánh dạo, từ chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt già, chết. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về già, chết; biết như thật về sự tập khởi của già, chết; sự đoạn diệt của già, chết và con đường đoạn diệt của già, chét thì thây Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:



Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Ton giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, sự đoạn diệt của sanh và con đường đoạn diệt của sanh. Thế nào là biết như thật về sanh? Nghĩa là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác đến lúc sanh thì sanh, đến lúc xuất thì xuất, đến lúc thành thì thành. Khi phát khởi năm ấm liền có mạng căn. Đó là biết như thật về sanh. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sanh? Nghĩa là do hữu là có sanh. Đó là biết như thật về sự tập khởi của sanh. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh? Nghĩa là hữu diệt tức sanh diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt của sanh. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt sanh? Nghĩa là tám chi Thánh dạo, từ chánh kiến cho tới chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt sanh. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về sanh, biết như thật về sự tập khởi của sanh, sự đoạn diệt sanh và con đường đoạn diệt sanh thì thây Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và the nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về sự tập khởi của hữu, sự đoạn diệt hữu và con đường đoạn diệt hữu. Thế nào là biết như thật về hun? Nghĩa là có ba hữu: Dục hữu, sắc hữu và vô sắc hữu. Đó là biết như thật về hữu. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hữu? Nghĩa là do thủ mà có hữu. Đó là biết như thật về sự tập khởi của hữu. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt hữu? Nghĩa là thủ diệt tức hữu diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt hữu.



Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt hữu? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt hữu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về hữu, biết như thật về sự

tập khởi của hữu, sự đoạn diệt hữu và con đường đoạn diệt hữu thì thây Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:  Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Hiền giả Đại Cau-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:  Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về sự tập khởi của thủ, sự đoạn diệt thủ và con đường đoạn diệt thủ. Thế nào là biết như thật về thủ? Nghĩa là có bốn thủ: Dục thủ, giới thủ, kiến thủ và ngã thủ. Đó là biết như thật về thủ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thủ? Nghĩa là do ái có thủ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thủ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thủ? Nghĩa là ái diệt tức thủ diệt. Đó là biết như thật về thủ diệt. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thủ? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt thủ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất9 nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thủ, biết như thật về sự tập khởi của thủ, sự đoạn diệt thủ và con đường đoạn diệt thủ thì thây Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tinh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:  Hay thay, hay thay, Hiên giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:  Hiền giả Đại Cau-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó? thày Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và the nhập Chánh pháp chăng?



Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: - Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật về sự tập khởi của ái, sự đoạn diệt ái và con đường đoạn diệt ái. Thế nào là biết như thật về ái? Nghĩa là có ba ái: Dục ải, sắc ái và vô sắc ái. Đó là biết như thật về ái. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của ái? Nghĩa là do thọ mà có ái. Đó là biết như thật về sự tập khởi của ái. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt ái? Nghĩa là thọ diệt tức ái diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt ái. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt ái? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt ái. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về ái, biết như thật ve sự tập khởi của ái. sự đoạn diệt ái và con đường đoạn diệt ái như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen:  Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la? lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tinh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ, sự đoạn diệt thọ và con đường đoạn diet thọ. Thế nào là biết như thật về thọ? Có ba thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đó là biết như thật về thọ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thọ? Nghĩa là

do xúc mà có thọ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thọ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thọ. Nghĩa là xúc diệt tức thọ diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt thọ. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thọ? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt thọ. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thọ, biết như thật về sự tập khởi của thọ, sự đoạn diệt thọ và con đường đoạn diệt thọ như



vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Co vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt xúc và con đường đoạn diệt xúc. Thế nào là biết như thật về xúc? Nghĩa là có ba xúc: Lạc xúc, khổ xúc và bất khổ bất lạc xúc. Đó là biết như thật về xúc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của xúc? Nghĩa là do sáu xứ mà có xúc. Đó là biết như thật về sự tập khởi của xúc. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt xúc? Nghĩa là sáu xứ diệt tức xúc diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt xúc. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt xúc? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt xúc. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thày Tỳ-kheo biết như thật về xúc, biết như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt xúc và con đường đoạn diệt xúc như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Cau-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó5 thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tinh và the nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, sự đoạn diệt sáu xứ và con đường đoạn diệt sáu xứ.



Thế nào là biết như thật về sáu xứ? Nghĩa là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ? Nghĩa là do danh sắc mà có sáu xứ. Đó là biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt sáu xứ? Nghĩa là danh sắc diệt tức sáu xứ diệt. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về sự đoạn diệt của sáu xứ. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt sáu xứ? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là thầy Tỳ-kheo biết như thật về con đường đoạn diệt sáu xứ. Thưa Tôn giả Xálọdphất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về sáu xứ, biết như thật về sự tập khởi của sáu xứ, sự đoạn diệt sáu xứ và con đường đoạn diệt sáu xứ như vậy thì thầy

Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: -Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó9 thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật về sự tập khởi của danh sắc, sự đoạn diệt danh sắc và con đường đoạn diệt danh sắc. Thế nào la biết như thật về danh? Nghĩa là bốn ấm không phải sắc là danh. Thế nào là biết sắc? Bốn đại và sắc do bốn đại tạo thành. Đây là nói về sắc, trước đó là nói về danh, đó là danh sắc. Đó là biết như thật về danh sắc. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của danh sắc? Nghĩa là do thức mà có danh sắc. Đó là biết như thật về sự tập khởi của danh sắc. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt của danh sắc? Nghĩa là thức diệt tức danh sắc diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt danh sắc. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt danh sắc? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt danh sắc. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thày Tỳ-kheo biết như thật về danh sắc, biết như thật ve sự tập khởi của danh sắc, sự đoạn diệt danh sắc và con đường đoạn diệt danh sắc như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tinh và thê nhập Chánh pháp.



Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: —Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi"phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Hiên giả Đại Câu-hy-la? lại có điêu kiện nào mà nhân điêu kiện đó, thây Tỳ-kheo thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bát hoại tinh và the nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật ve sự tập khởi của thức, sự đoạn diệt thức và con đường đoạn diệt thức. Thế nào là biết như thật về thức? Nghĩa là có sáu thức: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức. Đó là biết như thật về thức. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức? Nghĩa là do hành mà có thức. Đó là biết như thật về sự tập khởi của thức. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt thức? Nghĩa là do hành diệt tức thức diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt thức. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt thức? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt thức. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về thức, biết như thật về sự tập khởi của thức, sự đoạn diệt thức và con đường đoạn diệt thức như vậy thì thầy Tỳ-kheo đó thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: -Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: —Hiền giả Đại Cau-hy-la, lại có điều kiện nào mà nhân điều kiện đó, thầy Tỳ-kheo thành tựu kiến, được chánh kiến, đối với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có vậy, thưa Ton giả Xá-lợi-phất, nghĩa là thầy Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, sự đoạn diệt hành và con đường đoạn diệt hành. Thế nào

là biết như thật về hành? Nghĩa là có ba hành: Thân hành, khẩu hành và ý hành. Đó là biết như thật về hành.

29. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA 163

Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của hành? Nghĩa là do vô minh mà có hành. Đó là biết như thật về sự tập khởi của hành. Thế nào là biết như thật về sự đoạn diệt hành? Nghĩa là vô minh diệt tức hành diệt. Đó là biết như thật về sự đoạn diệt hành. Thế nào là biết như thật về con đường đoạn diệt hành? Nghĩa là tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó là biết như thật về con đường đoạn diệt hành. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo biết như thật về hành, biết như thật về sự tập khởi của hành, sự đoạn diệt hành và con đường đoạn diệt hành như vậy thì thây Tỳ-kheo đó thành tựu kiên, được chánh kiên, đôi với pháp được bất hoại tịnh và thể nhập Chánh pháp. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen rồi hoan hỷ phụng hành. Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi: Thưa Hiền giả Đại Câu-hy-la, nếu có thầy Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh thì vi ấy còn phải làm những gì nữa? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thưa Tôn giảXá-lợi-phất, nếu có thầy Tỳ-kheo mà vô minh đã dứt, minh đã phát sanh thì vị ấy không còn phải làm gì nữa. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe rồi khen: Hay thay, hay thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Hai vi Tôn giả ây cùng nhau nói vê nghĩa như vậy đêu hoan hỷ phụng hành, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi.

30. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo rằng: Này chư Hiên, nêu có vô lượng thiện pháp thì tát cả những pháp áy đêu thâu nhiêp vào bốn Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đế; nghĩa là trong tất cả pháp, bốn Thánh đế là pháp tối thượng bậc nhất. Vì sao thế? Vì bốn Thánh đế bao gồm tất cả thiện pháp. Này chư Hiền, cũng như dấu chân của các loài thú thì dấu chân voi là bậc nhất. Vì sao thế? Vì dấu chân voi ấy rất to lớn vậy. Cũng vậy, này chư Hiền, có vô lượng thiện pháp thì tất cả pháp ấy đều thâu nhiếp vào bon Thánh đế, đi vào trong bốn Thánh đe; nghĩa là trong tát cả pháp, bốn Thánh đế là pháp tối thượng bậc nhất. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh dế, khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạo Thánh đế. Này chư Hiền, thế nào ỉa khổ Thánh đế? Nghĩa là sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, thù ghét mà gặp nhau là khổ, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà không được là khổ; nói tóm lại, năm ấm là khô. Này chư Hiền, thế nào là năm ấm là khổ? Nghĩa là sắc ấm, thọ, tưởng, hành và thức ấm. Này chư Hiền, thế nào là sắc ấm? Nghĩa là những gì có sắc, tất cả bốn đại và do bon đại tạo thành. Này chư Hiền, thế nào là bốn đại? Nghĩa là đất, nước, lửa và gió. Này chư Hiền, thế nào là địa giới? Này chư Hiền, địa giới có hai: Có nội địa giới và ngoại địa giới. Này chư Hiền, thế nào là nội địa giới? Nghĩa là ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân những gì cứng, thuộc loại cứng, cố định, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Là tóc, long, móng, răng, da thô hay mịn, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, lá lách, ruột, bao tử, phẩn; và tương tự như vậy, những thứ khác ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong cứng, thuộc loại cứng, cố định, bi chấp thủ bên trong; ấy là nội địa giới. Này chư Hiền, ngoại địa giới nghĩa là đại, là tịnh, là

không tang ố.



Này chư Hiên, có lúc bi thủy tai, khi ây tiêu diệt cả ngoại địa giới. Này chư Hiền, ngoại địa giới này cực dại, cực tịnh, cực bất tang ố. Đó là pháp vô thường, pháp cùng tận, pháp suy yếu, pháp biến dịch; huống nữa xác thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta.” Còn đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như thế "Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta.” Vi ấy vì sao nghĩ như vậy? Nêu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy nghĩ: "Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải không sanh ra từ nhân duySn." Cái ẹì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy cũng quán xúc này là vô thường, roi quán thọ, tưởng, hành, thức đều là VÔ thường. Tâm vị ây duyên nơi đôi tượng mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhát tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ diu dàng; vi ấy suy nghĩ như vầy: “cai khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải không sanh ra từ nhân duyên.^^ Duyên là gì? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, rồi quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vi ấy duyên nơi đối tượng mà trụ, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, thiểu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy: Hoặc nam tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao dâm, gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: “Ta thọ thân này vốn là sắc pháp, là thô chất, thuộc bôn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, nằm ngồi bồng bế; nó là pháp bị hư hoại, là pháp bị diệt tận, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy dap?5 Do ý nghĩ đó, vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm, an định. Vị ấy nghĩ thế này: "Ta siêng năng, không biếng nhác, chánh tâm, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm, an đinh; ta thọ thân này dù cho bị tay thoi, đá ném, dao dâm, gậy đập cũng chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn?9 Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: "Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thê ra. Nêu các thây bị kẻ giặc câm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thê ra9 lúc ây hoặc tâm dao động, hoặc nói năng hung dữ, tức các thây đã suy thoái. Các thầy nên nghĩ như vầy: 'Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không dao động, không nói năng hung dữ mà khởi tâm ai mẫn đối với người đã đến xẻ vụn thân thể ta ra. Do người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú; cũng thế, với hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú" Này chư Hiên, thây Tỳ-kheo kia, nêu nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú thiện, tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: "Ta ở trong sự lợi ích mà không được lọi ích, ở

trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an tru nơi thiện, tương img với xả." Này chư Hiên, như người dâu lúc mới rước vê gặp mặt cha mẹ chông, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng, thây Tỳ-kheo cũng lại như vậy nên xâu hô, thẹn thùng và nghĩ: "Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với x Người ấy, do xấu hổ, thẹn thùng nên liền an trú nơi thiện, tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại. Này chư Hiền, thế nào thủy giới? ở dây, thủy giới có hai: Nội thủy giới và ngoại thủy giới. Này chư Hiền, thế nào là nội thủy giới? Đó là nước ở trong thân, được thâu nhiếp bên trong thân, tính của nước là ẩm ướt, chứa đựng ở trong thân. Đó là những gì? Là mỡ 6c, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ máu, mỡ, tủy, nước dãi, nước mật, nước tiểu; và tương tự như vậy, tất cả những chất nước khác, thuộc ở trong thân này, được thâu nhiếp bên trong thân, thuộc loại nước, ẩm ướt, bị chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội thủy giới. Này chư Hiền, ngoại thủy giới đó là đại, là tinh, là không tang ố. Này chư Hiền, có lúc bi hỏa tai, lúc đó ngoại thủy giới bị tiêu diệt. Này chư Hiền, ngoại thủy giới rất lớn, rất tịĩứi, rất bất tang ố; đó là pháp vô thường, pháp đoạn diệt, pháp suy yếu, pháp biến dịch; huống gì cái thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái. Nghĩa là có kẻ phàm phu ngu si, không học, suy nghĩ như vầy: “Dây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta." Còn đa văn Thánh đệ tử không nghĩ: "Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta." Vi ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vi ấy nghĩ như vầy: "Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên.99 Duyên là gì? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Vào lúc khác, có người đến nói với vị ấy bằng lời lẽ dịu dàng; vi ấy suy nghĩ như vầy: “Cái lạc đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên.95 Thế nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà tru, mà chi, mà hiệp, mà nhất tâm, mà đinh, mà không layj động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, thiếu niên, tráng niên hay trưởng lão đên làm điêu không vừa ý đôi với vị ây: Hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập. Vi ây suy nghĩ thế này: "Ta thọ thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng xoa bóp, tắm rửa; nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này



mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy dap." Do lẽ đó, vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vị ấy nghĩ thế này: "Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhát tâm an đinh; ta thọ thân này dù bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập? cũng chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn.^, Này chư

Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: "Gi sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân the ra. Nêu các thầy bi kẻ giặc cam cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức là các thầy đã suy thoái. Các thầy nên suy nghĩ như vầy: 'Giả sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mẫn đối với người xẻ vụn thân thể ta ra. Nhờ người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an tru; cũng thế, với hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ9 biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ? không kết, không oán, không nhuê, không tránh, quảng dại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. g Này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo kia nương Phật, Phá^ và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thay Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ5 thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xả." Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng, thây Tỳ-kheo cũng lại như vậy nên xâu hô, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích mà không lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xNgười ấy do xấu hổ, thẹn thùng nên thường an trú nơi thiện, tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại. Này chư Hiền, thế nào là hỏa giới? Này chư Hiền, ở đây hỏa giới có hai: Nội hỏa giới và ngoại hỏa giới. Này chư Hiền, thế nào là nội hỏa giới? Đó là lửa ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân, những gì là hỏa thuộc tánh nóng, bị chấp thủ bên trong. Đó là những gì? Nóng bức nơi thân, phiền muộn, sự ấm áp, tráng kiện, tiêu hóa đồ ăn; và tương tự như vậy, những thứ lửa khác ở trong thân, được thâu nhiếp trong thân, tánh lửa nóng, bị chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội hỏa giới. Này chư Hiền, ngoại hỏa giới là đại, là tịnh, là không tang ố. Này chư Hiền, có lúc ngoại hỏa giới phát khởi lên, khi phát khởi rồi thì thiêu đốt xóm ấp, thành quách, núi rừng, đồng nội, diệt các thứ đó rồi, hoặc đến đường đến nước thì bị tắt. Này chư Hiền, sau khi ngoại hỏa giới tắt, nhân dân tìm lửa, hoặc cọ cây lay lửa, chặt tre, hoặc dùng ngọc lấy lửa. Này chư Hiền, ngoại hỏa giới này cực đại,



cực tịnh, cực bát tăng ô; đó là pháp vô thường, là pháp đoạn diệt, là pháp suy yếu, là pháp biến dịch; huống gì là cái thân tạm bợ này bị chấp thủ bởi ái này. Nghĩa là có kẻ phàm phu ngu si, không học, suy nghĩ như vầy: “Bây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta.” Còn đa văn Thánh đệ tử không nghĩ như vầy: "Dây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta." Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nêu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy nghĩ như vầy: "Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên.^, Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đến nói với vi ấy bằng lời lẽ diu dàng; vi ấy suy

nghĩ như vầy: "Cái lạc đến với mình đây sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên.” Thế nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vi ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chí, mà hiệp, mà nhất tâm, mà đinh, mà khônẹ lay động. Sau đó, hoặc có người thơ âu, thiêu niên, tráng niên hay trưởng lão đên làm điều không vừa ý đối với vị ấy: Hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: "Ta thọ thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bôn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, xoa bóp; nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bị tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy dap.99 Do lẽ đó vị kia rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định. Vi ấy nghĩ thế nay: “Ta rất siêng năng, không biếng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuế, không si, nhất tâm an định; ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao đâm, chỉ nên siêng năng học giáo pháp của đức Thế Tôn?9 Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: "Gi sử có kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra. Nếu các thầy bị kẻ giặc cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức là các thây đã suy thoái. Các thây nên suy nghĩ như vây: 'Nêu có kẻ giặc câm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mẫn đối với người xẻ vụn thân thể ta ra. Nhờ người đó nên tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú; cũng thế, với hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú.,, A r \ Này chư Hiên, nêu thây Tỳ-kheo kia nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an tru nơi thiện, tương ưng với xả, thì này chư Hiền, thầy Tỳ-kheo ấy nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: “Ta ở trong lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với x



Này chư Hiền, như người dâu lúc mới rước về gặp mặt cha mẹ chồng, hay gặp người chồng của mình thì xấu hổ, thẹn thùng. Này chư Hiền, nên biết rằng, thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy nên xấu hổ, thẹn thùng và nghĩ: "Ta ở trong lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xảy Người ấy do xấu hổ, thẹn thùng nên liền an tru nơi thiện, tương ưng với xả; đó là diệu, là tĩnh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái? vô dục, diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại. Này chư Hiên, thê nào là phong giới? Này chư Hiên, ở đây, phong giới có hai: Nội phong giới và ngoại phong giới. Này chư Hiền, thế nào là nội phong giới. Đó là gió ở trong thân, được thâu nhiêp trong thân, những gì là gió thuộc tính chát chuyên động, bị chập thủ bên trong. Đó là những gì? Là gió trên, gió dưới, gió trong bụng, gió ngang hông, gió co thắt lại, gió dao5 gió nhảy lên, gió phi đạo, gió thổi qua tay chân, gió của hơi thở ra, gió của hơi thở vô; và tương tự như vậy, những thứ khác ở trong thân, được thâu nhiếp

trong thân, thuộc loại gió chuyển động, bị chấp thủ bên trong. Này chư Hiền, đó là nội phong giới. Này chư Hiền, ngoại phong giới là đại, là tịnh, là không tang ố. Này chư Hiền, có lúc ngoại phong giới phát khởi lên, khi phát khởi rồi thì nhà sập? cây tróc, núi lở, khi núi non đã lở rồi gió liền đứng lại, mảy lông cũng chẳng lay động. Này chư Hiền, sau khi ngoại phong giới dừng lại, nhân dân tìm kiếm gió, hoặc dùng quạt, hoặc dùng lá đa-la, hoặc dùng áo tìm gió. Này chư Hiền, phong giới này cực dại, cực tịnh, cực bát tăng ô; đó là pháp vô thường, là pháp đoạn diệt, là pháp suy yêu, là pháp biên dịch; huông là xác thân tạm bợ, bị chập thủ bởi ái này. Nghĩa là kẻ phàm phu ngu si, không đa văn nghĩ như vầy: "Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta.” Còn đa văn Thánh đệ tử không suy nghĩ như thế: "Đây là ta, đây là tự ngã của ta, đây là của ta." Vị ấy vì sao nghĩ như vậy? Nếu có người khác mắng chửi, đánh đập, giận dữ, quở trách thì vị ấy nghĩ như vậy: "Cái khổ đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ chẳng phải là không sanh ra từ nhân duyên.,, Cái gì là duyên? Duyên vào khổ xúc vậy. Vị ấy quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vị ây duyên nơi đôi tượng mà trú, mà chỉ, mà hiệp, mà nhát tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, có người đen nói với vị ấy bằng lời lẽ diu dàng, vị ấy suy nghĩ như vầy: "Cái lạc đến với mình đây là sanh ra từ nhân duyên, chớ 7 ĩ chăng phải là không sanh ra từ nhân duy!!." Thê nào là duyên? Duyên vào lạc xúc vậy. Vị ây quán xúc này là vô thường, quán thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường. Tâm vi ấy duyên nơi đối tượng mà trú, mà chi, mà hiệp, mà nhất tâm, mà định, mà không lay động. Sau đó, hoặc có người thơ ấu, thiếu niên, trung niên hay trưởng lão đến làm điều không vừa ý đối với vị ấy: Hoặc nắm tay thoi, hoặc lấy đá ném, hoặc dùng dao đâm, gậy đập. Vị ấy suy nghĩ thế này: "Ta thọ



thân này vốn là do sắc pháp, thô chất, thuộc bốn đại chủng, do cha mẹ sanh, được nuôi dưỡng bằng ăn uống, được che kín bằng y phục, được chăm sóc bằng tam rửa, xoa bóp; nó là pháp hư hoại, là pháp đoạn diệt, là pháp ly tán. Ta vì thân này mà đến nỗi bi tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy dap." Do lẽ đó vị kia rất L năng, không biêng siêng .L nhác, chánh thân,: chánh r niệm, không nhuê, không r si, nhát tâm an đinh, : vi ây nghĩ như thê này: r "Ta rát• siêng r năng, không biêng nhác, chánh thân, chánh niệm, không nhuê, không si, nhát tâm an định; ta thọ thân này đáng để cho tay thoi, đá ném, dao đâm, gậy đập, chỉ nên siêng năng học giao pháp cua đức The Ton. Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: "Giả sử có giặc đến cầm cưa hay dao bén xẻ vụn thân the ra. Nêu các thay bị kẻ giặc cam cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ra, lúc ấy hoặc tâm biến dịch, hoặc nói năng hung dữ, tức các thây đã suy thoái. Các thây nên nghĩ như vây: 'Giả sử có kẻ giặc đên câm cưa hay dao bén xẻ vụn thân thể ta ra, mong sao nhân đó mà tâm ta không biến dịch, không nói năng hung dữ, hãy khởi tâm ai mẫn đối với người đến xẻ vụn thân thể ta ra. Nhờ người đó nên tâm ta tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú; cũng the, với hai, ba, bon phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả; tâm tương ưng với từ, không két, không oán, không nhuê, không tránh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú.g Này chư Hiên, thây Tỳ-kheo kia nêu nương Phật, Pháp và Đại chúng mà vân không an

trú nơi thiện, tương ung với xả, thì này chư Hiên, thây Tỳ-kheo ấy nên hổ thẹn nên xấu hổ và nghĩ: "Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an trú nơi thiện, tương ưng với xảy Này chư Hiên, như người dâu lúc mới rước vê gặp mặt cha mẹ chông, hay gặp người chông của mình thì xâu hô, thẹn thùng. Này chư Hiên, nên biêt răng, thầy Tỳ-kheo cũng lại như vậy nên xấu hổ, thẹn thùng nghĩ: “Ta ở trong sự lợi ích mà không được lợi ích, ở trong đức mà không có đức; nghĩa là ta nhờ Phật, Pháp và Đại chúng mà vẫn không an tru nơi thiện, tương ưng với x"Người ấy do hổ thẹn, xấu hổ nên liền an trú nơi thiện, tương ưng với xả; đó là diệu, là tinh, là tịch diệt, nghĩa là xả tất cả hữu, lìa ái, vô dục5 diệt tận hoàn toàn. Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại. Này chư Hiền, cũng như nhờ cây gỗ? nhờ bùn đất, nhờ cỏ nước che kín trên một khoảng không nên sanh ra danh từ "nha”. Chư Hiền nên biết, thân này cũng lại như vậy, nhờ gân cốt, nhờ da dẻ, nhờ thịt máu, vây kín một khoảng không nên sanh ra danh từ "th2n". Này chư Hiên, như có người bi hư mat nên ngoại sác không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm, và do đó nhãn thức không sanh ra được. Này chư Hiền, nếu con mắt không bi hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên nhãn thức được sanh ra.



Này chư Hiền, con mắt và sắc, cùng với nhãn thức biết ngoại sắc; đó thuộc về sắc ấm. Nếu có thọ thì đó là thọ ấm, nếu có tưởng thì đó là tưởng ấm, nếu có tư thì đó là tư ấm, nếu có thức thì đó là thức ấm. Như vậy, quan sát sự hội hiệp của các ấm. Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: "Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy pháp tức thấy duyên kh&i." Vì sao thế? Này chư Hiền, đức Thê Tôn dạy năm âm từ nhân duyên sanh, sác âm, thọ, tưởng, hành, thức âm cũng vậy. Này chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm; do d6, ý thức không sanh khởi được. Này chư Hiên, nêu nội ý xứ không bi hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên ý thức được sanh ra. Này chư Hiên, ý xứ bên trong và pháp cùng với ý thức biêt sác pháp bên ngoài, đó thuộc về sắc ấm, nếu có thọ thì đó là thọ ấm, nếu có tưởng thì đó là tưởng âm, nêu có tư thì đó là tư âm, nêu có thức thì đó là thức âm. Quán sát sự hội hiệp của các âm như vậy. Này chư Hiền, đức Thế Tôn cũng nói như vầy: “Nếu ai thấy duyên khởi tức thấy pháp, nếu thấy pháp tức thấy duyên kh&i Vì sao thế? Này chư Hiền, đức Thế Tôn dạy năm ấm từ nhân duyên sanh, sắc ấm, thọ? tưởng, hành và thức ấm cũng vậy. Vị ấy nhàm chán năm ấm này trong ba đời: Quá khứ, vi lai, hiện tại; nhàm chán rồi liền vô dục, vô dục rồi liền giải thoát, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết một cách như thật rằng: uSự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Này chư Hiền, đó là thầy Tỳ-kheo học về tất cả đại. Tôn giả Xá-lợi-phất giảng như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi- phất giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp CÒ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy

Tỳ-kheo rằng:  Đây là sự cong bố Chánh pháp tối thượng, tức là công bố bốn Thánh đế; đó là sự thâu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lồ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng. Trong quá khứ, các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng đã có sự công bố Chánh pháp tối thượng này, tức công bố bốn Thánh đế; đó là sự thâu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lồ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng. Trong đời vị lai, các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng sẽ có sự công bố Chánh pháp tối thượng này, tức công bố bốn Thánh đế; đó là sự thâu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lồ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng. Trong đời hiện tại, Ta là đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng công bố Chánh pháp tối thượng này, tức công bố bốn Thánh đế; đó là sự thâu nhiếp toàn diện, là sự quán chiếu toàn diện, là sự phân biệt, là sự phát lồ, là sự khát ngưỡng, là sự thi thiết, là sự hiển thị, là sự thú hướng. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là bậc thông huệ, là bậc tối huệ, là bậc tiệp huệ, là bậc lợi huệ, quảng huệ, thâm huệ, xuất yêu huệ, minh đạt huệ, biện tài huệ. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thành tựu thật huệ. Vì sao vậy? Vì Ta nói sơ lược về bốn Thánh đế này thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có thê vì người khác mà giáo hóa toàn diện, quán sát toàn diện, phân biệt, phát lo, khát ngưỡng, thi thiết, hiển thi, thú hướng. Khi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất giáo hóa toàn diện, khai thị toàn diện về bốn Thánh đế này, phân biệt, phát lồ, khát ngưỡng, thi thiết, hiển thi, thú hướng thì có thể làm cho vô lượng người đạt đến chánh quán. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất có khả năng hướng dẫn bằng chánh kiến; Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có khả năng làm cho đứng vững nơi chân tế tối thượng, nghĩa là cứu cánh lậu tận. Tỳ-kheo Xá-lợi" phát sanh ra các bậc Phạm hạnh, cũng như sanh mâu; Tỳ-kheo Mục-kiên-liên trưởng dưỡng các bậc Phạm hạnh, cũng như dưỡng mẫu. Do đỏ, các vị Phạm hạnh nên phụng SỊT, cúng dường, cung kính, lễ bái Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và



Mục-kiền-liên. Vì sao thế? Vì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên mong cầu phước lợi, thiện ích, và cầu sự an ổn, an lạc cho các vị Phạm hạnh. Bấy giờ, sau khi nói như vậy rồi đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:  Này chư Hiền, đức Thế Tôn vì chúng ta mà xuất hiện trên thế gian, vì mọi người mà giáo hóa và khai thị toàn diện bôn Thánh đê này, phân biệt, phát lô, khát ngưỡng, thi thiết, hiển thị, thú hướng. Những gì là bốn? Đó là khổ Thánh đế, khổ tập, khổ diệt và khổ diệt đạn Thánh đế. Này chư Hiền, thế nào là khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là kho, chết là kho, oán thù mà gặp nhau là kho, yêu thương mà xa lìa là khổ, mong cầu mà không được là khổ; tóm lại, năm ấm là khổ. Này chư Hiền, nói sanh là khổ, vì lẽ gì mà nói như vậy? Này chư Hiền, sanh là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác sanh thì sanh, xuất thì xuất, thành thì thành, phát khởi năm ấm rồi, liền có mạng căn, như vậy gọi là sanh. Này chư Hiền, sanh là khổ, đó là chúng sanh khi sanh, thân chiu sự khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, : cảm thọ A • tát cả cảm thọ; • thân tâm lãnh nạp 9 X khô, lãnh nạp tátr cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự phiên não, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm

lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, nói sanh là khổ, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiền, nói già là khổ, vì lẽ gì nói như vậy? Này chư Hiền, già nghĩa r r y là chúng sanh kia và tát cả chúng sanh khác trở nên già yêu, đâu bạc, răng rụng, sự cường tráng ngày càng suy giảm, thân còng, chân vẹo, cơ thể nặng nề, hơi thở đưa lên, phải chống gậy mà di, thịt rút, da nhăn xù xì như cây gai, các căn hư hoại, nhan sắc xấu xí, như vậy gọi là lão. Này chư Hiền, già là khổ, nghĩa là khi chúng sanh già, thân chịu khô, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; tâm lãnh7 nạp khô, lãnhĩ nạp tát cả lãnh  nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khô, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiên não, sự ưu sâu, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự



ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, nói già là khổ, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiền, nói bệnh là khổ, vì lẽ gì nói như vậy? Này chư Hiền, bệnh là đầu đau, mắt đau, mũi đau, mặt dài, môi đau, răng đau, lưỡi đau, nướu đau, cổ đau, phong suyễn, ho hen, ói mửa, cứng họng, bệnh diên, bệnh động kinh, ung thu, mọc bướu, kinh tràn, đờm đỏ, nóng bức, khô héo, bệnh trĩ, mụt nhọt, kiết lỵ và tất cả những bệnh khác tương tự như vậy, từ xúc mà sanh ra không rời khỏi tâm, ở ngay trong thân, như vậy gọi là bệnh. Này chư Hiền, bệnh là khổ, nghĩa là khi chúng sanh bi bệnh, thân chịu khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp kho, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiên não, sự iru sâu, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiên não, sự ưu sâu, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sau, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, nói bệnh là khổ, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiền, nói chết là khổ, vì lẽ gì mà nói như vậy? Này chư Hiền, chết là chúng sanh kia và tất cả chủng loại chúng sanh khác mạng chung, vô thường, chết chóc, tan rã, tuổi thọ chấm dứt, hủy hoại, mạng căn bế tắc, như vậy gọi là chết. Này chư Hiền, chết là khổ, nghĩa là khi chúng sanh chết, thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ,

lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiên não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, nói chết là khổ, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiên, nói oán ghét mà gặp nhau là khô, vì lẽ gì mà nói như vậy? Này chư Hiền, oán ghét mà gặp gỡ nhau nghĩa là chúng sanh thật sự có sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ không khả ái; nhưng chúng cùng tụ hội ở một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tập hợp; sự hòa hợp ấy là khổ. Cũng vậy, các ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, hành, ái cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới không khả ái; nhưng chúng cùng tụ hội lại một chỗ, có sự gắn bó, hòa hợp, tụ họp; sự hòa hợp ấy là khổ. Như vậy gọi là oán ghét mà gặp nhau. Này chư Hiền,



oán ghét mà gặp nhau là khô, nghĩa là khi chúng sanh oán ghét nhau mà gặp nhau, thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp sự tráng nhiệt, sự phiên não, sự ưu sâu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, nói oán ghét mà gặp nhau là khổ, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiên, nói yêu thương mà xa lìa là khô? vì lẽ gì mà nói như vậy? Này chư Hiền, yêu thương mà xa lìa là kho, đó là chúng sanh quả thật có sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ khả ái; nhimg chúng phân tán thành khác biệt, không tương ưng nhau, cách xa, không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là kho. Cũng vậy, ngoài các ngoại xứ, xúc, thọ, tưởng, hành, ái, cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có sáu giới, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới khả ái; nhưng chúng phân tán thành khác biệt, không tương ưng nhau, cách xa, không tụ hội, không gắn bó, không tập hợp, không hòa hợp, đó là khổ. Như vậy gọi là yêu thương mà xa lìa là khổ. Này chư Hiền, yêu thương mà xa lìa là khổ nghĩa là chúng sanh khi xa cách nhau, thân lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp khổ, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp khô, lãnh nạp tát cả lãnh nạp, cảm thọ tát cả cảm thọ; thân lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp nhiệt não, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân

lãnh nạp tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; tâm lãnh nạp tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ; thân tâm lãnh nạp tráng nhiệt, sự phiền não, sự ưu sầu, lãnh nạp tất cả lãnh nạp, cảm thọ tất cả cảm thọ. Này chư Hiền, yêu thương mà xa lìa là kho, là do đó mà nói. Này chư Hiên, nói mong câu mà không được là khô, vì lẽ gì mà nói như vậy? Này chư Hiền, nghĩa là chúng sanh trong sự sanh không thể xa lìa sự sanh, ước muốn rằng: “Mong tôi không sanh ra!” Điều ấy quả thật không thể muôn mà được; với sự già, sự chét, sự buôn râu, lo lng bi ai mà ước muôn rằng: "Mong tôi không có bi ai!" Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh quả thật sanh là khổ, không khả lạc, không khả ái, không khả niệm; người ấy nghĩ thế này: “Nếu sanh ra khổ nên không khả lạc, không khả ái, không khả niệm, mong sao được đoi thành khả ái, khả niệm!,, Điều ấy không



thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra lạc, khả ái, khả niệm; người ây nghĩ như vây: uNêu ta sanh ra lạc? khả ái, khả niệm, mong sao nó là pháp thường hằng, vĩnh cửu, không biến djch!" Điều ấy không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng không khả lạc, không khả ái, không khả niệm; người ây nghĩ như vây: "Nêu sanh ra tư tưởng không khả lạc, không khả ái, không khả niệm, mong sao nó đổi thành khả ái, khả niệm!,, Điều này không thể muốn mà được. Này chư Hiền, chúng sanh nào quả thật sanh ra tư tưởng khả ái, khả niệm; người ấy nghĩ như vầy: "Nếu tư tưởng ta sanh ra khả ái, khả niệm, mong sao r y nó là pháp thường hăng, vĩnh cửu và không biên dịch!,, Điêu này cũng không thê muôn mà được. Này chư Hiên, nói mong câu mà không được là khô, là do đó mà nói vậy. Này chư Hiền, nói tóm lại, năm ấm là khổ, là vì lẽ gì mà nói như vậy? Đó là sác âm, thọ, tưởng, hành và thức âm. Này chư Hiên, nói tóm lại, năm âm là khổ, là do đó mà nói. Này chư Hiền, thời gian quá khứ là khổ Thánh đế, thời gian vị lai và hiện tại là khổ Thánh đế; đó là điều chắc thật, không hư dối, không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo mà là sự xét đoán một cách chắc thật; những gì hợp với sự chắc thật như vậy là sở hữu của bậc Thánh, sở tri của bậc Thánh, sở kiến của bậc Thánh, sở liễu của bậc Thánh, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó, nói khổ Thánh đế. Thế nào là ái tập, khổ tập Thánh đế? Nghĩa là mọi chúng sanh thật sự có tham ái sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Trong đó, nếu có ái, có cấu bẩn, có nhiễm, có trước thì đó gọi là tập. Này chư Hiền, đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp ấy như vậy; thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và tri giác như v^y." Đó là ái tập, khổ tập Thánh đế. Biêt như vậy là biêt như thê nào? Nêu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyên thuộc, ruộng dát, nhà cửa, quán xá, thu và xuât tài vật, tạo tác những nghiệp có ái? có cấu bẩn, có nhiễm, có trước, đó gọi là tập. Người kia biết ái tập, khổ tập Thánh đế này; cũng vậy, đối với xúc, thọ, tưởng, tư, ái thuộc về ngoại xứ cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có tham ái sáu giới: Địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới, trong đó nêu có ái, có câu bân, có nhiêm, có trước thì đó gọi là tập. Này chư Hiền, đa văn Thánh đệ tử biết rằng: "Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và

tri giác như vay/9 Đó là ái tập, khổ tập Thánh đế.

178 KINH TRƯNG A-HÀM

Biết như vậy là biết thế nào? Nếu có người tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu và xuất tài vật, tạo tác những nghiệp co ai, co cau ban, co nhiêm, co trước, đo gọi la tạp. Người kia biêt ai tạp, khổ tập Thánh đế này. Này chư Hiền, thời gian quá khứ là ái tập, khổ tập Thánh đế; thời gian hiện tại và vị lại là ái tập, khô tập Thánh dế, chắc thật không hư dối và không xa rời sự thật, cũng chẳng phải điên đảo mà là sự thau xét chắc thật. Thích hợp với Thánh đế như vậy thì đó là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nên nói là ái tập, khổ tập Thánh đế. Này chư Hiền, thế nào là ái diệt, khổ diệt Thánh đế? Nghĩa là chúng sanh quả thật có tham ái sáu xứ bên trong, nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ; chúng sanh ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh, đó gọi là khổ diệt. Này chư Hiền, đa văn Thánh đệ tử biết rằng: "Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận định như vậy và tri giác như vay." Đó là ái diệt, khổ diệt Thánh đế. Biêt như vậy là biêt như thê nào? Nêu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai bảo, quyến thuộc, ruộng đất, nhà cửa, quán xá, thu xuất tài vật, đó không phải là tạo tác nghiệp; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, khônẹ trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh thì đó gọi là Khô diệt. Sự biết đó là ái diệt, khổ diệt Thánh đế. Cũng thế, xúc, thọ, tưởng, tư, ái thuộc về ngoại xứ cũng lại như vậy. Này chư Hiền, chúng sanh quả thật có tham ái sáu giới bên ngoài, địa giới, thủy, hỏa, phong, không và thức giới; kẻ ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh thì đó gọi là Kho diệt. Này chư Hiền, đa văn Thánh đệ tử biết rằng: “Ta biết pháp này như vậy, thấy như vậy, hiểu rõ như vậy, nhận đinh như vậy và tri giác như vay.” Đó là ái diệt, khổ diệt Thánh đế. r e r r Biêt như vậy là biêt như thê nào? Nêu có người nào không tham ái vợ con, nô tỳ, kẻ sai khiên, quyên thuộc, ruộng đát, nhà cửa, quán xá, thu xuât tài vật, không phải là tạo tác nghiệp; người ấy nếu giải thoát, không nhiễm, không trước, đoạn bỏ hoàn toàn, không còn dục, diệt tận, tịch tĩnh thì đó gọi là Khổ diệt. Sự biết đó là ái diệt, khổ diệt Thánh đế. Này chư Hiền, thời gian quá khứ là ái diệt, khổ diệt Thánh đế; thời gian vị lai và hiện tại là ái diệt, khổ diệt Thánh dế, chắc thật không hư dối và không xa rời như thật, cũng chẳng phải điên đảo mà là sự thẩm xét chắc thật. Thích hợp với Thánh đế như vậy thì đó là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở đắc của bậc Thánh, là sự giác nẹộ chân chánh, tối thượng của bậc Thánh. Do đó nói là ái diệt, khổ diệt Thánh đe.

31. KINH PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ 179

Này chư Hiền, thế nào là khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Này chư Hiền, thế nào là chánh kiến? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó có sự giản

trạch toàn diện, quyết định, giản trạch, giản trạch pháp, nhận đinh toàn diện, nhận định quán sát minh đạt. Đó là chánh kiến. Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa5 hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó tư sát toàn diện tư sát, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng. Đó là chánh tư duy. Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tinh, hoặc khi suy niệm vô trước để quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó ngoài bốn diệu hạnh nơi miệng ra còn các ác hạnh khác nơi miệng đều viễn ly và đoạn trừ, không thực hành, không tạo tác, không tập hợp và không tụ hội. Đó là chánh ngữ. Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Nghĩa là khi vi Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thây Niêt-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước đê quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó ngoài ba diệu hạnh nơi thân, còn các ác hạnh khác nơi thân đều viễn ly, đoạn trừ không thực hành, không tạo tác, không tập hợp, không tụ hội. Đó là chánh nghiệp. Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Nghĩa là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước đe quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó không mong cầu sự vô lý, không do nhiều tham dục nào mà không biết nhàm đủ, không làm các thứ xảo thuật, bùa chú để sanh sống bằng tà mạng, chỉ theo Chánh pháp mà mong cầu y phục chớ không phải với phi pháp, cũng theo Chánh pháp để mong cầu thực phẩm, giường chõng chớ không phải với phi pháp. Đó là chánh mạng. Này chư Hiền, thế nào là chánh tinh tấn? Nghĩa là khi vi Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo



tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó nếu có phương tiện tinh tấn thì quả quyết, tinh cần để mong cầu, có khả năng để thú hướng, chuyên chú, không xả bỏ, cũng không suy thoái, nhất định hàng phục tâm mình. Đó là chánh tinh tấn. Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Nghĩa là khi Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước để quan sát thiện tâm giải thoát, trong đo nêu tuy thuận niêm, phan chiêu niêm, suy niêm biên mãn suy niệm, ức niệm liên tục ức niệm, tâm niệm tâm niệm không xao lãng. Đó là chánh niệm. NAy chư Hiền, thế nào chánh định? Nghĩa là khi Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là dạo, hoặc quan sát về sự tạo tác trước kia của

mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thây Niêt-bàn là tịch tĩnh, hoặc khi suy niệm vô trước đê quan sát thiện tâm giải thoát, trong đó nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất, chánh định. Đó là chánh định. Này chư Hiền, thời gian quá khứ là khổ diệt đạo Thánh đế; thời gian vị lai . e 9 ĩ ,  . : và hiện tại là khô diệt đạo Thánh đê; chác chăn không hư dôi, không xa rời sự thật, cũng chẳng điên đảo, thấu xét chắc thật, thích hợp với sự chắc chắn, như vậy sẽ là sở hữu của bậc Thánh, sở tri, sở kiến, sở liễu, sở dắc, giác ngộ tối thượng chân chánh của bậc Thánh. Do đó nói là khổ diệt đạo Thánh đế. Rồi Tôn giả nói bài tụng rằng: Phật thấu triệt các pháp, Thấy vô lượng thiện đức, Khổ, tập, diệt, đạo dế, Khéo hiển hiện, phân biệt. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả Xá- lợi-phất dạy, hoan hỷ phụng hành.

32. KINH VỊ TẢNG HỮU PHÁP Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, vào lúc xê trưa, Tôn giả A-nan từ chô tĩnh tọa đứng dậy, đi đên chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên, thưa rằng: -Bạch Thế Tôn, con nghe đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh. Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật r ĩ \ Ca-diêp mới bát đâu phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng, đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà. Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới bắt đầu phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suât-đà thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ây của đức The Ton. Con nghe rằng, đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà; đức Thế Ton sanh lên sau nhưng có ba việc thù thắng hơn các vị trời Đâu-suất-đà sanh đến trước, đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng trời. Do đó9 các vi trời Đâu-suất vui mừng, hớn hở9 tán thán rằng: “Ky diệu thay và hy hữu thay! Vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thân. Vì sao vậy? Vì vị ây sanh đên đây sau nhưng có ba việc thù thăng hơn những vị trời Đâu-suât-đà sanh đên trước, đó là thọ mạng, săc tướng và danh dự của hàng tròi.” Nếu đức Thế Tôn đến thời Phật Ca-diếp mới phát nguyện Phật đạo, thực hành Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà; đức Thê Tôn sanh lên sau nhưng có ba việc thù thăng hơn các vi trời Đâu-suât- đà sanh lên trước, đó là thọ mạng, sác tướng và danh dự của hàng trời. Do đó5 các vị trời Đâu-suất9 vui mừng, hớn hở, tán thán rằng: uKỳ diệu thay và hy hữu thay! Vị thiên tử này có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao vậy? Vì vi ấy sanh đến đây sau nhưng có ba việc thù thắng hơn những vị trời Đâu-suất-đà sanh đến trước, đó là thọ mạng, sắc tướng và danh dự của hàng tròi" thì con xin thọ trì pháp vi tằng hữu ấy của đức Thê Tôn.



Con nghe răng, đức Thê Tôn ở cung trời Đâu-suât, ở nơi đó mạng chung, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động tất cả trời đất, có ánh sáng vi diệu, quảng đại chiếu khắp thế gian cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi

nào mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này, đều phát khởi sự hiểu biết rằng: "C6 một chiing sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu, hy hữu ra đời!59 Nêu đức Thế Tôn ở cung trời Đâu-suất, ở nơi đó mạng chung, biết sẽ vào thai mẹ, lúc ấy chấn động cả trời đất, có ánh sáng vi diệu, quảng đại chiếu khắp the gian, cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi nào mà mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần cũng không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do thấy ánh sáng nhiệm mầu này, đều phát khởi sự hiểu biết rằng: "C6 một chúng sanh kỳ diệu ra đời! Có một chúng sanh kỳ diệu ra dời!" thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức The Ton. Con nghe rằng, đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải. Nếu đức Thế Tôn biết mình trụ trong thai mẹ, tựa vào hông bên phải thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng, đức Thế Tôn hình thể thư thái trụ trong thai mẹ. Nếu đức Thế Tôn hình thể thư thái trụ trong thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu áy cua đức The Ton. Con nghe rằng, đức Thế Tôn ẩn kín trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các thứ bất tinh khác làm cho ô uế. Nếu đức Thế Tôn ẩn kín trong thai mẹ, không bị máu nhơ làm cho ô uế, cũng khônẹ bị tinh khí và các thứ bất tịnh khác làm cho ô uế thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu áy cua đức The Ton. r .L r ỉ Con r Y nghe răng, / đức Thê Tôn biêt mình ra khỏi f thai jF mẹ, lúc âyỉ chân động ®cả trời đát, có ánh sáng vi diệu, quảng đại chiêu kháp thê gian, cho đên những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần vẫn không chiếu rọi ánh sáng được thì tất cả những nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do ánh sáng nhiệm mầu này đều phát sanh sự hiểu biết lẳng: "C6 chúng sanh kỳ diệu ra đời! Có chiing sanh kỳ diệu ra d&i!" Nếu đức The Tôn biết mình ra khỏi thai mẹ, lúc ấy chan động cả đất trời, có ánh sáng vi diệu, quảng đại chiếu khắp thế gian, cho đến những nơi u ám, tối tăm cũng không có gì ngăn che được; nghĩa là những nơi mặt trời, mặt trăng này dù có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần vẫn không chiếu rọi ánh sáng đến được thì tất cả những nơi ấy đều được chói ngời, chúng sanh ở các nơi ấy do ánh sáng nhiệm mầu này nên đều phát tâm sự hiểu biết rằng:



"C6 chúng sanh kỳ diệu ra đời! Có chúng sanh kỳ diệu ra d&i!" thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng đức Thế Tôn có thể thư thái ra khỏi thai mẹ. Nếu đức Thế Tôn có thể thư thái ra khỏi thai mẹ thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức The Ton. Con nghe rằng, đức Thế Tôn ẩn kín khi ra khỏi thai mẹ nên không bi máu nhơ làm cho ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật bất tinh khác làm cho ô uế. Nếu đức Thế Tôn ẩn kín khi ra khỏi thai mẹ nên không bị máu nhơ làm ô uế, cũng không bị tinh khí và các vật khác làm cho ô uế thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng khi đức Thế Tôn vừa sanh ra, liền có bốn vị thiên tử

tay cầm áo rất mịn đứng trước bà mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần!99 Nếu khi đức Thế Tôn vừa được sanh ra, có bốn vị thiên tử tay cầm áo rất mịn đứng trước bà mẹ làm cho người mẹ hoan hỷ, tán thán rằng: "Đồng tử này rất kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thân!" thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ây của đức The Ton. Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không kinh hãi, quán sát các phương. Nếu đức Thế Tôn vừa mới sanh ra, liền đi bảy bước, không khiếp sợ, không kinh hãi, quán sát các phương thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ây của đức Thê Tôn. Con nghe răng, khi đức Thê Tôn vừa được sanh ra thì ngay phía trước người mẹ bỗng nảy sanh một hồ nước lớn, nước tràn bờ làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh. Nêu khi đức The Tôn vừa được sanh ra thì ngay phía trước người mẹ bỗng nảy sanh một hồ nước lớn, nước đầy tràn bờ làm cho người mẹ ở nơi ấy được thọ dụng thanh tịnh thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ây cua đức The Ton. Con nghe răng, khi đức Thê Tôn vừa được sanh ra thì từ trên hư không nước mưa rưới xuông một luông âm, một luông lạnh đê tăm thân thê của The Tôn. Nếu khi Thế Tôn vừa sanh ra, từ trên hư không nước mưa rưới xuống một luồng lạnh, một luồng ấm để tắm cho thân thể Thế Tôn thì con xin thọ pháp vị tằng hữu áy cua đức The Ton. Con nghe rằng, khi đức Thế Tôn vừa được sanh ra, chư thiên trên hư không đánh trốnẹ tấu lên âm nhạc của trời, hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trăne và hoa văn-đà-la của cõi trời và bột hương chiên-đàn rải trên đức Thế Ton. Nêu khi đức Thế Tôn vừa sanh ra, chư thiên ở trên hư không đánh trống tấu lên âm nhạc trời, hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng và hoa văn-đà-la của cõi trời và bột hương chiên-đàn rải trên đức Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp vi tằng hữu ấy của đức Thế Tôn.



Con nghe rằng, đức Thế Tôn ở trong hoàng gia của phụ vương Bạch Tịnh, vào một ngày đi dự lê hạ điên, ngôi dưới góc cây Diêm-phù, ly dục, ly pháp ác và bất thiện, có giác có quán, ly dục và ly bất thiện pháp mà sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền, thành tựu và an trú; bấy giờ là lúc xế trưa, tất cả bóng của các cây đều ngả dân dân, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngả, vân che mát thân thê đức Thế Tôn. Lúc d6, Thích Bạch Tinh đến quan sát công tác hạ điền, đi đến chỗ người làm ruộng hỏi rằng: Này nông phu, vương tử ở chỗ nào? Người ấy trả lời: -Vị thiên tử ây hiện đang ở dưới góc cây Diêm-phù. Rồi Thích Bạch Tịnh đi đến cây Diêm-phù? bấy giờ là xế trưa, Thích Bạch Tịnh thây bóng của tát cả các cây khác đêu đã ngả, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như vầy: vương tử này thật là kỳ diệu, rất hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao thế? Vì vào buổi xế trưa thì tất cả bóng cây đều ngả, chỉ có bóng cây Diêm-phù là không ngả, vẫn che mát thân của vương tử." Nếu vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ có bóng cây Diêm-phù không ngả, vẫn che mát thân thể của đức Thế Tôn thì con thọ trì pháp vị tằng hữu ấy cua đức The Ton. Con nghe rằng, có một thời đức Thế Tôn du hóa ở Đại Lâm, thuộc Tỳ-xá-ly. Lúc đó5 qua một đêm, đến buổi sáng, đức Thế Ton khoác y, cầm bát vào thành Tỳ-xá-ly để khất thực. Sau khi khất thực xong, xếp y, ôm

bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi vào rừng, đến dưới một gốc cây đa-la trải ni-sư-đàn? ngồi kiết-già. Bấy giờ là buổi xế trưa, là tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây đa-la kia là không ngả, vẫn che mát thân thể của đức Thế Tôn. Bấy giờ là buôi xê trưa, Thích Ma-ha-nam ung dung đi đên Đại Lâm; Thích Ma-ha-nam thấy vào buổi xế, tất cả bóng cây đều ngả, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngả, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như thế này: "Sa-m6n Cù-đàm rất là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao vậy? Vì vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngả, vẫn che mát thân thể của Sa-môn ctbdam.” Nếu đức Thế Tôn, vào buổi xế trưa, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây đa-la là không ngả, vẫn che thân thể Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu áy cua The Ton. Con nghe rằng, một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, ở trong Đại Lâm. Bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo để bình bát ngoài chỗ đất trống và bình bát của Thế Tôn cũng có trong số ấy. Lúc ấy, có một con khỉ ôm bình bát của Thế Tôn mà đi. Các thầy Tỳ-kheo liền la lên, sợ nó làm bể bình bát của Phật, nhưng đức Phật bảo các Ty-kheo rằng: "Hãy để yên, hãy để yên, đừng la, nó không làm bể bình bát d2u!" Thế rồi khỉ ôm bình bát của đức Thế Tôn đi đến một cây sa-la,



chậm rãi leo lên cây lấy đầy bát mật ở trên cây sa-la rồi chậm rãi leo xuống, trở về chỗ đức Phật, đem dâng bát mật ấy lên đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không thọ nhận. Lúc đó, khỉ liền đứng qua một bên, nhặt bỏ rác và sâu bọ; sau khi lựa bỏ sau bọ xong, no om bình bát trơ lại dang len The Ton. The Ton cũng không nhận. Khỉ lại ôm qua một bên, múc ỉ \ nước đô vào trong mật, roi ôm • trở lại dâng len The Ton. The Ton liên thọ nhạn. Khỉ thay The Ton nhân bát mật, vui mừng hớn hở, múa may nhảy nhót rồi ra đi. Nếu đức Thế Tôn khiến con khỉ kia, khi thây đức Thê Tôn nhận bát mật, vui mừng hớn hở, múa may nhảy nhót roi ra đi thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng, một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Ty-xa-ly, tại Cao Lâu Đài quán, bên bờ ao Di-hau. Bay giờ, đức The Tôn đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất; lúc ấy, có một đám mây kéo đến trái thời, che kín khắp hư không, muốn mưa nhưng dừng lại chờ đức Thế Tôn phơi tọa cụ, rũ bụi, xếp cất một nơi rồi, mang cất rồi, vào đứng trong nền nhà; bấy giờ, đám mây lớn ấy thấy Thế Tôn đã xép cat tọa cụ, mới mưa xuống rất to5 từ đất thấp cho đến cao, nước ngập tràn lai lang. Nếu đức Thế Tôn làm cho đám mây lớn kia thấy Thế Tôn xếp cất tọa cụ rồi mới mưa xuống thật to, từ đất thấp đến cao, nước chảy ngập tràn lai láng thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng, một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Bạt-kỳ, ngồi dưới cây sa- la chúa, trong rừng On Tuyên. Bây giờ là buôi xê trưa, tát cả bóng cây khác đêu ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân the Thế Tôn. Khi ấy, chủ vườn là La-ma đi dạo xem vườn, thấy vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không ngả, vẫn che mát thân thể của Thế Tôn, liền nghĩ như the này: "Sa-môn Cù-đàm, thật là kỳ diệu, rất là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần! Vì sao vậy? Vì vào buổi xế, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa là không n^ả? vẫn che mát thân the của Sa-môn Ch-dSm." Nếu đức Thế Tôn, vào buổi xe, tất cả bóng cây khác đều ngả, chỉ trừ bóng cây sa-la chúa

là không ngả, vẫn che mát thân thể Thế Tôn thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức The Ton. Con nghe rằng, có một thời đức Thế Tôn ở trong miếu thần A-phu. Bấy giờ, sau một đêm, đến buổi sáng, đức Thế Tôn khoác y, ôm bát vào thôn A-phu để khất thực. Sau khi khất thực xong, xếp y, cất bát, rửa tay chân, Ngài vắt ni-sư- đàn lên vai, đi vào miêu thân roi nghỉ. Bây giờ, trời mưa to và sâm sét đánh chét bôn con trâu và hai người cày, lúc chôn cat cho hai người chét áy thật là đông đảo ồn ào, âm thanh cao và to, tiếng dội chấn động. Bấy giờ vào xế trưa, khi đức Thế Tôn từ chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miếu thần đi ra chỗ đất trống để kinh hành; trong đám đông đó có một người thấy đức Thế Tôn vào lúc xê trưa, từ chô tĩnh tọa đứng dậy, ở trong miêu thân đi ra chô đát trông đê kinh hành, liền đi đến chỗ Phật cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành theo sau đức Phật. Đức Phật thấy người ấy ở phía sau nên hỏi:



r # r

Vì cớ gì mà đông đảo ôn ào, âm thanh cao và to, tiêng dội chân động vậy? Người ây thưa: —Bạch Thê Tôn, lúc trưa, trời mưa to và sâm sét đánh chét bôn con trâu và hai người cày; họ chôn cát các người áy nên đông đảo ôn ào, âm thanh to và cao, tiếng dội chấn động. Bạch Thế Tôn, vừa rồi Ngài không nghe gì hết sao? Đức Thế Tôn đáp: Ta không nghe các âm thanh ấy. Người ấy lại hỏi đức Thế Tôn: -Vừa rồi Ngài ngủ sao? The Ton tra lơi: Không phải! Người ấy lại hỏi đức Thế Tôn: -Lúc ấy, Ngài tỉnh thức mà không nghe những âm thanh lớn ấy sao? The Ton tra lơi: Quả thật vậy! Bấy giờ, người kia liền suy nghĩ như vầy: 'Thật là kỳ diệu, rất là hy hữu, sở hành của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác rất là vắng lặng, rất là tịch tĩnh! Vì sao vậy? Vì lúc tỉnh thức mà vẫn không nghe các âm thanh to lớn nay." Nếu đức Thế Tôn tỉnh thức mà vẫn không nghe âm thanh to lớn ấy thì con xin thọ trì pháp vị tằng hữu ấy của đức Thế Tôn. Con nghe rằng, một thời, đức Thế Tôn trụ tại uất-tỳ-la, bên bờ sông Ni- liên-nhiên, ngoi dưới cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại, lúc mới thành đạo. Bay giờ, mưa lớn đên bảy ngày, từ cao đên tháp đêu bị ngập nước, từng luông nước lớn chảy xoáy ngang dọc; trong vùng đất trống đó, đức Thế Tôn đi kinh hành, đến chô nào thì nơi ây có bụi bay lên. Nêu đức Thê Tôn ở trong vùng có luông nước chảy xoáy ngang dọc mà đi kinh hành, đến chỗ nào là chỗ ấy có bụi bay lên thì con xin thọ trì pháp vi tang hữu ấy của đức The Tôn. Con nghe rằng, Ma vương trong suốt sáu năm theo Phật để tìm chỗ sơ sót mà không được, liên chán nản nên bỏ vê. Nêu đức Thê Tôn bi Ma vương trong suốt sáu năm theo tìm chỗ sơ sót mà vẫn kh6ng được, liền chán nản, bỏ về thì con xin thọ trì pháp vi tang hữu ấy của đức The Tôn. Con nghe răng, đức Thê Tôn trong suôt bảy năm suy niệm vê thân, luôn luôn suy niệm, không gián đoạn. Nếu đức The Tôn trong suốt bảy năm suy niệm ve thân, luôn luôn suy niệm, không gián đoạn thì con xin thọ trì pháp vị tăng hữu ay cua đức The Ton. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, thây hãy nghe từ nơi Như Lai mà thọ trì thêm các pháp vi tăng hữu như the này nữa. Này A-nan, Như Lai biết sự sanh khởi của cảm thọ, biết

trụ, biết diệt, luôn luôn biết, chẳng có lúc nào không biết. Này A-nan, Như Lai biết sự sanh khởi của tư và tưởng, biết trụ, biết diệt, luôn luôn biết, không lúc nào không biết. Cho nên, này A-nan, hãy nghe từ Như Lai mà thọ trì thêm pháp vi tằng hữu như vậy! Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

33. KINH THỊ GIẢ y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá. r e Bây giờ, _ các đại _ đệ tử Tỳ-kheo _ _ Trưởng lão Thượng _ tôn f danh r đức được mọi \ ngươi biêt đen, đo là Ton giả Câu-lân-nhã5 Ton giả A-nhiep-boi, Ton giả Bạt-đê Thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam-câu-lệ? Tôn giả Hòa-phá? Tôn giả Da-xá? Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-la-ma, Tôn giả Già-hòa-ba-đề, Tôn giả Nan-dề, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Lệ-bà-đa, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câu-hy-la5 Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiêndiên, Ton giả Bân-nậu-gia-nậu Tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão và rất nhiều các vị đại đệ tử Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn danh đức được mọi người biết đến, tương tự như vậy, cũng du hóa thành Vương Xá; tất cả đều ở gần ngôi nhà lá của Phật. Bay giơ, đức The Ton bao các Ty-kheo: Hiện nay Ta tuổi tác đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi nên Ta cần có thị giả. Các thầy hãy cử cho Ta một thầy thị giả, làm sao để chăm sóc Ta, xứng ý chớ không phải không xứng v, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mat ý nghĩa. Lúc áy, Tôn giả Câu-lân-nhã liên từ chô ngôi đứng dậy, trịch vai sửa y, chap tay hướng về phía đức Phật thưa rằng: Bạch Thê Tôn, con xin nguyện hâu hạ xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa. ĐứcThế Tôn dạy: Này Câu-lân-nhã, chính thầy tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi. Chính thầy cũng cần có thị giả. Này Câu-lân-nhã, thầy nên vê chô ngôi đi. Bay giơ, Tôn gia Câu-lân-nhã đanh le chan Phạt roi lui ve cho ngoi. Cũng như vậy, lần lượt Tôn giả A-nhiếp-bối, Tôn giả Bạt-đề Thích-ca Vương, Tôn giả Ma-ha-nam-câu-lệ, Tôn giả Hòa-phá? Tôn giả Daxá, Tôn giả Bân-nậu, Tôn giả Duy-la-ma, Tôn giả Hòa-ba-đề, Tôn giả Tu-đà-da, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la, Tôn giả Bệ-bà-đa, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Câuhy-la, Tôn giả Đại Châu-na, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả Bân-nậu-gia-



nậu Tả trưởng lão, Tôn giả Da-xá Hành Trù trưởng lão, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng ve đức Phật, thưa rằng: Bạch Thế Tôn, con xin nguyện hầu hạ xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên ý nghĩa. Đức Thế Tôn bảo: Này Da-xá, chính thầy tuổi đã già, thân thể ngày càng suy yếu, tuổi thọ đã quá dài rồi. Chính thầy cũng cần có thi giả. Này Daxá, thầy nên về chỗ ngồi đi. Bấy giờ, Tôn giả Da-xá liền đảnh lễ chân Phật trở về chỗ ngồi. Bấy giờ, ở trong đại chúng ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ như vầy: "Đức Thế Tôn muốn tìm vị nào làm thị giả, ý Ngài đặt vào cho vị Tỳ-kheo nào, muốn cho ai chăm sóc Ngài, xứng ý chớ không phải không xứng v, và ghi nhớ những lời Ngài dạy mà không mất

nghĩa, có lẽ ta nên nhập như kỳ tượng định, quán sát tâm niệm của đại chúng Tỳ-kheo.^, Thế rồi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền nhập như kỳ tượng điịỷì để quán sát tâm niệm của đại chúng Tỳ-kheo. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết đức Thế Tôn muôn chọn Hiên giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muôn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải không xứng y, ghi nhớ lời dạy mà không quên ý nghĩa. Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên xuất đinh, thưa với đại chúng Tỳ-kheo: Chư Hiền biết không? Đức Thế Tôn muốn chọn Hiền giả A-nan làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc, xứng ý chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy mà kh6ng quên ý nẹhĩa. Bấy giờ, chúng ta cùng nhau nên đên chô Hiên giả A-nan khuyên dụ đê thây ây chịu làm thị giả. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các thầy Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi nhau rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ngồi xong, bảo rằng: Này Hiền giả A-nan, thầy biết không, đức Thế Tôn muốn chọn thầy làm thị giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì thầy xứng ý Ngài chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Này A-nan, cũng như ngoài thôn xóm không bao xa, có một tòa lâu đài to lớn, cửa sổ ở phía Đông mở ra thì khi mặt trời mọc lên, ánh sáng sẽ rọi thẳng vao vách phía Tây. Này Hiền giả A-nan, đức Thế Ton cũng vậy, muốn chọn Hiền giả A-nan làm thi giả, ý Ngài đặt vào A-nan, muốn A-nan chăm sóc Ngài, vì thầy xứng ý Ngài chớ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa. Này Hiền giả A-nan, nay thầy nên làm thi giả đức The Ton. Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ đức Thế Tôn nỗi. Vì sao thế? Vì với các đức Phật, Thế Tôn, khó xứng ý, khó



hầu hạ, nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, cũng như con voi rát hùng mạnh, đã hơn sáu mươi tuôi, kiêu ngạo, sức mạnh cường thạnh, đủ ngà, đủ vóc, khó làm xứng ý, khó gần gũi, nghĩa là khó mà coi sóc. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, với đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, khó xứng ý, khó gan gũi, nghĩa là khó làm thị giả. Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên5 vì vậy tôi không thể lãnh trách nhiệm thị giả được. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Này Hiền giả A-nan, thầy hãy nghe tôi nói ví dụ? người trí nghe ví dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Này Hiền giả A-nan, cũng như hoa Ưu-đàm-bát-la đúng thời mới xuất hiện trên thế gian. Này Hiền giả A-nan, đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, đúng thời mới xuất hiện trên thế gian. Này Hiền giả A-nan, thầy nên mau làm thị giả đức Thế Tôn Cù-đàm, sẽ được quả lớn. Tôn giả A-nan lại thưa: Thưa Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, nếu đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện thì tôi mới có thể làm thị giả. Thế nào là ba? Tôi nguyện không đắp y của đức Thế Tôn, dù cũ hay mới; tôi nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của đức Thế Tôn; tôi nguyện không gặp đức thế Tôn phi thời. Thưa Tôn giả Đại Mục- kiền-liên, nếu đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện ấy, có vậy, tôi mới làm thi giả đức The Ton. Bây giờ, sau khuyên Tôn giả A-nan làm thị giả roi, Tôn giả Đại Mục-kiên- liên từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh qua Tôn giả A-nan rồi trở về, đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Ton, con đã khuyến dụ Hiền giả A-nan làm thi giả Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Hiền giả

A-nan xin Thế Tôn ba điều nguyện. Những gì là ba? Nguyện không đắp y của The Tôn, dù mới hay cũ; nguyện không ăn thực phẩm biệt thỉnh của Thê Tôn; nguyện không gặp The Ton phi thời. Bạch The Tôn, nêu Thê Tôn cho phép Hiên giả A-nan ba điêu nguyện ây, có vậy, Hiên giả A-nan mới có thể làm thi giả Thế Tôn được. Đức Thế Tôn dạy: Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời tỵ hiềm, hoặc các vị đồng Phạm hạnh sẽ nói như vầy: "Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ đức Thế Ton?9 Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí huệ, dự đoán sẽ có những lời tỵ hiềm hoặc các vị đồng Phạm hạnh nói như vầy: "Tỳ-kheo A-nan vì y áo nên hầu hạ đức Thế T6n" thi đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ CÓ những lời tỵ hiêm, hoặc các vị đông Phạm hạnh sẽ nói như vây: "Tỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên hầu hạ đức Thế T6n." Này Đại Mục-kiền-liên, nếu



Tỳ-kheo A-nan thông minh, trí tuệ, dự đoán sẽ có những lời tỵ hiềm hoặc các vị đồng Phạm hạnh nói như vầy: uTỳ-kheo A-nan vì thực phẩm nên hầu hạ đức Thế T6n" thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời. Biết lúc nào mình nên gặp Như Lai, biết lúc nào mình không nên gặp đức Như Lai. Biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đến gặp Như Lai. Biết lúc nào chúng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di nên đến gặp Như Lai, biết lúc nào chúng ưu-bà-tắc và ưu-bà-di không nên đến gặp Như Lai. Biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nên đến gặp đức Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn, Phạm chí di học không nên đến gặp Như Lai. Biết các hàng Sa-môn? Phạm chí di học nào có the bàn luận với Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không thể bàn luận với Như Lai. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mem nào đức Như Lai dùng roi sẽ không được an ôn, lợi ích. Biêt thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp, biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp. Đó là những pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Này Đại Mục-kiền-liên, mặc dù Tỳ-kheo A-nan không có tha tâm trí, nhimg có thể khéo biết trước được là Như Lai sẽ thuyết pháp cho ai khi Như Lai từ chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy vào buổi xế, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trụ như vậy, nhận xét đúng như lời ngài nói, chắc thật, không the sai khác. Đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan nói như vầy: "Thua chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm, nếu bảo do đó mà khởi tâm cống cao thì ý tưởng ấy không thể c6." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giảA-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm, cho đến nay tôi chưa hề đến gặp đức Thế Tôn phi thòi." Nấu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thưa chư Hiền, tôi đã hầu hạ đức Phật trong hai mươi lăm năm, chưa từng một lần bị khiển trách, trừ có một lỗi, lỗi đó cũng vì người khác.,, Nấu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư

Hiền, toi theo đức Như Lai thọ nhận tám vạn pháp tụ, thọ trì khôn^ quên, nếu nhân điều đó mà khởi cống cao, sự kiện như vậy không thể c6." Nêu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vây: "Thua chư Hiên, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp tụ, chưa hề hỏi lại lần thứ hai, trừ có một câu, câu ấy như vậy



cũng không dễ." Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: “Thua chư Hiền, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp tụ, chưa hê theo người khác thọ pháp." Nêu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vây: “Thua chư Hiên, tôi theo đức Như Lai thọ trì tám vạn pháp tụ, trước hết không có tâm nàyỢTôi thọ trì pháp ấy là để giáo hóa cho người khác/ Này chư Hiền, tôi chỉ muốn tự điều ngự, tự tịch tịnh, tự Bát-niết-bàn thôi.^, Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này! Đó là bốn bộ chúng đi đến chỗ tôi để nghe pháp. Nếu tôi vì thế mà khởi cống cao, điều ấy không thể có được; Tôi cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi thì tôi sẽ trả lời như vầy, như vầy. Này chư Hiền, bấy giờ tôi chỉ ngồi đấy rồi tùy theo nghĩa mà người kia hỏi để ứng(tói." Nếu Tôn giả A-nan nói như vậy thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Tôn giảA-nan lại nói như vầy: "Thua chư Hiền, có điều rất kỳ lạ này! Đó là có sô đông Sa-môn, Phạm chí dị học đên hỏi việc nơi tôi; nêu vì thê mà tôi sợ sệt, hãi hùng, lông tóc dựng đứng thì không thể có sự kiện ấy. Tôi cũng không hề tác ý trước, để khi có người đến hỏi thì tôi sẽ trả lời như vầy, như vầy. Thưa chư Hiền, bấy giờ tôi chỉ ngồi đấy, rồi tùy theo nghĩa ấy mà ứng(tói.” Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tôn giả A-nan. Lại nữa, có một thời, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và Tôn giả A-nan trú tại nước Xá-vệ, trong núi Ba-la-la. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi- phất hỏi rằng: Hiền giả A-nan, thầy hầu hạ đức Phật cho đến nay là hai mươi lăm năm, nhớ có lần nào khởi dục tâm không? Tôn giả A-nan thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng Hữu học chưa ly dục. Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo: Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc Hữu học hay Vô học, tôi chỉ hỏi, qua hai mươi lăm năm hầu hạ đức Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào khởi dục tâm không? Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi lần thứ hai rồi lần thứ ba rằng: Này Hiền giả A-nan, trong hai mươi lăm năm hầu hạ đức Thế Tôn, thầy nhớ đã có lần nào khởi dục tâm không? Tôn giả A-nan cũng đáp đên lân thứ hai, roi lân thứ ba răng: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi còn là hàng Hữu học nên chưa ly dục.



Tôn giả Xá-lợi-phất lại bảo: Này Hiền giả A-nan, tôi không hỏi thầy là bậc Hữu học hay Vô học, tôi

chỉ hỏi, trong hai mươi lăm năm hầu hạ Thế Tôn, thầy nhớ có lần nào đã khởi dục tâm chăng? Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói: Này Hiền giả A-nan, đáp nhanh đi, đáp nhanh đi! Này A-nan, thầy đừng

xúc nhiễu đến bậc Thượng tôn Trưởng lão!
Lúc đó, Tôn giả A-nan đáp lời:
Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? tôi hầu hạ đức Phật đã hai mươi lăm năm qua,

tôi nhớ là chưa hề có lần nào phát khởi dục tâm. Vì sao vậy? Vì tôi thường hướng đến Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí với tâm niệm hổ thẹn. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tôn giả A-nan. Lại nữa, có một thời, đức Thế Tôn du hóa ở thành Vương Xá, trụ trong Nham Sơn. Bấy giơ, Thế Tôn bảo rằng: Này A-nan, thầy nên nằm như cách nằm của sư tử!

Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, sư tử, chúa tể của loài thú, nằm theo cách nào?

Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, sư tử, chúa tể của loài thú, ban ngày đi tìm ăn xong, rồi vào

hang. Khi nó muốn ngủ, chân xếp chồng lên nhau, ngay đuôi ra sau, nằm bằng hông bên phải, qua đêm ấy đến sáng hôm sau, quay ra sau nhìn thân thể. Nếu sư tử, chúa tể của loài thú mà thân thể không ngay thẳng thì khi được trông thấy, không hoan hỷ; nếu sư tử, chúa tể của loài thú mà thân thể được tròn trịa, ngay 9 . r % \ •

thăng thì khi được trông thây, được hoan hỷ. Nó từ chô năm đứng dậy, ở trong hang đi ra, đi ra rồi vươn mình, vươn mình rồi tự ngắm thân thể, tự ngắm thân thê roi trông thây kháp bôn hướng, xoay nhìn kháp bôn hướng roi liên rông lên vài ba tiếng, rống vài ba tiếng rồi liền đi tìm ăn. Cách thức nằm của sư tử, chúa tể các loài thú là như vậy. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn? cách thức nằm của sư tử, chúa tể của các loài thú là như

thế. Vậy cách nằm của thầy Tỳ-kheo phải như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này A-nan, nếu thầy Tỳ-kheo trụ nơi thôn ấp, sau một đêm đến sáng hôm sau, khoác y, ôm bát, đi vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân thê, nhiêp thủ các căn, trụ nơi chánh niệm. Vi ấy từ thôn ấp khất thực xong, xếp y, cất bát, rửa sạch tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi đến chỗ rừng vắng, hoặc đến dưới bóng cây, hoặc vào trong nhà trông, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiên đê tinh trừ những



điều chướng ngại trong tâm. Ban ngày, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tinh trừ những chướng ngại trong tâm rồi, vào đầu hôm, hoặc kinh hành hoặc tọa thiền để tịnh trừ những điều chướng ngại trong tâm. Sau khi hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền để tịnh trừ những chướng ngại trong tâm vào lúc đầu hôm rồi, đên nửa đêm đi vào tinh thát đê năm, xép làm tư Ưu-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm xuống phía hông bên phải, hai chân xếp chồng lên nhau, ý buộc vào minh tưởng chánh niệm, chánh trí, hằng hướng tâm niệm đến ý tưởng sẽ ngồi dậy. Sau đêm ấy, liền mau đứng dậy, hoặc kinh hành, hoặc tọa thiền đe tịnh trừ những pháp chướng ngại trong tâm. Như the là cách nam như sư tử của thầy Tỳ-kheo. Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, đó là cách nằm như sư tử của thầy Tỳ-kheo. Tôn giả A-nan lại thưa như vầy: Này chư

Hiền, đức Thế Tôn dạy cách nằm giống như sư tử cho tôi, từ đó trở đi, chưa hề có lần nào tôi nằm về hướng bên trái. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tôn giả A-nan. Lại nữa, có thời, đức Thế Tôn du hóa ở Câu-thi-na-kiệt, trụ trong rừng Sa-la của Hòa-bạt-đan lực sĩ. Bấy giờ là lúc tối hậu, đức Thế Tôn muốn thủ Bát-niết- bàn. Ngài bảo rằng:  Này A-nan? thầy hãy đi đến giữa hai cây Sa-la song thọ, trải một giường, đầu quay về hướng Bắc cho Như Lai. Nửa khuya đêm nay Như Lai sẽ Bát- niết-bàn. Tôn giả A-nan vâng lời dạy của đức Như Lai liền đến giữa hai cây Sa-la, trải giường nằm, đầu xoay về hướng Bắc cho đức Như Lai, trải ẹiường rồi trở về nơi đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng sang một bên, thưa răng:  Bạch Thế Tôn, con đã trải giường nằm đầu quay hướng Bắc cho đức Như Lai ở giữa hai cây Sa-la. Kính mong đức Thế Tôn tự biết thời. Bấy giờ, đức Thế Tôn cùng với Tôn giả A-nan đến giữa hai cây Sa-la, xếp làm tư Ưu-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-^ià-lê để làm gối, nằm về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau. Lúc cuối cùng sắp Bát-niết-bàn, Tôn giả A-nan quạt hầu Phật, giơ tay gạt nước mắt, rồi nghĩ như vầy: "Trước kia có đại chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn đến thăm đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái thì đều có thể tùy lúc mà thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái. Nếu họ nghe được đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn thì sẽ không còn đến để được thăm viếng đức Thế Tôn mà cúng dường, lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bai.” Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo A-nan bây giờ ở đâu?

196  KINH TRUNG A-HÀM

LÚC ây, các vi Tỳ-kheo thưa:  Bạch Thê Tôn, Tôn giả A-nan đang câm quạt hâu Phật, đưa tay gạt nước mắt, rồi nghĩ thế này: "Trước kia có đại chúng Tỳ-kheo ở các nơi muốn thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái thì đều có thể tùy lúc mà được viếng thăm đức Thế Tôn để cúng duỳng, lễ bái. Nếu họ nghe được đức Thế Tôn đã Bát-niết-bàn, sẽ không còn đến để được thăm viếng đức Thế Tôn mà cúng dường, lễ bái. Ta cũng không còn tùy lúc thăm viếng đức Thế Tôn để cúng dường, lễ bái." T-X Á • y 4. r rTpl Ấ  19 W Bây giơ, đức The Ton bao răng: -Này A-nan, thầy chớ khóc lóc, cũng chớ buồn rầu, vì sao vậy? Này A-nan, thầy hầu hạ Ta, thân hành từ hòa, khẩu và ý hành từ hòa, chưa từng có hai tâm, an lạc, vô lượng, vô biên, vô hạn. Này A-nan, trong đời quá khứ, các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không có người thị giả nào hầu hạ hơn thầy được. Này A-nan, nếu các bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đời vi lai có thị giả hâu hạ cũng không thê hơn thây được. Này A-nan, Ta là bậc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong đời hiện tại, nếu có người nào làm thị giả cũng không thể hơn thầy được. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì thầy khéo biết thời, khéo phân biệt thời. Biết mình lúc nào nên đến gặp đức Như Lai, lúc nào không nên đến gặp đức Như Lai. Biết lúc nào đại chúng Tỳ-kheo và đại chúng Tỳ-kheo-ni nên thăm viếng đức Như Lai, biết lúc nào đại chúng Tỳ-kheo, đại chúng Tỳ-kheo-ni không nên thăm viêng đức Như Lai. Biêt lúc nào chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di nên thăm viếng đức Như Lai, và lúc nào chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di không nên thăm viếng đức Như Lai. Này Đại Mục-kiền-liên, Tỳ-kheo A-nan khéo biết thời, khéo phân biệt được thời. Biết lúc nào mình nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào mình không nên đến gặp đức Như Lai. Biết lúc nào chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni nên đến gặp đức Như Lai, biết lúc nào

chúng Tỳ-kheo và chúng Tỳ-kheo-ni không nên đên gặp đức Như Lai. Biêt lúc nào chúng ưu-bà-tăc và iru-bà-di nên đên gặp đức Như Lai, biết lúc nào chúng ưu-bà-tắc và chúng ưu-bà-di không nên đến gặp đức Như Lai. Biết lúc nào hàng Sa-môn9 Phạm chí dị học nên đến gặp đức Như Lai; biết lúc nào các hàng Sa-môn9 Phạm chí dị học không nên đến gặp đức Như Lai. Biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào có the bàn luận với đức Như Lai; biết các hàng Sa-môn, Phạm chí dị học nào không the bàn luận với đức Như Lai. Biêt thức ăn loại cứng hay loại mem nào đức Như Lai dùng rồi sẽ an ổn, lợi ích; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ không được an ổn, lợi ích. Biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp; biết thức ăn loại cứng hay loại mềm nào đức Như Lai dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp. Lại nữa A-nan, mặc dù thầy không có tha tâm trí, nhưng biết trước được đức Như Lai vào buồi xê, từ chô ngôi tĩnh tọa đứng dậy, sẽ chuân bị thuyêt pháp



cho ai, hôm nay đức Như Lai sẽ làm như vậy, sẽ hiện pháp lạc trú như vậy, xét đúng như lời đức Phật dạy, chắc thật, không có sự sai khác. Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn làm cho Tôn giả A-nan vui mừng nên bảo với các thầy Tỳ-kheo rằng: Vị Chuyển Luân Vương có bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn? Đó là hàng Sát-lợi đến yết kiến Chuyển Luân Vương, nếu lúc ấy Chuyển Luân Vương im lặng, họ thây mặt liên vui vẻ; nêu lúc ây Chuyên Luân Vương có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ. Hàng Phạm chí, hàng cư sĩ, hàng Sa-môn đến yết kiến vị Chuyển Luân Vương, nếu lúc ấy Chuyển Luân Vương im lặng, họ thấy mặt liền vui vẻ; nếu lúc ấy Chuyển Luân Vương có nói gì, họ nghe rồi liền vui vẻ. Tỳ-kheo A-nan cũng giống như vậy, được bốn pháp vị tằng hữu. Những gì là bốn? Đó là chúng Tỳ-kheo khi đến gặp A-nan, nếu lúc ấy A-nan im lặng, họ thấy mặt liền hoan hỷ; nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà-tắc? chúng ưu-bà-di đến gặp A-nan, nếu lúc ấy A-nan im lặng, họ thấy mặt liền hoan hỷ; nếu lúc ấy A-nan có nói gì, họ nghe rồi liền hoan hỷ. Lại nữa, A-nan thuyêt pháp cho đại chúng có bôn điêu vị tăng hữu. Những gì là bốn? Tỳ-kheo A-nan thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo với chí tâm, không phải không có chí tâm; chúng Tỳ-kheo kia cũng nghĩ như vậy: "Mong Tôn giả A-nan thuyết pháp không dừng lại nửa chừng!” Chúng Tỳ-kheo kia nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp hoàn toàn không chán nản? nhimg Tỳ-kheo A-nan vẫn ngôi im lặng. Tỳ-kheo A-nan thuyêt pháp cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng ưu-bà- tắc5 chúng ưu-bà-di với chí tâm, chẳng phải không có chí tâm; chúng ưu-bà-di cũng nghĩ như vây: "Mong Tôn giả A-nan thuyêt pháp không dừng lại nửa chừng !,9 Chúng xru-bà-di ấy nghe Tôn giả A-nan thuyết pháp, hoàn toàn không nhàm chán, nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn ngồi im lặng. Lại nữa, có một thời, sau khi Thế Tôn Bát-niết-bàn không bao lâu; Tôn giả A-nan du hóa tại Kim Cang, trụ thôn Kim Cang. Bấy giờ, Tôn giả A-nan thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh trước sau. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử cũng đang ở trong đại chúng ấy. Tôn giả Kim Cang Tử trong tâm suy nghĩ như vầy: "Tôn giả A-nan vẫn còn là bậc Hữu học, chưa ly dục sao? Ta nên nhập như kỳ tượng định, bằng như kỳ tượng đinh mà quán sát tâm của Tôn giả A-nan/9 Thế rồi, Tôn giả Kim Cang Tử liền vào như kỳ tượng định, bằng

như kỳ tượng định mà quán sát tâm Tôn giả A-nan. Tôn giả Kim Cang Tử biết Tôn giả A-nan vẫn còn là bậc Hữu học nên chưa ly dục. Bấy giờ, Tôn giả Kim Cang Tử ra khỏi tam-muội, hướng về Tôn giả A-nan mà nói bài tụng rằng: Núi rừng văng, tư duy, Niết-bàn khiên vào tâm, Thiền Cù-đàm không loạn, Sẽ sớm chứng tịch tĩnh.

198 KINH TRƯNG A-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng lời dạy của Tôn giả Kim Cang Tử, rời bỏ chỗ đông, sống một mình, tinh tấn, không tán loạn. Vị ấy rời bỏ chỗ đông người, sống một mình, tinh tấn không tán loạn để đạt mục đích mà thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời hiện tại, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả A-nan biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la-hán. Tôi giả A-nan nói như vầy: Này chư Hiền, tôi ngồi trên giường, nghiêng đầu chưa đụng gối, liền đoạn tất cả lậu, chứng tâm giải thoát. Nếu Tôn giả A-nan nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Tôn giả A-nan lại nói như vây: Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn. Tôn giả A-nan liền ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn. Nếu Tôn giả A-nan ngồi kiết-già để Bát-niết-bàn thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo A-nan. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

34. KINH BẠC-CÂU-LA y

Tôi nghe như vây: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, Tôn giả Bạc-câula du hóa tại thành Vương Xá, ở trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, có một người dị học, vốn là bằng hữu thân thiết với Tôn giả Bạccâu-la lúc Tôn giả chưa xuất gia, vào buổi xế, thong thả đi đến chỗ Tôn giả Bạc-câu-la, chào hỏi rồi ngồi sang một bên. Vị dị học này nói rằng: Thưa Hiên giả Bạc-câu-la? tôi có vài điêu muôn hỏi, ngài có thê cho phép tôi hỏi chăng? Tôn giả Bạc-câu-la trả lời: Này dị học, tùy điều ông hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ. Dị học hỏi: Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã theo học Chánh pháp, Luật này được bao lâu? Tôn giả Bạc-câu-la trả lời: Này di học, tôi đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm. Dị học lại hỏi: Thưa Hiền giả Bạc-câu-la, ngài đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào đã làm việc dâm dục chăng? Tôn giả Bạc-câu-la bảo dị học: Ông đừng hỏi câu ấy, ông hãy hỏi một câu khác: "Thua Hiền giả Bạccâu-la, ngài học đạo trong Chánh pháp, Luật này đã tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào đã từng khởi lên dục tưởng ch ng?" Này di học, ông nên hỏi như vậy.

Bấy giờ, dị học nói như vầy: -Tôi nay hỏi lại rằng, Hiền giả Bạc-câu-la đã học đạo frong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm, ngài nhớ có lần nào khởi lên dục tưởng chăng? Bấy giờ, Tôn giả Bạc-câu-la nhân người dị học hỏi như vậy, liền bảo các thầy Ty-kheo rằng: Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm, nếu bảo tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao thì ý tưởng đó hoàn toàn không có.

Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tôn giả Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: - Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng khởi lên dục tưởng. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: —Này chư Hiền, tôi mặc y phấn tảo đến nay là tám mươi năm, nếu bảo tôi nhân đó mà khởi lên tâm cống cao thì ý tưởng đó hoàn toàn không có. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: Này chư Hiền, tôi mặc áo phấn tảo đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ y của người cư sĩ, chưa từng cắt may y, chưa từng dùng kim may y, chưa từng cầm kim may túi, dù là một sợi chỉ. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: Này chư Hiên, tôi khất thực đên nay là tám mươi năm, nêu bảo tôi nhân đó mà khởi tâm cống cao thì ý tưởng ấy hoàn toàn không có. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: -Tôi khất thực đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng thọ thỉnh của cư si, chưa từng khất thực bỏ thứ tự, chưa từng đến nhà giàu khất thực để ở đấy sẽ nhận các thứ mỹ diệu, tinh khiết, sung túc, đủ các loại cứng và mềm; chưa từng nhìn mặt người đàn bà; tôi nhớ chưa từng vào phòng của Tỳ-kheo-ni; tôi nhớ chưa từng chào hỏi Tỳ-kheo-ni, dù ở ngoài đường cũng không nói chuyện với họ. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la lại nói như vây: Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm; tôi nhớ chưa từng nuôi Sa-di, chưa từng thuyết pháp cho người bạch y, dù chỉ bốn câu tụng cũng không nói. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la.



Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: Này chư Hiền, tôi đã học đạo trong Chánh pháp, Luật này đến nay là tám mươi năm, chưa từng có bệnh, dù chỉ nhức đầu trong khoảnh khắc bằng khảy móng tay; tôi nhớ chưa từng uông thuôc, dù chỉ một miêng ha-lê-lạc. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vi tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: Này chư Hiền, trong tám mươi năm qua, khi tôi ngồi kiết-già9 chưa từng dựa vào vách hay vào cây. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vây: Này chư Hiền, trong vòng ba ngày đêm, tôi chứng đắc ba quả vị. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la nói như thế thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Lại nữa, Tôn giả Bạc-câu-la nói như vầy: Này chư Hiền, tôi sẽ ngồi kiết-già để vào Niết-bàn. Rồi Tôn giả Bạc-câu-la liền ngồi kiết-già mà vào Niết-bàn. Nếu Tôn giả Bạc-câu-la ngồi kiết-già mà vào Niết-bàn thì đó là pháp vị tằng hữu của Tỳ-kheo Bạc-câu-la. Tôn giả Bạc-câu-la thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo và người dị học sau khi nghe Tôn giả Bạc-câu-la giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

V

35. KINH A-TU-LA _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Bệ-lan-nhã? trong vườn Hoàng Lô. Bấy giờ, vua a-tu-la là Bà-la-la và thái tử là Mâu-lê-già đều có sắc tướng uy nghi, ánh sáng chói lọi, vào lúc đêm gần sáng, đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rồi đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này 2. Bà-la-la, phải chăng trong biên lớn, a-tu-la không. bị các sự suy thoái như tuôi thọ của a-tu-la, sac tướng của a-tu-la, sự hoan lạc của a-tu-la, sức mạnh của a-tu-la; cho nên, các a-tu-la thích sông trong các biên lớn chăng? Vua a-tu-la là Ba-la-la và thái tử a-tu-la là Mâu-lê-già trả lời: Bạch Thế Tôn, các a-tu-la của con trong biển lớn, không có sự suy thoái như là tuổi thọ của a-tu-la, sắc tướng của a-tu-la, sự hoan lạc của a-tu-la và sức mạnh của a-tu-la; cho nên, các a-tu-la thích sống ở frong biển lớn. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-la-la, trong biển lớn có mấy pháp vị tằng hữu, khiến cho a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy? Bà-la-la trả lời: -Trong biển lớn của con có tám pháp vị tằng hữu, khiến cho a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Những gì là tám? Bạch Thế Tôn, biển lớn của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch lên dần mãi cho tới bờ biển, nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Bạch Thế Tôn, nếu biển lớn của con từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chêch dân lên mãi cho tới bờ biên, nước trong ây luôn luôn dây, chưa từng chảy ra ngoài thì đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong biển lớn của con. Các a-tu-la thây vậy nên thích sông ở trong đó. Lại nữa, bạch Thế Tôn, thủy triều trong biển lớn của con chưa từng sai thời. Bạch Thế Tôn, nếu thủy triều trong biển lớn của con chưa từng sai thời thì đó là pháp vị tằng hữu thứ hai trong biển lớn của con. Các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thế Tôn, nước trong biển lớn của con rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong biển lớn của con rất sâu,



không có đáy, rất rộng, không thấy bờ thì đó là pháp vi tằng hữu thứ ba trong biên lớn của con. Các a-tu-la thây vậy nên thích sông trong đó. Lại nữa, bạch Thế Tôn? nước trong biển lớn của con đều cùng một vi mặn. Bạch Thế Tôn, nếu nước trong biển lớn của con cùng một vị mặn thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong biển lớn của con. Các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong đó. Lại nữa, bạch Thê Tôn, trong biên lớn của con có rát nhiêu trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt, tất cả đo trân kỳ được chứa đầy trong đó; tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mạo, xích thạch, triều châu. Bạch Thế Tôn, nếu trong biển lớn của con có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt, tát cả đồ trân kỳ được chứa đây trong đó; tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mạo, xích thạch, triều châu thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong biên lớn của con. Các a-tu-la thây vậy nên thích sông trong ấy. Lại nữa, bạch Thê Tôn, có những vị thân cư tru trong biên lớn của con; tên của các vị đại thần đó là A-tu-la, Kien-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-đà, Bà-lmi-nê, Đế-nghê-già-la-đề? Đế-nghê"già-la; lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân the tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên cho đên bảy trăm do-diên mà thân vân ở trong biên lớn. Bạch Thế Tôn, nếu có những vị đại thần cư trú trong biển

lớn; tên của các vi thần đó là A-tu-la, Kiền-thấp-hòa? La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-đà, Bà-lưu-nê, Đế-nghê, Đế-nghê-già-la-đề? Đế-nghê-già-la; lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do- diên cho đên bảy trăm do-diên mà thân thê vân ở trong biên lớn thì đó là pháp vi tằng hữu thứ sáu trong biển lớn của con. Các a-tu-la thấy vậy nên thích sống ở trong ấy. Lại nữa, bạch Thế Tôn, biển lớn của con thanh tịnh, không dung chứa tử thi; nếu có nệười nào mạng chung thì không hơn một đêm, gió liền thoi tấp vào bờ. Bạch Thê Tôn, nếu biển lớn của con thanh tinh, không dung chứa tử thi; có người nào mạng chung thì không hơn một đêm, gió liền thổi tấp vào bờ thì đó là pháp vị tằng hữu thứ bảy trong biển lớn của con. Các a-tu-la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong biển lớn của con, thuộc về châu Diêm-phù-đề có năm sông lớn: Hằng-già, Diêu-vmi-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề, Ma-xí; tát cả đêu chảy vào biên lớn, chảy vào đó roi đêu bỏ tên cũ mà gọi chung là biên lớn. Bạch The Ton, nếu trong biển lớn của con thuộc về châu Diêm-phù-đề có năm sông lớn: Hằng-già, Diêu-vưu-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề, Ma-xí; tất cả đều chảy vào biển lớn, chảy vào đó rồi đều bỏ tên cũ mà gọi chung là biển lớn thì đó là pháp vi tang hữu thứ tám trong biển lớn của con. Các a-tu-la thấy vậy nên thích sống ở trong ấy.

35. KINH A-TƯ-LA 205

Bạch Thế Tôn, đó là tám pháp vị tằng hữu trong biển lớn của con, các a-tu- la thấy vậy nên thích sống trong ấy. Bạch Thế Tôn, trong Chánh pháp, Luật của Thế Tôn có mấy pháp vị tằng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được liền hân hoan trong đó? The Ton tra lời: -Này Bà-la-la? trong Chánh pháp, Luật của Ta cũng có tám pháp vi tằng hữu, khiến cho các Tỳ-kheo thấy được liền hân hoan trong đó. Những gì là tám? Này Bà-la-la, giống như biển lớn từ đáy lên trên, chu vi dần dần rộng hơn, nghiêng chênh chếch dần lên mãi cho tới bờ, nước trong ấy luôn luôn đầy, chưa từng chảy ra ngoài. Này Bàlala, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giông như vậy, có sự dần dần thực hành, dần dần học, dần dần đoạn trừ hết và dần dần giáo hóa. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta có sự dân dân thực hành, dân dân học, dân dân đoạn trừ và dân dân giáo hóa thì đó là pháp vị tằng hữu thứ nhất trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như thủy triều trong biển lớn chưa từng sai thời. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, giảng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di bằng những cấm giới; các thiện nam tử ấy dù đến mạng chung cũng không phạm giới. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta có sự giảng dạy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà- tắc, iru-bà-di bằng những cấm giới và các thiện nam tử ấy dù đến mạng chung vẫn không phạm giới thì đó là pháp vị tằng hữu thứ hai trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giông như nước trong biên lớn rát sâu, không đáy, rát rộng, không thấy bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta các pháp rất sâu, không có dáy, rất rộng, không thấy bờ thì đó là pháp vị tằng hữu thứ ba trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như

nước trong biển lớn đều cùng một vi mặn. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng ệiống như vậy, chỉ một vị vô dục, vi giác, vị tịch tĩnh và vị đạo. Này Bàla-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta chỉ có một vi vô dục, vi giác, vị tịch tĩnh và vi đạo thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tư trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiên cho các Tỳ-kheo thây roi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như trong biển lớn có rất nhiều trân bảo, vô lượng đô quý báu lạ măt? tát cả đô trân kỳ được chứa đây trong đó; tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mani, trân châu, bích ngọc, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, độc mạo, xích thạch, triều châu. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo,



r y VÔ lượng pháp quý báu kỳ lạ, tát cả các pháp trân kỳ chứa đây trong đó; tên của các pháp trân bảo đó là: Bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta có rát nhiêu trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ, tát cả pháp trân kỳ chứa đầy trong đó; tên của các pháp trân bảo ấy là: Bốn niệm xứ, bốn chánh đoạn, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo thì đó là pháp vị tằng hữu thứ năm trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ- kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như có đại thần cư trú trong biển lớn; tên của các vị đại thần đó là: A-tu-la5 Kiền-thấp-hòa, La-sát, Ngư-ma-kiệt, Quy-đà, Bà-lim-nê, Đe-nghê, Đế-nghê-già-la-đề, Đế-iiệhê-già-la. Lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân the tới một trăm do-diên9 hai trăm do-diên, ba trăm do-diên cho tới bảy trăm do-diên mà thân thể vẫn ở trong biên lớn. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giông như vậy, đại thân Thánh chúng đều trú trong đó; tên của các vị đại thần đó là: A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm? Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà- hoàn, Tu-đà-hoàn hướnệ. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta, các đại thần Thánh chúng đều tru trong đó; tên của các vị đại than đó là: A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng thì đó là pháp vị tằng hữu thứ sáu trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến các Tỳ-kheo thay roi thích an trú ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giống như biển lớn trong sạch, không dung chứa tử thi; nếu có người mạng chung trong biển thì không hơn một đêm, gió sẽ thổi tấp vào bờ. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, Thánh chúng thanh tịnh, không dung chứa tử thi; nếu có người nào không tinh tấn sanh ra điều ác, phi Phạm hạnh mà xưng là Phạm hạnh, phi Sa-môn mà cho là Sa- môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Bà-la-la, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta, Thánh chúng như biển lớn thanh tịnh, không dung chứa tử thi; nếu có người không tinh tấn sanh ra điều ác, phi Phạm hạnh mà cho là Phạm hạnh, phi Sa-môn mà cho là Sa-môn, người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhưng cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách xa người ấy thì đó là pháp vi tằng hữu thứ bảy trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an tru ở trong đó. Lại nữa, này Bà-la-la, giông như biên lớn thuộc vê châu Diêm-phù-đê, có năm sông lớn: Hằnệ-già, Diêu-viru-na, Xá-lao-phù, A-di-la-bà-đề và Ma-xí; tất cả đều chảy vào biên

lớn, chảy vào đó rồi liên bỏ tên cũ mà gọi chung là biên lớn. Này Bà-la-la, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như thế, thiện nam tử thuộc về dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa? chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn; thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư si, dòng thợ thuyền, cạo

35. KINHA-TƯ-LA 207

7 , , A r ỉ A\ 19 • M r bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuat gia học đạo; người áy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-môn. Này Ba-la-la, nêu trong Chánh pháp, Luật của Ta, thiện nam tử thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình, xuất gia học đạo; người ấy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa-mon; thiện nam tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuat gia học đạo; người áy bỏ tên cũ, có tên chung là Sa- môn thì đó là pháp vị tằng hữu thứ tám trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Ty-kheo thấy rồi thích an tru ở trong đó. Này Ba-la-la, đó là tám pháp vi tằng hữu có trong Chánh pháp, Luật của Ta, khiến cho các Tỳ-kheo thấy rồi thích an trú ở trong đó. Này Bà-la-la, ý ông nghĩ thế nào? Trong Chánh pháp, Luật của Ta có tám pháp vị tang hữu, trong biển lớn của ông cũng có tám pháp vị tang hữu; hai loại vị tằng hữu ấy, loại nào là tối thắng, là vi diệu, là tối thượng? Bà-la-la thưa: Bạch Thế Tôn, tám pháp vị tằng hữu có trong biển lớn của con không bằng tám pháp vị tằng hữu của Như Lai, không bằng một phần ngàn, một phần vạn, không thể so sánh, không thể ví dụ, không thể đếm, không thể kể; chỉ có tám pháp vị tằng hữu của Thế Tôn là cao hơn hết, là tối thắng, là vi diệu, là tối thượng. Hôm nay, con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế M.. — Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc, kê từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, vua a-tu-la là Bà-la-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

36. KINH ĐỊA ĐỘNG Một thời, Phật du hóa tại nước Kim Cang, tên của thành là Địa. Bấy giờ, vùng ấy xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Lúc đó, Tôn giả A-nan thấy xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bôn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đêu băng hoại. Tôn giả A-nan thây roi sợ hãi, lông toàn thân dựng đứng, đi đên chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, đứng sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn, hôm nay có động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đêu băng hoại. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: Đúng như vậy, A-nan, hôm nay có động đất lớn. Đúng như vậy, này Anan, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn, có mấy nguyên nhân làm xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn ấy, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại? Đức Thế Tôn trả lời: Này A-nan, có ba nguyên nhân làm xảy ra động đất lớn, khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất

cả đều băng hoại. Những gì là ba? Này A-nan, mặt đất này ở trên nước, nước ở trên gió, gió nương vào hư không. Này A-nan, có khi trong không gian nổi lên gió lớn, hễ gió thổi thì nước bị khuây động, nước bị khuây động thì xảy ra động đát. Đó là nguyên nhân thứ nhát gây ra động đát lớn; khi xảy ra động đát lớn, bôn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Lại nữa, này A-nan, thầy Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, tâm tự tại như ý túc. Vị ây khởi tiêu tưởng đôi với đất, khởi vô lượng tưởng đối với nước. Vì vị ấy khởi tưởng như vậy nên mặt đất này theo sở dục, theo ý tưởng của vi ấy mà bị xoáy rồi lại xoáy, chấn động rồi lại chân động. Vị trời theo hộ vệ thây Ty-kheo áy cũng lại như vậy, có đại như



ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thân, tâm tự tại như ý túc. Vị ấy khởi tiểu tưởng đối với đất, khởi vô lượng tưởng đối với nước. Vị ấy khởi tưởng như vậy nên mặt đát này theo sở dục, theo ý tưởng của vị ây mà xoáy roi lại xoáy, chấn động rồi lại chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai gây ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao chổi mọc, nhà cửa, tường vách, tất cả đều băng hoại. Lại nữa, này A-nan, nếu Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, do cớ ấy nên xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đêu băng hoại. Đó là nguyên nhân thứ ba gây ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bôn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đều băng hoại. Bây giờ5 sau khi nghe xong, Tôn giả A-nan buôn râu khóc lóc, nước mát đầm đìa, chắp tay hướng về Thế Tôn mà bạch: Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công dức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Vì sao thế? Vì Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, lúc đó làm xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bốn mặt nổi gió ào ạt, bốn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đêu băng hoại. Đức Thế Tôn bảo A-nan: Đúng như vậy, A-nan! Đúng như vậy, A-nan! Thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Vì sao thế? Vì Như Lai không bao lâu, qua ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn, lúc đó làm xảy ra động đất lớn; khi xảy ra động đất lớn, bôn mặt nôi gió ào ạt, bôn phương sao choi mọc, nhà cửa, tường vách, tát cả đều băng hoại. —Lại nữa, này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng Sát-lợi đàm luận với họ, để cho vừa ý họ. Sau khi cùng ngồi xuống vững vàng, giống như sắc tướng của họ, sắc tương của Ta cũng vậy; giong như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy; nếu họ hỏi về nghĩa ấy, Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Ta sẽ thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi liền ẩn mình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn mình rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Này A-nan, như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu, cũng như vậy, đối với chúng Phạm chí, cư si, Sa-môn. Này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng Tứ

Thiên Vương, đàm luận với họ, để cho họ vừa ý. Sau khi cùng ngồi xuống vững vàng, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng của Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ,



âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ, oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy; nếu họ hỏi về nghĩa ấy, Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Ta sẽ thuyết pháp cho họ5 khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi liền ẩn mình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta ẩn hình rồi, họ không biết Ta là ai, là trời hay khác với hàng trời. Này A-nan, như vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiều pháp vị tằng hữu. Cũng vậy, đối với Tam Thập Tam thiên, Diệm- ma thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Lạc thiên, Phạm Thân thiên, Phạm Phú-lau thiên, Thiểu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên, Hoảng Dục thiên, Thiểu Tịnh thiên, Vô Lượng Tịnh thiên, Biến Tịnh thiên, Vô Quái Ngại thiên, Thọ Phước thiên, Quả Thật thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Thiện Kiến thiên và Thiện Hiện thiên/ Này A-nan, Ta đến ngồi giữa vô lượng trăm ngàn chúng trời sắc Cứu Cánh đàm luận với hẹ), để cho họ vừa ý. Sau khi cùng ngồi xuống vững vàng, giống như sắc tướng của họ, sắc tướng của Ta cũng vậy; giống như âm thanh của họ, âm thanh của Ta cũng vậy; giống như oai nghi lễ tiết của họ5 oai nghi lễ tiết của Ta cũng vậy; nếu họ hỏi về ý nghĩa ấy, Ta sẽ trả lời về nghĩa ấy. Lại nữa, Ta sẽ thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Ta dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ5 khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi Ta liền ẩn hình ra khỏi nơi ấy. Khi Ta đã ẩn hình rồi, họ không biết Ta là ai, là trời hay khác với hàng trời. Này A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thành tựu công đức, có nhiêu pháp vị tăng hữu. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

37. KINH CHIÊM-BA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Chiêm-ba9 ở bên hồ Hằng-già. Bấy giờ là ngày mười lăm trong tháng, là ngày đức Thế Tôn nói biệt giải thoát giới, trải tòa ngồi trước đại chúng. Khi Thế Tôn ngồi xong, liền nhập định và bằng tha tâm trí, Ngài quán sát tâm đại chúng. Khi quán sát tâm đại chúng roi, cho đên lúc hét buổi đâu hôm, Ngài vân ngôi im lặng. Bấy giờ, có một thày Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về đức Phật thưa: Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đàu hôm, đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi ở đây đã lâu, mong đức Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Bấy giờ, đức Thế Tôn im lặng không trả lời. Thế rồi, cho đến nửa đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thầy Tỳ-kheo kia lại lân nữa, từ chô ngôi đứng dậy, trịch vai sửa y, chăp tay hướng vê đức Phật mà thưa: Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm cũng sắp hết, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi ở đây đã lâu, cúi mong đức Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Đức Thế Tôn lại lần nữa im lặng, không trả lời. Thế rồi, cho đến cuối đem, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thầy Ty-kheo kia lại lần thứ ba, từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa y, chắp tay hướng về Thế Tôn mà thưa: -Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua lâu, buổi nửa đêm cũng đã chấm dứt rồi? buổi cuối đêm cũng sắp hết, trời gần về sáng, không bao lâu nữa mặt trời

sẽ mọc, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ở đây đã quá lâu, cúi mong đức Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Bấy giờ, đức Thế Tôn mới bảo vi Tỳ-kheo kia: Trong chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên cũng đang ở trong đại chúng. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ thế này: "Vì thầy Tỳ-kheo nào mà đức Thế Tôn nói rằng trong đại chúng này có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh? Ta nên nhập như kỳ tượng định, nhân trong như kỳ tượng định, bằng



tha tâm trí mà quán sát tâm niệm đại chiing." Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền vào như kỳ tượng định, nhân trong như kỳ tượng định, bằng tha tâm trí, quán sát tâm niệm đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên biết vị Tỳ-kheo nào trong đại chúng này đã làm việc bất tinh mà đức Thế Tôn đã nói với thầy Tỳ-kheo kia. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền xuất định, đi đến trước vi Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo di, mở cửa lôi ra bên ngoài và nói: -Này người ngu si, hãy đi xa đi, đừng đứng ở đây, không được trở lại hội họp với đại chúng Tỳ-kheo, từ nay trở đi ông không phải là Tỳ-kheo nữa. Ngài đóng cửa, gài chốt then lại, rồi trở về chỗ Phật, cúi lạy dưới chân Phật, ngồi sang một bên rồi thưa: Đức Thê Tôn đã nói cho các Tỳ-kheo răng, trong đại chúng ở đây, có một vị Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh, con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua lâu, buổi nửa đêm đã hết rồi và buổi cuối đêm sắp chấm dứt, trời sắp sáng rồi, chẳng bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đã quá lâu rồi, cúi mong đức Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Đức Thế Tôn bảo Đại Mục-kiền-liên rằng: Kẻ ngu si kia mắc đại tội là xúc nhiễu đức Thế Tôn ya đại chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên? nếu Như Lai ở giữa đại chúng bất tinh mà nói biệt giải thoát thì đâu người ây sẽ vỡ thành bảy mảnh. Do đó, này Đại Mục-kiên-liên? từ nay về sau các thầy hãy tự nói biệt giải thoát giới, Như Lai không nói biệt giải thoát giới nữa. Vì sao thế? Này Đại Mục-kiền-liên, giống như biển lớn kia từ đáy lên trên, chu vi càng rộng, nghiêng chênh chêch dân mãi cho tới bờ biên, nước trong ây luôn luôn đây, chưa từng chảy ra ngoài. Này Đại Mục-kiên-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giông như vậy, dân dân thực hành, dân dân học hỏi, dân dần đoạn trừ tất cả và dần dần giáo hóa. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Chánh pháp, Luật của Ta đều dần dần thực hành và dàn dần học hỏi, dần dần đoạn trừ tất cả và dần dần giáo hóa thì đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiên-liên, giông như thủy triêu trong biên lớn chưa từng sai thời. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng lại như vậy, giảng dạy cấm giới cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc và ưu-bà- di; các tộc tánh tử ấy cho dù trọn đời vẫn hoàn toàn không phạm giới. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Chánh pháp, Luật của Ta giảng dạy cho các Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni, ưu-bà-tăc, ưu-bà-di; các tộc tánh tử ây cho dù trọn đời vân hoàn toàn không phạm giới. Này Đại Mục-kiên-liên? nêu Chánh pháp, Luật của Ta giảng dạy các cấm giới cho chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-di; các tộc tánh tử ấy cho dù trọn đời vẫn hoàn toàn không phạm giới thì đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta.

Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong biển lớn rất sâu, không có đáy, rất rộng, không thấy bờ. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, các pháp thậm thâm, rất sâu, không có đáy, rát rộng, không có bờ. Này Đại Mục-kiên-liên, nêu trong Chánh pháp, Luật của Ta, các pháp thậm thâm, rất sâu, không có đáy, rất rộng, không có bờ thì đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như nước trong biển lớn đều cùng một vị mặn. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, chỉ có vị vô dục, vi giác, vi tịch tịnh và vị đạo. Này Đại Mục-kiên-liên, nêu trong Chánh pháp, Luật của Ta chỉ có vị vô dục, vị giác, vi tịch tịnh và vi đạo thì đó là pháp vi tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, như trong biển lớn có rất nhiều trân bảo, vô lượng đồ quý báu lạ mắt, tất cả đồ trân kỳ đầy dẫy trong đó; tên của các trân bảo đó là vàng, bạc, thủy tinh, lim ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xà cừ, san hô? hổ phách, mã não, độc mạo, xích thạch, triều châu. Này Đại Mục- kiền-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, có rất nhiều trân bảo vô lượng pháp quý báu kỷ lạ, tát cả pháp trân kỳ đây dây trong đó; tên của các trân bảo đó là bôn niệm xứ, bôn chánh cân, bôn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám chi Thánh đạo. Này Đại Mục-kiền-liên5 nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta có rất nhiều trân bảo, vô lượng pháp quý báu kỳ lạ, tất cả các pháp trân kỳ đầy dẫy trong đó; tên của các pháp trân bảo đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi và tám chi Thánh đạo thì đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như có những vị đại thần cư tru trong biên lớn, tên của các vị đại thân đó là A-tu-la, Kiên-thâp-hòa, Lasát, Ngư-ma-kiệt, Quy-đà, Bà-lưu-nê, Đế-nghê-già-la-đà, Đế-nghê-già-la. Lại nữa, trong biển lớn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, có chúng sanh thân thể tới một trăm do- diên9 hai trăm do-diên5 ba trăm do-diên cho đến bảy trăm do-diên mà thân vẫn ở trong biên. Này Đại Mục-kiên-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giông như vậy; đại thân Thánh chúng đêu tru trong đó, tên của các vi đại thân trong đó là A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm, A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà- hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng. Này Đại Mục-kiên-liên, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta có các đại thần Thánh chúng, đều trú trong đó; tên của các vi thần đó là A-la-hán, A-la-hán hướng, A-na-hàm? A-na-hàm hướng, Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm hướng, Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn hướng thì đó là pháp vi tàng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, như biển lớn trong sạch không dung chứa tử thi; nếu có người nào mạng chung trong biển thì không hơn một đêm, gió liền thổi tấp vào bờ biển. Này Đại Mục-kiền-liên, Chánh pháp, Luật của Ta cũng giông như vậy, Thánh chúng thanh tịnh không dung chứa tử thi; nêu có



người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi Phạm hạnh tự ximg là Phạm hạnh, phi Sa-môn tự xung là Sa-môn thì người ấy dù ở trong Thánh chúng, nhimg cách Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ấy rất xa. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta, Thánh chúng thanh tinh không dung chứa tử thi; nếu có người nào không tinh tấn, sanh ra điều ác, phi Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, phi Sa-môn tự xung là Sa-môn thì người ấy dù vẫn ở trong Thánh chúng, nhung cách

Thánh chúng rất xa, Thánh chúng cũng lại cách người ây rát xa thì đó là pháp vị tăng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Lại nữa, này Đại Mục-kiền-liên, giống như trong biển lớn, thuộc về châu Diêm-phù-đề có năm dòng sông lớn: một là Hằng-già, hai là Diêu-vưu-na, ba là Xá-la-phù, bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí; tất cả đều chảy về biển lớn, chảy vào đó và loài rông nước trong biên làm mưa xuông từ trên hư không, rơi từng hạt to như bánh xe, tất cả các thứ nước ấy không thể làm cho biển lớn tăng hay giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, trong Chánh pháp, Luật của Ta cũng giống như vậy, các tộc tánh tử thuộc dòng Sát-lợi5 cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an tru. Này Đại Mục-kiền-liên, bất động tâm giải thoát ở trong Chánh pháp, Luật của Ta không tăng không giảm. Cũng vậy, đối với các tộc tánh tử thuộc dòng Phạm chí, dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trú. Này Đại Mục- kiền-liên, bất động tâm giải thoát trong Chánh pháp, Luật của Ta không tăng không giảm. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu trong Chánh pháp, Luật của Ta, các tộc tánh tử thuộc dòng Sát-lợi, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an trú; thì cũng vậy, đối với các tộc tánh tử thuộc dòng Phạm chí, thuộc dòng cư sĩ, dòng thợ thuyền, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa? chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, bất động tâm giải thoát, tự tác chứng, thành tựu an tru. Này Đại Mục-kiên-liên, nêu bát động trong tâm giải thoát trong Chánh pháp, Luật của Ta không tăng không giảm thì đó là pháp vị tằng hữu trong Chánh pháp, Luật của Ta. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả Đại Mục kiền-liên và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

38. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Tỳ-xá-ly, trong rừng Đại Lâm. Bây giờ, trưởng giả Uc-già chỉ có một sô phụ nữ theo hâu hạ và ông đang ở trước các phụ nữ ấy, từ Tỳ-xá-ly ra đi, đến giữa rừng Đại Lâm thuộc Tỳ-xá-ly, 9 V a .

chỉ đê hoan lạc với các kỹ nữ như vị quôc vương. Lúc đó, trưởng giả úc-già uống rượu say túy lúy, bỏ các phụ nữ kia lại đó, đi vào trong rừng Đại Lâm. Đang lúc trưởng giả úc-già say rượu túy lúy? từ đàng xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vầng trăng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, ánh sáng như tòa núi vàng, đầy đủ tướng t6t, oai thân uy nghiêm, các căn tịch tinh, không bị ngăn che, thành tựu M A , • v , * À 1 A , 9 *

sự điêu ngự, tâm văng lặng tịch mặc. Ong thây đức Phật roi, lập tức tỉnh rượu. Trưởng giả úc-già khi đã hết say rượu liền đến chỗ đức Phật cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, rồi ngồi sang một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho ông, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ, như pháp thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoan chánh để cho người nghe hân hoan, tức là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai họa, sanh tử là nhơ uế, khen ngợi vô dục là

đạo phẩm bạch tịnh, vi diệu. Sau khi đức Thế Tôn nói những pháp ây cho ông roi, đức Phật biêt ông ây có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyễn, tâm nhân nại, tâm thăng tân, tâm chuyên nhát, tâm không nghi, tâm không bi che lâp, có khả năng, có sức lực, có thê kham thọ Chánh pháp. Roi như thông lệ của chư Phật nói về pháp yếu chân chánh, đức Thế Tôn thuyết cho ông ấy về khổ, tập, diệt và đạo. Bấy giờ, trưởng giả úc-già, ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt và đạo. Cũng như vải trắng dễ nhuộm thành màu, trưởng giả úc- già cũng giông như vậy, ngay nơi chô ngôi, thây được bôn Thánh đê: Khô, tập, diệt và đạo. Lúc ấy, trưởng giả úc-già thấy pháp và đắc pháp, hiểu biết pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, không còn sợ hãi đối với giáo pháp của Thế Tôn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và thưa:



Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc9 kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Bạch Thế Tôn, từ ngày nay con xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới. Sau khi trưởng giả Uc-già xin đi theo đức Thê Tôn, trọn đời lây Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, ông cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng roi ra đi. Ông trở về nhà, liền tập trung các phụ nữ rồi nói rằng: Các ngươi biết không, ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới; các ngươi nếu còn muốn được ở nơi đây thì có thể ở và làm việc bố thí, gây phước, nếu không còn muốn ở thì cứ tự trô về nhà. Nếu các ngươi muốn có chồng thì ta sẽ gả chồng cho. Bây giờ, vi phu nhân lớn nhát thưa với trưởng giả Uc-già: Nếu ngài đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới thì nên đem tôi gả cho người kia. Trưởng giả úc-già liền kêu người kia đến, tay trái cầm tay vi đại phu nhân, tay mặt bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia: Nay ta đem đại phu nhân gả cho ngươi làm vợ. Người ấy nghe rồi, liền vì quá sợ hãi, lông toàn thân đều dựng đứng, thưa với úc-già trưởng giả rằng: -Thưa trưởng giả, ngài muôn giêt tôi chăng? Ngài muôn giêt tôi chăng? Trưởng giả trả lời: Ta không giết ngươi đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó, ta sê đem vị phu nhân lớn nhất này gả cho ngươi làm vợ. Trưởng giả úc-già khi đã cho vị đại phu nhân và ngay trong khi cho, hoàn toàn không có lòng hối tiếc. Bấy giờ, vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh đức Thế Tôn ở dấy, đang khen ngợi, tán thán trưởng giả úc-già. Trưởng giả úc-già có tám pháp vị tằng hữu. Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo, khi đêm đã qua, vào lúc hừng sáng, khoác y, ôm bát, đi vào nhà trưởng giả úc-già. Trưởng giả úc-già từ đàng xa trông thấy thầy Tỳ-kheo đi đến? liền từ chỗ ngôi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chăp tay hướng vê thây Tỳ-kheo thưa răng: Kính chào Tôn giả, Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời ngài ngồi nơi giường này. Bây giờ, thây Tỳ-kheo ngôi xuông giường ây. Trưởng giả Uc-già đảnh lê dưới chân thầy Tỳ-kheo rồi ngồi sang một bên. Thầy Tỳ-kheo bảo:

Này trưởng giả, ông có thiện lợi, có công đức lớn. Vì sao vậy? Vì ông, giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng vây quanh, đức Thế Tôn ở đấy khen ngợi, tán thán răng trưởng giả Uc-già có tám pháp vi tăng hữu. Này trưởng giả, ông có những pháp gì? Trưởng giả úc-già trả lời thầy Tỳ-kheo: -Đức Thế Tôn chưa hề nói sai, nhưng con không biết đức Thế Tôn vì lẽ gì mà nói như vậy. Mong Tôn giả nghe vê những pháp mà con có: "Một thời, đức Thế Tôn du hóa tại Tỳ-xá-ly, trong rừng Đại Lâm. Bạch Tôn giả, bấy giờ chỉ có một số phụ nữ theo hầu hạ và con đang đi trước hết, đi từ thành Tỳ-xá-ly đến trong rừng Đại Lâm thuộc Tỳ-xá-ly9 chỉ để hoan lạc với các kỹ nữ như vị quốc vương. Bạch Tôn giả, bấy giờ con uống rượu quá say, bỏ các phụ nữ kia lại đó, đi vào rừng Đại Lâm. Bạch Tôn giả, con bấy giờ đang say túy lúy, từ đàng xa trông thây đức Thê Tôn ở giữa rừng cây, đoan chánh đẹp đẽ như vâng trăng giữa đám sao, ánh sáng chói lọi rực rỡ, sáng ngời như tòa núi vàng, đay đủ tướng tốt, oai thần uy nghiêm, các căn đinh, không bi ngăn che, thành tựu sự điêu ngự, tâm văng lặng tịch mặc. Con thây đức Thê Tôn roi lập tức tỉnh rượu. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy." Thầy Tỳ-kheo khen rằng: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp này mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con tỉnh rượu rồi liền đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho con, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho con, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ, như pháp thông lệ của chư Phật, Ngài trước hét nói vê pháp đoan chánh đê cho người nghe hân hoan, tức là nói thí, nói giới, nói pháp sanh thiên, chê bai dục là tai họa, sanh tử là nhơ uế, khen ngợi vô dục là đạo phẩm bạch tinh, vi diệu. Sau khi đức Thế Tôn nói những pháp ấy cho con rồi, đức Thế Tôn biết con có tâm hoan hỷ, tâm an trú, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyên, tâm nhân nại, tâm thăng tân, tâm chuyên nhất, tâm không nghi, tâm không bị che lấp, có khả năng, có sức lực, có thể kham thọ Chánh pháp. Rồi như thông lệ của chư Phật, Ngài noi về pháp yếu chân chánh, đức Thế Tôn liền thuyết pháp cho con nghe về khổ, tập, diệt và đạo. Bấy giờ, con ngay nơi chỗ ngồi thấy được bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt và đạo. Cũng như vải trăng dê nhuộm thành màu, con cũng giông như vậy, ngay nơi chỗ ngồi con thấy được bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt và đạo. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!



Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, con thấy pháp, đắc pháp, giác pháp bạch tinh, đoạn trừ nghi, vượt qua hoặc, không còn tôn sùng người khác, không còn theo người khác, không còn do dự, đã trụ nơi quả chứng, không còn sợ hãi đối với giáo pháp của đức Thế Tôn. Bạch Tôn giả, lúc ấy con liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật và thưa rằng: "Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Bạch Thế Tôn, từ ngày nay con xin theo đức Thế Tôn trọn đời, lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm gi&i!" Bạch Tôn giả, từ khi con theo đức Thế Tôn, con trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, chưa từng biêt mình đã phạm giới. Bạch Tôn giả, con có pháp ây. Thầy

Tỳ-kheo khen:  Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! -Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ây mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, bây giờ, sau khi con theo đức Thê Tôn, nguyện trọn đòd lây Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới rồi, con cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng roi ra vê. Trở vê nhà, con liên tập trung các phụ nữ roi nói: "Các ngươi biết không, ta đã xin theo đức Thế Tôn, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới; các ngươi nếu còn muốn ở đây thì có thể ở và làm việc bố thí, gây phước, nếu không còn muốn ở thì cứ tự trở về nhà. Nếu các ngươi muốn lấy chồng thì ta gả chồng cho.99 Bây giờ, vi phu nhân lớn nhát thưa với con răng: í6Nêu ngài đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, trẹ)trì năm giới thì nên đem tôi gả cho ngươi kia?9 Con liền kêu người kia đến, tay trái cầm tay vị đại phu nhân, tay mặt bưng chậu nước bằng vàng, bảo người kia rằng: "Nay ta đem vị đại phu nhân gả cho ngươi làm VỌL” Người ấy nghe, rồi liền vì quá sợ, lông toàn thân đều dựng đứng và thưa với con: "Thua trưởng giả, ngài muốn giết tôi chăng? Ngài muốn giết tôi sao?” Con trả lời: uTa không giết ngươi đâu! Vì ta đã xin theo đức Phật, trọn đời lấy Phạm hạnh làm đầu, thọ trì năm giới, do đó, ta đem vi phu nhân lớn nhất gả cho ngươi làm VỌL” Bạch Tôn giả, con đã cho vị đại phu nhân, ngay lúc đang cho ây, con hoàn toàn không có lòng hối tiếc. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen:  Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!  Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con đên vườn của chúng Tăng, nêu trước hét con gặp một thây Tỳ-kheo nào, liền đảnh lễ. Nếu vị Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành. Nếu vị



M A x • \ • Ầ • *1 r x T* r . /\ • 9 Á r ây ngôi, con cũng ngôi theo một bên, ngôi roi nghe pháp. Vị Tôn giả ây thuyêt pháp cho con, con cũng thuyêt pháp cho vị Tôn giả ây. Vị Tôn giả ây hỏi việc con, con cũng hỏi việc Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời câu hỏi con, con cũng trả lời câu hỏi ấy cho vị Tôn giả. Con nhớ chưa có lần nào khinh mạn các vi Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão và các vị bậc thượng, hạ. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!  Bạch Tôn giả, con không chỉ có pháp ây mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo, thực hành việc bố thí thì có chư thiên trụ giữa hư không bảo con rằng: uNày trưởng giả, đây là bậc A-la-hán, đây là bậc A-la-hán hướng; đây là bậc A-na-hàm, đây là bậc A-na-hàm hướng; đây là bậc Tư-đà-hàm, đây là bậc Tư-đà-hàm hướng, đây là bậc Tu-đà-hoàn, đây là bậc Tu-đà-hoàn hướng, vị này tinh tấn, vi này không tinh tấn." Bạch Tôn giả, khi con cúng dường cho đại chúng Tỳ-kheo, con nhớ chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen:  Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!  Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo thực hành sự cúng dường thì có chư thiên trú trên hư không bảo con rằng: uNày trưởng giả, có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thế Tôn khéo thuyết pháp và Thánh chúng của đức Như Lai khéo thú hướng.,^ Con không do vị trời kia mà có tín, không do vị trời kia mà có dục lạc, không nghe theo vị kia nhimg con tư có tịnh trí để biết, có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đức Thế Tôn khéo thuyết

pháp ya Thánh chúng của đức Như Lai khéo thú hướng. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen: -Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Bạch Tôn giả, con không chỉ có pháp ấy mà thôi. Lại nữa, bạch Tôn giả, đức Phật có nói về năm hạ phần kiết sử, tức tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi. Con thây năm kiêt sử ây, hoàn toàn không có một kiêt sử nào còn trói buộc con thác sanh vào bào thai, trở lại thế gian này. Bạch Tôn giả, con có pháp ấy. Thầy Tỳ-kheo khen rằng: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Bạch Tôn giả, con không phải chỉ có pháp ấy mà thôi. Trưởng giả úc-già liền thưa với thầy Tỳ-kheo rằng: Mong Tôn giả ở lại đây thọ thực!



Thầy Tỳ-kheo im lặng nhận lời thỉnh của trưởng giả. Sau khi biết thầy Tỳ-kheo im lặng nhận lời rồi, trưởng giả úc-già liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình múc nước rửa tay, đem rất nhiều món ăn cứng và mềm, rất mỹ diệu, tinh khiết, ngon lành tự tay hầu sớt để cho thầy Tỳ-kheo ăn được no đủ. Ăn xong, trưởng giả Uc-già dọn cát đô đạc và rửa tay, roi lây một giường nhỏ ngôi riêng đê nghe pháp. Thầy Tỳ-kheo thuyết pháp cho trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho ông ấy rồi, thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, đem trình bày đầy đủ về cuộc thảo luận giữa thầy và trưởng giả úc-già lên đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: -Ta vì lẽ ây mà khen ngợi, tán thán trưởng giả Uc-già có tám pháp vị tăng hữu. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

39. KINH ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, sau khi đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu, có một số đông trưởng lão Tỳ-kheo du hóa tại Tỳ-xá-ly? ở bên sông Di-hầu, Cao Lâu Đài quán. Bấy giờ, trưởng giả úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như sau: Đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom Tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng đến thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đầy hàng hóa trở về, giá trị đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Đại chúng Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn nghe trưởng giả úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như thế, đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom Tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vi Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều mời đại chúng Tỳ-kheo tới thọ trai. Các vi Tỳ-kheo nghe rồi bàn luận với nhau: -Này chư Hiên, vị nào có thê đên bảo với trưởng giả Uc-già: uNày trưởng giả, nên dừng lại chớ bố thí nữa! Này trưởng giả? sau này sẽ tự biết!” Rồi các vị ấy nghĩ như vầy: "Tôn giả A-nan làm thi ệiầ của đức Thế Tôn, thọ lãnh di giáo của Thế Tôn, được Thế Tôn và các vị đong Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có thể đến bảo với trưởng giả úc-già: 'Này trưởng giả, hãy dừng lại, đừng bố thí nữa! Này trưởng giả, sau sẽ tự biết!" Này chư

Hiền, chúng ta nên cùng nhau đến nơi Tôn giả A-nan trình bày sự việc như thế. Bấy giờ, đại chúng Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Hiền giả A-nan, Hiền giả có biết chăng, trưởng giả úc-già tổ chức cuộc bố thí lớn như vầy: Đãi ăn cho những người khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho ngu&i trông nom Tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đên thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng Tỳ-kheo tới thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên



biên lại có một chiêc tàu buôm lớn, chở đây hàng hóa trở vê? giá trị đên trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Chúng tôi cùng bàn luận với nhau như thế này: "Ai có thể đến bảo với trưởng giả úc-già như vầy: Này Trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Này trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết." Chúng toi lại nghĩ: "Tôn giả A-nan là thị giả của đức Thế Tôn, thọ lãnh di giáo của Thế Tôn, được Thế Tôn và các vị đong Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả A-nan có the đen bảo với trưởng giả úc-già: Này trưởng giả, hãy dừng lại, đừng bố thí nữa. Này trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết." Này Hiên giả A-nan, Hiền giả có thể đến bảo với trưởng giả úc-già rằn^: "Này trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Này trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết.” Tôn giả A-nan thưa với vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn: -Thưa các ngài, trưởng giả úc-già tính tình nghiêm chỉnh, nếu tôi tự tiện nói thì biết đâu làm cho ông ấy chẳng vui. Thưa các ngài, tôi đại diện cho ai để nói đây? Các vị Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: Hiền giả nên xưng là đại chúng Tỳ-kheo bảo như vậy. Sau khi Hiền giả ximg là đại chúng Tỳ-kheo bảo như vậy, ông ấy sẽ không còn nói gì nữa. Tôn giả A-nan liền im lặng, vâng lời các vị Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng ton. Bấy giờ, các vị Trưởng lão Thượng tôn biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả A-nan rồi ai về chỗ ấy. Sau khi đêm qua, vào lúc hừng sáng, Tôn giả A-nan khoác y, cầm bát, đi đến nhà trưởng lão úc-già. Trưởng giả úc-già thấy Tôn giả A-nan từ xa đi lại, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai sửa áo, chắp tay hướng về Tôn giả A-nan thưa: Kính chào Tôn giả A-nan, Tôn giả từ đâu đến đây? Mời ngài ngồi lên giường này. Tôn giảA-nan liền ngồi trên giường ấy. Trưởng giả úc-già liền đảnh lễ dưới chân Tôn giả A-nan? rồi ngồi sang một bên, Tôn giả A-nan bảo: Trưởng giả biết chăng? Trưởng giả đã tổ chức cuộc bố thí lớn như vầy: Đãi ăn cho những khách từ xa đến, đãi ăn cho các hành khách, các bệnh nhân và những người nuôi bệnh, thường dọn cháo, thường dọn cơm, cung cấp cho người trông nom Tăng viên, thường mời đại chúng gồm hai mươi vị Tỳ-kheo đến thọ thực, cứ mỗi năm ngày đều có mời đại chúng Tỳ-kheo đến thọ trai. Trưởng giả tổ chức cuộc bố thí lớn như vậy mà trên biển lại còn có một chiếc tàu buồm lớn chở đày hàng hóa trở về, tri giá đến trăm ngàn, vừa bị chìm mất. Này trưởng giả, hãy dừng lại, chớ bố thí nữa. Này trưởng giả, rồi sau sẽ tự biết. Trưởng giả thưa: Bạch Tôn giả A-nan, đây là lời nói của ai vậy? Tôn giả A-nan đáp: Này trưởng giả, tôi tuyên bố thay cho đại chúng Tỳ-kheo.

Trưởng giả thưa:  Nếu Tôn giả A-nan tuyên bố lời của đại chúng Tỳ-kheo thì không có gì để phải luận; còn nếu tự mình bảo như vậy thì có thể làm cho con rất không được vui lòng. Bạch Tôn giả A-nan, nêu con có hành xả như thê, có bô thí như thê, dù tát cả tài vật đêu khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện thôi, giông như ý nguyện của Chuyên Luân Vương. Tôn giả A-nan hỏi:  Này trưởng giả, thê nào là ý nguyện của vị Chuyên Luân Vương? Trưởng giả đáp: -Bạch Tôn giảA-nan, có một người nghèo trong thôn nghĩ như vây: "Mong sao ta trở nên giàu nhất trong th6n!" Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong thôn suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta trở nên giàu nhất trong ấp!" Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong ấp suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta giàu nhất trong thành!" Đó là ý nguyện của người ấy. Có một người giàu trong thành nghĩ như vầy: “Mong sao ta làm được chức tông chánh trong thành!" Đó là ý nguyện của người ấy. Vi tông chánh trong thành nghĩ như vây: “Mong sao ta làm được quan tướng qu6c!" Đó là ý nguyện của người ây. Quan tướng quốc suy nghĩ thế này: "Mong sao ta làm được vị tiểu vương!" Đó là ý nguyện của người ấy. Vị tiểu vương suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta làm được Chuyển Luân Vương!,9 Đó là ý nguyện của người ấy. Vi Chuyển Luân Vương suy nghĩ như vầy: "Mong sao ta được làm như một thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa9 chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, đê thành tựu Phạm hạnh vô thượng, tự tri, tự giác, tự chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa!" Đó là ý nguyện của Chuyển Luân Vương. Bạch Tôn giả A-nan, nếu con có hành xả như thế, có bố thí như thế, dù cho tất cả tài vật đều khô cạn, cũng chỉ làm cho con mãn nguyện, như là ý nguyện của Chuyên Luân Vương. Bạch Tôn giả A-nan con có pháp ây. Tôn giả A-nan khen:  Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!  Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy thôi. Bạch Tôn giả A-nan, khi con đên vườn của chúng Tăng, khi vừa thây một vị thây Tỳ-kheo nào, con liền đảnh lễ. Nếu thấy thầy Tỳ-kheo ấy kinh hành, con cũng kinh hành theo. Nêu thây ây ngôi, con cũng ngôi một bên, ngôi roi nghe giảng pháp. Vi Tôn giả ây thuyêt pháp cho con, con cũng thuyêt pháp cho vi Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy hỏi việc con, con cũng hỏi việc Tôn giả ấy. Vị Tôn giả ấy trả lời con vê mọi việc, con cũng trả lời vị Tôn giả ây vê mọi việc. Bạch Tôn giả A-ïian, con nhớ, con chưa từng có lần nào khinh mạn các vi Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, các bậc thượng, trung, hạ. Bạch Tôn giả A-nan con có pháp ấy.

226 * KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả A-nan khen:  Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Bạch Tôn giả A-nan, khi con ở giữa đại chúng Tỳ-kheo để thực hành việc bô thí thì có chư thiên trú trên hư không, bảo con răng: “Này trưởng giả, vị này là A-la-hán, vị này là A-la-hán hướng; vị này là A-na-hàm, vi này là A-na-hàm hướng; vi này là Tư-đà-hàm, vị này là Tư-đà-hàm hướng; vị này Tu-đà-hoàn, vi này là Tu-đà-hoàn hướng; vị này tinh tấn, vị kia không tinh tấn.” Bạch Tôn giả A-nan, khi con cúng dường cho đại chúng Tỳ-kheo? con nhớ, con chưa từng có ý phân biệt. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu!  Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy

thôi. Bạch 9 e 9 r

Tôn giảA-nan, khi con ở đại chúng Tỳ-kheo đê thực hành việc bô thí thì có chư thiên tru trên hư không, bảo con rằng: "Có đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là bậc Thế Tôn khéo thuyết pháp và có Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng/9 Nhưng con không do vi trời kia mà có tín, con không do vị ây mà có dục lạc, không nghe theo vị ây nhưng tự có tịnh trí, biêt đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, là bậc Thế Tôn khéo thuyết pháp và có Thánh chúng của Như Lai khéo thú hướng. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả, nếu ông có pháp ấy thì thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Lại nữa, bạch Tôn giả A-nan, con không những chỉ có pháp ấy thôi. Bạch Tôn giả A-nan5 con ly dục, ly pháp ác và pháp bát thiện, chứng đên đệ tứ thiên, thành tựu và an trú. Bạch Tôn giả A-nan, con có pháp ấy. Tôn giả A-nan khen: Này trưởng giả? nếu ông có pháp ấy thì thật kỳ diệu, thật là hy hữu! Bấy giờ, trưởng giả úc-già thưa: -Bạch Tôn giả A-nan, mời ngài ở lại đây thọ thực! Tôn giả A-nan im lặng nhận lời mời của trưởng giả úc-già. Trưởng giả úc-già biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa tay, rồi bimg rất nhiều đồ ăn cứng và mềm, đầy đủ mỹ diệu và tinh khiêt, tự tay hâu sớt đê Tôn giả A-nan được no đủ. An xong, trưởng giả dọn cất đồ đạc, dùng nước rửa xong, đem một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi. Tôn giả A-nan thuyết như vậy, trưởng giả úc-già sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

40. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Thế Tôn du hóa tại A-la-bệ-già-la, trong rừng Hòa Lâm. Bấy giờ, Thủ trưởng giả cùng với năm trăm đại trưởng giả đi đến nơi đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên; năm trăm đại trưởng giả cũng cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế Tôn dạy: Này Thủ trưởng giả, nay ông có một đại chúng rất đông. Này Thủ trưởng giả, ông dùng những pháp nào để nhiếp hóa đại chúng này. Bấy giờ, Thủ trưởng giả thưa: Bạch Thế Tôn, có bốn sự nhiếp như đức Thế Tôn đã dạy: Một là bố thí, hai la ái ngữ, ba là lợi hành, bốn là đong sự. Bạch Thế Tôn, con dùng bốn pháp ấy để nhiếp hóa bốn chúng này, hoặc là dùng bố thí, hoặc là dùng ái ngữ, hoặc là dùng lợi hành, hoặc là đồng sự. Đức Thế Tôn khen: Hay thay, hay thay! Này Thủ trưởng giả, ông có thể đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng, đúng như môn mà nhiếp hóa đại chúng, đúng như nhân duyên mà nhiếp hóa đại chúng. Này Thủ trưởng giả, nếu trong quá khứ, có vị Sa-môn, Phạm chí nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp hóa này, hoặc còn ít hơn nữa. Này Thủ trưởng giả, nếu trong vị lai, có Sa-môn, Phạm chí nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp này, hoặc còn ít hơn nữa. Này Thủ trưởng giả, nếu trong hiện tại, có Sa-môn, Phạm chí nào đúng như pháp mà nhiếp hóa đại chúng thì tất cả những pháp ấy đều ở trong bốn sự nhiếp này, hoặc còn ít hơn nữa. Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy,

khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Bấy giờ, sau khi đức Phật thuyết pháp cho khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, Thủ trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu có gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến cổng giữa, cổng



trong và vào đên bên trong nhà, nêu gặp người nào, ông đêu thuyêt pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cứ như vậy? hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không két, không oán, không nhuê, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú; cũng vậy, với bi và hy, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Bấy giờ, chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên tập trung tại pháp đường, khen ngợi Thủ trưởng giả: Này chư Hiền, Thủ trưởng giả có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Vì Thủ trưởng giả ấy, sau khi được đức Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ cho rồi, ông liền từ chỗ nẸồi đứng dậy, đảnh lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi tới công ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường ngồi kiêt-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an tru; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ5 biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao lao, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả? không kết, không oán, không nhuê, không trânh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Bây giờ, Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương, sác tướng uy nguy, ánh sáng rực rỡ, lúc đêm gần vê sáng, đi đến nhà Thủ trưởng giả và bảo: Này trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay, ở cõi Tam Thập Tam thiên vì trưởng giả mà tập trung tại pháp đuờng, khen ngợi: "Thủ trưởng giả ấy có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thê? Này chư Hiền, vì Thủ trưởng ệiả ấy, sau khi trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào ông đều thuyêt pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến cổng giữa, cổng trong và vào bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu và hoan hỷ. Sau đó? ông vào nhà, trải giường ngồi kiêt-già5 tâm tương img với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương img với từ, không kết, không oán, khônệ nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thê gian thành tựu và an trú; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương img với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú."

Bấy giờ, Thủ trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngắm, không nhìn Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ định tâm của mình. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở giữa đại chúng, khen ngợi Thủ trưởng giả: Thủ tnrởng giả có bảy pháp vi tằng hữu. Sau khi Ta thuyết pháp cho Thủ trưởng giả ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về lại nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến công giữa, công trong, vào đến bên trong nhà, nêu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà5 trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương img với từ, không kết, không oán, không tránh, không nhuê, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an tru; cũng như vậy, với bi và hỷ? tâm tương img với xả, không kết, không oán, khônệ nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thê gian, thành tựu và an tru. Hôm nay, chư thiên ở Tam Thập Tam thiên vì trưởng giả ấy mà tập trung ở pháp đường, khen ngợi: "Thủ trưởng giả có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Vì Thủ trưởng giả ấy, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở lại vê nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ôriệ đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đên cổnẹ giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyêt pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, ông vào nhà, trải giường ngồi kiết-già, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an tru; cứ như vậy hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, khônệ nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả the gian, thành tựu và an trú; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la5 vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú." Hôm nay, Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương, sắc tướng uy nguy, ánh sáng rực rỡ, vào lúc đêm gần sáng, đi đến nhà trưởng giả mà khen ngợi rằng: uNày trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Hôm nay chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên vì trưởng giả mà tập trung tại pháp đường để khen ngợi rằng: 'Thủ trưởng giả có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Này chư Hiền, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đến cổng



giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, ông đều thuyết pháp cho, khuyên phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau d6, ông vào nhà, trải giường

ngồi kiết-già? tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến mãn tất cả, tâm tương img với từ, không két, không oán, không nhuê, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, khôĩiệ nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả the gian, thành tựu và an trú."' Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo, sau đêm ấy, đến sáng hôm sau, khoác y, ôm bát đến nhà Thủ trưởng giả. Thủ ưởng giả từ xa trông thấy thầy Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về thầy Tỳ-kheo mà thưa:  Kính chào Tôn giả, Tôn giả đã lâu không đến đây. Mời ngài ngồi trên giường này! Lúc đó, thầy Tỳ-kheo liền ngồi trên giường ấy. Thủ trưởng giả đảnh lễ dưới chân thầy Tỳ-kheo, rồi ngồi một bên. Thầy Tỳ-kheo bảo:  Này trưởng giả, ông có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao thế? Đức Thế Tôn vì ông ở giữa vô lượng trăm ngàn đại chúng mà khen ngợi Thủ trưởng giả: “Thít trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Sau khi đức Thế Tôn thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, Thủ trưởng giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Trở về lại nhà, khi tới cổng ngoài, nếu gặp người nào, trưởng giả đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Khi đi đến cổng giữa, cổng trong và vào đến bên trong nhà, nếu gặp người nào, trưởng giả đều thuyết pháp cho, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau đó, trưởng giả vào nhà, trải giường ngôi kiêt-già, tâm tương img với từ, biên mân một phương, thành tựu và an trú; cứ như vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu và an tru; cũng như vậy, với bi và hỷ, tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú." Bây giờ, Thủ trưởng giả im lặng không nói gì cả, không ngăm nhìn Tỳ-sa-môn Đại Thiên vương. Vì sao thế? Vì tôn trọng định tâm và để thủ hộ đinh tâm của mình. Bấy giờ, Thủ trưởng giả thưa với thầy Tỳ-kheo rằng:  Bạch Tôn giả, lúc bấy giờ không có người bạch y chăng? Thầy Tỳ-kheo trả lời:  Không có người bạch y!



Rồi thầy Tỳ-kheo hỏi: Nếu có người bạch y thì sẽ có những lỗi lầm nào? Trưởng giả đáp:  Bạch Tôn giả, nếu có kẻ không tin lời đức Thế Tôn, kẻ ấy sẽ vĩnh viễn bất nghĩa, bất nhẫn, sanh vào chỗ cực ác, thọ vô lượng khổ. Nấu kẻ nào tin lời đức Thế Tôn, người ấy do việc đó sẽ có thể cung kính lễ bái con. Bạch Tôn giả, con cũng chẳng thích được như vậy. Bạch Tôn giả, mời ngài ở lại đây thọ thực! Vị Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời mời của Thủ trưởng giả. Thủ trưởng giả biết thầy Tỳ-kheo ấy im lặng nhận lời rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, tự mình lấy nước rửa tay, rồi dâng tất cả món ăn cứng và mềm, đầy đủ mỹ diệu và tinh khiết, tự tay mình hầu sớt để thầy Tỳ-kheo được no đủ. Sau bữa ăn, ông cất dọn đồ đạc và dùng nước rửa, rồi dọn một cái giường nhỏ ngồi riêng để nghe pháp. Thầy Tỳ-kheo ấy thuyết pháp cho Thủ trưởng giả, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy, khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ rồi, thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy

đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên, trình bày tất cả lên đức Phật những gì mình bàn luận với Iliu trưcmg giả. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo rằng: Ta vì cớ ấy mà khen Thủ trưởng giả có bảy pháp vị tằng hữu. Lại nữa, Thủ trưởng giả có pháp vị tăng hữu thứ tám. Thủ trưởng giả vô câu, vô dục. Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

41. KINH THỦ TRƯỞNG GIẢ (B) Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại A-la-bệ-già-la, ở trong rừng Hòa Lâm. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thủ trưởng giả có tám pháp vi tằng hữu. Những gì là tám? Thủ trưởng giả có thiểu dục, có tín, có tàm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có đinh, có huệ. Nói Thủ trưởng giả có thiểu dục là do nhân gì? Thủ trưởng giả tự thân thiểu dục, không muốn để cho người khác biết mình có thiểu dục. Có tín, có tàm, có quý, có tinh tấn, có niệm, có huệ. Thủ trưởng giả tự có huệ, không muốn để cho người khác biết có huệ. Nói Thủ trưởng giả có thiểu dục là vì lẽ đó. Nói Thủ trưởng giả có tín là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả có lòng tin kiên cố, bền chặt đối với Như Lai, tín tâm đã vững, hoàn toàn không theo Sa-môn, Phạm chí, ngoại đạo, hoặc Thiên, Ma, Phạm và tất cả những người khác trong thế gian. Nói Thủ trưởng giả có tín là vì lẽ đó. Nói Thủ trưởng giả có tàm là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành xấu hổ, điều gì đáng xấu hổ thì biết xấu hổ, như các pháp ác, bất thiện và phiền não ô uế là thứ phải thọ các ác báo, tạo gốc sanh tử. Nói Thủ trưởng giả có tàm là vì lẽ đó. Nói Thủ trưởng giả có quý là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành sự biết thẹn, điều nào đáng thẹn thì biết thẹn, như các ác pháp bất thiện và phiền não ô uế là thứ sẽ phải thọ các ác báo, là tạo gốc sanh tử. Nói Thủ trưởng giả có quý là vì lẽ đó. Noi Thủ trưởng giả có tinh tấn là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả thường thực hành tinh tấn, trừ ác và bất thiện, tu các thiện pháp, luôn tự khởi ý, chuyên nhất và kiên cố, làm các gốc rễ thiện, không hề từ bỏ khó nhọc. Nói Thủ trưởng giả có tinh tấn là vì lẽ đó. Nói Thủ trưởng giả có niệm là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả quán nội thân như thân, quán nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp. Nói Thủ trưởng giả có niệm là vì lẽ đó. Nói Thủ trưởng giả có định là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả ly dục, ly ác pháp và bất thiện, cho đến chứng đắc đệ tứ thiền, thành tựu và an trú. Nói Thủ trưởng giả có định là vì lẽ đó.



Nói Thủ trưởng giả có tuệ là vì lẽ gì? Thủ trưởng giả tu hành trí tuệ, quán các pháp hưng suy, đạt được trí như vậy, tuệ minh đạt, phân biệt rõ ràng để hoàn toàn thoát khổ. Nói Thủ trưởng giả có tuệ là vì lẽ đó. Nhân đó nên nói Thủ trưởng giả có tám pháp vị tằng hữu. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

42. KINH HÀ NGHĨA Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan tư chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, đến trước đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên mà bạch: Bạch đức Thế Tôn, giữ giới thì có lợi ích gì? Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, giữ giới có lợi ích là để không hối hận. A-nan, nếu ai giữ giới liền được không hối hận. Bạch đức Thế Tôn, không hối hận thì có lợi ích gì? Này A-nan, không hối hận có lợi

ích là được hoan duyệt. A-nan, nếu ai không hối hận liền được sự hoan duyệt.  Bạch đức Thế Tôn, sự hoan duyệt có lợi ích gì?  Này A-nan, sự hoan duyệt có lợi ích là được hoan hỷ. A-nan, nêu ai hoan duyệt liền được hoan hỷ. -Bạch đức Thế Tôn, hoan hỷ có lợi ích gì?  Này A-nan, hoan hỷ có lợi ích là được tĩnh chỉ. Anan, nêu ai hoan hỷ liên được thân tĩnh chỉ.  Bạch đức Thế Tôn, tĩnh chỉ có lợi ích gì?  Này A-nan, tĩnh chỉ có lợi ích là được hoan lạc. A-nan, nếu ai tĩnh chỉ liền được cảm giác hoan lạc.  Bạch đức Thế Tôn, hoan lạc có lợi ích gì? -Này A-nan, hoan lạc có lợi ích là được định tĩnh. A-nan, nêu ai hoan lạc liền được tâm định tĩnh.  Bạch đức Thế Tôn, định tĩnh có lợi ích gì? -Này A-nan? định tình có lợi ích là để có thấy như thật, biết như thật. A-nan, nếu ai định tĩnh liền được thấy như thật, biết như thật.  Bạch đức Thế Tôn, thấy như thật, biết như thật có lợi ích gì?  Này A-nan, thấy như thật, biết như thật có lợi ích là nhàm chán. Này A-nan, nếu ai thấy như thật, biết như thật thì liền nhàm chán.



Bạch đức Thế Tôn, nhàm chán có lợi ích gì?  Này Anan, nhàm chán thì được vô dục. A-nan, nếu ai nhàm chán liền được vô dục.  Bạch đức Thế Tôn, vô dục có lợi ích gì?  Này A-nan, vô dục thì được giải thoát. A-nan, nếu ai vô dục liền được giải thoát mọi dâm, nộ, si. Cho nên, này A-nan, nhân giữ giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hoan duyệt, nhân hoan duyệt mà được hoan hỷ, nhân hoan hỷ mà được tĩnh chí, nhân tĩnh chỉ mà được hoan lạc, nhân hoan lạc mà được định tĩnh. Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử nhân định tĩnh mà có thấy như thật, biết như thật; do có thấy như thật, biết như thật mà có nhàm chán; nhân nhàm chán mà được vô dục; nhân vô dục mà được giải thoát; nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiên, biêt đúng như thật răng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nua.^ Này A-nan, đó chính là các pháp làm ích cho nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia. Đức Phật thuyêt như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

43. KINH BẤT TƯ

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn

Cấp Cồ Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo:

A

Này A-nan? người giữ giới không nên nghi răng: "Mong sao ta không có sự hối hận/9 Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vôn vậy, ai giữ giới liền được sự không hối hận. Này Anan, người đã được sự không hối hận không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta được hoan duyet." Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai không hối hận liền được hoan duyệt. A

Này A-nan, người đã được hoan duyệt không nên nghĩ răng: "Mong sao ta được hoan hỷy Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã có hoan duyệt liền được hoan hỷ. Này A-nan, người đã có hoan hỷ không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta được tĩnh chi.” Này

A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã có hoan hỷ liền được thân tĩnh chỉ. NàyA-nan, người đã có tĩnh chỉ không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta có lạc." Này A-nan? bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã có tĩnh chỉ liền được cảm giác lạc. Này A-nan, người đã có lạc không nên nghĩ rằnẹ: “Mong sao ta có djnh." Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vôn vậy, ai đã có lạc liên có tâm định. Này A-nan, người đã có định không nên nghĩ rằng: “Mong sao ta có tri kiến như that." Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã có định liền được tri kiến như thật. Này A-nan, người đã có tri kiến như thật không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta có nhàm chan.” Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai có tri kiến như thật liền có nhàm chán. Này A-nan, người đã có sự nhàm chán không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta có vô dục/9 Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã có nhàm chán liền được vô dục. Này A-nan, người có được vô dục không nên nghĩ rằng: "Mong sao ta có giải thoát." Này A-nan, bởi vì pháp tự nó vốn vậy, ai đã vô dục liền được giải thoát mọi dâm, nộ, si.



Này A-nan, ấy là nhân giữ giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hoan duyệt, nhân hoan duyệt mà được hỷ, nhân hỷ mà được chỉ, nhân chỉ mà được lạc, nhân . < . lạc mà được tâm định. :v. Này Anan, đa văn Thánh đệ tử nhân đinh mà có tri kiên như thật, nhân tri kiên như thật mà được nhàm chán, nhân nhàm chán mà được vô r A dục, nhân vô dục mà : được giải thoát, nhân giải thoát mà có tri kiên giải thoát, biêt như thật răng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.” Này A-nan, đó chính là các pháp giúp ích cho nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cùng tột, nghĩa là đưa từ bờ này đến tận bờ kia. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tồn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

':

44. KINH NIÊM A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào thường lãng quên, không chánh trí thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại các việc gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ? chỉ, lạc, định, tri kiên như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu không giải thoát thì tôn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nào không hề lãng quên, có chánh trí thì thường có chánh niệm, chánh trí; nêu có chánh niệm, chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chỉ, lạc, đinh, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát liền chứng đắc Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

45. KINH TÀM QUÝ (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô ĐỘC. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo nào không có tàm, không có quý thì làm tổn hại ái và kỉnh; nếu không có ái và

kỉnh thì làm tổn hại tín; nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy; nếu không có chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại sự gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì làm tổn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nao biết hổ, biết thẹn thì có ái và kỉnh; nếu có ái và kỉnh thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chí, lạc, đinh, tri kiên như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu giải thoát thì liên đắc Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

46. KINH TÀM QUÝ (B) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử bảo các Tỳ-kheo: Này các Hiền giả, nếu Tỳ-kheo nào không tàm, không quý thì làm tổn hại ái và kỉnh; nếu không ái và kỉnh thì làm tổn hại tín; nếu không có tín thì làm tổn hại chánh tư duy; nêu không chánh tư duy thì làm tôn hại chánh niệm, chánh trí; nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại việc giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn. Này các Hiên giả, cũng như cây nào mà lớp vỏ ngoài bị tôn hại thì vỏ trong cũng hư. vỏ trong hư nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thảy đều tàn rụi. Các Hiên giả nên biêt, Tỳ-kheo cũng giông như thê, nêu không tàm, không quý thì làm tôn hại ái và kỉnh; nêu không ái và kỉnh thì làm tôn hại tín; nêu không tín thì làm ton hại chánh tư duy; nếu không chánh tư duy thì làm tổn hại chánh niệm, chánh trí; nêu không chánh niệm, chánh trí thì làm tôn hại việc gìn giữ các can9 giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiên như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu không giải thoát thì tôn hại Niết-bàn. Này các Hiền giả, Tỳ-kheo biết tàm, biết quý thì thường có ái và kỉnh; nếu có ái và kỉnh thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát liền đắc Niết-bàn. Này các Hiền giả, giống như cây nào mà vỏ ngoài không bi hư thì vỏ trong không bị hư. vỏ trong không hư nên thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá chắc chắn thảy đều thành tựu. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo cũng y như vậy, nếu biết tàm, biết quý thì thường có ái và kỉnh; nếu có ái và kỉnh thì thường có tín; nếu có tín thì thường có chánh tư duy; nếu có chánh tư duy thì thường có chánh niệm, chánh trí; nếu có chánh niệm, chánh trí thì thường giữ gìn các căn, giữ giới, không hoi hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, đinh, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu đã giải thoát liên đác Niêt-bàn.



Tôn giả Xá-lê-tử giảng thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe những gì Tôn giả Xá-lê-tử giảng thuyết, hoan hỷ phụng hành.

47. KINH GIỚI (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại các việc: Không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn. Nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, đinh, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

48. KINH GIỚI (B)

_ ,
Tôi nghe như vây:
r
Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp cò Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lê-tử bảo các Tỳ-kheo:  Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào phạm giới thì làm tổn hại các việc như không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chi, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu không giải thoát thì tôn hại Niêt-bàn. Này chư Hiên, giông như cây nào hư góc thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá không thê thành được. Chư Hiên nên biêt, Tỳ-kheo cũng như vậy, nêu ai phạm giới thì làm tổn hại các việc như không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh ch lạc, đinh, tri kiên như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nêu không giải thoát thì tổn hại Niết-bàn. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn. Này chư Hiên, giông như cây nào không hư góc thì thân, lõi, nhánh, cành, hoa, lá đêu thành tựu. Chư Hiên nên biêt, Tỳ-kheo cũng như vậy, nêu ai giữ giới thì thường có sự không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ? tĩnh chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát; nếu đã giải thoát thì liền đắc Niết-bàn. Tôn giả Xá-lê-tử dạy như thế, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều Tôn giả Xá-lê-tử thuyết, hoan hỷ phụng hành.

49. KINH CUNG KÍNH (A) A  x

Tôi nghe như vây: . _  Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh. Nếu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc Phạm hạnh mà lại có đầy đủ phép tắc, oai nghi, điều đó không thể xảy ra. Phép tắc, oai nghi không đầy đủ mà học pháp đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giới thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giới thân không đầy đủ mà định thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Định thân không đầy đủ mà tuệ thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Tuệ thân không đày đủ mà giải thoát thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát thân không đầy đủ mà giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Giải thoát tri kiến thân không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Nếu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính

trọng các bậc Phạm hạnh nên đã đầy đủ oai nghi, điều đó chắc chan xảy ra. Oai nghi đầy đủ nên học pháp đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giới thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giới thân đầy đủ nên định thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Đinh thân đầy đủ nên tuệ thân đầy đủ, điều đó chác chăn xảy ra. Tuệ thân đây đủ nên giải thoát thân đây đủ, điêu đó chác chăn xảy ra. Giải thoát thân đầy đủ nên giải thoát tri kiến thân đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát tri kiến thân đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe những điều đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

50. KINH CUNG KÍNH (B) Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nên thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh. Nêu Tỳ-kheo nào không thực hành hạnh cung kính, không khéo quán sát, không kính trọng các bậc Phạm hạnh mà có oai nghi đầy đủ, điều đó không thê xảy ra. Oai nghi không đây đủ mà học pháp đây đủ, điêu đó không thê xảy ra. Học pháp không đầy đủ mà giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chi, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát đầy đủ; điều đó không thể xảy ra. Giải thoát không đầy đủ mà Niết-bàn đầy đủ, điều đó không thể xảy ra. Nêu Tỳ-kheo nào thực hành hạnh cung kính và khéo quán sát, kính trọng các bậc Phạm hạnh nên oai nghi đay đủ, điều đó chắc chan xảy ra. Oai nghi đay đủ nên học pháp đầy đủ9 điều đó chắc chắn xảy ra. Học pháp đầy đủ nên giữ gìn các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hoan hỷ, tĩnh chi, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát đầy đủ; điều đó chắc chắn xảy ra. Giải thoát đầy đủ nên Niết-bàn đầy đủ, điều đó chắc chắn xảy ra. Đức Phật giảng thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe những điêu đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

51. KINH BON TE Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Không thể biết biên tế cùng cực của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái nhưng nay sanh ra hữu ái; do d6, mới có thê biêt được nhân của hữu ái. Hữu ái có nhân chứ không phải không có nhân. Nhân của hữu ái là gì? Vô minh là nhân. Vô minh cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của vô minh là gì? Năm triên cái là nhân. Năm triên cái cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là nhân. Ba ác hạnh cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của ba ác hạnh là gì? Không giữ gìn các căn là nhân. Không giữ gìn các căn cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân không giữ gìn các căn là gì? Không chánh niệm, không chánh trí là nhân. Không chánh niệm, không chánh trí cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của không chánh niệm, không chánh trí là gì? Không chánh tư duy là nhân. Không chánh tư duy cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của không chánh tư duy là gì? Không có tín là nhân. Không có tín cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của không có tín là gì? Nghe điều ác là nhân. Nghe điều ác cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của nghe điều ác là gì? Gần gũi ác tri thức là nhân. Gần gũi ác tri thức cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là nhân. Vậy thì sẵn có đủ người ác mới có đủ sự gần gũi ác

tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng bất tín. Có sự sanh lòng bất tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đầy đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Đủ năm triền cái nên mới đủ vô minh. Có đủ vô minh nên đây đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này lần hồi tựu thành trọn vẹn. Minh giải thoát cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là nhân. Bảy giác chi cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của bảy giác chi là gì? Bôn niệm xứ là nhân. Bôn niệm xứ cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của bốn niệm xứ là gì? Ba



diệu hạnh là nhân. Ba diệu hạnh cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của ba diệu hạnh là gì? Giữ gìn các căn là nhân. Giữ gìn các căn cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của giữ gìn các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là nhân. Chánh niệm, chánh trí cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là nhân. Chánh tư duy cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của chánh tư duy là gì? Tín là nhân. Tín cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của tín là gì? Nghe điều thiện là nhân. Nghe điều thiện cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là nhân. Gần gũi thiện tri thức cũng có nhân chứ không phải không nhân. Nhân của gân gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là nhân. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gần gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ tín. Có đủ tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự giữ gìn các căn. Có đủ sự giữ gìn các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đầy đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lân hôi tựu thành trọn vẹn. Đức Phật giảng thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe những điêu đức Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

52. KINH THỨC AN (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Không thể biết được bổn tế của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái; do đó mới biết được sở nhân của hữu ái. Hữu ái có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn. Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không

chánh niệm, chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn. Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn. Gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn. Vậy thì có đủ người ác mới có đủ sự gân gũi ác tri thức. Có đủ sự gân gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điêu ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng bất tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đây đủ ba ác hạnh. Đây đủ ba ác hạnh mới đủ năm triên cái. Đây đủ năm triên cái mới đầy đủ vô minh. Đầy đủ vô minh mới đầy đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này lần hồi thành tựu toàn vẹn. Biên cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biên cả là gì? Sông lớn là thức ăn. Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không



CÓ thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn. Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn. Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn. Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Khe, suối, ao, hồ là thức ăn. Khe, suối, ao, hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe, suối, ao, hồ là gì? Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì khe, suối, ao, hồ nước tràn đầy. Khe, suối, ao, hồ nước tràn đầy thì lạch nhỏ tràn đây. Lạch nhỏ tràn đây thì lạch lớn tràn đây. Lạch lớn tràn đây thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn. Giống như vậy, hữu ái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn. Vô minh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm, chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không có tín là thức ăn. Không có tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không có tín là gì? Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ không phải khôn^ có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn. Gân gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gan gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn.

Vậy thì sẵn có đủ người ác mới có đủ sự gần gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng không tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triền cái. Có đủ năm triền cái * y _ y

mới đủ vô minh. Đây đủ vô minh mới đây đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này lân hồi thành tựu trọn vẹn. Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn. Ba diệu hạnh cũng có



thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Gìn giữ các căn là thức ăn. Gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Lòng tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn. Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gần gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điều thiện mới có đủ sự phát sanh tín. Có đủ sự phát sanh tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn. Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Sông lớn là thức ăn. Sông lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông lớn là gì? Sông nhỏ là thức ăn. Sông nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của sông nhỏ là gì? Lạch lớn là thức ăn. Lạch lớn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch lớn là gì? Lạch nhỏ là thức ăn. Lạch nhỏ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của lạch nhỏ là gì? Khe, suối, ao, hồ là thức ăn. Khe, suối, ao, hồ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của khe, suối, ao, hồ là gì? Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì khe, suối, ao, hồ đầy nước. Khe, suối, ao, hồ đầy nước thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì sông lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả ấy lần hồi tràn đầy trọn vẹn.

Cũng thế, minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bốn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn. Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Gìn giữ các căn là thức ăn. Gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức



ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn. Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn. Vậy thì sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gân gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điêu thiện. Có đủ sự nghe điêu thiện mới có đủ sự sanh lòng tín. Có đủ sự sanh lòng tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

53. KINH THỨC ĂN (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp CÒ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Không thể biết được bổn tế của hữu ái. Trước kia vốn không có hữu ái, nhưng nay sanh ra hữu ái; do đó mới biết được sở nhân của hữu ái. Hữu ái có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của hữu ái là gì? Vô minh là thức ăn. Vô minh có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của vô minh là gì? Năm triền cái là thức ăn. Năm triền cái cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của năm triền cái là gì? Ba ác hạnh là thức ăn. Ba ác hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba ác hạnh là gì? Không gìn giữ các căn là thức ăn. Không gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không gìn giữ các căn là gì? Không chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Không chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh niệm, chánh trí là gì? Không chánh tư duy là thức ăn. Không chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không chánh tư duy là gì? Không tín là thức ăn. Không tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của không tín là gì? Nghe điều ác là thức ăn. Nghe điều ác cũng có thức ăn chứ

không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều ác là gì? Gần gũi ác tri thức là thức ăn. Gần gũi ác tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi ác tri thức là gì? Người ác là thức ăn. Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn rồi thì nước tràn đầy khe, suối, ao, hồ. Nước đầy khe, suối, ao, hồ thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ tràn đầy thì song lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn. Cũng giông như vậy, săn có đủ người ác mới có đủ sự gân gũi ác tri thức. Có đủ sự gần gũi ác tri thức mới có đủ sự nghe điều ác. Có đủ sự nghe điều ác mới có đủ sự sanh lòng không tín. Có đủ sự sanh lòng không tín mới có đủ sự không chánh tư duy. Có đủ sự không chánh tư duy mới có đủ sự không chánh



niệm, chánh trí. Có đủ sự không chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự không gìn giữ các căn. Có đủ sự không gìn giữ các căn mới có đủ ba ác hạnh. Đủ ba ác hạnh mới đủ năm triên cái. Đủ năm triên cái mới đủ vô minh. Đây đủ vô minh mới đủ hữu ái. Như vậy, hữu ái này lần hồi tựu thành trọn vẹn. Minh giải thoát cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của minh giải thoát là gì? Bảy giác chi là thức ăn. Bảy giác chi cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bảy giác chi là gì? Bôn niệm xứ là thức ăn. Bốn niệm xứ cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của bốn niệm xứ là gì? Ba diệu hạnh là thức ăn. Ba diệu hạnh cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của ba diệu hạnh là gì? Gìn giữ các căn là thức ăn. Gìn giữ các căn cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là thức ăn. Chánh niệm, chánh trí cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là thức ăn. Chánh tư duy cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của chánh tư duy là gì? Tín là thức ăn. Tín cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của tín là gì? Nghe điều thiện là thức ăn. Nghe điều thiện cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của nghe điều thiện là gì? Gần gũi thiện tri thức là thức ăn. Gần gũi thiện tri thức cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của gần gũi thiện tri thức là gì? Người thiện là thức ăn. Biển cả cũng có thức ăn chứ không phải không có thức ăn. Thức ăn của biển cả là gì? Mưa là thức ăn. Có lúc mưa lớn. Mưa lớn xong thì nước tràn đầy khe, suối, ao, hồ. Nước đầy khe, suối, ao, hồ thì lạch nhỏ tràn đầy. Lạch nhỏ tràn đầy thì lạch lớn tràn đầy. Lạch lớn tràn đầy thì sông nhỏ tràn đầy. Sông nhỏ trân đầy thì song lớn tràn đầy. Sông lớn tràn đầy thì biển cả tràn đầy. Như vậy, biển cả kia lần hồi tràn đầy trọn vẹn. Cũng giống như vậy, sẵn có đủ người thiện mới có đủ sự gần gũi thiện tri thức. Có đủ sự gần gũi thiện tri thức mới có đủ sự nghe điều thiện. Có đủ sự nghe điêu thiện mới có đủ sự sanh lòng tín. Có đủ sự sanh lòng tín mới có đủ chánh tư duy. Có đủ chánh tư duy mới có đủ chánh niệm, chánh trí. Có đủ chánh niệm, chánh trí mới có đủ sự gìn giữ các căn. Có đủ sự gìn giữ các căn mới có đủ ba diệu hạnh. Đủ ba diệu hạnh mới có đủ bốn niệm xứ. Đủ bốn niệm xứ mới có đủ bảy giác chi. Đủ bảy giác chi mới có đủ minh giải thoát. Như vậy, minh giải thoát này lần hồi tựu thành trọn vẹn. Đức Phật thuyết giảng như

vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

54. KINH TÂN TRÍ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu9 trú tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có tri kiến mới có chứng đắc lậu tận, chớ không phải là không tri, không kiến. Thế nào là có tri kiến mới chứng đắc lậu tận? Tri kiến như thật về sự khổ mới chứng đắc lậu tận. Tri kiến như thật về khổ tap, tri kiến như thật về khổ diệt, tri kiến như thật về khổ diệt đạo mới chứng đác lậu tận. Tận trí có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tận trí là gì? Giải thoát là nhân. Giải thoát cũng có nhân chớ không phải không có nhân. Nhân của giải thoát là gì? Vô dục là nhân. Vô dục cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của vô dục là gì? Nhàm chán là nhân. Nhàm chán cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của nhàm chán là gì? Tri kiến như thật là nhân. Tri kiến như thật cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tri kiến như thật là gì? Đinh là nhân. Định cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của định là gì? Lạc là nhân. Lạc cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của lạc là gì? Chỉ là nhân. Chỉ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của chỉ là gì? Hỷ là nhân. Hỷ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hỷ là gì? Hoan duyệt là nhân. Hoan duyệt cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hoan duyệt là gì? Không hối hận là nhân. Không hối hận cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của không hối hận là gì? Giữ giới là nhân. Giữ giới cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của giữ giới là gì? Gìn giữ các căn là nhân. Gìn giữ các căn cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của gìn giữ các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là nhân. Chánh niệm, chánh trí cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là nhân. Chánh tư duy cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của chánh tư duy là gì? Tín là nhân. Tín cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tín là gì? Quán pháp nhẫn là nhân. Quán pháp nhẫn cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của quán pháp nhẫn là gì? Tụng đọc pháp là nhân. Tụng đọc pháp cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tụng đọc pháp là gì? Thọ



trì pháp là nhân. Thọ trì pháp cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của thọ trì pháp là gì? Quán nghĩa của pháp là nhân. Quán nghĩa của pháp cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của quán nghĩa của pháp là gì? Nhĩ giới là nhân. Nhĩ giới cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của nhĩ giới là gì? Nghe điều thiện là nhân. Nghe điều thiện cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của nghe điều thiện là gì? Gần gũi là nhân. Gần gũi cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của gần gũi là gì? Phụng sự là nhân. Nếu ai phụng sự thiện tri thức, điều chưa nghe được nghe, điều đã nghe được bổ ích. Như vậy, nếu ai không phụng sự thiện tri thức thì làm tổn hại cái nhân phụng sự. Nấu không phụng sự thì làm tổn hại cái nhân gần gũi. Nếu không gần gũi thì làm tổn hại cái nhân nghe điều thiện. Nếu không nghe điều thiện thì làm tổn hại cái nhân của nin giới. Nếu không có nhĩ giới thì làm tổn hại cái nhân quán nghĩa của pháp. Nếu không quán nghĩa của pháp thì làm tổn hại cái

nhân thọ trì pháp. Nếu không thọ trì pháp thì làm tổn hại cái nhân tụng đọc pháp. Nếu không tụng đọc pháp thì làm tổn hại cái nhân quán pháp nhẫn. Nếu không quán pháp nhẫn thì làm tổn hại cái nhân của tín. Nấu không có tín thì làm tổn hại cái nhân của chánh tư duy. Nếu không có chánh tư duy thì làm tổn hại cái nhân chánh niệm, chánh trí. Nếu không chánh niệm, chánh trí thì làm tổn hại cái nhân gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận? hoan duyệt, hỷ? chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát. Nếu không giải thoát thì làm tổn hại cái nhân của tận trí. Nêu ai phụng sự thiện tri thức, điêu chưa nghe được nghe, điêu đã nghe được bô ích. Như vậy, đôi với thiện tri thức, nêu ai phụng sự thì là nhân cho phụng sự. Nêu đã phụng sự thì là nhân cho gân gũi. Nêu đã gân gũi thì có nhân cho nghe điều thiện. Nếu đã nghe điều thiện thì có nhân cho nhĩ giới. Nếu có nhĩ giới thì có nhân cho quán nghĩa của pháp. Nếu đã quán nghĩa của pháp thì có nhân cho thọ trì pháp. Nếu đã thọ trì pháp thì có nhân cho tụng đọc pháp. Nếu đã tụng đọc pháp thì có nhân cho quán pháp nhẫn. Nấu đã quán pháp nhẫn thì có nhân cho tín. Nếu đã có tín thì có nhân cho chánh tư duy. Nếu đã chánh tư duy thì có nhân cho chánh niệm, chánh trí. Nêu đã chánh niệm, chánh trí thì có nhân cho gìn giữ các căn, giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ? chỉ, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát. Nếu đã giải thoát thì có nhân cho tận trí. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

55. KINH NIẾT-BÀN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Niết-bàn có nhân chớ không phải không có nhân. Nhân của Niết-bàn là gì? Giải thoát là nhân. Giải thoát cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của giải thoát là gì? Vô dục là nhân. Vô dục cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của vô dục là gì? Nhàm chán là nhân. Nhàm chán cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của nhàm chán là gì? Tri kiến như thật là nhân. Tri kiến như thật cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tri kiến như thật là gì? Định là nhân. Định cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của đinh là gì? Hoan lạc là nhân. Hoan lạc cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hoan lạc là gì? Tĩnh chỉ là nhân. Tĩnh chỉ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của tĩnh chỉ là gì? Hỷ là nhân. Hỷ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hỷ ỉa gì? Hoan duyệt là nhân. Hoan duyệt cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hoan duyệt là gì? Không hối hận là nhân. Không hối hận cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của sự không hối hận là gì? Giữ giới là nhân. Giữ giới cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của giữ giới là gì? Nhân của giữ giới là giữ gìn các căn. Giữ gìn các căn cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của giữ gìn các căn là gì? Chánh niệm, chánh trí là nhân. Chánh niệm, chánh trí cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của chánh niệm, chánh trí là gì? Chánh tư duy là nhân. Chánh tư duy cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của chánh tư duy là gì? Lòng tin là nhân. Lòng tin cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của lòng tin là gì? Khổ là nhân. Khổ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của khổ là gì? Lão tử là nhân. Lão tử cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của lão tử là gì?

Sanh là nhân. Sanh cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của sanh là gì? Hữu là nhân. Hữu cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hữu là gì? Thọ là nhân. Thọ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của thọ là gì? Ái là nhân. Ái cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của ái là gì? Giác là nhân. Giác cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của giác là gì? Cánh lạc là nhân. Cánh lạc cũng



CÓ nhân chớ không phải không nhân. Nhân của cánh lạc là gì? Lục xứ là nhân. Lục xứ cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của lục xứ là gì? Danh sắc là nhân. Danh sắc cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của danh sắc là gì? Thức là nhân. Thức cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của thức là gì? Hành là nhân. Hành cũng có nhân chớ không phải không nhân. Nhân của hành là gì? Vô minh là nhân. Như vậy, duyên vô minh có hành; duyên hành có thức; duyên thức có danh sắc; duyên danh sắc có lục xứ; duyên lục xứ có cánh lạc; duyên cánh lạc có giác; duyên giác có ái; duyên ái có thọ; duyên thọ có hữu; duyên hữu có sanh; duyên sanh có lão tử; duyên lão tử có khổ. Nhân khổ mới có tín; nhân tín mới có chánh tư duy; nhân chánh tư duy mới có chánh niệm, chánh trí; nhân chánh niệm, chánh trí mới gìn giữ các căn, gìn giữ giới, không hối hận, hoan duyệt, hỷ, chí, lạc, định, tri kiến như thật, nhàm chán, vô dục, giải thoát. Có giải thoát mới đắc Niết-bàn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

56. KINH DI-HÊ — > Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà, trong hang rừng Mãng-nại, ở thôn Xà-đấu. Bấy giờ, Tôn giả Di-hê làm thị giả cho Ngài. Vào buổi sáng sớm, Tôn giả Di-hê mang y, cầm bát đi vào thôn Xà-đấu khất thực. Khất thực xong, Tôn giả đi đến bờ sông Kim-bệ9 thấy một khu đất bằng phẳng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Thấy thế, Tôn giả vui mừng thầm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa, dễ chiu. Nếu người quý tộc nào muôn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chô này. Ta cũng có điêu phải đoạn trừ, có nên ở chỗ yên tĩnh này để tu pháp đoạn trừ chang?" Liền đó, sau khi ăn ngọ xong, Di-hê thu xếp y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn lên vai, đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi ngồi qua một bên mà bạch: Bạch đức Thê Tôn, sáng sớm hôm nay, con mang y, câm bát đi vào thôn Xà-đấu khất thực. Khất thực xong, con đến bờ sông Kim-bệ, thấy một ỉ y 9 e r r "

khu đát băng phăng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim-bệ rát tót, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Con vui mừng liền thầm nghĩ: “Khu đất này bằng phẳng, gọi là rừng Hảo-nại. Nước sông Kim- bệ rất tốt, thật là vừa ý, suối trong từ từ chảy, nóng lạnh ôn hòa, dễ chịu. Nếu người quý tộc nào muốn tu pháp đoạn trừ thì nên ở chỗ này. Mình cũng có điều phải đoạn trừ, có thể ở chỗ yên tĩnh đó để tu pháp đoạn trừ Chang?99 Bạch đức Thê Tôn, nay con muôn đên chô yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia đê tu pháp đoạn trừ. Bây giơ, đức The Ton bảo: Này Di-he, ong nay có biết không? Ta một mình, không có ai, không có thị giả. Ông có thể ở lại ít lâu, đợi có

Tỳ-kheo khác đến làm thi giả cho Ta rồi ông có thể đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia mà tu pháp đoạn trừ. Tôn giả Di-hê bạch đến ba lần rằng: -Bạch đức Thế Tôn, nay con muốn đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia để tu pháp đoạn trừ.



Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo rằng: - Này Di-hê, ong nay có biết không? Ta một mình, không có ai, không có thị giả. Ông có thể ở lại ít lâu, đợi có Tỳ-kheo khác đến làm thị giả cho Ta rồi ông có thể đến chỗ yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia mà tu pháp đoạn trừ. Di-hê lại bạch: Bạch Thế Tôn, Ngài là bậc không còn bổn phận, không còn điều phải làm, không còn điêu phải quán. Con còn có những bôn phận, những điêu phải làm, những điêu phải quán. Bạch đức Thê Tôn, con xin đên chô yên tĩnh ở rừng Hảo-nại kia để tu pháp đoạn trừ. Đức Thế Tôn dạy: Này Di-hê, ông mong cầu sự đoạn trừ, Ta không có nói gì thêm nữa. Di- hê5 ông cứ di, tùy theo những gì mà ý ông muốn! Bấy giờ, Tôn giả Di-hê nghe theo lời đức Phật dạy, như vậy khéo thọ nhận, khéo ghi nhớ và khéo tụng tập, Tôn giả liền đảnh lễ sát chân đức Phật, đi quanh ba vòng roi đi. Sau khi đên rừng Hảo-nại kia, vào rừng, Tôn giả đi đên dưới một góc cây, trải ni-sư-đàn mà ngôir kiêt-già. 9 Tôn giả Di-hê r ở trong rừng Hảo-nại: sanh khởi lên ba ý tưởng ác, bát thiện là dục, sân nhuê và hại. Do đó? Tôn giả liên nghĩ đen đức Thê Ton. Bay giơ vao lúc xe trưa, Ton gia Di-hê tư chô ngoi nghỉ đứng dậy, đến trước đức Thế Tôn, đảnh lễ chân Ngài, ngồi qua một bên mà bạch rang: Bạch đức Thế Tôn, con đến rừng Hảo-nại, ngồi ở chỗ yên tĩnh liền sanh . JF í.- ;- __ A ĩ

khởi ba ý tưởng ác, bát thiện là dục, sân nhuê và hại. Do đó, con liên nghĩ đên The Ton. Đức Thế Tôn bảo: Này Di-he5 tâm giải thoát chưa thuần thục, muôn cho thuần thục, có năm pháp để tu tập. Những gì là năm? Di-he, Ty-kheo phải tự mình là một thiện tri thức, phải gần thiện tri thức và cung hòa hop với thiện tri thức. Này Di-he, với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất. Lại nữa, Di-he? là Ty-kheo phải tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại phải khéo thâu nhiếp oai nghi, lễ tiết, thấy tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Này Di-he, với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ hai. Lại nữa, Di-he, là Ty-kheo nên nói điều đáng nói, phù hợp nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bị che lấp, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về sự tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ họp, nói về thiểu dục, nói về tri túc, noi ve pháp đoạn trừ, noi ve vo dục, noi ve pháp diệt, noi ve yen tọa, noi ve



duyên khởi đắc. Như vậy, những gì Sa-môn ấy nói đều được trọn đủ, dễ được chớ không khó. Này Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ ba. Lại nữa, này Di-hê, là Tỳ-kheo thì phải thực hành tinh tấn, đoạn trừ điều bất thiện, tu các pháp thiện, thường tự khởi ý chuyên nhất kiên cố5 làm các điều thiện không xao lãng. Này Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ tư. Lại nữa, Di-hê, là Tỳ-kheo thì phải tu

hành vê trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ sáng suốt, phân biệt thấu hiểu để chính thức diệt tận khổ đau. Này Di-hê, với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ năm. Vi ấy khi đã có năm pháp tu tập này rồi, lại phải tu bốn pháp này nữa. Những gì là bốn? Tu ố lộ để đoạn trừ dục, tu từ để đoạn trừ sân nhuế, tu sổ tức đê đoạn trừ tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng đê đoạn trừ ngã mạn. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào tự mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chăn tu tập câm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thâu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt cũng canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chăn nói điêu đáng nói, đúng theo nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bị ngăn che, tức là nói về giới, nói vê định, nói vê huệ, nói vê giải thoát, nởi vê giải thoát tri kiên, nói vê Sự tôn giảm dân dân, nói vê việc không ưa tụ họp, nói vê thiêu dục, nói vê tri túc, nói vê pháp đoạn, nói vê vô dục, nói vê pháp diệt, nói vê yên tọa, nói vê duyên khởi đắc. Như vậy, những gì Sa-môn ấy nói đều được trọn đủ, dễ được chớ không khó. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo tự mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chác tu hành tinh tấn, đoạn các điều ác, bất thiện, tu tập các điều thiện, thường khởi tâm chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện không xao lãng. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức và cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ sáng suốt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận kho đau. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu ố lộ để đoạn dục, tu từ để đoạn sân nhuế, tu sổ tức để đoạn tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng để đoạn ngã mạn.



Này Di-hê, nêu Tỳ-kheo nào đác vô thường tưởng, chác chăn vi ây đác vô ngã tưởng. Này Di-hê, nếu Tỳ-kheo nào đắc vô ngã tưởng thì ngay trong đời hiện tại, vị ấy đoạn hết thảy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, sau khi nghe những điều Phật thuyết giảng, Tôn giả Di-hê và các Tỳ-kheo đều hoan hỷ phụng hành.

57. KINH VỊ TỲ-KHEO THUYẾT _ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Với tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì có năm pháp để tu tập. Những gì là năm? Tỳ-kheo, chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ nhất. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thâu nhiếp các oai nghi, lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt phải thường canh cánh lo SỢT, thọ trì giới. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muôn cho thuân thục thì đó là pháp tu tập thứ hai. Lại nữa, Tỳ-kheo nói điều đáng nói, phù hợp với

nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến5 làm cho tâm không bị ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiến, nói về pháp tổn giảm dần dần, nói về việc không ưa tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói vê pháp đoạn, nói vê vô dục, nói vê pháp diệt, nói vê yên tọa, nói vê duyên khởi đác. Như vậy, những gì Sa-môn ây nói đêu được đây đủ, dê được chứ không khó. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ ba. Lại nữa, Tỳ-kheo thường thực hành tinh tấn, đoạn các điều ác, bất thiện, tu các điều thiện, hằng tự khởi ý? chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện mà không xao lãng. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muôn cho thuân thục thì đó là pháp tu tập thứ tư. Lại nữa, Tỳ-kheo tu hành về trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận khổ đau. Với người tâm giải thoát chưa thuần thục, muốn cho thuần thục thì đó là pháp tu tập thứ năm. Sau khi đã có năm pháp tu tập kia rồi, lại phải tu tập bốn pháp khác nữa. Những gì là bốn? Tu ố lộ để đoạn dục, tu từ để đoạn trừ sân nhuế, tu sổ tức để đoạn tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng để đoạn ngã mạn.



Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thâu nhiêp các oai nghi lê tiêt? thây lôi nhỏ nhặt cũng thường canh cánh lo sợ, thọ trì học pháp. Nêu Tỳ-kheo nào• chính mình -là. £thiện : tri thức, X gân f gũir thiện triA thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chăn nói điêu đáng nói, phù hợp với nghĩa của bậc Thánh, khiến tâm nhu nhuyến, làm cho tâm không bi ngăn che, tức là nói về giới, nói về định, nói về huệ, nói về giải thoát, nói về giải thoát tri kiên, nói vê pháp tôn giảm dân dân, nói vê việc không ưa tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về pháp đoạn, nói về vô dục, nói về pháp diệt, nói về yến tọa, nói về duyên khởi đắc. Như vậy, những gì Sa-môn nói đều được đầy đủ, dễ được chứ không khó. Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biết rằng vị ấy chắc chắn tu hành tinh tấn, đoạn các điều ác, bất thiện, tu các điều thiện, thường tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố, làm các điều thiện mà không xao lãng. Nếu Tỳ-kheo nào thấy mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chăn tu vê trí tuệ, quán các pháp hưng suy, chứng trí như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu hiểu, để chính thức diệt tận khổ đau. Nếu Tỳ-kheo nào chính mình là thiện tri thức, gần gũi thiện tri thức, cùng hòa hợp với thiện tri thức thì nên biêt răng vị ây chác chăn tu ô lộ đê đoạn dục, tu từ để đoạn nhuế, tu sổ tức để đoạn tâm niệm tán loạn, tu vô thường tưởng để đoạn ngã mạn. Nêu Tỳ-kheo nào đác vô thường tưởng, chác chăn đác vô ngã tưởng. Nêu Tỳ-kheo nào đác vô ngã tưởng thì ngay trong đời hiện tại đoạn hét thảy ngã mạn, chứng đắc tịch tĩnh, diệt tận, vô vi, Niết-bàn. Đức Phật thuyêt giảng như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

58. KINH THẤT BẢO Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-ve, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu lúc

Chuyển Luân Vương ra đời thì nên biết rằng, liền có bảy báu xuất hiện ở đời. Những gì là bảy? Xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư SĨ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nêu lúc Chuyên Luân Vương ra đời thì nên biêt răng, liên có bảy báu này xuât hiện ở đời. Giông như vậy, lúc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đời thì nên biết rằng, cũng có bảy báu giác chi xuất hiện ở thế gian. Những gì là bảy? Niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tan giác chi, hỷ giác chi, tức giác chi, định giác chi và xả giác chi. Đó là bảy. Lúc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đời thì nên biết rằng, có bảy báu giác chi ấy xuất hiện ở thế gian. Đức Phật thuyêt giảng như vậy, sau khi các Tỳ-kheo áy nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi ăn trưa xong, tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng luận bàn như sau: -Này chư Hiên, kỳ diệu thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chác chăn có hai trường hợp, chác chăn không sai lâm. Nêu ở tại gia thì chăc chăn vị ây làm Chuyên Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bôn loại quân, chỉnh tri thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vi ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả? không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chác chăn chứng đác quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang ngồi nghỉ ngơi, với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt xa người thường, Ngài nghe các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa tụ tập ngồi tại giảng đường, cùng bàn luận về sự kiện này: “Chu Hiền, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nấu ở tại gia thì chắc chắn vi ấy làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn con trai, dung mạo đẹp đẽ, dõng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh toàn thể cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy mà dùng pháp giáo hóa khiên cho an lạc. Nêu vị ây cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe." Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy xong, vào lúc xế trưa, Ngài từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, đi đến giảng đường, trải tọa mà ngồi trước chúng Tỳ-kheo5 Ngài hỏi các Tỳ-kheo:



Hôm nay, các thây tụ họp tại giảng đường cùng nhau bàn luận việc gì? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp: -Bạch đức Thế Tôn, hôm nay tụ tập tại giảng đường, chúng con cùng nhau bàn luận thế này: “Này chư Hiền, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Bậc Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nếu ở tại

gia, chắc chắn vi ấy là Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương hành theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu? cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô? dõng mãnh không sợ, nhiếp phục được địch quân. Vị ấy thống lãnh tất cả cõi đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nêu vi ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe." Bạch đức Thế Tôn, chúng con cùng nhau bàn luận việc như vậy nên tụ tập ngồi tại giảng đường. Bấy giờ, đức Thế Tôn dạy:  Này các Tỳ-kheo, các thầy muốn Như Lai nói về ba mươi hai tướng không? Bậc Đại nhân mà thành tựu ba mươi hai tướng thì chắc chắn có hai trường hợp, chắc chắn không sai lầm. Nấu ở tại gia chắc chắn vị ấy là Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu, đó là bảy báu. Vị ấy có một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dõng mãnh không sợ, nhiêp phục địch quân. Vi ây thông lãnh tát cả đát đai này cho đên biển cả, không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến cho an lạc. Nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, dứt khoát từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn chứng đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe. Sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo bạch: -Bạch đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc. Nếu Ngài nói cho các Tỳ-kheo về ba mươi hai tướng thì sau khi nghe xong, các Tỳ-kheo sẽ khéo ghi nhớ. Đức Thế Tôn bảo:  Này các Tỳ-kheo? hãy lăng nghe, khéo suy nghĩ, ghi nhớ, Ta sẽ giảng giải, phân biệt rộng rãi cho các thầy rõ! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Thế Tôn dạy: —Bậc Đại nhân có lòng bàn chân băng phăng. Đó là tướng của Đại nhân. Lại nữa, lòng bàn chân của Đại nhân có hình bánh xe. Bánh xe có đầy đủ ngàn tăm. Đó là tướng của bậc Đại nhân.

59. KINH TAM THẬP NHỊ TƯỚNG  275

Lại nữa, ngón chân của bậc Đại nhân thon dài. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, mu bàn chân của Đại nhân thì ngay ngăn. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, ở phía sau hai bên mắt cá của gót chân Đại nhân thì đầy đặn bằng phẳng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, hai mat cá nơi bàn chân thì nhỏ. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, lông trên thân thể của Đại nhân mọc hướng lên. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, ở chân tay Đại nhân có màng lưới giông như của chim nhạn chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, chân tay Đại nhân rát đẹp, mem mại, xòe ra như hoa đâu-la. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, da thịt của Đại nhân mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, từng sợi lông trên thân của Đại nhân, từng sợi lông một mọc ở lỗ chân lông, màu xanh lóng lánh như màu của óc, xoay tròn vê hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, bắp đùi như bắp đùi của nai chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, âm tàng của Đại nhân giống như ngựa chúa tốt. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, thân hình Đại nhân cân xứng đẹp đẽ, giống như cây Ni-câu-loại, trên dưới tương xứng hoàn toàn. Đó là tướng

của bậc Đại nhân. Lại nữa, thân thể của Đại nhân không gù còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng và duỗi tay tận đầu gối. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, thân của Đại nhân màu vàng giông như màu hoàng kim. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, thân của Đại nhân có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, thân của Đại nhân phân trên lớn như thân sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, quai hàm của Đại nhân như sư tử. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, xương sông thăng băng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, trên hai vai liên tiêp qua cô đây đặn băng phăng. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, Đại nhân có bốn mươi cái răng. Răng đều đầy đặn, không khuyết lở, trắng, trong, láng bậc nhất. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, tiêng nói đáng ưa như tiêng trời Phạm thiên, âm thanh như tiêng chim Ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của bậc Đại nhân.



Lại nữa, Đại nhân có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là khi lưỡi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, mí mắt của Đại nhân rộng như của bậc trâu chúa. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, mắt Đại nhân màu xanh lóng lánh. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, đảnh đâu Đại nhân có nhục kê tròn cân đôi, tóc xoăn óc vê hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Lại nữa, giữa hai lông mày của Đại nhân có sợi lông trắng mọc xoáy tròn về hướng phải. Đó là tướng của bậc Đại nhân. Này các Tỳ-kheo, Đại nhân thành tựu ba mươi hai tướng này, chắc chắn có hai trường hợp, chân thực không hư dôi. Nêu ở tại gia thì chăc chăn vi ây làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dõng mãnh không sợ hãi, nhiêp phục được địch quân. Vi ây thông lãnh tát cả cõi đất này cho đến biển cả? không dùng đao gậy, dùng pháp giáo hóa khiến r r cạo rbỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sông cho an lạc. Nêu vị ây không gia đình, xuât gia học đạo thì chác chăn chứng quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm vang dội, mười phương đều nghe. Đức Phật thuyết như vậy, sau khi các Tỳ-kheo ây nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

60. KINH TỨ CHÂU Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp CÒ Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở nơi yên tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy và suy nghĩ như vầy: "Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhơm tởm, ghê sợ dục cho đến lúc chết. Người đời đối với dục mà có thỏa mãn, nhơm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết, quả là khó kiếm." Rồi Tôn giả A-nan, vào lúc xế trưa, từ chỗ yên tĩnh đứng dậy, đi đến trước đức Phật, đảnh lễ? rồi ngồi qua một bên và thưa: - Bạch đức Thế Tôn, hôm nay con ở chỗ yên tĩnh, ngồi trầm lặng tư duy, đã suy nghĩ như vầy: "Người đời thật hiếm, ít ai có thể thỏa mãn đối với dục; ít ai có sự nhơm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết. Người đời đối với dục mà có thỏa mãn, nhơm tởm, ghê sợ đôi với dục cho đên lúc chét, quả là khó kiêm!99 Đức Phật bảo A-nan: Đúng như vậy, đúng như vậy! Người đời quá hiếm, ít ai có thể

thỏa mãn đối với dục, ít ai có sự nhơm tởm, ghê sợ đối với dục cho đến lúc chết, quả là khó kiếm. Này A-nan, quả thực là rất khó kiếm, quả thực là rất khó kiếm! Nhưng này A-nan? trong thế gian, những người đối với dục mà không thỏa mãn, không nhơm tởm, ghê sợ cho đến lúc chết thì thật quá nhiều! Thật quá nhiều! Vì sao? Này A-nan, trong đời quá khứ, có nhà vua tên là Đảnh Sanh làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, ngự trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương hành động theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vị ấy có đủ một ngàn người con trai, mặt mày khôi ngô, dõng mãnh kh6ng sợ, nhiếp phục được người khác. Vị ấy thống lãnh khắp cả cõi đất này cho đen biển cả? không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến cho an lạc. Này Anan, một thời gian hét sức lâu xa vê sau, Vua Đảnh Sanh ây nghĩ rang: "Ta có châu Diêm-phù-đề giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con, và ở trong cung này, mưa báu bảy ngày, nước dâng đên đầu gối. Ta nhớ đã từng nghe nơi người xưa nói rằng, ở phương Tây có châu tên là Cù-đà-ni5 giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muôn đên xem châu Cù-đà-ni và đê thông tri.,, Này A-nan,



Vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai than nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi lên hư không mà di, cùng với bốn loại quân. Này A-nan, Vua Đảnh Sanh trong phút chốc liền đến trú ở châu Cù-đà-ni kia. Này A-nan, sau khi đến ở, nhà vua đã ngự trị châu Cù-đà-ni suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm. Này A-nan, một thời gian hét sức lâu xa vê sau nữa, Vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù-đề giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn đứa con và ở trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đâu gối. Ta lại có thêm châu Cù-đà-ni. Ta đã từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Đông có châu tên là Phất-bà-bệ-đà-đề giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Nay ta muốn đến xem châu Phất- bà-bệ-đà-đề và sau khi đến sẽ ngự trj." Này A-nan, Vua Đảnh Sanh kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng bốn loại quân. Này A-nan, trong phút chốc nhà vua đến trú ở châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Này A-nan, sau khi đến ỏr, nhà vua đã ngự trị châu Phất-bà-bệ-đà-đề suốt vô lượng trăm ngàn vạn năm. Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, Vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: "Ta có châu Diêm-phù-đê giàu c6, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con, và ở trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đau gối. Ta lại có thêm châu Cu-đà-ni? có thêm châu Phất-bà-bệ-đà-đề. Ta lại từng nghe người xưa có nói rằng, ở phương Bắc có châu tên uất-đơn-việt, giàu c6, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc, họ tuy không có ngã tưởng, không có thọ dụng riêng, nhưng ta muốn cùng quyến thuộc đi xem châu uất-đơn-việt, để thống trị." Này A-nan, Vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi cùng với bốn loại quân. Này A-nan, nhà vua thấy đất trắng bằng phẳng từ xa, bảo các đại thần: -Các khanh có thấy đất trắng bằng phẳng của châu

uất-đơn-việt này không? Các cận thần đáp: Dạ thấy, tâu Thiên vương! Nhà vua lại bảo: Các khanh biết không? Đó là lúa tự nhiên của người xứ uất-đơn-việt; người uất-đơn-việt thường ăn loại thức ăn đó, các khanh cũng nên ăn loại thức ăn đó. Này A-nan, xa xa, Vua Đảnh Sanh lại thấy tại châu Uất-đơn-việt có biết bao loại cây quý báu, khoe đủ màu sắc ở trong lan can, liền bảo cận thần: Các khanh có thây biêt bao nhiêu loại cây quý báu, khoe đủ màu sác ở trong lan can tại châu Uất-đơn-việt không?



Các cận thần đáp: - Dạ thấy, tâu Thiên vương! Vua lại bảo: Các khanh biết không? Đó là thứ cây áo của người xứ uất-đơn-việt. Người uất-đơn-việt dùng thứ ấy mà mặc. Các khanh cũng nên dùng thứ ấy mà mặc. Này A-nan trong phút chóc, nhà vua đên châu Uất-đơn-việt. Này A-nan, sau khi cùng quyến thuộc đến đó? Vua Đảnh Sanh thống trị châu uất-đơn-việt suốt cả trăm ngàn vạn năm. Này A-nan, một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, Vua Đảnh Sanh kia lại nghĩ: “Ta có châu Diêm-phù-đề giàu có vô cùng, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đây đủ một ngàn người con và ở trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối. Ta cũng có châu Cù-đà-ni, cũng có châu Phất-bà-bệ-đà-đề, lại có thêm châu uất-đơn-việt. Ta lại từng nghe người xưa nói rằng, có cõi trời tên Tam Thập Tam thiên. Nay ta muốn đến thấy Tam Thập Tam thiên." Này A-nan, Vua Đảnh Sanh có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần nên vừa khởi tâm ưa thích như vậy, liền dùng như ý túc cưỡi hư không cùng với bốn loại quân, hướng theo ánh sáng mặt trời mà đi. Này A-nan, từ xa, Vua Đảnh Sanh đã thấy ở trong Tam Thập Tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, có một vật lớn như một đám mây lớn, liền bảo các cận thần: Các khanh có thấy ở trên đỉnh núi chúa Tu-di (có một vật) như một đám mây lớn ấy chăng? Các cận thần đáp: Dạ thấy, tâu Thiên vương! Nhà vua lại bảo: Các khanh biết chăng? Đó là cây Tru Độ của trời Tam Thập Tam thiên vậy. Dưới góc cây này, vào mùa hạ tháng Tu, các vị trời ở Tam Thập Tam thiên vui chơi với đầy đủ năm thứ dục lạc. Này A-nan, từ xa, Vua Đảnh Sanh thấy ở trong trời Tam Thập Tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, gân vê hướng Nam có một vật giông như đám mây lớn, liền bảo các cận thần: - Các khanh có thấy ở trong trời Tam Thập Tam thiên, trên đỉnh núi chúa Tu-di, gân vê phía Nam, có một vật giông như đám mây lớn không? - Có thấy, tâu Thiên vương! Nhà vua lại bảo: Các khanh biết không? Đó là nhà Chánh pháp của Tam Thập Tam thiên. Vị trời Tam Thập Tam thiên ở trong nhà ấy, vào những ngày mùng tám, mười bốn hoặc mười lăm, vì loài trời, vì loài người mà tư duy vê pháp, tư duy vê nghĩa.



Này A-nan, Vua Đảnh Sanh liền đến cõi Tam Thập Tam thiên. Đen noi, nhà vua đi vào nhà Chánh pháp, ở đó, Thiên Đấ-thích nhường một nửa chỗ ngồi cho Vua Đảnh Sanh và mời ngồi. Vua Đảnh Sanh liền ngồi xuống trên nửa chỗ ngồi của Đế-thích. Bấy giờ, nhà vua và Thiên Đế-thích hoàn toàn không khác gì nhau: Anh sáng và ánh sáng không khác, màu sác và màu săc không khác, hình dung và hình dung không khác, oai nghi lễ tiết và y phục cũng không khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau. Này A-nan, Vua Đảnh Sanh kia một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, lại nghĩ: "Ta có châu

Diêm-phù-đề giàu có, hoan lạc cùng cực, nhân dân đông đúc. Ta có bảy báu, đầy đủ một ngàn người con và trong cung mưa báu bảy ngày, nước dâng đến đầu gối. Ta lại có châu Cù-đà-ni, có châu Phất-bà-bệ-đà-đề5 có châu Uất-đơn-việt. Ta cũng có thấy Tam Thập Tam thiên vân tập đại hội. Ta đã được vào nhà Chánh pháp của chư thiên, lại được Đe-thích nhường cho một nửa chỗ ngồi và ta đã ngồi trên một nửa chỗ ngồi của Đế-thích. Ta và Đế-thích r r hoàn toàn không khác gì nhau: Anh sáng không khác, màu sác không khác, hình dung không khác, oai nghi lễ tiết cho đến y phục cũng không sai khác, chỉ có con mắt nháy là khác nhau mà thôi. Nay có lẽ ta đuổi Đế-thích đi, cướp lấy phân nửa chỗ ngồi ấy mà làm vua loài trời và loài người, tự do tự tQÌ." Này Anan, Vua Đảnh Sanh vừa khởi ý niệm như vậy, bất giác rớt xuống châu Diêm-phù-đê? liên mát như ý túc, nhuôm bệnh, đau nguy kịch. Đên lúc sáp chết, các cận thần đến bên nhà vua hỏi rằng:  Tâu Thiên vương, nếu có vi Phạm chí, cư sĩ và kẻ bầy tôi hay thần dân nào đến hỏi các hạ thần rằng: ULÚC băng hà Thiên vương chỉ bảo những gi?" Tâu Thiên vương, các hạ thần trả lời thế nào Phạm chí, cư sĩ hay thần dân ấy? Nhà vua bảo cận thần: r > r y  Nêu có Phạm chí, cư sĩ, hay thân dân nào đên hỏi khanh răng: ULÚC băng hà, nhà vua đã nói những gi?" Thì các khanh đáp như thế này: "Vua Đảnh Sanh đã được châu Diêm-phù-đê? nhưng khi chét vân chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã được bảy báu, nhưng khi chét vân chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã đây đủ một ngàn người con, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã có bảy ngày mưa báu, nhưng khi chét vân chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã được Cù-đà-ni, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã được châu Phất-bà-bệ-đà-đề9 nhimg khi chết vẫn chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã có châu uất-đơn-việt, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã thấy chư thiên tụ hội, nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn; Vua Đảnh Sanh đã đầy đủ các đặc tính của năm thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc nhưng khi chết vẫn chưa thỏa mãn.^^ Nếu có vi Phạm chí, cư sĩ, hay thần dân nào đến hỏi các khanh rằng: "Lúc băng hà, Vua Đảnh Sanh đã nói những gi?" Thì các khanh nên trả lời đúng như thế.

60. KINH TỨ CHÂU  281

Bấy giờ, đức Thế Tôn đọc bài tụng: Trời mưa trân bảo quý, Chưa thỏa lòng kẻ dục, Ham muốn khổ, nào vui, Kẻ trí cần phải biết. Giả sử được đống vàng, Cao như núi Hy-mã? vẫn chưa đủ mảy may, Kẻ trí nghĩ như vầy: Được ngũ dục trên trời, Chẳng cho đó là vui, Dứt ái, không đắm dục, Là đệ tử Như Lai. Rồi đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, Vua Đảnh Sanh ngày xưa ây5 ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết rằng, vị ấy chính là Ta vậy. Này A-nan, lúc bấy giờ, Ta được lợi ích, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót thế gian, vì trời và vì loài người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn, khoái lạc. Lúc bấy giờ, Ta nói pháp không đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tinh, không rốt ráo Phạm hạnh. Vì không rốt ráo Phạm hạnh hoàn toàn, lúc ấy Ta không lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thể thoát ra ngoài mọi khổ đau. Này A-nan, hôm nay Ta là bậc Xuất Thế, là đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, là Chúng Hựu. Nay Ta đã làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, cho mọi người, thương xót the gian, vì trời và vì

người mà cau nghĩa và lợi ích, cau an ổn5 khoái lạc. Nay Ta thuyêt pháp đã đên chô rót ráo, rót ráo bạch tịnh, rót ráo Phạm hạnh. Khi đã rốt ráo Phạm hạnh, Ta lìa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não. Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành.

61. KINH NGƯU PHẤN DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thăng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, có một vi Tỳ-kheo ở chỗ yên tĩnh, ngồi tư duy, suy nghĩ như vầy: "C6 sắc nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn chăng? Có giác, tưởng, hành, thức nào thường tru, bất biến, chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn Chang?95 Vào lúc xê trưa, vi Tỳ-kheo ây từ chô ngôi yên tĩnh đứng dậy, đên trước đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi qua một bên và bạch: Bạch đức Thê Tôn, hôm nay ở chô yên tĩnh, con ngôi tư duy, suy nghĩ như vây: "Có săc nào thường trú, bát biên, hoàn toàn chỉ có lạc, tôn tại vĩnh viên chăng? Có giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bát biên, chỉ còn có lạc, tôn tại vĩnh viễn chang?" Đức Phật bảo Tỳ-kheo: - Không có một sắc nào thường tru, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Không có giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, hoàn toàn chỉ có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Bấy giờ, đức Thế Tôn dùng móng tay khơi ít phân bò, bảo Tỳ-kheo: -Này Tỳ-kheo, nay ông có thấy Ta dùng móng tay khơi chút ít phân bò chăng? Vị Tỳ-kheo đáp: Bạch đức Thế Tôn, có thấy! Đức Phật bảo: -Này Tỳ-kheo, cũng vậy, không có một tí săc nào thường trú, bát biên, chỉ toàn có lạc, tồn tại vĩnh viễn. Cũng như vậy, không có một tí giác, tưởng, hành, thức nào thường trú, bất biến, chỉ toàn có lạc? ton tại vĩnh viễn. Vì sao? Này Tỳ-kheo? nhớ lại xưa kia trong một thời gian dài, Ta thường làm phúc. Sau một thời gian dài làm phúc ấy, Ta thọ quả báo an lạc. Vào thuở xưa đó, Ta tu hành vê từ tâm trong bảy năm; trải qua bảy kiêp thành hoại vân không trở lại thê gian này. Vào thời kiêp hoại, Ta sanh vào cõi trời Hoảng Dục. Vào thời kiêp thành, Ta sanh vào trong cung điện Không Phạm, ở trong cõi Phạm kia, làm Đại Phạm Thiên vương và qua một ngàn lần tái sanh vào những nơi khác, Ta làm Tự Tại



Thiên vương; ba mươi sáu lần tái sanh làm Thiên Đế-thích, rồi lại vô lượng lần tái sanh làm Sát-lợi Đảnh Sanh vương. Này Tỳ-kheo, lúc làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn được phủ những đồ cưỡi rất đẹp, dùng các báu bạch châu lạc trang sức, phủ lên voi chúa đầu đàn Vu-tra-hạ. Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh có tám vạn bốn ngàn con ngựa được phủ lên thứ đồ cưỡi đẹp. Dùng các báu vàng, bạc, dao lạc để trang sức cho ngựa đầu đàn là ngựa Mao. Này Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh có tám vạn bốn ngàn cỗ xe, trang sức bằng bốn cánh, dùng da vằn quý báu đủ màu của các thú như sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc xen lẫn trang sức cho cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh chóng tên là xe Lạc Thanh. Này Tỳ-kheo? lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh có tám vạn bốn ngàn thành lớn giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, lấy thành Câu-xá-hòa-đề vương làm đầu. Này Tỳ-kheo, lúc làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, có bốn loại lầu báu làm bằng vàng, bạc, lim ly và thủy tinh, trải lên bằng các thứ nệm, chiêu dệt băng lông năm sac,

phủ lên băng những gâm, the, sa- trun, lụa là, có chăn nệm lót, hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương. Này Ty-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma, áo gấm, áo lụa, áo kiếp-bối, áo ca-lăng-già-ba-hòa-la. Này Tỳ-kheo, lúc làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thê nõn nà, sạch sẽ sáng sủa, săc đẹp hơn người, đoan chính, ai nhìn cũng sanh ưa thích, trang diêm băng các thứ vật báu, anh lạc, tát cả đêu thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số. Này Tỳ-kheo, lúc làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, Ta có tám vạn bốn ngàn món ăn, mọi đêm thường dọn ra cho Ta ăn. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn kia, có một món hết sức ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị, là món Ta thường ăn. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ kia có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh đẹp đẽ khác thường, hầu hạ Ta. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn song y kia có một chiếc áo song y, hoặc là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối, hoặc áo ca-lăng- già-hòa-la là Ta thường mặc. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn ngự tòa kia, có một ngự tòa làm băng vàng hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh; đồ trải lên thì dùng những tấm nệm, những chiếc chiếu dệt bằng lông năm sắc; đồ phủ lên thì dùng gấm, the, sa-trun, lụa là, có chăn nệm lót, hai đầu để gối, có trải thảm quý bằng da sơn dương, là Ta thường nằm.

61. KINH NGƯU PHẨN DỤ  285

r y y Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn lâu quán kia, có một lâu quán làm bang vàng hoặc bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là điện Chánh pháp, là nơi Ta thường ở. Này Ty.kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn kia, có một thành giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc, gọi là thành Câu-xá-hòa-đề, là chỗ Ta thường ở. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn cỗ xe kia, có một cỗ được dùng da đủ ỉ 9

màu của các thú như sư tử, cọp, beo dệt thành, màu săc xen kẽ đê trang hoàng, chạy rát nhanh 9 r chóng, tên là xe Lạc Sanh, Ta thường ngôi lên đi đên các lâu quán đê ngăm nhìn các vườn tược. r Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn con ngựa kia, có một con màu xanh mướt, đầu đen như quạ gọi là ngựa Mao, Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược. Này Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn thớt voi lớn kia, có một thớt toàn thân trắng toát, bảy chi thảy đều ngay thẳng, gọi là voi chúa Vu-tra-hạ, Ta r y 9  thường cưỡi đi đên các lâu quán đê ngăm các vườn tược. Này Tỳ-kheo, bấy giờ Ta nghĩ rằng: UĐÓ là nghiệp quả gì mà nay Ta có đại như ý túc, đại oai dức, đại phước hựu, đại oai thần?" Này Tỳ-kheo, Ta lại nghĩ: "Đó là ba nghiệp quả, là ba nghiệp báo khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần: Một là bố thí, hai là điều phục, ba là thủ h0.”  Này Tỳ-kheo, ông hãy quán sát rằng, tất cả những gì hiện hữu đều phải tiêu diệt, cả đến như ý túc cũng phải mất. Này Tỳ-kheo, ông nghĩ thế nào? sắc là thường hay vô thường? - Bạch đức Thế Tôn, vô thường! -Vô thường là khổ hay không khổ?  Bạch đức Thế Tôn, là khổ và biến dịch! -Nếu là pháp vô thường, khổ và biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta" chăng? -Bạch đức Thế Tôn, không! Này Tỳ-kheo5 ông nghĩ thế nào, giác, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? Bạch đức Thế Tôn, là vô thường!  Nếu vô thường thì khổ hay chẳng khổ?  Bạch đức

Thế Tôn, là khổ và biến dịch! - Nếu là pháp vô thường, khổ và biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: “Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này của ta” chăng? Bạch Thế Tôn, không!



5 r r -Vậy thì, này Tỳ-kheo? ông nên học như vây: Bát cứ sác nào, dù quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chăng phải là của ta; hãy dùng trí tuệ quán sát, biêt đúng như thật. Bất cứ giác, tưởng, hành, thức, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc xa hoặc gần; tất cả những cái ấy chẳng phải là ta, chẳng phải là của ta; hãy dùng trí tuệ quán sát, biết đung như thật. Này Tỳ-kheo, nếu đa văn Thánh đệ tử quán như thế thì liền nhàm chán sắc, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức; nhàm chán thì liền vô dục, vô dục thì giải thoát, giải thoát thì có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Bấy giờ, nghe đức Phật dạy như vậy xong, Tỳ-kheo ấy khéo ghi nhận, khéo ghi nhớ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng roi lui. Tỳ-kheo ây sau khi thọ nhận lời giáo hóa của đức Phật, liên ở một mình thực hành hạnh viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn. Vị ấy đã sống một mình, thực hành hạnh viễn ly, tâm không buông lung, tu hành tinh tấn, đạt đên mục đích mà thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đó là chỉ cầu vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại, tự biết, tự ngộ, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết A [ £

đúng như thật răng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?5 Như vậy, Tỳ-kheo ấy, sau khi đã biết pháp, chứng A-la-hán. Đức Phật thuyêt giảng như vậy, Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật thuyêt giảng, hoan hỷ phụng hành.

62. KINH TẦN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn vi, đều là những bậc Vô trước, Chí chân, vốn là những đạo sĩ bện tóc; Ngài đi đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương Xá. Bấy giờ, vua xứ Ma-kiệt-đà là Tần-bệ-ta-la nghe đức Thế Tôn du hóa tại nước Ma-kiệt-đà cùng với chúng Tỳ-kheo gồm một ngàn vị, đều là những bậc Vô trước, Chí chân, vốn là những đạo sĩ bện tóc; Ngài đến ấp Ma-kiệt-đà ở thành Vương Xá này. Sau khi nghe như vậy, Vua Tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đà liên cho sáp đặt bôn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi sắp đặt bốn loại quân xong, nhà vua với đông đủ vô số thuộc hạ, kéo dài trên một do-diên cùng nhau đi đến chỗ Phật. Bấy giờ từ xa, đức Phật thấy Vua Tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đà đi đến, Ngài theo đường tắt đến dưới gốc cây Ni-câu-loại lớn nhát, trải ni-sư-đàn ngôi kiêt-già cùng chúng Tỳ-kheo. Từ xa, Vua Tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đà thấy Thế Tôn ở giữa cây rừng, trang nghiêm đẹp đẽ như vầng trăng ở giữa vòm sao, chói lọi, sáng ngời như núi vàng, tướng tốt vẹn toàn, oai thần lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, thành tựu tự chê ngự, tâm tư yên tĩnh. Khi đã thây Ngài, vua cùng tùy tùng xuông xe. Nếu các vua Sát-lợi

được rưới nước lên đỉnh đầu để làm bậc Nhân chủ, chỉnh trị cõi đất, có năm loại nghi trượng: Một là kiếm, hai là lọng, ba là mũ thiên quan, bốn là phất trần cán ngọc, năm là giày thêu. Nhưng đến đây nhà vua cởi bỏ tất cả, và cùng bốn loại quân đi bộ đến trước đức Phật, đảnh lễ rồi tự xưng danh tánh ba lân răng: Bạch đức Thế Tôn, tôi là Tẩy-ni-tàn-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo: Này Đại vương, đúng vậy? đúng vậy! Đại vương là Tẩy-ni-tần-bệ-ta-la5 vua nước Ma-kiệt-đà. Sau khi Vua Tẩy-ni-tần-bệ-ta-la nước Ma-kiệt-đà ba lần tự ximg danh tánh roi, đảnh lê đức Phật và ngôi qua một bên. Các người nước Ma-kiệt-đà đi theo, có người đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên, có người chào hỏi Ngài rồi ngồi qua một bên, có người chắp tay hướng về Ngài rồi ngồi qua một bên, CÓ người ở xa thây Ngài roi lặng lẽ ngôi xuông.

288 KINH TRUNG A-HÀM

ỉ . ___ jF -r 5 e

Bây giờ, Tôn giả Uât-tỳ-la-ca-diêp cùng ngôi trong chúng. Tôn giả là vị mà những người nước Ma-kiệt-đà chú ý và cho rằng, đó là bậc đại Tôn sư, bậc Chân nhân, Vô trước. Bấy giờ? những người Ma-kiệt-đà đều nghĩ rằng: "Sa- môn Cù-đàm theo uất-tỳ-la-ca-diếp học Phạm hạnh chăng? Hay là uất-tỳ-la- ca-diếp theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh?" Bấy giờ, đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm người xứ Ma-kiệt-đà, Ngài liền hướng vê Tôn giả Uât-tỳ-la-ca-diêp mà nói bài tụng: Ca-diếp thấy những gì, Bỏ lửa mà đến đây? Ca-diếp nói Ta biết, Lý do không thờ lửa? Ản uống đủ các vị, Do dục nên thờ lửa, Trong đời thấy như vậy, Cho nên không ưa thờ. Ý Ca-diếp không ưa, An uông đủ các vị, Sao không ưa trời, người? Ca-diếp nói Ta rõ. Thấy tịch tĩnh, diệt tận, Vô vi, không dục hữu, Không có trời cao quý, Cho nên không thờ lửa. Thế Tôn là tối thắng, Thế Tôn không tà tư, Thấy các pháp rõ ràng, Con nhận pháp tối thắng. Bây giơ, đức The Ton bao: Này Ca-diếp, ông hãy hiển hiện như ý túc để cho hội chúng này được vui lòng và tin tưởng. Lúc đó, Tôn giả uất-tỳ-la-ca-diếp, bằng chính thân mình mà hiển hiện như ý túc, biến mất khỏi chỗ đang ngồi, từ phương Đông bay lên, đi trên hư không, hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả uất-tỳ-la-ca-diếp nhập hỏa định, trong thân liền phóng ra vô số tia lửa đủ màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Phần thân dưới phóng ra lửa thì phan thân trên phun ra nước, phan thân trên phóng ra lửa thì phan thân dưới phun ra nước. Cũng vậy, từ các phương Nam, Tây, Bắc bay lên hư không, hiện ra bốn oai nghi đi, dứng, nằm, ngồi. Tôn giả lại nhập hỏa định. Sau khi Tôn giả Uât-tỳ-la-ca-diêp nhập hỏa định, trong thân liên phóng ra vô sô tia lửa đủ màu: Xanh, vàng, đỏ, trăng, màu hòa hợp, màu thủy tinh. Thân thê vê phân dưới phóng ra lửa thì phần trên phun ra nước, phần trên phóng ra lửa thì phần dưới phun ra nước. Sau khi hiển hiện như ý túc, Tôn giả uất-tỳ-la-ca-diếp đảnh lễ dưới chân Phật và bạch rang: Bạch đức Thế Tôn, Ngài là thầy của con, con là đệ tử của Ngài. Ngài là nhất thiết trí, con không có nhất thiết trí. Đức Thế Tôn bảo: Đúng vậy, Ca-diếp! Đúng vậy, Ca-diếp! Ta có nhất thiết trí, ông không có nhất thiết trí.

62. KINH TẦN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT 289

Bấy giờ, Tôn giả uất-tỳ-la-ca-diếp vì chính mình mà nói bài tụng: Ngày xua, lúc chưa rõ? Thờ lửa, cầu giải thoát, Tuy già vẫn đui mù, Tà, không thấy chân tế. Nay con thấy Thượng Tích, Rồng Vô thượng đã dạy: Vô vi, thoát hết khổ, Thấy rồi sanh tử dứt. Những người xứ Ma-kiệt-đà, sau khi thấy như vậy, liền nghĩ: "Không phải Sa-môn Cù-đàm theo uất-tỳ-la-ca-diếp học Phạm hạnh mà chính uất-tỳ-la-ca- diếp theo Sa-môn Cù-đàm để học Phạm hạnhy Đức Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm của người xứ Ma-kiệt-đà? liền thuyết pháp cho Tẩy-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi Ngài đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Ngài theo đúng pháp của chư Phật, trước tiên thuyết pháp đoan chánh, khiến người nghe vui mừng, ấy là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về pháp sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế, khen ngợi vô dục là diệu đạo phẩm, bạch tịnh. Đức Thế Tôn đã nói cho vị đại vương ây nghe những pháp như vậy. Ngài biêt nhà vua có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm chuyên nhất, tâm vô nghi, tâm vô tận, có khả năng, có sức lực thọ nhận Chánh pháp, tức là các pháp yếu mà chư Phật đã giảng thuyết; cũng vậy, đức Thế Tôn nói cho nhà vua nghe về khổ, tập, diệt, đạo. Ngài dạy:  Này Đại vương, sắc là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, sắc là pháp sanh diệt. Này Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt. Này Đại vương, giống như lúc mưa lớn thì bọt trên mặt nước sanh diệt. Này Đại vương, sắc sanh diệt cũng như vậy. Đại vương nên biết sắc là pháp sanh diệt. Này Đại vương, giác, tưởng, hành, thức là pháp sanh diệt. Đại vương nên biết, thức là pháp sanh diệt. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc sanh diệt thì biết rằng sắc không sanh lại ở tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử nào biết giác, tưởng, hành, thức sanh diệt thì liền biết rằng thức không sanh diệt lại ở tương lai. Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết sắc đúng như thật thì không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không trụ nơi sắc, không hoan lạc, không cho "sắc là ta." Này Đại vương, nếu một thiện nam tử biết giác, tưởng, hành, thức, đúng như thật thì không trước thức, không kế thức, không nhiễm thức, không trụ nơi thức, không hoan lạc, không cho uthức là ta." Này Đại vương, nếu một thiện nam tử, không trước sắc, không kế sắc, không nhiễm sắc, không an trú nơi sắc, không hoan lạc, khôn^ cho "sắc là ta" thì người ấy không thọ nhận sắc tương lai. Này Đại vương, nêu một thiện nam tử nào không trước giác, tưởng, hành, thức, không kế thức, không nhiễm thức, không trụ thức, không hoan lạc, không cho "thức là ta” thì người ấy không thọ nhận thức tương lai. Này Đại vương, thiện nam tử ấy vô lượng, không thể kể xiết, vô hạn, chứng đắc tịch tịnh, nếu xả bỏ thân ngũ ấm này thì không còn thọ ấm thân khác nữa.



Bấy giờ, những người xứ Ma-kiệt-đà nghĩ rằng: "Nếu như sắc là vô thường; giác, tưởng, hành, thức là vô thường thì ai làm, ai thọ nhận khổ, lạc?" Đức Thế Tôn biêt ý nghĩ của những người xứ Ma-kiệt-đà, liên bảo các Tỳ-kheo răng:  Hàng phàm phu ngu si không học, thấy ngã là ngã mà đắm trước nơi ngã, nhưng thực ra không có ngã, không có ngã sở. Ngã vốn không, ngã sở vốn không, pháp sanh thì sanh, pháp diệt thì diệt, thảy đều do nhân duyên hội tụ mà sanh khổ. Nếu không có nhân duyên thì các khổ liền diệt.

Chúng sanh do duyên hội tụ liên tục mà sanh các pháp. Như Lai sau khi thấy chúng sanh liên tục sanh ra nên nói “c6 sanh có tử." Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn cả người thường, thấy đúng như thật về chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại thiện xứ, đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo và thay đúng như thật: Nêu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh nơi thân, ác hạnh nơi khẩu, ý, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến và thành tựu nghiệp tà kiên thì do nhân duyên kia, khi thân này hoại diệt, chúng sanh ây chác chăn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thiện hạnh nơi thân, thiện hạnh nơi khẩu, ý, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhân duyên đó, khi thân này hoại diệt, chúng sanh ây chác chăn đi lên chô thiện, cho đên cõi trời. Ta biêt chúng sanh kia như vậy nhưng không nói răng: Đó là ngã có thê cảm giác, có thê nói năng, làm và sai làm, đứng dậy và khiến đứng dậy, ở nơi này hay nơi kia thọ nhận nghiệp báo thiện ác. ở đây, hoặc có suy nghĩ như vầy: "Diều đó không hợp lý, điều đó không đứng vững, việc làm ấy đúng như pháp, nhân cái này mà cái kia sanh, nếu không nhân cái này thì cái kia không sanh, cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia diệt. Tức là duyên vô minh có hành cho đến duyên sanh mà có già, chết. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt." Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, sắc là vô thường hay thường? Nhà vua đáp:  Bạch Thế Tôn, là vô thường! - Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?  Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch!  Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: "Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta?" - Bạch Thế Tôn, không! Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao, giác, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, là vô thường! - Nếu vô thường thì khổ hay không khổ?  Bạch Thế Tôn, là khổ, là biến dịch!

62. KINH TẦN-BỆ-TA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT  291

Nếu pháp là vô thường, khổ, biến dịch thì đa văn Thánh đệ tử có nên cho rằng: "Cái này là ta, cái này là tự ngã của ta, cái này là của ta?" - Bạch Thế Tôn, không nên!  Này Đại vương, Đại vương nên học như vầy, bất cứ sắc nào, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gần hoặc xa; tất cả đều chẳng phải là ta, chẳng phải là tự ngã của ta, chăng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biêt như thật. Này Đại vương, bất cứ giác, tưởng, hành, thức nào, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc thô hoặc tế, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc gân hoặc xa; tát cả thứ ây chăng phải ta, chăng phải là tự ngã của ta, chăng phải là của ta. Nên dùng trí tuệ quán biết như thật. Này Đại vương, nếu đa văn Thánh đệ tử quán đúng như vậy thì liền nhàm chán sác, nhàm chán giác, tưởng, hành, thức; nhàm chán roi liên vô dục, vô dục rồi liền được giải thoát, đã giải thoát liền có tri kiến giải thoát, biết như thật răng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." LÚC đức Phật nói pháp này xong, Tây-ni-tân-bệ-ta-la5 vua nước Ma-kiệt-đà xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp sanh khởi và tám vạn chư thiên, một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà xa lìa trân câu, pháp nhãn vê các pháp sanh khởi. Bấy giờ, Tẩy-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tinh, đoạn nghi, vượt khỏi mê hoặc, không còn ai

hơn, không theo ai nữa, không còn do dự, đã an tru nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Tẩy-ni-tần-bệ-ta-la, vua nước Ma-kiệt-đà và tám vạn chư thiên, ma và một vạn hai ngàn người xứ Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Tỳ-kheo, sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

63. KINH BỆ-BA-LANG-KY Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Câu-tát-la. Bấy giờ, đức Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo cùng đi trên đường; giữa đường, Ngài mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thấy Thế Tôn mỉm cười, liền chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch: Bạch Thế Tôn, do nhân duyên gì Ngài mỉm cười? Các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhân duyên gì thì không bao giờ cười suông. Xin Ngài nói cho con biết lý do ấy! Bay giơ, đức Thê Tôn bao: Này A-nan, chính trong xứ này, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ngồi tại nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử. Lúc đỏ, Tôn giả A-nan, ngay tại chỗ ấy liền nhanh chóng trải chỗ ngồi, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch: Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cũng ngồi nơi đây mà nói pháp cho các đệ tử! Như vậy, đây là nơi mà hai đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã cùng ngồi. Bấy giờ, đức Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ mà Tôn giả A-nan đã trải. Sau khi ngồi xuống, Ngài bảo: A-nan? ở trong xứ này, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, có giảng đường. Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi ngồi vào trong đó, Ngài giảng pháp cho các đệ tử nghe. Này Anan, trong xứ này, xưa kia có thôn ấp tên là Bệ-bà-lăng-kỳ, giàu có cùng cực, dân chúng đông đúc. Này A-nan? trong thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ có Phạm chí đại trưởng giả tên là Vô Nhuế, giàu có tột đỉnh, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phòng hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ. Này A-ĩian, Phạm chí đại trưởng giả Vô Nhuế có người con tên là Ưu-đa- la-ma-nạp? được cha mẹ nuông chiều, thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, nghe nhiều, đọc hết bốn loại kinh điên, thâu triệt nhân duyên, chánh văn, ưa ngũ cú thuyêt. Này A-nan5 đồng tử Ưu-đa-la có người bạn lành làm thợ gốm tên là Nan-đề-bà-la, thường được đồng tử Ưu-đa-la yêu thương, tưởng nhớ, ưa gặp g&, không chán. Này A-nan5 thợ gốm Nan-đề-bà-la quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo?



không nghi ngờ ba ngôi báu; không nghi hoặc khổ, tập, diệt, đạo; có tín, có giới, học rộng, ưa bô thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biêt hô, biêt thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm niệm sát sanh, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc không cho mà lây, đoạn trừ việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, ưa việc đem cho, thường thích bố thí, hoan hỷ, không bon xẻn, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế? lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi Phạm hạnh, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la

xa lìa nói dối, đoạn trừ nói dối, nói chân thật, ưa chân thật, an trú vào chân thật, không chút dao động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm nói dối, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan? thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hạnh không nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia xúi giục phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi mách lại người này xúi giục phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đối với tâm niệm nói hai lưỡi, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có những lời thô bạo, hung ác, trái tai khiến mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến người khác khổ não, không được định tĩnh, vi ấy đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có những lời hòa nhã, nhu thuận, lọt tai, vừa lòng, khiên được hoan hỷ9 được mên thương, khiên người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác định tĩnh, vị ấy nói những lời như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ. ĩ 5

Này A-nan? thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói vê pháp, nói vê nghĩa, nói vê chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, thích hợp, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lấn lướt, lừa dối người; đối với tâm niệm kinh doanh buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa nhận đàn bà góa, con gái; đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, con gái; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, con gái, vị ấy đã tinh trừ.

63. KINH BỆ-BÀ-LÀNG-KỲ 295

Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận tớ gái, đoạn trừ việc ,.•£ - e - r * nhận tớ gái; đôi với tâm niệm nhận tớ gái, vị ây đã tịnh trừ. NàyA-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đôi với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê, vị ấy đã tịnh trừ. Này Anan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo; đoạn trừ việc nhận gà, heo; đối với tâm niệm nhận gà, heo, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đất, quán xá; đoạn trừ việc nhận ruộng đát, quán xá; đôi với tâm niệm nhận ruộng dát, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận nép, lúa, đậu sông; đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống; đối với tâm niệm nhận nếp, lúa, đậu sống, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc uông rượu, đoạn trừ việc uông rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng; đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan5 thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đoạn trừ việc đeo vòng hoa, chuỗi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, thoa hương, đánh phấn, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát hoặc đến nghe xem; đoạn trừ việc ca múa,

xướng hát hoặc đến nghe xem; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đên nghe xem, vi ây đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu; đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đôi với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ăn quá ngọ5 đoạn trừ việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, học hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngo, vi ấy đã tịnh trừ. Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự tay đào đất, cũng không bảo ngườd khác đào; nếu đất ở đê chặn nước lở ra, hoặc đát do chuột đào lên thì lây làm đô gôm đưa lên và nói với người mua răng: "Các ngài, nếu có đậu oản, gạo dẻ? lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bệ và hạt cải; sau khi trút xuống rồi, ngài cứ mang đồ gốm này mà di, tùy theo ý muốn.^, Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ. Cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào vi ây, cho nên vị ây phải hâu hạ.



Này A-nan, thợ gốm Nan-đề-bà-la vào một sáng sớm, đi đến trước đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác; sau khi đến, vị ấy đảnh lễ Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho vị ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vi ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ngồi im lặng. Này A-nan5 sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Bấy giờ, đồng tử Ưu-đa-la cưỡi xe ngựa trắng, cùng với năm trăm đồng tử nữa, vào lúc vừa sáng, từ thôn áp Bệ-bà-lăng-kỳ ra đi, đên một chô vô sự, muôn giáo hóa các đệ tử từ nhiều nước đến, dạy chúng đọc sách Phạm chí. Bấy giờ, đồng tử Ưu-đa-la từ xa trông thấy thợ gốm Nan-đề-bà-la đi đến, thấy xong liền hỏi Nan-đề-bà-la: - Anh từ đâu đến? Nan-đề-bà-la đáp: Hôm nay tôi từ chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi cúng dường lễ bái Ngài xong thì đến đây. Này Ưu-đa-la? bạn có thể cùng với tôi đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để cúng dường lễ bái Ngài? Bấy giờ, đồng tử Ưu-đa-la đáp: Này anh Nan-đê-bà-la, tôi không muôn thây Sa-môn trọc đâu. Sa-môn trọc đầu không thể đắc đạo, vì đạo khó chứng đắc." Bấy giờ, thợ gốm Nan-đề-bà-la túm lấy tóc của đồng tử ưu-đa-la kéo xuống xe. Lúc đó, đồng tử ưu-đa-la nghĩ: "Anh thợ gốm Nan-đề-bà-la này bình thường không bỡn cợt, không khùng, không si, nay kéo tóc mình chắc có điều gi?" Nghĩ xong liền bảo: Này anh Nan-đề-bà-la, tôi đi theo anh, tôi đi theo anh! Bấy giờ, Nan-đề-bà-la hoan hỷ nói rằng: Lành thay, chúng ta đi! Thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử ưu-đa-la cùng nhau đến chỗ đức Ca- diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đen nơi, hai người đảnh lễ roi ngôi qua một bên. Thợ gôm Nan-đê-bà-la bạch đức Ca-diêp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng: -Bạch đức Thế Tôn, đồng tử Ưu-đa-la này là bạn của con. Bạn này thường ưa đên thăm, thường thích đên thăm con, không hê nhàm chán, nhưng không

63. KINH BỆ-BÀ-LÀNG-KỲ  297

CÓ lòng tin và cung kính đối với đức Thế Tôn. Mong Thế Tôn khéo léo thuyết pháp cho bạn con, hoan hỷ, khởi lòng tin và cung kính!" Bấy giờ, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho thợ gốm Nan-đề-bà-la và đồng tử Ưu-đa-la, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bang vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hai vi ấy, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, đức Thê Tôn ngôi im lặng. Bây giờ, sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ, hai vi liên từ chô ngôi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Lúc trở về, đi chưa bao xa, đồng tử Ưu-đa-la lại hỏi: f  Này anh Nan-đê-bà-la, anh đã được nghe pháp vi diệu như thê từ đức A

Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tại sao anh còn ở nhà, không lìa bỏ để học Thánh đạo? Bấy giờ, thợ gốm Nan-đề-bà-la đáp:  Này Ưu-đa-la, chính bạn đã biết tôi phải trọn đời hầu hạ, nuôi nấng cha mẹ; vì cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy ở mình tôi. Tôi vì hầu hạ phụng dưỡng cha mẹ vậy. Bấy giờ, đồng tử Ưu-đa-la hỏi:  Này Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo, tu hành Phạm hạnh được chăng? LÚC đó, thợ gôm Nan-đê-bà-la và đông tử Ưu-đa-la từ nơi ây quay trở lại chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đến nơi, đảnh lễ Ngài roi ngôi qua một bên. Thợ gôm Nan-đê-bà-la bạch đức Ca-diêp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác rằng:  Bạch đức Thế Tôn? đồng tử Ưu-đa-la này trở về chưa bao xa, lại hỏi con rằng: “Này anh Nan-đề-bà-la, từ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, anh được nghe pháp vi diệu như thế, tại sao anh còn ở nhà, không thể lìa bỏ để học Thánh đạo?^ Bạch Thế Tôn, con đã trả lời rằng: "Chính bạn đã rõ, tôi phải trọn đời hầu hạ, phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ tôi mù lòa, chỉ trông cậy vào một mình tôi. Như vậy, tôi phải hầu hạ, phụng dưỡng cha m©." Ưu-đa-la lại hỏi: “Này anh Nan-đề-bà-la, tôi có thể theo đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới, làm Tỳ-kheo, tu hành Phạm hạnh được không?^ Bạch Thế Tôn, mong Ngài độ cho bạn con xuất gia, truyền trao giới Cụ túc cho bạn con được làm Tỳ-kheo.

298  KINH TRUNG A-HÀM

Đức Ca-diếp Như Lai, bạc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời Nan-đề"bà-la. Sau khi biết đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng roi lui ra. Sau khi Nan-đề-bà-la đi chưa bao lâu, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác độ cho đồng tử Ưu-đa-la xuất gia, học đạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi cho ưu-đa-la xuất gia, cho thọ Cụ túc xong, Ngài ở thôn ấp Bệ-bà-lăne-kỳ vài ngày, rồi mang y, cầm bát cùng với đại chúng Tỳ- kheo du hành, muôn đến ấp Ba-la-nại nước Ca-tư. Đen Ba-la-nại, Ngài tru tại xứ tiên nhơn, vườn Lộc Dã. Bấy giờ, Vua Hiệp-bệ nghe đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác du hành qua nước Ca-tư cùng với đại chúng Tỳ-kheo đông đến Ba-la-nại này, hiện ở tại xứ tiên nhơn, vườn Lộc

Dã. Nghe xong, vua bảo người đánh xe:  Ngươi hãy sửa soạn xe, hôm nay ta muốn đến chỗ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác! Người đánh xe kia vâng lời vua bảo liên sửa soạn xa giá, sửa soạn xong, tâu với vua rằng:  Con đã sửa soạn xe đẹp, xin tùy ý Thiên vương! Vua Hiệp-bệ ngồi xe đẹp, từ Ba-la-nại ra di, đến xứ tiên nhơn, vườn Lộc Dã. Từ xa, Vua Hiệp-bệ thấy giữa rừng cây, đức Ca-ếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trang nghiêm đẹp đẽ như vầng trăng giữa vòm sao, chói lọi sáng ngời như núi vàng, tiếng tốt vẹn toàn, oai nghi lồng lộng, các căn vắng lặng, không bị ngăn che, hoàn toàn tự chế ngự, lắng tâm tĩnh mặc. Sau khi thấy Ngài, vua xuống xe, đi đến chỗ đức Ca-diep Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác, đảnh lê roi ngôi qua một bên. Sau khi nhà vua ngôi xuốnẹ, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lònẹ ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bang vô lượng phương tiện thuyêt pháp cho nhà vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu hoan hỷ rồi, nhà vua liền đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng ve Ngài và bạch:  Mong Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo ngày mai nhận lời mời của con! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác im lặng nhận lời mời của Vua Hiệp-bệ. Sau khi biết đức Như Lai đã im lặng nhận lời, nhà vua cúi đầu đảnh lễ, đi quanh ba vòng rồi lui ra, trở về nhà. Đêm ây, vua hạ lệnh săm sửa đủ các món ăn, thức uông ngon lành, sạch sẽ, mỹ diệu, với đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm. Đêm ấy, việc bày biện đã xong, sáng ra, vua sai trải giường ngồi, rồi sai người đến bạch Phật rằng:



"Bạch đức Thế Tôn, nay giờ đã đến, thức ăn đã sẵn sàng, mong Thế Tôn đến đúng th&i!" Bấy giờ, vào lúc sáng sớm, đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác mang y, cầm bát và có chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của Vua Hiệp- bệ, ngồi vào chỗ nệòi phía trên chúng Tỳ-kheo. Vua Hiệp-bệ thấy đức Phật và chúng Tỳ-kheo ngôi xong, tự tay múc nước rửa, tự tay bimg hâu các thức ăn9 thức uống, đầy đủ các món ngon, sạch, mỹ diệu, khiến các Ngài ăn no. Ăn rồi dọn bát, lấy nước rửa xong, nhà vua lấy ghế nhỏ ngồi riêng một bên để nghe pháp. Vua Hiệp-bệ ngồi xong, đức Ca-diep Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ rồi, Vua Hiệp-bệ từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Như Lai và bạch:  Mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này! Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm và cúng thí các vật dụng, cung cáp nép trăng và đủ các món thực phàm của vua đê cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác bảo nhà vua: - Thôi, thôi, Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ! Ba lần như thế, Vua Hiệp-bệ chắp tay hướng về đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thưa:  Mong Thế

Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời mời của con mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này! Con xin xây cất năm trăm gian phòng, năm trăm giường nệm và cúng thí các vật dụng, cung cáp nép trăng và các món ăn thực phàm của vua để cúng dường Ngài và chúng Tỳ-kheo! Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác cũng ba lần bảo: Thôi, thôi, Đại vương, chỉ cần có tâm hoan hỷ là đủ! Bấy giờ, Vua Hiệp-bệ không nhẫn được, không vừa ý, tâm rất ưu sầu, nghĩ rằng: "Dức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này cùng với chúng Ty-kheo?9 Nghĩ xong, nhà vua thưa đức Như Lai: Bạch Thê Tôn, có kẻ bạch y tại gia nào phụng sự Thê Tôn giông con chăng? Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đáp: C6, và ở tại thôn Bệ-bà-lăng-kỳ giàu có, hoan lạc tột cùng, nhân dân đông đúc, thuộc lãnh thô của Đại vương, này Đại vương, ở trong thôn Bệ-bà-lăng-kỳ ấy có thợ gốm Nan-đề-bà-la. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la quy y



Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, không hoài nghi ba ngôi báu, không nghi hoặc khổ, tập, diệt, đạo, có tín, trì giới, học rộng, ưa bố thí, thành tựu trí tuệ, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ biết thẹn, có tâm từ bi, làm lợi ích cho đến cả tất cả loài côn trùng; đối với tâm niệm sát sanh, vị ấy đã tinh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc không cho mà lấy, cái gì cho mới lấy, ưa việc đem cho, thường hay bô thí, hoan hỷ, không bon xẻn, không mong báo đáp; đối với tâm niệm không cho mà lấy, vị ấy đã tịnh trừ. Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, tinh tấn tu diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm; đối với tâm niệm phi Phạm hạnh, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa nói dôi, đoạn trừ nói dôi, nói chân thật, ưa chân thật, an trú vào chân thật, không dao động, hoàn toàn đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm niệm ưa nói dối, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, không phá hoại ai, không nghe chuyện người này rồi mách lại người kia để phá hoại người này, không nghe chuyện người kia rồi mách lại người này để phá hoại người kia, ai chia lìa thì làm cho hòa hợp, ai hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập bè đảng, không ưa bè đảng, không khen ngợi bè đảng; đoi với tâm niệm ưa nói hai lưỡi, vị ấy đã tinh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nếu có lời nói thô bạo hung ác, trái tai, mọi người không hoan hỷ, mọi người không thương mến, khiến nẹười khác khổ não, không được định tĩnh thì vị ây đoạn trừ lời nói như vậy. Nêu có nói lời hòa nhã nhu thuận, lọt tai vừa lòng, khiến được hoan hỷ, được mến thương, khiến người khác an lạc, âm thanh rõ ràng, không làm người sợ, khiến người khác đinh tĩnh thì vi ấy nói năng như vậy; đối với tâm niệm ưa nói thô ác, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói về pháp, nói về nghĩa/ nói về chỉ tức, nói về việc ưa chỉ tức, nói việc thuận thời, hợp thời, khéo dạy, khéo quở trách; đối với tâm niệm ưa nói thêu dệt, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc kinh doanh buôn bán, đoạn trừ việc kinh doanh buôn bán, xả bỏ đong lường và đấu hộc, xả bỏ việc nhận hàng hóa, không cột trói người, không trông mong sự đo lường tà vạy, không vì chút lợi nhỏ mà lân lướt, lừa dôi người; đôi với tâm niệm ưa kinh doanh

buôn bán, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại Vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận đàn bà góa, con gái; đoạn trừ việc nhận đàn bà góa, con gái; đối với tâm niệm nhận đàn bà góa, con gái, vị ấy đã tinh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận tớ gái, đoạn trừ việc nhận tớ gái; đối với tâm niệm nhận tớ gái, vị đã tinh trừ.

63. KINH BỆ-BÀ-LÀNG-KỲ 301

Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đoạn trừ việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đối với tâm niệm nhận voi, ngựa, trâu, dê, vi ấy đa tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc nhận gà, heo; đoạn trừ việc nhận gà, heo; đôi với tâm niệm nhận gà, heo, vị ây đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận ruộng đát, quán xá; đoạn trừ việc nhận ruộng đất, quán xá; đối với tâm niệm nhận ruộng đát, quán xá, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận nép, lúa, đậu sông; đoạn trừ việc nhận nếp, lúa, đậu sống; đối với tâm niệm thọ nhận nếp, lúa, đậu sống, vị ấy đã tinh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc uống rượu, đoạn trừ việc uống rượu; đối với tâm niệm uống rượu, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc dùng giường sang, cao rộng; đoạn trừ việc dùng giường sang, cao rộng; đối với tâm niệm dùng giường sang, cao rộng, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc đeo vòng hoa, đeo chuôi ngọc, thoa hương, đánh phấn; đoạn trừ việc đeo vòng hoa, đeo chuỗi anh lạc, thoa hương, đánh phấn; đối với tâm niệm đeo vòng hoa, đeo chuỗi anh lạc, thoa hương, đánh phấn, vi ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ca múa, xướng hát và đến xem nghe; đoạn trừ ca múa, xướng hát và đến xem nghe; đối với tâm niệm ca múa, xướng hát và đến xem nghe, vị ấy đã tinh trừ. Này Đại vương, thợ gôm Nan-đê-bà-la xa lìa việc nhận vàng, bạc, châu báu; đoạn trừ việc nhận vàng, bạc, châu báu; đối với tâm niệm nhận vàng, bạc, châu báu, vị ấy đã tịnh trừ. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la xa lìa việc ăn quá ngọ, thường ăn một bữa, không ăn ban đêm, tu hạnh ăn đúng thời; đối với tâm niệm ăn quá ngọ, vị ấy đã tịnh trư. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời tay không cầm cuốc, không tự đào đất, cũng không bảo người khác đào, nếu đất ở bờ nước lở ra, hoặc đất do chuột moi lên thì lấy làm đồ gốm, đưa lên nói với người mua rằng: "Các ngài, nếu có đậu oản, lúa dẻ, lúa mạch, đậu ma lớn nhỏ, đậu bê, hạt cải; hãy trút xuông, roi hãy cứ mang đô gôm này mà di, tùy theo ý muôn!^, Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la trọn đời hầu hạ cha mẹ. Cha mẹ mù lòa chỉ trông cậy vào một mình người áy, cho nên người áy phải hâu hạ. Này Đại vương, Ta nhớ lúc xưa có lần du hành tại thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ. Này Đại vương, bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cầm bát vào thôn ấp Be- bà-lăng-kỳ khát thực, khất thực theo thứ tự, Ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la.

302 KINH TRUNG A-HÀM

y r • LÚC đó? vì bận chút việc nên Nan-đê-bà-la đi văng. Này Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng: Này Trưởng lão, thợ gốm bây giờ ở đâu? Cha mẹ người ấy đáp: Bạch Thế Tôn, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Thiện Thệ, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi nhà, không có ở nhà. Bạch Thế Tôn, trong rá có cơm, frong chảo có canh đậu. Mong Thế Tôn thương xót chúng

con, lấy dùng theo ý của Ngài! Này Đại vương, Ta liền thọ nhận pháp uất-đơn-việt, lấy cơm canh ở trong rá rồi đi. Thợ gốm Nan-đề-bà-la, sau khi trở về nhà, thấy cơm trong rá còn ít, canh trong chảo giảm bớt, hỏi cha mẹ rằng: Ai lấy bớt canh cơm? Cha mẹ đáp: Này con, hom nay đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khất thực. Ngài lấy cơm và canh trong rá, trong chảo rồi đi. Thợ gôm Nan-đê-bà-la nghe xong liên nghĩ răng: “Ta có lợi ích lớn lao, có cong đức lớn lao! Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với nhà ta, Ngài tùy ý tự tại.” Nhờ đó vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già, lắng tâm tịch mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan hỷ. Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa có lân du hành tại thôn áp Bệ-bà-lăng-kỳ. Bấy giờ vào lúc sáng sớm, Ta mang y, cam vào thôn ấp Bệ-bà-lăng-kỳ khất thực, khất thực theo thứ tự5 Ta đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Lúc đó, vì bận chút việc nên Nan-đề-bà-la đi vắng. Này Đại vương, Ta hỏi cha mẹ Nan-đề-bà-la rằng: Này Trưởng lão, thợ gốm bây giờ ở đâu? Cha mẹ người ấy đáp: Bạch Thế Tôn, đứa hầu ấy vì bận chút việc nên tạm thời đi khỏi, không ở nhà. Bạch Thiện Thệ, đứa hầu ấy vì bận chút việc đi khỏi một lát, không có ở đây. Bạch Thế Tôn, trong chảo lớn có cơm nếp, trong chảo nhỏ có canh. Mong Thế Tôn thương xót chúng con, lấy dùng theo ý của Ngài! Này Đại vương, Ta liên thọ nhận pháp Uât-đơn-việt, lây cơm canh trong chảo lớn và chảo nhỏ rồi đi. Sau khi trở về nhà, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy cơm trong chảo lớn còn ít, canh trong chảo nhỏ giảm bớt di, hỏi cha mẹ rằng: Ai lấy cơm trong chảo lớn, lấy canh trong chảo nhỏ? Cha mẹ đáp: Này con, hom nay đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến đây khất thực. Ngài lấy cơm canh trong chảo lớn và trong chảo nhỏ rồi đi.

63. KINH BỆ-BÀ-LĂNG-KỲ 303

ỉ 5 > 9

Nghe xong, thợ gôm Nan-đê-bà-la nghĩ răng: "Ta có lợi ích lớn lao, có công đức lớn lao! Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đối với nhà ta, đã tùy ý tự tại." Nhờ đó, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già? lắng tâm tịch mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ây suôt bảy ngày cũng được hoan hỷ. Lại nữa, này Đại vương, Ta nhớ xưa kia có lần an cư mùa mưa tại thôn Bệ- bà-lăng-kỳ. Bấy giờ, Ta mới làm nhà chưa kịp lợp. Nhà làm gốm cũ của thợ gốm vừa mới lợp. Này Đại vương, Ta bảo các Tỳ-kheo đang đứng hầu rằng: "Các ông hãy đến dỡ nhà cũ làm đo gốm của thợ gốm Nan-đề-bà-la đem về lợp nhà Ta!" Ty-kheo hầu hạ vâng lời Ta dạy, liền đến nhà của Nan-đề-bà-la và dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại rồi mang về lợp nhà của Ta. Cha mẹ thợ gốm Nan- đề-bà-la nghe dỡ nhà cũ làm đồ gốm liền hỏi: Ai dỡ nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la đó? Các Tỳ-kheo đáp: Chúng tôi là các Tỳ-kheo hầu đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm của Nan-đề-bà-la bó lại, mang về lợp nhà của Ngài. Cha mẹ thợ gốm bảo: Chư Hiền, chư Hiền hãy đem đi theo ý muốn, không có gì trở ngại! Sau khi trở về, thợ gốm Nan-đề-bà-la thấy nhà cũ làm đồ gốm bị dỡ, liền hỏi cha mẹ: Ai dỡ nhà cũ làm đồ gốm của mình vậy? Cha mẹ đáp: Này con, hôm nay các Tỳ-kheo hầu hạ đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đến dỡ nhà cũ làm đồ gốm, bó lại đem về lợp

nhà của Ngài.” Nghe xong, Nan-đề-bà-la nghĩ: "Ta có lợi ích lớn, có công đức lớn lao! Đức Ca-diep Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với nhà ta? đã tùy ý tự t@i." Nhờ đó, vị ấy hoan hỷ, ngồi kiết-già? lắng tâm tĩnh mặc suốt bảy ngày, mười lăm ngày sau vẫn còn hoan lạc. Cha mẹ trong gia đình ấy suốt bảy ngày cũng được hoan hỷ. Này Đại vương, nhà cũ làm đô gôm của Nan-đê-bà-la suốt bôn tháng mùa mưa hoàn toàn không bị dột. Vì sao như vậy? Vì nhờ oai thần của Phật. Này Đại vương, thợ gốm Nan-đề-bà-la không có điều gì không nhẫn được, không có điều gì không thích thú nên tâm không tru sầu, đã nghĩ rằng: "Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đối với gia đình ta đã được tùy ý tự tại? Này Đại vương, Đại vương có điều không nhẫn được, có điều không thích thú nên tâm quá ưu sầu, đã nghĩ rằng: "Đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước,



Đăng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo không nhận lời mời của ta mà an cư mùa mưa tại Ba-la-nại này.” Bấy giờ, đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thuyết pháp cho Vua Hiệp-bệ? khuyến khích phát lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho vua, khuyến khích phát khởi lòng ngưỡng mộ, thành tựu tâm hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Khi đức Ca-diếp Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ra đi chưa bao lâu, Vua Hiệp-bệ hạ lệnh cho người hầu cận: "Các ngươi dùng năm trăm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của vua, chở đến nhà thợ gốm Nan- đề-bà-la và nói với Nan-đề-bà-la rằng: "Này Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chát đây gạo, nép và đủ các món thực phàm của vua, do Vua Hiệp-bệ bảo chở đên tặng cho ông, mong ông thương xót; hôm nay, xin ông nhận cho!" Lúc đó, người hầu cận vâng lời vua, dùng năm trâm cỗ xe chất đầy gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của nhà vua, chở đến nhà thợ gốm Nan-đề-bà-la. Đen nơi, vị ấy nói: Thưa thợ gốm Nan-đề-bà-la, năm trăm cỗ xe này chất đày gạo, nếp và đủ các món thực phẩm của nhà vua, do Vua Hiệp-bệ bảo chở đến biếu tặng ông, mong ông thương xót; hôm nay, xin ông nhận cho! Bấy giờ, thợ gốm Nan-đề-bà-la từ chối, không nhận và nói với các người hầu vua rằng: Chư Hiên, Vua Hiệp-bệ phải lo đại sự cho nước nhà nên chi phí nhiêu. Tôi biết như vậy nên không thọ nhan." Đen đây, đức Phật bảo A-nan: Này Anan, ý ông nghĩ thế nào? Đồng tử Ưu-đa-la lúc bấy giờ, ông cho là người nào chăng? Chớ nghĩ vậy! Nên biết rằng chính là Ta vậy. Này A-nan, Ta lúc bấy giờ đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người, thương xót the gian. Vì loài trời và loài người mà Ta đã câu nghĩa, câu sự lợi ích, an ôn, khoái lạc. Lúc bây giờ, Ta thuyêt pháp không được rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo Phạm hạnh. Khônẹ rốt ráo Phạm hạnh nên bây giờ Ta không xa lìa được sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thoát được mọi khổ đau. Này A-nan, hôm nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, là bậc Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Hôm nay, Ta đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho người khác, lợi ích cho nhiều người, thương xót thế gian. Vì trời và n^ười mà Ta tìm câu nghĩa, tìm câu sự an ôn, khoái lạc. Nay Ta thuyêt pháp được rót ráo, rốt ráo bạch tịnh, rót ráo Phạm hạnh. Do rót ráo

Phạm hạnh, Ta đã lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc. Nay Ta đã thoát được mọi đau khổ. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

64. KINH THIÊN sứ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú ở vườn cấp Cô Độc, trong : ] rừng Thăng Lâm. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:
Ta dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, sác đẹp hoặc xâu, thiện hoặc bát thiện, qua lại chô lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ây đúng như thật. Nêu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khâu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh này chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thành tựu thân thiện hạnh, khẩu, ý thiện hạnh, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó? khi thân hoại mạng chung, chúng sanh này chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời. Cũng như lúc mưa lớn, bọt nước sanh ra rồi diệt, nếu ai có mắt đứng yên một nơi thì thấy bọt nước thoạt sanh, thoạt diệt. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tinh, thấy xa hơn người, thường thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ lành hoặc chỗ không lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ây chác chăn đi đên chô ác, sanh vào địa ngục. Còn nêu chúng sanh nào thành tựu thân thiện hạnh, khâu, ý thiện hạnh, không hủy báng Thánh nhân, có chánh kiên, thành tựu nghiệp chánh kiên, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành và sanh vào cõi trời. Cũng như mưa lớn trút xuống, giọt nước hoặc ở chỗ cao, hoặc ở chỗ thấp, nếu ai có mắt đứng yên một nơi thì thấy nước lúc giọt chỗ cao, lúc giọt chỗ thấp. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người thường, nhìn thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xâu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, có tà kiến, thành tựu nghiệp tà



kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi ười. Cũng như ngọc lưu ly thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo xâu qua bằng sợi dây đẹp, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, hoặc đen, trắng; người nào có mắt đứng yên một chỗ thì thay ngọc lưu ly này thanh tịnh tự nhiên, sanh ra không có tỳ vết, ô uế, tám góc khéo xâu qua bằng sợi dây đẹp, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đỏ, đen, trắng. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tinh,

thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, hoặc đẹp hoặc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đen chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ lành, sanh vào cõi trời. Cũng như hai nhà có chung cửa ngõ, nhiêu người ra vào, nêu ai có mat đứng yên một chỗ thì thấy người ra, kẻ vào. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tịnh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh này chác chăn đi đên chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nẹhiệp chánh kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chan đi đen chỗ lành, sanh vào cõi trời. Nếu ai có mắt đứng yên trên lầu cao nhìn người dưới thấp qua lại, đổi thay đủ cách, ngồi, nằm, chạy, nhảy. Ta cũng như vậy, bằng thiên nhãn thanh tinh, thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lành hoặc chỗ chẳng lành, tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Ta thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hạnh, khẩu, ý ác hạnh, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, do nhân duyên đó9 khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nấu chúng sanh nào thành tựu thân diệu hạnh, khẩu, ý diệu hạnh, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn chúng sanh đó sanh lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

64. KINH THIÊN sứ 307

Nếu chúng sanh nào sống ở nhân gian, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn9 Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy sanh vào cảnh Diêm vương. Người ở Diêm vương bắt đưa đến chỗ vua và thưa rằng: -Tâu Thiên vương, chúng sanh này lúc còn làm người, không hiếu thảo với cha mẹ, không biết kính trọng Sa-môn5 Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau, mong Thiên vương trừng phạt đúng theo tội trạng của nó. Bấy giờ, Thiên vương dẫn thiên sứ thứ nhất ra để hỏi ky, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách chúng sanh kia rằng: -Ngươi có thấy thiên sứ thứ nhất đến không? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương lại hỏi: ở trong một thôn ấp có hài nhi bé nhỏ hoặc nam hoặc nữ, thân thể yếu đuối, nằm ngửa giữa phẩn và nước tiểu, không thể kêu cha mẹ; cha mẹ bồng khỏi chỗ bất tinh, tắm rửa thân nó cho được sạch sẽ. Ngươi có thấy cảnh tượng đó không? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy!

Diêm vương lại nói:  Từ đó vê sau, lúc ngươi đã hiêu biêt, tại sao ngươi không nghĩ răng: “Chính ta lệ thuộc sự sanh, không lìa khỏi sanh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu và k” Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chăng? Diêm vương đáp:  Ngươi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay ta sẽ tra khảo ngươi như trị kẻ phóng dật, làm hạnh phóng dật. Ác nghiệp của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác, bát thiện, cho nên hôm nay chăc chắn ngươi phải thọ báo. Sau khi dẫn thiên sứ thứ nhất này ra để hỏi kỹ, kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn thiên sứ thứ hai ra để hỏi kỹ, kiểm xét ky, khéo dạy, khéo quở trách chúng sanh kia rằng:  Ngươi có thấy thiên sứ thứ hai đến không?



Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương lại hỏi:  Trước kia ở trong một thôn ấp, ngươi há không thấy người đàn bà hoặc đàn ông tuôi quá già nua, sức sông rũ liệt gân tàn, răng rụng, tóc bạc, lưng còm, chống gậy mà di, thân thể run rẩy? Chúng sanh ây đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại nói:  Ngươi từ đó về sau, khi đã có hiểu biết, tại sao không nghĩ rằng: "Chính ta lệ thuộc sự già, không lìa khỏi sự già. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, y?” Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chăng? Diêm vương đáp:  Ngươi rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mát han. Nay phải tra khảo ngươi như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác nghiệp này của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, do trời, cũng không phải do Samôn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo lây nghiệp ác, bát thiện, cho nên nay ngươi chác chăn phải thọ báo. Diêm vương đã dẫn thiên sứ thứ hai này ra để hỏi kỹ, khéo kiểm xét kỹ, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn thiên sứ thứ ba ra để tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quở trách rằng: - Ngươi có thấy thiên sứ thứ ba đến không? Chúng sanh kia đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương lại hỏi:  Trước kia trong một thôn âp? ngươi há không thây người đàn ông hoặc đàn bà bệnh tật nguy khốn, hoặc nằm ngồi trên giường, hoặc nằm ngồi trên chõng, hoặc nằm ngồi dưới đất, thân thể đau đớn cùng cực, không thể chiu được, muốn cướp mất sự sống? Chúng sanh ấy đáp: - Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại nói:  Từ đó về sau, khi ngươi đã có hiểu biết nhưng tại sao ngươi không nghĩ: “chính ta lệ thuộc sự tật bệnh, không lìa khỏi bệnh. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, v?"



Chúng sanh ấy đáp:  Tâu Thiên vương, tôi là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chăng? Diêm vương đáp:  Chính ngươi rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay cần phải tra khảo ngươi như trừng tri kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác hạnh này của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, do trời, cũng không phải do Sa- môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên nay ngươi đương nhiên phải thọ quả báo. Diêm vương đã dẫn thiên sứ thứ ba để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại dẫn thiên sứ thứ tư ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quở trách răng:  Ngươi có thấy thiên sứ thứ tư đến không? Chúng

sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy! Diêm vương lại hỏi:  Trước kia trong một thôn áp, ngươi có thây người đàn ông hay đàn bà lúc chết rồi qua một hai ngày cho đến sáu bảy ngày bi quạ mổ5 chó ăn, hoặc lửa đốt, hoặc chôn xuống đất, hoặc vữa nát bấn tan? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại nói:  Từ đó về sau, lúc ngươi đã có hiểu biết, tại sao ngươi không nghĩ: "Chính ta lệ thuộc sự chết, ta không lìa khỏi sự chết. Ta nên làm điều thiện về thân, khẩu, ỷT • • Chúng sanh ây đáp: -Tâu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chăng? Diêm vương đáp:  Ngươi rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn. Nay cần phải tra khảo ngươi giống như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ác nghiệp này của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, không phải do trời, cũng không phải do Sa-môn, Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo ác nghiệp bất thiện, cho nên nay đương nhiên ngươi phải thọ báo. Diêm vương đã dẫn thiên sứ thứ tư này ra để tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo dạy, khéo quở trách xong, lại cho dẫn thiên sứ thứ năm ra đe khéo tra hỏi, khéo kiêm xét, khéo dạy, khéo quở trách:  Ngươi có thây thiên sứ thứ năm đên không? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, không thấy!



Diêm vương lại hỏi:  Ngươi không thấy chăng, người của vua tróc nã kẻ phạm tội, tra khảo, trừng trị đủ cách như: Chặt tay, chặt chân hoặc chặt cả tay chân; xẻo tai, xẻo mũi hoặc xẻo cả mũi tai; hoặc thái hoặc cát; nhô râu, nhô tóc hoặc nhô cả râu tóc; hoặc bỏ vào trong cũi, trong áo mà đót; hoặc dùng cát lâp kín, dùng cỏ quân lại mà đốt; hoặc bỏ vào trong bụng con lừa bang sắt, hoặc bỏ vào trong miệng con heo bằng sắt, hoặc đặt vào trong miệng cọp bằng sắt mà đốt; hoặc bỏ vào trong chảo bằng đồng, hoặc bỏ vào trong chảo bằng sắt mà nấu; hoặc chặt ra từng đoạn; hoặc dùng chĩa nhọn mà đâm; hoặc dùng móc mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt mà dội nước sôi; hoặc cho người vào cối sắt, dùng chày sắt mà giã; hoặc cho rắn rít mổ; hoặc dùng roi da mà quất; hoặc dùng gậy mà đánh; hoặc dùng hèo mà phang; hoặc treo lên ngọn cây ở sanh quán; hoặc chặt đầu đem bêu? Chúng sanh ấy đáp: -Tâu Thiên vương, có thấy! Diêm vương lại nói:  Từ đó về sau, khi ngươi đã biết, tại sao không nghĩ: "Nay ta thấy điều ác, bất thiên?" Chúng sanh ấy thưa: -Tâu Thiên vương, tôi quả là kẻ bại hoại, suy vi, mất hẳn chăng? Diêm vương đáp:  Ngươi rõ ràng là kẻ bại hoại, suy vi, mát hãn. Nay phải tra khảo ngươi giông như trừng trị kẻ phóng dật, hành động phóng dật. Ac nghiệp này của ngươi không phải do cha mẹ làm, không phải do vua, chẳng phải do trời, cũng không phải do Sa-môn? Phạm chí làm. Chính ngươi tự tạo nghiệp ác, bất thiện, cho nên nay ngươi đương nhiên thọ báo. Diêm vương đã dẫn thiên sứ thứ năm này ra để khéo tra hỏi, khéo kiểm xét, khéo giáo hóa, khéo quở trách xong liền giao phó chúng sanh ấy cho ngục tốt. Ngục tốt liền dẫn y giam vào trong đại địa ngục Bốn Cửa. Bấy giờ, vua nói bài tụng rằng: Bốn trụ có bốn cửa, Vách vuông mười hai góc, Dùng sát làm tường rào, ở trên đậy nắp sắt. Trong ngục đất bằng sắt, Hừng hực lửa sắt nung, Suốt vô lượng do-diên? Cho đến tận đáy đất. Cực ác không chịu nỗi, Sắc lửa khó nhìn thấy, Thấy rồi, lông dựng đứng, Khủng khiếp, sợ, rất khổ. Chúng sanh đọa địa ngục, Chân treo, đầu chúc xuống, Do phỉ báng Thánh nhân, Điều ngự thiện, Thánh thiện.

64. KINH THIÊN sứ 311

Một thời gian thật lâu xa về sau, trong bốn cửa của đại địa ngục, cửa phía Đông liên mở. Sau khi cửa mở, các chúng sanh ây nhăm chạy đên, muôn tìm nơi an ổn9 tìm chỗ nương tựa. Nếu khi chúng sanh ấy tụ tập khoảng vô lượng trăm ngàn thì cửa phương Đông của địa ngục liền tự đóng lại. Chúng sanh ở trong đó chịu đựng khổ đau cùng cực, khóc lóc kêu gào, sầu muộn, nằm lăn xuống đất vẫn không thể chết được, cốt làm cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian lâu xa nữa, cửa Nam, cửa Tây, cửa Bắc lại mở. Khi cửa Bắc mở, các chúng sanh kia liền nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, tìm chỗ nương tựa. Các chúng sanh kia nếu khi tụ tập đến số vô lượng trăm ngàn thì cửa Bắc của địa ngục tự nhiên đóng lại. Những chúng sanh trong đó chịu khô đau cùng cực, khóc lóc kêu gào, sâu muộn, năm lăn xuông đát vân không thê chét được, cót làm cho nghiệp ác, bát thiện của các chúng sanh ây sạch hết. Một thời gian hết sức lâu xa về sau nữa, các chúng sanh kia ra khỏi đại địa ngục Bốn Cửa. Tiếp theo đại địa ngục Bốn Cửa, các chúng sanh ấy lại sanh vào địa ngục Phong Nham, lửa đầy bên trong, không khói, không lửa ngọn, khiến các chúng sanh ấy đi trên lira, qua lại khắp nơi, da thịt, máu huyết ở đôi bàn chân, bước xuống thì cháy sạch mà dỡ lên thì sanh lại như cũ. Địa ngục ây hành hạ các chúng sanh ây như vậy cho đên vô lượng trăm ngàn năm, chịu kho đau cùng tột vân không chét được, cót làm cho nghiệp ác, bát thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian thật lâu xa về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi địa ngục Phong Nham. Tiếp theo địa ngục Phong Nham, lại sanh vào đại địa ngục Phẩn Thỉ, bên trong đay dẫy phẩn, sâu đến vô luợng trăm trượng. Các chúng sanh kia đọa hết vào trong đó. Trong đại địa ngục Phẩn Thỉ ấy có rất nhiều trùng. Trùng tên là Lăng-cù-lai, thân trắng đầu đen, mỏ nhọn như kim. Loại trùng này rúc ria, đục phá chân của chúng sanh kia; sau khi đục phá chân, lại đục phá xương đùi; sau khi đục phá xương đùi, lại đục phá xương bắp vế; sau khi đục phá xương bắp vế, lại đục phá xương bàn tọa; đục phá xương bàn tọa xong, lại đục phá xương sống; đục phá xương sống xong, lại đục phá xương vai, xương c6, xương đầu; đục phá xương đầu xong, lại ăn sạch não. Các chúng sanh kia chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế, chịu đau khổ cùng tột vẫn không chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian rất lâu về sau, các chúng sanh kia ra khỏi địa ngục Phẩn Thỉ. Tiếp theo địa ngục Phẩn Thí, lại sanh vào đại địa ngục Rừng Cây Lá sắt. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng là mát mẻ, nghĩ rằng: "chúng ta qua nơi khoái lạc ấy để được mát mẻ.,, Các chúng sanh ấy nhắm chạy đến, muốn tìm nơi an ổn, muốn tìm chỗ nương tựa. Nếu tụ tập được vô lượng trăm ngàn thì các chúng sanh ấy liền vào trong đại địa ngục Rừng Cây Lá sắt. Trong đại địa ngục Rừng Cây Lá sắt đó? bốn be có gió nóng lớn thổi đến, gió nóng thổi đến thì lá cây bằng sắt rụng xuống. Lá sắt rụng cắt lìa tay, cắt lìa chân hoặc cắt lìa cả tay chân, cắt lìa tai, cắt lìa mũi hoặc cát lìa cả tai lẫn mũi và các bộ phận còn lại, cát



thân máu chảy vô lượng trăm ngàn năm, chịu khổ đau cùng tột vẫn không chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Lại nữa, trong đại địa ngục

Rừng Cây Lá sắt ấy có chó rất lớn xuất hiện, răng dài thườn thượt, ngoạm cả chúng sanh kia, lột da từ chân đen đau mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách vô lượng trăm ngàn năm như thế? chịu kho đau cùng tột vẫn không the chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của chúng dứt sạch. Lại nữa, trong địa ngục Rừng Cây Lá sắt ây có con chim đen lớn, mô xuồng đâu lây não mà ăn. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khổ cùng tột cuối cùng vẫn không chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Sau một thời gian hết sức lâu dài, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Rừng Cây Lá sắt. Tiếp theo đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Rừng Cây Kiếm sắt. Đại kiếm thọ cao một do-diên9 mũi nhọn dài một thước sáu, chúng sanh kia bị bắt trèo lên tuột xuống. Lúc mới từ dưới leo lên cây thì mũi nhọn chúc xuống, lúc trên cây tuột xuống thì mũi nhọn lại dựng lên, mũi nhọn của kiếm thọ đâm thân chúng sanh, đâm tay, đâm chân hoặc đâm cả tay chân, đâm tai, đâm mũi hoặc đâm cả tai mũi và các bộ phận khác nữa, đâm thân máu đổ suốt vô lượng trăm ngàn năm, chịu đau khô cùng cực rót cuộc vân không chét được, đê cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Một thời gian lâu dài về sau, các chúng sanh ấy ra khỏi đại địa ngục Rừng Cây Kiếm sắt. Tiếp theo đại địa ngục Rừng Cây Kiếm sắt, các chúng sanh ấy lại sanh vào đại địa ngục Sông Tro, có hai bờ rất cao bao quanh tạo thành mũi nhọn. Trong sông có nước tro sôi và tối om. Các chúng sanh kia thấy rồi tưởng ỉa nước mát và thường có nước mát. Sau khi tưởng như vậy, các chúng sanh ấy liền nghĩ: “Chúng ta đến đó tắm rửa tha hồ uống no, được mát mẻ khoái lạc." Các chúng sanh ấy tranh nhau chạy đến mà vào trong đó, muốn tìm nơi hoan lạc, tìm chỗ nương tựa. Nếu các chúng sanh ây tụ tập chừng vô lượng trăm ngàn thì liền rớt xuống sông tro. Sau khi rơi vào sông tro, có chúng sanh trôi ngược, có chúng sanh trôi xuôi, có chúng sanh trôi ngược rồi lại trôi xuôi. Lúc các chúng sanh trôi xuôi, trôi ngược, trôi cả ngược xuôi thì da chín rã xuống, thịt chín rã ra, hoặc thịt và da chín cùng lúc rã xu6ng, chỉ còn lại xương tủy. Hai bên bờ sông tro có lính địa ngục, tay cầm đao kiêm hoặc chia sắt lớn. Các chúng sanh ấy muốn leo lên bờ, tức thì lính ngục đẩy nhận xuống. Lại nữa, hai bên bờ sông tro có lính địa ngqc tay cầm móc câu liệng xuống, móc chdng sanh từ sông tro lên bỏ vào nơi sát nóng, lửa cháy hừng hực, móc chúng sanh ấy đưa lên rồi quật mạnh xuống đất. Rơi xuống, chúng sanh ấy đang quàn quại, bị cật vấn:  Ngươi từ đâu lại? r Các chúng sanh ây đáp:  Chúng tôi không biết từ đâu đến nhưng hiện giờ chúng tôi chỉ sợ đói lắm. Lính ngục ây liên xách chúng sanh liệng lên giường săt nóng lửa cháy hừng hực, bát ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng vạch miệng ra, dùng hòn sắt nóng đang



cháy hừng hực bỏ vào. Hòn sắt nóng ấy đốt cháy môi; cháy môi xong, đốt cháy lưỡi; cháy lưỡi xong, đốt lợi răng; lợi cháy xong, đốt cuống họng; cuống họng cháy xong, đốt tim; tim cháy xong, đốt ruột già; ruột già cháy xong, đốt dạ dày; dạ dày cháy xong, hòn sắt từ thân rơi xuống. Các chúng sanh ấy bi bức bách như vậy suôt vô lượng trăm ngàn năm, chiu khô đau cùng cực rót cuộc không chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Lại nữa, lính ngục ấy hỏi chúng sanh:  Ngươi muốn đi đâu? Chúng sanh đáp:  Chúng tôi chẳng biết muốn đi đâu, chỉ sợ khát lắm! Ngục tốt

liền xách chúng sanh ném lên giường sắt nóng đang cháy đỏ rực, bắt buộc ngồi trên đó, dùng kẹp sắt nóng kẹp vạch miệng ra, lấy nước đồng sôi rót vào. Nước đồng sôi đó đốt môi, đốt môi rồi đốt lưỡi, đốt lưỡi rồi đốt lợi răng, đốt lợi răng rồi đốt cuống họng, đốt cuống họng rồi đốt tim, đốt tim rồi đốt ruột già, đót ruột già roi đót ruột non, đót ruột non roi đót dạ dày, đót dạ dày roi nước ây từ thân chảy xuống. Các chúng sanh ấy chịu bức bách như vậy suốt vô lượng trăm ngàn năm, chiu khổ đau cùng tột, cuối cung vẫn không chết được, để cho nghiệp ác, bất thiện của các chúng sanh ấy sạch hết. Nếu nghiệp ác, bất thiện mà những chúng sanh ở địa ngục kia không dứt sạch, không dứt sạch tất cả, không dứt sạch đến mức không còn lưu dư thì những chúng sanh ấy lại đọa vào đại địa ngục Sông Tro, lại chịu cảnh trèo lên tuột xuống ở đại địa ngục Rừng Cây Kiếm sắt, lại vào đại địa ngục Rừng Cây Lá Sắt, lại rớt xuống đại địa ngục Phẩn Thỉ, lại qua lại đại địa ngục Phong Nham, lại vào đại địa ngục Bốn Cửa. Nêu nghiệp ác, bát thiện của những chúng sanh kia dứt sạch, dứt sạch tát cả, dứt sạch đên mức không còn lưu dư thì những chúng sanh ây từ đó vê sau hoặc đọa vào loài súc sanh, hoặc đọa vào loài ngọa quỷ, hoặc sanh vào cõi trời. Nếu lúc ấy chúng sanh đó vốn là người mà bất hiếu với cha mẹ? không biết tôn kính Sa-môn5 Phạm chí, không làm đúng như thật, không tạo phước nghiệp, không sợ tội đời sau thì phải thọ khổ báo không ái5 không niệm, không hỷ như vậy, giống như trong địa ngục kia. Nếu chúng sanh kia vốn là người mà hiếu thuận với cha mẹ? biết tôn kính Sa-môn9 Phạm chí, làm đúng như thật, tạo nghiệp phước đức, sợ tội đời sau thì được thọ lạc báu khả ái, khả niệm, khả hỷ như thê, giống như trong cung điện của thần hư không. Thuở xưa, có Diêm vương ở tại viên quán tâm nguyện rằng: "Thân mạng này mất, ta được sanh vào loài người. Nếu có dòng họ nào giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ như thế. Dòng họ ấy là gì? Tức là đại trưởng giả thuộc dòng Sát- lợi, đại trưởng giả thuộc dòng Phạm chí, đại trưởng giả thuộc dòng cư sĩ. Nếu có dòng họ giàu có tột cùng, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể



tính được, phong hộ thực ấp đầy đủ mọi thứ như thế thì ta mong sanh vào nhà ấy. Sau khi sanh vào thì giác căn thành tựu, mong được tịnh tín Pháp, Luật chân chánh do đức Như Lai nói ra. Được tịnh tín rồi thì cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời không gia đình mà học đạo. Con nhà quý tộc đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống đời sống không gia đình mà học đạo thì chỉ mong cầu vô thượng Phạm hạnh, trong đời hiện tại, tự biết, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an tru, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nũa?9 Thuở xưa, Diêm vương ở trong viên quán đã nguyện như thế. Bấy giờ, vua đọc bài tụng rằng: Bị thiên sứ quở trách, Người vẫn cứ phóng dật, Chuốc sau não mãi hoài, Tẹ ấy do dục die. Bi thiên sứ quở trách, Quả thật có Thượng nhân, Không còn phóng dật nữa, Khéo nói Diệu Thánh pháp. Thấy thọ là khiếp sợ, Mong cầu sanh, lão dứt, Không thọ diệt không còn, Thế là sanh lão hết. Là an ổn, khoái lạc, Đắc diệt độ đời này, r . Vượt khỏi mọi khiếp sợ, Cũng vượt dòng thê gian. Đức Phật dạy như vậy, sau khi nghe xong điều đức Phật dạy, các Tỳ-kheo hoan hỷ phụng hành.

65. KINH Ô ĐIÊU DỤ _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Xá-vệ, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thời xưa, khi Chuyển Luân Vương muốn thử ngọc báu, liền cho tập trung bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi tập trung xong, vào lúc đêm tối, nhà vua cho dựng cây tràng phan cao và đặt ngọc báu ở trên đó. Ánh sáng của ngọc báu chiếu sáng cả bốn loại quân tỏa ra tận ngoài viên quán. Ánh sáng ấy chiếu xa nửa do-diên. r > r 9

Bây giờ, có Phạm chí nghĩ răng: "Ta nên đên xem Chuyên Luân Vương và bốn loại quân đang quan sát ngọc lưu ly." Phạm chí lại nghĩ: uVả lại, nếu muốn thấy Chuyển Luân Vương và bốn loại quân quan sát ngọc lưu ly thì ta nên đến khoảng rừng kia." Nghĩ xong, Phạm chí liền đến khu rừng ấy. Đen nơi, Phạm chí đi vào ngồi dưới một gốc cây. Ngồi chưa bao lâu, có một con rái cá đi đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, rái cá! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, trước kia hồ này vốn trân đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Tôi muốn ra đi, chỉ sợ loài ngu&i." Con rái cá kia chuyện trò với Phạm chí như vậy roi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim cứu mộ đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, chim cứu mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, trước kia hồ này tràn đầy mạch nước trong, có nhiều nẹó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biêt, tôi muốn rời bỏ đây để đến trú ngụ ở chỗ có nhiều xác trâu chết, hoặc ở chỗ có nhiều xác lừa chết, hoặc ở chỗ có nhiều xác người chết. Hôm nay tôi muốn đi nhimg chỉ sợ loài người.,^ Chim cứu mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim thứu đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, chim thứu! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?95 "Thua Phạm chí, tôi đi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác để giết hại, rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người."



Chim thứu kia nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có chim thực thổ đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, chim thực thổ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dàu?" "Thua Phạm chí, ong có thấy chim thứu vừa đi đến không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Nay tôi muốn đi ĩihimg chỉ sợ loài người.^, Chim thực thổ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con sài đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, con sài! Ngươi tò đâu đến và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, tôi đi từ suôi sâu này đên suôi sâu khác, từ bụi rậm này đên bụi rậm khác, từ nơi hoang văng này đến nơi hoang văng khác. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người. Con sài nói chuyện với Phạm chí như vậy roi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con quạ đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, chim quạ! Ngươi từ đâu đên và muôn đi dâu?" "Thua Phạm chí, ông cương ngạnh, cuồng si, vì sao hỏi tôi từ đâu đến và muốn đi dâu?' Chim quạ măng vào mặt Phạm chí như vậy roi bỏ đi. Phạm chí vẫn ngồi, lại có con đười ươi đến, Phạm chí trông thấy liền hỏi: "Lành thay, đười ươi! Ngươi từ đâu đến

và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ quán này đến quán khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt rồi đến đây. Nay tôi muôn đi, không sợ loài người." Đười ươi nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Ta nói các thí dụ ấy là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Các thầy nên biết, nói các thí dụ như thế, đều có ý nghĩa cả. Lúc con rái cá nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vi Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buôi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, ôm bát vào thôn khất thực mà không thủ hộ thân, không giữ gìn các căn? khôn^ vững chánh niệm. Nhưng vị ấy lại thuyết pháp, những pháp hoặc do Phật thuyêt, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó vị ấy được lợi như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Cũng giống như Phạm chí thấy loài rái cá rồi hỏi:

65. KINH Ô ĐIỂU DU  317

"Lành thay, rái cá! Ngươi tò đâu đến và muốn đi dâu?" "Thưa Phạm chí, trước kia hô ây tràn đây mạch nước trong, có nhiêu ngó sen, nhiều hoa, cá và rùa. Trước tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muốn bỏ đi vào sông lớn kia. Giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài nguôi Ta nói Tỳ-kheo ây cũng lại như thê, rơi vào trong pháp ác9 bát thiện, ô uê, tạo góc rê của sanh hữu đời sau, tạo nhân khô báo, phiên nhiệt, sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sống như con rái cá, chớ nương vào phi pháp để bảo tôn sự sông, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khâu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, khoác y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sông viên ly và tu tập hạnh tinh cân, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. Lúc chim cứu mộ nói chuyện với Phạm chí như vậy rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ này có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, ôm bát vào thôn khất thực mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào nhà người khác giáo hóa, thuyêt pháp, những pháp do Phật thuyêt, hoặc do Thanh văn thuyết. Nhờ đó, vị ấy được lợi như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy càng đắm trước thêm, không thây tai họa, không thê xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ây thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim cứu mộ rồi hỏi: "Lành thay, cứu mộ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dàu?" "Thua Phạm chí, trước kia hồ ấy tràn đầy mạch nước trong, có nhiều ngó sen, hoa, cá và rùa. Trước đây tôi ở đó nhưng nay khô rang. Phạm chí nên biết, tôi muôn đên ở chô có nhiêu xác trâu chét, hoặc chô có nhiêu xác lừa chét, nhiều xác người chết. Nay tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài người?9 Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như thế, nương vào pháp bất thiện, ô uế mà tạo gốc rễ của sanh hữu đời sau, tạo nhân phiền não, kho báo, sanh, già, bệnh, chết. Cho nên, Tỳ-kheo chớ sông như chim cứu mộ, chớ nương vào phi pháp

đê tự bảo tôn sự song, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khau hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sông viên ly và tu tập hạnh tinh cân, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. Lúc chim thứu kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ di, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thê nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn áp mà sông. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ây mang y, câm bát vào thôn khát thực mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vi ấy vào nhà người khác đê giáo hóa, thuyêt pháp, những pháp do Phật thuyêt, hoặc do Thanh văn



thuyết. Nhân đó, vị ấy được lợi như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại y r . 7

đăm trước thêm, không thây tai họa, không thê xả bỏ, mặc tình sử dụng. Vị Tỳ- kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà ximg là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy chim thứu rồi hỏi: “Lành thay, chim thứu! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?" "Thua Phạm chí, tôi từ mộ lớn này đến mộ lớn khác, sát hại rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Bây giờ tôi muốn đi nhimg chỉ sợ loài người.,, Ta nói Tỳ-kheo ấy cũng lại như thế. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như chim thứu, chớ nương vào phi pháp để tự bảo tôn sự sông, hãy tịnh hóa thân hành, tinh hóa khâu hành và ý hành, an trú nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. Lúc chim thực thổ kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào lúc sáng sớm, Tỳ-kheo ây mang y, câm bát vào thôn khát thực mà không giữ gìn thân, không giữ gìn các căn, không vững chánh niệm. Vị ấy vào phòng Tỳ- kheo-ni để giáo hóa, thuyết pháp, những pháp do Phật thuyết, hoặc do Thanh văn thuyêt. Tỳ-kheo-ni kia đên bao nhiêu nhà khác, nói tót nói xâu, thọ nhận phàm vật của tín thí, mang vê cho vi Tỳ-kheo. Nhân đó, vị Tỳ-kheo ây được lợi như được áo, mên, đô ăn, thức uông, giường nệm, thuôc thang, đây đủ các nhu cầu cho sự sống. Sau khi được lợi, vị ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Vị Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở nên tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thây chim thực thô roi hỏi: "Lành thay, chim thực thổ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu?^ “Thua Phạm chí, ông thấy con chim thứu vừa đi đó không? Tôi ăn cái mà nó nhả ra. Bây giờ tôi muốn đi nhưng chỉ sợ loài nguôi.” Ta nói, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sông như con thực thổ, chớ nương vào phi pháp để tự bảo tồn sự sống, hãy tinh hóa thân hành, tinh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an tru chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. Lúc con sài nói chuyện với Phạm chí rồi

bỏ di, Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa như thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo sống tại một thôn nghèo. Nếu Tỳ-kheo biết



trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì liền tránh đi; nếu biết trong thôn ấp và thành quách không có bậc trí tuệ5 tinh tấn, Phạm hạnh thì đến ở, suốt chín tháng hoặc mười tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: "Hiền giả du hành xứ nào?" Tỳ-kheo ấy đáp: “T6i du hành ở thôn nghèo xứ ấy.” Các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ: "Hiền giả này du hành ở nơi khó du hành. Lý do vì sao? Vì Hiên giả này có thê du hành được nơi thôn nghèo d6." Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, đảnh lễ? cúng dường. Nhân đo, vị Tỳ-kheo ấy được lợi như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu câu cho sự sông. Sau khi được lợi, vị ây lại đăm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé? trở thành tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giống như Phạm chí thấy con sài rồi hỏi: "Lành thay, con sài! Ngươi từ đâu đến và muốn đi “Thua Phạm chí, tôi từ suối sâu này đến suối sâu khác, từ bụi rậm này đến bụi rậm khác, từ chốn hoang vắng này đến chốn hoang vắng khác, rồi đến đây. Nay tôi muốn ăn thịt voi chết, thịt ngựa chết, thịt trâu chết, thịt người chết. Giờ tôi muôn đi nhimg chỉ sợ loài người.,, Ta nói, Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như con sài, chớ nương theo phi pháp đê tự bảo tôn sự sông, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khâu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phân tảo, thường đi khát thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly mà tu tập tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh định, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. LÚC chim quạ măng vào mặt Phạm chí như vậy roi bỏ di, Ta nói thí dụ ây có ý nghĩa thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào nơi vô sự, nghèo nàn mà an cư. Nếu Tỳ"kheo ấy biết trong thôn ấp và thành quách có nhiều bậc trí tuệ, tinh tân, Phạm hạnh thì liên tránh đi; nêu biêt trong thôn áp và thành quách không có bậc trí tuệ, tinh tấn, Phạm hạnh thì đến ở hai tháng, ba tháng. Các Tỳ-kheo khác thấy liền hỏi: "Hiền giả an cư nơi nào?" “Chu Hiền, hiện giờ tôi an cư ở nơi vô sự, nghèo nàn ấy. Tôi không giống như bọn ngu si kia làm sẵn giường chõng, đầy đủ ngũ sự rồi sống yên vào trong đó, buổi sáng roi buổi chiêu, buôi chiêu roi buôi sáng, miệng chạy theo vị, vị trôi theo miệng, cầu rồi lại cầu, xin rồi lại xin.” Lúc các Tỳ-kheo nghe xong liền nghĩ rằng: "Hiền giả này làm những việc khó làm. Lý do vì sao? Hiên giả này có thê an cư ở nơi vô sự, nghèo nàn kia."



Các Tỳ-kheo ấy liền cung kính, lễ bái, cúng dường. Nhân đó, vị Tỳ-kheo ấy được lợi như được áo, mền, đồ ăn, thức uống, giường nệm, thuốc thang, đầy đủ các nhu cầu cần cho sự sống. Sau khi được lợi, vị Tỳ-kheo ấy lại đắm trước thêm, không thấy tai họa, không thể xả bỏ, mặc tình sử dụng. Tỳ-kheo ấy thực hành ác giới, thành tựu ác pháp, đứng sát bờ mé, trở thành tệ mạt, hủ bại, không phải Phạm hạnh mà tự xưng là Phạm hạnh, không phải Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn. Giông như Phạm chí thây chim quạ roi hỏi: “Lành thay chim quạ! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?” "Thua Phạm chí, ông là kẻ

cường ngạnh, cuồng si, vì sao hỏi tôi rằng: 'Ngươi từ đâu đến và muốn đi dàu?'" Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sông như con quạ, chớ nương theo phi pháp đê tự bảo tôn sự sông, hãy tịnh hóa thân hành, tịnh hóa khẩu hành và ý hành, an trú ở nơi vô sự, mang y phấn tảo, thường đi khất thực, thứ lớp khất thực, thiểu dục tri túc, ưa sống viễn ly và tu tập hạnh tinh cần, an trú chánh niệm, chánh trí, chánh đinh, chánh huệ, thường phải viễn ly, nên tu tập như vậy. Thú đười ươi kia nói chuyện với Phạm chí rồi bỏ đi. Ta nói thí dụ ấy có ý nghĩa thế nào? Giả sử có vị Tỳ-kheo nương vào thôn ấp mà sống. Vào buổi sáng sớm, Tỳ-kheo ấy mang y, cầm bát vào thôn khất thực, khéo giữ gìn thân, gìn giữ các căn, vững vàng chánh niệm. Từ thôn ấp khất thực rồi ăn xong, sau đó thu xép y bát, rửa tay chân, lây ni-sư-đàn vát lên vai đi đên nơi vô sự, hoặc đên dưới góc cây, hoặc vào trong nhà trông, trải ni-sư-đàn mà ngôi kiêt-già, chánh thân, chánh nguyện, chuyên niệm hướng nội, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại, thấy của cải và vật dụng sinh sống của ngườd khác không móng khởi tâm tham lam mong sẽ thuộc về mình. Đối với tâm tham lam, vị ấy đã tinh trừ; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối, đoạn nghi, trừ hoặc ở trong thiện pháp không còn do dự; đối với nghi hoặc, vi ấy cũng đã tịnh trừ tâm mình. Vi ấy đã tinh trừ năm triền cái này, chúng làm cho tâm ô uế, trí tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác, bất thiện, chứng đắc đến Thiền thứ tư, thành tựu và an trú trong đó. Vị ấy chứng đắc đinh tâm như vậy, thanh tinh, không uế nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, bất động, hướng đến chứng ngộ Lậu tận trí thông. Rồi vị ấy biết như thật rằng: "Đây là kh6", biết như thật rằng: “Dây là khổ tap”, 4íĐây là khổ diet59 và "Bây là khổ diệt dạo"; biết như thật rằng: uĐây là 1", biết như thật rằng: "Đây là lậu tập", "Đây là lậu diet" và uĐây là lậu diệt dao." Sau khi đã biêt như vậy, đã thây như vậy, tâm của vị áy thoát khỏi dục lậu, giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát, vị ấy biết là đã giải thoát: “Su sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Giông như Phạm chí thây đười ươi roi hỏi: “Lành thay, đười ươi! Ngươi từ đâu đến và muốn đi dâu?"

65. KINH Ô ĐIÊU DỤ 321

"Thua Phạm chí, tôi từ vườn này đến vườn khác, từ quán này đến quán khác, từ rừng này đến rừng khác, uống nước suối trong, ăn trái cây tốt rồi đến đây. Nay tôi muốn đi, chẳng sợ loài nguởi." Ta nói Tỳ-kheo cũng lại như vậy. Cho nên Tỳ-kheo chớ sống như loài rái cá, chớ sông như chim cứu mộ, chớ sông như chim thứu, chớ sông như chim thực thô, chớ sông như con sài, chớ sông như chim quạ mà nên sông như đười ươi. Lý do vì sao? Bởi vì bậc Vô trước Chân nhân trong thế gian là giống như đười ươi. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Ngài dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

66. KINH THUYẾT BỔN Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Ba-la-nại, ở trú xứ tiên nhơn, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ, các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa, vì một nhân duyên nhỏ nên tụ tập, ngồi tại giảng đường để cùng bàn luận vấn đề này: Thế nào chư Hiền, trong hàng cư sĩ tại gia, ai là người thù thắng? Phải chăng là người được các Tỳ-kheo trì giới Diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực? Hay người mà hàng

ngày lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần? Hoặc có Tỳ-kheo nói rằng:  Này chư Hiên, lợi lộc gáp trăm ngàn vạn lân thì có nghĩa gì? Chỉ có điêu này là chí yếu, là được vị Tỳ-kheo trì giới Diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực; chứ không phải là ngày ngày được tăng lợi lộc gấp trăm ngàn vạn lần. Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà cũng ngồi tại trong chúng. Và Tôn giả A-na- luật-đà nói với các Tỳ-kheo rằng:  Này chư Hiền, lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần và giả sử có nhiều hơn nữa thì có nghĩa gì? Chỉ có điều này là chí yếu5 là được một Tỳ-kheo trì giới Diệu pháp, thành tựu oai nghi đến nhà thọ thực; chứ không phải ngày ngày lợi lộc tăng gấp trăm ngàn vạn lần. Vì sao? Tôi nhớ thuở trước, tôi là người nghèo khổ ở nước Ba-la-nại này, chỉ nhờ nhặt lượm, gánh thuê mà sống. Lúc ấy, nước Ba-la-nại bị hạn hán, sương móc và sâu rầy làm cho ngũ cốc không thể chín được. Nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Bấy giờ, có một vị Bích-chi Phật hiệu là Vô Hoạn cũng tru tại Ba-la-nại này. Lúc ấy, vào buổi sáng sớm, vị Bích-chi Phật Vô Hoạn mang y, cầm bát đi vào Ba-la-nại để khất thực. Này chư Hiền, lúc đó tôi đang đi ra khỏi Ba-la-nại, vào lúc sáng sớm để nhặt lượm... Lúc đang đi ra, từ xa tôi thấy vị Bích-chi Phật Vô Hoạn đi vào. Lúc Bích-chi Phật Vô Hoạn cầm tịnh bát đi vào thế nào thì lúc đi ra tịnh bát vẫn y như cũ. Này chư Hiền, sau khi nhặt lượm... và trở về Ba-la-nại, tôi lại thấy Bích-chi Phật Vô Hoạn đi ra. Ngài thấy tôi, liền nghĩ: "Sáng sớm, lúc Ta đi vào thì thấy người này đi ra, bây giờ Ta đi ra, lại thấy người này trở vào. Người này có thể chưa ăn. Nay Ta nên đi theo người nay.95 Rồi Bích-chi Phật đi theo tôi như bong theo hình. Này chư Hiền, khi tôi mang quảy gánh về đến nhà, bỏ gánh xuống và quay lại nhìn, vẫn thấy Bích-chi Phật Vô Hoạn đi theo sau tôi như bóng theo



hình. Tôi thấy Ngài, liền suy nghĩ: "Sáng sớm, lúc đi ra, ta thấy vi Tiên nhơn này đi vào thành khất thực; bây giờ, vị Tiên nhơn này có lẽ chưa ăn, ta nên đem phần ăn của mình đê cúng dường cho vị Tiên nhơn này." Nghĩ như vậy xong, tôi mang phần cơm bố thí cho vị Bích-chi Phật và bạch: “Mong Tiên nhơn biết cho, cơm này làm phần ăn của con, vì lòng từ mẫn, mong Ngài xót thương thọ nhận!,, Bấy giờ, vị Bích-chi Phật đáp: "Cu sĩ nên biết, năm nay hạn hán, sương móc và sâu rầy làm cho ngũ cốc không chín được, nhân dân túng thiếu, kiếm xin khó được. Thí chủ chỉ nên bớt phần nửa bỏ vào bát Ta và dùng phần nửa kia để cho cả hai đều được sống còn. Như vậy đã là tốt r6i." Tôi lại thưa: "Mong Tiên nhơn biêt cho, trong nhà con săn có chảo, có bép, có củi, có thóc gạo, ăn uống sớm muộn cũng chẳng cần đúng giờ khắc! Tiên nhơn hãy thương con mà nhận hết thức ăn này r Bấy giờ, Bích-chi Phật vì lòng từ mẫn nên đã nhận hết thức ăn. Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm mà bảy lần tái sanh vào cõi trời, được làm Thiên chủ; bảy lần tái sanh vào loài người, lại làm bậc Nhân chủ. Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm mà được sanh vào dòng họ Thích như thế này, giàu có cùng tột, súc vật chăn nuôi vô số, phong hộ, thực ấp, của cải vô lượng, châu báu đầy đủ. Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm nên xả bỏ vương vị, trăm ngàn thể nữ, vàng bạc để xuất gia học đạo. Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm mà được vua quan, Phạm chí, cư sĩ và tất cả nhân dân thấy là tiếp đãi; bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và iru-bà-di thấy cũng đều kính trọng. Này chư Hiền, tôi nhờ phước bố thí cho Ngài một bát cơm mà thường được

người thỉnh cầu thọ nhận đồ ăn, thức uống, áo, mền, chăn, chiếu dệt bằng lông năm sắc, giường nệm5 thuốc thang tri bệnh và các dụng cụ cần cho sự sống, không gì là không được thỉnh cầu. Lúc bấy giờ, nếu tôi biết vị Sa-môn ấy là bậc Vô trước Chân nhân thì phước báo có được chắc chắn sẽ tăng gấp bội, thọ nhận được quả báo lớn và công đức hết sức kỳ diệu, sáng chiếu rộng lớn, thấu suốt cùng khắp. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, bậc Vô trước Chân nhân đã được chánh giải thoát, nói bài tụng rang: Ta nhớ xưa nghèo nàn, Chỉ nhặt cỏ mà sống, Bớt phần cúng Sa-môn, Vô Hoạn tôi thượng đức. Nhân đó sanh dòng Thích, Tên là A-na-luật9 Hiêu rành vê ca vũ, Làm nhạc, thường hoan hỷ. rr-i_ 4._____ _ W _ rin A _ Ta được gặp The Ton, Chánh giác như cam lồ, Đã gặp sanh tín tâm, Bỏ nhà đi học đạo.

66. KINH THUYẾT BỒN 325

Ta biết được đời trước, Biết rõ cội gốc sanh, Sanh Tam Thập Tam thiên, Bảy lần trú ở đó. Đó bảy, đây cũng bảy, Thọ sanh mười bốn lần, Nhân gian và thiên thượng, Chưa từng đọa ác đạo. Nay biêt rõ sanh tử, Nơi chúng sanh qua lại, Biết tâm người thi phi, Hiền thánh, năm lạc thú. Chứng năm chi thiền định, Thường định tám tĩnh mặc, Đã chứng đắc tịch tinh, Liền đắc tinh thiên nhãn. Mục đích mà học đạo, Viễn ly, bỏ gia đình, Nay ta đạt nghĩa ấy, Được vào cảnh giới Phật. Ta không ưa sự tử, Cũng chẳng mong sự sanh, Thời nào cũng tự tại, Kiến lập trí chánh niệm. Tỳ-da-ly, Trúc Lâm, ở dây, mạng ta dứt, Ngay dưới rừng trúc này, Nhập Vô dư Niết-bàn. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh vượt xa người thường, nghe các Tỳ-kheo? sau bữa ăn trưa, tụ tập tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề ấy. Nghe xong, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi, roi hoi: Này các Tỳ-kheo, hôm nay vì chuyện gì mà tụ tập tại giảng đường? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch đức Thế Tôn, hôm nay nhân chuyện quá khứ mà Tôn giả A-na-luật- đà thuyết pháp nên chúng con tụ tập, ngồi tại giảng đường. Đức Thế-Tôn bảo: Bây giờ, các thầy có muốn nghe nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch đức Thế Tôn, nay thật đúng thời! Bạch đức Thiện Thệ, nay thật đúng thời! Nếu Thế Tôn nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho chúng Tỳ-kheo thì sau khi nghe, chúng con xin khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này các thầy, hãy lắng nghe và khéo thọ trì, Ta sẽ phân biệt, giải thích rộng rãi cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời ngồi nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này các Tỳ-kheo, một thời gian lâu xa ở vị lai, sẽ có lúc nhân dân sốnẹ đến tám vạn tuổi. Lúc con người sống đến tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù-đề này giàu có, an lạc tột cùng, dân chúng đông đúc, thôn ấp gần nhau chỉ bằng khoảng cách của con gà bay. Này các Tỳ-kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi thì con gái năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi thì chỉ có những bệnh như thế này, là nóng lạnh, đại tiểu



tiện, muốn ăn uống và già, ngoài ra không có tai họa nào khác. Này các Tỳ- kheo, lúc con người sống đến tám vạn tuổi thì có vua tên là Loa, làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ và có bốn loại quân chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ

báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đây đủ một ngàn người con trai, dung mạo khôi ngô5 dũng mãnh, không sợ hãi, có thể hàng phục được người khác. Nhà vua thông lãnh quả đất này cho đên biên cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến dân chúng an lạc. Lại có cây phướn bằng vàng to lớn, được trang hoàng bằng các thứ châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do nhà vua sai dựng lên. Sau khi dựng xong, hạ xuống, nhà vua tô chức bô thí cho Sa-môn, Phạm chí, người nghèo khô, cô độc từ các phương xa đến xin, với đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và đèn dầu. Sau khi bố thí như vậy, nhà vua cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cầu chứng đắc vô thượng Phạm hạnh ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Bấy giờ, có Tôn giả A-di-đa ngồi ở trong chúng. Ton giả A-di-đa từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:  Bạch Thế Tôn, một thời gian lâu dài ở vi lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, một Chuyển Luân Vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Con thông lãnh trọn quả đất này cho đên biên cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc. Con có cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong lại hạ xuống, tổ chức bố thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ khốn khổ, cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ5 tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Con, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, chỉ vì mục đích cầu đắc vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại này tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,,

66. KINH THUYẾT BỔN  327

Bấy giờ, đức Thế Tôn quở trách Tôn giả A-di-đa rằng: -Thầy là kẻ ngu si, chỉ nên một lần chết, sao lại mong một lần tái sanh nữa? Vì sao như thế? Vì thầy đã nghĩ rằng: "Bạch đức Thế Tôn, một thời gian dài ở vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể được làm vua, hiệu là Loa, một Chuyển Luân Vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, txrớng quân báu. Đó là bảy báu. Con có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Con thống lãnh trọn trái đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc. Con có

cây phướn lớn bằng vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, treo cao một ngàn khuỷu tay, chu vi mười sáu khuỷu tay, do con dựng lên. Sau khi dựng xong lại hạ xuống, và tổ chức bố thí cho Sa-môn? Phạm chí, kẻ khốn khổ, cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, con liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Con, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo chỉ vì mục đích cầu đắc vô thượng Phạm hạnh ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an tru, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Đức Thế Tôn bảo:  Này Adi-da, một thời gian lâu dài ở vị lai, thầy sẽ làm vua, hiệu là Loa, một vi Chuyển Luân Vương thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ? tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, ngựa báu, voi báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu. Đó là bảy báu. Thầy sẽ có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Thầy sẽ thống lãnh toàn quả đất này cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa khiến nhân dân an lạc. Thay sẽ có một cây phướn lớn bang vàng, được trang hoàng bằng các loại châu báu, dựng cao một ngàn khuyụ tay, chu vi mười sáu khuỷu tay do thây dựng lên. Sau khi dựng lên roi hạ xuông, và tô chức bô thí cho hàng Sa-môn, Phạm chí, kẻ cùng khổ, cô độc từ các phương xa đen xin, đem đồ ăn thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, cung cấp đèn dầu. Sau khi bố thí xong, thầy liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Thay, một thiện nam tử, sở dĩ cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ vì mục (Mch cầu đắc vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa."

328  KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:  Một thời gian lâu dài ở các vi lai, lúc con người sông đên tám vạn tuôi? sẽ có đức Phật hiệu Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; cũng như hôm nay Ta đã thành Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Đức Di-lặc Như Lai ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-mon? Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú; cũng như hôm nay, Ta ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Ngài sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần sau cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ? thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; cũng như Ta hôm nay thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Ngài sẽ quảng diễn,

lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như Ta hôm nay quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Ngài sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như Ta hôm nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, có Tôn giả Di-lặc ở trong chúng ấy. Tôn giả Di-lặc từ chỗ ngồi dứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, vòng tay hướng vê đức Phật thưa răng: Kính bạch Thế Tôn, một thòd gian lâu dài ở vị lai, lúc con ngườd sống đến tám vạn tuổi, con có thể thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như bây giờ Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Con ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; cũng như đức Thế Tôn ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đên loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đác, thành tựu an trú. Con sẽ thuyết pháp phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; cũng như hiện nay đức Thế Tôn thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Con sẽ quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hiện giờ đức Thế

66. KINH THUYẾT BỒN 329

Tôn quảng diên, lưu bô Phạm hạnh với những đại hội vô lượng từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện. Con sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như hiện giờ đức Như Lai có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, đức Thế Tôn tán thán Tôn giả Di-lặc rằng: Lành thay, lành thay, Di-lặc! Thầy phát tâm thật vi diệu, là lãnh đạo đại chúng. Vì sao? Vì thầy đã nghĩ: "Bạch đức Thế Tôn, một thời gian lâu dài ở vi lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, con có thể thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như hiện giờ Thế Tôn la Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu. Con ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ loài người đến loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú; cũng như hiện giờ đức Thế Tôn ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Con sẽ thuyêt pháp, phân đâu vi diệu, phân giữa vi diệu và phân cuôi cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; cũng như hiện giờ đức Thế Tôn thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuôi cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đây đủ, thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh. Con sẽ quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như hiện giờ Thế Tôn quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi,

hiển hiện.^, Đức Phật lại bảo:  Này Di-lặc, vào một thời gian lâu dài ở đời vị lai, lúc con người sống đến tám vạn tuổi, thầy sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; cũng như Ta hiện nay là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu. Thầy ở đời ấy, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ loài người cho đên loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đăc? thành tựu và an trú; cũng như Ta hiện giờ ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-m6n, Phạm chí, từ loài người cho đến loài trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú. Thầy sẽ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đây đủ, thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh; cũng



như Ta hiện giờ thuyết pháp, phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn đầy đủ? thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Thầy sẽ quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phát khởi, hiển hiện; cũng như Ta hiện nay quảng diễn, lưu bố Phạm hạnh với những đại hội vô lượng, từ loài người cho đến loài trời, khéo phí Sơi, hiên hiện.

Thầy sẽ có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo; cũng như Ta hiện nay có vô lượng trăm ngàn chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật. Lúc đó, đức Thế Tôn quay lại bảo: r  r  Này A-nan, thây hãy lây tơ vàng dệt thành y và mang lại, nay Ta muôn A

cho Tỳ-ldìeo Di-lặc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vâng lời đức Thế Tôn, liền lấy tơ vàng dệt thành y và mang lại trao cho Ngài. Sau khi đức Thế Tôn nhận tấm y được dệt bằng chỉ vàng từ Tôn giả A-nan, Ngài bảo:  Này Di-lặc, thây hãy đên Như Lai, nhận tâm y được dệt băng chỉ vàng này mà cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Lý do vì sao? Này Di-lặc, các đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vì muốn cứu hộ thế gian mà mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong an ổn, khoái lạc. Bây giờ? Tôn giả Di-lặc nhận tâm y dệt băng chỉ vàng từ đức Như Lai xong liền cúng dường Phật, Pháp và chúng Tăng. Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nghĩ: "Sa-m6n Cù-đàm này du hóa tại Ba-la-nại ở trong vườn Lộc Dã, tiên nhơn đọa xứ. Vị ấy tại Ba-la-nại, ở trong vườn Lộc Dã5 tiên nhơn đọa xứ. Vị ấy nhân chuyện vị lai mà thuyết pháp cho các đệ tử, ta có thể đến đấy để nhiễu loạn.” Rồi Ma Ba-tuần đi đến chỗ đức Phật, đến nơi, hướng về Ngài và nói bài tụng: Người ấy tất sẽ được, Dung mạo đẹp đệ nhát, Thân tràng hoa anh lạc, Ngọc sáng đeo cánh tay, Nếu ở thành Kê-đầu? Trong cảnh giới vua Loa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma Ba-tuần này đến chỗ Ta muốn gây nhiễu loạn.^^ Đức Thế Tồn sau khi đã biết là Ma Ba-tuần, liền nói bài tụng: Người ấy tất sẽ được, Tối thắng, không nghi ngại, Dứt sanh, lão, bệnh, tử, Vô lậu, việc làm xong, Nếu tu hành Phạm hạnh, Sẽ ở cõi Di-lặc. Ma Ba-tuần lại nói bài tụng: Người ấy tất sẽ được, Y phục tối thượng diệu, Thân thoa trầm chiên-đàn? Tay chân đầy châu ngọc, Nếu ở thành Kê-đầu? Sẽ ở cõi Loa vương.

66. KINH THUYẾT BỔN 331

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói bài tụng: Người ấy tất sẽ được, Vô chủ và vô gia, Tay không cầm kim bảo, Vô vi, không sầu não. Nếu tu hành Phạm hạnh, Sẽ ở cõi Di-lặc. Lúc đó, Ma Ba-tuần lại nói bài tụng: Người kia tất sẽ được, Danh, tài, ẩm thực diệu, Khéo hiểu rành ca vũ, Đánh nhạc, thường hoan hỷ, Nếu ở thành Kê-đầu, Sẽ ở cõi Loa vương. Bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói bài tụng: Người ấy tất qua bờ5 Như chim phá lưới ra, Chứng trụ thiền tự tại, Đủ lạc, thường hoan hỷ, Nên biết ngươi là ma, Mà Ta đã hàng phục. Lúc đó, Ma vương lại nghĩ: "Thế Tôn đã biết ta, Thiện Thệ đã biết t?." Nghĩ vậy, nó sầu não, buồn bã, không thể ở lại được, liền biến mất, không thấy ở chỗ ấy nữa. Đức Phật dạy như vậy, các Tôn giả Di-lặc, A-di-đa, A-nan và các Tỳ-kheo nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài đến Di-tát-la, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Bấy giờ, đang giữa đường di, đức Thế Tôn bỗng mỉm cười rạng rỡ. Tôn giả A-nan thây đức Thê Tôn mỉm cười, liên chăp tay hướng vê Ngài và thưa răng: - Bạch đức Thế Tôn, vì nhân duyên gì mà Ngài mỉm cười? Các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nếu không có nhân duyên gì thì không bao giờ mỉm cười. Mong Ngài nói cho con biết ý đó! Đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, thuở xưa trong rừng Nại Lâm thuộc xứ Di-tát-la này có nhà vua tên là Đại Thiên, làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh tri thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương theo đúng pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Này A-nan, Vua Đại Thiên ấy thành tựu bảy báu là những gì? Là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu luân báu như thế nào? Này A-nan, bấy giờ vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, Vua Đại Thiên tắm gội rồi ngụ trên chánh điện thì có thiên luân báu từ phương Đông hiện đến. Thiên luân có đủ tất cả một ngàn căm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua Đại Thiên trông thấy, liền hoan hỷ, phấn khởi và nghĩ thầm: "Hiền luân báu đã xuất hiện, diệu luân báu đã xuất hiện. Ta cũng đã từng nghe người xưa bảo rằng: 'Vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, nếu vị vua Sát-lợi đã làm lễ quán đảnh, tắm gội sạch sẽ rồi ngự trên chánh điện thì có thiên luân báu từ phương Đông hiện đến. Thiên luân có đủ tất cả một ngàn căm và đầy đủ tất cả bộ phận, thanh tịnh, tự nhiên, không phải do người tạo ra, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vị ây chác chăn sẽ làm Chuyên Luân Vương.9 Ta sẽ không làm được Chuyên Luân Vương chang?^ -Này A-nan, thuở xưa, Vua Đại Thiên muốn đích thân thí nghiệm thiên luân báu, liền cho tụ tập bốn loại quân, tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi tụ tập bốn loại quân xong nhà vua đi đến chỗ thiên luân báu, dùng



tay trái vỗ về, dùng tay phải đẩy thiên luân mà nói rằng: "Thiên luân báu hãy tự đi và đến nơi nào thiên luân báu chuyển đến.,, Này A-nan, thiên luân báu ấy đã chuyển động và lăn về hướng Đông. Lúc ấy, Vua Đại Thiên và bốn loại quân cũng đi theo sau. Nếu

thiên luân báu ngừng lại chỗ nào thì Vua Đại Thiên và bốn loại quân đóng lại ở chỗ đó. Bấy giờ, ở phương Đông, các vị vua ở những nước nhỏ đều đi đến chỗ Vua Đại Thiên, tâu rằng: uTâu Thiên vương, kính chào Thiên vương! Các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương!" Bấy giờ, Vua Đại Thiên bảo các tiểu vương: uNày các khanh, môi vị hãy tự trông coi lây lãnh thô của mình; hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp; đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp và phi Phạm hạnh." Này A-nan, thiên luân báu ấy qua khỏi phương Đông, vượt qua Đông đại hải, quay lại phương Nam, phương Tây, phương Bắc. Này A-nan, lúc thiên luân báu lăn chuyển vòng quanh cùng khắp thì Vua Đại Thiên cùng bốn loại quân cũng đều đi theo sau. Nếu thiên luân báu ngừng lại chỗ nào thì Vua Đại Thiên và bôn loại quân đêu đóng lại ở chô ây. Bây giờ, vua các nước nhỏ ở phương Bác đêu đên chô Vua Đại Thiên, tâu rằng: "Tâu Thiên vương, kính chào Thiên vương! Các nước này rất giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc, hoàn toàn thuộc về Thiên vương. Mong Thiên vương đem pháp giáo hóa, chúng tôi sẽ phụ tá Thiên vương.,, LÚC ây, Vua Đại Thiên bảo các tiêu vương: "Này các khanh, mỗi vị hãy tự trông coi lấy lãnh thổ của mình; hãy áp dụng pháp, chớ áp dụng phi pháp; đừng để trong nước mình có những người tạo ác nghiệp, phi Phạm hạnh.^, Này A-nan, thiên luân báu ấy qua phương Bắc, vượt qua Bắc đại hải rồi trở vê bản thành của vua. Lúc Vua Đại Thiên ngự trên chánh điện đê xử lý tài vật thì thiên luân báu dừng ở trên hư không. Vua Đại Thiên đã thành tựu thiên luân báu như vậy. Này A-nan, Vua Đại Thiên ây thành tựu voi báu như thê nào? Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên có voi báu thì voi báu ấy trắng toát, có bảy chi rắn chắc, tên là Vu-sa-hạ. Sau khi trông thấy, Vua Đại Thiên hoan hỷ, phấn khởi. Nếu điều phục được thì nó rất hiền lành. Này A-nan? sau đó Vua Đại Thiên bảo tượng sư rang: "Ngươi hãy mau huấn luyện voi cho hết sức thuần thục. Nếu voi đã thuần thì đến cho ta hay."

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM  335

r e r # A

Bây giờ, tượng sư vâng lời vua dạy bảo, đên cho voi báu huân luyện nhanh chóng, khiến nó trở nên hết sức thuần thục. Lúc ấy, voi báu nhờ được huấn luyện hết sức công phu nên mau thuần thục. Cũng như voi tốt thuở xưa sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được huấn luyện rất công phu nên mau trở thành thuần thục. Voi báu này cũng giông như vậy, được huân luyện rát công phu nên mau trở thành thuần thục. Này A-nan, bấy giờ sau khi tượng sư nhanh chón^ huấn luyện voi báu, khiến nó sớm trở nên thuần thục, liền đến chỗ nhà vua tâu răng: “Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biêt cho, hạ thân đã huân luyện voi báu rất công phu, bây giờ tùy theo ý Thiên vương!" Này A-nan, khi ây Vua Đại Thiên muôn thí nghiệm voi báu, vào buôi sáng, khi mặt trời mọc, liền đến chỗ voi, cưỡi lên và đi cùng khắp cả cõi đất cho đen đại hải, rồi tức tốc trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên đã thành tựu voi trăng báu như vậy. Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu ngựa báu như thế nào? Này Anan, lúc vua Đại Thiên có ngựa báu thì ngựa báu ấy có sắc xanh mướt, đầu đen như quạ, vì lông làm cho n^ựa oai vệ nên gọi là Mao mã vương. Nhà vua trông thấy

hoan hy, phấn khởi. Nếu huấn luyện được thì nó rất hiền lành. Này A-nan, sau đó Vua Đại Thiên bảo mã sư: "Ngươi hây lo huấn luyện ngựa cho hết sức thuần thục. Nếu ngựa đã thuần thì đến cho ta hay!" Bấy giờ, mã sư phụng mệnh vua, đến chỗ ngựa báu, nhanh chóng huấn luyện nó trở nên hết sức thuần thục. Lúc ấy5 ngựa báu được huấn luyện công phu, liền sớm trở nên thuần thục. Cũng như ngựa tốt thuở xưa sống vô lượng trăm ngàn năm, đã trải qua vô lượng trăm ngàn năm được huấn luyện công phu, liên trở nên thuần thục. Này A-nan, ngựa báu này cũng lại như vậy, được huấn luyện công phu, liền trở nên thuần thục. Sau khi nhanh chóng huấn luyện ngựa báu, khiến nó trở nên rất thuần thục, mã sư liền đến chỗ Vua Đại Thiên thưa rằng: "Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, hạ thần đã huấn luyện xong, bây giờ ngựa báu sẽ theo ý Thiên vương!" Này A-nan, khi ây Vua Đại Thiên muôn thí nghiệm ngựa báu, vàobuôi sáng sớm, lúc mặt trời mọc, đi đến chỗ ngựa, cưỡi lên, chạy khắp cả cõi đất cho đến đại hải, rồi tức tốc trở lại bản thành của vua. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngựa báu sắc xanh như vậy. Này A-nan, Vua Đại Thiên ây thành tựu châu báu như thê nào? Lúc vua Đại Thiên có châu báu thì châu báu ấy trong suốt tự nhiên, không do ai tạo, tám cạnh không bẩn, được mài rất đẹp, được xâu qua bằng sợi dây ngũ sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.



Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên ở trong cung điện, muốn có ánh sáng, liền dùng châu báu. Thuở ấy, lúc Vua Đại Thiên muốn thí nghiệm châu báu, liền cho tụ tập bốn loại quân, là tượng quân, mã quân, xa quân, bộ quân. Sau khi tụ tập bon loại quân xong, vào lúc đêm toi, vua cho dựng một lá cờ cao, cho đặt ngọc báu trên ây roi đên viên quán đê nhìn. Anh sáng của ngọc chiêu kháp bôn loại quân, soi sáng đến nửa do-diên. Vua Đại Thiên đã thành tựu ngọc báu như vậy. Này A-nan, Vua Đại Thiên thành tựu nữ báu như thế nào? Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên có nữ báu thì nữ báu ấy có thân thể trong trắng, tinh khiết, nõn nà, sắc đẹp hơn người, không thua tiên nữ; tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng cảm thấy khoan khoái; miệng tỏa mùi hương sen xanh thơm phức; các lỗ chân lông trên thân toát mùi hương chiên-đàn; về mùa đông thì thân ấm áp, về mùa hạ thì thân mát mẻ. Nữ báu ấy hết lòng hầu hạ nhà vua, nói năng hòa nhã, làm việc nhanh chóng, thông minh trí tuệ, hoan hỷ làm việc lành. Nữ báu ấy nghĩ đến nhà vua, tâm thường không rời, huống nữa thân và miệng. Vua Đại Thiên đã thành tựu nữ báu như vậy. Này A-nan, vua Đại Thiên ấy thành tựu cư sĩ báu như thế nào? Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên có cư sĩ thì cư sĩ ấy giàu có cùng tột, của cải vô lượng, có nhiều súc vật chăn nuôi, phong hộ thực ấp đay đủ mọi thứ; có phước báo nên được thiên nhãn, thấy các kho báu, có hay không đều thấy rõ, thấy có người thủ hộ hay không người thủ hộ; kho vàng, kho bạc do người tạo hay khônệ do người tạo, đều thấy rõ cả. A-nan, cư sĩ báu ấy đến trước Vua Đại Thiên tâu rang: "Tâu Thiên vương, nếu muốn được vàng và bạc báu thì Thiên vương chớ buồn, vì hạ thần tự biết đúng thòi!" A-nan? thuở ấy, lúc Vua Đại Thiên muốn thí nghiệm cư sĩ báu, vua cho chèo thuyên ra giữa sông Hăng và bảo răng: "Này cư si, ta muốn được vàng và bạc bSu!" Cư sĩ tâu rằng: "Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền cập bến!^, Bấy giờ, Vua Đại Thiên bảo: "Này cư sĩ, ta muốn được ở chính giữa sông này, ta muốn được ở chính giữa sông này." Cư sĩ tâu:

"Tâu Thiên vương, hãy cho thuyền ngừng lại!" Này A-nan, bây giờ cư sĩ báu đến trước mũi thuyên, quỳ xuồng, thọc tay vào trong nước lấy lên bốn kho tàng, kho vàng, kho tiền, do tạo dựng hay không do tạo dựng rồi tâu: "Tâu Thiên vương, xin tùy ý muốn, Thiên vương tha hồ sử dụng, sử dụng xong, còn bao nhiêu thì trả lại dưới song!99 Vua Đại Thiên đã thành tựu cư sĩ báu như vậy.

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM 337

Này A-naii, Vua Đại Thiên thành tựu tướng quân báu như thế nào? Này A-nan, lúc Vua Đại Thiên có tướng quân báu thì tướng quân báu ấy thông minh, trí tuệ, biện tài, nói hay, hiểu biết rộng. Tướng quân báu sẽ thay Vua Đại Thiên thực hiện những mục đích đời này, mục đích đời sau, khuyên khích xây dựng. Tướng quân báu ây sẽ vì Vua Đại Thiên, nêu muôn tập trung các quân là tập trung được, muốn giải tán là giải tán ngay, làm cho binh lính thuộc bốn loại quân không mệt mỏi và khuyến khích giúp đỡ họ. Đối với các cận thần khác cũng vậy. Vua Đại Thiên đã thành tựu tướng quân báu như vậy. Này A-nan, vua Đại Thiên đã thành tựu bảy báu như vậy đấy. Này A-nan, Vua Đại Thiên ấy được phước đức của người có bốn thứ như ý như thế nào? Vua Đại Thiên ấy sống thật lâu dài đến tám vạn bốn ngàn năm, làm đông tử vui đùa đên tám vạn bôn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đên tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Này A-nan, nếu Vua Đại Thiên sống thật lâu dài đến tám vạn bốn ngàn năm, làm đồng tử vui đùa đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước nhỏ đến tám vạn bốn ngàn năm, làm vua nước lớn đến tám vạn bốn ngàn năm, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm thì đó chính là đức như ý thứ nhất của Vua Đại Thiên. Lại nữa, này A-nan? Vua Đại Thiên ấy không có tật bệnh, thành tựu sự điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bị bứt rứt; do đó, đồ ăn, thức uống được tiêu hóa dễ dàng. Này Anan, nếu Vua Đại Thiên không có tật bệnh, thành tựu điều hòa của thực đạo, không lạnh, không nóng, an ổn, không bứt rứt; do đó, đồ ăn? thức uống tiêu hóa dễ dàng thì đó chính là đức như ý thứ hai của Vua Đại Thiên. Lại nữa, này A-nan, Vua Đại Thiên có thân thể trắng trẻo, sạch sẽ? trong sáng, sác đẹp hơn người, không kém thiên thân, đoan chánh đẹp đẽ, ai nhìn cũng cảm thây khoan khoái. Này A-nan, nêu Vua Đại Thiên có thân thê trăng trẻo, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, không kém thiên thần, đoan chánh đẹp đẽ, ai nhìn cũng cảm thấy khoan khoái thì đó chính là đức như ý thứ ba của Vua Đại Thiên. Lại nữa, này A-nan, Vua Đại Thiên ấy thường thương tưởng đến các Phạm chí, cư sĩ như cha nghĩ đến con. Phạm chí, cư sĩ cũng kính trọng Vua Đại Thiên như con kính cha. Này A-nan, thuở ấy Vua Đại Thiên ở trong viên quán, bảo người đánh xe rằng: "Hãy cho xe đi chậm chậm, ta muôn nhìn kỹ các Phạm chí, cư si."

338 KINH TRUNG A-HÀM

Phạm chí, cư sĩ cũng bảo người đánh xe: "Hãy cho xe đi chậm chậm, chúng tôi muốn nhìn kỹ đức Vua Đại Thiên!?, Này A-nan, nếu Vua Đại Thiên thường thương tưởng đến các Phạm chí, cư sĩ như cha nghĩ đến con; còn Phạm chí, cư sĩ lại kính trọng vua Đại Thiên như con kính cha thì đó chính là đức như ý thứ tư của Vua Đại Thiên. Này A-nan, Vua Đại Thiên được phước đức của người có bốn thứ như ý như vậy đấy. Này A-nan9 một thời gian sau, Vua Đại Thiên ấy bảo thợ hớt tóc rằng: "Nếu ngươi thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay." Bấy giờ, thợ hớt tóc vâng lời vua bảo, một thời gian sau đó, gội đầu cho vua, thấy mọc tóc bạc, liền tâu: "Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, thiên sứ đã đến, đầu đã mọc tóc bạc!" Vua Đại Thiên ấy lại bảo thợ hớt tóc: "Ngươi lấy nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay ta!" Lúc đó, thợ hớt tóc nghe vua bảo liền lấy cái nhíp bằng vàng, từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào bàn tay vua. Này A-nan, Vua Đại Thiên, tay bưng tóc bạc, nói bài tụng: Đầu ta mọc tóc bạc, Thọ mạng đến hồi suy, Thiên sứ đã đến rồi, Nay lúc ta học đạo. Này A-nan? sau khi thây tóc bạc, Vua Đại Thiên bảo thái tử: "Này Thái tử, hãy biết rằng thiên sứ đã đến,, đầu ta đã mọc tóc bạc. Này Thái tử, ta đã được thú vui thế gian, nay lại muốn cầu thú vui thiên thượng. Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này phó thác cho con. Con hãy cai trị và giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp, phi Phạm hạnh. Này Thái tử, vê sau, nêu con thây thiên sứ đên, đâu mọc tóc bạc thì con nên đem việc quốc chính của nước mà trao lại cho con của con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho nó, rồi con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để cho nhân dân phải sống như ở biên địa. Này Thái tử, tại sao nay ta chuyên giao pháp kê thừa này cho con, bảo con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa này, chớ đê cho nhân dân phải sống như ở biên địa? Này Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không được tiếp nối thì đó là nhân dân phải sống thành biên địa. Vì thế cho nên, này Thái tử, nay ta chuyển giao cho con.

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM 339

Này Thái tử, ta đã chuyên giao pháp kê thừa này cho con thì con cũng phải chuyển giao pháp kế thừa ấy, chớ để cho nhân dân phải sống thành biên Này A-nan, Vua Đại Thiên ây đem việc quôc chính của nước này phó thác cho thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo râu bỏ tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Thái tử ấy cũng là Chuyển Luân Vương, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào? Bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý thì như đã nói ở trước đây. Này A-nan, vị Chuyển Luân Vương ấy về sau cũng bảo thợ hớt tóc rằng: "Nếu ngươi thấy đầu ta mọc tóc bạc thì cho ta hay." Từ đó, thợ hớt tóc vâng lời vua bảo, nên một thòi gian sau, lúc gội đầu nhà vua, thấy đã mọc tóc bạc, bèn tâu: "Tâu Thiên vương, mong Thiên vương biết cho, thiên sứ đã đến, đầu đã mọc tóc bạc." Vi Chuyển Luân Vương ấy lại bảo thợ hớt tóc: "Ngươi hãy lấy nhíp bằng vàng,

từ từ nhổ tóc bạc bỏ vào trong bàn tay ta.” Nghe lời của vua, thợ hớt tóc liên lây nhíp băng vàng, từ từ nhô tóc bạc bỏ vào bàn tay vua. Này A-nan, vua Chuyển Luân Vương ấy, tay bưng tóc bạc, đọc bài tụng rằng: Đầu ta mọc tóc bạc, Thọ mạng đến hồi suy, Thiên sứ đã đến rồi, Nay lúc ta học đạo. Này A-nan, vi Chuyển Luân Vương ấy, sau khi thấy tóc bạc, bảo thái tử rằng: "Này Thái tử, nên biết, thiên sứ đã đến, đầu ta đã mọc tóc bạc. Thái tử, ta đã được thú vui thế gian, nay muốn cầu thú vui thiên thượng. Này Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta nay đem bốn châu thiên hạ phó thác cho con, con hãy cai trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi Phạm hạnh. Này Thái tử, nếu sau này con thấy thiên sứ đến, đầu mọc tóc bạc thì con phải đem việc quốc chính của nước trao cho con của con, khéo dạy bảo và trao đất nước lại cho nó rồi, con cũng nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con. Con cũng phải chuyển giao lại pháp kế thừa này, chớ để nhân dân sống thành biên địa. Này Thái tử, tại sao nay ta chuyển giao pháp kế thừa này cho con, và con cũng phải chuyển trao giao lại pháp kế thừa này, chớ để nhân dân sống thành biên địa? Vì này Thái tử, nếu trong nước này sự truyền trao bị dứt tuyệt, không



được tiếp nối thì nhân dân sẽ phải sống thành biên địa. Vì thế cho nên, này Thái tử, ta đã chuyển giao pháp kế thừa này cho con thì con phải chuyển giao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho nhân dân phải sống thành biên dja." Này A-nan, vi Chuyên Luân Vương ây đem việc quôc chính của nước ây phó thác cho thái tử, khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, tru trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. r r r Này A-nan, đó là từ con đên con, từ cháu đên cháu, từ dòng họ đên dòng họ, từ kiến đến kiến, lần lượt đến tám vạn bốn ngàn vị Chuyển Luân Vương cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, học với Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Vi vua sau cùng tên là Ni-di, là một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là vi vua vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn? Phạm chí, cho đen côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bô thí, bố thí cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn, Phạm chí; những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, đèn dầu cung cấp cho họ. Bấy giờ, chư thiên ở cõi trời Tam Thập Tam thiên tụ tập, ngồi tại giảng đường Thiện Pháp hết lời xung tán Vua Ni-di như thế này: "Chư Hiền, người xứ Bệ-đà-đề có đại thiện lợi, có đại công dức. Vì sao? Vì vua cuối cùng là Ni di, một Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, là bậc đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thân dân, Sa-môn5 Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mung tám, mười bốn và mười lăm; tu hạnh bố thí, bố thí cho những kẻ nghèo khổ, Sa-môn? Phạm chí; những người cô độc từ các phương xa đến xin, đem các đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, đèn dầu

cung cấp cho họ?5 Bấy giờ, Thiên Đấ-thích cũng có ương chúng. Lúc ấy, Thiên Đấ-thích bảo chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên rằng: “Chu Hiên, các vị có muôn đên ngay tại nơi ây, đê yêt kiên Vua Ni"di không? Chư thiên cõi Tam Thập Tam thiên đáp: "Này Câu-dực, chúng tôi muốn được đến ngay nơi ấy để yết kiến Vua Ni-di.” Bấy giỏr, trong khoảnh khắc giống như thời gian lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên Đe-thích ở trên cõi Tam Thập Tam thiên bỗng biến mất không thấy, và hiện ra ở cung điện Vua Ni-di. Lúc đó, Vua Ni-di thấy Thiên Đế-thích liền hỏi: "Ông là ai?”

67. KINH ĐẠI THIÊN NẠI LÂM 341

Đế-thích nói: “Bại vương có nghe đến Thiên Đế-thích kh6ng?" “C6 nghe tên Bếthích.” “Chính là tôi vậy. Đại vương có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? Vì chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên tụ tập tại giảng đường Thiện Pháp, hết lời xưng tán Đại vương như thê này: "Chu Hiên, người xứ Bệ-đà-đê có đại thiện lợi, có đại công đức. Vì sao? Vì đức vua sau cùng tên là Nidi, một vi Pháp vương như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, một bậc đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới trong những ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm; tu hạnh bố thí, bô thí cho những kẻ nghèo khô, Sa-môn, Phạm chí; những người cô độc từ các phương xa đên xin, đem đô ăn, thức uông, áo, mên, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn, đèn dầu cung cấp cho hQ." Đại vương có muốn xem cõi Tam Thập Tam thiên không? "Muốn xem!,, Thiên Đế-thích lại bảo Vua Ni-di: "T6i sẽ trở lại cõi trời, ra lệnh trang hoàng xa giá với một ngàn voi kéo để Đại vương cưỡi lên du lãm, thưởng ngoạn cõi trời." Bấy giờ, Vua Ni-di im lặng nhận lời Thiên Đế-thích. Thiên Đế-thích biết Vua Ni-di đã im lặng nhận lời, trong khoảnh khắc giông như thời gian lực sĩ duỗi cánh tay, biến mất, không thấy ở cung điện Vua Ni-di, và đã trò lại cõi Tam Thập Tam thiên kia. Sau khi trở về, Thiên Đế-thích bảo người đánh xe: "Ngươi hãy mau trang hoàng xa giá với một ngàn voi kéo, đến đón Vua Ni- di. Sau khi đên, ngươi thưa: 'Đại vương nên biêt, Thiên Đê-thích bảo đem xe ngàn voi này đên đón, Đại vương có thê cưỡi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn ở cõi trời/ Sau khi Vua Ni-di đã lên xe, ngươi lại thưa: 'Đại vương muốn tôi đưa đi theo đường nào? Theo đường ác thọ ác báo, hay theo đường diệu thọ dieubS?”' • Bây giờ, người đánh xe vâng lệnh Thiên Đê-thích, trang hoàng xa giá có ngàn con voi kéo, đi đến chỗ Vua Ni-di. Đen rồi thưa: “Bại vương nên biết, Thiên Đế-thích sai đem xa giá có ngàn voi kéo để nghênh đón Đại vương. Đại vương có thê ngôi xe này lên du lãm, thưởng ngoạn trên cõi trời." Lúc Vua Ni-di lên xe xong, người đánh xe lại thưa: "Bại vương muôn tôi đi theo đường nào? Theo đường ác thọ ác báo, hay theo đường diệu thọ diệu báo? Bấy giờ, Vua Ni-di bảo người đánh xe: "Ngươi hãy đưa ta đi giữa hai đường, ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo.

342 . KINH TRƯNG A-HÀM

LÚC đó? người đánh xe liền đưa vua đi giữa hai đường, ác thọ ác báo và diệu thọ diệu báo. Từ xa, chư thiên cõi Tam Thập Tam thiên trông thấy Vua Ni-di đi đên; sau khi trông thây, họ liên chúc lành răng: "Kính chào Đại vương! Kính chào Đại vương! Đại vương có thể ở lại để cùng vui thú với Tam Thập Tam thiên chúng t6i.” Lúc ấy, Vua

Ni-di nói bài tụng cho chư thiên Tam Thập Tam thiên: Giống như kẻ cưỡi nhờ, Nhứt thời tạm dùng xe, Nơi đây cũng như vậy, Vì là của kẻ khác. Ta về Di-tát-la, Sẽ làm vô lượng thiện, Nhân đó sanh cõi trời, Tạo phước làm tư lương. . ,  r k .x • ì 1 r r Này A-nan, Vua Đại Thiên thuở xưa ây, thây cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy! Nên biêt vi ây chính là Ta. Này A-nan, thuở xưa Ta từ đời con đến đời con, từ đời cháu đến đời cháu, từ dòng họ đến dòng họ5 từ Ta lần lượt có tám vạn bốn ngàn vị Chuyển Luân Vương, từng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà- . : r • ỉ

sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học dạo, học Tiên nhơn vương, tu hành Phạm hạnh tại Di-tát-la này, trú trong rừng Đại Thiên Nại Lâm. Bấy giờ, Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thê gian, vì trời, vì người mà câu nghĩa và lợi ích, câu an ôn? khoái lạc. Bây giờ, Ta thuyêt pháp chưa đên chô rót ráo, chưa rót ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh. Vì không rốt ráo Phạm hạnh, lúc ấy Ta không lìa bỏ sự sanh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc than, ảo não, cũng chưa thê thoát ra ngoài mọi khô đau. Này A-nan, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, vì trời, vì người mà cầu nghĩa và lợi ích, cầu an ổn, khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp được đạt đến chỗ rốt ráo bạch tinh, rốt ráo Phạm hạnh. Vì đã rốt ráo Phạm hạnh, nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuôi già, bệnh tật, sự chét, khóc than, ảo não, nay Ta đã thoát mọi khổ đau. Này A-nan, nay Ta chuyển trao pháp kế thừa cho thầy, thầy cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa này, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn. A-nan, thế nào là pháp kê thừa mà nay Ta chuyên trao cho thây, và bảo thây cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn? Đó là Thánh đạo tám ngành, từ chánh kiến cho đến chánh định là tám. Này A-nan, đó chính là pháp kế thừa mà nay Ta chuyển trao cho thầy, và thầy cũng phải chuyển trao lại pháp kế thừa ấy, chớ để cho Phật chủng đứt đoạn. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Câu-thi, trong rừng Hòa-bạt-đơn-lực-sĩ sa-la. Bấy giờ, vào lúc tối hậu, sắp nhập Niết-bàn, đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, hãy đến giữa cây Sa-la song thọ, trải chỗ nằm cho Như Lai, đầu quay về hướng Bắc. Như Lai vào giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn. Tôn giả A-nan vâng lời đức Như Lai liền đến giữa cây song thọ trải chỗ nằm cho Như Lai, quay đầu về hướng Bắc. Sau khi trải chỗ nằm xong, trở lại chỗ đức Phật, A-nan cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi đứng sang một bên, bạch rằng:  Bạch đức Thế Tôn, con đã trải chỗ nằm cho Như Lai giữa cây song thọ, đầu quay về hướng Bắc. Mong đức Thế Tôn hãy tự biết thời! Bấy giờ, đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đến giữa cay song thọ, xếp tư y uất-đa-la-tăng trải lên chỗ nằm, gấp y Tăng-già-lê làm gối, Ngài nằm nghiêng về phía hông bên phải, hai chân chồng lên nhau; đây là lúc tối hậu, Ngài sắp vào Niết-bàn. Lúc ấy, Tôn giảA-nan đang cầm quạt hầu đức Phật. Tôn giả chắp tay hướng về Ngài thưa: —Bạch đức Thế Tôn, còn có những thành lớn khác, một là Chiêm-ba, hai là Xá-vệ, ba là Bệ-xá-ly, bốn là Vương Xá, năm là Ba-la-nại, sáu là Ca-tỳ-la-vệ? sao đức

Thế Tôn không nhập Niết-bàn ở những nơi ấy mà quyết định tại thành nhỏ hẹp này, một thành nhỏ hẹp nhất trong các thành? Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, thầy chớ nói rằng đây là thành nhỏ hẹp, chớ bảo đây là thành nhỏ nhất trong các thành, vì sao? Vì thuở quá khứ, thành Câu-thi này tên là thành Câu-thi Vương, giàu có cùng tột, dân chúng đông đúc. A-nan, thành Câu- thi Vương dài mười hai dodiên, rộng bảy do-diên. ở đây đã dựng các tháp canh cao bằng một người, hoặc hai, ba, bốn cho đến cao bằng bảy người. Này A-nan, thành Câu-thi Vương ở bên ngoài có bảy lớp hào bao bọc. Hào được xây bằng gạch bốn loại châu báu là vàng, bạc, liru ly và thủy tinh. Đáy hào thì rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lim ly và thủy tinh. NàyA-nan? thành Câu-thi Vương có bảy lớp tường thành bao bọc bên ngoài. Những lớp tường thành ấy cũng được xây bằng gạch bốn loại châu báu là vàng, bạc, lim ly và thủy tinh.



Này A-nan, thành Câu-thi Vương có bảy lớp hàng cây đa-la bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly, và thủy tinh, bao bọc chung quanh. Cây đa-la bằng vàng thì hoa, lá và trái bằng bạc. Cây đa-la bằng bạc thì hoa, lá và trái bằng vàng. Cây đa-la bằng lira ly thì hoa, lá và trái bằng thủy tinh. Cây đa-la bằng thủy tinh thì hoa, lá và trái bằng lim ly. Này Anan, khoảng giữa những cây đa-la có đào những ao hoa, có hoa sen xanh, sen hồng, sen đỏ và hoa sen trang. Này A-nan, bờ ao hoa ấy đắp bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. ở đáy hồ thì rải cát bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Trong ao hồ ấy có thềm, cấp bằng bốn loại châu báu là vàng, bạc, lưu lỵ và thủy tinh. Thềm băng vàng thì có cáp bằng bạc, thềm bằng bạc thì có cáp bằng vàng, thềm bằng lưu ly thì có cấp bằng thủy tinh, thềm bằng thủy tinh thì có cấp bằng lưu ly. Này Anan, ao ấy chung quanh có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu là vàng, bạc, liru ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bng bạc, lan can bang bạc thì tay vịn bang vàng, lan can bang lưu ly thì tay vịn bang thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Này A-nan, ao ấy được che bằng màn lưới, có chuông quả lắc treo ở giữa. Chuông ấy làm bằng bốn loại báu là vàng, bạc, liru ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. Này A-nan, trong ao trồng nhiều loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, thường có nước có hoa, không cần người trông giữ, vì thuộc về tất cả mọi người. Này A-nan? ở bờ ao có trồnệ nhiều loại lục hoa như hoa tu-ma-na, hoa bà- sư? hoa chiêm-bặc, hoa kiện-đề9 hoa ma-đầu-kiện-đề9 hoa a-đề-mâu-đa5 hoa ba-la-đầu. Này A-nan, trên bờ ao hoa, có nhiều người nữ thân thể nõn nà, sạch sẽ, trong sáng, sắc đẹp hơn người, chẳng kém thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng cảm thấy hân hoan, được trang sức đay đủ các loại ngọc báu. Những người nữ ấy bố thí tùy theo nhu cầu của mọi người như đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, nhà cửa, giường nệm, đệm lông ngũ sắc, tôi tớ, đèn dầu, cung cấp đầy đủ cho họ. Này A-nan, lá cây đa-la ấy, lúc gió thổi thì phát ra âm thanh hết sức vi diệu; cũng như năm loại nhạc khí được nhạc sư tài ba tâu lên thì có âm thanh hết sức hài hòa, tuyệt diệu. Này Anan, lá cây đa-la ấy, lúc có gió thổi cũng lại như thế. Này Anan, trong thành Câu-thi Vương ây, giả sử có người tệ ác, hèn hạ nhất, muốn được thưởng thức năm loại nhạc khí, liền cùng

đến giữa những cây đa-la thì đều được thưởng thức thỏa thích.

68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG 345

Này A-nan, thành Câu-thi Vương thương có mười hai loại tiếng chưa bao giờ đứt đoạn, là tiếng voi, tiếng ngựa, tiêng xe, tiếng đi bộ, tiếng tù và, tiếng trống, tiếng trống bạc lạc, tiêng trông ni, tiêng ca, tiếng vũ, tiêng ăn, tiếng bố thí. Này A-nan, trong thành Câu-thi Vương có vua tên là Đại Thiện Kiên, làm Chuyển Luân Vương, thông minh trí tuệ, có bốn loại quân, cai trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn đức như ý như thế nào? Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn đức như ý giống như đã nói ở trước. Này A-nan, bây giờ ở thành Câu-thi Vương, Phạm chí, cư sĩ lây nhiêu ngọc báu, kiềm-bà-la báu chở đến chỗ Vua Đại Thiện Kiên và thưa rằng: "Tâu Thiên vương, những ngọc báu, kiềm-bà-la báu này rất nhiều, mong Thiên vương vì lòng từ mẫn mà nhận cho!" "Này các khanh, các khanh hiến dâng nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì ta đã c6.” Này A-nan? lại có tám vạn bốn ngàn vi vua của các nước nhỏ đến thưa với Vua Đại Thiện Kiến rằng: "Tâu Thiên vương, chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương." Vua Thiện Kiến đáp: "Các khanh muốn xây chánh điện cho ta nhưng ta thấy chưa cần thiết, vì chánh điện ta đã c6." Tám vạn bôn ngàn vị vua nước nhỏ đêu chăp tay hướng vê Vua Đại Thiện Kiến, thưa ba lần rằng: “Tâu Thiên vương, chúng tôi muôn xây chánh điện cho Thiên vương! Chúng tôi muốn xây chánh điện cho Thiên vương!” Bây giờ, Vua Đại Thiện Kiên im lặng nhận lời của tám vạn bôn ngàn tiêu vương. Tám vạn bốn ngàn tiểu vương biết Vua Thiện Kiến đã im lặng nhận lời, liền bái biệt, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vua nước nào trở về nước ấy, dùng tám vạn bốn ngàn cỗ xe chất nặng những vàng và các loại tiền bằng vàng tinh luyện hay chưa tinh luyện, lại lấy các trụ đều bằng ngọc báu, chở đến thành Câu-thi Vương, cách thành không xa, xây đại chánh điện. Này A-nan? đại chánh điện ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Này A-nan, đại chánh điện ấy được xây bằng gạch bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Này Anan, thềm của đại chánh điện ấy làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thềm bằng vàng thì cấp bằng bạc, thềm bằng bạc thì cấp bằng vàng, thềm bằng lưu ly thì cấp bằng thủy tinh, thềm bằng thủy tinh thì cấp bằng lưu ly.

346 KINH TRUNG A-HÀM

. r y r Này A-nan5 ừong đại chánh điện có tám vạn bôn ngàn cột trụ làm băng bôn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cột bang vàng thì đá táng bằng bạc, cột bằng bạc thì đá táng bằng vàng, cột bằng lưu ly thì đá táng bằng thủy tinh, cột bằng thủy tinh thì đá táng bằng lưu ly. Này A-nan, bên trong chánh điện lại xây tám vạn bôn ngàn tòa lâu băng bôn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lầu bằng vàng thì mái lợp bàng bạc, lầu bằng bạc thì mái lợp bằng vàng, lầu bằng lưu ly thì mái lợp bằng thủy tinh, lầu bằng thủy tinh thì mái lợp bằng lưu ly. Này A-nan, trong đại chánh điện có thiết trí tám vạn bốn ngàn ngự tòa cũng làm băng bôn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lâu băng vàng thì thiết trí ngự tòa băng bạc, trải lên trên đó băng các thứ nệm chiêu, đệm lông năm sắc, phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai

đầu để gói, trải thảm quý băng da con sơn dương. Cũng như vậy, lâu băng bạc thì thiết trí ngự tòa bằng vàng; lầu bằng lưu ly thì thiết trí ngự tòa bằng thủy tinh; lầu bằng thủy tinh thì thiết trí ngự tòa bằng lưu ly, trải lên trên đó bằng các thứ nệm chiêu, đệm lông năm sác, phủ lên băng các thứ gâm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương. Này A-nan, đại chánh điện ấy chung quanh có lan can tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bang vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bang vàng, lan can bang lưu ly thì tay vịn bang thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly. Này A-nan, đại chánh điện ấy được che bằng màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ây làm băng bôn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông bằng vàng thì quả lắc bằng bạc, chuông bằng bạc thì quả lắc bằng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. Này A-nan, đại chánh điện ấy sau khi được kiến trúc đầy đủ, tám vạn bốn ngàn các tiểu vương đi ra cách đại chánh điện không xa, xây ao hoa lớn. Này A-nan, ao hoa lớn ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Này A-nan, ao hoa lớn ấy được xây bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Đáy hồ được rải cát bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Này A-nan, ao hoa lớn ây có thêm băng bôn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Thêm băng vàng thì cáp băng bạc, thêm băng bạc thì cáp băng vàng, thêm băng lưu ly thì cáp băng thủy tinh, thêm băng thủy tinh thì cáp băng lưu ly. Này A-nan, ao hoa lớn ấy chung quanh có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lưu ly.

68. KINH ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG 347

Này A-nan, ao hoa lớn ấy được che bởi màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông ấy làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Chuông băng vàng thì quả lác băng bạc, chuông băng bạc thì quả lăc băng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. . .
Này A-nan? trong ao hoa lớn ây có nhiêu loại thủy hoa như hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, thường có nước có hoa, có người gìn giữ, không thuộc về tất cả mọi người. Này A-nan, ao hoa lớn ấy, bờ của nó nhiều loại lục hoa như hoa tu-ma-na, hoa bà-sư, hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-đề, hoa ma-đầu-kiền-đề, hoa a-đề-mâu- đa9 hoa ba-la-lại. Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện và ao hoa lớn đầy đủ như thế, tám vạn bốn ngàn tiểu vương đi ra cách điện không xa, thiết lập vườn đa-la. Này A-nan, vườn đa-la ấy dài một do-diên, rộng một do-diên. Này A-nan, trong vườn đa-la trồng tám vạn bốn ngàn cây đa-la? đều dùng bon loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Cây đa-la bang vàng thì lá, hoa và quả bang bạc; cây đa-la bang bạc thì lá? hoa và quả bằng vàng; cây đa-la bằng lưu ly thì lá, hoa và quả bằng thủy tinh; cây đa-la bằng thủy tinh thì lá, hoa và quả bằng lưu ly. Này A-nan, chung quanh vườn đa-la ấy có lan can, tay vịn bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh. Lan can bằng vàng thì tay vịn bằng bạc, lan can bằng bạc thì tay vịn bằng vàng, lan can bằng lưu ly thì tay vịn bằng thủy tinh, lan can bằng thủy tinh thì tay vịn bằng lim ly. Này A-nan, vườn

đa-la ấy được che bằng màn lưới, có chuông lắc treo lơ lửng ở khoảng giữa. Chuông được làm bằng bốn loại báu, là vàng, bạc, liru ly và thủy tinh. Chuông băng vàng thì quả lác băng bạc, chuông băng bạc thì quả lác băng vàng, chuông bằng lưu ly thì quả lắc bằng thủy tinh, chuông bằng thủy tinh thì quả lắc bằng lưu ly. Này A-nan, sau khi kiến trúc đại điện, ao hoa và vườn đa-la đầy đủ, tám vạn ỉ 9 r ỵ • ar  bôn ngàn tiêu vương cùng đên chô Vua Đại Thiện Kiên và thưa: "Tâu Thiên vương, xin biết cho rằng đại điện, ao hoa và vườn đa-la đều đã kiến trúc đầy đủ? mong Thiên vương sử dụng tùy thích !,9 Này A-nan, bấy giờ, Vua Đại Thiện Kiến liền nghĩ: "Ta không nên lên đại điện này trước. Nếu có bậc Thượng tôn Sa-môn, Phạm chí trú ở thành Câu-thi Vương này thì ta nên mời tất cả tụ tập, ngồi ở đại điện này, rồi soạn các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đù các thứ loại cứng, loại mềm, tự tay bưng hầu khiến các ngài ăn no; ăn xong, dọn bát và dùng nước rửa, roi mời các ngài trở Này A-nan? Vua Đại Thiện Kiến sau khi nghĩ như vậy, liền mời tất cả các bậc



Thượng tôn Sa-môn, Phạm chí đang trú tại thành Câu-thi Vương tụ tập trên đại chánh điện. Tất cả tụ tập và an tọa xong, vua thân hành lấy nước rửa, rồi đem các thức ăn ngon lành, mỹ diệu, đầy đủ các thức ăn loại cứng, loại mềm, tự tay bưng hầu, khiến các vị ấy ăn no. Sau khi ăn, dọn bát, đem nước rửa và nhận lời câu chúc roi vua mời các vị ây trở vê. Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiến lại nghĩ: “Nay ta không nên vào trong đại chánh điện để hưởng dục lạc, ta nên đem độc nhất một người hầu lên ở tại đại diên.” Này A-nan, sau đó Vua Đại Thiện Kiến đem người hầu lên đại điện, đi vào lâu băng vàng, ngôi ở ngự tòa băng bạc được trải lên băng những thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những thứ gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng vàng đi ra, nhà vua lại đi vào lau bằng bạc, ngồi vào ngự tòa bang vàng được trải các thứ nệm chăn, đệm lông năm săc? được phủ lên băng những thứ gâm, the, lụa, sa-trun9 có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng bạc đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng lưu ly, ngồi vào ngự tòa bằng thủy tinh được trải bằng những thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng những gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đâu đê gói, và trải thảm quý băng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly các pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Từ lầu bằng lưu ly đi ra, nhà vua lại vào làu bằng thủy tinh, ngoi ở ngự tòa bằng lưu ly được y  y trải băng những thứ chăn nệm, đệm lông năm sác, được phủ lên băng những thứ gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Này A-nan? bấy giờ, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu quá lâu không thấy Vua Đại Thiện Kiến, ai cũng nhớ mong, khao khát muốn thấy. Lúc đó, tám vạn bốn ngàn phu nhân cùng nhau đi đến nữ báu và thưa: "Thiên hậu, nên biết rằng

chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương. Thiên hậu, chúng tôi nay muốn cùng nhau đến yết kiến Thiên vương." Nữ báu nghe xong, liền bảo tướng quân: "Nay khanh nên biết rằng, chúng tôi từ lâu không được hầu cận Thiên vương, nay muốn đến yết kiến Thiên vương.,, Tướng quân nghe vậy, liền đưa tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu đến đại chánh điện; tám vạn bon ngàn thớt voi, tám vạn bon ngàn con ngựa, tám vạn bôn ngàn cô xe, tám vạn bôn ngàn lính bộ, tám vạn bôn ngàn tiêu vương cũng cùng hộ tống, đi đến đại chánh điện. Lúc cả đoàn đang đi, âm thanh ấy vang



dội, chân động mạnh mẽ. Vua Đại Thiện Kiên nghe được âm thanh vang dội, chấn động mạnh mẽ ấy. Nghe xong, nhà vua liền hỏi người đứng hầu bên cạnh: "Đó là tiếng gì mà vang dội, chấn động mạnh thế?" Người hầu thưa: "Tâu Thiên vương, đó là do tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, hôm nay tất cả cùng đến chánh điện; tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bốn ngàn cỗ xe, tám vạn bon ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cùng nhau đến chánh điện, cho nên âm thanh ấy vang dội, chấn động mạnh m“ Nghe xong, Vua Đại Thiện Kiến bảo người hầu cận: "Ngươi mau xuống chánh điện, đến chỗ đất trống, trải gấp các giường bằng vàng rồi trở lại cho ta hay!" Người hầu cận vâng lời, liền từ chánh điện đi xuống, đến chỗ đất trống, trải giường bằng vàng một cách nhanh chóng, liền trở lại thưa: "Con đã trải giường bằng vàng ở chỗ đất trống cho Thiên vương, xin tùy ý Thiên vương!" Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiên liên cùng với người hâu từ chánh điện đi xuống, ngồi trên giường bằng vàng và ngồi kiết-già. Này A-nan, bấy giờ tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu cùng nhau đến trước Vua Đại Thiện Kiến. Này A-nan, từ xa, Vua Đại Thiện Kiến trông thay tám vạn bon ngàn phu nhân và nữ báu, thây xong liên đóng kín các căn. Lúc ây, tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu thấy vua đóng kín các căn, liền nghĩ: "Thiên vương nay chắc chắn không cần đến chúng ta nữa. Vì sao? Vì Thiên vương vừa thây chúng ta liền đóng kín các cần." Này A-nan, khi đó nữ báu đi đến trước Vua Đại Thiện Kiến, và thưa: "Tâu Thiên vương, xin biết cho, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu này hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương thương tưởng đến chúng tôi cho đên lúc mạng chung! Và tám vạn bôn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bon ngàn cỗ xe, tám vạn bon ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương cũng hoàn toàn thuộc về Thiên vương, mong Thiên vương nghĩ tưởng đến tất cả cho đến lúc mạng chung!" Bây giờ, Vua Đại Thiện Kiên nghe những lời ây xong, bảo nữ báu răng: "Này hiền muội, các người luôn luôn xúi giục ta làm ác mà không khuyến khích ta làm lành. Này hiền muội, từ nay về sau, nên khuyến khích ta làm lành, chớ xúi giục ta làm Se!" Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy liền ngồi qua một bên, nước mắt tràn ra, khóc lóc bi thảm, thưa rằng: "Chúng tôi chăng phải là em của Thiên vương mà nay Thiên vương gọi chúng tôi là em.,,



Này A-nan, tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu ây, môi người dùng áo lau nước mắt, lại đến trước Vua Đại Thiện Kiến và thưa: “Tâu Thiên vương, chúng tôi làm thế nào để khuyến khích Thiên vương làm lành, không làm ác?" Vua Đại Thiện Kiến đáp:

“Các hiên muội, hãy nói với ta như thê này: 'Thiên vương biêt không, mạng người ngắn nghi, rồi sẽ đi qua đời sau nên phải tu Phạm hạnh, sự sanh không thể không cham dứt. Thiên vương nên biết, pháp ấy chắc chắn sẽ đến, không nên ái niệm, cũng không thể hoan hỷ? tất cả đều hoại diệt, người đời gọi là sự chết. Cho nên, tâu Thiên vương, nếu có niệm, có dục đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn chớ niệm tưởng. Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn con ngựa, tám vạn bôn ngàn cô xe, tám vạn bôn ngàn lính bộ, tám vạn bôn ngàn tiểu vương, tâu Thiên vương, nếu có niệm, có dục, mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả cho đến lúc mạng chung, vẫn chớ niệm tưởng/ Này các hiền muội, các hiền muội hãy khuyến khích ta làm lành, chớ xúi giục ta làm ác đúng như thế!" Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy thưa rằng: “Tâu Thiên vương, chúng tôi từ nay vê sau sẽ khuyên khích Thiên vương làm lành, không xúi giục Thiên vương làm ác như the này: 'Tâu Thiên vương, mạng người ngắn ngủi, rồi sẽ qua đời sau. Pháp ấy chắc chắn đến, không nên ái niệm, cũng không nên hoan hỷ, hoại diệt tất cả, người đời gọi là sự chết. Cho nên, tâu Thiên vương, nếu có niệm, có dục đối với tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu, mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tất cả, cho đến lúc mạng chung vẫn không niệm tưởng! Đối với tám vạn bốn ngàn thớt voi, tám vạn bốn ngàn ngựa, tám vạn bốn ngàn xe, tám vạn bốn ngàn lính bộ, tám vạn bốn ngàn tiểu vương, nêu có dục, có niệm, mong Thiên vương đoạn trừ, xả ly tát cả, cho đên lúc mạng chung cũng không niệm tưởng.'" Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiên thuyêt pháp cho tám vạn bôn ngàn phu nhân và nữ báu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bang vô lượng phương tiện thuyết pháp cho những người ấy, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, nhà vua bảo họ trở về. Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu biết nhà vua ra lệnh bảo về, mỗi người đều đến bái biệt trở về. Này A-nan, tám vạn bốn ngàn phu nhân và nữ báu ấy trở về chưa bao lâu, Vua Đại Thiện Kiến cùng người hau cận trở lên đại điện, vào lầu bằng vàng, ngồi trên ngự tòa bằng bạc được trải bằng các thứ nệm chăn, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, quán như thế này: “Ta đến đây là cuối cùng, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau,



dua siêm, dôi trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bát thiện đên đây là cuối cùng; tâm cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú; cũng như thế, hai phương, ba phương, bốn phương và bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, bao la, rộng lớn, vô lượng khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu và an trú." Từ lầu bằng vàng đi ra, nhà vua lại vào lầu bằng bạc, ngồi trên ngự tòa bằng vàng được trải lên bằng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sắc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa? sa-trun, có chăn đệm lót hai đầu để gối, và trải thảm \ \ > r quý băng da con sơn dương; ngôi xong, nhà vua quán tưởng răng: “Ta đên đây là cuối cùng, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện đến đây là cuối cùng; tâm cùng với bi tương ưng, biến mãn một phương,

thành tựu an trú trong đó; cũng như thê, hai, ba, bôn phương và bôn hướng, phương trên, phương dưới, phô biên cùng khăp, không két, không oán, không nhuê, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú.” Từ lầu bằng bạc đi ra, nhà vua lại đi vào lầu bằng lưu ly, ngồi trên ngự tòa băng thủy tinh được trải băng các thứ chăn nệm, đệm lông năm sc, được phủ lên băng các thứ gâm, the, lụa, sa-trun, có chăn nệm lót hai đâu đê gói, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngoi xong, nhà vua quán the này: "Ta đen đây là cuối cùng, niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, đấu tranh, ghét nhau, dua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện đến đây là cuối cùng; tâm cùng với hỷ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu, an trú; cũng giông như thê, hai, ba, bôn phương và bôn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú.” Từ lầu bằng liru ly đi ra, nhà vua lại đi vào lầu bằng thủy tinh, ngồi trên ngự y y  tòa băng lưu ly được trải lên băng các thứ chăn nệm, đệm lông năm săc, được phủ lên bằng các thứ gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn nệm lót hai đầu để gối, và trải thảm quý bằng da con sơn dương; ngồi xong, nhà vua quán như thế này: "Ta đên đây là cuôi cùng, niệm dục, niệm nhue? niệm hại, đâu tranh, ghét nhau, dua siểm, dối trá, lừa gạt, nói láo, vô lượng các pháp ác, bất thiện, đến đây là cuối cùng; tâm cùng với xả tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an tru; cũng như thế, hai, ba, bốn phương và bốn hướng, phương trên và phương dưới, phổ biến cùng khắp, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú." Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, qua đời với một cảm giác đau nhè nhẹ. Cũng giống như cư sĩ, hoặc con cư si, ăn món ăn mỹ diệu, cảm thấy một chút khó chịu. Này A-nan, Vua Đại Thiện Kiến vào giờ phút cuối cùng, qua đời với một cảm giác đau nhè nhẹ cũng lại như vậy.

352  KINH TRUNG A-HÀM

Này A-nan? bấy giờ Vua Đại Thiện Kiến tu bốn Phạm thất, sau khi xả bỏ niệm dục, nhờ đó, lúc mạng chung sanh vào trong cõi Phạm thiên. Này A-nan, vua Đại Thiện Kiên thuở xưa ây, ông cho là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy! Nên biết rằng, vị ấy chính là Ta. Này A-nan, lúc bấy giờ, Ta làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, cầu an ổn, an lạc cho trời và người. Bấy giờ, Ta thuyết pháp khônệ đến chỗ rốt ráo, không rốt ráo bạch tịnh, không rót ráo Phạm hạnh. Vì không rót ráo Phạm hạnh nên bấy giờ Ta không lìa khỏi sự sanh, tuổi già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, ảo não, cũng chưa thoát khỏi mọi kho đau. Này A-nan, nay Ta là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng ChánhGiác, Minh Hạnh Thảnh, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta tự làm lợi ích cho mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người; Ta thương xót thế gian, mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, cầu an ổn, an lạc cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp được đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh. Vì rốt ráo Phạm hạnh nên nay Ta lìa khỏi sự sanh, tuổi già, tật bệnh, sự chết, khóc lóc, ảo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi sự khổ đau. Này Anan, từ thành Câu-thi Vương, từ rừng Hòa-bạt-đơn-lực-sĩ sala, từ sông

Ni-liên-nhiên? từ sông cầu- càu, từ tinh xá Thiên Quang? từ chỗ trải chỗ nằm cho Ta hôm nay trong khoảng thời gian giữa đó, Ta bảy lần xả thân. Trong bảy lần ấy, sáu lan làm Chuyển Luân Vương, nay là lần thứ bảy trở thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. NàyA-nan? Ta không thấy ở đâu trong thế gian này, Thiên hay Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người mà Ta sẽ xả thân thêm lần nữa, vì điều đó không thể có. Này A-nan, nay đây là sự sanh cuối cùng của Ta, là sự hữu cuối cùng, là thân cuôi cùng, là hình cuôi cùng. Ta nói, đây là chỗ tận cùng của khổ. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

69. KINH TAM THẠP DỤ Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú tại vườn Ca-lan-đa5 trong rừng Trúc Lâm, cung với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa tại đó. Bấy giờ, đức Thế Tôn, vào ngày rằm thuyết giải thoát giới, trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong, đức Thế Tôn nhập định, quán tâm các Tỳ-kheo. Lúc đó, đức Thế Tôn thấy chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa yên lặng, rất yên lặng, không có thụy miên, vì đã trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng có mặt ở trong chúng ấy. Bấy giờ, đức Thê Ton bao: —Này Xá-lọd-phất, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thụy miên vì đã trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm tham, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu. Ai là người có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo? Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo lệch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng:  Bạch đức Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo tĩnh tọa im lặng, rất im lặng, không có thụy miên, vì đã trừ ấm cái. Chúng Tỳ-kheo ngồi thậm thâm, rất thậm thâm; tịch tĩnh, rất tịch tĩnh; vi diệu, rất vi diệu như thế. Bạch đức Thế Ton, không ai là người có the kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có đức The Tôn mới có thể kính Ương, phụng sự Pháp và chúng Tỳ-kheo cùng với giới bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có đức Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự mà thôi. Đức Thế Tôn bảo: -Này Xá-lqi-phất, đúng như vậy! Không ai có thể kính trọng, phụng sự chúng Tỳ-kheo, chỉ có Thế Tôn mới có thể kính trọng, phụng sự Pháp và chúnẹ Tỳ-kheo cùng với giới bất phóng dật, bố thí và định. Chỉ có Thế Tôn mới có the kính trọng, phụng sự mà thôi. Này Xá-lợi-phất? cũng giống như vua và đại thần có đầy đủ các thứ trang sức lụa, tơ, gấm, len, nhẫn tay, xuyến, cườm tay, chuỗi ngọc khuỷu tay, kiềng đeo cổ, vàng, bạc, châu ngọc cài mái tóc. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni cũng giống như thế, dùng giới đức để làm đồ trang sức. Này XálqiRhất, nếu Tỳ-kheo; Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức để làm đồ trang sức thì lồn có thể xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.



Này Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần có năm nghi trượng: Kiếm, lọnệ, thiên quan, phất trần, cán bằng ngọc và dép hoa để bảo vệ thân cho được an on. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ Phạm hạnh cũng giông như thê. Này Xá-lợi-phất, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng sự giữ gìn cấm giới để bảo vệ Phạm hạnh thì liên xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có người giữ cửa. Này Xá-lợi- phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy sự thủ hộ sáu căn

làm người giữ cửa cũng giống như the. Này Xá-lợi-phất, nêu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào thành tựu sự giữ gìn sáu căn làm người giữ cửa thì liền xả được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có tướng giữ cổng, thông minh, trí tuệ, biết phân biệt rõ ràng. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm tướng giữ cổng cũng như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ- kheo, Tỵ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm người giữ cổng thì xả được điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phât, cũng như vua và đại thân có ao tăm đẹp, trong mát, nước vừa đủ. Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng tĩnh tâm làm ao tắm mát cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỵ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tĩnh tâm làm ao tắm mát thì xả được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất9 cũng giống như vua và đại thần có người chăm sóc tắm rửa, thường nhắc nhở tắm rửa. Này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lấy thiện tri thức làm người chăm sóc tắm rửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc lấy thiện tri thức làm người chăm sóc tắm rửa thì xả được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có bột hương thoa thân, mật cây, trầm thủy, chiên-đàn, tô hợp, kê thiệt, đô lương. Này Xá-lợi-phất, Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni dùng giới đức để làm hương xoa cũnạ như thế. Này Xá-lợi- phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu giới đức đê làm hương xoa thì xả bỏ được điều ác? tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât5 giông như vua và đại thân có y phục tót đẹp như áo sơ-ma? áo gấm, lụa, áo bông trắng, áo da con sơn dương. Xá-lợri-phất, Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni dùng sự hổ thẹn làm y phục cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hổ thẹn làm y phục thì xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, giống như vua và đại thần có giường ghe tốt đẹp, cao rộng. Này Xá-lợi-phất? Tỳ-kheo, Tỵ-kheo-ni dùng bốn thiền làm giường ghế cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất9 nếu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn thiền để làm giường ghế thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất5 giống như vua và đại thần có thợ hớt tóc lành nghề, thường nhác nhở tăm rửa; thì này Xá-lợi-phât, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm



làm thợ hớt tóc cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm thợ hớt tóc thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất9 cũng như vua và đại thần có đồ ăn ngon lành, mỹ diệu, đủ các mùi vị đặc biệt; thì này Xá-lợi-phất, Ty-kheo, Tỳ-kheo-ni nào dùng hỷ làm thức ăn cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu hỷ làm thức ăn thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng giống như vua và đại thần có các thức uống như nước trái xoài, nước chiêm-ba, nước mía, nước nho, nước mạt-ta-đề; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng pháp vị làm thức uống cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất9 nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu pháp vị làm thức uống thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có những tràng hoa đẹp như tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bặc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư, tràng hoa a-đê-mưu-đa; thì này Xá-lợi-phât, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba định là không, vô nguyện, vô tướng làm tràng hoa cũng giống như thế. Này Xá-lợi- phát, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lây sự thành tựu

ba định làm tràng hoa thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có phòng ốc, nhà cửa, lầu quán; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng ba thất là thiên thất, phạm thất, thánh thất làm nhà cửa cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất9 nếu Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni nào lay sự thành tựu ba thất làm nhà cửa thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phât5 cũng như vua và đại thân có người điên thủ, tức người giữ nhà; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm kẻ giữ nhà cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm kẻ giữ nhà thì liền xả bỏ được điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lọi-phất, cũng giống như vua và đại thần có các quốc ấp nộp bốn loại thuê: Loại thứ nhát đê dâng vua, và cung cáp cho hoàng hậu và cho các thê nữ ở trong cung; loại thứ hai để cung cấp cho thái tử và quần thần; loại thứ ba để cung cấp cho toàn dân; loại thứ tư để cung cấp cho Sa-môn, Phạm chí; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn niệm xứ làm thuế cũng giống như vậy. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ.kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn niệm xứ làm thuế thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bốn chánh đoạn làm bốn loại quân cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn chánh đoạn làm bốn loại quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.



Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có bốn loại xe như xe tải bằng voi, xe tải bằng ngựa, xe tải bằng xe, xe tải bằng người; thì này Xá-lợi-phất? Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni dùng bốn như ý túc làm xe tải cũng giống như thế. Này Xá-lọi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bốn như ý túc dùng làm xe tải thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-Iợi-phất5 cũng như vua và đại thần có các loại xe trang hoàng bằng các loại da vằn tốt của sư tử, cọp, beo, dệt thành những thứ màu sắc lẫn lộn đê trang hoàng; thì này Xá-lợi-phât, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chỉ quán làm xe cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất? nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chỉ quán làm xe thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất5 cũng như vua và đại thần có người giá ngự, tức là người đánh xe; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm kẻ giá ngự cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm giá ngự thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có cây phướn rất cao; thì này Xá-lợi-phất9 Tỳ-kheo5 Tỳ-kheo-ni đem tâm mình làm cây phướn cao cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất5 nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu tâm mình làm cây phướn cao thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất5 cũng như vua và đại thần có đườnẹ đi tốt đẹp, bằng phẳng, ngay ngắn, đi thẳng đến viên quán; thì này Xá-lợi-phât, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng Thánh đạo tám ngành làm con đường bang phang, ngay ngan, đi thẳng đến Niết-bàn, cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phât, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu Thánh đạo tám ngành làm con đường bằng phẳng, ngay ngắn, đi thẳng đến Niết-bàn thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có tướng quân thông minh, trí tuệ, biết phân biệt

rõ ràng; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm tướng quân cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất9 nếu Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm tướng quân thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất9 cũng như vua và đại than có đại chánh điện cao rộng, sáng sủa; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng trí tuệ làm đại chánh điện cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phat, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu trí tuệ làm đại chánh điện thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần bước lên trên điện cao, quan sát những người dưới thấp qua lại, chạy nhảy, đi đứng, ngồi nằm; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đem vô lượng trí tuệ thăng lên cao điện, để tự quán tâm mình làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyến, hoan hỷ, viễn ly cũng như vậy. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào thành tựu vô thượng trí tuệ cao điện, để tự quán tâm mình làm cho tâm trùm khắp, nhu nhuyến, hoan hỷ, viễn ly thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện.

69. KINH TAM THẬP DỤ 357

Này Xá-lợi-phất9 cũng như vua và đại thần có quan tông chánh, thành thạo tôn tộc; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo5 Tỵ-kheo-ni khi dùng bốn Thánh chủng làm quan tông chánh cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni nào lây sự thành tựu bôn Thánh chủng làm quan tông chánh thì liên xả bỏ điều ác? tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có lương y danh tiếng, trị được các bệnh; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng chánh niệm làm lương y cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất5 nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu chánh niệm làm lương y thì liên xả bỏ điêu ác, tu tập điêu thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có giường chánh ngự, trải lên băng các thứ chăn nệm, đệm lông năm săc, phủ lên băng các thứ gâm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm lót hai đâu đê gói, và trải thảm quý băng da con sơn dương; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng vô ngại định làm giường chánh ngự cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu vô ngại định làm giường chánh ngự thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thần có ngọc báu danh tiếng; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni dùng bất động tam giải thoát làm ngọc báu danh tiếng cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất9 nếu Tỳ-kheo; Tỳ-kheo-ni nào lấy sự thành tựu bất động tâm giải thoát làm ngọc báu danh tiếng thì liền xả bỏ điều ác, tu tập điều thiện. Này Xá-lợi-phất, cũng như vua và đại thân tăm nước trong mát, thoa bột hươrig tốt, khiến thân thể sạch, thơm; thì này Xá-lợi-phất, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni lấy việc tự quán tâm mình khiến cho thân tịch tịnh cũng giống như thế. Này Xá-lợi-phất, nếu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào thành tựu việc tự quán tâm mình khiến cho thân tịch tịnh thì có thể kính trọng phụng sự Thế Tôn, Pháp và chúng Tỳ-kheo? cùng với giới bất phóng dật, bố thí và đinh. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong những lời đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

70. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật du hóa tại Ma-đâu-lệ-sát-lợi, trong rừng xoài, trên bờ sông Sử-hà.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo, hãy tự mình tháp lên ngọn đèn Chánh pháp, hãy tự r

nương tựa nơi pháp của chính mình, chớ đừng thắp lên ngọn đèn nào khác, đừng nương tựa một pháp nào khác. Này các Tỳ-kheo, nếu ai tự mình thắp lên ngọn đèn Chánh pháp, tự nương tựa nơi pháp của chính mình, không thắp lên ngọn đèn nào khác, không nương tựa pháp nào khác thì có thể cầu học, được lợi và phước vô lượng. Vì sao? Này các Tỳ-kheo, thuở xưa, có vua tên là Kiên Niệm làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào? Thành tựu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như đã nói trước đây. Bây giờ, Vua Kiên Niệm, vào một thòri gian sau, thiên luân báu bông rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, đến chỗ Vua Kiên Niệm thưa: "Tâu Thiên vương, nên biết rằng, thiên luân báu đã rời khỏi chỗ c£L" , A

Vua Kiên Niệm nghe xong, bảo răng: “Này Thái tử, thiên luân báu của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Này Thái tử, chính ta từng nghe cổ nhân nói rằng nếu thiên luân báu của Chuyển Luân Vương rời khỏi chỗ cũ thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa. Này Thái tử, ta đã hưởng dục lạc nhân gian, nay sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia dinh, xuất gia học đạo. Này Thái tử, nay ta đem bốn châu thiên hạ này giao phó cho con, con hãy chỉnh trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi Phạm hạnh. Này Thái tử, về sau, nêu con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước này giao phó lại cho con của con; khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn cho nó, rồi con cũng phải cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo.” Bấy giờ, Vua Kiên Niệm giao phó đất nước cho thái tử và khéo dạy bảo xong, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia



đình, xuất gia học dạo. Sau khi Vua Kiên Niệm xuất gia học đạo bảy ngày, thiên luân báu ấy biến mất, không thấy. LÚC mát thiên luân báu, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh quá ưu sâu, ảo não, không hoan lạc. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đến chỗ tiên nhơn, tức Vua cha Kiên Niệm, đến rồi thưa rằng: uTâu Thiên vương, nên biết rằng, sau khi Thiên vương học đạo mới bảy ngày thì thiên luân báu kia biên mát, không thây nữa. Tiên nhơn, Vua cha Kiên Niệm bảo Vua Sát-lợi Đảnh Sanh rằng: "Con chớ vì mất thiên luân báu mà nhớ tiếc, ưu sầu. Vì sao? Con không được thiên luân báu này từ nơi cha." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại thưa cha: "Tâu Thiên vương, con nay phải làm gi?" Tiên vương, Vua cha Kiên Niệm bảo: "Con phải học pháp kế thừa. Nếu học pháp kế thừa thì vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và đi lên chánh điện xong thì thiên luân báu ấy chắc chắn sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời.” Vua Sát-lợi

Đảnh Sanh lại thưa với vua cha răng: "Tâu Thiên vương, pháp kế thừa như thế nào, mà Thiên vương muốn bảo con học, để lúc học rồi, vào ngày rằm là lúc thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện thì thiên luân báu ây sẽ từ phương Đông hiện đên, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời?" Tiên nhơn, Vua cha Kiên Niệm, lại bảo: "Con hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khổ, Sa-môn9 Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và đèn mà cho họ. Nếu trong nước con có các bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn, Phạm chí thì con phải tùy thời đi đến chỗ của các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: 'Thưa chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc, bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục dh của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?9 Được nghe từ các vi ấy xong thì hãy thực hành đúng như lời các vị ấy dạy. Nếu trong nước con có kẻ bần cùng thì hãy lấy của cải cung cấp

70. KINH CHUYÊN LUÂN VƯƠNG  361

đầy đủ. Này con, đó là pháp kế thừa, con nên khéo học. Con đã khéo học thì vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện, chắc chắn thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tư nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lưa, choi lọi sangngai." ' p g '

Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, sau đó liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào các ngày mùng tám, mười bốn và mười lăm, tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khốn, Sa- môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quân và đèn cung cáp cho họ đây đủ. Nêu trong nước của vua có các bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn9 Phạm chí thì vua tùy thời đích thân đến chỗ các ngài hỏi pháp, thọ pháp như thế này: “Thua chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc, bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ §c?" Được nghe tìr các ngài rồi, nhà vua thực hành đúng pháp, như lời các ngài chỉ dạy. Nếu trong nước của vua có kẻ bần cùng, nhà vua liền lấy của cải, tùy thời cung cấp đầy đủ. Sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, khi đã tắm rửa và len chánh điện rồi, thiên luân báu ấy từ phương Đông hiện đến, có ngàn căm và đầy đủ các bộ phận thanh tinh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngời. Vua được làm Chuyển Luân Vương, thành tựu bảy báu, được phước đức của một người có bốn

thứ như ý. Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như thế nào? Thành tựu bảy báu và được phước đức của một người có bốn thứ như ý như đã nói ở trước. Vua Chuyển Luân Vương ấy, vào một thời gian sau, thiên luân báu bỗng nhiên rời khỏi chỗ cũ. Có người trông thấy, liền đến chỗ vua Chuyển Luân Vương, thưa rằng: "Tâu Thiên vương, nên biết rằng, thiên luân báu đã rời khỏi chỗ cũ." Chuyển Luân Vương nghe xong, liền bảo thái tử: "Này Thái tử, thiên luân báu của ta đã rời khỏi chỗ cũ. Thái tử, ta từng nghe từ phụ vương ta, Tiên nhơn Kiên Niệm như the này: 'Nếu thiên luân báu của vua Chuyển Luân Vương rời khỏi chỗ cũ thì vua ấy chắc chắn không còn sống lâu, mạng vua không tồn tại lâu nữa/Này Thái tử, ta đã hưởng dục lạc thế gian, nay sẽ cầu dục lạc thiên thượng. Này Thái tử, ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này Thái tử, con hãy chỉnh trị, giáo hóa đúng như pháp, chớ dùng phi pháp, không để



cho trong nước có những người tạo ác nghiệp và phi Phạm hạnh. Này Thái tử, về sau, nếu con thấy thiên luân báu rời khỏi chỗ cũ thì con cũng phải đem việc quốc chính của nước mà giao phó lại cho con của con, khéo dạy bảo và ủy thác giang sơn cho nó, rồi con cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo." Bấy giờ, Vua Chuyển Luân Vương ấy giao phó đất nước cho thái tử, khéo dạy bảo xong liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Sau khi Vua Chuyển Luân Vương xuất gia học đạo bảy ngày thì thiên luân báu biên mát, không còn thây nữa. Lúc mất thiên luân báu, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh không ưu sầu mà lại nhiễm dục, trước dục, không nhàm chán tham dục, bị dục tr6i buộc, bị lệ thuộc vào dục, bị dục sai khiến, không thấy tai họa của dục, không biết sự xuất ly khỏi dục, tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì tự cai tri đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nỗi; trong khi các vị Chuyển Luân Vương thuở xưa học pháp kế thừa nên đất nước nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi không hề suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại tự cai trị đất nước theo ý mình, vì tự cai tri đất nước theo ý mình nên đất nước suy vong, không phục hưng nỗi. Bây giờ, Phạm chí quôc sư đi quan sát tình cảnh đất nước, thây đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nỗi, liền nghĩ rằng: "Vua Sát-lợi Đảnh Sanh tự cai trị đất nước theo ý mình. Vì cai trị đất nước theo ý mình nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng nỗi; trong khi các bậc Chuyển Luân Vương thuở xưa học pháp kế thừa nên đất nước, nhân dân càng hưng thịnh thêm mãi, không hề suy giảm. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh này lại tự cai trị đất nước theo ý của vua. Vì cai tri đất nước theo ý của vua nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng n6i." Phạm chí quôc sư liên đên Vua Sát-lợi Đảnh Sanh và thưa: "Tâu Thiên vương, nên biết rằng Thiên vương đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì đã tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước, nhân dân đã suy giảm, không phục hưng nỗi; trong khi các vị Chuyển Luân Vương thuở xưa đã học pháp kê thừa nên đất nước, nhân dân càng himg thịnh mãi, không hề suy giảm. Nay Thiên vương lại tự cai trị đất nước theo ý của Thiên vương. Vì cai tri đất nước theo ý của Thiên vương nên đất nước, nhân dân đã suy vong, không phục hưng n6i." Nghe xong, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo: uNày Phạm chí, ta phải làm thế nao?99 Phạm chí quốc sư trả lời: “Tâu Thiên

vương, trong nước có người thông minh, trí tuệ, am tường toán số. Trong nước có đại thần và quyến thuộc học kinh, hiểu rõ kinh, tụng tập thọ trì pháp kế thừa. Khi đã học pháp kế thừa thì vào ngày rằm là ngày thuyết giải giới thoát, sau khi tắm rửa và lên ngự trên chánh điện xong thì



thiên luân báu ây chác chăn sẽ từ phương Đông hiện đên, có ngàn căm và đây đủ các bộ phận, thanh tinh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: “Này Phạm chí, pháp kế thừa như thế nào, mà Phạm chí muốn ta học, để lúc học roi, vào ngày răm là ngày thuyêt giải thoát giới, sau khi tăm rửa và lên chánh điện xong thì thiên luân báu ấy sẽ từ phương Đông hiện đến, có một ngàn căm, đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ng&i?" Phạm chí quốc sư thưa: "Tâu Thiên vương, Thiên vương hãy quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, hãy vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đên loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và mười lăm; tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đồ ăn, thức uống, áo, mền, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quân, đèn mà cung cáp cho họ đây đủ. Nêu trong nước có bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn, Phạm chí thì Thiên vương hãy tùy thời đi đến chỗ của các ngài để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: 'Thưa chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc, bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ác?' Được nghe từ các ngài xong thì Thiên vương nên thực hành đúng như lời các ngài đã dạy. Nếu trong nước của Thiên vương có kẻ bần cùng thì nên lấy của cải cung cấp đầy đủ cho họ. Tâu Thiên vương, đó là pháp kế thừa, Thiên vương nên khéo học và ghi nhớ, rồi vào ngày rằm là ngày thuyết giải thoát giới, sau khi tắm rửa và lên chánh điện thì thiên luân báu ây chác chăn sẽ từ phương Đông hiện đên, có một ngàn căm và đầy đủ các bộ phận, thanh tịnh tự nhiên, chẳng phải do người tạo, màu sắc như ánh lửa, chói lọi sáng ngòi." Sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền quán pháp đúng như pháp, thực hành pháp đúng như pháp, đã vì thái tử, hậu phi, thể nữ và các thần dân, Sa-môn, Phạm chí, cho đến loài côn trùng mà phụng trì trai giới vào những ngày mùng tám, mười bốn và mười lăm; tu hạnh bố thí, bố thí cho những người nghèo khốn, Sa-môn, Phạm chí, kẻ bần cùng, người cô độc từ các phương xa đến xin, đem đô ăn, thức uông, áo, mên, xe cộ, tràng hoa, bột hoa, bột hương, nhà cửa, giường nệm, đệm lông, khăn quấn và đèn dầu cung cấp cho họ đầy đủ. Nếu trong nước có các bậc Thượng tôn danh đức Sa-môn5 Phạm chí thì vua đã đích thân tùy thời đến chỗ các vị ấy để hỏi pháp, thọ pháp như thế này: “Thua chư Tôn, thế nào là pháp thiện, thế nào là pháp bất thiện? Thế nào là tội, thế nào là

phước? Thế nào là diệu, thế nào là phi diệu? Thế nào là hắc, thế nào là bạch? Pháp hắc, bạch từ đâu sanh? Thế nào là mục đích của đời này, thế nào là mục đích của đời sau? Làm thế nào để thọ thiện mà không thọ ảcT' Được nghe từ các ngài xong, nhà vua thực hành đúng như lời các ngài chỉ bảo. Nhưng trong nước có người bần cùng, vua không đem vật dụng cấp phát. Do đó, kẻ nghèo không có của cải, không được cáp phát nên càng nghèo khôn hơn. Vì nghèo khốn nên ăn trộm vật dụng của kẻ khác. Vì ăn trộm nên chủ nhân bắt trói đem đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng: "Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trj!' Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi người ăn trộm: “Quả thật ngươi có ăn trộm chng?” Người ấy đáp: uTâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm! Vì sao? Tâu Thiên vương, vì nghèo khốn, nếu không ăn trộm thì không có gì để sống/9 Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền đem của cải cấp phát cho và nói với người ăn trộm: "Ngươi hãy trở về và sau này chớ có tái phạm!^, Lúc đó, dân chúng trong nước nghe nói về Vua Sát-lợi Đảnh Sanh như thế này: "Nếu trong nước ai có trộm cắp thì nhà vua liền đem của cải cấp phát cho.” Do đó, có người nghĩ rằng: "Chúng ta cũng nên ăn cắp tài sản của người khác." Từ đó, dân chúng trong nước ai cũng tranh nhau trộm cắp tài sản của kẻ khác. Vì thế, người nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát càng trở nên nghèo khốn hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên tuổi thọ của con người giảm xuống, hình sác trở nên thô xâu. Này các Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xâu thì người cha thọ tám vạn tuổi, con thọ bôn vạn tuôi. Này các Tỳ-kheo? lúc loài người thọ bốn vạn tuổi, có người trộm cắp vật dụng của kẻ khác. Chủ nhân bắt trói, dẫn đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng: "Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con. Xin Thiên vương trừng tri!" Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi người lấy trộm: "Quả thực ngươi có ăn trộm chng?" Người ấy đáp: "Tâu Thiên vương, quả thật con có ăn trộm! Vì sao? Vì nghèo khốn, nếu không ăn trộm, con không có gì để s6ng." Nghe xong, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh liền nghĩ rằng: "Nếu trong nước ta có nạn trộm cắp vật dụng của kẻ khác mà ta lại đem của cải cấp phát đầy đủ; như



vậy, khi không ta làm cho đất nước kiệt quệ, dung tung cho nạn trộm cắp lan tràn. Nay ta nên rèn dao thực bén, nếu trong nước ta có ai trộm cắp thì bắt trói ngay dưới cây nêu cao và chém đầu n6." Sau đó, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hạ lệnh rèn dao thật bén, nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác thì cho bắt ữới dưới cây nêu cao và chém đầu. Người trong nước bấy giờ nghe Vua Sát-lợi Đảnh Sanh ra lệnh rèn dao thật bén, nếu trong nước có ai ăn trộm vật dụng của kẻ khác thì cho bắt trói dưới cây nêu cao và chém đâu. Họ bèn nghĩ răng: “Ta cũng nên bát chước rèn dao thật bén, mang đi ăn trộm vật dụng, nếu lấy vật dụng của ai thì bắt chủ nhân của vật ấy mà chem dầu." Từ đó về sau, những người ăn ựộm thi nhau rèn dao bén, mang đi ăn ựộm vật dụng, bắt các chủ nhân mà chém đầu. Do đó, kẻ nghèo khốn không của cải, không được cấp phát càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn hơn nên nạn trộm cắp càng lan tràn thêm. Vì nạn trộm cắp càng lan tràn nên sự chém giết càng tăng lên. Vì nạn chém giết càng tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Này các Tỳ-kheo, sau khi tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ sống

bốn vạn tuổi và con sống hai vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người sông hai vạn tuôi, có người ăn trộm vật dụng của kẻ khác. Chủ nhân bắt trói, dẫn đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, thưa rằng: “Tâu Thiên vương, người này ăn trộm vật dụng của con, xin Thiên vương trừng trj!" Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi tội nhân: "Quả thực ngươi có ăn trộm chăng?" Bấy giờ, người ăn trộm nghĩ rằng: "Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nếu biết sự thật này thì sẽ trói rồi đánh mình, hoặc vứt ném, hoặc tẩn xuất, hoặc phạt tiền của, hoặc trừng trị đau đớn đủ cách, hoặc treo lên cây rồi bêu đầu của mình. Có lẽ mình nen dùng lời nói dối, lừa gạt Vua Sát-lợi Đảnh Sanh chng?" Nghĩ xong, người ấy thưa rằng: "Tâu Thiên vương, tôi không lấy trộm.,, Do đó, kẻ nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn nên nạn trộm cắp càng lan tràn mãi. Vì nạn trộm cắp lan tràn nên sự chém giết gia tăng. Vì sự chém giết gia tăng nên sự nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì sự nói dối, nói hai lưỡi gia tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuồng, hình sác trở nên thô xâu. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai vạn tuổi, người con chỉ thọ một vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một vạn tuổi thì trong nhân dân có người có dức, có người vô đức. Nếu ai vô đức thì ghen ghét người có đức và



phạm tà hạnh với vợ của người. Do đó, kẻ nghèo khốn không có của cải, không được cấp phát càng nghèo khốn hơn. Vì càng nghèo khốn nên trộm cắp càng lan tràn. Vì trộm cắp lan tràn nên chém giết gia tăng. Vì chém giết gia tăng nên nói dối, nói hai lưỡi gia tăng. Vì nói dối, nói hai lưỡi gia tăng nên tật đố, tà dâm gia tăng. Vì tật đố, tà dâm gia tăng nên tuổi thọ của loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Này các Tỳ-kheo5 lúc tuổi thọ giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ một vạn tuổi, người con chỉ thọ năm ngàn tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người chỉ thọ năm ngàn tuổi thì ba pháp gia tăng, đó là phi pháp dục, tham và tà pháp. Vì ba pháp này gia tăng nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ năm ngàn tuổi, người con chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi. Này các Tỳ-kheo5 lúc loài người thọ hai ngàn năm frăm tuổi thì ba pháp khác lại gia tăng, đó là lưỡng thiệt, thô ngữ và ỷ ngữ. Vì ba pháp này gia tăng nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Này các Tỳ-kheo? lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ hai ngàn năm trăm tuổi, người con chỉ thọ một ngàn tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ một ngàn tuôi thì một pháp gia tăng, đó là tà kiến. Vì pháp này gia tăng nên tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người giảm xuống, hình sắc trở nên thô xấu thì người cha chỉ thọ một ngàn tuổi, người con chỉ thọ năm trăm tuổi. Này các Tỳ-kheo, khi loài người thọ năm trăm tuổi thì con người lúc ây suốt đời không hiếu thảo với cha mẹ, không kính trọng Sa-môn, Phạm chí, không làm việc thuận lợi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau. Loài người vì không hiếu thảo với cha mẹ, không tôn kính Sa~môn? Phạm chí, không làm việc thuận lọi, không tạo phước nghiệp, không thấy tội đời sau; cho nên, này các Tỳ-kheo, lúc đó người cha chỉ thọ năm trăm tuổi, người con chỉ thọ hai trăm năm mươi tuổi, hoặc hai trăm tuổi. Này các Ty.kheo, hiện giờ nêu có ai

trường thọ thì được một trăm tuôi và có thể là ít hơn nữa. Đức Phật lại bảo:  Một thời gian lâu xa về đời vi lai, sẽ có lúc con người chỉ thọ mười tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì con gái sanh ra mới năm tháng đã lây chồng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có một giống lúa tên là bại tử, là thức ăn ngon nhất, cũng như lúa gạo là thức ăn ngon nhất của con người hôm nay. Này các Tỳ-kheo, cũng giống như thế, lúc con người thọ mười tuổi thì có loại lúa tên là bại tử, là món ăn ngon nhất. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuôi, nêu ngày nay có sữa, dâu, muôi, đường phèn, đường mía thì thời ây, những thứ đó sẽ biên mát tát cả.

70. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG  367

Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuôi, nêu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy sẽ được người khác kính trọng. Cũng như hiện giờ, nếu ai tạo mười thiện nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi cũng như vậy, nếu ai tạo mười ác nghiệp đạo thì kẻ ấy được người khác kính trọng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì hoàn toàn không có một danh từ "thiên", huống nữa là có người tạo mười thiện nghiệp đạo. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, có người tên là Đàn Phạt, đi đến khắp mọi nhà, hành hạ đánh đập. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi thì mẹ đôi với con có tâm giết hại rất mãnh liệt; con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt; cha con, anh em, chị em, thân thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau. Cũng như người thợ săn, trông thấy con nai thì có tâm giết hại rất mãnh liệt. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi cũng lại như thê, mẹ đôi với con có tâm giết hại rất mãnh liệt; con đối với mẹ cũng có tâm giết hại rất mãnh liệt; cha con, anh em, chị em, quyến thuộc đối với nhau đều có tâm giết hại lẫn nhau. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ mười tuổi, sẽ có nạn đao binh bảy ngày. Nếu ai cầm cỏ thì cỏ hóa thành dao, nếu ai nắm cây củi thì cây củi cũng hóa thành đao. Ai cũng dùng đao đe giết hại lẫn nhau. Qua bảy ngày, nạn đao binh mới cham dứt. Bấy giờ, cũng có người biết thẹn thùng xấu hổ, nhàm tởm, chán ghét, không ưa những kẻ hung ác kia. Lúc có nạn đao binh bảy ngày, họ đi vào núi non hoặc đông nội, ân náu ở nơi yên ôn. Sau bảy ngày ây thì họ từ núi non đông nội, nơi yên ổn đi ra. Trông thấy nhau, họ sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng. Cũng như mẹ hiền chỉ có một đứa con đã xa cách lâu ngày, nay từ phương xa trở vê gia đình yên ôn? mẹ con thây nhau, hoan hỷ, sanh lòng thương mên, quyên luyên nhau vô cùng. Những người kia, sau bảy ngày, từ núi non đông nội, ở chốn yên ổn đi ra, trông thấy nhau, sanh lòng thương mến, quyến luyến nhau vô cùng cũng giống như thế. Trông thấy nhau rồi, họ liền nói rằng: "Chu Hiền, chúng ta nay thấy nhau còn được yên ổn, chúng ta vì tạo pháp bất thiện nên gặp gỡ nơi đây, thân tộc chết hết. Chúng ta hãy cùng nhau thực hành thiện pháp. Làm thế nào để cùng nhau thực hành thiện pháp? Chúng ta đều là kẻ sát sanh, nay nên xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; chúng ta nên thực hành thiện pháp ấy.” Những người kia cùng nhau thực hành thiện pháp. Sau khi thực hành thiện pháp tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo5 lúc tuổi thọ đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ mười tuổi sanh ra con thọ hai mươi tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ hai mươi tuổi lại nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện

nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn?



Chúng ta đã xa lìa sự sát sanh, đoạn trừ sát sanh; nhưng vân còn cùng nhau lây của không cho, chúng ta nên xa lìa việc lây của không cho, đoạn trừ việc lây của không cho. Chúng ta nên cùng nhau làm điều thiện ấy." Những người kia liền cùng nhau làm điều thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sac trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuôi thọ của loài người tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai mươi tuổi sanh con thọ bốn mươi tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ bôn mươi tuôi cũng nghĩ thê này: "Nêu câu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lây của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho, nhưng vẫn còn tà dâm. Chúng ta nên xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm. Chúng ta nên làm việc thiện ay?9 Những người kia cùng nhau làm điêu thiện như thế. Khi đã làm điều thiện ấy, tuổi thọ lại tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ bốn mươi tuổi sanh con thọ tám mươi tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ tám mươi tuổi cũng nghĩ thế này: "Nếu cầu học điêu thiện thì tuôi thọ tăng lên, hình sác trở nên đẹp đẽ. Chúng ta cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn. Làm thê nào đê cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm, nhimg vẫn còn nói dôi. Chúng ta nên xa lìa nói dôi, đoạn trừ nói dôi. Chúng ta nên làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo? lúc tuôi thọ của loài người đã tăng lên, hình sác trở nên đẹp đẽ thì người thọ tám .2. .2. . mươi tuổi sanh con thọ một trăm sáu mươi tuôi. Này các Tỳ-kheo, người thọ một trăm sáu mươi tuổi cũng nghĩ như thế này: “Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn. Làm thê nào đê cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; đã xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; đã xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; đã xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói doi, nhung vẫn còn nói hai lưỡi. Chúng ta nên xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy." Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ- kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một trăm sáu mươi tuổi sanh con thọ ba trăm hai mươi tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ ba trăm hai mươi tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu câu học điêu thiện thì tuôi thọ tăng lên, hình sác trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của



không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi, nhưng còn

nói thô ác. Chúng ta nên xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Chúng ta nên làm việc thiện ây." Những người kia liên cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ ba trăm hai mươi tuổi sanh con thọ sáu trăm bốn mươi tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi cũng nghĩ rằng: “Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn. Làm thê nào đê cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác? nhung vẫn còn nói lời thêu dệt. Chúng ta nên xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt. Chúng ta nên làm việc thiện ấy." Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ> kheo, lúc tuổi thọ loài người đã tăng lên, hình sác trở nên đẹp đẽ thì người thọ sáu trăm bốn mươi tuổi, sanh con thọ hai ngàn năm trăm tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ hai ngàn năm trăm tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu câu học điêu thiện thì etuôi thọ e y tăng lên, hìnhr săc trở2 nên đẹp • đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn. Làm thê nào đê cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt, nhưng còn tham lam tật đố. Chúng ta nên xa lìa tham lam tật đô, đoạn trừ tham lam tật đô. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ay?9 Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo? lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai ngàn năm trăm tuổi sanh con thọ năm ngàn tuổi. Này các Tỳ-kheo? người thọ năm ngàn tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn. Làm thê nào đê cùng nhau làm việc thiện nhiêu hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; xa lìa lời nói thêu dệt, . r r đoạn trừ lời nói thêu dệt; xa lìa tham lam tật đô, đoạn trừ tham lam tật đô, nhưng



vân còn sân nhuê. Chúng ta nên xa lìa sân nhuê, đoạn trừ sân nhuê. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ấy.” Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo? lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ năm ngàn tuổi sanh con thọ một vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo, người thọ một vạn tuôi cũng nghĩ răng: uNêu câu học điêu thiện thì tuôi thọ tăng lên, hình sác trở nên đẹp đẽ. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm việc thiện

nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt; xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố; xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế, nhưng vẫn còn tà kiến. Chúng ta nên xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện ny." Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuổi thọ liền tăng thêm, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của con người đã tăng lên? hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ một vạn tuổi sanh con thọ hai vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo? người thọ hai vạn tuổi cũng nghĩ rằng: "Nếu cầu học điều thiện thì tuổi thọ tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Chúnẹ ta nên cùng nhau làm điều thiện nhiều hơn. Làm thế nào để cùng nhau làm điêu thiện nhiều hơn? Chúng ta đã xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh; xa lìa việc lấy của không cho, đoạn trừ việc lấy của không cho; xa lìa tà dâm, đoạn trừ tà dâm; xa lìa lời nói dối, đoạn trừ lời nói dối; xa lìa lời nói hai lưỡi, đoạn trừ lời nói hai lưỡi; xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác; xa lìa lời nói thêu dệt, đoạn trừ lời nói thêu dệt; xa lìa tham lam tật đố, đoạn trừ tham lam tật đố; xa lìa sân nhuế, đoạn trừ sân nhuế; xa lìa tà kiến, đoạn trừ tà kiến, nhimg vẫn còn có dục phi pháp, ác dục, tham hành tà pháp. Chúng ta nên xa lìa ba pháp ác, bất thiện này; nên đoạn trừ ba pháp ác? bất thiện này. Chúng ta nên cùng nhau làm việc thiện này?9 Những người kia liền cùng nhau làm việc thiện như thế. Khi đã làm việc thiện ấy, tuoi thọ liền tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ. Này các Tỳ-kheo, lúc tuổi thọ của loài người đã tăng lên, hình sắc trở nên đẹp đẽ thì người thọ hai vạn tuổi sanh con thọ bon vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo5 lúc con người thọ bốn vạn tuổi thì biết hiếu thuận với cha mẹ, tôn trọng cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thấy tội lỗi đời sau. Loài người nhân vì hiếu thuận với cha mẹ? tôn trọng, cung kính Sa-môn, Phạm chí, làm việc thuận lợi, tu tập phước nghiệp, thây tội đời sau; cho nên, này các Tỳ-kheo, người thọ bôn vạn tuôi sanh con thọ tám vạn tuổi. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, châu Diêm-phù-đề này giàu có cùng tột, nhân dân đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng cách con



gà bay. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi thì con gái đến năm trăm tuổi mới có thể lấy chồng. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi thì chỉ có những bệnh như lạnh, nóng, đại tiểu tiện, muốn ăn uống về già, ngoài ra không có tai họa nào nữa. Này các Tỳ-kheo, lúc loài người thọ tám vạn tuổi thì có vua tên Loa làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là vị Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dũng mãnh không sợ, hàng phục được kẻ khác. Nhà vua thống lãnh trọn quả đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa khiến dân chúng được an lạc. Này các Tỳ-kheo, các Vua Sát-lợi Đảnh Sanh được làm nhân chủ chỉnh trị thiên hạ, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ vương đã truyền lại. Các vị vua ấy nhân đi lại trong cảnh giới của chính mình mà phụ

vương đã truyền lại nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất hoan lạc, sức lực cũng không suy giảm. Này các Tỳ-kheo? các thây cũng nên như vậy? cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại. Này các Tỳ-kheo5 các thầy do đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại nên tuổi thọ không giảm xuống, hình sắc không thô xấu, chưa từng mất an lạc, thể lực cũng không suy giảm. Thế nào gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, nội giác, nội tâm, nội pháp như pháp. Như thế gọi là Tỳ-kheo đi lại trong cảnh giới của chính mình mà người cha đã truyền lại. Thế nào gọi là tuổi thọ của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo tu dục định như ý túc nương viễn ly, nương vô dục5 nương diệt tận, hướng đến đạo xuất ly; tu tinh tấn định, tu tâm đinh, tu tư duy định như ý túc, nương viễn ly, nương vô dục, nương diệt tận, hướng đến đạo xuất ly. Đó là tuổi thọ của Tỳ-kheo. Thế nào là sắc của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ giải thoát giới, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt, thường canh cánh lo sợ, thọ trì học giới. Đó là sắc của Tỳ-kheo. Thế nào là niềm vui của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác5 bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. Đó là niềm vui của Tỳ-kheo. Thế nào là năng lực của Tỳ-kheo? Tỳ-kheo đã diệt sạch các lậu, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, trong đời hiện tại, tự tri, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu và an trú, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vưng, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Đó là năng lực của Ty-kheo*



Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy có năng lực nào không thể hàng phục như năng lực của Ma vương. Cho nên, vị Lậu tận Tỳ-kheo phải dùng năng lực của vô thượng trí tuệ mới hàng phục được. Đức Phật thuyết như thế, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

71. KINH BỆ-TỨ Tôi nghe như vây: Một thời, Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp du hóa tại Câu-tát-la5 cùng với đông đủ chúng Tỳ-kheo đi đến Tư-hòa-đề, về phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này, tru tại rừng Thi-nhiếp-hòa. Bấy giờ, ở Tư-hòa-đề có vị vua ten là Bệ-tứ, giàu có cùng tột, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp, đay đủ mọi thứ. Tất cả suối ao, cỏ cây ở Tư-hòa-đề đều thuộc về nhà vua, là phong ấp do Vua Ba-tư-nặc? nước Câu-tát-la cấp cho. Bấy giờ, các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề nghe đồn rằng: “C6 Sa-môn tên là Ciru-ma-la-ca-diếp du hóa tại nước Câu-tát-la9 cùng với chúng Tỳ-kheo đi đến thị trấn Tư-hòa-đề, trú tại rưng Thi-nhiếp-hòa, tại phía Bắc một ngôi làng của thị trấn này. Sa-môn Cxru-ma-la-ca-diếp có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe. Ciru-ma-la-ca-diếp là bậc biện tài vô ngại, lời nói vi diệu. Tôn giả là bậc Đa văn, là vi A-la-hán. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp ấy." Nghe thế, các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Bấy giờ, Vua Bệ-tứ ở trên chánh điện, trông thấy từ xa, các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề,

mỗi người cùng với hàng ngũ của mình theo nhau đi từ Tư-hòa- đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Vua Bệ-tứ thấy xong, hỏi người hầu rằng: Hôm nay vì lý do gì mà các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề này, mỗi người cùng với hàng ngũ của mình theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa? Người hầu thưa: _ _ -Tâu Thiên vương, các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê nghe có Sa-môn Cưu- ma-la-ca-diếp du hóa tại nước Câu-tát-la cùng với đại chúng Tỳ-kheo đến thị trấn Tư-hòa-đề này, trú tại rừng Thi-nhiếp-hòa, về phía Bắc một ngôi làng của thị trân này. Tâu Thiên vương, Sa môn Cưu-ma-la-ca-diêp có danh tiêng lớn lao, mười phương đều nghe lời xưng tán rằng: uCưu-ma-la-ca-diếp là bậc Biện tài vô ngại, lời nói vi diệu. Tôn giả là bậc Đa văn, là vi A-la-hán. Nếu ai yết kiến vị A-la-hán này, cung kính lễ bái thì được thiện lợi. Chúng ta có thể đến yết kiến Sa-môn Ciru-ma-la-ca-diếp ấy.” Tâu Thiên vương, vì lý do đó mà các



Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê này, môi người cùng với hàng ngũ của mình theo nhau đi từ Tư-hòa-đề lên hướng Bắc, đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo người hầu: -Ngươi hãy đi đên các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê và thưa răng: "Vua Bệ- tứ bảo các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề: Này các người, hãy đợi! Ta sẽ cùng các người đi yết kiến Cưu-ma-la-ca-diếp! Các người ngu si, đừng để Sa-môn ây lừa gạt, nói răng: Có đời sau, có chúng sanh. Ta thây như thê này, chủ trương như thế này: Không có đời sau, không có chúng sanh." Người hầu vâng lời, liền đến chỗ các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề và nói: Vua Bệ-tứ bảo các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề như thế này: "Các người hãy đợi. Ta sẽ cùng với các người đi đến yết kiến Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp . Các người ngu si, đừng đê Sa-môn ây lừa gạt, nói răng: 'Có đời sau, có chúng sanh/ Ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh.'" Các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đê nghe lệnh ây, bảo người hâu: -Xin tuân theo như sắc lệnh đưa đến! Người hầu trở lại, tâu với vua: Các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương biết cho, đã đến thời! r Bây giờ, Vua Bệ-tứ bảo người đánh xe: Ngươi mau sửa soạn xa giá, ta nay muốn đi! Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, liền trở lại tâu vua: Xa giá đã sửa soạn xong, xin tùy ý Thiên vương! Lúc d6, Vua Bệ-tứ liền cưỡi xe, đi đến chỗ các Phạm chí, cư sĩ ở Tư-hòa-đề9 rồi cùng nhau đến rừng Thi-nhiếp-hòa. Khi Vua Bệ-tứ từ xa trông thấy Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp ở giữa rừng cây, liên xuồng xe đi bộ đên chô Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp, chào hỏi, rồi ngồi qua một bên thưa rằng: Này Cadiếp, tôi nay muốn hỏi, thầy có thể nghe chăng? Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp: Này Vua Bệ-tứ, muôn hỏi điêu gì thì cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Bấy giờ, Vua Bệ-tứ liền hỏi: Này Ca-diếp, tôi quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra.” Ý Sa-môn Ciru-ma-la-ca- diếp nghĩ sao? Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp đáp: Này Vua Bệ-tứ, tôi nay xin hỏi vua, vua hiểu thế nào, trả lời thế ấy. Ý vua thê nào, mặt trời, mặt trăng này thuộc vê đời này hay đời khác?

Vua Bệ-tứ đáp:  Này Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diếp5 tuy Sa-môn nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra.'" Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp hỏi rằng:  Này Vua Bệ-tứ, vua có điều gì nghi ngờ chăng? Vua Bệ-tứ đáp:  Đúng như vậy, Ca-diếp! Có điều phi lý thế này: Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy khốn. Tôi đi đến chỗ bệnh nhân, đến xong, nói rằng: "Bạn r y r r nên biêt răng, ta quan niệm như thê này, chủ trương như thê này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra. Này bạn5 trái lại có Sam6n, Phạm chí quan niệm như thê này, chủ trương như thê này: 'Có đời sau, có chúng sanh sanh ra.9 Ta thường không tin chủ trương của những kẻ ây. Những kẻ ây lại bảo răng: 'Nếu có người nam kẻ nữ nào làm việc ác, không tinh tấn, lười biếng, ganh ghét, bon xẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đắm trước của cải. Do nhân duyên ây, khi thân hoair mạng chung, kẻ ây e chác chăn đi đên ác xứ, sanh vào địa ngục.' Này bạn, nêu Sa-môn, Phạm chí kia nói như vậy là đúng thì bạn là người ruột thịt của ta, đã làm việc ác, không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bon xẻn, tham lam, không đại lượng, không thi ân, đắm trước của cải. Nếu thân hoại mạng chung, chắc chắn bạn đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay thế này: 'Này Vua Bệ-tứ, trong địa ngục ấy, khổ như thế này, như thế này.' Nếu quả đúng như thế thì tôi mới chấp nhan." Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi hỏi và đã nhận lời, thế mà không bao giờ thấy trô lại nói với tôi rằng: "Này Vua Bệ-tứ, trong địa ngục kia, khổ như thế này, như thế này." Này Ca-diếp, nhân sự kiện này nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ? tôi lại hỏi vua, vua hiểu thế nào, trả lời thế ấy. Nếu có thuộc hạ của vua bắt trói một tội nhân, đem đến trước vua thưa rằng: "Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị!" Vua bảo: uCác khanh hãy đem trói chặt hai tay ra đàng sau, bỏ nó lên lung con lừa chở di, đánh trông lớn tiêng như lừa kêu, tuyên bô cho kháp nơi biêt, roi đưa ra công thành hướng Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao và chém đầu n6." Thuộc hạ vâng lời, liền trói tay tội nhân ra đàng sau, bỏ lên con lừa chở đi, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bô cho khăp nơi biêt xong, đưa ra công thành hướng Nam, băt ngôi dưới cây nêu cao, muôn chém đâu nó. Tội nhân sap chét, nói với đao phủ răng: “Ong hãy hoãn cho một lúc! Tôi muôn gặp cha mẹ, vợ con, tớ gái, người đưa tin. Hãy để tôi tạm thời ra di!" v vua nghĩ sao? Người đao phủ ấy có thể thả cho tội nhân tạm thời ra đi ít lâu không?



Vua Bệ-tứ đáp:  Không thể, Ca-diếp! Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo: "Người thân của vua cũng lại nghĩ như thế, đã làm việc ác không tinh tấn, biếng nhác, ganh ghét, bon xẻn, tham lam, không thi ân, không đại lượng, đắm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chan đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Lúc ngục tốt bắt ra hành hạ, đau đớn, người r y r thân của vua nói với ngục tót răng: 'Này các ngục tót, các ông hãy hoãn lại một lúc, chớ hành hạ ta đau đớn. Ta muốn tạm thời đi đến Vua Bệ-tứ để báo cho vua hay răng: 'Trong địa ngục kia, khô như thê này, như thê này, đê vua chứng kiến/ Ý vua thế nào, ngục tốt kia có thể thả cho người thân của vua tạm thời ra đi chăng?" Vua Bệ-tứ đáp:  Không thể, Ca-diếp! Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo:  Vua hãy quán sát về đời sau cũng như vậy, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt

thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si. Vi ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật, chúng sanh này lúc sanh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại thiện xứ hay bát thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diệp nói như vậy nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, vẫn chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diệp bảo: -Này Vua Bệ-tứ5 có điều gì nghi ngờ hơn thê nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp! Lại có sự kiện phi lý này: Này Ca-diếp, tôi có người thân lâm bệnh nguy khốn. Tôi đến chỗ bệnh nhân, đến xong nói rằng: “Bạn nên biết tôi quan niệm như thế này: 'Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra/ Này bạn thân yêu, trói lại có Sa-môn, Phạm chí quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Có đời sau, có chúng sanh sanh ra.' Tôi thường không tin chủ trương của những người kia. Những người kia lại bảo răng: 'Nêu có kẻ nam người nữ nào có diệu hạnh, tinh tân, tinh cân, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, không tham lam, có đại lượng, CÓ thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cáp cho người cô độc, kẻ bân cùng, làm cho



họ thường an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cối trời.' Này bạn thân yêu, nếu Sa-môn, Phạm chí nói như vậy là đúng thì bạn là người thân ruột thịt của ta có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, tham lam, có đại lượng, có thi ân, sống cởi mở, phóng x,chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, làm cho người được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải, nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời thì bạn hãy trở lại tin cho ta hay như thế này: 'Này Vua Bệ"tứ? trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này? Nếu quả đúng như thế thì tôi mới chấp nhan." Này Sa-môn, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, thế mà không bao giờ trở lại tin cho tôi hay: "Này Vua Bệ-tứ, trên cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này." Này Ca-diếp, nhân sự kiện đó, cho nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ thì hiểu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như ngoài thôn ấp kia, có một hầm xí công cộng, sâu quá đâu người, đây phân ở trong. Có một người rớt xuống, chìm tận đáy hâm ây. Nêu có người khác thương xót, mong câu sự phước lợi và hữu ích, sự an ổn, khoái lạc cho người mắc nạn, liền thong thả kéo nạn nhân từ nhà xí lên, gạt phẩn bàng thanh tre, chùi bằng lá cây, tắm bằng nước ấm, sau khi r : r 9

tăm rửa sạch sẽ, đem bột hương thoa kháp thân thê, mời lên chánh điện, cho vui hưởng ngũ dục. Ý vua nghĩ sao, không lẽ nạn nhân ấy lại tưởng nhớ hầm xí trước đây, hoan hỷ ngợi khen và muốn thấy lần nữa chăng? Vua Bệ-tứ trả lời: Không thể, Ca-diếp! Nếu có một kẻ nào khác tưởng tới hầm xí kia, hoan hỷ, ngợi khen và muốn thấy thì nạn nhân kia cũng không thể ưa kẻ ấy, huống là chính nạn nhân lại tưởng tới hầm xí trước đây, hoan hỷ, ngợi khen, muốn thấy lần nữa. Điều đó không thể xảy ra.

Vậy thi, này Vua Bệ-tứ? nếu vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiên cho họ được an lạc, bô thí, không đăm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chác chăn người ây đi đên thiện xứ, sanh lên cõi trời, sau khi sanh lên cõi trời, được vui hưởng ngũ dục ở đó. Ý vua nghĩ sao, không lẽ thiên tử ở cõi trời kia xả bỏ ngũ dục ở đó, tưởng nhớ ngũ dục ở nhân gian này, hoan hỷ, ngợi khen, muốn thấy lại nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp: Không thể, Ca-diếp! Vì sao? Vì ngũ dục nhân gian là thứ xú uế, bất tinh, rất đáng ghét, không thể hướng đến, không thể ưa thích, thô tháo bất tịnh. Này



Ca-diếp, so với ngũ dục nhân gian thì ngũ dục cõi trời là hơn, là tối thượng, là tối hảo, là tối diệu, là tối thắng. Nếu thiên tử cõi trời kia xả bỏ ngũ dục cõi trời, tưởng đên ngũ dục nhân gian, hoan hỷ, ngợi khen, muôn thây lại, điêu đó không thể xảy ra. Này Vua Bệ-tứ? vua nên quán sát vê đời sau cũng giông như thê, chớ đừng giống cái thấy của con mắt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có Sa-môn9 Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vi ây dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy đúng như thật chúng sanh này lúc sanh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Cưu ma-la-ca-diếp nói như thế nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, vẫn chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, còn có điêu gì nghi ngờ hơn thê nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp. Có sự kiện phi lý này: Này Ca-diếp, tôi có người bạn than lâm bệnh nguy khôn. Tôi đến chỗ bệnh nhân, đến xong liền bảo: "Bạn nên biết rằng, ta quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: 'Không có đời sau, không có chúnẹ sanh sanh ra/ Này bạn thân yêu, trái lại, có Sa môn, Phạm chí quan niệm thê này, chủ trương thế này: 'Có đời sau, có chúng sanh sanh ra.5 Ta thường không tin lời của những người ấy kẻo những người ấy lại bảo: 'Nếu có người nam kẻ nữ nào có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn tham lam, đại lượng, thi ân, cởi mở, phóng xả? cung cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, khiến cho họ được an lạc, bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, người ấy chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời/ Này bạn, nếu Sa-môn, Phạm chí ấy nói đúng thì bạn là người thân ruột thịt của ta có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, thường ưa bố thí, không đắm trước của cải. Nếu khi thân hoại mạng chung, chắc chắn bạn sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời thì bạn hãy trở lại tin cho ta như thế này: 'Này Vua Bệ-tứ, ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này/ Nêu bạn ở cõi trời, nghĩ răng: 'Nêu ta trở vê thì sẽ được những gì? Vua Bệ-tứ có nhiều của cải, ông sẽ cho ta."' Này Ca-diếp, người thân ấy nghe tôi nói và đã nhận lời, the mà không bao giờ trở lại cho tôi hay như the này: "Này Vua Bệ-tứ? ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này?5 Này Ca-diếp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có đời sau, không có chúng sanh

sanh ra.”

71.KINHBỆ-TỨ> 379

Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp bảo: -Này Vua Bệ-tứ, tuổi thọ cõi trời thì lâu dài, còn mạng sống ở nhân gian thì  y ngăn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian băng một ngày, một đêm ở cõi Tam Thập Tam thiên. Có ngày có đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên đến một ngàn năm. Ý vua nghĩ sao? Nếu vua có người thân có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần cùng, thường ưa bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn người ấy sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Sau khi sanh lên cõi trời, người thân của vua liền nghĩ: "Trước tiên, ta hãy vui hưởng ngũ dục cõi trời một ngày một đêm; hay là ta hãy vui hưởng ngũ dục ở cõi trời hai, ba, bốn cho đến sáu, bảy ngày, sau đó sẽ trở về tin cho Vua Bệ-tứ hay rằng: 6Ở cõi trời hoan lạc như thế này, như thế này, để cho nhà vua r6?'" Ý vua nghĩ sao, bây giờ vua còn sông chăng? Vua Bệ-tứ hỏi lại:  Này Ca-diếp, có người nào sau khi chết đến nói rằng: uNày Sa-môn Ca-diêp, tuổi thọ ở cõi trời thì lâu dài, còn mạng sông ở nhân gian thì ngăn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày, một đêm ở cõi Tam Thập Tam thiên. Có ngày có đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư thiên ở Tam Thập Tam thiên đến một ngàn năm chăng? Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp đáp:  Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ thì hiêu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, như có người mù kia nói răng: "Không có sác đen trăng, cũng không thây săc đen trăng; không có săc dài ngăn, cũng không thấy sắc dài ngắn; không có sắc xa gần, cũng không thấy sắc xa gần; không có sắc thô tế, cũng không thấy sắc thô tế. Vì sao? Vì từ trước ta không thây, không biêt, cho nên không có sac?5 Này Vua Bệ-tứ, người mù kia nói như thế có đúng chăng?" Vua Bệ-tứ đáp:  Không đúng, Ca-diếp! Vì sao? Này Ca-diếp, vì có sắc đen, trắng, cũng có thấy sắc đen trắng; có sắc dài ngắn, cũng có thấy sắc dài ngắn; có sắc gần xa, cũng có thây sác gân xa; có săc thô tê, cũng có thây sác thô tê. Nêu người mù bảo rằng: "Vi ta không thấy, không biết nên không có sắc." Thì người ấy nói không đúng. Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ, vua cũng như người mù ây, nêu vua bảo như thê này: “C6 người nào sau khi chét đên nói răng: 'Này Sa-môn Ca-diêp, tuôi thọ ở cõi trời



thì lâu dài, còn mạng sông ở nhân gian thì ngăn ngủi. Một trăm năm ở nhân gian bằng một ngày một đêm ở cõi Tam Thập Tam thiên. Có ngày có đêm như vậy, một tháng có ba mươi ngày, một năm có mười hai tháng, mà tuổi thọ của chư thiên ở cõi Tam Thập Tam thiên đến một ngàn năm."' Vua Bệ-tứ nói:  Này Sa-môn Ca-diếp, thật là không nên, không nên nói như vậy! Vì sao? Vì Sa-môn Cưu-ma-la-ca-diêp đã cô tình so sánh tôi giông như kẻ mù kia. Này Ca-diếp, nếu biết tôi, biết người thân thuộc của tôi có diệu hạnh, tinh tấn, tinh cần, không biếng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở5 phóng xả, chu cấp cho người cô độc, kẻ bần

cùng, thường ưa bố thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; thì này Ca-diếp, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước thiện, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc, hoặc nhảy xuống giếng, hoặc thắt cổ mà chết. Này Ca-diếp, không nên cố tình so sánh tôi như người mù kia. Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diệp đáp: Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ khác! Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ5 cũng như một Phạm chí có người vợ trẻ vừa mới mang thai, người vợ cả đã có một đứa con trai. Trong thời gian ấy, Phạm chí kia bỗng nhiên mạng chung. Sau khi mạng chung, con của bà vợ cả nói với bà mẹ kế như thế này: "Tiểu mẫu nên biết, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc vê tôi, không ai được dự phân vào.,, Bà mẹ kê đáp: "Ta nay đang có thai, nêu sanh con trai thì nó phải được phân, nêu sanh con gái thì của cải ây mới hoàn toàn của cau.” Con của bà vợ cả lại nói với bà mẹ kế ba lần như thế này: "Tiêu mâu nên biêt, nay của cải trong gia đình này hoàn toàn phải thuộc về tôi, không ai được dự phần vao.^ Bà mẹ kế cũng trả lời ba lần như thế này: “Ta nay đang có thai, nếu sanh con trai thì nó phải được chia phần, nếu sanh con gái thì của cải ấy mới hoàn toàn của cau." Bấy giờ, bà mẹ kế ngu si không thông suốt, không hiểu rõ, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà trở lại hại mình. Bà vào trong phòng, lây dao bén mô bụng xem là trai hay gái. Bà ây ngu si không thông suôt, không hiêu rõ? không có trí tuệ, muôn bảo tôn sự sông mà lại tự hại mình và đứa con trong bụng. Nên biêt, này Vua Bệ-tứ, nhà vua cũng như vậy, ngu si, không thông suôt, không hiêu rõ ràng, không có trí tuệ, muốn bảo tồn sự sống mà lại nghĩ như thế này: uNày Cadiếp, nếu biết tôi, biêt người thân thích của tôi có diệu hạnh, tinh tân, tinh cân, không biêng nhác, không ganh ghét, không bon xẻn, không tham lam, có đại lượng, có thi ân, cởi mở, phóng xả? chu cáp cho người cô độc, kẻ bân cùng, thường ưa bô thí, không đắm trước của cải. Do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; thì tôi, ngay bây giờ, sau khi thực hành bố thí, tu các phước nghiệp, phụng trì trai giới, tôi dùng dao tự sát, hoặc uống thuốc độc,

71. KINH BỆ-TỨ 381

M . r M / MT C -r

hoặc nhảy xuông giêng, hoặc that cô mà chét. Này Sa-môn Ca-diêp, không nên cố tình so sánh tôi giống như người mù kia." Này Vua Bệ-tứ, nếu người tinh tân mà sông lâu thì được phước lớn, nêu được phước lớn thì sanh lên cõi trời và sống lâu. Này Vua Bệ-tứ, nhà vua nên quán sát đời sau như vậy, chứ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuê, ly nhuê, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vị ấy bằng thiên nhãn thanh tịnh hơn han người thường, thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, sác đẹp sác xâu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ, đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật. Vua Bệ-tứ lại nói: -Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhimg tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra.” Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp bảo: - Này Vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ nữa chăng? Vua Bệ-tứ

đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp! Có sự kiện phi lý này: Này Ca-diếp, tôi có người thân mang bệnh nguy khôn. Tôi đến chô bệnh nhân hỏi han, thăm viêng, bệnh nhân cũng hỏi han và nhìn tôi. Lúc bệnh nhân chết, tôi lại đến hỏi han, thăm viếng người chết, nhưng người chết không hỏi han, không nhìn tôi. Sau đó tôi cũng không còn trở lại hỏi han, thăm viêng người thân ây nữa. Này Ca-diêp, do sự kiện đó, tôi nghĩ rằng: uKhông có chúng sanh sanh ra.” Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ thì liền hiểu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ? cũng như có người thổi tù và giỏi. Nếu ở xứ kia chưa từng nghe tiếng tù và, người đó đến xứ ấy, vào một đêm tối trèo lên núi cao, tận lực thôi tù và thì mọi người ở xứ ây, chưa từng nghe tiêng tù và, nay nghe được liên nghĩ: "Tiêng gì mà vi diệu, rát kỳ lạ, thật đáng ưa thích, đáng đến xem nghe, khiến tâm hoan duyệt như thế?” Bấy giờ, những người ấy bèn cùng nhau đi đến chỗ người thổi tù và giỏi. Sau khi đến, họ hỏi rằng: "Đó là tiêng gì mà vi diệu, rát kỳ lạ, thực đáng ưa thích, đáng đên xem nghe, khiên cho tâm hoan duyệt như thế?" Người thổi tù và giỏi đem liệng cái tù và xuống đất, bảo mọi người rằng: "Các vị nên biết, chính đó là tiếng tù và.” Lúc đó, mọi người lấy chân đá cái tù và, rồi nói rằng: UTÙ v,hãy kêu đi! Tu và, hãy kêu di!" Nhưng nó im lìm, không âm hưởng. Người thổi tù và giỏi liền nghĩ: "Nay những người này ngu si, không thông suốt, không hiêu rõ? không có trí tuệ. Vì sao? Vì muốn tìm âm thanh từ một vật vô tri." Bấy giờ, người thổi tù và giỏi nhặt tù và lên, dùng nước rửa sạch, đưa lên miệng mà tận lực thổi. Khi ấy, mọi người nghe xong, liền nghĩ: "Tù và thực kỳ diệu. Vì sao? Vì nhờ tay, nhờ nước,



nhờ miệng, hơi thổi mới phát ra tiếng hay, vang khắp bốn phương." Này Vua Bệ-tứ, cũng như vậy, nếu người còn sống mới có thể nói năng, hỏi han nhau được, nêu khi chét thì không thê nói năng hỏi han nhau được nữa. Này Vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sanh ra cũng giông như thê, chớ đừng giông như cái thây của con măt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nêu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuê; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vị ây băng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh này lúc sanh lúc tử, sắc đẹp sắc xấu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại thiện xứ hay bát thiện xứ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện đó đúng như thật. Vua Bệ-tứ lại hỏi: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhimg tôi vẫn quan niệm như thế này, vẫn chủ trương như thế này: "Không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, còn có điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp! Còn có sự kiện phi lý này: Tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ của tôi, đến rồi, thưa rằng: "Tâu Thiên vương, kẻ này có tội, xin Thiên vương trừng tĩị!" Tôi bảo: "Hãy đem tội nhân này cân sống, cân sống xong vật xuống đất, dùng dây that cô giêt chét, giêt chét xong đem cân lại, ta mới biêt người này lúc nào thì nhẹ cân, mềm mại tươi nhuận, đẹp đẽ hơn; đó là lúc chết hay là lúc song?9 Vi quan ấy vâng lời tôi đem tội nhân cân sống xong, lại vật xuống đất, dùng dây thắt cổ giết chết, giết xong, đem cân lại, thấy rằng tội nhân ấy lúc sống thì nhẹ, mềm mại, sắc tươi nhuận, đẹp đẽ hơn; còn lúc chết thì nặng, cứng, không mem mại và sác

không tươi nhuận. Này Ca-diêp5 nhân sự kiện ây, cho nên tôi nghĩ rằng: "Không có chúng sanh sanh ra.” Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp bảo: Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ liền hiểu được ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như thanh sắt, hay lưỡi cày sắt, được đốt cháy suốt ngày. Vật bằng sắt ấy, lúc bấy giờ nhẹ, mềm, sắc tươi nhuận và đẹp hơn. Nêu lửa tát, nó dân dân trở nên nguội lạnh, nặng hơn, cứng, không mềm và sắc không tươi. Cũng vậy, này Vua Bệ-tứ, nếu người lúc còn sống thì thân thê nhẹ, mem mại, sác tươi nhuận, đẹp đẽ; còn lúc chét thì nặng hơn, cứng, không mềm mại và sắc không còn tươi nữa. Này Vua Bệ-tứ, vua nên quán chúng sanh sanh ra cũng như thê, chớ đừng giông như cái thây của con măt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có vi Sa-môn5 Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si thì vị ây băng thiên nhãn thanh tinh, hơn hãn người thường,



thây chúng sanh lúc sanh lúc tử, sác đẹp sác xâu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại thiện xứ hay bát thiện xứ đêu tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vị ấy thấy hiện tượng đó đúng như thật. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhung tôi vẫn quan niệm thế này, vẫn chủ trương thế này: "Không có chúng sanh sanh ra.” Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, còn có điêu gì nghi ngờ hơn thê nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp: Đúng như vậy, Ca-diếp! Còn có sự kiện phi lý này: Này Ca-diếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến chỗ tôi, đến rồi thưa rằng:uTâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị!" Tôi bảo: uHãy đem tội nhân ấy bỏ vào nồi sắt, hoặc bỏ vào nồi đồng, đậy kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa rồi hãy quán sát cùng khắp, xem chúng sanh ấy lúc vào, lúc ra, qua lại chỗ nao.^ Vi quan ấy vâng lời tôi, đem tội nhân này bỏ vào lò sắt, hoặc nồi đồng, đậy kín miệng lại và đốt lửa ở dưới. Khi đã đốt lửa, quán sát cùng khắp, để xem chúng sanh ấy5 lúc ra lúc vào, qua lại chỗ nào. Nhưng này Ca-diếp, tôi làm phương cách như vậy nhưng cũng chẳng thấy chúng sanh sanh ra. Này Ca-diếp nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ rằng: "Không có chúng sanh sanh ra.” r Tôn giả Ciru-ma-la-ca-diêp bảo: Này Vua Bệ-tứ? nay tôi hỏi vua, vua hiểu thế nào, xin trả lời thế ấy! Ý vua nghĩ sao, nếu vào ban ngày, vua ăn thức ăn mỹ diệu, ngon lành, rồi lên giường nằm ngủ; vua nhớ lại đã từng ở trong mộng, có lần thấy vườn tược, hồ tắm, rừng cây, hoa trái, suối trong, sông dài, thỏa thích vui chơi, qua lại cùng khắp chăng? Vua Bệ-tứ đáp: -Tôi nhớ lại đã từng có như vậy. Ton gia Ca-diêp hỏi tiêp: Ngày đó, sau khi ăn những thức ngon lành mỹ diệu xong, vua lên giường nằm ngủ, bấy giờ có ai đứng hầu bên cạnh không? Thưa có! Tôn giả Ca-diếp hỏi tiếp: Ngày đó, sau khi ăn những thức ngon lành mỹ diệu xong, lên giường nằm ngủ. Lúc ây, những người hầu hai bên tả, hữu có thấy được khi vua ra vào, qua lại cùng khắp không? Vua Bệ-tứ đáp: Dù cho có ai khác cũng không the thay, huống nữa là bọn hầu hạ hai bên.



-Này Vua Bệ-tứ, hãy quán chúng sanh sanh ra cũng giông như thê, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn? Phạm chí nào đoạn tuyệt

dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si. Vị ấy dùng thiên nhãn thanh tịnh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xấu, hoặc diệu hoặc bất diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ây đã tạo. Vị ây thây sự kiện đó đúng như thật. Vua Bệ-tứ lại nói:  Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như vậy nhưng tôi vẫn quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ca diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ, còn điều gì nghi ngờ hơn thế nữa chăng? Vua Bệ-tứ đáp:  Đúng như vậy, Ca-diếp! Còn có sự kiện phi lý này: Này Cadiếp, tôi có quan hữu ty bắt một tội nhân, đem đến trước tôi, đến rồi thưa rằng: "Tâu Thiên vương, người này có tội, xin Thiên vương trừng trị!" Tôi bảo: "Hy đem tội nhân này lóc da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương cho đến tận tủy, để tìm chúng sanh sanh ra." Vi ấy vâng lời tôi, đem tội nhân ra lóc da, xẻo thịt, chặt gân, đục xương đến tận tủy, để tìm chúng sanh sanh ra. Này Cadiếp, tôi đã làm theo cách thức như thế để tìm chúng sanh sanh ra, mà rốt cuộc cũng chẳng thấy chúng sanh sanh ra. Này Ca-diêp, nhân sự kiện đó nên tôi nghĩ răng: "Không có chúng sanh sanh ra." Tôn giả Ca-diếp bảo: - Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như Phạm chí bện tóc thờ lửa ở gần bên đường. Cách đó không xa, có những người khách buôn tá túc. Vào lúc sáng sớm, những người khách buôn ấy vội vã ra đi, bỏ quên một đứa bé. Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa dậy sớm đi đến chỗ các khách buôn tạm trú, xem xét thấy đứa bé đứng một mình, không có chủ nhân. Thấy xong, vị ấy nghĩ: “Nay đứa bé này không nơi nương tựa, nêu ta không nuôi thì chác chăn nó sẽ chết.” Nghĩ thế, Phạm chí liền ẵm đem về nuôi dưỡng. Thời gian sau, đứa bé lớn khôn. Bấy giờ, Phạm chí bện tóc thờ lửa bận chút việc ở thôn xóm khác. Lúc đó, Phạm chí bện tóc thờ lửa bảo thiếu niên ấy rằng: "Ta bận chút việc, phải xuống thôn xóm một thời gian, con phải giữ lửa cẩn thận chớ để nó tắt; nêu lửa tát, con hãy dùng cái cọ lửa này mà nhen lại.” Bây giờ, Phạm chí bện tóc thờ lửa căn dặn xong liền xuống thôn xóm. Sau đó, thiếu niên ấy ra ngoài rong chơi, lửa tắt hết. Khi trở về, nó muốn nhen lửa, liền dùng cái cọ lửa đánh xuống đất bảo rằng: "Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!" Nhung rốt cuộc

71.KINHBỆ-TỨ^ 385

lửa không cháy. Nó lại đặt cọ lên phiến đá, ra sức đánh và la lên: "Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy len!” Nhưng lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, nó bèn phá cái cọ ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh vứt đi, ngồi bệt xuống đất, sầu não mà nói rằng: "Không tìm được lửa, phải làm sao day?9 Bấy giờ, Phạm chí bện tóc thờ lửa đã làm xong công việc ở thôn xóm, trở về nhà lại. về đến nơi, hỏi thiếu niên ấy rằng: “Con không vui chơi, chỉ lo chăm sóc ngọn lửa không deiw^^an^ s

Thiếu niên trả lời: "Thua Tôn giả, con đi ra ngoài chơi nên sau đó lửa đã tắt. Khi trở về, con muốn nhen lửa, liền lấy cái cọ lửa đánh xuống đất bảo rằng: 'Lửa hãy cháy lên! Lửa hãy cháy lên!5 Cuối cùng lửa vẫn không cháy. Con lại đặt lên phiến đá, ra sức đánh và bảo: 'Lửa hãy cháy len! Lửa hãy cháy lên!9 Nhưng rồi lửa vẫn không cháy. Lửa không cháy, con liền phá cái cọ ấy ra làm mười mảnh, trăm mảnh vứt di, roi ngôi bệt xuông đát. Thưa Tôn giả, con đã tìm kiếm như thế mà không có lửa, không biết làm

sao." > r LÚC d6, Phạm chí bện tóc thờ lửa nghĩ răng: "Cậu thiêu niên này quá ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ. Vì sao? Vì từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như vay." Khi ấy, Phạm chí bện tóc thờ lửa đem cọ lửa và bật mồi lửa đặt xuống đất mà cọ xát thì lửa bật và cháy bùng lên, liên bảo thiêu niên răng: “Này con, phương pháp lấy lửa phải như vậy, chứ không phải như con ngu si, không thông suốt, không có trí tuệ, từ cái cọ lửa vô tri mà nghĩ cách lấy lửa như con đã Vì vậy nên biết, này Vua Bệ-tứ, vua cũng lại như thế, ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không cỏ trí tuệ, đối với xác thịt chết, cho đến xương tủy vô tri mà muốn tìm thấy chúng sanh sanh ra. Này Vua Bệ«tứ? vua nên quán chúng sanh sanh ra như thế, chớ đừng giống như cái thấy của con mắt thịt. Này Vua Bệ-tứ, nếu có vị Sa-môn, Phạm chí nào đoạn tuyệt dục, ly dục, thú hướng ly dục; đoạn tuyệt nhuế, ly nhuế, thú hướng ly nhuế; đoạn tuyệt si, ly si, thú hướng ly si. Vị ấy dùng thiên nhãn thanh tinh hơn hẳn người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, khi đẹp khi xâu, hoặc diệu hoặc bát diệu, qua lại thiện xứ hay bất thiện xứ đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vi ấy thấy sự kiện đó đúng như thật. Vua Bệ-tứ lại nói:  Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhimg đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, trọn không thê xả bỏ. Vì sao? Nêu có những người ở nước khác nghe được, liên bảo rằng: "Vua Bệ-tứ có quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đoạn trừ và xả b6.” Này Cadiếp, vì thế, đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì si, trọn đời không thể xả bỏ.



Tôn giả Ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như hai người bạn bỏ nhà đi tìm kế sanh nhai. Trên đường di, ban đầu họ thấy có rất nhiều cây gai không chủ. Một người trông thấy, bảo bạn rằng: uBạn nên biết, nay ở đây có rất nhiều cây gai không chủ, tôi muôn bạn cùng lây, bó lại, gánh đem vê, có thê làm vật dụng duợrc." Hai người liền lấy bó lại để gánh đi. Trên đường di, họ lại thấy rất nhiều tơ lụa kiếp-bối, áo kiếp-bối không chủ, lại thấy rất nhiều bạc cũng không có chủ. Thấy xong, một người vứt bỏ cây gai đang gánh, lấy bạc gói lại. Trên đường đi, lại thấy nhiều đống vàng cũng không có chủ. Bấy giờ, người gánh bạc bàn với người gánh cây gai: uNày bạn, nên biết, vàng này quá nhiều mà không có chủ, bạn nên vứt bỏ cây gai, tôi thì vứt bỏ bạc đang gánh. Tôi muốn cùng với bạn đồng lấy vàng này, gánh trở về, có thể chi dụng được hơn.” Người gánh gai bảo người gánh bạc: uTôi gánh cây gai này sau khi đã sắp xếp gọn gàng, bó lại chắc chắn, từ xa gánh tới đây. Tôi không thể bỏ được, bạn nên tự biết lấy, chớ lo cho t6i!” Khi ây, người gánh bạc giật gánh gai quăng xuông dát, roi xô tung ra. Người gánh gai bảo người gánh bạc răng: "Bạn đã xô tung gánh gai của tôi như vậy, tôi đã mất công bó lại chắc chắn, gánh từ xa đến đây nên tôi dứt khoát gánh cây gai này về, không thể bỏ được. Bạn hãy tư biết, chớ lo cho t6i!" Người gánh bạc liên bỏ gánh bạc, lây vàng gánh vê. Người gánh vàng trở vê. Từ xa, cha mẹ trông thây con gánh vàng vê, thây roi khen răng: "Lành thay, lành thay! Hãy đên đây con. Con nhờ vàng này sẽ sông được sung sướng, phụng dưỡng cha mẹ, cung cáp cho vợ con, tớ gái và người sai bảo, lại có thê bố

thí cho các vi Sa-môn? Phạm chí, tạo phước thăng thượng, thiện quả thiện báo, sanh vào cõi trời, sông lâu!" Người gánh cây gai trở vê nhà. Từ xa, cha mẹ trông thây con gánh gai vê, thấy vậy mắng rằng: "Ngươi là người có tội trở về, là người vô đức trở về. Vì bó gai này, ngươi sẽ không sống được, không thể phụng dưỡng cha mẹ? không thể chu cấp cho vợ con, tớ gái và người sai bảo, lại cũng không thể bố thí cho Sa-môn và các Phạm chí, không thể tạo phước thăng thượng, không được thiện quả thiện báo, không thê sanh vào cõi trời đê được sông lâu." Nên biết, này Vua Bệ-tứ, vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ thọ lãnh vô lượng điêu dữ, lại bị mọi người chê ghét. Vua Bệ-tứ lại nói răng:  Tuy Sa-môn Ca-diêp đã nói như thê nhưng đôi với quan niệm này, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si nên không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu những người ở nước khác nghe được, liền bảo rằng:

71. KINH BỆ-TỨ  387

"Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả b6." Này Ca-diếp, vì thế nên đối với quan niệm này, tôi bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si nên không bao giờ xả bỏ. Tôn giả Ca-diếp lại bảo: -Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như một khách buôn cùng với đoàn khách buôn đông đảo, có một ngàn cỗ xe, đi vào con đường nguy hiểm. Trong đoàn khách buôn ấy, có hai vị thương chủ. Hai vị ấy nghĩ rằng: "Chúng ta làm sao thoát khỏi nạn này?" Họ lại nghĩ: "Đoàn của chúng ta nên chia ra hai toán, mỗi toán năm trăm.^, Đoàn khách buôn ấy liền chia ra hai toán, mỗi toán năm trăm. Một thương chủ dẫn năm trăm cỗ xe, tiến vào con đường nguy hiểm. Người thương chủ ấy thường đi dẫn đường ở trước, thấy một người từ bên đường đi ra, quần áo ướt sũng, chân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, đeo tràng hoa cỏ thơm, đi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ trông thấy liền hỏi: "Trên con đường nguy hiểm này, trời có mưa chăng? Có nước trong, củi và cỏ chng?" Người lạ ấy đáp: "Trên con đường nguy hiểm này trời mưa lớn, có nhiều nước trong và nhiều củi, cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy di, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt?9 Vị thương chủ ấy nghe xong, liền trở lại đến toán của mình thuật lại rằng: “Ta đi trước, thây một người từ bên đường đi ra, áo quân ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cưỡi xe lira, hai bánh dính bùn. Ta hỏi người ây: 'Trên con đường nguy hiêm này trời có mưa, có nước trong, củi và cỏ chăng?9 Người ấy đáp: 'Trên con đường nguy hiểm này, trời mưa lớn, có nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy đi, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ tốt/ Do đó? này các bạn, chúng ta hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ đi. Như vậy, không bao lâu nữa chúng ta sẽ có nước trong, củi và cỏ, chớ để năng xe." Rồi toán khách buôn vứt bỏ nước, củi và cỏ. Đi được một ngày đường, họ không thây có nước trong, củi và cỏ. Đi hai ngày, ba ngày cho đên bảy ngày, họ vẫn không kiếm được nước trong, củi và cỏ. Sau bảy ngày, toán khách buôn ấy bị quỷ ăn thịt người sát hại. Người thương chủ thứ hai nghĩ rằng: "Vị thương chủ trước đã qua khỏi tai nạn nguy hiểm, chúng ta phải dùng phương cách nào để thoát nan?95 Nghĩ

xong, vị áy cho năm trăm cô xe cùng tiên vào con đường nguy hiêm. Cũng đi trước dẫn đường, vị thương chủ thứ hai thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quân ướt sũng, thân đen, đâu vàng, đôi mat đỏ lòm, mang tràng



hoa cỏ thơm, cưỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Vị thương chủ thứ hai trông thấy, liền hỏi: "Trên con đường nguy hiểm này trời có mưa chăng? Có nước trong, củi và cỏ chăng?,, Người lạ đáp: "Trên con đường nguy hiểm này, trời mưa lớn lắm, có rất nhiều nước trong, củi và cỏ tốt. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ấy di, chớ để nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ được nước trong, củi và cỏ t6t." Người thương chủ thứ hai nghe xong, trở lại thuật với toán rằng: "Ta đi phía trước, thấy có một người từ bên đường đi ra, áo quần ướt sũng, thân đen, đầu vàng, đôi mắt đỏ lòm, mang tràng hoa cỏ thơm, cưỡi xe lừa, hai bánh dính bùn. Ta hỏi: 'Trên con đường nguy hiểm này, trời có mưa không? Có nước trong, củi và cỏ không?9 Người ấy đáp: 'Trên con đường nguy hiểm này, trời thường mưa lớn, có nhiều nước trong, cũng có rất nhiều củi và cỏ. Này các bạn, các bạn hãy vứt bỏ nước, củi và cỏ ây di, chớ đê nặng xe. Đi không bao lâu nữa, các bạn sẽ lấy được nước trong, củi và cỏ tốt/ Nhưng này các bạn, chúng ta chưa thể vứt bỏ nước, củi và cỏ được. Nấu lấy được nước, củi và cỏ mới thì sau đó chúng ta mới vứt bỏ/9 Toán khách buôn ấy không vứt bỏ nước, củi và cỏ. Họ đi một ngày đường, không lấy được nước, củi và cỏ mới. Họ đi hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày vẫn không lấy được nước, củi và cỏ mới. Lúc người thương chủ thứ hai đi trước, trông thấy nơi mà người thươnệ chủ thứ nhất và toán khách buôn đi trước đã bị quỷ ăn thịt người sát hại; thấy roi, bảo toán của mình rằng: "Này các bạn, các bạn hãy xem người thương chủ thứ nhất ấy ngu si, không thông suốt, không hiểu rõ ràng, không có trí tuệ, đã tự giết mình lại giết đồng bạn nữa. Các bạn, nếu muốn lấy hàng hóa của những khách buôn toán trước thì tự tiện mà lấy." Này Vua Bệ-tứ, nên biết rằng vua cũng lại như thế. Nếu với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thù vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ chiu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét nữa; cũng như người thương chủ thứ nhất và đồng bạn thuộc toán thứ nhất. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao? Nấu những người ở nước khác nghe đến, liền bảo rằng: "Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả b6." Này Ca-diếp, vì thế nên đối với quan niệm đó? tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ. Tôn giả Ca-diếp bảo: -Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói ví dụ này. Người có trí nghe thí dụ liền .2 • .. e e 7 * r hiêu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như hai người hẹn nhau chơi đô xúc xác.



if , A

Người thứ nhát thường lén trộm con xúc xăc mà ngậm, ngậm một lân, hai, ba lần cho đến nhiều lần. Người thứ hai liền nghĩ: 'Ta cùng chơi với người này, nó luôn luôn gạt mình, trộm con xúc xắc mà ngậm, một, hai, ba hoặc đến nhiều lần.9 Nghĩ thế, người ấy nói với bạn: 'Ta nay muốn nghỉ, sau đó sẽ chơi lại/Bấy giờ, người thứ hai rời khỏi chỗ ấy, dùng thuốc độc tẩm vào con xúc xắc rồi rủ bạn trở lại cùng chơi. Người thứ nhất lại lén trộm con xúc xắc mà ngậm, một lân, hai, ba lân hoặc đên nhiêu lân; ngậm xong, liên trợn mat, sùi bọt mép, gân chết. Bấy giờ, người thứ hai, hướng về người thứ nhất đọc bài tụng: Xúc xắc này tẩm độc, Người tham ăn không biết, Trước ngôi chơi, gạt ta, Sau phải mang họa khô. Nên biết, này Vua Bệ-tứ, vua cũng lại như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ chịu vô so điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng như người chơi kia, vì con xúc xắc mà lừa gạt người nên phải mang họa. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục5 bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ. Vì sao? Nếu người ở nước khác nghe đến liền bảo rằng: "Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả b6." Này Ca-diếp, vì thế đối với quan niệm đó, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xa bo. Tôn giả Ca-diếp bảo: Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ này! Người có trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như người nuôi heo, lúc đang đi trên đường, thấy có rất nhiều phân khô không chủ, liền nghĩ rằng: 'Thân này có thể nuôi no đủ cho nhiều con heo, ta nên lấy gói lại mang di." Người ấy liền đội phân mà đi. Giữa đường, gặp trời mưa lớn, phân rỉ ra9 chảy xuống vấy bẩn khắp thân, nhung người ấy vẫn đội đi không chịu vứt bỏ. Người ấy chịu nhiều dơ bẩn, lại bị mọi người chê ghét. Này Vua Bệ-tứ5 nên biết rằng, vua cũng như thế. Nếu đối với quan niệm ấy, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ thì vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng như người nuôi heo kia. Vua Bệ-tứ lại nói: Tuy Sa-môn Ca-diếp nói như thế nhưng với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ. Vì sao? Nếu những người ở nước khác nghe, sẽ bảo rằng: "Vua Bệ-tứ có một quan niệm đã chấp chặt từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai, đã đoạn trừ xả b6." Này Ca-diếp, vì thế, đối với quan niệm này, tôi vẫn bảo thủ vì sân nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ xả bỏ.



rpi /X • 7 1• Á 1 7 Tôn giả Ca-diêp bảo: - Này Vua Bệ-tứ, hãy nghe tôi nói thí dụ cuối cùng! Nếu vua hiểu thì tốt; nếu vua không hiểu thì tôi không thuyết pháp nữa. Này Vua Bệ-tứ, cũng như con heo lớn, thủ lãnh của đàn heo năm trăm con, đi vào con đường nguy hiểm. Giữa đường, nó gặp một con cọp. Khi heo đã trông thấy cọp liền nghĩ: "Nếu ta đấu với cọp thì cọp sẽ giết ta. Nếu ta sợ bỏ chạy thì thân tộc sẽ khinh mạn ta. Không biết nay phải dùng phương cách nào để thoát nạn?,, Nghĩ xong, nó nói với cọp: "Nếu muốn đấu thì hãy đấu, nếu không thì hãy tránh đường để ta qua." 5 r r Cọp nghe xong liên bảo heo: "Ta châp nhận đâu với ngươi chớ không tránh đường cho ngươi!95 Heo lại nói: uNày cọp, ngươi hãy đợi chốc lát, ta mặc áo giáp của tổ phụ xong, rồi hãy trở lại

cùng dấu!” Cọp nghe vậy, liên nghĩ: “N6 chăng phải địch thủ của ta, huông là áo giáp tổ phụ n6." Nghĩ xong, bảo heo: "Cho tùy ý nguôi!” Heo liền trở về chuồng, lăn trong đống phân, làm phân lấp đến tận mắt, rồi trở lại chô cọp, nói răng: “Nguôi muôn đâu thì hãy đâu, nêu không thì hãy tránh đường cho ta đi qua.” Sau khi thấy heo, cọp nghĩ: "Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì uổng hàm răng huống là lại phải đến gần con heo hôi hám này.99 Cọp nghĩ xong liền bảo heo: "Ta tránh đường cho ngươi, chứ không đấu với ngươi nữa!" Heo qua được rồi, quay lại hướng về cọp nói bài tụng: Này cọp, ngươi bôn chân, Ta cũng có bôn chân, Hãy đến đấu với ta, Sợ gì mà bỏ chạy. Bấy giờ, cọp nghe xong, lại nói bài tụng trả lời heo rằng: Ngươi, lông mọc như rừng, Hèn nhất trong loài vật, Này heo, hãy cút mau, Phân thối chịu không nỗi. Lúc ấy, heo tự khoe, nói bài tụng rằng: Nước Ma-kiệt, Ương-già, Nghe ta đấu với ngươi, Hãy đến đấu với ta, Sợ gì mà bỏ chạy. Cọp nghe vậy, lại nói bài tụng: Toàn thân lông đều nhơ, Ngươi làm ta lây thối, Ngươi đâu, muôn câu thăng, Ta nay cho ngươi thắng. Tôn giả Ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ, tôi cũng như thê. Nêu đôi với quan niệm ây, vua bảo thủ vì dục, bảo thủ vì nhuế, bảo thủ vì sợ hãi, bảo thủ vì ngu si, không bao giờ bỏ thì vua sẽ chịu vô số điều dữ, lại bị mọi người chê ghét; cũng giống như cọp để  cho heo thăng.

71. KINH BỆ-TỨ 391

x Vua Bệ-tứ nghe xong nói răng:  Thưa Tôn giả, ngay từ đâu, Tôn giả nói thí dụ mặt trời và mặt trăng, lúc đó nghe xong, tôi hiểu ngay, hoan hỷ, thọ trì, nhimg tôi muốn được nghe những biện tài càng lúc càng cao siêu của bậc thượng diệu trí từ nơi Tôn giả nên tôi mới hỏi đi hỏi lại. Tôi nay đem mình quy y Tôn giả Ca-diếp. Tôn giả Ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ, vua chớ quy y tôi! Tôi đã quy y Phật, vua cũng nên quy y với Ngài! Vua Bệ-tứ nói:  Thưa Tôn giả, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tăc, bát đâu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đên lúc mạng chung! Thưa Tôn giả Ca-diêp9 con từ hôm nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước. Ton giả Ca-diêp hỏi:  Này Vua Bệ-tứ, vua muôn thực hành bô thí, tu phước, sẽ bô thí cho bao nhiêu người và thời gian bao lâu? Vua Bệ-tứ đáp: -Bố thí cho một trăm người hoặc đến một ngàn người, một ngày, hai ngày hoặc đến bảy ngày. Tôn giả Ca-diếp bảo:  Nếu vua thực hành bố thí, tu phước, bố thí cho một trâm người, hoặc đến r một ngàn người, một ngày, hai ngày hoặc đên bảy ngày thì các Sa-môn, Phạm chí ở khắp nơi đêu nghe Vua Bệ-tứ đã châp chặt một quan niệm lâu dài, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong đều sẽ từ phương xa đến, trong bảy ngày không đủ thời gian để vua bố r 9 A thí. Nêu có ai không nhận được phàm vật do nhà vua bô thí thì vua không được phước, không được an lạc lâu dài. Này Vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hu, không nứt, không bể, không bị tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cất giấu chu đáo vào tiết thu. Nếu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tốt, làm đất thuần thục xong, gieo giống đúng thời, nhimg mưa không kịp lúc thì ý vua nghĩ sao, hạt giống kia có sanh trưởng được chăng?  Dạ không! Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diếp bảo:  Này Vua Bệ-tứ? vua cũng như thế. Nấu thực hành bố thí, tu phước, bố thí cho một trăm người hoặc một ngàn người, một ngày cho đen bảy ngày, những Sa-môn, Phạm chí ở các phương xa đều nghe rằng Vua Bệ-tứ đã chấp chặt một quan niệm lâu dài, nay bị Sa-môn Ca-diếp hàng phục,

sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Các vị ấy nghe xong, đều sẽ từ phương xa đến thì trong bảy ngày không



đủ thời gian để vua bố thí. Nếu có vị nào không nhận được thực phẩm do vua bố thí thì vua không được phước, không được an lạc lâu dài. Vua Bệ-tứ lại hỏi: Thưa Tôn giả, tôi phải làm thế nào? Tôn giả Ca-diếp đáp: Này Vua Bệ-tứ, nếu vua thực hành bố thí, tu phước thì phải thường cung cấp trường trai. Nếu vua thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cấp trường trai thì các vi Sa-môn? Phạm chí ở khắp nơi nghe rằng Vua Bệ-tứ đã chấp chặt r một quan niệm từ lâu, nay bị Sa-môn Ca-diêp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đến, đều có thể được vua bố thí nên vua có phước, được an lạc lâu dài. Vua Bệ-tứ, cũng như hạt giống không nát, không hu, không nứt, không bể, không bi tổn thương bởi gió, bởi ánh nắng, bởi nước, được cát giâu chu đáo vào tiêt thu. Nêu cư sĩ kia cày sâu, ruộng tôt? làm đát thuân thục xong, gieo giông đúng thời, kịp lúc có mưa thì ý vua nghĩ sao, hạt giống kia có thể sanh trưởng được chăng? _ Sanh trưởng được! Tôn giả Ca-diếp lại bảo: Này Vua Bệ-tứ, vua cũng như vậy. Nếu thực hành bố thí, tu phước mà thường cung cáp trường trai thì các Sa-môn? Phạm chí ở khăp nơi nghe Vua Bệ- tứ đã chấp chặt một quan niệm lâu dài, nay bi Sa-môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nghe xong, từ các phương xa, các vị đến, đều có thể được vua bố thí nên vua được phước, được hưởng an lạc lâu dài. Bấy giờ, Vua Bệ-tứ nói rằng: Con từ nay bắt đầu thực hành bố thí, tu phước và thường cung cấp trường trai. Lúc đó, Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp cho Vua Bệ-tứ và các Phạm chí, cư sĩ ở xứ Tư-hòa-đê? khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi băng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho những vị ây xong roi, Tôn giả ngôi im lặng. Bấy giờ, Vua Bệ-tứ và các Phạm chí, cư sĩ ở xứ Tư-hòa-đề được Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Tôn giả, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Sau d6, Vua Bệ-tứ, tuy thực hành bô thí, tu phước, nhimg bô thí quá thậm tệ như canh đậu xấu, rau thối, chỉ có một miếng gừng, lại bố thí áo gai thô xấu. Bấy giờ, người cai bếp tên là Ưu-đa-la, lúc nhà vua bố thí, tu phước, liền xin Thượng tọa chú nguyện cho nhà vua thế này: “Nếu cuộc bố thí này có phước báo gì, chớ để cho Vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau.” Vua Bệ-tứ nghe Ưu-đa-la, lúc vua bố thí, tu phước thì lại xin Thượng tọa chú nguyện rằng:



"Nêu cuộc bô thí này có phước báo gì, chớ đê cho Vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau." Nghe vậy, vua kêu người cai bếp lại hỏi: Này Ưu-đa-la, lúc ta bố thí, tu phước, ngươi xin Thượng tọa chú nguyện cho ta răng: "Cuộc bô thí này nêu có phước báo gi, chớ đê cho Vua Bệ-tứ hưởng thọ trong đời này và đời sau.” Có quả thật như vậy chng?” Ưu-đa-la đáp: Quả vậy, tâu Thiên vương. Vì sao? Thiên vương tuy bố thí, tu phước, nhưng quá thậm tệ, bô thí canh đậu xâu, rau thôi, chỉ có một miêng gừng. Tâu Thiên vương, thức ăn ấy không đáng để đưa tay cầm, huống là để ăn! Thiên vương bố thí áo gai xấu. Tâu Thiên vương, áo ấy không đáng để dùng chân dậm lên, huống là để

mặc. Con kính Thiên vương nhimg không trọng sự bố thí ấy. Cho nên, tâu Thiên vương, con không mong phước báo của cuộc bố thí tệ mạt này dành cho Thiên vương được hưởng. Vua Bệ-tứ nghe xong, liền bảo: Này Ưu-đa-la, từ nay ngươi bắt đầu đem thức ăn như ta đã ăn mà bố thí, đem áo như áo ta đã mặc mà bố thí. Từ đó về sau, Ưu-đa-la đem thức ăn giống như thức ăn của vua mà bố thí, đem áo giống như áo vua mà bố thí. Bấy giờ, Ưu-da-la nhờ coi sóc việc bố thí cho Vua Bệ-tứ nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong cõi Tứ Thiên Vương. Còn Vua Bệ-tứ vì không chí tâm bố thí nên thân hoại mạng chung, sanh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không. Tôn giả Kiêu-diệm-bát-đê, thường qua du hành trong cung điện Tòng Thọ Lâm Không ấy. Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế từ xa trông thấy Vua Bệ-tứ, liền hỏi rằng: - Ông là ai? Vua Bệ-tứ đáp: Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, Tôn giả có nghe trong châu Diêm-phù" đề có vua xứ Tư-hòa-đề, tên là Bệ-tứ chăng? Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế đáp: -Tôi có nghe trong châu Diêm-phù-đề, ở xứ Tư-hòa-đề có vua tên là Bệ-tứ. Vua Bệ-tứ nói: Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế, con chính là vua ấy, vốn tên là Bệ-tứ. Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế lại hỏi: Này Vua Bệ-tứ9 vua đã có quan niệm như thế này, chủ trương như thế này: "Không có đời sau, không có chúng sanh sanh ra", thế thì do đâu vua lại sanh vào dây, trú trong cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở Tứ Thiên vương này?



Vua Bệ-tứ lại thưa: Thưa Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế? con vốn có quan niệm ấy, nhimg bi Sa- môn Ca-diếp hàng phục, sửa sai nên đã đoạn trừ, xả bỏ. Nếu Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế có xuống châu Diêm-phù-đề thì xin báo cùng khắp mọi người ở châu piêm-phù-đề hay rằng, nếu có bố thí, tu phước thì hãy chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho một ai hưởng phước báo như Vua Bệ-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí, vì không chí tâm bố thí nên sanh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở cõi Tứ Thiên Vương. Bấy giờ, Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế im lặng nhận lời. Sau đó, lúc Tôn giả Kiều-diệm-bát-đế xuống châu Diêm-phù-đề? rao cùng khắp cho mọi người ở châu Diêm-phù-đề biết, phải chí tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, chí tín bố thí, biết có nghiệp, có nghiệp báo bố thí. Vì sao? Vì muốn đừng để cho ai hưởng phước báo bố thí như Vua Bệ-tứ xứ Tư-hòa-đề nữa. Vua Bệ-tứ là vua bố thí mà vì không chí tâm bố thí nên sanh vào cung điện Tòng Thọ Lâm Không nhỏ hẹp ở cõi Tứ Thiên Vương. Tôn giả Cưu-ma-la-ca-diêp thuyêt như vậy, Vua Bệ-tứ và các Phạm chí, cư sĩ xứ Tư-hòa-đề nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

## 72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG

### BỔN KHỞI

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di đã nhiều lần cãi vã nhau. Do d6, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di rằng:

Này các Tỳ-kheo, các thầy chớ cãi vã nhau. Vì sao?

Hận thù diệt hận thù, Không bao giờ chấm dứt,

Nhẫn nhục diệt hận thù, Là pháp cao quý nhất.

Vì sao? Thuở xưa, có vua nước Câu-sa-la tên là Trường Thọ; lại có vua nước Da-xá tên là Phạm-ma-đạt-đa. Hai vi quốc vương này đã nhiều lần gây chiến với nhau. Bấy giờ, quốc vương Phạm-ma-đạt-đa dấy bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, vua nước

Da-xá Phạm-ma-đạt-đa đích thân kéo quân đi, muôn gây chiên với Trường Thọ vua nước Câu-sa-la.

Vua Trường

M M

Thọ nước

Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa a a a

.

nước Dae

xá vừa dây bôn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; sau khi dây bôn loại quân, nhà vua lại muôn đên giao chiên với mình. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe vậy, cũng dấy bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau khi dấy bốn loại quân, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la đích thân xuất quân, dẫn đến tận biên giới, dàn trận giao chiến, tức thời đánh tan quân đối phương. Bấy giờ, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la bắt hết bốn loại quân của Phạm-ma-đạt-đa là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; lại bắt sông Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá, băt xong, liên phóng thích và nói với Phạm-ma-đạt-đa: "Ông là kẻ bi nguy khốn, nay ta tha cho, sau này chớ gây chiến nữa.” Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá lại ba lần dấy bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Sau mỗi lần dấy bốn loại quân, nhà vua lại đích thân dẫn quân đến gây chiến với Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá lại dấy bốn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân; sau khi dấy bốn loại quân nhà vua lại kéo đến gây chiến với mình. Vua Trường Thọ nước



Câu-sa-la nghe vậy, liền nghĩ: "Ta đã đánh bại nó, cần gì đánh bại nữa? Ta đã hàng phục nó, nó đâu đủ sức hàng phục ta? Ta đã hại nó, cần gì hại nữa? Ta chỉ cần một cây cung cũng đủ sức hàng phục n6." Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghĩ thê nên an nhiên, không cân dây bôn loại quân là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân, cũng không tự mình ra mặt trận. Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt- đa nước Da-xá tiến quân đánh pha, bắt hết bốn loại quân của Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la nghe tin Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá đã tiến quân bắt hết bốn loại quân của mình là tượng quân, mã quân, xa quân và bộ quân. Nhà vua lại nghĩ rằng: "Chiến tranh là kỳ quái, chiến tranh là tàn bạo. Vì sao? Vì chiến thắng sẽ bị chiến thắng, chế phục sẽ bị chế phục, tàn hại sẽ bi tàn hại. Vậy nay ta hãy đơn thân dẫn một người vợ cùng đi một cỗ xe, chạy đến Balanại."

Rồi Trường Thọ vua nước Câu-sa-la đơn thân dẫn một người vợ, cùng đi một cỗ xe,

chạy đến Ba-la-nại. Trưởng Thọ vua nước Câu-sa-la lại nghĩ: "Ta nay có lẽ nên từ thôn này qua thôn kia, từ ấp này qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều.” Nghĩ như vậy, Vua Trưởng Thọ liền từ thôn này qua thôn khác, từ ấp này qua ấp nọ để cầu học rộng nghe nhiều, vì học rộng nghe nhiều nên vua đổi tên khác la Trưởng Thọ Bác Si. Trưởng Thọ Bác Sĩ lại nghĩ: "Những gì đáng học, ta đã học rồi. Ta nên vào đô ấp Ba-la-nại, đến ở đường này hẻm kia, vẻ mặt tươi cười tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được sẽ vô cùng hoan hỷ và thấy vui thích!" Nghĩ xong, Trưởng Thọ Bác Sĩ vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi cười tấu lên âm thanh vi diệu nên các nhà hào quý Ba-la-nại nghe được đều hết sức hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Lúc ấy, các quyên thuộc của Phạm-ma-đạt-đa vua nước Daxá, từ những người quyên thuộc xa đến những người quyến thuộc gần, rồi đến những người quyến thuộc gần hơn nữa và đến Phạm chí quốc sư, tất cả đều nghe. Khi nghe được, Phạm chí quốc sư cho gọi Trưởng Thọ Bác Sĩ đến diện kiến. Bấy giờ, Trưởng Thọ Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm chí quốc sư với vẻ mặt vui tươi, tấu lên âm thanh vi diệu. Sau khi nghe, Phạm chí quốc sư rất hoan hỷ và lấy làm thỏa thích. Phạm chí quốc sư nói với Trưởng Thọ Bác Sĩ:  Từ nay ông có thể nương tưa vào ta, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ. Trưởng Thọ Bác Sĩ thưa:  Thưa Tôn giả, tôi còn có một người vợ, phải làm thế nào? Phạm chí quôc sư nói với Bác Sĩ:  Ông có thể đem đến ở nhà ta, ta sẽ cung cấp cho đầy đủ. Thế rồi, Trưởng Thọ Bác Sĩ dẫn vợ mình đến trú tại nhà Phạm chí quốc sư. Phạm chí quôc sư liên chu cáp đây đủ. Một thời gian sau, vợ của Trưởng Thọ Bác Sĩ trong lòng rầu rĩ, nghĩ rằng: "Ước gì bốn loại quân trận với đầy đủ nghi



vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, ta muốn xem cùng khắp và cũng muốn được uống nước mài dao. Vợ của Trưởng Thọ Bác Sĩ nghĩ vậy, liền nói với Trưởng Thọ Bác Sĩ:  Thiếp cảm thấy trong lòng rầu rĩ, đang nghĩ thế này: UƯỚC gì bốn loại y • r r quân trận với đây đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, ta muôn xem cùng khắp, lại muốn được uống nước mài dao." Trưởng Thọ Bác Sĩ nói với vợ rằng: -Khanh chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Chúng ta đã bị Vua Phạm-ma-đạt-đa . r - X . • •5 :. đánh bại. Khanh sẽ nhờ đâu mà được thây bôn loại quân trận với đây đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua đê khanh xem cùng kháp và khanh lại được uông nước mài dao? Bà vợ lại nói:  Thưa Tôn quân, nêu được như thê thì thiệp còn hy vọng sông; nêu không được như the chắc chan thiếp sẽ chết, không có gì nghi ngờ nữa. Trưởng Thọ Bác Sĩ liền đến chỗ Phạm chí quốc sư, đứng quay về phía quốc sư với vẻ mặt sầu thảm, bằng tiếng ai oán mà tấu lên các khúc nhạc. Phạm chí quôc sư nghe, lòng không được hoan hỷ. Bây giờ, Phạm chí quôc sư mới hỏi: -Này Bác Sĩ, trước ông đứng quay vê phía ta với vẻ mặt vui tươi mà tâu lên âm thanh vi diệu. Nghe xong ta rất hoan hỷ, lấy làm vui thích. Nay vì sao ông lại đứng quay về phía ta với vẻ mặt sầu thảm, bằng âm thanh ai oán mà tấu lên khúc nhạc. Ta nghe không được hoan hỷ. Này Trưởng Thọ Bác Si, thân ông không bệnh hoạn, ý ông không sầu não chứ? Trưởng Thọ Bác Sĩ thưa:  Thưa Tôn giả, thân tôi không bệnh hoạn nhimg ý tôi thì sầu não. Tôn giả, VỢ tôi trong lòng râu ri, đã nghĩ thê này: “Ta muôn bôn loại quân trận với đây đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, ta muốn xem cùng khắp, lại cũng muốn được uống nước mài dao.” Tôi liền bảo:

"Khanh chớ nghĩ như thế. Vì sao? Nay ta như thê này, khanh nhờ đâu mà được thây bôn loại quân trận với đầy đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ đi qua, để khanh xem cùng khắp và lại được uống nước mài dao?" Vợ tôi lại nói: "Thua Tôn quân, nếu được như thế thì thiếp còn hy vọng sống; nếu không được như thế thì chắc chắn thiếp sẽ chét, không còn nghi ngờ gì nữa.” Thưa Tôn giả, nêu vợ tôi mà không toàn mạng thì tôi sao nỡ? Phạm chí quốc sư hỏi rằng: -Này Bác Sĩ, ta có thể gặp được vợ ông chăng? Thưa Tôn giả, có thể được! Thế rồi, Phạm chí quốc sư cùng với Trường Thọ Bác Sĩ đến chỗ bà vợ của Bác Sĩ. Bấy giờ, vợ của Trường Thọ Bác Sĩ mang thai đứa con có đức. Phạm



chí quốc sư thấy vợ của Trường Thọ Bác Sĩ mang thai đứa con có đức nên quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng về vợ của Bác Sĩ khen ba lần rằng: “se sanh vua nước Câu-sa-la! Sẽ sanh vua nước Câu-sa-la! Sẽ sanh vua nước Câu- sala!" Ong lại ra lệnh cho tả hữu: "Chớ cho ai biêt.” Phạm chí quôc sư nói tiêp: Này Bác Si, ỗnệ chớ ưu sâu. Ta sẽ cho vợ ông thây được bôn loại quân với đầy đủ nghi vệ tuôt gươm sáng loáng, từ từ đi qua và cũng được uông nước mài dao. Rồi Phạm chí quốc sư đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá, đến xong thưa rằng: -Tâu Thiên vương, nên biêt cho răng, có vì sao hữu đức xuât hiện. Mong Thiên vương cho dàn bốn loại quân trận, với đầy đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành và biểu dương quân uy bằng nước mài dao, mong Thiên vương đích thân thị sát! Tâu Thiên vương, nếu làm được như vậy thì chác chắn có báo ứng tốt. Vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa liên ra lệnh cho tướng quân: Nay khanh nên biêt, có vì sao hữu đức xuât hiện. Khanh hãy tức khác dàn bôn quân trận với đây đủ nghi vệ tuôt gươm sáng loáng, từ từ diêu hành, biêu dương quân uy với nước mài dao. Ta sẽ đích thân quan sát, nếu làm được như vậy thì chắc chắn có báo ứng tốt. Bây giờ, tướng quân tuân lệnh vua, dàn bôn loại quân trận với đây đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễn hành, biểu dương quân uy với nước mài dao. Phạm-ma-đạt-đa liền đích thân thị sát. Nhờ đó, vợ của Trường Thọ Bác Sĩ thấy được bốn loại quân trận với đầy đủ nghi vệ tuốt gươm sáng loáng, từ từ diễu hành, biểu dương quân uy và cũng được uống nước mài dao. Sau khi uống nước mài dao, sầu não liền tiêu, tiếp đến hạ sanh người con có đức, bèn đặt tên tự là Trường Sanh Đồng Tử, gởi gắm người khác bí mật nuôi nấng, lần hồi lớn khôn. Nếu các vị Vua Sát-lợi Đảnh Sanh chỉnh trị thiên hạ với một quốc độ lớn, có đủ các tài nghệ như cưỡi voi, cưỡi ngựa, điêu khiên phi nhanh, chơi băn cung, đánh bằng tay, ném móc, ném câu, giong xe, ngồi kiệu; các thứ tài nghệ tuyệt diệu như thế, Trường Sanh Đồng Tử đều biết thành thạo. Dù bất cứ loại xảo diệu nào, nếu Trường Thọ đụng đen, là vượt hẳn mọi người, dũng mãnh và cuông nghị hơn đời, thông minh xuất chúng, bao nhiêu điều bí ẩn sâu xa, không có điêu gì là không thông suốt. Lúc ấy, Phạm-ma-đạt-đa nghe tin Trường Thọ vua nước Câu-sa-la đổi tên là Bác Sĩ và đang ở thành Ba-la-nại? liền ra lệnh cho tả hữu: Các khanh hãy cấp tốc đến bắt Trường Thọ vua nước Câu-sa-la5 trói thúc ké hai tay, bỏ lên lừa chở di, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bố cho khắp nơi biết, rồi dẫn ra khỏi cửa thành phía Nam, bắt ngồi dưới cây nêu cao mà cật vấn.

Cận thần tả hữu vâng lệnh, liền đến bắt Trường Thọ vua nước Câu-sa-la, trói hai tay ra đằng sau, bỏ lên lừa chở di, đánh trống lớn tiếng như lừa kêu, tuyên bô cho khắp nơi biêt, roi dân ra cửa thành phía Nam, băt ngôi dưới cây nêu cao rồi cật vấn. Lúc ấy, Trường Sanh Đồng Tử đi theo cha lúc bên trái, lúc bên phải và thưa với cha: - Thiên vương chớ SỢT, Thiên vương chớ sợ! Có con ở đây, chắc chắn cứu được, chắc chắn cứu được! Trường Thọ vua nước Câu-sa-la bảo con: Đồng Tử nên nhẫn, Đồng Tử nên nhẫn! Chớ khởi oán kết mà phải nên thực hành nhân từ! Mọi người nghe Vua Trường Thọ nói như vậy liên hỏi: Như vậy, vua muốn nói những gì? Nhà vua trả lời: Đồng Tử này thông minh, chắc chắn hiểu lời ta nói. LÚC bây giờ, Trường Sanh Đông Tử khuyên khích những gia đình hào quý trong thành Ba-la-nại rằng: Chư vị, hãy bố thí, tu phước mà chú nguyện cho Trường Thọ vua nước Câu-sa-la; hãy đem phước thí ấy mà cầu cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la được an ổn5 giải thoát! Bấy giờ, các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại theo lời khuyến khích của Trường Sanh Đồng Tử, bố thí, tu phước, chú nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sala, đem phước thí ấy cầu cho Vua Trường Thọ được an ổn, giải thoát. Vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa nghe các nhà hào quý trong thành Ba-la- nại này bố thí, tu phước, chú nguyện cho Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la5 đem phước thí ấy cầu cho Vua Trường Thọ được an ổn5 giải thoát thì vô cùng sợ hãi, tóc lông dựng đứng, nghĩ rằng: "Những nhà hào quý trong thành Ba-la-nại này phản lại ta chăng? Nhưng hãy gác lại việc kia, nay trước tiên ta phải cấp tốc tiêu diệt người này.” Rồi Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá, hạ lệnh cho tả hữu: Các khanh hãy cấp tốc đi giết Vua Trường Thọ nước Câusa-la, chặt ra làm bảy đoạn. Cận thần tả hữu tuân lệnh, liền đi giết Vua Trường Thọ, chặt làm bảy đoạn. Bấy giờ, Trường Sanh Đồng Tử nói với các nhà hào quý trong thành Ba-la-nại: Các vi xem dấy, vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa tàn ác vô đạo. Nó bắt cha ta, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội; nó lại cướp đoạt kho tàng tài sản của nước ta, vì thù hận cay độc mà giết người, chặt làm bảy đoạn một cách oan uổng. Các vị nên đến dùng lụa mói, quấn nhiều lớp bọc kín thi hài bảy đoạn, liệm cho cha ta, dùng tất cả các cây hương thơm, chất đống để



hỏa táng và lập miếu đường mà thờ. Các vị nên vì cha ta mà gởi thư cho Phạm-ma-đạt-đa và nói rằng: "Trường Sanh Đồng Tử vua nước Câu-sa-la bảo cho vua biết, vua không sợ sau này con cháu gieo họa cho chng?" Rồi thi, những nhà hào quý ở thành Ba-la-nại theo lời khuyên của Trường Sanh Đồng Tử, dùng lụa mới xếp nhiều lớp để liệm thi hài bảy đoạn ấy, dùng các loại cây hương thơm chất đống, hỏa táng rồi lập miếu mà thờ, và cũng làm thư gởi cho Phạm-ma-đạt-đa9 nói rằng: "Trường Sanh Đồng Tử vua nước Câu- sa-la bảo rằng: 'Vua không sợ sau này bị con cháu gieo họa cho chăng?999 Bây giờ, vợ của vua Trường Thọ nói với Trường Sanh Đông Tử: Con nên biết, vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa này là kẻ bạo tàn, vô đạo, bắt cha con là Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của nước con, lại vì thù hận cay độc giết người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Này Đồng

Tử, con hãy đến đây cùng ta cưỡi một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại; nếu không đi thì tai họa sẽ đến với con. Thế rồi vợ của Trường Thọ cùng với Trường Sanh Đồng Tử cưỡi một chiếc xe chạy ra khỏi Ba-la-nại. Bấy giờ, Trường Sanh Đồn^ Tử nghĩ rằng: “Ta nên đến thôn này, qua thôn kia đe cầu học rộng nghe nhieu.99 Nghĩ xong, Trường Sanh Đồng Tử liền đi từ thôn này, qua thôn kia để cầu học rộng nghe nhiều. Sau khi đã học rộng nghe nhiều, liền đổi tên khác là Trường Sanh Bác Sĩ. lYường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Biểu cần học ta đã học xong, có lẽ ta nên vào đô ấp Ba- la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt tươi cười tấu lên âm thanh vi diệu. Như vậy, các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, sẽ hoan hỷ và cảm thấy vui thích.^, Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác Sĩ liên vào đô ấp Ba-la-nại, đứng ở đường này hẻm nọ, với vẻ mặt vui cười tấu lên âm thanh vi diệu. Các nhà hào quý ở Ba-la-nại nghe được, hoan hỷ vô cùng và cảm thấy vui thích. Bấy giờ? các quyến thuộc của Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá, từ quyến thuộc xa đến quyến thuộc ệần, và đến quyến thuộc gần hơn nữa, cho đến Phạm chí quốc sư, lần hồi thấu đên Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá nghe xong, liên gọi vào diện kiến. Thế rồi, Trường Sanh Bác Sĩ đi đến chỗ Phạm-ma-đạt-đa, đứng quay về phía nhà vua, với vẻ mặt tươi cười tấu lên bằng âm thanh vi diệu. Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá nghe như thế, hoan hỷ vô cùng, lấy làm vui thích. Rồi vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa nói với Bác Sĩ rằng: -Từ nay khanh có thê nương tựa vào ta, ta sẽ cung cáp cho đây đủ! Khi ấy, Trường Sanh Bác Sĩ nương tựa vào nhà vua. Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá cung cấp đầy đủ; về sau, lại hết lòng tín nhiệm, giao phó công việc, đem kiếm hộ thân trao cho Trường Sanh Bác Sĩ. Bấy giờ, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá bảo người đánh xe: Ngươi hãy sửa soạn xa giá, ta muốn đi săn bắn! Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu răng: Con đã sửa soạn xa giá xong, xin theo ý Thiên vương!

## 72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI 401

Thế rồi, vua nước Da-xá Phạm-ma-đạt-đa và Trường Sanh Bác Sĩ cùng ngồi cỗ xe ra đi. Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ rằng: 6Thạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la? là người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản của ta, và vì thù hận cay độc mà giêt người, chặt ra bảy đoạn một cách oan uổng. Nay ta nên đánh xe tách khỏi bốn loại quân, đi đến một nơi khac.99 Nghĩ vậy, Trường Sanh Bác Sĩ liền đánh xe tách ra bốn loại quân, đi đến một nơi khác. Bấy giờ, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá vất vả, trải qua con đường lầy lội, gió nóng bức bách, lo âu, khát nước, mệt nhọc quá đỗi nên muốn nằm, liền xuống xe, gối vào đầu gối của Trường Sanh Bác Sĩ mà ngủ. Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ rằng: 4Thạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá? tàn bạo, vô đạo. Nó bắt cha ta, Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, là người vô tội? lại cướp đoạt kho tàng tài sản của nước ta, và vì thù hận cay độc mà giết người, chặt ra làm bảy đoạn một cách oan uổng. Thế mà ngày nay nó đã nằm trong tay ta, ta phải báo oán.” Trường Sanh Bác Sĩ nghĩ như vậy liền tuốt gươm bén, dí vào cô Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá mà nói răng: “Nay ta sẽ giêt ngươi, nay ta sẽ giết ngươi.Trường Sanh Bác Sĩ lại nghĩ: "Ta làm không đúng. Vì sao? Nhớ lại ngày trước ngồi dưới cây nêu cao, vào phút sắp lâm chung cha ta đã bảo ta rằng: 'Đồng Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhẫn, chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ.'" Nhớ lại như vậy, Bác Sĩ bèn thu gươm tra vào vỏ. Trong lúc đó, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá mộng thấy Trường Sanh

Đồng Tử, con Vua Trường Thọ vua nước Câu-sa-la, tay cầm gươm bén, dí vào CÔ mình mà nói răng: “Nay ta sẽ giêt ngươi, nay ta sẽ giêt ngươi.,, Thây vậy, nhà vua sợ hãi, tóc lông dựng đứng, kinh hoàng chợt tính, nói với Trường Sanh Bác Sĩ: Ngươi nên biết, ta ở trong mộng, thấy Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la, tay câm kiêm bén, dí vào cô ta và nói răng: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi.^, Nghe xong, Trường Sanh Đông Tử thưa răng: Thiên vương chớ sợ, Thiên vương chớ sợ. Vì sao? Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la chính là thần đây. Tâu Thiên vương, thần nghĩ rằng: 4Thạm-ma-đạt-đa vua nước Daxá, bạo tàn, vô đạo, bắt cha ta, một người vô tội, lại cướp đoạt kho tàng, tài sản nước ta, và vì thù hận cay độc mà giêt cha ta, chặt người ra làm bảy đoạn một cách oan uông. Nay chính nó đã nằm trong tay ta, ta nghĩ phải báo oán." Tâu Thiên vương, thần liền rút gươm dí vào cổ Thiên vương và nói rằng: "Nay ta giết ngươi, nay ta giết ngươi?5 Tâu Thiên vương, thân lại nghĩ răng: "Ta làm không đúng. Vì sao? Nhớ ngày trước ngôi dưới cây nêu cao, vào phút sáp lâm chung cha ta đã bảo ta răng: 'Đông Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhẫn, chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ/ Nhớ lại như vậy nên thần cất gươm vào v6.”



Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá nói: Này Đồng Tử, khanh noi rằng: "Đồng Tử hãy nhẫn, Đồng Tử hãy nhn”, ta đã rõ nghĩa ấy. Nhưng Đồng Tử lại nói: "Chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ" là nghĩa thế nào? Trường Sanh Đồng Tử đáp: -Tâu Thiên vương, "Chớ khởi oán kiết mà phải thực hành nhân từ" chính là như vậy. Nghe xong, Vua Phạm-ma-đạt-da nước Da-xá nói: Này Đồng Tử, từ ngày hôm nay, ta đem đất nước mà ta đang thống lãnh trao hết cho khanh, bổn quốc của thân phụ khanh giao hoàn lại cho khanh. Vì sao? Vì khanh đã làm một việc quá khó là ban ân huệ cho mạng sống của ta. Trường Sanh Đồng Tử nghe vậy, liền thưa: Bổn quốc của Thiên vương thì thuộc về Thiên vương. Bổn quốc của thân phụ hạ thần thì mới có thể giao hoàn. Bây giờ, Phạm-ma-đạt-đa vua nước Da-xá cùng với Trường Sanh Đông Tử lên xe trở về. Vào thành Ba-la-nại, ngồi trên chánh điện, vua bảo các cận thần: -Này các khanh, nếu bắt gặp Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Câu-sa-la thì các khanh sẽ xử sự như thế nào? Cận thần nghe vậy, có người tâu rằng: -Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó? tôi sẽ chặt tay nó! Có người lại tâu: - Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì tôi chặt chân nó! -Tâu Thiên vương, nếu bắt gặp nó thì giết nó! Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá nói răng: Các khanh muốn gặp Trường Sanh Đồng Tử, con Vua Trường Thọ nước Cau-sa-la thì ở đây này. Các khanh chớ khởi ác ý với Đồng Tử này. Vì sao? Vì Đồng Tử đã làm một việc hết sức khó là đã tha mạng cho ta. Thế rồi, Vua Phạm-ma-đạt-đa nước Da-xá dùng nước tắm của vua, tắm gội cho Trường Sanh Đông Tử, cho thoa băng bột hương của vua, cho mặc băng y phục của vua, mời ngôi ngự sàng băng vàng, cho vợ con trở vê bôn quôc. Này các Tỳ-kheo, quốc vương Sát-lợi Đảnh Sanh ấy làm chủ đại quốc, chỉnh trị thiên hạ; tự thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán hạnh nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại ximg tán ân huệ. Này các Tỳ-kheo, các thầy cũng nên như vậy, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; nên thực hành hạnh nhẫn nhục, lại xưng tán hạnh nhẫn nhục; tự thực hành từ tâm, lại xưng tán từ tâm; tự ban ân huệ, lại xưng tán ân huệ.

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI 403

Bây giờ, các Tỳ-kheo nghe đức Phật thuyết, có vị bạch rằng: Thế Tôn là Pháp Chủ, nay mong Thế Tôn cứ ở yên vậy! Vị ấy nói xấu con, con làm sao không nói xấu vị ấy được? Lúc ấy, đức Thế Tôn không vui về việc làm của các Tỳ-kheo ở Câu-xá-di, với những oai nghi, lễ tiết mà họ đã học tập. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài tụng: Với bao nhiêu lời nói, Phá hoại chúng Tối tôn; Khi phá hoại Thánh Tăng, Không ai khiển trách nỗi. Nát thân và mất mạng, Cướp đoạt voi, ngựa, trâu, Tải sản và quốc gia, Họ còn hay hòa thuận. Huống thầy, vài tiếng cãi, Sao không chịu thuận hòa? Không suy chân nghĩa xa, Oán kiết làm sao giải? Mạ lỵ, trách nhau mãi, Nhưng hay biết thuận hòa, Nếu suy chân nghĩa xa, Oán kiết tất giải được. Thù hận dứt thù hận, Đời nào dứt cho xong? Nhẫn nhục dứt thù hận, Đó là pháp tối thượng. Sân với bậc thượng trí, Miệng toàn lời si mê, Phỉ báng Thánh Mâu-ni, Thấp hèn không chút huệ. Người khác không rõ nghĩa, Riêng Ta biết mà thôi; r Nếu ai rõ nghĩa được, Người này dứt sân nhuê. Ai có định làm bạn, Kẻ trí, cùng tu thiện, r Xả ý chấp xưa kia, Hoan hỷ thường tùy thuận. Không có định làm bạn, Kẻ trí, siêng tu thiện, Như vua trị nước nhà, Như voi lẻ rừng vắng. Độc hành, chớ tạo ác, Như voi lẻ rừng sâu; Độc hành là hay nhất, Đừng cùng kẻ vô đức. Học, không gặp bạn tốt, Không cùng ai ngang mình, Hãy kiên tam co đọc, Đừng cùng kẻ vô đức. Lúc đức Thế Tôn thuyết bài tụng này xong, Ngài dùng như ý túc cưỡi hư không mà đi đến thôn Bà-la-lâu-la. ở thôn Bà-la-lâu-la có Tôn giả Bà-cửu, Thích gia tử ngày đêm không ngủ, tinh cần hành đạo, chí hành, thường đinh tĩnh, an trú trong đạo phẩm. Tôn giả Thích gia tử từ xa trông thấy đức Phật đi đến; khi đã trông thấy liền ra nghinh tiếp, đỡ lấy y bát của Ngài, trải giường, múc nước rửa chân. Đức Phật rửa chân xong, ngồi lên chỗ ngồi của Thích gia tử Bà-cửu. Ngồi xong, Ngài nói: Này Tỳ-kheo Bàcửu, thầy thường an ổn, không hề mệt mỏi chăng? Tôn giả Thích gia tử Bà-cửu ưả lời: Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mệt mỏi.

404 KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Thế Tôn lại hỏi Tỳ-kheo Bà-cửu: Thế nào là an ổn, không mỏi mệt? Tôn giả Bà-cửu đáp: Bạch đức Thế Tôn, con ngày đêm không ngủ5 tinh tấn hành dạo, chí hành, thường định tĩnh, an trú vào đạo phẩm. Bạch đức Thế Tôn, như vậy con thường an ôn5 không có mệt mỏi. Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Thiện nam tử này sống cuộc đời an lạc, Ta nay nên thuyết pháp cho y.” Nghĩ vậy, Ngài liền thuyết pháp cho Tôn giả Bà-cửu, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho vị ấy. Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến rừng Hộ Tự. Vào rừng Hộ Tịt, đến dưới gốc cây, Ngài trải ni-sư-đàn ngồi kiết-già. Đức Thế Tôn lại nghĩ rằng: "Ta đã thoát được nhóm Tỳ"kheo ở Câu-xá-di kia, một nhóm luôn luôn tranh chấp nhau, chèn ép nhau, thù nghịch nhau, giận hờn nhau, cãi vã nhau. Ta không hoan hỷ nghĩ đến phương ấy, nơi mà nhóm Tỳ-kheo Câu-xá-di đang trú.” Ngay lúc đó? có một con voi lớn, là chúa của đàn voi, tách rời đàn đi một mình, cũng đến rưng Hộ Tự. Vào rừng Hộ Tự, nó đến dựa vào cây hiền-ta-la, đứng bên cây hiên-ta-la. Khi ây voi lớn nghĩ răng: “Ta đã thoát được bọn voi kia, voi cha, voi mẹ5 voi con lớn nhỏ. Bọn voi ấy thường đi trước, giẫm lên cỏ, làm vấy bẩn

nước. Ta bấy giờ ăn cỏ bi giẫm đạp ấy5 uống nước vẩn đục kia. Nay ta ăn cỏ mới, uống nước trong.” LÚC ây, đức Thê Tôn băng tha tâm trí, biêt được ý nghĩ trong lòng con voi lớn kia, liền nói bài tụng: Một voi với đàn voi, Cũng vóc, ngà, chân dử, Đem tâm so các tâm, Rừng sâu vui độc tru. Khi đó, đức Thế Tôn từ rừng Hộ Tự, mang y bát đi đến rừng Bàn-na-mạn- xà"tự. Bấy giờ, có ba thiện nam tử tru ở trong rừng Bàn-na-mạn-xà-tự là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Các Tôn giả ấy sống như vây: Nếu ai khất thực trở về trước thì trải giường, múc nước, để sẵn chậu rửa chân, đặt sẵn đòn rửa chân và khăn lau chân, lu nước uống và ghè nước rửa tay. Nếu những gì khất thực có thể dùng hết thì dung hết, nếu còn dư đổ vào hũ đậy kín và cất đi; ăn xong, dọn bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, vào phòng tĩnh tọa. Ai khất thực về sau, nếu dùng hết thì dung, nếu thiếu thì lấy đồ ăn khất thực còn lại của người trước mà dùng cho đủ, nếu dư thì đổ xuống đất sạch, hay nước không có trùng rồi đem bình bát rửa sạch, lau khô và cất vào một góc, thu dọn giường chiếu, dẹp đòn rửa chân, cất khăn lau chân, cất chậu rửa chân và lu nước uống, ghè nước rửa tay, quét dọn nhà ăn. Sau khi rửa sạch những đồ nhơ bân ây, thâu xép y bát, rửa tay chân, lây ni-sư-đàn vát lên vai, vào phòng tĩnh tọa.

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỒN KHỞI 405

Đên lúc xê trưa, các Tôn giả ây, nêu có vị nào từ chô tĩnh tọa đứng dậy trước, thấy lu nước uống và ghè nước rửa tay trống rỗng không có nước thì mang đi lấy nước. Nêu xách vê nôi thì xách đên đê vào một góc, nêu xách không nôi thì lây tay vay mọt vị Ty-kneo nữa, moi người knieng mọt ben, không ai noi chuyện vơi nhau, cũng không được hỏi han gì nhau. Các Tôn giả ấy cứ năm ngày tụ tập một lần, cùng bàn về pháp và im lặng theo pháp bậc Thánh. Bấy giờ, người giữ rừng trông thấy đức Thế Tôn từ xa đi đến, bèn đón và ngăn răng: Sa-môn, Sa-môn, chớ vào rừng này. Vì sao? Nay trong rừng này có ba thiện nam tử. Đó là Tôn giảA-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la. Các vị ây trông thây Sa-môn? chác họ không vừa ý. Đức Thế Tôn bảo: Này người giữ rừng, các vị kia nêu thây Ta, chăc chăn không có gì không vừa ý. Ngay lúc đó, Tôn giảA-na-luật-đà từ xa trông thấy đức Thế Tôn đi đến, liền quở trách người kia: —Này người giữ rừng, chớ ngăn đức Thế Tôn. Này người giữ rừng, chớ ngăn đức Thiện Thệ. Vì sao? Đó là bậc Tôn Sư của ta đi đến, đó là đấng Thiện Thệ của ta đi đến. Tôn giả A-na-luật-đà ra nghinh đón đức Thế Tôn, đỡ y bát của Ngài, Tôn giả Nan-đê trải giường cho đức Phật, Tôn giả Kim-tỳ-la lây nước cho Ngài. Khi ấy, đức Thế Tôn sau khi rửa tay chân, ngồi vào chỗ mà Tôn giả ấy đã trải. Ngồi xong, Ngài hỏi: -Này A-na-luật-đà9 thầy thường an ổn, không mỏi mệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mỏi mệt. Đức Thế Tôn lại hỏi A-na-luật-đà: An ổn, không mỏi mệt như the nào? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đông Phạm hạnh như thê. Bạch đức Thê Tôn? con thường thực hành từ thân nghiệp đôi với các vị đông Phạm hạnh, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau, không khác; thực hành từ khẩu nghiệp, thực hành từ ý nghiệp, trước mặt hay văng mặt đêu như nhau, không khác. Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng: "Nay ta có thể tự xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền." Bạch đức Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiên.

Bạch đức Thê Tôn, con chưa từng có một điêu nào là không vừa lòng. Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mỏi mệt như thế.

406 KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Nan-đề, Tôn giả cũng đáp như thế. Đức Thế Tôn iại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: Thầy thường an ổn, không mệt mỏi chăng? Tôn giả Kim-tỳ-la đáp: Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không mệt mỏi. Này Kim-tỳ-la, an ổn, không mệt mỏi như thế nào? Tôn giả Kim-tỳ-la đáp: -Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng con có thiện lợi, có công đức lớn, nghĩa là con được cùng tu hành với các vị đồng Phạm hạnh như thế. Bạch đức Thế Tôn, con thường thực hành từ nơi thân nghiệp đối với các vi đồng Phạm hạnh, trước mặt hay vắng mặt đều như nhau, không khác; thực hành từ khẩu nghiệp, thực hành từ ý nghiệp, trước mặt hay văng mặt đêu như nhau, không khác. Bạch đức Thế Tôn, con nghĩ rằng: "Nay ta có thể tự xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư HiĨ1." Bạch đức Thế Tôn, con liền xả bỏ tâm mình, tùy thuận tâm chư Hiền. Bạch đức Thế Tôn, con chưa từng có một điều nào là không vừa lòng. Bạch đức Thế Tôn, con thường an ổn, không có mệt mỏi như thế. Đức Thế Tôn tán thán: Lành thay, lành thay! Này A-na-luật-đà? như thế các thầy thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh cãi, cùng hiệp nhát trong một tâm, chung một thầy, như nước với sữa, và đối với pháp thượng nhân có sai sót gì trong sự chứng tru, an lạc chăng? _ Tôn giả A-na-luật-đà bạch răng: Bạch đức Thế Tôn, chúng con thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh cãi, cùng hợp nhất trong một tâm, chung một thầy, như nước với sữa, và đối với sự chứng đắc pháp thượng nhân có sai sót trong sự chứng trú, an lạc. Bạch đức Thê Tôn, chúng con được ánh sáng liên thây săc5 nhimg ánh sáng đê thấy sắc ấy liền biến mất. O— FTII Á HP A _ r • __ Đức The Ton noi răng: Này A-na-luật-đà? các thây không thâu triệt được tướng ây là tướng được ánh sáng mà thây sác và ánh sáng thây sác ây liên biên mát. Này A-na-luật-đà, thuở xưa5 lúc Ta chưa đắc đạo giác ngộ vô thượng chánh chơn, cũng được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng thấy sắc ấy cũng liền biến mất. Này A-na- luật-đà? Ta nghĩ: :Trong tâm Ta có sai lầm gì khiến cho Ta mất đinh mà nhãn diệt? Nhãn diệt rồi thì ánh sáng để thấy Sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, Ta tu hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chí, an trú, có chánh niệm, chánh trí, không có ngu si, được đinh tĩnh, nhất tâm. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ rằng: "Ta tu hành tinh tấn, không biếng nhác, thân tĩnh chí, an trú, có chánh niệm, chánh trí, không có ngu

72. KINH TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI 407

si, được định tĩnh, nhất tâm. Hay là trong đời không có gì để Ta có thể thấy, có thể biết chang?^ Trong tâm Ta sanh cái lỗi hoài nghi ấy. Nhan lỗi của hoài nghi ấy nên mất định mà nhãn diệt. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đăc trước kia, ánh sáng đê thây sác ây liên biên mát. Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên có cái lỗi hoài nghi.” Này A-na-luật-đà? Ta muốn không sanh khởi lỗi lầm này nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên Ta được ánh sáng mà thây săc, nhtmg ánh sáng đê thây sác ây liên diệt. Này A-na-luật- đà? Ta

lại nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm nào khiến Ta mất đinh mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta đã chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi không ghi nhớ. Nhân cái lỗi không ghi nhớ này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây săc mà Ta chứng đác trước kia, ánh sáng đê thây sắc ấy liền diệt.,, Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi lầm hoài nghi, cũng không sanh cái lỗi không ghi nh&." Này A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm này nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc. Nhưng ánh sáng thấy sắc ấy cũng liền tiêu diệt. Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet.” Này A-na-luật-đà5 Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi tưởng thân bệnh. Nhân cái lỗi về tưởng thân bệnh này nên mất đinh mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà? rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, cũng không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bênh." Này A-na-luật-đà? Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật? tu hành tinh tân nên được ánh sáng mà thây sác. Nhưng ánh sáng đê thây sác ây liên diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất đinh mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet?9 Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi lầm về ngủ nghỉ. Nhân cái lỗi lầm về ngủ nghỉ này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây sác mà Ta chứng đác trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về



tưởng thân bệnh, cũng không nên sanh cái lỗi về ngủ nghí." Này A-na-luật-đà5 Ta muôn không nên sanh khởi những lôi lâm đó nên sông một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng đê thây sác mà Ta chứng đác trước kia, ánh sáng đê thây săc ây liên diet." Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi lầm về tinh tấn thái quá. Nhân cái lỗi lầm về tinh tấn thái quá này nên mất đinh mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, cũng giống như người lực sĩ bắt con ruồi quá gap nên con ruôi phải chét. Như vậy, A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh lôi lầm về tinh cần thái quá. Nhân tai họa về tinh cần thái quá này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: “Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi

hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng than bệnh, không nen sanh cai loi ve ngu nghỉ, cung không nen sanh cai lỗi vê tinh tấn thái quá.” Này A-na-luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rang: "Trong tam Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy^ sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh lỗi lầm về biếng nhác thái quá. Nhân lỗi lầm về sự biếng nhác thai quá này nên mất đinh mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, cũng như người lực sĩ bắt con ruồi quá chậm nên ruồi bay mất. Này A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá. Nhân cái lỗi về biếng nhác thái quá này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng đê thây săc ây liên diệt. Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi ngủ nghí, không nên sanh cái lỗi về tinh càn thái quá, cũng không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái qu9." Này A-na-luật- đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất đinh mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh



sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta có cái lỗi sợ hãi. Nhân cái lỗi sợ hãi này nên mất đinh mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, cũng như liệười đang đi trên đường, bốn phía có giặc thù đến; người ấy trông thấy thì khiep sợ, hãi hùng, tóc lông dựng đứng. Cũng như vậy, này A-na-luật- đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi sợ hãi. Nhân cái lỗi sợ hãi đó nên mất đinh mà diệt nhãn. Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây sác mà Ta chứng đác trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà? rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngiỉ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về tinh cân thái quá, không nên sanh cái lôi vê biêng nhác thái quá, cũng không nên sanh cái lỗi về sợ Này A-na-luật-đà? Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghi: "Trong tâm la có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt roi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet?” Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh lỗi lầm về vui mừng.

Nhân lỗi lầm về vui mừng này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây sác mà Ta chứng đăc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet." Này A-na-luật-đà, cũng như người vốn mong cầu một kho báu, bỗng được bốn kho báu, người ấy uông thấy liền sanh vui mừng. Cũng như vậy, này A-na-luật-đà, trong tâm Ta sanh cái lỗi của vui mừng. Nhân cái lỗi của vui mừng này nên mất định mà diệt nhãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh khởi cái lỗi nghi hoặc, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi ve ngủ nghỉ, không nên sanh cái lỗi về siêng năng thái quá, không nên sanh cái lỗi về biếng nhác thái quá, không nên sanh cái lỗi về sợ hãi, cũng không nên sanh cái lỗi về vui mừng.” Này A-na- luật-đà, Ta muốn không sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta co lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn? Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt?9 Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi tự cao. Nhan cái lỗi về tâm tự cao này nên mất định mà diệt rủiãn. Nhãn diệt rồi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diet.”



Này A-na-luật-đà, rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về nệủ nghí, không nên sanh cái lỗi về siêng năng thái quá, không nên sanh cái lỗi ve biếng nhác thái quá, không sanh cái lỗi về sợ hãi, không nên sanh cái lỗi về vui mừng, cũng không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao.” Này A-na-luật dà, Ta không muốn sanh khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn nên được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: “Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định mà diệt nhãn? Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây sác mà Ta đã chứng đác trước kia, ánh sáng đê thấy sắc ấy liền qiet." Này A-na-luật-đà, Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta sanh ra lỗi lầm về một số tưởng nào đó mà Ta mất định, nhãn diệt. Nhãn diệt rồi, ánh sáng đê thây săc mà Ta chứng đác trước kia, ánh sáng đê thây sác ây liên diệt.^, Này A-na-luật-đà? rồi Ta nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi ve ngủ nghí, không nên sanh cái lỗi quá siêng năng, không nên sanh cái lỗi quá biếng nhác, không nên sanh cái lỗi sợ hãi, không nên sanh cái lỗi về vui mừng, không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao, cũng không nên sanh cái lỗi vê một sô tưởng nào d6." Này A-na-luật-đà, Ta muốn không khởi những lỗi lầm này nên sống một mình tại nơi xa vắng, tinh cần, không phóng dật. Do sống một mình tại nơi xa vắng, tinh cần, không phóng dật liền được ánh sáng mà thấy sắc, nhưng ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt. Này A-na-luật-đà? Ta lại suy nghi: "Trong tâm Ta có lỗi lầm gì khiến Ta mất định

mà diệt nhãn? Nhãn diệt roi, ánh sáng để thấy sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền di§t?" Này A-na-luật-đà? Ta lại suy nghĩ: "Trong tâm Ta sanh cái lỗi khônậ quán sắc. Nhân cái lỗi không quán sắc này mà mất định, nhãn diệt. Nhãn diệt roi, ánh sáng đê thây sắc mà Ta chứng đắc trước kia, ánh sáng để thấy sắc ấy liền diệt/5 Này A-na-luật-đà? rồi Ta suy nghĩ rằng: "Trong tâm Ta không nên sanh cái lỗi về nghi ngờ, không nên sanh cái lỗi không ghi nhớ, không nên sanh cái lỗi về tưởng thân bệnh, không nên sanh cái lỗi về ngủ nghi, không nên sanh cái lỗi quá tinh cần, không nên sanh cái lỗi quá biếng nhác, không nên sanh cái lỗi quá sợ hãi, không nên sanh cái lỗi quá vui mừng, không nên sanh cái lỗi về tâm tự cao, không nên sanh cái lỗi về một số tưởng nào đó? cũng không nên sanh cái lỗi không quán sC."Này A-na-luật-đà? Ta muốn không khởi những lỗi lầm đó nên sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, liền được ánh sáng mà thấy sắc. NàyA-na-luật-đà, nếu tâm Ta sanh cái lỗi về nghi ngờ thì đối với lỗi làm ấy, tâm được thanh tịnh. Lỗi lầm về không ghi nhớ, tưởng thân bệnh, ngủ nghỉ, tinh cần thái quá, biếng nhác thái quá, sợ hãi, vui mừng, tâm tự cao, một số tưởng



nào đó và lỗi lầm về tâm không quán sắc; đối với những lỗi lầm đó, tâm đều được thanh tịnh. Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ: "Ta phải tu học ba đinh là tu học về đinh có giác có quán, tu học về định không giác ít quán và tu học về đinh không giác không quAn." Này A-na-luật-đà? Ta liền tu học về ba định là tu học về định có giác có quán, tu học về đinh không giác ít quán và tu học về định không giác không quán. Nấu Ta tu học về định có giác có quán thì tâm liền thuận hướng đinh không giác ít quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Như vậy, này A-na- luật-đà, khi Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, suốt đêm suốt ngày, Ta tu học về định có giác có quán. Này A-na-luật-đà? lúc bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà? nêu Ta tu học vê định có giác có quán, tâm liên thuận hướng đến định không giác không quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định có giác có quán. Này A-na-luật-đà? bấy giờ Ta thực hành hạnh an tru tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng đến đinh có giác có quán. Như vậy, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lân đêm tu học vê định không giác ít quán. Này A-na-luật-đà, Ta bây giờ thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Nếu Ta tu học về định không giác ít quán, tâm liền thuận hướng đến đinh không giác không quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất tri kiến nàỵ. Này A-na-luật-đà? do Ta đã biết như thế rồi, suốt ngày suốt đêm, suốt đêm suốt ngày tu học về định không giác ít quán. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an tru tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu Ta tu học về đinh không giác không quán, tâm liền thuận hướng đến đinh có giác có quán. Như thế, Ta chắc chắn không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà? do Ta đã biết như thế nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về đinh không giác không quán. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an tru tĩnh chỉ này. Nếu Ta tu học về định không giác không quán thì tâm liền thuận hướng đến đinh không

giác ít quán. Như thế, Ta không mất tri kiến này. Này A-na-luật-đà, do Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm tu học về định không giác không quán. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na- luật-đà, Ta nghĩ rằng: "Do nhân nào, do duyên nào, Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc?" Này A-na-luật-đà? Ta lại nghĩ rằng: “Nếu Ta niệm tướng của ánh



sáng, không niệm tướng của sắc thì bấy gi& Ta biết ánh sáng mà không thấy sắc?9 Như vậy, Ta biết như thế rồi nên sướt ngày suốt đêm, suốt đêm lẫn ngày biết ánh sáng mà không thấy sắc. Này A-na-luật-đà? bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, có lúc Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng. Này A-na- luật-đà, Ta nghĩ: “Do nhân nào, do duyên nào, Ta thấy sắc mà không biết ánh sáng?” Này A-na-luật-đà, Ta lại nghĩ rằng: "Nếu Ta niệm tướng của sắc mà không niệm tướng của ánh sáng thì bấy giờ Ta biết sắc mà không biết ánh sg." Này A-na-luật-đà, như vậy9 Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đem, suốt đêm lẫn ngày, Ta biết sác mà không biết ánh sáng. Này A-na-luật-đà? bấy giờ Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết một phần ánh sáng, cũng thấy một phần sắc. Này A-na-luật-đà9 Ta liền nghĩ: "Do duyên nào, do nhân nào, Ta biết được một phan ánh sáng, cũng thấy một phần sắc?” Ta lại nghi: “Nếu Ta nhập định một phần, vì do nhập định một phần nên nhãn căn thanh tịnh một phần; vì nhãn căn thanh tinh một phần nên Ta biết ánh sáng một phần, cũng thấy sắc một phn." Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt ngày lẫn đêm biết ánh sáng một phần và thấy sắc một phần. Này A-na-luật-đà, bấy giờ Ta thực hành hạnh an tru tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, có lúc Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rãi. Này A-na-luật-đà, Ta nghĩ: "Do duyên nào, do nhân nào, Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng ri?" Ta lại nghĩ: "N&u Ta nhập đinh rộng rãi, nhờ nhập định rộng rãi nên nhãn căn thanh tinh rộng rãi; nhờ nhãn căn thanh tịnh rộng rãi nên Ta biết ánh sáng rộng rãi, cũng thấy sắc rộng rẫiy Này A-na-luật-đà, như vậy, Ta đã biết như thế rồi nên suốt ngày suốt đêm, suốt nệày lẫn đêm biết ánh sáng rộng rãi, cũng thây sác rộng rãi. Này A-na-luật-đà, bây giờ, Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà? nếu trong tâm Ta sanh lỗi lầm về nghi thì đối với lỗi lầm ấy tâm được thanh tịnh. Lỗi lầm về không ghi nhớ, bệnh tưởng của thân, ngủ nghi, siêng năng thái quá, biếng nhác thái quá, sợ hãi, vui mừng, tự cao, sanh một sô tưởng nào đó và lỗi lầm vê tâm không quán sác; đôi với những lỗi lâm ấy tâm được thanh tịnh, tu học, chăm chú tu học về định có giác có quán; tu học, chăm chú tu học về đinh không giác ít quán; tu học, chăm chú tu học về định không giác không quán; tu học, chăm chú tu học về định nhất hướng; tu học, chăm chú tu học về định hỗn hợp; tu học, chăm chú tu học về định một phần; tu học, chăm chú tu học về định quảng vô lượng, Ta có tri kiến thanh tịnh, sáng suốt vô cùng, hướng đến an trú vào định, siêng năng tu tập đạo phẩm, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Này A-na-luật-đà, bấy giờ, Ta thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ ấy. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la sau khi nghe những lời Phật dạy xong, hoan hỷ

phụng hành.

73. KINH THIÊN A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Chi-dề-sấu, trong rừng Thủy Chữ. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Thuở xưa, lúc Ta chưa đắc đạo Giác ngộ Vô thượng chân chánh, bấy giờ Ta nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc. Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tjnh?" Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh ấy mà Ta sống một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên chứng đắc ánh sáng, liền thấy hình sắc. Nhưng Ta chưa cùng với chư thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp. Ta lại Ĩiệhĩrằng: "Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà nhìn thấy hình sắc và cùng chư thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi, cùng luận thuyết, cùng đối đáp? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh.^^ Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nod xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh càn. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân nên Ta được ánh sáng, liên thây hình sác và cùng chư thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp. Nhưng Ta không biết họ của chư thiên kia là gì, tên là gì và sanh mạng như thế nào? Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp và cũng biết được họ chư thiên kia như vậy, tên như vậy và sanh như vậy? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tjnh?" Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta song một mình tại nơi xa vang, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư thiên kia hội tụ, chào hỏi nhau, cùng luận thuyêt, cùng đôi đáp và cũng biêt được chư thiên ây họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên kia ăn như thế nào, thọ khổ, lạc như thế nào. Ta lại nghĩ rằng: "Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; cũng biết chư thiên ấy họ như vậy, tên như vậy và sanh như vậy; cũng biết chư thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy. Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tịnh?9 Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình



tại nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân. Nhân sông một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư thiên kia tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyêt, cùng đôi đáp; cũng biêt chư thiên ây họ như vậy? tên như vậy và sanh như vậy; cũng biết chư thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy. Nhimg Ta không biết chư thiên kia trường thọ như thế nào, tồn tại lâu như thế nào, mạng tận như thế nào? Ta lại nghĩ răng: "Ta làm sao đê được ánh sáng, nhân ánh sáng ây mà thây hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, cùng chào hỏi nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; cũng biết chư thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; cũng biết chư thiên ây ăn như vậy, thọ khô, lạc như vậy và cũng

biết chư thiên ây trường thọ như thế, tồn tại lâu như thế, mạng tận như thế? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tinh." Vì để có tri kiến cực kỳ minh tinh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống cô độc một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh can Ta được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đôi đáp; biết chư thiên ây họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; cũng biết chư thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy. Nhung Ta không biết chư thiên ấy tạo nghiệp như thế nào, đã chết nơi này và sanh nơi kia như thế nào. Ta lại nghĩ rằng: "Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy Ta thấy hình sắc và cùng chư thiên kia tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; biết chư thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; biết chư thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy và cũng biết chư thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tjnh." Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên đắc được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư thiên kia tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; biết chư thiên ấy họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ấy ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; biết chư thiên ấy trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy và cũng biết chư thiên ấy tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy. Nhưng Ta không biết chư thiên ấy ở trong những cõi trời nào. Ta lại nghĩ rằng: “Ta làm sao được ánh sáng, nhân ánh sáng mà thấy hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đoi đáp; biết chư thiên kia họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ăn như vậy, thọ khô, lạc như vậy; biêt chư thiên trường thọ như vậy, tôn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi này sanh nơi kia như vậy và cũng biết chư thiên ở các cõi trời ấy? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực



kỳ minh tjnh." Vì để có tri kiến cực kỳ minh tịnh này, Ta sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Ta nhân sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùnệ chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đôi đáp; cũng biêt chư thiên ây họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biêt chư thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; biết chư thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh nơi kia như vậy và cũng biết chư thiên ở trong những cõi trời ấy. Nhưng không biết ở cõi trời ấy, Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào đó. Ta lại nghĩ rằng: "Ta làm sao để được ánh sáng, nhân ánh sáng ấy mà thấy hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; biết chư thiên họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; biết chư thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biết chư thiên tạo nghiệp như vậy, chết nơi này và sanh

nơi kia như vậy; biết chư thiên ở trong các cõi trời ấy và cũng biết ở cõi trời ấy? Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào? Như vậy, tri kiến của Ta sẽ cực kỳ minh tjnh." Vì đê có tri kiên cực kỳ minh tịnh này, Ta sông một mình tại nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân. Nhân sông một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần nên được ánh sáng, liền thấy hình sắc và cùng chư thiên tụ hội, chào hỏi lẫn nhau, cùng luận thuyết, cùng đối đáp; biết chư thiên họ như vậy, tên như vậy, sanh như vậy; biết chư thiên ăn như vậy, thọ khổ, lạc như vậy; biết chư thiên trường thọ như vậy, tồn tại lâu như vậy, mạng tận như vậy; biêt chư thiên tạo nghiệp như vậy, đã chét nơi này và sanh nơi kia như vậy; biết chư thiên ở trong các cõi trời ấy; và cũng biết ở cõi trời ấy, Ta đã từng sanh vào hay chưa từng sanh vào đó. Nếu Ta không biết được một cách chân chánh tám sự luân chuyển này thì không thể dứt khoát nói là chứng đắc và cũng không biết Ta đắc đạo Giác ngộ Vô thượng chánh chơn. Đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí ở thế gian này, Ta không thể siêu việt lên trên, Ta cũng không đắc giải thoát, giải thoát tất cả, Ta cũng chưa lìa các điên đảo, chưa biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Nếu Ta biết được một cách chân chánh tám hành này thì có thể nói dứt khoát là chứng đắc và cũng biết Ta đã đắc đạo Giác ngộ Vô thượng chánh chơn. Đối với chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, Ta siêu việt lên trên, Ta cũng chứng đắc giải thoát, giải thoát tất cả. Tâm Ta đã xa lìa các điên đảo, Ta biết như thật rằng: "Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

74. KINH BAT NIÊM Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Bà-kỳ-sấu, ở trong Ngạc sơn Bố lâm, vườn Lộc Dã. Bấy giờ, Tôn giảA-na-luật-đà ở tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy Chữ. Tôn giả A-na-luật-đà ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa, tư duy, tâm nghĩ rằng: "Bạo từ vô dục, chớ không phải từ hữu dục mà chứng đắc; đạo từ tri túc, chớ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc; đạo từ viễn ly, chớ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chứng đắc; đạo tò tinh cần, chớ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc; đạo từ chánh niệm, chớ không phải từ tà niệm mà chứng đắc; đạo từ định ý, chớ không phải từ loạn ý mà chứng đắc; đạo từ trí tuệ, chớ không phải từ ngu si mà chứng đắc." Lúc ấy, đức Thế Tôn, bằng tha tâm trí biết trong tâm của Tôn giả A-na-luật- đà đang niệm gì, đang nghĩ gì, đang hành gì. Sau khi đã biết, đức Thế Tôn nhập như kỳ tượng định. Bằng như kỳ tượng định, trong khoảnh khắc như thời gian người lực sĩ co duỗi cánh tay; cũng thế, đức Thế Tôn từ Bà-kỳ-sấu, ở Ngạc sơn Bố lâm, trong vườn Lộc Dã, bỗng biến mất, không thấy, xuất hiện ở trước mặt Tôn giả A-na-luật-đà đang trủ tại Chi-đề-sấu. Bấy giờ, đức Thế Tôn xuất đinh, tán thán Tôn giả A-na-luật-đà rằng:  Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Thầy ở chỗ yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa, tư duy, tâm đã nghĩ the này: "Bạo từ vô dục, chớ không phải từ hữu dục mà chứng đắc; đạo từ tri túc, chớ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc; đạo từ viễn ly, chớ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đồng nơi tụ hội mà chứng đắc; đạo từ tinh cần, chớ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc; đạo từ chánh niệm, chớ không phải

tư tà niệm mà chứng đắc; đạo từ định ý, chớ không phải từ loạn ý mà chứng đắc; đạo từ trí tuệ, chớ không phải từ ngu si mà chứng đắc." Này A-na-luật-đà? thầy hãy từ Như Lai, lãnh thọ thêm suy niệm thứ tám của bậc Đại nhân. Sau khi lãnh thọ, thầy hãy tư duy rằng: "Đạo từ chỗ không hy luận, thích không hy luận, thực hành không hý luận, chớ không phải từ chỗ hý luận, thích hy luận, thực hành hy luận mà chứng đắc." Này A-na-luật-đà, nêu thây thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, chác chắn thầy có thể ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Này A-na-luật-đà, nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân này, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm thì sẽ được sống an lạc ngay trong hiện



tại, dễ được chớ không khó. Cũng như vua và vương thần có hòm đẹp, đựng đầy các loại y phục, buổi sáng muốn mặc, liền lấy mặc; buổi trưa và buổi chiều muốn mặc, liền lấy mặc; này A-na-luật-đà, thầy cũng như thế, được y phấn tảo làm y bậc nhất, tâm thầy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm thì sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chớ không khó. Cũng như vua và vương thần có đầu bếp giỏi làm các thức ăn ngon lành, mỹ diệu; này A-na-luật-đà, thầy cũng như thế, thường sống bằng món ăn khất thực làm món ăn độc nhất, tâm thầy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đác bôn tăng thượng tâm thì sẽ sông an lạc ngay trong hiện tại, dê được chớ không khó. Cũng như vua và vương thần có nhà cửa đẹp, hoặc có lầu gác cung điện; này A-na-luật-đà, thây cũng như thê, ngôi dưới góc cây, lây sự tịch tĩnh làm ngôi nhà bậc nhất, tâm thầy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà9 nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm thì sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chớ không khó. Cũng như vua và vương than có giường đẹp, trải lên bang chăn nệm, đệm bông, phủ lên bằng gấm, the, lụa, sa-trun, có chăn đệm ở hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da con sơn dương; nàyA-na-luật-đà, thầy cũng như vậy, chỗ ngồi trải bằng cỏ, bằng lá cây, là chỗ ngồi bậc nhất, tâm thầy vô dục, thực hành hạnh an trú tĩnh chỉ này. Này A-na-luật-đà, nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng bốn tăng thượng tâm thì sẽ được sống an lạc ngay ữong hiện tại, dễ được chớ không khó. Cũng như thế, nếu thầy an trú phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các tai họa đau khổ. Nếu thầy an tru phương Nam, phương Tây, phương Bắc, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các tai họa đau khổ. Này A-na-luật-đà? nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đác bôn tăng thượng tâm thì sẽ được sông an lạc ngay trong hiện tại, dê được chớ không khó. Đoi với các pháp thiện mà thay đã an trú, Ta còn không nói đến, huống nữa là nói đến sự suy thoái, chỉ nên đêm ngày làm tăng trưởng các thiện pháp chớ không nên để suy thoái. Này A-na-luật-đà, nếu thầy thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, lại chứng đắc bốn tăng thượng tâm thì sẽ được sống an lạc ngay frong hiện tại, dễ được chớ không khó. Đối với hai quả, chắc chắn thầy sẽ được một, hoặc được Cứu cánh trí ngay trong đời hiện tại, hoặc nếu còn hữu dư thì được A-na-hàm. Này A-na-luật-đà, thây nên thành tựu tám suy niệm của bậc Đại

nhân và cũng nên chứng được bốn tăng thượng tâm. Thầy sẽ sống an lạc ngay trong hiện tại, dễ được chớ không khó, nhiên hậu mới an cư mùa mưa ở Chi-đề-sấu9 trong rừng Thủy Chữ vậy.

74. KINH BÁT NIỆM 419

Bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đức Thế Tôn nhập như kỳ tượng định. Băng như kỳ tượng định, cũng bằng khoảnh khắc mà người lực sĩ co duỗi cánh tay; cũng vậy, đức Thế Tôn từ Chi-đề-sấu9 trong rừng Thủy Chữ, bỗng nhiên biến mất, không thấy và hiện ra ở Bà-kỳ-sấu, Ngạc sơn Bố lâm, trong vườn Lộc Dã. Lúc ấy, Tôn giảA-nan cầm quạt đứng hầu đức Phật, Đức Thế Tôn liền xuất định, quay lại bảo A-nan rằng: —Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo nào đên Ngạc sơn Bô lâm, trong vườn Lộc Dã thì bảo họ tụ tập tại giảng đường. Sau khi họ tụ tập tại giảng đường xong, thầy trở lại cho Ta hay. Tôn giả A-nan vâng lời đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, liền đi tuyên bố rằng đức Như Lai dạy, nếu có Tỳ-kheo nào đến Ngạc sơn Bố lâm, trong vườn Lộc Dã thì tất cả hãy tụ tập tại giảng đường. Sau khi các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường, Tôn giả A-nan trở lại chỗ đức Phật, cúi đầu, đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng qua một bên, bạch rằng: Bạch đức Thế Tôn, các Tỳ-kheo đến Ngạc sơn Bố lâm, trong vườn Lộc Dã và tất cả đã tụ tập tại giảng đường. Mong đức Thế Tôn biết cho, nay đã đúng thời. Lúc ấy, đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi và ngồi ở trước chúng Tỳ-kheo. Ngồi xong, Ngài dạy: Này các Tỳ-kheo, Ta nói cho các thây nghe vê tám suy niệm của bậc Đại nhân. Các thầy hãy lắng nghe và khéo tư duy, ghi nhớ. Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Đây là tám suy niệm của bậc Đại nhân: Đạo từ vô dục, chớ không phải từ hữu dục mà chứng đắc; đạo từ tri túc, chớ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc; đạo từ viễn ly, chớ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa đông nơi tụ hội mà chứng đác; đạo từ tinh cần, chớ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc; đạo từ chánh niệm, chớ không phải từ tà niệm mà chứng đắc; đạo từ định ý, chớ không phải từ loạn ý mà chứng đắc; đạo từ trí tuệ, chớ không phải từ ngu si mà chứng đắc; đạo từ chỗ không hy luận, không thích thú hý luận, không thực hành hý luận, chớ không phải từ hý luận, thích thú hy luận, thực hành hy luận mà chứng đác. Thế nào là đạo từ vô dục, chớ không phải từ hữu dục mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo chứng đắc vô dục, tự biết chứng đắc vô dục, không làm cho kẻ khác biết mình vô dục; chứng đắc tri túc, chứng đắc viễn ly, chứng đắc tinh cần, chứng đắc chánh niệm, chứng đắc định ý, chứng đắc trí tuệ, chứng đắc không hý luận, tự biết chứng đắc không hy luận, không làm cho kẻ khác biết mình vô dục. Như vậy gọi là đạo từ vô đục, chớ không phải từ hữu dục mà chứng đắc.



Thế nào là đạo từ tri túc, chớ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành tri túc: Áo dùng để che thân, ăn đủ nuôi thân. Đó là đạo từ tri túc, chớ không phải từ không nhàm tởm mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ viễn ly, chớ không phải từ sự ưa tụ hội, không phải từ sự sống ở chỗ tụ hội, không phải từ sự hòa

đồng nơi tụ hội mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo thực hành viễn ly, thành tựu hai hạnh viễn ly là thân và tâm đều viễn ly. Đó gọi là đạo từ viễn ly, chớ không từ sự ưa tụ hội, sự sống ở chỗ tụ hội, hòa đồng nơi tụ hội mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ tinh cần, chớ không phải từ biếng nhác mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo thường thực hành tinh cần, đoạn trừ ác, bất thiện pháp, tu các thiện pháp, thường tự khởi ý chuyên nhát, kiên cô, vì các góc rê thiện mà không hê từ bỏ khó nhọc. Đó gọi là đạo từ tinh cân, chớ không phải từ biêng nhác mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ chánh niệm, chớ không phải từ tà niệm mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo quán nội thân như thân, quán nội thọ, nội tâm, nội pháp như pháp. Đó gọi là đạo từ chánh niệm, chớ không phải từ tà niệm mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ định ý, chớ không phải từ loạn ý mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo ly dục, pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó gọi là đạo từ đinh ý, chớ không phải từ loạn ý mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ trí tuệ5 chớ không phải từ ngu si mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo tu hạnh trí tuệ, quán pháp hưng suy, chứng đắc trí, Thánh tuệ minh đạt như vậy, phân biệt rõ ràng để dứt sạch khổ một cách chính đáng. Đó gọi là đạo từ trí tuệ, chớ không phải từ ngu si mà chứng đắc. Thế nào là đạo từ không hý luận, không ưa thích hy luận, không thực hành hy luận, chớ không phải từ hy luận, thực hành hy luận mà chứng đắc? Nghĩa là Tỳ-kheo tâm ý thường diệt hý luận, an lạc trú trong Vô dư Niết-bàn, tâm thường lạc trú, hoan hỷ, ý giải. Đó gọi là đạo từ không hý luận, không ưa thích hy luận, không thực hành hy luận, chớ không phải từ hy luận, thích thú hy luận, thực hành hy luận mà chứng đắc. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã thành tựu tám suy niệm của bậc Đại nhân, sau đó mới an cư mùa mưa tại Chi-đề-sấu, trong rừng Thủy Chữ. Khi Ta đem những điều này ra giảng dạy thì vị ấy sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân. Vị ây sông một mình tại nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân đê đạt đên cứu cánh mà một thiện nam tử, vì cứu cánh ấy đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, duy chỉ câu đác Vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời này, tự tri tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,,

74. KINH BÁT NIỆM 421

Ngay lúc ây, Tôn giả A-na-luật-đà chứng đác A-la-hán, tâm chánh giải thoát, xứng đáng bậc Trưởng lão Thượng tôn, rồi ngài nói bài tụng: Vô Thượng Thế Gian Su, Xa biết con tư niệm, ỉ Chánh thân tâm nhập định, Nương không, chợt đên đây. Biết con tâm niệm này, Thuyết pháp vượt lên nữa, Chư Phật không hý luận, Hy luận đã xa lìa. Đã biêt pháp Như Lai, Ưa trú trong Chánh pháp, Rồi tam-muội chứng ngay, Pháp Phật đã thành đạt. Con chăng ưa sự chét, Cũng không nguyện nơi sanh, Tùy thời, tùy sở thích, Niệm, chánh trí vững vàng. Tỳ-da-ly, Trúc Lâm, Nơi đó, mạng con dứt, ở ngay dưới khóm trúc, Nhập Vô dư Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

75. KINH TỊNH BẤT ĐỘNG ĐẠO Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bay giơ, đức The Ton bao các

Ty-kheo:  Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối. Đã là pháp giả dối thì huyễn hóa, khi cuông, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sac của đời này hay sắc của đời sau, tất cả thứ ấy đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy mà tâm sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, tăng trưởng sân nhuế và đấu tranh...; nghĩa là làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử. Đa văn Thánh đệ tử nên quán như vầy: "Thế Tôn nói rằng: 'Dục là vô thường, hư ngụy, giả dối. Đã là giả dối thì huyễn hóa, khi cuống, ngu si. Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, tất cả thứ ấy đều là cảnh giới của ma, là miếng mồi của ma. Nhân những thứ ấy r x «x mà tâm sanh vô lượng pháp ác, bát thiện, tăng trưởng sân nhuê và đâu tranh...; nghĩa là làm chướng ngại sự tu học của Thánh đệ tử."' Rồi vị ấy suy nghĩ như vây: "Ta có thê chứng đác đại tâm, thành tựu và an trú, nhiêp phục thê gian, nhiếp trì tâm ấy. Nếu ta chứng đắc đại tâm, thành tựu và an tru, nhiếp phục thế gian, nhiếp trì tâm ấy thì tâm như thế sẽ không sanh vô lượng pháp ác, bất thiện, không tăng trưởng sân nhuế và đấu tranh...; nghĩa là không làm chướng ngại cho sự tu học của Thánh đệ tử." Vị ấy hành như thế, học như thế, tu tập và phát triển như thế, liền ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn, vị ấy chắc chắn đạt đến bất động. Đó là trường hợp thứ nhất được gọi là Tịnh bất động đạo. Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Nếu có sắc nào thì tất cả những sắc ấy đều là bốn đại và do bốn đại tạo thành. Bốn đại ấy là pháp, vô thường, khổ và hoại diet." Vị ấy hành như thế, học như thế, tu tập và phát triển như thế thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, do tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là trường hợp thứ hai được gọi Tịnh bất động đạo.



Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, tất cả tưởng ấy đều là pháp, vô thường, khổ và hoại diet." Vị ấy, lúc bấy giờ, chứng đắc bất động tưởng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập vào bất động, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến bất động. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh bất động đạo. Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, và bất động tưởng, tất cả tưởng ấy đều là pháp, vô thường, khổ và hoại diet.” Vị ấy, bấy giờ, đắc Vô sở hữu xứ tưởng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy5 tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập bất động, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy chác chắn đạt đến bất động. Đó là trường hợp thứ nhát được gọi Tịnh vô sở hữu xứ đạo. Lại nữa, đa

văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Thế gian này là không, ngã là không, ngã sở là không, có cái thường không, có cái hang không, có cái trường tồn không thì bất biến djch." Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập Vô sở hữu xứ bất động, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ hai được gọi là Tinh vô sở hữu xứ đạo. Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thê này: “Ta không phải được tạo ra bởi cái khác, cũng không phải được tạo ra bởi chính mình.,, Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập và phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây mà nhập Vô sở hữu xứ, hoặc do tuệ mà có thắng giải, về sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô sở hữu xứ. Đó là trường hợp thứ ba được gọi là Tịnh vô sở hữu xứ đạo. Lại nữa, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: "Dù là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sác của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau và bát động tưởng, Vô sở hữu xứ tưởng, tát cả tưởng ây đêu là pháp, vô thường, khổ và hoại diet” Bấy giờ, vi ấy đắc Vô tưởng. Vị ấy hành như vậy, học như vậy, tu tập phát triển như vậy thì ở nơi xứ mà tâm được thanh tinh. Sau khi ở nơi xứ mà tâm được thanh tịnh, Tỳ-kheo ấy, hoặc ngay đây



mà nhập Vô tưởng, hoặc do tuệ mà có thăng giải. Vê sau, khi thân hoại mạng chung, nhân tâm ý đã có sẵn ấy, chắc chắn đạt đến Vô tưởng xứ. Đó là nói ve Tịnh vô tưởng đạo. Bấy ẹiờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu đức Phật. Tôn giả chắp tay hướng ve Ngài và bạch rang: -Bạch đức Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thế thì ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có, nếu trước đã có thì được xả bỏ hoàn toàn. Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy thực hành như thế có chứng đắc cứu cánh Niết-bàn chăng? Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, sự kiện ấy không nhất định. Hoặc có người chứng dắc, hoặc có người không chứng đắc. Tôn giả A-nan lại thưa: Bạch đức Thế Tôn, vì sao Tỳ-kheo ấy thực hành như thế mà không chứng đắc Niết-bàn? Đức Thế Tôn đáp: r Này A-nan, nêu Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thê thì ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không c6, nếu trước đã có liền được xả bỏ hoàn toàn. Nhưng này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy hoan lạc về sự xả bỏ ấy, đắm trước sự xả bỏ ấy, trú vào sự xả bỏ ấy, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế thì chắc chắn không chứng đác Niêt-bàn. Tôn giả A-nan bạch: - Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo nếu có chỗ chấp thủ, không đắc Niết-bàn chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào có chỗ chấp thủ thì chắc chắn không đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan bạch: Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy chấp thủ những gì? Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, còn sự hữu ở trong hành, đó là Hữu tưởng vô tưởng xứ, bậc nhất trong các hữu mà Tỳ-kheo ấy chấp thủ. Tôn giả A-nan bạch: - Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành nào khác nữa chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này A-nan, đúng như thế, Tỳ-kheo ấy còn chấp thủ vào hành khác nữa. Tôn giả A-nan bạch: —Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo thực hành như thế nào thì chắc chắn đắc Niết-bàn?

Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào thực hành vô ngã, vô ngã sở như thế thì ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có, nếu trước đã có thì được xả bỏ hoàn toàn. Và này A-nan, nếu Tỳ-kheo ấy khônệ hoan lạc vì sự xả bỏ ấy, không đắm trước sự xả bỏ ấy, không trú vào sự xả bỏ ây, thì này A-nan, Tỳ-kheo thực hành như thế, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Tôn giả A-nan bạch: Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo, nếu không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào không chấp thủ vào đâu cả thì chắc chắn đắc Niết-bàn. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Bạch đức Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết về Tịnh bất động đạo, đã thuyết về Tịnh vô sở hữu xứ đạo, đã thuyết về Tịnh vô tưởng đạo, đã thuyết về Vô dư Niết-bàn. Bạch đức Thế Tôn, thế nào là sự giải thoát của bậc Thánh? Đức Thế Tôn đáp: -Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử nên quán như thế này: UDÙ là dục của đời này hay dục của đời sau, dù là sắc của đời này hay sắc của đời sau, dù là dục tưởng của đời này hay dục tưởng của đời sau, dù là sắc tưởng của đời này hay sắc tưởng của đời sau, và bất động tưởng, Vô sở hữu xứ tưởng, Vô tưởng tưởng; tất cả các tưởng ấy đều là pháp, vô thường, khổ và hoại diệt; đó là hữu thân, nếu là hữu thân thì đó là sanh, đó là gi đó là bệnh, là chết. Này A-nan, nếu có pháp này thì diệt trừ tất cả, không để lưu dư, không để có trò ngại, như vậy thì không sanh, không già, không bệnh, không chết. Bậc Thánh quán như vậy. Nếu có thì chắc chắn đó là pháp giải thoát. Nếu co Vô dư Niết-bàn thì gọi là Cam lồ. Vị nào quán như vậy, thấy như vậy, chắc chắn đạt được tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, đã giải thoát liền biết là đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa" Này A-nan, Ta nay đã nói cho thây nghe vê Tịnh bát động đạo, vê Tinh vô sở hữu xứ đạo, về Tịnh vô tướng đạo, về Vô dư Niết-bàn, về sự giải thoát của bậc Thánh. Như bậc Tôn sư, tâm đại bi, đoái tưởng, thương nệ xót, mong cầu phước lợi và thiện ích, cầu an ổn và an lạc cho đệ tử. Những điều ấy, Ta nay đã làm xong, các thầy hãy tự mình làm. Hãy đi đến nơi rừng vắng, đến dưới rừng cây, chỗ yên tĩnh, thanh nhàn, ngồi tĩnh tọa mà tư duy, chớ có phóng dật, cần tinh tấn thêm, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời khuyến giáo của Ta, đó là huấn thị của Ta. Đức Phật thuý ét như vậy, Tôn giảA-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe những lời đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

76. KINH ÚC-GIÀ-CHI-LA A A Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại úc-già-chi-la, ở bên bờ hồ Hằng Thủy. Bấy giờ, một Tỳ-kheo9 vào lúc xế trưa, từ chỗ nghỉ ngơi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, ngồi qua một bên và bạch: Kính bạch Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khéo léo thuyết pháp ngắn gọn cho con! Được nghe pháp mà đức Thế Tôn dạy, con sẽ sống một mình tại nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân. Nhân sông một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần sẽ đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cần đạt được vô thượng Phạm hạnh ngay trong đời này, tư tri, tự giác, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, biết một cách như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Đức Thế Tôn bảo: Tỳ-kheo hãy tu học như vậy đê

được an tru, bên trong bát động, vô lượng, khéo tu tập. Lại quán nội thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán nội ngoại thân như thân, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự che ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sau não. Này Tỳ-kheo, với định như vậy, lúc đi, lúc đến hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngôi, lúc năm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy cũng đêu tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập vê định có giác có quán, vê định không giác ít quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về định đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định, định đi đôi với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu các định này, tu một cách khéo léo, thì này Tỳ-kheo, lại nên tu thêm quán nội thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chê ngự tâm, khiên lìa bon xẻn, tham lam, ý không sâu não; lại quán ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chê ngự tâm, khiên lìa bon xẻn, tham lam, ý không sâu não; lại quán nội ngoại thọ như thọ, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm,



chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc đi, lúc đến hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc \ A ngôi, lúc năm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy cũng đêu tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập định có giác có quán, định không giác ít quán và đinh không giác không quán; cũng nên tu tập đinh đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, định đi đôi với định và tu tập định đi đôi với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu một cách khéo léo, thì này Tỳ-kheo, nên tu thêm quán nội tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán nội ngoại tâm như tâm, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo, với định như thế, lúc di, lúc đến hãy khéo tu tập; lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy cũng đều tu tập như vậy. Lại nữa, cũng nên tu tập vê định có giác có quán, vê định không giác ít quán, tu tập về định không giác không quán; cũng nên tu tập về đinh đi đôi với hỷ5 định đi đôi với lạc, đinh đi đôi với định, tu tập định đi đôi với xả. Này Tỳ-kheo, nêu tu các định này, tu một cách khéo léo, thì này Tỳ- kheo, nên tu thêm quán nội pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến xa lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não; lại quán nội ngoại pháp như pháp, thực hành hết sức tinh cần, vững chánh niệm, chánh trí, khéo tự chế ngự tâm, khiến lìa bon xẻn, tham lam, ý không sầu não. Này Tỳ-kheo? với định như thế, lúc di, lúc đến hãy khéo tu tập; lúc

đứng, lúc ngồi, lúc nằm, lúc ngủ, lúc thức, lúc tỉnh dậy cũng đều tu tập như vậy. Lại nữa, nên tu tập về định có giác có quán, đinh không giác ít quán và định không giác không quán; cũng nên tu tập định đi đôi với hỷ, định đi đôi với lạc, đinh đi đôi với định, tu tập định đi đôi với xả. Này Tỳ-kheo, nếu tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo, thì này Tỳ- kheo, tâm hãy cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng như vậy, hai, ba, bốn phương, bốn góc và phương trên, phương dưới, châu biến cùng khắp, tâm cùng với từ tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp the gian, thành tựu và an trú. Cũng như the, tâm bi, hỷ và tâm xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo



tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu an trú. Này Tỳ-kheo, nếu thầy tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì nếu an trú phương Đông chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khô; nêu an trú phương Nam, phương Tây, phương Bắc, chắc chắn được an lạc, không có các tai họa đau khổ. Này Tỳ-kheo, nếu thầy tu tập các định này, tu một cách khéo léo thì đối với các pháp thiện mà thây đã an trú, Ta còn không nói đên, huông là nói đên sự suy thoái. Các pháp thiện cứ ngày đêm tăng trưởng chớ không suy thoái. Này Tỳ-kheo, nếu thầy tu tập các định này, tu tập một cách khéo léo thì trong hai quả chác chăn sẽ đác một, hoặc ngay trong đời này đác Cứu cánh trí, hoặc nếu còn hữu dư thì chứng đắc A-na-hàm. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy nghe những lời đức Phật dạy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Vị ấy thọ trì pháp của Phật, song một mình tại nơi xa vang, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Nhân sống một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, vị ấy đạt đến cứu cánh mà một thiện nam tử đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, song không gia đình, xuất gia học đạo, chỉ cầu đắc vô thượng Phạm hạnh, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự thân chứng đác, thành tựu an tru, biêt một cách như thật răng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả ấy đã biết pháp, đắc A-la-hán. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

A

77. KINH SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Sa-kê-đế, trong rừng Thanh Lâm. Bấy giờ, ở Sa-kê-đế có ba thiện nam tử là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la, đều là thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu. LÚC áy, đức The Ton nỏi các Tỳ-kheo: Ba thiện nam tử này đều là niên thiếu, mới xuất gia học dạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có hoan lạc ở trong Pháp, Luật chân chánh này, thực hành Phạm hạnh chăng? Khi đó, các vi Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Đức Thế Tôn lại ba lần hỏi các Tỳ-kheo: Ba thiện nam tử đều là thiếu niên, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba vị ấy có hoan lạc ở trong Pháp, Luật chân chánh này, thực hành Phạm hạnh chăng? Khi ấy, các Tỳ-kheo cũng ba lần im

lặng, không đáp. Thế rồi, đức Thế Tôn hỏi thẳng ba thiện nam tử ấy, Ngài nói với Tôn giả A-na-luật-đà rằng: Này các thây, ba thiện nam tử đêu ở tuôi niên thiêu, mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp không lâu. Này A-na-luật-đà, các thầy có hoan lạc ở trong Pháp, Luật chân chánh này và thực hành Phạm hạnh chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: -Bạch đức Thế Tôn, quả thật như vậy! Chúng con hoan lạc ở trong Chánh pháp này và tu hành Phạm hạnh. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này A-na-luật-đà, các thầy lúc còn nhỏ, là những đồng tử ấu thơ, trong trắng, tóc đen, thân thể thạnh tráng, hoan lạc trong du hí, hoan lạc trong tắm gội, săn sóc nâng niu thân thể. về sau, bà con thân thích và cha mẹ đều cùng lưu luyến, thương yêu, khóc lóc thảm thiết, không muốn cho các thầy xuất gia học đạo. Các thầy đã quyết chí cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này A-na-luật-đà, các thầy không phải vì sợ vua chúa mà xuất gia học dạo, không phải vì sợ giặc cướp, không phải vì sợ nợ nần, không phải vì sợ khủng bố, không phải vì sợ bần cùng, cũng



không phải vì sợ không sống được mà xuất gia học dạo, mà chỉ vì nhàm chán sanh, già, bệnh, chét, khóc lóc, sâu khô, hoặc vì muôn đạt đên chô dứt tận của khôi khô đau to lớn nên xuất gia học đạo. Này A-na-luật-đà, các thây không vì những tâm niệm như vậy mà xuất gia học đạo chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: Bạch đức Thế Tôn, quả thật như vậy! Này A-na-luật-đà, nếu một thiện nam tử nào, với tâm niệm như thế mà xuất gia học dạo, nhưng có biết được do đâu mà chứng đắc vô lượng thiện pháp chăng? Tôn giả A-na-luật-đà thưa: _ rr^1_ Ạ rin A __ r _ r __ rin*i_ Ạ ri-1 1 A _ Ạr 9
JL 7 1 e Bạch đức The Ton, The Ton la góc cua pháp, la chu te của pháp, pháp do Thế Tôn, mong đức Thế Tôn giảng cho! Sau khi đã nghe, chúng con sẽ biêt được nghĩa một cách rộng rãi. Đức Phật liền bảo: Này A-na-luật-đà, các thây hãy lăng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các thầy! Các Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la vâng lời, lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này A-na-luật-đà, nêu ai bị dục ngăn che, bị ác pháp trói buộc thì không đạt được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Tâm của vị ấy sanh ra tham lam, sân nhuế, thụy miên; tâm không hoan lạc, thân uể oải, ăn nhiều, lòng ưu sầu. Tỳ-kheo ấy không kham nhẫn được đói, khát, lạnh, nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách; nghe tiếng thô ác hay bị đánh đập cũng không thể kham nhẫn được; thân mắc phải các bệnh tật rất thống khổ, đến mức chết được và gặp những cảnh ngộ không vừa lòng đều không thể chịu đựng được. Vì sao? Vì bị dục ngăn che, bi ác pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Trái lại, nếu người ly dục, không bị ác pháp trói buộc thì chắc chắn đạt đến xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Tâm vị ấy không sanh tham lam, sân nhuế, thụy miên; tâm chẳng sanh ra không hoan lạc; thân không uể oải, cũng không ăn nhiều, lòng không sầu muộn. Tỳ-kheo ấy kham nhẫn được đói, khát, lạnh, nóng, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió, nắng bức bách; nghe tiếng thô ác hay bi đánh đập cũng kham nhẫn được; thân mắc những bệnh tật rất thông khổ, đến mức chết được, hay gặp những cảnh ngộ không thể vừa lòng đều kham nhẫn được. Vì sao? Vì không bi dục ngăn che, không bị ác pháp trói buộc, lại đạt đến xả lạc, vô thượng tịch tĩnh. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi nào mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải

kham nhẫn, hoặc có cái phải tĩnh chỉ, có cái phải phế bỏ?

77. KINH SA-KÊ-ĐÊ TAM TỘC TÁNH TỬ 433

A-na-luật-đà bạch đức Thế Tôn: Đức Thế Tôn là gốc của pháp, là chủ tể của pháp, pháp do Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng giải cho! Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết được những thiện lợi ấy một cách rộng rãi. Đức Phật lại dạy: Này A-na-luật-đà, các thây hãy lăng nghe, khéo tư duy, ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những thiện lợi ây cho các thây! A-na-luật-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này A-na-luật-đà, các lậu hoặc ô nhiễm là gốc của sự hữu trong tương lai, là sự phiên nhiệt, là nhân của khô báo, của sanh, già, bệnh, chét. Như Lai không phải vì không diệt tận, không phải vì không biến tri, mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tĩnh chi, có cái phải phế bỏ. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì nhân nơi thân này, nhân nơi lục xứ, nhân nơi thọ mạng, mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tĩnh chi, có cái phải phe bỏ. Này A-na-luật-đà? Như Lai vì những thiện lợi này mà có cái phải đoạn trừ, có cái phải thọ dụng, có cái phải kham nhẫn, có cái phải tĩnh chỉ, có cái phải phe bỏ. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những thiện lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới góc cây, thích ở non cao, văng bặt tiêng ôn, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa như thế? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Bạch đức Thê Tôn, Thê Tôn la góc cua pháp, The Ton la chu te của pháp, pháp do Thế Tôn, mong Thế Tôn giảng giải cho! Sau khi nghe xong, chúng con sẽ hiểu được ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà? các thầy hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ấy cho các thầy. A-na-luật-đà, Nan-đề? Kim-tỳ-la vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: Này A-na-luật-đà, không phải vì muôn đạt đên những gì chưa đạt đên, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sông nơi rừng văng, trong núi sâu, dưới góc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ? không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì hai điều ý nghĩa sau đây nên mới sông nơi rừng văng, trong núi sâu, dưới góc cây, thích ở non cao, văng bặt tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa.

434 KINH TRƯNG A-HÀM

Một là vì sự an lạc ngay trong đời hiện tại này và hai là vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Này A-na-luật-đà, vì những ý nghĩa ây mà Như Lai sông nơi rừng văng, trong núi sâu, dưới góc cây, thích ở non cao, vắng bặt tiếng tăm, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tĩnh tọa. Đức Thế Tôn hỏi: -Này A-na-luật-đà, vì những ý nghĩa nào mà khi các đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vi này sẽ sanh chỗ này, vị kia sẽ sanh chỗ kia? Tôn giả A-na-luật-đà bạch đức Thế Tôn: _ r , Đức The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu te cua pháp, pháp do Thê Tôn, mong đức Thế Tôn giảng cho! Sau khi nghe xong, chúng con sẽ biết những ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Phật dạy: Này A-na-luật-đà, các thây hãy lăng nghe,

khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt những ý nghĩa ây cho các thây! A-na-luật-đà, Nan-đề, Kim-tỳ-la vâng lời lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy:  Này A-na-luật-đà? không phải vì thú hướng, không phải vì con người mà nói, cũng chăng phải vì lừa gạt người, cũng chăng phải vì muôn làm vui lòng người mà khi đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chỗ này, vị kia sẽ sanh chỗ kia. Này A-na-luật-đà, chỉ vì những thanh tín thiện nam, thanh tín thiện nữ với tín tâm nhiệt thành, với mong ước cao độ, với vui mừng cùng cực, khi đã nghe Pháp, Luật chân chánh này; hoặc tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy, cho nên lúc đệ tử lâm chung, Như Lai ghi nhận vị này sẽ sanh chô này, vị kia sẽ sanh chô kia. Nêu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ây lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã đắc Cửu cánh trí, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa,9; hoặc tận mát trông thây, hoặc nhiêu lân nghe người khác kê lại rằng: "Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Tỳ-kheo kia nghe xong, nhớ răng: "Tôn giả ây có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay?9 Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà? Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Này A-na-luật-đà, lại nữa, nêu Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ây lâm chung ở chỗ ấy, được đức Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, chứng đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này



nữa; hoặc chính mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "T6n giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ ràng: "Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo đó tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà? Tỳ-kheo nào nghe răng Tôn giả ây lâm chung ở chỗ ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần sanh ra ở cõi trời và cõi người; sau một lần sanh ra đó thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: uTôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.n Sau khi nghe xong, Tỳ-kheo kia nhớ rằng: "Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộn^ như vậy? bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Nghe Pháp, Luật chân chánh này roi, Tỳ-kheo đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo nào nghe Tôn giả ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết sử, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh; sau bảy lần qua lại nhân gian, thiên thượng thì đạt đến tận cùng sự khổ; hoặc tận mat trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "T6n giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, Tỳ-kheo đó nhớ rằng: "Tôn giả ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, bố thí như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo

đó có thể tâm nguyện tu tập như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà? như vậy, Tỳ-kheo đó chác chăn được phần nào sống trong sự an lạc. Này A-na-luật-đà, nêu Tỳ-kheo-ni nào nghe răng Tỳ-kheo-ni ây được Phật ghi nhận đã đắc Cứu cánh trí, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nua/9 Hoặc tận mát trông thấy Tỳ-kheo-ni ấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: 64Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậyy Nghe xong, nhớ rằng: uTỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^, Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phàn nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà? Tỳ-kheo-ni nào nghe rằng: 64Tỳ-kheo-ni ấy lâm chung ở nơi ấy, được đức Thế Tôn ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại cõi



này nữa.^ Hoặc tận mát trông thây, hoặc nhiêu lân nghe người khác kê lại răng: uTỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy.^ Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: uTỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni ây lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận rằng đã dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau khi một lần qua lại ấy thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bo thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: C6Tỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vị ây có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo- ni đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, Tỳ-kheo-ni nào nghe Tỳ-kheo-ni ây lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch ba kiết SÍT, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh; sau bảy lần qua lại ở thiên thượng và nhân gian thì đạt đến tận cùng sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: t6Tỳ-kheo- ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bo thí như vậy, trí tuệ như vay.” Nghe xong, Tỳ-kheo-ni kia nhớ rằng: 4CTỳ-kheo-ni ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, Tỳ-kheo-ni kia có the tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, Tỳ-kheo-ni kia chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Này A-na-luật-đà, nêu ưu-bà-tăc nào nghe vị iru-bà-tăc ây lâm chung ở chô ấy, được Phật ghi nhận đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh vào chỗ kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian này nữa; hoặc tận mất trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại răng:

“Uu-bàtắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy/9 Nghe xong, vị xru-bà-tắc kia nhớ rằng: "Ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vāy?9 Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vi kia có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, iru-bà-tắc kia chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, vị iru-bà-tăc nào nghe iru-bà-tăc ây lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là dứt sạch ba kiết sử, đã làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau một lần qua lại ấy, vị ấy



đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kê lại răng: 66Ưu-bà-tăc ây có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: "Vj ưu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vị đó •  r tâm nguyện r tu tập r

theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, ưu-bà-tăc đó chác chăn được phân nào sông trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, ưu-bà-tăc nào nghe ưu-bà-tăc ây lâm chung ở nơi ây, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiêt sử, đăc Tu-đà-hoàn, không còn đọa ác pháp, nhất định sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh nữa; sau bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian, vi ấy đạt đến dứt tận sự khổ; hoặc tận mát trông thây, hoặc nhiêu lân nghe người khác kê lại răng: "Uubà- tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong ưu-bà-tắc kia nhớ rằng: "Uu-bà-tắc ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vi đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, ưu-bà-tăc đó chác chăn được phân nào sống trong sự an lạc. Này A-na-luật-đà, nếu ưu-bà-di nào nghe iru-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch năm hạ phân kiêt sử, sanh vào nơi kia mà nhập Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không còn trở lại thế gian nữa; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Nghe xong, ưu-bà-di đó nhớ rằng: í4Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy/9 Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vi đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà,  y x / 9 r ' z . như vậy, ưu-bà-di đó chác chăn được phân nào sông trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, ưu-bà-di nào nghe ưu-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiết sỉr, làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại thiên thượng, nhân gian; sau một lần qua lại ấy thì đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Nghe xong, ưu-bà-di kia nhớ rằng: 64Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay.” Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vị đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy,

ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Lại nữa, này A-na-luật-đà, ưu-bà-di nào nghe ưu-bà-di ấy lâm chung ở nơi ấy, được Phật ghi nhận là đã dứt sạch ba kiết sử, chứng Tu-đà-hoàn5 không còn đọa ác pháp, nhất đinh sẽ đạt đến chánh giác, nhiều lắm là bảy lần thọ sanh; sau



bảy lần qua lại thiên thượng, nhân gian, vị ấy đạt đến chỗ dứt tận sự khổ; hoặc tận mắt trông thấy, hoặc nhiều lần nghe người khác kể lại rằng: "Uu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vậy." Nghe xong, ưu-bà-di đó nhớ rằng: "Ưu-bà-di ấy có tín tâm như vậy, trì giới như vậy, học rộng như vậy, bố thí như vậy, trí tuệ như vay." Sau khi nghe Pháp, Luật chân chánh này, vị đó có thể tâm nguyện tu tập theo như vậy, như vậy. Này A-na-luật-đà, như vậy, ưu-bà-di đó chắc chắn được phần nào sống trong sự an lạc. Này A-na-luật-đà, Như Lai vì những ý nghĩa ấy nên khi đệ tử lâm chung, ghi nhận vị này sẽ sanh vào chỗ này, vị kia sẽ sanh vào chỗ kia. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giảA-na-luật-đà và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

78. KINH PHẠM THIÊN THỈNH PHẬT Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Phạm thiên ở cối trời Phạm thiên sanh khởi tà kiến như thế này: "Chỗ này là thường hữu, chỗ này là hang hữu, chỗ này trường tồn, chỗ này quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, ngoài xuất yếu này không còn xuất yêu nào khác nữa mà có bậc tôi thăng, tôi diệu, tôi thượng.,, Bấy giờ, đức Thế Tôn, bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Phạm thiên đang nghĩ, liền nhập như kỳ tượng định. Với như kỳ tượng định ấy, chỉ trong khoảnh khắc mau bằng người lực sĩ co duỗi cánh tay, Ngài biến mất khỏi vườn Cấp Cô Độc trong rừng Thắng Lâm tại nước Xá-vệ, đi lên cõi trời Phạm thiên. Lúc ấy, Phạm thiên trông thấy đức Thế Tôn đi đến? liền chào hỏi rằng: -Kính chào Đại Tiên Nhơn, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hang hữu, chỗ này trường tồn, chỗ này quan yếu, chỗ này là pháp không hoại diệt, chỗ này là xuất yếu, và ngoài xuất yếu này không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng. Bay giơ, đức The Ton bao: Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yêu, ông bảo là xuất yêu và còn bảo răng ngoài xuất yêu ây không còn xuất yêu nào khác nữa mà có bậc tôi thăng, tôi diệu, tôi thượng. Này Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy. Này Phạm thiên, ông đang chìm đắm trong cái vô minh ây. Lúc đó, có Ma Ba-tuần ở trong chúng. Ma Ba-tuần nói với đức Thế Tôn: -Này Tỳ-kheo, chớ nên trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Này Tỳ-kheo, nếu Ông trái lời Phạm thiên, nếu Ông chống đối Phạm thiên thì Ong cũng như người gặp vận may mà lại xua đuôi đi; lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, ta bảo răng Ong chớ trái lời Phạm thiên, chớ chống đối Phạm thiên. Này Tỳ-kheo? nếu Ông trái lời Phạm thiên, chống đối Phạm thiên thì Ông cũng như người từ núi cao rơi xuống, tuy dang tay chân bám vào hư không nhưng chẳng bám víu được gì; lời Tỳ-

kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo, ta bảo rằng Ông chớ trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Này Tỳ-kheo9 nếu Ông trái lời Phạm thiên, chông đôi Phạm thiên thì Ong cũng như người từ trên cây cao rơi xuống, tuy dang tay chân bám níu lá cành nhưng chẳng bám níu gì được; lời Tỳ-kheo nói ra lại cũng như vậy. Cho nên, này Tỳ-kheo? ta bảo rằng Ông chớ nên trái lời Phạm thiên, chớ có chống đối Phạm thiên. Vì sao? Vì Phạm thiên ây có phước hựu, là bậc hóa sanh, là đang tôi tôn, tạo dựng tát cả, là tô phụ của tất cả chúng sanh đã sanh và sẽ sanh, tất cả đều do ngài sanh ra. Những gì ngài biết là trọn biết, những gì ngài thấy là trọn thấy. Này Đại Tiên Nhơn, nếu có Sa-môn9 Phạm chí nào ghê tởm địa đại, hủy báng địa đại thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thần kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ghê tởm Phạm thiên, hủy báng Phạm thiên thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm thần kỹ nhạc trong chốn hạ tiện nhất. Trái lại, này Đại Tiên Nhơn, nếu có Sa-môn, Phạm chí ưa thích địa dại, tán thán địa đại thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sanh làm bậc tối thượng trong cõi trời Phạm thiên. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa dại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên thì sau khi thân hoại mạng chung, chắc chan sanh làm bậc tối thượng trong cõi trời Phạm thiên. Này Đại Tiên Nhơn, Ông há không thấy đại quyến thuộc của Phạm thiên ấy, chẳng hạn như bọn chúng tôi đang ngồi đây chăng? Ma Ba-tuần kia chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyến thuộc của Phạm thiên nhưng lại xưng mình là Phạm thiên. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ma Ba-tuần này chẳng phải Phạm thiên, cũng chăng phải quyên thuộc của Phạm thiên nhưng lại tự xưng là Phạm thiên. Nếu bảo rằng có Ma Ba-tuàn thì đây chính là Ma Ba-tun." Biết rõ như vậy, đức The Ton bao: Này Ma Ba-tuần, ngươi chẳng phải Phạm thiên, cũng chẳng phải quyến thuộc của Phạm thiên nhưng ngươi tư xưng rằng ngươi là Phạm thiên. Nếu cho rằng có Ma Ba-tuần thì chính ngươi là Ma Ba-tuần. Lúc ấy, Ma Ba-tuần liền nghĩ rằng: 'Thôi rồi, Thế Ton đã biết ta5 Thiện Thệ đã biết ta." Biết như thế, Ma Ba-tuàn rất đỗi ưu sầu, rồi vụt biến mất ngay nơi ấy. Bấy giờ, Phạm thiên ấy lại ba lần thưa với đức Thế Tôn rằng: Kính chào Đại Tiên Nhơn, chỗ này là thường hữu, chỗ này là hằng hữu, chỗ này là trường tồn, chỗ này là quan yếu5 chỗ này là pháp không hoại diệt, chô này là xuất yêu, ngoài xuất yêu này không còn xuất yêu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối tôn.



Đức Thế Tôn cũng ba lần bảo Phạm thiên rằng: Này Phạm thiên, cái không thường, ông bảo là thường; cái không hằng, ông bảo là hằng; cái không trường tồn, ông bảo là trường tồn; cái không quan yếu, ông bảo là quan yếu; cái hoại diệt, ông bảo là không hoại diệt; cái không xuất yêu, ông bảo là xuất yêu và còn bảo răng, ngoài xuất yêu ây không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối tôn, tối thượng. Này Phạm thiên, ông có cái vô minh ấy. Này Phạm thiên, ông đang chìm đắm trong cái vô minh ấy. Nghe vậy, Phạm thiên thưa với đức Thế Tôn: Này Đại Tiên Nhơn, thuở xưa, có

Sa-môn5 Phạm chí thọ mạng rất lâu dài, tôn tại rát lâu dài. Này Đại Tiên Nhơn, thọ mạng của Ong ngăn quá, nêu không biết một khoảnh khắc ngồi yên của Sa-môn, Phạm chí kia. Vì sao? Vì những gì các vị kia biết là trọn biết, thấy là trọn thấy. Nếu thật có sự xuất yếu, không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng thì các vị kia biết ngay rằng có. Nếu thật không có sự xuất yếu, ngoài ra không còn xuất yếu nào hơn nữa mà có bậc tối thắng, tối diệu, tối thượng thì các vị ấy biết ngay là không có. Này Đại Tiên Nhơn, đối với chỗ xuất yếu, Ông nghĩ là không phải xuất yêu; đôi với chô không phải xuất yêu, Ong nghĩ là xuất yêu. Như vậy, Ông sẽ không có xuất yếu, và trở thành kẻ đại si. Vì sao? Vì sẽ không bao giờ CÓ cảnh giới ây cho Ong. Này Đại Tiên Nhơn, nêu có Sa-môn, Phạm chí nào ưa thích địa đại, tán thán địa đại thì vị ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Cũng thế, đối với thủy dại, hỏa đại, phong đại, thân ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên thì vi ấy tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý của ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Này Đại Tiên Nhơn, nếu Ông ưa thích địa đại, tán thán địa đại thì Ong cũng tùy theo sự tự tại của ta? làm theo ý ta muôn, vâng theo lệnh ta sai. Cũng thế, với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu Ông ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên thì Ông cũng tùy theo sự tự tại của ta, làm theo ý ta muốn, vâng theo lệnh ta sai. Bây giơ, đức The Tôn bao: Này Phạm thiên, theo cái gọi là chân đế mà ông vừa nói đó thì nếu Sa- môn, Phạm chí nào ưa thích địa dại, tán thán địa đại, vị ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo lệnh ông sai. Cũng thế, đối với thủy dại, hỏa đại, phong dại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu ai ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên thì vi ấy tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo lệnh ông sai. Và này Phạm thiên, nếu Ta ưa thích địa đại, tán thán địa đại thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý muốn của ông, vâng theo lệnh ông sai. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên; nếu Ta ưa thích Phạm thiên, tán thán Phạm thiên thì Ta cũng tùy theo sự tự tại của ông, làm theo ý ông muốn, vâng theo



lệnh ông sai. Nhưng này Phạm thiên, tám điều mà ông vừa nói, nếu Ta theo đó mà ưa thích, mà tán thán thì những điều ấy cũng vẫn như thế. Này Phạm thiên, Ta biết rõ ông từ đâu đến và sẽ đi dâu, tùy nơi ông đang sống, tùy chỗ ông mất và tùy chốn ông tái sanh. Nếu có Phạm thiên thì Phạm thiên ấy có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai than. Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn: Này Đại Tiên Nhơn, làm thế nào Ông biết được điều ta biết, thấy được điều ta thấy? Làm sao Ông biết rõ tất cả, ta như mặt trời tự tại soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới? Trong một ngàn thế giới ấy, Ông có tự tại không? Ông có biết những nơi nào, chỗ nào không có ngày đêm không? Này Đại Tiên Nhơn, Ông có lần nào qua lại các nơi ấy chưa, hay đã nhiều lần qua lại các nơi ấy rồi? Bay giơ, đức The Ton bao: Này Phạm thiên, như mặt trời soi sáng khắp nơi, bao trùm cả một ngàn thế giới; trong ngàn thế giới ấy, Ta được tự tại và cũng biết nơi kia, chỗ này không có ngày đêm. Này Phạm thiên, Ta đã từng qua lại những nơi ấy và qua lại rất nhiều lần. Này Phạm thiên, có ba cõi trời là Quang

thiên, Tinh Quang thiên và Biến Tịnh Quang thiên. Nếu ba cõi trời ấy có tri kiến gì thì Ta cũng có tri kiến đó. Này Phạm thiên, nếu ba cõi trời ấy không có tri kiến gì thì riêng Ta, Ta vẫn CÓ tri kiên đó. Này Phạm thiên, nêu ba cõi trời ây và quyên thuộc của họ có những tri kiên gì thì Ta cũng có những tri kiên đó. Nêu ba cõi trời ây và quyên thuộc của họ không có tri kiến gì thì riêng Ta, Ta vẫn có những tri kiến đó. Này Phạm thiên, ông có tri kiên gi, Ta cũng có tri kiên đó. Nêu ông không có tri kiên gì thì riêng Ta, Ta vẫn có tri kiến đó. Này Phạm thiên, nếu ông và những quyến thuộc của ông có những tri kiên gì thì Ta cũng có những tri kiên đó. Nêu ông và quyến thuộc của ông không có tri kiến gì thì riêng Ta, Ta vẫn có tri kiến đó. Này Phạm thiên, ông không thể bằng Ta về tất cả, ông không thể bằng Ta suốt hết. Đối với ông, Ta tối thắng, Ta tối thượng. Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn:  Này Đại Tiên Nhơn, do đâu mà nếu ba cối trời kia có tri kiến gì thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba cõi trời kia không có tri kiến gì thì riêng Ông, Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc của họ có tri kiến gì thì Ông cũng có tri kiến đó; nếu ba cõi trời kia và quyến thuộc của họ không có tri kiên gì thì riêng Ong, Ong vân có tri kiên đó; nêu ta có tri kiên gì thì Ong cũng có tri kiến đó; nếu ta không có tri kiến gì thì riêng ông, ông vẫn có tri kiến đó; nếu ta và quyến thuộc của ta có tri kiến gì thì ông cũng có tri kiến đó; nếu ta và quyến thuộc của ta không có tri kiến gì thì riêng ông, ông vẫn có tri kiến đó? Này Đại Tiên Nhơn, đó không phải là lời nói khoác chăng? Sau khi hỏi xong, không biết có tăng thêm sự ngu si chăng? Vì sao? Vì biết vô lượng cảnh giới



nên có vô lượng tri kiến, vô lượng chủng loại phân biệt. Trái lại, ta thì biết riêng rẻ từng cái. Là địa đại, ta biết đó là địa đại. Với thủy đại, hỏa dại, phong đại, thân ngã, chư thiên, Sanh chủ... cũng giông như thê, là Phạm thiên, ta biêt đó là Phạm thiên. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo:  Này Phạm thiên, nêu có Sa-môn, Phạm chí nào đôi với địa mà nghĩ răng: uĐịa là ta, địa là của ta, ta là của địa dại" thì đã chấp địa đại là ta rồi nên vị ấy không thực biết được địa đại. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên và Tịnh thiên; nếu nghĩ rằng: "Tịnh thiên là ta? Tinh thiên là của ta, ta la của Tịnh thiên" thì đã chấp nhận Tinh thiên là ta rồi nên vi ấy không thực biết về Tịnh thiên. Trái lại, này Phạm thiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với địa đại biết là địa đại, biết địa đại không phải là ta, địa đại không phải là của ta, ta không phải là của địa đại; nhờ không chấp nhận địa đại là ta nên vị ấy mới thực biết địa đại. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Tinh thiên. Đối với Tịnh thiên thì biết đó là Tịnh thiên, biết Tinh thiên chẳng phải là ta, Tịnh thiên chẳng phải là của ta, ta chẳng phải là Tinh thiên, nhờ không chấp nhận Tịnh thiên là ngã nên vị ấy thực biết về Tịnh thiên. Này Phạm thiên, đối với địa đại, Ta biết đó là địa đại, biết địa đại không phải là Ta, địa đại không phải là của Ta, Ta không phải là của địa đại, nhờ không chấp nhận địa đại là Ta nên Ta thực biết địa đại. Cũng thế, đối với thủy đại, hỏa đại, phong đại, thần ngã, chư thiên, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên, Tịnh thiên. Đối với Tinh thiên, Ta biết đó là Tịnh thiên, biết Tịnh thiên không phải là Ta, Tịnh thiên không phải là của Ta, Ta không phải là của Tịnh

thiên, nhờ không chấp nhận Tịnh thiên là Ta nên Ta mới thực biết về Tịnh thiên. Nghe vậy, Phạm thiên thưa đức Thế Tôn:  Chúng sanh này ai cũng ái trước hữu, ưa thích hữu, tập khởi hữu; chỉ có Ông mới nhổ tận gốc rễ của hữu. Vì sao? Vì Ông là bậc Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Phạm thiên liền nói bài kệ: Nơi hữu thấy sợ hãi, Không hữu thấy sợ gì? Cho nên, dừng ưa hữu, Hữu làm sao chẳng dứt?  Này Đại Tiên Nhơn, ta nay muốn ẩn hình. Đức Thế Tôn bảo:  Này Phạm thiên, nêu ông muôn ân hình thì cứ tùy tiện. Phạm thiên liền ẩn hình ngay ở nơi đó. Đức Thế Tôn thấy rõ, liền nói:  Phạm thiên, ông ở chỗ này, ông đến chỗ kia, ông lại ở giữa này!



. r r 7 9 7

Phạm thiên vận dụng hét như ý túc, muôn tự ân hình mà không thê ân nên hiện hình trở lại giữa cõi trời Phạm thiên. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo:  Này Phạm thiên, Ta cũng muôn ân hình. Phạm thiên thưa rằng: -Này Đại Tiên Nhơn, nêu muôn ân hình xin cứ tùy tiện! Lúc ấy, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Ta hãy hiện như ý túc như kỳ tượng, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi cùng khắp cõi trời Phạm thiên rồi ẩn hình trong đó khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc của Phạm thiên, chỉ nghe tiếng mà không thấy hình Ta.” Nghĩ xong, đức Thế Tôn hiện như ý túc như kỷ tượng, phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên và ẩn mình trong đó, khiến cho Phạm thiên và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hình. Bấy giờ, Phạm thiên và quyến thuộc, ai cũng nghĩ rằng: "Sa-m6n Cù-đàm thực là kỳ diệu, thật là hy hữu, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì đã phóng hào quang cực sáng, chiếu rọi khắp cõi trời Phạm thiên rồi tự ẩn mình trong đó, khiến cho chúng ta và quyến thuộc chỉ nghe tiếng mà không thấy hinh." Lúc ấy, đức Thế Tôn lại nghĩ: uTa đã cảm hóa được Phạm thiên này và quyến thuộc của y. Nay Ta hãy thu hồi như ý túc." Đức Thế Tôn liền thu hồi như ý túc, hiện ra giữa cõi trời Phạm thiên. Bấy giờ, Ma vương ba lần xuất hiện trong chúng Phạm thiên, thấy thế liền thưa đức Thế Tôn:  Này Đại Tiên Nhơn, Ông thực khéo thấy, khéo biết, khéo thông suốt nhưng Ong chớ nên giáo huân, dìu dát đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyến ái đệ tử. Chớ luyến ái đệ tử mà khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào những nơi tháp kém, sẽ sanh làm thân kỹ nhạc tháp kém. Hãy sông vô vi mà hưởng thụ an ổn trong đời hiện tại. Vì sao? Này Đại Tiên Nhơn, vì đó là tự gây phiên nhọc vô ích. Này Đại Tiên Nhơn, xưa có Sa-môn, Phạm chí giáo huân đệ tử, dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe, luyến ái đệ tử. Vì luyến ái đệ tử nên sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy đã sanh vào làm thần kỹ nhạc thấp kém. Này Đại Tiên Nhơn, vì thế ta bảo Ông chớ nên giáo huấn, dìu dắt đệ tử, cũng chớ nói pháp cho đệ tử nghe, chớ luyên ái\ đệ tử. Chớ vì r luyên ái đệ tử r mà sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh làm thân kỹ nhạc tháp kém. Hãy sông vô vi mà hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao? Này Đại Tiên Nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích. Lúc đó, đức Thế tôn bảo:  Này Ma Ba-tuân, ngươi chăng phải vì mong câu thiện lợi cho Ta, chăng phải vì mong câu sự hữu ích, chăng phải vì mong câu an lạc, cũng chăng phải vì mong cầu an ổn cho Ta mà nói với Ta rằng: "Chớ giáo huấn, dìu dắt đệ tử, đừng nói pháp cho đệ tử nghe, đừng luyên ái đệ tử. Chớ luyên ái đệ tử mà sau

khi thân hoại mạng chung sẽ sanh làm thần kỹ nhạc thấp kém. Hãy sống vô vi mà hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Này Đại Tiên Nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích." Này Ma Ba-tuần, Ta biết ngươi đang nghĩ rằng: “Sa- môn Cù-đàm này nói pháp cho đệ tử nghe, sau khi nghe xong các đệ tử ấy sẽ ra khỏi cảnh giới của ta." Này Ma Ba-tuần, vì thế cho nên ngươi nói với Ta rằng: "Chớ giáo huấn, dìu dắt đệ tử, chớ nói pháp cho đệ tử nghe, cũng chớ luyến ái đệ tử. Chớ vì luyến ái đệ tử mà sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào làm thân kỹ nhạc tháp kém. Hãy sông vô vi mà hưởng thụ an lạc trong đời hiện tại. Vì sao vậy? Này Đại Tiên Nhơn, vì đó là tự gây phiền nhọc vô ích." Này Ma Ba-tuần, nếu quả có Sa-môn, Phạm chí nào đã giáo huấn đệ tử, dìu dắt đệ tử, nói pháp cho đệ tử nghe và luyến ái đệ tử; vì luyến ái đệ tử nên sau khi thân hoại mạng chung đã sanh vào làm thân kỹ nhạc tháp kém thì Sa-môn, Phạm chí ây chẳng phải là Sa-môn mà tự xưng là Sa-môn, chẳng phải Phạm chí mà tự xưng là Phạm chí, chẳng phải là A-la-hán mà tự xưng là A-la-hán, chẳng phải Đẳng Chánh Giác mà tự xưng là Đẳng Chánh Giác. Này Ma Ba-tuần, Ta thực là Sa- môn nên mới xưng là Sa-môn, thật là Phạm chí nên mới ximg là Phạm chí, thực là A-la-hán nên mới xưng là A-la-hán, thực là Đẳng Chánh Giác nên mới xưng là Đẳng Chánh Giác. Này Ma Ba-tuần, nếu Ta có nói pháp hay không nói pháp cho đệ tử nghe thì ngươi cũng nên đi đi, nay Ta tự biêt nên nói pháp cho đệ tử nghe hay không nên nói pháp cho đệ tử nghe. Đó là lời Phạm thiên thỉnh càu và Ma Ba-tuần từ chối. Đức Thế Tôn tùy thuận nói pháp, cho nên kinh này gọi là "Phạm thiên thỉnh Phát." Đức Phật thuyết như vậy, Phạm thiên và quyên thuộc của Phạm thiên sau khi nghe những lời của đức Phật thuyêt giảng xong, hoan hỷ phụng hành.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tiên-dư tài chủ bảo người sứ: Ông hãy đến đức Phật, thay ta cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn và thăm hỏi Ngài xem thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chăng. Hãy nói như vầy: uTiên-dư tài chủ cúi lạy chân Phật, thưa hỏi Thế Tôn xem thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng dễ dàng, khí lực bình thường chẳng.“ Khi ông đã thay ta thăm hỏi Phật rồi, hãy đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà cũng thay mặt ta, cúi lạy dưới chân Tôn giả, rồi thăm hỏi xem thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng. Hãy nói như vầy: "Tiên-dư tài chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà, thưa hỏi ngài: 'Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng?9 Tiên-dư tài chủ cung thỉnh Tôn giả A-na-luật-đà, tất cả bốn vị ngày mai cùng đến thọ trai?9 Nếu ngài nhận lời thì thưa thêm rằng: "Bạch Tôn giả, Tiên-dư tài chủ nhiều công việc lắm, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá, cúi xin Tôn giả vì lòng thương xót, cùng tất cả bốn vị nữa ngày mai đến nhà Tiên-dư tài chủ." Lúc áy, người sứ nghe lời Tiên-dư tài chủ dạy xong, đi đên chô Phật, cúi lạy chân Ngài, đứng qua một bên và bạch: Bạch đức Thế Tôn, Tiên-dư tài chủ cúi lạy chân Phật, thăm hỏi Thế Tôn thánh thể khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thường chăng? Bấy giờ, Thế Tôn bảo người sứ: Mong rằng

Tiên-dư tài chủ an ổn, khoái lạc! Mong rằng trời, người, a-tu- la, càn-thát-bà, la-sát và tất cả loài khác đều an ổn, khoái lạc! Khi ấy, người sứ nghe lời Phật dạy, khéo ghi nhớ, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Người sứ đi đên chỗ A-na-luật-đà, cúi lạy rồi ngồi qua một bên mà bạch:  Bạch Tôn giả A-na-luật-đà, Tiên-dư tài chủ cúi lạy chân ngài, thăm hỏi Tôn giả: "Thánh thể có khang cường, an vui, không bệnh, đi đứng thoải mái nhẹ nhàng, khí lực bình thương chàng?" Tiên-dư tài chủ cung thỉnh Tôn giả và tất cả bốn vị, ngày mai cùng đen thọ trai.

448  KINH TRUNG A-HÀM

LÚC ấy, cách Tôn giả A-na-luật-đà không xa, Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên đang ngồi nghỉ. Tôn giả A-na-luật-đà liền nói: —Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, tôi đã có nói ngày mai chúng ta vào thành Xá-vệ để khất thực chính là đây vậy. Hôm nay, Tiên-dư tài chủ sai người thỉnh chúng ta, bốn người cùng thọ trai ngày mai. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên liền thưa:  Mong Tôn giả A-na-luật-đà vì người ấy mà im lặng nhận lời mời! Ngày mai chúng ta ra khỏi khu rừng tối này để vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giảA-na-luật-đà vì người ấy mà im lăng nhận lời. Lúc đó, người sứ biết Tôn giả A-na-luật-đà im lặng nhận lời rồi, liền thưa thêm: -Tiên-dư tài chủ bạch Tôn giả: "Tiên-dư tài chủ nhiều công việc, làm các việc cho vua, giải quyết việc thần tá, mong Tôn giả vì lòng thương xót, tất cả bốn vị ngày mai đến nhà Tiên-dư tài chủ!,, Tôn giả A-na-luật-đà bảo người sứ:  Ông cứ trở về, tôi tự biết thời! LÚC ây, người sứ liên từ chô ngôi đứng dậy, cúi đâu đảnh lê, nhiêu ba vòng rồi lui ra. Đêm tàn, trời sắp sáng. Tôn giả A-na-luật-đà khoác y, cầm bát và tất cả bốn vi, cùng đến nhà Tiên-dư tài chủ. Bấy giờ, Tiên-dư tài chủ có thể nữ vây quanh, đứng ở cửa giữa, chờ Tôn giả A-na-luật-đà. Tiên-dư tài chủ thấy Tôn giả A-na-luật-đà từ xa đi đến. Sau khi thấy, Tiên-dư tài chủ chắp tay hướng về Tôn giả tán thán:  Kính chào Tôn giả A-na-luật-đà, đã lâu rồi ngài không đến đây! Với lòng cung kính, Tiên-dư tài chủ đỡ Tôn giảA-na-luật-đà vào trong nhà, mời ngồi trên giường tốt đẹp đã bày sẵn. Tôn giả liền ngồi trên giường ấy. Tiên- dư tài chủ cúi lạy dưới chân Tôn giả A-na-luật-đà, ngồi qua một bên mà bạch: -Kính bạch Tôn giảA-na-luật-đà, con có điêu muôn hỏi, xin ngài nghe cho! -Này tài chủ, tùy theo ông hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ! Tiên-dư tài chủ hỏi Tôn giả A-na-luật-đà:  Hoặc có Sa-môn, Phạm chí đi đên chô con, bảo con: "Này tài chủ, ông nên tu đại tâm giải thoát." Bạch Tôn giả, lại có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ con, bảo con: “Này tài chủ, ông nên tu vô lượng tâm giải tho9t." Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác văn, khác nghĩa hay một nghĩa nhưng khác văn? Tôn giả A-na-luật-đà bảo:  Này tài chủ, ông hỏi điều này trước, vậy ông hãy tự trả lời trước, rồi tôi sẽ trả lời sau.

79. KINH HỮU THẮNG THIÊN  449

Bạch Tôn giả, đại tâm giải thoát, vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này đồng một nghĩa nhtrng khác văn. Điều này, Tiên-dư tài chủ không thể trả lời được. Tôn giả A-na-luật-đà bảo:  Này tài chủ, hãy lăng nghe. Tôi sẽ nói cho ông vê đại tâm giải thoát và vô lượng tâm giải thoát. Đại tâm giải thoát là nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự hoặc đến gốc cây, chỗ yên tinh, y cứ một cây, ý giải về đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu và an trú chỉ với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát khônẹ vượt hơn chỗ

đó. Nếu không y cứ vào một cây, y cứ vào hai, ba cây, ý giải vê đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu an trú với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nêu không y cứ vào hai, ba cây thì hoặc y cứ vào một khu rừng; nếu không y cứ vào một khu rừng thì hoặc y cứ vào hai, ba khu rừng; nếu không y cứ vào hai, ba khu rừng, sẽ y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn, sẽ y cứ vào hai, ba thôn; nếu không y cứ vào hai, ba thôn thì hoặc y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước, sẽ y cứ vào hai, ba nước; nếu không y cứ vào hai, ba nước thì hoặc y cứ vào đại địa, cho đến đại hải, ý giải về đại tâm giải thoát, biến mãn, thành tựu an trú với giới hạn bằng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Đó là đại tâm giải thoát. Này tài chủ, thế nao là vô lượng tâm giải thoát? Nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ yên tĩnh, trống trải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an tru. Như vậy hai, ba, bốn phương, bốn hướng, trên dưới cùng khắp mọi nơi, tâm đi đôi với từ, không kiết, không oán, khônệ giận, không tranh, rát rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, tâm đi đôi với bi, hỷ, xả, không kiết, không oán, khônệ giận, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả the gian, thành tựu an trú. Đó là vô lượng tâm giải thoát. Này tài chủ, đại tâm giải thoát, vô lượng tâm giải thoát, hai giải thoát này khác nghĩa, khác văn hay đồng một nghĩa nhưng khác văn? Tiên-dư tài chủ đáp: Từ chô con nghe Tôn giả thì con hiêu được nghĩa ây. Hai giải thoát ây nghĩa đã khác nhau mà văn cũng khác. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: Này tài chủ, có ba cõi trời: Quang thiên, Tinh Quang thiên và Biến Tinh Quang thiên. Trong đó, chư thiên cõi Quang thiên sanh tại một chỗ, không nghĩ rằng: "Dây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta", nhưng chư thiên ấy tùy chỗ họ đến mà liền vui say trong đó. Này tài chủ, ví như con ruồi ở nơi miếng thịt, không nghĩ rằng: "Bây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta", nhimg con ruồi chỉ theo miếng thịt mà vui say trong đó. Cũng vậy, chư thiên cõi Quang thiên không nghĩ rằng: "Đây là sở hữu của ta, kia là sở hữu của ta", nhưng chư thiên ấy chỉ tùy chỗ họ đến mà vui say trong đó.



CÓ thời gian chư thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy sắc thân có khác nhau nhimg ánh sáng không khác. Này tài chủ, ví như có người thắp vô số cây đèn treo ở trong một cái nhà, các cây đèn kia tuy khác nhimg ánh sáng của đèn không khác; cũng vậy, chư thiên cõi Quang thiên họp lại một chỗ, tuy sắc thân có khác nhimg ánh sáng không khác. Có lúc chư thiên ấy đều tự tản mác, lúc họ tự tản mác thì sắc thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác. Này tài chủ, ví như có người từ trong một cái nhà đem ra nhiều cây đèn, phân chia treo nơi các nhà, những cây đèn đó đã khác mà ánh sáng cũng khác; cũng vậy, chư thiên ấy tự tản mác, lúc họ tự tản mác thì sắc thân của họ đã khác mà ánh sáng cũng khác. Lúc ấy, Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên thưa: -Tôn giả A-na-luật-đà, các vi Quang thiên sanh ở một chỗ có thể biết sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, có thể nói, các vi Quang thiên ấy sanh ở một chỗ, biết sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi thêm: Thưa Tôn giả A-na-luật-đà, các vi Quang thiên sanh ở một chỗ, do nhân gi, duyên gì mà biết được có sự hơn, bằng, vi

diệu, không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên, nêu có Sa-môn, Phạm chí ở chô vô sự, hoặc đến gốc cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, y cứ vào một cây, ý giải, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Nếu vị ấy không y cứ vào một cây thì hoặc y cứ vào hai, ba cây, ý giải, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an tru; tâm suy tưởng ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, giữa hai tâm giải thoát này, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao? Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên đáp: Này Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Phạm chí không y cứ vào một cây nhưng y cứ vào hai, ba cây, ý giải và suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Này Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao. Tôn giả A-na-luật-đà lại hỏi: Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên, nêu không y cứ hai, ba cây thì hoặc y cứ vào một rừng; nếu không y cứ vào một rừng thì hoặc y cứ vào hai, ba rừng; nếu không y cứ vào hai, ba, ba rừng thì hoặc y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn thì y cứ vào hai, ba thôn; nếu không y cứ vào hai, ba thôn thì hoặc



y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước thì y cứ vào hai, ba nước; nếu không y cứ vào hai, ba nước thì hoặc y cứ vào đại địa này cho đến đại hải, ý giải, suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an tru; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên? trong hai giải thoát đó, giải thoát nào là trên, là hơn, là vi diệu, là tối cao? Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên đáp: Này Tôn giả A-na-luật-đà, nếu có Sa-môn, Phạm chí không y cứ vào hai, ba cây nhưng y cứ vào một rừng; nếu không y cứ vào một rừng thì y cứ vào một thôn; nếu không y cứ vào một thôn thì y cứ vào một nước; nếu không y cứ vào một nước thì y cứ vào hai, ba nước; nếu không y cứ vào hai, ba nước thì hoặc y cứ vào đại địa này cho đến đại hải, ý giải suy tưởng về ánh sáng, thành tựu an trú; tâm suy tưởng về ánh sáng cực thịnh, với giới hạn bằng chừng đó, tâm giải thoát không vượt hơn chỗ đó. Này Tôn giả A-na-luật-đà, trong hai loại giải thoát, giải thoát này là trên, là hơn, là vi diệu, là tối thắng. Tôn giả A-na-luật-đà bảo: Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, vị Quang thiên kia sanh ở một chỗ, biết có hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu. Vì sao? Bởi vì do tâm người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên được làm người thì có hơn, có băng. Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên5 đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người có hơn, có bằng nhau. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi: Này Tôn giả A-na-luật-đà, vi Tịnh Quang thiên kia sanh ở một chỗ, có thể biết có sự hơn, bằng, vi diệu và không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, có thể nói rằng Tịnh Quang thiên kia sanh tại một chỗ, biết có sự hơn, bang, vi diệu và không vi diệu. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi: Này Tôn giả A-na-luật-đà? vị Tịnh Quang thiên kia sanh tại một chỗ, vì nhân duyên gì biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu? Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên, nêu có Sa-môn, Phạm chí ở chô vô SỊT, hoặc đến dưới gốc cây,

chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Tịnh Quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú, vi ấy đối với điều này nhất định không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu. Vị ấy sau đó thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh Quang thiên, sanh rồi không được an nghỉ cùnẹ tột, không được tịch tịnh cùng tột, cũng không được tuổi thọ cùng tột. Này Hiên giả Chơn-ca-chiên- diên, ví như hoa sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh và lớn đều ở dưới nước; khi ấy, rễ, cọng, lả, hoa, tất cả đều bị thấm nước, ngập nước không gì là không bị thấm nước. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, cũng như vậy, nếu có Sa-môn Phạm



chí, ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới cây, nơi an tinh, không nhàn, ý giải về Tinh Quang thiên, biên mn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ây nhát đinh không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu cùng tột. Vi ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tinh Quang thiên, sanh rồi không được an nghỉ, không được tịch tịnh và không được tuổi thọ cùng tột. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí ý giải về Tịnh Quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ấy nhất định nhiều lần tu tập, nhiều làn làm rộng lớn, thành tựu cùng tột. Vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tinh Quang thiên, sau khi sanh được an nghỉ cuối cùng được tịch tịnh cùng tột, cũng được tuổi thọ cùng tột. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, ví như hoa sen xanh, hồn^, đỏ, trắng sanh dưới nước, lớn dưới nước, vượt lên trên nước, nước không the thấm nhập được. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên9 cũng như vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đen dưới cây, nơi an tĩnh, thanh nhàn, ý giải về Tịnh Quang thiên, biến mãn, thành tựu an tru. Với sự này, vị ấy nhất định không tu, không tập, không rộng lớn, không thành tựu cùng tột. về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tinh Quang thiên, sanh rồi, không được an nghỉ, không được tịch tịnh, không được tuổi thọ cùng tột. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí ý giải về Tinh Quang thiên, biến mãn, thành tựu an trú. Với sự này, vị ấy nhất định nhiều lần tu, nhiều lần tập, nhiều lần làm rộng lớn, thành tựu cùng tột. về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Tịnh Quang thiên, sau khi sanh, được an nghỉ cùng tột, được tịch tinh cùng tột, cũng được tuổi thọ cùng tột. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên9 do nhân ấy, duyên ấy, chư thiên cõi Tịnh Quang thiên ấy sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu. Vì sao? Do lòng người có hơn, có bằng nên sự tu có tinh, có thô. Do sự tu có tinh, có thô nên được làm người thì có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên- diên, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người có hơn, có bằng nhau. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi: Này Tôn giả A-na-luật-đà, chư thiên cõi Biến Tịnh Quang thiên sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bang, vi diệu, không vi diệu chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, có thể nói rằng chư thiên ở cõi Biến Tinh Quang thiên sanh ở một chỗ, biết có sự hơn, bang, vi diệu, không vi diệu. Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên lại hỏi: Này Tôn giả, chư thiên cõi Biến Tinh Quang thiên sanh tại một chỗ, do nhân gi, duyên gì9 biết có sự hơn, bằng, vi diệu, không vi diệu? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên, nêu có Sa-môn, Phạm chí ở chô vô SỰT, hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Biến Tịnh Quang thiên,

biên mãn, thành tựu an trú; vị ây không đình chỉ được thụy miên, không châm dứt trạo hối một cách khéo léo. về sau, vị ấy thân hoại mạng chung, sanh lên Biến Tịnh Quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng không trong sáng tối đa. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, ví như đèn cháy là nhờ nơi dầu và tim, nếu dầu có cặn, tim lại không sạch, do đó, ánh sáng của đèn phát ra không sáng tỏ. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên5 cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí ở chỗ vô sự hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Biến Tịnh Quang thiên, biên mãn, thành tựu an trú; vị ây không đình chỉ được thụy miên, không khéo léo chấm dứt trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, vi ấy sanh lên Biến Tịnh Quang thiên, sanh rồi, ánh sáng không trong sáng cùng tột. Này Hiên giả Chơn-ca-chiên-diên, lại có Sa-môn, Phạm chí ở chô vô sự, hoặc đến dưới cây, chỗ an tịnh, thanh nhàn, ý giải về Biến Tịnh Quang thiên được biến mãn, thành tựu an trú. Vi ấy đình chỉ được thụy miên, khéo léo chấm dứt trạo hối. Khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh lên Biến Tinh Quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ sáng tỏ. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, cũng như cây đèn do dầu và tim, nếu dầu không cặn và tim rất sạch thì nhờ đó ánh đèn phát ra rất trong sáng. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, cũng vậy, nếu có Sa-môn9 Phạm chí ở chỗ vô sự, hoặc đến dưới cây, chỗ không tinh, an nhàn, ý giải về Biến Tịnh Quang thiên được biến mãn, thành tựu an trú; vị ấy rốt ráo đình chỉ được thụy miên, khéo léo chấm dứt trạo hối, thân hoại mạng chung sanh lên Biến Tịnh Quang thiên. Vị ấy sanh rồi, ánh sáng cực kỳ sáng tỏ. Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, do nhân ấy, duyên ấy, chư thiên cõi Biến Tinh Quang thiên sanh ở một chô, biêt có sự hơn, băng, vi diệu, không vi diệu. Vì sao? Do lòng người có hơn, có bang nên sự tu có tinh, có thô. Do tu có tinh, có thô nên khi được làm người thì có hơn, có bằng. Này Hiền giả Chơn-ca- chiên-diên, đức Thế Tôn cũng nói như vậy, loài người có hơn, có bằng nhau. Bây giờ, Tôn giả Chơn-ca-chiên-diên khen Tiên-dư tài chủ răng: Lành thay, lành thay, tài chủ! Ông đã làm cho chúng tôi được nhiều lợi ích. Vì sao? Vì trước hết ông hỏi Tôn giả A-na-luật"đà về việc có cối trời thù thắng mà chúng tôi chưa từng nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói về nghĩa như vậy: Nghĩa là các cõi ươi kia, có chư thiên đó. Chư thiên như vậy, các cõi trời như vậy. Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật-đà bảo: Này Hiền giả Chơn-ca-chiên-diên, có nhiều cõi trời kia tức mặt trời và mặt trăng này; như vậy, có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì ánh sáng không kịp ánh sáng, những vi kia cùng ta tụ họp để ủy lạo nhau. Có những điêu đê luận thuyêt, có những điêu đê đôi đáp nhưng ta không nói như rằng: "Cõi trời kia, có cõi trời kia như vay...” Khi đó, Tiên-dư tài chủ biết Tôn giả A-na-luật"đà đã nói xong, liền từ chỗ ngồi dứng dậy, tự tay đi lấy nước rửa, dùng các món ăn hết sức trong sạch, tốt tươi, đầy đủ các loại cứng, loại mềm, tự tay săn sóc thức ăn, rót nước, làm cho



ăn uông no đủ. An xong dọn dẹp đô dùng, đưa nước rửa tay roi tài chủ lây một cái ghế nhỏ, ngồi một bên nghe pháp. Tiên-dư tài chủ ngồi xong, Tôn giảA-na- luật-đà thuyêt pháp cho tài chủ nghe, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ; dùng vô lượng

phương tiện thuyết pháp cho tài chủ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng lên ra về. Tôn giả A-na-luật-đà thuyết giảng như vậy, Tiên-dư tài chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

80> KINH CA-HY-NA Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật trú tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. * Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà cũng ở tại nước Xá-vệ5 trong núi Ta-la-la. Lúc ấy đã qua đêm, trời sáng, Tôn giả A-na-luật-đà đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-nan cũng vào buổi sáng đắp y, mang bát vào thành Xá-vệ khất thực. Tôn giả A-na-luật-đà gặp Tôn giả A-nan cũng đi khất thực. Sau khi gặp, Tôn giả nói: Này Hiền giả A-nan? nên biết ba y vải thô của tôi đã rách hết. Này Hiền giả, nay đây có thể nhờ các thầy Tỳ-kheo may hộ y cho tôi không? Tôn giảA-nan im lặng nhận lời nhờ may. Tôn giảA-na-luật-đà hứa sẽ nhờ may. Bây giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khất thực, ăn xong, sau buôi trưa cất y bát, rửa tay chân, lây ni-sư-đàn vát ở trên vai, tay câm chìa khóa cửa đến khắp các phòng, gặp các Tỳ-kheo liền nói rằng: Thưa các thầy, hôm nay xin hãy qua núi Ta-la-la may y giúp cho Tôn giả A-na-luật-đà. Bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo nghe lời Tôn giả A-nan, thảy đều đến Ta-la-la, may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc ấy, đức Thế Tôn gặp Tôn giảA-nan tay cầm chìa khóa cửa đến khắp các phòng; sau khi gặp, Ngài bảo: Này Anan, ông vì việc gì mà tay cầm chìa khóa cửa đến khắp các phòng? Tôn giả A-nan bạch: Bạch đức Thế Tôn, con nay nhờ các thầy Tỳ-kheo may y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, tại sao ông không thỉnh Như Lai may y cho A-na-luật-đà? Khi ấy, Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về đức Phật, bạch rằng: Cúi mong Thế Tôn qua núi Ta-la-la may y cho Tôn giả A-na-luật-đà! Đức Thế Tôn im lặng nhận lời Tôn giả A-nan. Bấy giờ, đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan qua núi Ta-la-la, trải tòa ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, trong núi Ta-la-la có tám trăm Tỳ-kheo và đức Thế Tôn cùng ngồi chung may



y cho Tôn giả A-na-luật-đà. Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có trong chúng. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo: -Này Mục-kiên-liên, Ta có thê vì A-na-luật-đà trải rộng tâm y, căt rọc roi may lại thành y. LÚC ây, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên liên từ chô ngôi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và bạch: Cúi mong đức Thế Tôn trải rộng tấm y, các vị Tỳ-kheo sẽ cùng nhau cắt rọc khâu vá, may chung lại thành y! Bây giờ, đức Thê Tôn liên VI Ton giả A-na-luật-đa, trải rông tam y, các Ty- kheo cùng nhau cắt rọc khâu vá, may chung lại. Ngay trong ngày hôm ấy, chư vị đã may xong cho Tôn giả A-na-luật-đà ba y. Đức Thế Tôn lúc ấy biết ba y của Tôn giả A-na-luật-đà đã may xong, liền bảo rằng: Này A-na-luật-đà, ông hãy nói pháp Ca-hy-na cho các thầy Tỳ-kheo nghe. Ta đang đau lưng, muốn nghỉ một lúc. Tôn giả A-na-luật-đà bạch: -Xin vâng, bạch Thế Tôn! Khi ấy, đức Thế Tôn xếp chồng bốn lớp y Ưu-đa-la-tăng để trải lên ẹiường, gáp y Tăng-già-lê làm gói, năm nghiêng hông bên phải, hai chân chông lên nhau, khởi quang minh tưởng, thường tác khởi tư tưởng, an lập nơi chánh niệm, chánh trí. Lúc đó, Tôn giả A-na-luật-đà bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, xưa kia, lúc tôi chưa xuất gia học đạo, nhàm chán cảnh sanh, già, bệnh, chết, khóc than, ảo não, buồn tủi, lo

lắng, muốn đoạn trừ cái khoi đau kho lớn lao này. Này chư Hiền, khi đã nhàm chán, tôi quán sát như vầy: "Đời sống tại gia hết sức chật hẹp, đầy bụi bặm, xuất gia học đạo, khơi mở sự rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị trói buộc trong vỏ xiềng xích, không được trọn đời tu các Phạm hạnh. Ta nên từ bỏ một ít tài vật và nhiều tài vật, từ bỏ một số thân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa5 chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình mà học dạo." Này chư Hiền, sau đó tôi từ bỏ một ít tài vật và nhiều tài vật, từ bỏ một số tìiân tộc và nhiều thân tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền, khi tôi đã xuất gia học đạo, từ bỏ dòng họ roi, thọ pháp Tỳ-kheo, tu hành cấm giới, thủ hộ giới giải thoát. Tôi lại khéo léo nhiếp phục các oai nghi lễ tiết, thấy tội nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này chư Hiền, tôi xa lìa giết hại, đoạn trừ giết hại, vất bỏ đao gậy, có tàm có quý, có tâm từ bi, lợi ích tất cả ngay đến côn trùng nhỏ nhặt, về việc sát sanh, tôi đã đoạn trừ tâm đó. Này chư Hiền, tôi đã xa lìa trộm cắp, đoạn trừ trộm cắp, được cho thì mới lấy, vui nơi việc lấy vật được cho, thườnệ ưa bố thí, hoan hỷ, không keo kiết, không mong câu báo đáp. Vê việc trộm cp, tôi đã trừ sạch tâm đó.

80. KINH CA-HI-NA  457

Này chư Hiền, tôi đã xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh cần, diệu hạnh thanh tịnh, không ô uế, lìa dục, đoạn dâm. về việc phi Phạm hạnh, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chân thật, thích sự chân thật, an tru nơi chân thật, không di động, tất cả có thể tin theo, không dối gạt thế gian. về lời nói láo, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, thực hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này rồi đem nói lại với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia rồi đem nói với người này để phá hoại người kia, với người chia rẽ thì muốn cho hòa hợp, với người hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không lập đảng, không ham thích bè đảng, không rêu rao bè đảng. về lời nói hai lưỡi, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiên, tôi xa lìa lời nói thô ác, đoạn trừ lời nói thô ác. Nêu có lời nói mà ngôn từ thô ác, hung hăng, tiếng dữ, trái tai, mọi người không vui, mọi người không mến, khiến cho người khác khổ não, không được an định thì tôi đoạn trừ lời nói như vậy. Nếu có lời nói trong trẻo, hòa thuận, mềm mỏng, xuôi tai, đáng vui, đáng mến, khiến cho người khác an lạc, ngôn từ đầy đủ, rõ ràng, không làm người sợ, khiến họ được an định thì tôi nói lời ấy. về lời nói thô ác, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi đã xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt, nói lời hợp thời, lời chân thật, đúng pháp, đúng nghĩa, lời chỉ tức và ưa nói lời chỉ tức, hợp theo việc, hợp theo thời, khéo léo dạy dỗ, khéo léo quở trách, về lời nói thêu dệt, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa sự mưu sinh, đoạn trừ sự mưu sinh như vầy: vất bỏ dụng cụ đong lường, cái dấu, cái hộc, không nhận lãnh hàng hóa, không buộc trói người, không mong bẻ đấu đong lường, không vì lợi nhỏ xâm lấn dối gạt người khác. Ve sự mưu sinh như vay, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ; đoạn trừ việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ. về việc nhận lãnh quả phụ, đồng nữ, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh tôi tớ, đoạn trừ việc nhận lãnh tôi tớ. về việc nhận lãnh tôi tớ, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc

nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê; đoạn trừ việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê. về việc nhận lãnh voi, ngựa, trâu, dê, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh gà, heo; đoạn trừ việc nhận lãnh gà, heo. Ve việc nhận lãnh gà, heo, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán; đoạn trừ việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán. Ve việc nhận lãnh ruộng vườn, tiệm quán, tôi đã trừ sạch tâm đó.



Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh lúa, nú, đậu sống; đoạn trừ việc nhận lãnh lúa, mi, đậu sống, về việc nhận lãnh lúa, mđậu sống, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiên, tôi xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Vê việc uông rượu, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa giường lớn, cao, rộng; đoạn trừ giường lớn, cao, rộng, về giường lớn, cao, rộng, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa tràng hoa, anh lạc, bột hương, phấn sáp, bôi xoa thân thể; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể. về tràng hoa, anh lạc, phấn sáp thơm tho, bôi xoa thân thể, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa ca, múa, xướng, hát, đến xem nghe; đoạn trừ ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe. Ve việc ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc nhận lãnh vàng bạc, của báu; đoạn trừ việc nhận lãnh vàng bạc, của báu. về việc nhận lãnh vàng bạc, của báu, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi xa lìa việc ăn quá giờ ngọ; đoạn trừ việc ăn quá giờ ngọ, ăn một lần, không ăn đêm, học ăn đúng thời, về việc ăn quá giờ ngo, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này, lại học theo hạnh hết sức tri túc, y đủ để che thân, ăn đủ để nuôi thân, đi đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến nhớ. Giống như chim ưng mang theo đôi cánh, bay lượn trên không trung; này chư Hiền, tôi cũng vậy, đi đến đâu đều mang theo y bát, đi không luyến nhớ. Này chư Hiền, khi tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, tôi lại học giữ gìn các căn, thường nghĩ đến sự đóng chặt các căn, nghĩ đến mong muốn sáng suốt, giữ gìn tâm niệm mà được thành tựu, hằng khởi chánh trí. Nếu mắt thấy sắc thì không chấp tướng cũng không đắm sắc, vì phẫn nộ, tranh cãi nên giữ gìn nhãn căn, trong tâm không sanh tham cầu, dòm ngó, lo lắng và không sanh điều ác, bất thiện, hướng đến điều đó nên gìn giữ nhãn căn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân căn cũng vậy. Nếu ý biết pháp thì không thọ tướng, cũng không đắm pháp, không phẫn nộ, tranh cãi, nên giữ gìn ý căn, trong tâm không sanh tham lam, dòm ngó, lo lắng và không sanh các điêu ác, bát thiện, hướng đến điều đó nên gìn giữ ý căn. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này, hết sức tri túc và gìn giữ các căn? tôi lại học chánh trí, xuất nhập, khéo léo quán sát, phân biệt, co duỗi, cúi ngước, đều thong thả; khéo khoác y Tăng-già-lê và các y bát; di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều chánh tri cả. Này chư Hiền, khi tôi đã thành tựu Thánh giới tụ này và hết sức tri túc, gìn giữ các căn, chánh trí xuất nhập, tôi lại học hạnh viễn ly, cô độc một mình, ở



chỗ vô sự, hoặc đến dưới gốc cây, nơi an tinh, thanh nhàn, núi non, hốc dá, đất trống, hoặc ở trong núi rừng, hoặc ở giữa gò mả. Này chư Hiền, khi tôi đã đến chỗ vô sự, hoặc

dưới gốc cây, nơi an tịnh thanh nhàn, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết- già, chánh thân, chánh nguyện, phản niệm, không hướng ngoại, đoạn trừ tham tâm, tâm không tranh cãi; thấy tài vật, dụng cụ sinh hoạt của người khác không khởi tham tâm mong muốn cho mình được. Ve lòng tham lam, tôi đã trừ sạch tâm đó. về sân nhue, thụy miên, điệu hối, tôi đã trừ sạch tâm đó. Tôi đã đoạn trừ nghi hoặc đối với các thiện pháp, không còn do dự. về sự nghi hoặc, tôi đã trừ sạch tâm đó. Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, làm cho tâm ô uế, làm cho tuệ yêu kém, ly dục, ly pháp ác, bát thiện, cho đên chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu an trú. Này chư Hiền, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm như ý túc trí thông. Này chư Hiên, tôi đã được vô lượng như ý túc, đó là phân thân một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một thì trụ một, có tri, có kiến, không bị trở ngại bởi vách đá, đi vào vách đá chẳng khác nào đi giữa hư không, đi vào đất như đi vào nước, đi trên nước như đi trên đất, ngồi kiết-già mà bay lên không trung giống như chim bay, thân cao đến Phạm thiên, dùng tay rờ mặt trời, mặt trăng, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, đại oai thần. Này chư Hiền, khi tôi đã được thanh tịnh như vậy, không ô uế5 không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trủ, được tâm bất động, tôi học chứng nghiệm thiên nhĩ trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhĩ nghe âm thanh loài người và không phải loài người, gần xa, hay và không hay. Này chư Hiền, khi tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được bất động tâm, tôi học chứng nghiệm tha tâm trí thông. Này chư Hiền, chúng sanh khác suy nghĩ, hành động, tôi dùng tha tâm trí biết được tâm của họ đúng như thật; có tâm dục, biết có tâm dục đúng như thật; không tâm dục, biết không tâm dục đúng như thật; có giận không giận, có si không si, có uế không uế, tụ họp tán loạn, cao thấp, lớn nhỏ, tu không tu, đinh không định, tôi đều biết đúng như thật; không có tâm giải thoát tôi biết không có tâm giải thoát đúng như thật; tâm giải thoát tôi biết tâm giải thoát đúng như thật. Này chư Hiên, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uê? không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học ức túc mạng trí thông. Này chư Hiền, có hạnh nghiệp, có tướng mạo, tôi đều nhớ xưa kia trải qua vô lượng, nào là một đời, hai đời, trâm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô số thành hoại kiếp, người đó tên thê này, người đó xưa kia đã qua, đã từng sanh chỗ đó tên họ như vậy, danh tự như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ, được vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây; tôi sanh chỗ này, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, chịu khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, sống lâu rồi chết như vậy.



Này chư Hiền, tôi đã được tâm định như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không buồn phiền, nhu nhuyến, khéo an trú, được tâm bất động, tôi học sanh tử trí thông. Này chư Hiền, tôi dùng thiên nhãn thanh tịnh nhìn xa hơn người, thấy chúng sanh này lúc chết lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, vi diệu không vi diệu, qua lại chỗ thiện chỗ bất thiện đều tùy chỗ tạo nghiệp của chúng sanh mà thấy họ đúng như thật. Nếu chúng sanh này thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ác hạnh về v, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến thì chúng sanh ấy bởi nhân duyên này khi thân hoại mạng

chung chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; nêu chúng sanh này thành tựu diệu hạnh vê thân, diệu hạnh về khẩu, diệu hạnh về ý, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì chúng sanh ấy bởi nhân duyên này khi thân hoại mạng chung chắc chắn được lên cõi thiện, sanh lên thiên giới. Này chư Hiên, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uê, không buồn phiền, khéo an tru, được tâm bất động, tôi học Lậu tận trí thông. Này chư Hiền, tôi biết như thật đây là khổ, biết như thật đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo; biết lậu, biết lậu tập, biết lậu diệt, biết lậu diệt đạo. Tri như vậy, kiến như vậy nên tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, khi đã giải thoát liền biết là đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa.” Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, phá giới, khuyết giới, xuyên lậu giới, ô uế giới, làm đen giới mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lên lầu gác Chánh pháp thì nhất định không có điều đó. Này chư Hiền, ví như cách thôn không xa có nhà lớn, nhà nhỏ, lâu cao lâu tháp, trong đó đê một cái thang hoặc mười cáp, mười hai cấp; nếu có người đến câu xin, muôn được leo lên nhà gác đó, nhưng nêu không leo lên nấc thang thứ nhất mà muốn leo lên nấc thứ hai thì không thể được; nếu không leo nấc thang thứ hai mà muốn leo nấc thứ ba, thứ bốn lên đến nhà gác cũng không thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có thầy Tỳ- kheo nào phạm giới, phá giới, khuyết giới, xuyên lậu giới, ô uế giới, làm đen giới mà muốn nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lây giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp thì nhất định không có điều đó. Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo nào không phạm giới, không phá giới, không khuyết giới, không xuyên lậu giới, không ô uê giới, không làm đen giới, muôn nuông tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lau gác Chánh pháp thì chắc chắn có điều đó. Này chư Hiền, như cách thôn này không xa, có ngôi nhà gác, trong đó để một cái thang hoặc có mười nấc hay mười hai nấc, nếu có người đến cầu xin, muốn được leo lên nhà gác đó, nếu leo lên nác thứ nhát của thang ây, roi muôn leo lên nác thứ hai thì chác chăn có thê được; nêu leo nác thứ hai, roi muôn leo nác thứ ba, nác thứ tư lên đên lâu gác thì chắc chắn có thể được. Này chư Hiền, cũng như thế, nếu có Tỳ-kheo nào không



phạm giới, không phá giới, không khuyết giới, không xuyên lậu giới, không ô uế giới, không làm đen giới, muốn nương tựa nod giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp thì nhất định có điều đó. Này chư Hiền, tôi nươnệ tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lau gác Chánh pháp, với phương tiện nhỏ để quán sát ngàn thế giới. Này chư Hiền, như người có mắt ở trên lầu cao, với phương tiện nhỏ nhìn khoảng đất trống phía dưới, thấy ngàn ụ đất; này chư Hiên, tôi cũng như vậy, nương tựa nơi giới, an lập nơi giới, lấy giới làm thang leo lên tòa nhà vô thượng huệ, lầu gác Chánh pháp, với phương tiện nhỏ thấy ngàn thế giới. Này chư Hiền, như con voi lớn của vua hoặc có bảy báu hoặc lại giảm tám lấy lá cây đa-la mà che đậy; cũng vậy, tôi che giau lục thông này. Này chư Hiền, đôi vód sự chứng đắc của tôi về như ý túc trí thông, nếu có gì nghi ngờ thì cứ hỏi

tôi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền, đối với sự chứng đắc Thiên nhĩ trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền, đối với sự chứng đắc Tha tâm trí thônẹ của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền, đoi với sự chứng đắc Túc mạng trí th6ng của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền, đoi với sự chứng đắc Sanh tử trí th6ng của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Này chư Hiền, đoi với sự chứng đắc Lậu tận trí thông của tôi, nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi tôi, tôi sẽ trả lời. Bấy giờ5 Tôn giả A-nan thưa:  Thưa Tôn giả A-na-luật-đà, nay đây tập hợp ngồi trong núi Ta-la-la, gồm có tám trăm Tỳ-kheo, và đức Thế Tôn ở giữa để may y cho Tôn giả A-na-luật- đà. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vi nào có điều gì nghi ngờ về sự chứng đắc Như ý túc trí thông thì vi ấy cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vi nào có điều gì nghi ngờ về chứng đắc Thiên nhĩ trí thông thì cứ hỏi, Ton giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nếu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gi nghi ngờ về Tha tâm trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nêu đoi với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gi nghi ngờ về Túc mạng trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nêu đoi với Tôn giả A-na-luật-đà? vi nào có điều gì nghi ngờ về Sanh tử trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nấu đối với Tôn giả A-na-luật-đà, vị nào có điều gì nghi ngờ về Lậu tận trí thông thì cứ hỏi, Tôn giả A-na-luật-đà sẽ trả lời. Nhưng trong một thời gian dài, chúng tôi đã dùng tâm biết được tâm của Tôn giả A-na-luật-đà? đúng là Tôn giả A-na-luật-đà có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Khi ấy, đức Thế Tôn chỗ đau đã dứt và được an ổn, Ngài liền trở dậy ngồi kiết-già. Sau khi ngồi, đức Thế Tôn khen Tôn giả A-na-luật-đà:  Lành thay, lành thay, A-na-luật-đà! Ong đã nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông lại nói pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Này A-na-luật-đà, ông thường thường nói pháp Ca-hy-na cho các Tỳ-kheo nghe.



Rồi đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Này các Tỳ-kheo9 các thây hãy vâng thọ Ca-hy-na pháp, đọc tụng, tu tập Ca-hy-na pháp, khéo giữ Ca-hy-na pháp. Vì sao? Vì Ca-hy-na pháp cùng tương ưng với pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến thông, đưa đến giác, đưa đến Niêt-bàn. Nêu có người con nhà dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo thì hãy nên chí tâm vâng thọ Ca- hy-na pháp, khéo léo vâng thọ Ca-hy-na pháp. Vì sao? Vì Ta không thấy trong quá khứ các Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Ta cũng không thây trong vị lai, hiện tại, các thây Tỳ-kheo may y như vậy, như Tỳ-kheo A-na- luật-đà. Vì sao? Vì hôm nay tám trăm Tỳ-kheo cùng ngồi nơi núi Ta-la-la và Thế Tôn cũng có trong đó, may y cho Tỳ-kheo A-na-luật-đà. Như vậy, Tỳ-kheo A-na-luật-đà có đại như y túc, đại oai dức, đại phước hựu, đai oai thần. Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giảA-na-luật-đà và các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

## 81. KINH NIỆM THÂN ___ A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Ương-kỳ? cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi qua A-hòa-na, trú xứ của Kiền-ni. Bấy giờ, đêm tàn, trời sáng, đức Thế Tôn đắp y, ôm

bát vào A-hòa-na để khất thực. Sau buổi ăn trưa, đức Thế Tôn thu cất y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư- đàn lên vai, đi đến một khu rừng, vào trong rừng đó? đến dưới một góc cây, trải ni-sư-đàn và ngồi kiết-già. Lúc bấy giờ, một số đông Tỳ-kheo, sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng thảo luận vấn đề này: Này chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ, khéo thực hành ở trong một tâm. Đức Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghĩa. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ tĩnh tọa, bằng thiên nhĩ thanh tịnh, nghe xa hơn người, Ngài biết các Tỳ-kheo sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Này chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ? khéo tu tập ở trong một tam. Đức Phật tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt thấy đệ nhất nghía." Sau khi đức Thế Tôn nghe như vậy, vào lúc xế trưa, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, Ngài đến giảng đường, trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy cùng nhau vừa bàn luận việc gì? Vì việc gì mà tụ họp tại giảng đường? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con, sau giờ ăn trưa, tụ họp tại giảng đường cùng bàn luận vấn đề này: "Này chư Hiền, đức Thế Tôn thật kỳ diệu thay, hy hữu thay! Sự tu tập niệm thân được phân biệt, được quảng bá, được hiểu biết tột cùng, được quán sát tột cùng, được tu tập tột cùng, được thủ hộ và đối trị tột cùng, khéo làm đầy đủ, khéo thực hành ở trong một tâm. Đức Phật



tuyên bố niệm thân có đại quả báo, được con mắt, có con mắt để thấy đệ nhất nghĩa.Bạch Thê tôn, chúng con vừa cùng nhau bàn luận vân đê như vậy, vì vấn đề này mà tụ họp tại giảng đường. Đức Thế Tôn lại hỏi các Tỳ-kheo: Ta đã nói như thê nào vê tu tập niệm thân, phân biệt, quảng bá, được đại quả báo? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật: -Bạch Thê Tôn, Thê Tôn la góc cua pháp, la chu te cua pháp, pháp do The Tôn, kính mong Thế Tôn giảng thuyết! Chúng con sau khi nghe xong, sẽ được hiểu biết nghĩa lý rộng rãi. Đức Phật dạy: Các thầy hãy lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt nghĩa ấy cho các thầy! Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, lắng nghe. Đức Phật dạy: -Ty-kheo tu tập niệm than như thế nào? Tỳ-kheo khi đi thì biết di, đứng thì biết đứng, ngồi thì biết ngồi, nằm thì biết nằm, ngủ thì biết ngủ, thức thì biết thức, ngủ thức thì biết ngủ thức. Tỳ-kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Vị Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm roi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo biết rành rẽ khi vào, lúc ra, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngước, nghi dung chững chạc, khoác Tăng- già-lê ngay ngắn và ôm bát chỉnh tề, đi dứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đêu biêt như thật như vậy. Tỳ-kheo tùy thân hành mà biêt đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được đinh tâm, được định tâm roi

thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện, liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ. Như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực búng thẳng lên thân cây, rồi dùnẹ búa bén mà đẽo cho thẳng; cũng vậy, Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bát thiện liên dùng niệm thiện đê đối tri, đoạn trừ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tân, đoạn trừ tâm lo lắng mà được đinh tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ^heo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tri tâm, đối trị, đoạn trừ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít



lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ- kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài, thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngăn thì biêt thở ra ngăn; tập thở vào băng cả toàn thân, tập thở ra băng cả toàn thân; tập thở vào bằng thân hành tĩnh chi, tập thở ra bằng khẩu hành tĩnh chỉ. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến, sung mãn, biến khắp trong thân; hỷ lạc sanh v vv : e r \ L -l ra do ly dục không đâu không biên kháp. Như người thợ tăm, bỏ chùm két đây chậu, nước hòa thành bọt, nước thâm vào thân, phô biên sung mãn, không đâu không biến khắp; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân; hỷ lạc do ly dục không đâu không biến khắp. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Vi Tỳ-kheo r r • r như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tam không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được đinh tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có hỷ lạc do đinh sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến, sung mãn khắp trong thân; hỷ lạc do đinh sanh không đâu là không biến khắp. Cũng như nước suối trên núi sạch sẽ, đứng trong, tràn đầy, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên và nước từ đáy suối phun lên chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến, sung mãn, không đâu không có nước; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến, sung mãn khắp trong thân; hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ- kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được đinh tâm rồi thì biết đúng như

thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần vào thân, phổ biến, sung mãn khắp trong thân thể; lạc do ly hỷ không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hông, đỏ, trăng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, rễ, cọng, hoa, lá thảy đều thấm nhuần, phổ biến, sung mãn, không đâu không có nước; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ thấm nhuần



vào thân, phổ biến, sung mãn khắp trong thân thể; lạc do ly hỷ không đâu không có. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được đinh tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tinh, ý quyết định, thành tựu an trú; ở trong thân này, với tâm thanh tinh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, với tâm thanh tinh, ý quyết định, thành tựu an trú; ở trong thân này, với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Tỳ- kheo tùy thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được đinh tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng, khéo thọ, khéo trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy; như sau, trước cũng vậy; ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày; dưới cũng như trên, trên cũng như dưới; không điên đảo, tâm không bi ràng buộc, tâm tu quang minh, không khi nào còn bi bóng đen che lấp. Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biêt đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tân, đoạn trừ tâm lo lăng mà được định tâm, được đinh tâm roi thì biêt đúng như thật như vậy. Áy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo thọ, khéo trì, khéo nhớ điều niệm. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, rồi người nằm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo quán sát tướng, khéo thọ, khéo trì, khéo nhớ điều niệm; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tân, đoạn trừ tâm lo lăng mà được đinh tâm, được định tâm roi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập• niệm r thân như sau: r A r Tỳ-kheo tùy theo r nhữngy chỗ y trong thân, tùy theo tính chát tót xâu, từ đâu đên chân, quán thây thảy đêu đây dẫy bất tịnh: "Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mt, mô hôi, nước mũi, nước miêng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ rằng: “Dây là hạt lúa, gạo, kia là hạt cải, cỏ rau"; cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chô trong thân, tùy theo tính chát tót xâu, từ đâu đên chân, quán thây thảy đêu đầy dẫy bất tịnh: “Trong thân này có tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt,

gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và bộ não, nước nứt, mô hôi, nước mũi, nước miêng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu.,, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm roi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức gi&i." Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn; cũng như vậy, Tỳ-kheo quán các giới trong thân rằng: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giai?9 Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lăng mà được đinh tâm, được đinh tâm roi thì biêt đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một ngày, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé? hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, đang bị vữa nát hư hoại. Vi ấy quán sát rồi tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi?9 Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thê, nêu ở một mình tại một nơi xa văng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được đinh tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa hài cốt sắc xanh, vữa nát, bị chim thú ăn một nửa, xương cốt nằm rải rác trên mặt đất. Tỳ-kheo thấy rồi tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được đinh tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa thây chết không còn da thịt, máu mà chỉ còn gân nối liền với xương, rồi tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy trong nghĩa địa xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi; xương chân, xương đùi, xương đâu gôi? xương băp vê, xương sông, xương vai, xương cô, xương sọ, môi thứ



một noi, thấy rồi tự so sánh: uThân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khoi?9 Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn,

đoạn trừ tâm lo lắng mà được định tâm, được định tâm rồi thì biết như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau: Tỳ-kheo như đã từng thấy ở trong nghĩa địa xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn, thấy rồi tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.95 Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết đúng như thật như vậy. Tỳ-kheo như thế, nếu ở một mình tại một nod xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ tâm lo lắng mà được tịnh tâm, được định tâm rồi thì biết đúng như thật như vậy. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. Nêu có vị nào tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy thì các thiện pháp đêu ở trong d6, gọi là Đạo phàm pháp. Nêu Tỳ-kheo có tâm ý xác quyêt biến mãn, giống như đại hải, các con sông nhỏ đều đổ vào biển; nếu người tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy thì các thiện pháp kia đều ở trong đó, gọi là Đạo phẩm pháp. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trú niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vi ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì có thê lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia ưống không, không có niệm thân. Giống như một cái bình, bên trong trống không, không có nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đến đổ vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình ấy như vậy có chứa nước được hay không?  Bạch Thế Tôn, có thể được. Vì sao? Vì bình frống không, không có nước, r r đặt ngay ngăn trên mặt đát cho nên chứa nước được.  Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trú niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vi ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn5 Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an tru niệm thân, tâm vô lượng; vi ây5 nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát đinh không thê được. Vì sao? Vì Sa-môn? Phạm chí kia không ưống không, có niệm thân. Giống như có một cái bình bên trong chứa đầy nước, đặt ngay ngắn trên mặt đất, nếu có người đem nước đổ vào trong bình thì Tỳ-kheo nghĩ sao, bình như vậy có thể chứa được nước nữa không?  Bạch Thế tôn, không thể được. Vì sao? Vì bình ấy đã đầy nước rồi, đặt ngay ngắn trên mặt đất, cho nên không chứa nước được nữa. Cũng vậy, nêu Sa-môn9 Phạm chí nào chân chánh an trú niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân.

81. KINH NIỆM THÂN  469

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an tru niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trông không, không có niệm thân. Giông như người lực sĩ khiêng hòn đá to, năng quăng vào trong vũng bùn thì Tỳ-kheo nghĩ sao, hòn đá đó có bi lún vào bùn không? Tỳ-kheo đáp:  Bạch Thế Tôn, hòn đá bị lún vào bùn. Vì sao? Vì bùn lầy, mà đá năng, cho nên chắc chắn hòn đá phải lún vào. -Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh an trú niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an trú niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng, nhất định không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trông không, có niệm thân. Giông như người lực sĩ cầm một trái cầu nhẹ bằng

lông ném vào một cánh cửa đóng kín thì Tỳ-kheo nghĩ sao, cánh cửa kia có bị dội chăng? Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không thể dội. Vì sao? Vì trái cầu thì nhẹ mà đẩy cánh cửa vững chắc thì cánh cửa không thể dội được. Cũng vậy, nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an tru niệm thân, tâm vô lượng; vị ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát định không thê được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không ưống không, có niệm thân. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào không chân chánh niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vị ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì có thê lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia trống không, không có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lấy củi khô làm mồi, rồi dùng dùi khô mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, người kia tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy dùi khô mà dùi củi khô, cho nên chắc chắn tìm thấy lửa. Cũng vậy, nếu có Sa-môn9 Phạm chí nào không chân chánh an tru niệm thân, tâm nhỏ hẹp; vi ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì có thể lợi dụng được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia ưống không, không có niệm thân. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào chân chánh an tru niệm thân, tâm vô lượng; vị ấy, nếu Ma Ba-tuần muốn lợi dụng thì nhất đinh không thể được. Vì sao? Vì Sa-môn, Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Giống như người tìm lửa, lây củi ướt làm môi, roi dùng dùi ướt mà dùi thì Tỳ-kheo nghĩ sao, người kia làm như vậy có tìm thấy lửa không?



Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, người kia không tìm thấy lửa. Vì sao? Vì người kia lấy cái dùi ướt mà dùi gô ướt, cho nên không tìm thây lửa. Cũng vậy, nếu có Sa-môn? Phạm chí nào chân chánh an tru niệm thân, tâm VÔ lượng; vị ây, nêu Ma Ba-tuân muôn lợi dụng thì nhát định không thê được. Vì sao? Vì Sa-môn? Phạm chí kia không trống không, có niệm thân. Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức. Những gì là mười tám công đức? Tỳ-kheo có thể nhẫn nại những sự đói, khát, nóng, lạnh, muỗi mòng, ruồi nhặng, gió nắng bức bách, hay gậy đánh, tiếng dữ cũng có thể nhẫn nại, thân bị bịnh tật hét sức đau đớn gân như tuyệt mạng, những điêu không xứng ý đêu có thể kham nhẫn. Đây là đức tánh thứ nhất khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhẫn điều không vui thích, nếu sanh điều không vui thích thì tâm nhất đinh không vướng mắc. Đây là đức tánh thứ hai khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo kham nhân sự sợ hãi, nêu sợ hãi phát sanh thì tâm nhát định không vướng mắc. Đây là đức tánh thứ ba khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo sanh ba ác niệm: Dục niệm, nhuế niệm, hại niệm; nếu ba ác niệm phát sanh, tâm nhất định không vướng mắc. Đây là đức tánh thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đây là đức tánh thứ tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kiêt sử, chứng quả Tu-dà-hoàn, không còn đọa vào ác thú, nhất đinh đến chánh giác, chỉ còn thọ sanh tối đa bảy đời nữa, sau bảy lân qua lại cõi trời, cõi người, sẽ chứng đác khô biên. Đây là đức tánh thứ chín khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận ba kiêt sử, dâm, nộ, si, đã nhẹ, chỉ còn qua lại một lần ở cõi trời, cõi người, sau một lần qua

lại, sẽ chứng đắc khổ biên. Đây là đức tánh thứ mười khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo đã diệt tận năm hạ phần kiết sử, sanh vào nơi kia rồi nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại đời này. Đây là đức tánh thứ mười một khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo nếu tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, bằng thăng trí, tự thân tác chứng, thành tựu an trú; roi băng trí tuệ mà quán sát, biết rõ các lậu hoặc và đoạn trừ các lậu hoặc. Đây là đức tánh thứ mười hai, mười ba,



mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo chứng đắc như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí; các lậu đã tận diệt, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an tru, biết một cách như thật rằng: uSự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã thành, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^ Đây là đức tánh thứ mười tám khi tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy. Tu tập niệm thân như vậy, quảng bá như vậy, nên biết có mười tám công đức này. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

82. KINH CHI-LY-DI-LÊ A Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, một số đông các Tỳ-kheo? sau giờ ăn trưa, có ít việc cần làm nên tụ họp ngồi ở giảng đường muốn chấm dứt sự tranh luận, bàn luận những vấn đề về Pháp, Luật, về lời Phật dạy. Lúc ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử cũng hiện diện trong chúng. Trong khi một số đông các Tỳ-kheo đang bàn luận những vấn đề về Pháp, Luật, về lời Phật dạy thì ngay trong lúc đang bàn luận ấy, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử không đợi cho các Tỳ-kheo nói pháp xong mà cứ nói xen bừa vào, lại không có thái độ cung kính, không quan sát cẩn thận để thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão. Bấy giờ, Tôn giả Đại Câu-hy-la cũng có mặt trong chúng, nói với Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử rang: Hiền giả nên biết, trong khi một số đông thầy Tỳ-kheo đang nói những vấn đề về Pháp, Luật này và về lời Phật dạy thì Hiền giả chớ nói xen bừa vào. Đợi các Tỳ-kheo nói xong, nhiên hậu Hiền giả mới nói. Hiền giả hãy có thái độ cung kính và quán sát cân thận đê thưa hỏi các bậc Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão; chớ đem sự không cung kính, không khéo quán sát để thưa hỏi các ngài. Khi đó? bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử hiện có trong chúng, nói với Tôn giả Đại Câu-hy-la rằng: Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, ngài chớ nặng lời quở trách Tỳ-kheo Chất- đa-la Tượng Tử. Lý do vì sao? Vì Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử có giới dức, đa văn, trông giông như người giải đãi nhưng không công cao. Này Hiên giả Đại Câu-hy-la, bất cứ lúc nào các thầy Tỳ-kheo làm việc gì thì Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử đều có thể giúp đỡ cả. Khi ấy, Tôn giả Đại Câu-hy-la nói với bạn bè quen thuộc của Tỳ-kheo Chất- đa-la Tượng Tử: Này chư Hiền, nếu không biết tâm của kẻ khác thì đừng vội nói người ấy xứng đáng hay không xứng đáng. Lý do vì sao? Vì hoặc có một người lúc ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, đáng tàm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh Thượng

tôn Trưởng lão, đáng tàm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện roi tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục roi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiên, giông như con trâu vào trong ruộng lúa của người; người giữ ruộng bát được, hoặc lây dây cột, hoặc nhót trong chuông. Này chư Hiên, nêu có người nói rằng: “Con trâu này không vào ruộng lúa của người khác nữa dâu” thì lời nói này có đúng chăng? Không dúng, vì sao? Vì nếu con trâu kia hoặc làm đứt, hoặc làm sút sợi dây trói, hoặc nhảy ra khỏi chuồng; nó cũng lại vào trong ruộng lúa của người khác như trước chứ không khác gì cả. Này chư Hiền, hoặc có một người lúc ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, đáng tàm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy khéo léo thủ hộ. Nhưng sau đó, khi không còn ở trước đức Thế Tôn và trước các bậc Phạm hạnh Thượng tôn Trưởng lão, đáng tàm, đáng quý, đáng ưa, đáng kính thì người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện roi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người. Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người vừa chứng đắc Thiền thứ nhất; chứng đác Thiên thứ nhát roi người ây liên an tru chứ không câu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Người ấy, sau đó, thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cốnệ cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục roi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, như lúc mưa to, hồ5 ao trong thôn xóm đều đầy nước; có người, trước khi chưa mưa, thấy trong hồ, ao đó có cát, đá, cỏ, cây, loại giáp trùng, cá, rùa, ễnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên. Nhưng sau khi trời mua, ao, hồ đây nước; người đó không còn thây như thê nữa. Này chư Hiên, nêu người kia nói như thê này: "Trong hồ, ao kia nhất định không thể nào thấy lại được cát, đá5 c6, cây, loại giáp trùng, cá, rùa, ễnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên^, thì lời nói này có đúng chăng? Không đúng, vì sao? Vì hồ, ao đầy nước kia hoặc voi uống, ngựa uống, lạc đà, bò? lừa, heo, nai, trâu uống, hoặc người lấy dùng, gió thổi, mặt trời rọi thì nước sẽ cạn. Người kia khi nước đầy hồ, ao, không thấy cát, đá, cây, cỏ, loài



giáp trùng, cá, rùa, ễnh ương và các loài thủy tánh khác, lúc bơi qua, lúc bơi lại, lúc rượt chạy, lúc đứng yên; nhimg sau khi nước đã cạn rồi thì vẫn thấy như cũ. e A e r A

Cũng vậy, này chư Hiên, hoặc có một người vừa chứng đác Thiên thứ nhất; chứng đắc Thiền thứ nhất rồi người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng

những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người. Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ hai; chứng đắc Thiền thứ hai rồi người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Sau khi người ây thường cùng với bạch y tụ hợp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì sanh tâm tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi liền xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, như lúc mưa to, đất bụi ở nơi ngã tư đường đều biến thành bùn. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: uBùn ở nơi ngã tư đường này nhất định không khô ráo, không thể trở lại thành bụi đất được nữa,9 thì lời nói này có đúng chăng? -Không đúng. Vì sao? Vì ngã tư đường này hoặc voi di, ngựa đi, lạc dà, bò, lừa, heo, nai, trâu và người đi, gió thổi, mặt trời rọi thì con đường kia bùn sẽ khô và khô rồi sẽ trở thành đất bụi trở lại. Cũng như vậy, này chư Hiên, hoặc có người chứng đăc Thiên thứ hai; chứng đác Thiên thứ hai roi người ây liên an trú chứ không câu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt ròi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người. Này chư Hiền, lại nữa, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ ba; chứng đắc Thiền thứ ba rồi người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm



sanh tham dục; tâm sanh tham dục roi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, như nước suối, nước hồ lăng trong, ngang bờ, đứng yên, không xao động cũnẹ không có sóng. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: "Nước suối, nước hô kia nhất định không bao giờ xao động và nôi sóng nữan thì lời nói này có đúng chăng? Không đúng. Vì sao? Vì hoặc ở phương Đông gió lớn chợt thổi đến, làm cho nước trong hồ xao độn^ nổi sóng. Cũng vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc gió lớn chợt thôi đến, làm cho nước trong hồ xao động, nổi sóng. Cũng như vậy, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ ba; chứng đắc Thiền thứ ba rồi người ấy liền an trú chớ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì

chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cống cao, cười cợt, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân . a x e A 2 nhiệt, tâm nhiệt roi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người. Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư; chứng đắc Thiền thứ tư rồi người ấy liền an tru chứ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện roi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo.  Này chư Hiền, ví như cư sĩ hoặc con cư sĩ ăn đồ ăn ngon lành, sau khi ăn uống no nê đầy bụng rồi thì những món ăn mà họ đã ăn trước kia, bây giờ không còn muốn ăn nữa. Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: "Cu sĩ hoặc con của cư sĩ nhất định không bao giờ muốn ăn lại nữa" thì lời nói này có đúng chăng?  Không đúng. Vì sao? Vì cư sĩ hoặc con của cư sĩ kia qua một đêm đã thấy đói thì những gì khi no bụng họ không muốn ăn, bây giờ lại muốn ăn. Cũng vậy, này chư Hiền, hoặc có người chứng đắc Thiền thứ tư; chứng đắc Thiền thứ tư rồi người ấy liền an tru chớ không cầu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện roi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục roi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người.

82. KINH CHI-LY-DLLÊ  477

Lại nữa, này chư Hiền, hoặc có người được Vô tưởng tâm đinh; được Vô tưởng tâm đinh roi thì người ây liên an tru chứ không mong câu thêm, không mong được những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó, người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện. Người ây thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, công cao, bàn tán ôn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham dục rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, ví như ở một chỗ vắng người ta nghe tiếng dế kêu. Khi vua hoặc đại thần ngủ đêm tại chỗ vắng đó, bấy giờ người ta nghe nào là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe cộ, tiếng đi bộ, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng uống cơm, tiếng trông múa, tiêng múa, tiêng hát, tiêng đàn câm, tiêng ăn uông, chớ không nghe tiếng dế kêu như trước.  Này chư Hiền, nếu có lời nói như thế này: "Chỗ vắng kia nhất định không bao giờ nghe được tiếng dế kêu nữa" thì lời nói này có đúng chăng?  Không đúng. Vì sao? Vì vua hoặc đại thần qua đêm, trời sáng rồi đều trở về. Nếu chỗ đó vì nghe tiếng voi, ngựa, xe c, đi bộ, tiếng ốc, trống, trống cơm, trống múa, tiếng múa, ca, tiếng đàn, ăn uống nên không nghe tiếng dế kêu, nhimg khi họ đã đi rồi thì nghe lại như cũ. Cũng vậy, này chư Hiền, được Vô tưởng tâm định; được Vô tưởng tâm định rồi liền tự an trú chớ không cầu thêm, không mong được

những gì chưa được, không mong thu hoạch những gì chưa thu hoạch, không mong tác chứng những gì chưa tác chứng. Sau đó ngươd ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cươd cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện. Người ấy thường cùng với bạch y tụ họp, cười cợt, cống cao, bàn tán ồn ào đủ chuyện rồi thì tâm sanh tham dục; tâm sanh tham rồi thì thân nhiệt, tâm nhiệt; thân nhiệt, tâm nhiệt rồi thì xả giới, bỏ đạo. Này chư Hiền, đó là một hạng người. Bấy giờ, Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử, sau đó chẳng bao lâu xả giới, bỏ đạo. Bạn bè quen thân của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử nghe ông xả giới, bỏ dạo, liền qua đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la? đến nơi rồi bạch:  Bạch Tôn giả Đại Câu-hy-la, ngài biết rõ tâm của Tỳ-kheo Chất-đa-la Tượng Tử hay nhờ các việc khác mà biết? Lý do vì sao? Vì nay Tỳ-kheo Chất- đa-la Tượng Tử đã xả giới, bỏ đạo. Tôn giả Đại Câu-hy-la bảo các bạn bè quen thân kia:  Này chư Hiền, việc ấy phải như vậy. Lý do vì sao? Vì do không biết như thật, không thấy như chơn. Vì sao? Vì nhân không biết như thật, không thấy như chơn nên xảy ra như vậy. Tôn giả Đại Câu-hy-la thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN A

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa Bà-kỳ-sẩu, trong Ngạc sơn Bố lâm, vườn Lộc Dã. Bấy giờ, Ton giả Đại Mục-kiền-liên ở tại nước Ma-kiệt-đà? trong làng Thiện Tri Thức. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mìrứi nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy, nhimg mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn ở xa, biết Tôn giả Đại Mục-kiền-liên sống riêng một mình nơi yên tĩnh, ngồi tĩnh tọa tư duy và mắc phải chứng buồn ngủ. Đức Thế Tôn biết như vậy, Ngài liền nhập như kỳ tượng định. Do như kỳ tượng định, mau như ngir&i lực sĩ co duỗi cánh tay trong khoảnh khắc, từ Bà-kỳ-sâu, frong Ngạc sơn Bô lâm, vườn Lộc Dã, đức Thế Tôn bỗng biến mất khỏi chỗ đó? qua đến nước Ma-kiệt-đà, thôn Thiện Tri Thức, trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Rồi đức Thế Tôn xuất định và nói:  Này Đại Mục-kiên-liên, thây đang măc phải chứng buôn ngủ. Này Đại Mục-kiền-liên, thầy đang mắc phải chứng buồn ngủ. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:  Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn. Phật lại dạy:  Này Đại Mục-kiền-liên? nếu như sở tướng nào gây buồn ngủ, thầy chớ tu tập tướng ấy và cũng đừng khai triển nó. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bi diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, khai triển và tụng đọc. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có the được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên9 hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, rồi diễn rộng ra cho người khác nghe. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. ỉ \ y y

Nêu chứng buôn ngủ của thây không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy theo giáo pháp đã được nghe, tùy theo đó mà thọ trì, tâm suy niệm, tâm suy tư. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy dùng hai tay xoa lên hai mép tai. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ.

Nêu chứng buôn ngủ của thây không bi diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy lấy nước lạnh rửa mặt và dội ướt hết thân thể. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy đi ra ngoài thất, xem khắp bốn phương, ngước nhìn các vì sao. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nếu chứng buồn nẹủ của thầy không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiền-liên? hãy đi ra ngoài thất, đen khoảng đất trống phía đầu thất mà kinh hành, thủ hộ các căn, tâm an trú bên trong, khởi hậu tiền tưởng. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bị diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy bỏ con đường đang kinh hành, đến đầu con đường ấy, trải ni-sư-đàn, ngồi kiêt-già. Như vậy, chứng buồn ngủ mới có thể được diệt trừ. Nêu chứng buôn ngủ của thây không bi diệt trừ thì này Đại Mục-kiên-liên, hãy trở vào thất, gấp tư y uất-đa-la-tăng trải lên giường, gấp y Tăng-già-lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi minh tưởng, lập an trú chánh niệm, chánh trí và luôn luôn khởi ý tưởng muốn thức dậy. Này Đại Mục-kiền-liên, đừng ham lạc thú giường nệm, đừng ham lạc thú ngủ nghí, đừng ham tài lợi, đừng đắm trước danh dự. Vì sao? Vì Ta nói rằng tất cả pháp không thể hội họp và cũng nói rằng có thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên? Ta nói pháp gì không thể hội họp? Này Đại Mục- kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì Ta nói pháp này không thể hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu pháp đạo và tục mà cùng hội họp thì có nhiều điều phải nói, nếu có nhiều điều phải nói thì có frạo cử, nếu có trạo cử thì tâm không tịch tĩnh. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu tâm kh6ng tịch tĩnh thì tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiền-liên, do đó Ta nói là không the hội họp. Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp gì có thể cùng hội họp? Này Đại Mục- kiền-liên, ở chỗ vắng kia, Ta nói pháp này có thể cùng hội họp; núi rừng, dưới cây, chỗ an tĩnh, thanh nhàn, núi cao, hang đá, vắng bặt âm thanh, viễn ly, không ác, không người, có the tùy thuận mà tĩnh tọa. Này Đại Mục-kiền-liên, Ta nói pháp này có thể cùng hội họp. Này Đại Mục-kiên-liên, nêu thây đi vào làng khát thực, hãy nhàm chán sự lợi lộc, nhàm chán sự cúng dường, cung kính. Đối với lợi lộc, cúng dường, cung kính, tâm thầy đã phát khởi sự nhàm chán, rồi mới vào làng khất thực. Này Đại Mục-kiền-liên, đừng đem ý cao đạo mà vào làng khất thực. Vì sao? Vì nhà trưởng giả có công việc gì đó. Tỳ-kheo đến khất thực, khiến trưởng giả không chú ý. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Ai phá hoại ta ở nhà trưởng giả? Vì sao? Vì ta vào nhà trưởng giả khất thực mà trưởng giả không chú y." Nhân đó vị ấy sanh ưu sầu, nhân ưu sầu mà sanh trạo cử, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định.

## 83. KINH TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THÙY MIÊN 481

Này Đại Mục-kiên-liên? khi thây thuyêt pháp, đừng vì tranh luận. Nêu có tranh luận thì có nhiều lời, nhân nhiều lời mà có trạo cỉr, nhân trạo cử mà tâm không tịch tĩnh, nhân tâm không tịch tĩnh nên tâm rời xa định. Này Đại Mục-kiên-liên, khi thây thuyêt pháp, đừng nói to, nói mạnh như sư tử. Này Đại Mục-kiên-liên, khi thây thuyêt pháp hãy hạ ý mà thuyêt pháp, không ráng sức, tiêu diệt sức, dẹp bỏ sức; hãy thuyết pháp bằng cách không dùng cường lực như sư tử. Này Đại Mục-kiền-liên, hãy học như vậy. Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiên-liên từ chô ngôi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng Phật,

bạch rằng:  Bạch đức Thế Tôn, thế nào là vị Tỳ-kheo đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh. cứu cánh Phạm hạnh và cứu cánh Phạm hạnh cùng tột? Đức Thế Tôn bảo:  Này Đại Mục-kiền-liên , Tỳ-kheo khi đã thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khô; vị ây ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn diệt, quán vô dục, quán diệt, quán xả. Sau khi ở nơi các cảm thọ này mà quán vô thường, quán hưng suy, quán đoạn diệt, quán vô dục, quán diệt, quán xả? vi ấy không chấp thủ đời này; do không chấp thủ đời này mà không bi mệt nhọc; do không bị mệt nhọc nên nhập Niết-bàn; biết một cách như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh nũra." Này Đại Mục-kiên-liên, như vậy là Tỳ-kheo được đến chỗ cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh và cứu cánh Phạm hạnh cùng tột. Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

84. KINH VÔ THÍCH Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa Tỳ-xá-ly, ở tại Cao Lâu Đài quán, bên bờ sông Di-hầu. Các đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn như các ngài Già-la, Ưu-bệ-giá- na, Hiền Thiện, Hiền Hoạn, Vô Hoạn, Da-xá, Thượng Xứng. Các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn như vậy cũng đên Tỳ-xá-ly ở Cao Lâu Đài quán, bên sông Di-hầu và đều ở bên cạnh nhà lá của Phật. Các người Lệ-xế ở thành Tỳ-xa-ly nghe đức Thế Tôn trú tại Tỳ-xá-ly nơi Cao Lâu Đài quán, bên sông Di-hầu liền nghĩ rằng: "Chúng ta hãy phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, qua đến chỗ Phật mà cúng dường kính lễ Ngài.^, Lúc bấy giờ, các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn nghe người Lệ- xế thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ, liền nghi rằng: "Âm thanh là gai nhọn đối với thiền.” Đức Thế Tôn cũng nói rằng: “Am thanh là gai nhọn đoi với thin." Chúng ta hãy qua rừng Ngưu Giác ta-la, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly, đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tQa." Rồi các đại đệ tử danh đức Trưởng lão Thượng tôn đi qua rừng Ngưu Giác ta-la, nơi ấy không náo loạn, sống viễn ly, đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa để tư duy. Bấy giờ, rất nhiều người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly qua đến chỗ Phật dể Cling dường kính lễ; hoặc có người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-lỵ cúi lạy chân Phật rồi ngoi xuống một bên; hoặc có người chào hỏi Phật rồi ngoi xuống một bên; hoặc có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi xuống một bên; hoặc có người ở xa thấy Phật rồi im lặng ngồi xuống. Khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đã ngồi xong, đức Thế Tôn thuyết pháp cho họ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ nghe, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ roi đức Thê Tôn ngôi im lặng. Những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly, sau khi đã được đức Thế Tôn thuyết pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Sau khi những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly đi chẳng bao lâu, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:  Các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đã đến nơi nào?

Các Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử khi nghe những người Lệ-xế ở thành Tỳ-xá-ly phát đại như ý túc, khởi oai đức của bậc vua chúa, lớn tiếng rao truyền rồi ra khỏi thành Tỳ-xá-ly qua đến chỗ Phật cúng dường kính lễ; các vị ấy nghĩ rằng: "Am thanh là gai nhọn đối với thiền. Đức Thế Tôn cũng nói rằng: Âm thanh là gai nhọn đối với thiền. Chúng ta hãy đi qua rừng Ngưu Giác ta-la, ở đó không náo loạn, sống viễn ly đơn độc, ẩn dật nơi thanh vắng mà tĩnh tọa tư duy.” Bạch Thế Tôn, các Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử đều đi đến nơi đó. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghe xong khen rằng:  Lành thay, lành thay! Nếu là Trưởng lão Thượng tôn đại đệ tử nên nói như thế này: “Am thanh là gai nhọn đối với thiền. Đức Thế Tôn cũng nói: Âm thanh là gai nhọn đối với thiền.” Lý do vì sao? Vì quả thật Ta có nói như vầy: Âm thanh là gai nhọn đối với thiền. Phạm giới là gai nhọn đối với trì giới. Trang sức thân thể là gai nhọn đối với thủ hộ các căn. Tinh tướng là gai nhọn đối với tu tập bất tịnh. Sân nhuế là gai nhọn đối với tu tập từ tâm. uống rượu là gai nhọn đối với xa lìa uống rượu. Thấy nữ sắc là gai nhọn đối với Phạm hạnh. Âm thanh là gai nhọn đối với nhập Thiền thứ nhất. Giác, quán là gai nhọn đối với nhập Thiền thứ hai. Hỷ là gai nhọn đối với nhập Thiền thứ ba. Hơi thở ra, hơi thở vào là gai nhọn đối với nhập Thiền thứ tư. sắc tưởng là gai nhọn đối với nhập Không xứ. Không xứ tưởng là gai nhọn đối với nhập Thức xứ. Thức xứ tưởng là gai nhọn đối với nhập Vô sở hữu xứ. Tưởng tri là gai nhọn đối với nhập Tưởng tri diệt định. Lại cũng có ba loại gai nhọn khác: Gai dục, gai nhuê và gai ngu si. Vê ba loại gai này, bậc Lậu tận A-la-hán đã đoạn trừ, đã biết rõ, đã nhổ sạch cội rễ, tuyệt diệt, khiến không còn sanh; ấy là bậc A-la-hán không bi gai chích, bậc A-la-hán xa lìa gai chích, bậc A-la-hán không gai, lìa gai. Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

85. KINH CHÂN NHÂN _  Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp CÒ Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Ta sẽ nói cho các thầy nghe về pháp chân nhân, pháp không phải chân nhân. Hãy lắng nghe, khéo tư niệm. Các Tỳ-kheo thọ giáo lắng nghe. Đức Phật dạy:  Thế nào là pháp chân nhân, pháp không phải chân nhân? ở đây, có một người thuộc dònệ dõi hào quý, xuất gia học đạo; những người khác thì không như vậy. Người ây nhân vì dòng dõi hào quý mà khen mình khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải nhờ dòng dõi hào quý mà đoạn trừ được dâm, nộ, si." Hoặc có người nào đó không phải là dòng dõi hào quý, xuât gia học đạo, thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người đoan chánh, khả ái; những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì mình đoan chánh, khả ái mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: "Ta không phải do vẻ đoan chánh, khả ái này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si." Hoặc có người nào đó không đoan chánh, khả ái nhimg thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận nơi pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhimg không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.

Lại nữa, hoặc có một người hùng biện, lý luận giỏi; những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì hùng biện, lý luận giỏi mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: "Ta không phải do tài hùng biện, lý luận giỏi này mà đoạn trừ được dâm, nộ, si.” Hoặc có người nào đó không có tài hùng biện, lý luận giỏi, nhimg người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân.



Lại nữa, hoặc có người thuộc hàng trưởng lão, được vua biết tới, nổi tiếng với mọi người và có đại phước; những người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì là trưởng lão, vì quen biết với vua, vì nổi tiếng với mọi người và có đại phước mà khen minh, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do trưởng lão, không phải do được vua biết tới, nổi tiếng với mọi người mà đoạn trừ được dâm, nộ? si.” Hoặc có người nào đó không là trưởng lão, không quen biết với vua, không nổi tiếng với mọi người và cũng không có đại phước, nhưng người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị này thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người tụng Kinh, trì Luật, học A-tỳ-đàm, thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách nên khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do thuộc làu A-hàm, học nhiều kinh sách mà đoạn trừ được dâm, nộ5 si." Hoặc có người nào đó không thuộc làu A-hàm, cũng không học nhiều kinh sách, nhưng người ấy thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vi ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân dế, không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người mặc y phấn tảo, nhiếp ba pháp phục, trì y bất mạn; người khác không được như vậy. Người ây nhân vì trì y bát mạn nên khen minh, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do trì y bất mạn này mà đoạn được dâm, nộ, si." Hoặc có người nào đó không trì y bất mạn, nhimg thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cung kính, cúng dường. Như vậy, vị ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người thường đi khất thực, cơm chỉ ngang bằng năm thăng, chỉ khất thực hạn cuộc nơi bảy nhà, chỉ ăn một bữa, quá giờ ngọ không uông nước; người khác không được như vậy. Người ây nhân vì quá giờ ngọ không uống nước mà khen minh, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: “Ta không phải do sự quá giờ ngọ không uống nước mà đoạn được dâm, nộ, si." Hoặc có người nào đó không dứt bỏ sự quá giờ ngọ uống nước, nhimg thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà

được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhtrng không khen mình, không khinh người. Đó là pháp chân nhân.

85. KINH CHÂN NHÂN  487

Lại nữa, hoặc có người ở chỗ rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc ở núi cao hay nơi đát trông, hoặc ở nơi gò mả, hoặc có thê biêt thời; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì biết thời mà khen mình, khinh người. Đó không phải là pháp chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: "Ta không phải do sự biết thời mà đoạn được dâm, nộ? si." Hoặc có người nào đó không biết thời, nhimg thực hành pháp đúng như pháp, tùy thuận theo pháp, hướng pháp, thứ pháp, do đó mà được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người vừa được Thiền thứ nhất. Người ấy nhân vì được Thiền thứ nhất mà khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhan. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: Thiền thứ nhất, đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi là ái vay.” Do đó, người ấy được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen mình, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Lại nữa, hoặc có người được Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, được Không xứ5 Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; người khác không được như vậy. Người ấy nhân vì được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nên khen mình, khinh người. Đó gọi là pháp không phải chân nhân. Pháp bậc chân nhân là xét nghĩ như thế này: "VPhi hữu tưởng phi vô tưởng, đức Thế Tôn nói là vô lượng chủng loại, nếu có kế chấp thì gọi đó ỉa 9i." Do đó, người ấy được cúng dường, cung kính. Như vậy, vị ấy thú hướng sự chứng đắc pháp chân đế nhưng không khen minh, không khinh người. Đó gọi là pháp chân nhân. Các thầy hãy nhận biết pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân. Sau khi biết được pháp chân nhân và pháp không phải chân nhân rồi, hãy dứt bỏ pháp không phải chân nhân và hãy học pháp chân nhân. Các thầy nên học như vậy. Phật dạy như vậy, các thầy Tỳ-kheo nghe đức Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành. Giàu, đẹp trai, nói giỏi, Trưởng lão, tụng nhiều kinh, : r ĩ Y, thực, tu núi, thiên, Sau cùng bôn vô săc.

86. KINH THUYẾT xứ Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật đến nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan, vào lúc xế trưa, từ chỗ ngồi tĩnh tọa đứng dậy, dẫn các Tỳ-kheo niên thiếu đi đến chỗ Phật, cúi lạy chan Phật, rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ-kheo niên thiếu cũng cúi lạy chân Phật, rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan bạch:  Bạch đức Thế Tôn, với các Tỳ-kheo niên thiếu này, con phải quở trách như thế nào, dạy dỗ như thế nào, thuyết pháp cho họ nghe như thế nào? Đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan? thây hãy nói vê xứ và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói vê xứ và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ổn? được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật bạch rằng:  Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng thời, bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng thời! Nếu Thế Tôn nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ khéo léo thọ

trì. Đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan, các thây hãy lăng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho thầy và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe. Tôn giả A-nan thọ giáo, lắng nghe. Đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về năm thủ uẩn: sắc thủ uẩn, thọ, tưởng, hành và thức thủ uẩn. Này A-nan, năm thủ uẩn này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu về năm thủ uẩn này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan? trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu nội xứ: Nhãn XÚT, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Này A-nan, sáu nội xứ này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu nội xứ



này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê sáu ngoại xứ: Sác xứ, thanh, hương, vi, xúc và pháp xứ. Này A-nan, sáu ngoại xứ này, thầy hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu sáu ngoại xứ này thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu thức thân: Nhãn thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý thức. Này A-nan, sáu thức thân này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu thức thân này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc? thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan? trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê sáu xúc thân: Nhãn xúc, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xúc. Này Anan, sáu xúc thân này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu xúc thân này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu thọ thân: Nhãn thọ, nhi, tỷ, thiệt, thân và ý thọ. Này A-nan, sáu thọ thân này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu sáu thọ thân này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thày nghe về sáu tưởng thân: Nhãn tưởng, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý tưởng. Này A-nan, sáu tưởng thân này, thầy hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu sáu tưởng thân này thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu tư thân: Nhãn tư, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý tư. Này A-nan, sáu tư thân này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy sáu tư thân này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu ái thân: Nhãn ái? nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý ái. Này A-nan, sáu ái thân này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy sáu ái thân này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiên nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về sáu giới: Địa giới,

thủy, hỏa, phong, không và thức giới. Này A-nan, sáu giới này, thầy hãy nói để dạy



cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy sáu giới này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp: Nếu cái này có thì cái kia có, nếu cái này không có thì cái kia không có, nếu cái này sanh thì cái kia sanh, nếu cái này diệt thì cái kia diệt. Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có lục xứ, duyên lục xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có lão tử. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục xứ diệt, lục xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão tử diệt. Này A-nan? nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói, dạy nhân duyên khởi và nhân duyên khởi sở sanh pháp này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn? được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này Anan, trước kia Ta đã nói cho thây vê bôn niệm xứ: Quán thân như thân, quán thọ, quán tâm và quán pháp như pháp. Này A-nan? bốn niệm xứ này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy bôn niệm xứ này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, ượn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn chánh đoạn: Tỳ-kheo đối với pháp ác, bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi tâm mong cầu, nô lực tinh tân, sách lệ và tâm kiên trì. Đôi với các pháp ác, bát thiện chưa sanh, vì để chúng không phát sanh nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Đôi với các pháp thiện chưa sanh, vì đê cho phát sanh nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tấn, sách lệ và tâm kiên trì. Đối với pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bi quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ, tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn, cụ túc nên khởi tâm mong cầu, nỗ lực tinh tân, sách lệ và tâm kiên trì. Này A-nan, bôn chánh đoạn này, thây hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bốn chánh đoạn này • Ị" 2 cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn như ý túc: Tỳ-kheo thành tựu được dục định, thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Tinh tấn đinh, tâm định cũng như vậy. Thành tựu quán định, thiêu đốt các hành, tu tập như ý túc, nương vào vô dục, nương vào viễn ly, nương vào diệt, nguyện đến phi phẩm. Này A-nan, bốn như ý túc này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên



thiêu. Nêu thây dạy bôn như ý túc này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh.

Này A-nan? trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn thiền: Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Này A-nan5 bốn thiền này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỵ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bốn thiền này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan? tnrớc kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn Thánh đế: Khổ Thánh đế, tập Thánh dế, diệt Thánh đế và đạo Thánh đế. Này A-nan, bốn Thánh đế này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bốn Thánh đế này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan9 trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn tưởng: Tỳ-kheo có tiểu tưởng, có đại tưởng, có vô lượng tưởng, có vô sở hữu tưởng. Này A-nan, bốn tưởng này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thây nói và dạy bốn tưởng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn vô lượng: Tỳ-kheo, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, cứ như thế, hai phương, ba phương, bốn phương, tứ duy, trên dưới, biến khắp tất cả, tâm đi đôi với từ, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thời gian, thành tựu an trú. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm đi đôi với xả, không thù, không oán, không sân nhuế, không não hại, vô cùng rộng lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Này A-nan, bon vô lượng này, thay hãy nói đe dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy dạy bốn vô lượng này cho các Tỳ"kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn vô sắc: Tỳ-kheo đoạn trừ tất cả sắc tưởng, cho đến chứng đắc Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an tru. Này A-nan, bôn vô sac này, thây hãy nói đê dạy cho các Ty-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy bôn vô sác này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn thánh chủng: Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni nhận được cái y thô xấu mà biết chỉ túc, không phải vì y áo mà mong thỏa mãn ý mình; nếu chưa được y thì không u uất, không khóc than, không đấm ngực, không si dại; nếu đã được y thì không nhiễm, không trước, không ham muôn, không tham lam, không cát giâu, không tích trữ; khi dùng

86. KINH THUYẾT xứ 493

y thì thấy rõ tai họa và biết sự xuất ly, được sự lợi như vậy vẫn không giải đãi, mà có chánh trí. Đó là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an trú nơi cổ tích thánh chủng. Vê âm thực và trụ xứ cũng như vậy, vị ây mong muôn đoạn trừ, vui thích đoạn trừ, mong muốn tu, vui thích tu. Vị ấy nhân muốn đoạn, vui đoạn, muốn tu, vui tu nên không khen mình, không khinh người, được sự lợi như vậy cũng không giải đãi, nhimg chánh trí, Đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chân chánh an tru nơi cổ tích thánh chủng. Này A-nan, bốn thánh chủng này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bốn thánh chủng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được

sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bốn quả Sa-môn: Tu-đà- hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, tối thượng là A-la-hán. Này A-nan, bốn quả Sa- môn này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bốn quả Sa-môn này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về năm thục giải thoát tưởng: Quán tưởng về vô thường, quán tưởng vì vô thường cho nên khổ, quán tưởng vì khổ cho nên vô ngã, quán tưởng bát tịnh ố lộ, quán tưởng hết thảy thế gian không có gì đáng vui. Này A-nan, năm thục giải thoát tưởng này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy năm thục giải thoát tưởng này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an on, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê năm giải thoát xứ, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni chưa giải thoát thì nhờ ở đây mà tâm được giải thoát, nếu chưa tận trừ các lậu thì sẽ được tận trừ hoàn toàn, nếu chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì sẽ chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Thế nào là năm? Này A-nan, Thế Tôn thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe. Này A-nan, nếu Thế Tôn thuyêt pháp cho Ty.kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; họ nghe pháp rồi, thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa và do sự thấu hiểu pháp, thấu hiểu nghĩa đó nên được hoan duyệt; nhân hoan duyệt mà được hoan hỷ; nhân hoan hỷ mà được thân khinh an; do thân khinh an nên được cảm thọ; do cảm thọ lạc nên được tâm định. Này A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên được thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh sự nhàm chán; do nhàm chán nên được vô dục; do vô dục nên được giải thoát; do giải thoát mà biết là mình giải thoát, biết một cách như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa.,, Này A-nan, đó là giải thoát xứ thứ nhất. Nhân đó mà nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tâm chưa được giải thoát thì được giải thoát, chưa tận trừ các lậu thì được tận trừ hoàn toàn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn.



Lại nữa, này A-nan, nếu trong trường hợp Thế Tôn không có thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe; các bậc trí Phạm hạnh cũng không thuyết pháp cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nghe thì họ y theo những điều đã nghe, đã tụng tập và đọc tụng rộng rãi. Nếu không đọc tụng rộng rãi những điều đã nghe, đã tụng đọc thì họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại rộng rãi cho người khác nghe. Nếu không nói rộng rãi cho người khác nghe những điều đã nghe, đã tụng tập thì họ chỉ tùy theo điều đã nghe, đã tụng tập mà tư duy, phân biệt. Nếu không tư duy, phân biệt những điều đã nghe, đã tụng tập thì họ chỉ thọ trì các tướng tam-muội. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni khéo thọ trì các tướng tam muội thì thâu hiên pháp, thâu hiên nghĩa; do thâu hiêu pháp, thấu hiểu nghĩa nên được hoan duyệt; do hoan duyệt nên hoan hỷ; do hoan hỷ nên thân được khinh an; do thân khinh an nên được cảm thọ lạc; do cảm thọ lạc nên được tâm định. Này A-nan, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhờ tâm định nên được thấy như thật,

biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên phát sanh nhàm chán; do nhàm chán nên được vô dục; do vô dục nên được giải thoát; do giải thoát mà biết là mình đã giải thoát, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh đời sau nữa.,, Này A-nan, đó là giải thoát xứ thứ năm. Nhân đó, mà nếu Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni chưa được giải thoát thì được tâm giải thoát, chưa dứt sạch các lậu thì được dứt sạch trọn vẹn, chưa chứng đắc vô thượng Niết-bàn thì chứng đắc vô thượng Niết-bàn. Này A-nan, năm giải thoát xứ này, thầy hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy năm giải thoát xứ này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về năm căn: Tín, tinh tấn, niệm, đinh và tuệ căn. Này A-nan, năm căn này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nêu thay nói và dạy năm căn này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiên nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê năm lực: Tín, tinh tân, niệm, định và tuệ lực. Này A-nan, năm lực này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ- kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy năm lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê năm xuất yêu giới. Những gì là năm? Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử quán sát dục một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát dục cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo dục, không vui say dục, không gàn gũi với dục, không quyết định nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bi vứt bỏ đi. Vi ấy không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm dục.

86. KINH THUYẾT xứ 495

Này A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khắc cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bi cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát dục cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát dục cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo dục, không vui say trong dục, không gần gũi với dục9 không quyết định nơi dục. Khi tâm dục vừa sanh tức thì bị cháy tiêu, khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Vị ấy vứt bỏ, không trụ nơi dục, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự dục. Vị ấy quán sát vô dục, tâm hướng về vô dục, vui say vô dục, gần gũi vô dục, quyết định nơi vô dục, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly tất cả dục, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do dục mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh các cảm thọ ấy nữa. Đó là các cảm thọ sanh ra bởi dục. Đó là sự xuất ly khỏi dục. Này A-nan, đó là xuất yếu giới thứ nhất. Lại nữa, này A-nan, đa văn Thánh đệ tử quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say trong sân nhuế, không gần gũi sân nhuế, không quyết định nơi sân nhuế. Khi tâm sân nhuế vừa sanh thì tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại chứ không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không trú nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế. Này A-nan, giống

như lông và gân của con gà bi đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sân nhuế cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sân nhuế, không vui say sân nhuế, không quyêt đinh nơi sân nhuê. Khi tâm sân nhuê vừa sanh thì tức khăc bi cháy tiêu, bị khô rút, bi cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trú nơi sân nhuế, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sân nhuế. Vị ấy quán sát vô nhuê, tâm hướng vê vô nhuê, vui say vô nhuê, gân gũi vô nhuquyêt định nơi vô nhuế, tâm không bi chướng ngại, không ô trưqc, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục nhuế, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do sân nhuế mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi nhuế. Đó là sự xuất ly khỏi nhuế. Này A-nan? đó là xuất yếu giới thứ hai. Lại nữa, này A-nan, đa văn Thánh đệ tử quán sát một cách cực kỳ mãnh liệt não hại. Vị ấy do quán sát não hại cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết định nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại? bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bi vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự não hại. Này A-nan, giống như lông và gân của con gà bi đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan? đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát não hại cực



kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát não hại cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo hại, không vui say hại, không gần gũi với hại, không quyết đinh nơi hại. Khi tâm hại vừa sanh, tức khác bị cháy tiêu, bị khô rút, bi cuôn tròn, không nở rộng ra được, bi vứt bỏ đi. Vị ấy không an tru nơi hại, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự hại. Vị ấy quán sát vô hại, tâm hướng ve vô hại, vui say vô hại, gan gũi vô hại, quyết định nơi vô hại, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục hại, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sầu do hại mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vi ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi hại. Đó là sự xuất ly khỏi hại. Này A-nan? đó là xuất yếu giới thứ ba. Lại nữa, A-nan, đa văn Thánh đệ tử quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát sác cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sác, không vui say trong sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh tức thì bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vi ấy không trụ nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Này A-nan, giống như lông và gân của con gà bị đem quăng vào trong lửa, tức khác bị cháy tiêu, bi khô, bị cuồn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan? đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt. Vi ấy do quán sát sắc cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo sắc, không vui say với sắc, không gần gũi với sắc, không quyết định nơi sắc. Khi tâm sắc vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vị ấy không an trú nơi sắc, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự sắc. Vị ấy quán sát vô sắc, tâm hướng về vô sắc, vui say vô sắc, gần gũi vô sắc, quyết định nơi vô sắc, tâm không bị chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục sắc, viễn ly các lậu và các phiền

nhọc, ưu sau do sắc mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vị ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi sắc. Đó là sự xuất ly khỏi sắc. Này A-nan, đó là sự xuất yếu giới thứ tư. Lại nữa, này Anan, đa văn Thánh đệ tử hết sức thận trọng, khéo léo quán sát tự thân một cách cực kỳ mãnh liệt. Vị ây do quán sát tự thân cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo tự thân, không vui say trong tự thân, không gần gũi với tự thân, không quyết định nơi thân. Khi tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô héo, co rút lại, bi cuốn tròn lại, không nở rộng ra được, bi vứt bỏ đi. Vị ấy không trụ nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự tự thân. Này A-nan, giống như lông và gân của con gà đem quăng vào trong lửa, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bị cuốn tròn lại, không nở rộng ra được. Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử cũng vậy, quán sát tự thân cực kỳ mãnh liệt. Vị ấy do quán sát tự thân cực kỳ mãnh liệt nên tâm không hướng theo thân, không vui say thân, khônệ quyết định nơi thân; tự thân vừa sanh, tức khắc bị cháy tiêu, bị khô rút, bi cuôn tròn, không nở rộng ra được, bị vứt bỏ đi. Vi ây không an trú nơi thân, chán ghét, nhàm tởm, chế ngự thân. Vị ấy quán sát vô thân, tâm hướng về vô



thân, vui say vô thân, gần gũi vô thân, CIuyết đinh vô thân, tâm không chướng ngại, không ô trược, tâm được an lạc, rất an lạc; viễn ly dục thân, viễn ly các lậu và các thứ phiền nhọc, ưu sau do thân mà có, thoát chúng, giải chúng và lại giải thoát khỏi chúng. Vi ấy không còn nhận lãnh cảm thọ này nữa. Đó là cảm thọ sanh ra bởi thân. Đó là sự xuất ly khỏi thân. Này A-nan, đó là xuất yêu giới thứ năm. Này A-nan, năm xuất yếu giới này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy năm xuất yếu giới này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thây nghe vê bảy tài sản: Tín, giới, tàm, quý, văn, thí và tuệ tài. Này A-nan, bảy tài sản này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bảy tài sản này cho các Tỳ-kheo niên thiêu thì họ sẽ được an ôn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiên nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bảy lực: Tín, tinh tấn, tàm, quý, niệm, định và tuệ lực. Này A-nan, bảy lực này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy bảy lực này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về bảy giác chi: Niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, đinh và xả giác chi. Này A-nan, bảy giác chi này, thây hãy nói đê dạy cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Nêu thây nói và dạy bảy giác chi này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, trước kia Ta đã nói cho thầy nghe về tám chi Thánh đạo: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh đinh; đó là tám. Này A-nan, tám chi Thánh đạo này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói và dạy tám chi Thánh đạo này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc5 thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Lúc ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về

Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Đức Thế Tôn đã nói về xứ và dạy về xứ cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, thật vậy, thật vậy, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ta nói về xứ và dạy vê xứ cho các Tỳ-kheo niên thiêu. Này A-nan, nêu thây lại hỏi vê đảnh pháp và đảnh pháp thối từ nơi Như Lai thì thầy hết sức tin tưởng, hoan hỷ đối với Như Lai.



Bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời, bạch Thiện Thệ, nay thật đúng thời! Nếu Thế Tôn nói, dạy về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì con và các Tỳ-kheo niên thiếu từ đức Thế Tôn nghe xong, sẽ khéo léo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan; thầy hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ nói về đảnh pháp và đảnh pháp thối cho thay và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe! Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiêu thọ trì, lăng nghe. Đức Thế Tôn bảo:  Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử chân thật, nhân nơi tâm tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt về vô thường, khổ, không, vô ngã. Vi ấy khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy liền phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Nàỵ A-nan, ấy gọi là đảnh pháp. Này A-nan, nếu được đảnh pháp này nhưng lại mát đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, thì này A-nan? đấy gọi là đảnh pháp thối. Đối với thức nội xứ, thức ngoại xứ, xúc? thọ, tưởng, tư, ái, giới, nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp cũng như vậy. Này A-nan, đa văn Thánh đệ tử đối với nhân duyên khởi và nhân duyên khởi pháp này mà tư niệm, tư lương, khéo quán sát, phân biệt vê vô thường, khô, không, vô ngã. Vị ây khi tư niệm như vậy, tư lương như vậy, khéo quán sát, phân biệt như vậy nên phát sanh nhẫn, phát sanh lạc, phát sanh dục, tức mong cầu nghe, mong cầu niệm, mong cầu quán. Nàỵ A-nan, đây gọi là đảnh pháp. Này A-nan, nêu được đảnh pháp này nhưng lại mát đi, suy thoái, không tu thủ hộ, không tập tinh tấn, thì này A-nan, ấy gọi là đảnh pháp thối. Này A-nan5 đảnh pháp và đảnh pháp thối này, thầy hãy nói để dạy cho các Tỳ-kheo niên thiếu. Nếu thầy nói, dạy đảnh pháp và đảnh pháp thối này cho các Tỳ-kheo niên thiếu thì họ sẽ được an ổn, được sức lực, được hoan lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành Phạm hạnh. Này A-nan, Ta đã nói về xứ, dạy về xứ, về đảnh pháp, đảnh pháp thối cho các thầy nghe. Như vị Tôn sư vì đệ tử nên khởi lòng đại từ ái, lân mẫn niệm thương xót mà mong cầu sự thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc, Ta đã thực hiện như vậy, các thầy cũng nên tự mình thực hiện. Hãy đến nơi chỗ vắng, núi rừng, dưới gốc cây? chỗ an tĩnh, thanh nhàn, tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, siêng năng tinh tấn, đừng để hối hận về sau. Đây là lời giáo sắc của Ta, là lời huấn thị của Ta. Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo niên thiếu nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành. Ấm, nội, ngoại, thức, xúc, Thọ, tưởng, tư, ái giới, Nhân duyên, niệm, chánh đoạn, Như ý, thiền, đế tưởng. Vô lượng, vô sác chủng, Sa-môn quả, giải thoát, Xứ, căn, lực? xuất yếu, Tài, lực, giác đạo, đảnh

87. KINH UẾ PHẨM Tôi nghe như vây: Một thời, Phật đến Bà-kỳ-sấu5 ở trong Ngạc sơn Bố lâm, vườn Lộc Dã. Bấy giờ, Tôn g Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:  Này chư Hiền, thế gian có bốn hạng người. Những gì là bốn? Hoặc có một hạng người bên trong thật

có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế; hoặc có một hạng người bên trong thật có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong có ô uế; hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không tự biết như thật bên trong không có ô uế; hoặc có một hạng người bên trong thật không có ô uê và tự biêt, biêt như thật bên trong không có ô uế. Này chư Hiền, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biêt như thật bên trong có ô uê thì trong loài người, người này là tôi hạ tiện; Nếu một người bên trong thật có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong có ô uế thì trong loài người, người này là tối thắng. Nếu có một người bên trong thật không có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong không có Ô uê thì trong loài người, người này là tôi hạ tiện. Nêu có một người bên trong thật không có ô uế và tự biết, biết như thật bên trong không có ô uế thì trong r r loài người, người này là tôi thăng. Lúc ấy, có một thầy Tỳ-kheo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chăp tay hướng vê Tôn giả Xá-lợi-phât và thưa:  Bạch Tôn giả Xá-lợi-phất, do nhân gi, duyên gì mà hai hạng người trước đều có ô uế? làm ô uế tâm, nhimg một người được coi là hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Và do nhân gì? duyên gì mà hai hạng người sau không có ô uế, không làm ô uế tâm, nhưng một người được coi là hạ tiện và một người được coi là tối thắng? Khi đó, Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời vi Tỳ-kheo kia rằng:  Này Hiền giả, nếu có một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uê, không câu phương tiện, không học tinh cân. Người ây khi mạng chung với ô uê làm ô uê tâm. Do mạng chung với ô uê làm ô uê tâm, người ây chét không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Vì người ấy do mạng chung với O uê lam o ue tânie



Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bị bụi nhơ làm nhơ bẩn; người ấy mang về nhưng không thường rửa bụi, không thường lau chùi, cũng không phơi nắng, lại để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng càng dính thêm bụi bặm nhơ bẩn. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người bên trong thật có ô uế mà không tự biết, không biết như thật bên trong có ô uế thì nên biết, người ấy không muốn đoạn trừ ô uế, không câu phương tiện, không học tinh cân. Người ây mạng chung với sự ô uê làm ô uê tâm. Do mạng chung với sự ô uê làm ô uê tâm, người ây chét không an lành, sanh vào chỗ bất thiện. Vì sao? Bởi vì người ấy mạng chung với ô uế làm ô uế tâm. Này Hiền giả, nếu có một người biết chân thật rằng: "Trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uê này" thì nên biêt, người ây muôn đoạn trừ ô uê đó? câu phương tiện và học tinh cần. Người ấy mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung không ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ây mạng chung mà không có ô uê làm ô uê tâm. Này Hiền giả, cũng như có người từ chợ quán, hoặc từ nhà người làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng bi bụi nhơ làm nhơ bẩn; người ấy mang mâm về, thường rửa bụi bặm, thường lau chùi, thường phơi nắng và không để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng hết sức sạch bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết rằng: "Bên trong ta có ô uế, trong ta quả thật có ô uế này,, thì nên biêt, người áy muôn đoạn trừ ô uê đó, câu phương tiện và học tinh cân. Người ây mạng chung mà không có ô uê làm ô uê tâm.

Do mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy mạng chung mà không có ô uế làm ô uế tâm. Này Hiên giả, nêu một người không biêt như thật răng: "Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uế nay,9 thì nên biết, người ấy không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe, người ấy bi dục tâm ràng buộc. Người ấy mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm, người áy chét không an lành, sanh vào cõi bát thiện. Vì sao? Vì người áy mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Này Hiền giả, cũng như có một người từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng sạch sẽ, không có bụi nhơ; người ấy mang mâm về nhưng không thường rửa bụi, không thường lau chùi, không thường phơi nắng, để chỗ nhiều bụi bặm. Như vậy, mâm đồng chắc chắn dính bụi bặm nhơ bẩn. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người không biết như thật rằng: "Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uế này" thi nên biết, người ấy không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe. Do không giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe, người ấy bị dục tâm ràng buộc. Người ấy sẽ mạng chung với dục tâm, với ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung với dục tâm, với ô



uê làm ô uê tâm, người ây chét không an lành, sanh vào cõi bát thiện. Vì sao? Vì người kia mạng chung với dục tâm, với ô uê làm ô uê tâm. Này Hiền giả, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uê này" thì nên biêt, người ây giữ gìn được những pháp do mát thây, tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp do măt thây, tai nghe nên người ây không bị dục tâm ràng buộc. Người ây mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uê làm ô uê tâm, người ây chét an lành, sanh vào cõi thiện. Vì sao? Vì người ấy không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm. Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng sạch sẽ không có nhơ bẩn; người ấy mang mâm vê, thường rửa bụi, thường lau chùi, thường năng phơi năng, không đê chỗ nhiều bụi. Như vậy, cái mâm đồng hết sức sạch bóng. Này Hiền giả, cũng vậy, nếu một người biết như thật rằng: "Trong ta không có ô uế, trong ta quả thật không có ô uê này" thì nên biêt, người ây giữ gìn được những pháp do mát thấy, tai nghe. Do vì giữ gìn được những pháp do mắt thấy, tai nghe nên người ây không bị dục tâm ràng buộc. Người ây mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uê làm ô uê tâm. Do mạng chung mà không có dục tâm, không có ô uế làm ô uế tâm, người ấy chết an lành, sanh vào cối thiện. Vì sao? Vì người ây mạng chung không có dục tâm, không có ô uê làm ô uê tâm. Này Hiền giả, do nhân này, duyên này mà nói hai hạng người trước, mặc dù đêu có ô uê làm ô uê tâm, nhưng một người được nói là hạ tiện, một người được coi là tối thắng. Và cũng do nhân này, duyên này mà hai hạng người sau, mặc dù đều không có ô uế làm ô uế tâm, nhưng một người được coi là hạ tiện, một người được coi là tối thắng. Bây giờ, lại có thây Ty-kheo từ chô ngôi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chap tay hướng về Tôn giả Xá-lợi-phất và thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? ngài nói ô uế, những gì là ô uế? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: 5 r 9 ỉ Này Hiên giả, vô lượng pháp ác, bát thiện từ dục mà sanh, đó là ô uê. Vì sao? Giả sử có một người

tâm sanh ước muốn như vầy: “Ta đã phạm giới, mong răng người khác đừng biêt ta phạm gi&i." Này Hiên giả, nhimg có người khác biết người ấy phạm giới, vì người khác biết người ấy phạm giới nên người ấy sanh ác tâm. Nấu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo, đừng quở trách ta phạm giới ở trước công chúng." Này Hiền giả, nhưng có người khác quở trách người ấy ở trước công chúng, không ở chỗ kín đáo. Do bi người khác quở trách người ấy



ở trước công chúng, không ở chỗ kín đáo nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiên giả, hoặc có người tâm sanh ước muôn như vây: “Ta đã phạm giói, mong rằng bị người hơn mình trách mắng, đừng bị người kém mình trách mắng ta phạm giói." Này Hiền giả, nhưng người kém người ấy chứ không phải người hơn, trách mắng người ấy phạm giới. Do bi người kém mình chứ không phải người hơn mình trách mắng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: "Mong rằng ta ngồi trước mặt đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo ph để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe; chứ không phải vị Tỳ-kheo khác ngôi trước mặt Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe." Này Hiền giả, nhưng có vị Tỵ-kheo khác ngồi trước mặt đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe. Do vì có vi Tỳ- kheo khác ngồi trước mặt đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo J)háp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiên giả, hoặc có người tâm sanh ước muôn như vây: "Lúc các Tỳ- kheo vào lang, mong rằng ta đi trước nhát, các Tỳ-kheo theo sau ta mà vào làng; đừng để một Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo vào làng, đi trước nhất và các Tỳ-kheo đi theo sau mà "o." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo5 khi các Tỳ-kheo vào làng, đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vi ấy để vào làng. Do có Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo vào làng đã đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau để vào làng nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả? hoặc có người sanh tâm ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ- kheo đã vào trong, mong răng ta ngôi ghê cao hơn hét, được chô ngôi bậc nhát, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất; chứ đừng có vị Tỳ-kheo nào khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất.” Này Hiền giả, nhung có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngồi ghế cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất. Do có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào trong, ngoi ghe cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người sanh tâm ước muốn như vầy: uCác Tỳ-kheo ăn xong, sau khi thu dọn đồ ăn? lau rửa roi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau

rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng và thành tựu hoan hy." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ- kheo khác, sau khi Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đô ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư

87. KINH UẾ PHẦM 503

SĨ nghe đê khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Do có Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe đê khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ nên người ây sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: "Khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, mong rằng ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận; đừng có Tỳ-kheo nào khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tap, cùng ngồi, cùng đàm luận với Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ. Do có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đên vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngôi, cùng đàm luận với họ nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: “Mong rằng ta được nhà vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư si, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư si, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng.Này Hiền giả, nhưng có vi Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư si, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng. Do có Tỳ-kheo khác được vua quen biết, được các quan, Phạm chí, cư sĩ, dân chúng trong nước biết đến và kính trọng nên người ây sanh ác tâm. Nêu người ây sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: "Mong rằng ta được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc và iru-bà-di kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc, iru-bà-di kính trọng. Do có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, xru-bà-tắc và ưu-bà-di kính trọng nên người ây sanh ác tâm. Nêu người ây sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm sanh ước muốn như vầy: “Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quân áo, đô ăn uông, giường nệm, thuôc thang; đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang." Này Hiền giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang. Do có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang nên người ấy sanh ác tâm. Nếu người ấy sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là bất thiện. Này Hiền giả, như vậy, nếu có các vi Phạm hạnh có trí, vì không biết người ây sanh tâm ước muôn vô lượng ác, bát thiện như vậy nên người ây không

504 « KINH TRUNG A-HÀM

phải Sa-môn nhưng các vị tưởng là Sa-môn9 không phải Sa-môn có trí mà tưởng là Sa-môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm

mà tưởng là chánh niệm, không phải thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiên giả, người ây như vậy, nêu có các vi Phạm hạnh có trí, biêt người ây sanh tâm ước muôn vô lượng ác, bát thiện như vậy nên người ây không phải Sa-môn thì các vi ấy không cho là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tinh thì không cho là thanh tịnh. Này Hiền giả, cũng như có người hoặc từ chợ quán, hoặc từ nhà làm đồ đông mua vê một cái mâm đông đựng đây phân bên trong, có năp đậy phía trên, rồi bưng đi qua các phố xá, gần chỗ đông người qua lại; những người kia thấy mâm đồng ấy đều muốn được ăn, tỏ ý rất ưa thích, không chán ghét và nghĩ lầm cái mâm đồng là sạch. Người ấy bimg mâm đồng di, rồi dừng chân tại một chỗ và mở nó ra chỉ cho thấy; mọi người thấy vậy đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, rất chán ghét và cho là đồ bất tịnh. Dù cho người đã muốn ăn cũng không thèm dùng, huống chi người vốn không muốn ăn? Này Hiền giả, như vậy, nếu các Phạm chí có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ước muốn vô lượng bất thiện như vậy nên người ấy không phải Sa-môn mà các vị ấy cứ tưởng là Sa-môn5 không phải Sa-môn có trí mà cứ tưởng là Sa- môn có trí, không phải là chánh trí mà tưởng là chánh trí, không phải là chánh niệm mà tưởng là chánh niệm, không phải là thanh tịnh mà tưởng là thanh tịnh. Này Hiền gi người ấy như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ước muốn vô lượng ác, bất thiện như vậy nên người ấy không phải là Sa-môn thì các vị ấy không cho là Sa-môn, không phải Sa-môn có trí thì không cho là Sa-môn có trí, không phải chánh trí thì không cho là chánh trí, không phải chánh niệm thì không cho là chánh niệm, không phải thanh tịnh thì không cho là thanh tịnh. Này Hiền giả, phải biết, người như vậy không nên gần gũi, không nên cung kính, lê bái. Nêu Tỳ-kheo nào không đáng gân gũi mà gân gũi, không đáng cung kính, lễ bái mà cung kính, lễ bái thì người thân cận, cung kính, lễ bái ấy mãi mãi không được lợi lạc, không được hữu ích, không lợi ích, không an ổn, khoái lạc, sanh ra đau kho, buồn lo. Này Hiên giả, hoặc có người không sanh tâm ước muôn như vây: "Ta đã phạm giới, mong người khác đừng biết ta phạm giới/9 Này Hiền giả, nhưng có người biết người ấy phạm giới, người ấy, nhân vì người khác biết mình phạm giới, không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Ta đã phạm giới, mong người khác quở trách ta ở chỗ kín đáo chứ đừng quở trách



ta phạm giới ở trước công chúng.” Này Hiền giả, nếu có người khác quở trách người ấy ở trước công chúng chứ không ở chỗ kín đáo; người ấy, vì bị người khác quở ưách ở trước công chúng chứ không ở chỗ kín đáo mà không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiên giả, hoặc có người không sanh tâm ước muôn như vây: "Ta đã phạm giới, mong người hơn mình la ray chứ đừng có người không bằng mình la rây ta đã phạm giói." Này Hiên giả, nhưng có người không băng chứ không phải người hơn la mắng người ấy phạm giới; người ấy, vì bị người không bằng mình chứ không phải người hơn mình la măng, không sanh ác tâm. Nêu người ây không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đêu là thiện. Này Hiền giả,

hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Mong ta ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe.” Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe; vì có vi Tỳ-kheo khác ngồi trước đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn về giáo pháp để Ngài nói cho các Tỳ-kheo nghe, người ấy vẫn không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Lúc các __ • \ ĩ _ 9 Tỳ-kheo vào làng, mong răng ta đi trước nhát và các Tỳ-kheo theo sau ta đê vào; chứ đừng có vi Tỳ-kheo nào đi trước nhất khi các Tỳ-kheo vào trong, và các Tỳ-kheo theo sau vị Tỳ-kheo ấy "o.” Này Hiền giả, nhimg có vị Tỳ-kheo, khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất và các Tỳ-kheo theo sau vị ấy vào trong; người ấy, vì có Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo vào trong, đi trước nhất, các Tỳ-kheo theo sau vào trong, không sanh ác tâm. Nêu người ây không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Khi các Tỳ"kheo đã vào trong, mong ta được ngồi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất; chứ đừng có Tỳ-kheo nào khi các Tỳ-kheo đã vào trong mà ngồi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất." Này Hiền giả, nhưng có vi Tỳ-kheo khác khi các Tỳ-kheo đã vào trong, lại ngồi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhát, được nước rửa bậc nhát, được thức ăn bậc nhát; vì có Tỳ-kheo khác, khi các Tỳ-kheo đã vào làng, ngồi cao hơn hết, được chỗ ngồi bậc nhất, được nước rửa bậc nhất, được thức ăn bậc nhất, người ấy vẫn không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người tâm không ước muốn như vầy: “Sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, mong ta nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ; đừng có Tỳ-kheo nào khác sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe đê khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hy." Này Hiên giả, nhưng



CÓ vị Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đồ ăn, lau rửa rồi, nói pháp cho cư sĩ nghe đê khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ; vì CÓ Tỳ-kheo khác, sau khi các Tỳ-kheo ăn xong, thu dọn đô ăn, lau rửa roi, nói pháp cho cư sĩ nghe để khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh dục tâm và ác tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiên giả, có người không sanh tâm ước muôn như vây: "Khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, mong ta với họ cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận; đừng có Tỳ-kheo nào khác khi các cư sĩ đi đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngôi, cùng đàm luan.^ Này Hiên giả, nhưng có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đi đen vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận; vì có Tỳ-kheo khác, khi các cư sĩ đến vườn chúng Tăng, cùng tụ hội, cùng tụ tập, cùng ngồi, cùng đàm luận với họ, người ây vân không sanh ác tâm. Nêu người ây không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiên giả, hoặc có người không sanh tâm ước muôn như vây: "Mong ta được vua biết đến, được đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biêt đên và

kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được vua biêt đên, được các đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trpng." Này Hiền giả, nhưng có vị Tỳ-kheo khác được vua biết đến, được đại thần, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được vua biết đen, được đại than, Phạm chí, cư sĩ và dân chúng trong nước biết đến và kính trọng, người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Mong ta được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưubàtắc, iru-bà-di kính trọng; đừng có Tỳ-kheo nào khác được bốn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu- bà-di kính trpng." Này Hiền giả, nhung có Tỳ-kheo khác được bốn chúng Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di kính trọng. Nhân vì có Tỳ-kheo khác được bôn chúng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tăc, ưu-bà-di kính trọng, người ây không sanh ác tâm. Nêu người ây không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện. Này Hiền giả, hoặc có người không sanh tâm ước muốn như vầy: "Mong ta được các dụng cụ sinh hoạt như quân áo, đô ăn uông, giường nệm, thuốc thang; đừng có Tỳ-kheo nào khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uông, giường nệm9 thuôc thang." Này Hiên giả, nhưng có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang; vì có Tỳ-kheo khác được các dụng cụ sinh hoạt như quần áo, đồ ăn uống, giường nệm, thuốc thang, nhimg người ấy không sanh ác tâm. Nếu người ấy không sanh ác tâm và dục tâm thì cả hai thứ đều là thiện.

87. KINH UẾ PHẨM 507

Này Hiền giả, như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí, vì không biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy nên người ấy chính là Sa-môn mà các vi kia tưởng không phải là Sa-môn5 chính là Sa-môn có trí mà tưởng là không phải Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tinh mà tưởng không phải là thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu các vi Phạm hạnh có trí, do biết người ấy sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy nên người ấy chính là Sa-môn thì cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì các vị ấy cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh. Này Hiền giả, cũng như có người, hoặc từ chợ gul, hoặc từ nhà làm đồ đồng mua về một cái mâm đồng đựng đây đủ đô ăn uông trong sạch, ngon lành, đậy nắp lên trên, rồi bưng đi ngang qua phố xá, gần chỗ đông người qua lại. Những người ấy thấy được mâm đồng, đều không muốn ăn, không có ý ưa thích, hết sức chán ghét và nghĩ rằng mâm đồng này không trong sạch và nói như vầy: "Phẩn nhơ kia, hãy đem đi lập tức! Phẩn nhơ kia, hãy đem đi lập tức! "Người kia bưng mâm đồng di, rồi dừng chân lại một chỗ và mở nó ra chỉ cho thấy. Sau khi thấy mở ra rồi, những người kia đều muốn ăn, ý hết sức ưa thích, không còn chán ghét và nghĩ răng nó là đô trong sạch. Dù cho những người đã không muôn ăn, thấy rồi cũng muốn ăn5 huống chi những người đã có ý muốn ăn? Này Hiền giả, như vậy, nếu các vị Phạm hạnh có trí không biết người ấy sanh tâm ham muôn vô lượng thiện như vậy thì người ây như thê, chính là Sa-môn mà các vị kia tưởng không phải Sa-môn, chính là Sa-môn có trí mà tưởng không phải

Sa-môn có trí, chính là chánh trí mà tưởng không phải là chánh trí, chính là chánh niệm mà tưởng không phải là chánh niệm, chính là thanh tịnh mà tưởng không phải thanh tịnh. Này Hiền giả, người ấy như vậy, nếu có vi Phạm hạnh có trí, do biết người này sanh tâm ham muốn vô lượng thiện như vậy, nên người ây như vậy, chính là Sa-môn thì các vị ây cho là Sa-môn, chính là Sa-môn có trí thì cho là Sa-môn có trí, chính là chánh trí thì cho là chánh trí, chính là chánh niệm thì cho là chánh niệm, chính là thanh tịnh thì cho là thanh tịnh. Này Hiền giả, phải biết, người như vậy nên gần gũi, nên cung kính, lễ bái. Nếu Tỳ-kheo nào dáng gần gũi thì gần gũi, đáng cung kính, lễ bái thì cung kính, lễ bái; do đó, người gần gũi, cung kính, lễ bái ấy mãi mãi được thiện lợi, được hữu ích, được lọd h, an ổn, khoái lạc và cũng không khổ, không buồn lo. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có mặt trong chúng, Tôn giả thưa: Thưa Tôn giả Xá-lợi«phất, nay tôi muốn nói một thí dụ cho các Tỳ-kheo nghe, Tôn giả cho phép chăng? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:  Này Hiền giả Đại Mục-kiền-liên , Hiền giả muốn nói thí dụ, xin cứ nói!



Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thưa:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi nhớ một thời đến ở trong núi cao, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, đêm đã qua, trời vừa sáng, tôi đắp y, ôm bát vào thành Vương Xá để khất thực, đến nhà Vô Y Mãn Tử, trước kia là một thợ xe. Lúc đi ngang nhà ông lại có một người thợ đang đẽo trục xe. Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ đi đến nhà đó. Rồi Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ thấy người thợ kia đang đẽo trục xe, tâm sanh ý nghĩ như vầy: "Nếu người thợ này cầm búa đẽo trục, đẽo gọt chô xâu này, chô xâu kia, như thê thì cái trục ây mới tuyệt đẹp." Bay giờ, người thợ kia, đúng như điều suy nghĩ của Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ, liền cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia. Khi ấy, Vô Y Mãn Tử, một thợ xe cũ hết sức hoan hỷ, nói như thế này: "Này con ông thợ xe, tâm ông như vậy tức là biết tâm tôi rồi. Vì sao? Vì đúng theo ý nghĩ của tôi, ông cầm búa đẽo gọt chỗ xấu này, chỗ xấu kia." Cũng như thế, này Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu như có kẻ dua nịnh, dối trá, ganh tị, không tín, lười biếng, không chánh niệm, không chánh trí, không định, không tuệ, tâm cuồng mê, không giữ các căn, không tu hạnh Sa-môn, không hiểu biết phân biệt, vì tâm của Tôn giả Xá-lợi-phất biết tâm của người đó nên nói pháp này. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, có tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu tuệ, tâm không cuồng mê, giữ gìn các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy nghe Ton giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như kẻ đói muốn được ăn, khát muốn được uống, tức thì được ăn và uống như ý vậy. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, giống như con gái Sát-lợi, hay con gái Phạm chí, cư sĩ, công sư đoan trang xinh đẹp, tắm rửa sạch sẽ, lấy hương thoa khắp thân thể, mặc áo mới và dùng các thứ anh lạc để trang sức dung nhan; giả sử có người nghĩ đến nàng ấy, mong cầu sự thiện lợi, hữu ích, cầu an ổn, khoái lạc cho nàng ấy nên đem tràng hoa sen xanh, hoặc tràng hoa chiêm-bặc5 hoặc tràng hoa tu-ma- na, hoặc tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đề-mâu-đa đến tặng. Người con gái ấy hoan hỷ nhận cả hai tay, dùng trang sức trên đầu. Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất? cũng như thế, nếu có người không dua nịnh, không dối trá, không ganh tị, có tín, tinh tấn, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, tu định, tu

tuệ? tâm không cuồng mê, gìn giữ các căn, tu tập rộng rãi hạnh Sa-môn và phân biệt khéo léo thì người ấy được nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói pháp, giống như người đói muốn được ăn, người khát muốn được uống thì liền được ăn, uống như ý vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất, thật kỳ diệu! Thật hy hữu! Tôn giả Xá-lợi-phất thường cứu vớt các người tu Phạm hạnh, khiến cho xa lìa bất thiện, an trú chỗ thiện. Như thế, cả hai Tôn giả tán thán lẫn nhau, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy và đi. Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và các Tỳ- kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỷ phụng hành.

88. KINH CÀU PHÁP Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa nước Câu-tát-la cùng đại chúng Tỳ-kheo đi đến phía Bắc làng Ngũ-ta-la, trong rừng Thi-nhiếp-hòa với hàng đại đệ tử Trưởng lão Thượng tôn danh đức như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diep5 Ton gia Đại Ca-chien-dien, Ton gia A-na-luat, Ton giả Lệ-việt? Tôn giả A-nan và các đại đệ tử Trưởng lão Thượng tôn danh đức khác ngang hàng như vậy cũng có mặt tại làng Ngũ-ta-la; tát cả đêu ở bên cạnh ngôi nhà lá của Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Các thây nên thực hành sự câu pháp, đừng thực hành sự câu âm thực. Vì sao? Vì Ta thương tưởng các đệ tử, muôn các đệ tử nên thực hành sự câu pháp chứ không thực hành sự cầu ẩm thực. Nếu các thầy thực hành sự cầu ẩm thực, không thực hành sự cầu pháp thì không những các thầy tự xấu xa mà Ta cũng không được danh dự. Nêu các thây thực hành sự câu pháp, chứ không thực hành sự cầu ẩm thực thì không những các thầy đã tự tốt đẹp mà Ta cũng được danh dự. Thế nào là các đệ tử vì cầu ẩm thực mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì câu pháp? Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đô ăn dư; sau đó có hai vị Tỳ-kheo đến, đói khát, sức lực hao mòn, Ta nói với họ rằng: "Sau khi Ta ăn no, bữa ăn đã xong, còn lại đô ăn dư, các thây muôn ăn thì lây mà ăn, nêu các thây không lây thì Ta sẽ mang đô nơi đát sạch, hoặc đô trong nước không có trùng." Trong hai vị ấy, vị Ty-kheo thứ nhất suy nghĩ như vầy: “Dức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn dư, nếu ta không lấy, tất nhiên đức Thế Tôn sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng, vậy ta hãy lấy mà an?9 Vị Tỳ-kheo ấy liền lấy mà ăn, ăn xong, tuy được một ngày một đêm an ổn, khoái lạc, nhimg vị Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư đó nên không vừa ý Phật. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ an đó nên không thể thiểu dục, không thể tri túc, không nhàm chán, không thể sống dễ dãi, không thể thỏa mãn, không thể biết thời, không biết tiết độ, không thể tinh tấn, không thể tĩnh tọa, không thể có tịnh hạnh, không thể sống viễn ly, không được nhất tâm, không được tinh cần, cũng không thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do Tỳ-kheo ấy nhận lấy đồ ăn dư nên đức Phật không vừa ý. Như thê gọi là các đệ tử vì câu âm thực mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì cau pháp.



Thế nào là các đệ tử thực hành sự cầu pháp chứ không thực hành cầu ẩm thực? Trong hai vi ấy, vi Tỳ-kheo thứ hai suy nghĩ như vầy: “Bức Thế Tôn ăn rồi, bữa ăn đã xong, còn lại đồ ăn du, nếu ta không lấy thì đức Thế Tôn tất nhiên sẽ mang đổ nơi đất sạch, hoặc trong nước không có trùng. Nhưng đức Thế Tôn có dạy rằng: 'Điều thấp kém nhất

trong việc ăn uống là ăn đồ ăn dư/ Vậy ta không nên nhận lấy đồ ăn d6." Nghĩ như thế rồi vi ấy không nhận lấy đồ ăn. Tỳ-kheo kia không nhận lấy đồ ăn đó, tuy suốt một ngày một đêm khổ sở, không được an ôn, nhưng vì Tỳ-kheo ây không nhận lây đô ăn đó nên đức Phật vừa lòng. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn dư nên được thiểu dục, được tri túc, được sống dễ dãi, dễ thỏa mãn, biết thời, có tiết độ, có tinh tấn, có thê tĩnh tọa, có tịnh hạnh, có thê sông viên ly, được nhát tâm, được tinh cân và cũng có thể chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, do Tỳ-kheo ấy không nhận lấy đồ ăn này mà được vừa lòng Phật. Như thế gọi là các đệ tử vì cầu pháp mà nương theo Phật tu hành chứ không phải vì cầu ẩm thực. Bay giờ, đức The Ton nói với các đê tử: Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an tru viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vi ây không thích đời sông viên ly thì Pháp, Luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị áy không thích đời sông viên ly thì Pháp, Luật đó không ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải vì mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy cũng thích đời song viễn ly thì Pháp, Luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong câu thiện lợi và hữu ích, mong câu an ôn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích đời sống viễn ly thì Pháp, Luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất cũng hiện diện trong chúng nên đức Thế Tôn bảo Tôn giả: Này Xá-lợi-phât, thây hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Ta bi đau lưng, nay Ta muốn nghỉ một lát! Tôn giả Xá-lợi-phất liền vâng lãnh lời Phật: Kính vâng, bạch Thế Tôn!

88. KINH CÀU PHÁP 511

Rồi đức Thế Tôn gấp tư y Ưu-đa-la-tăng trải lên giường, cuộn y Tăng-già- lê làm gối, nằm nghiêng hông bên phải, hai chân chồng lên nhau, khởi quang minh tưởng, chánh niệm, chánh trí và chuyên niệm về dục khởi tưởng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ- kheo: -Này chư Hiên, nên biêt, đức Thê Tôn vừa nói pháp sơ lược răng nêu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì Pháp, Luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, không phải là mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an tru viễn ly mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy không thích an trú viễn ly thì Pháp, Luật đó không có ích gì cho mọi người, không mang lại an lạc cho mọi người, không phải là vì thương xót thế gian, cũng không phải mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an tru viễn ly và đệ tử hàng trưởng thượng của vị

ấy cũng thích an trú viễn ly thì Pháp, Luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an 8n, khoái lạc cho loài trời, loài người. Nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và bậc hạ của vị ấy cũng thích an trú viễn ly thì Pháp, Luật đó có ích cho mọi người, mang lại an lạc cho mọi người, là vì thương xót thế gian, mong cầu thiện lợi và hữu ích, mong cầu an ổn, khoái lạc cho loài ươi, loài người. Nhưng đức Thế Tôn nói pháp này hết sức tóm tắt, các thầy hiểu nghĩa đó như thế nào và phân biệt rộng rãi như thế nào? Bấy giờ, trong chúng có Ty-kheo nói như thế này:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu các Trưởng lão Thượng tôn tuyên bố rằng: "Ta đã được Trí cứu cánh, biết một cách như thật rằng sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa" và các vị Phạm hạnh nghe vị Tỳ-kheo tự tuyên bố: “Ta đã được Trí cứu c Anh” thì họ rất hoan hỷ. Lại có Tỳ-kheo nói như thế này:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, nếu có đệ tử bậc trung, bậc hạ mong cầu Niết- bàn vô thượng, và các vi Phạm hạnh thấy vị Tỳ-kheo kia đã thực hành theo nên họ được hoan hỷ. Các Tỳ-kheo ấy giải thích ý nghĩa đó như vậy, nhưng không làm hài lòng Tôn giả Xá-lợi-phat. Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo ấy rằng:  Này chư Hiền, hãy lắng nghe, tôi sẽ giải thích cho các Hiền giả!



Này chư Hiền, nếu một bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an tru viễn ly mà hàng đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì người đệ tử hàng trưởng thượng ây có ba điêu đáng chê. Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly mà đệ tử hàng trưởng thượng không học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trưởng thượng không đoạn trừ pháp ấy thì những vi đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng mà đệ tử trưởng thượng lại từ bỏ phương tiện thì những vi đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử trưởng thượng của vị ấy không thích an trú viễn ly thì những người đệ tử ấy có ba điều đáng chê trách đó. Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly mà đệ tử bậc trung và hạ không thích an trú viễn ly thì những đệ tử trung và hạ ấy có ba điều đáng chê. Những gì là ba? Tôn sư thích an tru viễn ly mà đệ tử trung và hạ không học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ mà đệ tử trung và hạ không đoạn trừ những pháp ấy thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Với những điều có thể thủ chứng mà đệ tử trung và hạ lại từ bỏ phương tiện thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng chê. Nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an tru viễn ly mà đệ tử trung và hạ không thích an trú viễn ly thì những đệ tử ấy có ba điều đáng chê đó. Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng của vi ấy cũng thích an tru viễn ly thì đệ tử trưởng thượng ấy có ba điều đáng tán thưởng. Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng cũng học theo hạnh xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy mà đáng được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trưởng thượng đoạn trừ những pháp ấy thì những vị đệ tử trưởng thượng vì vậy mà đáng tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trưởng thượng tinh tấn, cầu học, không bỏ phương tiện thì những VỊ đệ

tử này đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trưởng thượng cũng thích an trú viên ly thì những đệ tử ây có ba điêu đáng tán thưởng đó. Này chư Hiền, nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trung và hạ cũng thích an tru viên ly thì những đệ tử ây có ba điêu đáng tán thưởng. Những gì là ba? Tôn sư thích an trú viễn ly và đệ tử trung và hạ cũng thích đời sống xả ly thì những đệ tử ấy vì vậy được tán thưởng. Nếu Tôn sư dạy những pháp phải đoạn trừ và đệ tử trung và hạ đoạn trừ những pháp ấy thì những đệ tử ấy vì vậy được tán thưởng. Với những điều có thể thủ chứng thì đệ tử trung và hạ tinh tấn, cầu học, không bỏ phương tiện thì những đệ tử này đáng được tán thưởng. Nếu bậc Tôn sư có Pháp, Luật, thích an trú viễn ly và đệ tử trung và hạ cũng thích đời sông xả ly thì những đệ tử ây có ba điêu đáng tán thưởng đó.

88. KINH CẦU PHÁP 513

Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với các thầy Tỳ-kheo: Này chư Hiên, có con đường giữa, nhờ đó có thê được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Này chư Hiền, thế nào là có con đường giữa, có thể được tâm trú, được tinh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Này chư Hiền, niệm tham dục là ác pháp, ghét bỏ niệm tham dục cũng là ác pháp. Người ấy đoạn trừ niệm tham dục và cũng đoạn trừ sự ghét bỏ niệm tham dục. Cũng vậy, sân nhuế, oán hận, cừu thù, bon xẻn, ganh tị, dôi trá, vô tàm, vô quý, mạn, tôi thượng mạn, công cao, phóng dật, hào quý, tăng tránh. Này chư Hiên, tham cũng là pháp ác mà châp trước cũng là pháp ác. Người ấy đoạn trừ tham và cũng đoạn trừ sự chấp trước. Này chư Hiền, đó là có con đường giữa, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Này chư Hiền, lại có con đường giữa khác, có thể được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niêt-bàn. Này chư Hiên, thê nào là có con đường giữa khác, có thê được tâm trú, được tịnh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn? Đó là tám chi Thánh đạo: Chánh kiến đến chánh định, ấy là tám. Này chư Hiền, đó là có con đường giữa khác, có thể được tâm trú, được tinh, được an lạc, thuận pháp, thứ pháp, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Bấy giờ, đức Thế Tôn đã qua cơn đau và được an ổn, từ chỗ nằm trở dậy, ngồi kiết-già, Ngài tán thán Tôn giả Xá-lợi-phất: -Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-phất nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Này Xá-lợi-phât, từ nay vê sau, thây hãy nói pháp như pháp cho các Tỳ- kheo nghe nữa. Này Xá-lợi-phất? thầy nên luôn luôn nói pháp như pháp cho các Tỳ-kheo nghe. Roi đức The Ton noi VƠI các Ty-kneo: Các thầy phải cùng nhau lãnh thọ pháp như pháp, hãy tụng đọc, tu tập và giữ gìn. Vì sao? Vì pháp như pháp này có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, được trí thông, được giác ngộ và chứng đắc Niết-bàn. Các thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì phải khéo léo thọ trì pháp như pháp này. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

89. KINH TỲ-KHEO THỈNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan- da, cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, có Tỳ-kheo thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: “Xin các Tôn giả nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, xin đừng làm khó t6i." Vì sao? Này chư Hiền, như có một người quen nói ngang ngược, quen tánh nói ngang ngược, và do quen tánh nói ngang ngược này, khiến các vị Phạm hạnh không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy. Này chư Hiên, thê nào là tánh nói ngang ngược, mà nêu ai có quen tánh nói ngang ngược thì các vi Phạm hạnh không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy? Này chư Hiền, ở đây, có người ác dục và nhớ nghĩ đến dục. Này chư Hiền, nếu là người có ác dục và nhớ nghĩ đến dục thì đó là có tánh nói ngang ngược. Cũng như thế, bị nhiễm, hành nhiễm, uất hận, dối láo, dua nịnh, xan tham, tật đố, vô tàm, vô quý, sân tệ, ác ý, nói lời phẫn nộ, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, mắng Tỳ-kheo phát lồ, nói lảng ngoài đề để tránh né, che giấu phẫn nộ và ganh ghét, phừng phục, băng hữu ác, đông bọn ác, vong ân, không biêt ân. Này chư Hiên, nếu có người vong ân, không biết ân thì đó là người có tánh nói ngang ngược. Này chư Hiền, đó là những tánh nói ngang ngược. Nêu ai quen tánh nói ngang ngược thì các vị Phạm hạnh không nói, không dạy dỗ, không khiển trách, trái lại làm khó người ấy. Này chư Hiền, Tỳ-kheo hãy tự suy xét. Này chư Hiền: "Nếu ai có ác dục, niệm dục thì tôi không thương người đó và nếu tôi có ác dục, niệm dục thì người ấy cũng chẳng thương t6i.” Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Không hành ác dục, không niệm dục, nên học như vậy. Cũng như thế, ai bị nhiễm, hành nhiễm, phú tàng, uât hận, dôi láo, dua nịnh, xan tham, tật đô, vô tàm, vô quý, sân tệ, ác ý, nói lời phẫn nộ, mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, mang Tỳ-kheo khinh mạn minh, măng Tỳ-kheo phát lô, nói lảng ngoài đê đê tránh né? che giâu phân nộ, ganh ghét, phừng phục, bằng hữu ác, đồng bọn ác, vong ân, không biết ân. Này chư Hiền: "Nếu ai vong ân, không biết ân thì tôi không thương người ấy và nếu tôi vong ân, không biêt ân thì người ây cũng chăng thương t6i." Tỳ-kheo hãy quán sát như vậy. Không thực hành sự vong ân, không biết ân, nên học như vậy.

516 KINH TRƯNG A-HÀM

Này chư Hiền, có Tỳ-kheo không thỉnh cầu các Tỳ-kheo rằng: “Xin các ngài nói với tôi, dạy dỗ tôi, khiển trách tôi, đừng làm khó t6i." Vì sao? Này chư Hiền, hoặc có một người dễ bảo, đầy đủ đức tánh dễ bảo, và do đầy đủ bản tánh dễ bảo nên các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ5 khéo khiển trách và không làm khó người đó. Này chư Hiền, thế nào là bản tánh dễ bảo? Nếu có người đầy đủ đức tánh dễ bảo thì các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ, khéo khiển trách và không làm khó người đó. Này chư Hiền, hoặc có người không ác dục, không niệm dục. Này chư Hiền, nếu có người không ác dục, không niệm dục thì đó là bản tánh dễ bảo. Cũng như thế, không bi nhiễm, không hành nhiễm, không che giấu, uất hận, không dối láo và dua nịnh, không xan tham và tật đố, không vô tàm, vô quý, không sân tệ, ác ý, không nói lời phân nộ, không măng Tỳ-kheo khiên trách mình, không mang lại Tỳ-kheo khinh mạn minh, không mang Tỳ-kheo phát lồ, không nói lảng ngoài đề để tránh né, không che giấu, không phẫn nộ?

không ganh ghét, không phừng phục, không bằng hữu ác, đồng bọn ác, không vong ân, biết ân. Này chư Hiền, nếu ai không vong ân, biết ân thì đó là có bản tánh dễ bảo. Này chư Hiền, đó là những bản tánh dễ bảo. Nếu ai đầy đủ đức tánh dễ bảo thì các vị Phạm hạnh khéo bảo, khéo dạy dỗ, khéo khiển trách và không làm khó người đó. Này chư Hiên, Tỳ-kheo nên tự suy xét. Này chư Hiên: "Nêu có người không ác dục, không niệm dục thì tôi thương người đó và nếu tôi không ác dục, không niệm dục thì người đó cũng thương t6i." Tỳ-kheo nên quán sát như vậy. Không hành ác dục, không niệm dục, nên học như vậy. Cũng như thế, không bị nhiễm và hành nhiễm, không che giấu và uất hận, không dối láo, không dua ninh, không xan tham và tật đố, không vô tàm và vô quý, không sân te, ác ý, không nói lời phẫn nộ, không mắng lại Tỳ-kheo khiển trách mình, không mắng Tỳ-kheo khinh mạn mình, không măng Tỳ-kheo phát 16, không nói lảng ngoài đề để tránh né, không che giấu, không phẫn nộ, không ganh ghét, không phừng phực, không bằng hữu ác? đồng bọn ác, không vong ân, biết ân. Này chư Hiền: 6'Nếu có người không vong ân mà biết ân thì tôi thương người đó và nếu tôi không vong ân và biết ân thì người đó cũng thương t6i." Tỳ-kheo nên quán sát như vậy. Không vong ân mà biết ân, nên học như vậy. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo quán sát như vây: "Ta có ác dục, niệm dục hay không có ác dục, niệm due" thì chắc chắn có nhiều lợi ích. Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình có ác dục, niệm dục thì không thể hân hoan, do đó mong câu đoạn trừ dục. Này chư Hiên, nêu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết mình không có ác dục, niệm dục thì được hân hoan: "Tự ta thanh tịnh, câu học pháp tôn quý cho nên hân hoan." Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Này chư Hiên, nêu người ây thây mặt mình có vét dơ thì không



hân hoan và mong muôn rửa sạch. Này chư Hiên, nêu người ây thây mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: "Mặt ta sạch sẽ nên ta hân hoan." Này chư Hiền, cũng như vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình có ác dục, niệm dục thì không hân hoan và mong câu đoạn trừ dục. Này chư Hiên, nêu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biết được mình không có ác dục, niệm dục thì hân hoan: "Ta tự thanh tinh, cầu học pháp tôn quý nên ta hân hoan.,, Cũng như thế: “Ta bị nhiễm, hành nhiễm, hay không bi nhiễm và hành nhiễm? Ta có che giấu và uất hận hay không có che giấu và uất hận? Ta có dối láo hay không dối láo? Ta có dua nịnh hay không dua nịnh? Ta có tham hay không tham? Ta có tật đố hay không có tật đố? Ta có vô tàm hay không vô tàm? Ta có vô quý hay không vô quý? Ta có sân tệ, ác ý hay không sân tệ, ác ý? Ta có nói lời phẫn nộ hay không nói lời phân nộ? Ta có măng lại Tỳ-kheo khiên trách hay không măng lại Tỳ-kheo khiển trách? Ta có mắng Tỳ-kheo khinh mạn hay không mắng Tỳ-kheo khinh mạn? Ta có mắng Tỳ-kheo phát lồ hay không mắng Tỳ-kheo phát lồ? Ta có nói lảng ngoài đê đê tránh né hay không nói lảng ngoài đê đê tránh né? Ta có che giấu, uất hận, ganh ghét, phừng phực hay không có phú tàng, phẫn nộ? ganh ghét, phừng phục? Ta có băng hữu, đông bọn ác hay không có băng hữu, đồng bọn ác? Ta có vong ân, không biết ân hay không có vong ân9 không biết ân?" Này chư Hiên, nêu khi Tỳ-kheo quán sát mà biêt được mình có vong ân, không biêt ân thì không hân hoan và mong muôn đoạn trừ.

Này chư Hiên, nêu lúc Tỳ-kheo quán sát mà biêt được mình không có vong ân, biêt ân thì được hân hoan: "Ta tự thanh tịnh, cầu' học pháp tôn quý, nên—LA— 1___ _ ta hân hoan.,^ Này chư Hiền, như người có mắt, lấy gương tự soi thì thấy được mặt mình là sạch hay dơ. Này chư Hiền, nếu người ấy thấy mặt mình có vết dơ thì không hân hoan và mong muôn rửa sạch. Này chư Hiên, nêu người ây thây mặt mình không có vết dơ thì được hân hoan: “Mặt ta sạch sẽ nên ta hân hoan." Này chư Hiền, cũng vậy, nếu khi Tỳ-kheo quán sát và biết được mình có vong ân, không biết ân thì không hân hoan và mong muốn đoạn trừ. Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán sát và biết được mình không có vong ân? biết ân thì được hân hoan: "Ta tự thanh tịnh, cầu học pháp tôn quý nên ta hân hoan." Do hân hoan nên được hoan hỷ; nhân hoan hỷ nên thân được an tĩnh; do thân được an tĩnh nên cảm thọ lạc; do được cảm thọ lạc nên được định tâm. Này chư Hiền, đa văn Thánh đệ tử do định tâm nên thấy như thật, biết như thật; do thấy như thật, biết như thật nên được yểm ly; do yểm ly nên được vô dục; do vô dục nên được kiến giải thoát; do giải thoát mà được tri kiến giải thoát, biết một cách như thật răng: “Su sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu đáng làm đã làm xong, không còn tái sanh." Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói như vậy, các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói xong, hoan hỷ phụng hành.

90. KINH TRI PHÁP Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả Châu-na nói với các Tỳ-kheo:  Nếu có Tỳ-kheo nói như thế này: "Tôi biết các pháp, những pháp được biết nhưng không có tham lam." Nhimg trong tâm hiền giả ấy ác tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bỏn xẻn, ganh tị, lừa dối, dua ninh, vô tàm, vô quý, ác dục? ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả ấy ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Các vị đồng Phạm hạnh biết hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm hiền giả ấy tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bản xẻn, ganh tị, lừa dôi, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiên. Vì sao? Vì trong tâm hiên giả kia ác dục, ác kiến đã sanh và tồn tại. Này chư Hiền, như người không giàu mà tự ximg là giàu, cũng không có phong áp mà nói là có phong áp, lại không có gia súc mà nói có gia súc; nêu muốn tiêu dùng thì không có vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, không có gia súc, lúa gạo, cũng không có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ây mà nói răng: "Anh thật sự không giàu mà tự xưng là giàu, cũng không có phong ấp mà nói là có phong ấp, lại không có gia súc mà nói có gia súc; vả lại, khi muốn tiêu dùng thì không có vàng, bạc, trân châu, lim ly, thủy tinh, hổ phách, không có gia súc, lúa gạo và cũng không có nô tỳ." Cũng giống như thế, này chư Hiền, có Tỳ-kheo nói như thế này: “Ta biết các pháp, những pháp được biêt mà không có tham Nhưng trong tâm hiên giả kia tham lam đã sanh và tồn tại. Cũng như vậy, đoi với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh ti, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiên. Nhưng trong tâm hiên giả ây ác dục, ác kiên đã sanh và tôn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy không biết các pháp, những pháp được biết mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm của hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận tham lam, đến Vô dư Niết-bàn. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh tị, lừa dối, dua

ninh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì tâm hiền giả kia không hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, đến VoduNietXan. *

520 KINH TRUNG A-HÀM

Này chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như thế này: "Ta biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam.” Nhưng trong tâm hiền giả kia tham lam không sanh và tôn tại. Cũng như vậy, đôi với tranh tụng, nhuê hận, sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Nhưng trong tâm hiền giả kia ác dục, ác kiến không sanh và tồn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì trong tâm hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và tôn tại. Cũng như vậy, đôi với tranh tụng, nhuê hận, sân triên, phú kêt? bon xẻn, ganh ti, lừa dối, dua ninh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì trong tâm hiên giả kia ác dục, ác kiên không sanh và tôn tại. Này chư Hiền, như người giàu to mà tự nói không giàu, cũng có phong ấp mà nói là không có phong ấp, lại có gia súc mà nói không có gia súc; nếu lúc muốn tiêu dùng thì có sẵn vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, có gia súc, lúa gạo và có nô tỳ. Các bằng hữu quen biết đến nhà người ấy, nói rằng: "Anh thật sự giàu to mà nói là không giàu, cũng có phong ấp mà nói không có phong ấp, lại có gia súc mà nói không có gia súc; nhtrng khi muốn dùng thì có sẵn vàng, bạc, trân châu, lưu ly, thủy tinh, hổ phách, có gia súc, lúa gạo và cũng có nô tỳ” Cũng giống như thế, này chư Hiền, có Tỳ-kheo không nói như thế này: "Ta biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam.,, Nhimg trong tâm hiền giả kia ác tham lam đã không sanh và tồn tại. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bản xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, VÔ tàm, vô quý, ác dục, ác kiên. Nhimg trong tâm hiên giả kia ác dục, ác kiên không sanh và tồn tại. Các vị Phạm hạnh biết hiền giả ấy thật biết các pháp, những pháp được biết đến mà không có tham lam. Vì sao? Vì tâm hiền giả ấy hướng đến chỗ diệt tận tham lam, sân triền, phú kết, bản xẻn, ganh tị, lừa dối, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiên. Vì sao? Vì tâm hiên giả kia hướng đến chỗ diệt tận ác kiến, hướng đến Vô dư Niết-bàn. Tôn giả Châu-na thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả nói xong, hoan hỷ phụng hành.

91. KINH CHÂU-NAVẤN KIẾN _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-xá-di, trong vườn Cù-sư-la. Bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na, vào lúc xế chiều, từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch: Bạch đức Thê Tôn, trong thê giới này, các kiên chập phát sanh và phát sanh, tức là các chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thế gian. Bạch đức Thế Tôn, biết như thế nào, thấy như thế nào để các kiến chấp này được tiêu diệt, được xả ly, và khiến cho các tà kiến khác không tiếp diễn, không thủ trước? LÚC áy, đức The Ton bảo: Này Châu-na, trong thê giới này, các kiên chập phát sanh và phát sanh, tức là các chủ trương có ngã, có chúng sanh, có nhân, có thọ, có mạng, có thế gian. Này Châu-na, nêu muôn các pháp diệt tận, không còn thì phải biêt như vây, thây như vây mới có thê khiên cho các kiên chập này được tiêu diệt, được xả ly, và khiến cho các kiến chấp khác không tiếp diễn, không thủ trước. Đó là nên học pháp tiệm giảm. Này Châu-na, trong

Thánh Pháp, Luật, thế nào là tiệm giảm? Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Vị ấy nghĩ như vầy: “Ta đã thực hành sự tiệm gim." Này Châu-na, trong Thánh Pháp, Luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này. Có bốn tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, hành giả từ đó khởi lên, rồi lại nhập trở lại; vị ấy nghĩ thế này: "Ta thực hành sự tiệm giảm." Này Châu-na, trong Thánh Pháp, Luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này. Tỳ-kheo vượt khỏi mọi sác tưởng, cho đên chứng đăc Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú, vị ấy nghĩ thế này: “Ta thực hành sự tiệm giảm.^, Này Châu-na, trong Thánh Pháp, Luật không phải chỉ có sự tiệm giảm này. Có bốn tịch tĩnh giải thoát, lìa sắc, chứng đắc vô sắc, hành giả từ đó khởi lên và sẽ nói cho người khác biết; vi ấy nghĩ thế này: “Ta thực hành sự tiệm giảm.^, Này Châu-na, trong Thánh Pháp, Luật không chỉ tiệm giảm này. Này Châu- na? "người khác có ác dục, niệm dục, ta không ác dục, niệm dpc” nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na? "người khác có hại ý, sân, ta không có hại ý, sân" nên học sự tiệm giảm. Này Châuna, "người khác cỏ sát sanh, không cho mà lấy,



phi Phạm hạnh, ta không có phi Phạm hạnh" nên học sự tiệm giảm. Này Châu- na, "người khác có tham lam, não hại, thụy miên, quấn chặt, trạo cử, cống cao và có nghi hoặc, ta không có nghi hoac,9 nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na? "người khác có sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tàm, vô quý, ta có tàm, quy” nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na5 "người khác có khinh mạn, ta không có khinh mạn" nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na9 "người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng m,n" nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, "người khác không đa văn, ta có đa vn” nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, "người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện ph"nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, "người khác hành phi pháp, ác hạnh, ta hành đúng pháp, diệu hạnh^ nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, "người khác nói láo, nói hai lưỡi, nói cộc cằn, nói thêu dệt, ác giới, ta không có ác giới" nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, "người khác có bất tín, giải đãi, vô niệm, vô đinh, lại có ác huệ, ta không có ác huê" nên học sự tiệm giảm. Này Châu-na, chỉ cân phát tâm, nghĩ và mong muôn học các thiện pháp mà còn được nhiều lợi ích, huông chi thân và khâu thực hành thiện pháp! Này Châu- na, "người khác có ác dục, niệm dục, ta không có ác dục, niệm dục9\ hây phát tâm. Này Châu-na, "người khác có hại ý, sân, ta không có hại ý, sân", hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác có sát sanh, không cho mà lấy, phi Phạm hạnh, ta không phi Phạm hạnh", hãy phát tâm. Này Châu-na9 “người khác có tham lam, não hại, thụy miên, quấn chặt, frạo cử, cống cao, lại có nghi hoặc, ta không nghi ho^c”, hãy phát tâm. Này Châu-na, “người khác có sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tàm, vô quý, ta có tàm, quy”hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác có khinh mạn, ta không có khinh mạn,\ hãy phát tâm. Này Châu-na, “người khác có tăng thượng mạn, ta không có tăng thượng mạn", hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác không đa văn, ta có đa vn", hãy phát tâm. Này Châu-na, “người khác không quán các thiện pháp, ta quán các thiện pháp", hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác hành phi pháp, ác hạnh, ta hành đúng pháp, diệu hạnh”, hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thêu dệt, ác giới, ta không có ác gi&i", hãy phát tâm. Này Châu-na, "người khác bất tín, giải đãi,

vô niệm, vô đinh lại có ác huệ, ta không có ác huê"hãy phát tâm. Này Châu-na, ví như có con đường xâu và có con đường tót đôi lại; có bên đò xấu và có bến đò tốt đối lại. Cũng vậy, này Châu-na, ác dục có phi ác dục đối lại; hại ý, sân có không hại ý, không sân đối lại; sát sanh, không cho mà lấy, phi Phạm hạnh có Phạm hạnh đối lại; tham lam, não hại, thụy miên, trạo cử, công cao, nghi hoặc có không nghi hoặc đối lại; sân kết, dua nịnh, lừa gạt, vô tàm, vô quý có tàm, quý đối lại; khinh mạn có không khinh mạn đối lại; tăng thượng mạn có không tăng thượng mạn đối lại; không đa văn có đa văn đối lại; không quán các thiện pháp có quán các thiện pháp đối lại; hành phi pháp, ác hạnh có hành đúng pháp, diệu hạnh đối lại; nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thêu dệt, ác giới có thiện giới đối lại; bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ có thiện tuệ đối lại.

91. KINH CHÂU-NAVẤN KIẾN 523

Này Châu-na, hoặc có pháp dèn, có quả báo đen, dẫn đến chỗ ác; hoặc có pháp trăng, có quả báo trăng và được thăng tiên. Cũng như thê, này Châu-na, người có ác dục thì dùng phi ác dục mà đi lên; người có hại ý, sân thì dùng không có hại y, không có sân mà đi lên; người sát sanh, lấy của không cho, phi Phạm hạnh thì dùng Phạm hạnh mà đi lên; người tham lam, não hại, thụy miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc thì dùng không nghi hoặc mà đi lên; người sân nhuế, dua nịnh, lừa gạt, vô tàm, vô quý thì dùng tàm, quý mà đi lên; người khinh mạn thì dùng không khinh mạn mà đi lên; người tăng thượng mạn thì dùng không tăng thượng mạn mà đi lên; người không đa văn thì dùng đa văn mà đi lên; người không quán các thiện pháp thì dùng quán các thiện pháp mà đi lên; người hành phi pháp, ác hạnh thì dùng sự thực hành đúng pháp, diệu hạnh mà đi lên; người nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thêu dệt, ác giới thì dùng thiện giới mà đi lên; người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ thì do thiện tuệ mà đi lên. Này Châu-na, nêu có người không tự điêu phục và người khác cũng không được điều phục mà muốn được điều phục thì sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình chìm đắm và người khác chìm đắm mà muốn vớt lên thì sự kiện ấy không bao giờ có. Tự mình không Bát-niết-bàn và người khác không được Bát-niêt-bàn mà muôn được Bát-niêt-bàn thì sự kiện ây không bao giờ có. Này Châu-na,r nêu cóe người r tư điêu * phục __ được, người khác không 7 , điêu phục được mà muôn điêu phục thì sự kiện ây có xảy ra. Tự mình không chìm đăm, người khác bị chìm đắm mà muốn vớt lên thì sự kiện ấy có xảy ra. Tự mình Bát-niết-bàn, người khác không Bát-niết-bàn mà khiến cho Bát-niết-bàn thì sự kiện ây có xảy ra. Cũng như thê, này Châu-na, người ác dục thì do phi ác dục mà Bát-niết-bàn; người có hại ý, sân thì do không có hại ý, không có sân mà Bát-niết-bàn; người sát sanh, lấy của không cho, phi Phạm hạnh thì do Phạm hạnh mà Bát-niết-bàn; người tham lam, não hại, thụy miên, trạo cử, cống cao, nghi hoặc thì do không nghi hoặc mà Bát-niêt-bàn; người sân két, dua nịnh, lừa gạt, vô tàm, vô quý thì do tàm, quý mà Bát-niêt-bàn; người kiêu mạn thì do không kiêu mạn mà Bát-niêt-bàn; người tăng thượng mạn thì do không tăng thượng mạn mà Bát-niết-bàn; người không đa văn thì do đa văn mà Bát- niết-bàn; người không quán các thiện pháp thì do quán các thiện pháp mà Bát- niết-bàn; người hành phi pháp, ác hạnh thì do hành đúng pháp, diệu hạnh mà Bát-niết-bàn; người nói láo, hai lưỡi, cộc cằn, thêu dệt, ác giới thì do thiện giới mà Bát-niết-bàn; người bất tín, giải đãi, vô niệm, vô định, ác tuệ thì do thiện tuệ mà

Bát-niết-bàn. Này Châu-na, đó là Ta đã nói cho thây nghe vê pháp tiệm giảm, đã nói pháp phát tâm, đã nói pháp đối trị, đã nói pháp tăng thượng, đã nói pháp Bát- niết-bàn. Như bậc Tôn sư đối với đệ tử, khởi tâm đại từ, thương xót, thương tưởng, mong cầu cho đệ tử được phước lợi và thiện ích, mong cầu an ổn, khoái



lạc; Ta đã làm như vậy, các thầy cũng nên tự mình làm, hãy đến nơi rừng vắng, núi sâu, dưới gốc cây, chỗ an tĩnh thanh nhàn, tĩnh tọa tư duy, đừng phóng dật, không ngừng tinh tân, chớ đê ân hận mai sau. Đó là lời khuyên cáo của Ta, lời huấn thi của Ta. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đại Châu-na và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

92. KINH THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Hoặc có pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Hoặc có pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân mà diệt trừ. Hoặc có pháp không do nơi thân và miệng diệt trừ, nhưng do tuệ kiến để diệt trừ. Thế nào là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ? Tỳ-kheo có thân hành bất thiện, sung mãn, thọ trì đầy đủ, dính trước nơi thân. Các thày Tỳ-kheo thấy vậy, khiển trách Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả, than hành bất thiện, sung mãn, thọ trì đầy đủ. Sao lại dính trước nơi thân? Này Hiền giả, nen bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiên." Thời gian sau, vị Tỳ- kheo ấy bỏ thân hành bất thiện, tu tập thân hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi thân mà diệt trừ, không do nơi miệng mà diệt trừ. Thế nào là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do thân mà diệt trừ? Tỳ- kheo có khâu hành bát thiện, sung mãn, thọ trì đây đủ và dính trước nơi miệng. Các thầy Tỳ-kheo thấy vậy, quở trách Tỳ-kheo ấy rằng: “Này Hiền giả, khẩu hành bất thiện, sung mãn, thọ trì đầy đủ. Sao lại dính trước nơi miệng? Này Hiền giả, nên bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiên." Thời gian sau, vị Tỳ-kheo ấy bỏ khẩu hành bất thiện, tu tập khẩu hành thiện. Đó gọi là pháp do nơi miệng mà diệt trừ, không do nơi thân diệt trừ. Thế nào là pháp không do thân, miệng mà diệt trừ nhưng chỉ do tuệ kiến để diệt trừ? Tham lam không do thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Cũng như thê, tranh tụng, nhuê hận, sân triên, phú két, bon xẻn, tật đô, lừa gạt, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiến không do nơi thân, miệng diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Đó gọi là pháp không do nơi thân, miệng mà diệt trừ, chỉ do tuệ kiến mà diệt trừ. Như Lai hoặc có quán sát, quán sát tâm của người khác, biết người này không tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ như vậy. Nếu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt trừ được tham lam. Vì sao? Vì người này đã tâm sanh và trụ nơi ác, tham lam. Cũng như vậy, đôi với tranh tụng, nhuê hận, sân triên, phú két, bon xẻn, tật đô, lừa gạt, dua nịnh, vô tàm, vô quý, ác dục, ác kiên; nêu



người ấy tu tập thì diệt trừ được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này đã tâm sanh và trụ nơi ác dục, ác kiến. Đức Như Lai cũng biết người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ

như vậy. Nêu như người này tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ thì diệt được tham lam. Vì sao? Vì người này tâm không sanh và trụ nơi ác, tham lam. Cũng như vậy, đối với tranh tụng, nhuế hận, sân triền, phú kết, bon xẻn, tật đố, lừa gạt, dua ninh, vô tàm, vô quý, diệt được ác dục, ác kiến. Vì sao? Vì người này tâm không sanh và trụ nơi ác dục, ác kiến. Giông như hoa sen xanh, hông, đỏ, trăng sanh từ trong nước, lớn lên trong nước, vượt lên khỏi mặt nước, không bị dính nước; cũng như thế, Như Lai sanh từ trong thế gian, lớn lên trong thế gian, tu hành vượt trên thế gian, không đắm trước pháp thế gian. Vì sao? Vì đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, vượt khỏi tất cả thế gian. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt đứng hầu Phật, chắp tay hướng về Phật và bạch: Bạch đức Thế Tôn, kinh này tên là gì và thọ trì như thế nào? LÚC áy, đức The Ton bao: Này A-nan, kinh này tên là "Thanh Bạch Liên Hoa Đự\ thầy hãy như vậy mà thọ trì, đọc tụng. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thây hãy cùng nhau thọ trì, đọc tụng, gìn giữ Kinh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này. Vì sao? Vì Kỉnh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này là như pháp, có nghĩa là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí thông, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niêt-bàn. Nêu thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa5 chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì nên khéo thọ trì, khéo tụng đọc Kỉnh Thanh Bạch Liên Hoa Dụ này. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

93. KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật đến uất-bệ-la? bên bờ sông Ni-liên-nhiên, ngồi dưới gốc cây A-da-hòa-la Ni-câu-loại. Lúc ấy, Ngài mới thành đạo. Bấy giờ, sau giờ ngọ, có Thủy Tịnh Phạm chí ung dung đi đến chỗ Phật. Đức Thế Tôn thấy Thủy Tịnh Phạm chí từ xa đi lại, nhân vì có Thủy Tịnh Phạm chí, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bon xẻn, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uê do dua nịnh, tâm uê do vô tàm, tâm uê do vô quý, tâm uê do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nấu có hai mươi mốt thứ ô uế này làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ví như cái áo bị cáu bẩn đem cho nhà thợ giặt, người thợ giặt nhận áo đó, hoặc dùng tro, hoặc dùng chùm kết hay dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch cái áo dơ bẩn đó. Dù người thợ giặt dùng tro, hoặc lấy chùm kết hay dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch, cái áo dơ ây vẫn có màu dơ bân. Cũng như vậy, nếu có hai mươi mốt thứ ô uế làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Những gì là hai mươi mốt thứ ô lie? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế, tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bon xẻn, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do dua nịnh, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi môt thứ ô uê này nơi tâm thì chác chăn phải đi đên ác xứ, sanh trong địa ngục. Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn phải đi đến thiện xứ, sanh lên

cõi trời. Thế nào là hai mươi mốt thứ ô uế? Tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi pháp dục, tâm uế do ác tham, tâm uế do tà pháp, tâm uế do tham, tâm uế do nhuế,



tâm uế do thụy miên, tâm uế do trạo cử hối quá, tâm uế do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bon xẻn, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uê do dua nịnh, tâm uê do vô tàm, tâm uê do vô quý, tâm uê do mạn, tâm uê do đại mạn, tâm uê do ngạo mạn, tâm uê do phóng dật. Nêu có hai mươi mốt ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn được đi đến thiện XÚT, sanh lên cõi trời. Ví như cái áo trắng, sạch của loại vải dệt ở xứ Ba-la-nại đem cho nhà thợ giặt, người thợ giặt nhận áo đó, hoặc dùng tro, hay lấy chùm kết, hoặc dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch cái áo trắng, sạch, loại vải Ba-la-nại này. Người thợ giặt dùng tro, hoặc lây chùm két, hay dùng bột giặt chà xát thật kỹ cho sạch nhưng cái áo trắng, sạch của loại vải Ba-la-nại ấy vốn đã sạch lại càng trắng, sạch thêm. Cũng như vậy, nêu có hai mươi môt thứ ô uê không làm ô uê tâm thì chác chắn được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Những gì là hai mươi mốt thứ ô uế? Đó là tâm uế do tà kiến, tâm uế do phi r pháp dục, tâm uê do ác tham, tâm uê do tà pháp, tâm uê do tham, tâm uê do nhuê, tâm uê do thụy miên, tâm uê do trạo cử hôi quá, tâm uê do nghi hoặc, tâm uế do sân triền, tâm uế do phú kết, tâm uế do bon xẻn, tâm uế do tật đố, tâm uế do lừa gạt, tâm uế do dua nịnh, tâm uế do vô tàm, tâm uế do vô quý, tâm uế do mạn, tâm uế do đại mạn, tâm uế do ngạo mạn, tâm uế do phóng dật. Nếu có hai mươi mốt thứ ô uế này mà không làm ô uế tâm thì chắc chắn được đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Nếu ai biết được tà kiến là ô uế của tâm thì sau khi biết liền đoạn trừ. Cũng như vậy, nêu ai biêt được phi pháp dục là tâm uê, ác tham là tâm uê, tà pháp là tâm uế, tham là tâm uế, nhuế là tâm uế, thụy miên là tâm uế, trạo cử hối quá là tâm uế, sân triền là tâm uế, nghi hoặc là tâm uế, phú kết là tâm uế, bon xẻn là tâm uế, tật đố là tâm uế, lừa gạt là tâm uế, dua nịnh là tâm uế? vô tàm là tâm uê, vô quý là tâm uê, mạn là tâm uê, đại mạn là tâm uê, ngạo mạn là tâm uê? phóng dật là tâm uế thì sau khi biết liền đoạn trừ. Tâm của vi ấy cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú, như vậy cho đến hai phương, ba phương, bôn phương, tứ duy trên dưới, trùm kháp tát cả; cùng đi đôi với lòng từ, không kết, không oán, không giận, không tranh cãi, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an tru. Cũng như vậy, bi, hỷ và tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không giận, không tranh cãi, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an tru. Này Phạm chí, đó là phương pháp gột rửa nội tâm chứ không phải gột rửa ngoại thân. Bấy giờ, Phạm chí nói với Thế Tôn: Thưa Cù-đàm? hãy đến sông Đa Thủy tắm rửa!

## 93. KINH THỦY TỊNH PHẠM CHÍ 529

Đức Thế Tôn hỏi: r r r Này Phạm chí, nêu đên tăm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được những gì? Phạm chí trả lời: Thưa Cù-đàm? sông Đa Thủy ấy là dấu hiệu chay tịnh của thế gian, là dấu hiệu độ thoát, là dấu hiệu phước đức. Nếu ai đến tắm nơi sông Đa Thủy thì sẽ được trừ sạch tất cả ác. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng cho Phạm chí nghe: Diệu Hảo Thủ Phạm chí, Nếu vào sông Đa Thủy, Là trò chơi kẻ ngu, Không thể sạch

nghiệp dữ. Hảo Thủ, đến sông chi? Sông ấy có nghĩa gì, Người tạo nghiệp bất thiện, Nước trong nào ích chi. Người tịnh không cấu uế, Người tịnh thường thuyết giới, Người tịnh nghiệp trắng trong, Thường được hạnh thanh tịnh. Như ông không sát sanh, Cũng không hay trộm cắp, Chân thật, không nói dối, Thường chánh niệm, chánh trí. Phạm chí học như vậy, Tất cả chúng sanh an, Phạm chí về nhà chi, Suối nhà đâu trong sạch. Phạm chí, ông nên học, Dùng thiện pháp tẩy sạch, Cần gì nước bẩn kia? Chỉ trừ dơ thân thể. Phạm chí bạch Phật rằng: Toi cũng nghĩ như vậy, Dùng thiện pháp tẩy sạch, Cần gì nước dơ kia. Phạm chí nghe Phật dạy, Trong lòng rất hoan hỷ5 Tức thì lạy chân Phật, Quy y Phật, Pháp, Tăng. Phạm chí bạch rằng:  Bạch đức Thế Tôn, con đã biết! Bạch Thiện The, con đã hiểu! Con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Hảo Thủ Thủy Tịnh và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

## 94. KINH HẮC TỲ-KHEO A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong Đông Viên, giảng đường Lộc Mau. Bấy giờ, Hắc Tỳ-kheo con bà Lộc Mau thường ưa tranh cãi, đi đến chỗ Phật. Thế Tôn thấy Hắc Tỳ-kheo từ xa di lại, nhân vì có Hắc Tỳ-kheo nên Ngài nói với các Tỳ-kheo:  Hoặc có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người thường ưa tranh cãi, không khen việc đình chỉ tranh cãi thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể làm cho ái niệm, không thể làm cho có sự kính trọng, không thể khiến tư tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn9 không thể khiến được nhất ý, không thể làm cho chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục. Nếu có người ác dục, không khen việc đình chỉ ác dục thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể làm cho ái niệm, không thể khiến kính tTQỉìg, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý? không thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người phạm giới, vượt giới, làm sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới và không khen việc trì giới. Nếu có người phạm giới, vượt giới, làm sứt mẻ giới, làm rách giới, ô uế giới thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người có sân triền, có phú kết, có bon xẻn, tật đố, có dua ninh, dối trá, có vô tàm, vô quỷ, không khen tàm, quý. Nấu có người có sân triền, có phú kết, bon xẻn, tật đô, có dua nịnh, dối trá, có vô tàm, vô quý, không khen tàm, quý thì đo là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể Idiiến nhiếp trì? không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, không khen sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người không giúp đỡ các vi đồng Phạm hạnh, không khen sự giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đó là pháp không thể

ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niet-bàn. Hoặc có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp. Nếu có người không quán các pháp, không khen việc quán các pháp thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể khiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn, không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không tĩnh tọa, không khen tĩnh tọa. Nếu người không tĩnh tọa, không khen tĩnh tọa thì đó là pháp không thể ái lạc, không thể ái hỷ, không thể khiến ái niệm, không thể Idiiến kính trọng, không thể khiến tu tập, không thể khiến nhiếp trì, không thể khiến xứng đáng là Sa-môn9 không thể khiến được nhất ý, không thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Những người như thế, dù nghĩ rằng: "Mong các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái nhimg các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, không cung kính, không lễ bái người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, không cung kính, không lễ bái người ấy. Giống như con ngựa dữ bị nhốt vào trong chuồng, tuy nó nghĩ rằng: "Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và thích ngắm tôf\ nhưng người ta không nhốt nó ở chỗ an ổn, không cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và không thích ngắm nó. Vì sao? Vì con ngựa ấy có sự dữ? nghĩa là vì nó hết sức xâu xí, không hiên lành nên khiên cho người ta không nhót nó ở chô an ôn, không cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và không thích ngắm nó. Cũng như vậy, người này dù nghĩ rằng: "Mong các vi đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta", nhimg các vi đồng Phạm hạnh không cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều ác này. Nhân vì người ấy có vô lượng điều ác này nên khiến cho các vị đồng Phạm hạnh không cúng dường, không cung kính, không lễ bái người ấy. Hoặc có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi. Nếu có người không thích tranh cãi, khen ngợi việc đình chỉ tranh cãi thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, co thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn? có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục. Nếu có người không ác dục, khen ngợi việc đình chỉ ác dục thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn.

94. KINH HẮC TỲ-KHEO  533

Hoặc có người không phạm giới, không vượt giới, không làm sứt mẻ giới, không làm rách giới, không làm ô uế giới và khen ngợi việc trì giới. Nếu có người không phạm giới, không vượt giới, không làm sứt mẻ giới, không làm rách giới, không làm ô uế giới và khen ngợi việc trì giới thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn? có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người không có sân triền, không phú kết, không bon xẻn, không tật đố, không dua nịnh,

không dối trá, không vô tàm, vô quý và khen ngợi tàm, quý. Nếu có người không sân triền, không phú kết, không bon xẻn, không tật đố, không dua nịnh, không dối trá, không vô tàm, vô quý và khen ngợi tàm, quý thì đây là pháp khả lạc, khả ái, Idìả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa- môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh, khen ngợi việc giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh. Nếu có người giúp đỡ các vi đồng Phạm hạnh, khen ngợi việc giúp đỡ các vị đồng Phạm hạnh thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hy, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất ý, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp. Nếu có người quán các pháp, khen ngợi việc quán các pháp thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất y, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. Hoặc có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa. Nếu có người tĩnh tọa, khen ngợi tĩnh tọa thì đây là pháp khả lạc, khả ái, khả hỷ, có thể khiến ái niệm, có thể khiến kính trọng, có thể khiến tu tập, có thể khiến nhiếp trì, có thể khiến xứng đáng là Sa-môn, có thể khiến được nhất y, có thể khiến chứng đắc Niết-bàn. . A e A

Người này tuy không nghĩ răng: "Mong các vị đông Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bai ta", nhưng các vi đồng Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Vì sao? Vì người ấy có vô lượng điều thiện này. Vì người ấy có vô lượng điều lành này, khiến cho các vị đong Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Giống như con ngựa hiền nhốt trong chuồng, tuy nó không nghĩ rằng: "Mong người ta nhốt tôi ở chỗ an ổn, cho đồ ăn9 thức uống tốt tươi và thích ngắm t6i", nhưng Iiệười ta vẫn nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và vẫn thích ngam nó. Vì sao? Vì đó là con ngựa lành, nghĩa là nó rất thuần thục, rất hiền lành nên người ta nhốt nó ở chỗ an ổn, cho đồ ăn, thức uống tốt tươi và thích ngắm nó. Cũng như vậy, người này tuy không nghĩ rằng: “Mong



các vị đồng Phạm hạnh cúng dường, cung kính, lễ bái ta", nhưng các vị đồng Phạm hạnh vẫn cúng dường, cung kính, lễ bái người ấy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

95. KINH TRỤ PHÁP _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta nói vê thôi thiện pháp, không trụ, không tăng. Ta nói vê trụ thiện pháp, không thối, không tăng. Ta nói về tăng thiện pháp, không thối, không trụ. Thế nào là thối thiện pháp, không trụ, không tăng? Vị Tỳ-kheo nếu dốc lòng tín, giữ cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đắc của Thánh giáo; đối với các pháp này, vị ấy thối, không trụ, không tăng. Đó là thối thiện pháp, không trụ, không tăng. Thế nào la trụ thiện pháp, không thối, không tăng? Vi Tỳ-kheo nếu dốc lòng tín, giữ cấm giới, bác văn, bố thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đắc của Thánh giáo; đôi với các pháp này, vị ây

trụ, không thôi, không tăng. Đó gọi là trụ thiện pháp, không thối, không tăng. Thế nào là tăng thiện pháp, không thối, không trụ? Vị Tỳ-kheo dốc lòng tín, giữ câm giới, bác văn, bô thí, trí tuệ, biện tài Thánh giáo và sở đăc của Thánh giáo; đôi với các pháp này, vị ây tăng, không thôi, không trụ. Đó gọi là tăng thiện pháp, không thối, không trụ. Vị Tỳ-kheo chắc chắn được nhiều lợi ích, nếu quán như vầy: "Ta sống với nhiều tham lam hay sống với không nhiều tham lam? Ta sống với nhiều tâm sân nhuê hay sông với không nhiêu tâm sân nhuê? Ta sông với nhiêu thụy miên triền hay sống với không nhiều thụy miên triền? Ta sống với nhiều trạo cử, cống cao hay sống với không nhiều trạo cử, cống cao? Ta sống với nhiều nghi hoặc hay sông với không nhiêu nghi hoặc? Ta sông với nhiêu thân tránh hay sông với không nhiều thân tránh? Ta sống với nhiều ô uế tâm hay sống với không nhiều ô uế tâm? Ta sống với nhiều tín hay sống với nhiều bất tín? Ta sống với nhiều tinh tấn hay sống với nhiều giải đãi? Ta sống với nhiều chánh niệm hay sống với nhiều vô niệm? Ta sống với nhiều chánh đinh hay sống với nhiều vô định? Ta sống với nhiều ác tuệ hay sống với nhiều không ác hue?" Nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình sống với nhiều tham lam, sân nhuế tâm, thụy miên triền, trạo cử, cống cao, nghi hoặc, thân tránh, ô uế tâm, bất tín, giải đãi, vô niệm, vô đinh và sống với nhiều ác tuệ thì vi Tỳ-kheo ấy, vì muốn



/ -e- r e Ạ

diệt trừ các pháp ác, bát thiện này nên gáp rút tìm phương tiện học hỏi, hét sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Như người bị lửa cháy đầu, cháy áo thì gấp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Cũng như thế, vì muốn diệt trừ các pháp ác9 bất thiện này nên vị Tỳ-kheo ấy gáp rút tìm cách học, hét sức tinh cân, chánh niệm, chánh trí, kiên nhân, không để thối lui. Nêu khi Tỳ-kheo quán mà biêt mình sông không nhiêu tham lam, không nhiều sân nhuế tâm, không nhiều thụy miên triền, không nhiều trạo cử cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, không ô uê tâm, có tín, có tân, có niệm, có đinh và sống với nhiều không ác tuệ thì vị Tỳ-kheo ấy, vì muốn an tru nơi thiện : L re e .2 r pháp này, không quên mât? không thôi lui, tu hành phát triên nên gáp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Như người bi lửa cháy đầu, cháy áo thì gấp rút tìm cách cứu dầu, cứu áo. Cũng như vậy, vị Tỳ-kheo vì muốn an trú nơi thiện pháp này, không quên mất, không thối lui, tu hành phát triển nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không đe thoi lui. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

96. KINH VO Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo: Này chư Hiên, nêu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà những pháp chưa được nghe thì không được nghe và pháp đã nghe thì quên mất và nếu có pháp mà vi ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng đọc, tu tập và đã được hiểu bởi tuệ thì vị ấy không nhớ lại và không thấu hiểu; thì này chư Hiền, đó gọi là Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni suy thoái tịnh pháp. Này chư Hiền, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà những pháp chưa nghe thì được nghe, pháp đã

nghe thì không quên mất và nếu có những pháp mà vị ấy trước kia đã tu hành, đã phát triển, đã tụng đọc, tu tập và đã được hiểu bởi tuệ thì vị ấy thường ghi nhớ và thấu hiểu; thì đó gọi là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni tăng trưởng tịnh pháp. Này chư Hiền, Tỳ-kheo phải quán như vầy: "Ta có tham lam hay là không có tham lam? Ta có tâm sân nhuế hay không có tâm sân nhuế? Ta có thụy miên triên hay không có thụy miên triên? Ta có trạo cử, công cao hay không có trạo cử, cống cao? Ta có nghi hoặc hay không có nghi hoặc? Ta có thân tránh hay không có thân tránh? Ta có tâm ô uế hay không có tâm ô uế? Ta có tín hay không có tín? Ta có tấn hay không có tấn? Ta có niệm hay không có niệm? Ta có định hay không có định? Ta có tuệ hay không có tue?" Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà biết mình có tham lam, có tâm sân nhuế, có thụy miên triền, có trạo cử, cống cao, có nghi hoặc, có thân tránh, có tâm ô uế, không tín, không tấn, không niệm, không định, có ác tuệ; thì này chư Hiền, vì muốn diệt trừ các pháp bất thiện này cho nên vi Tỳ-kheo ấy gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Này chư Hiên, như người bị lửa cháy đâu, cháy áo, gáp rút tìm cách cứu đầu, cứu áo. Này chư Hiền, cũng như thế, vị Tỳ-kheo vì muốn diệt trừ các pháp ác, bất thiện này nên gấp rút tìm cách học, hết sức tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Này chư Hiền, nếu khi Tỳ-kheo quán mà không biết mình không có tham lam, không tâm sân nhuế, không thụy miên triền, không trạo cử, cống cao,



không có nghi hoặc, không có thân tránh, không có tâm ô uế, có tín, có tấn, có niệm, có định, không ác huệ; thì Tỳ-kheo ấy, vì muốn an tru nơi pháp thiện này, không quên mát, không thôi lui, tu hành phát triên, nên gáp rút tìm cách học, hét sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Như người bi lửa cháy đâu, cháy áo, gáp rút tìm cách cứu dâu, cứu áo. Này chư Hiên, cũng như thê, Tỳ-kheo muôn an trú nơi pháp thiện này, không quên mát, không thôi lui, tu hành phát triên, nên gáp rút tìm cách học, hét sức tinh tấn, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, không để thối lui. Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả dạy, hoan hỷ phụng hành.

97- KINH ĐẠI NHÂN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vầy: uKỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri vê duyên khởi cũng vô cùng sâu sác! Nhimg ta quán sát thây rát nông cạn, rát nông c@n!" Rồi vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, qua đến chỗ Phật, đảnh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vây: uKỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sác, và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông c@n!" Đức Thế Tôn bảo: -Này A-nan5 thầy chớ nghĩ rằng: 'Tháp duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!” Vì sao? Vì pháp duyên khởi này vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sac. Này A-nan, đôi với pháp duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật,

không giác, không thấu triệt nên khiến chúng sanh dính móc nhau, rối loạn như khung cửi, như cỏ uẩn-man, vội vàng, huyên náo đi từ đời này đen đời kia, từ đời kia đen đời này, qua lại, lại qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. Này A-nan, cho nên phải biết pháp duyên khởi này thật vô cùng sâu sac và sự minh tri vê duyên khởi cũng vô cung sâu sac. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Già và chết có do duyên khong?^ Nên đáp như vầy: "Già chết có do duyên.,, Nếu có người hỏi: "Già chết do duyên gi?" Nên đáp như vầy: "Duyên nơi sanh vay." Này A-nan, nếu có người hỏi: "Sanh có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Sanh cũng có duyên.,^ Nếu có người hỏi: "Sanh do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi hữu vay." Này A-nan, nếu có người hỏi: "Hữu có do duyên kh6ng?" Nên đáp: “Hữu cũng do duyên.Nếu có người hỏi: “Hữu do duyên gi?" Nên đáp: "Do duyên nơi thù vay.” Này A-nan, nếu có người hỏi: "Thít có do duyên kh6ng?" Nên đáp: "Thủ cũng do duyên.99 Nếu có người hỏi: "Thủ do duyên gi?" Nên đáp: “Do duyên nơi ái vay."



Này A-nan, đó là duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn kho, ảo não đều duyên nơi già mà c6, như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, duyên sanh có già chết, ở đây nói duyên sanh có già chết thì nên biết rằng đó gọi là duyên sanh có già chết. Này A-nan, nếu không có sự sanh như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, nẹười và loài người; thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ây; nếu không có sự sanh, mỗi loài, mỗi loài đều không sanh, giả sử tách rời sự sanh, có già chết chăng? Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của già chết, tập của già chết, bản nguyên của già chết, duyên của già chết chính là sanh. Vì sao? Vì duyên sanh nên có già chết. Này A-nan, duyên hữu có sanh. ở đây nói duyên hữu có sanh thì nên biết răng đó gọi là duyên hữu có sanh. Này A-nan, nêu không có sự hữu như cá và loài cả, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rồng và loài rồng, thần và loài thần, quỷ và loài quỷ, trời và loài trời, người và loài người; thì này A-nan, các loai chúng sanh áy tuy theo những cho áy ma không co, moi loai, môi loai đêu không có hữu, giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng? - Bạch Thế Tôn, không! .v • - -Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản nguyên của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh. Này A-nan, duyên thủ có hữu. ở đây nói duyên thủ có hữu thì nên biết rằng đó gọi là duyên thủ có hữu. Này A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài, mỗi loài đều không có thủ, giả sử tách rời thủ thì sẽ có hữu chăng, thi thiết có hữu chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của hữu, tập khởi của hữu, bản nguyên của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu. Này A-nan, duyên ái có thủ. ở đây nói duyên ái có thủ thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có thủ. Này A-nan? nếu không có ái, mỗi loài, mỗi loài đều không có ái, giả sử tách rời ải, sẽ có thủ, thi thiết có thủ chăng? Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản nguyên của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ. Này A-nan, đó là duyên ái có tìm câu, duyên tìm câu có lợi, duyên lợi có phần, duyên phần có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có đắm trước, duyên đắm trước có bon xẻn, duyên bon

xẻn có keo kiệt, duyên keo kiệt có thủ hộ. Này A-nan, duyên thủ hộ có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, hai lưỡi,



khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, nêu không có thủ hộ, tất cả đều không có thủ hộ, giả sử tách rời thủ hộ thì sẽ có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này Anan, nên biết rằng đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản nguyên của chúng và duyên của chúng chính là thủ hộ. Vì sao? Vì duyên thủ hộ nên có đao gậy, đấu tranh, dua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Này A-nan, duyên keo kiệt có thủ hộ. ở đây nói duyên keo kiệt có thủ hộ thì nên biêt răng đó gọi là duyên keo kiệt có thủ hộ. Này A-nan, nêu không có keo kiệt, tất cả đều không có keo kiệt, giả sử tách rời keo kiệt thì có thủ hộ chăng? -Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ hộ, tập khởi của thủ hộ, bản nguyên của thủ hộ, duyên của thủ hộ chính là keo kiệt. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có thủ hộ. Này A-nan, duyên bon xẻn có keo kiệt, ở đây nói duyên bon xẻn có keo kiệt thì nên biêt răng đó gọi là duyên bon xẻn có keo kiệt. Này A-nan, nêu không có bon xẻn, tất cả đều không có bon xẻn, giả sử tách rời bon xẻn thì có keo kiệt chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là bon xẻn. Vì sao? Vì duyên bon xẻn nên có keo kiệt. Này A-nan, duyên đam trước có bon xẻn. ở đây nói duyên đam trước có bon xẻn thì nên biết rằng đó gọi là duyên đam trước có bon xẻn. NàyA-nan? nếu không có đam trước, tất cả đều không có đam trước, giả sử tách rời đam trước thì có bon xẻn chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của bon xẻn, tập khởi của bon xẻn, bản nguyên của bon xẻn, duyên của bon xẻn chính là đam trước. Vì sao? Vì duyên đam trước nên có bon xẻn. Này A-nan, duyên dục có đam trước, ở đây nói duyên dục có đam trước thì nên biêt răng đó gọi là duyên dục có đam trước. Này A-nan, nêu không có dục, tất cả đều không có dục, giả sử tách rời dục thì có đam trước chăng? -Bạch Thế Tôn, không!



Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của đam trước, tập khởi của đam trước, bản nguyên của đam trước, duyên của đam trước chính là dục. Vì sao? Vì duyên dục nên có đam trước. Này Anan, duyên phần có nhiễm dục. ở đây nói duyên phần có nhiễm dục thì nên biết rằng đó gọi là duyên phần có nhiễm dục. Này A-nan, nếu không có phần, tất cả đều không có phan, giả sử tách rời phần thì có nhiễm dục chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nẹuyên của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phần. Vì sao? Vì duyên phân nên có nhiễm dục vậy. Này A-nan, duyên lợi có phân. ơ đây nói duyên lợi có phân thì nên biêt răng đó gọi là duyên lợi có phần. Này A-nan, nếu không có lợi, tất cả đều không có lợi, giả sử tách rời lợi thì có phần chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên,

này A-nan, nên biết rằng nhân của phần, tập khởi của phần, bản nguyên của phần, duyên của phần chính là lợi. Vì sao? Vì duyên lợi nên có phần. Này A-nan, duyên tìm cầu có lợi. ở đây nói duyên tìm cầu có lợi thì nên biết rằng đó là duyên tìm cầu có lợi. Này A-nan, nếu không có tìm cầu, tất cả đều không có tìm cầu, giả sử tách rời tìm cầu thì có lợi chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, nhân của lợi, tập khởi của lợi, bản nguyên của lợi, duyên của lợi chính là tìm cầu. Vì sao? Vì duyên tìm cầu nên có lợi. Này A-nan, duyên ái có tìm cầu. ở đây nói duyên ái có tìm cầu thì nên biêt răng đó gọi là duyên ái có tìm câu. Này A-nan, nêu không có ái, tát cả đêu không có ái, giả sử tách rời ái thì có tìm cầu chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của tìm câu, tập khởi của tìm câu, bản nguyên của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có tìm cầu. Này A-nan, dục ái và hữu ái, hai pháp này nhân thọ, duyên thọ đưa đến. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Thọ có duyên kh6ng?" Nên đáp: "Thọ cũng có duyen?9 Nếu có người hỏi: "Thọ có duyện gi?" Nên đáp: "Duyên xiic." Nên biết rằng duyên xúc có thọ. Này Anan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc, giả sử tách rời nhãn xúc thì có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất 18 bất lạc thọ chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ỷ xúc, giả sử tách rời ý xúc thì sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bát khổ bát lạc thọ chăng?



- Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản nguyên của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy. Này A-nan9 nếu có người hỏi: "Xúc có duyên kh6ng?" Nên đáp: "Xúc có duyên.^ Nếu có người hỏi: '"Xúc có duyên gi?" Nên đáp: "Duyên danh sac/9 Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc. Này A-nan, sở hành, sở duyên có danh thân, ly hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân, ly hành, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! —Giả sử ly danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thi thiết có xúc chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, cho nên biêt răng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản nguyên của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc. NàyA-nan, nếu có người hỏi: "Danh sắc có duyên chàng?" Nên đáp: "Danh sắc có duyên Nếu có người hỏi: "Danh sắc có duyên gì?99 Nên đáp: "Duyên thức." Nên biết rằng duyên thức có danh sắc. Này A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì thành thân này chăng? Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan? nếu thức mới vào thai liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tinh chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, nêu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái bị đoạn hoại, không còn thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên biêt răng nhân của danh sác, tập khởi của danh sắc, bản nguyên của danh sắc, duyên của danh sắc chính là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc. Này A-nan, nếu có người hỏi: "Thức có duyên chng?" Nên đáp: "Thức có duyên.^ Nêu có người hỏi: 'Thức có duyên gi?" Nên đáp: "Duyên danh sắc." Nên biết rằng duyên danh sắc có thức. Này A-nan, nếu thức không có danh sác, nêu thức không an lập, không dựa vào danh săc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết, có khổ chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Cho nên, này A-nan, nên

biết rằng nhân của thức, bản nguyên của thức, tập khởi của thức, duyên của thức chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

544 KINH TRUNG A-HÀM

Này A-nan, đó là duyên danh sắc có thức, duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy. Này A-nan, thê nào là có một loại kiên chấp có ngã? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cúi xin Thế Tôn thuyết pháp, con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Phật dạy: Này A-nan, hãy lang nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt cho thay nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe! Phật dạy: Này A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã. Hoặc lại có kiến chấp không cho răng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả. Này A-nan, nêu có người cho răng thọ là ngã thì nên hỏi người áy răng: "Ông có ba cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; trong ba cảm thọ nay? ông cho thọ nào là ngã ?" Này A-nan, nên nói tiếp với người ấy: Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rang: "Chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan, nêu chỉ có cảm thọ vê khô thọ thì lúc áy hai cảm thọ kia là lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; n^ười ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: "Chẳng phải là ngã diet” chăng? Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất; người ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ, nhưng bất khổ bất lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu bất khổ bất lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: "Chẳng phải là ngã diet" chăng? Này A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc thì còn chấp rằng thọ là ngã chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, vì thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc, cho H H ;M . nên không nên châp răng thọ là ngã.

97. KINH ĐẠI NHÂN 545

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không có thọ thì thọ không thể có, và khônệ thể nói rằng: 'Cái này là sở hữu của t6i.Này A-nan, người ấy còn chấp như vây: "Thẹ) không phải là ngã, nhimg ngã có cảm thọ và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm th" nữa chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, cho nên người ây không nên châp như vây: "Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và tính cách của ngã là khả năng cảm thQ." Này A-nan, nêu lại có một loại kiên châp không cho răng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: "Nếu ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ,

nhimg nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tinh.,, Này A-nan, người kia còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng? Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vầy: "Thọ không phải là ngã, cũng không chấp, ngã có cảm thQ." Người ấy chỉ còn chấp rằng ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã. Này A-nan, thê nào là có loại kiên châp không cho răng có ngã? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cui xin Thế Tôn nói pháp, giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi. Đức Phật bảo: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời, lăng nghe. Phật dạy: Này A-nan, hoặc có người không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã có khả năng cảm thọ, và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy, do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng: "Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Này A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyên thuyêt, do truyên thuyết mà thi thiết là có, biết như vậy thì không còn gì đe chấp thủ.



Này A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai tồn tại, Như Lai không tồn tại, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không tồn tại. Đó gọi là có một loại không chấp có ngã. Này A-nan, thế nào là có một quan niệm hữu ngã được chủ trương? Tôn giả A-nan bạch Phật: Thê Tôn la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do The Ton, cui xin Thế Tôn giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi. Phật dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe. Phật dạy: Này A-naiì, hoặc trong một giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là săc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong một giới hạn sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng với giới hạn vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc không phải trong ệiới hạn sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sác vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong giới hạn vô săc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Này A-nan, nếu có trường hợp căn cứ vào giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với sắc nhỏ hẹp này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy? cũng thây như vậy; nêu khi ngã tách ngoài sác nhỏ hẹp này thì người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế là có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp về ngã bị chấp trước. r r Này A-nan,

nêu có trường hợp không căn cứ vào săc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thay như vậy; nếu khi ngã tách khỏi vô lượng sắc, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng sắc mà kiến chấp về ngã bi chấp trước. Này A-nan, nêu có trường hợp không căn cứ vào sác nhỏ hẹp, cũng không sắc vô lượng nhirng căn cứ vào vô săc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ



. ./X r \ A . A trương thì người áy trong hiện tại, căn cứ vào vô sác nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc nhỏ hẹp mà kiến châp ngã bị chấp trước. Này A-nan, nêu có trường hợp không căn cứ vào săc nhỏ hẹp, cũng không sác vô lượng, cũng không vô sác nhỏ hẹp, nhung căn cứ vào vô săc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô lượng vô sắc, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng vô sắc mà kiến chấp ngã bị chấp trước. Này A-nan, như vậy là có một loại quan niệm ngã được chủ trương. Này A-nan5 thê nào là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: The Ton la góc cua pháp, The Ton la chu cua pháp, pháp do Thê Tôn, cui mong Thế Tôn giảng pháp, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi! Phật dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm kỹ, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này! Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe. Phật dạy: r Này A-nan, hoặc có trường hợp không căn cứ vào sac nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không căn cứ vào sắc vô lượng, cũng không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp và cũng không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ây trong hiện tại không căn cứ vào sac nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sác nhỏ hẹp mà không kiên chấp ngã bị chấp trước. Này Anan, nêu có trường hợp không căn cứ vào săc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng

không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước. Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thây như vậy; nêu khi ngã rời khỏi vô săc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-Iian, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không vô sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bi chấp trước. Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thê, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị châp trước. Này A-nan? đó gọi là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương. Lại nữa, này A-nan, có bảy trú xứ của thức và hai xứ. Thế nào là bảy tru xứ của thức? Chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, các loại tưởng khác nhau, ấy là loài người và loài trời cõi dục; gọi đó là trú xứ thứ nhất của thức. Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tưởng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ; gọi đó là trú xứ thứ hai của thức. Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, nhưng nhiều loại tưởng, ấy là Hoảng Dục thiên; gọi đó là tru xứ thứ ba của thức. Lại nữa, nàỵ Anan, chúng sanh hữu sắc cùng một loại thân, cùng một loại tưởng, ấy là Biên Tịnh thiên; gọi đó là tru xứ thứ tư của thức. Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô săc vượt qua tát cả săc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an tru Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ năm của thức. Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ sáu của thức.

97. KINH ĐẠI NHÂN 549

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên; gọi đó là tru xứ thứ bảy của thức. Thế nào là có hai xứ? Chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên; gọi đó là xứ thứ nhất. Lại nữa, này Anan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ? vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên; gọi đó là xứ thứ hai. Này A-nan, đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân, với các loại tưởng, là loài người và loài trời cõi dục. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biêt tai họa, biêt xuât yêu; thì này A-nan, vi Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ của thức kia,

kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đôi với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sác với các loại thân nhưng một loại tưởng, là Phạm thiên sơ sanh không yểu thọ. Nêu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! - Này A-nan, đối với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiêu loại tưởng, ây là Hoảng Dục thiên. Nêu có Tỳ-kheo biêt như thật tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan9 vi Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi tru xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tưởng, ấy là Biến Tinh thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi tru xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt trừ hữu đối tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Nếu có vi Tỳ-kheo biết như thật tru xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vi ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?



- Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đôi với tru xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sác vượt tát cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ? ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa? biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kê trước và trú nơi tru xứ kia của thức chăng? Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đối với tru xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tưởng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ây là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật tru xứ của thức, biết sự diệt tận, biêt vị ngọt, biêt tai họa, biêt xuât yêu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kế trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, đối với xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tưởng, không có thọ, ấy là Vô tưởng thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biêt sự diệt tận, biêt vi ngọt, biêt tai họa, biêt xuât yêu; thì này A-nan, vi F Ả\ n .M , ỉ 9 Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi xứ kia của thức, kê trước và trú nơi xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! -Này A-nan, đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, ấy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yêu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ây có thê hoan lạc nơi xứ kia của thức, kê trước và trú nơi xứ kia của thức chăng? - Bạch Thế Tôn, không! Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo biêt như thật bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo

A-la-hán, được gọi là tuệ giải thoát. Lại nữa, này A-nan, có tám giải thoát. Những gì là tám? sắc quán sắc, đó là giải thoát thứ nhát. Lại nữa, bên trong không có sác tưởng, ngoài quán sác, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tát cả sác tưởng, diệt trừ hữu đôi tưởng, không tư duy các loại tưởng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an tru Vô lượng không xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an tru Vô lượng thức xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất



cả VÔ SỞ hữu xứ, vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vào Tưởng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, và tuệ quán biết rõ các lậu, đó là giải thoát thứ tám. Này A-nan, nêu có Ty-kheo biêt như thật vê bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát; và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, và cũng do tuệ quán mà diệt tận các lậu thì đó là Ty-kheo A-la-hán được gọi câu giải thoát. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Ty-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

98. KINH NIỆM xứ _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp; đó là bon niệm xứ. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ nam triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vi lai cũng đêu do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế5 làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ. Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Bốn niệm xứ là những gì? Đó là niệm xứ quán thân như thân, quán giác như giác, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp. Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân? Là Tỳ-kheo hễ đi thì biết mình đi; đứng thì biết mình đứng; ngồi thì biết mình ngoi; nam thì biết mình nam; ngủ thì biết mình ngủ; thức thì biết mình thức; ngủ, thức thì biết mình ngủ, thức. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhàm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo biết rõ lúc ra, lúc vào, khéo quán sát và phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngẩng, nghi dung chững chạc, khoác y ngay ngắn, cầm bát chỉnh tê; di, đứng, ngồi, năm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đêu biết rõ ràng. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì biết đúng thế ấy, thâii ngoài

thế nào thì biết đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ- kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ chấm dứt. Như thầy trò thợ mộc kéo



thăng dây mực, búng lên thân cây roi dùng búa bén mà đẽo cho thăng; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bát thiện liền dùng niệm thiện đê đôi trị, đoạn trừ cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đún^ thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhâm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thê nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài, thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngăn thì biêt thở ra ngăn, tập thở vào băng cả toàn thân, tập thở ra băng cả toàn thân, tập thở vào bằng thân hàrúi tĩnh chi, tập thở ra bằng khẩu hành tĩnh chỉ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như người hầu tắm bỏ chùm kết đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế thì nào quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ"kheo quán thân như thân.

r Lại nữa, y Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo 7 • Z có hỷ lạc £ do định sanh thâm nhuần vào thân, phô biên sung mãn, kháp trong thân thê hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không nhơ, tràn đây sung mãn, nước từ bôn phương chảy đên, đô vào một cách tự nhiên, tức thì nước từ đáy suôi tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thâm ướt cả núi, phô biên sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh tham nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do đinh sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phô biên sung mãn, kháp trong thân thê lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hong, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cọng thảy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do [ 9 eA r < 2 < ly hỷ sanh thâm nhuân vào thân, phô biên sung mãn, kháp trong thân thê lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, ý giải biến mãn, thành tựu an trú, ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đâu đên chân, kháp cả thân đêu được phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm quang minh tưởng, khéo thọ trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy, ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, trong điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tu tâm quang minh, tâm không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khéo thọ quán tưởng, khéo nhớ điêu niệm. Như người ngôi quán sát kẻ năm, người năm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo khéo thọ quán tưởng, khéo nhớ điều niệm cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo tùy theo chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân, quán thấy thảy đều đầy dẫy bất tịnh: "Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô min, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mat, mô hôi, nước mũi, nước miêng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: "Dây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau.” Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chô trong thân, tùy theo tánh chát tót xâu, từ đâu đên chân, quán



thấy thảy đầy dẫy bất tinh: "Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phoi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê nào thì

quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân rằng: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn", Tỳ-kheo quán các giới trong thân: "Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức gi&i." Cũng giống như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bi rữa nát hư hoại. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thê nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thay trong nghĩa địa, r hài cót xám xanh, mục nátr gân hét, xương vung vãi kháp đát. Quán roi, vi ây tự so sánh: "Thân ta cũng thê, đêu có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại• nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thây trong nghĩa r 9 < X y 9 địa, da thịt, máu huyêt tiêu hét, chỉ còn xương dính gân. Quán roi tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh Ịdtói." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đâu gói, xương băp vê, xương sông, xương vai, xương cô, xương sọ, môi thứ một nơi. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: "Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh kh6i." Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thê ây, thân ngoài thê nào thì quán đúng thê ây, an lập niệm tại thân, luôn



luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân. Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bê vụn. Quán roi, vi ây tự so sánh: "Thân ta cũng thê, đêu có những trường hợp này, không sao tránh khỏi?9 Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ"kheo quán thân như thân. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân. Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ? Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác

lạc, liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác kho, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục thì biết có cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, cảm giác bên trong thế nào thì quán đúng thế ấy, cảm giác bên ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thọ, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ. Nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lân hôi quán thọ như thọ như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thọ như thọ. Thê nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm? Là Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân không sân, có si không si, có ô uế không ô uế, có hợp có tan, có thấp có cao, có nhỏ có lớn, tu không tu, định không định, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm giải thoát, có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, quán ngoại tâm như tâm, an lập niệm tại tâm, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán tâm như tâm. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.



Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp? Là khì con mát duyên săc sanh nội két, nêu Tỳ-kheo bên trong thật có két thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có két; nội két chưa sanh bây giờ sanh, biêt đúng như thật; nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là ben trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật; nội kết đã sanh và đã # Ị. : được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biêt đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ- kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục; ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật; với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi; nghi chưa sanh nay đã sanh, biết đúng như thật; nghi đã sanh và đã

được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái. Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tân, hỷ, tức, đinh và xả cũng giông như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là có xả giác chi; bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi; xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thây biêt rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán bảy giác chi. Nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lân hôi quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

98. KINH NIỆM xứ  559

Nếu Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni nào lập tâm vững tru bốn niệm xứ trong vòng bảy năm thì người đó nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bon niệm xứ thì trong vòng bảy tháng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất đinh chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư. Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cân  trongA một ngày một r đêm, nêu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào 9

trong từng khoảnh khác lập tâm chánh trụ nơi bôn niệm xứ, nêu buôi sáng thực hành như vậy thì nhất định buổi tối liền được thăng tấn, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

99. KINH KHỔ ẤM (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bấy giờ, các Tỳ-kheo? sau bữa ăn trưa, có chút công việc nên tập trung tại giảng đường. Lúc ây9 một số đông những người di đạo sau bữa cơm trưa, loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng:  Này chư Hiên, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy sự hiên biêt và sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Này chư Hiên, chúng tôi cũng giảng dạy sự hiên biêt và sự đoạn trừ dục,

sự hiêu biêt và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai sự hiểu biết và hai sự đoạn trừ ấy, có những thù thắng nào, có những sai biệt nào? Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người dị đạo ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà di, đồng thời suy nghĩ rằng: "Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi đức Thế Tôn mới biết." Rồi họ đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người di đạo ấy thuật lại với đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Lúc đó, các thầy nên hỏi số đông các người di đạo như vầy: “Này chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yêu của dục? Thê nào là vị ngọt của sác, thê nào là tai họa của săc, thê nào là sự xuất yếu của sắc? Thế nào là vị ngọt của cảm giác, thế nào là tai họa của cảm giác, thế nào là sự xuất yếu của cảm giác?" Này các Tỳ-kheo, nếu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật van lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và tranh cãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy im lặng và rút lui. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên; chỉ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này. Đức Phật lại dạy:  Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là năm đặc tính của dục mà phát sanh lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.



Thế nào là tai họa của dục? Một người con nhà dòng dõi, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh tho, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; người ấy phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Người ấy, bằng những phương tiện như vậy? làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy; nhưng nêu không kiêm được tiên của thì sanh khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm thành si ám, nói răng: "Luông công làm lụng, khô nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả." Trái lại, người đó? bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy đê mong câu như vậy, nêu kiêm được tiên của thì sanh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy? "Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Kẻ đó giữ gìn cát giâu như vậy, nhưng nêu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu, hư hại thì sanh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si ám, cho rằng: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không cím.” Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha con, anh em, chi em, bà con dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chi em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm

chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném dá, hoặc dùng gậy dành, dao chặt. Trong khi giao dấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi . r M dục? duyên nơi dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuẫn đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao dấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi M M dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên; hoặc cầm đao thuẫn đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi



kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuẫn vào x6m, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông hoặc đến ngõ khác, phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Trong đó, hoặc bị người của vua bát được, đem khảo trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quấn vải hỏa thiêu; hoặc lấy cỏ ủ trong cát, buộc lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt; hoặc bỏ vô miệng heo sắt; hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt; hoặc bỏ vô vạc đông; hoặc bỏ vô vạc săt roi nâu; hoặc chặt ra từng khúc; hoặc dùng xoa bén đâm; hoặc lấy móc sắt mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót lên; hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã; hoặc cho rắn rít mổ cắn; hoặc dùng roi quất; hoặc dùng gậy thọc; hoặc dùng gậy đánh; hoặc đem thây bêu nơi nguyên quán; hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong các trường hợp đó? kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khô ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lây dục làm góc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bứt thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Người ấy vì lúc trước thân làm ác? khẩu, ý làm ác nên khi sắp chết, chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng, sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, của khẩu và ý che lấp trước mắt; người ấy nghĩ rằng: uCác ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về; người ấy sanh về cõi nào ta cũng thác sanh về chỗ đó/5 Do đỏ, người ấy sanh hối hận,

rồi do hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Người ấy vì thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là những nỗi khổ ở đời sau, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Như vậy là tai họa của dục. Thê nào là sự xuất yêu của dục? Nêu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt hét dục, vượt qua khỏi dục, như vậy gọi là sự xuất yếu của dục.

564 . KINH TRƯNG A-HÀM

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục huống nữa là đoạn dục cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì có thể tự mình đoạn dục và có thể đoạn dục cho kẻ khác. Thế nào là vi ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-đế-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay côngệ sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mặn mà. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sắc thì rất nhiều. Thê nào là tai họa của sác? Nêu thây nàng ây vê sau trở nên hét sức già yêu, đầu bạc, răng rụng, lưng còm, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất mà sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bi bệnh nằm liệt giường hay lăn lóc trên đất, vì khổ bức thân, chiu khô cùng cực. Ý các thầy nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất sanh ra tai họa chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nêu thây xác nàng ây đã chét từ một hai ngày đên sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các thay nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biển mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nêu thây xác nàng ây ở trong nghĩa địa, hài cót xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mát và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi: Xương chân, xương dùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắnẹ như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hại mục nát. Y các thây nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

99. KINH KHỔ ẤM (A) 565

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Như vậy gọi là tai họa của sắc.

ỉ xuất Thê nào là sự e z ĩsăc? Nêu yêu của  đoạn trừ săc9 xả ly sc, diệt hét sác, vượt qua khỏi sác. Như vậy gọi là sự xuất yêu của sác. Nêu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biêt đúng như thật vi ngọt của sác, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, huông nữa là đoạn sác cho kẻ khác. Nêu Sa-môn, Phạm chí nào biêt đúng như thật vi ngọt của săc9 tai họa của săc, sự xuất yêu của sác thì có thê tự mình đoạn  9  sác và có thê đoạn sác cho kẻ khác. Thế nào là vị ngọt của cảm giác? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, thành tựu và an tru cho đến Thiền thứ tư. Lúc đó, vi ấy không nghĩ đến việc tự hại, cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ây. Như vậy gọi là vị ngọt của cảm giác. Thê nào là tai họa của cảm giác? Cảm giác là pháp vô thường, khô và hoại diệt. Như vậy gọi là tai họa của cảm giác. Thế nào là sự xuất yếu của cảm giác? Nếu đoạn trừ cảm giác, xả ly cảm giác, diệt hết cảm giác, vượt qua cảm giác. Như vậy gọi là sự xuất yếu của cảm giác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai họa của cảm giác, xuất yêu của cảm giác thì không bao giờ có thê tự mình đoạn trừ cảm giác, huống nữa là đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai họa của cảm giác, xuất yếu của cảm giác thì tự mình có thể đoạn trừ cảm giác và còn có thể đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác. Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

100. KINH KHÔ ẤM (B) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật đến Thíchkỳ-sấu, trú tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại. Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam, sau bữa ăn trưa tìm đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy, khiến tâm con được diệt ba uế: Nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế. Bạch đức Thế Tôn, con biêt pháp ây như vậy, nhimg trong tâm con lại sanh nhiêm pháp, nhuê pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như vầy: “Ta có pháp gì không bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sanh pháp nhiễm, pháp nhuế và pháp si?" Đức Thế Tôn bảo: -Này Ma-ha-nam, ông có một pháp không bị diệt trừ, nghĩa là ông sống tại gia, không chí tín, không lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này Ma-ha-nam, nêu ông diệt được pháp đó, ông sẽ không sông tại gia mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Bởi vì ông có một pháp không bị diệt trừ là sổng tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ưịch áo bày vai hữu, chăp tay hướng vê đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe, để tâm con được thanh tịnh, trừ nghi, được đến đạo! Đức Thế Tôn dạy:  Này Ma-ha-nam, có đặc tính của năm dục? đáng yêu, đáng mơ tưởng, hoan hỷ, đi đôi với dục, khiến cho người ta ham thích. Những gì là năm: Đó là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Do đây mà nhà vua và quyến thuộc của nhà vua được an lạc, hoan hỷ. Này Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều. Này Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? Này Ma-ha-nam, một thiện nam tử tùy theo kỹ thuật riêng để tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người

ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, khi gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát, mệt nhọc, bi muỗi mòng châm chích; người ấy



q. , ./ x 9 . 9

phải làm nghê nghiệp như thê đê mong kiêm được tiên của. Này Ma-ha-nam, thiện nam tử ây băng những phương tiện như vậy, làm những công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thần si ám và nói rằng: "Luống công làm lụng, khổ nhọc VÔ ích mà không có két qua.99 Này Ma-ha-nam, thiện nam tử ây, băng những phương tiện như vậy, làm công việc như vậy, mong câu như vậy, nêu kiêm được tiên của, người áy sinh yêu quý, giữ gìn, cát giâu. Vì sao vậy? "Tài vật này của ta, đừng để bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài vô lợi, hoặcr làm việc gì mà không thành tựu.^^ Người áy giữ rgìn, cát giâu như vậy, J . : e # 9

nhưng nêu rủi bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mat mát thì sinh khô sở, lo buôn, râu rĩ, tâm tánh si ám và cho răng: "Vật ta yêu quý nhớ nghĩ sướt đêm ngày, nay đã không còn.,, Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-hanam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ, cha con, anh em, chi em, bà con, dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau; thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư si, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để làm hại nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, đao chặt. Trong khi giao đâu kẻ chét, người sợ hãi, khô sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo, cung tên, hoặc câm đao thuẫn đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, bang ngựa, bang xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên; hoặc cầm đao thuẫn đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đông sôi vào mát. Trong khi giao đâu, kẻ chét, người sợ hãi, khô sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên mang áo giáp, khoác trường bào, câm giáo, cung tên, hoặc câm đao thuẫn vào xóm, vào ấp, vào nước, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Lúc đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân; cát tai, cat mũi, hoặc cat cả tai mũi; hoặc lócr từng miêng thịt; bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhót vàor cũi, quân vải hỏa thiêu; hoặc ủ trong cát, buộc cỏ roi đót; hoặc bỏ vào bụng lừa sát; hoặc bỏ vào miệng heo sát; hoặc đặt vào miệng cọp sát roi đót; hoặc bỏ vào vạc đồng, hoặc bỏ vào vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm; hoặc lây móc sát móc; hoặc bát năm trên giường săt roi lây dâu sôi rót; hoặc băt ngôi trong côi sát roi lây chày sát giã; hoặc cho răn rít mô căn; hoặc dùng roi quát; hoặc dùng gậy thọc; hoặc dùng dùi đánh; hoặc đem thây bêu ở nguyên quán; hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bi bệnh nằm liệt giường, hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn được yêu thích. Người ây vì lúc trước thân làm ác, khâu, ý làm ác, khi săp chét chúng che ngay trước mat, giông như mặt trời sáp lặn, bóng sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, khâu và ý che lâp trước măt, người ây nghĩ răng: "Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che lâp trước mát ta. Trước kia ta không tạo phước nghiệp mà chỉ tạo toàn ác nghiệp. Giả sử có ai chỉ làm việc ác, hung bạo, không tạo phước, không hành thiện, khi sông không biêt lo sợ, gân chét không chô nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thác sanh về chỗ nào thì ta chắc cũng sẽ thác sanh về chỗ d6." Do đó, sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm góc nên thân làm



Ta lại hỏi: “Này các Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm kh6ng?" Các Ni-kiền đáp: "Dạ được, thưa Cu-dam!59 "Thế có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày đêm không?^ Các Ni-kiền đáp: "Dạ được, thưa Cu-dam!59 r # \ r s Ta lại hỏi tiêp: "Này các Ni-kiên, ý các ông thê nào? Ai sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la hay là Ta?” Các Ni-kiền đáp: “Thua Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la không bang?9 Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biêt là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khô hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nên thấy như vậy. Nếu đa văn Thánh đệ tử không thấy đúng như vậy thì họ sẽ bi dục ngăn che, bị ác, bất thiện pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và an tịnh vô thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ do nơi dục mà bi thối chuyển. Này

Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bi dục ngăn che, cũng không bị pháp ác, bất thiện ràng buộc, vì vậy được xả lạc và giải thoát vô thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không do dục mà bi thối chuyển. Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.

101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng. Luôn niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì? Là Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện. Nếu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướĩiệ này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vi Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Cũng như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ- kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm một tướng khác tương ung với thiện, niệm ác? bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chí, chuyên nhát, đăc định. Nêu Tỵ-kheo muôn được tăng thượng tâm, cân phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt roi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện thì vị Tỳ-kheo đó quán rằng: "Suy niệm về ác này có tai họa, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ác, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không được th6ng suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiên." Vị Tỳ-kheo đó quán ác như vậy, niệm bất thiện sanh, liền bi trừ diệt. Nếu ác diệt rồi, liền được an tru, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gOi sạch sẽ, mặc yphqc đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến rất tinh khiết. Nêu lay xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sình chướng, thối rữa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy; người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, vị Tỳ-kheo nào



quán rằng: "Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này bị người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.,, Vị Tỳ-kheo đã quán ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được đinh tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện

đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ung với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa; vi Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, nhưng không muốn nhìn, người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi. Ý các thầy thế nào? Cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được sắc dạng của sắc không? Đáp răng:  Thưa không!  Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm vê niệm này, vì nó khiên sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Nêu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bi trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc được định tĩnh. Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm vê một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vi Tỳ-kheo đó, vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự niệm của mình, khiến không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình thì niệm bát thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chí, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: "Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ, ta hãy đi chậm được chng?" Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghi "Tại sao ta đi chậm? Sao ta chẳng đứng lại?” Người ấy liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: "Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?,, Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?,^ Nguôi ấy liền nằm xuống. Như vậy là người ấy đang thực hành pháp đình chỉ dân dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành

102. KINH NIÊM Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Xưa kia, khi chưa chứng quả Giác ngộ Vô thượng Chánh tận, Ta nghĩ rằng: "Ta hãy chia các suy niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.,, Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác. Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền tiêu diệt nhanh chóng. Nếu sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, sẽ hại minh, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình,

hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền được tiêu diệt nhanh chóng. Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuôi xuân, vì đã trông lúa nên đất thả trâu không được rộng; đứa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng, trâu vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì đứa chăn trâu biết rằng nhân nơi đó mà sẽ bị chửi, bị dành, bị trói, có lỗi vậy. Do đó, đứa chăn trâu cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng vậy, sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục, cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ- kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại; vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm



nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ. Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta liền biết là đang sanh niệm vô dục, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì liền không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi. Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền tu tập nhanh chóng và rộng rãi> Khi Ta sanh ra quá nhiêu tư niệm vê niệm vô dục, quá nhiêu tư niệm vê niệm vô nhuế, vô hại thì Ta lại suy nghĩ như vầy: "Nếu tư niệm quá nhiều thì thân sẽ mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, thường an tru, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh để tâm không bị tổn hại." Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, thường an trú ở nội tâm, tĩnh chi, chuyên nhất, được định tĩnh mà tâm không bị tổn hại. Ta đã sanh khởi niệm vô dục rồi, lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thử pháp; sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bát thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa; khi đó, đứa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: "Trâu ta ở trong bay?9 Vì sao vậy? Vì đứa chăn trâu không thấy rằng nhân nơi đó mà bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi. Do đó, nó nghĩ: "Trâu ta ở trong bầy." Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi, lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp; sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bát thiện. Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm

ham thích trong đó. Nêu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; tư niệm nhiều vê niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nêu Tỳ-kheo tư niệm nhiêu vê niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại; vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên tâm ham thích trong đó. Vi Tỳ-kheo đó, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Vị Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, xả bỏ, vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc tru định, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Vi Tỳ-kheo đó diệt lạc, diệt khổ, diệt iru hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Như vậy là Tỳ-kheo đó đinh tâm, thanh tinh, không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bpyêùơkệpửỡp



động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt;

103. KINH Sư TỬ HỐNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn9 Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng, các thầy hãy chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy. Này các Tỳ-kheo, nếu có người dị đạo đến hỏi các thày: "Này chư Hiền, các ông có hạnh gì, lực gi, trí gì mà các ông nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa- môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn5 Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà các ông chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy?,,, Này các Tỳ-kheo? các thây nên trả lời dị đạo ây như vây: "Này chư Hiên, đức Thế Tôn của tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyêt giảng bôn pháp. Nhân nơi bôn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn9 Phạm chí. Di đạo hoàn toàn khônẹ, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi rống tiêng rống sư tử như vậy/ Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin pháp, tin giới đức cụ túc, ái kính bạn đong đạo, cung cách phụng sự. Này chư Hiền, đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vầy: 'Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn9 Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vay.'" Này các Tỳ-kheo, nêu dị đạo cũng lại nói: "Này chư Hiên, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin giới cụ túc, giới của chúng tôi; cũng ái kính bạn đong đạo, cung cách, phụng sự, là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này chư Hiền, giữa hai lời nói này của Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chăng?^ Này các Tỳ-kheo, các thầy nên hỏi kẻ dị đạo như vầy: "Này chư Hiền, cứu cánh là một hay

cứu cánh là nhiều?,,

582 KINH TRUNG A-HÀM

Này các Tỳ-kheo5 nêu dị đạo trả lời như vây: "Này chư Hiên, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhieu?9 Này các Tỳ-kheo, các thây hỏi tiêp di đạo: "Này chư Hiên, người có dục mà được cứu cánh hay người không có dục mới được cứu cánh?" Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vầy: “Này chư Hiền, người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh." Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp di đạo: “Này chư Hiền, người có nhuế được cứu cánh hay người không có nhuế được cứu cánh?" Này các Tỳ-kheo? nếu dị đạo trả lời như vầy: "Này chư Hiền, người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh.^, Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp di đạo: "Này chư Hiền, người có si được cứu cánh hay người không có si được cứu canh?^ Này các Tỳ-kheo, nêu dị đạo trả lời như vây: “Này chư Hiên, người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu c^nh." Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp di đạo: "Này chư Hiền, người có ái, có thọ được cứu cánh hay người không có ái, không có thọ được cứu cánh?" Này các Tỳ-kheo5 nêu dị đạo trâ lời như vây: “Này chư Hiên, người không có ải, không có thọ được cứu cánh, không phải người có ái, có thọ được cứu canh?9 Này các Tỳ-kheo? các thầy hãy hỏi tiếp kẻ dị đạo: “Này chư Hiền, người có huệ, có thuyết giảng tuệ được cứu cánh hay người không có huệ, không có thuyết giảng tuệ được cứu cSnh?" Này các Tỳ-kheo5 nêu kẻ dị đạo trả lời như vây: "Này chư Hiên, người có huệ, có thuyết giảng tuệ được cứu cánh, không phải người không có huệ, không thuyết giảng tuệ được cứu cánh.” Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp di đạo: "Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh hay người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu canh?^ Này các Tỳ-kheo, nếu di đạo trả lời như vầy: "Này chư Hiền, người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu h." Này các Tỳ-kheo, các thây hãy nói với dị đạo như vây: "Này chư Hiên, như vậy là các thầy nói có một cứu cánh không phải nhiều cứu cánh; người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh; người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh; người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu cánh; người không có ái? không có thọ được cứu cánh, không phải người có ái5 có thọ được cứu cánh; người có huệ, có thuyết giảng được cứu cánh, không phải người không có huệ, không có thuyết giảng được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh.

103. KINH Sư TỬ HỐNG 583

Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vi đó nhất định nương nơi hai kiến: Hữu kiến và vô kiến. Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền đắm trước hữu kiến, nương nơi hữu kiến, y trú nơi hữu kiến mà ganh ghét, tranh chấp với vô kiến. Nếu nương nơi vô kiến, vi đó liền đắm trước vô kiến, nương nơi vô kiến mà ganh ghét, tranh chấp với hữu kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yêu; thì vi đó nhát định có dục, có nhucó si, có

ái, có thọ, không có huệ, không có thuyết giảng huệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, ảo não, không vượt khỏi bờ khổ. Nếu có Sa-môn? Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yêu; thì vị đó nhát đinh không có dục, không có nhuê, không có si, không có ái, không có thọ, có huệ, có thuyết giảng huệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vi đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, khổ não, vượt khỏi bờ khổ. Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ thi hành đoạn trừ dục thọ mà không chủ trương đoạn trừ giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vi Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về ba xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ dục thọ, đoạn trừ tất cả thọ? chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ; nhưng không chủ trương đoạn trừ kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vi ấy tuy đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn5 Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhung không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, mà không chủ trương đoạn trừ ngã thọ. Vì sao vậy? Vi Sa-môn5 Phạm chí đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Đối với Pháp, Luật như vậy, nếu người nào tin đấng Tôn sư thì người đó không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu tin pháp thì cũng không phải là chân chánh, không phải là đệ nhất; nếu tin giới đức Cụ túc thì cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu ái kính bạn đong dạo, cung cách, phụng sự thì cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất. Nếu có đức Như Lai ra đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thọ; ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Bốn thọ này nhân nơi dâu, tập khởi do đâu, phát sanh từ đâu, lấy gì làm gốc? Bốn thọ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc. Nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã tận diệt,

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, có một cư sĩ tên là Thật Ý5 vào buổi sáng sớm, rời thành Vuông Xá, muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường, lễ bái. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật Y nghĩ lẳng: "Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh, ta hây vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học." Thế rồi, cư sĩ Thật Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học. Tại đây, có một dị đạo tên là Vô Nhuế, được tôn làm Tông chủ của dị học, được mọi nẹười kính trọng, quy phục, được năm trăm dị đạo tôn sùng. Giữa một đám đông ôn ào, ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vân đê, như bàn chuyện vê chim, về ngôn ngữ, về vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế tục,

bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biên, bàn chuyện quốc gia. Tát cả những đô đệ cũng lại chào xáo như thê, đêu tập hợp lại chô ngôi của ông. Lúc bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế thấy cư sĩ Thật Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng: Này chư Hiền, các ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng, mỗi người hãy tự giữ mình im lặng. Vì sao vậy? Vì có cư sĩ Thật Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số cư sĩ tại gia ở trong thành Vương Xá này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà danh đức vang dội, được mọi người kính trọng thì ông ấy là người thứ nhất. Ông ấy không ưa sự huyên náo, tự giữ gìn im lặng. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đen thăm. Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặnệ. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thật Ý đi đến chỗ di đạo Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, roi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Thật Ý nói: Này Vô Nhuế, đức Thế Tôn, Thầy tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới góc cây, hoặc sông trên núi cao, những nơi văng lăng không có tiêng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, và tùy thuận mà thiền tọa. Đó là so sánh chỗ đức Thế Tôn với ở đây. Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, tùy thuận mà thiền tọa. Ngài ở nơi



Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói: Này Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc. Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo roi liên được an ôn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa. Này Vô Nhuế, ngay cả hạnh bất liễu khả tang ố mà Tôn sư của ông lấy làm tông chỉ, nếu ông hỏi Ta, Ta cũng sẽ giải đáp cho ông thỏa mãn. Lúc đó, các chúng dị đạo ồn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng: Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người. Lúc bấy giờ, di đạo Vô Nhuế ra lệnh, bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi: Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tang, thế nào là được hoàn toàn? Thế nào là không được hoàn toàn? Bấy giờ, đức Thế Tôn trả lời: Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xóc xỉa bằng đao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối; không tự mình đến, không gởi tin đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý; không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt; không uống rượu, không uống nước giấm, không uống gì cả, học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho bảy miếng là đủ; hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ; hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ; hoặc ngày ăn một lần và cho ăn một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ; hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tê, hoặc ăn cám, hoặc ăn đâu-đâu-la, hoặc ăn đô ăn thô; hoặc đên rừng văng, nương nơi rừng vắng; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn trái tự

rụng xuống; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đâu-xá băng lông, hoặc mặc băng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lô, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện; hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nho tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hổm; hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn Hựu Đại Đức, chắp tay hướng về. So như vậy thì phải chiu vô lượng khổ để học hạnh phiền lao. Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Hạnh bất liễu khả tang ố như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn?



Dị đạo Vô Nhuế đáp: Thưa Cù-đàm? như vậy hạnh bất liễu khả tang là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn. Đức Thế Tôn lại nói: Này Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm. Di đạo Vô Nhuế hỏi: Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm thế nào không? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tưởng dục. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khô hạnh ây mà có ác dục, niệm tưởng dục; thì này Vô Nhuê, hành khô hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khô hạnh một cách tân khô nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khô hạnh ây nên chỉ ngước nhìn ánh mặt trời, háp thụ khí trời; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cau uê. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thi khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh nên đên nhà người mà tự khen răng: "Tôi sông tân khô, cách sống của tôi rất khó khăn.,, Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khô, roi do chuyên hành khô hạnh nên đên nhà người mà tự khen rằng: "Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn,\ thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc có ai hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái,

cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh." Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: "Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh,9; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh nên nêu thây Sa-môn, Phạm chí nào được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: "Sao ông lại được kính trọng, lễ bái, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiễu loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn5 Phạm chí mà hay đên nhà người cũng giông như vậy?5 Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: "Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lê bái? Ong



tân khô, do chuyên hành khô hạnh nên có sân triên, phú két, bon xẻn, ganh tị, dua nịnh, dôi trá, vô tàm, vô quý; thì này Vô Nhuê, hành khô hạnh như vậy là cau uê> Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra



Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, 9 J 9 \ * r

do chuyên hành khô hạnh tân khô nên không sâu, không si, không khủng bô, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sầu, không si, không khủng bô, không lo sợ, không sông lén lút, không nghi ngờ, không sợ mát tiếng, không tham lam, phóng dật; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nen không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn9 Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn9 Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khô hạnh tân khô nên không có sân triên, phú két, bon xẻn5 ganh tị5 dua nịnh, dôi trá, vô tàm, vô quý. Này Vô Nhuê, nêu có ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khô hạnh một cách tân khô

nên không có sân triền, phú kết, bon xẻn, ganh tị, dua nịnh, dối trá, vô tàm, vô quý; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuê, hoặc ai chuyên hành khô hạnh một cách tân khô, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, không có ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thêu dệt, không có ác giới; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cấu uế. Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tang hoàn toàn không bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm, có phải vậy không? Dị đạo Vô Nhuế đáp:  Thưa Cù-đàm? đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tang hoàn toàn không bị cấu uế làm ô nhiễm.

104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA  593

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:  Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tang này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật chưa? Đức Thế Tôn đáp:  Này Vô Nhuế, hạnh bất liễu khả tang này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật nhưng có hai hạnh đạt đến vỏ ngoài và đạt đến vỏ trong. Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tang này chỉ đạt đến vỏ ngoài? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, ở đây, hoặc có Sa-môn? Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối5 không bảo người nói dôi, không đông tình với người nói dôi. Vi đó tu tập bôn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, . < • x ỉ không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn kháp cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trú. Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Phải chăng hạnh bất liễu khả tang như vậy đạt đến vỏ ngoài? Vô Nhuế hỏi:  Thưa Cù-đàm, bất liễu khả tang như vậy đã đạt đến vỏ ngoài. Thưa Cù- dám, còn thê nào là hạnh bát liêu khả tăng này đạt đên vỏ trong? Đức Thế Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vi đó tu tập bốn hạnh đó, ưa thích mà không tiến tới. Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm

ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp: "Tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như



vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như

vậậy,

104. KINH ƯƯ-ĐÀM-BÀ-LA 595

LÚC đó, những dị đạo tronệ hội chúng ôn ào đó liên lớn tiêng la ó: "Búng vậy! Đúng vậy! Vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành Phạm hạnh." Bấy giờ, di đạo Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi: Thưa Cù-đàm, pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì đê chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh? Bây giờ, đức Thê Tôn đáp: - Này Vô Nhuế, nếu đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian; vị đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế5 làm tuệ yếu kém, ly dục, ly phác ác, bất thiệt cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh, không có uế, không phiền não? nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động mà thú hướng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đay là khổ diệt; biết như thật đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật



thiên tọa. Các Như Lai ở nơi xa văng, thường thích thiên tọa, an ôn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyến thuộc của ông hôm nay?" Này Vô Nhuế, ông có bao giờ nghe các vi trưởng lão cựu học nói như vậy không? Dị đạo Vô Nhuế đáp: - Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn? khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyến thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm? tôi có nghe các vi trưởng lão cựu học nói như vậy. -Này Vô Nhuế, ông há không

105. KINH NGUYỆN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: “Bức Thế Tôn thăm hỏi

ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để được giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vang lặng." Bấy giờ, vào lúc xế trưa, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy đi đến đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vi Tỳ-kheo ấy từ xa đi đên, nhân nơi Tỳ-kheo ây? Ngài bảo các vi Tỳ-kheo:  Các thầy hãy mong rằng: "Bức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.” Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta có thân tộc, nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi tròd. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền đinh, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang.' Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: "Các thí chủ cung cáp cho ta y phục, ăn uông, giường chõng, thuôc thang, đủ mọi thứ đê nuôi thân; do nhân duyên này họ sẽ có nhiều công dức, có đại quang minh, được nhiều phước báo. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng ]ặng." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, muỗi ruồi châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời, bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu, bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sông sáp tuyệt, các sự không được vui ta cũng đêu có thê kham nhân. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng/9 Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: “Ta kham nhân được điêu không hoan lạc; nêu sanh tâm không hoan lạc, không bao giờ đê đăm trước. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang?9



Này các Tỳ-kheo5 hãy mong rằng: "Nếu ta sanh khởi ba việc ác, bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; ta không bao giờ để đắm trước với ba niệm ác, bất thiện đó. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền đinh, thành tựu quán hạnh ở nơi an tinh, vắng ]ặng.” Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.^, Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta đã dứt hết ba kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bi rơi xuống pháp ác, quyết định thú hướng đến quả vị Chánh giác, tôi đa còn bảy lân ở cõi trời, cõi người; sau bảy lân qua lại roi liên chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kiết sử làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại ở cõi trời, cõi người; sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang." Này các Tỳ-kheo, hãy mong răng: "Ta đã dứt hét năm hạ phân kiêt sử, sanh vào thế giới kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phế bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lang/9 Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, với như kỳ tượng đinh, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú; do tuệ quán mà đoạn trừ lậu và biến tri lậu. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phê bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, văng

lặng." Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: "Ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu hoặc đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ? thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.9 Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phe bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lāng.^ LÚC bây giờ, vị Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật thuyêt giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng roi lui ra. Vị Tỳ-kheo ây lãnh thọ lời Phật dạy, ân dật nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tu hành tinh cân, tâm không phóng dật. Do ân dật những nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật, để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, là duy chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành



tựu an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Tôn giả áy đã biêt pháp roi, liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

106. KINH TƯỞNG r Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: “Bất tức là ngã, đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của dất.” Vị ấy đã cho đất tức là ngã, vậy là không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vi ấy đối với Tinh thiên có tư tưởng về Tinh thiên: "Tinh thiên tức là ngã, Tinh thiên là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của Tịnh thiên." Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý5 từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến tất cả; vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái tất cả: "Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả/9 Vi ấy đã cho tất cả tức là ngã, vậy là không biết rõ cái tất cả. Nấu có Sa-môn5 Phạm chí đối với đất thì biết đất: "Bất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tinh thiên: "Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thien?5 Vị ấy đã không cho Tinh thiên tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý5 sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này và với cái tất cả; vị ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả: "Cái tất cả không phải là ngã, cái tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã

không phải là cái sở hữu của cái tất c"Vi ấy đã không cho cái tất cả tức là ngã, vậy vị ấy biết rõ cái tất cả. Ta đối với đất thì biết đất: "Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của dất." Ta đã không cho đất tức là ngã, vậy là Ta biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tinh

107. KINH LÂM (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. , , Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hết liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì liền chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.,, Roi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này đe ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở5 nếu không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh vẫn khônẹ được định tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hét vẫn khônệ đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như thức ăn, áo mặc, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vây: "Ta xuất gia, học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uông, giường chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này đe ở5 hoặc không có chánh niệm vẫn không được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh vẫn không được đinh tĩnh, nếu chưa giải thoát vẫn không được giải thoát, các lậu chưa hết vẫn không đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng vẫn không chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khn." Vi Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở, nghĩ rằng: “Ta nương vào khu rừng này để ở9 hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa được định tĩnh liền được định tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đăc Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đắc Niết-bàn. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sông, tất cả đều được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn.,,

606 < KINH TRƯNG A-HÀM

Rồi vị Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở9 hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa đinh tĩnh liền được

107. KINH LÂM (A) 607

Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.” Rồi vi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng

này đê ở, hoặc không có chánh niệm liên được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được đinh tĩnh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa hét liên được đoạn hét, chưa chứng đác Niêt-bàn an ôn vô thượng liên chứng đác Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuôc thang, các vật dụng cho đời sông, tát cả đêu được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vị Ty.kheo ấy nên quán như vầy: "Ta nương vào khu rừng này để ở, hoặc không có chánh niệm liền được chánh niệm, tâm chưa định tĩnh liền được định tinh, nếu chưa giải thoát liền được giải thoát, các lậu chưa dứt liền được đoạn hết, chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng liên chứng đăc Niêt-bàn. Những thứ người học đạo cân như áo chăn, ăn uông, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.59 Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi, phải nương vào khu rừng này đê ở trọn đời cho đên lúc mạng chung. Cũng như các trường hợp nương vào khu rừng để ở; cũng vậy, giữa bãi tha ma, giữa thôn ấp hay sống với người khác. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

108. KINH LÂM (B) Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Tỳ-kheo nương vào khu rừng này đê ở? và nghĩ răng: “Ta nương vào khu rừng này để ở, vì lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 cứu cánh này được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn giường chống, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách dễ dàng không khó khăn/9 Rồi vi Tỳ-kheo ấy nương vào khu rừng này để ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởnẹ xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, nhưng cứu cánh ây không được thành đạt đôi với vi ây. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uốnẹ, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm câu một cách dễ dàng, không khó khăn. Vi Tỳ-kheo ấy nên quán như vầy: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, không phải vì ăn uông, giường chõng, thuôc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời sống. Nhưng ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn, cứu cánh này không được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cầu một cách dễ dàng, không khó khăn.,, Vị Tỳ-kheo ấy đã quán như vậy rồi thì phải từ bỏ khu rừng này để đi nơi khác. Tỳ-kheo nương vào một khu rừng để ở9 và nghĩ rằng: "Ta nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn9 cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo càn như áo chăn, ăn giường chõng, thuốc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách dễ dàng, không khó khan?9 Roi vị Tỳ-kheo ây nương vào khu rừng này đê ở. Sau khi nương vào khu rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa- môn9 và cứu cánh ây được thành đạt đối với vi ây. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn trông, giường chõng, thuôc thang, các vật dụng cho đời sống, tất cả đều được tìm cau một cách rất khó khăn. Vị Tỳ-kheo ấy nên quán như thế này: "Ta xuất gia học đạo không phải vì áo chăn, ăn uống, giường

chõng, thuốc thang, cũng không phải vì các vật dụng cho đời song. Nhưng ta nương vào khu



rừng này để ở với lý tưởng xuất gia học đạo là muốn thành đạt cứu cánh của Sa-môn? cứu cánh ấy được thành đạt đối với ta. Những thứ người học đạo cần như áo chăn, ăn uốnẹ? giường chõng, thuốc thang,

109. KINH Tự QUÁN TÂM (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. . Bay giờ, đức The Ton bao các Tỳ-kheo: Nếu có Tỳ-kheo không thể quán tâm người khác, hãy tư khéo quán sát tâm mình. Nên học như vầy: Thế nào là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm? Tỳ-kheo nếu có quán này chắc chắn được nhiều lợi ích: 'Thải chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng tuệ để quán pháp? Phải chăng ta được tối thượng tuệ để quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chỉ? Phải chăng ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng tuệ quán pháp? Phải chăng ta được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng tuệ quán pháp?” Nấu Tỳ-kheo sau khi quán liền biết rằng: "Ta được nội tâm tĩnh chỉ, chưa được tối thượng tuệ quán ph" Vi Tỳ-kheo ấy được nội tâm tĩnh chỉ rồi, hãy nên mong cầu tối thượng tuệ quán pháp; vị ấy, sau đó được nội tâm tĩnh chỉ, cũng được tối thượng tuệ quán pháp. Nêu Tỳ-kheo sau khi quán liên biêt răng: "Ta được tôi thượng tuệ quán pháp, chưa được nội tâm tĩnh chi." Vi Tỳ-kheo ấy trụ nơi tối thượng tuệ quán pháp rồi, hãy nên mong cầu nội tâm tĩnh chỉ; vị ấy, sau đó được tối thượng tuệ quán pháp và cũng được nội tâm tĩnh chỉ. Nêu Tỳ-kheo sau khi quán liên biêt răng: "Ta chưa được nội tâm tĩnh chỉ, cũng chưa được tối thượng tuệ quán pháp.” Như vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này; vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cân, chánh niệm, chánh trí, kham nhân, đừng đê bi thôi chuyên. Ví như người bị lửa đót cháy đâu, đót cháy áo, phải nhanh chóng tìm câu phương tiện cứu đầu, cứu áo. Cũng vậy, Tỳ-kheo chưa được pháp thiện này, vì muốn được nên phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, đừng để bi thối chuyển; vị ấy, sau đó liền được nội tâm tĩnh chỉ và cũng được tối thượng tuệ quán pháp. Nếu Tỳ-kheo sau khi quán tâm liền biết rằng: "Ta được nội tâm tĩnh chí, cũng được tối thượng tuệ quán pháp.” Vị Tỳ-kheo ấy trú nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vì sao vậy? Ta nói không được cất chứa tất cả y áo, nhimg cũng nói được phép cất chứa tất cả y áo. Loại y áo nào mà Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng



trưởng pháp ác, bất thiện, suy thoái pháp thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào Ta nói được phép cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện thì loại y áo như vậy, Ta nói được phép cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uống, giường chõng, thôn ấp cũng giống như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người, nhimg cũng nói được phép quen thân tất cả mọi người. Loại người nào Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà

tăng trưởng pháp ác, bất thiện, suy thoái pháp thiện thì người như vậy, Ta nói không được quen thân. Loại người nào Ta nói được phép quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện thì người như vậy? Ta nói được phép quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi5 với pháp không nên tập hành thì không tập hành, với pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi, liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ9 khéo xả ly. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

110. KINH Tự QUÁN TÂM (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nếu có Tỳ-kheo không thể khéo quán tâm người khác, hãy tự khéo quán sát tâm mình. Nên học như vầy: Thế nào gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm? Tỳ- kheo nếu có quán này chắc chan được nhiều lợi ích: “Ta thường hành tham lam hay thường hành không tham lam? Ta thường hành tâm sân nhuế hay thường hành tâm không sân nhuê? Ta thường hành thụy miên triên hay thường hành không thụy miên triền? Ta thường hành trạo hối, cống cao hay thường hành không trạo hối, cống cao? Ta thường hành nghi hoặc hay thường hành không nghi hoặc? Ta thường hành thân tránh hay thường hành không thân tránh? Ta thường hành tâm ô uế hay thường hành tâm không ô uế? Ta thường hành tín hay thường hành bất tín? Ta thường hành tinh tấn hay thường hành giải đãi? Ta thường hành suy niệm hay thường hành không suy niệm? Ta thường hành tâm định hay thường hành tâm không định? Ta thường hành ác tuệ hay thường hành không ác hue?" Nếu Tỳ-kheo khi quán, liền biết: "Ta thường hành tham lam, tâm sân nhuế, thụy miên triên? trạo hôi, công cao, nghi hoặc, thân tránh, tâm ô uê, bát tín, giải đãi, không suy niệm, không tâm đinh, thường hành ác hue.” Nếu vi Tỳ-kheo ấy muôn diệt trừ pháp ác, bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm câu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bi thối chuyển. Ví như bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo, nhanh chóng tìm cầu phương tiện cứu đầu, cứu áo; cũng vậy, Tỳ-kheo muôn diệt trừ pháp ác, bát thiện này thì phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kham nhẫn, đừng để bị thối chuyển. Nếu Tỳ-kheo khi quán, liền biết: "Ta thường hành không tham lam, tâm không sân nhuế, không thụy miên triền, không trạo hối, cống cao, không nghi hoặc, không thân tránh, tâm không ô uê5 có tín, tinh tân, suy niệm, định, thường hành không ác huệ.^, Nếu vị Tỳ-kheo ấy tru nơi pháp thiện này rồi, hãy nên mong cầu tự thân chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vì sao vậy? Ta nói không được cat chứa tát cả y áo nhưng cũng nói được cát chứa tát cả y áo. Loại y áo nào Ta nói không được cất chứa? Nếu cất chứa y áo mà tâm tăng trưởng pháp ác, bất



thiện, suy thoái pháp thiện; y áo như vậy, Ta nói không được cất chứa. Loại y áo nào Ta nói được cát chứa? Nêu cát chứa y áo mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái ác pháp,

bất thiện; y áo như vậy, Ta nói được cất chứa. Cũng như y áo, về ăn uông, giường chõng, thôn áp cũng giông như vậy. Ta nói không được quen thân tất cả mọi người nhưng cũng nói được quen thân tất cả mọi người. Người thế nào mà Ta nói không được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng ác pháp, bất thiện, suy thoái pháp thiện; người như vậy, Ta nói không được quen thân. Người thế nào mà Ta nói được quen thân? Nếu quen thân người mà tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện; người như vậy, Ta nói được quen thân. Vị ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, cũng biết đúng như thật pháp không nên tập hành. Vi ấy biết đúng như thật pháp nên tập hành, pháp không nên tập hành rồi, pháp không nên tập hành thì không tập hành, pháp nên tập hành liền tập hành. Vị ấy không tập hành pháp không nên tập hành, tập hành pháp nên tập hành rồi liền tăng trưởng pháp thiện, suy thoái pháp ác, bất thiện. Như vậy gọi là Tỳ-kheo khéo tự quán tâm, khéo tự biết tâm, khéo thủ hộ, khéo xả ly. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

111. KINH ĐẠT PHẠM HẠNH Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bây giơ, đức Thê Ton noi với các Tỳ-kheo:  Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe, vi diệu ở khởi dầu, vi diệu ở khoảng giữa và vi diệu ở đoạn cuối, có văn, có nghĩa, cụ túc, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận các lậu. Các thày hãy lắng nghe, hãy khéo suy niệm! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: - Các thầy hãy biết lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết sự hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo. Các thầy hãy biết thọ, biết nhân sanh ra thọ, biết sự hữu báo của thọ, biết sự thắng liệt của thọ, biết sự diệt tận của thọ, biết thọ diệt đạo. Các thầy hãy biết tưởng, biết nhân sanh ra tưởng, biết sự hữu báo của tưởng, biết sự thắng liệt của tưởng, biết sự diệt tận của tưởng, biết tưởng diệt dạo. Các thầy hãy biết dục, biết nhân sanh ra dục, biết hữu báo của dục, biết sự thắng liệt của dục. biết sự diệt tận của dục, biết dục diệt đạo. Các thày hãy biết nghiệp, biết nhân sanh ra nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết thắng liệt của nghiệp, biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo. Các thầy hãy biết khổ, biết nhân sanh ra khổ, biết sự hữu báo của khổ, biết sự thắng liệt của khổ, biết sự diệt tận của khổ, biết khổ diệt đạo. Thế nào là biết lậu? Là biết có ba lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu; đó là biết lậu. Thế nào là biết nhân sanh ra lậu? Là biết từ vô minh, nhân vô minh do đó có lậu; đó là biết nhân sanh ra lậu. Thế nào là biết hữu báo của lậu? Là biết bi vô minh trói buộc, bị các lậu rỉ tham, do nhân duyên đó lãnh thọ quả báo hoặc đến chỗ lành hay đến chỗ ác; đó là biết hữu báo của lậu. Thế nào là biết sự thắng liệt của lậu? Là biết có lậu khiến sanh vào địa ngục, có lậu khiến sanh vào súc sanh, có lậu khiến sanh vào nga ạuỷ, có lậu khiến sanh vào cõi trời hoặc có lậu sanh vào cõi người; đó là biết thắng liệt của lậu. Thế nào là biết sự diệt tận của lậu? Là biết vô minh diệt thì lậu liền diệt; đó là biết sự diệt tận của lậu. Thế nào la biết lậu diệt đạo? Là biết tấm chi Thánh dạo, từ chánh kiến đến chánh định;

đó là biết lậu diệt đạo. Nếu Tỳ-kheo biết lậu, biết nhân sanh ra lậu, biết hữu báo của lậu, biết sự thắng liệt của lậu, biết sự diệt tận của lậu, biết lậu diệt đạo như vậy; đó gọi là đạt Phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả lậu. Thế nào là biết thọ? Là biết có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ và cảm thọ không khổ không lạc; đó là biết thọ. Thế nào là biết nhân sanh ra thọ? Là biết từ xúc, do xúc nên có thọ; đó là biết nhân sanh ra ứio. Thế nào là biết hữu báo của thọ? Là biết ái, ái là hữu báo của thọ; đó là biết hữu báo của thọ. Thế nào là biết sự thắng liệt của thọ? Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm thọ lạc liền biết đang thọ nhận cảm thọ lạc, khi thọ nhận cảm thọ khổ liền biết đang thọ nhận cảm thọ khổ, kh

112. KINH A-NÔ-BA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Bạt-kỳ-sấu, ở đô ấp A-nô-ba Bạt-kỳ. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tịnh thất và nói: Này A-nan, Ta và thầy hãy đi đến sông A-di-la-hòa-đế để tắm. Tôn giả A-nan nói: -Kính vâng. Khi ấy, đức Thế Tôn cùng Tôn giả A-nan đi đến sông A-di-la-hòa-đế, cởi bỏ y phục trên bờ sông roi xuông nước tăm; tăm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ, Tôn giả A-nan cầm quạt hầu Phật. Khi ấy, đức Thế Tôn quay lại và dạy: Này A-nan, Đề-bà-đạt-đa vì phóng dật nên bị đọa lạc rất cực khổ, chắc f r y r • r 9 chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn một kiêp, không thê cứu vớt. A-nan, thầy có nghe các Tỳ-kheo nói lại rằng Ta đã ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy frọn kiếp, không thể cứu vớt chăng? Tôn giả A-nan thưa: Quả vậy. Lúc bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo hỏi con rằng: “Này Tôn giả A-nan, phải chăng đức Thế Tôn dùng tha tâm trí biết rõ tâm Đề-bà-đạt-đa nên Ngài ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà~đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt?,, Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, Tỳ-kheo ây hoặc còn nhỏ, trung niên hay đã lớn tuôi, kẻ niên thiếu không hiểu biết. Vì sao vậy? Vì Như Lai đã ghi nhận nhất quyết, nhưng thầy ấy vẫn còn nghi hoặc. A-nan, Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bát cứ ai khác ở trên đời này từ người đên trời như Ta, ghi nhận nhất quyết về Đề-bà-đạt-đa. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một sợi lông, Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt- đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiêp, không thê cứu vớt. A-nan, vì Ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tịnh bằng một



sợi lông nên Ta ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiêp, không thê cứu vớt. Này A-nan? ví như cách thôn nọ không xa, có một hầm phẩn sâu rộng, có người bị lọt vào dấy, chìm xuống tận đáy. Có người đi đến trông thấy, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được sự lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc. Người ấy nhìn quanh rồi nói: "Người này có chỗ nào dù chỉ bằng một sợi lông, cọng tóc mà không bị dính phẩn để ta có thể nắm kéo lên chống?” Người ấy nhìn khắp thân thể nhưng không thấy có chỗ nào bằng một sợi lông, một cọng tóc mà không bị dính phẩn để có thể dùng tay nắm kéo lên được. Cũng vậy, này

A-nan, nếu Ta thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp bạch tịnh bằng sợi lông thì Ta đã không ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà-đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. A-nan, VÌ Ta không thây Đê-bà-đạt-đa có được chút pháp bạch tinh băng một sợi lông nên Ta ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. Khi ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc, lấy tay gạt lệ, rồi thưa: Kính bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Thật là hy hữu! Thế Tôn đã ghi nhận nhát quyêt răng Đê-bà-đạt-đa chác chăn đên chô ác, sanh vào địa ngục, ở đây trọn kiếp, không thể cứu vớt. Đức Thế Tôn dạy: -Đúng vậy, A-nan. Đúng vậy, A-nan. Ta ghi nhận nhất quyết rằng Đề-bà- đạt-đa chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục, ở đấy trọn kiếp, không thể cứu vớt. NàyA-nan, nếu thầy được nghe từ Như Lai phân biệt Đại nhân căn trí, chắc chắn sẽ có tín tâm tối thượng nơi Như Lai mà luôn luôn hoan hỷ. Khi ấy, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về Phật và bạch: -Bạch đức Thế Tôn, nay quả là đúng lúc! Bạch đức Thiện Thệ, nay quả là đúng lúc! Ngưỡng mong Thế Tôn thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Các Tỳ-kheo được Thế Tôn thuyết giảng cho nghe sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, nay Ta sẽ thuyết giảng cho thầy nghe về phân biệt Đại nhân căn trí. Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Thế Tôn dạy: -Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ thiện căn đó lại sẽ phát sanh pháp thiện. Như



nhưng thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như hạt lúa giống không hư, không vỡ? không mục, không nứt, không bị gió, nắng làm thương tổn, vào mùa thu được cát giâu cân thận. Nêu người cư sĩ kia giỏi sửa sang ruộng tót roi vãi hạt giống vào, nhưng mưa xuống không phải thời, thì này A-nan, ý thầy thế nào? Hạt giống này có dần dần lớn lên được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp thiện, cũng thành tựu pháp bất thiện. Sau đó, Như Lai lại dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện. Người này đã diệt pháp thiện, sanh pháp bất thiện nhưng thiện căn còn sót chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh dù chỉ bằng sợi lông. Người này một mực chỉ có pháp ác, bất thiện, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nguyên nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, ví như hạt giống hư, vỡ5 mục nát, bị gió nắng làm thương tổn, vào mùa thu không được cat giâu cân thận. Nêu người cư sĩ ây không phải là nông phu giỏi, lại không khéo canh tác, gieo hạt giống

xuống và mưa không phải thời, thì này A-nan, ý thây thê nào? Hạt giông lúa có dân dân lớn lên được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, thưa không! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có được chút pháp bạch tịnh dù bang một sợi lông. Người này có pháp ác, bất thiện hoàn toàn đầy dẫy, ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là nguyên nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, người này khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Khi ây, Tôn giả A-nan chăp tay hướng Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã thuyết giảng về ba hạng người như vậy. Như Lai có thể giảng thuyết về ba hạng người khác nữa được chăng? Đức Thế Tôn dạy: Ta có thể nói. Này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau



đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn này sẽ lại phát sanh pháp bất thiện. Như vậy, người này đi đến pháp suy thoái. Này A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đẩy cỏ khô thêm roi chát củi khô lên. Này A-nan, ý thây thê nào? Ngọn lửa kia càng bóc cháy mạnh lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã được diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt. Từ bất thiện căn đó sẽ lại phát sanh pháp bát thiện. Như vậy, người này đi đên pháp suy thoái. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu biết chân chánh về gốc rễ của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biết người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhimg bát thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chác chăn roi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy, người này đạt đến pháp thanh tịnh. A-nan, ví như đốt lửa, khi mới đốt chỉ có một ngọn, có người đem cây lửa đang cháy sáng này để trên đất bằng, hoặc để trên đá. Này A-nan, ý thây thê nào? Ngọn lửa càng bóc cháy mạnh lên chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể vậy! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, biết người này thành tựu pháp bất thiện, cũng thành tựu pháp thiện. Sau đó, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát lại tâm người này, biêt người này diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện. Người này đã diệt pháp bất thiện, sanh pháp thiện nhưng bất thiện căn còn sót lại chưa đoạn tuyệt, chắc chắn rồi sẽ đoạn tuyệt. Như vậy là người này đạt được pháp thanh tịnh. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiêu biêt chân chánh vê góc rê của các pháp như vậy. Lại nữa, này A-nan? Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm

người khác, Ta không thây người này có chút hăc nghiệp dù băng một sợi lông. Người này tuyệt đoi chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này



9 r chác chăn chứng đác Niêt-bàn. Này A-nan, ví như tro lửa tát từ lâu, đã nguội lạnh, có người thêm đầy cỏ kho, rồi chất củi khô lên. Này A-nan, ý thầy thế nào? Tro nguội lạnh đó có thể bốc cháy lại được chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch Thế Tôn, không thể được! Cũng vậy, này A-nan, Như Lai dùng tha tâm trí quán sát tâm người khác, Ta không thấy người này có chút hắc nghiệp nào dù bằng một sợi lông. Người này tuyệt đối chỉ có pháp thiện hoàn toàn, cùng với lạc, được lạc báo, chắc chắn sanh vào lạc xứ và được trường thọ. Như vậy, người này ngay trong đời này chắc chắn chứng đắc Niết-bàn. Này A-nan, đó gọi là Đại nhân căn trí của Như Lai. Như Lai hiểu

## 113. KINH CHƯ PHÁP BỔN

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Nếu có dị đạo đến hỏi các thầy: “Tất cả các pháp lấy gì làm g6c?”

Các thày nên trả lời với họ như thế này:

“Tất cả các pháp lấy dục làm g6c.”

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm hòa hiệp?"

Nên đáp như vầy:

"Lấy xúc làm hòa hiep."

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm dẫn kh&i?”

Nên đáp như vầy:

“Lấy thọ làm dẫn khởi."

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm hữu?”

Nên đáp như vầy:

“Lấy tư tưởng làm hữu."

Nếu họ lại hỏi:

“Lấy gì làm thượng chủ?,^

Nên đáp như vây:

“Lấy niệm làm thượng chủ.,,

Nếu họ lại hỏi:

"Lấy gì làm tiền dạo?"

Nên đáp như vầy:

“Lấy định làm tiền dạo.”
Nếu họ lại hỏi:
"Lấy gì làm tối thượng?,,
626 KINH TRƯNG A-HÀM

Nên đáp như vầy: “Lấy tuệ làm tối thượng.,, Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm chắc that?" Nên đáp như vây: "Lấy giải thoát làm chắc that." Nếu họ lại hỏi: “Lấy gì làm cứu cánh?“ Nên đáp như vầy: “ Lấy Niết-bàn làm cứu cánh." Này các Tỳ-kheo, dục là gốc của các pháp, xúc là hòa hiệp của các pháp, thọ là dẫn khởi của các pháp, tư tưởng là hữu của các pháp, niệm là thượng chủ của các pháp, định là tiền đạo của các pháp, tuệ là tối thượng của các pháp, giải thoát là chác thật của các pháp và Niêt-bàn là cứu cánh của các pháp. Tỳ-kheo hãy nên học tập như vậy. Xuất gia học đạo, tâm nên tập suy tưởng về sự vô thường, tập suy tưởng về vô thường nên khổ, tập suy tưởng về khổ nên vô ngã, tập suy tưởng về sự bất tịnh, tập suy tưởng về thực phẩm xấu xa, tập suy tưởng tất cả thế gian không có gì hoan lạc, tập suy tưởng về sự chết để biết thế gian tốt xấu. Tập tâm tưởng như vậy, để biết sự hữu tập thế gian; tập tâm tưởng như vậy để biết đúng như thật về sự tập khởi,

114. KINH ƯU-ĐÃ-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ưu-đà-la-la-ma-tử ở trong hội chúng thường nói như vầy: "Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhQt." Ưu-đà-la-la-ma-tử không biết tất cả mà tự xưng là biêt tát cả, thật không có cảm thọ mà tư xưng là có cảm thọ. Ưu-đà-la-la-ma-tử thây như vây, nói như vây: "Nêu có tư tưởng thì đó là bệnh, là ung nhọt, là gai; còn như không có tư tưởng thì đó là kẻ ngu si. Nếu có cảm thọ nào thì đó là tĩnh chỉ, là tối diệu, tức là cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ." Ông ấy sau khi ái lạc tự thân, chấp thủ tự thân, đắm trước tự thân, liền tu tập cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi trời Phi hữu tưởng phi vô tưởng. Sau khi chấm dứt tuổi thọ ở đó? ông ấy lại đến nhân gian, sanh vào loài chồn. ở đây, Tỳ-kheo nói chân chánh có thể nói như vầy: "Ta ở trong sanh loại này, quán sát nó, cảm thọ nó mà không biết cội gốc của ung nhọt, sau đó mới biêt hoàn toàn cội góc của ung nhọt?5 Thế nào là Tỳ-kheo quán sát chân chánh? Là Tỳ-kheo biết sáu xúc xứ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vị ngọt, biết tai họa và biết sự xuất yếu của chúng, dùng tuệ mà biêt một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán sát chân chánh. Thế nào là Tỳ-kheo biết cảm thọ? Là Tỳ-kheo biết ba cảm thọ, biết sự tập khởi, biết sự đoạn diệt, biết vi ngọt, biết tai họa và biết sự xuất yếu của chúng, dùng tuệ mà biết một cách như thật. Như vậy gọi là Tỳ-kheo biết cảm thọ. Thê nào là Tỳ-kheo không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biêt hoàn toàn cội gốc của ung nhọt? Là Tỳ-kheo biết hữu ái đã diệt, đã nhổ sạch gốc rễ của Ĩ16, khiên không thê sanh lại. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không biêt cội góc của ung nhọt, sau đó mới biết hoàn toàn cội gốc của ung nhọt. Ung nhọt chính là thân này, là sắc thân bốn đại thô phù do cha mẹ sanh ra, được lớn lên nhờ ăn uống, được bao bọc bởi y phục, được chăm sóc bằng tắm rửa, là pháp vô thường, là pháp hủy hoại, là pháp

tan rã. Như vậy gọi là ung



nhọt.

115. KINH MẬT HOÀN DỤ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Thích-kỳ-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ. Bấy giờ, sau khi đêm tối đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, Ngài cất y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đến tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ngài đi đên dưới một góc cây trong rừng Đại Lâm, trải ni-sư-đàn và ngôi kiêt-già. Khi ây, Châp Trượng Thích chông gậy mà đi, sau bữa cơm trưa, ung dung tìm đến chỗ Phật, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước đức Phật, rồi hỏi đức The Ton: Sa-môn Cíi-dàm, Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gì? Đức Thế Tôn đáp: Này người họ Thích, nếu tất cả chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời trên thế gian này đều không đấu tranh, tu tập ly dục, Phạm hạnh thanh tịnh, lìa bỏ dua nịnh quanh co, dứt trừ frạo hối, không đắm trước hữu và phi hữu, cũng không có tưởng; đó là tông chỉ của Ta. Pháp Ta thuyết giảng cũng như vậy. Khi ấy, Chấp Trượng Thích nghe đức Phật Ĩ16Ì, không cho là phải, không cho là trái. Chấp Trượng Thích lắc đầu rồi bỏ đi. Bấy giờ, sau khi Chấp Trượng Thích bỏ đi không lâu, vào lúc xế trưa, đức Thê Tôn từ chô thiên tọa đứng dậy đi vào giảng đường, đên trước hội chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ và ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo: Hôm nay, vào buổi sáng sớm, Ta đắp y, ôm bát vào Ca-duy-la-vệ khất # r Ị. A f thực. Sau khi ăn xong, Ta cat y bát, rửa tay chân, lây ni-sư-đàn văt lên vai, đên tinh xá của họ Thích-ca trong rừng trúc, rồi Ta đi vào Đại Lâm ấy, đến dưới một gốc cây, trải ni-sư-đàn rồi ngồi kiết-già. Khi ấy, có Chấp Trượng Thích chống gậy mà đi, sau bữa cơm trưa ung dung tìm đến chỗ Ta, cùng nhau chào hỏi, chống gậy đứng trước mặt Ta rồi hỏi Ta rằng: "Sa-môn Cù-đàm? Ngài lấy gì làm tông chỉ và thuyết giảng những pháp gi?" Ta đáp: "Này người họ Thích, nếu tất cả Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn9 Phạm chí, từ . r z r , người đên trời trên thê gian này đêu không đâu tranh, tu tập ly dục, Phạm hạnh



Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tang tật, siểm ninh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác đều dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khổ. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Duyên ý và pháp phát sanh ý thức. Ba thứ này cùng sự tụ hội liên có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có suy niệm. Có suy niệm thì có phân biệt. Tỳ-kheo do suy niệm như vậy nên xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vi lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiến sử, đấu tranh, tang tật, siểm ninh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bát thiện khác đêu dứt tận; đó gọi là dứt tận sự khô. Này chư Hiền, loại trừ con mắt, loại trừ sắc,

loại trừ nhãn thức mà có xúc, . . 5 2 -r e : mà giả thiêt có xúc thì điêu này không thê có. Nêu không giả thiêt xúc mà có cảm thọ, giả thiết có cảm thọ thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết cảm thọ mà có giả thiết suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Loại trừ ý9 loại trừ pháp, loại trừ ý thức mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này không thể có. Nếu không giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này không thể có. Này chư Hiền, do con mắt, do sắc, do nhãn mà có xúc, giả thiết có xúc thì điều này có thật. Do giả thiết xúc mà có thọ, giả thiết có thọ thì điều này có thật. Do giả thiết thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Do ý, do pháp, do ý thức mà có xúc, chủ trương có xúc thì điều này có thật. Do chủ trương xúc mà có cảm thọ, giả thiêt có cảm thọ thì điêu này có thật. Do giả thiết có cảm thọ mà giả thiết có suy niệm, rồi xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng thì điều này có thật. Này chư Hiền, đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh thất tĩnh tọa. Tỳ-kheo, nếu người do suy niệm mà xuất gia học đạo, tu tập tư tưởng, đối trước pháp hiện tại, quá khứ và vị lai không ái, không lạc, không đắm trước, không trụ; đó gọi là dứt tận sự khô. Dục sử, nhuê sử, hữu sử, mạn sử, vô minh sử, kiên SÍT, đâu tranh tang tật, siểm nịnh, lừa bịp, nói dối, nói hai lưỡi và vô lượng pháp ác, bất thiện khác cũng đoạn trừ; đó gọi là dứt tận sự khổ. Đức Thế Tôn nói nghĩa này một cách vắn tắt, không phân biệt rộng rãi. Tôi đã diễn rộng câu ấy, văn ấy như vậy. Này chư Hiền, chư Hiền có thể đi đến chỗ Phật, tường trình lại đầy đủ. Nếu đúng như nghĩa mà đức Thế Tôn muốn nói thì chư Hiền hãy nhận lãnh và ghi nhớ.

## 115. KINH MẬT HOÀN DỤ 633

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe những gì Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo ghi nhớ5 tụng đọc, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên- diên ba vòng, và đi đên chô Phật, cúi đâu đảnh lê, ngôi xuông một bên và bạch: -Bạch The Ton, vừa roi The Ton noi nghĩa nay mọt cách văn tát, không phân biệt rộng rãi, roi từ chô ngôi đứng dậy đi vào tịnh that nghỉ ngơi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã đem những câu này, văn này mà diễn rộng ra. Đức Thế Tôn nghe xong, khen rằng: Lành thay, lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có vị là bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì khi Tôn sư nói nghĩa này cho đệ tử một cách van tắt, không phân biệt rộng rãi mà vị đệ tử kia đã diễn rộng ra những câu ấy, văn ấy. Đúng như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy nên nhận lãnh rồi ghi nhớ như vậy. Vì sao? Vì nói và quán nghĩa phải như vậy. Này các Tỳ"kheo9 ví như có người nhờ đi đến chỗ rừng vắng, trong rừng sâu, giữa những cây cối, bỗng nhiên gặp được bánh mật, vị ấy ăn, thưởng thức vị ngọt; thiện nam tử cũng giống như vậy, ở trong Pháp, Luật chân chánh này của Ta, tùy theo những gì được quán sát, vị ấy thưởng thức được vị ngọt của nó; quán sát con mắt, thưởng thức được vị ngọt; quán sát tai, mũi, lưỡi, thân, quán sát ý? thưởng thức được vị ngọt. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đang cầm quạt hầu Thế Tôn. Tôn giả A-nan liền chắp tay hướng về Phật và bạch: r Bạch Thê Tôn, pháp này tên gọi là gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào? Đức Thế Tôn dạy: Này A-nan, pháp này tên gọi là Mật Hoàn Dụ. Thầy hãy

nên nhận lãnh và ghinày

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Thích-cơ-sấu, tại Ca-duy-la-vệ? vườn Ni-câu-loại cùng với đại chúng Tỳ-kheo cùng thọ hạ an cư. Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, roi ngôi qua một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả Sa-môn thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng? Đức Thế Tôn dạy: - Thôi, thôi, Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học dạo." Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo c-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị Phật ngăn cản, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Bấy giờ, các Tỳ-kheo khâu vá y của đức Phật. Đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nghe tin các Tỳ-kheo khâu vá y của đức Phật. Đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu không bao lâu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong và đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát, sửa soạn du hành nhân gian. Sau khi nghe tin, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có the ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng? Đức Thế Tôn lại nói:  Thôi, thôi, Cù-đàm-di, người chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình mà học dạo.” Cù-đàm-di9 như vậy mà người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo cà-sa, nguyện suốt đời tinh tu Phạm hạnh.

636  KINH TRƯNG A-HÀM

Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị Phật ngăn cản lần thứ hai, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu, sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong, đã khâu vá y roi, Ngài khoác y, ôm bát du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nghe tin đức Thế Tôn ở Thích-cơ-sấu sau khi trải qua ba tháng thọ hạ an cư xong, đã khâu vá y rồi, Ngài khoác y, ôm bát mà du hành nhân gian. Cù-đàm-di Đại Ai Đạo liên cùng các lão mâu Xá-di đi theo sau Phật, tiến dần đến Na-ma-đề? trú tại tinh xá Na-ma-đề-kiền-ni. Khi ấy, Cu- đàm-di Đại Ái Đạo lại đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có the ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng? Đức Thế Tôn nói lại lần thứ ba:  Thôi, thôi, Cíbdàm-di, người chớ nên nghĩ rằng: “Nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học d@0." Cù-đàm-di, như vậy mà người đã tự cạo bỏ tóc, khoác áo cà-sa, nguyện suốt đời tịnh tu Phạm hạnh. Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo bị đức Thế Tôn ngăn cản lần thứ ba, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lúc bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, vô cùng

mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buồn rầu khóc lóc. Tôn giả A-nan trông thấy Cù-đàm-di Đại Ái Đạo chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, VÔ cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buôn râu khóc lóc, liên hỏi: Cù-đàm-di9 lý do gì chân tay lấm bùn, thân thể dính đầy bụi bặm, vô cùng mệt mỏi, đứng ngoài cửa, buôn râu khóc lóc như vậy? Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đáp: Thưa Tôn giả A-nan, nữ nhân không được ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Tôn giả A-nan nói: Cù-đàm-di , hãy đứng dậy, để tôi đi đến đức Phật thưa việc này cho!

Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đáp: Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan! Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, chắp tay hướng về Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, nữ nhân có thể đắc quả thứ tư được chăng? Do nhân duyên này, nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo được chăng?

116. KINH CÙ-ĐÀM-DI 637

Đức Thế Tôn dạy: -Thôi, thôi, này A-nan, thầy chớ nên nghĩ rằng: "Nữ nhân có thể ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học dQO." A-nan, nêu cho nữ nhân được ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì Phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. A-nan, ví như gia đình có nhiều người nữ, ít người nam thì gia đình này có được hưng thạnh lên không? Bạch Thế Tôn, không the!

Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì Phạm hạnh sẽ không được tồn tại lâu dài. A-nan, ví như trong ruộng lúa tẻ, ruộng lúa tẻ có sanh uê tạp thì ruộng lúa kia chác chăn bị hư hại. Cũng vậy, này A-nan, nếu cho nữ nhân được ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình mà học đạo thì Phạm hạnh này sẽ không được tồn tại lâu dài. Tôn-giả A-nan lại bạch: Bạch Thế Tôn, Cù-đàm-di Đại Ai Đạo đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích. Vì sao? Vì sau khi thân mẫu Thế Tôn mất, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đã bảo dưỡng đức The Tôn. Đức Thế Tôn dạy: Đúng vậy, A-nan! Đúng vậy, A-nan! Cù-đàm-di Đại Ái Đạo đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi mẫu thân Ta mất. Nhưng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nhiều lợi ích. Vì sao? Này A-nan, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo nhờ Ta mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo-tăng, không nghi ngờ Tam bảo và khổ tập diệt đạo, thành tựu tín tâm, phụng trì giới câm, tu học, bác văn, thành tựu hạnh bô thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy, xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm, xa lìa nghiệp nói dối, đoạn trừ nghiệp nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ ng- hiệp uông rượu. Này A-nan, nêu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo-tăng, không nghi ngờ Tam bảo và khô tập diệt đạo, thành tựu tín tâm, giữ gìn giới cấm, tu học, bác văn, thành tựu bố thí, được trí tuệ, xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, xa lìa nghiệp không cho mà lấy, đoạn trừ nghiệp không cho mà lấy, xa lìa nghiệp tà dâm, đoạn trừ nghiệp tà dâm, xa lìa nghiệp nói (tói, đoạn trừ nghiệp nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu; thì này A-nan, giả như người này

cúng dường cho người kia y phục, ăn uống, tọa cụ thuốc thang, các vật dụng cho cuộc sống cho đến trọn đời, chẳng lẽ nào lại không được đền ơn? Này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám kỉnh pháp, nữ nhân không được phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, ví như người đánh



cá và những đệ tử của người đánh cá đắp đập ở khoảng nước sâu để giữ nước, không cho chảy ra ngoài; cũng vậy, này A-nan, nay Ta vì nữ nhân mà tuyên bố tám kỉnh pháp, nữ nhân không được phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Tám pháp đó là những gì? Này A-nan? Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ giới Cụ túc nơi Tỳ-kheo. Này A-nan? Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ nhất, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, Tỳ-kheo-ni cứ môi nửa tháng phải đên thọ giáo nơi Tỳ-kheo. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ hai, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ ba, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan5 Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư phải đối trước hai bộ chúng, thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự: Thấy, nghe và nghi. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ tư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo- ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Nếu cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ năm, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, Tỳ-kheo-ni không được nói điều trái phạm của Tỳ-kheo, nhưng Tỳ-kheo được quyền nói điều trùi phạm của Tỳ-kheo-ni. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ sáu, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, Tỳ-kheo-ni nếu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đối trước hai bộ chúng hành bất mạn trong vòng mười lăm ngày. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ bảy, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối với Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, cung kính, chắp tay thưa hỏi. Này A-nan? Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ tám, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, Ta đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kỉnh pháp này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Này A-nan, nếu Cù- đàm-di Đại Ái Đạo phụng trì tám kỉnh pháp này thì được ở trong Pháp, Luật chân chánh này mà xuất gia học dạo, được thọ giới Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni.

## 116. KINH CÙ-ĐÀM-DI 639

Khi ấy, Tôn giả A-nan nghe đức Phật dạy, khéo nhận lãnh và ghi nhớ, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ Cù-đàm-di Đại Ái Đạo và nói: Cù-đàm-di, nữ nhân đã được phép ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám

kỉnh pháp, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời tám kỉnh pháp này. Tám kỉnh pháp đó là gì? Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni phải cầu thọ Cụ túc giới nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ nhất, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni cứ mỗi nửa tháng phải đến thọ giới nơi Tỳ-kheo. Cù-đàm-di? đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ hai, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, nếu nơi trụ xứ không có Tỳ-kheo thì Tỳ-kheo-ni không được thọ hạ an cư. Cù-đàm-di? đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ ba, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni sau khi thọ hạ an cư xong phải đối trước hai bộ chúng, thỉnh cầu chỉ rõ về ba sự: Thấy, nghe và nghi. Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ tư, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, nếu Tỳ-kheo không cho phép Tỳ-kheo-ni thưa hỏi thì Tỳ-kheo- ni không được thưa hỏi Tỳ-kheo về Kinh, Luật hay A-tỳ-đàm. Nếu Tỳ-kheo cho phép hỏi thì Tỳ-kheo-ni mới được thưa hỏi về Kinh, Luật hoặc A-tỳ-đàm. Cù- đàm-di5 đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ năm, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni A _ được nói không . điêu trái phạm : của Tỳ-kheo, r nhưng Tỳ-kheo được quyên nói điêu trái phạm của Tỳ-kheo-ni. Cù-đàm-di? đức Thê Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ sáu, nữ nhân không được trái r phạm, nữ nhân phải phụng trì suôt đời. Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni nêu phạm Tăng-già-bà-thi-sa thì phải đôi trước hai bộ chúng hành bát mạn trong vòng mười lăm ngày. Cù-đàm-di9 đức Thê Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ bảy, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni dù đã thọ giới Cụ túc lâu đến một trăm năm, nhưng đối trước Tỳ-kheo mới thọ giới Cụ túc vẫn phải khiêm cung, cúi đầu làm lễ, r e : r__ cung kính, chăp tay thưa hỏi. Cù-đàm-di, đức Thê Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố kỉnh pháp thứ tám, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì r suôt đời.



Cù-đàm-di, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kỉnh pháp này, nữ nhân không được trái phạm, nữ nhân phải phụng trì suốt đời. Cù-đàm-di9 đức Thế Tôn dạy như vầy: "Nếu Cù-đàm-di Đại Ái Đạo phụng trì tám kỉnh pháp này thì được ở trong Pháp, Luật chân chánh này xuất gia học đạo, được thọ giới Cụ túc, làm Ty-kheo-ni." Khi ấy, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo thưa: Thưa Tôn giả A-nan, cho phép tôi nói ví dụ này. Người trí tuệ nghe ví dụ liền hiểu rõ nghĩa lý. Thưa Tôn giả A-nan, giả sử có thiếu nữ Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đoan chánh đẹp đẽ, tắm gội sạch sẽ, lấy hương xoa khắp thân, mặc y phục mới, dung mạo trang sức bằng đủ thứ anh lạc, nếu có người nghĩ tưởng đến thiếu nữ ấy, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn5 khoái lạc liền đem tràng hoa sen xanh, tràng hoa chiêm-bặc, tràng hoa tu-ma-na, tràng hoa bà-sư, hoặc tràng hoa a-đê-mưu-đa trao tặng thiêu nữ ây. Thiếu nữ ấy vui mừng, hai tay nhận lãnh, đem cài lên đầu mình; cũng vậy, thưa Tôn giả A-nan, đức Thế Tôn đã vì nữ nhân mà tuyên bố tám kỉnh pháp này, tôi c l. nguyện suôt đời nhận lãnh và phụng trì. Bấy giờ, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo ở trong Pháp, Luật chân chánh xuất gia học đạo,

được thọ Cụ túc, làm Tỳ-kheo-ni. Vê sau, Cù-đàm-di Đại Ai Đạo trở thành Đại Tỳ-kheo-ni, cùng với các Trưởng lão Thượng tôn Tỳ-kheo-ni là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu, cùng đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cúi đầu làm lễ rồi đứng một bên thưa: Thưa Tôn giảA-nan, nên biết, các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn này là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành Phạm hạnh đã lâu. Còn e 2. r .: các Tỳ-kheo kia nhỏ tuôi, mới học đạo, xuất gia sau, vào nơi Pháp, Luật chân chánh này chưa được bao lâu. Mong rằng các Tỳ-kheo ấy đối với các Tỳ-kheo- ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đau làm lễ, cung kính chắp tay thưa hỏi. Khi ấy, Tôn giả A-nan nói: Cù-đàm-di, hãy đứng dậy, để tôi đi đến đức Phật thưa hỏi việc này! Cù-đàm-di Đại Ai Đạo thưa: -Kính vâng, thưa Tôn giả A-nan! Rồi Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi đứng y một bên chăp tay hướng vê Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay Cù-đàm-di Đại Ái Đạo cùng các Tỳ-kheo-ni Trưởng lão Thượng tôn là những vị danh tiếng trong hàng vương giả, tu hành



bao lâu. Mong răng các Tỳ-kheo ây đôi với Tỳ-kheo-ni nên tùy theo lớn nhỏ mà cúi đầu làm lễ, cung kính chắp tay thưa h6i." Đức Thế Tôn nói: Thôi, thôi, này A-nan, hãy gìn giữ lời nói này, hãy thận trọng, chớ có nói điều đó! Này A-nan, như thầy đã biết và như Ta đã biết thì một lời cũng không nên nói, huống nữa là đã nói như vậy. Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong Pháp, Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo thì các Phạm chí, cư sĩ sẽ lấy áo trải lên đất và nói rằng: "Thua Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, an ổn, khoái lạc lâu dài!" Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong Pháp, Luật chân chánh, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì các Phạm chí, cư sĩ sẽ đem đầu tóc mình trải lên đất và nói rằng: "Thua Sa-môn tinh tấn, ngài có thể đi lên trên này. Thưa Sa-môn tinh tấn, ngài đã làm việc khó làm khiến cho chúng tôi được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc lâu dài!" Này A-nan, nếu nữ nhân không được ở trong Pháp, Luật chân chánh này, chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình mà học đạo thì các Phạm chí, cư sĩ nếu trông thấy Sa-môn, hai tay sẽ bưng các thức ăn ra



không thê có. Nhưng có năm việc nam nhân làm được. Nêu nói răng nam nhân được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, hoặc Chuyển Luân Vương, Thiên Đế-thích, Ma vương hay Đại Phạm thiên thì điều này chắc chắn có thật. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

117. KINH NHU NHUYEN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, đức The Ton noi vơi các Ty-kheo: Chính Ta ngày trước ra đi xuất gia học đạo là ra đi từ chỗ ưu du, từ chỗ thung dung nhàn nhã, từ đời sống cực kỳ êm diu. Khi Ta còn ở nhà, phụ vương Duyệt-đầu-đàn tạo

cho Ta đủ thứ cung điện: Cung điện mùa xuân, cung điện mùa hạ và cung điện mùa đông. Bởi Ta thích du ngoạn nên cách cung điện không xa, người lại tạo không biết bao nhiêu là ao hoa: Ao hoa sen xanh, ao hoa sen hồng, ao hoa sen đỏ, ao hoa sen trắng. Trong các ao đó, trồng đủ các loại hoa: Hoa sen xanh, hoa sen hông, hoa sen đỏ và hoa sen trăng. Nước luôn dây, hoa luôn luôn trô, mà những người sai dịch chăm sóc không thông suốt hết được. Bởi Ta thích du ngoạn, nên trên bờ ao trồng sáu loại hoa: Hoa tu-ma-na, hoa bà-sư, hoa chiêm-bặc, hoa tu-kiền-đề, hoa a-đề-miru-đa, hoa ba-la-đầu. Bởi Ta thích du ngoạn nên người sai bôn người tăm rửa cho Ta. Tăm rửa cho Ta rồi, lại xoa hương xích chiên-đàn vào khắp thân Ta. Xoa hương vào thân Ta rồi, lại khoác vào mình Ta chiếc áo lụa thật quý; trên dưới trong ngoài đều mới • r /K # A f o

mẻ. Sướt cả ngày đêm, luôn luôn có người câm lọng trăng che cho Ta, không đê Ta đêm đêm phải bị nhiễm sương, ngày bị nắng háp. Như các thầy thường được ăn cơm bằng gạo trắng thô, canh đậu, rau, gừng và cho là đồ ăn bậc nhất, nhưng người sai dịch tháp nhát của phụ vương Duyệt-đâu-đàn của Ta lại cho như vậy là rát dở, chỉ ăn nép trăng và hào soạn mới cho là đô ăn bậc nhát. Lại nữa, nêu có câm thú nơi đông ruộng, loại câm thú ngon nhát như đê-đê- la-hòa-tra9 kiếp-tân-xà-la, hề-mễ-hà, lê-nê-xa-thi-la-mễ. Các loại cầm thú nơi đông ruộng, loại câm thú ngon nhát như vậy, Ta thường được ăn. Ta nhớ khi xưa lúc còn ở với phụ vương Duyệt-đầu-đàn suốt bốn tháng hạ, mỗi khi lên trên chánh điện đều không có nam nhân, chỉ toàn là kỹ nữ để cùng vui chơi, không hề trở xuống. Roi khi Ta muôn đên viên quán thì liên có ba mươi danh kỵ thượng thặng được tuyển chọn, với những hàng thuẫn lớn đi dẫn đường hộ tống trước sau, không kể những tiểu tiết khác. Ta có những điều êm diu, đầy đủ, vừa như ý vậy.



Ta còn nhớ khi xưa lúc Ta thăm ruộng, người làm ruộng nghỉ ngơi trên đám ruộng, Ta đi đên dưới góc cây Diêm-phù ngôi kiêt-già5 ly dục, ly pháp ác, bát thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đăc Thiên thứ nhát, thành tựu và an tru. Ta nghĩ rằng: "Phàm phu ngu si, không đa văn, tự sẵn có tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nhưng thấy người tật bệnh thì ghê tởm, khinh bi, không yêu, không thích mà không tự quán sát mình.^, Rồi Ta lại nghĩ: "Ta tự có sẵn tật bệnh, không thoát khỏi tật bệnh, nếu Ta thấy người tật bệnh mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp nay?9 Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do không có tật bệnh liền tự tiêu diệt. Ta lại nghĩ rằng: 'Thàm phu ngu si, không đa văn, tự có sự già, không thoát khỏi sự già, nhưng thấy người già cả thì ghê gớm, khinh bỉ, không yêu, không thích mà không tự quán sát minh." Rồi Ta lại nghĩ: "Ta tự có sự già, không thoát khỏi sự già, nếu Ta thấy người già mà ghê tởm, khinh bỉ, không yêu, không thích, Ta không nên như vậy, vì Ta cũng có trường hợp nay/9 Quán sát như vậy rồi thì tâm cống cao phát khởi do chưa đến tuổi già liền tự tiêu diệt. Phàm phu ngu si, không đa văn vì chưa bị tật bệnh nên tự cao, tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh. Phàm phu ngu si, không đa văn vì còn trẻ trung nên tự cao, tự phụ, phóng dật, rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh. Phàm phu ngu si, không đa văn vì còn thọ mạng nên tự cao, tự phụ, phóng dật,

rồi do tham dục mà sanh si ám, không tu tập Phạm hạnh. Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài kệ: Tuổi già, bệnh tật, Và sự tử vong, Là pháp có sẵn, Người ngu khinh nhờn. Nếu ta miệt thi, Tưởng mình không vướng, Ta chẳng nên vậy, Vì ta cũng có. Ai hành như thế, Biết pháp ly sanh. Không bệnh? còn trẻ, Cho thọ, kiêu căng, Đoạn trừ kiêu ngạo, Vô dục bình an. Ai hiểu như vậy, Nơi dục sợ gì; Được vô hữu tưởng, Tịnh hạnh thanh tu. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

118. KINH LONG TƯỢNG y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? ở Đông Viên giảng đường Lộc Tử Mau. Bấy giờ? vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, bước ra khỏi tinh thất và nói: - Ô-đà-di, Ta và thầy hãy đi đến con sông phía Đông để tắm! Tôn giả Ô-đà-di nói: Thưa vâng! Khi ấy, đức Thế Tôn cùng với Tôn giả Ô-đà-di đi đến con sông phía Đông, cởi bỏ y phục để trên bờ sông rồi xuống nước tắm; tắm xong, lên bờ lau mình và mặc y phục vào. Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc có một con voi chúa tên là Niệm, đang lội ngang qua con sông phía Đông với tất cả các loại kỹ nhạc được tấu lên. Dân chúng trông thấy nói rằng: "Đây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy?'9 Tôn giả O-đà-di chăp tay hướng vê đức Phật bạch răng: - Bạch Thế Tôn, con voi thân hình to lớn, cho nên dân chúng trông thấy, nói rằng: “Dây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vậy?" Đức The Ton noi: Đúng vậy Ô-đà-di! Đúng vậy Ô-đà-di! Con voi có thân hình to lớn nên dân chúng trông thấy, nói rằng: uĐây phải chăng là rồng trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì v^y?" Này Ô-đà-di, ngựa, lạc đà, trâu, lừa, rắn, người, cây cối nếu có thân hình to lớn, này O-đà-di? dân chúng trông thây cũng nói răng: uĐây phải chăng là rông trong loài rồng, là đại long vương hay là con gì vay?" Ô-đà-di5 nếu Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) từ người cho đến trời ở trên đời này mà không bi tai hại vì thân, miệng, ý; Ta nói vi ấy chính là rồng. Ô-đà-di9 Như Lai đối với Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí (hay bất cứ ai) tò người cho đến trời ở trên đời này, đều không dùng thân, miệng, ý để làm hại; cho nên Ta được gọi là rồng.

118. KINH LONG TƯỢNG 647

Triệt đoạn dâm dục, sân, Trừ si, vô lậu tịnh, Rồng xả bỏ hậu thân, Đó là rồng diệt tận. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe những lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

119. KINH THUYẾT xứ r . A

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rưng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: ở đây, có ba thuyết xứ chứ không phải bốn hay năm. Nếu Tỳ-kheo sau khi thấy, nhân sự thấy đó mà nói rằng: “Ta thấy, nghe, hiểu, biết.” Tỳ-kheo cứ nói mà nói rằng: "Đây là điều ta biết.” Những gì là ba? Tỳ-kheo nhân vấn đề quá khứ mà nói như vầy: “Trong thời quá khứ c6." Tỳ-kheo nhân vấn đề vị lai mà nói như vầy: "Trong thời vị lai c6." Tỳ-kheo nhân vấn đề hiện tại mà nói như vầy: “Trong thời hiện tại c6." Đó gọi là ba thuyêt xứ chứ không phải là bôn hay năm. Nêu Tỳ-kheo sau khi thây, nhân sự thấy đó mà nói mãi rằng: 'Ta thấy, nghe,

hiểu, biết.” Tỳ-kheo nói mà nói rằng: "Bây là điều bi8t." Do điều được thuyết, khéo tập được nghĩa, do không thuyết, không khéo tập được nghĩa.

r Hiên thánh đệ tử với hai tai nhát tâm nghe pháp. Vị ây sau khir với hai tai nhát tâm nghe pháp, đoạn một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đác một pháp. Vị ây sau khi đã đoạn được một pháp, tu một pháp, tự thân chứng đăc một pháp rồi, liền được chánh định. Hiền thánh đệ tử sau khi đã được chánh đinh, liền đoạn trừ hết tất cả dâm, nộ, si. Như vậy là Hiền thánh đệ tử chứng đắc tâm giải thoát. Giải thoát rồi liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc can làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Do điều được nói đó nên có bốn trường hợp dễ quan sát người, ở đây, Hiền giả có thể cùng người luận thuyết hoặc không thể cùng người luận thuyết. Nếu ở đây, Hiên giả này với xác quyết vân mà không xác quyêt đáp, với phân biệt vấn mà không phân biệt đáp, với phản luận vấn mà không phản luận đáp, với xả trí vấn mà không xả trí đáp. Như vậy, ở đây, Hiền giả ấy không thể luận thuyết cùng người, cũng không thê luận giải với người. Nêu ở đây với xác quyêt vân thì xác quyết đáp, với phân biệt vấn thì phân biệt đáp, với phân luận vấn thì phản luận đáp, với xả trí vấn thì xả trí đáp. Như vậy, ở dây, Hiền giả ấy có thể luận thuyêt cùng người, có thê luận giải với người.



Lại nữa, do điều được nói nên có bốn trường hợp để quan sát người, ở đây, Hiền giả có thể cùng người luận thuyết hoặc không thể cùng người luận thuyết. Nếu ở đây, Hiền giả ấy không an trú trên xứ phi xứ, không an tru trên sở tri, không an trú trên thuyết dụ, không an trú trên đạo tích. Như vậy thì ở dây, Hiền giả ấy không thể luận thuyết cùng người, cũng không thể luận giải với người. Nếu ở dây, Hiền giả an trú trên xứ phi xứ, an trú trên sở tri, an trú trên thuyết dụ, an trú trên đạo tích. Như vậy thì ở đây, Hiền giả ấy có thể cùng người luận thuyết, cũng có thể luận giải với người. Do điêu được nói, với lời nói trâm tĩnh, xả bỏ sở kiên của mình, xả bỏ ý két oán, xả bỏ tham dục, xả bỏ sân nhuế, xả bỏ si ám, xả bỏ kêu mạn, xả bỏ phú tàng, xả bỏ tật đố, không háo thắng, không ép người, không chấp chặt khuyết điểm, nói nghĩa, nói pháp. Sau khi nói nghĩa, nói pháp, khuyến khích, liên tục khuyến khích sự tĩnh chi, tự mình hoan hỷ, khiến người cùng hoan hỷ. Như vậy, đó là lời nói hợp nghĩa; như vậy, đó là lời nói hợp sự. Đó là Thánh thuyết nghĩa, đó là Thánh thuyết sự đã cứu cánh tận diệt hết lậu. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng: Nếu tranh cãi, luận nghi, Ý tạp, lòng cống cao, Phi Thánh, hủy báng đức, Mong câu khuyêt diêm nhau, Khai thác lỗi bất cẩn, Y muôn khuất phục người, Khăng khăng cầu cho hơn, Thánh không nói như vậy. Nếu mong thành luận nghi, Người trí biết tùy thời, Có pháp và có nghĩa, Chư Thánh luận như vậy. Người trí nói như vậy, Không cãi, không công cao, Ý không biết nhàm đủ, Không lậu, không oán thù. Tùy thuận, không điên đảo, Nói lời hợp chánh tri, Khéo nói thì có thể, Trọn không lời xấu xa. Không luận vì luận tranh, Không chịu người thách đố, Biết xứ và thuyết xứ, Là điều được luận bàn. Đây là lời Thánh nhân, Người trí hai mục đích: Cho đời này bình an, Cho đời sau khoái lạc, Nên biết người thông đạt, Thuyết phi đảo, phi thường. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng

hành.

120. KINH THUYẾT vô THƯỜNG Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Sắc là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Thọ cũng vô thường, vô thường nên khô, khô nên vô ngã. Tưởng là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Hành là vô thường, vo thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Thức là vô thường, vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Như vậy là sắc vô thường; thọ, tưởng, hành, thức vô thường; vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã. Đa văn Thánh đệ tử hãy nên quán sát như vậy. Hãy tu tập ba mươi bảy đạo phẩm, vô ngại, chánh tư, chánh niệm. Vị ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, vô minh lậu. Giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,^ Nêu ở giữa chúng sanh và trong chín cảnh vức của chúng sanh, cho đến hữu tưởng, vô tưởng xứ mà hành còn tàng dư, đây là sự hữu bậc nhát; ở trong các loại chúng sanh ây, đây là bậc đệ nhát, là tôi đại, là tối thắng, là tối thượng, là tối tôn, là tối diệu, đây chính là vi A-la-hán ở đời này. Vì sao vậy? Vì trên đời này, A-la-hán đã được an ổn, an lạc. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng: Vô trước, đệ nhất lạc, Đoạn dục, ái đã trừ, Vĩnh viễn lìa ngã mạn, Bức tung màn lưới si. Người không bi lay chuyển, Tâm chăng bợn mảy trân, Thế gian không đắm nhiễm, Vô lậu, Phạm hạnh thành. Thấu triệt năm ấm thân, Cảnh giới bảy thiện xứ, Cõi đại hùng du hành. Lìa xa mọi khủng bố, Thành tựu báu thất giác, Học đủ ba môn học, Thượng băng hữu tôn ximg Chân chánh đệ tử Phật. Thành tựu mười chi đạo, Đại long định kiên cố, Đang bậc nhát trong đời, Vị này không hữu ái. Vạn cảnh không lay chuyển, Giải thoát hữu tương lai, Đoạn sanh, lão, bệnh, tử, Lậu diệt, việc làm xong. Phát khởi vô học trí, Tân cung toi hâu than, Tối thắng thanh tịnh hạnh, Tâm không do bởi người.

121. KINH THỈNH THỈNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-da, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vi đồng an cư mùa mưa. Bấy giờ, vào ngày mười lăm trong tháng là ngày đức Thế Tôn sẽ nói biệt giải thoát. Vào giờ tự tứ, Ngài đến trước chúng Tỳ-kheo trải tọa cụ ngồi xuống, rồi nói với các Tỳ-kheo: Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô Thượng Y Vương. Nay đây, Ta thọ thân này là thân tối hậu. Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô Thượng Y Vương. Nay đây, Ta thọ thân này là thân tối hậu. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thay là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thầy hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau. Bấy giờ, Tôn ẹiả Xá-lợi-phất cũng đang hiện diện trong chúng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất liên từ chỗ ngôi đứng dậy, trịch vai sửa y, chăp tay hướng về Thế Tôn va bạch: Bạch Thế Tôn, như Thế Tôn vừa nói: "Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô Thượng Y Vương. Nay đây, Ta thọ thân này là tối hậu. Ta là Phạm chí đã chứng đắc tịch diệt, là Vô Thượng Y Vương. Nay đây, Ta thọ thân này là tối hậu. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thầy là con chân chánh của Ta, thọ sanh từ miệng, hóa sanh từ pháp. Các thầy hãy dạy dỗ lẫn nhau, răn dạy lẫn nhau.” Bạch Thế Tôn, đối với những ai chưa điều ngự, Thế Tôn khiến cho điều ngự; những ai chưa tịch tinh, khiến cho tịch tinh; những ai chưa độ thoát, khiến cho độ thoát; những ai

chưa giải thoát, khiến cho giải thoát; những ai chưa tịch diệt, khiến cho tịch diệt; chưa đắc đạo, khiến cho đắc đạo; chưa thi thiết Phạm hạnh, khiến cho thi thiết Phạm hạnh. Thế Tôn là bậc Tri Đạo, Giác Đạo, Thức Bạo, Thuyết Đạo. Đệ tử của Thế Tôn sau đó được đắc pháp, lãnh thọ khuyến giáo, lãnh thọ khiển trách. Sau khi lãnh thọ khuyến giáo, khiển trách, sẽ vâng theo lời dạy của Thế Ton mà nhất hướng tu hành, được tự tại như y, khéo biết Chánh pháp. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không phiền gì con đối với thân, khẩu, ý hành chăng? Khi ấy, Thế Tôn dạy: Này Xá-lợi-phất, Ta không phiền gì đối với thân, khẩu, ý hành của thầy cả. Vì sao vậy? Này Xá-lọd-phất, thầy là bậc thông tuệ, đại tuệ, tối tuệ, tiệp tuệ,

122. KINH CHIÊM-BA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Chiêm-ba, ở bên bờ hồ Hằng-già. Bây giờ5 vào ngày mười lăm trong tháng là ngày đức Thê Tôn nói biệt giải thoát giới. Ngài trải tọa cụ ngồi trước đại chúng. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn nhập định, và bằng tha tâm trí Ngài quán sát tâm đại chúng. Quán sát tâm đại chúng rồi, Ngài ngôi im lặng cho đến hết buổi đầu hôm. Bấy giờ, có một thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai, chắp tay hướng về đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, đã hết buổi đầu hôm, đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Khi ay, đức The Ton im lạng không tra lơi. The roi cho đen nưa đem, đức Thế Ton vẫn ngồi im lăng. Thầy Ty-kheo ấy lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm sắp hết, đức Phật và chúng Ty-kheo tập trung ngồi đây đã lâu, ngưỡng mong The Tôn nói biệt giải thoát giới! Đức Thế Tôn im lặng không trả lời. Và mãi đến lúc cuối đêm, đức Thế Tôn vẫn ngồi im lặng. Thầy Ty-kheo ấy, lần thứ ba, lại từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về đức Phật và thưa: Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa đêm đã hết và buổi cuối đêm cũng sap châm dứt, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Thê Tôn và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo thầy Tỳ-kheo ấy: ở trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tịnh.

Khi ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cũng có ở trong chúng này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên suy nghĩ: “Bức Thế Tôn định chỉ thầy Tỳ-kheo nào mà nói rằng: 'ở trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tinh?9 Ta hãy nhập như kỳ tượng định và bằng tha tâm trí trong như kỳ tượng đinh mà quán sát tâm đại chúng.,^ Rồi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nhập như kỳ tượng đinh và bằng tha tâm trí trong như kỳ tượng đinh mà quán sát tâm đại chúng. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên



biết thầy Tỳ-kheo nào ở tronệ chúng đây đã làm việc bất tinh mà đức Thế Tôn vừa nói. Tôn giả Đại Mục-kien-liên liền xuất định, đến trước thầy Tỳ-kheo ấy, nắm tay kéo di, mở cửa lôi ra bên ngoài và nói: "Này người ngu si! Hãy đi ra, đừng đứng ở dây, đừng trở lại hội họp cùng chúng Tỳ-kheo? từ nay trở đi ông khôn^ phải là Tỳ-kheo nữa." Tôn giả đóng cửa, cài then, rồi quay về chỗ Phật, cúi đâu đảnh lễ chân Phật, ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, Ngài nói: trong chúng đây có một thầy Tỳ-kheo đã làm việc bất tjnh”con đã đuổi vị ấy đi rồi. Bạch Thế Tôn, buổi đầu hôm đã qua, buổi nửa

đêm đã hết và buổi cuối đêm sắp chấm dứt, không bao lâu nữa mặt trời sẽ mọc, đức Phật và chúng Tỳ-kheo tập trung ngồi đây đã quá lâu, ngưỡng mong Thế Tôn nói biệt giải thoát giới! Đức Thế Tôn dạy:  Này Đại Mục-kiền-liên, kẻ ngu si kia sẽ mắc đại tội vì đã xúc nhiễu Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu Như Lai ở giữa chúng bất tịnh mà nói biệt giải thoát giới, đầu người ấy sẽ bi vỡ làm bảy phần. Vì vậy, này Đại Mục-kiền-liên, từ nay về sau, các thầy hãy tự nói biệt giải thoát giới, Như Lai sẽ không nói biệt giải thoát giới nữa. Vì sao vậy? Vì như vầy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt rành rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dunẹ chững chạc, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề, di, đứng, ngồi, nam, ngủ, thức, nói năng, im lặng đêu biết rõ ràng tương tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhtrng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu bậc Phạm hạnh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ rằng: "Bây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự nhục nhã đôi với Sa-môn, là đáng ghét đôi với Sa-môn, là gai nhọn đôi với Sa-m6n." Sau khi các vị ây biêt roi liên cùng nhau bỏ mặc ngươd ây. Vì sao vậy? Vì các vị ây không muôn các bậc Phạm hạnh phải bi nhiễm ô. Này Đại Mục-kiên-liên5 ví như trong ruộng lúa tẻ, hoặc ruộng lúa tẻ đang tươi tốt của cư sĩ kia có sanh loại cỏ tên là cỏ tẻ. cỏ này có rễ, thân, đốt, lá và hoa thảy đều giống hệt như cây lúa tẻ. Nhưnệ sau đó kết hạt và người cư sĩ kia thây được liên suy nghĩ: "B2y là sự ô nhục đôi với lúa tẻ, là gai nhọn đáng ghét đối với lúa tẻ.y Sau khi biết roi cư sĩ liền nhổ quăng đi hết. Vì sao vậy? Vì người ấy không muốn giống lúa tẻ đích thật bị ô nhiễm. Cũng vậy? này Đại Mục-kiền- liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt rành rẽ khi ra vào, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chững chạc, khoác Tăng-già-lê? cầm bát chỉnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tương tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Này Đại Mục-kiền-liên, nếu các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: uĐây là sự ô uế đối với Sa-môn, là sự nhục nhã đối với Sa-môn, là sự đáng ghét đối với Sa-môn, là gai nhọn đối với Sa-m6n." Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ấy. Vì sao vậy? Vì các vi ấy không muốn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô.

122. KINH CHIÊM-BA  659

Này Đại mục-kiền-liên, ví như đến mùa thu người cư sĩ kia đem đến lúa. Từ trên cao, lúa được đổ từ từ xuống, nếu là hột lúa chắc thì nằm lại, còn lúa lép hay trâu thì theo gió bay đi. Sau đó, người cư sĩ kia liên câm choi quét dọn sạch sẽ. Vì sao vậy? Vì người ấy không muốn hạt lúa tẻ chắc thật phải bị ô tạp. Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt rành rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chững chạc, khoác Tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng, tương tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ấy không biết được. Này Đại Mục-kiền-liên? nếu có các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: “ Đây là sự ô uê đôi với Sa-môn, là sự nhục nhã đôi với Sa-môn, là sự đáng ghét đôi với Sa- môn, là gai nhọn đối với Sa-m6n." Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ây. Vì sao vậy? Vì các vị ây không muôn các bậc Phạm hạnh phải bị nhiễm ô. Này Đại Mục-kiền-liên, ví như người cư sĩ kia muốn có nước suối chảy đến nên làm máng

dẫn nước. Người ấy cầm búa vào rừng, gõ vào thân các cây; nếu cây có lối cứng thì tiếng phát ra nhỏ, còn cây rỗng ruột thì tiếng phát ra lớn. Sau khi biết rõ, người cư sĩ kia liền chặt cây ấy đem về làm máng dẫn nước. Cũng vậy, này Đại Mục-kiền-liên, hoặc có người ngu si biết phân biệt rành rẽ khi vào ra, khi co duỗi, khi cúi ngẩng, nghi dung chững chạc, khoác áo Tăng-già-lê ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đêu biêt rõ ràng tương tợ như bậc Phạm hạnh chân chánh, nhưng hành động của bậc Phạm hạnh chân chánh thì kẻ ây không biêt được. Này Đại Mục-kiên-liên, nếu các bậc Phạm hạnh chân chánh biết được kẻ ấy, sẽ nghĩ: "Đây là ô uế đối với Sa-môn, là nhục nhã đối với Sa-môn? là đáng ghét đối với Sa-môn? là gai nhọn đối với Sa-môn.^, Sau khi biết rồi, các vị ấy liền cùng nhau bỏ mặc người ấy. Vì sao vậy? Vì các vị ấy không muốn các bậc Phạm hạnh bị nhiễm ô. Khi ấy, đức Thế Tôn liền nói bài tụng: r ĩ jF

Các thầy hãy nên biết, Ac dục, tăng, tật nhuê, Phú kết và hận san, Tật đố, siểm, khi cuống, Trong chúng giả đạo đức, Lén lút là Sa-môn, Am thâm làm việc ác, Ác kiến, không thủ hộ, Khi dối cùng nói láo, Nên biết người như vậy, Tập chúng, đừng cho vào, Bỏ mặc chớ đếm xỉa. Họ dối trá, láo khoét, Chưa ngộ nói đã ngộ, Hãy biết thời, tự tu, Lìa xa, bỏ mặc họ. Hãy cùng người thanh tinh, Sống hòa hợp với nhau, Như vậy sẽ an ôn, Và tận cùng sự khổ. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức cũng du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm; đầu đêm, cuối đêm học tập đạo phẩm tinh cần chuyên chú. Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhi Thập ức sống nơi yên tinh, cô độc, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: uNêu có đệ tử nào của đức Như Lai tinh cân học tập Pháp, Luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập phước nghiệp chng?” Bấy giờ, đức Thế Tôn bằng tha tâm trí biết rõ tâm niệm của Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức, liền nói với một thầy Tỳ-kheo:  Thầy hãy đi đến chỗ kia, gọi Sa-môn Nhị Thập ức về đây.

Thầy Tỳ-kheo ấy bạch:  Thưa vâng! Rồi từ chỗ ngồi đứng da* thầy Tỳ-kheo ấy cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, bước ra di, đến chỗ Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức và nói: - Đức Thế Tôn cho gọi thầy. Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức nghe thầy Tỳ-kheo ấy nói, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi ngồi một bên. Đức Thế Tôn dạy:  Sa-môn, có phải vừa rồi thầy ở nơi yên tĩnh, cô độc, thiền tọa tư duy, tâm khởi lên ý niệm: "Nếu có đệ tử nào của đức Thế Tôn tinh cần học tập Pháp, Luật chân chánh thì ta là người bậc nhất, thế mà tâm vẫn chưa giải thoát được các lậu. Nhà cha mẹ ta cực kỳ phú quý, có nhiều tiền của, nay ta có nên xả giới, bỏ đạo hạnh, chuyên việc bố thí, tu tập phước nghiệp chăng,, hay không? Khi ấy, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức thẹn thùng, xấu hổ, lòng đầy kiĩủì sq, biết đức Thế Tôn đã thấu hiểu tâm trạng của mình, liền chắp tay hướng về đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, quả thật con có ý nghĩ như vậy!

Đức Thế Tôn dạy: Sa-môn5 nay Ta hỏi thầy, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý thầy nghĩ sao, khi thầy sống tại gia giỏi đánh đàn cầm nên tiếng đàn hòa điệu với lời ca, lời ca ăn khớp với tiếng dàn, có phải vậy chăng? Tôn giả Sa-môn Nhi Thập ức thưa:

123. KINH SALMON NHỊ THẬP ức 663

Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo chứng đắc Vô sở trước, dứt trừ các lậu, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuông, hữu kiết đã giải trừ, tự thân đạt được thiện nghĩa, biêt rằng đã giải thoát thì tức khắc, vi ấy liến được hoan lạc với sáu điều: Hoan lạc với sự vô dục, hoan lạc với sự viễn ly, hoan lạc với sự vô tránh, hoan lạc với sự ái tận, hoan lạc với sự thủ tận và hoan lạc với tâm không di động. Bạch Thế Tôn, nếu có người nghĩ: Hiền giả nhờ ỷ trụ vào tín tâm nên được hoan lạc với sự vô due" thì người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu si thì mới được hoan lạc với sự vô dục. Bạch Thế Tôn, nếu có người nghĩ: "Vị Hiền giả này vì thích được khen ngợi, muốn được cúng dường, cho nên hoan lạc với sự viễn ly." Con nghĩ, người ấy không nên quán như vậy. Chỉ khi nào dứt trừ được tham dục, sân nhuế và ngu



nội tâm được an tru, khéo chế phục, thủ nghi nhớ và quán pháp hung suy. Nếu có thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vi được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, khi pháp đến với ý thì cũng không vì vậy mà khiến tâm giải thoát, tuệ giải thoát này phải bi vong thất, nội tâm được an trú, khéo chế phục, thủ hộ, ghi nhớ và quán pháp hưng suy. Bạch Thế Tôn, ví như cách thôn không xa có tòa núi đá lớn, không vỡ? không sứt mẻ, không yếu giòn, vững chắc, không trống hở, là một khối hợp nhất. Nếu có mưa gió lớn từ phương Đông thổi đến thì cũng không thể lay chuyển được. Không những chỉ có mưa gió từ phương Đông mà dù từ phương Nam, nếu có mưa gió lớn từ phương Nam thổi đến cũng

123. KINH SA-MÔN NHỊ THẬP ức 665

-Này các thầy, hãy nên đến trước Ta để trình bày về sự chứng đắc Cửu cánh trí như vậy. Hãy như Sa-môn Nhi Thập ức đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc Cứu cánh trí mà không khen mình, không khinh người, thuyết nghĩa thiện pháp, tùy theo các trường hợp, chớ nên như kẻ ngu si bị tăng thượng mạn trói buộc, đến trước mặt Ta khoe khoang về sự chứng đắc Cứu cánh trí. Kẻ ấy không đạt được nghĩa lý, chỉ toàn là sự phiền nhọc. Sa-môn Nhi Thập ức đi đến trước Ta trình bày về sự chứng đắc Cứu cánh trí, mà không khen mình, không khinh người, thuyết nghĩa thiện pháp, tùy theo các trường hợp. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

124. KINH BÁT NẠN . Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Người tu Phạm hạnh có tám nạn, tám phi thời. Những gì là tám? Vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng

Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì ngươi ấy lúc bấy giờ sanh vào chốn địa ngục; đó là nạn thứ nhất, phi thời thứ nhất đối với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thê gian, thuyêt pháp đưa đên tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy lúc bấy giờ sanh vào loài súc sanh, vào loài nga quỷ, sanh vào cõi trời Trường Thọ, sanh ở xứ biên địa mọi rợ, không tín, vô ân, không biết báo đáp, không có Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di; đó là nạn thứ năm, phi thời thứ năm đối với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thê gian, thuyêt pháp đưa đên tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy lúc bấy giờ sanh nhằm chốn văn minh, bị điếc bị câm, ú ớ như dê kêu, dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác; đó là nạn thứ sáu, phi thời thứ sáu đối với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian, thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; khi Thiện Thệ đang thuyết dạy thì người ấy lúc bấy giờ sanh nhằm chốn văn minh, không điếc không câm, không ú ớ như dê kêu, không dùng tay thay lời, có thể nói nghĩa thiện ác, nhung lại có tà kiến và điên đảo kiến. Người ấy thấy như vầy và nói như vầy: "Không bố thí, không



trai tự, không chú thuyết, không có nghiệp thiện ác, không có nghiệp báo của thiện ác, không có đời này, đời khác, không cha, không mẹ, ở đời không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú"; đó là nạn thứ bảy, phi thời thứ bảy đối với người tu Phạm hạnh. Lại nữa, vào lúc Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu không xuất hiện ở thế gian, không thuyết pháp đưa đến tịch tịnh, đưa đến tịch diệt, đưa đến giác đạo; người ấy không được nghe Thiện Thệ thuyêt dạy dù cho



Như người buôn mất của, Chịu sanh tử không cùng. Nếu sanh được thân người, Được nghe pháp chánh thiện, Vang theo Thế Ton dạy, Chắc chắn sẽ gặp thời. Nếu đã gặp thời rồi, Siêng tu chánh Phạm hạnh, Đe thành tựu pháp nhãn, Đấng Nhật Thân đã nói. Người ấy thường tự giữ, Tiến lên, lìa các sử, Đoạn diệt mọi kiết sử, Hàng ma, quyến thuộc ma, Người ấy vượt thế gian, Đã diệt tận các lậu. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

125. KINH BÀN CÙNG

_ >

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

ở đời, người có tham dục mà lại bần cùng phải chăng là đại khổ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

Nêu người có tham dục lại ban cùng mà vay nợ, tài vật của người khác; ở đời, người vay nợ, tài vật của người khác phải chăng là đại khổ?

Các thầy Tỳ-kheo đáp:

Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Nêu người có tham dục mà vay nợ, tài vật của người khác không trả đúng hẹn được, cứ hẹn rày hẹn mai; ở dòi, cứ khất nợ mãi phải chăng là đại khổ? Các thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Nếu người có tham dục cứ khất nợ mãi, không trả được, chủ nợ đến đòi; ở đời, bị chủ nợ đòi phải chăng là đại khổ? Các thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo: Nếu chủ nợ đến đòi mà người có tham dục kia không thể trả được, chủ nợ cứ đến đòi nợ mãi; ở đời, bị chủ nợ đòi mãi, phải chăng là đại khổ? Các thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ~kheo: Nếu chủ nợ cứ đòi mãi nhung kẻ có tham dục kia vẫn không trả được, liền bị chủ nợ bắt trói lại; ở đời, bị chủ nợ bắt trói lại phải chăng là đại khổ?



Các thầy Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! -Vậy thì, ở đời người có tham dục lại bân cùng là đại khô; ở đời người có tham dục vay nợ, tài vật của người khác là đại khổ; ở đời người có tham dục vay nợ, tài vật của người khác mà khát mãi là đại khô; ở đời người có tham dục bị chủ nợ đòi nợ là đại kho; ở đời người có tham dục bị chủ nợ đòi mãi là đại kho; ở đời người có tham dục bi chủ nợ bắt trói lại là đại khổ. Cũng vậy, nếu ai đối với Thánh pháp mà không tin ở thiện pháp, không giữ câm giới, không nghe nhiêu, không bô thí, không trí tuệ, đôi với thiện pháp; dù có nhiều kim ngân, lưu ly, pha lê, ma-ni, bạch kha, loa bích, san hô, hổ phách, mã não, đại môi, xà cừ, bích ngọc, xích thạch, tuyền châu, nhưng người ấy vẫn là kẻ nghèo, cũng cô thế. Như vậy, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự bần cùng, bất thiện. Kẻ ây thân làm việc ác, miệng nói ác và ý nghĩ ác. Như thê, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự vay nợ bất thiện. Kẻ ấy muốn che giấu việc làm ác của thân, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị quở trách, không ưa theo điều phải; muốn che giấu lời nói ác, ý nghĩ ác, không tự tỏ bày, không muốn nói ra, không thích bị khiển trách, không ưa theo điều phải. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự khất nợ bất thiện. Kẻ ấy hoặc sống trong thôn ấp hay ở ngoài thôn ấp, các người Phạm hạnh thây được bèn nói như thê này: "Này chư Hiên, người này làm như thê, hành vi như thế, ác như thế, bất tịnh như thế, đó là cái gai của

thôn ấp.” Kẻ ấy liền bào chữa: "Này chư Hiền, tôi không làm như vậy, không có hành vi như vậy, không ác như vậy, không bát tịnh như vậy, cũng không phải là cái gai của thôn ap." Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự đòi nợ bất thiện. Kẻ ấy hoặc ở rừng vắng, hoặc ở núi non, dưới gốc cây, hoặc ở chỗ thanh vắng nhưng vẫn niệm tưởng ba việc bất thiện: Dục, nhuế, hại. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự không ngớt đòi nợ bất thiện. Kẻ ấy thân đã làm việc ác, miệng đã nói lời ác và ý đã nghĩ điều ác. Do đó, kẻ ây khi thân hoại mạng chung, nhát định sanh vào chô ác, sanh trong địa ngục. Như thế, trong Thánh pháp của Ta gọi là sự trói buộc của bất thiện. Ta không thây có sự trói buộc nào đau khô băng, nặng nê băng, tàn khóc băng, khó yêu nôi băng sự trói buộc trong địa ngục, nga quỷ, súc sanh. Ba sự trói buộc đau khổ này chỉ có bậc Tỳ-kheo A-la-hán lậu tận mới biến tri và diệt tận, nhổ phăng cội rễ, vĩnh viễn không còn tái sanh. Rồi đức Thế Tôn nói tụng: Kẻ nghèo khô ở đời, Vay nợ của người khác, Đã vay tiền của rồi, Mắc nợ người là khổ.

125. KINH BẦN CÙNG  673

Chủ nợ đến đòi nợ5 Nhân đấy bắt trói lại, Bị trói thật khổ thay, Thê gian vân lạc dục. Trong Thánh pháp cũng vậy, Nếu không có chánh tín, Không tàm và không quý? Làm hạnh ác, bất thiện. Thân làm điều bất thiện, Miệng ý chẳng kém gì, Che giấu không nói ra, Không ưa lời dạy phải. Giả sử có tu hành, Tâm niệm cho là khổ, Hoặc thôn hay chỗ vắng, Nhân đó sanh hối hận. Các việc thân, miệng gây, Và những điều ý nghĩ, Ác nghiệp cứ tăng dần, Quen làm lại làm nữa. Tạo ác mãi không thôi, Làm nhiều bất thiện rồi, Thọ sanh đến lúc hết, Tất bị trói địa ngục. Buộc ràng này quá khổ, Bậc Đại Hùng đã thoát, Đúng pháp, thu tiên tài, Không nợ nần, an ổn. Thí dụ được hoan hỷ, Cả hai đều có lợi, Các cư sĩ theo đây5 Do thí, phước tăng mãi. Trong Thánh pháp cũng vậy? Nếu có thành tín vững, Đầy đủ đức tàm, quý, Rộng rãi không keo kiệt. Dứt lìa năm triền cái, Thường ưa hành tinh tấn, Thành tựu các thiền định, Chuyên nhất tâm tĩnh lạc. Niềm vui không tài sản, Cũng như nước tắm trong. Bất động tâm giải thoát, Trừ sạch các hữu kiết. Không bệnh là Niết-bàn, Đó là đèn vô thượng, Vô ưu, vô nhiễm lạc, Gọi là không di động. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

126. KINH HÀNH DỤC

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp

Cô Độc.

Bấy giờ, cư sĩ cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, roi ngôi xuồng một bên và thưa:

—Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người hành dục?

Đức Thế Tôn dạy:

Này cư si, ở đời gồm có mười hạng người hành dục. Những gì là mười?

Này cư si, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm câu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ây không tự nuôi thân đầy đủ5 cùng nuôi cha mẹ9 vợ con, đày tớ? người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn9 Phạm chí để

được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư si, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm câu của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ây có thê tự nuôi thân an ôn5 cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đây tớ5 người giúp việc, nhimg không cúng dường Sa-môn9 Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo? sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô đạo. Sau khi tìm cầu của cải một cách phi pháp, vô dạo, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ôn, nuôi cha mẹ, vợ con, đây tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục, tìm câu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ây không tự nuôi thân an ôn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đây tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cảnh giới an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm câu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người



giúp việc, nhưng không cúng dường Sa-môn? Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sông lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư si, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy không tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, nhimg không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư sĩ, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn5 cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đày tớ? người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; nhưng khi có của cải rồi, lại bị đắm nhiễm, hệ lụy, khi đã hệ lụy, đắm nhiễm, không thấy được tai họa, không biết được sự xuất yếu và tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục. Lại nữa, này cư si, có hạng người hành dục, tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy có thể tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ5 vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn9 Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; khi có của cải rồi, không đắm nhiễm, không hệ lụy, đã không hệ lụy, không đắm nhiễm, thấy được tai họa, biết được sự xuất yếu và tiêu dùng. Đó là một hạng người hành dục. Này cư si, nếu có người hành dục, tìm cầu của cải một cách phi

pháp, vô đạo. Sau khi tìm của cải một cách phi pháp, vô đạo, kẻ ấy không tự nuôi thân an on, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đay tớ, người giúp việc, cũng không cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là thấp hèn nhất. Này cư si, nêu có người hành dục, tìm câu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp. Sau khi tìm cầu của cải một cách vừa hợp pháp vừa phi pháp, kẻ ấy tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ? vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn, Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tối thượng. Này cư sĩ, nếu có người hành dục, tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ. Sau khi tìm cầu của cải một cách hợp pháp, phải lẽ, kẻ ấy tự nuôi thân an ổn, cùng nuôi cha mẹ, vợ con, đầy tớ, người giúp việc, cũng cúng dường Sa-môn,

126. KINH HÀNH DỤC  677

Phạm chí để được lên cõi an vui, thọ hưởng lạc báo, sanh vào cõi trời, sống lâu; khi có của cải roi không đam nhiễm, không hệ lụy; đã không hệ lụy đam nhiễm, thấy được tai họa, biết sự xuất yếu khi tiêu dùng; thì kẻ hành dục này so với các người hành dục khác là tôi đệ nhát, tôi đại, tôi thượng, tôi thăng, tôi tôn, tôi diệu. Cũng như con trâu có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh. Tô tinh là tối đệ nhất, tối đại, tối thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Này cư sĩ, cũnẹ vậy, so với các người hành dục khác, kẻ hành dục này là tối đệ nhất, tối đại, toi thượng, tối thắng, tối tôn, tối diệu. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng: Nếu kiếm của phi pháp, Vừa pháp vừa phi pháp, Không cúng, không tư dùng, Không bố thí, tạo phước, Cả hai đều mang họa, Kẻ hành dục tệ nhất. Nếu kiếm của hợp pháp, Đã lo được tự thân, Cung cáp và tự dùng, Bố thí và tạo phước, Cả hai đều có đức, Kẻ hành dục tối thượng. Nếu được tuệ xuất yếu, Hưởng lạc sống tại gia, r : . Thây tai họa, tri túc, Tiết kiệm dùng tài vật, Kẻ được tuệ xuất dục, Là hành dục trên hết. Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

127. KINH PHƯỚC ĐIỀN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩ cấp Cô Độc đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên và thưa: —Bạch Thế Tôn, ở đời có bao nhiêu hạng người phước điền? Đức Thế Tôn dạy: -Này cư sĩ, ở đời có hai hạng người phước điền. Những hạng người nào là hai? Một là hạng người Hữu học5 hai là hạng người Vô học. Hạng Hữu học có mười tám, hạng Vô học có chín. Này cư sĩ, mười tám hạng người Hữu học là những ai? Là Tín hành, Pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Gia gia, Nhất chủng, Hướng Tu-đà-hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn, Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm, Hướng A-na-hàm, Đắc A-na-hàm, Trung Bát-niết-bàn, Sanh Bát- niết-bàn, Hành Bát-niết-bàn5 Vô hành Bát-niết-bàn, Thượng lưu sắc cứu cánh. Đó là mười tám hạng Hữu học. Này cư sĩ, chín hạng người Vô học là những ai? Tư pháp, Thăng tấn pháp, Bất động pháp, Thối pháp bất thối pháp, Hộ pháp, Hộ tất bất thối bất hộ tất thối, Thật trụ pháp, Tuệ giải thoát, Câu giải thoát. Đó là chín hạng Vô học. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng: Học? Vô học trong đời, Đáng tôn, đáng phụng kính, Các ngài tu chánh

thân, Miệng, ý cũng chánh hạnh, Ruộng tốt cho cư sĩ, Cúng dường được phước lớn. Đức Phật thuyết vậy, cư sĩ cấp Cô Độc và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

128. KINH ƯU-BÀ-TẮC Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, cư sĩ Cáp Cô Độc cùng chúng ưu-bà-tắc gôm có năm trăm người đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất. Cư sĩ cấp Cô Độc cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Năm trăm ưu-bà-tắc cũng làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Sau khi cư sĩ Cấp Cô Độc và năm trăm ưu-bà-tắc ngồi xuống một bên, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ. Ngài dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu sự hoan hỷ rồi, liền rời chỗ ngồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và ngồi xuống một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất đi chẳng bao lâu, cư sĩ cấp Cô Độc và năm trăm iru-bà-tắc cũng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài rồi ngôi xuồng một bên. Sau khi Tôn giả Xá-lợi-phất và mọi người đã an tọa, đức Thế Tôn dạy: Này Xá-lợi-phất, nếu thầy biết rằng bạch y Thánh đệ tử gìn giữ, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bôn tăng thượng tâm thì đôi với hiện pháp lạc tru dễ được chứ không phải khó được. Này Xá-lợi-phất9 thầy nên ghi nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không còn sanh vào loài súc sanh, nga quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-dà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến tới quả vị Chánh giác, tối đa chịu đủ bảy lần sanh tử nữa; sau bảy lần sanh lại cõi trời, nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau. Này Xá-lợi-phất, thế nào là bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành năm pháp một cách hoàn hảo? Đó là bạch y Thánh đệ tử xa lìa sát sanh, vứt bỏ đao gậy, có tâm tàm quý, tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến loài côn trùng. Người ây đôi với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Đây là pháp thứ nhát mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo. Lại nữa, Xá-lợi-phất5 bạch y Thánh đệ tử xa lìa việc không cho mà lấy, dứt trừ việc không cho mà lấy; có cho mới lấy, vui với việc cho mới lấy; thường ưa bô thí, hoan hỷ không keo kiêt, không mong đên trả, không tham lam, thây tài vật kẻ khác không lây vê mình. Người áy đôi với việc không cho mà lây, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ hai mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo.



Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa tà dâm, dứt trừ tà dâm; người nữ kia hoặc có cha giữ gìn, hoặc có mẹ giữ gìn, hoặc có cả cha mẹ cùng giữ gìn, hoặc anh em giữ gìn, hoặc chị em giữ gìn, hoặc gia nương giữ gìn, hoặc thân tộc giữ gìn, hoặc người cùng họ giữ gìn, hoặc những phụ nữ khác bị đe dọa băng hình phạt roi vọt, hoặc đã có ước hẹn băng tài hóa, cho đên băng một tràng hoa; đôi với tát cả những người nữ ây, người đó không xâm phạm đên. Người ấy đối với tà dâm, tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ ba mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo. Lại nữa, Xá-lqi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa nói dối, dứt trừ nói dối? nói lời chân thật, ưa sự chân thật, an trú nơi sự chân thật, không dời đổi sai chạy; tất cả những lời nói đều đáng tin, không lừa dối thế gian. Người ấy đối với sự nói dối5 tâm đã tịnh trừ. Đó là pháp thứ

tư mà bạch y Thánh đệ tử đã giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo. Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử xa lìa rượu, bỏ rượu. Người ấy đối với việc uống rượu, tâm đã tinh trừ. Đó là pháp thứ năm mà bạch y Thánh đệ tử giữ gìn và thực hành một cách hoàn hảo. Này Xá-lợi-phất9 thế nào là bạch y Thánh đệ tử được bốn tâm tăng thượng, đối với hiện pháp lạc trú, dễ được chứ không khó? Đó là bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Người ấy nhớ nghĩ Như Lai như vậy rồi, nếu có những ác dục liền được tiêu diệt; trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, lo âu, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào Như Lai, tâm tinh được hỷ5 nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt; trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ nhất, đoi với hiện pháp lạc tru dễ được chứ không khó. Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ pháp Thế Tôn khéo nói, pháp chắc chắn đưa đến cứu cánh, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, không di động. Quán pháp như vậy, giác ngộ pháp như vậy, biết pháp như vậy, nhớ nghĩ pháp như vậy rồi, nếu có những điều ác dục liền được tiêu diệt; trong tâm có những điêu bát thiện, nhớp nhơ, sâu khô, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào pháp, tâm tịnh được hỷ, nêu có những điêu ác dục, liên được tiêu diệt; trong tâm có những điêu bát thiện, nhớp nhơ, sâu khô, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ hai, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không khó. Lại nữa, Xá-lợi-phất, bạch y Thánh đệ tử nhớ nghĩ chúng Tăng, Thánh chúng của Như Lai, là những bậc Thiện Thú Hướng, Chánh Thú Hướng, Như Lý Hành, Pháp Tùy Pháp Hành. Chúng ấy thật có A-la-hán hướng, A-la-hán quả, có A-na-hàm hướng, A-na-hàm quả, có Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm



quả, có Tu-đà-hoàn hướng, Tu-đà-hoàn quả; đó là bốn đôi tám bậc, là chúng của Như Lai, thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, đáng kính, đáng trọng, đáng phục, đáng cúng, là ruộng phước tót của thê gian. Người ây nhớ nghĩ Thánh chúng của Như Lai như vậy, nếu có những điều ác dục, liền được tiêu diệt; trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào Thánh chúng của Như Lai, tâm được hoan hỷ? nêu có những điêu ác dục, liền được tiêu diệt; trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ ba, đối với hiện pháp lạc tru dễ được chứ không khó. Lại nữa, Xá-lợi-phất? bạch y Thánh đệ tử tự nhớ nghĩ giới, giới này không sứt mẻ, không rách nát, không ô uê, không câu bân, vững như dát, không hư vọng; đó là điêu mà đức Phật ngợi khen, thọ trì đây đủ tót đẹp. Người ây tự nhớ nghĩ giới như vậy, nêu có những điêu ác dục, liên được tiêu diệt; trong tâm có những điều bất thiện, nhớp nhơ, sầu khổ, âu lo, cũng được tiêu diệt. Bạch y Thánh đệ tử duyên vào giới, tâm tịnh được hỷ, nêu có những điêu ác dục, liên được tiêu diệt; trong tâm nêu có những điêu bát thiện, nhớp nhơ, sâu khô, âu lo, cũng được tiêu diệt. Như vậy, bạch y Thánh đệ tử được tâm tăng thượng thứ tư, đoi với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không khó. Này

Xá-lợi-phất, nếu thầy biết rằng, bạch y Thánh đệ tử giữ gìn, thực hành năm pháp một cách hoàn hảo và được bôn tâm tăng thượng này, đối với hiện pháp lạc trú dễ được chứ không khó; thì này Xá-lợi-phất, thầy nên ghi nhận rằng Thánh đệ tử này không còn đọa địa ngục, cũng không sanh vào loài súc sanh, nga quỷ và các chỗ ác, được quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác pháp, nhất định thẳng tiến đến quả vi Chánh giác, tối đa chiu bảy lần sanh tử nữa; sau bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, liền được chấm dứt khổ đau. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài tụng: Kẻ trí sống tại gia, Thấy địa ngục, sợ hãi5 Do thọ trì Thánh pháp, Trừ bỏ tất cả ác. Không sát hại chúng sanh, Biết rồi hay lìa bỏ, Chân thật không nói dối, Không trộm của kẻ khác, Tri túc với gia phụ, Không ái lạc vợ người, Dứt bỏ việc uông rượu, Góc tâm loạn cuông si. Thường nên niệm chánh giác, Suy nghĩ các pháp lành, Niệm Tăng, quán cấm giới, Do đó được hoan hỷ. Muốn hành hạnh bố thí, Mà cau mong hưởng phước, Trước thí người tịnh tâm, Như vậy thành quả báo. Ta nói tâm tịnh tịch, Xá-lợi nên nghe ky, Nếu có đen và trắng, Sắc đỏ cùng sắc vàng, Tạp sắc, ái lạc sắc, Trâu và các chim câu,



Tùy loại chúng sanh ra, Trâu thuân đi phía trước, Thân sức thành đầy đủ, Đi mau lại về mau, Dùng theo khả năng chúng, Ke gì sắc tốt xấu. Nhân gian này cũng vậy, Tùy theo chỗ thọ sanh: Sát-đế-lợi5 Phạm chí, Cư sĩ hay thợ thuyền, Tùy thọ sanh của họ, Trưởng lão do tịnh giới, Bậc Vô Trước, Thiến Thệ, Cúng thí ấy, quả lớn. Phàm ngu, vô sở tri, Không tuệ, không học hỏi, Thí nơi ấy, quả nhỏ, Không quang minh rọi đến, Nơi nào rọi quang minh, Phật đệ tử trí tuệ, Tín tâm nơi Thiện Thệ, Thiện căn được vững bền. Người ấy sanh thiện xứ, Như ý chứng Gia gia, Tối hậu đắc Niết-bàn, Như vậy có duyên cả. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Xá-lợi-phất, chư Tỳ-kheo, cư sĩ cấp Cô Độc và năm trăm ưu-bà-tắc sau khi nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

129. KINH OÁN GIA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có bảy pháp oán gia đê gây thành oán gia khi những nam nữ nôi lên sân nhuế. Những gì là bảy? Oán gia thì không muốn oán gia có sắc đẹp. Vì sao oán gia không muốn oan gia có sắc đẹp? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không xả bỏ sân nhuế thì người ấy tuy luôn tắm gội, dùng danh hương thoa mình, nhưng sắc thân vẫn xấu. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ nhất gây thành oán gia khi những nam nữ nôi lên sân nhuê. Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia ngủ nghỉ an lành? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bi chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy tuy nằm trên giường vua, trải bằng thảm lông chim, phủ bằng gấm vóc lụa là, có nệm, mền5 hai đâu kê g6i, được phủ bằng thảm quý da sơn dương, nhưng giấc ngủ vẫn âu lo đau kho. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuê. Đó là pháp oán gia thứ hai gây thành oán gia khi những nam nữ nôi lên sân nhuế. Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có lợi lớn? Người hay sân nhuế, bi tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy đán^ lẽ

được lợi lại không được lợi, đáng lẽ không được lợi lại được lợi, hai điều ây chống trái nhau, thật là bất lợi lớn. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ ba gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế. Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có bằng hữu? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi tâm sân nhuế, bị chi phối bởi tâm sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế thì người ấy nếu có bằng hữu thân thiết, họ cũng tìm cách lánh mặt bỏ đi. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ tư gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế.



Lại nữa, oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia có sự khen ngợi? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhuế, người ấy danh ô, tiêng xâu đôn kháp. Vì sao như vậy? Vì bị chi phôi bởi sân nhuê, tâm không bỏ sân nhuế. Đó là pháp oán gia thứ năm gây thành oán gia khi những nam nữ r sân nhuê. Lại nữa, oán gia thì không muôn đê oán gia quá giàu sang. Vì sao oán gia không muốn để oán gia quá giàu sang? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuê, bi chi phôi bởi sân nhuê, tâm không bỏ sân nhuê, người ây tạo nghiệp thân, khẩu, ý như vậy khiến mất nhiều tài vật. Vì sao như vậy? Vì bị chi phối bởi sân nhuê, tâm không bỏ sân nhuê. Đó là pháp oán gia thứ sáu gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế. Lại nữa, oán gia thì không muốn để oán gia khi thân hoại mạng chung đến chỗ an lành, sanh ở cõi trời. Vì sao oán gia thì không muốn oán gia đến chỗ an lành? Người hay sân nhuế, bị tác động bởi sân nhuế, bị chi phối bởi sân nhuế, tâm không bỏ sân nhu, thân, khâu, ý tạo ác nghiệp, thân hoại mạng chung chác chănr đên chô ác, sanh trong r : địa ngục. Vì sao . như vậy? Vì bi chi phôi bởi sân nhuê, tâm không bỏ sân nhuê. Đó là pháp oán gia thứ bảy gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuế. Đó là bảy pháp oán gia gây thành oán gia khi những nam nữ sân nhuê „1 • Á r qpl rẤ rp * 1 \ • [ A W Khi ây, đức The Tôn noi bai kệ răng: y 9

Người sân sắc da xấu, Năm ngủ khô, không yên? Đáng lẽ được của nhiều, Trở lại bị bất lợi. Kẻ bằng hữu thân thiết, Xa lìa người sân nhuế, Luôn luôn tập sân nhuế, Tiêng xâu đôn kháp nơi. Sân gây nghiệp thân, khẩu, Nhuế buộc ràng nghiệp ý, Người bị nhuế chế ngự, Mất tất cả tài vật. Sân nhuế sanh bất lợi, Sân nhuế sanh tâm nhơ, Sợ sệt sanh bên trong, Người ta không thể biết. Người sân không biết nghĩa, Người sân không hiểu pháp, r Không mắt, mù mịt tối, Là người ưa sân nhuê. Nhuế dậy hiện sắc xấu, Như lửa mới bốc khói, Từ đó sanh ghét ghen, Duyên sân lại do đó. Việc làm của người sân, Dù thiện và bất thiện, Sau khi cơn sân qua, Nóng lòng như lửa đốt, Gọi là nghiệp phiền nhiệt, Và các pháp buộc ràng. Tát ca Ta đã noi, Các thầy hãy nghe kỹ, Người sân nghịch hại cha, Và với cả anh em, Cũng giết hại chị em, Người sân nhiều tàn khốc.



Sanh ra và lớn lên, Được thây thê gian này, Nhờ mẹ được sống còn, Khi sân cũng sát hại. Không xấu, không hổ thẹn, Sân triền, không nói năng, Người bị sân che ngự, Miệng

nói không chừa gì, Tạo tác tội nghịch si, Đe mình tự yểu mạng. Khi làm không tự biết, Do sân sanh sợ hãi, Tự buộc trói thân mình, Ái lạc không cùng cực. Dù ái niệm tự thân, Người sân cũng tự hại, Hoặc tự đâm băng dao, Hoặc nhảy xuông hang sâu, Hay dùng dây thắt cổ, Uống các loại thuốc độc, Đó là tượng sân nhuế, Là chết bởi vì sân. Tất cả đều dứt hết, Dùng tuệ mới biết được, Nghiệp bất thiện đù nhỏ, Người trí biết liền trừ. Nên nhẫn nại hạnh này, Màu da không xâu xí. Không nhuế, cũng không ưu, Khói tắt không lay động, Chê ngự đoạn sân nhuê, Tịch diệt không còn lậu. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

130. KINH GIÁO ĐÀM-DI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Bàm-di, vị Tôn trưởng địa phương, làm chủ một tịnh xá, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn, thô lỗ, hay mắng nhiếc chê trách các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vi Tỳ-kheo địa phương bỏ di, không muốn ở đó nữa. Các iru-bà-tắc địa phương thấy các vị Tỳ-kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn ở đó nữa, liền nghĩ: “Các vị Tỳ-kheo địa phương này vì sao lại bỏ di, không muốn sống ở đây nữa?,, Rồi các vị ưu-bà- tắc địa phương nghe được: "Tôn giả Đàm-di, vị Tôn trưởng địa phương, làm chủ một tinh xá, được mọi người tôn sùng, tánh tình hung bạo, nóng nảy, rất cộc cằn, thô lỗ, hay mắng nhiếc, chê trách các vị Tỳ-kheo. Vì vậy, các vị Tỳ- kheo địa phương đều bỏ đi, không muốn sống ở đó nữa." Các vi ưu-bà-tắc địa phương nghe việc ấy rồi liền cùng nhau kéo đến Tôn giả Đàm-di, xua đuổi ngài ra khỏi các tinh xá địa phuơng. Bấy giờ, Tôn giả Đàm-di bị các ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương, liền vấn y, mang bát du hành đến nước Xá-vệ, dần dà đến vườn cấp Cô Độc, rừng Thắng Lâm, nước Xá-vệ. Rồi Tôn Giả Đàm-di đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn5 con đối với ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc gì, không xúc phạm đến ai; nhưng các ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tịnh xá địa phương. Khi đó, đức Thế Tôn bảo:  Thôi đủ rồi, này Đàm-di, cần chi phải nói việc đó!

Tôn giả Đàm-di chắp tay hướng Phật, bạch lại một lần nữa:  Bạch Thế Tôn, con đối với ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng nói việc gì, không xúc phạm đến ai; nhưng các ưu-bà-tắc địa phương xua đuổi con ra khỏi các tịnh xá địa phương. Đức Thế Tôn cũng lần thứ hai bảo:  Thuở xưa, ở cõi Diêm-phù-đê này có các thương nhân đi thuyên ra biên, mang theo con ó tìm bờ. Những người ấy ra biển chưa bao xa, họ thả con ó tìm bờ. Nếu con ó tìm bờ đến được bờ của biển cả9 nó sẽ vĩnh viễn không trở lại thuyên; nêu con ó tìm bờ không đên được bờ của biên cả nó sẽ trở lại thuyên.



___ 5 e 5 ĩ Thây cũng vậy, này Đàm-di; bởi vì thây bị các ưu-bà-tăc địa phương xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương nên thầy mới trở về chỗ Ta. Thôi đủ rồi, Đàm-di, cần gì phải nói điều đó nữa! Tôn giả Đàm-di bạch lại lần thứ ba:  Bạch Thế T6n, con đối với ưu-bà-tắc địa phương không có điều gì xấu xa, chẳng có việc gì, không xúc phạm đến ai; nhimg các ưu-bà-tắc xua đuổi con ra khỏi các tinh xá địa phương. Đức Thế Tôn cũng lại lần thứ ba bảo:  Đàm-di, thầy trụ trong pháp Sa-môn mà bị ưu-bà-tắc địa phương

xua đuổi ra khỏi các tịnh xá địa phương sao? Lúc đó5 Tôn giả Đàm-di liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là Sa-môn trụ trong pháp Sa-môn? Đức Thế Tôn dạy:  Này Đàm-di, thuở xưa, khi con người đên tám vạn tuôi. Đàm-di, khi con người đến tám vạn tuổi thì cõi Diêm-phù-đề này cực kỳ giàu sang, hạnh phúc, dân cư đông đúc, thôn ấp gần nhau bằng khoảng một con gà bay. Khi con người sống đến tám vạn tuổi, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Này Đàm-di, khi con người sống đến tám vạn tuổi, chỉ có các bệnh như vầy: Đại tiện, tiểu tiện, lòng dục, ăn uông và già. Đàm-di, khi con người sông tám vạn tuổi, có một vị vua tên là Cao-la-bà thông minh, trí tuệ, làm Chuyển Luân Vương, có bốn loại đạo binh, chỉnh trị thiên hạ, là Pháp vương thực hành theo Chánh pháp, thành tựu bảy báu; bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu; đó là bảy báu. Vua có một ngàn người con, tướng mạo đoan chánh, dũng mãnh vô úy, có thể khuất phục mọi người. Vua ấy thống lãnh tất cả cõi đất đai cho đến biển cả, không băng đao gậy, mà chỉ băng Chánh pháp mà cai trị giáo hóa khiến được an ổn. Này Dàm-di, Vua Cao-la-bà có một cây tên là Thiện Trụ Ni-câu-loại vương. Đàm-di, Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương có năm cành: Cành thứ nhất dành cho vua và hoàng hậu ăn; cành thứ nhì dành cho thái tử và các quan ăn; cành thứ ba dành cho nhân dân trong nước ăn; cành thứ tư dành cho Sa-môn, Phạm chí ăn; cành thứ năm dành cho cầm thú ăn. Bàmdi, quả của cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương lớn bằng cái bình hai thăng, mùi vị như mật nguyên chất. Đàm-di, quả Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không ai canh giữ mà cũng chẳng ai trộm về. về sau, có một người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả. Người ấy đến cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương ăn quả, rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Trên cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương có một vị trời nương ở đó. Ông ấy nghĩ: “Lạ thay, người ở châu Diêm-phù-đề vô ân, không biết báo đáp. Vì sao? Vì nó ăn quả nơi cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương rồi bẻ gãy cành cây, hái quả đem về. Mong cho cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ



vương không có quả, không sanh quả nữa.99 Tức thì cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả. Rồi lại có người đói khát, gầy còm, nhan sắc tiều tụy, muốn được ăn quả, đi đến cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương, thấy cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả, tức thì đến Vua Cao-la-bà tâu răng: “Tâu Thiên vương, nên biết, cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không có quả, cũng không sanh quả.” Vua Cao-la-bà nghe xong, trong khoảnh khắc như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến khỏi Câu-lâu-sấu, đến cõi Tam Thập Tam thiên, đứng trước thềm Đế- thích và tâu rang: "Tâu Câu-dực, nên biết, cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương không có quả cũng không sanh quả nữa.^, Khi đó, Thiên Đê-thích và Vua Cao-la-bà trong khoảnh khác, như người lực sĩ co duỗi cánh tay, biến khỏi cõi Tam Thập Tam thiên đến nước Câu-lâu-sấu? cách xa cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương đứng lại. Thiên Đế-thích thực hiện như ý túc như kỳ tượng, hóa làm nước lớn, gió bão và mưa to. Do nước lớn, gió bão, mưa to, cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc, ngã đổ. Lúc đó, có vị trời sống trên cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương nhân thấy như vậy mới buồn khổ, sầu thương, khóc lóc chảy nước mắt, đứng trước mặt

Thiên Đe-thích. Thiên Đế-thích hỏi: "Này Thiên thần, vì lẽ gì mà ông buồn khổ, sầu thương, khóc lóc rơi le, đứng trước mặt ta?" Vi trời kia thưa: "Tâu Câu-dực, nên biết, nước lớn, gió bão, mưa to, cây Thiện Trụ Ni-câu- loại thọ vương bị tróc gốc, ngã Khi ấy, Thiên Đấ-thích bảo thọ thiên kia: "Ông là thọ thiên trụ thọ thiên pháp mà để nước lớn, gió mạnh, mưa to làm cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương bị tróc gốc, ngã đổ sao?" Thọ thiên thưa: "Tâu Câu-dực, thế nào gọi là thọ pháp thiên trụ thọ thiên?" Thiên Đế-thích bảo: "Gi sử có người muốn được gốc cây, đem gốc cây đi, muốn được cành cây, nhánh cây, lá cây, hoa quả cứ đem đi. Thọ thiên không nên giận dữ, không nên ghen ghét, tâm không nên thù hận. Thọ thiên vẫn an trú trên thọ thiên với ý niệm buông xả. Như vậy gọi là thọ pháp thiện trụ thọ thiên. Vi trời kia lại tâu: "Tâu Câu-dực, tôi là thọ thiên mà không trụ thọ thiên pháp. Từ nay về sau tôi sẽ trụ thọ thiên pháp. Ước mong cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương trở lạinhưcũ!,/ .

692 KINH TRƯNG A-HÀM

Rồi Thiên Đế-thích thực hiện như ý túc như kỳ tượng; thực hiện như ý túc như kỳ tượng xong, lại hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to. Thiên Đế-thích hóa làm nước lớn, gió bão, mưa to xong, cây Thiện Trụ Ni-câu-loại thọ vương liền trở lại như cũ. Này Đàm-di, cũng vậy, nêu có Tỳ-kheo bị người măng nhiêc, không măng nhiêc lại; bị người sân giận, không sân giận lại; bị người quây phá, không quây phá lại; bị người đánh, không đánh lại. Này Đàm-di, như vậy gọi là Sa-môn trụ pháp Sa-môn. Lúc đó, Tôn giả Đàm-di liền rời chỗ ngồi, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng Phật, khóc lóc rơi lệ và bạch: Bạch Thế Tôn, con không phải là Sa-môn trụ pháp Sa-môn. Từ nay về sau, con mới là Sa-môn trụ pháp Sa-môn. Đức Thế Tôn dạy: Xưa có một Đại sư tên là Thiện Nhãn, được các ngoại đạo tiên nhơn tôn làm Tôn sư, lìa bỏ ái dục, được như ý túc. Này Đàm-di, Đại sư Thiện Nhãn có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di9 Đại sư Thiện Nhãn nói pháp Phạm thế cho các đệ tử nghe. Đàm-di, khi Đại sư Thiện Nhãn nói pháp Phạm thế cho các đệ tử, trong các đệ tử có người không phụng hành trọn vẹn thì người ấy, sau khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên cõi trời Tam Thập Tam thiên, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma, hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa Lạc. Này Đàm-di, khi Đại sư Thiện Nhãn nói Phạm thế pháp cho đệ tử nghe, trong các đệ tử, có người phụng hành trọn vẹn, người ây tu bôn Phạm that, lìa bỏ dục, khi mạng chung rồi, được sanh lên cối trời Phạm thiên. Đàm-di, khi ấy Đại sư Thiện Nhãn nghĩ rằng: "Bời sau, ta không nên cùng các đệ tử đồng sanh đến một chỗ; bây giờ, ta hãy tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Dpc." Bàm-di, sau đó Đại sư Thiện Nhãn liền tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di, Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không luống công, được quả báo lớn. Cũng như Đại sư Thiện Nhãn, có các Đại sư Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-giá Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xá-đa9 Hạt-đề- bà-la-ma-nạp, Thù-đề-ma-lệ-kiều-bệ-đà-la và Tát-đa-phú-lậu-hề-đa. Bàm-di, Đại sư Thất-phú-lau-hề-đa cũng có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Đàm-di, Vi Đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa nói pháp Phạm thế cho các đệ tử. Nếu khi Đại sư Thất- phú-lâu-hề-đa nói pháp Phạm thế cho đệ tử, trong số các đệ tử, có người không phụng hành trọn vẹn pháp đã dạy, người ấy sau

khi mạng chung, hoặc sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương, hoặc sanh lên cõi trời Tam Thập Tam thiên, hoặc sanh lên cõi trời Diệm-ma? hoặc sanh lên cõi trời Đâu-suất-đà? hoặc sanh lên cõi trời Hóa Lạc, hoặc sanh lên cõi trời Tha Hóa Lạc. Vị Đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa khi nói pháp Phạm thế, trong số các đệ tử có người phụng hành trọn vẹn pháp ấy,

130. KINH GIÁO ĐÀM-DI  693

tu bốn Phạm thất, lìa bỏ dục ái, người ấy sau khi mạng chung, được sanh vào cõi trời Phạm thiên. Đàm-di, vị Đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa nghĩ: uĐời sau, ta không nên cùng các đệ tử sanh vào một chỗ; bây giờ, ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thường từ, mạng chung sẽ được sanh vào cõi trời Hoảng Due?9 Đàm-di? sau đó vi Đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung được sanh lên cõi trời Hoảng Dục. Đàm-di? vị Đại sư Thất-phú-lâu-hề-đa và các đệ tử học đạo không hư dối, được quả báo lớn. Đàm-di5 nếu có người nào mắng nhiếc bảy vị Đại sư và vô lượng trăm ngàn đệ tử kia, đánh phá, sân nhuế, trách móc họ, chắc chắn chịu vô lượng tội. Nhưng đối với một Tỳ-kheo đệ tử Phật đã thanh tựu chánh kiến, chứng đắc tiểu quả, mà có ai mắng nhiếc, đả phá, sân nhuế, trách móc vi ấy thì mắc tội nhiều hơn thế nữa. Thế nên, này Đàm-di, các thầy hãy luôn luôn nhắc nhở thủ hộ lẫn nhau. Vì sao như vậy? Vì ngoài tội này, không còn tội nào hơn nữa. Khi ấy, đức Thế Tôn nói bài kệ: Tu-niết, Mâu-lê-phá-quần-na, A-la-na-dà Bà-la-môn, Cù-đà-lê-xa-da, Hại-đề-bà-la-ma-nạp, Thù-đề-ma-lệ-kiều-bệ-bà-la, Tát-đa-phú-lâu-hề-đa: Trong đời quá khứ ây5 Danh đức bảy Tôn su, Bi tâm, không nhiễm ái, Dục kiết đã dứt trừ. Trăm ngàn số đệ tử, Vô lượng đếm sao vừa, Cũng đều íy dục kiết, Dù cứu cánh còn chưa. Với các tiên nhơn ấy, Thủ trì khổ hạnh này, Ai ôm lòng oán hận, Tội mắng nhiếc nhiều thay! Huống chi với Phật tử, Quả thay tri kiến ngay, Ai chửi mắng, đập phá, Tội nghiệp lại tràn đầy. Này Đàm-di, do đó, Hãy biết thủ hộ nhau, Thủ trì lẫn nhau vậy, Tội nặng nào hơn đâu. Như thế thật quá khổ, Bậc Thánh cũng ghét bỏ, Màu da lại xấu xí, Chớ thủ tà kiến xứ, Đó là hạng thấp hèn? Thánh pháp gọi như thế. Dù chưa lìa dâm dục, Có diệu ngũ căn này: Tín, tinh tấn, niệm xứ, Chánh đinh, chánh quán đây, Khổ kia mình chiu vậy, Trước phải thọ họa tai, Họa tai đã tự thọ, Sau nữa gây hại người. Ai hay tự thủ hộ, Tất thủ hộ bên ngoài, Cho nên hãy tự hộ, Kẻ trí, hoan lạc thay! Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Đàm-di và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

131. KINH HÀNG MA Tôi nghe như vầy: Một thòi, Phật du hóa tại Bạt-kỳ-sấu5 núi Ngạc Sơn, trong rừng Bố Lâm, vườn Lộc Dã. Lúc bấy giờ, Tôn giả giáo thọ Đại Mục-kiền-liên đang coi việc dựng thiền thất cho Phật. Trong lúc Tôn giả đang kinh hành trên khoảng đất trống thì Ma vương hóa hình nhỏ xíu, chui vào trong bụng của Tôn giả Đại Mục-kiền-liên. Lúc đó? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghĩ như vầy: "Hinh như ta ăn phải hạt đậu vào bụng. Ta hãy nhập như kỳ tượng định; bằng như kỳ tượng định, ta nhìn vào bụng xem.^, Rồi Ton giả Đại Mục-kiền-liên đi đến cuối đường kinh hành, trải ni-sư-đàn, ngồi kiếtgià, nhập như kỳ tượng định. Bằng như kỳ tượng định mà nhìn vào bụng minh, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thấy Ma vương đang ở trong đó. Tôn giả bèn ra khỏi định, nói với Ma vương:  Này Ba-tuân, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuân, ngươi

hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng song mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích, mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ. Khi ấy, Ma vương bèn nghĩ: uSa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: "Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ xúc nhiễu đệ tử của Như Lai, Đừng sống mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích, mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng kh&" Tôn sư của ông có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, cũng không thê thây mau lẹ, biêt mau lẹ như vậy. Huông nữa là đệ tử mà thấy biết được sao?" Tôn giả Đại Mục-kiên-liên lại nói với Ma vương: -Ta lại biêt trong ý của ngươi, ngươi nghĩ như vây: "Sa-môn này không thấy, không biết, thế mà lại nói: 'Này Ba-tuần, ngươi hãy đi ra! Này Ba-tuàn, ngươi hãy đi ra! Chớ có xúc nhiễu Như Lai, cũng chớ có xúc nhiễu đệ tử của Như Lai. Đừng sống mãi trong sự không thiện lợi, không thiện ích, mà phải thác sanh ác xứ, thọ vô lượng khổ/ Tôn sư của ông có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thân, còn không thê thây mau lẹ? biêt mau lẹ như vậy. Huống nữa là đệ tử mà thấy biết được sao?" Ma Ba-tuan kia nghĩ: "Sam6n này đã thấy và biết ta nên mới nói như vậy.99 Rồi Ma Ba-tuần hóa hình nhỏ xíu từ trong miệng vọt ra, đứng ngay trước mặt Tôn giả Đại Mục-kiền-liên.



Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo: -Này Ma Ba-tuần, xưa kia, vào thuở đức Phật Giác-lịch-câu-tuần-đại, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó ta làm ma tên là Ác. Ta có người em gái tên là Hác. Ngươi chính là con trai của nó. Này Ba-tuân, vì lẽ đó, cho nên ngươi là cháu gọi ta bằng cậu? Này Ba-tuần? đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác có hai đệ tử: Một tên là Am, hai là Tưởng. Này Ba-tuần, do ý nghĩa nào được gọi là Âm? Này Ba-tuần, Tôn giả đó lúc sống trên cõi trời Phạm thiên, tiếng nói của ngài vang cả ngàn thế giới, lại không có một đệ tử nào có âm thanh ngang băng, hoặc tương tợ hoặc trội hơn được. Này Ba-tuân, vì lẽ ây cho nên Tôn giả đó được gọi là Âm vậy. Này Ba-tuần, lại do ý nghĩa nào mà Tôn giả Tưởng có tên là Tưởng? Này Batuần, Tôn giả Tưởng nương nơi thôn ấp mà du hành. Khi đêm đã qua, lúc trời hừng sáng, Tôn giả ấy đắp y, mang bình bát đi vào thôn ấp khất thực, cẩn thận thủ hộ, thân thu nhiếp các căn, giữ vững chánh niệm. Ngài sau khi khất thực xong và sau khi ăn vào lúc giữa trưa, thâu vén y bát, rửa tay chân, vắt ni-sư-đàn trên vai, đi vào chỗ vắng, yên tĩnh, trải ni- sư-đàn, ngồi kiết-già, liền nhập Tưởng tri diệt định một cách nhanh chóng. Lúc ấy, có những người đang lùa trâu dê, người đi mót cỏ, hoặc người đi đường, họ vào trong núi, thấy ngài nhập Tưởng tri diệt định, bèn nghi: "Nay Sa-môn này ngồi mà chết trong khu rừng vắng này, chúng ta hãy nhặt cỏ khô chất đống, phủ lên trên, ràng rịt cẩn thận, rồi lượm củi chất đống lên trên thân để hỏa thiêu.” Họ bèn nhặt cỏ chất đống phủ lên thân ngài, nổi lửa đốt, rồi bỏ mà đi. Tôn giả Tưởng kia, sau đêm đã qua, trời đã hừng sáng, ra khỏi đinh, đập phủi y phục du hành trở vê thôn áp, đáp y, mang bình bát vào thôn áp khát thực như thường lệ, khéo giữ gìn thân căn, giữ vững chánh niệm. Những người lùa trâu dê, những người mót cỏ khô hoặc người đi đường vào trong núi đã gặp Tôn giả trước kia, họ bèn nghĩ: uSa-môn ngồi mà chết trong khi rừng vắng vẻ này, chúng ta đã nhặt cỏ khô chất đống phủ trên thân, nổi lửa

đốt rồi bỏ đó mà đi. Song Hiền giả này vân còn biêt tưởng.” Này Ba-tuân, vì lẽ đó cho nên Tôn giả đó được gọi là Tưởng vậy. 5 r r x •

Này Ba-tuân, lúc ây Ac-ma nghĩ: "Sa-môn trọc đâu này bi đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái. Họ học thiên nên ngôi đăm đuôi, càng đăm đuôi, mải miết đắm đuối. Giống như con lừa trọn ngày mang nặng, bị cột lại trong tàu, không được ăn lúa mạch, nó đăm đuôi, càng đăm đuôi, mải miêt đăm đuôi lá lúa mạch kia. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị đem trói chặt, tuyệt chủng, không con cái. Họ học thiền, đắm đuối, càng đắm mãi. Giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, vì muôn bat chuột nên nó đăm đuôi, càng đăm đuôi, mải miêt đăm đuôi. Cũng vậy, Sa-môn trọc đâu này bi đem trói chặt, tuyệt chủng, không con cái. Họ học thiền, đắm đuối, càng đắm đuối, mải miết đắm đuối. Cũng giống như con chồn hươu ở giữa đống củi khô vì muốn bắt chuột nên nó



đắm đuối, càng đắm đuối, mải miết đắm đuối. Cũng vậy, Sa-môn trọc đầu này bị đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái. Họ học thiền, đắm đuối, mải miết đắm đuối. Giống như con hạc ở bên bờ nước, vì muốn bắt cá nên nó đắm đuôi, cang đam đuôi, mai miet đam đuôi. Cung vạy, Sa-mon trọc đau nay bị đem trói chặt, bị tuyệt chủng, không con cái. Họ học thiền, đắm đuối, càng đắm đuối, mải miết đắm đuối. Họ đắm đuối cái gì? Đắm đuối với mục đích gì? Đắm đuối để mong cái gì? Họ loạn trí, phát cuồng, bại hoại. Ta chẳng biết họ ở đâu đên, cũng chăng biêt họ đi vê đâu, chăng biêt họ sông ở dâu, chăng biêt họ chét như thế nào, sanh như thế nào. Ta hãy dạy bảo các Phạm chí, cư sĩ: 'Các ngươi hãy đi đến, chửi, đập, phá, rủa sả Sa-môn tinh tấn kia. Vì sao vậy? Khi bi chửi, bị đập, bị phá, bị rủa sả, biết đâu họ chẳng nổi ác tâm để ta dễ lợi dung?'" Bấy giờ, Ác-ma bèn xúi giục các cư sĩ Phạm chí. Các cư sĩ Phạm chí ấy chửi, đập phá, rủa sả Sa-môn tinh tấn. Các cư sĩ Phạm chí ấy hoặc dùng cây đánh, hoặc lấy đá ném, hoặc vác gậy đập, có khi gây thương tích cho Sa-môn tinh tấn, có khi làm rách toạc áo, có khi làm bể bình bát. Bấy giờ, trong số cư SĨ Phạm chí ây, có kẻ chét, do nhân duyên này thân hoại mạng chung phải đên ác xứ, sanh trong địa ngục, sanh vào đó roi, suy nghĩ như vây: "Ta phải thọ khô này, lại phải thọ cực khô hơn nữa. Vì cớ sao? Vì chúng ta đã đôi xử tàn ác với Sa-môn tinh tấn vay." Này Ba-tuần, đệ tử của đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác mang đầu thương tích, mang y bị rách toạc, mang bình bát bể, đi đến chỗ Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho trăm ngàn quyến thuộc vây quanh. Đức Giác- lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong thấy từ xa một đệ tử mang đầu bi thương tích, y rách toạc, bình bát bể đi đến. Ngài thấy vậy, bảo các Tỳ-kheo: "Các thây thây chăng? Ac-ma đã xúi giục các cư sĩ Phạm chí: 'Các ngươi hãy đên chửi, đập, phá, rủa sả Sa-môn tinh tân. Vì cớ sao? Khi bi chửi, bị đập, bị rủa sả, biết đâu họ chẳng nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dụng?9 Này các Tỳ-kheo, hãy với tâm tương ưng với từ, biên mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy thượng hạ bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không két, không oán, không nhuê, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả

thế gian, thành tựu và an trú. Bi và hỷ cũng vậy. Tâm tương img với xả, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu và an trú. Với tâm ấy khiến Ác-ma không thể lợi dqng." Này Ma Ba-tuần, đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, 7 . í . Đăng Chánh Giác, băng giáo pháp như vậy mà dạy đệ tử. Họ bèn lãnh thọ giáo pháp ấy, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Với tâm ấy, ác ma kia không thể lợi dụng được.



Này Ba-tuần, lúc đó, Ác-ma lại nghĩ: "Bằng sự việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không thể được. Bây giờ, ta hãy xúi giục các cư sĩ Phạm chí: 'Các ngươi hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Biết đâu do sự phụng kính, cúng dường, lễ bái hầu hạ Sa-môn tinh tấn, họ chẳng nổi ác tâm, đe ta dễ dàng lợi dung?9 Này Ma Ba-tuần, các cư sĩ Phạm chí kia, sau khi bị ác ma xúi giục, họ đến phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Họ lấy áo trải lên mặt đất mà nói: 4Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên mà đi! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn, khoái lC.'Hoặc có Phạm chí trải tóc lên mặt đất, nói: 4Sa-môn tinh tấn, xin đạp lên tóc mà đi! Sa-môn tinh tấn thường làm những việc khó làm, khiến cho chúng tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn, khoái lạc/ Hoặc có cư sĩ Phạm chí tay bưng các loại ẩm thực, đứng bên đường chờ đợi mà nói: 'Sa-môn tinh tấn, xin nhận vật thực này, xin cứ mang đi tùy ý mà thọ dụng, để cho tôi mãi mãi được lợi ích, được an ổn, khoái lạc!' Các cư sĩ Phạm chí thành tín thấy Sa-môn tinh tấn, cung kính dìu đỡ vào nhà, đem các thứ tài vật ra cho Sa-môn tinh tấn và nói: 'Xin thọ nhận cái này, xin thọ dụng cái này, xin mang cái nàỵ đi, tùy ý mà thọ dụng!9 Lúc bấy giờ, trong số cư sĩ Phạm chí đó có người chết, do nhân duyên này thân hoại mạng chung, được đi đến thiện xứ? sanh lên cõi trời. Sau khi sanh vào đó, họ bèn nghi: "Ta đang thọ hưởng sự lạc này, lại sẽ thọ hưởng cực lạc hơn nữa. Vì sao thê? Vì chúng ta đã làm các việc lành với Sa-môn tinh tấn vay.'" Này Ma Ba-tuần, đệ tử của đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Cháng Giác, sau khi được phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ, họ đi đến đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác. Lúc đó, đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh. Khi đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trông thấy từ xa các đệ tử được phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ đang đi đến. Thay vậy, Ngài bảo các Tỳ-kheo: "Các thầy có thấy chăng? Ác-ma xúi giục các cư sĩ Phạm chí: 'Các ngươi hãy đến phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn. Biết đâu do phụng kính, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Sa-môn tinh tấn, họ không nổi ác tâm để ta dễ dàng lợi dung?' Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly? quán diệt, quán đoạn, để cho những Ác-ma không thể lợi dụng?9 Này Ma Ba-tuần, đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bằng giáo pháp như vậy mà dạy các đệ tử. Họ bèn thọ lãnh giáo pháp ấy, quán các hành vô thường, quán pháp hưng suy, quán vô dục, quán xả ly, quán diệt,

quán đoạn, khiến cho Ác-ma không the lợi dụng. Này Ma Ba-tuần, lúc đó Ác-ma bèn nghĩ: "Bằng việc ấy ta muốn lợi dụng Sa-môn tinh tấn mà không được. Ta hóa hình làm một thiêu nhi, tay câm cây

131. KINH HÀNG MA 699

A e A 9 r

gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đâu Tôn giả Am khiên máu chảy ướt cả mặt.,, Này Ma Ba-tuần? đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau đó, đang du hành trong thôn ấp. Khi đêm đã qua5 lúc trời hừng sáng, mang y bát vào trong thôn xóm khát thực. Tôn giả Am đi hầu theo phía sau. Này Ba-tuần, lúc ấy Ác-ma hóa làm một thiếu nhi, tay cầm một cây gậy lớn, đứng bên đường, đánh vỡ đầu Tôn giả Âm khiến máu chảy ướt cả mặt. Này Ma Ba-tuần, Tôn giả Âm sau khi bi vỡ đầu chảy máu, vẫn đi theo sau đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác như bóng không rời. Này Ma Ba-tuần, đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, sau khi đến thôn ấp bằng sức mạnh cùng cực của bản thân, Ngài xoay mình theo phía hữu, như cái nhìn của một voi chúa không sợ, không hãi, khôn^ kinh, không khiếp, quan sát kháp mọi phía. Này Ba-tuần, đức Giác-lịch-câu-tuan-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nhìn thấy Tôn giả Ầm bị đầu chảy máu ướt cả mặt, đang đi theo Phật như bóng không rời, bèn nói: "Ác-ma thật hung bạo này có đại oai lực. Ác-ma này không biết vừa đủ.^, Này Ma Ba-tuần, đức Giác-lịch-câu-tuần-đại Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói chưa xong thì ngay tại chỗ đó? Ác-ma liền bị đọa vào đại địa ngục Vô Khuyết. Này Ma Ba-tuần, đại địa ngục có bốn tên gọi: Một là Vô Khuyết, hai là Bách Đinh, ba là Nghịch Thích, bốn là Lục Cánh. Trong đại địa ngục đó có ngục tót đi đên chô Ac-ma ở và nói: "Ngươi nay nên biêt, nêu đinh hiệp với các đinh, phải biết mãn một trăm nm." Ma Ba-tuần nghe nói như vậy xong, trong lòng hết sức rúng động, kinh sợ, khủng khiếp vô cùng, tóc lông đều dựng ngược, bèn hướng đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên và nói bài kệ: Địa ngục kia thế nào, Xưa Ác-ma ở đó? Nhiễu hại Phật Phạm hạnh, Xúc phạm cả Tỳ-kheo? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp lại Ma Ba-tuần bài kệ: Địa ngục tên Vô Khuyết, Ác-ma từng ở đó, Nhiễu hại Phật Phạm hạnh, Xúc phạm Tỳ-kheo-tăng. Đinh sắt cả trăm cái, Thảy đều đâm ngược lên, Địa ngục tên Vô Khuyết, Ác-ma từng ở trong. Nếu như ai không biết, Đệ tử Phật, Tỳ-kheo, Tất nhiên khổ như vầy, Mà thọ báo nghiệp đen. Trong nhiều loại viên quán, Người ở trên đất này, Ăn lúa gạo tự nhiên, Đều sống ở Bắc châu. Chóp núi đại Tu-di, Xông ướp bởi nhân lành; Tu tập nơi giải thoát, Thọ trì tối hậu thân; Đứng sững trên suối lớn, Cung điện kiếp lâu bền. Sắc vàng thật ái lạc, Như lửa rực huy hoàng; Nhạc trời trỗi các thứ, Đen Đế-thích thiên cung; r Kiêp xưa với nhà cửa, Thiện Giác đã cúng dường.

700 KINH TRƯNG A-HÀM

Nếu Đế-thích đi trước, Lên điên Ty-xa-dien? Han hoan chào đón Thích, Thiên vũ nữ chúc mừng. Nếu thấy Tỳ-kheo đến, Nhìn vui vẻ thẹn thùng, Nêu Ty-xa-dien điên, Hỏi nghĩ cùng Tỳ-kheo, Ái tận, đắc giải thoát Đại Tiên có biết chăng? Tỳ-kheo liền đáp lại,

Người hỏi đúng như nghĩa, Câu-dực, ta biết đây, Ái tận đắc giải thoát. Nghe lời giải đáp này, Đế-thích hoan hỷ lạc, Tỳ-kheo ban lợi ích, Nói năng đúng nghĩa chơn. Trên Ty-xa-dien điên, Hỏi Đế-thích Thiên vương, Cung điện tên gì vậy, Mà người nhiếp trì thành? Thích đáp: Đại Tiên Nhơn, Ten Ty-xa-dien-aa, Gọi là thế giới ngàn, ở trong ngàn thế giới, Không cung điện nào hơn. Như Tỳ-xà-diên-đá, Thiên vương thiên Đế-thích, Tự tại mà du hành. Ái lạc Na-du-đá? Hóa một thành trăm hàng, Trong Tỳ-xà-diên điện, Thích được tự tại chơi, Tỳ-xà-diên đại điện, Ngón chân đủ lung lay, Thiên vương mắt xem thấy, Thích được tự tại chơi. Giảng đường Lộc Tử Mau, Nen sâu, đắp kiên cố, Khó động, khó lung lay, Lay bởi định như ý. Kia có đất lưu ly, Thánh nhân bước lên di, Trơn nhuần, cảm thọ lạc, Trải gấm bông êm dịu. Ái ngữ thường hòa hiệp, Thiên vương thường hân hoan Nhạc trời hay khéo frổi, Ầm tiết họa nhịp nhàng. Thiên chúng đều hội tụ, Nhưng thuyết Tu-đà-hoàn, Biết mấy vô lượng ngàn, Và hàng trăm na-thuật. Đen Tam Thập Tam thiên, Bậc Tuệ nhãn thuyết pháp, Nghe Ngài thuyết pháp xong, Hoan hỷ và phụng hành. Ta cũng có pháp ấy, Như lời của tiên nhơn, Tức lên cõi Đại phạm, Hỏi Phạm thiên sự tình, Phạm vân có thây ây, Tức thấy có từ xua, Ta vĩnh tồn, thường tại, Hằng hữu, không biến đổi. Đại phạm trả lời kia, Đại tiên tôi không thấy, Tức thấy có từ xua, Ta thường hằng không đổi. Tôi thấy cảnh giới này, Các Phạm thiên quá khứ, Ta nay do đâu nói, Thường hằng không biến đổi. Ta thấy thế gian này, Bậc Chánh Giác đã dạy, Tùy nhân duyên sanh ra, Luân chuyển rồi trở lại. Lửa không nghĩ thế này: Ta đốt kẻ ngu dại, Lửa đốt, ngu sờ tay, Tất nhiên phải bị cháy.

131. KINH HÀNG MA 701

__ , ĩ r Cũng vậy, ngươi, Ba-tuân, Đên pháp khuây Như Lai, Mãi làm điều bất thiện, Tất thọ báo miên viễn. Ngươi đừng trách Phật-đà, Chớ nhiễu hại Tỳ-kheo, Một Tỳ-kheo hàng ma, Tại Bố Lâm rừng già, Con quỷ sâu ảo não, Bị Kiền-liên quở la, Hãi hùng mất trí tuệ, Biến mất bèn đi xa. , o . 1 • A l • M X e Tôn giả Đại Mục-kiên-liên thuyêt như vậy, Ma Ba-tuân sau khi nghe Tôn giả dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa Câu-lâu-sấu, cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến thôn Thâu-lô-tra? trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Bấy giờ, các Phạm chí, cư sĩ ở thôn Thâu-lô-tra nghe tin Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, lìa bỏ tông tộc, xuất gia học đạo, đang du hóa ở Câu-lâu-sấu5 cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến thôn Thâu-lô-tra này, trú trong vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn Thâu-lô-tra. Vị Sa-môn Cù-đàm ấy có tiếng tăm lớn, đồn khắp mười phương: "Sa-môn Cù-đàm, đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vi ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trú. Vị ây thuyêt pháp vi diệu ở khởi đầu, vi diệu ở khoảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, cụ túc, thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh. Nếu được gặp đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác để tôn trọng, lễ bái, cúng dường thừa sự, thật là thiện lợi thay! Chúng ta nên cùng nhau đến gặp Sa-môn Cù-đàm để lễ bái, cúng đường." Các Phạm chí, cư sĩ Thâu-lô-tra sau khi được nghe như vậy, mỗi người cùng với các quyên

thuộc theo sau, từ thôn Thâu-lô-tra ra di, hướng vê phía Bắc, đến vườn Thi-nhiếp-hòa, mong gặp đức Thế Tôn để lễ bái, cúng dườn^. Sau khi đến nơi Phật, các Phạm chí, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra kia có người cúi đầu lễ bái sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, có người thăm hỏi Phật rồi ngồi sang một bên, có người chắp tay hướng về Phật rồi ngồi sang một bên, có người từ xa nhìn thấy Phật, lặng lẽ ngồi xuống. Khi các Phạm chí, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra đều ngồi yên, đức Phật nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện nói pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ roi, đức Phật ngôi yên lặng. Bấy giờ, các Phạm chí, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra, sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, mọi người đều rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi ra về. LÚC bây giờ, Lại-tra-hòa-la, con trai cư sĩ, vân ngôi, không đứng dậy. Đên lúc các Phạm chí, cư sĩ thôn Thâu-lô-tra ra về chẳng bao lâu, Lại-tra-hòa-la liền rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Phật và bạch:



Bạch Thế Tôn, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sông tại gia, bi tù hãm trong những sự phiên tỏa, không thê trọn đời thanh tinh tu hanh Phạm hạnh được. Bạch The Ton, xin cho con được theo Thế Tôn xuất gia học dạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo tinh tu Phạm hạnh. Đức Thế Tôn hỏi: Này con của cư sĩ, cha mẹ có cho phép ông ở trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo không? Lại-tra-hòa-la bạch Phật: -Bạch Thế Tôn, cha mẹ chưa cho con ở trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình đe xuất gia học đạo. Đức Thế Tôn dạy: Này con của cư sĩ, nêu cha mẹ không cho ông sông trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo thì Ta không thể độ cho ông xuất gia học đạo, cũng không thể truyền trao giới Cụ túc. Lại-tra-hòa-la bạch: Bạch Thế Tôn, con sẽ về xin cha mẹ cho con được phép ở trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo. Đức Thế Tôn dạy: Tùy ước muôn của ông! Khi ấy, Lại-tra-hòa-la nghe lời Phật dạy, cẩn thận ghi nhớ, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi đi quanh ba vòng và ra về. về đến nhà, ông thưa với cha mẹ: -Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia, bi tù hãm trong những sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tinh tu hành Phạm hạnh được. Cúi xin cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo! Cha mẹ Lại-tra-hòa-la bảo: Lại-tra-hòa-la, cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết. Giả sử con có chết di, cha mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống mà nỡ lìa xa, không nhìn thấy mặt được sao? Lại-tra-hòa-la lại thưa đến lần thứ ba: -Thưa cha mẹ, như con biết, đối với giáo pháp mà Phật đã dạy, nếu con sống tại gia, bị tù hãm trong sự phiền tỏa, không thể trọn đời thanh tịnh tu hành Phạm hạnh. Cúi xin cha mẹ cho con ở trong Chánh pháp, Luật này, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo. r \ Cha mẹ Lại-tra-hòa-la cũng lại bảo đên lân thứ ba: Lại-tra-hòa-la? cha mẹ chỉ có một mình con, hết sức yêu thương, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không sao kể xiết. Giả sử con có chết di, cha

mẹ còn không muốn rời bỏ5 huống gì còn sống mà lìa xa, không nhìn thấy mặt được sao? Khi ấy, Lại-tra-hòa-la liền vật mình xuống đất mà nói: -Từ nay con không đứng dậy, không uống, không ăn, cho đến khi nào cha mẹ cho con được ở trong Chánh pháp, Luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình đê xuất gia học đạo. Rồi Lại-tra-hòa-la, con nhà cư si, trải qua một ngày không ăn, cho đến hai ngày, ba ngày, bon ngày, nhiều ngày không ăn. Bay giờ, cha mẹ Lại-tra-hòa-la đen bên con mà bảo: Lại-tra-hòa-la5 người con mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay con không biết khổ sao? Lại-Ưa-hòa-la, con hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại- tra-hòa-la, cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó. Lại-tra-hòa-la vẫn nằm im lặng, không đáp. Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la đi đến thân bằng quyến thuộc và các quan viên nói rằng: Mong quý vị đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó đứng dậy!

Thân bằng quyến thuộc của Lại-tra-hòa-la và các quan viên bèn cùng nhau đi đến chỗ Lại-tra-hòa-la, bảo rằng: —Này Lại-tra-hòa-la, người cậu mem mại, thân hình đẹp đẽ, thường năm ngồi trên giường tốt, nay cậu không biết khổ sao? Lại-Ưa-hòa-la, cậu hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Cảnh giới của đức Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó. Lại-tra-hòa-la vẫn nằm im không đáp. Rồi cha mẹ Lại-tra-hòa-la đi đến các thiện tri thức, đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la và nói rằng: Mong các cậu đến chỗ Lại-tra-hòa-la khuyên nó đứng dậy!

Các thiện tri thức, đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la9 con nhà cư sĩ liền cùng nhau đi đên bên Lại-tra-hòa-la và nói răng: -Này Lại-tra-hòa-la, người bạn mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường nằm ngồi trên giường tốt, nay bạn không biết khổ sao? Lại-tra-hòa-la, bạn hãy mau đứng dậy, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng rất khó. Lại-tra-hòa-la vẫn im lặng, không đáp. Khi ấy, các thiện tri thức, đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ đi đến chỗ cha mẹ Lại-tra-hòa-la mà nói:



Hai bác nên cho Lại-tra-hòa-la được ở trong Chánh pháp, Luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo. Nếu anh ấy thích sống như vậy thì ngay trong đời này còn có thể gặp nhau. Nếu anh ấy chán sống cảnh ấy, tự nhiên sẽ trở về với cha mẹ. Nay nếu không cho anh ấy đi, nhất định anh ấy sẽ chết, không nghi ngờ gì nữa và sẽ không ích gì. Khi ấy, cha mẹ Lại-tra-hòa-la nghe xong, liền nói với các thiện tri thức, đông bạn, đông lứa với Lại-tra-hòa-la: Chúng tôi nay cho Lại-tra-hòa-la được ở trong Chánh pháp, Luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo, nêu xuất gia học đạo mà vẫn trở về cho chúng tôi gặp. Rồi các bạn tri thức, đồng bạn, đồng lứa với Lại-tra-hòa-la, con nhà cư sĩ liền cùng nhau đến chỗ Lại-tra-hòa-la và nói rằng: Này bạn, cha mẹ đã cho bạn được ở trong Chánh pháp, Luật, chí tín, lìa bỏ gia đình,

sống không gia đình để xuất gia học đạo; khi xuất gia học đạo rồi, phải trở về thăm cha mẹ. Lại-tra-hòa-la nghe như vậy, rất vui mừng, hân hoan, ái lạc, bèn đứnệ dậy, dần dần bồi dưỡng thân thể. Khi thân thể đã bình phục, Lại-tra-hòa-la liên rời khỏi thôn Thâu-lô-tra, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn, cha mẹ đã cho phép con được ở trong Chánh pháp, Luật, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo. Ngưỡng mong Thế Tôn cho con được theo Thế Tôn xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làmTỳ-kheo! Khi ấy, đức Thế Tôn độ cho Lại-tra-hòa-la xuất gia học dạo, truyền trao giới Cụ túc. Sau khi truyền trao giới Cụ túc, đức Thế Tôn ở lại thon Thâu-lô-tra một thời gian. Sau đó, Ngài thâu y, mang bát, lần lượt du hành đến nước Xá-vệ, trú tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm. Tôn giả Lại-tra-hòa-la sau khi xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Do sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, Tôn giả đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để xuất gia học đạo là chỉ càu hoàn thành vô thượng Phạm hạnh, ở ngay đời này, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trú và biêt như thật răng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^, Tôn giả Lại-tra-hòa-la biết như pháp rồi, chứng đắc quả A-la-hán. Sau khi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đắc quả A-la-hán, khoảng chín mười năm trôi qua, Tôn giả nghĩ rằng: "Ngày xưa ta đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ, ta nay nên trở về để trọn lời hứa d6.” Rồi Tôn giả Lại-tra-hòa-la đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Ngài, ngồi sang một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, ngày trước con hứa xuất gia học đạo rồi sẽ về thăm cha mẹ. Hôm nay con xin từ giã để về thăm cha mẹ cho trọn lời hứa trước.

132. KINH LẠI-TRA-HÒA-LA  707

Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ: "Thiện nam tử Lại-tra-hòa-la này, nếu giả sử xả giới, bỏ dạo, sống đời dục lạc như cũ, chắc chắn không có trường hợp d6.” Đức The Ton biêt vạy, liên bao: - Thầy ra đi, nếu gặp người chưa được độ, hãy độ; người chưa giải thoát, hãy khiến cho giải thoát; người chưa tịch diệt, khiến được tịch diệt. Lại-tra-hòa- la, nay tùy ý thầy. Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe Phật nói xong, cẩn thận ghi nhớ, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi sát chân Phật, đi quanh ba vòng, rồi đi về phòng riêng thu xếp tọa cụ, mang y, ôm bát, lần lượt du hành đến thôn Thâu-lô-tra, tới ở vườn Thi-nhiếp-hòa, phía Bắc thôn ấy. Khi đêm đã qua, trời vừa hừng sáng, Tôn giả mang y, ôm bát vào thôn Thâu-lô-tra khất thực. Tôn giả Lại-tra-hòa- la nghĩ như thế này: uĐức Thế Tôn khen ngợi việc thứ lớp khát thực, ta nay ở trong thôn Thâu-lô-tra này nên theo thứ lớp khất thực?9 Ton ẹiả Lại-tra-hòa-la ở trong thôn Thâu-lô-tra theo thứ lớp khất thực, lần lượt về đến nhà mình. Lúc đó, cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la đứng trong cửa đang chải tóc, cạo râu. Ông thấy Lại-tra-hòa-la đi vào, liền nói:  Sa-môn trọc này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức yêu thương, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó ăn! Tôn giả Lại-tra-hòa-la ở nhà cha đã không được bố thí mà lại bi rủa sả rằng: "Sa-môn trọc này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến

không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó n!” Tôn giả Lại-tra- hòa-la nghe vậy, bèn bỏ đi gấp. Lúc đó, người nô tỳ của cha Lại-tra-hòa-la xách một giỏ đồ ăn thúi định vất vào đống rác. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy đứa nô tỳ xách giỏ đồ ăn định vất vào đống rác, liền nói rằng:  Này cô em, nếu đồ ăn thúi này đáng bỏ đi thì nên bỏ vào bát tôi, tôi sẽ ăn.

Khi ấy, đứa nô tỳ của cha Lại-tra-hòa-la mang đồ ăn thúi trong giỏ đổ vào bát. Đang khi đổ vào bát, do hai dấu hiệu mà cô nhận ra Tôn giả: Đó là tiếng nói và tay chân Tôn giả. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó liền chạy đến chỗ cha của Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa: —Thưa ônẹ, nên biết, cậu Lại-tra-hòa-la đã trở về đến thôn Thâu-lô-tra này rồi, ông nên đen gặp. Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đỗi vui mừng, phấn khởi, tay trái vén áo, tay mặt vuốt sửa râu tóc, rồi đi nhanh đến chỗ Lại-fra-hòa-la. Khi đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la đang xoay vào vách, ăn đồ ăn thiu thúi ấy. Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Tôn giả Lại-Ưa-hòa-la xoay vào vách, ăn đồ ăn thiu thúi, liền nói:  Lại-tra-hòa-la con, người con rất mềm mại, thân hình đẹp đẽ, thường ăn thức ăn ngon. Lại-tra-hòa-la, tại sao con lại ăn đồ ăn thiu thúi như thế? Lại-tra- hòa-la, vì lẽ gì con đã về đến thôn Thâu-lô-tra này mà không về nhà cha mẹ?



Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa: -Này cư sĩ, tôi đã vào nhà cha nhimg không được bố thí mà lại bị rủa mắng rằng: "Sa-môn trọc đầu này bị màu đen trói chặt, tuyệt chủng, không con cái, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức yêu thương, chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến không kể xiết, thế mà nó dẫn đi mất. Đừng cho nó n!” Tôi nghe như vậy, bèn ra đi gấp. Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói lời xin lỗi:  Lại-tra-hòa-la, nên bỏ qua! Lại-tra-hòa-la, nên bỏ qua! Cha thật không biết con trở về nhà cha. Cha Tôn giả Lại-tra-hòa-la với lòng cung kính, dìu đỡ Lại-tra-hòa-la vào nhà, trải chô ngôi và mời ngôi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bèn ngôi xuông. Lúc đó? cha Tôn giả thấy Tôn giả ngồi xong, liền đến chỗ vợ và nói:  Này bà, nên biết, thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đã về lại nhà rồi, mau sửa soạn cơm nước. Mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, rất đỗi vui mừng, phấn khởi, liền sửa soạn cơm nước. Soạn cơm nước xong, bà liền mang tiền bạc ra để giữa nhà một đống lớn. Đống tiền lớn đến nỗi một người đứng bên này, một người đứng bên kia không trông thây nhau. Don một đông tiên lớn xong, bà đi đên chô Lại-tra- hòa-la và nói:  Lại-tra-hòa-la, đây là phần tiền tài của mẹ, còn tiền tài của cha con thì nhiêu vô lượng trăm ngàn không thê tính được. Nay ta giao hét cho con. Lại-tra-hòa-la9 con nên xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, sung sướng mà tu phước nghiệp. Vì sao? Vì cảnh giới của Thế Tôn rất khó, rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ: -Tôi nay có một điều muốn nói, mẹ cho phép chăng? Mẹ Lại-tra-hòa-la nói:  Này con nhà cư sĩ, có điêu gì cứ nói, tôi săn sàng nghe.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la thưa với mẹ:  Nên may bao vải mới, đựng đây tiên, dùng xe chở đên sông Hăng, đô xuống chỗ sâu. Vì sao vậy? Vì do tiền này làm cho con người đau khổ, sầu thương, khóc lóc, không được an vui. Khi ấy, mẹ Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghĩ rằng: uDùng cách này không thể làm cho Lại-tra-hòa-la xả giới, bỏ đạo. Ta nên đến mấy

cô vợ cũ của nó, nói như thế này: 'Các con dâu ơi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng y e A con cùng đên bên Lại-tra-hòa-la, thứ anh lạc này trang diêm roi, các w môi đứa Ôm một chân mà nói răng: Này hiên lang bạc tinh, có thiên nữ nào đẹp hơn tôi



mà khiến cho hiền lang bỏ tôi để tu Phạm hạnh vì nàng?"' Nghĩ xong, bà ta liền đến chỗ các vợ cũ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la và nói như thế này: -Các con dâu oi, các con nên dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ ngọc mà thiện nam tử Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà ưa thích nhất. Dùng loại anh lạc đó trang điểm rồi, các con cùng nhau kéo đến bên Lại-tra-hòa-la, mỗi đứa ôm một chân mà nói the này: "Này hiền lang bạc tình, có thiên nữ nào đẹp hơn tôi mà khiên cho hiên lang bỏ tôi đê tu Phạm hạnh vì nang?^ Khi ấy, các cô vợ của Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền dùng ngọc anh lạc khi trước trang điểm thân thể, thứ anh lạc mà Tôn giả Lại-tra-hòa-la lúc còn ở nhà r . 9 • -g • l < -t ưa thích nhát. Dùng loại ngọc đó trang diêm roi, họ liên kéo đên bên Tôn giả Lại-tra-hòa-la? mỗi người ôm một chân và nói the này: Này hiền lang bạc tinh, có thiên nữ nào đẹp hơn em mà khiến cho hiền lang bỏ em để tu Phạm hạnh vì nàng? Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói với các cô vợ cũ: Này các cô em, các cô nên biêt, tôi không phải vì thiên nữ mà tu Phạm hạnh. Sở dĩ tôi tu Phạm hạnh là theo mục đích mà Phật đã dạy. Những điều cần làm, nay tôi đã làm xong. Những cô vợ của Lại-tra-hòa-la đứng sang một bên, khóc lóc rơi lệ và nói: -Tôi không phải em gái của hiền lang, nhưng hiền lang lại gọi tôi bằng cô em! LÚC đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la quay nhìn vê phía cha mẹ và nói: Này cư si, nêu có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao làm phiên nhau? Bấy giờ, cha của Tôn giả liền đứng dậy, thân hành lấy nước rửa, dâng ngài các món hào soạn dồi dào, đủ các loại cứng và loại mềm, tự tay chăm lo cho ngài ăn no; ăn xong, thâu dọn chén bát, dùng nước rửa xong, lấy một cái giường nhỏ ngồi riêng nghe pháp. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết pháp cho cha mẹ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho hq, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, nói bài tụng: Hãy nhìn cái bóng trang sức này: Trân bảo, ngọc ngà, đủ các thứ, Tóc uốn lượm, buông xuôi phía hữu, Nốt ruồi xanh, mắt kẻ, mi dài. Trò dối trá gạt người si dại, Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ, Với bao nhiêu gấm vóc lụa là, Mong làm đẹp thân hình xú uế. Trò dối trá gạt người si dại, Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ,



Và bao nhiêu hương liệu bôi xoa, Chân châm diêm phân vàng son đỏ. Trò dối trá gạt người si dại, Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ, Ao tịnh diệu trang hoàng thân thê, Nhtrng nguyên hình huyễn hoặc còn trơ. Trò dối trá gạt người si dại, Nhưng lừa sao được kẻ sang bờ5 Khi nai đã đạp tan lưới bẫy, Và phá tung cổng nhốt một đời, Ta bỏ lại miếng mồi, đi mất, Ai ưa gì trói buộc thân nai? Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói tụng rồi, dùng như ý túc nương hư không mà đi đến rừng Thâu-lô-tra, đi vào rừng ấy, trải tọa cụ, ngồi kiết-già dưới cây Bệhê-lặc. Bấy giờ, Vua Câu-lao-bà với quần thần trước sau vây quanh,

ngồi ở chánh điện, bàn tán khen ngợi Tôn giả Lại-tra-hòa-la rằng: Nếu chúng ta nghe tin thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này thì chúng ta quyết đến thăm. Khi ấy, Vua Câu-lao-bà bảo thợ săn: Ông hãy đi xem xét rừng Thâu-lô-tra, ta muốn đến đó săn!

Thợ săn vâng lời, liền đến xem xét rừng Thâu-10-tra. Khi thợ săn dò xét rừng, thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la trải tọa cụ, nệồi kiết-già dưới cây Bệ-hê-lặc, liên nghĩ: "Người mà Vua Câu-lao-bà cùng quân thân ngôi tại chánh điện bàn tán khen ngợi bây giờ ở đẫyy Khi người thợ săn dò xét rừng Thâu-lô-tra xong, trở về tâu với Vua Câu-lao-bà: Tâu Thiên vương, nên biết, tôi đã dò xét rừng Thâu-lô-tra rồi. Xin theo ý Thiên vương. Tâu Thiên vương, Tôn giả Lại-tra-hòa-la9 người mà Thiên vương cùng quân thân ngôi ở chánh điện bàn tán khen ngợi: "Nêu chúng ta nghe tin thiện nam tử Lại-tra-hòa-la đến Thâu-lô-tra này thì chúng ta quyết đến thăm.,^ Nay Tôn giả thiện nam tử Lại-ứa-hòa-la hiện đang ở trong rừng Thâu-lô-tra? trâi tọa cụ, ngồi kiết-già dưới cây Bệ-hê-lặc, Thiên vương muốn gặp có thể đến đó. Vua Câu-lao-bà nghe xong, bảo người đánh xe: Ong mau mau sửa soạn xa giá! Ta muôn đên gặp Lại-tra-hòa-la.

Người đánh xe vâng lệnh, sửa soạn xa giá xong, trở lại tâu với nhà vua: -Tâu Thiên vương, nên biết, xa giá đã sửa soạn xong. Xin theo ý Thiên vương! Khi ấy, Vua Câu-lao-bà liền ngồi xe đi ra, đến rừng Thâu-lô-tra. Từ xa trông thấy Tôn giả Lại-tra-hòa-la, nhà vua liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Tôn giả Lại- tra-hòa-la. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thấy Vua Câu-lao-bà đến, bèn nói:



Thiên vương nay đên đây, muôn ngôi chăng?

Vua Câu-lao-bà đáp:

Hôm nay tuy tôi đến cảnh giới của mình, nhưng ý tôi muốn thiện nam tử Lại-tra-hòa-la mời tôi ngồi.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la liền mời Vua Câu-lao-bà rằng:

Đây có chỗ ngồi riêng, xin mời Đại vương ngồi!

Khi ấy, Vua Câu-lao-bà với Tôn giả Lại-tra-hòa-la cùng chào hỏi nhau, rồi ngồi sang một bên. Vua nói với Tôn giả Lại-tra-hòa-la: Lại-tra-hòa-la, có phải vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo chăng? Hay vì không có tài vật nên sống đời học đạo? Này Lại-tra-hòa-la, Câu-lao-bà vương gia này có nhiều tài vật. Tôi sẽ xuất tài vật cho Lại-tra-hòa-la, khuyên Lại-tra-hòa-la xả giới, bỏ đạo, sống đời dục lạc mà bố thí, tùy ý mà tu phước nghiệp. Vì sao? Lại-tra-hòa-la, giáo pháp của Tôn sư rất khó, xuất gia học đạo lại càng khó hơn. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nghe xong, nói: Thiên vương nay dùng lời bất tịnh mời tôi, không phải với lời thanh tịnh mà mời. Vua Câu-lao-bà nghe xong, hỏi: Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lời thanh tịnh mà mời, không phải dùng lời bất tịnh mà mời? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: Thiên vương nên nói như thế này: uLại-tra-hòa-la, nước tôi nhân dân an Ôn, sung sướng, không việc kinh sợ, không có đâu tranh, không có hà khác, không có khổ nô dịch, lúa gạo đầy đủ, khất thực dễ được. Lại-tra-hòa-la ở trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp." Thiên vương nói như vậy gọi

là dùng lời thanh tịnh mà mời tôi, không phải dùng lời bất tịnh mà mời. Vua Câu-lao-bà nghe xong, nói:  Nay tôi dùng lời thanh tịnh mời Lại-tra-hòa-la, chớ không dùng lời bất tịnh: Nước tôi nhân dân an ổn? sung sướng, không việc kinh sợ, không có đấu . r 7 \ ::K tranh, không có hà khác, không có khô nô dịch, lúa gạo đây đủ, khát thực dê được. Lại-tra-hòa-la ở trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp. Lại nữa, Lại-tra-hòa-la, có bốn trường hợp suy vi, do suy vi nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Những gì là bốn? Binh suy, lão suy, tài suy, thân suy. Lại-tra-hòa-la, thế nào là binh suy? Hoặc có người luôn bị bệnh tật rất nặng, quá đau đớn, người ấy nghĩ rằng: "Ta luôn bị bệnh tật rất nặng, quá đau đớn. Ta thật có dục vọng, nhưng không thể thực hiện dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo?5



Sau đó, người ây vì bịnh suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia dinh, học đạo. Đó gọi là binh suy. Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là lão suy? Hoặc có người tuổi già, các căn suy yêu, tuôi thọ gân hét, người ây nghĩ răng: "Ta tuổi đã già, các căn suy yêu, tuổi thọ gần hết. Ta thật có dục vọng, nhưng không thể thực hiện dục lạc được. Ta nay nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học dạo." Sau đó, người ấy vì lão suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là lão suy. Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là tài suy? Hoặc có người bần cùng, cô thế, người ấy nghĩ rằng: "Ta bần cùng, cô thế. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học dạo." Sau đó, người ấy vì tài suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Đó gọi là tài suy. Lại-tra-hòa-la, thế nào gọi là thân suy? Hoặc có người, bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Người ấy nghĩ rằng: "Ta đây, bà con tuyệt tự, chết tuyệt, không còn một ai. Ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học Sau đó, người ấy vì thân suy nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình, học đạo. Đó gọi là thân suy. Lại-tra-hòa-la khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn, thực đạo điều hòa, không lạnh không nóng, bình chánh an lạc, thuận hòa không tranh cãi. Do đó, các thứ đồ ăn mềm hay cứng được dễ dàng tiêu hóa, an ổn. Như vậy, Lại-tra- hòa-la chẳng phải vì bệnh suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la khi xưa vào tuổi niên thiêu, tóc đen óng mướt, thân thê khỏe mạnh, xướng ca tâu nhạc, mặc tình thỏa thích, lại chưng diện thân thể, thường thích dạo chơi. Lúc ấy, bà con không ai muốn để ngài xuất gia học đạo. Cha mẹ khóc lóc, lo âu sầu não, cũng không cho ngài xuất gia học đạo. Nhưng ngài cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không vì lão suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la ở Thôn-lô-tra này, về phần tài vật, gia đình ngài là đệ nhất, là tối đại, là tối thắng, là tối thượng. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không vì tài suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la ở trong rừng Thâu-lô-tra này, các bà con giàu có đều còn sống. Như vậy, Lại-tra-hòa-la không phải vì thân suy mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa

bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la, đôi với bôn trường hợp suy vi ây, hoặc có trường hợp nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Nhưng tôi thấy Lại-tra-hòa-la không có một suy vi nào có thể khiến Lại- tra-hòa-la cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia



đình, học đạo. Lại-tra-hòa-la, hiểu biết thế nào và nghe được những gì mà cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia dinh, học đạo? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Thiên vương, đức Thế Tôn, bậc Tri Kiến, là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác dạy cho tôi bốn việc, và tôi muốn nhẫn lạc như thế nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Những gì là bôn? Thiên vương, thê gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa. Thê gian này tát cả đêu phải đi đên sự già nua. Thê gian này vô thường, cân phải bỏ đi. Thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái lôi kéo đi. Vua Câu-lao-bà hỏi: Lại-tra-hòa-la, như ngài vừa nói: "Thiên vương, thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa." Nhưng Lại-tra-hòa-la, tôi có con cháu, anh em, bè đảng, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân; thảy đều giỏi bắn, giỏi chống cự, nghiêm nghị dũng mãnh như vương tử, lực sĩ, Ma-la-khiên-đề, Ma-ha-lăng-già; lại có người xem tướng, có kẻ trù mưu, có người tính toán, có kẻ thông hiểu điên sách, co ngươi gioi đam luân, co quan thân, co quyên thuộc, người trì chú, kẻ biết chú; bất cứ phương nào có sự khủng bố thì kẻ chế phục ngăn cản. Nếu như lời Lại-tra-hòa-la nói: "Thiên vương, thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa", thi này Lại-tra-hòa-la, nói như thế có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Thiên vương, bây giờ tôi hỏi nhà vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương, thân này có bịnh chăng? Vua Câu-lao-bà đáp: Lại-tra-hòa-la? hiện nay thân này của tôi thường có phong bịnh.

Tôn giả Lại-tra-hòa-la hỏi: Thiên vương, khi phong bịnh bộc phát rất trầm trpng, rất đau đớn; thì này Thiên vương, lúc ấy có thể bảo bọn con cháu, anh em, họ hàng, thân thích, tượng quân, xa quân, mã quân, bộ quân, thảy đều bắn giỏi, giỏi chống CỊT, nghiêm nghị dõng mãnh như vương tử, lực sĩ; Bát-la-thiên-đề, Ma-ha-lăng-già, kẻ xem tướng, kẻ trù mưu, người tính toán, kẻ thông hiểu điển sách, người giỏi đàm luận, quân thần, quyến thuộc, kẻ trì chú, người biết chú rằng: “Các người hãy đến, tạm thời thay thế ta chịu sự khổ sở đau đớn để ta khỏi binh, an l@c" được chăng? Vua Câu-lao-bà đáp: Không được! Vì sao vậy? Tôi tự gây nghiệp, nhân nghiệp, duyên nghiệp, riêng chịu khổ sở đau đớn. Tôn giả Lại-tra-hòa-la bảo: Thiên vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa." Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết



điêu đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: —Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thê gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa." Này Lại-tra-hòa-la, tôi cũng muôn nhân lạc điêu

đó. Vì sao như vậy? Thế gian này quả thật không ai hộ trì, không nơi nương tựa. Vua Câu-lao-bà lại hỏi:  Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua." Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: Thiên vương, bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiên biêt mà trả lời. Lúc Thiên vương còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi thì như thế nào? Khi ấy, Sự nhanh nhẹn đâu như ngày nay? Khi ây9 gân sức, hình thê, nhan sác đâu như ngày nay? Vua Câu-lao-bà đáp:  Khi tôi còn hai mươi bốn hay hai mươi lăm tuổi, tự nhớ lại thời ấy, sự nhanh nhẹn, gân sức, hình thê, nhan săc, không ai hơn tôi. Lại-tra-hòa-tra, tôi nay đã già nua, các căn lụn bại, mạng sông sáp châm dứt, tuôi đây tám mươi, đâu có mạnh khỏe như xưa. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: -Thiên vương, thế cho nên đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này tất cả đều đi đến chỗ già nua.” Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sông không gia đình, học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: r r \ r  Như Lại-tra-hòa-la nói: "Thiên vương, thê gian này tát cả đêu đi đên chô già nua.” Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao vậy? Thế gian này quả thật r y r Y tát cả đêu đi đên chô già nua. Vua Câu-lao-bà lại hỏi: —Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thê gian này vô thường, cân phải bỏ di.” Lại-tra-hòa-la nói như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp:  Thiên vương, bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không? Vua Câu-lao-bà đáp:  Đúng vậy!



Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi:  Thiên vương, có nước Câu-lâu-sâu dôi dào, hậu cung dôi dào, kho tàng dồi dào; nếu thời gian đã đến, không thể nương tựa, chịu dựng sự phá hoại, tất cả thứ này đi đên chô diệt vong. Lúc đó, nước Câu-lâu-sâu dôi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào, có thể từ đời này mang qua đời sau không? Vua Câu-lao-bà đáp: -Không được. Vì sao như vậy? Tôi phải đơn độc, cô thân, cũng không bạn bè, từ đời này mà đi đến đời sau. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói:  Thế cho nên đức Thế Tôn dạy: "Thế gian này vô thường, cần phải bỏ di.” Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Vua Câu-lao-bà nói:  Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thế gian này là vô thường, cần phải bỏ di." Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Thế gian này quả thật vô thường, cần phải bỏ đi. Vua Câu-lao-bà lại hỏi: —Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ? bị ái lôi cu6n." Lại-tra-hòa-la nói đến điều này, như vậy có nghĩa gì? Tôn giả Lại-tra-hòa-la đáp: -Thiên vương, bây giờ tôi hỏi ngài, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Thiên vương, có nước Câu-lâu-sấu dồi dào, hậu cung dồi dào, kho tàng dồi dào không? Vua Câu-lao-bà đáp:  Đúng vậy!

Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại hỏi: -Thiên vương có nước Câu-lâu-sâu dôi dào, hậu cung dôi dào, kho tàng dôi dào. Nếu có người từ phương Đông đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với ngài: "Tôi từ phương Đông đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có, an vui, nhân dân đông đúc. Đại vương nên chiêm tài vật, nhân dân, lực dịch của nước ây." Ngài có muốn chiếm nước ấy để cai trị không? Vua Câu-lao-bà đáp: -Lại-tra-hòa-la, nêu tôi biêt

có nước giàu có, có tài vật, nhân dân, lực dịch như vậy; để được nhân dân nước ấy mà cai trị, tôi quyết đánh lấy nước ấy. Tôn giả Lại-tra-hòa-la lại nói: -Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng như vậy. Từ bờ biển lớn, nếu có một người đến, đáng tín nhiệm, không lừa dối, nói với ngài: "Tôi từ bờ



biển lớn đến, thấy nước ấy vô cùng giàu có và an lạc, nhân dân đông đúc. Đại vương có thể chiếm tài vật, nhân dân, lực dịch nước ấy." Ngài có muốn chiếm nước ấy để cai trị không? Vua Câu-lao-bà đáp: r 9 Ị' . —Lại-tra-hòa-la9 nêu tôi biêt có nước giàu c6, có tài vật, nhân dân, lực dịch như vậy; đê được nhân dân nước ây mà cai trị thì tôi quyêt đánh lây nước ây. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: Thiên vương, thế cho nên đức Thế Ton dạy: "Thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bi ái lôi cu6n." Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, học đạo. Vua Câu-lao-bà nói: Như Lại-tra-hòa-la đã nói: "Thiên vương, thế gian này không có sự toàn mãn? không có sự biết đủ, bi ái lôi cuốn di." Tôi cũng muốn nhẫn lạc điều đó. Vì sao? Vì thế gian này quả thật không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái lôi cuốn đi. Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói: —Đức Thế Tôn, bậc Tri Kiến, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói cho tôi nghe bốn việc này. Tôi muốn nhẫn lạc điều đó, tôi thấy, nghe, hiểu biết điều đó nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia dinh, sống không gia đình, học đạo. Lúc đó, Tôn giả Lại-tra-hòa-la nói bài tụng: Ta thấy người thế gian, Có của, ngu, không thí, Được của rồi cầu thêm, Xan tham chứa chất của. Nhà __ vua được thiên hạ, ] Chỉnh ngự tùy sức mình, Trong nước không biêt đủ, Lại tìm ở nước ngoài. Nhà vua và nhân dân, Chưa lìa dục, mạng vong, Vợ con xõa tóc khóc, Ôi thôi Idiổ khó khăn! Áo, chăn, đệm chôn cất, Hoặc chất củi hỏa thiêu, Duyên đi đến đời sau, Thiêu rồi, vẫn ngu dại. Chết rồi, của không theo, Vợ con và nô tỳ, Của nhiêu cùng chung hưởng, Ngu, trí cũng vậy thôi. Người trí chẳng âu lo, Kẻ ngu ôm sâu thảm, Thế nên trí tuệ hơn, Bước vê nẻo chánh giác. Chấp chặt theo cái có, Kẻ ngu gây hạnh ác, Với pháp, làm phi pháp, Dùng sức cưỡng đoạt người. Kém trí bắt chước theo, Ngu làm nhiều hạnh ác, Nhập thai đến đời sau, Luôn luôn chịu sanh tử. Đã thác sanh ra đời, Chỉ làm các việc ác, Như giặc bị bắt trói, Tự làm ác hại mình.



Chúng sanh này như thế, Cho mãi đên đời sau, Do nghiệp mình đã tạo, Tự làm ác hại mình. Như trái chín tự rụng, Già trẻ cũng như vậy, Muốn trang điểm ưa vui, Tâm hướng sắc tốt xấu, Do dục sanh kinh hãi, Vua! Tôi thấy giác này, Biết Sa-môn vi diệu. Tôn giả Lại-tra-hòa-la thuyết như vậy, Vua Câu-lao-bà sau khi nghe lời Tôn giả Lại-tra-hòa-la dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

133. KINH ƯU-BÀ-LY Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Na-lan-đà, trong vườn xoài Ba-bà-ly. Lúc bấy giờ, Trường khổ hạnh Ni-kiền, sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ Phật, và sau khi chào hỏi, ngồi xuống một bên. Bấy giờ, đức Thế Tôn bèn hỏi: -Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân Tử chủ trương có bao nhiêu hành vi để không hành ác

nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: - Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, không giảng dạy cho chúng tôi về những hành vi để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Nhimg người giảng dạy chúng tôi vê sự trừng phạt đê không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế Tôn lại hỏi: Nhà khô hạnh Ni-kiên Thân Tử chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt đê không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: Thưa Cù-đàm, Tôn sư của tôi, Ni-kiền Thân Tử, giảng dạy cho chúng tôi về ba sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Những gì là ba? Đó là sự trừng phạt bằng thân, sự trừng phạt bằng miệng và sự trừng phạt bằng ý. Đức Thế Tôn lại hỏi: Thân phạt, khẩu phạt, ý phạt có khác nhau chăng?

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: Thưa Cù-đàm, đôi với chúng tôi, thân phạt khác, khâu phạt khác, ý phạt khác. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này khô hạnh, các sự trừng phạt này đêu giông nhau như vậy, Ni-kiên Thân Tử chủ trương trừng phạt nào nặng hơn hết để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Sự trừng phạt của thân chăng? Của khẩu chăng? Của ý chang?



Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: Thưa Cù-đàm, ba sự trừng phạt này đều giống nhau như vậy, Tôn sư tôi, Ni-kiền Thân Tử, chủ trương thân phạt là nặng hơn hết, để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp; khẩu phạt thì không phải vậy; ý phạt thì nhẹ nhất, không bằng thân phạt rất lớn lao, rất nặng nề. Thế Tôn lại hỏi: Này khổ hạnh, ông nói thân phạt nặng nhất chăng?

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhất.

Đức Thế Tôn lại hỏi lần thứ ba: Này khô hạnh, ông nói thân phạt nặng nhát chăng? Trường khổ hạnh Ni-kiền cũng ba lần đáp lại: r Thưa Cù-đàm, thân phạt nặng nhát. Đức Thế Tôn thẩm đinh ba lần Trường khổ hạnh Ni-kiền việc như vậy xong, bèn ngồi im lặng. Trường khổ hạnh Ni-kiền hỏi: Sa-môn Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Bấy giờ, đức Thế Tôn đáp: Này khổ hạnh, Ta không giảng thuyết về những trừng phạt để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Ta chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Trường khổ hạnh Ni-kiền-tử hỏi: Cù-đàm chủ trương có bao nhiêu nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Thế Tôn đáp lại: Này khổ hạnh, Ta giảng thuyết về ba nghiệp để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Thế nào là ba? Là thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Khổ hạnh Ni-kiền lại hỏi: -Cù-đàm, thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác chăng? The Ton đáp: Ta nói thân nghiệp khác, khẩu nghiệp khác, ý nghiệp khác vậy.

Trường khổ hạnh Ni-kiền hỏi: Thưa Cù-đàm, ba nghiệp này đêu giông nhau như vậy, Ngài chủ trương nghiệp nào nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp? Là thân nghiệp chăng? Khẩu nghiệp chăng? Ý nghiệp chăng?

Thế Tôn lại đáp: Này khô hạnh, ba nghiệp này đêu giông nhau như vậy, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất để không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp; thân nghiệp và khẩu nghiệp thì không phải vậy. Trường khổ hạnh Ni-kiền hỏi: Cù-đàm chủ trương ý nghiệp là nặng nhất chăng?

The Ton đáp: Này khổ hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là nặng nhất.

Trường khổ hạnh Ni-kiền lại hỏi đến ba lần:
—Cù-đàm chủ trương ý nghiệp là nặng nhát chăng?
Ạ rril. A 4.1__
If
J __ 9 À _
1 Ạ____

The Ton cũng trả lời đen ba lan:
Này khổ hạnh, Ta giảng thuyết ý nghiệp là năng nhất vậy.
Trường khổ hạnh Ni-kiền ba lần thẩm định Thế Tôn sự việc đó như vậy xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi nhiễu ba vòng quanh Thế Tôn rồi lui về, đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử. Ni-kiền Thân Tử từ xa thấy Trường khổ hạnh đi đến, liền hỏi: - Này khổ hạnh, ông từ đâu đến vậy? Trường khô hạnh Ni-kiên đáp: -Tôi từ Na-lan-đà, vườn xoài Ba-bà-ly, tại chỗ của Sa-môn Cù-đàm đến đây. Ni-kiền Thân Tử hỏi: -Này khô hạnh, ông có cùng Sa-môn Cù-đàm bàn luận không? Trường khô hạnh Ni-kiên đáp: -Có bàn luận với nhau. Ni-kiền Thân Tử nói rằng: Này khổ hạnh, nếu đã cùng với Sa-môn Cù-đàm bàn luận thì hãy nói hết cho ta nghe, đê hoặc giả ta biêt được luận thuyết của vi ây. Rồi Trường khổ hạnh Ni-kiền mới đem sự việc thảo luận với Thế Tôn nói lại hết cho ông nghe. Ni-kiên Thân Tử nghe xong, khen răng: Hay thay, khổ hạnh! Ông đối với Tôn sư đã làm đúng pháp của đệ tử. Ông là người mà việc phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết đinh thông minh, với sự trầm tinh, không sợ hãi, hoàn toàn tự tin tưởng, đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ, tự thân chứng ngộ, thành tựu an tru. Vì sao vậy? Ông vừa rồi đối với Sa-môn Cù-đàm mà giảng thuyết thân phạt nặng nhất để không hành ác nghiệp, không gây ác nghiệp. Khẩu phạt không như vậy, ý phạt càng kém hơn, không bằng thân phạt rất lớn lao, rất trầm trọng.



Khi ấy, cư sĩ Ưu-bà-ly cùng năm trăm cư sĩ tập trung trong chiing, chắp tay hướnệ về Ni-kiền Thân Tử. Rồi cư sĩ Ưu-bà-ly nói với Trường khổ hạnh Ni-kiền rang: Ngài đã ba lần thẩm định Sa-môn Cù-đàm việc như vậy?

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp: Cư sĩ, ta đã ba lần thẩm đinh Sa-môn Cù-đàm việc như vậy.

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói với Trường khổ hạnh Ni-kiền: -Tôi cũng có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ nắm cái bờm dài của con dê, roi lôi kéo đi đâu tùy y; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba

lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như người lực sĩ cầm áo bông giũ bụi; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm định ba lần Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như con voi chúa đã sáu mươi tuổi, là một đại long tượng kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân sức mạnh mẽ; một lực sĩ dẫn di, lấy nước rửa bắp vế, rửa xương sống, rửa sườn, rửa bụng, rửa ngà, rửa đầu và giỡn chơi trong nước; tôi cũng như vậy, có thể đến thẩm đinh ba lân Sa-môn Cù-đàm việc như vậy, rồi tùy theo chỗ mà tẩy. Tôi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông ta bàn luận, hàng phục xong rồi trở về. Ni-kiền Thân Tử nói với cư sĩ Ưu-bà-ly: Ta cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm9 ông cũng có thể, Trường khổ hạnh Ni-kiền cũng có thê vậy. Khi ấy, Trường khổ hạnh thưa với Ni-kiền Thân Tử: Tôi không muốn để cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn thuật, có thể dùng chú huyễn thuật biến hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, mi-bà-di. Tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử. Ni-kiềnThânTửnói: Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly mà bi Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn kh6ng có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chan có việc ấy. Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch lại lần thứ ba với Ni-kiền Thân Tử: Hôm nay tôi đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm cùng ông ấy đàm luận, hàng phục xong rồi trở về. Ni-kiền Thân Tử cũng đáp lại lần thứ ba: - Ông nên đi nhanh đi. Ta cũnẹ có thể hàng phục Sa-môn Cù-đàm, ông cũng có thể, Trường khổ hạnh Ni-kien cũng có thể vậy. Trường khô hạnh Ni-kiên bạch lại lân thứ ba: Tôi không muốn để cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn thuật, có thể dùng chú thuật biến



hóa làm đệ tử, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bi Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử. Ni-kiền Thân Tử nói: Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc đó hoàn toàn không có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, chắc chắn có việc ấy. Cư sĩ Ưu-bà-ly5 ngươi hãy đi tùy ý. Lúc ấy, cư sĩ Ưu-bà-lẹ cúi đầu sát chân Ni-kiền Thân Tử ba lần rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi Phật roi ngồi sang một bên và hỏi: Thưa Cù-đàm, ngày nay có Trường khổ hạnh Ni-kiền đến đây không?

Đức Thế Tôn đáp:

- Cư sĩ, có đến!

Cư sĩ Ưu-bà-ly hỏi:

Ngài có cùng với Trường khổ hạnh đàm luận chăng?

Đức Thế Tôn đáp: Có cùng đàm luận!

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: Thưa Sa-môn Cù>đàm9 nêu Ngài có cùng với Trường khô hạnh Ni-kiên đàm luận thì xin Ngài thuật lại cho tôi nghe; hoặc giả sau khi nghe xong, tôi biết được việc đó. Rồi Thế Tôn thuật hết lại những điều mà Ngài cùng với Trường khổ hạnh đàm luận cho Ưu-bà-ly nghe. Lúc đó, cư sĩ Ưu-bà-ly nghe rồi, liền khen: -Hay thay, khổ hạnh. Như vậy mới gọi là đối với Tôn sư thực hành đúng pháp của một đệ tử, điều phải làm được thành biện bằng trí tuệ, với quyết đinh thông minh, với sự trầm

tĩnh, không sợ hãi, với sự hoàn toàn tự tin tưởng, đạt đến đại biện tài, bắt được ngọn cờ cam lộ, ở trong cảnh giới cam lộ mà tự tác chứng, thành tựu an trú. Vì sao? Vì đã đối với Sa-môn Cù-đàm mà trình bày thân phạt là tôi trọng đê không hành ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp. Khâu phạt không như vậy, ý phạt càng kém hơn, không bằng thân phạt, vốn rất cao lớn, rất nặng nề. Khi đó, đức The Tôn bảo: Cư sĩ, Ta muôn cùng ông bàn luận vê việc này. Nêu như an tru trong sự thật thì bằng sự thật mà đáp. Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này. Đức Thế Tôn hỏi: Cư si, ông nghĩ sao? ở đây, nếu Ni-kiền ưa bố thí, thích làm việc bố thí, không hý luận, không ưa hy luận, rất thanh tịnh, chuyên hành chú; nếu khi



người đó đi đến đây, đạp chết nhiều côn trùng lớn, nhỏ thì thế nào cư sĩ? Nikiền Thân Tử đối với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: - Thưa Cù-đàm9 nếu người ấy cố ý thì có tội lớn, nếu không cố ý thì không có tội lớn. Đức Thế Tôn hỏi: Cư si, ông nói cố ý là thế nào?

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Thưa Cù-đàm, đó là ý nghiệp vậy. Đức Thế Tôn bảo: -Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư sĩ, ông ở trong chúng này tự nói: "Cù-dAm, tôi an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc này." Cư sĩ, ông nghĩ sao? Nêu có Ni-kiên chỉ uông nước nóng, dứt hẳn nước lạnh, nhưng khi không có nước nóng, bèn muốn uống nước lạnh, không có nước lạnh, người ây liên chét; thì này cư sĩ, Ni-kiên Thân Tử có thể nói thế nào là chỗ thác sanh của Ni-kiền ấy? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: -Thưa Cù-đàm, có loại trời gọi là Y Trước. Vị Ni-kiên đó mạng chung do ý có chấp trước tất sanh vào chỗ ấy. Đức Thế Tôn bảo: Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi trả lời. Những điều ông nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở trong chúng này tự nói: "CÍI- đàm, tôi an tru trong sự thật, bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc nSy." Cư sĩ nghĩ sao? Giả sử có người cầm dao bén tới đây, người ấy nói rằng: "Trong một ngày, tôi chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở trong xứ Na-lan-đà này, chất thành đống thịt, làm thành khối thịt.95 Cư sĩ, ông nghĩ sao? Người ấy có thể trong một ngày mà chém đầu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh ở xứ Na-lan-đà này, chất thành đống thịt. làm thành một Soi thịt khon^

Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: -Không thể! Vì sao như vậy? Xứ Na-lan-đà này quá giàu có, an vui, nhân dân đông đúc; cho nên, người ây chác chăn không thê chém đâu, lột da, xẻ thịt tất cả chúng sanh chất thành đống thịt, làm thành khối thịt được. Thưa Cù-đàm, người ấy chỉ gây phiền nhọc vô ích. Đức Thế Tôn bảo: -Cư si, ông nghĩ sao? Nêu có Sa-môn, Phạm chí đên, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, người ấy nói như

Vầy: "Ta chỉ khởi một niệm sân làm cho cả xứ Na-lan-đà này thiêu rụi thành tro.” Này cư si, ông nghĩ sao? Sa-môn, Phạm chí ấy có thể làm cho cả Na-lan- đà này thiêu rụi thành tro không? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:  Thưa Cíbdàm, đâu phải chỉ một Na-lan-đà, đâu phải chỉ hai, ba, bốn. Thưa Cù-đàm5 Sa-môn5 Phạm chí kia có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, tâm được tự tại; nêu khởi lên một niệm sân thì có thể làm cho cả nước, cả nhân dân thiêu rụi thành tro, huống gì một Na-lan-đà? Đức Thế Tôn bảo:  Cư sĩ, ông nên suy nghĩ rồi sẽ trả lời. Những điều nói trước trái với sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Ông ở tại chúng này, tự nói: "Sam6n Cù-đàm9 tôi an trú trong sự thật và bằng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm, hãy nên cùng tôi bàn luận việc n^y." Đức Thế Tôn hỏi:  Cư sĩ, ông có từng nghe rừng Đại Trạch, rừng Kỳ Lân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tịnh, rừng Không Dã, tại sao những khu rừng ấy là những khu rừng? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp:  Thưa Cù-đàm5 tôi có nghe.

—Cư sĩ, ông nghĩ sao? Vì ai mà rừng Đại Trạch, rừng Kỳ Lân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tịnh, rừng Không Dã? tại sao những khu rừng này là những khu rừng? Cư sĩ Ưu-bà-ly im lặng không đáp: Đức Thế Tôn bảo: -Cư sĩ, hãy trả lời nhanh đi! Hãy trả lời nhanh đi! Bây giờ không phải là lúc im lặng. Cư sĩ, ở tại chúng này, ông tự nói: “Thua Cù-đàm, tôi an trú trong sự thật, bàng sự thật mà đáp. Sa-môn Cù-đàm? hãy nên cùng tôi bàn luận việc nay.99 Lúc ấy, cư sĩ Ưu-bà-ly chỉ im lặng trong chốc lát, rồi nói:  Thưa Cù-đàm5 toi không im lặng. Tôi chỉ suy nghĩ về ỵ nghĩa này vậy. Thưa Cíbdàm, những Ni-kiền ngu si không hiểu rõ ràng, kh6ng thể giải biết, không biết khoảnh ruộng tốt, mà không tự xem xét, cứ mãi lừa dôi tôi. Tôi mê lầm vì họ, nghĩa là họ giảng thuyết với Sa-rnôn Cù-đàm thân phạt là nặng nhất, để không làm ác nghiệp, không tạo tác ác nghiệp, khẩu phạt và ý phạt không bằng. Do lời dạy của Sa-môn Cù-đàm mà tôi hiểu nghĩa. Bởi vì tiền nhân khởri một niệm sân mà có the làm cho rừng Đại Trạch, rừng Kỳ Lân, rừng Mê Lộc, rừng Tịch Tịnh, rừng Không Dã, những khu rừng này trở thành những khu rừng. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quỵ y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, ke từ hôm nay, trọn đòd nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung!



Đức Thế Tôn bảo:  Cư sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp! Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch:  Bạch Thế Tôn, với sự kiện này, đối với Thế Tôn, con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao như vậy? Vì Thế Tôn đã nói như thế nầy: "Cy si, ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố? sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt âepy Bạch Thế Tôn, như con mà làm đệ tử của các Sa-môn, Phạm chí khác thì họ đã cầm tràng phan, dù, lọng, đi tuyên bố khắp Na-lan-đà nói như thế này: “Cu sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta! Cư sĩ Ưu-bà-ly đã làm đệ tử ta!" Nhưng Thế Tôn lại nói như thế này: “Cu sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng là tốt đẹp." Cư sĩ Ưu-bà-ly lại bạch:  Bạch Thế Tôn, từ nay về sau, con không cho các Ni-kiền đi vào nhà con, chỉ có Thế Tôn và bốn chúng đệ tử Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni? iru-bà-tắc, ưu-bà-di vào mà thôi. Đức Thế Tôn bảo: -Cư si, các Ni-kiền-tử kia cùng với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau, nếu họ có đến thì ông

nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ. Ưu-bà-ly bạch:  Bạch Thế Tôn, với sự kiện nay, đối với Thế Tôn con lại bội phần hoan hỷ. Vì sao? Vì Thế Tôn đã nói như thế này: "Cu si, các Ni-kiền kia đối với gia đình ông trong một thời gian dài đã tôn kính nhau, nếu họ đến thì ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ." Bạch Thế Tôn, ngày trước, con nghe nói Thế Tôn dạy như thế này: "Nên cho Ta, đừng cho người khác; nên cho đệ tử Ta, đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta sẽ được phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn; cho đệ tử Ta thì sẽ được phước lớn, cho đệ tử người khác thì không được phước lớn." Đức Thế Tôn bảo: - Cư si, Ta không nói như thế. Ta không nói: "Nên cho Ta, đừng cho người khác; cho đệ tử Ta, đừng cho đệ tử người khác. Nếu cho Ta thì phước lớn, nếu cho người khác thì không được phước lớn; cho đệ tử Ta sẽ được phước lớn, nếu cho đệ tử người khác thì không được phước lớn.,, Cư sĩ, Ta nói như thế này: "Cho tất cả tùy theo tâm hoan hỷ. Nhưng cho người không tinh tấn thì không được phước lớn, cho người tinh tấn sẽ được phước lớn." Cư sĩ Ưu-bà-ly bạch:  Bạch Thế Tôn, xin nguyện không làm gì cả. Con tự biết nên cho Ni-kiền hay không nên cho Ni-kiền. Bạch Thế Tôn, hôm nay, một lần nữa, con xin tự



quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi xin Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, từ nay về sau trọn đời quy y! Khi ấy, đức Thế Tôn thuyết pháp cho cư sĩ Ưu-bà-ly, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi; như pháp của chư Phật, trước hết đức Phật nói pháp đoan chánh khiến người nghe hoan hỷ; ấy là nói pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, chê bai dục là tai họa, sanh tử là nhớp nhơ, khen vô dục là đạo phẩm vi diệu, là bạch tịnh. Thế Tôn nói pháp như vậy cho ông nghe xong, Ngài biết ông có tâm hoan hỷ? tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nại, tâm tăng thượng, tâm hướng đến, tâm không nghi ngờ, tâm không triền cái, có năng lực nhận lãnh Chánh pháp. Rồi như pháp chánh yếu mà chư Phật đã nói, đức Thế Tôn liền nói khổ, tập, diệt, đạo cho ông nghe. Cư sĩ Ưu-bà-ly ngay tại chỗ ngồi, đã thấy bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như tấm vải trang dễ nhuộm sắc màu, cũng vậy, cư sĩ Ưu-bà-ly, ngay tại chỗ ngồi, thấy bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Ngay khi đó, cư sĩ Ưu-bà-ly thấy pháp, đắc pháp, biết pháp bạch tịnh, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn quý ai hơn, không theo ai khác, không có do dự, đã trụ quả chứng. Đối với pháp của Thế Tôn, ông được Vô sở úy, liền rời chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, hôm nay con đã ba lần xin tự quy ỵ Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Rồi cư sĩ Ưu-bà-ly sau khi nghe pháp được Phật giảng dạy, khéo thọ trì, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đi quanh ba vòng, trở về nhà, bảo người đứng giữ cửa: - Các 6ng nên biết, nay ta là đệ tử của đức Thế Tôn. Từ nay về sau, các Ni-kiền-tử đến, chớ cho vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni5 ưu-bà-tắc? ưu-bà-di vào mà thôi. Nếu có Ni-kiền đến thì nói với họ: "Tôn giả, cư sĩ Ưu-bà-ly nhận sự giáo hóa của Phật, đã làm đệ tử Phật, nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng của đức Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni? ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vào mà th6i." Nếu họ cầu xin ăn, nên bảo họ

đứng đó, rồi đem cơm ra cho. Khi đó, Trường khổ hạnh Ni-kiền nghe cư sĩ Ưu-bà-ly nhận sự giáo hóa của Sa-môn Cù-đàm9 xin làm đệ tử và không cho Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc5 iru-bà-di vào. Trường khổ hạnh Ni-kiền nghe như vậy rồi, đi đến chỗ Ni-kiền Thân Tử và bạch:  Thưa Tôn su, đây là điều mà tôi đã nói trước.

Ni-kiền Thân Tử hỏi:  Khổ hạnh, điều gì gọi là điều mà ông đã nói trước?

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp:  Thưa Tôn sư, tôi đã nói trước rằng: "Không muốn cho cư sĩ Ưu-bà-ly đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao như vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn



thuật, có thể dùng chú thuật hóa làm đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc5 ưu-bà-di; tôi sợ rằng cư sĩ Ưu-bà-ly sẽ bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử?9 Thưa Tôn su, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ- kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vào. Ni-kiền Thân Tử nói: -Khổ hạnh, cư sĩ Ưu-bà-ly bi Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử, việc ấy hoàn toàn không thể có. Sa-môn Cù-đàm bi cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử, việc ấy chắc chắn có. Trường khổ hạnh Ni-kiền lại bạch: —Thưa Tôn giả, nếu không tin lời tôi nói thì Tôn giả có thể thân hành đến, hoặc sai người đến. Khi ấy, Ni-kiền Thân Tử bảo:  Khổ hạnh, ông nên thân hành đến đó xem sao, có phải cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử rồi chăng? Hay là Sa-môn Cù-đàm đã bị cư sĩ Ưu-bà-ly biến hóa làm đệ tử rồi? Trường khổ hạnh Ni-kiền vâng lệnh Ni-kiền Thân Tử, đi đến nhà cư sĩ Ưu- bà-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Trường khổ hạnh Ni-kiền đến, liền nói như thế này: -Tôn giả, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã nhận sự giáo hóa của Phật và trở thành đệ tử Phật rồi nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưubà-tắc, ưu-bà-di vào thôi. Nếu muốn xin ăn thì nên đứng đó, sẽ đem cơm ra cho. Trường khổ hạnh Ni-kiền nỏi: -Người giữ cửa, ta không dùng cơm. Trường khổ hạnh Ni-kiền biết việc như vậy rồi, lắc đầu bỏ đi, về đến chỗ Ni-kiền Thân Tử và thưa:  Thưa Tôn giả, đây là điều mà tôi đã nói trước.

Ni-kiền Thân Tử hỏi:  Khổ hạnh, cái gì gọi là điều mà ông đã nói trước?

Trường khổ hạnh Ni-kiền đáp:  Thưa Tôn sư, tôi đã nói: "Tôi không muốn cho cư sĩ Ưu-bà-ly đến Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm biết chú huyễn thuật, có thể dùng chú huyễn thuật biến hóa ông ấy thành đệ tử Tỳ-kheo; Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu- bà-di; tôi sợ cư sĩ Ưu-bà-ly bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa làm đệ tử." Thưa Tôn sư, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa thành đệ tử rồi, không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho đệ tử Sa-môn Cù-đàm là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vào cửa mà thôi.



Ni-kiền Thân Tử nói:  Khổ hạnh, cư sĩ ưu-bà-ly bi Sa-môn Cù-đàm biến hóa thành đệ tử, việc ấy hoàn toàn không thể có. Sa-môn Cù-đàm bị cư sĩ ưu-bà-ly biến hóa thành ỉ

đệ tử, việc ây chăc chăn có. Trường khổ hạnh Ni-kiền lại bạch: Thưa Tôn su, nếu không tin lời tôi nói, xin Tôn sư thân hành đến!

Lúc đó, Ni-kiên Thân Tử và đại chúng Ni-kiên gôm năm trăm người cùng đi đến nhà cư sĩ Ưu-bà-ly. Người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền gồm năm trăm người kéo đến, nói như sau: -Tôn giả, cư sĩ Ưu-bà-ly nay đã nhận sự giáo hóa của Phật và trở thành đệ tử Ngài rồi nên không cho các Ni-kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ tử của Thế Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di vào cửa mà thôi. Nấu muôn xin ăn thì nên đứng đó, sẽ đem cơm ra cho. Ni-kiền Thân Tử nói: Người giữ cửa, ta không dùng cơm, chỉ muốn gặp cư sĩ Ưu-bà-ly.

Người giữ cửa nói: Xin ngài đứng đó, tôi vào thưa với cư sĩ Ưu-bà-ly! Người giữ cửa kia liền vào thưa: -Thưa cư sĩ, Ni-kiên Thân Tử cùng đại chúng Ni-kiên gôm năm trăm người đang đứng ở ngoài cửa và nói thế này: “Ta muốn được gặp cư sĩ Uubà-ly." Cư sĩ Ưu-bà-ly bảo người giữ cửa: Ông hãy đến phòng giữa, trải bày tòa ngồi, bày xong trở lại cho ta biết!

Người giữ cửa vâng lệnh, đi đến nhà giữa trải bày giường ngồi, xong rồi trở lại thưa: Thưa cư sĩ, đã trải giường xong, kính mong cư sĩ tự biết thời!

Cư sĩ Ưu-bà-ly dẫn người giữ cửa đi đến nhà giữa, ở đó có một cái giường thật cao rộng, to lớn, rất sạch sẽ, được trải khéo léo. Đó là chỗ cư sĩ Ưu-bà-ly trước kia đã dìu Ni-kiền Thân Tử ngồi lên đó thì bây giờ cư sĩ Ưu-bà-ly lên ngồi kiết-già và bảo với người giữ cửa: Ông ra chỗ Ni-kiền Thân Tử và nói như thế này: uTôn nhân, cư sĩ Ưu-bà- ly nói Tôn nhân muốn vào thì tùy ýr Người giữ cửa vâng lệnh đi ra, đến chỗ Ni-kiền và nói: -Tôn nhân, cư sĩƯu-bà-ly nói Tôn nhân muốn vào thì tùy ý! Lúc đó, Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni-kiền gom năm trăm người cùng vào nhà giữa. Cư sĩ Ưu-bà-ly vừa trông thấy Ni-kiền Thân Tử và đại chúng Ni- kiền gồm năm trăm người cùng vào, bèn nói:



Tôn nhân, ở đây có chô ngôi, muôn ngôi, xin tùy ý! Ni-kiền Thân Tử nói: Cư sĩ, ông nên làm như thế chăng? Tự mình lên tòa cao ngồi kiết-già? cùng nói chuyện với người khác như người xuất gia học đạo không khác? Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: Tôn nhân, tôi có đồ vật, muốn cho thì cho, không cho thì không cho. Chỗ ngôi này tôi có, cho nên tôi nói: "C6 chô ngôi, muôn ngôi, xin tùy y!" Ni-kiền Thân Tử trải chỗ ngồi mà ngồi rồi nói: r

Cư si, vì sao như vậy? Muôn hàng phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng khi trở vê, lại bị hàng phục. Cũng như có người vào rừng tìm con măt? nhưng khi trở vê lại bị mát con mát. Cũng vậy, cư sĩ muôn đên hàng phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng khi trở về lại bị hàng phục. Như người khát nước đi vào hồ nước, nhưng trở về vẫn khát nước. Cư sĩ cũng vậy, muốn hàng phục Sa-môn Cù-đàm? nhirng khi trở về lại bi hàng phục. Này cư sĩ, vì sao vậy? Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: -Tôn nhân, xin nghe tôi nói ví dụ! Người trí tuệ nghe ví dụ thì hiểu được ý nghĩa. Tôn nhân, ví như một người Phạm chí có người vợ trẻ, người vợ kia đang mang thai, nói với chồng: "T6i nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đồ chơi đẹp về cho con.^, Lúc đó, Phạm chí kia nói với vợ: “Chí mong nàng được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó, nêu sanh

con gái thì mua đô chơi con gái cho nó/9 Người vợ ba lần nói với chồng: "T6i nay mang thai, anh hãy đến chợ mua đô chơi đẹp vê cho con." Phạm chí cũng ba lân nói với vợ: "Chí mong nàng được bình yên sinh sản, rồi lo gì mà không có. Nếu sanh con trai thì mua đồ chơi con trai cho nó, nếu sanh con gái thì mua đồ chơi con gái cho Ĩ16.” Phạm chí kia thương vợ quá sức, liền hỏi: "Nàng muốn mua đồ chơi gì cho con?" Người vợ đáp: “Anh mua đồ chơi con khỉ con dẹp." Phạm chí nghe roi, đi vào chợ mua đô chơi đẹp băng con khỉ con, đem vê nói với vợ: uTôi đã mua đồ chơi con khỉ con đẹp cho con về dây." Người vợ thây roi, chê màu sác không đẹp, liên nói với chông: "Anh nên đem đô chơi con khỉ con này đến thợ nhuộm màu vàng để được dễ thương hơn, và nhồi cho nó phát ra ánh sang?9 Phạm chí nghe xong, liền cầm đồ chơi con khỉ đến thợ nhuộm và nói: "Hy nhuộm đồ chơi con khỉ này thành màu vàng, làm cho nó dễ thương và nhồi cho nó phát ra ánh sáng cho t6i.” Khi ấy, người thợ nhuộm nói với Phạm chí: UĐồ chơi con khỉ nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được. Nhưng không thể nhồi cho nó phát ra ánh sáng?5

133. KINH ƯƯ-BÀ-LY 731

Khi ấy người thợ nhuộm nói bài tụng này: Khỉ nhỏ nhẫn thọ sắc, Không hay nhẫn thọ nhồi, Nhồi nói mạng chung tất, Chịu sao được với chày. Đây là đẩy xú uế, Khỉ con đầy bất tinh. Thưa Ton nhan, những điêu Ni-kien noi cung giong như vạy, không thê chịu đựng được những nạn vấn của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát được, chỉ có nhiễm ngu si, không nhiễm trí tuệ. Tôn nhân lại nghe đây, cũng như chiếc áo Ba-la-nại thanh tịnh, người chủ cầm đến thợ nhuộm nói: "Nhuộm giùm chiếc áo này thành cực đẹp, làm cho dễ thương, cũng đập nhồi cho phát ánh sang.99 Lúc đó, thợ nhuộm bảo với chủ áo: "Ao này có thể nhuộm thành màu rất đẹp, làm cho dễ thương, cũng có thể đập nhồi cho phát ánh sáng.” Khi ấy, thợ nhuộm nói bài tụng này: Như áo Ba-la-nại? Trắng sạch, chịu sắc màu, Đập xong thì mềm mại, Sáng chói càng thêm đẹp. Thưa Tôn nhân, những điều các đấng Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác đã dạy cũng như vậy, rất đủ khả năng chịu đựng những vấn nạn của kẻ khác, cũng có thể suy nghĩ quán sát một cách thỏa đáng, chỉ có nhiễm trí tuệ, không nhiễm ngu si. Ni-kiền Thân Tử nói: Cư sĩ, ông đã bị Sa-môn Cù-đàm biến hóa bằng chú huyễn thuật.

Cư sĩ Ưu-bà-ly nói: Đó là loại chú huyễn thuật tốt đẹp, loại chú huyễn thuật rất tốt đẹp. Thưa Tôn nhân, loại chú huyễn thuật đó làm cho cha mẹ tôi được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài; vợ con, nô tỳ, người giúp việc, quốc vương Na-lan-đà và tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, làm cho tất cả được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài. Ni-kiền Thân Tử nói: Cư sĩ, toàn cõi Na-lan-đà đều biết cư sĩ Ưu-bà-ly là đệ tử Ni-kiền, nay đây cuối cùng là đệ tử của ai? Khi ây, cư sĩ Ưu-bà-ly liên từ chô ngôi đứng dậy, gói phải quỳ xuống dát, nhắm phương có Phật, chắp tay hướng về đó và nói: Tôn nhân, hay nghe điều tôi nói đây: Đại Hùng trừ si ngốc, Đoạn uê, bát hàng phục, Vô địch vi diệu tư, Học thiền, trí, giới đức, An ân, không bợn nhơ, Bắ-ly đệ tử Phạt. Bậc đại Thánh đã tu, Đạt thành tự tai thuyết, Thiện niệm, diệu quán sát, Không thấp, cũng không cao,

732 KINH TRƯNG A-HÀM

Bất động, thường tự tại, Bà-ly đệ tử Phật.
Không công, hằng biết đủ, Thành mãn, trừ xan tham,
Hiện Sa-môn chứng ngộ, Tôn Đại sĩ hậu thân,
Vô tỷ, không nhiễm trần, Bà-ly đệ tử Phật.
Bao dung, không tang tật, Đấng Tịch Mặc nhiệm mầu,
A 9
Dũng mãnh, hăng an ôn, Trụ pháp, vi diệu tư, Điều ngự, không hy luận, Bà-ly đệ tử Phật. Đại long sống vượt tục, Giải trừ mọi sử kiết, ứng thanh tịnh biện tài, Tuệ phát, lìa ưa thích, Đức Thích-ca, cõi ngoài, Bà-ly đệ tử Phật. Siêu thế, thiền tư duy, Thanh tịnh trừ nhiễm loạn, r Nụ cười không dây hận, Đệ nhất đời viễn ly, Thường chuyên tinh vô úy, Bà-ly đệ tử Phật. Bạc That Tiên vo đăng, Chứng tịnh hạnh, tam minh, Tịnh tẩy, như đèn sáng, Tịch tịnh dứt oán kết, Dũng mãnh, cực thanh tinh, Bà-ly đệ tử Phật. Tịch tuệ vững đất bằng, Trí trừ tham thế gian, Đáng thờ Tối Thượng Nhãn, Bậc Vô Đẳng không trên, Tự điều ngự triệt sân, Bà-ly đệ tử Phật. Đoạn dục, vô thượng thiện, Khéo điêu ngự vô song, Vô thượng, thường hoan hỷ, Trừ nghi rực sắc quang, Đoạn mạn, vô thượng giác, Bà-ly đệ tử Phật. Đoạn ái, vô tỷ giác, Khói tan, lửa đã tắt, Đấng Như Khứ Thiện Thệ, Đấng Vô Đẳng, Tối Tôn, Đấng Đại Danh chân chánh, Bà-ly đệ tử Phật. Trăm lời tán Phật này, Tự phát, không cần nghĩ, Những điều Bà-ly nói, Chư thiên đến hội tề, Khéo gia sức hùng biện, Đúng pháp, đúng nhân tài, Ni-kiền Thân Tử hỏi, Đệ tử của Như Lai. Ni-kiền Thân Tử hỏi: —Cư sĩ, ông ca ngợi Sa-môn Cù-đàm với ý gì? Cư sĩ Ưu-bà-ly đáp: Hãy nghe tôi nói ví dụ. Người trí nghe ví dụ thì hiêu rõ ý nghĩa. Như thây trò người làm tràng hoa, chọn các loại hoa, dùng dây dài két làm các loại tràng hoa. Cũng như vậy, thưa Tôn nhân, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác được vô lượng người ca tụng. Ngài là bậc mà tôi tôn kính nên tôi ca tụng. Khi nói pháp này, cư sĩ Ưu-bà-ly xa lìa trần cấu, phát sanh pháp nhãn đối với các pháp. Ni-kiền Thân Tử liền ói máu nóng, rồi đến nước Bà-hòa, vì tai họa này mà mạng chung. Phật nói như vậy, cư sĩ Ưu-bà-ly nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

134. KINH THÍCH VẤN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà? trú trong động Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại Lâm. Bấy giờ, Thiên vương Thích nghe Phật du hóa tại phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, trú trong động Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại Lâm. Khi ấy, Thiên vương Thích bảo Ngũ Kết nhạc tử: Ta nghe đức Thế Tôn du hóa tại phía Đông thanh Vương Xá, nước Ma- kiệt-đà, trú trong động Nhân-đà-la, trên núi Bệ-đà-đề? phía Bắc thôn Nại Lâm. Này Ngũ Kết, ông hãy cùng ta đến yết kiến đức Thế Tôn. Ngũ Kết nhạc tử thưa: Xin vâng! Lúc đó, Ngũ Kết nhạc tử ôm đàn lưu ly cùng đi theo Thiên vương Thích. Chư thiên ở Tam Thập Tam thiên nghe Thiên vương Thích rất khao khát muốn gặp Phật. Bấy giờ, trong khoảnh khắc nhanh như lực sĩ co duỗi cánh tay, Thiên vương Thích cùng chư thiên Tam Thập Tam thiên và Ngũ Kết biến mất khỏi cõi trời Tam Thập Tam và hiện đến phía Đông thành Vương Xá, nước Ma-kiệt-đà, trên núi Bệ-đà-đề, phía Bắc thôn Nại Lâm, cách động đá không xa. LÚC bây giờ, núi Bệ-đà-đê có hào quang chiêu sáng rực rỡ như lửa cháy. Nhân dân ở chung quanh núi thấy vậy, nghĩ rang: "Nhi Bệ-đà-đề bị lửa đốt cháy khắp noi." Khi ấy, Thiên

vương Thích sau khi đã đứng xuống tại một nơi, bảo rằng:  Này Ngũ Kết, đức Thế Tôn là như vậy, Ngài ở nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bặt, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, có đại oai đức. Chư thiên thảy đều hâm mộ đời sống xa lánh tĩnh tọa ấy, đòd sống an ổn, khoái lạc ấy. Chúng ta chưa thông báo trước, không nên tự tiện bước tới. Này Ngũ Kết, ông hãy đi đến thông báo trước, sau đó chúng ta mới bước tới. Ngũ Kết thưa:  Xin vâng! Ngũ Kết sau khi vâng lời dạy của Thiên vương Thích, liền ôm đàn lưu ly đi trước đến động đá Nhân-đà-la, rồi nghĩ rằng: "Nên biết nơi này cách Phật không gần, cũng không xa, để Phật có thể biết được và nghe được âm thanh của ta."



Khi đã đến đứng ở nơi kia, Ngũ Kết gảy đàn lưu ly và hát lên những bài tụng nói lên tình yêu, nói vê rông, nói vê Sa-môn, nói vê A-la-hán:
Hiền nương ơi!
Ta kính lễ phụ mẫu nàng,
Mặt trăng và Đam-phù-lâu,
Đã sanh nàng thù diệu,
Gây hoan lạc lòng ta.
Như nóng bức mong gió mát,
Như nóng khát mong nước lạnh,
Như vậy ta yêu nàng,
Như La-hán yêu Chánh pháp.
Như dòng nước khó giữ,
Lụy tình cũng như vậy,
Đời đời mong sống chung,
Như cúng dường Vô Trước.
Ao nước trong và mát,
Dưới đáy có cát vàng,
Như voi chúa nóng bức,
Xuống ao tắm mặc tình.
Như voi bi móc câu,
Lòng ta bị nàng khuất phục,
Ta hành động, nàng không hay,
Ta yếu đuối nhưng với nàng chưa được.
Tâm ý ta hoàn toàn lệ thuộc,
Và phiền oan đã đốt cháy tim,
Và vì vậy không còn hoan lạc,
Như một người rơi vào miệng hùm.
Như Thích tử duy thiền tọa,
Hằng vui say trong sự nhất tâm,

Như Mâu-ni đạt thành giác ngộ,
Cũng diệu tịnh như ta được nàng.
Như niềm vui Đại Thánh Mâu-ni,
Do chứng đắc viên toàn giác đạo,
Niềm vui ta cũng ở nơi kia,
Hằng khao khát được nàng hội tụ.
Như người bịnh mong cầu thuốc chữa,
Như đói ăn, hoài niệm thức ăn, ơi hiền nữ, mong lòng ta tắt,
Như nước ngừng cho ngọn lửa tàn.
Nếu ta có hành vi tạo phước,
Như cúng dường La-hán, Chân nhân,
134. KINH THÍCH VẤN 735

Thọ báo ấy tức thành tịnh diệu, Ta mong cùng hiền nữ sống chung. Ta ước nguyện bên nàng vĩnh kiếp, Không xa nàng sống lẻ đơn thân; Và ta hẹn theo nàng được chết, Không mong gì cách biệt ly sanh. Ôi thiên đến cho tôi lời nguyện! Bậc tôn cao Tam Thập Tam thiên, Ôi Đại Thánh trên đời tối thượng! Chứng cho đây lời nguyện vững bền. Kính lễ bậc Hùng Lực, Tối thượng giữa nhân gian, Dứt trừ gai ái dục, Con lạy đấng Nhật Thân. Bấy giờ, đức Thế Tôn từ tam-muội dậy, tán thán Ngũ Kết nhạc tử: Lành thay, lành thay! Này Ngũ Kết, giọng ca của ông cùng với tiếng đàn hòa điệu, tiếng đàn và giọng ca hòa điệu. Giọng ca không đi ngoài tiếng đàn, tiếng đàn không đi ngoài giọng ca. Này Ngũ Kết, ông nhớ lại ngày xưa, ông có ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán này chăng? Ngũ Kết thưa: Bạch Thế Ton, mong Đại Tiên Nhơn tự biết cho! Bạch Đại Tiên Nhơn, ngày xua, khi Thế Tôn mơi chứng Đại giác đạo, Ngài ở tại uất-bệ-la? bên bờ sông Ni-liên-thiền, dưới gốc cây A-xà-hòa-la Ni-câu-loại. Bấy giờ, con gái của nhạc vương Đam-phù-lâu tên Hiền Nguyệt sắc; và có một thiên thần tên là Kết, con trai của Ma-đâu-lệ, người đánh xe, yêu người con gái kia. Bạch Đại .A 'M • A . . Tiên Nhơn, vị ây trong lúc đang yêu người con gái ây, con cũng yêu người con gái ấy. Nhimg bạch Đại Tiên Nhơn, khi ấy, con muốn yêu người con gái ấy mà hoàn toàn không được. Bấy giờ, con đứng sau người con gái ấy mà ca tụng bài kệ liên quan đến tình yêu, liên quan đến rồng, liên quan đến Sa-môn, liên quan đến La-hán. Bạch Đại Tiên Nhơn, khi con ca tụng bài kệ này thì người con gái ây quay lại nhìn, hân hoan nụ cười mà nói với con: "Ngũ Két, tôi chưa được thấy Thế Tôn, nhimg tôi nghe từ các vị trời Tam Thập Tam nói rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc Như Lai, là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu/Ngũ Kết, nếu ông đã từng nhiều lần ngợi khen Thế Tôn, vậy có thể cùng với tôi đồng thời kính bậc Đại Tiên yhơn." Con chỉ gặp gỡ nàng được một lần duy nhất, từ đó về sau không còn thấy lại. Bấy giờ, Thiên vương Thích nghĩ rằng: uNgũ Kết nhạc tử đã làm cho Thế Tôn ra khỏi thiền định, thông báo ta với Thiện The.” Rồi Thiên vương Thích nói:

Ngũ Kết, ông hãy đến nơi ấy, thay mặt ta đảnh lễ sát chân Phật và thăm hỏi đức Thế Tôn rằng: "Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chng?" Và nói như vầy: "Bạch Đại Tiên Nhơn, Thiên vương Thích và chư thiên ở Tam Thập Tam thiên muốn đến yết kiến Thế Tôn?9 Ngũ Kết thưa: -Xin vâng! Khi đó, Ngũ Kết ôm đàn lưu ly chắp tay hướng về Phật bạch: -Bạch Thế Tôn, kính Đại Tiên Nhơn, Thiên vương Thích xin đảnh lễ dưới chân Ngài, thăm hỏi Thế Tôn: "Thánh thể có được mạnh khỏe, an ổn, khoái lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không? Bạch Đại Tiên Nhơn, Thiên vương Thích và chư thiên ở Tam Thập Tam thiên muốn đến yết kiến Thế Ton." Bay giơ, đức The Ton bao: Này Ngũ Kết, mong cho Thiên vương Thích được an ổn, khoái lạc; chư thiên, loài người, a-tu-la, kiền-đát-hòa, la-sát và tất cả các loài chúng sanh khác đều được an ổn, khoái lạc! Này Ngũ Kết, Thiên vương Thích có muốn đến yết kiến Ta thì hãy tùy ý! Ngũ Kết nghe Phật dạy xong, khéo léo thọ trì, đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, trở về đến chỗ Thiên vương Thích thưa rằng: Tâu Thiên vương, toi đã bạch vơi The Ton. The Ton nay đang đợi Thiên vương. Mong Thiên vương nên tự biết thời! Bấy giờ, Thiên vương Thích cùng chư thiên Tam Thập Tam thiên và Ngũ Kết nhạc tử đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Ngài, ba lần tự xưng tên họ rằng: -Bạch Đại Tiên Nhơn, con là Thiên vương Thích, con là Thiên vương Thích. Đức Thế Tôn bảo: Đúng như vậy! Đúng như vậy! Này Câu-dực9 ông chính là Thiên vương Thích. Thiên vương Thích ba lần tự xưng tên họ, đảnh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên. Trời Tam Thập Tam và Ngũ Kết nhạc tử cũng đảnh lễ chân Phật rồi đứng sang một bên. Khi ấy, Thiên vương Thích thưa: Bạch Đại Tiên Nhơn, con nên ngôi cách xa hay gân Ngài? Đức Thế Tôn dạy: Ông hãy ngồi gần Ta! Vì sao? Vì ông còn có hàng chư thiên quyến thuộc nữa.

Rồi Thiên vương Thích đảnh lễ chân Phật và ngồi sang một bên. Chư thiên Tam Thập Tam thiên và Ngũ Kết nhạc tử cũng đảnh lễ chân Phật rồi ngồi sang một bên. Lúc ấy, động Nhân-đà-la bỗng nhiên rộng lớn. Vì sao? Vì nhờ oai



thần của Phật và oai đức chư thiên vậy. Thiên vương Thích sau khi ngồi xuống, thưa rằng: Bạch Đại Tiên Nhơn, đã từ lâu con muốn đến yết kiến Thế Tôn, muốn thưa hỏi về giáo pháp. Bạch Đại Tiên Nhơn, xưa kia một thời, đức Thế Tôn du hóa tại nước Xá-vệ? trong Thạch Nham. Bạch Đại Tiên Nhơn, lúc đó, con vì mình và chư thiên Tam Thập Tam thiên đi xe ngàn voi đến nhà của Đại vương Bệ-sa-môn. Bệ-sa-môn Đại vương có người thiếp tên Bàn-xà-na. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang nhập đinh, im lặng tịch nhiên. Người thiêp chăp tay đảnh lễ dưới chân đức Thế Tôn. Bạch Đại Tiên Nhơn, con nói với Bàn-xà-na rằng: "Này hiền muội, nay khôiiẸ phải lúc ta đến yết kiến Thế Tôn. Thế Tôn đang nháp định. Nếu khi nào The Tôn xuất đinh, hiền muội hY thay mặt ta đảnh lễ The Tôn và thăm hỏi rằng: 'Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bịnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không?5 Rồi nói như vầy: 'Bạch Đại Tiên Nhơn, Thiên vương Thích đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi rằng: Thánh thể có khỏe mạnh, an ổn, khoái lạc, không bịnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường không?9,9 Bạch Đại Tiên Nhơn, cô em ấy có thay mặt con đảnh lễ chân Phật và thăm hỏi Thế Tôn,

Thế Tôn có nhớ chăng? Đức Thế Tôn bảo: /x A M , A r • t • XA -Này Câu-dực, cô em ây có thay mặt ông đảnh lê và cũng nói lại đây đủ ý ông muốn thăm hỏi. Ta có nhớ việc ấy. Này Câu-dực, khi ông đi về, Ta nghe tiếng xe lăn và xuất định. Bạch Thế Tôn, ngày xưa, con có nghe rằng khi đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở đời thì thiên chúng được himg thạnh mà a-tu-la lại bi giảm thiểu. Bạch Đại Tiên Nhơn, chính mắt con trông thấy Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn theo Phật tu hành Phạm hạnh, xả dục? ly dục, khi thân hoại mạng chung được đến cõi lành, sanh lên trời. Bạch Đại Tiên Nhơn, Thích nữ Cù-tỳ là đệ tử của Thế Ton, cũng theo Ngài tu tập Phạm hạnh, ghê tởm thân nữ, ái lạc thân nam, chuyển thân nữ thành thân nam, xả dục, ly dục, khi thân hoại mạng chung được sanh đến cõi Tam Thập Tam thiên làm con của con. Nàng đã thọ sanh rồi, chư thiên đều gọi là Cù-bà thiên tử, có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Bạch Đại Tiên Nhơn, con lại thấy có ba vị Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn, cũng theo The Tôn tu tập Phạm hạnh nhưng không xả ly dục, khi thân hoại mạng chung họ sanh vào trong cung kỹ nhạc tháp kém. Họ đã thọ sanh roi, ngày ngày đên Tam Thập Tam thiên cung phụng chư thiên, hầu hạ Cù-bà thiên tử. Thiên tử thấy họ, liền nói bài kệ: Pháp nhãn ưu-bà-di, Ta tên là Cù-tỳ9 Phụng kính Phật và Pháp, Tịnh ý nhờ Tăng-già. Ta đã nhờ ân Phật, Thích tử nhiều phước đức, Diệu sanh Tam Thập Tam, Thiên tử, mọi người biết.



Biết người vốn Tỳ-kheo, Thọ sanh thần kỹ nhạc, Chắp tay đứng trước mặt, Cù-bà nói kệ cho. Vốn con đức Cù-đàm5 Khi ta ở nhân gian, Đã từng đến nhà ta, Ẩm thực hằng cúng dường. Người vốn cùng bậc Thánh, Hành vô thượng Phạm hạnh, Nay là để người sai, Thường nhật kính phụng trời. Xưa ta hầu hạ người, Cùng nghe pháp Như Lai, Được tín, thành tựu giới, Khéo sanh cõi trời này. Người vốn được thờ phụng, Hành vô thượng Phạm hạnh, Nay là để người sai, Thường nhật kính phụng trời. Mặt mày người là gì, Phật pháp đã thọ trì, Thánh nhãn đã dạy rõ, Pháp nội tâm chứng tri. Ta xưa hầu các vi, Nay nhạc thần liệt hạ, Tự theo phi pháp hành, Tự sanh phi pháp vậy. Ta sống đời tại gia, Nay xem thắng đức ta, Chuyển nữ thành thiên tử, Thọ ngũ dục tự do. Con Cù-bà bi mắng, Buồn nản, rồi tán thán: Ta nay hãy tiến hành, Thiên tử nói thật đúng. Hai trong số cần hành, Nhớ Pháp, Luật Cù-đàm, Biết dục là tai họa, Bèn xả ly dục tham. Chúng bị dục kết triền, Tức xả ly được liền, Như voi bức dây xích, Vượt Tam Thập Tam thiên. Nhan-đà-la? Thiên, Phạm, Tát ca đêu đen nhom, Vi ấy vượt bảo tòa, Hùng mãnh xả trần dục. Đế-thích thấy ưu phiền, Thắng thiên, thiên trong thiên, Chúng vốn sanh hạ tiện, Nay vượt Tam Tam thiên. Ưu phiền rồi tấm tắc, Cù-bà nói sau hết: Nhân gian Phật tối hậu, Đấng Mâu-ni thắng dục. Con ngài do lãng quên, Bi quở trách lại được, Một trong ba vị kia, Sanh trong loài kỹ nhạc; Cả hai thành chánh đạo, Tại trời Đinh Căn Lạc. Người nói pháp như vây, Đệ tử không mê hoặc, Vượt lậu, đoạn tà nghi, Lễ Phật, thắng phục căn, Bởi vì rõ các pháp, Hai vị được thăng tiến. Tư chô thăng tiên áy, Sanh lên trời Phạm thiên, Chúng con biêt pháp ây, Nên đến đây, Đại Tiên! Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: uVị quỷ này không bao giờ dua nịnh, dối trá, không huyễn hoặc, chất trực; nếu có hỏi, là muốn biết, chứ không phải muốn xúc nhiễu. Những điều vi này muốn hỏi cũng

vậy. Ta hãy nói A-tỳ-đàm sâu S*C.” Đức Thế Tôn biết như thế, Ngài liền nói bài kệ cho Thiên vương Thích:

134. KINH THÍCH VẤN 739

Vì an lạc đời này, Và an lạc đời sau, Câu-dực tùy ý hỏi, Theo những điều sở thích, Điều này hay điều kia, Ta quyết đoan hết thảy. Thế Tôn đã nghe cho, Nhật thiên cầu đạo nghĩa, Tại nước Ma-kiệt-đà, Hiền Bà-sa-bà hỏi. Bấy giờ, Thiên vương Thích thưa: Bạch Thế Tôn, các loài trời, người, a-tu-la? kiền-đạt-hòa? la-sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi có bao nhiêu kiết sử? Đức Thế Tôn nghe xong, đáp: Này Câu-dực, các loài trời, người, a-tu-la, kiên-đạt-hòa? la-sát và các chủn^ loại khác, mỗi mỗi đều có hai kiết sử là bon xẻn và ganh tị. Mỗi chủng loại áy đều nghĩ rằng: "Mong sao ta không gậy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không đấu, không khổ, sống trong an lạc.” Họ tuy nghĩ như vậy nhưng vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có dấu, có khổ mà không sống trong sự an lạc. Thiên vương Thích nghe thế, thưa rằng: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật Sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Các loại trời, người, a-tu-la, kiền-đạt-hòa, la- sát và các chủng loại khác, mỗi mỗi đều có hai kiết sử. Họ nghĩ rằng: "Mong sao ta không ệậy, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, không dấu, không khổ, song trong an lạc." Họ tuy nghi như vậy nhimg vẫn có gậy, có kết, có oán, có nhuế, có tranh, có dấu, có kho mà không sống trong sự an lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, bon xẻn, ganh ti do nhân gì, duyên gì, từ đâu sanh ra, do đâu mà có; lại do nhân nào mà không có bon xẻn và ganh tị? The Ton đáp: Này Câu-dực, bon xẻn và ganh tị nhân nơi ái lạc và không ái lạc, duyên nơi ải lạc và không ái lạc, từ nơi ái lạc và không ái lạc sanh ra, do ái lạc và không ái lạc mà có; nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bản xẻn và ganh tị. A

Thiên vương Thích nghe xong, thưa răng: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Bon xẻn và ganh ti nhân nơi ái lạc và không ái lạc, duyên nơi ái lạc và không ái lạc, từ nơi ái lạc và không ái lạc sanh ra, do ái lạc và không ái lạc mà có; nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không

740 KINH TRUNG A-HÀM

CÓ bôn xẻn và ganh ti. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: -Bạch Đại Tiên Nhơn, ái lạc và không ái lạc là do nhân gì, duyên gì, từ đâu phát sanh, do đâu mà có; lại do nhân nào mà không có ái lạc và không ái lạc? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực9 ái lạc và không ái lạc là nhân nơi dục và duyên nơi dục, từ

nơi dục mà phát sanh, do dục mà có, nêu vô dục thì không có ái lạc và không ái lạc. Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Ái lạc và không ái lạc là nhân nơi dục và duyên nơi dục, từ nơi dục mà phát sanh, do dục mà có; nếu vô dục thì không có ái lạc và không ái lạc. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều của Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, dục là do nhân gì, duyên gì, từ đâu mà sanh, do đâu mà có; do nhân nào không có dục? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực9 dục là nhân nơi suy niệm và duyên nơi suy niệm, từ nơi suy niệm mà phát sanh, do niệm mà có; nêu không có suy niệm thì không có dục. Thiên vương Thích nghe thê, thưa răng: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Dục là nhân nơi suy niệm và duyên nơi suy niệm, từ nơi suy niệm mà phát sanh, do suy niệm mà có; nếu không có suy niệm thì không có dục. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điêu Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, suy niệm là do nhân gi, duyên gi, từ đâu mà sanh, do đâu mà có; lại do nhân nào không có suy niệm?

134. KINH THÍCH VẤN 741

Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực, suy niệm nhân nơi tư duy và duyên nơi tư duy, từ nơi tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có; nếu không có tư duy thì không có suy niệm. Do suy niệm có dục, do dục có ái lạc và không ái lạc, do ái lạc và không ái lạc có bon xẻn và ganh tị; do bon xẻn và ganh ti mà sanh ra đao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi; trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn khổ đau này phát sanh. Nếu không có tư duy thì không có suy niệm, nếu không có suy niệm thì không có dục, nếu không có dục thì không có ái lạc và không ái lạc, nếu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bon xẻn và ganh tị; nếu khônệ có bon xẻn và ganh ti thì không có đao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, doi trá, nói láo, hai lưỡi; trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn đau khổ này tiêu diệt. Thiên vương Thích nghe xong, thưa rằng: - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Suy niệm là nhân nơi tư duy, duyên nơi tư duy, từ tư duy mà phát sanh, do tư duy mà có; nếu không có tư duy thì không có suy niệm. Do suy niệm nên có dục, do dục nên có ái lạc và không ái lạc, do ái lạc và không ái lạc nên có bon xẻn và ganh tị; do bon xẻn và ganh tị mà sanh ra đao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua nịnh, dối trá, nói láo, hai lưỡi; trong tâm sanh ra vô lượng pháp ác, bát thiện. Như vậy là toàn khôi lớn khô đau này phát sanh. Nêu không có tư duy thì không có suy niệm, nếu không có suy niệm thì không có dục, nếu không có dục thì không có ái lạc và không ái lạc, nêu không có ái lạc và không ái lạc thì không có bon xẻn và ganh tị; nếu khônẹ có bon xẻn và ganh tị thì

không có đao gậy, đấu tranh, thù nghịch, dua ninh, doi trâ, nói láo, hai lưỡi; trong tâm không sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là toàn khối lớn đau khổ này bi tiêu diệt. Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, thế nào là con đường tiêu diệt hy luận? Tỳ-kheo thực hành như thê nào đê hướng đên con đường tiêu diệt hy luận? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực9 con đường tiêu diệt hý luận là tám chi Thánh đạo. Đó là chánh kiến, cho đến chánh định. Này Câu-dực, đó là con đường tiêu diệt hy luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hy luận. Thiên vương Thích nghe xong thưa rằng: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Con đường tiêu diệt hy luận là tám chi Thánh đạo. Đó là chánh kiến, cho đến chánh đinh. Bạch Đại Tiên Nhơn, đó là con



đường tiêu diệt hý luận. Tỳ-kheo thực hành như vậy để hướng đến con đường tiêu diệt hy luận. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã dạy, con đã rõ. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: - Bạch Đại Tiên Nhơn, một Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận phải đoạn bao nhiêu pháp và hành bao nhiêu pháp? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận phải đoạn ba pháp và tu hành ba pháp. The nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là mong cầu. Này Câudực, niệm ây, Ta nói có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu niệm mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ; nếu niệm mà nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như thế. Này Câu-dực9 mong cầu, Ta nói cũng có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nêu mong câu mà không nên hành thì Ta liên đoạn trừ; nêu mong câu mà nên hành thì Ta biêt lúc nào nên hành, có niệm, có trí đê thành tựu mong cầu kia vậy. Thiên vương Thích nghe xong, thưa: Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn! Thật sự như vậy, bạch Thiện Thệ! Thật Sự như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Tỳ-kheo hướng đên con đường tiêu diệt hý luận đoạn ba pháp, tu hành ba pháp. Thế nào là ba? Một là niệm, hai là ngôn, ba là mong cầu. Đại Tiên Nhơn đã nói niệm có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu niệm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu niệm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí, để thành tựu niệm kia vậy. Ngôn cũng như vậy. Đại Tiên Nhơn đã nói mong cầu cũng có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu mong cầu tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu mong cầu giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí, để thành tựu mong cầu kia vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con

đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận có bao nhiêu pháp để thủ hộ? giải thoát luật nghi, tu hành bao nhiêu pháp?



Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực, Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận có sáu pháp để thủ hộ, giải thoát luật nghi và tu hành sáu pháp ấy. Sáu pháp ấy là gì? ĐÓ là mát thây săc? tai nghe tiêng, mũi ngửi hương, lưỡi nêm vị, thân biêt xúc, ý biết pháp. Này Câu-dực, mắt thấy sắc, Ta nói có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc không nên hành thì Ta liền đoạn trừ; nếu mắt thấy sắc nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thàiỷi tựu mắt vậy. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc và ý biêt pháp, Ta nói cũng có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nêu ý biết pháp không nên hành thì Ta liền đoạn trừ; nếu ý biết pháp nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý vậy. Thiên vương Thích nghe xong, thưa: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hý luận có sáu pháp để thủ hộ9 giải thoát luật nghi và tu hành sáu pháp. Sáu pháp ấy là gì? Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại Tiên Nhơn đã nói mắt thấy sắc có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu mắt thấy sắc mà tăng trưởng pháp ác, bất thiện và làm giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu mắt thấy sắc làm giảm tôn pháp ác, bát thiện và làm tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu mắt. Cũng như thế, đối với tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân biết xúc, ý biết pháp. Đại Tiên Nhơn đã nói ý biết pháp cũng có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu ý biết pháp làm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu ý biết pháp làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu ý. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đung như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điêu Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: _ Bạch Đại Tiên Nhơn, vi Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, phải đoạn bao nhiêu pháp và tu hành bao nhiêu pháp? Đức Thế Tôn dạy: Này Câu-dực? Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc, lại cũng phải đoạn ba pháp và tu hành ba



pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là ưu và ba là xả. Này Câu-dực? hỷ, Ta nói có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nêu hỷ mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ; nếu hỷ nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ. Ưu cũng như thế. Này Câu-dực, xả, Ta nói cũng có hai loại: Nen hành và không nên hành. Nếu

xả mà không nên hành thì Ta liền đoạn trừ; nếu xả nên hành thì Ta biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả. Thiên vương Thích nghe xong, thưa: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Tỳ-kheo hướng đến con đường tiêu diệt hy luận, khi thân mạng tồn tại trong một khoảnh khắc phải đoạn trừ ba pháp và thực hành ba pháp. Ba pháp ấy là gì? Một là hỷ, hai là tru và ba là xả. Đại Tiên Nhơn đã nói hỷ có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu hỷ làm tăng trưởng pháp ác? bất thiện và giảm thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu hỷ làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu hỷ. Ưu cũng thế. Đại Tiên Nhơn đã nói xả cũng có hai loại: Nên hành và không nên hành. Nếu xả làm tăng trưởng pháp ác, bất thiện và giảm tổn thiện pháp thì Đại Tiên Nhơn liền đoạn trừ; nếu xả làm giảm tổn pháp ác, bất thiện và tăng trưởng thiện pháp thì Đại Tiên Nhem biết lúc nào nên hành, có niệm, có trí để thành tựu xả. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng chăng? Đức Phật dạy: -Này Câu-dực, tát cả Sa-môn, Phạm chí không đông một thuyêt, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hưởng. Thiên vương Thích lại hỏi: -Bạch Đại Tiên Nhơn, tất cả Sa-môn, Phạm chí vì lý do gì mà không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Câu-dực, thê giới này có nhiêu chủng loại giới, có vô lượng giới. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó, tùy khả năng, tùy phương tiện của mình mà nói một chiêu răng: "Đây là chân thật, ngoài ra đêu hư d6i.” Này Câu-dực, cho nên, tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng vậy.

134. KINH THÍCH VẤN 745

Thiên vương Thích nghe xong, thưa: Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Thế giới này có nhiều chủng loại giới, có vô lượng giới. Vị ấy tùy theo một giới được biết đến, rồi ở nơi giới đó, tùy khả năng, tùy phương tiện của mình mà nói một chiều rang: "Đây là chân thật, ngoài ra đều hư vpiig.” Bạch Đại Tiên Nhơn, vì thế mà tất cả Sa-môn, Phạm chí không đồng một thuyết, một mong cầu, một yêu thích, một hoan lạc, một ý hướng vậy. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy. Thiên vương Thích sau khi nghe những điều Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi: Bạch Đại Tiên Nhơn, tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tinh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Câu-dực, không hẳn là tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cửu cánh, cứu cánh bạch tinh. cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Thiên vương Thích thưa: - Bạch Đại Tiên Nhơn, vì lý do gì mà không hẳn là tất cả Sa-môn, Phạm chí đều đạt đến cứu cánh, cứu cánh

bạch tinh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh? Đức Thế Tôn đáp : Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận, không toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát; kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, không thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Này Câu-dực, nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận, toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát; kẻ ây đạt đên cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Thiên vương Thích thưa: - Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với vô thượng ái tận, không toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát; kẻ ấy không đạt đến cứu cánh, cứu cánh _ bạch * tịnh, cứu cánh __ • r Phạm hạnh, không thành• tựu cứu cánh Phạm hạnh. Bạch Đại Tiên Nhơn, nêu có Sa-môn, Phạm chí đôi với vô thượng ái tận, toàn vẹn chân chánh tâm giải thoát; kẻ ấy đạt đến cứu cánh, cứu cánh bạch tịnh, cứu cánh Phạm hạnh, thành tựu cứu cánh Phạm hạnh. Đúng như vậy, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, bạch Thiện Thệ! Đúng như vậy, bạch Đại Tiên Nhơn! Đúng như pháp mà Phật đã nói, con đã biết. Con đã đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự do nghe những điều Phật dạy.



Y.. 5

Thiên vương Thích sau khi nghe những điêu Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Thiên vương Thích lại hỏi:  Bạch Đại Tiên Nhơn, con lâu nay bi gai nhọn nghi hoặc, ngày nay được Thế Tôn nhổ ra. Vì sao? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác vậy. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Câu-dực, ông nhớ lại ngày xưa, ông đã từng hỏi các Sa-môn, Phạm chí việc như thế chăng? Thiên vương Thích đáp:  Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhơn tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhơn, chư thiên Tam Thập Tam thiên tập hợp tại pháp đường, đều ôm lòng sầu não, thường than thở rằng: "Chúng ta nếu gặp được đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thì quyết sẽ đến yết kiến." Bạch Đại Tiên Nhơn, nhưng chúng con không gặp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, nhtrng đã thụ hưởng đầy đủ các đặc tính của ngũ dục. Bạch Đại Tiên Nhơn, chúng con phóng dật. Sau khi sống phóng dật, vị thiên tử có đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung. Bạch Đại Tiên Nhơn, khi con thấy vi thiên tử có đại oai đức ngay nơi chỗ cực diệu mà mạng chung, bèn chán nản hết sức, lông tóc đều dựng ngược: "Mong ta không ở nơi này mà mạng chung nhanh chóng Bạch Đại Tiên Nhơn, con do sự chán nản này, sự iru não này, nếu thấy Sa- môn, Phạm chí nào sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, dưới gốc cây, thích ở trên sườn núi cao, vắng bặt, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không CÓ bóng người, tùy thuận tĩnh tọa; sau khi thây vị ây ưa thích nơi xa văng, tĩnh tọa, sống an ổn, khoái lạc, con cho rằng đây là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, liền đến yết kiến. Vi ấy không biết con nên hỏi rằng: "Người là ai?" Lúc đó, con đáp rằng: "Bạch Đại Tiên Nhơn, con là Thiên vương Thích. Bạch Đại Tiên Nhơn, con là Thiên vương Thích." Vi ấy lại hỏi: "Ta từng thấy Thiên vương Thích và cũng thấy chủng tánh Thích. Vì lý do gì gọi là Thích? Vì lý do gì gọi là chủng tánh Thích?" Con liền đáp: "Bạch Đại Tiên Nhơn, nếu có ai đến hỏi con việc như vậy, con liền tùy khả năng, tùy sức mà trả lời, cho nên được gọi là Thích.^, Vi ấy lại nói: "Chúng ta

tùy theo việc mà hỏi Thích, Thích cũng tùy theo việc mà đáp lại ta.” Vị ấy hỏi việc con, nhưng con không hỏi việc vị ây. Vi ây quy mạng con, nhưng con không quy mạng vi ây. Bạch Đại Tiên Nhơn, từ nơi Sa-môn, Phạm chí kia, hoàn toàn không được oai nghi giáo pháp, huống nữa lại được hỏi như vậy sao? Lúc ấy, Thiên vương Thích nói bài tụng: Thích đi qua, đi qua, Thích nay nói như thế, Lìa xa, ý sở niệm, Trừ nghi, các do dự.

134. KINH THÍCH VẤN  747

Từ lâu hành ở đời,
Tìm cầu đức Như Lai,
Thấy Sa-môn, Phạm chí,
Tĩnh tọa nơi xa vắng,
Cho la Chánh Đẳng Giác,
Đen phụng cúng, lạy thờ,
“Làm sao được thăng tấn?”
Như vậy, con hỏi Ngài.
Đã hỏi không được đáp,
Thành đạo và đạo tích.
Thế Tôn nay vì con,
Nếu ý có sở nghi,
Sở niệm và sở tư,
Và sở hành của v,
Biết tâm ẩn và hiện,
Thánh nhãn nói cho hay.
Tôn Phật là Đạo sư,
Tôn Vô Trước Mâu-ni,
Tôn bậc đoạn kiết sử,
Độ mình và độ người.
_ ] . nhát trong hàng giác ngộ,:
Đệ
Tôi thượng ngự trong hàng điêu ngự,
Tối diệu tịch trong hàng tịch tĩnh,
Đấng Đại Tiên, độ mình, độ người.
Nên con lễ Đại Hùng,
Cúi lạy Tối Thượng Nhân,
Đoạn tuyệt gai ái dục,
Kính lạy đấng Nhật Thân.
Bấy giờ, đức Thế Tôn lại hỏi rằng:
Này Câu-dực, ông có nhớ ngày xưa, được xả ly như vậy, được hoan hỷ như vậy là do nơi Ta đã chứng đăc pháp hỷ chăng?
Thiên vương Thích thưa:

Bạch Thế Tôn, mong Đại Tiên Nhơn tự biết cho. Bạch Đại Tiên Nhơn, một thời xưa, chư thiên và a-tu-la chiến đấu với nhau. Bạch Đại Tiên Nhơn, khi chư thiên và a-tu-la chiến đấu với nhau, con nghĩ rằng: "Mong chư thiên thắng, phá vỡ a-tu-la. Thực phàm của chư thiên và thực phàm a-tu-la hãy đê tát cả cho Tam

Thập Tam thiên thọ thực." Bạch Đại Tiên Nhơn, khi chư thiên đánh nhau với a-tu-la, chư thiên đác thăng, phá vỡ chúng a-tu-la. Thực phàm của chư thiên và thực phẩm của a-tu-la, tất cả đều được chư thiên Tam Thập Tam thọ thực. Bạch

Đại Tiên Nhơn, bấy giờ có ly, có hỷ, nhimg xen lẫn đao gậy, kết oán, đấu tranh,



thù nghịch, không được thần thông, không được giác đạo, không được Niết-bàn. Bạch Đại Tiên Nhơn, ngày nay được ly, được hỷ, không xen lẫn đao gậy, kết oán, đâu tranh, thù nghịch, được thân thông, được giác đạo và được Niêt-bàn. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Câu-dực, do đâu ông được ly, được hỷ? Do nơi Ta mà được pháp hỷ chăng? Thiên vương Thích đáp: Bạch Đại Tiên Nhơn, con nghĩ rằng: "Ta mạng chung ở đây, sanh nơi nhân gian. ở đó? nếu có dòng họ rất giàu sang, tiền của vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được, phong hộ, thực ấp các thứ đầy đủ; hoặc là chủng tộc Sát-lợi trưởng giả, chủng tộc Phạm chí trưởng giả và các chủng tộc khác, rất là giàu sang, của cải vô số, sản nghiệp, súc mục không thể tính được, phong hộ, thực ấp các thứ đầy đủ. Sau khi sanh vào chủng tộc như thế, thành tựu các căn, có tín tâm đôi với pháp, luật mà đức Như Lai giảng thuyết. Sau khi có tín tâm, liền cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo và học trí. Sau khi học trí, nêu thành đạt trí, liên chứng đác Cứu cánh trí, đạt đên biên tê cứu cánh. Nêu sau khi học trí mà không được Cứu cánh trí và sau khi học trí thì có chư thiên nào có đại phước hựu, có sắc tướng uy nghi, chói sáng rực rỡ, rát có oai lực, an ôn, khoái lạc, sông mãi trong cung, sanh nơi tối thượng; con sanh trong d6." Bấy giờ, Thiên vương Thích nói bài tụng: Xả ly thân thiên thần, Sanh xuống nơi nhân gian, Thác thai không ngu muội, Tùy sở thích hân hoan. Thành thân đã toàn mãn, Theo chánh đạo tu hành, Hành Phạm hạnh trọn đủ, Sống vui đời xin ăn. Và sau khi học trí, nếu được trí, liền chứng đắc Cứu cánh trí, đạt đến biên tế cứu cánh. Nếu học trí và sau khi học trí rồi mà được trí nhưng không chứng đắc Cứu cánh trí, sẽ thành vị trời tối thượng diệu, chư thiên đều nghe danh. Đó là Sắc Cứu Cánh thiên, con sẽ sanh vào đó. Bạch Đại Tiên Nhơn, con mong sẽ chứng đắc A-na-hàm. Bạch Đại Tiên Nhơn, con nay đã chứng đắc Tu-đà-hoàn. Đức Thế Tôn hỏi: Này Câu-dực, ông do đâu mà được cực hảo, cực cao, cực rộng, với một ít sai biệt, để có thể tự nói là đã chứng đắc Tu-đà-hoàn? Bấy giờ, Thiên vương Thích dùng bài kệ đáp: Không còn tôn ai khác, Ngoài cảnh giới Thế Tôn, Chứng vô thượng sai biệt, Cõi này thật chưa từng. Đại Tiên, con ngồi dây, Ngay với thân trời này, Con liền được tăng thọ, Chính mắt thấy như vầy.



Khi nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa trân câu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Tám vạn chư thiên cũng được xa lìa trân câu, pháp nhãn của các pháp phát sanh. Khi ấy, Thiên vương Thích thấy pháp, đắc pháp, giác ngộ pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi

hoặc, không còn tôn ai khác, không còn do ai khác, không còn do dự, đã an trú trên quả chứng, đối với giáo pháp của Phật, chứng đắc vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật và thưa:  Bạch Thế Tôn, con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đen khi mạng chung! Bây giờ, Thiên vương Thích ngợi khen Ngũ Két nhạc tử rằng:  Lành thay! Lành thay! Ngũ Kết, ông đã giúp ích cho ta rất nhiều. Vì sao? Do ông mà Phật xuất định, bởi ông trước hết khiến Thế Tôn từ định ra, khiến ta sau đó mới yết kiến được Thế Tôn. Này Ngũ Kết, sau khi từ đây trở vê, ta đem Hiên Nguyệt Săc, con gái của nhạc vương Đam-phù-lâu gả cho ông, và đem vương quốc của nhạc vương ấy trao cho ông, phong tặng ông làm vua kỹ nhạc. Bấy giờ, Thiên vương Thích bảo chư thiên Tam Thập Tam thiên:  Các ông hãy lại đây. Nếu trước kia chúng ta thường ba lần cung kính lễ sự Phạm thiên vương trên cõi trời Phạm thiên thì từ nay, tất cả đều cung kính lể bái*hầu hạ Thế Tôn. Vì sao? Vì Thề Tôn là Phạm thiên; là vi Phạm thiên sẽ tạo hóa những bậc tôi tôn; những chúng sanh đã sanh, những chúng sanh đã có và sẽ có; những gì Phạm thiên biết, Ngài đều biết hết; những gì Phạm thiên có thể thấy, Ngài đều thấy hết. Rồi Thiên vương Thích, chư thiên cối Tam Thập Tam thiên, Ngũ Kết nhạc tử, nếu trước kia từng ba lần cung kính lễ bái, hầu hạ Phạm thiên sống trên cõi Phạm thiên, nay họ thảy đều hướng sự cung kính lễ bái, hầu hạ ấy đến đức Thế Tôn, cúi đầu trước đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, Thiên vương Thích, chư thiên Tam Thập Tam thiên và Ngũ Kết nhạc tử, lại lần nữa cung kính lễ bái, hầu hạ Thế Tôn, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi bỗng nhiên biến mất khỏi chỗ đó, không thấy nữa. Bấy giờ, Phạm thiên, với sắc tướng uy nghi, sáng chói rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Phật, cúi đầu sát chân Phật rồi đứng sang một bên, dùng kệ bạch Thế Tôn: Do gây nhiều thiện ích, Do lợi nghĩa là thiên, Hiền giả ở Ma-kiệt, Bà-sa-bà hỏi han. Khi Đại Tiên Nhơn nói pháp này, Thiên vương Thích xa lìa trần cấu, pháp nhãn vê các pháp phát sanh; và tám vạn chư thiên cũng xa lìa trân câu, pháp nhãn về các pháp phát sanh.

750  KINH TRƯNG A-HÀM

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phạm thiên rằng:  Quả như vậy! Quả như vậy! Đúng như Phạm thiên đã nói: Do gây nhiều thiện ích, Do lợi nghĩa là thiên, Hiền giả ở Ma-kiệt, Bà-sa-bà hỏi han. Này Phạm thiên, khi Ta nói pháp, Thiên vương Thích xa lìa trân câu, pháp nhãn vê các pháp phát sanh; và tám vạn chư thiên cũng xa lìa trân câu, pháp nhãn vê các pháp phát sanh. Đức Phật thuyết như vậy, Thiên vương Thích, chư thiên Tam Thập Tam thiên, Ngũ Kết nhạc tử và Đại Phạm thiên sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

135. KINH THIỆN SANH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Nhiêu-hà-mô. Bấy giờ, trong thành Vương Xá có con của vị cư sĩ tên là Thiện Sanh. Khi người cha sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối trăn, khéo dạy, khéo nhắc:  Này Thiện Sanh, sau khi cha mất, con phải chắp tay lạy sáu phương, ở phương Đông, nếu có chúng sanh nào thì ta hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi ta đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái9 thờ phụng người đó rồi;

người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại ta. Cũng như vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì ta hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi ta đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại ta. Thiện Sanh, con vị cư sĩ nghe cha dạy xong, thưa rằng: Con xin vâng theo lời cha dạy bảo! Sau khi cha mất, vào mỗi sáng sớm, Thiện Sanh tắm gội xong, mặc áo sô- ma mới, tay cầm lá Câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương: 'Thương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại t6i.” Khi ấy, lúc đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương Xá để khất thực. Khi đức Thế Tôn mang y, cầm bát vào thành Vương Xá khất thực, từ xa trông thấy Thiện Sanh, con vị cư sĩ, vào lúc sáng sớm, tăm gội, mặc áo sô-ma mới, tay câm lá Câu-xá còn tươi, đi đên bờ sông, chắp tay lạy sáu phương: 'Thương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ



bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại t6i.” Đức Thế Tôn thấy thế, liền đi đến gần, hỏi Thiện Sanh, con vi cư sĩ: -Con của vị cư sĩ, ông thọ nhận sự giáo hóa của Sa-môn, Phạm chí nào dạy ông cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng, vào mỗi buổi sáng, tắm rửa, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá Câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chắp tay lạy sáu phương: "Phương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.95 Thiện Sanh, con vi cư sĩ thưa: Bạch Thế Tôn, không có vi Sa-môn, Phạm chí nào dạy con cả. Bạch Thế Tôn, cha của con khi sắp lâm chung, nhân sáu phương mà trối lại với con, khéo dạy, khéo nhắc: “Này Thiện Sanh, sau khi cha mất, con nên chắp tay mà lễ sáu phương: Thương Đông nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính,

cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi.999 Bạch Thế Tôn, con vâng lời trối của cha nên con cung kính, cúng dường, thờ phụng, mỗi sáng sớm, tắm gội, mặc áo sô-ma mới, tay cầm lá Câu-xá còn tươi, đi đến bờ sông, chăp tay lạy sáu phương: 'Thương Đông nêu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại tôi. Cũng vậy, phương Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, nếu có chúng sanh nào thì tôi hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó. Khi tôi đã hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng người đó rồi; người đó cũng hết lòng cung kính, cúng dường, lễ bái, thờ phụng lại t6i.” Đức Thế Tôn sau khi nghe như vậy, Ngài nói:  Con của vị cư sĩ, Ta nói có sáu phương, chớ không nói là không có. Này con của vị cư sĩ, nếu có người khéo phân biệt sáu phương, xa lìa những nghiệp cấu ác và bất thiện ở bốn phương; người đó ngay trong đời này đáng được cung kính, tôn trọng, sau khi thân hoại mạng chung, chắc chắn sẽ sanh đến thiện xứ,



sanh vào cối trời. Này con của vị cư sĩ, chúng sanh có bốn loại nghiệp, có bốn thứ ô uế. Thế nào là bốn? Này con của cư sĩ, sát sanh là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh; trộm cắp, dâm dật, vọng ngữ là một loại nghiệp, một loại ô uế của chúng sanh. Roi đức The Ton noi bai kê: Sát sanh cùng trộm cắp, Tà dâm, lấy vợ người, Lời nói không chân thật, Bậc trí không ngợi khen. Này con của vị cư sĩ, con người do bốn việc mà bị nhiều tội lỗi. Bốn việc đó là gì? Đó là ham muốn, sân hận, sợ hãi và ngu si. Khi ấy, đức Phật dạy tiếp bài kệ: Dục, nhuế, bố và si, Làm hạnh ảc, phi pháp, Thanh danh tất bị diệt, Như mặt trăng sắp tàn. Này con của vị cư sĩ, con người do bôn việc mà được nhiêu phước báo. Bôn việc đó là gì? Đó là không ham muôn, không sân hận, không sợ hãi và không ngu si. Khi ấy, đức Thế Tôn dạy bài kệ: Đoạn dục, không nhuế, bố, Không si, hành chánh hạnh, Thanh danh được tròn đủ, Như mặt trăng dần đầy. Này con của vị cư sĩ, kẻ mong câu của cải nên biêt có sáu điêu phi pháp. Sáu điêu đó là gì? Một là băng mọi sự chơi bời bài bạc mà mong câu tài vật là phi pháp. Hai là rong chơi không phải lúc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Ba là đam mê rượu chè mà mong cầu tài vật là phi pháp. Bốn là gần gũi ác tri thức mà mong cầu tài vật là phi pháp. Năm là đam mê kỹ nhạc mà mong cầu tài vật là phi pháp. Sáu là lười biếng mà mong cầu tài vật là phi pháp. Này con của vi cư si, với kẻ chơi bời bài bạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là thắng thì sanh oán thù. Hai là thua thì sanh xấu hổ. Ba là mắc nợ thì ngủ không yên. Bốn là khiến kẻ thù vui mừng. Năm là khiến thân thuộc lo âu. Sáu là nói giữa đám đông không ai tin dùng. Này con của vị cư sĩ, người chơi bời bài bạc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao. Này con của vi cư sĩ, với người rong chơi không phải lúc, nên biết có sáu loại tai họa. Sáu loại đó là gì? Một là không giữ được mình. Hai là không giữ được tài vật. Ba là không giữ được vợ con. Bon là bị người nghi ngờ. Năm là sanh nhiều khổ họa. Sáu là bị người hủy báng. Này con của vị cư sĩ, người rong chơi không phải lúc thì không kinh doanh

sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dàn dà bị tiêu hao.

754 KINH TRUNG A-HÀM

Này con của vị cư si, với người đam mê rượu chè, nên biết có sáu loại tai họa. Sáu loại đó là gì? Một là tài sản hiện tại bi tổn thất. Hai là thân bị nhiều bệnh hoạn. Ba là đấu tranh cànệ tăng trưởng. Bốn là dễ lộ điều giấu kín. Năm là tổn thất danh tiếng. Sáu là mát trí, thành ngu. Này con của vị cư sĩ, người đam mê rượu chè thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao. Này con của vị cư sĩ, với người gần gũi ác tri thức, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là thân cận giặc cướp. Hai là thân cận kẻ lừa gạt. Ba là thân cận kẻ say sưa. Bốn là thân cận kẻ buông lung. Năm là tụ hội chơi bời. Sáu là lấy đó làm thân hữu, lấy đó làm bạn đồng hành. Này con của vi cư sĩ, người gân gũi ác tri thức thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dần dà bị tiêu hao. Này con của vi cư si, với người đam mê kỹ nhạc, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là thích nghe ca. Hai là thích xem múa. Ba là thích đi đánh nhạc. Bốn là thích xem lắc chuông. Năm là thích vỗ tay. Sáu là thích tụ hội đông người. Này con của vị cư sĩ, người đam mê kỹ nhạc không phải lúc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì công nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dần dà bi tiêu hao. Này con của vị cư si, với người lười biếng, nên biết có sáu tai họa. Sáu tai họa đó là gì? Một là quá sớm, không làm việc. Hai là quá trễ, không làm việc. Ba là quá lạnh, không làm việc. Bốn là quá nóng, không làm việc. Năm là quá no, không làm việc. Sáu là quá đói, không làm việc. Này con của vi cư sĩ, người lười biếng không phải lúc thì không kinh doanh sự nghiệp, không kinh doanh sự nghiệp thì c6ng nghiệp không thành; tài vật chưa có thì không thể có được, tài vật đã có thì dan dà bi tiêu hao. Roi đức Thê Ton noi bài kẹ: Bài bạc, đuổi theo sắc, Nghiện rượu, thích đánh nhạc, Gần gũi ác tri thức, Lười biếng, không làm việc, Buông lung, không giữ mình, Những thứ ấy hại người. Tới lui không giữ gìn, Tà dâm, lấy vợ người, Trong tâm thường kết oán, Câu nguyện không có lợi, Uống rượu, nhớ nữ sắc, Những thứ ấy hại người. Nặng nề các việc ác, Ngoan cố, không nghe lời, Chửi Sa-môn, Phạm chí, Điên đảo có tà kiến, Hung bạo, làm nghiệp dữ, Những thứ ấy hại người. Thiếu thốn, không của cải, Uông rượu, mát áo quân, Mang nợ như chìm suối, Kẻ ấy phá họ hàng.

135. KINH THIỆN SANH 755

Thường đi đến lò rượu, Gần gũi bằng hữu xấu, Muốn được của không được, Lấy bạn bè làm vui; Có nhiều bằng hữu ác, Thường theo bạn không lành, Đời nay và đời sau, Hai đời đều bại hoại. Người làm ác giảm lần, Làm lành lần hưng thạnh, Người tập thắng càng tăng, Cho nên phải tập thăng. Tập thắng thời được thắng, Thường theo trí tuệ thắng, Càng được giới thanh tinh, Cùng an vui vi diệu. Ngày thì ưa ngủ nghi, _ choi, Đêm lại thích rong Buông lung, thường uống rượu, ở nhà không yên được. Quá lạnh và quá nóng, Đều lười biếng không làm, Rốt cuộc không sự nghiệp, Không kiếm ra tài vật.

Hoặc lạnh và quá nóng, Bất cần như ngọn cỏ, Siêng làm việc như vậy, Suốt đời đều an vui. Này con của vị cư sĩ, có bốn hạng người không thân mà hình như thân. Bốn hạng người đó là gì? Một là biết việc thì chẳng thân mà hình như thân. Hai là trước mặt nói lời diu ngọt thì chẳng thân mà hình như thân. Ba là lời nói thì chẳng thân mà hình như thân. Bốn là bạn đưa đến chỗ ác thì chẳng thân mà hình như thân. Này con của vị cư si, do bốn trường hợp nên người biết việc dù chẳng phải thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì? Một là do lấy sự biết việc mà đoạt của. Hai là cho ít, lây nhiêu. Ba là hoặc vì sợ mà làm thân. Bôn là vì lợi ma kết thân. Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ: Người lấy biết làm việc, Nói năng rất êm diu, Sợ, vì lợi, kết thân, Biết chẳng thân, tuồng thân, Nên xa lìa kẻ ấy, Như sợ hãi trên đường. Này con của vị cư sĩ, do bốn trường hợp, trước mặt nói lời dịu ngọt, dù chẳng thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bày ra những việc hay đẹp. Hai là dạy làm các việc ác. Ba là trước mặt ngợi khen. Bốn là sau lưng nói xâu. Rồi đức Thế Tôn nói bài kệ: Nếu đặt chuyện hay ho, Dạy làm ác, bất thiện, Đối mặt thì ngợi khen, Sau lưng lại nói xấu. Nếu biết hay và ác, Và biết hai lối nói, Dù thân, không nên thân; Biết kẻ ấy như vậy, Nên xa lìa kẻ ấy, Như sợ hãi trên đường. Này con của vị cư sĩ, có bốn trường hợp, ngôn ngữ, dù chẳng phải thân mà hình như thân. Bốn trường hợp đó là gì? Một là bàn nhảm việc đã qua. Hai là



bàn nhảm việc ngày mai. Ba là nói lời không thật. Bốn là bàn nhảm việc hiện tại không thành: “Ta nên làm hay không nên ĩ Ạ _ À • JL ạ rin — r •_____ A • Roi đức The Ton noi bai kê: Bàn nhảm việc xưa sau, Bàn nhảm việc đang diệt, uNên làm hay không lm", Biết, chẳng thân như thân, Nên xa lìa kẻ ấy, Như sợ hãi trên đường. Này con của vị cư sĩ, có bốn trường hợp bạn dẫn đến chỗ ác, dù chẳng phải chỗ thân cận mà hình như thân cận. Bốn trường hợp đó là gì? Một là dạy các việc bài bạc. Hai là dạy đi rong chơi không phải thời. Ba là dạy uông rượu. Bôn là dạy thân cận kẻ ác. TI Ạ\ •_ # _ ,Ạ rri nni- ĩ • A • l Ạ Roi đức The Ton noi bai kê: Dạy các việc bài bạc, Uống rượu, lấy vợ người, Tập hạ, không tập thắng, Nó diệt như trăng tàn, Nên xa lìa kẻ ấy, Như sợ hãi trên đường. Này con của vị cư si, nên biết, có bốn hạng bạn lành. Bốn hạng đó là gì? Một là cùng chiu khổ vui, nên biết đó là bạn lành. Hai là thương tưởng, nên biết đó là bạn lành. Ba là cùng làm lợi, nên biết đó là bạn lành. Bốn là giúp đỡ, nên biết đó là bạn lành. Này con của vị cư sĩ, do bốn việc mà cùng khổ cùng vui, nên biết là bạn lành. Bốn việc đó là gì? Một là quên mình vì người. Hai là quên tài sản vì người. Ba là quên vợ con vì người. Bốn là biết nghe lời. Roi đức The Ton noi bai kẹ: Xả dục, tài, vợ con, Lời nói hay kham nhẫn, Biết thân cùng khổ vui, Kẻ trí nên làm thân. Này con của vị cư sĩ, do bốn việc mà thương tưởng, nên biết là bạn lành. Bốn việc đó là gì? Một là dạy cho Diệu pháp. Hai là ngăn cấm ác pháp. Ba là khen ngợi trước mặt. Bốn là tránh oán gia. Roi đức Thê Tôn noi bai kệ: Dạy lành, cản việc ác, Khen trước mặt, tránh thù, Biết bạn lành thương tưởng, Kẻ trí nên làm thân. Này con của vi cư sĩ, do bốn việc mà cầu lợi, nên biết là bạn lành. Bốn việc đó là gì? Một là phát lồ việc kín ra. Hai là không che giấu việc kín. Ba là được lợi nên vui mừng. Bốn là không được lợi không buồn. Roi đức The Ton noi bai kê: Việc mật bày, không giâu, Lợi vui không cân buôn, Biết bạn lành cầu lợi, Kẻ trí nên thường thân. Này con của vi cư sĩ, do bôn việc mà giúp đỡ, nên biêt là

bạn lành. Bôn việc đó là gì? Một là biết của cải hết. Hai là biết của cải hết liền cung cấp thêm. Ba là thấy buông lung liền khuyên ngăn. Bốn là thường thương tưởng.



Roi đức The Ton noi bai kẹ: Biết của hết, cho thêm, Buông lung khuyên, thương tưởng, Biết bạn lành giúp đỡ, Kẻ trí nên làm thân. Này con của vị cư si, trong Pháp, Luật của bậc Thánh có sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới. Này con của vị cư sĩ, như đối với phương Đông, con đối với cha mẹ cũng vậy. Người con nên lấy năm điều thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ. Năm điều đó là gì? Một là tăng thêm của cải. Hai là cáng đáng mọi việc. Ba là dâng cha mẹ những gì người muốn. Bốn là không tự tác, không trái ý. Năm là tất cả vật riêng của mình đều dâng hết cho cha mẹ. Người con dùng năm việc như trên để phụng dưỡng, thờ kính cha mẹ; cha mẹ cũng lấy năm việc để chăm sóc các con. Năm việc đó là gì? Một là thương yêu con cái. Hai là cung cáp không thiêu. Ba là khiến con không mang nợ. Bốn là gả cưới xứng đáng. Năm là cha mẹ có của cải vừa ý đều giao hết cho con. Cha mẹ dùng năm điều ấy chăm sóc các con. Này con của vi cư sĩ, như vậy, phương Đông có hai trường hợp phân biệt. Này con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Đông là giữa con với cha mẹ. Này con của vị cư si, nêu người từ hiên với cha mẹ, chác chăn có sự tăng ích chớ không có sự suy hao. Này con của vị cư sĩ, như phương Nam, học trò đối với thầy cũng vậy. Học trò nên biết năm điều thờ kính, phụng dưỡng thầy. Năm điều đó là gì? Một là khéo vâng lời. Hai là khéo giúp đỡ hầu hạ. Ba là hăng hái. Bốn ỉa nghề nghiệp giỏi. Năm là thường thờ kính thầy. Đệ tử lấy năm điều ấy cung kính, phụng dưỡng sư trưởng; sư trưởng cũng dùng năm việc săn sóc đệ tử. Năm việc đó là gì? Một là dạy cho nghề. Hai là dạy nhanh chóng. Ba là dạy hết những điều mình biết. Bốn là gửi đến những chỗ lành. Năm là gửi gắm bậc thiện tri thức. Sư trưởng lấy năm điều ấy mà săn sóc đệ tử. Này con của vi cư sĩ, như vậy, phương Nam có hai trường hợp phân biệt. Này con của vị cư si, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Nam là học trò đối với thầy. Này con của vị cư sĩ, nếu người từ thuận đối với sư trưởng, chắc chan có sự tăng ích chớ không có sự suy hao. Này con của vị cư sĩ, như phương Tây, người chồng đối với vợ cũng vậy. Người chồng nên lấy năm điều mà yêu thương, cấp dưỡng vợ. Năm điều đó là gì? Một là thương yêu vợ. Hai là không khinh rẻ. Ba là sắm các thứ chuỗi ngọc, đồ trang điểm. Bốn là ở trong nhà để vợ được tự do. Năm là xem vợ như chính mình. Người chông lây năm điêu đê thương yêu, cáp dưỡnẹ vợ; người vợ phải lấy mười ba điều khéo léo kính thuận chồng. Mười ba điêu ấy là gì? Một là thương yêu, kính trọng chồng. Hai là cung phụng, kính trọng chồng. Ba là nhớ nghĩ đến chồng. Bốn là lo lắng các công việc. Năm là khéo tiếp đãi bà con. Sáu là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Bảy là sau lưng thì cử chỉ yêu thương. Tám là lời nói thành thật. Chín là không khóa kín cửa phòng. Mười là thấy đến thì ca



ngợi. Mười một là trải săn giường mà đợi. Mười hai là bày dọn đô ăn uông ngon lành, sạch sẽ. Mười ba là cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Người vợ lấy mười ba việc để khéo léo kính thuận chồng. Này con của vị cư si, như vậy, phương Tây có hai trường hợp phân biệt. Này con của vị cư si, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Tây là giữa vợ

với chông. Này con của vi cư sĩ, nêu người từ mân với vợ, chác chăn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao. Này con của vị cư si, như phương Bắc, chủ nhà đối với tôi tớ cũng như vậy. Người chủ nhà nên lấy năm điều thương mến, cung cấp cho tôi tớ. Năm điều ấy là gì? Một là tùy sức mà sai làm việc. Hai là tùy lúc mà cho ăn. Ba là tùy lúc mà cho uống. Bốn là hết ngày cho nghỉ. Năm là bệnh hoạn cấp thuốc thang. Chủ nhà lấy năm việc này thương xót, cung cấp cho tôi tớ; tôi tớ cũng nên lấy chín điều mà phụng sự chủ nhà. Chín điều ấy là gì? Một là tùy lúc làm việc. Hai là chuyên chú làm việc. Ba là làm tất cả việc. Bốn là trước mặt thì đưa mắt hầu đợi. Năm là sau lưng thì thương kính mà làm. Sáu là nói lời thành thật. Bảy là khi chủ hoạn nạn thì không bỏ đi. Tám là khi đi đen phương xa thì nên khen ngợi chủ. Chín là khen chủ nhà rộng rãi. Tôi tớ lấy chín điều khéo léo phụng sự chủ nhà. Này con của vị cư sĩ, như vậy, phương Bắc có hai trường hợp phân biệt. Này con của vị cư sĩ, trong luật pháp của bậc Thánh, phương Bắc là giữa chủ nhà và tôi tớ. Này con của vi cư si, nếu có người thương xót tôi tớ, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao. Này con của vi cư si, như phương dưới, bằng hữu đối với bằng hữu cũng vậy. Băng hữu nên lây năm điêu đê ái kính, cung cáp băng hữu. Năm điêu ây là gì? Một là ái kính. Hai là không khmh thường. Ba là không dối gạt. Bốn là cho tặng đồ quý. Năm là giúp đỡ. Bằng hữu lấy năm điều trên để ái kính, cung cấp bằng hữu; bằng hữu này cũng lấy năm điều để nhớ nghĩ đến bằng hữu. Năm điều đó là gì? Một la biết của cải hết. Hai là khi biết của cải đã hết thì cung cấp của cải. Ba là thấy buông lung thì khuyên răn. Bốn là thương nhớ. Năm là gặp hoạn nạn thì cho nương tựa. Bằng hữu lấy năm điều ấy để nhớ nghĩ đến bằng hữu. Này con của vị cư sĩ, như vậy, phương dưới có hai trường hợp phân biệt. Này con của vi cư si, trong luật pháp của bậc Thánh, phương dưới là bằng hữu đối với bằng hữu vậy. Này con của vi cư sĩ, nếu người thương xót bằng hữu, chắc chan có sự tăng ích chứ không có sự suy hao. Này con của vị cư sĩ, như phương trên, thí chủ đối với Sa-môn, Phạm chí cũng vậy. Người thí chủ nên lây năm điêu đê tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí. Năm điều ấy là gì? Một là không đóng kín cửa. Hai là thấy đến thì tán thán. Ba là sửa soạn chỗ ngồi mà đợi. Bốn là làm các món ăn uống ngon, sạch mà cúng. Năm là đúng như pháp mà hộ trì. Ngưòd thí chủ lấy năm điều

135. KINH THIỆN SANH 759

9 r trên đê cung kính, cúng dường Sa-môn? Phạm chí; Sa-môn, Phạm chí cũng lây năm điều để khéo nhớ nghĩ đến thí chủ. Năm điều ấy là gì? Một là dạy cho có tín, hành tín và niệm tín. Hai là dạy các giới cấm. Ba là dạy nghe rộng. Bốn là dạy bố thí. Năm là dạy cho có huệ, hành tuệ và lập huệ. Sa-môn, Phạm chí lấy năm việc ấy để nghĩ nhớ đến thí chủ. Này con của vị cư sĩ, như vậy, phương trên có hai trường hợp phân biệt. Này con của vị cư si, trong luật pháp của bậc Thánh, phương trên là giữa thí chủ và Sa-môn? Phạm chí. Này con của vị cư si, nếu người nào tôn kính, cúng dường Sa-môn, Phạm chí, chắc chắn có sự tăng ích chứ không có sự suy hao. Này con của vị cư si, có bốn nhiếp sự. Bốn việc ấy là gì? Một là thi ân, bố thí. Hai là lời nói khả ái. Ba là làm lợi cho người. Bốn là làm lợi chung. Roi đức Thê Ton noi bai kệ: Tuệ thí và ai ngon, Thường vì người lợi hành, Với tất cả đồng sự, Khắp nơi đều vang danh. Đời do đây vững chặt, Như người giong ruổi xe. Nhiếp sự này vắng mặt, Con đối mẹ nên gì? Ai làm nên hiếu thuận? Con

đối cha là chi? Viên toàn nhiếp sự ấy, Phước hựu thật huy hoàng. Chiếu xa như ánh nhật, Tiếng tốt truyền đi nhanh, Thông minh, không nói cộc, Như vậy, làm nên danh. Định vững không cao ngạo, Tiếng khen truyền đi nhanh, Thành tựu tín và giới, Như vậy, làm nên danh. Thức sớm, không giải đãi, Thường cho người uống ăn, Dìu dắt vào nẻo chánh, Như vậy, làm nên danh. Bạn bè cùng lân tuất, Ái lạc cũng đồng hàng, Giữa người thân, nhiếp sự, Thù diu như sư tử. Học nghê, học buổi đâu, Kiếm lợi, kiếm sau đó, Sản nghiệp đã dựng thành, Phân chia làm bốn phần: Đê cung cap âm thực, Đe điền giả nông canh, Đe kho tàng chất chứa, Phòng khi hữu sự cần, Gôm nông tang, thương cô, Thu xuất, lợi một phần, Thứ năm để cưới vợ, Thứ sáu làm nhà cửa. Tại gia sáu sự này, Hưng thịnh sống dư dả, Tiền tài sẵn càng đầy, Như nước xuôi biển cả. Đời mưu sinh như vầy, Như ong tìm hút nhụy, Đời mưu sinh lâu dài, Sống an lạc hưởng thọ. Xuất tiền không xuất xa, Không tản mác tung ra, Không thể đem tài vật, Cho hung bạo, ngoan tà. Phương Đông là mẹ cha, Phương Nam là tôn su, Phương Tây là thê tử, Phương Bắc là nô tỳ,



Phương dưới là bằng hữu, Phương trên bậc tinh tu. Nguyện lễ các phương ấy, Phước đời này, đời sau, Do lễ các phương ấy, Thí chủ sanh trời cao. Đức Phật thuyết như vậy, con của vi cư sĩ sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

136. KINH THƯƠNG NHÂN CÀU TÀI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thuở xưa, tại châu Diêm-phù-đề? có một số đông thương nhân cùng nhau tụ tap tại nhà khách buôn. Họ suy nghĩ như vầy: "Chúng ta hãy giong một chiếc thuyên đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về để cung cấp những chi dụng trong gia dinh." Họ lại suy nghĩ: "Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng ta nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là tui bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảnẹ b©." Sau đó, mỗi người trong họ đều chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nôi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè rồi đi vào biển cả. Khi họ đi vào biên cả, Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiêc thuyên ây. Các thương nhân này, mỗi người đều tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn, hay mảng bè, rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông của biển có ngọn gió lớn trỗi dậy, thổi các thương nhân tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, họ gặp một bọn con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng tất cả các loại trang sức. Bọn con gái ấy thấy họ bèn nói: "Kính chào các bạn! Đón mừng các bạn! Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc: Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi và nằm; nào là rừng cây, hoa cỏ um tùm; và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô? hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các thương nhân châu Diêm-phù-đề không đi về phương Nam dù là trong mộng!,, Những thương nhân ấy đều cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Rồi những thương nhân ấy vì cùng với những người vợ này gặp gỡ mà sanh con trai hoặc con gái. Vê sau, trong sô thương nhân ở châu

Diêm-phù-đê đó, có một người có trí tuệ, sống cô độc tại một nơi thanh vắng và nghĩ rằng: "Vì lý do gì những người đàn bà này ngăn cản chúng ta, không cho đi về phương Nam? Ta nên dò xét người đàn bà sống chung, nếu biết người này đã ngủ thì ta lặng lẽ ngồi dậy và



lén đi về phương Nam." Thương nhân trí tuệ ở châu Diêm-phù-đề ấy, sau đó5 dò xét người đàn bà sống chung, khi biết người đó đã ngủ, bèn lặng lẽ ngồi dậy rồi lén đi về phương Nam. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề ấy đi về phương Nam, từ xa nghe có tiếng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc, ảo não, hoặc kêu gọi cha mẹ, hoặc kêu réo vợ con và nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù-đê tót đẹp, an ôn? khoái lạc không còn thây nữa. Thương nhân nghe xong rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược, nghĩ rằng: "Mong cho loài người và loài phi nhân không xúc nhiễu ta!” Rồi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề tự kiềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi làn về phương Nam. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề khi đi lan về phương Nam, bỗng thấy phía Đông có một tòa thành sát lớn. Sau khi thấy, bèn tìm khắp nhimg không thấy cửa, cho đến một chỗ bằng con mèo chun ra. Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề ấy thấy phía Bắc thành sắt có một gốc cây to lớn, xum xuê, bèn đi đến gốc cây đại thọ ây, từ từ leo lên, leo lên rồi hỏi đám đông rằng: “Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la ảo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù-đề tốt dẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa?,,

r

Khi ây, đám đông đáp: "Này bạn, chúng tôi cũng là thương nhân ở châu Diêm-phù-đề9 đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy giong một chiếc thuyền đi biển mà vào biển lớn, tìm kiếm tài bảo mang về cung cấp những chi dụng trong gia đình.,, Chúng tôi lại nghi rằng: “Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi người trong chúng tôi hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, tức là gồm túi bằng da dê đen, trái bâu lớn và mảng bè.,, Này bạn, sau đó, chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đày đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè rồi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển, Ngư vương Ma- kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, thương nhân chúng tôi, mỗi người tự nương vào các dụng cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mảng bè rồi trôi đi về các phía. Lúc bấy ệiờ, từ phía Đông bờ biển có ngọn gió lớn trỗi dậy, thổi thương nhân chúng tôi t^p vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, chúng tôi gặp một nhóm con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng đủ loại trang sức. Những người con gái ấy thấy chúng tôi roi, bèn nói rằng: “Kính chào các bạn! Đón mừng các bạn! Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc: Nào là vườn tược, ao tam, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các bạn thương nhân châu Diêm-phù-đề không đi về phương Nam dù là trong m0ng!" Này bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui

chơi hoan lạc. Chúng tôi nhân vì



cùng với những người vợ này gặp gỡ mà sanh ra con trai hoặc con gái. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu không nghe châu Diêm-phù-đề có những thương nhân khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm- phù-đề có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải bước đường hết sức bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn thừa tóc, lông, m6ng, răng thì những người đàn bà ấy lấy ăn hết. Nếu khi ăn thịt người, có máu huyết nhỏ xuống dát, những người đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Bạn nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù-đê, trước kia có năm trăm người. Trong số đó, bị ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thành sắt lớn này. Này bạn, bạn chớ có tin lời của những người đàn bà ấy. Họ không phải là người, chính là quỷ La-sát vay." Bây giờ, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đê, từ trên cây đại thọ thong thả leo xuồng, trở ra đường cũ và về chỗ sống chung với người đàn bà ấy. Khi biết người đàn bà ấy còn ngủ say, ngay trong đêm đó, thương nhân trí tuệ châu Diêm- phù-đề tức tốc trở lại chỗ ở của các thương nhân châu Diêm-phù-đề và nói: "Các người hãy đến một nơi vắng vẻ, mỗi người đi một minh, chớ đem con cái theo! Hãy cùng nhau đến đó mật bàn công viec!” Những thương nhân châu Diêm-phù-đê cùng đi đên một nơi văng vẻ, môi người đi một mình, không đem theo con cái. Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề nói: "Các bạn thương nhân, khi tôi sông cô độc tại nơi thanh văng và nghĩ răng: 'Vì lý do gì những người đàn bà này ngăn cản chúng ta, không cho chúng ta đi về phương Nam? Ta nên dò xét người đàn bà chung sống, khi biết người này đã ngủ thì lặng lẽ ngồi dậy rồi lén đi về phương Nam/ Sau đó, tôi dò xét người đàn bà chung sống, khi biết người này đã ngủ thì lăng lẽ ngồi dậy rồi lén đi về phương Nam. Tôi đi về phương Nam, từ xa nghe có tiêng kêu réo vang dậy, tiếng nhiều người la khóc ảo não, hoặc kêu cha gọi mẹ, hoặc réo vợ réo con, nhớ thương bè bạn thân thích và bảo châu Diêm-phù-đề tốt dẹp, an on, khoái lạc không còn thấy nữa. Nghe xong, tôi rất sợ hãi, lông tóc dựng ngược và nghĩ: 'Mong cho loài người và loài phi nhân không xúc nhiễu ta/ Rồi tôi tự kiềm chế sự sợ hãi, tiếp tục đi lần ve phương Nam. Khi tôi đi lần về phương Nam, bỗng thấy mé Đông có một tòa thành sắt lớn. Sau khi thấy, bèn tìm khắp nhưng không thấy cửa, cho đến một chỗ đủ để con mèo chun ra. Tôi lại thấy phía Bắc của thành sắt lớn có một gốc cây to lớn xum xuê, bèn đi đến gốc cây đại thọ ấy, từ từ leo lên, lên trên rồi hỏi đám đông: 'Này các bạn, các bạn vì cớ gì khóc la ảo não, kêu cha gọi mẹ, réo vợ réo con, nhớ thương bạn bè thân thích và bảo châu Diêm-phù-đề tốt đẹp, an ổn, khoái lạc không còn thấy nữa?9 Đám đông kia đáp: 'Này bạn, chúng tôi là thương nhân ở châu Diêm-phù-đề? đều cùng nhau tụ tập tại nhà khách buôn rồi nghĩ: Chúng ta hãy giong một chiếc thuyền đi biển

mà vào biên lớn, tìm kiêm tài bảo mang vê cung cáp những chi dụng trong gia đình. Chúng tôi lại nghĩ: Này các bạn, việc đi biển không thể biết trước là an ổn hay không an ổn. Vậy mỗi nẹười trong chúng ta hãy nên chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ làm phao nổi trên biên, tức là gồm túi băng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè/ Này bạn, sau đó, chúng tôi mỗi người đều chuẩn bị đầy đủ các dụnệ cụ làm phao nổi trên biển, gồm túi bằng da dê đen, trái bầu lớn và mảng bè roi đi vào biển cả. Khi chúng tôi ở giữa biển thì Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ chiếc thuyền ấy. Này bạn, thương nhân chúng tôi, mỗi người tự nương vào các dụnẹ cụ làm phao nổi như túi bằng da dê đen, trái bầu lớn hay mảng bè rồi trôi đi ve các phía. Lúc bấy giờ, từ phía Đông bờ biển có ngọn gió lớn trỗi dậy, thổi thương nhân chúng tôi tấp vào bờ biển phía Tây. Nơi ấy, chúng tôi gặp một nhóm con gái rất mỹ lệ, đoan chánh, trang sức thân thể bằng đủ loại trang sức. Những người con gái ấy thấy chúng tôi rồi, bèn nói rằng: Kính chào các bạn! Đón mừng các bạn! Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc: Nào là vườn tược, ao tam, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lim ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Mong các bạn thương nhân châu Diêm-phù-đề không đi về phương Nam dù là trong mộng! Này bạn, chúng tôi cùng với những người vợ này vui chơi hoan lạc. Chúng tôi do gặp gỡ với những nẹười vợ này mà sanh ra con trai hay con gái. Này bạn, những người đàn bà ấy nêu không nghe châu Diêm-phù-đề có những thương nhân khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền thì họ cùng chúng tôi vui chơi hoan lạc. Này bạn, những người đàn bà ấy nếu nghe châu Diêm-phù-đề có bọn thương nhân khác ở giữa biển mà Ngư vương Ma-kiệt phá vỡ thuyền, liền ăn thịt chúng tôi. Chúng tôi gặp phải bước đường hết sức bức bách. Nếu khi ăn thịt n^ười mà còn thừa tóc, lông, m6ng, răng thì những người đàn bà ấy lấy ăn hết. Nêu khi ăn thịt người, có máu huyêt nhỏ xuông dát, những người đàn bà ây liên lây móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Bạn nên biết, chúng tôi là những thương nhân ở châu Diêm-phù-đề, trước kia có năm trăm người. Trong số đó, bi ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, còn lại hai trăm năm mươi người, nay đều ở trong thành sắt lớn này. Này bạn, bạn chớ có tin lời của những người đàn bà ấy. Họ không phải là người, chính là quỷ La-sát vay." Khi ây, các thương nhân châu Diêm-phù-đê hỏi thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đê răng: "Này bạn, sao bạn không hỏi đám đông người kia như vầy: 'Này các bạn, CO phương tiện nao khiên chúng toi va các bạn tư nơi nay ma an on ve đen chau Di3mph1dg?5 Thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề đáp: "Này các bạn, khi ấy tôi quên không có hỏi như vậy.99

136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI 765

Rồi các thương nhân châu Diêm-phù-đề nói: "Nấy bạn, bạn hãy trở về chỗ sống chung với người đàn bà ấy, rồi dò xét

người ấy đang ngủ, hãy từ từ ngồi dậy, lén đi ve phương Nam, lại đến chỗ đông người kia và hỏi rang: 'Này các bạn, có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn trở về châu Diem-phti-d2?" Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề im lặng nhận lời các thương nhân. Lúc bấy giờ, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề trở

lại chỗ sống chung với người đàn bà ây, dò xét thây người đó đang ngủ, bèn từ từ ngôi dậy, lén đi về phương Nam, lại đến chỗ đông người kia và hỏi: “Này các bạn, có phương tiện nào khiên chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn trở về châu Diêm-phù-đề chống?” Đám đông kia đáp: “Này bạn, hoàn toàn không có phương tiện nào khiến chúng tôi và các bạn từ đây mà an ổn trở về châu Diêm-phù-đề. Này bạn, tôi nghĩ rằng: 'Chúng ta hãy đào phá vách tường này mà trở về xứ.9 Vừa nghĩ như thế, bức tường này lại cao gấp bội bình thường. Này bạn, thế là phương tiện này khiến chúng tôi không thể từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù-đề được. Này bạn, có cách khác có thể khiến các bạn từ đây mà an toàn về châu Diêm-phù-đề, còn chúng tôi hoàn toàn không có cách nào. Này các bạn, chúng tôi nghe trên không trung nói: 'Bọn thương nhân châu Diêm-phù-đề ngu si, bất định, không khéo hiểu biết. Vì sao? Vì không thể vào ngày rằm, là ngày nói biệt giải thoát giới mà đi về phương Nam. Nơi ấy có Mao mã vương ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn, khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên rằng: "Ai muốn qua bờ bên kia? Ai muốn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây về đến châu Diêm-phù-đề an 6n?” Các bạn hãy đến Mao mã vương mà nói: "Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn đến châu Diem-phu-de!^ Này bạn, đó là phương tiện khiến các bạn từ đây an ổn trở về châu Diêm-phù-đê. Này thương nhân, hãy đên đây, có thê đên Mao mã vương kia mà nói răng: 'Chúng tôi muôn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn đến châu Di6m-phti-dề!"' Khi ấy, thương nhân trí tuệ châu Diêm-phù-đề nói: "Này các thương nhân, hãy đến chỗ Mao mã vương mà nói: 'Chúng tôi muốn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn đến châu Diem-phu-de!9 Các thương nhân tùy theo ý của chư thiên. Này các thương nhân, nêu như vào ngày răm, là ngày nói biệt giải thoát giới; Mao mã vương ăn gạo trăng tự nhiên, an ôn, khoái lạc, các căn sung mãn, ba lân xướng lên răng: 'Ai muôn qua bờ bên kia? Ai muôn nhờ ta được giải thoát? Ai muốn nhờ ta đưa từ đây an ổn về tới châu Diêm-phù-đề?, Bấy giờ,



chúng ta liên đên chô kia và nói răng: 'Chúng tôi muôn được đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ôn đên châu DiOm.phi ! 5 Khi ấy, Mao mã vương, vào ngày rằm kế đó? là ngày nói biệt giải thoát giói, ăn gạo trắng tự nhiên, an ổn, khoái lạc, các căn sung mãn, ba lần xướng lên răng: "Ai muốn được đưa qua bờ bên kia? Ta sẽ giải thoát cho, ta sẽ đưa họ từ đây an ổn về đến châu Di©m.phti-dề?" Khi những thương nhân châu Diêm-phù-đê nghe xong, liên đi đên chô của Mao mã vương và nói: “Chúng tôi muốn đưa qua bờ bên kia. Mong giải thoát chúng tôi! Mong đưa chúng tôi từ đây an ổn đến châu DiOmphù-d!” Bấy giờ, Mao mã vương nói: "Này các thương nhân, các đàn bà kia sẽ bồng con cùng nhau đến đây và nói răng: 'Này các bạn, xin mời các bạn trở vê đây. Nơi đây là chỗ rất diệu hảo, cực kỳ khoái lạc: Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san h6, ho phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chiing tôi vui chơi hoan lạc. Giả sử không cân đên chúng tôi thì nên thương

nghĩ đên con trẻ/ Nấu các thương nhân kia nghĩ rằng: 'Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc, tối diệu hảo: Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, ho phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu9 thì họ dù có cưỡi trên lưng ta, chác chăn sẽ bị ngã lộn xuông, roi rơi xuông nước và sẽ bi bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nếu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì những người đàn bà ấy lấy ăn hết. Lại nữa, nếu khi ăn có máu huyết nhỏ xuống đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rằng: 'Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc rất là diệu hảo: Nào là vườn tược, ao tắm, chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, ho phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu" thì dù họ chỉ năm một sợi lông trong thân ta, chắc chắn sẽ được an ổn về đến châu Diem-phu-de?9 Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Những người đàn bà kia bồng con đến và nói:

"Này các bạn, xin mời các bạn trở về đây. Nơi đây là chốn cực lạc, rất là diệu hảo: Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi năm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, ho phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền châu; tất cả đều dành cho các bạn. Hãy cùng chúng tôi vui chơi hoan 1@C"

136. KINH THƯƠNG NHÂN CẦU TÀI  767

r e

Nêu các thương nhân kia nghĩ răng: "Ta có con trai, con gái, ta có nơi cực lạc, tôi diệu hảo: Nào là vườn tược, ao tăm, chô ngôi năm, rừng cây, hoa cỏ tót tươi; lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, ma-ni, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hổ phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triền chau" thì dù họ có cưỡi trên chô cao nhát nơi lưng của Mao mã vương, chăc chăn sẽ bi ngã lộn xuông nước, rơi xuống nước liên bi bọn đàn bà ăn thịt, sẽ gặp bước đường rất là bức bách. Nêu khi ăn thịt người mà còn sót tóc, lông, móng, răng thì bọn đàn bà ây sẽ ăn hét. Lại nữa, nêu khi ăn có máu huyêt nhỏ xuông đất, bọn đàn bà ấy liền lấy móng tay đào sâu xuống đất bốn tấc, lấy mà ăn. Nếu các thương nhân kia không nghĩ rang: "Ta có con trai, con gái, có nơi cực lạc, tối diệu hảo: Nào là vườn tược, ao tắm, những chỗ ngồi nằm, rừng cây, hoa cỏ tốt tươi; và lại có nhiều tiền tài, kim ngân, thủy tinh, lưu ly, mani, trân châu, bích ngọc, bạch kha, xa cừ, san hô, hô phách, mã não, đại mạo, xích thạch, triến châu^, thì dù họ nam một sợi lông nơi Mao mã vương, chắc chắn được an ổn về đến châu Diêm-phù-đề. Này các Tỳ-kheo? Ta nói các thí dụ nay là muốn cho biết nghĩa. Thí dụ ấy là nói nghĩa này: Pháp của Ta được thuyết giảng khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nôi được lưu truyên cùng kháp đên cả trời, người. Như vậy? pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả trời, người. Nấu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Mắt là ta, là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân, ý là ta, là sở hữu của ta” vi Tỳ-kheo ây chăc chăn sẽ bị

hại, ví như bọn thương nhân bi quỷ La-sát ăn thịt. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trông, không khuyêt; như câu, bè, các dụng cụ làm phao nôi được lim truyền cùng khắp đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Mắt không phải là ta, mắt không phải là sở hữu của ta; tai, mũi, lưỡi, thân và ý không phải là ta, không phải là sở hữu của ta"; vị Tỳ-kheo ây chác chăn được an ôn, ví như thương nhân cưỡi trên Mao mã vương an ổn và giải thoát khỏi tai nạn. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trông, không khuyêt; như câu, bè, các dụng cụ làm phao nôi được lưu truyên cùng kháp đên cả trời, người. Nêu có Tỳ-kheo nào nghĩ răng: "Sắc là ta, sắc là sở hữu của ta; thanh, hương, vị, xúc và pháp là ta, ta có pháp là sở hữu của ta” vị Tỳ-kheo ấy chắc chan bị hại, ví như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: "Sắc không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thanh, hương, vị5 xúc, pháp không



phải là ta, không phải là sở hữu của ta"; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn được an ổn, ví như thương nhân kia cưỡi trên Mao mã vương an ổn và thoát khỏi tai nạn. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trông, không khuyêt; như câu, bè, các dụng cụ làm phao nôi được lưu truyên cùng kháp đên cả trời, người. Nêu có Tỳ-kheo nào nghĩ răng: uSăc âm là ta, là sở hữu của ta; thọ, tưởng, hành, thức âm là ta, là sở hữu của ta"; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn bi hại, ví như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyêt khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyên cùng kháp đên cả trời, người. Nêu có Tỳ-kheo nào nghĩ răng: “Sắc ấm không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; thọ, tưởng, hành và thức âm không phải là ta, không là sở hữu của ta"; vị Tỳ-kheo ây chác được an ôn, ví như thương nhân cưỡi trên Mao mã vương an ổn và thoát khỏi tai nạn. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyết khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trống, không khuyết; như cầu, bè, các dụng cụ làm phao nổi được lưu truyền cùng khắp đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: "Đất là ta, là sở hữu của ta; cho đến nước, lửa, gió, không, thức là ta, là sở hữu của ta”; vị Tỳ-kheo ấy chắc chắn bi hại, ví như thương nhân bị quỷ La-sát ăn thịt. Như vậy, pháp của Ta được giảng thuyêt khéo léo, phơi bày sâu rộng, khéo giữ gìn, không trông, không khuyêt; như câu, bè, các dụng cụ làm phao nôi được lưu truyền cùng khắp đến cả trời, người. Nếu có Tỳ-kheo nào nghĩ rằng: “Bất không phải là ta, không phải là sở hữu của ta; cho đến nước, lửa, gió, không, thức không phải là ta, không phải là sở hữu của ta"; vị Tỳ-kheo ấy chắc chăn được an ôn, ví như thương nhân nhờ ngôi ưên lưng Mao mã vương đưa đến chỗ an lành. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng: Phật thuyết Chánh pháp, Luật, Nếu có kẻ không tin, Người ấy chắc bi hại, Như bị La-sát ăn. Phật thuyết Chánh pháp, Luật, Nếu có kẻ kính tin, Người ấy được an ổn, Như cưỡi Mao mã vương. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

137. KINH THẾ GIAN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Phật bảo các Tỳ-kheo: -Như Lai đã tự mình giác ngộ the gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai biết thế gian, Như Lai tự giác về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Như Lai đoạn trừ sự tập khởi của thế gian, Như Lai tự giác sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai chứng ngộ sự diệt tận của thế gian, Như Lai tự giác đạo tích của thế gian và cũng nói cho người khác. Như Lai tu tập đạo tích của thế gian. Nếu có những gì là sự diệt tận tất cả, là sự biến tri cùng tột, Như Lai đều biết, thấy, giác ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Như Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến hôm nay sẽ vào tịch diệt cảnh giới Vô dư Niết-bàn; trong khoảng thời gian ở giữa d6, nếu những gì được nói ra, được ứng đối tự chính miệng của Như Lai thì tát cả những điêu ây đêu là chác thật, không hư vọng, không ra ngoài Như Lai, không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật. Nếu nói về sư tử như thế nào thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao? Như Lai ở giữa đại chúng nêu có giảng thuyêt thì đó chính là tiêng rông của sư tử. Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn? Phạm chí, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Thế, Như Lai là bậc Chí Lãnh, vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là bậc chân thật không hư vọng. Bây giơ, đức Thê Ton noi bai kẹ: Biết tất cả thế gian, Ra khỏi mọi thế gian, Thuyết tất cả thế gian, Trọn thế gian như thật. Đấng Tối Tôn, Đại Hùng, Giải thoát mọi triền phược. Diệt tận hết thảy nghiệp, Sanh tử đêu giải thoát. Là trời, cũng là người, Nếu ai quy mạng Phật, Cúi đầu lễ Như Lai, Đại dương sâu vô cùng. Chư thiên, thần Hương âm, Kính lạy đấng Đã Biết, Chúng sanh trong tử sanh, Đêu cúi đâu quy phục.



Cúi đầu lễ Trí Sĩ, Quy mạng đấng Thượng nhân, Không trần lụy, vô ưu, Vô ngại các giải thoát. Vì vậy, hãy vui thiền, Sống viễn ly, tịch tịnh, Hãy tự mình đốt đèn, Vì Như Lai khó gặp. Không gặp thời Như Lai, Đời sống trong địa ngục. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

138. KINH PHƯỚC Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-ve, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Phật bảo các vi Tỳ-kheo: Đừng sợ hãi đoi với phước, mà hãy có ý niệm ái lạc. Vì sao vậy? Những gì được gọi là phước thì cũng nói là lạc. Sợ hãi đối với phước là không có ý niệm ái lạc. Vì sao vậy? Những gì không phải là phước được nói là khổ. Ta nhớ lại trong thời quá khứ, hằng tác phước, hằng thọ báo ái lạc, khả ý. Thời quá khứ, Ta hành từ tâm trong bảy năm và trải qua bảy lần kiếp thành và kiếp hoại không thác sanh trong thế gian này. Nếu thời kiếp hoại, Ta sanh lên cõi trời Hoảng Dục. Trong thời kiếp thành, Ta thác sanh trở xuống trong cung điện Không Phạm và làm Đại Phạm thiên trong cõi Phạm thiên đó. Trong những trường hợp khác, Ta trải qua một ngàn lần làm Tự Tại Thiên vương, ba mươi sáu lần làm Thiên Đế-thích và vô lượng lần làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh. Này các Tỳ-kheo? lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn con voi lớn, được khoác lên bằng các thứ diệu hảo để cưỡi, được trang sức bằng các loại báu kết lại, được phủ lên bằng những chuỗi bạch châu; dẫn đầu là voi chúa Vu-sa-hạ. Này các Tỳ-kheo? lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh

Sanh, có tám vạn bốn ngàn con ngựa, được khoác lên bằng các thứ diệu hảo để cưỡi, được trang sức bằng bạc, vàng, châu báu; dẫn đàu là ngựa chúa Lạc-mao. Này các Tỳ-kheo9 lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bôn ngàn cỗ xe, với bốn loại diệu hảo được kết lại để trang sức, đó là da vằn của các loài sư tử, cọp, beo, dệt thành đủ loại màu sắc hỗn hợp trang sức; cỗ xe dẫn đầu chạy rất nhanh, tên là Lạc thanh xa. Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn thành rất giàu có, dân chúng đông đúc; lấy thành Câu-xá-hòa-đề làm đầu. Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn ngôi lầu, có bốn loại lầu báu làm bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; lấy điện Chánh Pháp làm đầu. Này các Tỳ-kheo5 lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn ngự tòa; có bốn loại bảo tòa bằng vàng, bạc, lưu ly và thủy tinh; trải lên đó bằng



r y r

các thứ nệm, chiêu, dệt băng lông, phủ lên băng những thứ gâm, the, lụa là; có chăn đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương. Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn chiếc áo song y, áo sơ-ma, áo gấm, áo lụa, áo kiếp-bối5 áo ca-lăng-già- bà-hòa-la. Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn người nữ, thân thể nõn nà, sạch sẽ, sáng sủa, đẹp đẽ hơn người, giống như thiên nữ, tư dung đoan chánh, ai nhìn cũng ưa thích, trang điểm bang các châu báu, anh lạc, tất cả đều thuộc dòng Sát-lợi. Ngoài ra, những người thuộc dòng khác thì nhiều vô số. Này các Tỳ-kheo, lúc Ta làm Vua Sát-lợi Đảnh Sanh, có tám vạn bốn ngàn món ăn, tất cả mọi đêm, thường dọn ra cho Ta ăn. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn món ăn ấy, có một món rất ngon, sạch sẽ, có vô lượng mùi vị? là Ta thường dùng. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn người nữ ấy, có một người thuộc dòng Sát-lợi, đoan chánh, đẹp đẽ hơn người, thường hầu hạ Ta. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn song y ây5 có một chiêc áo song y mà Ta thường dùng, là áo sơ-ma, hoặc áo gấm, hoặc áo lụa, hoặc áo kiếp-bối, hoặc áo ca-lăng-già-bà-hòa-la. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bốn ngàn ngự tòa ấy, có một ngự tòa mà Ta thường năm, hoặc băng vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh và trải trên đó băng những tấm nệm, chiếu dệt bằng lông năm sắc, phủ lên bằng thứ gấm, the, sa-trun, lụa, có chăn đệm lót hai đầu để gối, trải thảm quý bằng da sơn dương, đó là chỗ Ta thường nam. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn lâu quán ây, có một lâu quán làm bằng vàng, hoặc bằng bạc, hoặc lưu ly, hoặc thủy tinh, tên là điện Chánh Pháp, đó là nơi Ta thường ở. Này các Ty.kheo, trong tám vạn bốn ngàn thành lớn ấy, có một thành rất giàu c6, đông dân cu, gọi là thành Câu-xá-hòa-đê9 là chỗ Ta thường cư ngụ. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn cô xe ây9 có một cô được dùng da vằn của sư tử, cọp, beo dệt thành, màu sắc xen kẽ đe trang hoàng, cỗ xe ấy chạy rất nhanh, tên là xe Lạc Thanh, là xe Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm các vườn tược. Này các Ty.kheo, trong tám vạn bốn ngàn con ngựa ấy, có một con màu xanh mướt, đầu đen như quạ, gọi là ngựa Mao là Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm vườn tược. Này các Tỳ-kheo, trong tám vạn bôn ngàn thớt voi lớn ây, có một thớt toàn thân trắng bạch, bảy chi đều ngay thẳng, gọi

là voi chúa Vusahạ, là voi Ta thường cưỡi đi đến các lầu quán để ngắm vườn tược.

138. KINH PHƯỚC 773

Này các Tỳ-kheo? Ta nghĩ như vầy: "D6 là do bởi nghiệp quả gì, do bởi nghiệp báo gì mà ngày nay Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu và đại oai thần như thế?" Này các Tỳ-kheo? Ta lại nghĩ như vầy: “C6 lẽ đó là do ba nghiệp quả, do ba nghiệp báo khiến Ta ngày nay có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần: Một là bố thí, hai là điều ngự và ba là thủ h0." r TA Ạ • rTif r Ạ rin A _ . \ _ t • Ạ _ ĩ • A • Bay giơ, The Ton liên noi bai kẹ: Quán sát phước báo này, Nhiều lợi ích diệu thiện, Quá khứ, Ta Ty-kheo, Bảy năm tu từ tâm, Bảy kiếp thành, kiếp hoại, Không trở lại cõi này. Lúc thế gian hủy hoại, Ta sanh trời Hoảng Dục, Lúc the gian chuyển thành, Ta sanh trong Phạm thiên. ở đó, Ta Đại Phạm, Ngàn lần trời Tự Tại, Ba sáu lần Đế-thích, Vô lượng trăm Đảnh vương. Sát-lợi Đảnh Sanh vương, Tối tôn giữa loài người, Đúng pháp, không đao gậy, Chỉnh trị cõi thiên hạ, Đúng pháp không dối trá, Giáo thọ điều an vui. Đúng pháp mà truyền thừa, Thống lanh toàn cõi đất, Giàu sang nhiêu tiên của, Sanh chủng tộc như vậy, Lúa gạo thảy tròn đầy, Thành tựu bảy trân bảo. Do các phước lớn ấy, Ta tự tại thọ sanh, Chư Phật ngự thế gian, Chánh pháp Phật thuyết giảng, Biết điều này kỳ diệu, Thấy vô lượng thần thông, Ai biết mà không tin, Dù sanh ra trong tối. Vì vậy, hãy vì mình, Mong cầu đại phước hựu, Hãy cung kính Chánh pháp, Thường niệm Pháp, Luật Phật. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

y"

139. KINH TỨC CHỈ ĐẠO r t A . Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Tỳ-kheo niên thiếu vừa mới thành tựu giới, hãy thường xuyên đi đến nghĩa địa mà quán sát các tướng trạng tử thi: Tướng xương, tướng bầm xanh, tướng rữa nát, tướng bi thú ăn, tướng bộ xương khô. Vi ấy sau khi ghi nhận kỹ những tướng trạng tử thi này roi trở vê trụ xứ của mình, rửa sạch tay chân, trải ni-sư-đàn ở trên giường, ngôi kiêt-già và suy niệm vê các tướng trạng đó: Tướng xương, tướng bầm xanh, tướng rữa nát, tướng bị thú ăn, tướng những đốt xương dính liền. Vì sao vậy? Nếu Tỳ-kheo tu tập các tướng trạng này thì sẽ đoạn trừ nhanh chóng chứng bệnh tham dục, sân nhuế trong tâm. Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng: Những niên thiếu Tỳ-kheo9 Chưa đạt thành niệm trụ, Hãy đến bãi tha ma, Đe trừ dâm dục ý, r-py r* J Á > 9 Trong tâm không hận thù, Từ man vơi tát ca, Tràn đầy khắp mọi phương. Hãy quán các thân thể, Quán sát tướng xám xanh, Và sự nát, hư hoại, Quán sâu quạ rỉa thân, Xương phơi bày từng đốt. Tu tập những tướng này, Rồi trở về trụ xứ, Gội rửa sạch chân tay, Trải giường, ngôi ngay thăng, Hãy quan sát như chơn, Trong thân và ngoài thân: Chứa đầy dại, tiểu tiện, Tim, thận, gan và phổi. Nếu khi đi khất thực, Đên nơi thôn áp người, Như tướng quân giáp trụ, Hãy chánh niệm trước mắt. Nếu thấy sắc khả ái, Hãy thanh tinh niệm dục, Thấy rồi quán như chơn, Chánh niệm Pháp, Luật Phật. Trong đây không xương, gân, Không đàm, dãi, não óc, Địa đại thảy đều không, Thủy đại cũng không thật, Hỏa đại cũng là không, Phong đại cũng chẳng thật. Nếu có cảm thọ nào, Thanh tịnh, sạch niệm

dục, Tất cả đều tịch tịnh, Thường niệm tưởng bất tịnh.

776 KINH TRUNG A-HÀM

Như vậy tinh cần hành, Như tuệ quán chân thật, Đoạn trừ dâm, nộ, si, Vô minh cũng dứt tuyệt, Hưng khởi thanh tịnh minh, Tỳ-kheo vượt khổ tế. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

140. KINH CHÍ BIÊN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo: Trong sự nuôi sống, thấp kém nhất, cùng biên nhất, đó là đi khất thực. Thế gian rát húy ky, gọi là Uđâu trọc, tay ôm bình bát bước di." Nhung thiện nam tử ây vì cứu cánh mà chấp nhận. Lý do vì sao? Vì nhàm tởm, ghê sợ sự sanh, già, binh, chết, sầu bi, khóc than, ưu khổ, ảo não; hoặc để đạt đến biên tế của toàn bộ khối lớn đau khổ này. Các thầy không phải với tâm như vậy mà xuất gia học đạo sao? Các thầy Tỳ-kheo bạch: Thật sự như vậy. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: -Có kẻ si ám, với tâm như vậy mà xuất gia học đạo, nhưng lại sống theo tham dục, chìm đăm đên tận cùng, ô trược ràng buộc trong tâm, thù hận, bát tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuồng, rối loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì. Cũng như người dùng mực đê giặt những đô bị mực dính dơ, lây máu rửa máu, lấy dơ chùi dơ, lấy bẩn trừ bẩn, lấy phân trừ phân; chỉ tăng thêm ô uế mà thôi, bỏ chỗ mờ mịt để vào chỗ mờ mịt, bỏ chỗ tối tăm để vào chỗ tối tăm. Ta nói người si ám kia giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là người đó sông theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, ô trược, ràng buộc trong tâm, thù hận, bất tín, lười biếng, mất chánh niệm, không chánh đinh, ác tuệ, tâm cuồng, roi loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì. Cũng như đống tro tàn giữa những que củi tàn thiêu xác người trong rừng vắng, núi rừng không cần đến nó, thôn ấp cũng không dùng đến nó. Ta nói người si ám giữ giới Sa-môn cũng lại như vậy, nghĩa là người đó sống theo tham dục, chìm đắm đến tận cùng, ô trược, ràng buộc trong tâm, thù hận, bất tín, lười biêng, mát chánh niệm, không chánh định, ác tuệ, tâm cuông, roi loạn các căn, giữ giới hết sức lơ là, không tu Sa-môn, không tăng tiến hành trì. Rồi đức Thế Tôn nói bài tụng: Người ngu muội hỏng đời dục lạc, Và hư luôn cứu cánh Sa-môn5

778 KINH TRƯNG A-HÀM

Đạo và tục cả hai đêu mát,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.
Như the giữa khu rừng hoang vắng,
Xác người thiêu còn lại tro tàn,
Dù thôn ấp, núi rừng, vô dụng,
Người đam mê dục vọng không hơn;
Đạo và tục cả hai đều mất,
Như tro tàn theo ngọn lửa tàn.
Đức Phật thuyêt như vậy, các thây Tỳ"kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

141. KINH DỤ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất. Cũng như làm ruộng, tất cả đều nhân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lap trên đất mới làm được ruộng. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không ph6ng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đâu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất. Cũng như các loại hạt giông, các loại rau cỏ, trăm giông lúa, cây thuôc được phát sanh, trưởng dưỡng, tất cả đều rýiân nơi đất, y cứ trên đất, thiết lập trên đất mới được sanh trưởng. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phónệ dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đâu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất. Cũng như các căn hương, trâm hương là thứ nhát. Cũng như trong các thọ hương, xích chiên-đàn là thứ nhất. Cũng như trong các hoa dưới nước, hoa sen xanh là thứ nhất. Cũng như các hoa trên đất, hoa tu-ma-na là thứ nhất. Cũng như trong các dâu chân của loài thú thì tát cả đêu vào trong dâu chân voi, dâu chân voi thu nhiếp hết cả, dấu chân voi là bậc nhất, vì hết sức to lớn vậy. Cũng như thế, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là toi đệ nhất. Cũng như trong các loài thú, sư tử vương là bậc nhất. Ví như khi các trận cùng đấu chiến nhau thì yếu thệ là thứ nhất. Cũng như đòn tay của lầu gác, tất cả đều y cứ trên cái vài, thiết lập trên cái vài, được duy trì bởi cái vài, cái vài là bậc nhất vì nhiếp trì tất cả. Cũng vậy, nếu có vô lượng thiện pháp mà có thể thành đạt được thì tất cả đều lấy sự không phóng dật làm gốc, không phóng dật làm tập khởi, nhân không phóng dật mà phát sanh, không phóng dật làm đầu. Trong các thiện pháp, không phóng dật là tối đệ nhất.



Cũng như trong các ngọn núi, Tu-di sơn vương là bậc nhất. Cũng như trong các dòng suôi, biên lớn thu nhập nước, biên lớn là bậc nhát. Cũng như trong các loại thân lớn, thân A-tu-la vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại chim, Thi-ma vương là thứ nhất. Cũng như trong các loại hành dục, Đảnh Sanh vương là thứ nhát. Cũng như trong các loại tiêu vương, Chuyên Luân Vương là bậc nhát. Cũng như giữa các vì tinh tú trong hư không, mặt trăng là bậc nhát. Cũng như trong các loại vải lụa, lụa trắng bạch là thứ nhất. Cũng như trong các loại ánh sáng, ánh sáng của trí tuệ là thứ nhất. Cũng như trong các chúng, chúng đệ tử của Như Lai là bậc nhất. Cũng như trong các pháp hữu vi và vô vi, ái tận, vô dục, diệt tận, Niết-bàn là bậc nhất. Cũng như trong các loài chúng sanh, không chân, hai chân, bôn chân, nhiêu chân, sác, vô sác, có tưởng, không tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tôi cao, là tôi thăng, là tôi tôn, là tôi diệu. Cũng như do bò mà có sữa, nhân sữa có tô, nhân tô có sanh tô, nhân sanh tô có thục tô, nhân thục tô có tô tinh; tô tinh là bậc nhất,

là lớn, là trên, là tối, là thắng, là tôn, là diệu; Cũng như thế, trong các loài chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, cho đến phi hữu tưởng, phi vô tưởng thì Như Lai là bậc nhất, là tối đại, là tối thượng, là tối cao, là tối thắng, là tối tôn, là tối diệu. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng: Những ai mong tài vật, Tốt đẹp tăng tiến nhiều, Khen ngợi không phóng dật, Thông minh biết mọi điều. Những ai không phóng dật, Lợi nghĩa cả hai đời, Là đời sau thu hoạch, Và thu hoạch đời này, Dũng mãnh quán các nghĩa, Kẻ trí tất giải thoát. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

142. KINH VŨ-THẾ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong núi Thứu Nham. Bấy giờ, vua nước Ma-kiệt-đà là A-xà-thế, con bà Vi-đề-hy, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyến thuộc, nhiều lần nói rằng: "Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thân. Nhung ta sẽ diệt trừ giông người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai Sch." Khi ấy, Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà? con bà Vi-đề-hy, nghe đức Thế Tôn du hóa tại thành Vương Xá, ở núi Thứu Nham nên nói với Đại thần Vũ-thế: Ta nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại thành Vương Xá, ở núi Thứu Nham. Này Vũ-thế, ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, nhân danh ta mà thăm hỏi Thánh thể có được an vui, không bịnh, sức lực có được bình thường hay không. Rồi hãy nói như vầy: "Kính bạch Sa-môn Cù-đàm, Vua A-xà-thế nước Ma- kiệt-đà9 con bà Vidềhy, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyến thuộc và nhiều lần nói rằng: 'Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần. Nhtmg ta sẽ diệt trừ giống người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ, làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô số tai ách/ Bạch Sa-môn Cù-đàm, về vấn đề này, Ngài dạy như thế no?" Này Vũ-thế? nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy những gì thì ông hãy cô găng ghi nhớ, thọ trì. Vì sao? Bởi lẽ, người như vậy, nhất định không khi nào nói dối. Đại thần Vũ-thế vâng lời vua dạy xong, lên một cỗ xe rất đẹp và cùng năm trăm cô xe khác ra khỏi thành Vương Xá, đi đên núi Thứu Nham và leo lên núi Thứu Nham, rồi xuống xe, đi bộ đến chỗ Phật. Đại thần Vũ-thế nói lời chào hỏi với đức Thế Tôn rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Cu-đàm, Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy, kính thăm hỏi Thánh thể có được an vui, không bịnh, sức lực có được bình thường chăng? Bạch Cù-đàm, Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vidề-hy, cùng với nước Bạt-kỳ thù nghịch nhau. Vua A-xà-thế thường ở giữa quyến thuộc và nhiều lần nói rằng: "Người nước Bạt-kỳ có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thân. Nhimg ta sẽ diệt trừ giông người Bạt-kỳ, tàn phá Bạt-kỳ? làm cho nhân dân nước Bạt-kỳ gặp vô sô tai ách." Bạch Sa-môn Cù-đàm, vân đê này, Ngài dạy như thê nào?



Đức Thế Tôn nghe rồi bảo: Này Vũ-thê, xưa kia Ta đã từng đi đên nước Bạt-kỳ, nước đó có ngôi chùa tên là Giá-hòa-la. Lúc ấy, này Vũ-thế, Ta giảng nói bảy pháp không suy thoái cho người nước Bạt-kỳ nghe, người nước Bạt-kỳ có thể vâng thọ và thực hành bảy pháp không suy thoái đó. Này Vũ-thế, nếu người dân nước Bạt-kỳ thực hành được bảy pháp không suy thoái và không trái phạm thì nước Bạt-kỳ chắc chăn hùng mạnh,

không thê suy yêu được! Đại thần Vũ-thế bạch đức Thế Tôn: Bạch Sa-môn Cù-đàm, về việc này, chỉ nói một cách tóm tắt chứ không phân biệt rộng rãi, chúng con không thê hiên được nghĩa này. Kính xin Sa-môn Cù-đàm phân biệt rộng rãi để chúng con được biết ý nghĩa này! Đức Thế Tôn bảo: ỉ r -Này Vũ-thê, hãy lăng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giảng và nói rộng rãi ý nghĩa này cho ông nghe! Đại thần Vũ-thế vâng lời lắng nghe. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Đức Thế Tôn quay lại và hỏi A-nan: Thây có từng nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo. Đức Thế Tôn liền bảo Đại thần Vũ-thế: -Nếu người Bạt-kỳ thường xuyên hội họp và tụ tập đông đảo thì nước Bạt- kỳ chác chăn hùng mạnh, không thê suy yêu được. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có từng nghe người nước Bạt-kỳ cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: - Nếu người Bạt-kỳ cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm công việc của Bạt-kỳ trong sự đoàn kết và giải tán trong sự đoàn kết thì nước Bạt-kỳ chắc chăn hùng mạnh, không thê suy yêu.

142. KINH VỦ-THẾ 783

Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có từng nghe nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điều đã ban bố thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch đức Thê Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ đôi với những điêu chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điều đã ban bố thì không cải đổi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ thì được nghiêm chỉnh phụng hành. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: Nếu nước Bạt-kỳ đối với những điều chưa ban bố thì không ban bố thêm, những điêu đã ban bô thì không cải đôi, những pháp cũ xưa của nước Bạt-kỳ được nghiêm chỉnh phụng hành thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không z M . thê suy yêu. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: 5 a r 9

Thây có từng nghe người nước Bạt-kỳ không dùng thê lực đê xâm phạm vợ và con gái của người khác chăng? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch đức Thế Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ không dùng thế lực để xâm phạm vợ và con gái của người khác. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: Nêu người nước Bạt-kỳ không dùng thê lực đê xâm phạm vợ và con gái của người khác thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Đức Thế Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: —Thây có từng nghe người nước Bạt-kỳ nêu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường chăng? Và họ có nghe theo lời dạy của những bậc ấy chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thê Tôn, con nghe người nước Bạt-kỳ nêu có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ có nghe theo lời dạy của những bậc ấy. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: Này Vũthế, nếu người nước Bạt-kỳ có những bậc danh đức đáng tôn trọng thì những người

Bạt-kỳ cùng nhau tôn kính, cung phụng, cúng dường và họ có nghe theo lời dạy của những bậc ấy thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu được.

784 KINH TRUNG A-HÀM

T'V_J _ Á A _ 1 _ ! Đức The Tôn lại hoi Tôn gia A-nan: 2 ! rr^ _ • 2 _____

Thây có từng nghe nước Bạt-kỳ nêu có chùa, miêu cô thì người nước Bạt- kỳ cùng nhau tu bô, tuân phụng, Cling dường, lê bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu những tập tục đã làm chăng? Tôn giả A-nan thưa: -Bạch Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ nếu có chùa, miếu cổ nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã có, không giảm thiểu những tập tục đã làm. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: r r 9 __

Nêu nước Bạt-kỳ có chùa, miêu cô nào thì người nước Bạt-kỳ cùng nhau tu bổ, tuân phụng, cúng dường, lễ bái, thường không bỏ bê những tế tự đã c6, không giảm thiểu những tập tục đã làm thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Đức Thê Tôn lại hỏi Tôn giả A-nan: Thầy có từng nghe nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến; thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu; thường không để các vi ấy thiếu thốn các nhu cầu sinh sống như quân áo, đô ăn uông, giường chõng, thuôc thang chăng? Tôn giả A-nan thưa: Bạch Thế Tôn, con nghe nước Bạt-kỳ thảy đều ủng hộ các vị A-la-hán và vô cùng kính mến; thường mong muốn các vị A-la-hán chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu; thường không để các vị ấy thiếu thốn các nhu cầu sinh sông như quân áo, đô ăn uông, giường chõng, thuốc thang. Đức Thế Tôn lại bảo Đại thần Vũ-thế: -Nêu nước Bạt-kỳ thảy đêu ủng hộ các vi A-la-hán và vô cùng kính mên; thường mong muôn các vị A-la-hán chưa đên thì đên, đã đên roi thì vui thích ở lâu; thường không đê các vị ây thiêu thôn các nhu câu sinh sông như quân áo, đồ ăn uống, giường chõng, thuốc thang thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Này Vũ-thế, nước Bạt-kỳ đã thực hành bảy pháp không suy thoái này, nếu vâng giữ bảy pháp không suy thoái này thì nước Bạt-kỳ chắc chắn hùng mạnh, không thể suy yếu. Khi ấy, Đại thần Vũ-thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay hướng về đức Phật và bạch: -Bạch Cù-đàm, dù cho nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp không suy thoái thì Vua A-xà-thế nước Ma-kiệt-đà, con bà Vi-đề-hy cũng không thể khuất phục họ được, huống gì, họ đầy đủ cả bảy pháp không suy thoái. Bạch Cù-đàm9 con bận nhiều việc nước, xin được từ giã lui ve!

_____ 142. KINH VŨ-THẾ 785

Đức The Ton noi: Ông muốn lui về thì cứ tùy ý! Lúc đó, Đại thần Vũ-thế nghe lời Phật dạy, hết lòng vâng giữ, đi quanh đức Thế Tôn ba vòng rồi ra về. Sau khi Đại thần Vũ-thế ra về chẳng bao lâu, đức Thế Tôn quay lại bảo Tôn giả A-nan: Này A-nan, nêu có những Tỳ-kheo hiện đang sông rải rác ở núi Thứu Nham thì thầy hãy báo cho tất cả tập trung tại giảng đường. Sau khi tất cả đã tụ họp xong, hãy đến cho Ta hay! Tôn giả A-nan liền vâng lời Phật dạy: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Ngay khi đó, Tôn giả A-nan đi truyền lệnh: "Những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác ở núi Thứu Nham, tất cả tập trung tại

giảng đường.^, Sau khi tất cả đã tập hợp xong, Tôn giả trở lại chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, con đã truyền lệnh: "Nếu có những Tỳ-kheo nào hiện đang sống rải rác ở núi Thứu Nham thì tất cả hãy tập trung tại giảng đường.,, Giờ đây các vi đã tập hợp xong, kính mong Thế Tôn tự biết thời! Bấy giờ, đức Thế Ton cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo, rồi nói với các thầy Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái, các thầy hãy lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ! Lúc ấy, các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: -Những gì là bảy? Nêu chúng Tỳ-kheo thường xuyên hội họp, tụ tập đông đảo thì chúng Tỳ- kheo chắc chan vững mạnh, không the suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo cùng hội họp trong sự đoàn kết, cùng làm việc trong sự đoàn kết, cùng giải tán trong sự đoàn kết thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo đôi với những việc chưa ban bô thì không ban bô thêm, những việc đã ban bố thì không thay đổi, những giới luật do Ta nói ra được phụng hành nghiêm chỉnh thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo không bi chi phối bởi sự hữu đưa đến vị lai, hiện hành với hỷ dục, ái lạc, đời sống như vầy, như kia thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái.



Nếu trong chúng Tỳ-kheo có bậc Trưởng lão Thượng tôn đồng học Phạm hạnh, các thầy Tỳ-kheo thảy đều tôn kính, cung phụng, cúng dường và nghe theo lời dạy của các vị ấy thì chúng Tỳ-kheo chác chăn vững mạnh, không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo đối với rừng vắng, rừng sâu, sườn núi cao, chỗ thanh tinh nhàn cư, vắng bặt không có tiếng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoan lạc an trú không rời thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không the suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo thảy đêu ủng hộ các vị Phạm hạnh, hét sức tôn trọng, ái kính; thường mong muốn các vị Phạm hạnh chưa đến thì đến, đã đến rồi thì vui thích ở lâu; thương không để các vi ấy thiếu thốn những nhu cầu sinh sống như quần áo, đồ ăn uông, ệiường chống, thuốc thang thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thê suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Lúc ấy, đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Ta lại nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác, các thầy hây lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Nêu Tỳ-kheo đôi với Tôn sư mà hét sức cung kính, cúng đường, phụng sự thì chúng Tỳ-kheo chắc chăn vững mạnh, không thể suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo đối với Pháp, với Tăng, với giới, với sự không phóng dật, với sự cung cáp và đôi với định mà hết lòng cung kính, cúng dường, phụng sự thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Ta lại nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các thầy hãy lang nghe và suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? L .v 4 r Nêu chúng Tỳ-kheo không hành nơi thê nghiệp, không hoan

lạc nơi thê nghiệp, không thân cận thế nghiệp thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh,



không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo không hành nơi phiếm luận, không hoan lạc nơi phiếm luận, không thân cận nơi phiếm luận; không hành nơi tụ hội, không hoan lạc nơi tụ hội, không thân cận nơi tụ hội; không hành nơi sự kết hợp hỗn tạp, không hoan lạc trong sự kết hợp hỗn tạp, không thân cận sự kết hợp hỗn tạp; không hành thụy miên, không hoan lạc thụy miên, không thân cận thụy miên; không vì lợi dưỡng, không vì tiếng khen, không vì người khác mà tu hành Phạm hạnh; đối với quả thấp, đối với quả cao, không nửa chừng gián đoạn, nỗ lực hướng thượng thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không the suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này9 thọ trì không trói phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Ta lại nói cho các thây nghe vê bảy pháp không suy thoái khác. Các thây hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Nếu chúng Tỳ-kheo thành tựu tín tài, giới tài, tàm tài, quý tài, bác văn tài, thí tài và thành tựu tuệ tài thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Nêu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Ta lại nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các thầy hãy lang nghe, suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Nếu chúng Tỳ-kheo thành tựu tín lực, tinh tấn lực, tàm lực, quý lực, niệm lực, định lực và thành tựu tuệ lực thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: -Ta lại nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác, các thầy hãy lăng nghe và suy nghĩ kỹ!



Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? __ • Nêu chúng Tỳ-kheo tu niệm giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu; cũng vậy, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên xả ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng xuất yếu thì chúng Tỳ-kheo chắc chắn vững mạnh, không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không the suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Ta lại nói cho các thầy nghe về bảy pháp không suy thoái khác. Các thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là bảy? Nếu Tỳ-kheo càn ban cho luật diện tiền thì ban cho luật diện tiền, cần ban cho luật ức niệm thì ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật bất si thì ban cho luật bất si, cần ban cho luật tự phát lồ thì ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật cư thì ban cho luật cư, cần ban cho luật triển chuyển thì ban cho luật triển chuyển, nếu trong chúnệ

khởi lên sự franh tụng thì đúng theo pháp diệt tránh như liêng bỏ giẻ rách đe chấm dứt thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Nếu chúng Tỳ-kheo thực hành được bảy pháp không suy thoái này, thọ trì không trái phạm thì chúng Tỳ-kheo chắc chan vững mạnh, không thể suy thoái. Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo: Nay Ta nói cho các thầy nghe về sáu pháp ủy lạo. Các thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật: Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Những gì là sáu? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng Phạm hạnh; đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng SỊT, khiên cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Cũng vậy, khẩu nghiệp từ hòa, ý nghiệp từ hòa.

142. KINH VŨ-THẾ 789

Lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm ở chính trong bình bát của mình; với phần lợi như vậy, mang chia sẻ cho các vi đồng Phạm hạnh; đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn? được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bị hư thủng, không bị do, không bị đen, vững vàng như đất không theo ai, được Thánh khen ngợi, đủ đầy, cẩn thận thọ trì; với giới phần như vậy, cùng chia sẻ với các vi đồng Phạm hạnh; đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn? được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có kiến giải về sự xuất yếu của bậc Thánh, có sự thấy rõ, thấu triệt, đưa đến sự chân chánh diệt khổ; với kiến phần như vậy, cũng chia sẻ với các vị đồng Phạm hạnh; đó là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ải niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cần, chứng đắc Niết-bàn. Nhân đây nên Ta nói sáu pháp ủy lạo. Đức Phật thuyết như vậy, các thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

143. KINH THƯƠNG-CA-LA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ma-nạp Thương-ca-la sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngôi xuông một bên và bạch: Bạch cti-dàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày! The Ton noi: Ma-nạp, nếu có điều gì nghi ngờ, ông cứ tự ý hỏi! Ma-nạp Thương-ca-la liền hỏi: —Bạch Cù-đàm, Phạm chí đúng như pháp mà hành khất tài vật, tự mình trai tự, hoặc dạy người khác trai tự. Bạch Cù-đàm, nếu tự mình trai tự hay dạy người khác trai tự, những người ấy đều hành trên vô lượng phước tích, vì do nơi trai tự vậy. Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình đê học dạo, tự mình điều ngự, tự mình tịch tịnh, tự mình cứu cánh tịch diệt. Như vậy, đệ tử của Sa-môn Cù-đàm trong một chủng tộc nào đó, chỉ hành trên một phước tích chứ không hành trên vô lượng phước tích, do bởi sự

học đạo vậy. Bấy giờ, Tôn giảA-nan đang cầm quạt đứng hầu Phật. Rồi Tôn giảA-nan hỏi: Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo th nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? Ma-nạp Thương-ca-la nói: A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-ĩian, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ. Tôn giả A-nan lại hỏi: Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai mà tôi chỉ hỏi ông rằng trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? Tôn giả A-nan đên ba lân hỏi Ma-nạp Thương-ca-la: Này Ma-nạp, trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng?



Ma-nạp Thương-ca-la cũng đến ba lần nói: A-nan, đối với Sa-môn Cù-đàm và A-nan, tôi đều cung kính, tôn trọng, phụng thờ. Tôn giả A-nan lại nói: Này Ma-nạp, tôi không hỏi ông cung kính, tôn trọng, phụng thờ ai mà tôi chỉ hỏi ông trong hai đạo tích ấy, đạo tích nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ: “Manạp Thương-ca-la đã bi A-nan khuất phục. Ta hây cứu người này." Thê Ton biêt roi, liên noi: Này Ma-nạp, hôm trước, vua và các quân thân triệu tập đại hội, thảo luận những gì? Vì những duyên cớ nào mà cùng tập hội? Ma-nạp Thương-ca-la đáp: Ngày hôm trước, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này: "Do nhân gì, duyên gì mà trước kia Sa-môn Cù-đàm ít thiết lập học giới, nhưng các Tỳ-kheo phần nhiều đắc đạo; và do nhân gì, duyên gì mà ngày nay Sa-môn Cù-đàm thiết lập nhiều học giới thì các Tỳ-kheo lại ít đắc dạo?” Bạch Cù-đàm, ngày hôm trước, vua và quần thần triệu tập đại hội để thảo luận vấn đề này. Do sự kiện này mà triệu tập đại hội. Bấy giờ, Thế Tôn dạy: Ma-nạp, bây giờ Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu mà trả lời. Ý ông nghĩ sao? Giả sử có một Sa-môn, Phạm chí tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nũ:a” Vi ấy sau đó thuyết giảng cho người khác rằng: "Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa/ Các ông hãy đến đây, và hãy tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều can làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.'” Rồi người này cũng tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an tru, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Rồi người này lại thuyết giảng cho người khác nữa. Cứ như vậy, lần lượt truyền đi cho đến trăm ngàn vô lượng. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Đệ tử của Ta trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, khoác

áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo, chỉ hành trên một phước tích, không hành trên vô lượng phước tích, có phải là do bởi sự học đạo chăng? Ma-nạp Thương-ca-la đáp: Bạch Cù-đàm, theo sự hiểu biết của tôi đối với điều mà Sa-môn Cù-đàm nói thì đệ tử của Sa-môn Cù-đàm ấy trong một chủng tộc nào đó, cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học dạo, thật sự hành trên vô lượng phước tích chứ không chỉ hành trên một phước tích, do bởi sự học đạo. Thế Tôn lại nói với Thương-ca-la: Có ba thị hiện: Như ý túc thi hiện, chiêm nghiệm thị hiện và giáo huấn thị hiện. Này Manạp, thế nào là như ý túc thị hiện? Nếu có một Sa-môn, Phạm chí có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần; đối với như ý túc, tâm được tự tại; hành vô lượng công đức của như ý túc như vậy, nghĩa là phân một thành nhiều, hợp nhiều thành một; một thì trụ trên một, có biết, có thay; không bi trở ngại bởi vách đá, như đi trong hư không; chìm xuống đất như chìm xuống nước; đi trên nước như đi trên đất; ngồi xếp kiết-già mà bay trên không như chim bay liệng; với mặt trời và mặt trăng này thì có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần, có thể đưa tay bắt nắm; thân cao đến Phạm thiên. Này Ma-nạp, đó là như ý túc thị hiện. Này Manạp, thế nào là chiêm niệm thị hiện? Hoặc có một Sa-môn9 Phạm chí, do nơi tướng dạnệ của người khác mà đoán được ý tuỷng của họ: "Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thật sự có ý tưởng như vay.” Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tất cả đều chắc thật, không phải là những gi thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do nghe tiếng của chư thiên và loài phi nhân mà đoán biết được ý tưởng của người khác: "Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thực sự có ý tưởng như vay." Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tất cả đều chắc thật, không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biêt ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư thiên và các loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của họ, nhưng do tâm niệm của nguồi khác, tâm tư của người khác, ngôn thuyết của người khác; sau khi nghe tiêng roi, đoán biêt được ý tưởng của người khác: "Người ấy có ý tưởng như thế này. Người ấy có ý tưởng như thế kia. Người ấy thực sự có ý tưởng nhữ vay." Chiêm nghiệm vô lượng, chẳng phải chiêm nghiệm ít, nhưng tát cả đêu chác thật, chứ không phải là những giả thiết viển vông. Hoặc không do nơi tướng dạng của người khác để đoán biết ý tưởng của họ, cũng không nghe tiếng của chư thiên và các loài phi nhân để đoán biết ý tưởng của người khác, cũng không do nơi tâm niệm của người khác, nơi tâm tư, nơi ngôn thuyết của người khác, sau khi nghe rồi đoán biết ý tưởng của người khác; nhưng do thấy người khác nhập vào định không giác không quán;



sau khi thây bèn nghĩ răng: "Nhu Hiên giả này thì không có niệm, không có tư, sở nguyện như ý. Hiền giả kia ra khỏi định này với niệm như vậy. Vi ấy ra khỏi đinh này sẽ có tâm niệm như vậy, như vay." Người này đoán biêt việc quá khứ, đoán biết việc tương lai, đoán biết việc hiện tại, những điều được làm từ lâu, những điều được nói từ lâu, đoán biết được nơi yên tĩnh, sống nơi yên tinh, cũng đoán biết tất cả tâm pháp và tâm sở hữu pháp. Đó gọi là chiêm nghiệm thị hiện. Này Ma-nạp, thế nào là giáo huấn

thị hiện? ở đây, một Sa-môn? Phạm chí tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: uSự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều càn làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Rồi vị ấy giảng thuyết lại cho người khác nghe rằng: “Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy roi, các lậu diệt tận? chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa/ Các ông hãy lại đây và hãy tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa.'" Rồi người đó cũng tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy rồi, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nfta?9 Rồi người đó cũng lại giảng thuyết cho người khác. Cứ như vậy, lần lượt truyền đi cho đến vô lượng trăm ngàn. Này Ma-nạp, đó là giáo huấn thi hiện. Trong ba thị hiện này thì thị hiện nào là tối thượng, tối diệu, tối thắng? Ma-nạp Thương-ca-la đáp:  Bạch Cù-đàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào có đại như ý túc, đại oai dức, đại phước hựu, đại oai thân; đôi với như ý túc, tâm được tự tại, cho đên thân cao đến Phạm thiên. Bạch Cù-đàm? người này tự tác, tự hữu, tự thọ báo. Bạch Cù- dàm, trong các thị hiện thì sự thị hiện này được gọi là đại pháp. Bạch Cù-đàm? nếu Sa-môn, Phạm chí nào do nơi tướng dạng mà đoán biết ý tưởng của người khác, cho đến các tâm pháp và tâm sở hữu, thì bạch Cù-đàm, người này cũng tự tác, tự hữu, tự thọ báo ấy. Bạch Cù-đàm, trong các loại thị hiện, sự thị hiện này được gọi là đại pháp. Bạch Cù-dàm, nếu Sa-môn, Phạm chí nào tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nfta.99 Rồi vị ấy thuyết giảng



cho người khác nữa, cứ như vậy, lân lượt truyên đi cho đên trăm ngàn vô lượng. Bạch Cù-đàm, trong ba thị hiện, sự thị hiện này là tối thượng, tối diệu, tối thắng. Thế Tôn lại hỏi Ma-nạp Thương-ca-la:  Trong ba thị hiện này, ông tán thán sự thị hiện nào?  Ma-nạp Thương-ca-la đáp:  Trong ba thị hiện, tôi tán thán Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy?  Vì Sa-môn Cù-đàm có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, tâm được tự tại, cho đến thân cao bằng Phạm thiên. Sa-môn Cù-đàm do nơi tướng dạng của người khác mà biêt ý tưởng của người khác, cho đên đoán biêt các tâm và tâm sở hữu pháp. Sa-môn Cù-đàm thị hiện với đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi hành đạo này, đạo tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Sa-môn Cù-đàm

thuyết giảng cho người khác, rồi người khác thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lần lượt truyền đi cho đên trăm ngàn vô lượng. Bạch Cù-đàm, cho nên, đôi với ba thị hiện, tôi tán thán Sa-môn Cù-đàm. Roi The Ton noi: Ma-nạp, ông khéo thâu suôt vân đê này. Vì sao? Thật sự Ta có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thần; đối với như ý túc, tâm được tự tại, cho đến thân cao bằng Phạm thiên. Này Ma-nạp, Ta do tướng dạng người khác mà biết được ý tưởng của người khác, cho đến đoán biết tâm và tâm sở hữu pháp. Này Ma-nạp? Ta tự hành đạo như vậy, đạo tích như vậy; và sau khi tự hành đạo này, hành đạo tích này, các lậu diệt tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biêt như thật: "Su sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Rồi Ta thuyết giảng cho người khác. Người khác cũng thuyết giảng cho người khác nữa. Như vậy, lân lượt truyền đi cho đên trăm ngàn vô lượng. Này Ma-nạp, cho nên ông khéo thấu suốt vấn đề này. Ông hãy biết như vậy! Hãy khéo thọ trì! Vì sao? Bởi vì ý nghĩa được nói này phải như vậy. Lúc bấy giờ, Ma-nạp Thương-ca-la bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyêt như vậy, Ma-nạp Thương-ca-la, Tôn giả A-nan và các Tỳ- kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

144. KINH TOÁN số MỤC-KIỀN-LIÊN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bây giờ, Toán sô Mục-kiên-liên sau bữa trưa, thong dong tản bộ đi đên chô Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cù-đàm? tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho mới dám trình bày! rTM_ Ậ _. The Ton noi: Mục-kiên-liên, muôn hỏi gì cứ hỏi, đừng tự nghi ngại! Toán số Mục-kiền-liên liền bạch: Thưa Cù-đàm? giảng đường Lộc Tử Mầu này được xây dựng dần dần cho đến cuối cùng được thành tựu. Thưa Cù-đàm, cầu thang trong Lộc Tử Mau giảng đường này bắt đầu lên một nấc, rồi đến hai, ba, bốn. Thưa Cù-đàm, như vậy, giảng đường Lộc Tử Mầu lần lượt theo thứ tự đi lên. Thưa Cù-đàm, sự điêu phục voi này cũng lân lượt thứ tự cho đên thành tựu, nghĩa là do bởi móc câu vậy. Thưa Cù-đàm? sự điêu phục ngựa này cũng lân lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi hàm vậy. Thưa Cu-đàm, Sát-đế- lợi này cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi cầm cung và tên vậy. Thưa Cù-đàm, các Phạm chí này cũng lan lượt thứ tự cho đến thành tựu, nghĩa là do bởi học kinh thơ vậy. Thưa Cù-đàm, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, cũng lần lượt thứ tự cho đến thành tựu; như có đệ tử nam hoặc nữ bắt đầu được dạy từng con số một, rồi hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn, thứ tự mà đếm lên. Thưa Cíi-dàm, như vậy, chúng tôi học toán số, nhờ toán số mà mưu sinh, lần lượt theo thứ tự cho đến thành tựu. Thưa Sa-môn Cù-đàm, trong Pháp, Luật này, lần lượt thứ tự như thế nào cho đến thành tựu? The Ton nói: -Này Mục-kiền-liên, nếu có sự lần lượt, thứ tự thực hiện cho đến thành tựu nào được nói đến chân chánh; thì này Mục-kiền-liên, ở trong Pháp, Luật của Ta, đây là điều chân chánh được nói đến. Vì sao vậy? Này Mục-kiền-liên, Ta đối với Pháp, Luật này lần lượt, thứ tự thực hiện cho đến đạt thành cứu cánh. Này Mục-kiên-liên, nêu Tỳ-kheo niên thiêu vừa mới đên học

đạo, mới vào trong Pháp, Luật này thì Như Lai trước hét dạy răng: "Ong hãy đên đây, với thân, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh; với miệng và ý, hãy thủ hộ mạng thanh tịnh.95



Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo, với thân, thủ hộ mạng thanh tinh; với miệng và ý, thủ hộ mạng thanh tịnh rồi, Như Lai lại dạy thêm: "T'-kheo, hãy đen đây, hãy quán nội thân như thân; cho đen quán thọ, tâm và pháp như pháp." Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp rồi, Như Lai lại dạy thêm: C6Tỳ-kheo5 hãy đến dây, hãy quán thân như thân, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đến quán thọ, tâm và pháp như pháp, đừng niệm tưởng những niệm tương ưng với phi pháp." Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo quán thân như thân, không niệm tưởng những niệm tương ưng với dục; cho đên quán thọ, tâm và pháp như pháp, không niệm tưởng những niệm tương ưng với phi pháp, Như Lai lại dạy thêm: uTỳ-kheo, hãy đên đây, hãy thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn minh dạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, thường khởi chánh tri. Nấu mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị5 đó là đối với sự phẫn não mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, tru sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự hướng đến kia mà thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy? tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đăm nhiêm pháp vị, đó là đôi với phân não mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ ý căn.,, Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo thủ hộ các căn, thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn minh dạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, thường khởi chánh tri; nêu mát thây săc? không châp thủ sác tướng, không đăm nhiễm sắc vị? đó là đối với phẫn não mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hướng đến nơi kia mà thủ hộ nhãn căn; cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, đó là đoi với phẫn não mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, ác bất thiện pháp, đối với sự thú hướng nơi kia mà thủ hộ ý căn; thì này Mục-kiền-liên, Như Lai lại dạy thêm: "Tỳ-kheo? hãy đến đây, hãy biết rõ sự ra vào? khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng, thảy đều biết r6.” Này Mục-kiền-liên? khi Tỳ-kheo biết rõ sự ra vào, khéo quán sát phân biệt, co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; di, đứng, nằm, ngồi, ngủ nghỉ, nói năng, im lặng, thảy đều biết rõ; thì Như Lai lại dạy thêm: "Ty-kheo, hãy đến đây, hãy sống cô độc tại nơi xa vắng, trong rừng, trong núi, hoặc ở gốc cy, những chỗ an nhàn, yên tinh, sườn núi, động dá, đất trống, lùm cây, hoặc đên trong rừng, hoặc ở ngoài bãi tha ma. Sau khi thầy đã sống trong rừng vắng, hoặc đến dưới gốc cây, những chỗ an nhàn, yên tĩnh, hãy trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh nguyện, nhiếp niệm nội tâm, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại, thấy tài vật và các nhu dụng

sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham, muốn được về mình. Đối với tham lam, thầy hãy tịnh trừ tâm ấy; cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, trạo hối5 đoạn nghi, độ hoặc; đối với các thiện pháp không còn do dự. Đối với nghi hoặc, thầy hãy tinh trừ tâm ấy. Thầy hãy đoạn trừ năm triền cái này, chúng làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, rồi ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú." Này Mục-kiền-liên, khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú; thì này Mục-kiền-liên, Như Lai đã đem lại nhiều lợi ích cho Tỳ-kheo niên thiếu, nghĩa là khéo khuyên răn, dạy dỗ, khiển trách. Này Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo Thượng tôn Trưởng lão? Phạm hạnh kỳ cựu, Như Lai lại dạy thêm đe thành tựu cứu cánh diệt tận hết thảy y lậu hoặc. Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: Sa-môn Cù-đàm đối với tất cả đệ tử, răn dạy như vậy, khiển trách như vậy, tất cả đều đạt đến Cứu cánh trí, nhất đinh đến Niết-bàn chăng? The Ton đáp: e A r r y ĩ Này Mục-kiên-liên, không phải nhát định tát cả đêu đạt đên; hoặc có người đạt được, hoặc có người không. Toán số Mục-kiền-liên lại hỏi: Cù-đàm? trong đó, nhân duyên gì khi có Niết-bàn, có con đường đến Niết- bàn, và Sa-môn Cù-đàm hiện tại là Đạo sư đó? mà có Tỳ-kheo được răn dạy như vậy, được khiển trách như vậy, đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng một số khác lại không đạt đến? The Ton lại noi: -Này Mục-kiên-liên? Ta muôn hỏi lại ông, hãy tùy theo sự hiêu biêt mà trâ lời. Này Mục-kiền-liên5 ý ông nghĩ sao? Ông biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các con đường đến đó chăng? Toán số Mục-kiền-liên đáp: Thật vậy, tôi biết rõ thành Vương Xá ở đâu và cũng am tường các con đường đến đó. The Ton hỏi: Này Mục-kiền-liên, nếu có một người muốn đi đến thành Vương Xá để yết kiến vua, người ấy hỏi rằng: "T6i muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua. Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương Xá ở dâu, am tường các đường lộ và đường tăt? có thê chỉ cho tôi chang?99 Ong nói với người ây răng: "Từ đây đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy sẽ đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp? đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, sẽ được thấy hết, được biết hết.99 Người ấy sau khi nghe ông chỉ dẫn rồi, từ đây đi về hướng Đông, đi chưa bao lâu, bèn bỏ con đường



đúng mà theo con đường lầm lẫn để trở lui lại. Những gì ngoài thành Vương Xá, rừng cây xinh đẹp, đát băng phăng, lâu đài, ao tăm, đủ loại cây côi bông hoa, có con sông dài, có dòng suối trong, người ấy hoàn toàn không thấy, không biết gì hết. Lại có một người khác muôn đi đên thành Vương Xá đê yêt kiên vua. Người ấy hỏi ông rằng: "Tôi muốn đi đến thành Vương Xá để gặp vua. Toán số Mục-kiền-liên biết rõ thành Vương Xá ở đâu, am tường các đường lộ và đường tắt, có thể chỉ cho tôi được chang?59 ông nói với người ấy rằng: "Từ đay đi về phía Đông, đến thôn kia, rồi từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy sẽ đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suôi trong, sẽ được thây hét, được biêt hét." Người này sau khi nghe ông chỉ dẫn, bèn từ đây đi về hướng Đông, đến thôn kia, từ thôn ấy đến ấp kia, lần lượt như vậy cho đến thành Vương Xá. Những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh

đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, đều được thấy hết, biết hết. Này Mục-kiền-liên, trong đó? do nhân gì, duyên gì, trong khi có thành Vương Xá, có con đường đến thành Vương Xá đó, và có ông hiện tại là người chỉ đường, nhưng người thứ nhất nghe lời ông chỉ dẫn chẳng bao lâu đã bỏ con đường đúng mà theo con đường lầm lẫn trô lui lại, rồi những gì ở ngoài thành Vương Xá; những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, tất cả đều không được thấy, không được biết. Còn người thứ hai kia theo lời ông chỉ dẫn, từ con đường đúng, lần lượt đi đến thành Vương Xá, những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết? Toán số Mục-kiền-liên đáp: —Thưa Cù-đàm? tôi hoàn toàn vô sự. Có thành Vương Xá đó, có con đường dẫn đến thành Vương Xá đó, tôi chỉ là người chỉ đường. Người thứ nhất không theo chỉ dẫn của tôi, bỏ con đường thích hợp mà theo con đường lầm lẫn để trở lui lại; và những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất bằng phẳng, những lầu đài, ao tắm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suôi trong, tát cả, người ây đêu không thây, không biêt. Còn người thứ hai kia theo lời tôi chỉ dẫn, theo con đường thích hợp lần lượt đi đến được thành Vương Xá; những gì ở ngoài thành Vương Xá, những khu vườn xinh đẹp, đất băng phăng, những lâu đài, ao tăm, đủ loại bông hoa, có con sông dài, lại có dòng suối trong, thảy đều được thấy hết, được biết hết. The Ton noi: Cũng vậy, này Mục-kiền-liên, Ta cũng vô sự. Có Niết-bàn đó, có con đường dân đên Niêt-bàn đó, Ta chỉ là vi Đạo su, giáo huân các Tỳ-kheo như



vậy, khiển trách các Tỳ-kheo như vậy; có người đạt đến cứu cánh Niết-bàn, nhưng có người lại không. Này Mục-kiền-liên, tùy theo sở hành của mỗi Tỳ- kheo mà Thế Tôn ghi nhận sở hành ấy, tức là cứu cánh Niết-bàn vậy. Toán số Mục-kiền-liên bạch: -Thưa Cù-đàm? tôi đã hiểu. Thưa Cù-đàm, tôi đã rõ. Thưa Cù-đàm9 cũng như trên đất tôt, có khu rừng sa-la; trong đó có người giữ rừng sa-la, sáng suôt, không lười biếng. Đối với gốc rễ của các cây sa-la, tùy theo thời mà cuốc xới? san chỗ cao, lấp chỗ thấp, quét dọn rác, tưới nước, không để sai thời. Nếu bên cạnh có mọc cỏ tạp ô uế thì người ấy nhổ sạch hết. Nấu có những cây đâm ngang, cong queo thì người ấy uốn lại cho thẳng hay tỉa đi. Nếu có những cây mọc rất ngay thẳng thì người ấy chăm sóc, giữ gìn, hằng cuốc xới, quét dọn 9 e ĩ r : rác, tưới nước không đê sai thời. Như vậy, trên đất tôt5 rừng cây sa-la càng ngày càng tươi tốt. Thưa Cù-đàm, cũng vậy, có người dua ninh, dối trá, không biết thi ân, vô tín, giải đãi, không niệm, không định, ác tuệ, tâm cuồng, các căn rối loạn, trì giới lơ là, không tu trì phát triển hạnh Sa-môn. Thưa Cù-đàm, với những người như vậy, không thể cộng sự. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, những người như vậy là Phạm hạnh ô uế. Thưa Cù-đàm, nếu có những người không dua nịnh, cũng không doi trá, biết thi ân, có tín, tinh tan, không giải đãi, có niệm, có định, và cũng có trí tuệ, rất mực cung kính giới, tu tập phát triển hạnh Sa-môn. Thưa Cù-đàm, với những người như vậy, có thê cộng sự. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, những người như vậy là Phạm hạnh thanh tịnh. Thưa Cù-đàm, cũng như trong các loại căn hương, ưầm hương là bậc nhất.

Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm? vì trâm hương đôi với các loại căn hương, nó là tôi thượng. Thưa Cù-đàm? cũng như trong các loại sa-la thọ hương, xích chiên-đàn là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì chiên-đàn đối với các thứ sa-la thọ hương, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm5 cũng như trong các loại thủy hoa, thanh liên hoa là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì thanh liên hoa đối với các loại thủy hoa, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm, cũng như trong các thứ lục hoa, hoa tu-ma-na là bậc nhất. Vì sao vậy? Thưa Cù-đàm, vì tu-ma-na hoa đối với các loại lục hoa, nó là tối thượng. Thưa Cù-đàm5 cũng như trong thế gian, giữa các luận sĩ, Sa-môn Cù-đàm là bậc nhất. Vì sao vậy? Vì Sa-môn Cù-đàm là một luận sĩ có thể khuất phục tất cả các ngoại đạo di học vậy. Bạch Thế Tôn? con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc9 kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Toán số Mục-kiền-liên và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN Tôi nghe như vây: Một thời, sau khi đức Phật nhập Bát-niết-bàn chưa bao lâu, Tôn giả A-nan du hóa tại thành Vương Xá. Lúc bấy giờ, Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà đang chỉnh trị thành Vương Xá để phòng ngừa dân Bạt-kỳ. Rồi Đại thần Vũ-thế sai Cù-mặc Mục-kiền-liên, một người làm ruộng, đi đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc sáng sớm, khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá để khất thực. Rồi Tôn giả A-nan nghĩ rằng: uHãy gác việc khất thực trong thành Vương Xá lại đã. Ta hãy đến chỗ Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ru0ng." Tôn giảA-nan bèn đi đến chỗ Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên từ xa trông thấy Tôn giả A-nan đi đến, bèn rời chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chăp tay hướng vê Tôn giả A-nan và bạch: Kính chào A-nan? lâu nay không thây đên. Xin mời ngài ngôi trên chô này! Tôn giả A-nan liền ngồi trên chỗ ngồi đó. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi chào hỏi Tôn giả A-nan rồi ngồi xuống một bên mà bạch: Bạch A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong nghe cho chăng? Tôn giả A-nan trả lời: Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi di, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Bèn hỏi rằng: Bạch A-nan, có Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chăng? Trong khi Tôn giả A-nan và Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên đang thảo luận vấn đề này thì Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà đang đi ủy lạo những người làm ruộng, đến chỗ của Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng. Đại thần Vũ-thế từ xa trông thấy Tôn giả A-nan ở trong chỗ Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, người làm ruộng, bèn đi đến chỗ Tôn giả A-nan; sau khi chào hỏi xong, ngôi xuông một bên và hỏi răng: Bạch A-nan, vừa rồi cùng với Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên thảo luận vấn đề gì? Vì vấn đề gì mà cùng hội họp ở đây? Tôn giả A-nan đáp: Vũ-thế, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên hỏi tôi rằng: “A-nan, có Tỳ- kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm chng?"



Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt>đà lại hỏi: A-nan, ngài trả lời ông ây như thê nào? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũthế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Vâng, Anan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Thế Tôn được. Nhưng có Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong

lúc tại thê lập lên và nói rằng: 64Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa của các Ty.kheo", và vi ấy nay là nơi nương tựa của các ngài? Tôn giả A-nan đáp: - Này Vũ-thế, hoàn toàn không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn nhìn nhận, được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: í4Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ- kheo"và ngày nay đang là chỗ nương tựa cho chúng tôi. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Vâng, A-nan? không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm, cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Ty-kheo"và vi ây nay là nơi nương tựa cho các ngài. Nhưng có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp và bái lập lên rằng: "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo,\ và nay đang là nơi nương tựa của các ngài? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũthế, cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo9\ và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Vâng, A-nan, không một Tỳ-kheo nào sánh ngang với Sa-môn Cù-đàm; cũng không một Tỳ-kheo nào được Sa-môn Cù-đàm trong lúc tại thế lập lên rằng: "Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ- kheo", và nay đang là nơi nương tựa cho các ngài; cũng không Tỳ-kheo nào được Tăng chúng hòa hiệp bái lập lên rằng: "Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niêt-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳkheo"và nay đang là nơi nương tựa cho các ngài. Bạch A-nan, nếu vậy, các ngài hiện tại không có ai để nương tựa, nhưng cùng sông hòa hiệp, không tranh châp, an ôn5 đông trong một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, an lạc du hành như trong lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế chăng?

145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN 805

Tôn giả A-nan đáp: Này Vũ-thê, ông đừng nói răng chúng tôi không có ai đê nương tựa. Vì sao vậy? Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: Bạch A-nan, những điều được nói trước và sau sao lại không phù hợp nhau? Ngài vừa nói như vầy: uKhông một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn; cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn nhìn nhận, được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác trong lúc tại thế lập lên và nói rằng: 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo\ và nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi; cũng không có Tỳ-kheo nào được chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo\ và nay đang là nơi nương tựa cho chúng t6i." Nhưng bạch A-nan9 do nhân gì, duyên gì, nay ngài lại nói rằng: "Thật sự chúng tôi có nơi nương tựa?" Tôn giả A-nan đáp: Này Vũ-thế, chúng tôi không nương tựa nơi người nhưng nương tựa nơi pháp. Này Vũthế, nếu chúng tôi nương tựa nơi thôn ấp mà sống, vào ngày mười lăm là ngày thuyết biệt giải thoát giới, cùng tập hội ngồi tại một chỗ. Nếu có Tỳ-kheo nào hiểu biết pháp, chúng tôi thỉnh vi ấy thuyết pháp cho chúng tôi. Nêu chúng Tăng ấy thanh tịnh, chúng tôi hoan hỷ phụng hành theo lời dạy của vi ấy. Nếu chúng Tăng ấy không thanh tịnh thì tùy theo pháp được nói, chúng tôi khuyên dạy nên làm điều này. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: -Bạch A-nan, không phải các ngài khuyên dạy nên làm điều này, nhưng chính là pháp

khuyên dạy nên làm điều này. Như vậy, A-nan, một ít pháp hay CÓ nhiêu pháp thảy đêu có thê được tôn tại lâu dài; và như vậy, A-nan? các ngài sống hòa hiệp, không tranh chấp, an ổn, đồng trong một giáo pháp, cùng hiệp nhất như nước với sữa, an lạc du hành như lúc Sa-môn Cù-đàm tại thế. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: Bạch A-nan, có vi nào đáng kính trọng chăng? Tôn giả A-nan đáp: Này Vũthế, có vị xứng đáng được kính trọng. Vũ-thế bạch: Bạch A-nan, những điều được nói sao lại trước sau không phù hợp nhau? Ngài vừa nói như vầy: "Không một Tỳ-kheo nào sánh ngang Thế Tôn; cũng không một Tỳ-kheo nào được Thế Tôn trong lúc tại thế lập lên rằng: 'Tỳ-kheo này sau khi Ta Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo\ và vi ấy nay đang là nơi nương tựa cho chúng tôi; cũng không có một Tỳ-kheo nào được



chúng Tăng hòa hiệp bái lập lên rằng: 'Tỳ-kheo này sau khi Thế Tôn Niết-bàn sẽ là nơi nương tựa cho các Tỳ-kheo\ và nay đang là nơi nương tựa cho chúng t6i." Nhưng bạch A-nan, do nhân gì, duyên gì, nay ngài lại nói rằng: "C6 vị xứng đáng được tôn kính?^, Tôn giả A-nan đáp: - Này Vũ-thế, Thế Tôn, bậc Tri kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã có dạy về mười pháp đáng tôn kính; nếu chúng tôi thấy Tỳ- kheo nào có mười pháp này, chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Những gì là mười? Này Vũ-thế? Tỳ-kheo tu tập cấm giới, thủ hộ biệt giải thoát, lại khéo thu nhiếp oai nghi lễ tiết, biết tội lỗi nhỏ nhặt cũng thường sanh lòng lo sợ, thọ trì học giới. Này Vũ-thê? khi chúng tôi thây Tỳ-kheo nào tích cực hành trì tăng thượng giới thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế, Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, ghi nhớ không quên, tích lũy sự bác văn; đối với những pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn, cụ túc thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; đối với các pháp như vậy, học rộng, nghe nhiều, tụng thuộc cho đến hàng ngàn, chuyên ý tư duy quán sát, thấy rõ, hiểu sâu. Này Vũ-thế? khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực đa văn thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. . r r e e Lại nữa, này Vũ-thê, Tỳ-kheo ây xứng đáng là thiện tri thức, xứng đáng là thiện băng hữu, xứng đáng là người bạn đông hành tót. Này Vũ-thê, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự xứng đáng ỉa thiện tri thức thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thê, Tỳ-kheo vui thích đời sông viên ly, thành tựu cả hai sự viễn ly là thân và tâm. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào thật sự rất ưa thích đời sống viễn ly thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế, Tỳ-kheo vui thích với sự tĩnh tọa, nội hằng chánh chỉ, không rời tư sát, thành tựu quán hạnh, tăng trưởng không hành. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thây Tỳ-kheo nào rát vui thích với sự tĩnh tọa thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lê bái, hâu hạ Tỳ-kheo ây. Lại nữa, này Vũ-thế, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu đêu mang theo y bát, đi không luyên tiêc5 như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong hư không. Như vậy, Tỳ-kheo tri túc, áo cốt che thân, ăn chỉ để sống, đi đâu mang theo y bát, đi không luyến tiếc. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tri túc thì chúng tôi cùng ái kính, tôn tTQng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy.

Lại nữa, này Vũ-thế? Tỳ-kheo thường hành chuyên niệm, thành tựu chánh niệm; những gì đã tập hành từ lâu, những gì đã từng nghe từ lâu, hằng ghi nhớ không quên. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất chánh niệm thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ- kheo ây. Lại nữa, này Vũ-thế, Tỳ-kheo thường hành tinh tấn, đoạn trừ ác, bất thiện, tu tập các thiện pháp, hằng tự khởi ý, chuyên nhất kiên cố; đối với các gốc rễ thiện pháp, không từ lao nhọc. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào rất tinh cần thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế9 Tỳ-kheo tu hành trí tuệ, quán pháp hung suy, được như thật trí, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thông suốt để chân chánh diệt tận sự khổ. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào tích cực tu hành trí tuệ thì chung tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lễ bái, hầu hạ Tỳ-kheo ấy. Lại nữa, này Vũ-thế9 Tỳ-kheo đã diệt tận các lậu, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào đã diệt tận các lậu thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lê bái, hâu hạ Tỳ-kheo ấy. Này Vũ-thế, Thế Ton, bậc Tri Kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, giảng thuyết mười pháp đáng được tôn kính này. Này Vũ-thế, khi chúng tôi thấy Tỳ-kheo nào hành mười pháp này thì chúng tôi cùng ái kính, tôn trọng, cúng dường, tôn phụng, lê bái, hâu hạ Tỳ-kheo ây. Lúc bấy giờ, đám đông ở đây cất cao tiếng lớn nói rằng: Có thể tu tập con đường chánh trực chứ không phải không thể tu. Nếu ai tu tập con đường chánh trực, chứ không phải không thể tu thì vị ấy là A-la-hán ở trong đời, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, hầu hạ. Nếu các ngài đối với con đường chánh trực nên tu tập mà có thể tu tập, cho nên trong đời là A-la-hán, xứng đáng ái kính, tôn trọng, cúng dường, lễ bái, hầu hạ. Rồi Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà cùng với đám tùy tùng hỏi rằng: A-nan, nay ngài du hành tại đâu? Tôn giả A-nan đáp: -Tôi đang du hành tại Vương Xá này, ở trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bạch A-nan, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa thật là khả ái, đáng ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích; ban ngày không ồn ào, ban đêm vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. A-nan, ngài thích sống tại Trúc Lâm, Ca- lan-đa chăng?



Tôn giả A-nan đáp: Thật vậy, Vũ-thế, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa rất khả ái, dễ ưa, rất chỉnh đốn, dễ thích; ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, ruôi nhặng, không lạnh, không nóng. Này Vũ-thê5 tôi thích trú trong vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa ấy. Vì sao? Vì Thế Tôn cũng tán thành. Lúc ấy, Đại tướng Bà-nan cũng ở giữa đám đông ấy. Đại tướng Bà-nan thưa: Thật vậy, Vũ-thế, vườn Trúc Lâm, Ca-lan-đa rất khả ái, dễ ưa5 rất chỉnh đốn, dễ thích; ban ngày không ồn ào, ban đêm thì vắng lặng, không có muỗi mòng, ruồi nhặng, không lạnh, không nóng. Tôn giả ấy thích tru tại Trúc Lâm, Ca-lan-đa. Vì sao vậy? Vì Tôn giả này hành tư sát, ưa thích tư sát. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà nghe xong bèn nói: Này Đại tướng Bà-nan, trước đây,

khi Sa-môn Cù-đàm du hành tại Kim- tỳ-la, ở trong Lạc viên này, thì này Đại tướng Bà-nan? lúc bấy giờ, tôi nhiều lần đến thăm Sa-môn Cù-đàm. Vì sao vậy? Sa-môn Cù-đàm thực hành tư sát, ưa thích tư sát, tán thành tất cả mọi tư sát. Tôn giả A-nan nghe xong, nói rằng: Vũ-thế, đừng nói rằng Sa-môn Cù-đàm tán thán tất cả mọi tư sát. Vì sao vậy? Thế Tôn có khi tán thán tư sát, nhưng có khi không tán thán. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại hỏi: -A-nan, Sa-môn Cù-đàm không tán thán tư sát, nhtrng không tán thán loại tư sát nào? Tôn giả A-nan đáp: Vũ-thế, hoặc có người bị triền phược bởi tham dục mà móng khởi tham dục, không biết như thật sự xuất yếu. Ngườd ấy vì bị chướng ngại bởi tham dục cho nên tư sát, chuyên tư sát, trọng tư sát. Đó là loại tư sát thứ nhất Thế Tôn không tán thán. Z e \ r Lại nữa, Vũ-thê5 hoặc có người bị triên phược bởi sân nhuê mà móng khởi sân nhuê, không biêt như thật sự xuất yêu. Người ây vì bi chướng ngại bởi sân nhuế cho nên tư sát, chuyên tư sát, trọng tư sát. Vũ-thế, đó là loại tư sát thứ hai mà Thế Tôn không tán thán. Lại nữa, này Vũ-thế, bi triền phược bởi thụy miên mà móng khởi thụy miên, không biêt như thật sự xuất yêu. Người ây vì bị chướng ngại bởi thụy miên cho nên tư sát, chuyên tư sát, trọng tư sát. Vũ-thê, đó là loại tư sát thứ ba mà Thê Tôn không tán thán. Lại nữa, này Vũ-thế? bi triền phược bởi nghi hoặc mà móng khởi nghi hoặc, không biết như thật sự xuất yếu. Người ấy vì bị chướng ngại bởi nghi hoặc cho Ị' • nên tư sát, chuyên tư sát, trọng tư sát. Vũ-thê, đó là loại tư sát thứ tư mà Thê Tôn không tán thán. Này Vũ-thế? Thế Tôn không tán thán bốn loại tư sát này.

## 145. KINH CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN 809

Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: -Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng khinh miệt, là những trường hợp đáng khinh miệt, Sa-môn Cù-đàm không tán thán. Vì sao vậy? Vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác vậy. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà lại bạch: Bạch A-nan, những loại tư sát nào được Sa-môn Cù-đàm tán thán? Tôn giả A-nan đáp: —Vũthế, Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đắc tứ thiền, thành tựu an trú. Này Vũthế, Thế Tôn tán thán bốn loại tư sát này. Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà bạch: —Bạch A-nan, bốn loại tư sát này thật đáng tán thán, là những trường hợp đáng tán thán, được Sa-môn Cù-đàm tán thán. Vì sao vậy? Vì Ngài là bậc Chánh Đẳng Giác vậy. Anan, tôi bận nhiều việc, xin phép cáo từ! Tôn giả A-nan nói: -Xin cứ tùy ý! Rồi Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà sau khi nghe Tôn giả A-nan nói, cẩn thận ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ba vòng rồi trở lui. Lúc bấy giờ, Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà đi không lâu, bạch rằng: Bạch A-nan, phải chăng những điều tôi hỏi đã không được trả lời? Tôn giả A-nan đáp: Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên, quả thật tôi đã không trả lời. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiên-liên bạch: -A-nan, tôi lại có điều muốn hỏi nữa, mong nghe cho chăng? Tôn giả A-nan đáp: Mục-kiền-liên, ông cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bèn hỏi: Bạch A-nan, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, hai giải thoát này có sự sai biệt nào và có sự thắng liệt nào chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Này Mục-kiền-liên, giải thoát và tuệ giải thoát của Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác và giải thoát của A-la-hán, hai giải thoát này không có sai biệt, cũng không có sự

thắng liệt. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên bạch:  Bạch A-nan, mong ngài ở lại đây dùng cơm!



Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên biết Tôn giả A-nan im lặng nhận lời, bèn rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy, tự tay lấy nước rửa, dọn các thức ăn rất tịnh diệu với đủ các loại cứng và loại mềm, tự tay châm nước cho đến đây đủ; ăn xong, dọn dẹp chén bát, dùng nước rửa xong, lây một cái giường nhỏ ngồi riêng một bên và nghe pháp. Tôn giả A-nan thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ; bằng vô lượng phương tiện để thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Tôn giả A-nan thuyết như vậy, Đại thần Vũ-thế nước Ma-kiệt-đà và quyến thuộc cùng Phạm chí Cù-mặc Mục-kiền-liên sau khi nghe Tôn giả A-nan dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, dị học Tỳ-lô vào lúc sáng sớm, ra khỏi thành Xá-vệ, đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi ngồi xuống một bên. Đức Phật thuyết pháp cho ông nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, đức Phật ngồi im lặng. Dị học Tỳ-lô sau khi được Phật thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ xong, rời chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh ba vòng rồi lui về. Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn ngồi trên cỗ xe trắng rất đẹp, cùng với năm trăm đệ tử, vào lúc sáng sớm, ra khỏi Xá-vệ, đi đến một khu rừng để dạy đệ tử tụng đọc kinh thơ. Phạm chí Sanh Văn từ xa trông thấy dị học Tỳ-lô đi đến, bèn hỏi: -Này Bà-ta, mới sáng sớm đã từ đâu về vậy? Di học Tỳ-lô đáp:  Này Phạm chí, tôi đi thăm đức Thế Tôn, lễ bái, hầu hạ, cúng dường rồi _Á5 4 _ ve đây. Phạm chí Sanh Văn hỏi: -Có biết Sa-môn Cù-đàm ở nơi yên tĩnh, vắng lặng học trí tuệ chăng? Dị học Tỳ-lô đáp:  Phạm chí, tôi là hạng người nào mà có thể biết Thế Tôn ở nơi yên tĩnh, vắng lặng học trí tuệ? Này Phạm chí, nếu biết Thế Tôn ở nơi yên tĩnh, vắng lặng học trí tuệ thì cũng phải băng Thê Tôn. Nhưng này Phạm chí, kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, và do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất định tin tưởng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng. Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề đi rảo trong một khu rừng; ở giữa rừng cây, nhìn thấy dấu chân voi to lớn; thấy rồi thì nhất định tin tưởng con voi này phải là rất lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, tôi cũng vậy, trong kinh thơ mà tôi đọc có bốn cú nghĩa, do bốn cú nghĩa này mà tôi nhất đinh tin rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được nói bởi Thế Tôn là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng.



Bốn cú nghĩa ấy là thế nào? Này Phạm chí, các luận sĩ Sát-lợi có trí tuệ, học rộng, quyết định, có thể khuất phục người đời, không thứ gì là không biết, rồi đem những điều được thấy mà tạo tác văn chương, lưu hành trong thế gian. Họ nghĩ như vầy: “Ta đến

chỗ Sa-môn Cù-đàm hỏi sự việc như vầy, như vầy. Nếu ông ấy trả lời được, ta lại hỏi nữa; nếu không trả lời được, ta khuất phục rồi bỏ di.[ Họ nghe Thế Tôn đang trú tại một thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn, họ còn không dám hỏi, há lại nói đến sự khuất phục? Này Phạm chí, trong kinh sách được đọc, tôi tìm thấy cú nghĩa thứ nhất này. Tôi do ý nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng. Cũng vậy, những Phạm chí có trí tuệ, những cư sĩ có trí tuệ, những luận sĩ Sa-môn có trí tuệ, đa văn, quyết định, có khả năng khuất phục người đời, không điều gì là không biết, rồi đem những điều được thấy tạo tác văn chương, lưu hành thế gian. Họ nghĩ như vầy: “Ta đi đến Sa-môn Cù-đàm? hỏi sự việc như vầy, như vầy. Nếu ông ấy trả lời được, ta lại hỏi nữa; nếu không trả lời được, ta sẽ khuất phục rồi bỏ di.” Họ nghe Thế Tôn trú tại thôn ấp nào đó, bèn tìm đến. Sau khi gặp Thế Tôn rồi, họ còn không dám hỏi, há lại nói đến sự khuất phục? Này Phạm chí, trong kinh thơ được đọc, tôi tìm thấy cú nghĩa thứ tư này. Tôi do ý nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử của Như Lai khéo thú hướng. Này Phạm chí, kinh thơ mà tôi được đọc có bôn cú nghĩa này. Tôi do bôn cú nghĩa này mà nhất định tin tưởng rằng Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng. Phạm chí Sanh Văn nói: -Này Bà-ta, ông thật hết sức cúng dường Sa-môn Cíi-dàm, do sở nhân, sở duyên này mà hoan hỷ phụng hành. Dị học Tỳ-lô đáp:  Này Phạm chí, thật vậy, thật vậy. Tôi hết sức cúng dường đức Thế Tôn ấy và cũng hét sức tán thán. Tát cả thê gian cũng phải cúng dường. Lúc bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn nghe ý nghĩa đó rồi, liền từ trên xe bước xuống, quỳ gói phải xuông dát, chăp tay hướng vê rừng Thăng Lâm, vườn Cáp Cô Đọc, ba lần làm lễ: "Nam-mô Như Lai, Vo Sở Trươc, pẫig Chánh Giác Ba lần như vậy xong, Phạm chí lên cỗ xe trắng rất đẹp, đi đến rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Đen chỗ xe hết có thể đi được, Phạm chí xuống xe, đi bộ tiến về chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Phạm chí đem câu chuyện mà Phạm chí vừa thảo luận với dị học Tỳ-lô kể lại hết cho Phật nghe. Thế Tôn nghe xong, liền dạy:

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ  813

Này Phạm chí, di học Tỳ-lô nói thí dụ về dấu chân voi chưa được hoàn hảo, chưa được trọn vẹn. Thí dụ về dấu chân voi mà được nói một cách hoàn hảo, trọn vẹn thì đe Ta nói cho ông nghe. Hãy khéo nghe kỹ. Này Phạm chí, cũng như thợ săn voi rành nghề đi rảo trong một khu rừng; ở , •  , //x  r .M M . giữa đám cây rừng, nhìn thây dâu chân voi to lớn; thây roi, người ây có thê tin rằng con voi kia phải hết sức lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, thợ săn voi rành nghề ấy hoặc giả không tin, vì rằng trong khu rừng ấy có một loại voi cái được gọi là Gia-lê-nậu5 thân thể rất cao lớn, nó có dâu chân này. Roi thợ săn tìm theo dâu chân, lại thây dâu chân voi rát lớn; thấy rồi, người ấy có thể tin rằng con voi này hết sức lớn mới có dấu chân như vậy. Này Phạm chí, thợ săn rành nghề ấy hoặc giả vẫn không tin, vì rằng trong rừng ấy lại còn có loại voi cái được gọi là Gia-la-lê, thân thể rất cao lớn, nó có r y 9 z e r r . dâu chân này. Roi thợ săn tìm theo dâu chân này, lại thây dâu chân voi to lớn; thây roi, người ây có thê tin

răng con voi này phải hét sức to lớn mới có dâu chân như vậy. Này Phạm chí, thợ săn rành nghê ây hoặc giả vân không tin, vì răng trong rừng này còn có loại voi cái được gọi là Bà-hòa-nậu, thân thể rất cao lớn, nó có dấu chân này. Rồi thợ săn tìm theo dấu chân này, lại thấy dấu chân voi to lớn; thây roi, người ây có thê tin răng con voi này phải hét sức lớn mới có dâu chân này. Thợ săn tìm theo dâu chân, roi thây dâu chân voi rát lớn. Dâu chân voi rát lớn, vuông vức, rát dài, rát rộng, toàn thê chu vi bàn chân lún sâu xuông đát; và thấy con voi ấy hoặc đi lui, hoặc đi tới, hoặc dừng lại, hoặc chạy, hoặc đứng, hoặc năm. Thây con voi áy roi, người áy bèn nghĩ: “C6 được dâu chân kia, tát phải là voi lớn nay7, Này Phạm chí, cũng vậy, nêu trong đời xuât hiện Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ người đến trời, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: “Su sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vị ấy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn, có nghĩa, trọn đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh. Pháp được vị ấy thuyết giảng, hoặc cư sĩ, hoặc con nhà cư sĩ, nghe xong được tín tâm; sau khi ở trong Chánh pháp, Luật của Như Lai mà được tín tâm rồi, bèn nghĩ rằng: "Tại gia chật hẹp, đay những nhọc nhằn bụi bặm; đời xuất gia học đạo rộng rãi bao la. Ta nay sống tại gia bị những phiền tỏa khóa chặt, không được trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy từ bỏ những tài vật ít hay tài vật nhiều, từ giã thân thuộc ít hay thân thuộc nhiều, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học dạo.” Người ấy sau



khi xuất gia, từ giã thân thuộc, thọ yêu pháp Tỳ-kheo, tu tập câm giới, thủ hộ biệt giải thoát luật nghi, lại khéo thu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy những lỗi nhỏ nhặt thường đem lòng lo sợ, thọ trì học giới. Người ấy lìa bỏ sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ đao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Người ấy đối với sự sát sanh, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, chỉ lấy của được cho, vui trong sự lấy của được cho, thường ưa bố thí, hoan hỷ không keo kiêt? không trông chờ báo đáp. Người ây đôi với sự lây của không cho, tâm đã tinh trừ. Người ấy xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng tu Phạm hạnh, tinh cần diệu hạnh, thanh tịnh vô uế, ly dục, đoạn dâm. Người ây đôi với sự phi Phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Người ây xa lìa nói láo, đoạn trừ nói láo, nói lời chắc thật, thích sự thật, an trú trên sự thật, không di động, tất cả những lời đáng tin, không lừa gạt the gian. Người ấy đối với sự nói láo, tâm đã tinh trừ. Người ấy xa lìa nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, sống không hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe người này nói lại người kia để phá hoại người này, không nghe từ người kia nói lại người này để phá hoại người kia, chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ, không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng. Người ây đôi với hai lưỡi, tâm đã tịnh trừ. Người ây xa lìa lời nói cộc cằn, đoạn trừ nói cộc cằn; nếu có lời nói nào mà lời lẽ thô lỗ, tiếng dữ, chói tai, mọi người không vui, mọi người không thích, khiên người khác khô não, khiên không được định thì

đoạn trừ những lời như vậy; nếu có những lời nào mà ôn hòa, mem mỏng, nghe lọt tai, thâm vào lòng, đáng ưa, đáng thích, khiên người khác an ổn, lời tiếng rõ ràng đay đủ, kh6ng khiến người sợ, khiến người được định thì nói những lời như vậy. Người ấy đôi với sự nói cộc cằn, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa nói thêu dệt, đoạn trừ nói thêu dệt, nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói tịch tịnh, nói sự ưa thích tịch tịnh, hợp sự việc, hợp thời cơ, khéo khuyến giáo, khéo khiển trách. Người ấy đối với sự nói thêu dệt, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa việc buôn bán, đoạn trừ việc buôn bán, dẹp bỏ cân đong và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không buộc trói người, không mong đong lừa, cân thiếu, không vì lợi nhỏ mà xâm hại, gạt gẫm người. Người ấy đối với sự buôn bán, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận đàn bà con gái, đoạn trừ sự thâu nhận đàn bà con gái. Người ấy đoi với sự thâu nhận đàn bà con gái, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận nô tỳ, đoạn trừ sự thâu nhận nô tỳ. Người ấy đối với sự thâu nhận nô tỳ, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê; đoạn trừ sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê. Người ấy đối với sự thâu nhận voi, ngựa, bò, dê? tâm đã tinh trừ. Người ây xa lìa sự thâu nhận gà? heo; đoạn trừ sự thâu gà, heo. Người ây đôi với sự thâu nhận gà, heo, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá; đoạn trừ sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá. Người ấy đối với sự thâu nhận ruộng vườn, quán xá, tâm đã tinh trừ. Người ấy xa lìa sự thâu nhận lúa,



thóc, đậu sống; đoạn trừ sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống. Người ấy đối với sự thâu nhận lúa, thóc, đậu sống, tâm đã tinh trừ. Người ấy xa lìa rượu, đoạn trừ rượu. Người ấy đối với sự uống rượu, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa giường cao rộng lớn, đoạn trừ giường cao rộng lớn. Người ấy đối với giường cao rộng lớn, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp. Người ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe; đoạn trừ ca, múa, xướng, hát và đến xem nghe. Người ấy đôi với ca, múa, xướng, hát và đên xem nghe, tâm đã tịnh trừ. Người ây xa lìa sự thâu nhận vàng bạc, đoạn trừ sự thâu nhận vàng bạc. Người ấy đối với sự thâu nhận vàng bạc, tâm đã tịnh trừ. Người ấy xa lìa sự ăn quá ngọ, đoạn trừ sự ăn quá ngọ. Người ấy đối với sự ăn quá ngọ, tâm đã tịnh trừ. Ngườir ây sau khi thànhĩ tựu các Thánh giới này roi 9 9 r thì sông  hét sức tri túc, áo chỉ cót đê che thân, ăn chỉ cót đê nuôi thân, du hành đên đâu đêu mang theo y bát, đi không luyến tiếc, cũng như con nhạn mang theo đôi cánh bay liệng trong không. Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này và hết sức tri túc rồi, lại thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn minh dạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng khởi chánh tri. Khi mắt thấy sắc thì không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vi, vì phẫn tránh mà thủ hộ nhãn căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hướng đến kia nên thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp thì không chấp thủ các pháp tướng, không đắm pháp vị, vì phẫn tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn. Người ấy sau khi thành tựu Thánh giới này thì hết sức tri túc, thủ hộ các

căn, rồi lại biết rõ chân chánh sự ra vào, khéo quán sát phân biệt sự co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc, khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, năm, ngôi, ngủ nghi, nói năng, thảy đêu biêt rõ chân chánh. Người ấy sau khi thành tựu các Thánh giới này thì hết sức tri túc, thủ hộ các căn, biết rõ chân chánh sự ra vào, rồi lại sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng văng, trong rừng sâu, dưới góc cây, những nơi thanh nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc đến trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Người ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc đến gốc cây, những chỗ thanh nhàn yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi xếp kiết-già, chánh thân, chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không có não hại, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi tâm tham lam muốn khiến về mình; người ấy đối với tham lam, tâm được tịnh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuê, thụy miên, trạo hôi, đoạn trừ nghi hoặc, đôi với các thiện pháp không còn do dự; vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ.



Người ấy đoạn trừ năm triền cái này, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đăc Thiên thứ nhát, thành tựu an trú. Này Phạm chí, đó gọi là điêu được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Nhimg người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: "Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.,, Rồi người ấy giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Này Phạm chí, đó gọi là điêu được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: "Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng." Roi người ây ly hỷ, dục, xả, vô câu, an trú nơi chánh niệm, chánh trí, thân cảm lạc thọ, điều mà bậc Thánh gọi là "Thánh sở xả", niệm lạc trụ thất, đạt đến Thiền thứ ba, thành tựu an tru. Này Phạm chí, đó gọi là điều đã được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Nhimg người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: "Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.^, Rồi người ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ vốn có cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, đạt đến Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Nhưng người ấy không cho đây là cứu cánh để nói rằng: “Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng.,, Người ấy sau khi đạt đến tịnh tâm như vậy, thanh tinh, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trú vững vàng, đạt được bất động tâm, thú hướng đến sự tác chứng Lậu tận trí thông. Người ấy biết như thật đây là khổ, biết như thật đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo; biết như thật đây là lậu, biết như thật đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi thì biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã

làm xong, không còn tái sanh nữa.^^ Này Phạm chí, đó gọi là điều được Như Lai khuất, được Như Lai hành, được Như Lai phục. Người ấy lấy đây làm cứu cánh để nói rằng: "Thế Tôn là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Pháp được Thế Tôn nói là toàn thiện, Thánh chúng đệ tử Như Lai khéo thú hướng. Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Thí dụ về dấu chân voi như vậy là khéo trình bày, được trọn vẹn chăng?

146. KINH TƯỢNG TÍCH DỤ 817

Phạm chí Sanh Văn đáp: -Ví dụ dấu chân voi như vậy là khéo trình bày, được trọn vẹn đầy đủ. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà- tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn và dị học Tỳ-lô sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

147. KINH VĂN ĐỨC Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, tôi có điêu muôn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày! Thế Tôn dạy: Này Phạm chí, muốn hỏi gì cứ hỏi! Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi: -Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, hoặc có người tại gia hoặc có người xuất gia học đạo, nhưng vì mục đích gì mà bác văn tụng tập? The Ton đáp: -Đệ tử của Ta, hoặc tại gia hay xuất gia học đạo mà bác văn tụng tập là muốn tự điêu phục, muôn tự tịch tinh. tự tìm câu cứu cánh tịch diệt. Này Phạm chí, đệ tử của Ta, tại gia hay xuất gia học đạo vì mục đích này mà bác văn tụng tập. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: —Thưa Cù-đàm, bác văn tụng tập có sự sai biệt chăng? Bác văn tụng tập có công đức chăng? Thế Tôn dạy: Này Phạm chí, bác văn tụng tập có sự sai biệt, bác văn tụng tập cũng có công đức. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm? bác văn tụng tập có sự sai biệt gì? Có công đức gì? Thế Tôn dạy: Này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cốt để mưu cầu lợi ích, mà công nghiệp của họ thất bại, không thành. Dù những công nghiệp của họ đã thất bại, không thành, họ không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng. Này Phạm chí, nêu đa văn Thánh đệ tử ban ngày làm các công nghiệp cót đê mưu câu lợi * r r • -i 1 • * r ích, mà những công nghiệp ây thát bại, không thành. Dù những công nghiệp ây đã



that bại, không thành, họ vân không ưu sâu? phiên muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử có những điều ái niệm mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum hội, cách biệt chia lìa, nhưng vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử có những điều ái niệm mà bị đổi thay, tán thất, không còn sum họp, cách biệt chia lìa, nhimg họ vẫn không ưu sầu, phiền muộn, khóc than, không vật mình ảo não, cũng không phát si, phát cuồng; thì này

Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên suy niệm đến sự xuất gia học đạo. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường nên nghĩ đến sự xuất gia học đạo; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử sau khi biêt răng tài vật sở hữu thảy đều vô thường thì họ bèn cạo bỏ râu tóc, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử sau khi biết rằng những tài vật sở hữu thảy đều vô thường thì họ bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa5 chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn, thân thể gặp các thứ bệnh tật rất đau đớn đến gần như tuyệt mạng và những điều không vui, thảy đều có thể nhẫn nại. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử có thể nhẫn nại đói khát, lạnh nóng, muỗi mòng, chí rận, gió nắng bức bách, tiếng dữ, gậy hèo cũng có thể nhẫn, thân thể gặp các bệnh tật rất đau đớn đên gân như tuyệt mạng và những điêu không vui, thảy đêu có thê nhân nại; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không vui; khi những điều không vui đã sanh, trong lòng không hề bi vướng bận. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại những điều không vui; những điều không vui đã sanh, trong tâm không hề bị vướng bận; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi; khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề bi vướng bận. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử nhẫn nại sự sợ hãi; khi sự sợ hãi phát sanh, trong tâm không hề vướng bận; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử sanh khởi ba niệm ác, bất thiện là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; với ba niệm ác, bất thiện này, trong tâm



không hề bị dính trước. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử sanh khởi ba niệm ác. bát thiện là niệm dục, niệm nhuê và niệm hại; với ba niệm ác, bát thiện này mà trong tâm không hê bi dính trước; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho r • r •e \ r • đên chứng đác tứ thiên, thành tựu an trú. Này Phạm chí, nêu đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác, bát thiện pháp, cho đên chứng đác tứ thiên, thành tựu an tru; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà-hoàn? không đọa pháp ác, quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lần qua lại nhân gian thiên thượng, đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, chứng đắc Tu-đà- hoàn, không đọa pháp ác? quyết định đi đến chánh giác, tối đa bảy lần tái sanh; sau khi bảy lân qua lại nhân gian thiên thượng, đạt đên khô biên; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, dâm, nộ, si đã mỏng,

chứng đắc Nhất lai, chỉ một lần qua lại nhân gian thiên thượng, sẽ đạt đến khổ biên. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử ba kiết sử đã đoạn tận, dâm, nộ, si đã mỏng, chứng đác Nhát lai, chỉ một lân qua lại nhân gian thiên thượng, sẽ đạt đên khô biên; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử năm hạ phân kiêt sử đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc bất thối, không trở lại thế gian này. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử năm hạ phần kiết sử đã đoạn tận, sanh vào nơi kia mà Bát-niết-bàn, chứng đắc bất thối, không trở lại thế gian này; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, như kỳ tượng định, thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu. Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử có tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng vô sắc, như kỳ tượng định, thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ quán mà vĩnh viễn đoạn trừ các lậu; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập có sự sai biệt, có công đức này. Lại nữa, này Phạm chí, đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an tru, biết như thật: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Này Phạm chí, nếu đa văn Thánh đệ tử với các như ý túc, thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã đoạn tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: “Sịt sanh đã dứt,



Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa"; thì này Phạm chí, đó là bác văn tụng tập mà có sự sai biệt, có công đức này. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Bạch Thế Tôn, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này, có công đức này; có sự sai biệt nào, có công đức nào toi thượng, toi diệu, toi thắng nữa chăng? Thế Tôn dạy: Này Phạm chí, bác văn tụng tập này có sự sai biệt này, có công đức này; không còn có sự sai biệt nào, không còn có công đức nào tối thượng, tối diệu, tối thắng nữa. Phạm chí Sanh Văn bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

148. KINH HÀ KHỔ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phạm chí Sanh Văn sau buổi trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày! rpl Á qp A The Ton noi: Ông muốn hỏi điều gì cứ hỏi! Phạm chí Sanh Văn liền hỏi: Thưa Cù-đàm, người tại gia có những sự khổ nào? Và người xuất gia học đạo có những sự khổ nào? Đức Thế Tôn trả lời: Người tại gia vì không được tự do mà khô; người xuât gia học đạo vì tự do mà khổ. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thưa Cùdàm, tại sao người tại gia vì không được

tự do mà khổ? Và tại sao người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ? Ạ rnp 4- L___ The Ton đáp: Nếu người tại gia mà tiền tài không tăng trưởng; kim ngân, trân châu, lưu ly, thủy tinh thảy đều không tăng trưởng; súc mục, lúa gạo cùng nô tỳ, sai dịch cũng không tăng trưởng thì lúc bấy giờ, người tại gia ưu sầu khổ não. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều ưu tư, khổ nhọc, trong lòng mang nhiều sầu bi. Này Phạm chí, nếu người xuất gia học đạo mà sống theo dục vọng, sân nhuế, ngu si thì lúc bấy giờ, xuất gia học đạo có nhiều ưu sầu, khổ não. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều ưu tư, khổ nhọc, trong lòng chất chứa nhiều sầu bi. Này Phạm chí, như vậy, người tại gia vì không được tự do mà khổ; người xuất gia học đạo vì tự do mà khổ. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, tại gia có điêu gì vui? Và xuât gia học đạo có điêu gì vui? The Ton đáp: Tại gia vì tự do mà vui; xuất gia học đạo vì không tự do mà vui.



Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: —Thưa Cù-đàm, tại sao tại gia vì tự do mà vui? Và tại sao xuất gia học đạo vì không tự do mà vui? Arr\ The Ton đáp: -Này Phạm chí, nếu người tại gia mà tiền tài được tăng trưởng; kim ngân, trân châu, lưu ly, thủy tinh đều được tăng ưởng; súc mục, lúa gạo và nô tỳ, sai dịch cũng đều được tăng trưởng thì lúc bấy giờ, tại gia là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người tại gia có nhiều khoái lạc, hoan hỷ. Này Phạm chí, người xuất gia học đạo sống không tùy theo dục vọng, không tùy theo sân nhuế thì lúc bấy giờ, xuất gia học đạo là khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà người xuất gia học đạo có nhiều khoái lạc, hoan hỷ. Này Phạm chí, như vậy, người tại gia vì tự do mà được hoan lạc; người xuất gia học đạo vì không tự do mà được hoan lạc. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm9 do sự kiện nào mà chư thiên và loài người nhất định không có lợi nghĩa? Do sự kiện nào mà chư thiên và loài người tất có lợi nghĩa? Thê Tôn đáp: Này Phạm chí, nếu chư thiên và loài người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa. Nếu chư thiên và loài người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, tại sao nếu chư thiên và loài người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa? Và tại sao nếu chư thiên và loài người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa? The Ton đáp: Này Phạm chí, lúc nào chư thiên và loài nậười đấu tranh, thù nghịch thì lúc bấy giờ, chư thiên và loài người có ưu tư, kho nhọc, sầu bi. Do sự kiện này mà chư thiên và loài người có nhiều ưu tư5 khổ nhọc, sầu bi. Nếu lúc nào chu thiên và loài người không đấu tranh, thù nghịch thì lúc bấy giờ, chư thiên và loài người được khoái lạc, hoan hỷ. Do sự kiện này mà chư thiên và loài người có nhiều khoái lạc, hoan hỷ. Này Phạm chí, như vậy, nếu chư thiên và loài người đấu tranh lẫn nhau, tất không có lợi nghĩa; nếu chư thiên và loài người không đấu tranh lẫn nhau, tất có lợi nghĩa. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, do sự kiện nào khiên cho chư thiên và loài người nhát định không được lợi ích, phải khổ nhọc? Do sự kiện nào khiến cho chư thiên và loài người tất được lợi ích, tất được hoan lạc? The Ton đáp: Này Phạm chí, nếu chư thiên và loài người sống theo phi pháp, làm điều dữ, tất không được lợi ích, tất phải khổ nhọc. Nếu chư thiên và loài người thường sống đúng như pháp, không làm dữ, tất được lợi ích, tất được hoan lạc.

148. KINH HÀ KHO 825

Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, thế nào nếu chư thiên và loài người sống theo phi pháp, làm điều dữ, tất không được lợi ích, tất phải khổ nhọc? Thế nào nếu chư thiên và loài người sống đúng như pháp, không làm điều dữ, để nhất đinh được lợi ích, được hoan lạc. The Ton đáp: Này Phạm chí, chư thiên và loài người thân làm điều phi pháp và làm điều dữ; miệng và ý làm điều phi pháp và làm điều dữ thì lúc bấy giờ, chư thiên và loài người tất sẽ tổn giảm, a-tu-la tất sẽ himg thạnh. Này Phạm chí, nếu chư thiên và loài người mà thân làm đúng như pháp, thủ hộ thân; khẩu và ý làm đúng như pháp, thủ hộ khẩu và ý; thì lúc bấy giờ, chư thiên và loài người tất sẽ hung thạnh, a-tu-la tát sẽ tôn giảm. Này Phạm chí, như vậy, chư thiên và loài người nêu sông theo phi pháp và làm điêu dữ, tát không được lợi ích, tát phải khổ nhọc; nếu chư thiên và loài người sống đúng như pháp, không làm điều dữ, tất được lợi ích, tất được hoan lạc. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: -Thưa Cù-đàm9 nên quán sát ác tri thức như thế nào? Ạ _ J. r__ Thê Ton đáp: Hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng! Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, the nào là quán sát ác tri thức như mặt trăng? The Ton đáp: -Như mặt trăng hướng đến sự lụn tàn, càng ngày càng giảm, vành trăng cũng giảm, ánh sáng cũng giảm, hình sắc cũng giảm, càng lúc càng khuyết dần. Này Phạm chí, roi đên một lúc, mặt trăng biên mát han, không còn thây nữa. Này Phạm chí, người ác tri thức đoi với Chánh pháp, Luật của Như Lai cũng có được tín tâm; nhưng người ấy được tín tâm rồi, về sau lại không hiếu thuận, cũng không cung kính, hành vi trái ngược, không vững chánh trí, không hướng đến pháp, tùy pháp. Người ấy bèn mất tín tâm, mất trì giới, bác văn, thí xả? trí tuệ cũng mất luôn. Này Phạm chí, cho đến lúc, thiện pháp nơi ác tri thức ấy hoàn toàn tiêu diệt, cũng như mặt trăng mất hút. Này Phạm chí, như vậy, hãy quán sát ác tri thức như mặt trăng. Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, nên quán sát thiện tri thức như thế nào? The Ton đáp: -Này Phạm chí, hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng! Phạm chí Sanh Văn lại hỏi: Thưa Cù-đàm, thế nào là quán sát thiện tri thức như mặt trăng?

826 KINH TRUNG A-HÀM

The Ton đáp: Này Phạm chí, cũng như mặt trăng trong lúc mới mọc, còn non, trong vắt, càng ngày càng tăng trưởng. Này Phạm chí, cho đến một lúc, vào ngày mười lăm trong tháng, vành trăng tròn đầy. Này Phạm chí, cũng vậy, thiện tri thức đối với Chánh pháp, Luật của Như Lai mà có được tín tâm; người ấy có được tín tâm rồi, sau đó lại có hiếu thuận, cung kính, hành vi tùy thuận, vững vàng trên chánh trí, hướng đên pháp, tùy pháp. Người ây tăng trưởng tín, trì giới, bác văn, thí xả, trí tuệ cũng tăng trưởng. Này Phạm chí, cho đen một lúc, thiện pháp nơi thiện tri thức ấy được trọn đủ như mặt trăng ngày rằm vậy. Này Phạm chí, như vậy? hãy quán sát thiện tri thức như mặt trăng. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài tụng: Như thể trăng tròn vô cấu, Du hành trong khoảng hư không, Sáng lấp muôn ngàn tinh đẩu, Rạng ngời một cõi mênh mông. Cũng vậy, tín tâm, bác văn, Thi ân, độ lượng, bao dung, Sáng lâp trân gian bon xẻn, Rạng ngời thí xả mênh mông. Như the đại long than lực, Kéo mây, nổi sóng, chớp giăng, Mưa đổ nước rào lai láng, Tràn đầy mặt đất mênh mông. Cũng vậy, tín tâm, bác văn? Thi ân,

độ lượng, bao dung, Ẩm thực cho người no đủ, Hằng khuyên thí xả gia tăng. Như thể sấm truyền vang dội, Như trời trút trận mưa rào, Phước thí như mưa, quảng dại, Cơn mưa thí chủ dâng cao. Đời này tiền tài, danh dự? Đời sau cõi thiện sanh lên, Phước báo người này lãnh thọ, Chết rồi tất sẽ sanh thiên. r Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

149. KINH HÀ DỤC x

Tôi nghe như vây: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bây giờ, Phạm chí Sanh Văn sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đên chô Phật, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và bạch: Thưa Cíbdàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày! Đức The Ton noi: Ông muốn hỏi điều gì thì cứ hỏi! Phạm chí Sanh Văn bèn hỏi: Thưa Cù-đàm5 người Sát-lợi ước muôn gì, thực hành gì, thiêt lập gì, y cứ gì, có cứu cánh gì? The Ton đáp: Người Sát-lợi ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng gươm đao, y cứ vào nhân dân, lay tự do làm cửu cánh. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm9 người cư sĩ ước muốn gthực hành gì, thiết lập gì, y cứ gì, có cứu cánh gì? À ỉ__ rrn A _ jX The Ton đáp: Người cư sĩ ước muốn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng kỹ thuật, y cứ vào công nghiệp, lấy công nghiệp làm cứu cánh. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm, đàn bà ước muốn gì, thực hành gì, thiết lập gì, y cứ gì, có cứu cánh gì? The Ton đáp: Đàn bà ước muôn được con trai, thực hành sự trang diêm, thiêt lập băng con cái, y cứ vào sự không đối chất, lấy tự do làm cứu cánh. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-đàm, trộm cướp ước muôn gì, thực hành gi, thiêt lập gì, y cứ gì, có cứu cánh gì?

828 KINH TRUNG A-HÀM

Ặ rr^ 4 The Ton đáp: -Trộm cướp ước muốn lấy của không cho, thực hành nơi chỗ lén lút, thiết lập bang gươm đao, y cứ nơi bóng toi, lay sự không bị khám phá làm cứu cánh. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Thưa Cù-dàm, người Phạm chí ước muốn gì, thực hành gì, thiết lập gì, y cứ gi, có cứu cánh gì? The Ton đáp: Người Phạm chí ước muôn được tài vật, thực hành nơi trí tuệ, thiêt lập bằng kinh thơ, y cứ vào trai giới, lấy Phạm thiên làm cứu cánh. Phạm chí Sanh Văn hỏi: Sa-môn ước muốn gì, thực hành gì, thiết lập gì, y cứ gi, có cứu cánh gì? The Ton đáp: -Sa-môn ước muốn được chân lý, thực hành nơi trí tuệ, thiết lập bằng giới, y cứ vào vô xứ, lấy Niết-bàn làm cứu cánh. Phạm chí Sanh Văn bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc9 kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Sanh Văn sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

150. KINH UẤT-SẤU-CA-LA

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú trong Trúc Lâm, vườn Calan-đa.

Bấy giờ, Phạm chí uất-sấu-ca-la sau giữa trưa, thong dong tản bộ đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch:

Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày!
rTM Ắ L___ rin
The Ton đáp:
x
Tùy ý ông cứ hỏi! Phạm chí uất-sấu-ca-la bèn hỏi: -Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, loại phụng sự cho Sát-lợi, cho cư sĩ, cho công sư. Thưa Cù-đàm5 Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, tức là Phạm chí phải phụng sự cho Phạm chí; Sát-lợi, cư sĩ và công sư cũng phải phụng sự cho Phạm chí. Thưa Cù-đàm, bốn chủng tánh này phải phụng sự cho Phạm chí. Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi9 tức là Sát-lợi phải phụng sự cho Sát-lợi; cư sĩ và công sư cũng phải phụng sự cho Sát-lợi. Thưa Cù-đàm, ba chủng tánh này phải phụng sự cho Sát-lợi. Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho cư sĩ, tức là cư sĩ phải phụng sự cho cư sĩ; công sư cũng phải phụng sự cho cư sĩ. Thưa Cù-đàm, hai chủng tánh này phải phụng sự cho cư sĩ. Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại phụng sự cho công sư, tức là công sư phải phụng sự cho công sư. Ai thấp hèn hơn nữa để được chủ trương phải phụng sự cho công sư? The Ton đáp: Duy chỉ có công sư phụng sự công sư. The Ton hỏi: Này Phạm chí, các Phạm chí có tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh này, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, cho cư sĩ, cho công sư? Phạm chí Uất-sấu-ca-la đáp: Không biết rõ? thưa Cù-đàm. Các Phạm chí tự nói như vầy: "Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đên trời." Nhưng



Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lợi, cho cư sĩ và cho công sư. The Ton noi: Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng: “Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho t6i!” Này Phạm chí, ông nói cho các Phạm chí ấy cũng giống như vậy. Vì sao? Vì Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại phụng sự cho bốn chủng tánh, tức chủ trương loại phụng sự cho Phạm chí, chủ trương loại phụng sự cho Sát-lqi, cho cư sĩ, cho công sư. Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, thế nào là phụng sự? có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà có hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi; cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi? cư sĩ, công sư và do phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chăng? Phạm chí Uât-sâu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này

mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm? nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có hạ liệt chứ không có sự ưu thăng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu phụng sự Sát-lợi, cư si, công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thăng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nêu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, cư si, công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy. The Ton noi:  Này Phạm chí, nêu lại có một Phạm chí đên đây, người ây không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại; Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: “v ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do loại phụng sự ấy mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu



r thăng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, cư si, công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì có nên phụng sự như vậy chàng?" Này Phạm chí, nếu Phạm chí ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tát cũng sẽ trả lời Ta như vầy: "Thua Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự ưu thắng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi5 cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà có sự hạ liệt chứ không có sự tru thắng thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà có sự ưu thắng chứ không có sự hạ liệt thì tôi nên phụng sự như vậy.^, Rồi Thế Tôn lại hỏi:  Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nêu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mát tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nêu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mát tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nêu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng

sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? r r Phạm chí Uất-sâu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm? nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả5 trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mát tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà mát tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu



phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Nếu phụng sự Sát-lợi, Cư si, Công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Thê Tôn noi: -Này Phạm chí, nếu lại có một Phạm chí đến dây, người ấy không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại; Ta hỏi Phạm chí ấy rằng: “v ông nghĩ sao? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu có loại phụng sự và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, cư si, công sư và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Này Phạm chí, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chăng? Nếu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì có nên phụng sự như vậy chng?" Này Phạm chí, nếu Phạm chí này không phải ngu, không phải si, cũng không phải điên đảo, tâm không điên đảo, tự do tự tại, tất cũng sẽ trả lời Ta như vầy: "Thưa Cù-đàm, nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nếu tôi phụng sự và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà mất tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Nêu phụng sự Sát-lợi, cư sĩ, công sư và do sự phụng sự này mà mát tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi không nên phụng sự như vậy. Thưa Cù-đàm, nếu phụng sự Phạm chí và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giới, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vậy. Nêu phụng sự Sát-lợi, cư si, công sư và do sự phụng sự này mà tăng thêm tín, giói, bác văn, thí xả, trí tuệ thì tôi nên phụng sự như vay.99 Phạm chí uất-sấu-ca-la bạch: -Thưa Cù-đàm9 Phạm chí chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh, tức là chủ trương loại tài vật tự có cho Phạm chí, thiết lập loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho cư sĩ, cho công sư. Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại tài vật tự có cho Phạm chí là, thưa Cù-đàm9 Phạm chí chủ trương rằng, tài vật tự có của Phạm chí là do khất cầu. Nếu Phạm chí khinh mạn sự khất cầu, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thát lợi. Cũng như người chăn trâu mà không

thể trông chừng được trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm? Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Phạm chí là do khất cầu. Nếu



Phạm chí khinh mạn sự khất cầu, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi* Thưa Cù-đàm9 Phạm chí chủ trương loại tài vật tư có cho Sát-lợi là, thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương rằng tài vật tự có của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng được trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm? Phạm chí chủ trương tài vật tự có của Sát-lợi là cung tên. Nếu Sát-lợi khinh mạn cung tên, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tư có tức là thất lợi. Thưa Cù-đàm9 Phạm chí chủ trương loại tài vật tự có cho cư sĩ là, thưa Cù-đàm? Phạm chí chủ trương tài vật tự có của cư sĩ là nông nghiệp. Nêu cư sĩ khinh mạn nông nghiệp, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không thể trông chừng được trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tư có của cư sĩ là nông nghiệp. Nếu cư sĩ khinh mạn nông nghiệp, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương loại tài vật tự có cho công sư là, thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của công sư là cây gai (lưỡi liềm và đòn gánh). Nếu công sư khinh mạn cây gai, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. Cũng như người chăn trâu mà không the trông chừng được trâu tức là thất lợi. Cũng vậy, thưa Cù-đàm, Phạm chí chủ trương tài vật tự có của công sư là cây gai. Nêu công sư khinh mạn cây gai, tức là khinh mạn tài vật tự có; khinh mạn tài vật tự có tức là thất lợi. The Ton hỏi: Này Phạm chí, các Phạm chí có tự biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh, tức là chủ trương loại tài vật tự có cho Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi5 cho cư si, cho công sư chăng? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Không tự biết rõ, thưa Cù-đàm. Các Phạm chí tự nói rằng: "Ta ở trong đời này, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến tròd." Nhưng Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tự có cho bốn chủng tánh, tức là chủ trương tài vật tự có cho Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho cư sĩ, cho công sư. • ạ T*1 The Ton noi: Này Phạm chí, cũng như một người đưa cho người khác một miếng thịt, bắt ép và nói rằng: "Này ông bạn, hãy ăn đi và hãy trả tiền cho t6i!" Này Phạm chí, ông nói cho các Phạm chí cũng giống như vậy. Vì sao? Vì các Phạm chí không tự mình biết rõ khi chủ trương bốn loại tài vật tư có cho bốn chủng tánh, tức là chủ trương loại tài vật tự có cho Phạm chí, chủ trương loại tài vật tự có cho Sát-lợi, cho cư sĩ, cho công sư.



Nhưng này Phạm chí, Ta tự mình biêt rõ, thâu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tinh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú. Rồi Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Có trường hợp nào mà hư không này chỉ không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đối với Phạm chí mà thôi, chứ không như thế đối với Sát-lợi, cư sĩ hay công sư? Phạm chí

uất-sấu-ca-la đáp: - Thưa Cù-đàm, hư không này vốn không dính trước, không trói buộc, không xúc chạm, không ngăn ngại đoi với Phạm chí; đoi với Sát-lợi5 cư sĩ hay công sư cũng vậy. - Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú. Thế Tôn lại hỏi: Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Có trường hợp nào chỉ riêng Phạm chí mới có thể thực hành từ tâm, không kết, khônẹ oán, không nhuế, không tranh; còn Sát-lợi, cư sĩ và công sư thì không như thê chăng? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm, Phạm chí có thể thực hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuế, không tranh; Sát-lợi? cư sĩ, công sư cũng vậy. Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú. Thế Tôn lại hỏi: - Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu những người thuộc trăm chủng tánh khác nhau cùng đen đây, và giả sử có một người nói với những người ấy rang: "Các ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch se." Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ; còn những nệười thuộc chủng tộc cư sĩ hay chủng tộc công sư không thể mang bột tắm đi đen nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ? Hay tất cả những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau đều có thể mang bột tắm đi đến nước để tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ chăng? Phạm chí Uât-sâu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm, tất cả những nệười thuộc trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đi đến nước đê tắm rửa, trừ khử dơ bẩn cho thật sạch sẽ.

150. KINH UẤT-SẤƯ-CA-LA 835

Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác dạo, pháp thiện thú. Thế Tôn lại hỏi: - Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau cùng đến đây, và giả sử có một người nói với họ răng: "Các ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thê dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy." Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ có những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí mới có thê dùng cây chiên-đàn và sa-la thật khô làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; còn những người thuộc chủng tộc cư sĩ hay chủng tộc công sư phải lay ván máng heo, máng chó, cây y-lan-đàn và các thứ gỗ xấu khác để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? Hay tất cả những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bát cứ loại cây gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy? r r Phạm chí Uât-sâu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm, tất cả những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau đều có thê dùng bát cứ loại cây gô nào làm môi lửa, roi lây dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy. Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tinh, pháp tịch diệt, pháp giác dạo, pháp thiện thú. The Ton lại hoi: -Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Những

người thuộc trăm chủng tộc khác nhau ây đêu có thê dùng bát cứ loại cây gô nào làm môi lửa, roi lây dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Có trường hợp nào chỉ độc nhất loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa? Hay chỉ độc nhất loại lửa kia khônệ có ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thê dùng vào việc lửa? Hay tất cả các loại lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có the dùng vào việc lửa? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm? những nẹười thuộc trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào đe làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; tất cả những thứ lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào việc lửa. Nếu nói chỉ độc nhất loại lửa này mới có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và có thể dùng vào việc lửa; trường hợp này không thể có. Và nếu nói rằng chỉ độc nhất loại lửa kia không



CÓ ngọn, không có màu sắc, không có sức nóng, không có ánh sáng, không thể dùng vào việc lửa; trường hợp này cũng không thể có. Tất cả loại lửa ấy đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng và đều có thể dùng vào việc lửa. -Cũng vậy, này Phạm chí, Ta tự mình biết rõ, thấu triệt các pháp khi chủ trương tài vật tự có cho mọi người, đó là pháp tịch tịnh, pháp tịch diệt, pháp giác đạo, pháp thiện thú. Thế Tôn lại hỏi: - Này Phạm chí, ý ông nghĩ sao? Nếu những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; giả sử có người mang cỏ khô hay cây khô bỏ vào trong lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói. Có trường hợp nào mà ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của loại lửa này với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của loại lửa kia khác nhau chăng? Phạm chí uất-sấu-ca-la đáp: Thưa Cù-đàm? nếu những người thuộc trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể dùng bất cứ loại cây gỗ nào để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát lửa và bùng cháy; giả sử có một người mang cỏ khô hay cây khô đem bỏ vào lửa, bốc cháy thành ngọn, thành màu sắc, thành sức nóng, thành khói thì tôi đối với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của loại lửa này với ngọn, màu sắc, sức nóng và khói của loại lửa kia, không cho rằng có sự khác nhau. __ r ____ _ rrM Ạ rr\ Ạ The Ton noi: _ . _

Cũng vậy, lửa mà Ta đạt được, sự không phóng dật mà Ta đạt được có khả năng đót cháy sự phóng dật và ngã mạn, công cao. Ta đôi với loại lửa này hay loại lửa kia, không hề chủ trương có sự sai biệt. Phạm chí uất-sấu-ca-la bạch: Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Uất-sấu-ca-la sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có một số d6ng Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùnệ nhau bàn luận như the này: "Dòng Phạm chí

là hơn hết, ngoài ra không ai bang; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên; nhưng Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thj." Những vị ấy nghĩ như thế này: "Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa- môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?" Họ lại nghĩ như thế này: "Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều, hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hý truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm9 đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vân. Này chư Hiên, hãy đên Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na đê nói sự kiện này; tùy theo những gì Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói, chúng ta sẽ ghi nhận.,, Rồi số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la đi đến chỗ Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la- diên-đa-na? cùng chào hỏi rồi ngồi qua một bên và nói:  Này Ma-nạp? chúng tôi, một số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la5 nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thê này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trang, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên; nhưng Sa-môn Cù-đàm nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thj." Chúng tôi nghĩ như thế này: "Này chư Hiền, ai là người có khả năng đến Sa-môn Cù-đàm9 đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn?" Chúng tôi lại nghĩ như thế này: "Manạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đen bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiều, hiểu rộng, đọc thuộc bốn kinh điển, thấu suốt nhân duyên, chánh văn, hy truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự



kiện này đúng như pháp mà cật van?9 Mong Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na đi đến Sa-môn Cù-đàm, đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn! Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na nói với các Phạm chí: A r  Này chư Hiên, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà thuyết pháp. Nêu đúng như pháp mà thuyết pháp thì không thể cật vấn. Số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nói: e r 9 e r  Này Ma-nạp5 ông chưa bi khuất phục thì chưa thê tự mình chịu khuất phục trước. Vì sao? Vì Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na do cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không dứt tuyệt dòng họ, đời đời không làm các việc ác, nghe nhiêu, hiêu rộng, đọc thuộc bôn bộ kinh điên, thâu suốt nhân duyên, chánh văn, hý truyện, ngũ cú thuyết. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la- diên-đa-na có khả năng để có thể đến Sa-môn Cù-đàm5 đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn. Mong Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đi đến Sa-môn Cù-đàm9 đem sự kiện này đúng như pháp mà cật vấn! Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bèn im lăng nhận lời số đông Phạm chí ở Câu-tát-ía. Roi Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na cùng với sô đông Phạm chí ở Câu- tát-la đến chỗ

Phật, cùng chào hỏi rồi ngồi qua một bên mà bạch:  Bạch Cù-đàm? chúng con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho chăng? Đức The Ton noi: -Này Ma-nạp, hãy tùy ý mà hỏi! Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na hỏi:  Thưa Cù-đàm, các Phạm chí nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết? ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.^, Nhưng chúng tôi chưa biết Sa-môn Cù-đàm sẽ nói như thế nào? Đức Thế Tôn đáp:  Nay Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ma-nạp, ông có nghe nói ở nước Dư-ni và Kiếm-phù chỉ có hai chủng tánh: Chủ nhân và đầy tớ; sau khi làm chủ nhân, lại trở thành đầy tớ; sau khi làm đầy tớ? lại trở thành chủ nhân chăng? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:  Bạch Cù-đàm, con có nghe ở nước Dư-ni và Kiếm-phù có hai chủng tánh: Chủ nhân và đầy tớ; chủ nhân làm đầy tớ, đầy tớ làm chủ nhân. - Như vậy, này Ma-nạp, nếu Phạm chí hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, cư sĩ hay công sư nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp.

151. KINH PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA  839

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:  Bạch Cù-đàm5 thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.,, Đức Thế Tôn hỏi:  Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Phải chăng chỉ riêng Phạm chí đối với hư không này là không bi dính, không bị trói, không bị xúc chạm, không bi ngăn ngại; còn Sátlqi, cư sĩ hay công sư thì không như vậy? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:  Bạch Cù-đàm9 Phạm chí đối với hư không này không bi dính, không bị trói, không bi xúc chạm, không bi ngăn ngại; Sát-lợi, cư sĩ hay công sư cũng vậy. - Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến sự chân chánh thì Phạm chí ấy được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, cư sĩ hay công sư nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: -Bạch Cù-đàm? thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhimg các Phạm chí vẫn nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trang, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thi!!.” Đức Thế Tôn hỏi:  Này Ma-nạp? ý ông nghĩ sao? Phải chănẹ chỉ riêng Phạm chí mới có thể hành từ tâm, không kết, không oán, không nhuê5 không tránh; còn Sát-lợi5 cư sĩ hay công sư thì không như vậy? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: -Bạch Cù-đàm, Phạm chí có thể hành từ tâm, không kết, không oản, không nhuế, không tránh; Sát-lợi, cư sĩ hay công sư cũng như vậy.  Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nêu hướng đên sự chân chánh thì vị ây sẽ được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi9 cư sĩ hay công sư nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự

tri đúng như pháp. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:  Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật la hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm



chí được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên." Đức Thế Tôn lại hỏi: r

Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nêu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau cùng đến và có người nói với họ rằng: “Các ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí thì chỉ những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn thật s@ch." Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Chỉ những người thuộc chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, những người ấy mới có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch; còn những người thuộc chủng tộc cư sĩ, chủng tộc công sư, những người này không thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch; hay tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau đêu có thê mang bột tăm đên nước tăm rửa, trừ khử các câu bân cho thật sạch? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp:  Bạch Cù-đàm? tất cả mọi người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đều có thể mang bột tắm đến nước tắm rửa, trừ khử các cấu bẩn cho thật sạch. -Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến sự chân chánh thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, cư sĩ hay công sư nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch:  Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhưng các Phạm chí vân nói như thê này: "Dòng Phạm chí là hơn hét, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Đức Thế Tôn hỏi: r

Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nêu có những người thuộc một trăm chủng tộc khác nhau đến và có người nói với họ rằng: "Các ông hãy đến đây. Nếu ai sanh trong chủng tộc Sát-lợi hay chủng tộc Phạm chí, chỉ những người ấy mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn 16n." Này Ma-nạp5 ý ông nghĩ sao? Chỉ những người thuộc chủng tộc Sát-lợi và chủng tộc Phạm chí, những người này mới có thể dùng nhánh sa-la rất khô hay gỗ chiên-đàn làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên; còn những người thuộc chủng tộc cư si, chủng tộc công sư phải lay ván máng heo, máng chó khô, cây y-lan-đàn và các thứ gỗ xấu khác để làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và bùng cháy; hay những người trong một trăm chủng tộc khác nhau đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên?

Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Bạch Cù-đàm, tất cả những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều có thể dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên. - Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến sự chân chánh thì vị ấy sẽ được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, cư sĩ hay công sư nếu hướng đến sự chân chánh thì cũng được sự hiểu biết khéo léo và tự tri đúng như pháp. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, e A* Ỵ ngoài ra không ai băng; dòng Phạm chí da trăng, ngoài ra đêu là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên." Đức Thế Tôn hỏi: Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau kia đều dùng bất cứ loại gỗ nào làm mồi lửa, rồi lấy dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên; phải chăng tát cả thứ lửa ây đêu có ngọn, có màu sác, có rsức nóng, có ánh sáng, đêu có thê dùng vào các công việc lửa? Hay ợ chỉ độc nhát thứ lửa này mới có ngọn, có màu sác, có sức nóng, có ánh sáng, có thê dùng vào các công việc lửa? Hay chỉ độc nhất thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng, không thể dùng vào các công việc lửa? Hay tất cả thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào các công việc lửa? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: -Bạch Cù-đàm? nếu những người trong một trăm chủng tộc khác nhau ấy đêu dùng bát cứ loại gô nào làm môi lửa, roi lây dùi mà dùi cho phát ra lửa và cháy lớn lên thì tát cả những thứ lửa ây đêu có ngọn, có màu sác, rcó sức nóng, 9 e * jF

CÓ ánh sáng, đêu có thê dùng vào các công việc lửa. Nêu độc nhát chỉ thứ lửa kia có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, có thể dùng vào công việc lửa thì trường hợp này không thể có. Nếu độc nhất chỉ có thứ lửa kia không có ngọn, không màu sắc, không sức nóng, không ánh sáng và không thể dùng vào các công việc lửa thì cũng không có trường hợp đó. Bạch Cù-đàm, tát cả những thứ lửa kia đều có ngọn, có màu sắc, có sức nóng, có ánh sáng, đều có thể dùng vào công việc lửa. Như vậy, này Ma-nạp, Phạm chí nếu hướng đến sự chân chánh thì vi ấy sẽ được sự hiêu biêt khéo léo và tự tri đúng như pháp. Sát-lợi, cư sĩ hay công sư nêu hướng đên sự chân chánh thì cũng được sự hiên biêt khéo léo và tự tri đúng như pháp.



Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na bạch: Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, thật là thích thú với ví dụ này! Nhưng các Phạm chí vẫn nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên." Đức The Ton noi: Này Ma-nạp, nếu thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kể là thuộc chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lọd, cư sĩ hay công sư thì được kể là chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư. Này Ma-nạp, cũng như tùy theo lửa được phát sanh như thế nào thì

được kể thuộc loại đó. Nếu nhân nơi cây mà phát sanh thì được kể là loại lửa cây; nếu nhân nơi cỏ, phân hay củi mà phát sanh thì nó được kể là loại lửa cỏ, lửa phân, lửa củi. Như vậy, này Ma-nạp, thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kể là thuộc chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là thuộc chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư thì được kể là thuộc chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư. Đức Thế Tôn hỏi: Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu con gái Sát-lợi cùng con trai Phạm chí hiệp hội với nhau; họ do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giống cả hai. Ý ông nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Sát-lợi chăng? Là Phạm chí chăng? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: —Bạch Cù-đàm, con gái Sát-lợi cùng con trai Phạm chí hiệp hội với nhau; họ do sự hiệp hội ây mà sau đó sanh con, hoặc giông cha, hoặc giông mẹ? hoặc không giống cả hai. Con không nói đứa con đó là Sát-lợi, cũng không nói là Phạm chí. Bạch Cù-đàm, con chỉ nói đứa con đó là thân khác. - Này Ma-nạp, như vậy, thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kể là thuộc chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là thuộc chủng tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư thì được kể là thuộc chủng tộc Sát-lợi hay cư sĩ hay công sư. Đức Thế Tôn hỏi: Này Ma-nạp, nếu con gái Phạm chí cùng con trai Sát-lợi hiệp hội với nhau; họ do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc không giông cả hai. Y ông nghĩ sao? Đứa trẻ kia là Phạm chí chăng? Là Sát-lợi chăng? Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Bạch Cù-đàm, con gái Phạm chí cùng con trai Sát-lợi hiệp hội với nhau; họ do sự hiệp hội này mà sau đó sanh con, hoặc giống cha, hoặc giống mẹ, hoặc



không giống cả hai. Con không nói đứa con đó là Phạm chí, cũng không nói là Sát-lợi. Bạch ctbdàm, con chỉ nói đứa con đó là thân khác. Như vậy, này Ma-nạp, thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kê là thuộc chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là thuộc chủíiệ tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư thì được kê là thuộc chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư. Đức Thế Tôn hỏi: Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu một người có nhiều ngựa cái; người ấy thả một con lừa đực vào trong đám ngựa cái ây. Chúng cùng con lừa đực hiệp hội; do sự hiệp hội ấy mà sau đó sanh con ngựa câu. Ý ông nghĩ sao? Nó là lừa chăng? Là ngựa chăng? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na đáp: Bạch Cù-đàm? nếu ngựa và lừa hiệp hội với nhau; do sự hiệp hội này mà sau đó sanh ngựa câu. Con không nói nó là lừa, cũng không nói nó là ngựa. Bạch Cù-đàm? con chỉ nói nó là con la. - Như vậy, này Ma-nạp, thân này tùy thọ sanh vào đâu thì được kể là thuộc chủng tộc đó. Nếu sanh trong chủng tộc Phạm chí thì được kể là thuộc chủnệ tộc Phạm chí; nếu sanh trong chủng tộc Sát-lợi, cư sĩ hay công sư thì được kê là thuộc chủng tộc Sát-lợi cư sĩ hay công sư. Đức The Ton noi: -Này Ma-nạp, thuở xưa, có nhiêu vị tiên nhơn sông chung trên một chô cao của khu rừng vắng, họ sanh ra ác kiến như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thien.99 Khi ấy5 A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la nghe nhiều tiên nhơn sống chung trên một chỗ cao của khu rừng vắng đã

sanh ra ác kiến như thế này rồi, khoác áo cà-sa, quấn khăn cà-sa lên đầu, chống gậy, mang dù, mặc áo trắng, biến mất không theo cửa vào, đến tru xứ của tiên nhơn, đi kinh hành nơi tịnh thất. Rồi trên chỗ cao của khu rừng văng sông chung này, có một tiên nhơn thây A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la khoác áo cà-sa, quấn khăn cà-sa lên đầu, chống gậy, mang dù, mặc áo trắng, biến mất không theo cửa vào, đến trú xứ của tiên nhơn, đi kinh hành nơi tinh thất; thấy rồi bèn đến chỗ những tiên nhơn sống chung trên chỗ cao của khu rừng này và nói như thế này: "Này chư Hiền, nay có một người khoác áo càsa, quấn khăn cà-sa lên dầu, chống gậy, mang dù, mặc áo trắng, biến mất không theo cửa vào, đến trú xứ của tiên nhơn, đi kinh hành nơi tịnh thất. Chúng ta nên đến mà chú thuật nói rằng: 'Ngươi thành tro! Ngươi thành tro!'" Rồi số đông các tiên nhơn sống chung trên chỗ cao của khu rừng vắng bèn đến chỗ A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la, đến rồi dùng thần chú: "Ngươi thành



tro! Ngươi thành tro!" Các tiên nhơn ấy đúng như chú pháp mà chú: "Ngươi thành tro! Ngươi thành tro!" như vậy, như vậy rồi, nhưng vị ấy sắc mặt cànẹ thêm rạng rỡ, thân the càng xinh tươi. Chúng tiên nhơn kia liền nghĩ như the này: "Trước kia dùng thần chú: 'Ngươi thành tro! Ngươi thành tro!' mà chú đến người nào thì người ấy trở thành tro. Nay chúng ta chú nguôi này: 'Ngươi thành tro! Ngươi thành tro!' Chúng ta đúng như chú pháp ây mà chú người này, nhưng người này sắc mặt càng thêm rạng rỡ, thân thê càng xinh tươi, ta nên hỏi xem." Họ bèn hỏi: Ông là ai? A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la đáp: Này chư Hiên, các ông có nghe đên A-tư-la tiên nhơn Đê-bệ-la chăng? Chúng tôi có nghe đến A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la. Chính là ta đây. Các vị tiên nhơn kia liền cùng nhau xin lỗi A-tư-la tiên nhơn Đe-bệ-la rằng: Mong tha thứ cho! Chúng tôi không biết Tôn giả là A-tư-la tiên nhơn Đề- bệ-la. Khi ấy, A-tư-la tiên nhơn Đề-bệ-la nói với các vị tiên nhơn kia: Ta đã tha thứ rồi. Có thật các ông sinh ác kiến này: 'Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên9 không? Các tiên nhơn kia đáp: -Quả như vậy. A-tư-la lại hỏi các tiên nhơn: Các ông có biết rõ cha mình chăng? Các tiên nhơn kia đáp: Biết rõ. Vi Phạm chí ấy lấy vợ người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. Cha của vị ấy, cho đến bảy đời cha, những vi Phạm chí ấy đều lấy vợ người Phạm chí, không lấy người không phải Phạm chí. A-tư-la tiên nhơn lại hỏi các tiên nhơn ấy: Các ông có biết rõ mẹ mình chăng? Các tiên nhơn kia đáp: Biêt rõ. Vi Phạm chí ây lây chông người Phạm chí, không lây người không phải Phạm chí. Mẹ của vị ấy, cho đến bảy đời mẹ, những vị Phạm chí ấy đêu lây chông Phạm chí, không lây người không phải Phạm chí.



A-tư-la lại hỏi các tiên nhơn: Các ông có biết rõ sự thọ thai chăng? Các tiên nhơn kia đáp: —Biết rõ. Do ba sự hiệp hội mà thọ thai là sự hiệp hội của cha mẹ, thời gian người mẹ có thể thọ thai và hương ấm đã đến. Này A-tư-la, phải hội đủ ba sự này mà có sự nhập thai mẹ. A-tư-la lại hỏi các tiên nhơn: -Nhưng có thể biết sự thọ sanh này là trai

hay gái; biết nó từ đâu đến, từ chủng tộc Sát-lọd, từ Phạm chí, cư sĩ hay công sư đến chăng? Từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà đến chăng? Các tiên nhơn kia đáp răng: - Không biết! A-tư-la lại nói với các tiên nhơn kia: Này chư Hiền, các ông không thấy nó, không biết nó; các ông không biết ai thọ thai; nó từ đâu đến; nó là trai hay gái; nó từ Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đến; nó từ phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc đên; nhưng các ông lại nói như thê này: 'Dòng Phạm chí là hơn hét, ngoài ra không ai băng; dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đêu là da đen; Phạm chí được thanh tinh, không phải Phạm chí thì không được thanh tinh; Phạm chí là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên.'" Này Ma-nạp, các tiên nhơn cùng sông chung trên chô cao của khu rừng vắng kia bị A-tư-la tiên nhơn Đê-bệ-la khéo dạy, khéo quở trách nên không thê chủ trương Phạm chí là thanh tịnh, huống nữa là các thầy trò ông, những người mặc áo da, áo cỏ. Khi ây, Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na bị Thê Tôn chỉ trích ngay mặt, trong lòng sầu não, cúi đầu im lặng, không biện bạch được một lời. Đức Thế Tôn sau khi chỉ trích Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, Ngài lại muốn khuyên cho Ma-nạp được vui vẻ, bèn hỏi: Này Ma-nạp, có một Phạm chí trai tự, bố thí. Người này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi, hai đứa khônệ học hỏi. Ý Ma-nạp nghĩ sao? Người Phạm chí này sẽ dành cho ai trước tiên vê chô ngôi bậc nhát, nước tăm bậc nhát và thức ăn bậc nhất? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: -Bạch Cù-đàm, người Phạm chí ấy tất dành cho hai người con ham học hỏi của mình trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất. Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này Ma-nạp, lại có một Phạm chí trai tự, bố thí. Người này có bốn người con, hai đứa ham học hỏi nhưng không tinh tấn, thích làm việc ác; còn hai đứa



kia tuy không học hỏi, nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện. Ý Ma-nạp nghĩ sao? Người Phạm chí này sẽ dành cho ai trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, nước tắm bậc nhất và thức ăn bậc nhất? Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na thưa: Bạch Cù-đàm? người Phạm chí ấy tất dành cho hai người con tuy không học hỏi nhưng rất tinh tấn, thích làm việc thiện trước tiên về chỗ ngồi bậc nhất, r r nước tăm bậc nhát và thức ăn bậc nhát. Đức The Ton noi: Này Ma-nạp, trước kia ông khen ngợi sự học hỏi, sau đó ông khen ngợi sự trì giới. Này Ma-nạp, như vậy Ta nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị, ông cũng nói bốn chủng tánh thảy đều thanh tịnh với sự giảng giải hiển thị. Khi ấy, Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật. Bấy giờ, đại chúng ấy cùng cao giọng mà nói lên rằng: Sa-môn Cù-đàm thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại uy đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Bởi vì Sa-môn Cù-đàm nói: "Bốn chủng tánh thảy đều thanh tinh với sự giảng giải hiển thi.99 khiến cho Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cũng nói theo rằng: "Bốn chủng tánh thảy đều thanh tjnh." Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm đại chúng ấy, liền bảo: Như vậy đủ roi, này Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na, chỉ cân trong lòng thấy thỏa mãn là được. Hãy trở về ngồi lại chỗ cũ, Ta sẽ thuyết pháp cho ông. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bèn thuyết pháp cho ông ấy

nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài ngồi im lặng. Sau khi Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na được đức Phật thuyết pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ roi, liên từ chô ngôi đứng dậy, cúi đàu lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Bấy giờ, số đông các Phạm chí ở Câu-tát-la vừa mới thấy Ma-nạp A-nhiếp- hòa-la-diên-đa-na trở vê, liên dùng đủ thứ ngôn ngữ khiên trách răng: ỉ r r  Ong muôn làm gì? Muôn khuất phục Sa-môn Cù-đàm? nhưng ngược lại bi Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người đi vào rừng để tìm con mắt, nhưng ngược lại bị mất con mắt mà trở về. Ma-nạp A-nhiếp-hòa- la-diên-đa-na, ông cũng như vậy, muôn khuất phục Sa-môn Cù-đàm, nhưng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Cũng như một người vì



muôn uông nước nên xuông ao, nhưng ngược lại bi khát nước mà trở vê. Ma- nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na, ông cũng như vậy, muôn khuất phục Sa-môn Cù-đàm? nhtrng ngược lại bị Sa-môn Cù-đàm hàng phục mà trở về. Ma-nạp A-nhiếp-hòa-la-diên-đa-na, ông muốn làm gì? Bây giờ, Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na nói với sô đông Phạm chí ở Câu-tát-la:  Này chư Hiền, tôi đã nói trước roi, Sa-môn Cù-đàm đúng như pháp mà M , r  M , , , y • Ji 1 1 /x 9 e M

thuyêt pháp. Nêu ai thuyêt pháp đúng như pháp, người ây không thê bi cật vân. Đức Phật thuyêt như vậy, Ma-nạp A-nhiêp-hòa-la-diên-đa-na nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

152. KINH ANH vũ _  Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bây giờ, Ma-nạp Anh Vũ, con trai ông Đô-đê có một ít việc phải làm nên đến trọ tại nhà một nguôi cư sĩ trong thành Vương Xá. Tại dây, Ma-nạp Anh Vũ con trai ông Đô-đê nói với người cư sĩ mà mình ngủ trọ:  Có Sa-môn, Phạm chí nào, bậc Tông chủ, bậc Thây của mọi người, thống lãnh một số đông đồ chúng, rất được mọi người tôn kính, để tôi tùy thời đến thăm viếng, kính phụng, hoặc có thể do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ chăng? Cư sĩ đáp:  Có. Này Thiên ái, có Sa-môn Cù-đàm5 con dòng họ Thích, lìa bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo, chứng(juả Vô thượng Chánh đang giác. Này Thiên ái, ông có thể tùy thời đên thăm viêng, kính phụng, hoặc có thê do khi kính phụng đó mà được hoan hỷ. Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi làn nữa:  Sa-môn Cù-đàm hiện nay ở chỗ nào? Tôi muốn đến gặp. Cư sĩ đáp: -Sa-môn Cù-đàm hiện tại ở tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa, trong thành Vương Xá, ông có thể đến đó để gặp. Khi ấy, Ma-nạp Anh Vũ liền rời chỗ trọ nhà cư sĩ, thẳng đến Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Ma-nạp Anh Vũ từ xa trông thấy đức Thế Tôn ở giữa rừng cây, tướng mạo đoan chánh, đẹp đẽ khác thường, như ánh trăng giữa rừng sao sáng chói, lóng lánh như khối núi vàng, đầy đủ tướng tốt, vòi vọi oai nghi, các căn vang lặng, an định, không một mảy may ngăn ngại, hoàn toàn tự che ngự, lang tâm tĩnh mặc. Sau khi thấy như thế, Ma-nạp liền đến trước Phật và bạch: —Bạch Cù-đàm, con có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho con mới dám trình bày! Đức The Ton noi:  Này Ma-nạp, muôn hỏi, cứ tùy ý!

Ma-nạp Anh Vũ hỏi: -Bạch Cù-đàm, như con được nghe: "Nêu sông tại gia thì được hiên biêt toàn thiện, biêt đúng như pháp; người xuât gia học đạo thì không như vay." Con xin hỏi Cù-đàm, việc đó như thế nào? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ma-nạp, sự kiện đó không nhát định. Ma-nạp Anh Vũ thưa: -Bạch Cù-đàm5 mong Ngài phân biệt sự kiện này cho con được rõ! Đức Thê Ton noi: Này Ma-nạp, hãy lăng nghe, khéo suy nghi, Ta sẽ phân biệt đây đủ cho ông rõ! e A

Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lăng nghe. Đức Phật nói: Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào làm điều tà hạnh thì Ta không khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh thì kẻ ấy không được hiểu biết toàn thiện, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu những kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo làm điều tà hạnh thì Ta không khen ngợi kẻ ấy. Này Ma-nạp, nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo nào thực hành chánh hạnh thì Ta khen ngợi người đó. Vì sao vậy? Nếu có kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh thì kẻ ấy chắc chắn được hiểu biết toàn thiện, biết đúng như pháp. Do đó, này Ma-nạp, nếu kẻ tại gia hoặc xuất gia học đạo thực hành chánh hạnh thì Ta khen ngợi kẻ ấy. Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói vê hai pháp ây, phân biệt như vậy, hiên thị như vậy. Nhưng nếu có Sa-môn5 Phạm chí nào có khả năng thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều, vị ấy sẽ nói rằng: "Đây là chân thật, ngoài ra là hư vọng.,, Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm, như con được nghe: "Nếu ai sổng tại gia thì có lợi ích lớn, có công đức lớn; người xuất gia học đạo thì không như vay." Con xin hỏi Cù- dàm, sự kiện ấy như thế nào? Đức The Ton noi: Này Ma-nạp, sự kiện ây không nhát định. Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm5 mong Ngài phân biệt sự kiện đó cho con được rõ! Đức The Ton nói: -Này Ma-nạp, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho ông rõ!



Ma-nạp Anh Vũ vâng lời lắng nghe. Này Ma-nạp, nếu sống tại gia có tai họa lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại làm điều tà hạnh thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai họa lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, lại làm điều tà hạnh thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế. Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Ví như người buôn bán, ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại làm điều tà hạnh thì sẽ không được quả báo lớn, không được công đức lớn. Như vậy, này Manạp, người xuât gia học đạo cũng lại như thê. Này Ma-nạp, người sống tại gia có tai họa lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người làm ruộng có tai họa lớn, có đấu tranh lớn, có oán ghét lớn, nhưng lại thực hành chánh hạnh thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người sống tại gia cũng lại như thế. Này Ma-nạp, người xuất gia học đạo ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có oán ghét, nhưng lại thực hành chánh hạnh thì được quả báo lớn, được công đức lớn. Ví như người buôn bán ít có tai họa, ít có đấu tranh, ít có

oán ghét, nhimg lại thực hành chánh hạnh thì sẽ được quả báo lớn, được công đức lớn. Như vậy, này Ma-nạp, người xuất gia học đạo cũng lại như thế. Này Ma-nạp, Ta nói như vậy, nói về hai pháp ấy, phân biệt như vậy, hiển thị như vậy. Nhimg nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có khả năng thâm nhập kiên cố, chấp chặt theo một chiều thì vi ấy sẽ nói rằng: uĐây là chân thật, ngoài ra là hư vẹ)ng." Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm9 các Phạm chí ây chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện. Đức Thế Tôn nói: Nêu các Phạm chí chủ trương có năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện, vậy ông có thể ở giữa đại chúng mà trình bày lại chăng? Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm? đối với con không có sự kiện không thể. Vì sao vậy? Vì Cù-đàm hiện đang ngồi giữa đại chúng này. Đức The Ton noi: Vậy ông hãy trình bày! Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm5 mong Ngài khéo nghe cho!

852 * KINH TRUNG A-HÀM

Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương thứ nhất là pháp chơn đế có quả báo lớn, có công đức lớn? làm phước, được thiện; pháp thứ hai là tụng tập; pháp thứ ba là nhiệt thành; pháp thứ tư là khổ hạnh. Bạch Cù-đàm, Phạm chí chủ trương pháp thứ năm là Phạm hạnh có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện. Đức The Ton noi: Nếu các Phạm chí chủ trương năm pháp này có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện; vậy trong sô những Phạm chí ây, có Phạm chí nào nói như thế này: "T6i đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên két quả của chung?^ Ma-nạp Anh Vũ bạch với đức Thế Tôn: -Bạch Cù-đàm? không có! Đức Thế Tôn nói: Có vi Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đến bảy đời cha mẹ nói như thế này: "Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chihìg?" Ma-nạp Anh Vũ bạch đức Thế Tôn: Bạch Cù-đàm? không có! Bay giơ, The Ton hỏi: Này Ma-nạp, xưa kia, có những Phạm chí tuổi thọ hét, mạng chung, đã tụng trì kinh tho, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh: Một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là Bà-ma-đề-bà, bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-già- kiền-ni, sáu là ứng-nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra, tám là Ca-diếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đôi với kinh điên ây tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhưng họ có nói như thế này: "Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng Chang?95 Ma-nạp Anh Vũ bạch Đức Thế Tôn: -Không có! Nhưng các Phạm chí ấy do tin mà thọ trì. Đức The Ton nói: -Trong các Phạm chí, không có một Phạm chí nào nói như vày: "Tôi đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng." Và cũng không có vị Tôn sư hay Tổ sư nào, cho đên bảy đời cha mẹ nói như thê này: "T6i đôi với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chiing." Xưa kia, có những Phạm chí tuôi thọ hét, mạng chung, đã tụng trì kinh thơ, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh: Một là Dạ-tra, hai là Bà-ma, ba là

152. KINH ANH VŨ 853

Bà-ma-đề-bà? bốn là Tỳ-xa-mật-đa-la, năm là Dạ-bà-già-kiền-ni, sáu là ứng- nghi-la-bà, bảy là Bà-tư-tra5 tám là Cadiếp, chín là Bà-la-bà, mười là Bà-hòa. Nay các Phạm chí đối với kinh điển ấy, tụng tập, thọ trì, học hỏi, nhimg họ không nói như vầy: "T6i đối với năm pháp này, ngay trong đời hiện tại, sau khi đã tự tri, tự giác, tự tác chứng, tôi nói lên kết quả của chúng.Thế thì này Ma- nạp, các Phạm chí ấy há không vì sự kiện này mà trong sự tin tưởng có thiếu căn bản chăng? Ma-nạp Anh Vũ bạch: Bạch Cù-đàm, thật sự không căn bản, nhimg các Phạm chí nghe rồi thọ trì. Đức The Ton noi: Ví như một đám người mù dắt nhau, người trước không thấy người ở sau, cũng không thấy người ở giữa; người giữa không thấy người ở trước, cũng không thấy người ở sau; người ở sau không thấy người ở giữa, cũng không thấy người ở trước. Này Ma-nạp, Ta nói các Phạm chí cũng như vậy. Này Ma-nạp, trước ông là do tin, sau đó ông nói là do nghe. Ma-nạp Anh Vũ liền tức giận đức Thế Tôn, hằn học, không vui, phỉ báng The Ton, chỉ trích The Ton, mạ lỵ The Ton va nghĩ rang: Cân phai phỉ bang Cù-đàm, cần phải chỉ trích Cù-đàm, cần phải hạ nhục Cù-đàm,\ liền nói với đức The Ton: r Này CCbdàm, có một Phạm chí tên là Phât-ca-sa-sa-la9 thuộc chủng tánh Trực Thanh Tinh Hóa, nói như thế này:Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào đối với pháp thượng nhân mà cho rằng: 'Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc'; sau khi nghe như vậy, ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp, làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp của thượng nhân? Nếu ai đối với pháp thượng nhân mà nói rằng: 'Tôi biêt, tôi thấythì sự kiện ấy là không hợp ly." Khi ấy, đức Thế Tôn liền nghĩ như thế này: "Manạp Anh Vũ, con ông Đô-đề phẫn nộ đối với Ta, hằn học, không vui, phỉ báng Ta, chỉ trích Ta, mạ lỵ Ta, nghĩ rằng: Thải phỉ báng Cù-đàm, phải chỉ trích Cù-đàm, phải hạ nhục Cù-đàm\ liền nói với Ta rằng: 'Này Cù-đàm? có Phạm chí tên là Phất-ca-sa-sa- la, thuộc chủng tánh Trực Thanh Tinh Hóa, nói như thế này: Nếu có Sa-môn9 Phạm chí nào đối với pháp thượng nhân mà cho rằng: 'Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc'; sau khi nghe như vậy ta bèn cả cười, không the chấp nhận được, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là chứng được pháp của Thượng nhân? Nếu ai đối với pháp thượng nhân mà nói rằng: 'Tôi biết, tôi thấy9 thì sự kiện ấy là không hợp ly.'" r rpi Á rri 1 • ÁJ ji Ẩ r • Đức The Ton biêt the nen noi: r Này Ma-nạp, có phải Phạm chí tên là Phât-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trực Thanh Tịnh Hóa, ông ấy biết điều m(mg nghĩ trong tâm của hết thảy Sa- mon, Phạm chí roi mới nói như the này: "Nếu có Sa-mon9 Phạm chí nào đoi với



pháp thượng nhân mà cho rằng: 'Có biết, có thấy, tôi hiện chứng đắc'; sau khi nghe như vậy, ta bèn cả cười, không thể chấp nhận được, đó là sự láo khoét, không chân thật, không đúng như pháp. Làm sao con người sanh trong loài người mà tự nói là được pháp của Thượng nhân? Nếu ai đôi với pháp của Thượng nhân mà nói rằng: 'Tôi biết, tôi thấy' thì sự kiện ấy không hợp lý chng?" Ma-nạp Anh Vũ đáp: -Bạch Cù-đàm, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trực Thanh Tịnh Hóa có một nữ tỳ tên là Bất-ni, nhưng đối với tâm niệm của nữ tỳ này, ông còn không thể biết, huống nữa là biết tâm tư của tất cả Sa-môn, Phạm chí. Nếu cho rằng ông ấy biết thì sự kiện này không thể có.

Đức The Ton noi: -Ví như người sanh ra đã mù, người ấy nói như thế này: "Không có màu đen, màu trắng; cũng không thấy màu đen, màu trắng. Không có sắc tốt, sắc xấu; cũng không thấy sắc tốt, sắc xấu. Không có sắc ngắn, sắc dài; cũng không CÓ người thây sác ngăn, sác dài. Không có sác gân, sác xa; cũng không có người thấy sắc gần, sắc xa. Không có sắc thô, sắc tế; cũng không có người thấy sắc thô, sác tê. Vì ta không bao giờ thây, không bao giờ biêt, cho nên nói không có màu sắc." Người mù bẩm sinh kia nói như vậy là đúng sự thật chăng? Ma-nạp Anh Vũ bạch đức Thế Tôn: Bạch Cíi-dàm, không phải vậy. Vì sao vậy? Vì có màu đen, màu trắng; cũng có người thấy màu đen, màu trắng. Có sắc tốt, sắc xấu; cũng có người thấy sác tót, săc xâu. Có săc ngăn, sác dài; cũng có người thây sác ngăn, sác dài. Có săc gân, săc xa; cũng có người thây sác gân, săc xa. Có săc thô, săc tê; cũng có người thấy sắc thô, sắc tế. Nếu Ĩ16Ì: "T6i không hề thấy, không hề biết, cho nên nói không có màu sắc" thì người mù bẩm sinh nói như vậy là không đúng sự thật. Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trực Thanh Tịnh Hóa, lời nói của ông ấy có khác gì hạng người mù bẩm sinh, không có mắt kia chăng? Ma-nạp Anh Vũ bạch đức Thế Tôn: Bạch Cù-đàm, quả thật như hạng người mù vậy! Đức Thế Tôn nói: -Này Manạp, ý ông nghĩ sao? Nếu xưa kia có những Phạm chí tuổi thọ hết, mạng chung, đã tụng trì kinh thơ, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập điển kinh, mà Phạm chí Thương-già? Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và Đô-đê, thân phụ ông; thì đôi với những điêu được nói trong các kinh điên ấy, được chấp nhận hay không chấp nhận? Chân thật hay không chân thật? Có cao, có thấp chăng?

152. KINH ANH VŨ 855

Ma-nạp Anh Vũ bạch đức Thế Tôn: Nêu xưa kia có những Phạm chí tuồi thọ đã hét, mạng chung, đã tụng trì kinh tho, đã truyền bá kinh thơ, đã tụng tập kinh điển, mà Phạm chí Thương- già, Phạm chí Sanh Văn, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la và Đô-đề, thân phụ con, đối với những điều được nói ấy; thì theo ý con, họ mong được chấp nhận, không mong không được chấp nhận; mong là chân thật, không mong không phải là chân thật; mong là cao thượng, không mong là sự thấp hèn. Bây giờ, đức The Ton hỏi: Này Ma-nạp, Phạm chí Phất-ca-sa-sa-la, thuộc chủng tánh Trực Thanh Tịnh Hóa, điêu mà ông ây nói, há không phải là không được châp nhận, không có sự được chấp nhận? Là không chân thật, không có sự chân thật? Há không phải là rất thấp hèn, không có cái gì cao? Ma-nạp Anh Vũ thưa đức Thế Tôn: Thật vậy, bạch Cù-đàm! Lại nữa, này Ma-nạp, có năm pháp gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mù, khôngỉ * trí tuệ, gây ra sự nhọc nhăn có9 rmat, có thê diệt mát Z vô ích, không có chứng đác Niêt-bàn. Những gì là năm? Này Ma-nạp, pháp thứ nhát là dục, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho mil, không có mắt, có thể diệt mất trí tuệ, gây ra sự nhọc nhăn vô ích, không có chứng đác Niêt-bàn. Này Ma-nạp, sân nhuê, thân kiến, giới thủ và thứ năm là nghi, gây chướng ngại, gây che lấp, làm cho , 9 r \ mù? khôngr có rmat, có thê diệt mát trí tuệ, gây ra sự nhọc nhăn vô ích, không có chứng đác Niêt-bàn. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Ai bi năm pháp này làm chướng ngại, che lấp, quấn chặt, người ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của mình, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ây không thê có. Này Ma-nạp, Phạm

chí Phât-ca-sa-sa-la, chủng tánh Trực Thanh Tịnh Hóa, bi nhiễm bởi dục, bị ô uế bởi dục, nhiễm dục, xúc dục, say đắm nơi dục vào trong dục mà không thây tai họa, không biêt sự xuât yêu và sông theo dục; vi ấy bi năm pháp này chướng ngại, che lấp, quấn chặt, vị ấy nếu muốn quán sát ý nghĩa lợi ích của minh, ý nghĩa lợi ích của người khác, ý nghĩa lợi ích của cả hai và biết tất cả Sa-môn, Phạm chí nghĩ gì trong tâm; sự kiện ấy không thể có. Lại nữa, này Ma-nạp, có đặc tính của năm dục, khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc; sắc đó khả ái, tương ưng với dục, rất đáng được ái lạc. Những gì là năm? Là sắc được thấy bởi mắt, tiếng được nghe bởi tai, hương được ngửi bởi mũi, . r . ... 1 vị được nêm bởi lưỡi, xúc được biêt bởi thân. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Chúng sanh do đặc tính của năm dục này cho nên phát sanh lạc, phát sanh hỷ, chẳng còn có điều gì ở ngoài đây chăng?



Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn: Quả như vậy, bạch Cù-đàm! Thê Ton hoi: Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Lửa do cỏ, cây được đốt cháy và lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; thứ lửa nào có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng? Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm? lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy, sự kiện này không thể có. Chỉ có thể có do sức mạnh của như ý túc, bạch Cù-đàm? lửa không do Cỏ, cây mà được đót cháy; lửa ây có ngọn sáng tôi thượng, tôi diệu, tôi thăng. _ rrr | _ / • _ Á rri Đức Thê Tôn noi: -Quả như vậy, quả như vậy! Nếu lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy, sự kiện này không thể có. Chỉ có do sức mạnh của như ý túc, lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; thứ lửa ấy có ngọn sáng tối thượng, tối diệu, tối thắng. Này Ma-nạp, ở đây Ta giả thiêt răng, cũng như thứ lửa do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự phát sanh hỷ lạc của chúng sanh cũng vậy, là do dục, do pháp ác, bất thiện nên không chứng đắc xả lạc và tịch tĩnh. Này Ma-nạp9 cũng như thứ lửa không do cỏ, cây mà được đốt cháy; sự phát sanh xả lạc của chúng sanh cũng vậy, là do ly dục, từ các pháp thiện mà chứng đắc xả lạc và tịch tĩnh. Đức Thế Tôn lại nói: Này Manạp, ở đây, một Phạm chí lễ trai tự, hành bố thí, nhưng có một đồng tử Sát-lợi từ phương Đông đến nói như vầy: "Tôi ở tại đó được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất, ăn uống bậc nhất"; vị ấy vì ở đó không được chỗ ngồi bậc nhất, nước rửa bậc nhất bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Nam có đồng tử Phạm chí đến, nói như vầy: "T6i ở chỗ đó được thức ăn tịnh diêu"; vị ấy vì ở đó không được thức ăn tinh diệu bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Tây có đồng tử cư sĩ đến nói như vầy: “T6i ở chỗ đó có được thức ăn dồi dào"; vi ấy vì ở đó không được thức ăn dồi dào bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Hoặc từ phương Bắc có đồng tử công sư đến nói như vầy: "Tôi ở đó được thức ăn no diỉ”; vị ấy vì ở đó không được thức ăn no đủ bèn sanh oán hận, ôm lòng ganh ghét. Này Ma-nạp, các vị Phạm chí thực hành sự bố thí như vậy, sẽ giả thiêt những báo ứng nào? Ma-nạp Anh Vũ thưa: Bạch Cù-đàm, Phạm chí không thực hành bố thí với tâm như vậy, khiến người khác oán hận, ôm lòng ganh ghét. Cù-đàm nên biết, Phạm chí hành sự bố thí vì do tâm thương xót, do tâm thương xót mà hành sự bố thí thì được đại phước. Đức Thế Tôn nói: Này Ma-nạp, các Phạm chí há không phải chủ trương pháp thứ sáu có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện chăng?

Ma-nạp Anh Vũ đáp: Quả như vậy, bạch Cù-đàm! Đức Thế Tôn hỏi: Này Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện thì ông thấy pháp ấy phần nhiều ở tại đâu? Tại gia chăng? Xuất gia học đạo chăng? Ma-nạp Anh Vũ đáp: - Bạch Cù-đàm, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện thì con thấy pháp ấy phần nhiều ở sự xuất gia học dạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm, có nhiều kết hận, có nhiều ganh ghét đấu tranh, không có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật. Bạch Cù-đàm9 người xuất gia học đạo ít công việc, ít bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét nên có thể thành tựu sự thủ hộ, sự thành thật. Bạch Cù-đàm5 sự thành thật ấy con thấy phần nhiều ở xuất gia học đạo, chứ không phải ở tại gia. Vì sao? Vì tại gia có nhiêu công việc, nhiêu bôn phận phải làm, có nhiêu két hận, có nhiêu ganh ghét, đâu tranh, không được hành sự bô thí, không được tụng tập, không được hành khổ hạnh, không được sống Phạm hạnh. Bạch Cù-đàm, người xuất gia học đạo ít có công việc, ít có bổn phận phải làm, ít có kết hận, ít có ganh ghét, vị ấy có thể hành sự bố thí, có thể tụng tập, có thê hành khô hạnh, có thê sông Phạm hạnh. Bạch Cíbdàm, người sống Phạm hạnh, con thấy pháp này phần nhiều ở xuất gia học đạo chứ không phải ở tại gia. Đức The Ton noi: Này Ma-nạp, nếu có Phạm chí chủ trương năm pháp có quả báo lớn, có công đức lớn, tạo phước, được thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nấu tâm không kết, không oán, không nhuế, không tránh là do tu tập những pháp ấy. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo thủ hộ thành thật thì vị ấy do thủ hộ thành thật cho nên được hỷ, được hoan duyệt. Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện đó từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nêu tâm không kết, không oán, không nhuế, không tránh là do tu tập những pháp ấy. Như vậy, vị ấy được hành sự bo thí, được song Phạm hạnh. Vi ấy do sống Phạm hạnh cho nên được hỷ, được duyệt. Này Ma-nạp, nếu có hỷ và duyệt tương ưng với thiện, Ta nói sự kiện ấy từ tâm mà khởi. Thế nào gọi là từ tâm mà khởi? Nếu tâm không kết, không oán, không nhuê, không tránh, tâm ây đi đôi với từ, biên mãn một phương, thành tựu an trú; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô



lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rát lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an tru. Này Ma-nạp, cũng như những người khéo thổi tù và; nếu có phương nào chưa nghe được, người ấy vào lúc nửa đêm, leo lên núi cao, đem hết sức thổi tù và, phát ra âm thanh vi diệu, biến mãn cả bốn phương; cũng vậy, Tỳ-kheo tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an tru; cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên dưới, bao trùm tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú; cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm đi đôi với

xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an tru. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? ở đây, có người cầu làm trời. Vì để sanh lên trời nên người ây thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng: "Mong ta làm vi trời này hay vi trời khác." Lại có người cầu làm trời. Vì để sanh lên trời nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trú, và nghĩ rằng: "Mong ta làm vị trời này hay vị trời khác.99 Ông xem các người đó, ai làm được vị trời này hay vị trời khác? Ma-nạp Anh Vũ đáp:  Bạch Cù-đàm? nêu có người câu làm trời. Vì đê sanh lên trời nên không kết, không oán, không nhuế, không trânh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trú; con xem người ấy chắc

chắn được làm vị trời này hay vị trời khác. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Nếu có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên nên thực hành tâm tương ưng với tham lam, và nghĩ rằng: "Mong ta làm vị Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khác.^ ở đây, lại có người cầu Phạm thiên. Vì để sanh lên Phạm thiên nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết, biến mãn, thành tựu an trú, và nghĩ rằng: “Mong ta làm vi Phạm thiên này hay vị Phạm thiên khac." Ông xem các người đó, ai làm được Phạm thiên này hay Phạm thiên khác? Ma-nạp Anh Vũ đáp: —Bạch Cù-đàm, nêu người này cau Phạm thiên. Vì đê sanh lên Phạm thiên nên không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, tâm định, ý xác quyết; con thấy rằng, người này chắc chắn được làm vị Phạm thiên này hay Phạm thiên khác. Ma-nạp Anh Vũ lại hỏi: Cù-đàm biết con đường dẫn đến Phạm thiên chăng?

152. KINH ANH VŨ  859

T"X _ _ Á FT* A r • Đức The Ton noi:  Này Ma-nạp, nay Ta hỏi ông, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Thôn Na-la-ca-la cách hội chúng này không xa chăng? Ma-nạp Anh Vũ đáp:  Không xa! Thê Ton nói:  Này Ma-nạp, ý ông nghĩ sao? Ông nói với một người trong hội chúng này rằng: "Ông hãy đến thôn Na-la-ca-la kia, đến đó rồi trở về" Người ấy vâng lời ông nhanh chóng đi đen thôn Na-la-ca-la, đen đó roi trở ve. Sau khi người ấy đi và về rồi, ông hỏi đường di, hỏi sự việc đi và về, ra và vào nơi thôn Na-la-ca-la? người ấy há lại đứng im, không thể trả lời chăng? Ma-nạp Anh Vũ trả lời đức Thế Tôn:  Không vậy, bạch Cù-đàm! Đức The Tôn noi:  Này Ma-nạp, người ấy đi và về nơi thôn Na-la-ca-la, khi được hỏi về đường đi, có thê đứng im, không biêt trả lời. Nhưng nêu hỏi Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác về con đường dẫn đến Phạm thiên thì hoàn toàn không có sự kiện tạm thời im lặng, không biết trả lời. Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn: —Sa-môn Cù-đàm không đính trước nơi sự tế tự chư thiên, sự kiện ấy đã trọn đủ. Bởi vì, khi được hỏi về con đường dẫn đến Phạm thiên thì Ngài có thể trả lời nhanh chóng. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Nay con xin tư quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc? bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Ma-nạp Anh Vũ sau khi nghe

Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, trú ở tịnh thất đệ nhất của Bà-la-bà trên một thảm cỏ. Bây giờ, vào lúc sáng sớm, đức Thê Tôn mang y, câm bát vào Kiêm-ma-săt- đàm, thứ tự khất thực. Sau buổi cơm trưa, thu dọn y bát, Ngài rửa tay chân, vắt tọa cụ lên vai đi đến chỗ nghỉ ban ngày tại một khu rừng. Khi đã vào rừng, đức Thế Tôn đến dưới một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Lúc ấy, vào buổi xế trưa, di đạo Man-nhàn-đề thong dong tản bộ đến đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà. Từ xa, dị đạo Man-nhàn-đề thấy trên sàn rải cỏ ở tịnh thát ây có dâu năm một bên hông, như chô năm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh. Trông thấy vậy, di đạo Man-nhàn-đề hỏi Bà-la-bà: Trong đệ nhất tinh thất ấy, sàn cỏ có dấu nằm một bên hông này của ai mà giống như chỗ nam của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh như the? Phạm chí Bà-la-bà đáp: -Này Man-nhàn-đề, có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không , __ 9 . 9 gia Ị. đình, xuất gia học ĩ đạo, đác quả Vô thượng Chánh đăng giác, ơ trong tịnh thát đó, sàn cỏ có dâu năm một bên hông đó, như chô năm của sư tử, của Sa-môn, của bậc Phạm hạnh chính là của Sa-môn Cù-đàm. Di đạo Man-nhàn-đề nói: —Này Bà-la-bà, nay ta phải thấy cảnh không đáng thấy, phải nghe điều r y không đáng nghe, nghĩa là thây chô năm của Sa-môn Cù-đàm. Vì sao? Vì Sa- môn Cù-đàm ấy là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng. Bà-la-bà nói: -Này Man-nhàn-đề, ông không nên đem điều đó mà phỉ báng Sa-môn Cù- đàm. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm có nhiều trí tuệ, như Sát-lợi trí tuệ, Phạm chí trí tuệ, cư sĩ trí tuệ, Sa-môn trí tuệ. Ai giảng thuyết về trí tuệ thảy đều đắc Thánh trí. Này Man-nhà-đề, tôi muốn đem ý nghĩa đó mà nói với Sa-môn Cù-đàm có được chăng?



Man-nhàn-đề đáp: Này Bà-la-bà, tùy ý ông. Tôi thấy không có gì trở ngại. Này Bà-la-bà9 nếu gặp Sa-môn Cù-đàm, tôi cũng nói như thế. Vì sao? Vì Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dụng. Bấy giờ, đức Thế Tôn ở chỗ nghỉ ban ngày với thiên nhĩ thanh tịnh, vượt hẳn người thường, nghe Phạm chí Bà-la-bà cùng dị đạo Man-nhàn-đề đang bàn luận chuyện ấy. Nghe xong, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, đi đến đệ nhất tịnh thất của Bà-la-bà, trải tọa cụ lên thảm cỏ, rồi ngồi kiết-già. Phạm chí Bà-la-bà từ xa trông thấy Thế Tôn ở rừng cây, trang nghiêm, đẹp đẽ, như vầng trăng giữa vòm trời sao, chói lọi rạng ngời, tỏa chiếu như núi vàng, đầy đủ tướng tốt, oai thần nguy nguy, các căn vắng lặng, không bi chướng ngại, thành tựu điêu ngự, nội tâm tĩnh chí, tịch mặc. Sau khi trông thây, Phạm chí ấy đi đến chỗ Thế Tôn, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-la-bà, ông đã cùng với Man-nhàn-đề bàn luận về chỗ thảm cỏ này phải chăng? Phạm chí Bà-la-bà đáp: Đúng như vậy, bạch Cù-đàm. Con cũng định đem chuyện đó thưa với Cù- đàm, nhưng chưa nói kịp mà Cù-đàm đã biết. Vì sao? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn và Phạm chí Bà-la-bà cùng nhau thảo luận về vấn đề này. Sau đó, dị đạo Man-nhàn-đề tản bộ đến đệ nhất tịnh thất ấy. Từ xa, đức Thế Tôn trông thấy dị đạo Man-nhàn-đề đến, liền bảo: Này Man-nhàn-đề, không chế ngự nhãn căn,

không thủ hộ kín đáo, không tu thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với nhãn căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo * thủ hộ kín đáo, khéo tu nên chác chăn được lạc báo. Này Man-nhàn-đê, có phải VÌ nhân ây mà ông bảo răng: uSa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dung?" Man-nhàn-đề trả lời: Đúng như vậy, Cù-đàm! Này Man-nhàn-đề, cũng vậy, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý căn; nếu không chế ngự ý căn, không thủ hộ kín đáo, không khéo tu thì chắc chắn thọ khổ báo. Đối với ý căn ấy, Cù-đàm khéo chế ngự, khéo thủ hộ kín đáo, khéo tu nên chắc chắn được lạc báo. Này Man-nhàn-đề, có phải vì nhân đó mà ông bảo rằng: "Sa-môn Cù-đàm là kẻ phá hoại. Kẻ phá hoại là kẻ vô dung?95 y Man-nhàn-đê đáp: -Đúng như vậy, Cù-đàm!

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ 863

Đức Thế Tôn hỏi: Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, với con mắt, vị ấy biết sắc khả ái, khả niệm, khả ý? khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, vị ây xả bỏ sác được biêt bởi mat, cạo bỏ râu tóc, mặc áo c-sa, chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy thấy, biêt đúng như thật vê sự tập khởi của săc được biêt bởi măt, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của sắc ấy, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly sác dục, bị sác ái nhai nuôi, bị sác nhiệt thiêu đót, đôi với sắc, được biết bởi mắt mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục. Sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy không thỏa mãn, không ham thích. Này Man-nhàn-đề5 Ông nghĩ thê nào? Nêu có lạc thú do săc, do ái này thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn, cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn, cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng? Dạ không, thưa Cù-đàm! -Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người khi chưa xuất gia cũng vậy, đôi với tiêng được biêt bởi tai, hương được biêt bởi mũi, vị được biêt bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân; khả ái, khả niệm, khả ý, khả lạc tương ung với dục. Một thời gian sau, vị ây xả bỏ xúc được biêt bởi thân, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy biết và thấy như thật về sự tập khởi của xúc, sự đoạn diệt, vị ngọt, tai họa, sự xuất yếu của XÚC, an trú nơi nội tâm tịch tĩnh. Vị ây thây những người chưa ly xúc, dục, bi xúc ái nhai nuốt, bị xúc nhiệt thiêu đót, đôi với xúc được biêt bởi thân mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục. Sau khi an tru mà thấy như vậy, vi ấy không : y k ĩ thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào, nêu có lạc thú do ái, do xúc này thì khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa măn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với người này, ông có nói gì chăng? -Dạ không, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn bảo: Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào? Người khi chưa xuất gia học đạo, thấy đặc tính năm dục, khả ái, khả niệm, khả ý9 khả lạc tương ưng với dục. Một thời gian sau, người ấy xả bỏ đặc tính năm dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo; vị ấy thấy như thật ve sự tập khởi của đặc tính năm dục, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa, sự xuất yếu của đặc tính năm dục, an tru với nội tâm tịch tĩnh. Vị ấy thấy những người chưa ly dục, bi dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục. Sau khi an trú mà thấy như vậy, vị ấy y 2 không thỏa mãn, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào?

Nếu CÓ lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề? đối với người này, ông có nói gì chăng? Dạ không, thưa Cù-đàm! -Này Man-nhàn-đề, Ta khi chưa xuất gia học đạo, hưởng thụ đặc tính năm dục dễ dàng, không khó, khả ái, khả niệm, khả ý9 khả lạc tương ưng với dục. Sau khi Ta xả bỏ đặc tính năm dục, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Ta thấy như thật về sự tập khởi của đặc tính năm dục, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa và sự xuất yếu của đặc tính năm dục, an tru với nội tâm tịch tĩnh. Ta thay những người chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục mà có ái, niệm, ý, lạc tương ưng với dục. Sau khi Ta an trú mà thây như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đê, ông nghĩ thê nào? Nêu có lạc thú do dục, do dục ái này, khi hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, đối với Ta, ông có nói gì chăng? Dạ không, thưa Cù-đàm! Đức Thế Tôn bảo: Này Man-nhàn-đề, cũng như cư sĩ, hay con của cư sĩ, rất giàu, của cải vô lượng, nuôi nhiều súc vật, phòng hộ, thực ấp, đày đủ các thứ cần cho sự sống. Người ấy hưởng đặc tính năm dục dễ dàng không khó, lại thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành; lúc chết, không thích xả bỏ đặc tính năm dục; sau khi thân hoại mạng chung, đi đến chỗ thiện, sanh lên cõi trời, hưởng đầy đủ đặc tính năm dục. Này Man-nhàn-đề, Thiên vương hoặc thiên tử ấy có thể xả bỏ đặc tính năm dục, ở cõi trời mà hoan hỷ hướng đến dục lạc ở nhân gian chăng? Man-nhàn-đề đáp: Dạ không, thưa Cù -đàm. Vì sao? Vì dục lạc ở nhân gian vốn xú uế, bất tịnh, rất đáng ghê tởm, không thể tưởng tới, vốn não hại, cực khổ. Thưa Cù- đàm, so với dục lạc ở thế gian, dục lạc ở cõi trời là tối diệu, tối thắng. Thiên vương hay thiên tử xả bỏ đặc tính năm dục ở cõi trời mà hoan hỷ tưởng đến dục lạc ở thê gian; điêu đó không thê xảy ra được. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề? Ta đoạn tuyệt dục lạc nhân gian, vượt khỏi dục lạc cõi trời, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa? chí tín, lìa bỏ gia đình, song không gia đình, xuất gia học đạo; thấy như thật về sự tập khởi của đặc tính năm dục ây, sự đoạn diệt, vi ngọt, tai họa, cung sự xuất yêu của chúng, an trú với nội tâm tịch tĩnh. Ta thấy những người chưa ly dục, bi dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, đối với đặc tính năm dục mà có ái, niệm, y, lạc tương ưng với dục. Sau khi an trú, thấy như vậy, Ta không thỏa mãn chúng, không ham thích chúng. Này Man-nhàn-đề, ý ông nghĩ sao? Nếu có lạc thú do dục, do dục ái này,



khi sự hoan lạc trong lạc thú này, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không thỏa mãn chúng, vì chúng thấp hèn cho nên Ta không ham thích chúng. Này Man-nhàn- dề, đối với Ta, ông có nói gì chăng? -Dạ không, thưa Cù-đàm! -Này Man-nhàn-đề, cũng như người bị bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét. Người ấy gãi, cào rách các mụt ghẻ, hơ lên bếp lửa. Này Man-nhàn- đề, ông nghĩ thế nào? Nếu người bị cùi thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi các mụt, cào rách, rồi hơ lên bếp lửa, như vậy liệu

trừ bệnh có kết quả, không làm hại các căn, không thoát khỏi cùi hủi, thân thể khỏe mạnh, hoàn toàn bình phục như cũ được chăng? Man-nhàn-đề đáp: Dạ không, thưa Cu-đàm! Vì sao? Vì người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề9 cũng như người mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét mà lấy tay gãi, cào rách các mụt rồi hơ trên bếp lửa, như vậy chỉ làm cho các mụt lở lói hơn trước mà thôi, nhưng bệnh nhân thì lại lấy ghẻ cùi làm sự thích thú. Này Man-nhàn-đề, cũng như thế, chúng sanh chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt đốt cháy, mà cứ chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề? chúng sanh ấy vì chưa ly dục, bị nhục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt đốt cháy mà cứ chạy theo dục thì nhiệt chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho ái thêm bành trướng thêm mà thôi; nhimg chúng sanh ấy thì lại lấy dục ái làm sự hoan lạc. Nếu chúng sanh ấy lại lấy dục làm sự khoái lạc. Nếu chúng sanh đó không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an tru, sẽ an trú hay đang an trú với nội tâm tịch tĩnh thì điều đó không thể xảy ra. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái, mà là chạy theo dục. Này Man-nhàn-đề5 cũng như vua và đại thần hưởng năm dục dễ dàng, chứ không khó. Nếu các vị ấy không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an tru, sẽ an tru hay đang an trú với nội tâm tịch tĩnh thì điều đó không thể được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý để đoạn dục, để ly dục ái mà là chạy theo dục. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, chúng sanh chưa ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bị dục nhiệt thiêu đốt, mà chạy theo dục, thì này Man-nhàn-đề, chúng sanh ấy chỉ làm cho dục tăng trưởng, làm cho dục ái bành trướng thêm mà thôi; nhưng chúng sanh không đoạn dục, không ly dục ái mà đã an trú, đang an trú và sẽ an trú với nội tâm tịch tĩnh thì điều đó không thể xảy ra được. Vì sao? Vì đó không phải là đạo lý đe đoạn dục, đe ly dục ái mà là chạy theo dục. Này Man-nhàn-đê, cũng như người mác bệnh cùi thân thê lở lói, bị trùng đục khoét, lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa; có người xót thương, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc nên cho một thứ thuốc hay nào đó. Khi được cho thứ thuốc hay nào đó, trị bệnh có hiệu quả, không làm



hư hoại các căn, người bệnh khỏi được bệnh cùi, thân thể tráng kiện, bình phục như cũ. Sau khi lành bệnh, nếu thấy ai mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bị trùng đục khoét, lây tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bép lửa, người ây hoan hỷ khen ngợi chăng? Man-nhàn-đề đáp: - Dạ không, thưa Cù-đàm! Vì sao? Vì có bệnh mới cần thuốc, chứ không bệnh thì không cần. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào? Người mắc bệnh cùi ấy chữa bệnh có kết quả, không hư hoại các căn, thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ. Có hai người lực sĩ bắt người ấy hơ trên bếp lửa, người ấy hoảng hốt né tránh vì cảm thấy quá nóng. Này Man-nhàn-đề, ông nghĩ thế nào, bếp lửa bây giờ lại nóng, khiến cho rất khổ, nguy hiểm hơn trước nhiều lắm chăng? Dạ không, thưa Cù-đàm! Trước kia, còn mắc bệnh cùi, thân thể lở lói, bi trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ lên bếp lửa. Đối với sự khổ bức nóng của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy hoan lạc; ấy là do tâm mê loạn mà có ý tưởng điên đảo. Thưa Cù-đàm, trái lại, bây giờ trị bệnh có kết quả, không hư hoại các căn,

thoát khỏi bệnh cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ, người ấy đối với sự khổ bức của lửa lại cảm thấy khổ sở; như vậy là do tâm sáng suốt, không có ý tưởng điên đảo. Này Man-nhàn-đê? người măc bệnh cùi, thân thê lở lói, bị trùng đục khoét, bệnh nhân lấy tay gãi, cào rách các mụt, hơ trên bếp lửa; đối với sự khổ bức của lửa, bệnh nhân lại cảm thấy khoan khoái; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, Man-nhàn-đề, chúng sanh không ly dục, bị dục ái nhai nuốt, bi dục nhiệt đốt cháy mà chạy theo dục; những kẻ ấy đoi với kho dục lại có ý tưởng dục lạc; ấy là do tâm mê loạn, có ý tưởng điên đảo. Này Man-nhàn-đê, người trị bệnh đã có két quả, không hư hoại các căn, đã khỏi bệnh ghẻ cùi, thân thể khỏe mạnh hoàn toàn, bình phục như cũ; người ấy đối với sự khổ bức của lửa thì cảm thấy đau khổ; ấy là do tâm yên ổn, không có ý tưởng điên đảo. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta đối với khổ dục thì có ý tưởng vê khổ dục đúng như thật, không có ý tưởng điên đảo. Vì sao? Này Man-nhan-đề? vì dục quá khứ là bất tinh, xấu xa, rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, gây đau khổ; dục vị lai và hiện tại cũng bất tịnh, xấu xa, rất đáng ghê tởm, không thể hướng đến, não hại, cảm thọ khổ. Cho nên, này Man- nhàn>đề5 Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói rằng: "Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng.,, Dị đạo Man-nhàn-đề thưa: Thưa Cù-đàm, tôi cũng từng nghe các bậc cựu Tôn đức Trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: "Không bệnh là thiện lợi bậc nhất, Niết-bàn ỉa an lạc tối thượng.,,

153. KINH MAN-NHÀN-ĐÈ 867

Đức Thế Tôn hỏi: Nếu ông đã từng nghe các bậc kỳ cựu Tôn đức Trưởng lão học Phạm hạnh đã lâu nói rằng: uKhôn^ bệnh là thiện lợi nhất, Niết-bàn là sự an lạc tối thượng59; thì Man-nhàn-đề, thế nào là không bệnh, thế nào là Niếtbàn?" Bây giờ, Man-nhàn-đê dị đạo, đôi với thân vôn là bệnh hoạn, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khô, là không, là chăng phải tự ngã, nhưng lại dùng hai tay xoa bóp mà nói rằng: Thưa Cù-đàm, cái này không bệnh, cái này là Niết-bàn! Đức Thế Tôn bảo: Này Man-nhàn-đề, cũng như người mù bẩm sinh, nghe người có mắt nói rằng: "Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh, không bẩn!" Nghe như vậy, người mù đi tìm cái trăng tinh. Có người lừa dối, không miru cầu thiện lợi hữu ích, an ổn, khoái lạc cho người mù, nên đem chiếc áo cáu ghét nhơ bẩn, đến nói với người mù rằng: "ông nên biết, đây là chiếc áo trắng tinh, không bẩn. Ông hãy cung kính đưa tay nhận lấy mà khoác lên than." Người mù ấy liền hoan hỷ đưa hai tay cung kính thọ nhận, khoác lên thân mà nói rằng: "Trắng tinh, không bẩn! Trắng tinh, không bẩn!" Này Man-nhàn-đề, người mù ấy tự mình biết mà nói lên như thế, hay không tự mình biết mà nói lên như thế? Man-nhàn-đề dị đạo đáp: Thưa Cù-đàm, người ấy nói như vậy nhirng quả thật không biết, không thấy gì cả! Á FT, 8 _ Ị_ • Đức The Ton noi: Cũng vậy, này Man-nhàn-đề5 ông như người mù không có mắt. Thân chính là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là rắn độc, là vô thường, là khổ, là không, là không phải tự ngã. Thế mà ông dùng hai tay xoa bóp và nói rằng: "Thưa Cù-đàm, cái này là không bệnh, cái này là Niết-bàn.^ Nàỵ Man-nhàn- đề, thế nào là không bệnh, ônệ còn không biết, há lại thấy biết Niết-bàn, được Niết-ban chăng? Nói rằng thay Niết-bàn thì quả không thể được. Này Man-nhàn-đề, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác nói rằng: Không bệnh, lợi bậc

nhất, Ni&t-bàn, lợi tối thượng, Chỉ con đường bát chánh, Đên an ôn cam lô. Trong chúng đó? nhiều người được nghe bài kệ này. Sau khi số đông những người di đạo nghe bài kệ này, liền truyễn lại cho nhau, nhưng không hiểu rõ nghĩa lý. Họ đã nghe và muốn tìm cầu giáo nghĩa, họ đều là kẻ ngu si, trở lại tự lừa dối lẫn nhau. Thân bốn đại hiện tại của họ là do cha mẹ sanh ra, được nuôi lớn nhờ ăn uống, che đậy của y phục, chăm sóc bằng tắm rửa, đó là pháp hủy hoại, là pháp tan rã? nhưng họ thây là ngã, chấp thủ là ngã, duyên nơi chắp thủ nên có hữu, duyên nơi hữu nên có sanh, duyên nơi sanh nên có già chết, duyên nơi có già chết nên có buồn rầu, khóc than, lo lắng, khổ sở, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh.

868 KINH TRUNG A-HÀM

Khi ấy, Man-nhàn-đề di đạo liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo9 chắp tay hướng về đức Thế Tôn và bạch: Bạch Cù-đàm, nay con hoàn toàn tin tưởng Sa-môn Cù-đàm. Mong Cù- đàm thuyết pháp cho con nghe, để con được biết: "Đây là sự không bệnh, đây là Niết-bàn!,^ Đức The Ton noi: Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tịnh; dù Ta có thuyêt giảng cho nghe vê sự không bệnh, vê Niêt-bàn thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công cho Ta thôi. Này Man-nhàn-đề, ví như người sanh ra đã bị mù, nghe người khác đến nói rằng: “Ong nên biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng." Này Man-nhàn-đề, nẹười mù ấy chỉ nghe người khác nói, có biết đây là sắc xanh, sắc vàng, sắc đỏ, sắc trắng chăng? Man-nhàn-đề đáp: -Dạ không, thưa Cù-đàm! Cũng vậy, này Man-nhàn-đê, nêu Thánh tuệ nhãn của ông chưa được thanh tinh; dù Ta có thuyêt giảng cho ông nghe vê sự không bệnh, vê Niêt-bàn thì ông cũng không thể nào hiểu được, mà chỉ nhọc công Ta thôi. Này Man- nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược như kỳ tượng khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa được thanh tinh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn-đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tinh, ông sẽ tự biết: "Bây là sự không bệnh, đây là Niếtban." Này Man-nhàn-đề, ví như người mù bẩm sinh, có thân nhân mong muôn cho được sự ích và phước lành, mong muôn cho được an ôn, khoái lạc nên tìm cầu thầy chữa mắt. Thầy chữa mắt tri liệu bằng mọi cách, hoặc khiến nôn ra ở trên, hoặc khiến bài tiết ở dưới, hoặc nhỏ thuốc vào lỗ mũi, hoặc rửa ở dưới, hoặc chích ở mạch, hoặc khiến chảy nước mắt ra. Này Man- nhàn-đề, giả sử trúng thuốc thì hai mắt được tronẹ sáng. Này Man-nhàn-đề, nếu người ấy hai mắt được trong sáng thì tự mình thay đây là sắc xanh, sắc đỏ, sắc vàng, sắc trắng. Người ấy thấy áo cáu ghét dơ bẩn, nên nghĩ rằng: "Người kia là oan gia, từ lâu nó đã đem cái áo cáu ghét mà dối gạt ta", rồi liền sanh tâm oán ghét. Này Man-nhàn-đê, người ây hoặc có thê sát hại người kia. Cũng vậy, này Man-nhàn-đề, Ta sẽ thuyết giảng cho ông nghe về diệu dược như kỳ tượng, khiến cho Thánh tuệ nhãn chưa thanh tịnh liền được thanh tịnh. Này Man-nhàn- đề, nếu Thánh tuệ nhãn của ông được thanh tịnh, ông sẽ tự biết: "Đây là sự không bệnh, đây là Niếtbàn." Này Man-nhàn-đề, có bốn pháp khiến người Thánh tuệ nhãn được thanh tịnh. Những gì là bốn? Là thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp. Này Man-nhàn-đề? ông nên học như vậy. Thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự, nghe thiện pháp, khéo tư duy, thực hành theo pháp và thứ pháp, này Man-nhàn-đề, nên học như vậy.

153. KINH MAN-NHÀN-ĐỀ 869

Này Man-nhàn-đề5 ông đã thân cận thiện tri thức, cung kính thừa sự rồi, và đã nghe được thiện pháp, đã nghe được thiện pháp sẽ khéo tư duy, sẽ thực hành theo pháp và thứ pháp, thực hành theo pháp và thứ pháp rồi liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, biết như thật đây là khổ diệt đạo. Thế nào là biết khổ như thật? Là biết khổ sanh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ oán tang hội, khổ ái biệt ly, khổ cầu bất đắc; nói tóm, năm thủ uẩn là khổ. Đó gọi là biết khổ như thật. Thế nào là biết khổ tập như thật? Biết rằng đây là tham ái sẽ thọ sự hữu trong tương lai, tương ưng với hỷ dục, ước mong đời sống như thế này hay như thế kia. Đó gọi là biết khổ tập như thật. Thế nào là biết khổ diệt như thật? Biết rằng đây là tham ái sẽ thọ sự hữu trong tương lai, đi đôi với hỷ dục ước mong đời sống như thế này hay như thế kia; tham ái ấy đã diệt tận không còn dư tàn, đã đoạn trừ, đã xả ly, đã nôn ra hết, không còn tham dục, đã thanh tịnh, đoạn trừ, tĩnh chỉ. Đó gọi là biết khổ diệt như thật. Thế nào là biết khổ diệt đạo như thật? Là biết tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó gọi là khổ diệt đạo như thật. Sau khi nghe nói pháp này, Man-nhàn-đề dị đạo xa lìa trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bấy giờ, Man-nhàn-đề dị đạo thấy pháp, đắc pháp, giác chứng bạch tinh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trú nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn cho con xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo! Đức The Ton noi: Lành thay, hãy đến đây, Tỳ-kheo! Hãy tu hành Phạm hạnh! Man-nhàn-đề dị đạo liền xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ- kheo. Sau khi Man-nhàn-đề dị đạo xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo rồi9 liền chứng quả A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Man-nhàn-đề sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

154. KINH BÀ-LA-BÀ-ĐƯỜNG Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, tại Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, có hai người thuộc dòng Phạm chí là Bà-tư-fra và Bà-la-bà, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo. Các Phạm chí khác thấy vậy, chỉ trích họ dữ dội, nói những lời rất gay gắt và cay đắng: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí là không được thanh tịnh; Phạm chí con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bi trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác5 phạm việc đại sai lầm.” Bấy giờ, vào buổi chiều, đức Thế Tôn từ thiền tọa đứng dậy, bước xuống giảng đường. Ngài kinh hành trong khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Tôn giả Bà-tư-tra, từ xa trông thấy đức Thế Tôn, vào buổi chiều từ thiền tọa đứng dậy, Ngài bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi Ngài nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ- kheo. Sau khi thấy như vậy, Tôn giả Bà-tư-tra nói: Này Hiền giả Bà-la-bà, nên biết, đức Thế Tôn vào buổi chiều từ thiền tọa đứng dậy, Ngài bước xuống giảng

đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống trong bóng của giảng đường, rồi Ngài nói pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ- kheo. Này Hiền giả Bà-la-bà, chúng ta nên đến chỗ đức Phật, hoặc có thể nhân đây mà được nghe Ngài nói pháp. Khi ấy, Bà-tư-tra và Bà-la-bà liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, rồi đi kinh hành theo sau. Đức Thế Tôn quay lại nói với hai người kia: Bà-tư-fra, hai vị Phạm chí, các ông từ bỏ chủng tộc Phạm chí, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia dinh, xuất gia học đạo; các Phạm chí khác thấy như vậy, không chỉ trích các ông sao?



Hai người kia liền bạch: Quả thật vậy, bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí thấy như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng. Đức Thế Tôn hỏi: Này Bà-tư-tra, các Phạm chí ấy thấy như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như thế nào? Bà-tư-tra thưa: Bạch đức Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, nói như thế này: "Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng; dòng Phạm chí là da trắng, ngoài ra đều là da đen; Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí là không được thanh tinh; Phạm chí con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên. Các ông bỏ nơi thù thắng mà đi theo chỗ thấp hèn, bỏ trắng theo đen. Bọn Sa-môn đầu trọc kia bị trói buộc vào da đen, nên tuyệt tự, không con cái. Cho nên, các ông đã làm chuyện đại cực ác, phạm việc đại sai Bạch Thế Tôn, các Phạm chí thấy chúng con như vậy, đã chỉ trích dữ dội, gay gắt, cay đắng như vậy. Đức Thê Ton noi: Này Bà-tư-tra, những lời của các Phạm chí quá độc ác, hết sức vô lại. Vì sao? Vì họ ngu si, không khéo hiểu rõ, không biết ruộng phước, không thể tự biết mình, do đó mới nói như thế này: “Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh từ Phạm thiên.^, Vì sao? Này Bà-tư- tra, chính Ta, với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng này, không chủ trương thọ sanh ưu thắng, không chủ trương chủng tộc, không nói kiêu mạn, không nói nó đẹp lòng Ta hay không đẹp lòng Ta, không vì chỗ ngồi, không vì nước, không vì sở học kinh sách. Này Bà-tư-tra, chỗ nào có hôn nhân, nơi đó mới có thể nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: "N6 đẹp lòng ta, không đẹp lòng ta" là vì chỗ ngồi, vì nước uống và vì sở học kinh sách. Này Bà-tư-tra, nếu ai chủ trương thọ sanh, chủ trương chủng tộc, chủ trương kiêu mạn, người ấy cách biệt quá xa đối với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng của Ta. Này Bà-tư-tra, nói về thọ sanh, về chủng tộc, về kiêu mạn, nói: “N6 đẹp lòng ta, không đẹp lòng ta” là vì chỗ, vì nước uống và vì sở học kinh sách thì cách biệt với sự chứng đắc Minh hạnh Vô thượng của Ta. Lại nữa, này Bà-tư-tra, ở đây có ba giai cáp khiên cho không phải tát cả mọi người cùng tranh luận với nhau, thiện và bất thiện lẫn lộn, được các bậc Thánh khen ngợi, thế nào là ba? Đó là dòng Sát-lợi, dòng Phạm chí, dòng cư sĩ. Này Bà-tư-tra, ý ông thế nào? Người Sát-lợi có sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến tà kiến; người cư sĩ cũng vậy, chứ không phải Phạm chí (mới làm những chuyện đó chăng)?



__ A

Bà-tư-tra thưa răng:  Bạch đức Thê Tôn, dòng Sát-lợi cũng có người sát sanh, trộm cap, tà dâm, nói láo, cho đến tà kiến và dòng Phạm chí, cư sĩ cũng vậy. Đức Thế Tôn hỏi: -Này Bà-tư-tra, ý ông thế nào? Chỉ có người Phạm chí mới xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đến xa lìa tà kiến được chánh kiến; còn Sát-lợi, cư sĩ thì không vậy chăng? Bà-tư-tra thưa rằng: -Bạch đức Thế Tôn, Phạm chí cũng có người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, trộm cáp, tà dâm, nói láo, cho đên xa lìa tà kiên, được chánh kiên và Sát- lợi, cư sĩ cũng vậy. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Bà-tư-tra, ý ông thế nào? Nếu có lượng pháp ác, bất thiện thì đó chỉ là việc làm của Sát-lợi9 cư sĩ, chứ không phải Phạm chí chăng? Và nếu có vô lượng pháp thiện thì đó chỉ là việc làm của Phạm chí chứ không phải Sát-lợi, cư sĩ? Bà-tư-tra thưa rằng: -Bạch đức Thế Tôn, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện thì hàng Sát-lợi, cư sĩ kia cũng có thể làm, mà Phạm chí cũng vậy. Nếu có vô lượng pháp thiện thì Phạm chí cũng có thể làm và Sát-lợi, cư sĩ cũng vậy.  Này Bà-tư-tra, nếu có vô lượng pháp ác, bất thiện, mà tuyệt đối chỉ có Sát-lợi, cư sĩ làm chứ không phải Phạm chí làm, và nếu có vô lượng pháp thiện, mà tuyệt đối chỉ có Phạm chí làm chứ không phải Sát-lợi làm thì các bạn Phạm chí kia có thê nói như thê này: 'Tham chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thien/9 Vì sao? Này Bà-tư-tra, người ta thấy một nữ Phạm chí vừa mới lấy chồng, sau khi lấy chồng thì nàng mang thai và sau đó lại thấy nàng sanh ra một bé trai, hoặc một bé gái. Này Bà-tư-tra, như vậy, các Phạm chí cũng y theo pháp thê gian mà được sanh ra từ sản dạo, the nhưng họ lại nói láo, vu báng Phạm thiên mà nói như the này: 'Tham chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh ra từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thien/9 Này Bà-tư-tra? nếu một thiện nam tử, bất luận chủng tộc hay tánh danh nào, tư bỏ chủng tộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, theo Ta học đạo thì có thể nói như thế này: "Phạm chí chúng tôi là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.^, Vì sao? Này Bà-tư-tra, vì thiện nam tử ấy vào trong Chánh pháp, Luật của Ta, thọ lãnh Chánh pháp và Giới luật, đến được bờ bên kia, đoạn nghi, trừ hoặc, không có do dự, đối với pháp của đang Thê Tôn, đã được vô sở úy. Cho nên, người ây đáng nói như thê này:



"Phạm chí chúng ta là con Phạm thiên, sanh từ miệng Phạm thiên, hóa sanh từ Phạm thiên.^, Này Bà-tư-tra, Phạm thiên đó là nói Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bởi vì, Phạm là Như Lai, lãnh là Như Lai, vô phiền, vô nhiệt, không lìa như là Như Lai. Này Bà-tư-Ưa, ý ông thế nào? Những người họ Thích có hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chăng? Bà-tư-tra thưa rằng: -Bạch đức Thế Tôn, có! Đức Thế Tôn hỏi:  Này Bà-tư-tra? ý ông thế nào? Nếu những người họ Thích hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta có hạ ý, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta chăng? Đáp rằng:  Những người họ Thích mà hạ ý, yêu kính, quý trọng, cúng dường, phụng sự Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thì việc này không gì lạ. Nấu Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà hạ ý5 yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự đức Thế Tôn thì việc này rất kỳ lạ. Đức The Ton noi:  Này Bà-tư-tra? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đối với bản thân Ta mà hạ ý, yêu quý, kính

trọng, cúng dường, phụng sự Ta, không phải với ý nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc rất cao, còn ta chủng tộc quá thấp. Sa-môn Cù-đàm tài bảo rất nhiều, còn ta tài bảo quá ít. Sa-môn Cù-đàm hình sắc rất đẹp, còn ta hình sác thô kịch. Sa-môn Cù-đàm có oai thân lớn, còn ta oai thân quá ít. Sa-môn Cù-đàm có trí tuệ thiện, còn ta có trí tuệ ác." Nhưng này Bà-tư-tra, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chỉ vì yêu kính, tôn trọng pháp và cúng dường pháp, vì phụng sự pháp cho nên đối với bản thân Ta mà hạ y, yêu quý, kính trọng, cúng dường, phụng sự Ta. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng:  Này Bà-tư-tra, có một lúc tất cả thế gian này đều hoại diệt; khi thế gian này hoại, các chúng sanh sanh lên trời, cõi trời Hoảng Dục; ở trong cối ấy, họ r z er A M CÓ sác tướng vi diệu, do ý hóa sanh. Tát cả chi tiêt và các căn đêu đây đủ, dùng hỷ làm món ăn, tự thân chói sáng, bay lên hư không, sống mãi trong tịnh sắc. Này Bà-tư-tra? trong một thời gian, quả đất này tràn ngập nước, gió thổi qua và khuấy động, trên mặt nước đóng lại một lớp tinh, hòa hiệp giống như sữa chín đóng váng và đông lại thành một lớp tinh. Cũng vậy, Bà-tư-tra, có một thời gian, quả đất này tràn ngập nước, do gió thổi và khuấy động, trên mặt nước



đông lại và hợp thành một lớp tinh, từ đó sanh ra vị của đất, có sắc, có hương vị. Sác nó như thê nào? Giông như săc của sanh tô và săc của thục tô. Và vi của nó như thế nào? Như vị mật phàn. Này Bà-tư-tra? có một thời gian, thê giới này trở lại thời kỳ thành lập, có những chúng sanh, sanh trên cõi trời Hoảng Dục, tuôi thọ hét, nghiệp hét, phước hết, mạng chung sanh trở lại làm người, sanh vào thế gian này, cũng với sác tướng thù diệu và do hóa sanh. Tát cả chi tiêt và các căn đêu đây đủ, dùng hỷ lạc làm thức ăn, tư thân chói sáng, bay trong hư không, sống mãi trong tịnh sác. Này Bà-tư-tra, bấy giờ, ở trong thế giới đó không có mặt trời, mặt trăng, cũng không có tinh tú, không có ngày đêm, không có một tháng hay nửa tháng, không có ngày giờ, không có năm. Này Bà-tư-tra, ngay vào lúc đó, không có cha, không có mẹ, không có trai hay gái, lại cũng không có chủ nhân và đầy tớ, chỉ có một loại chúng sanh như nhau mà thôi. Rồi có một chúng sanh tham ăn, không liêm khiết, đã nghĩ như thế này: của đất như thế nào? Ta thử dùng ngón tay móc một ít đất này nếm thỉr." Khi ấy, chúng sanh này bèn dùng ngón tay móc đất đó mà nếm thử. Như vậy, chúng sanh đã biết vị của đất. Người ấy lại muôn được ăn. Bây giờ, chúng sanh đó lại nghĩ như thê này: “Sao lại phải nếm vi của đất bằng ngón tay cho nhọc sức, ta hãy dùng tay này vóc lấy vị đất này mà an?9 Khi đó, chúng sanh này bèn dùng tay vóc lấy vị đất này mà ăn. Trong số các chúng sanh kia, lại có những chúng sanh khác thấy các chúng sanh này mỗi người dùng tay vóc lấy vị đất mà ăn, bèn nghĩ như thế này: "Cái này thật là hay, cái này thật là khoái, chúng ta có thể dùng tay vóc lấy vị đất này để n." Rồi các chúng sanh liền dùng tay vóc lấy vi đất này để ăn. Khi họ đã dùng tay vóc lấy vị đất này để ăn như vậy và như vậy, thân họ trở thành dày, trở thành nặng, thành cứng. Nếu trước kia họ có sắc thanh tinh thì lúc ấy bị mất, tự nhiên sanh ra tối tăm. Này Bà-tư-tra, pháp của thế gian tự nhiên có điều này: Nếu sự tối tăm đã sanh ra thì mặt trời, mặt trăng tất xuất hiện; mặt trời, mặt trăng đã xuất hiện thì các tinh tú cũng xuât hiện; tinh tú đã xuât hiện tức thì thành ngày đêm; thành ngày đêm roi thì liên có một tháng hay nửa tháng, có ngày giờ và có năm. Họ ăn

vị của đát và sông đời rát lâu. Này Bà-tư-tra, nêu chúng sanh nào ăn vị của đất thì sắc da đều thành xấu, nếu ăn ít vị của đất thì sắc da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém vê màu sác. Nhân màu sác hơn kém cho nên môi mỗi chúng sanh cùng có lời khinh mạn lẫn nhau: “Sắc da của ta hơn, sắc da của ông không bằng." Nhân màu sắc hơn kém mà sanh ra sự khinh mạn và ác pháp, cho nên vi của đát liên mát. Khi vị của đát đã mát, các chúng sanh kia liên tụ tập nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: uHỡi ôi vị đất! Hỡi ôi vi đất!” Cũng như người đời nay ngậm mỹ vật, không nói chữ của thời xưa, tuy thọ trì mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa ấy cũng lại như vậy.



Này Bà-tư-tra, sau khi vị của đất mất, nấm đất có sắc, hương, vị sanh ra cho các chúng sanh kia. sắc nó như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vị như thê nào? Như vi của mật ong. Chúng sanh kia ăn nam đát này, mà tôn tại ở thê gian trong một thời gian lâu xa. Này Bà-tư-tra, nêu chúng sanh nào ăn nam đát nhiêu thì săc da thành xâu, người ăn nấm đất ít thì có sắc da đẹp. Từ đó, có sự phân biệt hơn kém về sắc da. Nhân màu sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh cùng nói nhau lời khinh mạn: "Sắc của ta hơn, sắc của ông không bằng." Do sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên nám đát liên tiêu mát. Khi nam đát tiêu mất, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: "H&i ơi nấm đất! Hỡi ơi nấm đất!" Cũng như người đời nay tranh cãi nhau, không nói chữ gốc, tuy thọ trì mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa này cũng lại như vậy. Này Bà-tư-tra, sau khi nấm đất tiêu mất, loại bà-la có sắc, có hương, vi sanh M . ra cho các chúng sanh kia. Săc nó như thê nào? Sác như hoa đàm. Vị nó như thế nào? Vị như mật ong tinh chất. Họ ăn bà-la này mà tồn tại ở thế gian trong thời gian lâu xa. Này Bà-tư-tra, nêu chúng sanh nào ăn bà-la nhiêu thì sác da thành xâu, người ăn bà-la ít thì có săc da đẹp. Từ đó, có sự phân biệt hơn kém vê màu da. Nhân sắc có hơn kém, cho nên mỗi mỗi chúng sanh nói lời khinh mạn với < r A , nhau răng: "Sc ta hơn, săc ông không bang?9 Nhân sác có hơn kém mà sanh khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liên diệt mát. Khi bà-la đã diệt mát, các chúng sanh kia liền nhóm họp nhau lại, khóc lóc não nề và nói như thế này: "Hỡi ơi bà-la! Hỡi ơi ba-la!^ Cũng như người đời nay khi va chạm nhiều sự khổ, không nói chữ gốc, tuy thọ trì mà không biết nghĩa, nói quán nghĩa này cũng lại như vậy. Này Bà-tư-tra, sau khi bà-la diệt mất, loại nếp trắng tự nhiên sanh ra cho các chúng sanh kia. Không vỏ cũng không có cám5 trấu dài bốn tấc, sớm mai cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh, lúa chín có chất muối, không có muối sống. Chúng sanh ăn loại nếp tự nhiên này. Sau khi họ ăn loại nếp tự nhiên này, tức thì sanh ra sự khác nhau về thân hình. Hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con trai, hoặc có chúng sanh trở thành hình dạng con gái. Sau khi các chúng sanh này trở thành hình trai và hình gái, họ thấy nhau bèn nói như thế này: "Oi, ác chúng sanh ra đời! Ác chúng sanh ra d&i!” Này Bà-tư-tra, ác chúng sanh đó là nói người đàn bà. Khi chúng sanh kia trở thành hình trai và hình gái thì họ dò xét nhau; dò xét nhau roi, nhìn kỹ nhau băng măt; mát nhìn kỹ roi thì họ nhiêm nhau; nhiêm nhau roi liên có phiên nhiệt; có phiền nhiệt rồi thì họ ái trước nhau; ái trước nhau rồi, họ làm chuyện dâm dục. Nêur họ bị băt gặp trong lúc hành dục, . người r ta bèn dùng . • cây, đá hoặc dùng gậy, đát cục mà đánh, ném và nói như

thê này: "Oi, bọn xâu xa, làm việc



phi pháp! Tại sao chúng sanh làm chung nhau chuyện như vay?” Cũng như người thời nay khi rước vợ mới người ta rải hoa, hay buông rủ những tràng hoa và nói như thế này: “Chúc cô dâu bình an! Chúc cô dâu bình an!" Đó là việc mà xưa kia người ta ghét, còn nay thì người ta yêu. Này Bà-tư-tra, cũng có chúng sanh ghét pháp bát tịnh, ghê tởm, sỉ nhục, hô thẹn, người đó liền xa đám đông từ một ngày, hai ngày đến sáu bảy ngày, nửa tháng, một tháng cho đến một năm. Này Bà-tư-tra, nếu chúng sanh nào muốn làm việc bất tịnh này thì người ấy bèn làm nhà và nói như thế này: “Ta làm chuyện xấu trong này! Ta làm chuyện xâu trong này!" Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đâu tiên trong thê gian có pháp dựng nhà, đó là kẻ trí kỳ cựu bậc nhất, đúng như pháp, chứ không phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người. ở dây, có một chúng sanh lười biếng, người ấy nghĩ như thế này: "Tại sao ta phải mỗi bữa đi lấy nếp tự nhiên? Sao ta không lấy luôn cho đủ ăn một ngày?^ Người ấy bèn gom lấy gạo ăn cho một ngày. Khi ấy, có một chúng sanh khác nói với người ấy rằng: Này chúng sanh, ông đi lấy gạo với tôi chăng? Vị ấy trả lời: -Tôi đã gom đủ. Ông đi lấy một mình vậy. Chúng sanh kia nghe roi, liên nghĩ như thê này: "Người kia thật là khôn, thật là khoái! Ta cũng có thê lây luôn gạo ăn cho ngày mai chng?" Người này bèn lấy luôn gạo cho ngày mai. Lại có một chúng sanh khác nói với người này rang: Này chúng sanh! Ông hãy đi lấy gạo với tôi chăng? Chúng sanh kia đáp: -Tôi đã lây gạo cho ngày mai, ông đi lây một mình vậy. Chúng sanh này nghe rồi, bèn nghĩ như thế này: "Người kia thật là khôn, thật là khoái! Ta nay nên lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày cháng?" Rồi người này liền lấy gạo ăn luôn trong bảy ngày. Khi chúng sanh này lấy loại lúa tự nhiên tích tụ rất nhiều; lúa nếp được cất bèn sanh ra vỏ và cám, cắt lấy cho đến bảy ngày cũng sanh vỏ và cám. cắt đến đâu, chỗ ấy không còn mọc trở lại nữa. Bấy giờ, các chúng sanh mới cùng nhóm họp, khóc lóc não nề và nói như thế này: "Chúng ta đã làm phát sanh pháp ác, bất thiện; bọn chúng ta cất chứa gạo đê lâu. Vìr sao? Bởir lẽ, chúng ta trước \ y kia đã có săc tướng thù diệu, . và do ý hóa sanh; tát cả chi tiêt và các căn đêu đây đủ, dùng hỷ làm thức ăn, tự nhiên chói sáng, bay trong hư không, sống mãi với tịnh sắc. Chúng ta sanh ra vị của đất có sắc, hương, vị. sắc như thế nào? Như sắc của sanh tô và thục tô. Vi như thế nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn vị của đất và tồn tại trong một thời gian lâu xa. Chúng ta nếu ăn nhiều vị của đất thì sắc da thành xấu. Người ăn vi của



đát ít thì có sác da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém vê màu sác. Nhân màu sắc hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: "Sác ta hơn, sao ngươi không trâng.'Nhân sác có hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên vị của đất liền tiêu mất. Sau khi vị của đát tiêu mát, loại nam đát, có sác, hương, vi sanh ra cho chúng ta. Sác như thê nào? Như sác của sanh tô và thục tô. Vị như thê nào? Vị như mật ong. Chúng ta ăn nam đát mà tôn tại ở thê gian trong một thời gian lâu xa. Người nào ăn nấm đất nhiều thì sắc da thành xấu; người nào ăn nấm đất ít thì sắc da

đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Vì sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau: “Sắc ta hơn, sắc ngươi không bằng." Vì sắc hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên đất liền tiêu mất. Sau khi nấm đất tiêu mất, loại bà-la có sắc, hương, vị sanh ra cho chúng ta. Sắc như thế nào? sắc như hoa đàm. Vi như thế nào? Như vị mật của ong tinh chát. Chúng ta ăn bà-la mà tôn tại ở thê gian lâu xa. Người nào nêu ăn bà-la nhiêu thì sác da thành xâu, người ăn bà-la ít thì có sác da đẹp. Từ đó có sự phân biệt hơn kém về màu sắc. Nhân sắc có hơn kém cho nên chúng ta mỗi người cùng nói lời khinh mạn nhau rằng: "Sắc ta hơn, sắc ngươi không b3ng." Nhân sác hơn kém mà sanh ra khinh mạn và ác pháp, cho nên bà-la liên tiêu mát. Sau khi bà-la mat, loại nép trăng tự nhiên sanh ra cho chúng ta, không vỏ9 cũng không cám, trấu dài bốn tấc, sáng cắt chiều sanh, chiều cắt sáng sanh, lúa chín có chất muối, không có mùi sống. Chúng ta ăn nếp tự nhiên kia. Khi chúng ta tích tụ loại nếp tự nhiên rất nhiều; nếp lúa được cất liền sanh v6, cám, cắt cho đên bảy ngày cũng sanh vỏ, cám; cát đên dâu, chô đó không còn mọc trò lại nữa. Vậy, chúng ta phải làm thành ruộng và cắm mốc chng?" Roi các chúng sanh ây làm ruộng, gieo giông và căm móc. Trong khi đó, có một chúng sanh đã có lúa của mình, còn vào ruộng người khác và lấy trộm lúa. Người chủ ruộng thấy vậy bèn nói như thế này:  Chao ôi! Chúng sanh xấu ác đã ra đời! Tại sao ngươi làm như vậy? Ngươi có lúa của ngươi mà còn vào ruộng người khác lay trộm lúa, hãy đi đi. Ve sau đừng làm như vậy nữa. Song, chúng sanh kia vẫn đi lấy trộm lúa của người khác hai, ba lần nữa. Người chủ ruộng cũng hỏi hai, ba lần, thấy rồi liền nắm tay thoi chúng sanh kia, loi đen cho đong ngươi va noi vơi mọi ngươi răng:  Chúng sanh này có lúa của nó rồi mà còn vào ruộng tôi lấy trộm lúa tôi. Chúng sanh kia cũng nói với mọi người rằng:  Chúng sanh này nắm tay tôi thoi tôi, lôi tôi đến chỗ đông người. Khi ấy, các chúng sanh kia cùng nhau nhóm họp, khóc lóc não nề và nói như thế này:



Chúng ta sanh pháp ác, bất thiện, đó là phải giữ ruộng vậy. Vì sao? Vì gìn giữ ruộng, cho nên mới cùng nhau tranh tụng, có mất mát, kiệt tận, có nói chuyện nhau bằng lời, có thoi nhau bằng nắm tay. Trong số đông này, chúng ta hãy cử ra một người đoan chánh, có hình sắc rất đẹp đẽ, lập làm điền chủ. Nấu người nào đáng quở trách thì phải để cho ông ấy quở trách. Nếu người nào đáng đuổi thì để cho ông ấy đuổi. Còn lúa bọn chúng ta thu được thì nên theo đúng như pháp chở đến cho ông ấy. Khi ấy, trong số chúng sanh kia có một người đoan chánh, hình sắc đẹp đẽ đệ nhất, họ bèn cử ra, lập làm điền chủ. Nếu có ai đáng quở trách thì ông ấy quở trách, nếu có ai đáng đuổi thì ông ấy đuổi. Nếu có lúa thì họ đúng như pháp chở đến cho điền chủ. Điền chủ đó tức là Sát-lợi, làm cho chúng sanh hoan lạc đúng như pháp, thủ hộ và hành giới là vua. Vua tức là vua vậy. Này Bà-tư-tra? đó là nhân duyên đầu tiên của dòng Sát-lợi trong thế gian, kẻ trí bậc nhất và kỳ cựu, đúng như pháp, chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người. Khi ấy, có chúng sanh cho rằng sự thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên dâm, liền từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự, làm nhà lá để ở và học thiên. Người áy từ chô vô sự, môi buôi sáng vào thôn áp hay vương thành mà khất thực. số đông chúng sanh kia thấy vậy liền bố thí cho, cung kính, tôn trọng và

nói như thế này: "Chúng sanh này cho rằng thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, nên từ bỏ thủ hộ5 nương nơi vô sự làm nhà lá để ở và học thiền. Này chư Tôn, người này đã xả bỏ hại, bất thiện pháp." Đó là Phạm chí, Phạm chí tức là Phạm chí vậy. Chúng sanh kia học thiền mà không đắc thiền, học khổ hạnh mà không đắc khô hạnh, học viên ly mà không đác viên ly, học nhát tâm mà khônệ đác nhát tâm, học tinh tấn mà không được tinh tấn, liền bỏ chỗ vô SỊT, trở ve thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Các chúng sanh kia thấy vậy, bèn không bố thí, không cung kính, tôn trọng nữa và nói như thế này: "Chúng sanh này trước kia coi thủ hộ là bệnh, thủ hộ là ung nhọt, thủ hộ là mũi tên đâm, bèn từ bỏ sự thủ hộ, nương nơi vô sự? làm nhà lá đe ở và học thiền, nhưng không thê đác thiên, học khô hạnh mà không đác khô hạnh, học viên ly mà không được viễn ly, học nhất tâm mà khôíiậ được nhất tâm, học tinh tấn mà không được tinh tan, liền bỏ nơi vô sự, trở ve thôn ấp, vương thành, làm nhà bốn trụ, tạo lập kinh sách. Này chư Tôn, người này lại học sự bác văn chứ không học thiền nữa. Bác văn tức là bác văn vậy. Này Bà-tư-tra, đó là nhân duyên đâu tiên của dòng Phạm chí trong thê gian, kẻ trí đệ nhát và kỳ cựu, đúng như pháp chứ chăng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người. Bấy giờ, các chúng sanh khác, mỗi người đến mỗi phương mà làm ruộng; người thì đi về phương này mà làm nghề làm ruộng, người thì đi về phương kia mà làm nghề làm ruộng. Đó là dòng Phệ-xá.



Này Bà-tư-tra, đây là nhân duyên đầu tiên có dòng Phệ-xá trong đời, kẻ trí bậc nhất và kỳ cựu, đúng như pháp chứ chẳng phải không như pháp. Như pháp là tôn quý giữa loài người. Này Bà-tư-tra, khi thế gian khởi len ba chủng tánh này rồi thì liền biết có dòng Sa-môn thứ tư. Tại sao trong thế gian có ba chủng tánh này rồi liền biết có dòng Sa-môn thứ tư? Trong dòng tộc Sát-lợi có những thiện nam tử hay quở trách mình, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bát thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo và suy nghĩ thế này: "Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh." Người ấy bèn làm Sa-môn, tu Phạm hạnh. Thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá cũng vậy, cũng tự quở trách, ghét pháp bất thiện, tự chán ghét pháp ác, bất thiện, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cũng nghĩ thế này: "Ta nên làm Sa-môn, tu Phạm hạnh", bèn làm Sa-môn và tu Phạm hạnh. Này Bà-tư-tra, nay Ta nói rộng vê ba chủng tánh này. Nói rộng vê ba chủng tánh này như thế nào? Một thiện nam tử thuộc chủng tộc Sát-lợi mà thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý làm pháp bất thiện thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khô. Cũng vậy, thiện nam tử trong dòn^ tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá? thân làm pháp bất thiện, khẩu, ý làm pháp bát thiện thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất định phải thọ khổ. Này Bà-tư-tra, một thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lợi mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất đinh sẽ thọ lạc. Cũng vậy, thiện nam tử trong dòng tộc Phạm chí, dòng tộc Phệ-xá? mà thân làm thiện pháp, khẩu, ý làm thiện pháp thì người đó khi thân hoại mạng chung, nhất đinh sẽ thọ lạc. Này Bà-tư-tra, thiện nam tử thuộc dòng tộc Sát-lợi, thân làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh thì

người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ khổ và lạc. Cũng vậy, này Bà-tư-tra? thiện nam tử thuộc dòng tộc Phạm chí hay Phệ- xá9 thân làm hai hạnh và giữ hộ hạnh, khẩu, ý làm hai hạnh và giữ hộ hạnh thì người đó khi thân hoại mạng chung, sẽ thọ kho và lạc. Này Ba-tư-tra, thiện nam tử dòng tộc Sát-lợi tu bảy giác pháp, khéo tư duy và khéo quán sát, biết như vậy, thấy như vậy tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: uSự sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, biết như thật rằng sẽ không còn tái sanh nữa.,, Cũng vậy, thiện nam tử dòng tộc Phạm chí hay dòng tộc Phệ-xá tu bảy giác pháp, khéo tư duy, khéo quán sát; người ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải



thoát dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi liền biết giải thoát, biết như thật: "Sịt sanh đã hết, Phạm hạnh đã lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.” Này Bà-tư-tra, như vậy, Ta đã phân biệt rộng rãi vê ba chủng tánh này vậy. Phạm thiên đế chúa nói bài kệ: Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn, Đấy là chủ trương có chủng tộc. Những ai cầu học minh và hạnh, Vị ấy, thiên, nhơn đều tán thán. Này Bà-tư-tra, Phạm thiên đế chúa khéo nói bài kệ này chứ không phải dở, khéo ca ngợi, phúng tụng chứ không phải dở, khéo ngâm vịnh và nói, chứ không phải dở, nói như thế này: Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn, Đấy là chủ trương có chủng tộc, Những ai cầu học minh và hạnh, Vị ấy, thiên, nhơn đều tán thán. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy: Loài hai chân, Sát-lợi tối tôn, Đấy là chủ trương có chủng tộc, Những ai cau học minh và hạnh, Vị ấy, thiên, nhơn đều tán thán. Đức Phật nói như vậy, Tôn giả Bà-tư-tra, Bà-la-bà và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

155. KINH TU-ĐẠT-ĐA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, cư sĩ Tu-đạt-đa đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ Ngài, rồi ngồi qua một bên. Đúc Thế Tôn hỏi/ —Gia đình của cư sĩ có thực hành hạnh bô thí chăng? Cư sĩ trả lời: Dạ c6, bạch Thế Tôn, gia đình con có bố thí nhưng chỉ bố thí những thức thô xấu, không được mỹ diệu, như cơm lẫn với cám, canh lá gai chỉ có một miếng gừng, một lá rau. Đức Thế Tôn bảo: -Này cư sĩ, dù có bố thí những thức thô xấu, hay bố thí những thứ mỹ diệu thì đều có quả báo. Nhưng này cư sĩ, nếu có bố thí những thức thô xấu, không tín mà bố thí, không co tâm bố thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả mà bố thí thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt. Vì sao? Vì không chí tâm bố thí. Này cư si, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế. Này cư si, nếu bố thí những thức thô xấu nhimg có tín bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bô thí thì nên quán răng sẽ thọ báo đúng như thê, là do tâm muôn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn được áo chăn đẹp, muốn được đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này cư si, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế. Này cư sĩ, nếu bố thí những thức mỹ diệu nhưng không tín mà bố thí, không có tâm bố

thí, không tự tay bố thí, không tự mình đến bố thí, không tư duy mà bố thí, không do tín mà bố thí, không quán nghiệp và quả báo mà bố thí thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm không muốn được nhà đẹp, không muốn được xe đẹp, không muốn áo chăn đẹp, không muốn được đồ ăn thức uống ngon, không muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì không chí tâm bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như thế.



Này cư si, nếu bố thí những thức mỹ diệu, lại có tín bố thí, có tâm bố thí, tự tay bố thí, tự mình đến bố thí, tư duy mà bố thí, do tín mà bố thí, quán nghiệp và quả báo mà bố thí thì nên quán rằng sẽ thọ báo đúng như thế, là do tâm muốn được nhà đẹp, muốn được xe đẹp, muốn áo chăn đẹp, muốn đồ ăn thức uống ngon, muốn được ngũ dục công đức tốt đẹp. Vì sao? Vì chí tâm mà bố thí. Này cư sĩ, nên biết rằng, sẽ thọ báo đúng như the. Này cư si, thuở xưa có Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam rất giàu có, của cải vô lượng, phong hộ, thực ấp, có nhiều châu báu, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính kể. Vị ấy bố thí như thế này: Tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng vàng đựng đầy vàng vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn bát bằng bạc, đựng đầy bạc vụn, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn thớt voi được trang sức bằng dây trắng đan lại, phủ lên, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bon ngàn con ngựa được trang sức bang dây kim hợp phi-na, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn con bò lấy áo làm dây thừng và phủ lên bằng áo, có thể cung cấp một hộc sữa, thực hành đại bố thí như vậy; tám vạn bốn ngàn người nữ, tư dung đẹp đẽ, ai nhìn cũng thích, trang sức đầy đủ châu báu, thực hành đại bo thí như vậy; ngoài ra lại có những thức ăn, thức uống khác nữa. Này cư si, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí như vậy; nếu lại có người bô thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đê nữa thì so với đại bô thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí và bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù"đê như vậy; nêu lại có người bô thí thức ăn cho một vi Tu-đà-hoàn thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Tư-đà-hàm thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, cho một trăm vị Tư-đà-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị A-na-hàm thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cối Diêm-phù-đề, bố thí thức ăn cho một trăm vi Tu-đà-hoàn, một trăm vi Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm như thế; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vi A-la-hán thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư si, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn,

một trăm vi Tu-dà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một vị Bích-chi Phật thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật như vậy; nếu lại có người bố thí thức ăn cho một đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác thì so với sự bố thí kia, sự bố thí này hơn nhiêu lăm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vi Tư-đà-hàm, một trăm vi A-na-hàm, một trăm vi A-la-hán. một trăm vị Bích-chi Phật như thế; nếu lại có người tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ- kheo bốn phương thì so với sự bố thí kia, sự bo thí này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề? bố thí thức ăn cho một trăm vi Tu-đà-hoàn, một trâm vi Tư-đà-hàm, một trâm vi A-na-hàm, một trăm vi A-la-hán, một trâm vị Bích-chi Phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương như thế; nếu lại có người với tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi Tôn quý là Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, lại thọ giới thì so với sự bo thí kia, sự bo thí này hơn nhiều lam. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề9 bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tudà-hàm, một trăm vị Anahàm, một ưăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi Phật, tạo phòng nhà bô thí cho chúng Tỳ-kheo bôn phương, tâm hoan hỷ, quy y Ba ngôi Tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo và thọ giới; nếu lại có người trong khoảnh khác thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến con bò thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm. Này cư sĩ, Phạm chí Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù-đề? bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một• trăm vị: Tư-đà-hàm9 một • trăm vị? A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, r một trăm vị Bích-chi Phật, tạo phòng nhà bô thí cho chúng Tỳ-kheo bôn phương, tâm hoan hỷ9 quy y Ba ngôi Tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảnh khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến một con bò; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thương, khổ, không và vô ngã thì so với sự bố thí trước kia, việc làm này hơn nhiêu lăm. Này cư sĩ, ý ông nghĩ sao? Phạm chí đại trưởng giả Tùy-lam thuở xưa ây là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Nên biết rằng, đó chính là Ta vậy. Ta thuở xưa là Phạm chí đại trưởng giả tên là Tùy-lam. Này cư si, Ta bấy giờ vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an



Ổn, khoái lạc cho trời và người. Nhưng lúc bấy giờ Ta thuyết pháp chưa được rốt ráo, chưa rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh; nên lúc bấy giờ, Ta chưa lìa được sự sanh, già, bệnh, chết, khóc lóc, ảo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Này cư sĩ, Ta nay là bậc Xuất Thế, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo

Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta vì lợi ích cho mình, cũng vì lợi ích cho kẻ khác, vì lợi ích cho mọi người, thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, cầu sự an ổn, khoái lạc cho trời và người. Nay Ta thuyết pháp đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu Phạm hạnh; nên nay Ta đã lìa khỏi sự sanh, sự già, sự chết, khóc lóc, ảo não, Ta nay đã giải thoát mọi khổ đau. Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Tu-đạt-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có nhiêu Phạm chí nước Câu-sa-la, vào lúc xê trưa, quanh quân đi đên chô đức Phật, chào hỏi nhau roi, ngôi qua một bên và thưa:  Này Cù-đàm, chúng tôi có điều muốn hỏi, Ông có nghe chăng? Đức Thế Tôn đáp:  Các ông hỏi gì thì hỏi. Nghe thế, các Phạm chí hỏi: - Này Cù-đàm5 bây giờ còn có Phạm chí học pháp cổ Phạm chí hay đã vượt khỏi pháp cổ Phạm chí rồi chăng? Đức Thế Tôn đáp:  Nay không còn Phạm chí học pháp cổ Phạm chí, Phạm chí đã vượt khỏi pháp cổ Phạm chí từ lâu rồi. Nghe thế, các Phạm chí hỏi:  Này Cù-đàm, tại sao nay không còn Phạm chí học pháp cổ Phạm chí và các Phạm chí vượt khỏi pháp cổ Phạm chí từ bao giờ? Bây giơ, đức The Ton noi bai kê tra lơi: Vì xưa có Phạm chí, Tự chế ngự, nhiệt thành, Bỏ ngũ dục công dức, Hành Phạm hạnh thanh tịnh. Phạm hạnh và giới hạnh, Khiến tâm tính nhu thuận, Rộng lượng không tâm hại, Nhẫn nhục thủ hộ ý. Thuở xưa có pháp ấy, Phạm chí chẳng giữ gìn, Phạm chí không thủ hộ, Hễ có tiền lúa gạo, Thì ham thích tích trữ, Thủ lấy kho đụn này, Đua đòi bao sắc áo, Nhà cửa và giường chõng, Thành trì các nước giàu, Phạm chí học như vậy. Phạm chí này không hại, Thủ hộ tất cả pháp, Đi đến cửa nhà người, Không ai ngăn cản họ, Lần lượt xin từng nhà, Xin ăn theo từng bữa, Những Phạm chí tại gia, Trông thấy thích bố thí,



Bốn tám năm đã tròn, Tu Phạm hạnh thanh tịnh, Mong minh, hạnh chóng thành Cổ Phạm chí như vậy. Không lấy trộm của cải, Cũng không hề sợ hãi, Thương mến đùm bọc nhau, Và cùng sống hòa hợp. Bởi không có phiền não, Pháp liên hệ oán, dâm, Tất cả các Phạm chí, Không thực hành như vậy. Nếu có hạnh bậc nhất, Phạm chí quyết mong cầu, Các pháp dâm dục ấy, Không thực hành dù mộng. Nhân các Phạm hạnh ấy, Tự ximg "'ta là Phạm,\ Biết họ có hạnh ấy, Bậc có tuệ sẽ biết. Giường thưa, chiếu áo mỏng, Cơm, sữa cốt sinh tồn, Khất cầu đều như pháp, Ăn chay hành bố thí, Trai tinh, chẳng cầu khác, Chỉ tìm nơi chính mình, Lúc tổ chức trai thí, Người ấy không giết bò; Như cha mẹ, anh em, Và các người thân khác, Xem người, bò cũng vậy. Nhân đó sanh khoái lạc, Ăn uống, thân khỏe mạnh, Nhờ vậy mà yên vui. Biết được nghĩa lý này, Không ưa giết hại bò, Mem mại thân đại lực, Tinh sắc được khen ngợi, Ân cần tự cầu lợi, Như vậy, Phạm chí xưa. Phạm chí vì lợi mình, Biết nên làm, phải tránh. Cõi này, trong tương lai, Người ấy thoát nhất định, Tuần trăng đã quá tuần, Xứng ý xin cầu thân, Đêm dài mãi du hí, Những người vợ phấn son, Đàn bò, quây trước mặt, Vợ đẹp noi sau lưng, Nhân gian vi diệu dục. Phạm chí thường ước mong, Ngựa xe trang bị đủ, Tài nghệ giỏi vá may, Hôn nhân và nhà cửa, Phạm chí thường ước mong. Họ tạo phiền trược ấy, Chúng

toi tư kia lại, Đại vương mở cuộc chay, Đừng để mất tài lợi, Nhiều tài vật lúa gạo, Hoặc có dư tiền tài, Đại vương tương ưng đó, Phạm chí và ngựa xe, Te voi và tế ngựa, Tê ngựa được suôt thông, Tụ tập làm trai thí, Thí cho Bà-la-môn. Họ do đó được lợi, Say mê đắm tài vật, Họ khơi dậy lòng dục, Càng dục càng say mê, Cũng như ao nước rộng, Và vô lượng tài vật, Cũng vậy, người có bò, Các vật dụng sanh sông. Họ tạo triền phược ấy, Chúng toi từ kia lại, Đại vương mở cuộc chay, Đưng để mất tài lợi, Nhiêu tài vật lúa gạo, Nếu ngài có nhiều bò,

156. KINH PHẠM BA-LA-DIÊN 889

Đại vương tương ưng đó, Phạm chí và ngựa xe, Bò vô lượng trăm ngàn, Vì trai tự mà giết, Đầu, sừng không não hại, Bò heo thời xưa kia. Đi đến nắm sừng bò, Cầm dao bén mà giết. Gọi bò và gọi cha, La-sát tên là Hương, Họ hô hoán phi pháp, Khi cầm dao đâm bò, Pháp ấy thành trai thí, Vượt qua tại trước nhát, Không hữu sự mà giết, Viễn ly pháp suy thoái, Thời xưa có ba bệnh, Dục, không dụng và ăn. Do thù nghịch với bò? Khởi bệnh chín mươi tám, Thù nghịch ấy như vậy, Nên kẻ trí rất ghét. Nếu ai thấy như vậy, Những ai không hận thù, Như vậy, trong đời này, Vô trí thấp hèn nhất. Mỗi mỗi vì dục, tranh, Như vợ rủa sả chông. Sát-lợi, Phạm chí nữ? Và thủ hộ chủng tánh, Khinh thường pháp thọ sanh, Buông trôi theo dục vọng. Như vậy, này Phạm chí, hiện tại không còn Phạm chí học pháp cổ Phạm chí. 2 y Phạm chí đã vượt khỏi pháp cô Phạm chí từ lâu roi. Nghe vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con đã biết! Bạch Thiện Thệ, chúng con đã rõ! Nay chúng con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức The Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, các Phạm chí nước Câu-sa-la và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Tỳ-lan-nhã? trú trong vườn Hoàng Lô. Bấy giờ, Phạm chí Tỳ-lan-nhã tuổi cao tác lớn, tuổi thọ gần dứt, mạng sống gần tàn, tuổi đã một trăm hai mươi, chống gậy mà đi. Vào buổi xế trưa, Phạm chí ấy thong dong đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau rồi, chống gậy đứng trước đức Phật và nói: Này Cù-đàm, ta nghe Sa-môn Cù-đàm lúc thiêu thời, tuổi còn quá trẻ, vừa mới xuất gia học đạo, thế mà nếu có danh đức Sa-môn Phạm chí nào đích thân đi đến vẫn không kính lễ, cũng không tôn trọng, cũng không đứng dậy, không mời các vị ây ngôi. Này Cù-đàm? việc ây quả không thê được. Đức Thế Tôn đáp: Này Phạm chí, Ta chưa từng thây chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí nào từ loài người cho đến trời đi đến, khiến Như Lai kính lễ, tôn trọng, đứng dậy, mời các vị ấy ngồi. Này Phạm chí, nếu có ai đến nhà muốn Như Lai kính lê, tôn trọng, đứng dậy, mời ngôi thì đâu của vị ây chăc vỡ thành bảy mảnh. Phạm chí lại nói: Cù-đàm vô vị. Đức Thế Tôn bảo: Này Phạm chí, có điều sẽ khiến Ta vô vị, nhtrng không phải như lời ông nói. Nếu có sắc vị, thanh vi, hương vj, xúc vị thì những thứ ấy đã bị Như Lai đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa. Đó là điều khiến Ta vô vị9 nhưng không phải như lời ông nói Phạm chí lại nói: Cù-đàm không sợ hãi. Đức Thế Tôn đáp: Này Phạm chí, có việc khiến Ta không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói. Nếu có sợ hãi sắc, sợ hãi thanh, hương, vị, xúc thì Như Lai đã đoạn trừ, dứt sạch, nhổ tận gốc rễ, không bao

giờ sanh lại nữa. Đó là việc khiến Như Lai không sợ hãi, nhưng không như lời ông nói. Phạm chí lại nói: Cù-đàm không đầu thai.

892 KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Thế Tôn đáp: Có trường hợp khiến Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói. Nêu có Sa-môn, Phạm chí, đôi với sự mang thai trong tương lai mà đã đoạn trừ, dứt sạch, nhô tận góc rê, không bao giờ sanh lại nữa, Ta nói răng vi ây không đầu thai. Như Lai đối với sự mang thai trong tương lai đã vĩnh viễn đoạn trừ, tuyệt diệt, nhổ tận gốc rễ, không bao giờ sanh lại nữa, cho nên Ta không đầu thai. Đó là trường hợp Ta không đầu thai, nhưng không như lời ông nói. Này Phạm chí, Ta ở trong chúng sanh đến từ vô minh này, say đắm vô minh, bi vô minh che lấp, bị phủ kín trong vỏ trứng vô minh thì Ta là người trước tiên quán pháp; đoi với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất. Cũng như gà mái sanh trứng, mười hoặc hai mươi trứng, luôn luôn nghĩ, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn bảo bọc. Một thời gian sau, giả sử gà mái buông trôi, gà con ở bên trong, hoặc dùng mỏ mổ, hoặc dùng móng chân mà chọi, phá vỡ trứng chui ra an ổn; đối với các gà con khác, nó là bậc nhất. Ta cũng như thế, Ta ở trong chúng sanh này, đến từ vô minh, say đắm vô minh, bị vô minh che lấp, bị bọc kín trong vỏ trứng vô minh, Ta là người trước tiên quán pháp; đối với chúng sanh ấy, Ta là bậc nhất. Này Phạm chí, Ta ôm cỏ khô đi đến cây Giác Thọ, rải cỏ xuống gốc cây, trải ni-sư-đàn lên mà ngôi kiết-già5 quyết ngôi ngay ngăn, thê cho đên khi dứt sạch các lậu mới thôi. Rồi Ta ngồi ngay ngắn cho đến khi dứt sạch các lậu. Sau khi ngôi ngay ngăn, Ta ly dục, ly pháp ác5 bát thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đạt được Thiên thứ nhát, thành tựu an tru; nghĩa là lúc bây giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ nhất, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đác dê dàng, không khó, sông an lạc, không sợ hãi, an ôn, khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn. Lại nữa, này Phạm chí, sau khi Ta giác quán đã dứt, bên trong tịch tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do đinh sanh, đạt được Thiền thứ hai, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ hai, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đăc dê dàng, không khó, sông an lạc, không sợ hãi, an ổn, khoái lạc, khiến lên đến Niết-bàn. Lại nữa, này Phạm chí, Ta ly hỷ, ly dục, xả, vô câu, an tru chánh niệm, chánh trí mà thân giác lạc, điều mà bậc Thánh nói "Thánh xả niệm lạc trú", đạt được Thiên thứ ba, thành tựu an trú; nghĩa là lúc bây giờ Ta chứng đác tâm tăng thượng thứ ba, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sông an lạc, không sợ hãi, an ôn, khoái lạc, khiên lên Niêt-bàn. Lại nữa, này Phạm chí, Ta diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tinh, đạt được Thiền thứ tư, thành tựu an tru; nghĩa là lúc bấy giờ Ta chứng đắc tâm tăng thượng thứ tư, đạt được sự an lạc ngay trong hiện tại, chứng đắc dễ dàng, không khó, sống an lạc, không sợ hãi, an ổn, khoái lạc, khiến lên Niết-bàn.

157. KINH HOÀNG LÔ VIÊN 893

Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học túc mạng trí thông và chứng dắc, nhớ vô lượng đời trước mà Ta đã trải qua, có hành động và có dung mạo

thế nào. Nghĩa là Ta nhớ lại một đời, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành, kiếp hoại, vô lượng kiếp thành và hoại, chúng sanh kia tên như thế, thuở xưa trải qua đó; Ta từng sanh ở đó, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uông như thê, thọ khô và lạc như thê, trường thọ như thê, tôn tại lâu dài như thê, châm dứt tuôi thọ như thê, chét nơi này sanh nơi kia, chét chô kia sanh chô này; Ta sanh nơi này, họ như thế, tên như thế, sanh như thế, ăn uống như thế, thọ khổ và an lạc như thế, trường thọ như thế, tồn tại lâu dài như thế, chấm dứt mạng sông như thê. Bây giờ là lúc vào khoảng đâu hôm, Ta chứng đác minh đạt trí thứ nhất này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí diệt, mà trí pháp sanh, mê ám tiêu tan mà minh thành tựu, vô minh hoại diệt mà minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt Túc mạng trí. Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không ô uê5 không phiên nhiệt, nhu nhuyên, khéo an trú, đạt đên tâm bát động, học sanh tử trí thông và chứng đăc. Băng thiên nhãn thanh tịnh hơn han người thường, Ta thấy đúng như thật rằng: "Chúng sanh này lúc sanh, lúc tử, khi đẹp, khi xấu, thiện hoặc bất thiện, qua lại chỗ thiện hoặc chỗ không thiện tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân ác hành, khẩu, ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh nào thành tựu thân thiện hành, khẩu, ý thiện hành, không phỉ báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến; do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đến chỗ thiện, sanh lên cõi trời." Bấy giờ vào lúc nửa đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ hai này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí diệt trí phát sanh, mê ám tiêu tan minh thành tựu, vô minh hoại diệt minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt Sanh tử trí. Lại nữa, này Phạm chí, Ta đã chứng định tâm thanh tịnh như thế, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, đạt đến tâm bất động, học Lậu tận thông và chứng đắc. Ta biết như thật rằng: "Bây là khổ, biết như thật rằng đây là khổ tập, khổ diệt, khổ diệt dạo"; biết như thật rằng: "Đay là lậu, biết như thật rằng đây là lậu tập, lậu diệt, lậu diệt dạo." Ta biết như thế, Ta thấy như thế, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi giải thoát, liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Bấy giờ là vào lúc cuối đêm, Ta chứng đắc minh đạt trí thứ ba này, nhờ không phóng dật, sống an lạc trong đời sống viễn ly, tu hành tinh tấn nên vô trí diệt trí phát sanh, mê ám tiêu tan minh thành tựu, vô minh hoại diệt minh phát sanh. Đó là Ta chứng đắc minh đạt Lậu tận trí.



Lại nữa, này Phạm chí, nếu có ai với sự thuyết giảng chân chánh mà thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh sanh ra trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh, vị ây là tôi thăng, không bị khô lạc phủ kín; nên biêt răng vị thuyêt giảng chân chánh ấy chính là Ta. Vì sao? Vì Ta thuyết bất si pháp, đối với chúng sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh sanh trong thế gian, ở giữa tất cả chúng sanh ấy, Ta là tối thắng, không bị khổ lạc phủ kín. Nghe vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã liên bỏ gậy xuống, cúi đâu đảnh lê sát chân

Phật và bạch Thế Tôn: Thế Tôn là bậc nhất, Thế Tôn thật là lớn lao, Thế Tôn tối thượng, Thế Tôn cao tọt, The Ton chanh đang, The Ton không ai bang, The Ton khòng co mọt ai so sánh, Thế Tôn không chướng ngại, Thế Tôn là bậc không gây chướng ngại! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưubàtắc, bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí xứ Tỳ-lan-nhã và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

158. KINH ĐAU-NA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Phạm chí Đầu-na, vào lúc xế trưa, ung dung đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Đầu-na? nếu ai hỏi: "Ong là Phạm chí phải kh6ng?" thì ông có tự xưng mình là Phạm chí chăng? Phạm chí Đâu-na đáp: Này Cù-đàm, nêu ai đáng xưng là Phạm chí thì người ây phải được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, trì chú, đọc tụng tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí, thứ năm là văn phạm. Này Cù-đàm, người đáng gọi là Phạm chí thì chính là tôi vậy. Vì sao? Vì tôi được cha mẹ thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, trì chú, tinh thông bốn bộ điển kinh, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí và văn phạm. Đức Thế Tôn bảo: Này Đầu-na, Ta nay hỏi ông, ông hiểu thế nào trả lời thế ấy. Này Đầu-na, nếu thuở xưa có Phạm chí, lúc thân hoại mạng chung, đã đọc tụng kinh điển, truyền bá kinh điển, tụng tập kinh điển, đó là Dạ-tha, Bà-ma, Bà-ma-đề-bà, Tỳ-xà-mật-đa-la, Dạ-đà-kiền-ni? Ưng-si-la-sa, Bà-tư-tha, Ca-diệp, Bà-la-bà, Bà-hòa; lại chủ xướng có năm hạng Phạm chí: có Phạm chí ngang hàng Phạm thiên, có Phạm chí ngang hàng chư thiên, có Phạm chí không vượt giới hạn, có Phạm chí vượt giới hạn và thứ năm là Phạm chí Chiên-đà-la; thì này Đầu-na, trong năm loại Phạm chí ấy, ông thuộc loại nào? Đầu-na đáp: Này Cù-đàm5 nói có nghĩa tóm lược, không phân biệt rộng rãi nên tôi không hiểu được. Mong Sa-môn Cù-đàm khéo giải thích cho tôi biết! Đức Thế Tôn đáp: Này Đầu-na, hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ, Ta sẽ phân biệt rộng rãi cho ông!



Đâu-na thưa: Xin vâng, thưa Cù-đàm! Thế là Đầu-na vâng lời, lắng nghe. Đức Phật giải thích: Này Đầu-na? thế nào là loại Phạm chí ngang hàng Phạm thiên? Phạm chí nào được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tinh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thư, tụng tập kinh điển, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư, đúng pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộn^, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công sô, không in khác, không tạo thủ bút, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm tho, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, tâm đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu, an tru.

Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, biến khắp mọi phương, tâm đi đôi với từ, không kết? không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Cũng như vậy, bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn cùng khắp thế gian, thành tựu, an trú. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng Phạm thiên. Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí ngang hàng chư thiên? Phạm chí nào được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ khônậ tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đong tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thơ, tụng tập kinh điên, vị ây câu xin của cải đê cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công số5 không in khắc, không tạo thủ bút, không văn chương, không đọc kinh, khônệ ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, chỉ đúng như pháp mà câu xin, cầu xin của cải để cúng phụng Tôn sư. Sau khi bô thí của cải, vị ấy thực hành thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh. Khi đã thành tựu thân diệu hạnh, khẩu và ý diệu hạnh, vị đó nhờ nhân duyên ấy, khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí ngang hàng chư thiên. Này Đầu-na, thế nào là Phạm chí không vượt giới hạn? Phạm chí nào được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tinh, cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thơ, tụng tập kinh điên, vị ây câu xin của cải đê cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật,



không làm công sô, không in khác, không tạo thủ bút, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, nhưng chỉ đúng như pháp mà cầu xin, cầu xin của cải để Cling phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vị ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải không dúng như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có y như vầy đôi với người nữ Phạm chí: "Mong rang yêu ta, gặp gỡ ta đe cùng giao hợp.” Vi ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muôn con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bất tịnh dâm, cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na5 vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh, cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na? Phạm chí ấy lay vợ không phải vì có của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son mà chỉ vì câu con. Sau khi sanh con trong mức độ nào là giới hạn ước định của những Phạm chí thời xưa, vị ấy dừng lại ở đó, giữ giới hạn đó, không vượt qua giới hạn đó.

Này Đầu-na, như vậy gọi là Phạm chí không vượt giới hạn. Này Đầu-na, thế nào gọi là Phạm chí vượt giới hạn? Phạm chí nào được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ kh6ng tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đong tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thư, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh thơ, tụng tập kinh điên, vị áy câu xin của cải đê cúng phụng Tôn sư, đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. The nào là đúng như pháp? Không làm ruộng, không buôn bán, không học thơ, không làm toán thuật, không làm công số, không in khắc, không tạo thủ bút, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, cầu xin đúng pháp, cầu xin của cải để cũng dường Đạo sư. Sau khi bô thí của cải, vi ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải không đung như pháp. Thế nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có ý như vầy đối với người nữ Phạm chí: “Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp." Vi ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bát tịnh dâm, cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn rằng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh, cho nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son mà chỉ vì cầu con. Sau khi sanh con trong mức độ nào



là giới hạn ước định của những Phạm chí thời xua, vị ấy không dừng lại ở đó, không giữ nguyên giới hạn đó, mà vượt qua khỏi giới hạn đó. Này Bầu-na, như vậy gọi là Phạm chí vượt khỏi giới hạn. Này Đầu-na? Phạm chí như thế nào là Phạm chí Chiên-đà-la? Phạm chí nào được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tinh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng, đời đời không ác. Vị ấy trải qua bốn mươi tám năm thực hành đồng tử Phạm hạnh để thấu triệt kinh thơ, tụng tập điển kinh. Sau khi đã thấu triệt kinh tho, tụng tập kinh điển, vị ấy cầu xin của cải để cúng phụng Tổ su, đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thế nào là đúng như pháp? Không làm ruộnệ, không buôn bán, không học sách, không làm toán thuật, không làm công sô, không in khắc, không tạo thủ bút, không văn chương, không đọc kinh, không ngâm thơ, không dùng đao gậy, không phụng sự vua, chỉ đúng như pháp mà cầu xin của cải để cung phụng Tôn sư. Sau khi bố thí của cải, vi ấy đi tìm vợ cho mình đúng như pháp, chứ không phải không đúng như pháp. Thê nào là không đúng như pháp? Phạm chí không có ý như vầy đối với người nữ Phạm chí: "Mong rằng yêu ta, gặp gỡ ta để cùng giao hợp." Vị ấy lấy vợ người nữ dòng Phạm chí chứ không phải người nữ không thuộc dòng Phạm chí, cũng không phải người nữ dòng Sát-lợi, không phải đang mang thai, không phải đã sanh sản. Này Đầu-na, vì lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai? Vì không muốn con trai hay con gái của mình được gọi là sanh ra do bát tịnh dâm nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đang mang thai. Này Đầu-na, vì

lý do gì mà Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản? Vì không muốn răng con trai hay con gái được gọi là do cưỡng bức bất chánh nên Phạm chí ấy không lấy vợ người nữ đã sanh sản. Này Đầu-na, Phạm chí ấy lấy vợ không phải vì của cải, không phải vì kiêu ngạo, không phải vì phục sức, không phải vì phấn son mà chỉ vì cầu con. Khi đã sanh con, vị ấy làm những việc liên hệ đến vua, làm những việc liên hệ giặc cướp, làm những việc liên hệ đến tà đạo, và lại nói như vầy: "Phạm chí có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không phải vì vậy mà nhiễm trước, cũng không ô uế. Như lửa đốt cháy những gì sạch hay không sạch. Cũng vậy9 Phạm chí có quyền làm tất cả mọi sự, nhưng Phạm chí không vì vậy mà bị nhiễm trước, cũng không bị ô uế.” Này Đầu-na, Phạm chí như vậy gọi là Phạm chí Chiên-đà-la. Này Đầu-na, trong năm hạng Phạm chí ấy, ông thuộc hạng nào? Đầu-na trả lời:  Thưa Cíndàm, ngay hạng sau cùng là Phạm chí Chiên-đà-la? con cũng không sánh kịp huống nữa là các Phạm chí trên. Bạch Thế Tôn, con đã biết! Bạch Thiện thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc5 bắt đầu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Đầu-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

159. KINH A-GIÀ-LA-HA-NA

Tôi nghe như vây:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phạm chí A-^ià-la-ha-na, sau bữa cơm trưa, ung dung đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi nhau roi, ngôi qua một bên và nói:

Thưa Cù-đàm, tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép, tôi mới dám trình bày!

Đức Thế Tôn đáp:

- Ông muốn hỏi gì tùy ý!

Phạm chí liền hỏi:

Thưa Cù-đàm, kinh điển của Phạm chí nương vào đâu mà tồn tại?

Đức Thế Tôn đáp:

Kinh điên của Phạm chí nương con người mà tôn tại.

Thưa Cù-đàm, con người nương vào đâu mà tôn tại?

Con người nương vào lúa gạo mà tôn tại.

Thưa Cù-đàm, lúa gạo nương vào đâu mà tồn tại?

Lúa gạo nương vào đát mà tôn tại.

Phạm chí lại hỏi:

Thưa Cù-đàm, đất nương vào đâu mà tồn tại?

The Ton đáp:

-Đất nương vào nước mà tồn tại.

Thưa Cù-đàm, nước nương vào đâu mà tôn tại?

Nước nương vào gió mà tôn tại.

Thưa Cù-đàm, gió nương vào đâu mà tôn tại?

Gió nương vào hư không mà tồn tại.
Thưa cti-dàm, hư không nương vào đâu mà tồn tại?
Hư không không có nương tựa, nhưng nhân mặt trời, mặt trăng mà có hư không.
Thưa Cù-đàm9 mặt trời và mặt trăng nương vào đâu mà tôn tại?
Mặt trời, mặt trăng nương vào Tứ Thiên Vương mà tôn tại.


Phạm chí lại hỏi: Thưa Cù-đàm, Tứ Thiên Vương nương vào đâu mà tồn tại? Thê Ton đáp: Tứ Thiên Vương nương vào Tam Thập Tam thiên mà tồn tại. Thưa Cù-đàm, Tam Thập Tam thiên nương vào đâu mà tồn tại? Tam Thập Tam thiên nương vào Diệm-ma thiên mà tồn tại. -Thưa Cù-đàm, Diệm-ma thiên nương vào đâu mà tôn tại? Diệm-ma thiên nương vào Đâu-suất-đà thiên mà tôn tại. Thưa Cù-đàm, Đâu-suất-đà thiên nương vào đâu mà tồn tại? Đâu-suất-đà thiên nương vào Hóa Lạc thiên mà tồn tại. Thưa Cù-đàm? Hóa Lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại? Hóa Lạc thiên nương vào Tha Hóa Lạc thiên mà tồn tại. Thưa Cù-đàm5 Tha Hóa Lạc thiên nương vào đâu mà tồn tại? —Tha Hóa Lạc thiên nương vào Phạm thiên mà tồn tại. -Thưa Cù-đàm? Phạm thiên nương vào đâu mà tồn tại? Phạm thiên nương vào Đại Phạm mà tồn tại. —Thưa Cù-đàm, Đại Phạm nương vào đâu mà tôn tại? Đại Phạm nương vào nhẫn nhục, ôn hòa mà tồn tại. Phạm chí lại hỏi: -Thưa Cù-đàm, nhẫn nhục, ôn hòa nương vào đâu mà tồn tại? The Ton đáp: Nhẫn nhục, ôn hòa nương vào Niết-bàn mà tồn tại. Phạm chí lại hỏi: Thưa Cù-đàm, Niêt-bàn nương vào đâu mà tôn tại? The Ton đáp: Ý muốn của Phạm chí nương vào những sự kiện không cùng nên ông nay hỏi Ta không có giới hạn, nhimg Niết-bàn không nương vào đâu cả. Niết-bàn là tịch diệt, Niết-bàn là tối thượng. Này Phạm chí, vì thiện lợi này, hãy theo Ta mà thực hành Phạm hạnh! Phạm chí thưa: Bạch đức Thế Tôn, con đã biết! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch đức Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm iru-bà-tăc5 băt đâu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí A-già-la-ha-na sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

160. KINH A-LAN-NA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rưng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo tụ tập ngồi tại giảng đường bàn luận thế này: “Này chư Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu." Lúc ấy, đức Thế Tôn đang ở tại chỗ nghỉ trưa, bằng thiên nhãn thanh tinh hơn han người thường, nghe các Ty-kheo sau bữa ăn trưa, tụ tập ngôi tại giảng đường, đã bàn luận như thế này: “Chu Hiền, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời nay đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cU."Nghe vậy, đức Thế Tôn, vào lúc xế trưa, từ chỗ tĩnh tọa

đứng dậy, đi đến giảng đường. Ngài trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng Ty-kheo và hỏi: Này các Tỳ-kheo, các thầy bàn luận chuyện gì? Vì duyên cớ gì mà tụ tập ngồi tại giảng đường? Nghe đức Thế Tôn hỏi như vậy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng Tỳ-kheo chúng con, sau bữa ăn trưa, tụ tập ngồi tại giảng đường, bàn luận thế này: uNày chư Hiền, thực là kỳ lạ9 thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực qu9 ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cân tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ? việc lành, việc tót lại không thực hành, cũng chẳng mong C*U." Bạch đức Thế Tôn, chúng con đã bàn luận với nhau như vậy. Vì việc ấy nên chúng con đã tụ tập ngồi ở giảng đường. Đức Thế Tôn tán thán: -Lành thay, lành thay! Khi các thầy đã nói với nhau rằng: “Này chư Hiền, thực là kỳ lạ? thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã



sanh ra thì không thể không chết. Nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ9 việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng chẳng mong cầu.” Vì sao? Vì Ta cũng nghĩ thế này: ^Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhimg người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong câu." Này các Tỳ-kheo, vào đời quá khứ, có lúc chúng sanh thọ tám vạn tuổi thì châu Diêm-phù-đê này rát giàu, có nhiêu của cải châu báu, thôn áp gân nhau bằng khoảng cách con gà bay. Lúc ấy, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. Con người chỉ có bệnh như thế này: Lạnh, nóng và đại tiểu tiện, ham muốn, không ăn và già lão, ngoài ra không còn tai họa nào khác. Này các Tỳ-kheo, lúc con người thọ tám vạn tuổi, có vua tên là Câu-lao-bà làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là Pháp vương đúng như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là luân báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được kẻ khác, chắc chắn thống trị toàn cõi đất này, cho đến biển cả? không dùng đao gậy, chỉ dùng pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Này các Tỳ-kheo, vua Câu-lao-bà có vị Phạm chí tên A-lan-na đại trưởng giả, được cha mẹ nuôi lớn, thọ sanh thanh tinh cho đến bảy đời cha mẹ không tuyệt chủng tộc, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điên, thâu triệt nhân duyên, chánh văn, truyện giải trí thứ năm và cú thuyêt. Phạm chí A-lan-na có vô lượng trăm ngàn Ma-nạp-ma. Phạm chí đã ở nơi yên tinh, truyên dạy kinh thơ cho vô lượng trăm ngàn Ma-nạp-ma. Bấy giờ, Phạm chí A-lan-na sống một mình ở nơi yên tinh, tĩnh tọa tư duy, đã suy nghĩ rằng: "Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngăn ngủi, phút chóc đã qua đời khác. Do đó, cân phải làm các việc lành, cân tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhimg người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong cầu. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuât gia học d@0.”

Thê roi, Phạm chí A-lan-na đi đến chỗ các Ma-nạp-ma thuộc nhiều nước khác nhau rồi nói:  Này các Ma-nạp-ma, khi ta sông một mình nơi chô yên tĩnh, tĩnh tọa tư A duy, đã suy nghĩ răng: “Thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Nhimg người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng không mong cầu. Có lẽ ta nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa5 chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Này các Ma-nạp-ma, nay



ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì các ông sẽ làm những gi?" Nghe vậy, các chúng Ma-nạp-ma của những nước khác nhau ây thưa răng: -Thưa Tôn su, những gì chúng con đã biêt đêu nhờ ơn Tôn sư chỉ dạy, nêu Tôn sư cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chúng con cũng sẽ cạo bỏ râu tóc5 mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuât gia học đạo theo gót Tôn sư. Thế rồi, Phạm chí A-lan-na, sau đó, đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Các chúng Ma-nạp-ma thuộc những nước khác ây cũng đêu cạo bỏ râu tóc, mặc áo c-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, theo Tôn sư là Phạm chí A-lan-na ấy mà xuất gia học đạo. Đó là Tôn sư A-lan-na. Đó là sự phát sanh danh hiệu của Tôn sư A-lan-na đệ tử. Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, thực là kỳ lạ, thực là kỳ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng không cau mong. Bấy giờ, Tôn sư A-lan-na thuyết pháp cho đệ tử: -Này các Ma-nạp-ma, thực là kỳ lạ, thực là kỷ lạ! Sanh mạng con người thực quá ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác. Do đó, cần phải làm các việc lành, cần tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra thì không thể không chết. Thế nhưng người đời này đối với việc làm đúng pháp, việc làm hợp lẽ, việc lành, việc tốt lại không thực hành, cũng không cầu mong. Lại nữa, Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, giống như hạt sương mai trên ngọn cỏ, lúc mặt trời mọc thì tan mất, tồn tại tạm thời không thể trường cửu; cũng vậy, này Ma-nạp- ma sanh mạng con người như hạt sương mai, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vi ngọt, mà đau khổ tai họa lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, cũng như lúc trời mưa lớn, nước giọt tạo thành bong bóng, thoạt hiện thoạt biến; cũng vậy? này Ma-nạp-ma, mạng người cũng như bọt nước, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyêt pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:



Này các Ma-nạp-ma, giông như cây gậy ném xuồng nước, nó sẽ trôi trở lên rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng người cũng giống như cây gậy ném xuồng nước, trôi

lên rát nhanh, rát khó giữ được, rát ít, quá ít vi ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: -Này các Ma-nạp-ma, giống như viên ngói mới được nhúng vào bồn nước, rồi đem ra ngay, để ở nơi có gió và nóng thì khô ráo liền; cũng vậy5 này Ma-nạp-ma, mạng người cũng giông như viên ngói mới được nhúng vào bôn nước, rồi khô ráo ngay, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, giống như một miếng thịt nhỏ được bỏ vào nồi nước lớn, bên dưới lửa cháy hừng hực, sẽ tiêu tan rất nhanh; cũng vậy, này Ma-nạp-ma5 mạng người cũng giống miếng thịt tiêu tan kia, rất khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, giống như trói tên ăn cướp dẫn đến dưới gốc cây nêu để giết; mỗi bước chân là một bước tiến gần chỗ chết, là một bước rời xa sự sống; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người cũng như tên cướp bị trói dân đên dưới góc cây nêu đê sát hại, rát khó giữ được, rát ít, quá ít vị ngọt, mà đau khô tai họa lại lớn, tai họa quá nhiêu! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-la-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma? giông như gã đô tê dân bò đi làm thịt; môi bước chân đi là một bước tiên gân đên chô chét, là một bước rời xa sự sông; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người cũng như con bò bị dẫn đi làm thịt, rất khó giữ được, rát ít, quá ít vị ngọt, mà đau khô tai họa lại lớn, tai họa quá nhiêu! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, giống như dệt vải, thêm một hàng chỉ ngang là thêm một phần gần thành, gần xong; cũng vậy, này Ma-nạpma, mạng sống con người cũng như vải dệt gần xong, khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:



,  , A . .  Này các Ma-nạp-ma9 giông như dòng nước trên núi đô xiêt, chảy nhanh, cuôn trôi các thứ, nước chảy ô ạt, không phút nào ngừng; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người quá nhanh, không phút nào ngừng. Này Ma-nạp- ma, mạng sông con người cũng như dòng nước chảy nhanh, rát khó giữ được, rất ít, quá ít vị ngọt, mà đau khổ tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, giống như lúc đêm tối mà liệng gậy xuống đất, hoặc đâu dưới đụng dát, hoặc đâu trên đụng đát, hoặc rơi ngay xuông đát, có khi trúng chỗ sạch, có khi trúng chỗ đất không sạch; cũng vậy, này Ma-nạp-ma, chúng sanh bị vô minh phủ kín, bị ái dục cuốn chặt, hoặc sanh vào địa ngục, hoặc sanh vào súc sanh hay loại ngạ quỷ, hoặc sanh cõi trời, hoặc sanh cõi người. Cũng vậy, này Ma-nạp-ma, mạng sống con người như trong tối mà liệng gậy xuông đát, rát khó giữ được, rát ít, quá ít vi ngọt, mà đau khô tai họa lại lớn, tai họa quá nhiều! Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử:  Này các Ma-nạp-ma, ngay đời này, nay đã đoạn

trừ tham lam, tâm không não hại; thây của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, ta không móng khởi tham lam, muôn chiêm đoạt cho ta. Đôi với tham tâm, ta đã tịnh trừ; r -g x • • cũng vậy, đôi với sân ïihuê, thụy miên, điệu hôi và nghi, ngay trong đời này, ta đã đoạn trừ nghi hoặc, đôi với các pháp thiện không còn do dự, đôi với tâm nghi hoặc, ta đã tịnh trừ. Này Ma-nạp-ma, ngay trong đời này các ông cũng nên đoạn trừ tham, tâm không não hại, thay của cải của kẻ khác hay các vật dụng cần cho sự sống, không nên sanh khởi tham lam, muốn chiếm đoạt cho mình. Đối với tham tâm, các ông nên tinh trừ. Cũng vậy, đối với sân nhuế, thụy miên, điệu hối và nghi, ngay trong đời này, các ông nên đoạn nghi hoặc, đối với các pháp thiện không nên do dự. Tôn sư A-lan-na đã thuyêt pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na lại thuyết pháp cho đệ tử: -Này các Ma-nạp-ma, tâm ta cùng với từ tương ưng, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phô biên cùng kháp, tâm cùng với từ tương ưng, không két, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả tương ưng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập? biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Này Ma- nạp-ma, các ông cũng nên thực hành tâm cùng với từ tương img, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương



trên, phương dưới, phô biên cùng khăp5 tâm cùng với từ tương ưng, không két, không oán, không nhuế, không tranh, rộng rãi, bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm cùng với xả t jT * . tương ưng, không két, không oán, không nhuê, không tranh, rộng rãi, bao la, vô .k r o -i X lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Tôn sư A-lan-na đã thuyết pháp cho đệ tử như vậy. Và Tôn sư A-lan-na đã thuyết Phạm thế pháp cho đệ tử: LÚC Tôn sư A-lan-na thuyêt Phạm thê pháp cho các đệ tử, nêu có vị nào không thực hành pháp ấy đầy đủ thì sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy sanh vào Tứ Thiên Vương hoặc sanh vào Tam Thập Tam thiên, hoặc sanh vào Diệm- ma thiên, hoặc sanh vào Đâu-suất-đà thiên, hoặc sanh vào Hóa Lạc thiên, hoặc sanh vào Tha Hóa Lạc thiên. Còn lúc Tôn sư A-lan-na thuyêt Phạm thê pháp cho các đệ tử, nếu có vi nào phụng hành pháp ấy đầy đủ, tu bốn Phạm thất, xả ly ái dục thì sau khi thân hoại mạng chung, vi ấy được sanh vào cối Phạm thiên. Bây giờ, Tôn sư A-lan-na nghĩ răng: "Dèn đời sau ta không nên cùng với đệ tử sanh chung một nơi. Vậy ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào trong Hoảng Dục thiên.” Nghĩ vậy, sau đó Tôn sư A-lan-na liền tu tăng thượng từ, sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh vào cõi Hoảng Dục thiên. Tôn sưA-lan-na và các đệ tử đã tu học đạo không hư dối, được đại phước báo. Này các Tỳ-kheo, các thầy nghĩ sao, Tôn sưA-lan-na thuở xưa ấy là ai khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Các Tỳ-kheo nên biết, vi ấy chính là Ta vậy, bấy giờ tên Ta là Tôn sư A-lan-na. Lúc đó, Ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta đã thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử ấy. Lúc Ta thuyết Phạm thế pháp cho các đệ tử, có người phụng hành không đay đủ pháp ấy nên khi lâm chung, đã sanh vào Tứ Thiên Vương,

hoặc Tam Thập Tam thiên, hoặc Diệm-ma thiên, hoặc Đâu-suất-đà thiên, hoặc Hóa Lạc thiên, hoặc Tha Hóa Lạc thiên. Còn lúc Ta thuyêt Phạm thê pháp cho các đệ tử, có vị phụng hành đây đủ pháp ây? tu bôn Phạm thất, xả ly ái dục thì sau khi mạng chung, được sanh vào cõi Phạm thiên. Bấy giờ, Ta nghĩ rằng: "Đời sau Ta không nên cùng với các đệ tử sanh chung một nơi. Vậy nay Ta nên tu tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh vào trong Hoảng Dục thiên." Ta và các đệ tử bây giờ tu học đạo không hư dối, được đại quả báo. Bấy giờ, Ta làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thế gian, mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn, khoái lạc cho trời và người. Lúc ấy, Ta thuyết pháp chưa đến chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, chưa rốt ráo Phạm hạnh, chưa thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Bấy giờ, Ta chưa xa lìa được sự sanh, sự già, bệnh tật, sự chết, khóc lóc, ảo não, cũng chưa thoát khỏi mọi khổ đau. Này các Tỳ-kheo5 nay Ta là bậc Xuất Thế, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên

160. KINH A-LAN-NA  907

Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Nay Ta tự làm lợi ích cho minh, làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người. Ta thương xót thê gian, mưu câu thiện lợi và hữu ích, an ôn? khoái lạc cho trời và người. Nay Ta thuyêt pháp đã đên chô rốt ráo, rốt ráo bạch tinh, rốt ráo Phạm hạnh, thành tựu rốt ráo Phạm hạnh. Nay _ _ Ta đã xa lìa sự sanh, sự già, tật bệnh, sự chét, khóc lóc, ảo não. Nay Ta đã thoát khỏi mọi khổ đau. Này các Tỳ-kheo, nêu có người nói đúng thì sẽ nói răng: “Mạng sông con người ngắn ngủi, phút chốc đã qua đời khác; do đó phải làm các việc lành, can tu Phạm hạnh, vì đã sanh ra không thể không chết." Này các Tỳ-kheo, nay nói như thế là nói đúng. Vì sao? Vì nay có ai trường thọ thì lâu lắm là một trăm tuổi, hoặc quá hơn một ít nữa mà thôi. Nếu ai trường thọ thì sống được ba trăm mùa, một trăm mùa xuân, một trăm mùa hạ, một trăm mùa đông, như vậy song được một ngàn hai trăm tháng, bốn trăm tháng mùa xuân, bốn trăm tháng mùa hạA ? bôn trăm tháng mùa đông. Sông một ngàn hai trăm tháng là sông hai ngàn bôn trăm nửa tháng, tám trăm mùa xuân, tám trăm mùa hạ, tám trăm mùa đông. Sống hai ngàn bốn trăm nửa tháng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm, một vạn hai ngàn mùa xuân, một vạn hai ngàn mùa hạ, một vạn hai ngàn mùa đông, sống ba vạn sáu ngàn ngày đêm, là bảy vạn hai ngàn lân ăn với nghỉ, ăn và bú sữa mẹ. Vê sự nghỉ ăn, đó là khô không ăn, sân không ăn5 bệnh không ăn, bận việc không ăn, đi đường không ăn, đen chỗ nhà vua không ăn, ngày trai không ăn, thất bại không nên ăn. Này các Tỳ-kheo, đó là sự sông trong một trăm năm, trong một trăm năm ây với bao nhiêu mùa, với bấy nhiêu mùa có bao nhiêu tháng, bao nhiêu nửa tháng, với bấy nhiêu tháng nửa tháng, bao nhiêu ngày, bao nhiêu đêm, bao nhiêu ngày đêm, bao nhiêu lần ăn9 bao nhiêu lần nghỉ ăn, bao nhiêu lần ăn và nghỉ ăn. Này các Tỳ-kheo, như một Tôn sư khởi tâm đại bi đoái tưởng, xót thương, mưu câu thiện lợi và hữu ích, an ôn, khoái lạc cho đệ tử; sự kiện ây Ta đã làm xong. Các thây hãy nên làm như vậy, hãy đên nơi rừng văng, nơi rừng sâu núi thăm, hay dưới góc cây, nơi yên tĩnh, an ôn mà tĩnh tọa tư duy, không được phóng dật, luôn luôn tinh tân, đừng đê hôi hận vê sau. Đó là lời khuyên giáo của Ta. Đó là huấn thị của Ta. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau

khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

161. KINH PHẠM-MA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Bệ-đà-đề, cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, ở Di-tát-la có Phạm chí tên là Phạm-ma rất giàu có, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ, cây, đều là đặc tặng, là ân tứ của A-xà-thế, con bà Vi-đê-hi, vua nước Ma-kiệt-đà. Phạm chí Phạm-ma có một Ma-nạp tên là Ưu-đa-la được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh cho đến bảy đời cha mẹ5 chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, học rộng, thông suốt, tụng đọc hết bốn loại kinh điển, thấu triệt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm và cú thuyết. Phạm chí Phạm-ma nghe có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, đã từ giã dòng họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đê cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Sa-môn Cù-đàm ấy có danh tiếng lớn lao, mười phương đều nghe: a6Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vi ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người cho đến trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an trú. Vị ấy thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh.,, Lại nghe rằng: uSa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nếu ai thành tựu tướng của Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp chân thực, không sai lầm, đó là nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bôn loại quân, chỉnh tri thiên hạ, tự do, tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, chỉ đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm r y y lan kháp, mười phương đêu nghe." Phạm chí Phạm-ma nghe vậy liên bảo:  Này Ưu-đa-la, ta nghe như thế này: "Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, đã từ bỏ tông tộc họ Thích, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình,



Sống không gia đình, xuất gia học đạo, đang du hóa tại nước Bệ-đà-đề cùng với đại chúng T'-kheo." Này Ưu-đa-la, Sa-môn Cù-đàm ấy tiếng tăm lớn lao, mười phương đều nghe: "Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ? Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu. Vi ấy trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ người cho đến trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đăc, thành tựu an trú. Vị ây thuyêt pháp phân đâu thiện, phân giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa, có văn, đây đủ thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh." Lại nữa, này Ưu-đa-la, Sa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Nêu ai thành tựu tướng của Đại nhân thì chăc

chăn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm, đó là nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vị ây cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì chác chăn đác quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Này Ưu-đa-la, ông thọ trì các kinh, chắc chắn có biết về ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân và biết rằng, nêu ai thành tựu tướng của Đại nhân thì chác chăn có hai trường hợp chân thực, không sai lầm, đó là nếu vi ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vi ấy cạo bỏ râu tóc, mặc L e r y áo càsa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì chác chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đêu nghe. Ong có biêt như vậy chăng? Ưu-đa-la đáp:  Thưa Tôn su, con thọ trì các kinh, có biết về ba mươi hai tướng của Đại nhân, và biết rằng, nếu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm, đó là nếu vị ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do, tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng



mãnh, không sợ, hàng phục nổi địch quân, vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ôn. Và nêu vi ây cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Nghe như vậy, Phạm chí Phạm-ma bảo:  Này Ưu-đa-la, ông hãy đến chỗ Sa-môn Cù-đàm9 xem Sa-môn Cù-đàm có đúng như the, hay không đúng như the, quả thực có ba mươi hai tướng của Đại nhân chăng? Ma-nạp Ưu-đa-la nghe bảo như vậy, liền cúi đầu đảnh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma, đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, ngồi qua một bên quán sát ba mươi hai tướng trên thân đức Thê Tôn. Ma-nạp ây thấy trên thân Ngài có ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng, đó là tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Bấy giờ, đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Ưu-đa-la này đối với ba mươi hai tướng của Ta, chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài, nay Ta nên trừ mối nghi ngờ ấy.' Nghĩ vậy, đức The Tôn liền nhập như kỳ tượng và hiện như ý túc.

Sau khi Thế Tôn nhập kỳ tượng và hiện như ý túc thì Ma-nạp Ưu-đa-la thây được tướng mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài trên thân đức Thế Tôn. Tướng lưỡi rộng dài là khi le ra, lưỡi phủ khắp cả mặt. Khi đã trông thấy, Ưu-đa-la Ma-nạp nghĩ: ccSa-môn Cù-đàm thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân, chắc chan có hai trường hợp chân thật, không sai lâm, đó là nêu vi ây ở tại gia thì chác chăn làm Chuyên Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không SỌT, hàng phục nổi địch quân, vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến biển cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an ổn. Và nếu vi ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống khônẹ gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Ma-nạp Ưu-đa-la lại nghĩ: “Ta nên quán sát kỹ về oai nghi, lễ tiết và nơi Cù-đàm du hành.^, Nghĩ vậy, Ma-nạp ưu-đa-la lẻo dẻo đi theo đức Phật, trong bốn tháng hạ, quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi đức Phật du hành. Qua bốn tháng hạ, Ma-nạp ưu-đa-la cảm thấy hoan duyệt khi đã quán sát oai nghi, lễ tiết và nơi đức Phật du hành, liền thưa:  Thưa Cù-đàm5 con nay có việc muôn trở vê, xin từ giã Cù-đàm!



Đức Thế Tôn bảo:  Này ưu-đa-la, ông cứ đi, tùy ý! Ma-nạp ưu-đa-la nghe đức Thế Tôn nói như vậy, khéo thọ trì, liền từ chỗ ngôi đứng dậy, đi quanh ba vòng roi lui ra, đi đên chô Phạm chí Phạm-ma, cúi đầu đảnh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Phạm chí Phạm-ma hỏi: —Này ưu-đa-la9 có quả như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe, đúng như vậy, hay không đúng như vậy? Quả Cù-đàm có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân chăng? Ma-nạp Ưu-đa-la đáp: —Đúng như vậy, thưa Tôn sư. Quả đúng như lời đồn, Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe. Sa-môn Cù-đàm quả thực như vậy, chứ không phải không thực như vậy, thực có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Sa-môn Cù-đàm có lòng bàn chân băng phăng, đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thưa Tôn su, lòng bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có hình bánh xe. Bánh xe có một ngàn tăm và đầy đủ các bộ phận. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, ngón chân của Sa-môn Cù-đàm thon dài. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. r Lại nữa, mu bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì ngay ngăn. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, phía sau hai bên mắt cá của gót chân Sa-môn Cù-đàm thì đầy dặn, băng phăng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, hai mắt cá nơi bàn chân của Sa-môn Cù-đàm thì nhỏ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, lông ở thân thể của Sa-môn Cù-đàm mọc hướng lên. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, bàn tay và bàn chân của Sa-môn Cù-đàm có những màng lưới như nhạn chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, tay chân của Sa-môn Cù-đàm rất đẹp, mềm mại xòe ra như hoa Đâu-la. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, da thịt của Sa-môn Cù-đàm mịn màng, bụi nước không dính được. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, mỗi một lỗ chân lông ở trên thân của Sa-môn Cù-đàm mọc một sợi

lông màu xanh lóng lánh, xoáy ốc về phía bên phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, đùi của Sa-môn Cù-đàm như đùi của nai chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

161. KINH PHẠM-MA 913

Lại nữa, mã âm tàng của Sa-môn Cù-đàm giống như ngựa chúa tốt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thân hình của Sa-môn Cù-đàm cân xứng, đẹp đẽ cũng giống như cây Ni-câu-loại, trên dưới hoàn toàn tương xứng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thân hình Sa-môn Cù-đàm không gu, không còng. Thân không còng nghĩa là đứng thẳng ma duỗi tay thì rờ tận đau gối. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm màu vàng, giống như màu vàng tía. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm có bảy chỗ đầy đặn. Bảy chỗ đầy đặn là hai bàn tay, hai bàn chân, hai vai và cổ. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, thân của Sa-môn Cù-đàm phần trên lớn giống như thân sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, quai hàm của Sa-môn Cù-đàm như của sư tử. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, xương sống và lưng của Sa-môn Cù-đàm thẳng bằng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, trên hai vai của Sa-môn Cù-đàm liên tiếp qua cổ đầy đặn, bằng phẳng. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có bốn mươi cái răng, răng đều đặn, răng không khuyết hở, răng trắng trong, có mùi vị bậc nhất. Đó là tướng của Đại nhân Sa- môn Cù-đàm. Lại nữa, tiếng nói của Sa-môn Cù-đàm đáng ưa như tiếng trời Phạm thiên, âm thanh như tiếng Ca-lăng-tần-già. Đó là tướng của Đại nhân Sa- môn Cù-đàm. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm có lưỡi rộng dài. Lưỡi rộng dài là lưỡi khi le ra trùm khắp cả mặt. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, khóe mắt của Sa-môn Cù-đàm đầy như của trâu chúa. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, mắt của Sa-môn Cù-đàm màu xanh lóng lánh. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, đỉnh đầu của Sa-môn Cù-đàm có nhục kế, tròn cân đối, xoáy tròn về hướng phải như vỏ ốc. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm. Lại nữa, giữa hai hàng lông mày của Sa-môn Cù-đàm có sợi lông trắng trong, mọc xoáy ve hướng phải. Đó là tướng của Đại nhân Sa-môn Cù-đàm.

914 KINH TRUNG A-HÀM

Sa-môn Cù-đàm đã thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân như vậy. Nêu ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân thì chác chăn có hai trường hợp chân thật, không sai lâm, đó là nêu vị ây ở tại gia thì chác chăn làm Chuyên Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự do tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được quân địch, chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả, không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiên dân an ôn. Và nêu vị ây cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo thì chắc chắn đắc quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp, mười phương đều nghe. Lại nữa, thưa Tôn su, tôi thấy Sa-môn Cù-đàm

lúc đáng mặc áo thì mặc áo, lúc đáng đắp y thì đắp y, lúc đáng ra khỏi phòng thì ra khỏi phòng, lúc đáng ra khỏi vườn thì ra khỏi; trên đường đi đến thôn xóm, lúc đáng vào thôn xóm mới vào; đứng ở đường hẻm, lúc đáng vào nhà mới vào; giường chính, chỗ đáng ngôi mới ngôi; lúc đáng rửa tay mới rửa; lúc đáng nhận đồ ăn? thức uông mới nhận; lúc đáng ăn mới ăn; sau khi rửa tay, chú nguyện xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đáng ra khỏi nhà mới đi ra; đến đường hẻm đáng ra khỏi xóm, mới ra khỏi; lúc đáng vào vườn, mới vào; lúc đáng vào phòng, mới vào. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm mặc áo ngay ngắn, không cao không thấp, áo không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến áo tuột khỏi thân. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm đắp y ngay ngắn, không cao không thấp, y không bó sát thân, gió không thể thổi tung khiến y tuột khỏi thân. Thưa Tôn sư, Sa-mon Cù-đàm thường đắp y mới, tùy thuận Thánh nhân, dùng dao cắt ra từng miếng rồi may lại, nhuộm thành hoại sắc, cũng như y hoại săc của bậc Thánh nhân đã nhuộm. Vị ây đăp y không phải vì của cải, không phải vì cống cao, không phải để trang sức, không phải để cho oai vệ, mà chỉ để ngăn chặn muỗi mòng và tránh sự ma sát của gió và nắng, và vì sự hổ thẹn nên phải che kín thân thể. Thưa Tôn sư, khi ra khỏi phòng, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, cũng không ngước lên; ra khỏi phòng, thân không bao giờ cúi xuồng. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc muốn di, trước hết phải bước chân phải, dỡ chân lên, để chân xuống một cách chững chạc, đi không gây thành tiếng động, không đi quàng xiên; lúc di, hai gót chân không bao giờ chạm nhau. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm lúc đi không bị bụi dính vào. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước. Thưa Tôn su, lúc ra khỏi vườn, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên; lúc ra khỏi vườn, thân không bao giờ cúi xuống. Đi đến thôn



xóm làng, thân luôn luôn quay về lối phải, quán sát như cái nhìn của một con voi chúa nhìn khắp nơi, không hãi, không sợ, cũng không khiếp đảm, xem khắp các phương. Vì sao? Vì là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn sư, lúc vào thôn xóm, thân không cúi xuông, không ngước lên; lúc vào thôn xóm, Sa-môn Cù-đàm không bao giờ cúi xuống. Lúc ở đường hẻm, Sa-môn Cù-đàm không cúi xuống mà nhìn, cũng không ngước lên mà trông, chỉ nhìn ngay thẳng, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự thấy và biết. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước. Thưa Tôn su, lúc vào nhà, Sa-môn Cù-đàm thân không cúi xuống, không ngước lên; lúc vào nhà, thân không bao giờ cúi xuống. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm xoay mình lại thì xoay theo hướng phải, ngôi trên giường kê ngay ngăn, không ngôi lên giường một cách nặng nê, cũng không chông tay dưới trôn mà ngôi, khi đã ngôi, không thấy áy náy, không bứt rứt, cũng không thích thú, lúc thọ nhận nước rửa, không cao, không thấp, không nhiều, không ít, thọ nhận đồ ăn thức uống, cũng không cao, không thấp, không nhiều, không ít. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm thọ thực ngang bình bát, canh và cơm bằng nhau. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm bốc thức ăn chững chạc, từ từ bỏ vào miệng, khi thức ăn chưa đến thì không há miệng ra mà đợi sẵn, khi thức ăn đã vào miệng thì nhai ba lần mới nuốt, không có miếng cơm hay canh nào mà không nghiền nát, thức ăn còn lại trong miệng thì nuốt xuống hết rồi mới bốc nam khác. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm do ba việc thanh tịnh mà ăn, muốn vừa vị,

chứ không nhiễm trước vào vị. Vị ấy ăn không vì phải của cải, không vì cống cao, không vì trang sức, không vì oai vệ, mà chỉ muốn bảo tồn thân thể sống lâu, không tai họa, để ngăn chặn bệnh cũ, không sanh bệnh mới, duy trì sự sống không tai họa, sức khỏe, an lạc. Ăn xong, vị ấy dùng nước rửa tay, không cao, không thấp, không nhiều, không ít; dùng nước rửa bát, không cao, không thấp, không nhiêu, không ít; sau khi rửa tay sạch thì bát cũng sạch, rửa bát sạch thì tay cũng sạch, lau tay rồi lau bát, lau bát rồi lau tay, khi đã rửa và lau bát xong, để đặt xuống một bên, không gần, không xa, không nhìn hoài vào bát, cũng không lơ là bát. Sa-môn Cù-đàm không chê thức ăn này, cũng không khen thức ăn kia, chỉ im lặng ăn xong, thuyết pháp cho các cư sĩ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, vị ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi về. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi nhà, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc ra khỏi nhà, thân không bao giờ cúi xuống; lúc ở tại đường cái, ngõ



hẻm, không cúi nhìn xuống, cũng không ngước lên, chỉ nhìn thẳng đằng trước, trong đó không có gì ngăn ngại đối với sự biết và sự thấy. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm có các căn thường định. Vì sao? Vì nhờ thiện hành thuở trước. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc ra khỏi thôn, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc ra khỏi thôn, thân không bao giờ cúi xuống. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm lúc đi vào vườn, thân không cúi xuống, ngước lên; lúc đi vào vườn, thân không bao giờ cúi xuống. Thưa Tôn sư, sau bữa ăn trưa, Sa-môn Cù-đàm thu dọn y, bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, vào phòng tĩnh tọa. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm đi vào phòng tĩnh tọa để làm lợi ích cho thế gian. Thưa Tôn su, vào lúc xế trưa, Sa-môn Cù-đàm từ chỗ tĩnh tọa đứng dậy, sắc diện trong sáng. Vì sao? Vì là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Thưa Tôn su, Sa-môn Cù-đàm từ miệng phát ra với tám thứ âm thanh, một là sau sắc, hai là tỳ-ma-lâu-bệ, ba là nhập tâm, bốn là khả ái, năm là rất đầy, sáu là sống động, bảy là rõ ràng, tám là có trí, khiến cho mọi người mến chuộng, mọi người ưa thích, mọi người ghi nhớ, sẽ được định tâm. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm thuyêt pháp tày theo chúng, âm thanh không ra ngoài chúng, chỉ vừa ở trong chúng. Thuyết pháp cho chúng, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy trở ve chỗ cũ. Thưa Tôn sư, Sa-môn Cù-đàm là như thế đó, có những cái thù thắng hơn nữa. Con muốn đến theo học Phạm hạnh với Sa-môn Cù-đàm. Phạm chí Phạm-ma đáp: -Tuy y ong! Thế là Ma-nạp Ưu-đa-la cúi đầu đảnh lễ sát chân Phạm chí Phạm-ma? đi quanh ba vòng rồi lui ra, đi đến chỗ đức Phật, đảnh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, con nay xin theo Thế Tôn học đạo, thọ Cụ túc giới, trở thành Ty-kheo, để được theo Thế Tôn tu hành Phạm hạnh! Bấy giờ, đức Thế Tôn độ cho Ma-nạp Ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc. Sau khi độ cho Ma-nạp ưu-đa-la, cho theo học đạo, cho thọ Cụ túc, Thế Tôn du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo? lần hồi đi lên Di-tát- la, trú ở rừng xoài Đại Thiên trong xứ ấy. Các cư sĩ ởpi-tát-la nghe rằng: "Sam6n Cù-đàm là con dòng họ Thích, từ bỏ thân tộc, xuất gia học đạo, đang du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi đến Di-tát-la này và đang trú ở trong vườn xoài Đại thiên; Sa-môn Cù-đàm có tiếng tăm lớn,

mười phương đều nghe; Sa-môn Cù-đàm là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng



Hựu. Sa-môn ấy ở đời này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, • r r. ĩ • r từ người đên trời mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đác, thành tựu an trú; vị ây thuyết pháp phần đầu thiện, phan giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh; nếu ai chiêm ngưỡng đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mà kính trọng lễ bái, Cling dường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi vui thay! Chúng ta nên cùng nhau đên chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái, cúng đường." Thế rồi, Phạm chí, cư sĩ ở pi- tát-la, mỗi hạng có quyến thuộc tháp tùng, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại Thiên, muốn chiêm ngưỡng Thế Tôn, lễ bái, cúng dường. Khi đã đến chỗ đức Phật, trong số Phạm chí, cư sĩ ấy, có người cúi đau đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi qua một bên; có người chào hỏi đức Phật, rồi ngồi qua một bên; có người chắp tay hướng về đức Phật, rồi ngồi qua một bên; có người từ xa nhìn đức Phật, rồi im lặng ngồi xuống. Khi các cư sĩ Phạm chí Di-tát-la đã ngồi xong, đức Phật thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đức Phật dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát tâm khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, Ngài im lặng an tru. Phạm chí Phạm-ma nghe rằng: uSa-môn Cù-đàm là con dòng họ Thích, từ bỏ tông tộc họ Thích, xuất gia học đạo, du hành tại nước Bệ-đà-đề cùng đại chúng Tỳ-kheo, lần hồi đi đến Di-tát-la và tru ở trong rừng xoài Đại thiên; Sa-môn Cù- đàm có tiếng tăm lớn, mười phương đều nghe; Sa-môn ấy là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đang Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở đòd này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, mà tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, thành tựu an tru. Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh nếu ai chiêm ngưỡng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, kính trọng, lễ bái, cúng đường, thừa sự thì sẽ được thiện lợi an vui. Vậy, ta nên đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm và lễ bái, cúng dường.,, Phạm chí Phạm-ma bảo người đánh xe: Ông hãy sửa soạn xe, ta mong đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Người đánh xe vâng lời, sửa soạn xe xong, trở lại thưa: Xe đã sửa soạn xong, mong Tôn sư tự biết thời. Thế là Phạm-ma dung cỗ xe rất xinh đẹp, từ Di-tát-la đi đến hướng Bắc, đến rừng xoài Đại Thiên để điiêm ngưỡng Thế Tôn và lễ bái, cúng dường. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Phạm chí Phạm-ma từ xa trông thấy Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đồ chúng ngồi vây quanh trước sau. Thấy vậy, Phạm-ma khiếp sợ, liền rẽ qua một bên lề đường, dừng lại dưới gốc cây, bảo Ma-nạp rằng: Ông hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta thăm hỏi thế này: "Thua Cù- đàm, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực

như thường chang?" Ông hãy nói như thế này: "Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm- ma của con xin kính lời thăm hỏi Ngài, Thánh thể có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng? Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm.,, Bấy giờ, Ma-nạp vâng lời, đến chỗ Phật, chào hỏi rồi ngồi qua một bên, thưa:  Thưa Cù-đàm, Tôn sư Phạm-ma của con có lời thăm hỏi rằng: "Thánh thể Cù-đàm có khang kiện, an lạc, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực như thường chăng?,, Thưa Cù-đàm? Tôn sư Phạm-ma của con muốn đến chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm. Đức Thế Tôn bảo:  Này Ma-nạp, mong cho Phạm chí Phạm-ma an ổn, khoái lạc, mong cho trời và người, a-tu-la? kiền-đạt-hòa? la-sát và các chủng loại khác được an ổn, khoái lạc, này Ma-nạp, Phạm chí Phạm-ma muốn đến thì tùy ý! Nghe đức Phật nói vậy, Ma-nạp khéo thọ trì, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra, trở về chỗ Phạm chí Phạm-ma và thưa:  Thưa Tôn sư, con đã thưa như vậy với Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm hiện đang đợi Tôn sư. Mong Tôn sư biết thời! Nghe vậy, Phạm chí Phạm-ma liền xuống xe, đi bộ đến chỗ Phật. Đại đồ chúng ây từ xa trông thây Phạm chí Phạm-ma đi đên, liên từ chô ngôi đứng dậy, tránh sang một bên để chừa lối đi. Vì sao? Vì trọng người có danh đức, được nhiều người biết đến, Phạm chí Phạm-ma liền nói:  Chư Hiên, các vị hãy ngôi lại như cũ. Tôi muôn đi thăng đên chiêm ngưỡng Sa-môn Cù-đàm. Thế rồi, Phạm-ma đi đến chỗ đức Phật chào hỏi nhau, rồi ngồi qua một bên. Bấy giờ, hai căn của Phạm-ma không bị hư hoại. Đó là nhãn căn và nhĩ căn. Sau khi ngồi xuống, Phạm chí Phạm-ma quan sát kỹ ba mươi hai tướng của Thế Tôn. Phạm-ma chỉ thấy ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Phạm chí Phạm-ma nói bài kệ để hỏi đức Thế Tôn: Như trước tôi đã từng nghe, Đại nhân ba mươi hai tướng, Nay xem trên thân Cíi-dàm, Trong đó, không thấy hai tướng, Vậy mã âm tàng có chăng, Kín nhiệm nơi người tôn quý? Tại sao nay bạc Toi Ton, Không hiện tướng lưỡi vi diệu? Nếu có tướng lưỡi rộng dài, Mong cho tôi nay được thấy. Nay tôi thật có nghi hoặc, Mong Điều Ngự giải trừ cho. Nghe vậy, đức Thế Tôn nghĩ rằng: 'Tham chí Phạm-ma này muốn tìm ba mươi hai tướng nơi thân Ta, nay chỉ thấy được ba mươi tướng, còn nghi ngờ về hai tướng là mã âm tàng và tướng lưỡi rộng dài. Nay Ta nên trừ mối nghi hoặc ấy." Đức Thế Tôn biết thế nên thực hiện như kỳ tượng như ý túc. Sau khi Thế Tôn thực hiện như kỳ tượng như ý túc, Phạm chí Phạm-ma thấy được tướng mã



âm tàng và lưỡi rộng dài trên thân đức Thế Tôn. Trong đó, tướng lưỡi rộng dài là lưỡi khi từ trong miệng le ra trùm khắp cả mặt. Đức Thế Tôn thâu lại như ý túc, nói cho Phạm-ma nghe bài tụng: Trước đây ông đã từng nghe, Đại nhân ba mươi hai tướng, Tất cả đều ở thân Ta, Tròn đầy chân chánh tối thượng. Điều Ngự đoạn trừ nghi ấy, Phạm chí phát lòng tin mầu, Thực khó được thấy nghe, Bậc Chánh Giác tối thượng. Quả rát hiêm ra đời, Bậc Chánh Giác tối thượng, Phạm chí, Ta Chánh Giác, Chánh pháp vô thượng vương. Phạm chí Phạm-ma nghe vậy liền nghĩ: uSa-môn Cù-đàm này thành tựu ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân. Ai thành tựu tướng của bậc Đại nhân thì chắc chắn có hai trường hợp chân thật, không sai lầm, đó là nếu vi ấy ở tại gia thì chắc chắn làm Chuyển Luân Vương, thông minh, trí tuệ, có bốn loại quân, chỉnh trị thiên hạ, tự

do, tự tại, là Pháp vương như pháp, thành tựu bảy báu. Bảy báu ấy là xe báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, cư sĩ báu và tướng quân báu. Đó là bảy báu. Nhà vua có đủ một ngàn người con, dung mạo khôi ngô, dõng mãnh, không sợ, hàng phục được địch quân, vị ấy chắc chắn thống lãnh toàn cõi đất này, cho đến bể cả? không dùng đao gậy, đem pháp giáo hóa, khiến dân an lạc. Và nếu vi ấy cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì chác chăn đác quả Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, tiếng tăm lan khắp mười phương đều nghe." Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như thế này: "Phạm chí Phạm-ma này không bao giờ dua nịnh, lừa dối, nếu muốn hỏi điều gì là vì muốn biết, chớ không phải để quấy rầy. Phạm chí ấy cũng vậy, Ta nên thuyết A-tỳ-đàm thậm thâm cho vị ây. Đức Thê Tôn biêt như vậy, liên nói cho Phạm chí Phạm-ma nghe bài tụng: Vì pháp lạc đời nay, Và lợi ích đời sau, Phạm chí hãy thưa hỏi, Tùy những điều đã nghĩ. Phạm chí hỏi các điều, Ta đoạn nghi cho ông, Thế Tôn đã cho phép, Phạm chí Phạm-ma hỏi Thê Tôn vê những điêu, Tùy theo ý đã nghĩ. Thế nào là Phạm chí? Tam đạt có nghĩa gì, Vì sao nói Vô trước, Đẳng chánh giác là gì? Bấy giờ, đức Thế Tôn nói tiếp bài kệ để giải thích: Diệt pháp ác, bất thiện, Vững trú nơi Phạm hạnh, Tu tập hạnh Phạm chí, Như vậy là Phạm chí. Thấu suốt về quá khứ, Thấy lạc và ác đạo, Dứt trừ sạch vô minh, Biết vậy là Mâu-ni. Khéo biết tâm thanh tịnh, Dứt sạch dâm, nộ, si, Thành tựu được Tam minh, Như vậy là Tam đạt. Viễn ly pháp bất thiện, Chánh tru đệ nhất nghĩa,



Thế gian tôn kính nhất, Như vậy là Vô trước. Làm lợi ích trời, người, Thánh nhân, dứt đấu tranh Biết khắp, chứng diệt tận, Như vậy là Chánh giác. Nghe vậy, Phạm-ma liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân Phật. Bấy giờ, đại chúng cùng một lúc nói lớn rằng: "Sam6n Cùdàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về sự thọ sanh. Phạm chí Phạm-ma được cha mẹ sanh ra với sự thọ sanh thanh tịnh, cho đến bảy đời cha mẹ, chủng tộc không tuyệt, đời đời không ác, thê mà Phạm chí ây đã hét lòng tôn kính, lê bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này thì Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về sự học kinh điển, Phạm chí Phạm-ma học rộng, thông suot, đọc tụng hét bôn loại kinh diên, thâu triệt nhân duyên, chánh văn, hí truyện thứ năm và cú thuyết; thế mà Sa-môn Phạm chí ấy đã hết lòng cung kính, lễ bái cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu. Vì sao? Vì trong tất cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tài sản, Phạm chí Phạm-ma rất giàu, của cải vô lượng, sản nghiệp chăn nuôi không thể tính toán, phong hộ, thực ấp đầy đủ mọi thứ. Di-tát-la này cho đến nước, cỏ cây đều là đặc tặng, ân tứ của A-xà-thế, con bà Vi-đề-hi, vua nước Ma-kiệt-đà; thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn trọng, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Sa-môn Cù-đàm, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Ngài có đại như ý túc, đại oai đức, đại phước hựu, đại oai thân. Vì sao? Vì trong tát cả Phạm chí, cư sĩ ở Di-tát-la này, Phạm chí Phạm-ma là người bậc nhất về tuổi thọ. Phạm chí

Phạm-ma là vị trưởng lão, sống đến một trăm hai mươi sáu tuổi; thế mà Phạm chí ấy đã hết lòng tôn kính, lễ bái, cúng dường, phụng sự Sa-môn Cù-đàm. Bấy giờ5 đức Thế Tôn với tha tâm trí, biết tâm đại chúng đang nghĩ gì. Biết vậy, Thế Tôn bảo Phạm chí Phạm-ma:  Hãy thôi, này Phạm chí, chỉ cần với tâm thỏa mãn là được. Hãy ngồi trở lại, Ta sẽ thuyết pháp cho. Phạm chí Phạm-ma cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn thuyết pháp cho Phạm chí, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi băng vô lượng phương tiện thuyêt pháp, khuyên phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, đúng như pháp của chư Phật, trước hết, đức Thế Tôn thuyết pháp đoan chánh, khiến người nghe hoan duyệt. Đó là thuyết về pháp thí, về giới và về sanh thiên, chỉ trích dục là tai họa, sanh tử là ô uế; tán thán vô dục là



diệu đạo phẩm, là bạch tịnh. Sau khi thuyết như vậy, Thế Tôn biết Phạm chí ấy có tâm hoan hỷ, tâm cụ túc, tâm nhu nhuyến, tâm kham nhẫn, tâm tăng thượng, tâm nhất hướng, tâm không nghi, tâm không bi che lấp, có đủ khả năng thọ nhận Chánh pháp của Phật, đức Thê Tôn theo như những pháp quan yêu mà chư Phật đã thuyết, Ngài thuyết cho Phạm chí nghe đầy đủ về khổ, tập, diệt và đạo. Phạm chí Phạm-ma ngay nơi chỗ ngồi thấy bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Cũng như vải trắng nhuộm dễ ăn màu; cũng vậy, Phạm-ma ngay trong chỗ ngồi thấy rõ bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Bấy giờ, Phạm-ma đã thấy pháp, đắc pháp, chứng đắc bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn tôn kính một ai khác nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả vị chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, Phạm chí chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kê từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đen khi mạng chung! Và rồi, Phạm chí Phạm-ma lại chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch tiếp:  Bạch Thế Tôn, mong ngày mai đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo đoái tưởng nhận lời mời của con! Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời của Phạm-ma. Phạm chí Phạm-ma biết đức Thế Tôn đã im lặng nhận lời mời nên cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, đi quanh ba vòng và lui ra, trở về nhà. Ngay đêm ấy, Phạm chí Phạm-ma cho sửa soạn các món ăn mỹ diệu ngon lành, đủ các thức nhai và nuốt. Sửa soạn xong, sáng lại cho trải giường và đúng lúc thì xướng lên rằng: "Bạch Thế Tôn, bữa cơm được soạn xong, kính mong đức Thánh biết th&i!“ Sáng hôm ấy, đức Thế Tôn mang y cầm bát đi trước, chúng Tỳ-kheo theo sau, đi đến nhà của Phạm chí Phạm-ma; đến nơi, đức Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước chúng Tỳ-kheo. Phạm chí Phạm-ma thấy đức Thế Tôn và chúng Tỳ- kheo đã ngồi xong, liền thân hành múc nước rửa, đem thức ăn ngon lành, cùng các thức nhai và nuốt, tự tay sớt vào, khiến các vị ăn no. Sau khi ăn rồi, thu dọn và lây nước rửa xong, Phạm chí ngôi vào một ghê nhỏ đê thọ nhận sự chú nguyện. Phạm chí Phạm-ma ngôi xong, đức Thê Tôn chú nguyện răng: Chú hỏa, tế bậc nhất, Thong âm? gốc các âm, Vua tôn quý trong người, Biển, lớn hơn sông ngòi, Trăng, sáng hơn các sao, Nhưng - sáng - nhất: Mặt trời. Cùng tận khắp mười phương, Trong tát cả thê gian, Chư thiên và nhân loại, J Duy ..... Phật đệ nhát  ' tôn. Sau khi chú nguyện cho Phạm chí Phạm-ma, đức Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, đên nước Di-tát-la, ở lại vài ngày, roi mang y, câm bát du hành nước

Xá-vệ. Lần hồi đi đến nước Xá-vệ, Ngài tru tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo vào Xá-vệ khất thực, nghe Phạm chí Phạm-ma nước Di-tát-la, sau khi dùng bài kệ hỏi đức Phật mọi việc thì liền lâm chung. Nghe vậy, sau bữa ăn trưa, các Tỳ-kheo thu dọn y bát, rửa tay chân, lấy ni-sư-đàn vắt lên vai, đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng một bên thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo chúng con vào lúc sáng sớm mang y, cầm bát vào Xá-vệ khất thực, nghe rằng Phạm chí Phạm-ma ở nước Di-tát-la? sau khi dùng bài kệ vấn sự đức Phật thì liền lâm chung. Bạch Thế Tôn, như vậy Phạm chí ấy sẽ đến nơi nào? Sanh nơi nào? Đời sau ra sao? ĐứcThế Tôn đáp: Này các Tỳ-kheo, Phạm chí Phạm-ma có đại lợi ích, vào lúc tối hậu, đã biết pháp, vì pháp cho nên không làm phiên nhọc Ta. Này Tỳ-kheo? Phạm chí Phạm-ma đã dứt sạch năm hạ phần kiết sử, sanh đến nơi ấy sẽ đắc Niết-bàn, đắc pháp bất thối, không trở lại cõi này nữa. Bấy giờ, Ta đã ghi nhận rằng Phạm chí Phạm-ma đắc A-na-hàm. r Đức Phật thuyết như vậy, Phạm chí Phạm-ma và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Ma-kiệt-đà? trú ở thành Vương Xá. Bấy giờ, đức Thế Tôn đến nhà thợ gốm và nói rằng: Này thợ gốm, Ta nay muốn tạm trú ở phòng làm đồ gốm một đêm, ông có thuận chăng? Thợ gốm trả lời: Con chẳng trở ngại gì nhưng đã có một Tỳ-kheo trú trong đó trước rồi. Nếu vị ấy thuận thì xin tùy ý! Lúc ấy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đã tru ở trong phòng làm đồ gốm ấy trước roi. Bây giờ, đức Thê Tôn ra khỏi nhà thợ gôm, đi vào phòng làm gôm và nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa~lợi: Này Tỳ-kheo, Ta nay muốn tạm trú một đêm ở phòng làm gốm, thầy có thuận chăng? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa Hiền giả, tôi không trò ngại, vả lại ở phòng làm gốm này có chỗ ngôi băng cỏ đã trải xong. Hiên giả muôn ở lại, xin tùy ý! Bấy giờ, đức Thế Tôn từ phòng làm gốm đi ra ngoài, rửa chân rồi mới trở vào, lây ni-sư-đàn trải lên chô ngôi băng cỏ mà ngôi kiêt-già, suôt đêm yên lặng, tĩnh tọa, định ý. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng, tĩnh tọa, định ý. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Tỳ-kheo này an trú tịch tinh, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Có lẽ nay Ta nên hỏi Tỳ-kheo này, thầy của ông ấy là ai, y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp?" Nghĩ vậy, Thế Tôn liền hỏi: Này Tỳ-kheo, Tôn sư của thầy là ai, thầy y cứ vào ai mà xuất gia học đạo, thọ pháp? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa Hiền giả, có Sa-môn Cù-đàm, con dòng họ Thích, từ bỏ Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuât gia học dạo, đác quả Vô thượng Chánh đăng giác; vị ây là thây tôi. Tôi y cứ vào vị ấy mà xuất gia học đạo, thọ pháp. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Tỳ-kheo, thầy có lần nào thấy vị ấy chưa?



Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Chưa thấy! Đức Thế Tôn hỏi: Nấu thấy vị ấy, thầy có nhận ra chăng? Không nhận ra. Nhưng thưa Hiền giả, tôi nghe Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy là Thầy tôi. Tôi

nương theo vị ấy mà xuất gia học đạo, thọ pháp. Nghe như vậy, đức Thế Tôn lại nghĩ: "Người thiện nam này y cứ vào Ta mà xuất gia học đạo, thọ pháp, có lẽ nay Ta nên thuyết pháp cho người này." Nghĩ thế, đức Thế Tôn nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi: Này Tỳ-kheo, nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiên hiện Phạm hạnh; đó gọi là Phân biệt sáu giới. Thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Xin vâng! Đức Phật bảo: Này Tỳ-kheo, con người có sáu giới tụ, có sáu xúc xứ, có mười tám ý hành, có bốn trụ xứ. Nếu ai an tru vào đó sẽ không nghe đến chuyện sầu não, sau khi không nghe chuyện sầu não thì ý không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Như vậy, có sự khuyến giáo là đừng buông lung trí tuệ, hãy thủ hộ chan đế và trưởng dưỡng huệ thí. Này Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về chí tịch, như vậy là phân biệt về sáu giới. Này Tỳ-kheo5 nói rằng con người có sáu giới tụ là do nhân duyên gì mà nói như thế? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Này Tỳ-kheo, nói rang con người có sáu giới tụ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ là do nhân gì mà nói như thế? Tỳ-kheo, nhãn xúc thấy sắc, nhĩ xúc nghe tiếng, tỷ xúc ngửi mùi, thiệt xúc nêm vị, thân xúc cảm xúc, ý xúc biêt pháp. Này Tỳ-kheo, nói răng con người có sáu xúc xứ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhân gì mà nói như thê? Tỳ-kheo, là mát thây sác, quán sác roi an trú nơi hy, quán sác roi an trú nơi ưu, quán sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán pháp rồi an trú nơi hỷ, quán pháp rồi an trú nơi ưu, quán pháp rồi an tru nơi xả. Này Tỳ-kheo, như vậy sáu hỷ quán, sáu ưu quán, sáu xả quán hợp lại là mười tám ý hành. Nói rang con người có mười tám ý hành là do nhân đó mà nói.

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI 925

Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhân duyên gì mà nói như thế? Là chân đế trụ xứ, tuệ trụ xứ, thí xả trụ xứ và tịch tĩnh trụ xứ. Này Tỳ- kheo, nói rằng con người có bốn trụ xứ là do nhân đó mà nói. Này Tỳ-kheo, thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo nao phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội địa giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội địa giới là thế nào? Là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non, thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phôi, lá lách, ruột già, bao tử, phân. Tương tự như thê, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiêp trong thân thuộc về chất cứng, tính cứng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình là nội địa gi6i." Này Tỳ-kheo, dù là nội địa giới hay ngoại địa giới, đều gọi chung là địa giới. Tỳ-kheo đó dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: "Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy cũng không phải là tự ngã của ta." Tâm vị ấy không nhiễm trước địa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội thủy giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội thủy giới là gì? Là não mạc, nước mat, mô hôi, nước mũi, mủ? máu, mỡ, tủy, nước giải, đờm, nước tiêu. Tương tự như thê, trong thân này còn nhiêu thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về chất nước, tính nước nhuần thâm ở bên trong, được châp thọ nơi hữu tình. Đó là nội thủy gi&i." Này Tỳ-kheo, nội thủy giới hay ngoại

thủy giới đều gọi chung là thủy giới. Tỳ- kheo ây dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm vi ấy không bị nhiễm trước thủy giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thê này: "Nay thân này của ta có nội hỏa giới, được châp thọ nơi hữu tình. Nội hỏa giới là gì? Là cái làm cho thân phát nhiệt, thân nóng, thân phiền muộn, thân ấm lạnh, làm tiêu đồ ăn thức uống. Tương tự như thế, trong thân này còn những thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về lửa, tức lửa làm nóng ở bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội hỏa giói." Này Tỳ-kheo, dù nội hỏa giới hay ngoại hỏa giới đều gọi chung là hỏa giới. Vi ây dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta.” Tâm Tỳ-kheo ấy không nhiễm trước hỏa giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: "Nay thân này của ta có nội phong giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội phong giới là thê nào? Là gió thôi lên, gió thôi xuông, gió ngang hông, gió co thắt, gió nhảy lên, gió phi đạo, gió cử động tay chân, gió ở hơi thở



ra, thở vào. Tương tự như thế, trong thân này còn các thứ khác nữa, những gì được thâu nhiếp trong thân, thuộc về gió, tánh gió, lưu động bên trong, được chấp thọ nơi hữu tình. Đó là nội phong giói." Này Tỳ-kheo, dù ngoại phong giới hay nội phong giới đều gọi chung là phong giới. Tỳ-kheo ấy dùng trí tuệ quán biêt như thật răng: "Những cái ây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta." Tâm vi ây không nhiêm trước phong giới ây. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo nào phân biệt thân giới như thế này: “Nay thân này của ta có nội không giới, được chấp thọ nơi hữu tình. Nội không giới là gì? Là lỗ trống ở mắt, lỗ ứống ở tai, lỗ trống ở mũi, lỗ trống ở miệng, cổ họng cử động, tức là để cho thức nhai và nuốt từ từ đi qua cổ họng, đi xuống rồi ra ngoài. Tương tự như thế, trong thân này có những thứ khác nữa, thuộc về hư không, ở chỗ hư không ấy không bị da thịt xương gân lấp kín. Đó là nội không giới.99 Này Tỳ-kheo, dù nội không giới hay ngoại không giới đều gọi chung là không giới. Tỳ-kheo dùng trí tuệ quán biết như thật rằng: "Những cái ấy không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của những cái ấy, những cái ấy không phải là tự ngã của ta." Tâm vị ấy không nhiễm trước không giới ấy. Đó là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào biết như thật về năm giới này, sau khi biết như thật, tâm không nhiễm trước chúng thì được giải thoát, chỉ còn có các thức mà thôi. Đó là những thức nào? Là lạc thức, kho thức, hỷ thức, ưu thức và xả thức. Này Tỳ-kheo, nhân lạc xúc mà sanh lạc thọ, vi ấy cảm giác lạc thọ. Khi đã cảm giác lạc thọ, vi ấy biết mình cảm giác lạc thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt lạc xúc, sau khi diệt lạc xúc này, nếu có lạc thọ do lạc xúc sanh, vi ấy cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân khổ xúc sanh ra khổ thọ, vị ấy cảm giác khổ thọ. Sau khi đã cảm giác khổ thọ, vị ấy đã biết mình cảm giác khổ thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt khô xúc, sau

khi diệt khô xúc, nêu có khô thọ do khô xúc sanh, vị ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân hỷ xúc sanh ra hỷ thọ, vị ấy cảm giác hỷ thọ. Khi đã cảm giác hỷ thọ, vị ấy biết mình cảm giác hỷ thọ. Nêu Tỳ-kheo nào diệt hỷ xúc, sau khi diệt hỷ xúc này, nêu có hỷ thọ do hỷ xúc sanh, vị ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân ưu xúc sanh ra ưu thọ, vị ấy cảm giác ưu thọ. Khi đã cảm giác ưu thọ, vị ấy biết mình cảm giác ưu thọ. Nếu Tỳ-kheo nào diệt ưu xúc, sau khi diệt ưu xúc này, nêu có ưu thọ do ưu xúc sanh, vi ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biết đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, nhân xả xúc sanh ra xả thọ, vị ây cảm giác xả thọ. Khi đã cảm giác xả thọ, vị ây biêt mình cảm giác xả thọ. Nêu Tỳ-kheo nào diệt xả xúc ây5

162. KINH PHÂN BIỆT LỤC GIỚI 927

l • A o , \ M n , 9 y 1 • Ấ khi diệt xả xúc rôi? nêu có từ xả xúc sanh xả thọ, vi ây cũng diệt, tĩnh chỉ và biêt đã hoàn toàn nguội lạnh. Này Tỳ-kheo? nhân các xúc sanh ấy sanh ra các thọ ấy, khi đã diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết rằng, thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Này Tỳ-kheo, cũng như mồi lửa, nhân cái dùi, sự nỗ lực của người và sức nóng mà lửa phát sanh. Này Tỳ-kheo, khi các dùi cây ấy tách rời nhau, nêu lửa từ đó phát sanh, sức nóng của lửa và sự châp thọ của hữu tình, tát cả đều tắt biến, vắng bặt, im lìm và dùi cây nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, các xúc sanh ây thê này hay thê kia sanh ra các thọ như thê này hay thê khác, diệt các xúc ấy thì các thọ ấy cũng diệt. Như vậy là đã biết thọ này từ xúc mà có, lấy xúc làm gốc, lấy xúc làm tập khởi, từ xúc sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, y cứ nơi xúc mà hiện hành. Nêu Tỳ-kheo nào không nhiễm trước ba thọ này mà lại giải thoát thì Tỳ-kheo ấy chỉ còn có xả rất thanh tinh. Này Tỳ-kheo, vi ấy nghĩ rằng: “Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, tru vào đó, vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tinh này nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó, vững vàng vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào âỏy Này Tỳ-kheo, cũng như thợ nấu vàng lành nghề dùng lửa đốt thỏi vàng, dát cho thật mỏng, rồi lại bỏ vào lò nung, đót lửa đêu đặn và đúng độ, luyện kỹ cho đên lúc tinh ròng, rát mem mại và có ánh sáng. Này Tỳ-kheo, thứ vàng này là do thợ vàng đã đốt với lửa đêu đặn và đúng độ, luyện kỹ thật tinh ròng, rát mem mại và có ánh sáng. Như vậy roi, thợ vàng ây làm theo ý mình, như làm dây dính vào tơ lụa đê trang sức áo mới, làm nhẫn tay, vòng tay xuyến, chuỗi, lưới tóc. Cũng vậy, Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: "Ta với xả thanh tịnh này nhập vào Vô lượng không xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trú vào đó? vững vàng nơi đó, duyên vào đỏ, gắn chặt vào đó. Ta với xả thanh tịnh này, nhập vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, tru vào đó, vững vàng nơi đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó/9 Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: “Ta với xả thanh tịnh này nương vào Vô lượng không xứ, như vậy thuộc pháp hữu vi; Pháp hữu vi là vô thương; cái gì là vô thường, cái ấy là khổ. Nếu là khổ thì biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng không xứ nữa. Ta với xả thanh tịnh này nương vào Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, vẫn là thuộc pháp

hữu vi. Nếu là pháp hữu vi thì vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Nếu là khổ thì liền biết là khổ. Khi đã biết khổ thì xả, không du nhập Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ nữa." Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ-kheo nào dùng tuệ quán bốn xứ này, biết như thật tâm không thành tựu, không du nhập thì bấy giờ xả ấy không còn là hữu vi nữa, vị ây không suy tư gì đên hữu và vô nữa. Vị ây cảm giác vê



thọ thân tôi hậu thì biêt cảm giác vê thọ thân tôi hậu, cảm giác vê thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về thọ sanh mạng tối hậu, và biết khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt, những gì được cảm thọ, tất cả đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là sẽ rất nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, thí như đèn sáng là nhờ dầu và tim. Nếu không có ai đổ thêm dâu, nôi thêm tim, như vậy thì dâu và tim có trước đã cháy hét mà những cái sau không được tiêp nôi, sẽ không còn gì đê chập thọ nữa. Tỳ-kheo ây cũng thế, cảm giác về chấp thọ thân tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ thân tối hậu, cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu thì biết cảm giác về chấp thọ sanh mạng tối hậu, và biết rằng, khi thân hoại mạng chung, sanh mạng chấm dứt thì tất cả những gì được cảm thọ thảy đều tịch diệt, tịch tịnh, tĩnh chỉ và biết là sẽ rát nguội lạnh. Này Tỳ-kheo, như thê, vi ây được gọi là Tỳ-kheo chánh tuệ bậc nhất, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận, lậu tận. Tỳ-kheo ấy thành tựu như vậy là thành tựu chỗ chánh tuệ bậc nhất. Sự giải thoát này, vị ấy an trú vào chân đế, không bị dao động. Chân đế là pháp như thật, vọng ngôn là pháp hư vọng. Tỳ-kheo ấy thành tựu chân đế bậc nhất. Này Tỳ-kheo, với thí xả, nếu trước kia CÓ oan gia cô cựu thì bây giờ vi ây phóng xả, lìa bỏ, giải thoát, dứt trừ. Này Tỳ- kheo, đó là Tỳ-kheo chánh huệ thí bậc nhất, xả ly tất cả mọi sự ở đời, hoàn toàn vô dục, tịch tinh, tĩnh chỉ. Này Tỳ-kheo, thành tựu như the là thành tựu chỗ huệ thí bậc nhất. Này Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào tâm bi dục, nhuế và si làm cho ô uế, không được giải thoát; Tỳ-kheo ây tận diệt tát cả dâm, nộ, si, vô dục, tịch tinh, tĩnh chỉ, chứng đắc tịch tịnh bậc nhất. Này Tỳ-kheo, thành tựu như thế là thành tựu chỗ tịch tinh bậc nhất. Này Tỳ-kheo, ai nghĩ rằng utôi là"ấy là ngã mạn; "t6i sẽ c6”ấy cũng ỉa ngã mạn; "tôi sẽ chăng phải có, chăng phải kh6ng", ây cũng là ngã mạn; "t6i sẽ có sắc9\ ấy cũng là ngã mạn; "t6i sẽ không có sc", ấy cũng là ngã mạn; utôi sẽ chẳng phải có sắc, chẳng phải không sắc", ấy cũng là ngã mạn; "t6i sẽ có tưởng”ấy cũng là ngã mạn; "tôi sẽ không có tưởng", ấy cũng là ngã mạn; "tôi sẽ chẳng phải có tưởng, chẳng phải không có tưởng”, ấy cũng là ngã mạn, là cống cao, là kiêu ngạo, là phóng dật. Này Tỳ-kheo9 nếu không có những điều này: Ngã mạn, công cao, kiêu ngạo, phóng dật thì ý tịch tịnh. Này Tỳ-kheo, nêu ý tịch tịnh thì không chán ghét, không ưu sầu, không lao nhọc, không sợ hãi. Vì sao? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét, không chán ghét thì không ưu tư, không ưu tư thì không sầu não, không sầu não thì không lao nhọc, không lao nhọc thì không sợ hãi, nhân không sợ hãi thì sẽ đắc Niết- bàn, biết như thật rằng: “Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Đức Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi viễn ly trần cấu, phát sanh pháp nhãn về các pháp. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi thấy pháp, đắc pháp, chứng pháp bạch tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, không còn ai hơn,

không tùy thuộc ai nữa, không còn do dự, đã an trú vào quả chứng đắc. Đối với pháp của Thế Tôn, chứng đắc vô úy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch: —Bạch Thê Tôn, con ăn năn. Bạch Thiện The, con ngay từ đâu như ngu như si, như khờ dại, như không hiểu biết, không nhận ra bậc Lương Điền, và không tự biết. Vì sao? Vì con đã gọi Như lai, bậc Vo Sở Trước, Chánh Đẳng Giác là “Hiền gi” Mong đức Thế Tôn cho con sám hối, sau khi sám hối, con sẽ không còn tái phạm nữa! Đức Thế Tôn đáp: Này Tỳ-kheo, thầy quả thực ngu si, quả thực là khờ dại, không hiểu biết nên đã gọi Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền gi*." Này Tỳ-kheo, nếu thầy tự sám hối, đã thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa, như thế, này Tỳ-kheo, đối với Pháp, Luật của bậc Thánh, như vậy là tăng ích chớ không tổn hại, vì đã tự sám hối, đã tự thấy và phát lồ, gìn giữ không tái phạm nữa. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

/ếẩấ

v

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là Kỉnh Phân biệt về sáu xứ. Các thầy hãy lắng nghe, khéo suy tư và ghi nhớ. Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời! Đức Phật bảo: Này các Tỳ-kheo, sáu xứ bên trong cân phải biêt; sáu xúc xứ bên trong cần phải biết; mười tám ý hành bên trong cần phải biết; ba mươi sáu đao kiếm bên trong cần phải biết; trong đó, đoạn trừ những cái ấy, thành tựu như vậy; thuyết pháp vô lượng ở bên trong cần phải biết; ba ý chí, những điều mà bậc Thánh phải tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng; đó là bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự thú hướng đến mọi phương. Như vậy là phân biệt sáu xứ. Nói rằng: "Sáu xứ bên trong cần phải biế(” là do nhân gì mà nói như thế? Là nhãn xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ. Nói rằng: "Sáu xứ bên trong cần phải biết" là nhân đó mà nói. Nói răng: "Sáu xúc xứ bên trong cân phải biêt" là do nhân gì mà nói như vậy? Là nhãn xúc thì thay sắc, nhĩ xúc thì nghe tiếng, tỷ xúc thì ngửi mùi, thiệt xúc thì nếm vị, thân xúc thì cảm giác, ý xúc thì biết pháp. Nói rằng: "Sáu xúc xứ bên trong can phải biết" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Mười tám ý hành bên trong cần phải biết" là do nhân gì mà nói như vậy? Là Tỳ-kheo mắt đã thấy sắc rồi phân biệt sắc mà an tru nơi hỷ, phân biệt sắc mà an tru nơi ưu, phân biệt sắc mà an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý đã biết pháp rồi phân biệt pháp mà an trú nơi hỷ, phân biệt pháp mà an trú nơi ưu, phân biệt pháp mà an trú nơi xả. Như vậy, khi phân biệt có sáu trường hợp hỷ, khi phân biệt có sáu trường hợp ưu, khi phân biệt có sáu trường hợp xả, tổng cộng là mười tám ý hành. Nói rằng: "Mười tám ý hành bên trong cần phải biết” là nhân đó mà nói.

Nói rằng: “Ba mươi sáu loại đao kiếm bên trong cần phải biết” là do nhân gì mà nói như vậy? Có sáu hỷ y trên đam mê, có sáu hỷ y trên vô dục; có sáu ưu y trên đam mê, có sáu ưu y trên vô dục; có sáu xả y trên đam mê, có sáu xả y trên vô dục. Thế nào là sáu hỷ y trên đam mê? Thế nào là sáu hỷ y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh hỷ, nên có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là hỷ y trên đam mê? sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, khả ái, sắc ái lạc tương ưng với lạc, dục; cái chưa được thì muốn được, cái đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy ệọi là hỷ y trên đam mê. Thế nào là hỷ y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp rồi sanh hỷ? nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là hỷ y trên đam mê? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý? khả niệm, pháp ai lạc tương ưng với dục; cái chưa được thì muốn được, đã được thì truy ức, rồi phát sanh hỷ. Hỷ như vậy gọi là hỷ y trên đam mê. Thế nào gọi là hỷ y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tinh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt, truy ức như vậy rồi phát sanh hỷ. Hỷ ấy gọi là hỷ y trên vô dục. Thế nào là sáu iru y trên đam mê? Thế nào là sáu tru y trên vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là ưu y trên đam mê? sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả v, khả niệm, sắc ái lạc tương đương với dục; cái chưa được mà không được, đã được nhưng trong quá khứ bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là tru y trên đam mê. Thế nào gọi là ưu y trên vô dục? Biết sắc là pháp vô thường, khổ, hoại diệt nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tát cả sắc trước kia và bây giờ đều là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi nghĩ rằng: "Ta lúc nào thì thành tựu, an trú nơi xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?" Do ước nguyện chứng nhập tôi thượng ây mà lo sợ9 sâu khô, nên phát sanh tru. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp phát sanh ưu, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là tru y trên đam mê? Pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, pháp ái lạc tương ưng với dục; cái chưa được mà không được, cái đã được nhimg trong quá khứ đã bị phân tán, hoại diệt, biến dịch nên sanh ưu. Ưu như vậy gọi là ưu y trên đam mê. Thế nào là ưu y trên vô dục? Biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tịnh; biết tất cả pháp trước kia và bây giờ đều vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi nghĩ răng: "Ta lúc nào thì thành tựu, an trú vào xứ mà các bậc Thánh đã thành tựu, an trú?" Do ước nguyện chứng nhập tối thượng ấy mà lo sợ, sầu khổ, nên phát sanh tru. Ưu như vậy gọi là ưu y trên vô dục.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ 933

Thế nào là sáu xả y trên đam mê? Thế nào là sáu xả y trên vô dục? Mắt thấy sắc phát sanh xả, nên biết có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thê nào là xả y trên đam mê? Mát thây sác roi phát sanh xả; phàm phu ngu si hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đối với sắc có xả, nhimg không xuất ly sắc. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục? Biết sắc vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt,

tịch tịnh; biết tất cả sắc trước kia và bây giờ đều là vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Nếu vi nào dốc lòng tu tập xả như thế, đó là xả y trên vô dục. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; ý nhận thức pháp, phát sanh xả, nên biết rằng có hai loại, hoặc y trên đam mê, hoặc y trên vô dục. Thế nào là xả y trên đam mê? Ý nhận thức pháp sanh xả; phàm phu ngu si hoàn toàn không đa văn, không trí tuệ, đoi với pháp có xả, nhưng không xuất ly pháp. Đó là xả y trên đam mê. Thế nào là xả y trên vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến dịch nên dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tinh; biết pháp trước kia và bây giờ là vô thường, khổ, hoại diệt; truy ức như vậy rồi an trú nơi xả. Ai dốc lòng tu tập xả ấy thì đó là xả y trên vô dục. Như vậy là sáu hỷ y trên đam mê, sáu hỷ y trên vô dục; sáu ưu y trên đam mê? sáu ưu y trên vô dục; sáu xả y trên đam mê, sáu xả y trên vô dục, tổng cộng là ba mươi sáu thứ đao kiếm bên trong cần phải biết. Do nhân đó mà nói như thế. Nói rằng: “Trong đó? đoạn trừ chúng, thành tựu như thg" là do nhân gì mà nói như vậy? Đối với sáu hỷ y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, tru nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, tru nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu xả y trên đam mê ấy thì hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu ưu y trên vô dục này, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu hỷ y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Đối với sáu xả y trên vô dục, hãy thủ lấy chúng, y trên chúng, trú nơi chúng; còn đối với sáu ưu y trên đam mê này, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Có loại xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc; có loại xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Thê nào là xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc? Nêu xả đôi với sác, đôi với thanh, đôi với hương, đôi với vị, đôi với xúc thì xả ây có vô lượng xúc, sai biệt xúc. The nào là xả chỉ có một xúc, không sai biệt xúc? Là xả hoặc y vào Vô lượng không xứ, hoặc y vào Vô lượng thức xứ, hoặc y vào Vô sở hữu xứ, hoặc y vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thì xả ấy chỉ có một xúc, không sai biệt xúc. Đối với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào đó5 tru vào đó. Đối với xả có vô lượng xúc, sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ



chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Thủ vô lượng, trú vô lượnẹ, tức là đoi với xả có một xúc, không sai biệt xúc, hãy thủ lấy, y vào, trú vào. Đoi với xả có vô lượng xúc? sai biệt xúc, hãy hủy diệt chúng, đoạn trừ chúng, phế thải chúng. Như vậy là đoạn trừ chúng. Nói rằng: "Trong đó? đoạn trừ chúng, thành tựu như thế” là nhân đó mà nói. Nói rằng:Thuyết pháp vo lượng ở bên trong, cần phải biết" là do nhân gì mà nói như the? Như Lai có bon hạng đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt cả một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn, lúc uông, lúc đại tiêu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú,

pháp cú, muốn quán nghĩa, các đệ tử dùng tuệ quán một cách nhanh chóng, không có hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không có giới hạn, không thể cùng tận, có văn cú, pháp cú, đê quán nghĩa cho đên lúc bôn hạng đệ tử lâm chung. Cũng như bốn hạng người bắn giỏi, cùng kéo mạnh dây cung mà bắn một lượt là do khéo học, khéo tập, có phương tiện thấu rõ quá khứ. Cũng vậy, Thế Tôn có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hành, tăng thượng ý, tăng thượng niệm, tăng thượng huệ? có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến một trăm tuổi. Như Lai ứiuyết pháp cho các đệ tử suốt một trăm năm, ngoại trừ lúc ăn uống, lúc đại tiểu tiện, lúc ngủ nghỉ và lúc tụ hội. Như Lai thuyết pháp có văn cú, pháp cú, muốn quán nghĩa thì dùng tuệ quán một cách nhanh chóng, đệ tử không hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao? Vì pháp được Như Lai giảng thuyết không giới hạn, không cùng tận. Nói rằng: "Thuyết pháp vô lượng ở bên trong, cần phải biết" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Ba ý chỉ là pháp mà bậc Thánh tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng" là do nhân gì mà nói như thế? Nhu Lai thuyết pháp cho đệ tử là vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi và hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà bảo rằng: "Bây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lạc.” Nếu các đệ tử không cung kính, không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ Chánh pháp, làm trái lời Thế Tôn, không thể đắc định thì Thế Tôn không vì thế mà buồn rầu; Thế Tôn chỉ xả? không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu câu thiện lợi hữu ích, an ôn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà nói rằng: "Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái lac?9 Nếu các đệ tử cung kính, thực hành theo chánh trí, tâm hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc đinh thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ hai mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng.

163. KINH PHÂN BIỆT LỤC xứ 935

Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì thương tưởng, mến yêu, vì mưu cầu thiện lợi hữu ích, an ổn và khoái lạc, phát khởi tâm từ bi mà bảo rằng: "Đây là hữu ích, đây là khoái lạc, đây là hữu ích khoái C."Nấu các đệ tử không cung kính, cũng không thực hành, không vững chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy, pháp hành, không thọ trì Chánh pháp, trái lời Thế Tôn, không thể đắc pháp; trái lại có đệ tử cung kính, thực hành vững chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy, pháp hành, thọ trì Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn, đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ; Thế Tôn chỉ xả, không dao động, thường chánh niệm, chánh trí. Đó là ý chỉ thứ ba mà bậc Thánh tu tập, sau khi đã tu tập mới có thể giáo hóa đồ chúng. Nói rằng: "Ba ý chỉ mà bậc Thánh phải tu tập, sau khi tu tập mới có thể giáo hóa đô chung" là nhân đó mà nói. Nói rằng: "Bậc Vô Thượng Điều Ngự là bậc Điều Ngự thú hướng mọi phương,, do nhân gì mà nói như vậy? Bậc Điều Ngự, đó là nói đến bậc Điều Ngự chỉ thú hướng một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Chẳng hạn như điều ngự voi là vị điều ngự chỉ dẫn con voi đến một phương, hoặc

phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bác; điêu ngự ngựa là vi điêu ngự chỉ dân con ngựa đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc; điều ngự bò là vi điều ngự chỉ dẫn con bò đến một phương, hoặc phương Đông, hoặc phương Nam, hoặc phương Tây, hoặc phương Bắc. Trái lại, Vô Thượng Điều Ngự thú hướng đến mọi nơi. Trong đó? phương có sắc thì quán sắc; đó là phương thứ nhất. Bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc; đó là phương thứ hai. Thanh tịnh, giải thoát, thân chứng thành tựu, an trú; đó là phương thứ ba. Vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không nghĩ đến các loại tưởng sai biệt, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ; đó là phương thứ tư. Vượt qua mọi Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ; đó là phương thứ năm. Vượt qua mọi Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu. Vượt qua mọi Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú; đó là phương thứ bảy. Vượt qua mọi Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, tưởng và thọ đã diệt tận, thân chứng thành tựu an trú, do tuệ quán mà được trí lậu tận, vĩnh viễn đoạn trừ; đó là phương thứ tám. Nói rằng: "Bậc Vô Thượng Điều Ngự là vi Điều Ngự thú hướng đến mọi phương" là nhân đó mà nói. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Này các Tỵ-kheo? Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phần cuối cũng thiện, có văn, có nghĩa, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, đó là Kinh Phân biệt quản pháp. Hãy lắng nghe, khéo tư duy và ghi nhớ. Nghe vậy, các Tỳ-kheo thưa: Bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng lời. Đức Phật bảo: -Này các Tỳ-kheo, quán như thê nào mà sau khi các thây quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bi chi phối, tán loạn; và tâm không trú vào bên trong, không châp thủ, nhimg sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm khônẹ hướng về bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú bên trong, không châp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ. Đức Phật dạy như thê xong, liên từ chô ngôi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thấy vậy, các Tỳ-kheo nghĩ rằng: “Chu Hiền nên biết, đức Thế Tôn nói lên điều đó một cách tóm tắt, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói: 'Này các Tỳ-kheo? quán như thế nào mà sau khi các thày quán như vậy, tâm hướng về bên ngoài bị chi phối, tán loạn; và tâm không tru bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bi chi phối, không tán loạn; tâm trú vào bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các thày không còn sanh, lão, bệnh, tử. Đó là dứt tận sự khổ.5,9 Các vị ấy lại nghĩ rằng: "Chu Hiền, vi nào có thể phân biệt rộng rãi điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm luợrc?" Các vị ấy lại nghĩ: uTôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Này chư Hiền, hãy cùng nhau đến nơi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nhờ

Tôn giả giải thích điều đó. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo thọ trì."

938 KINH TRƯNG A-HÀM

Thế rồi, các Tỳ-kheo cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? cùng chào hỏi nhau rồi ngồi qua một bên thưa: Thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết cho rằng, đức Thế Tôn nói điều này một cách tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liên từ chô ngôi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Thế Tôn chỉ nói rằng: "Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các thây quán như vậy, tâm hướng vê bên ngoài bị chi phôi, tán loạn; và tâm không trú bên trong, không chấp thủ, nhưng sợ hãi. Nhimg này Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy đã quán như vậy, tâm không hướng về bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn; tâm trú bên trong, không chấp thủ, không sợ hãi. Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự kh6." Chúng tôi đã nghĩ rằng: "Chu Hiền, vị nào có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm luge?" Chúng tôi lại nghĩ: “T6n giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc Phạm hạnh có trí tán thán. Như vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược.,^ Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà phân biệt rộng rãi cho. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói: Này chư Hiền, hãy nghe tôi nói thí dụ, người có trí nghe thí dụ thì sẽ hiểu được nghĩa. Này chư Hiên, cũng như người muôn tìm lõi cây. Vì muôn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ây thây cây đại thọ có đủ góc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi. Người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá thôi. Điều chư Hiền nói ra cũng lại như vậy. Đức Thế Tôn còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi tìm tôi để hỏi về điều ấy. Vì sao? Chư Hiền, nên biết, Thế Tôn là bậc Có Mắt, Có Trí, Có Nghĩa, là vị Pháp Chủ, vị Pháp tướng của Pháp, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả các nghĩa, đều do Thế Tôn. Này chư Hiền, hãy đến chỗ Thế Tôn mà hỏi điều đó như thế này^ "Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gi?” Đức Thế Tôn dạy thế nào, chư Hiền nên khéo léo thọ trì thế ấy. Nghe thế, các Tỳ-kheo thưa: Xin vâng, thưa Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, Có Trí, Có Nghĩa, là vị Pháp Chủ, vị Pháp tướng của Pháp, nói nghĩa chân đế, hiên hiện tát cả các nghía, đêu do The Ton. Chung toi đang lẽ phai đên chô Thê Tôn mà hỏi về điều đó như thế này: "Bạch Thế Tôn, điều đó thế nào? Điều đó có nghĩa gi?" Đức Thế Tôn nói như thế nào, chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn và các bậc trí Phạm hạnh tán thán. Như vậy, Tôn giả có thể phân biệt được điều mà Thế Tôn đã nói một cách tóm lược. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thương xót mà giải thích rộng rãi cho!

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 939

Nghe vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói: Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói! Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ- kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phoi, tán loạn? Chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức chạy theo sắc tướng, thức đắm trước sắc lạc tướng, thức bị trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy bị vị của sắc tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; với ý, vị ấy nhận thức pháp, thức chạy theo pháp tướng, thức đam trước pháp lạc tướng, thức bị trói buộc bởi

pháp lạc tướng; vi ấy bị vị của pháp lạc tướng cột chặt tâm nên hướng ra bên ngoài, bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị chi phôi, tán loạn. Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bi chi phôi, tán loạn? Này chư Hiên, với con mat, Tỳ-kheo thây sác, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước sắc lạc tướng, thức không bi trói buộc bởi sắc lạc tướng; vị ấy không bị vị của sắc lạc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Cũng vậy, tai, mũi5 lưỡi, thân, ý; với ý, Tỳ-kheo nhận thức pháp, thức không chạy theo pháp tướng, thức không đắm trước pháp lạc tướng, thức không bi trói buộc bởi pháp lạc tướng; vị ấy không bị vi của pháp lạc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra bên ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị chi phối, tán loạn. Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên frong? Này chư Hiền, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đăm trước ở vị của ly dục, y nơi đó, trú nơi đó, duyên nơi đó, găn chặt nơi đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do đinh phát sanh, đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy đắm trước nơi vi của định, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức của vị ấy không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiên, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an trú xả, vô câu, với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vi của ly hy, y vào đó, tru vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức của vị ấy không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ trước kia, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Nhưng thức của vi ấy trú trước vào vị của xả và của niệm thanh tinh, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua mọi sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai khác, nhập Vô lượng không, Vô



lượng không xứ, thành tựu và an trú. Nhimg thức của vị ấy trú trước vào vị của Không trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng thức của vi ấy tru trước vào vị của Thức trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vị của Vô sở hữu trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó, gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú. Nhưng thức của vị ấy trú trước vào vi của Vô tưởng trí, y vào đó, trú vào đó, duyên vào đó? gắn chặt vào đó nên thức không tru vào bên trong. Này chư Hiên, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không trú vào bên trong. Này chư Hiền, thế nào là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong? Chư Hiền, Tỳ- kheo ly dục, ly pháp ác,

bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, đắc Thiên thứ nhát, thành tựu an trú. Thức vị ây không trú trước vào vị của ly dục, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức tru vào bên trong. Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Thức . .c : vị ây không trú trước vào vị của định, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gan chặt vào đó nên thức tru vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo ly hỷ dục, an tru xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "x niệm lạc trú", đắc Thiên thứ ba, thành tựu an tru. Thức vi áy không trú trước vào vi của ly hỷ, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt khổ, diệt dục, diệt hỷ và ưu có trước kia, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đác Thiên thứ tư. Thức của vị ây không trú trước vào vị xả và vị của niệm thanh tịnh, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gan chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy đến các loại tưởng sai biệt, nhập Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của Không trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong.



Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Thức vị ấy không trú trước vào vị của Thức trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Thức vi ấy không trú trước vào vị của Vô sở hữu trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. 5 r e Lại nữa, này chư Hiên, Tỳ-kheo vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ? nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trủ. Thức vi ấy không trú trước vào vị của Vô tưởng trí, không y vào đó, không tru vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó nên thức trú vào bên trong. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong. Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ nhưng sợ hãi? Chư Hiền, Tỳ-kheo không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly sắc nhiễm, không ly sắc dục, không ly sắc ái, không ly sắc khát thì vị ấy muốn được sắc, truy cầu, đắm trước sắc, trú vào sắc, nghĩ rằng: "Sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta.” Khi đã muốn được sác, truy câu sác, đăm trước sác, trú vào sác, nghĩ răng: "Sác chính là ta, sắc là sở hữu của ta" thì thức nắm bắt sắc. Sau khi thức nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch thì thức cũng bị chuyển theo sắc. Khi thức đã bị chuyển theo sắc thì Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhân vì tâm không biết nên sanh khiếp sợ, lao nhọc, không chấp thủ mà sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo nào không ly thức nhiễm, không ly thức dục, không ly thức ái, không ly thức khát thì vi ây muôn được thức, truy câu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: “Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta." Vị ấy

khi đã muốn được thức, truy cầu thức, đắm trước thức, trú vào thức, nghĩ rằng: "Thức chính là ta, thức là sở hữu của ta" thì thức nắm bắt thức. Sau khi thức năm bát thức, lúc thức ây biên dịch thì thức cũng bị chuyên theo thức. Sau khi thức đã bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy sanh sợ hãi, tâm trú vào trong đó. Nhân vì tâm không biêt nên sanh sợ hãi, lao nhọc, không châp thọ mà sợ hãi. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ mà sợ hãi. Này chư Hiền, thế nào gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi? Chư Hiền, là Tỳ-kheo ly sắc nhiễm, ly sắc dục, ly sắc ái, ly sắc khát. Này chư Hiền, nêu Tỳ-kheo nào ly sác nhiêm, ly sác dục, ly sác ái, ly sác khát thì vị ây không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: "Sắc không phải là ta, sắc không phải là sở hữu của ta.” Vị ấy đã không muốn được sắc, không truy cầu sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc, nghĩ rằng: “sắc không phải là ta, sắc không phải là sở hữu của ta" thì thức



không nắm bắt sắc. Khi thức đã không nắm bắt sắc, lúc ấy sắc biến dịch, thức không bi chuyển theo sắc. Thức đã không bị chuyển theo sắc thì vị ấy không sanh sợ hãi, tâm không trú vào trong đó. Nhân vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức; Tỳ-kheo ly thức nhiễm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo nào ly thức nhiêm, ly thức dục, ly thức ái, ly thức khát thì vi ấy không muốn được thức, không truy cầu thức, không đắm trước thức, không tru vào thức, nghĩ rằng: "Thức không phải là ta, thức không phải là sở hữu của ta." Tỳ-kheo ây, khi đã không muôn được thức, không truy câu thức, không đắm trước thức, không trú vào thức, nghĩ rằng: "Thức không phải là ta, thức không phải là của ta' thì thức không nắm bắt thức. Khi thức đã không nắm bắt thức, lúc thức kia biến dịch, thức không bị chuyển theo thức. Khi thức không bị chuyển theo thức, Tỳ-kheo ấy không sanh sợ hãi9 tâm không trú vào trong đó. Nhân vì tâm biết nên không khiếp sợ, không lao nhọc, không chấp thọ, không sợ hãi. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ, không sợ hãi. Này chư Hiền, đức Thế Tôn nói điều đó tóm lược, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào phòng tĩnh tọa. Ngài chỉ nói rằng: "Này các Tỳ-kheo, quán như thế nào mà sau khi các thầy quán như vậy, tâm hướng ra ngoài, bị chi phối, tán loạn; tâm không an trú vào bên trong, không chấp thọ nhưng sợ hãi. Nhưng này các Tỳ-kheo, hãy quán như thế nào mà sau khi các thầy quán như vậy, tâm không hướng ra bên ngoài, không bi chi phối, tán loạn; tâm trú vào bên trong, không chấp thọ, không sợ hãi. Như vậy, các thầy không còn sanh, lão, bệnh, tử nữa. Đó là dứt tận sự khổ dàu." Đức Thế Tôn đã nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi như vậy đó. Tôi đã dùng cú này, văn này giải thích rộng rãi như thế. Này chư Hiền, hãy đến trình bày với Thế Tôn đầy đủ. Nếu đức Thế Tôn nói điều đó như thế nào thì chư Hiền thọ trì như thế ấy. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ấy nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói như thế, khéo thọ trì, đọc tụng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Tôn giả ấy ba vòng, rồi đi đen cho The Ton, cui đau đanh le? ngoi qua mọt ben ma thưa:  Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn nói tóm lược về điều đó mà không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào thất tĩnh tọa thì Tôn giả Đại Ca- chiên-diên với cú như thế, văn như thế đã giải thích rộng rãi về điều đó. Đức Thế Tôn nghe như vậy,

liền tán thán rằng: Lành thay! Lành thay! Trong số đệ tử của Ta, có vi có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao? Vì Đạo sư nói điều ấy tóm lược, không phân biệt rộng rãi cho các đệ tử mà đệ tử ấy đã bằng cú như thế, văn như thế để giải thích rộng rãi. Cho nên, những gì mà Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy hãy thọ trì như vậy. Vì sao? Vì nói và quán nghĩa đúng như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN __ > Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giảTam-di-đề cũng đi du hóa ở thành Vương Xá, tại ôn Tuyền lâm. Bấy giờ, đêm gàn tàn, trời sắp sáng, Tôn giả Tam-di-đề từ phòng bước ra, đi đến Ôn Tuyền, cởi y để trên bờ, rồi xuống ho ôn Tuyền mà tắm. Sau khi tắm xong, Tôn giả lên bờ, lấy khăn lau mình và mặc y vào. Bấy giờ, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, nhằm lúc trời sắp rạng đông, đi đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề, cúi đầu đảnh lễ Tôn giả rồi đứng qua một bên. Vị thiên thần đó với sắc tướng uy thần cực diệu, làm sáng chói khắp cả bờ hồ ôn Tuyền. Sau khi đứng qua một bên, thiên thần bạch với Tôn giả Tam-di-đề rằng: Này Tỳ-kheo, thầy có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Tôn giả Tam-di-đề trả lời vị thiên thần kia rằng: -Tôi không có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Rồi Tôn giả hỏi lại thiên thần: Nhưng ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Thiên thần trả lời: Tôi cũng không ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Tôn giả Tam-di-đề lại hỏi vị thiên thần kia: Ai ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế? Thiên thần kia đáp: Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; chính Ngài có ghi nhớ bài kệ Bạt-địa-la-đế. Này Tỳ-kheo, thầy nên đến gặp Thế Tôn và từ Ngài mà ghi nhơ và thuộc kỹ, thọ trì bài kệ Bạt-địa-la- đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế đó có pháp, có nghĩa, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải khéo thọ trì đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này. Thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân của Tôn giả Tam-di-đề, nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó. Sau khi thiên thần biến không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, roi ngôi xuông một bên và bạch:



-Bạch đức Thế Tôn, hôm nay khi trời sắp sáng, con ra khỏi phòng, đi đến hồ Ôn Tuyền kia, cởi y để trên bờ rồi xuống hồ tắm rửa. Sau khi tắm xong, con lên bờ và lau mình. Bấy giờ, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc tướng uy nghi, vào lúc trời sắp sáng, đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng qua một bên. Vi thiên thần ấy, với sắc tướng uy thần cực diệu, làm sáng chói khắp cả bờ hồ Ôn Tuyền. Sau khi đứng qua một bên, nói với con rằng: —Này Tỳ-kheo, thầy có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Con trả lời thiên thần ấy rằng: Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Rồi con hỏi lại: Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế chăng? Thiên thần trả lời: Tôi cũng không thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế. Con lại hỏi: -Vậy ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế? Thiên thần trả lời: -Đức Thế Tôn đang du hóa trong thành Vương Xá này, tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa; chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế này. Này Tỳ-kheo, thầy nên đến gặp đức Thế Tôn và từ

nơi Ngài mà ghi nhớ và thuộc kỹ bài kệ Bạt-địa- la-đế. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy có nghĩa, có pháp, là căn bản của Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải khéo thọ trì, đọc tụng bài kệ Bạt-địa-la-đế này." Vị thiên thần kia nói như vậy, và sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi chỗ đó. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Tam-di-đề, thày có biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng? Ton gia Tam-di-đê đáp:  Bạch Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết tên gì. Đức Thế Tôn bảo:  Này Tam-di-đề? vị thiên thần kia tên là Chánh Điện, làm tướng quân ở cõi Tam Thập Tam thiên. Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề bạch: -Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói cho Tỳ-kheo bài kệ Bạt-địa-la-đế ấy, các Tỳ-kheo sau khi  nghe The Ton noi, sẽ ghi nhơ kỹ.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN  945

Đức Thế Tôn bảo:
y \
 Này Tam-di-đê? hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói cho thây nghe!
Tôn giả Tam-di-đề bạch:
- Xin vâng, bạch Thế Tôn!
Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời chỉ giáo và lắng nghe. Đức Thế Tôn đọc bài tụng:
Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong câu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư,
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết ưu sầu?
r r
Nhát định tránh xa sự chét,
Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.
Như vậy thực hành tinh tấn,
Ngày đêm không chút biếng lười,
Vì vậy phải thường tụng đọc,
Bạt-địa-la-đế kệ này.
Sau khi nói bài kệ như vậy, đức Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh thất và tĩnh tọa.
Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: "Này chư Hiền, nên biết đức Thế

Tôn chỉ nói vắn tắt giáo nghĩa, không phân biệt rộng rãi, rồi Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tinh thất và nhập định.
Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ,
Tương lai cũng chớ mong cầu,
Quá khứ đã qua, đã mất,
Tương lai chưa đến, còn xa.
Hiện tại những gì đang có,
Thì nên quán sát suy tư,
Niệm niệm mong manh, không chắc,
Người trí biết vậy nên tu.
Nếu có làm theo hạnh Thánh,
Ai hay nỗi chết, ưu sầu?
r r
Nhát định tránh xa sự chét, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ.

946 KINH TRUNG A-HÀM

Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc? Bạt-địa-la-đế kệ nay/9 Họ lại nghĩ răng: "Này chư Hiên, ai có thê phân biệt rộng rãi giáo nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt d6?" Rồi họ lại nghĩ như thế này: "Chí có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thường được đức Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói cho chúng ta một cách vắn tắt đó. Này chư Hiền, chúng ta hãy cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, thỉnh cầu ngài nói nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên phân biệt cho chúng ta, chúng ta sẽ khéo thọ tri.” Bấy giờ, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng nhau thăm hỏi roi ngôi xuông một bên và thưa: -Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, nên biết giáo nghĩa này mà đức Thế Tôn chỉ nói một cách vắn tắt, chớ không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong câu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhát đinh tránh xa sự chét, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Chúng tôi mới nghĩ như vầy: "Này chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói một cách vắn tắt ấy?" Chúng tôi lại nghĩ: "Chỉ có Tôn giả Đại Ca-chiên-diên là người thường được Thế Ton và các bậc Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên mới có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói cho chúng tôi một cách vắn t." Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi.

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN 947

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: Này chư Hiên, hãy nghe tôi nói ví dụ này! Nêu người có trí tuệ nghe qua sẽ hiểu ý nghĩa ấy ngay. Này chư Hiên, ví như có người muôn

tìm lõi cây. Vì muôn tìm lõi cây nên người kia cầm búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây đại thọ mà rễ cây, thân cây, cành, nhánh, lá, hoa đã thành sum sê; nhưng không đụng đến cây, thân cây hay cành cây, mà chỉ đụng nhánh và lá. Những điều chư Hiền nói cũng giống như vậy. Thế Tôn đang ở đây, nhirng chư Hiền lại bỏ Ngài, lại đến tôi mà hỏi ý nghĩa ấy. Vì sao vậy? Này chư Hiền, nên biết đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Do đó, này chư Hiền, hãy đi đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa là gi?" Sau khi nghe Thế Tôn đã nói, chư Hiền sẽ y theo đó, khéo léo thọ trì. Bay giờ, các Tỳ-kheo lại bạch: Thật vậy, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt, là bậc Có Trí, Ngài là Nghĩa, là Pháp Chủ, là Pháp tướng, thuyết chân thật nghĩa, hiển hiện tất cả nghĩa. Đáng lẽ chúng tôi phải đến đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này rằng: "Bạch Thế Tôn, điều này là thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Sau khi nghe đức Thế Tôn nói, chúng tôi sẽ y theo đó, khéo léo thọ trì. Nhưng Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thê Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn vừa nói vắn tắt. Mong Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vì lòng từ mẫn mà nói nghĩa ấy một cách rộng rãi! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, nếu vậy xin hãy nghe tôi nói. Này chư Hiền, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bị thức quá khứ nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vi ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi và thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi y, khả hỷ, khả y, khả niệm, tâm tương img với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Vị ấy bi thức quá khứ nhiễm trước dục; do thức nhiễm trước dục, vị ấy hoan lạc; do hoan lạc, vị ấy truy niệm quá khứ. Như vậy, đó là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Này chư Hiền, Tỳ-kheo quả thật có sắc được biết bởi mắt, khả ý? khả hỷ, khả niệm, tâm tương ưng với dục ái sắc, truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Nơi vị ấy, thức quá khứ không bị nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Quả thật có pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý,



khả niệm, tâm tương img với dục ái pháp, tâm truy tìm nguồn gốc, nguồn gốc tức quá khứ vậy. Thức vị ấy không bị nhiễm trước dục; do không nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nơi đó nên không truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo mong ước vi lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ- kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được rồi thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vị lai. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy. Đối với vị lai, những gì chưa được thì muốn được, đã được thì tâm mong ước; do tâm mong ước nên tâm hoan lạc nơi đó; do hoan lạc nên mong ước vi lai. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo mong ước vị lai. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không

mong ước vị lai? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với vị lai, những gì chưa được thì không muốn được, được rồi thì tâm không mong ước; do tâm không mong ước nên không hoan lạc nơi đó; không hoan lạc nơi đó nên không mong ước vị lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong ước vị lai. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do thức bi nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nếu có ý pháp và ý thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại bị nhiễm trước dục; do bi nhiễm trước dục nên hoan lạc nơi ấy; do hoan lạc nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, sao gọi là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo có nhãn sắc và nhãn thức; đối với hiện tại, vị ấy có thức hiện tại không bi nhiễm trước dục; do thức không bị nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy. Nêu có ý pháp và ý thức; đôi với hiện tại, vị ây có thức hiện tại không bi nhiễm trước dục; do thức không bi nhiễm trước dục nên không hoan lạc nơi đó; do không hoan lạc nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, phần này được Thế Tôn nói vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc,

165. KINH ÔN TUYỀN LÂM THIÊN 949

Người trí biết vậy nên tu. Nấu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất đinh tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Phần này được Thế Tôn nói vắn tắt mà không phân biệt một cách rộng rãi. Tôi bằng những câu này, những văn này mà nói một cách rộng rãi như vậy đó. Này chư Hiền, có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đức Thế Tôn có nói ý nghĩa như thế nào, chư Hiền hãy thọ trì. Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe những lời Tôn giả Đại Ca-chiên-diên nói, khéo léo thọ trì, đọc tụng, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ba vòng rồi đi ra. Họ đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi ngồi qua một bên mà bạch: Bạch Thế Tôn, trước đây đức Thế Tôn đã nói điều này vắn tắt, không phân biệt một cách rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bằng những câu này, văn này mà nói ý nghĩa một cách rộng rãi. Đức Thế Tôn nghe xong liền khen: Hay thay! Hay thay! Trong đệ tử của Ta, có bậc có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy? Tôn sư nói vắn tắt giáo pháp này, không phân biệt một cách rộng rãi; và đệ tử bằng những văn này, những câu này, nói nghĩa ấy một cách rộng rãi. Như những gì Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã nói, các thầy nên như thế mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói và quán nghĩa nên như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

166. KINH THÍCH TRUNG THIỀN THẤT TÔN Tôi nghe như vầy: Một thời, Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cồ Độc. Bây giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cũng ở giữa những người họ Thích tại thiền thất Vô Sự. Khi ấy, vào lúc trời gần sáng, Ton giả Lô-di-cường-kỳ từ thiền thất kia đi ra chỗ đất trống nằm trong bóng thiền thất, trải ni-sư-đàn lên trên giường, roi ngôi kiêt-già. Bấy giờ, có một vị thiên thần hình dáng rất đẹp, sắc đẹp rực rỡ, vào lúc trời gần sáng, đi đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Săc tướng và uy thân của vị trời này rát là thù diệu, ánh sáng chói kháp cả thiên thát. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với Tôn giả Lô-di-cườngkỳ rằng: -Này Tỳ-kheo, ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ frả lời vị thiên thần ấy rằng: -Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của nó. Roi Ton gia hỏi lại: Người có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đê và ý nghĩa của nó chăng? Thiên thần trả lời: -Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế, nhimg ý nghĩa thì không hiểu. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi thiên thần: -Tại sao thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế mà lại không hiểu ý nghĩa của nó? Thiên thần đáp: Một thời gian, đức Thế Tôn du hóa trong thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế như vầy: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa.



Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư. Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy, nhưng mà không lãnh hội được ý nghĩa của nó. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ hỏi thiên thần: -Vậy thì ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó? Thiên thần kia đáp: Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ5 tại rừng Thắng Lâm, vườn cấp Co Độc. Chính Ngài thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó; Tôn giả có thể đến gặp đức Thế Tôn để thọ trì và đọc tìiuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Tôn giả Lô-di- cường-kỳ, nhiễu quanh ba vòng rồi biến khỏi chỗ đó. Chẳng bao lâu, sau khi vi thiên thần biến mat, bấy giờ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ ? ở giữa dòng họ Thíchca, ba tháng an cư mùa mưa đã qua, khâu vá y cũng đã xong, đắp y, ôm bát đi vào nước Xá-vệ. Tôn giả lần hồi tiến về phía trước, đến nước Xá-vệ? trụ tại rừng Thắng Lâm, trong vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, một thời gian con trú ở giữa dòng họ Thích, tại thiền thất Vô Sự. Bạch đức Thế Tôn, bây giờ vào lúc trời gần sáng, con từ thiền thất đi ra, đến khoảng đất trống nằm trong bóng đêm của thiền thất, con trải tọa cụ lên trên giường, rồi ngồi kiết-già. Lúc đó, có một vị thiên thần thân hình rất đẹp, sắc txướng rực rỡ, vào lúc trời

gần sáng, đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ9 rồi đứng qua một bên. sắc tướng và uy thần của vi thiên thần này rất là kỳ diệu, ánh sáng làm chói khắp cả thiền thất. Sau khi đứng qua một bên, vị trời này thưa với con rằng: "Này Tỳ-kheo, ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó



chang?^ Con trả lời: "Tôi không có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và cũng không hiểu ý nghĩa của n6." Rồi con hỏi lại: "Ngài có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó chang?99 Thiên thần trả lời: "Tôi có thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế nhưng không hiểu ý nghĩa của n6." Con lại hỏi: "Tại sao ông thọ trì bài kệ Bạt- địa-la-đế mà không hiểu ý nghĩa của n6?" Thiên thần trả lời: uMột thời gian, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trú tại Trúc Lâm, trong vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế như vầy: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại, những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy, phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế như vậy, nhưng không thọ trì ý nghĩa của nQ.” Con lại hỏi: "vay ai thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của n6?" Thiên thần trả lời: "Đức Phật du hóa trong nước Xá-vệ, rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Chírứi Ngài là người thọ trì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Tôn giả có thể đến gặp Thế Tôn để khéo thọ trì và đọc thuộc bài kệ Bạt- địa-la-đế và ý nghĩa của nó. Vì sao vậy? Vì bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó có nghĩa, có pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đên trí tuệ, đưa đên giác ngộ và đưa đến Niết-bàn. Một thiện nam tử, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo, cần phải thọ trì, đọc thuộc bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của n6." Thiên thần kia nói như vậy rồi, cúi đầu đảnh lễ dưới chân con, nhiễu quanh ba vòng rồi liền biến mất. Khi ấy, đức Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ rằng: Thầy biết vị thiên thần kia từ đâu đến chăng? Vị thiên thần kia tên là gì chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời: Bạch đức Thế Tôn, con không biết vị thiên thần kia từ đâu tới, cũng không biết tên vi ấy là gì.



Đức Thế Tôn bảo rằng: Này Cường-kỳ, vị thiên thần kia tên là Ban-na, làm tướng quân cõi trời Tam Thập Tam. Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch: —Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong, sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này Cường-kỳ? hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ nói ý nghĩa bài kệ một cách rộng rãi cho ông nghe! Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch: Xin vâng, con xin nghe theo lời dạy! Phật nói kệ: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại, những gì đang c6, Thì nên quán sát suy tư, Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nỗi chết ưu sầu? Nhát định tránh xa sự chét, Hiêm

nguy, khô lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy, phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sác quá khứ thì sẽ bi chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ lại trong đó. Nêu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bị chi phôi bởi dục, bi đăm trước, bi níu giữ lại trong đó. Như vậy, là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bi dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ lại trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bi dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ lại trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ.

166. KINH THÍCH TRƯNG THIỀN THẤT TÔN 955

Này Cường-kỳ, thê nào là Tỳ-kheo mong câu tương lai? Nêu Tỳ-kheo hoan lạc sác tương lai thì sẽ bị chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai. Này Cường-kỳ, sao gọi là Tỳ-kheo không mong câu tương lai? Nêu Tỳ- kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phoi bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Nấu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ không bi chi phối bởi dục, không bị đắm trước, níu giữ trong đó. Này Cường-kỳ, thế nào gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại? Nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ trong đó. Hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại. Này Cường-kỳ, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Nấu Tỳ- kheo không hoan lạc sắc hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bi đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại. Phật nói như vậy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

167. KINH A-NAN THUYET Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo đang tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm. Bấy giờ, đêm đã qua, trơi hừng sáng, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi ngồi xuống một bên và bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, Tôn giả A-nan có nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ tập tại giảng đường vào lúc ban đêm. Nhân đó, đức Thế Tôn bảo một Ty-kheo: Thầy hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan và nói như vầy: "Thua Tôn giả A-nan, đức Thế Tôn gọi Tôn gia!" Vị Tỳ-kheo kia vâng lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiêu ba vòng roi đi đên chô của Tôn giả A-nan và nói: The Ton gọi Ton gia A-nan. Tôn giảA-nan liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi A-nan: Này A-nan, có quả thật thầy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm chăng? Tôn giả A-nan đáp: - Thật vậy, bạch Thế

Tôn! Đức Thế Tôn hỏi: Này A-nan, thầy nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các thầy Tỳ-kheo nghe như thế nào? Tôn giả A-nan liền thưa: Cẩn thận, đừng nghĩ quá khứ, Tương lai cũng chớ mong cầu, Quá khứ đã qua, đã mất, Tương lai chưa đến, còn xa. Hiện tại những gì đang có, Thì nên quán sát suy tư,



Niệm niệm mong manh, không chắc, Người trí biết vậy nên tu. Nếu có làm theo hạnh Thánh, Ai hay nôi chét ưu sâu? Nhất định tránh xa sự chết, Hiểm nguy, khổ lớn, dứt trừ. Như vậy thực hành tinh tấn, Ngày đêm không chút biếng lười, Vì vậy phải thường tụng đọc, Bạt-địa-la-đế kệ này. Đức Thế Tôn lại hỏi A-nan: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ? Tôn giả A-nan trả lời: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc quá khứ thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ bi chi phối bởi dục, bi đắm trước, bị níu giữ lại trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo truy niệm quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: -Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: - Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức quá khứ thì sẽ không bị dục chi phối, không đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không truy niệm quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo mong cầu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: - Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc ở sắc tương lai thì sẽ bị chi phối bởi dục, bị đắm trước, bi níu giữ trong đó. Nếu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ bi chi phối bởi dục, bi đắm trước, bi níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mong cầu tương lai. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan? thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở tương lai thì sẽ không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức tương lai thì sẽ không bi chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mong cầu tương lai.



Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan? thế nào là Tỳ-kheo chấp thọ pháp hiện tại? Tôn giả A-nan đáp: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo hoan lạc sắc ở hiện tại thì bi chi phối bởi dục, bi đăm trước, bị níu giữ trong đó. Nêu hoan lạc giác, tưởng, hành, thức ở hiện tại thì bị chi phôi bởi dục, bị đăm trước, bị níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ- kheo chấp thọ pháp hiện tại. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại? Tôn giả A-nan đáp: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo không hoan lạc sắc ở hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bi đắm trước, không bị níu giữ trong đó. Nếu không hoan lạc giác, tưởng, hành, thức hiện tại thì không bị chi phối bởi dục, không bị đắm trước, không bi níu giữ trong đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không chấp thọ pháp hiện tại. Bạch Thế Tôn, con đã nói bài kệ Bạt-địa-la-đế và ý nghĩa của nó cho các Tỳ-kheo tụ họp tại giảng đường vào lúc ban đêm như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Đệ tử Ta có người có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp. Vì sao vậy? Vì là đệ tử, ngay trước mặt Tôn Sư, mà diễn rộng ý nghĩa của văn cú như vậy. Đúng như những

gì Tỳ-kheo A-nan đã nói, các thay hãy nên như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Lời nói và quán nghĩa đó phải như vậy. Phật thuyết như vậy, Tôn giảA-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết xong, hoan hỷ phụng hành.

168. KINH Ý HÀNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa nước Xá-vệ? tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, vi diệu ở đoạn dầu, vi diệu ở đoạn giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có văn, có nghĩa, đầy đủ, thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh. Đó là Kinh Phân biệt ỷ hành về sự thọ sanh theo ý hành. Hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Phật dạy: Sao gọi là sự tái sanh do ý hành đưa tới? Nếu các Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, được hỷ lạc do ly dục sanh, chứng được Thiền thứ nhất, thành tựu an tru. Vi ấy đối với định này, an lạc tru ở đó. Vi ấy đối với đinh kia đã ham muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Tru vào đó, khoái lạc trong đó, mạng chung sanh trong cõi trời Phạm thiên. Chư thiên trên cõi Phạm thiên, sanh ở đó, tru ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh và Tỳ-kheo trú ở đây mà nhập Thiền thứ nhất, thọ hưởng hỷ lạc do ly dục sanh. Hai hỷ lạc do ly dục sanh không có sai khác, cả hai đều bằng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên tu hành định ấy, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với đinh này, vị ấy tu tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong cõi Phạm thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo giác, quán đã tịch tĩnh, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Đối với đinh lực này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú nơi đó, khoái lạc nơi đó, mạng chung sanh vào cõi ười Hoảng Dục. Chư thiên cõi Hoảng Dục sanh ở đó? trủ ở đó, thọ hưởng hỷ lạc do định sanh và Tỳ- kheo trú ở đây nhập Thiền thứ hai, thọ hưởng hỷ lạc do đinh sanh. Hai hỷ lạc do định sanh này, không có sai khác, cả hai đều đồnệ nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải đinh, sau đó mới sanh vào chỗ ẩy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi trời Hoảng Dục. Như vậy gọi là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điêu mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc tru, chứng được Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với đinh lạc này, vị kia vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú



nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến Tinh thiên. Chư thiên trên cõi Biến Tịnh thiên sanh ở đó, trú ở đó, nhập Thiền thứ ba này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều giốnệ nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chô ây. Đôi với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến Tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và ưu vốn có từ trước cũng đã diệt, không kho, không lạc, xả niệm thanh tinh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đối với đinh này, vị ấy an lạc muốn tru ở đó. Đối với định này, vi ấy đã vui sướng muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh lên cõi trời Quả Thật thiên. Chư thiên trên cõi Quả Thật thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng diệu lạc do

xả niệm thanh tinh; và Tỳ-kheo trú ở đây, nhập Thiền thứ tư, thọ hưởng diệu lạc do xả niệm thanh tinh. Hai diệu lạc do xả niệm thanh tinh này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Quả Thật thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không suy niệm bất cứ tưởng nào, nhập Không vô biên, thành tựu an trú Không vô biên xứ. Đối với định lạc này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định lạc này khi đã an lạc muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô Lượng Không Xứ thiên. Chư thiên trong cõi Vô Lượng Không Xứ thiên sanh ở trong đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng; và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Vô lượng không xứ tưởng. Hai Vô lượng không xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau? Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ ấy. Đối với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy sẽ sanh vào cõi Vô lượng không xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô r lượng không xứ,ĩ nhập Vô lượng / thức, thành r tựu an tru Vô lượng thức xứ. Đôi với đinh này, vị ây an lạc muôn trú ở đó. Đôi với định này, đã vui sướng muốn tru ở đó xong, tất có trường hợp này: Tru ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Vô Lượng Thức Xứ thiên. Chư thiên trên cối Vô Lượng Thức Xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô lượng thức xứ txrởng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Vô lượng thức xứ tưởng. Hai Vô lượng thức xứ tưởng này không sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đoi với định này, vị ây tu như vậy, tập như vậy, phát triên như vậy, sẽ sanh vào Vô Lượng Thức Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Đoi với đinh này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đoi với định



này, khi vui sướng muốn trú ở đó, tất có trường hợp này: Tru ở d6, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cối Vô Sở Hữu Xứ thiên. Chư thiên trên cõi Vô Sở Hữu Xứ thiên sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Vô sở hữu xứ tưởng và Tỳ-kheo tru ở dây, thọ hưởng Vô sở hữu xứ tưởng. Hai Vô sở hữu xứ tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chô đó. Đôi với đinh này, vi ây tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Vô Sở Hữu Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ tưởng, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đối với định này, vị ấy an lạc muốn trú ở đó. Đối với định này, khi đã muốn tru ở đó, tất có trường hợp này: Trú ở đó, khoái lạc ở đó, mạng chung sanh vào trong cõi Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ thiên. Chư thiên trên cõi trời Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ sanh ở đó, trú ở đó, thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng và Tỳ-kheo trú ở đây, thọ hưởng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng. Hai tưởng này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên hành ấy phải định, sau đó mới sanh vào chỗ đó. Đối với đinh này, vi ấy tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh vào trong Phi Hữu Tưởng Phi Vô Tưởng Xứ thiên. Như vậy là ý hành sanh. Lại nữa, Tỳ-kheo

vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ tưởng, nhập Tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiến, đoạn trừ các lậu, chứng đắc tận trí. Trong các định, đinh này được gọi là tối đệ nhất, tối đại, tôi thượng, tôi thăng, tôi diệu. Ví như do bò mà có sữa, do sữa có lạc, do lạc có sanh tô, do sanh tô có thục tô, do thục tô có tô tinh; tô tinh này được gọi là tối đệ nhất, tối dại, tối thượng, tối thắng, tối diệu. Do chứng đắc định này, y nơi định này, tru ở định này, không còn thọ lãnh sự khổ của sanh, già, bệnh, chết. Đồ là dưt tận sự khổ. Phật nói như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

169. KINH CÂU-LÂU-SẤU vô TRÁNH Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Bà-kỳ-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, pháp ấy vi diệu ở phàn đầu, vi diệu ở quảng giữa và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh, gọi là Kinh Phân biệt vô tránh. Các thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Đức Phật dạy: Đừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ung với lợi ích cứu cánh. Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhãn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn; có tán thán, có chỉ trích; có sự không tán thán, không chỉ trích mà nói pháp; quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết đinh, thường tùy cầu sự lạc nào đã có bên trong; đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngợi; nói vừa phải chứ đừng quá giới hạn, tùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy. Đó là những vấn đề của Kinh Phân biệt vô tránh. "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương img với lợi ích cứu cnh”vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? ở đây, "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu", sự kiện này được nói là một cực đoan; “cũng đừng mong cầu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cWnh”đây là một cực đoan thứ hai. Do bởi sự kiện này mà nói: "Bừng nên mong cầu dục lạc, dục lạc là nghiệp vô cùng hèn hạ, là hạnh của phàm phu; cũng đừng mong cau tự thân kho hạnh, rất kho, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu canh?9 "Xa lìa hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhẫn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Ni&tbàn", vấn đề này được nói lên với những nguyên nhân nào? ở dây, có tám chi Thánh đạo, từ chánh kiến cho đến chánh định, gọi là tám. Do bởi sự kiện này mà nói: "Xa lìa



hai cực đoan này thì có trung đạo, tác thành nhẫn, tác thành trí tự tại, tác thành định, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ và đưa đến Niếtbàn." “C6 tán thán, có chỉ trích và có sự không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp”, vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Sao gọi là tán thán? Sao gọi là chỉ trích mà không nói pháp? Nếu có tương ưng với dục, cùng đi với lạc là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu, pháp này rất

khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diệt. Do biết dục là vo thường, cho nên pháp ấy nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. "Tụ* thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh." Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì Sa-môn Phạm chí kia sợ hãi sự khổ nên cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, từ bỏ gia dinh, sông không gia đình, học đạo. Nhưng Sa-môn Phạm chí này lại ôm ấp khổ này nữa, cho nên vị ấy nhất thiết có kho, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. "Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà h@nh." Vị ấy biết điều đó rồi, tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào hữu kiết sử không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không bị đoạn tận, cho nên người đó nhát thiêt có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sau, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều này, cho nên tự chỉ trích mình. “Hữu kiết sử đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chárúi hạnh." Vi ấy đã biết điều này rồi, tự tán thán. Vì sao? Vì nếu người nào hữu kiết sử đoạn tận thì sự hữu kia cũng bị đoạn tận, cho nên người đó nhất thiết không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy đã biết điều đó, cho nên tự tán thán. "Không mong câu sự an lạc bên trong; pháp ây có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà h@nh." Vị ấy biết điêu này rồi? tự chỉ trích mình. Vì sao? Vì nếu người nào không mong cầu sự lạc bên trong, cũng không cầu bên trong, cho nên người đó nhất thiết có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, vị ây biêt điêu này roi, tự chỉ trích mình. "Mong câu sự lạc bên trong, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.” Vị áy biêt điêu đó, cho nên tự tán thán. Vì sao? Vì nêu người nào mong cầu sự lạc bên trong thì cũng mong cầu bên trong. Cho nên người đó nhất thiết, không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều đó, cho nên tự tán thán. Như vậy là "C6 tán thán, có chỉ trích mà không thuyết pháp.” "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp", sao gọi là "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyêt pháp"? Nêu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, là nghiệp rất hèn hạ, là hạnh của phàm phu thì pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền thuyết



pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy: uDục là vô thường, là khổ, là pháp hoại d[et." Vi ấy đã biết dục là vô thường, cho nên nhất thiết pháp ấy có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó, cho nên thuyết pháp. "Tịt thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh.^ Pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng với lợi ích cứu cánh”vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp

khổ5 có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Thế nào là hữu kiết sử không đoạn tận? "Hữu kiết sử không đoạn tận, pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu thuộc về tà hạnh.^, Vi ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nêu người nào hữu kiết sử không đoạn tận thì sự hữu kia cũng không đoạn tận, cho nên người kia nhất định phải khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh." Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khổ, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ây đã biêt điêu đó cho nên thuyết pháp. "Hữu kiết đã đoạn tận, pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh." Vị ấy biết điều này thì liền nói pháp. Vì sao? Vị ấy không nói như vầy: “Nếu người nào hữu kiết sử đã đoạn trừ, sự hữu kia cũng đoạn tận, cho nên người ấy nhất thiết không cỏ khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh?5 Không thâu đạt pháp này, chỉ có pháp không khô, không có phiên lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. "Không mong câu sự lạc bên trong”, pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này rồi, liền nói pháp. Vì sao vậy? Vị ây không nói như vây: "Nêu người nào không mong câu sự lạc bên trong thì cũng không mong câu bên trong, cho nên người ây nhát thiêt có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.,, Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị áy biêt điêu đó, cho nên thuyết pháp. "Mong cầu sự lạc bên trong", pháp này không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này rồi, liền thuyết pháp. Vì sao vậy? Vi ấy không nói như vầy: "Nêu người nào có mong câu sự lạc bên trong thì cũng mong câu bên trong, cho nên người đó nhất thiết không có khổ, không có phiền lao, không có nhiệt não, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.^, Không thấu đạt pháp này, chỉ có pháp không khô, không phiên lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên thuyết pháp. Như vậy là "Không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp", vấn đề đó được nói với nguyên nhân như vậy.

968 KINH TRUNG A-HÀM

"Quyết định trong giới hạn và sau khi đã biết quyết định, hãy mong cầu sự lạc nào đó đã có bên trong", vấn đề có tán thán, có chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích mà thuyết pháp được nói lên với nguyên nhân nào? Có sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của phàm phu, là gốc của bệnh, là gốc của ung nhọt, gốc của mũi tên châm chích, có ăn, có sống chết, không đáng tu, không đáng tập, không đáng phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Có sự lạc của bậc Thánh, là sự lạc của vô dục, sự lạc của ly dục, sự lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không ăn, không có sông chét nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vậy. Sao gọi là "C6 sự lạc không phải sự lạc của bậc Thánh mà là phàm phu lạc, là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn, có sông chét, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu v^y.” Nếu do đặc tính của ngũ dục mà sanh hỷ sanh lạc thì sự lạc ấy là lạc của phàm phu, không phải lạc của bậc Thánh, là góc của bệnh, là góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn, có sông chết, không nên tu, không

nên tập, không nên phát triển. Ta nói điều ấy không nên tu vậy. Sao gọi là "C6 lạc của bậc Thánh, là lạc của ly dục, lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có ăn, không có sống chết nên tu, nên tập, nên phát triển. Ta nói điều ấy nên tu vRy." Nếu có Tỳ-kheo nào ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú, sự lạc này là lạc của bậc Thánh, sự lạc của vô dục, là lạc của ly dục, là lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không ăn, không sông chét nên tu, nên tập, nên phát triên. Ta nói điêu ây nên tu vậy. "Quyết định trong giới hạn, sau khi đã biết quyết định hãy mong cầu sự lạc nào đã có bên trong", van đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "Không nên nói lời chê bai sau lưng, cũng không nên đối mặt tán thán9\ vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Có lời nói chê bai sau lưng không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh; cũng có lời nói chê bai sau limg mà chân thật, không hư dối nhưng không tương ưng với lợi ích cứu cánh; có lời nói chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối và tương ưng với lợi ích cứu cánh. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh; nhất đinh không nói những lời như vậy. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, mà chân thật, không hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, cũng hãy học đừng nói như vậy. Trong này, nếu có lời nói chê bai sau lưng, chân thật, không hư dối, tương img với lợi ích cứu cánh thì hãy biết thời, chánh trí, chánh niệm để cho thành tựu lời nói ấy. về "Đừng đối mặt tán thán,9 cũng như vậy. uĐừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng đối mặt khen ngọd", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "N6i vừa phải, chứ đừng nói quá giới hạn", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Nói quá giới hạn thì thân phiền nhọc, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, tiêng bị hư mà hướng đên trí thì không được tự tại, nói vừa phải thì



thân không phiền nhọc, niệm không ưa quên, tâm không mệt mỏi, tiếng nói không bi hư, hướng đến trí thì được tự tại. "Hãy nói vừa phải, đừng nói quá giới han", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân như vậy. uTùy theo phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quấy", vấn đề này được nói lên với nguyên nhân nào? Thế nào là thị và phi tùy theo phong tục địa phương? Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là ucái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là "cái 6", hoặc nói là "cái chén", hoặc nói là "(tè d@c"; tùy theo địa phương đó, theo nhân gian đó mà nói là "cái chau", hay nói là ucái khay", hay nói là "cái 6", hay nói la "cái chén,\ hay nói là "đồ d@c." Mỗi nơi tùy theo khả năng mà nói một mực rằng: uĐây là sự thực, ngoài ra là hư dối.95 Như vậy, đó là thi và phi tùy theo phong tục địa phương vậy. Sao gọi là "Tùy theo phong tục địa phương không phải, không quấy?" Địa phương này, nhân gian này, sự việc này, hoặc nói là "cái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là ucái 6", hoặc nói là "cái chen", hoặc nói là Cíđồ dạc." Và ở địa phương kia, nhân gian kia, sự việc kia, hoặc nói là "cái chau" hoặc nói là "cái khay", hoặc nói là "cái 6", hoặc nói là "cái chái", hoặc nói là "đồ đạc.^với sự việc này hay sự việc kia, không tùy khả năng, không nói với một mực rằng: uĐây là sự thật, ngoài ra hư d6i." Như vậy là tùy phong tục địa phương không phải, không quây. “Tùy phong tục địa phương, đừng nói phải, đừng nói quây", vân đê này được nói lên với nguyên nhân như vậy. "Pháp hữu tránh và pháp vô trúnh”sao gọi là

pháp hữu trânh, sao gọi là pháp vô tránh? Nêu có tương ưng với dục, cùng đi với hỷ lạc, nghiệp rát hèn hạ, là hạnh phàm phu; pháp này gọi là hữu ứánh. Vì những sự kiện gì mà pháp này gọi là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Nếu tự thân khổ hạnh, rất khổ, không phải Thánh hạnh, không tương ưng lợi ích cứu cánh thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này gọi là hữu tránh. Nêu tự thân khô hạnh, rát khô, không phải Thánh hạnh, không tương ưng lợi ích cứu cánh thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì những sự kiện gì mà pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên pháp này là hữu trinh. Xa lìa hai cực đoan ấy, thời có trung đạo, tác thành nhãn, tác thành trí tự tại, thành định đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ và Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là vô tránh. Hữu kiết sử mà không đoạn tận, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh nên nói pháp này là hữu tránh. Hữu kiết sử diệt tận, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khô, không phiên lao, không nhiệt



não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Không mong cầu nội lạc, pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà gọi pháp ấy là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sâu, thuộc về tà hạnh nên nói pháp này là hữu tránh. Mong cầu ở nội lạc, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện gì mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khô, không phiên lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Trong đó, nếu có sự lạc nào không phải là sự lạc của bậc Thánh mà là phàm phu lạc, là góc của bệnh, góc của ung nhọt, góc của mũi tên châm chích, có ăn? có song chết, không nên tu, không nên tập, không nên phát triển. Ta nói pháp ấy không nên tu thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Trong đó5 nếu có sự lạc nào là lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, lạc do ly dục, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không ăn, không có sông chét nên tu, nên tập, nên phát triên. Ta nói pháp ây nên tu thì pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên nói pháp này là vô tránh. Trong đó nếu có nói lời chê bai sau lưng mà không chân thật, hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khô, có phiên lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó, nếu có nói lời chê bai sau lưng mà chân thật, không hư dối, không tương ưng với lợi ích cứu cánh thì pháp ấy là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này là khô9 phiên lao, nhiệt não, ưu sâu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Trong đó, nếu có nói lời chê bai sau lưng, chân thật, không

hư dối, tương ưng với lợi ích cứu cánh. Pháp ấy là pháp vô tránh. Vì sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sâu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp ây là vô tránh. Không nói vừa phải, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có kho, có phiền lao, có nhiệt não, có ưu sầu, thuộc về tà hạnh, cho nên nói pháp này là hữu tránh. Nói vừa phải, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh. Thị và phi theo phong tục địa phương, pháp này là hữu tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có phiền lao, có nhiệt não, có tru sầu, thuộc tà hạnh, cho nên pháp này là hữu tránh. Tùy phong tục địa phương, không phải, không quấy, pháp này là vô tránh. Vì những sự kiện nào mà nói pháp này là vô tránh? Vì pháp này không khổ, không phiền lao, không nhiệt não, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh, cho nên pháp này là vô tránh.

169. KINH CÂƯ-LÂU-SẨU vô TRÁNH  971

ĐÓ gọi là tránh pháp, các thây nên biêt, pháp tránh và pháp vô tránh. Đã biêt pháp tránh và pháp vô tránh thì nên xả bỏ pháp tránh, tu tập pháp vô tránh. Các thay can phải học như vậy. Như vậy, thiện nam tử Tu-bồ-đề do đạo vô tránh mà về sau biết được pháp như pháp: Biết pháp như chân thật, Tu-bồ-đề thuyết kệ5 Thực hành chân không này, Bỏ đây, tru tịch tinh. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

170. KINH ANH vũ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa ở nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc trời vừa sáng, đức Thế Tôn đắp y, mang bát vào nước Xá-vệ để khất thực. Trong khi đi khất thực, Thế Tôn đi qua nhà của Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử. Lúc bấy giờ, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử có chút việc phải làm nên đi khỏi, không có ở nhà. Tại nhà Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử, có một con chó trắng đang ăn trong cái mâm bằng vàng trên một cái giường lớn. Rồi con chó trắng trông thấy đức Phật từ xa đi lại; thấy Ngài, nó liền sủa. Đức r r x Thê Tôn nói với con chó trăng răng: -Ngươi không nên làm như vậy! Ngươi hét gâm gừ lại sủa. Chó trắng nghe nói, giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não. Sau đó, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử trở về nhà, thấy chó trắng có vẻ giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não, ông mới hỏi người nhà rằng: -Ai làm gì động con chó của tôi khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não vậy? Người nhà trả lời:  Chúng tôi không ai làm gì động đến con chó trắng khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuồng, đên bên lùm cây năm buôn thiêu não. Ma-nạp nên biêt, hôm nay có Sa-môn Cù-đàm đên đây khát thực; con chó trăng đã thây, liên chạy tới sủa. Sa-môn Cù-đàm nói với con chó trăng răng: "Nguôi không nên làm như vậy. Ngươi hết gầm gừ lại sủa.^, Này Ma-nạp, do vậy khiến con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buôn thiêu não. Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử vừa nghe xong, tức thì nổi giận, muốn vu khống đức Thế Tôn, muốn hủy báng đức Thế Tôn, muốn hạ nhục đức

Thế Tôn. Với 2 y ý đinh vu không, hủy báng, hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, ông liên từ Xá- vệ ra đi, đến Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Khi ấy, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng đứng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các thầy thấy Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đến không?

974 KINH TRƯNG A-HÀM

Các Tỳ-kheo trả lời: - Bạch đức Thế Tôn, có thấy! Đức Thế Tôn bảo: Ma-nạp Anh Vũ Đô-đê-tử mà mạng chung bây giờ thì như co đuôi cánh tay trong khoảnh khắc, tất sanh vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta đang nổi cơn thịnh nộ. Nếu có chúng sanh nào do bởi tâm sân nhuế, thân hoại mạng chung tất đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Rồi Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đến chỗ đức Phật, nói với Thế Tôn rằng: Hôm nay, Sa-môn Cù-đàm có đến nhà tôi khất thực phải không? Đức Thế Tôn trả lời: Hôm nay, Ta có đến nhà ông khất thực. Cù-đàm5 Ông nói gì với con chó trắng của tôi khiến nó rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đến bên lùm cây nằm buồn thiểu não? Đức Thế Tôn trả lời: Hôm nay, vào lúc trời vừa sáng, Ta đắp y, mang bát vào Xá-vệ để khất thực, lần lượt khất thực đến nhà ông. Lúc ấy, con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến; thấy Ta, nó liền sủa. Ta nói với con chó trăng rằng: "Ngươi không nên làm như vậy. Ngươi hết gầm gừ lại siỉa." Vì vậy, con chó trắng rất đỗi giận dữ, từ trên giường nhảy xuống, đên bên lùm cây năm buồn thiểu não. Ma-nạp Anh Vũ hỏi Thế Tôn: Con chó trắng đời trước có liên hệ gì với tôi? Đức Thế Tôn bảo: Thôi! Thôi! Này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý. Ma-nạp Anh Vũ hỏi đi hỏi lại đức Thế Tôn ba lần: Con chó trắng đời trước liên hệ gì với tôi? Đức The Ton cung ba lan noi: Thôi! Thôi! Này Ma-nạp, tốt hơn đừng nên hỏi Ta. Ông nghe việc này rồi chắc chắn không vừa ý. Đức Thế Tôn lại bảo Ma-nạp: Ông hỏi Ta đến ba lần mà không chịu thôi. Ma-nạp nên biết, con chó trắng kia đời trước là cha của ông, tên là Đô-đề vậy. Ma-nạp Anh Vũ nghe nói xong, nôi giận gáp bội. Ong muôn vu không đức Thế Ton, muốn hủy báng đức Thế Tôn, muốn hạ nhục đức Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, ông nói với đức Thế Tôn: Cha tôi là Đô-đề thực hành sự bố thí lớn lao, thiết những cuộc trai tự vĩ dại, sau khi thân hoại mạng chung, nhất đinh sanh lên Phạm thiên; chớ do nhân gì, do duyên gì mà sanh vào loài chó hạ tiện này?

170. KINH ANH vũ 975

Đức Thế Tôn bảo: Đô-đề, cha của ông, do bởi tăng thượng mạn ấy nên sanh vào loài chó hạ tiện. Phạm chí tăng thượng mạn, Chết rồi sanh sáu nơi, Chó, gà, heo và sói, Lừa năm, địa ngục sáu. Ma-nạp Anh Vũ, nêu ông không tin lời Ta nói, ông có thê trở vê nói với con chó răng: "Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy trở lên giường lớn,,, Này Ma-nạp, chó trắng tất trở lên giường lớn. “Nếu đời trước là cha của tôi, chó trắng hãy ăn trong mâm vàng như cũ.” Này Ma-nạp, chó trắng tất sẽ trở lại ăn trong mâm vàng như cũ. "Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi kho tàng cất giấu vàng, bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết.” Này Ma-nạp, chó trắng chắc chắn chỉ cho ông thấy kho tàng cất giấu vàng bạc, thủy tinh và châu báu mà ông không biết. Ma-nạp Anh Vũ

nghe những lời đức Phật nói, ghi nhớ kỹ, nhiễu quanh đức Thế Tôn xong rồi trở về nhà, nói với con chó trắng rằng: Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy trở lên giường lớn. Chó trắng liền trở lên giường lớn. Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy ăn trong mâm vàng như cũ. Chó trắng liền ăn trong mâm vàng như cũ. -Nêu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi chô kho tàng trước kia cha cất giấu vàng, bạc, thủy tinh, trân bảo mà tôi không biết. Chó trắng tức thì từ trên giường nhảy xuống, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân bươi bốn chân giường. Ma-nạp Anh Vũ liền từ chỗ đó mà được rất nhiều báu vật. Rồi Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử đã được báu vật, rất đỗi vui mừng, quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay hướng đến Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc, ba lần xướng lên những lời tán thán đức Thế Tôn rằng: Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không hư dối! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đều chắc thật! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật! Ba lần tán thán đức Thế Tôn xong, ông từ Xá-vệ đi ra, đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh trước sau. Đức Thế Tôn trông thấy Ma-nạp Anh Vũ từ xa đi đến, Ngài bảo các Tỳ-kheo: Các thầy có thấy Ma-nạp Anh Vũ đi đến không? Các Tỳ-kheo trả lời: Bạch đức Thế Tôn, có thấy!



Đức Thế Tôn bảo: -Ma-nạp Anh Vũ bây giờ mà mạng chung thì như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chắc chắn đi đến chỗ lành. Vì sao vậy? Vì người ấy đối với Ta rất có thiện tâm. Nếu có chúng sanh nào do bởi thiện tâm, thân hoại mạng chung tất đến chỗ lành, sanh vào trong thiên giới. Bấy giờ, Ma-nạp Arủi Vũ đi đến chỗ đức Phật, cùng thăm hỏi rồi ngồi xương mọt ben. Đức The Ton bao: Thế nào? Này Ma-nạp, như Ta đã nói, con chó trắng như vậy có đúng hay không đúng như vậy? Ma-nạp Anh Vũ bạch: Bạch Cù-đàm, thật đúng như lời Ngài nói! Kính bạch Cù-đàm, tôi lại có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho tôi mới dám trình bày! Đức Thế Tôn bảo: Tùy ý ông cứ hỏi! Kính bạch Cù-đàm, do nhân gì, duyên gì chúng sanh kia đều thọ thân người mà có nệười cao, kẻ thấp; có người đẹp, kẻ xấu? Vì sao vậy? Kính bạch Cù-đàm, tôi thây có kẻ sống lâu, có người chét yểu; có kẻ nhiều bệnh, có người ít bệnh; lại thấy có kẻ thân hình đầy đủ, có người không đầy đủ; lại thấy có kẻ CÓ oai đức, có người không oai đức; lại thây có kẻ sanh nhăm dòng dõi tôn quý, có người sanh nhằm dòng dõi ti tiện; lại thấy có kẻ giàu có, có người nghèo hèn; lại thay có kẻ thiện trí, có người trí tuệ kém cỏi. Đức Thế Tôn trả lời: Chúng sanh kia do nơi hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp, tùy nơi nghiệp xứ có cao thấp mà chúng r r sanh có tót đẹp hay không tót đẹp. Ma-nạp Anh Vũ bạch Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm nói vắn tắt quá, không phân biệt một cách rộng rãi, tôi không thể biết được. Mong Sa-môn Cù-đàm nói một cách rộng rãi cho tôi nghe để tôi được hiểu rõ ý nghĩa! Đức Thế Tôn bảo: Này Ma-nạp, hãy nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt một cách rộng rãi cho ông! Ma-nạp Anh Vũ bạch: Kính vâng, tôi xin vâng lời lắng nghe! Đức Phật nói: Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất ngắn ngủi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu, có ý sát hại, mang tâm niệm xấu ác, không có tâm từ bi đối với tất

cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng thì người ấy thọ lấy nghiệp ấy; tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, tuổi thọ rất ngăn ngủi. Vì sao vậy? Con đường này đưa đên nhận lãnh sự đoản thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ sát sanh, hung dữ, cực ác, uống máu. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Manạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ thọ mạng rất dài? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát, bỏ hẳn đao gậy, có tâm tàm, có tâm quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng thì người ấy thọ nghiệp này; tạo tác nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, thọ mạng rất dài. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến nhận lãnh sự trường thọ, nghĩa là kẻ nam hay người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp5 do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ đa phần có tật bệnh? Nêu có kẻ nam hay người nữ nào nhiêu hại chúng sanh, người ây hoặc dùng nam tay, hoặc dùng cây, đá, hoặc dùng dao, gậy nhiễu hại chúng sanh thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, chịu nhiều bệnh tật. Vì sao vậy? Con đường này đưa đến chỗ chịu nhiều tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, người ấy không dùng nắm tay, không dùng cây, đá, không dùng dao, gậy nhiễu hại chúng sanh thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành nghiệp ấy đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, không có tật bệnh. Vì sao vậy? Con đường này đưa đen hưởng thọ không tật bệnh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh nóng nảy, hay bực dọc, vừa nghe chút ít đã nổi cơn giận dữ, nổi ganh ghét mà sanh lo buồn, nổi thịnh nộ tranh chấp thì người ấy thọ nghiệp này; tạo tác đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắn chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục, lại sanh vào nhân gian, hình thể không đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể không đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ tánh nóng nảy, hay bực dọc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.



Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào tánh không nóng nảy, không hay bực dọc, người ây nghe lời nói êm ái hay thô bỉ cọc căn, không nôi cơn giận dữ, không ganh ghét sanh ra buồn rầu, không nổi thịnh nộ tranh chấp thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ

rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào trong cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, hình thể đoan chánh. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo hình thể đoan chánh, nghĩa là kẻ nam hay người nữ tánh không nhiều bực dọc, nóng nảy. Ma~nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có oai đức? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào bên trong ôm lòng tật đố? người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường liên sanh lòng tật đô, nêu thây kẻ khác CÓ của thì muôn làm sao của ây được vê mình thì người ây thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục rồi, lại sanh vào trong nhân gian, không có oai đức. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có oai đức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ bên trong ôm lòng tật đo. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có oai đức lớn? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không ôm lòng tật(tó, người ấy thấy kẻ khác được cung kính cúng dường thì không sanh lòng tật đố, nếu thấy kẻ khác có của mà không có lòng ham muốn của ấy được về mình thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có oai đức lớn. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo có oai dức, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không ôm lòng tật đố. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh vào dòng dõi hạ tiện? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào kiêu ngạo, ngã mạn; người đáng cung kính mà không cung kính; đáng tôn trọng mà không tôn trọng; đáng quý mà không quý; đáng phụng thờ mà không phụng thờ; đáng cúng dường mà không cúng dường; đáng nhường lối mà không nhường lối; đáng nhường chỗ mà không nhường chỗ; đáng chắp tay hướng ve lễ bái, thăm hỏi mà không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; mãn kiêp địa ngục roi, lại sanh vào nhân gian, sanh nhăm dòng dõi hạ tiện. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đên thọ báo sanh nhăm dòng dõi hạ tiện, nghĩa là kẻ nam hay người nữ kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy.

170. KINH ANH vũ  979

Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ sanh nhằm dòng dõi tôn quý? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, ngã mạn; người đáng cung kính thì cung kính; đáng tôn trọng thì tôn trọng; đáng quý thì quý; đáng phụng thờ thì phụng thờ; đáng cúng dường thì cúng dường; đáng nhường lối thì nhường lối; đáng nhường chỗ thì nhường chỗ; đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi? đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, sanh nhằm dòng dõi tôn quý. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo sanh nhằm dòng dõi tôn quý, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không kiêu ngạo, ngã mạn. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ không có của cải? Nếu có kẻ

nam hay người nữ nào không làm thí chủ, không thực hành bố thí, người ấy không bố thí cho Sa-mờn, Phạm chí và kẻ ĩiệhèo cùng, cô độc từ xa đên xin những thứ như đô ăn, thức uông, quân áo, mên, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạnệ chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào trong địa ngục; mãn kiếp địa ngục roi, lại sanh vào nhân gian, không có của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đến thọ báo không có của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ không biết làm thí chủ, không thực hành bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gi, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào biết làm người thí chủ, biết thực hành bố thí, người ấy bố thí cho Sa-môn? Phạm chí và kẻ nghèo cùng, cô độc từ xa đến xin những thứ như đồ ăn? thức uống, quàn áo? mền, vòng hoa, hương thoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến đến chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có nhiều của cải. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đen thọ báo có nhiều của cải, nghĩa là kẻ nam hay người nữ biết làm người thí chủ, biết thực hành hạnh bố thí. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì? duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào không thường đến nơi kia hỏi việc, nếu có Sa-môn, Phạm chí danh dức, người ấy không thường đến nơi đó hỏi đạo, nghĩ rằng: “Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là đẹp? Thế nào là không đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại như thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai như thế nào?" Giả sử có hỏi nhimg không thực hành thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đến khi thân hoại mạng chung, chắc chắn đưa đến chỗ ác, sanh vào địa ngục; mãn kiếp ở địa ngục rồi, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ kém cỏi. Vì sao vậy? Vì con



đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, n^hĩa là kẻ nam hay người nữ không thường đen nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Ma-nạp, do nhân gì, duyên gì mà kẻ nam hay người nữ có trí tuệ tốt đẹp? Nếu có kẻ nam hay người nữ nào thường hay đến nơi kia hỏi việc, nếu có Sa-môn, Phạm chí danh đức, người ấy thường đến nơi đó mà hỏi đạo, nghĩ rằng: “Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là đẹp? Thế nào là không đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nào?” Hỏi xong lại thường thực hành thì người ấy thọ nghiệp này; tác thành đầy đủ rồi, đen khi thân hoại mạng chung, chắc chắn tiến lên chỗ lành, sanh vào cõi trời; mãn kiếp ở cõi trời rồi, lại sanh vào nhân gian, có trí tuệ tót đẹp. Vì sao vậy? Vì con đường này đưa đên thọ báo trí tuệ tốt đẹp, nghĩa là kẻ nam hay người nữ thường hay đến nơi kia hỏi việc. Ma-nạp nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Ma-nạp nên biêt, tạo tác nghiệp tương xứng với đoản thọ, tát phải chịu đoản thọ; tạo tác nghiệp tương xứng với trường thọ, tất được trường thọ; tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều tật bệnh, tất phải chịu

nhiều tật bệnh; tạo tác nghiệp tương xứng với ít tật bệnh, tất được ít tật bệnh; tạo tác nghiệp tương xứng với sự không đoan chánh, tất phải chiu sự không đoan chánh; tạo tác nghiệp tương xứng với đoan chánh, tất được đoan chánh; tạo tác nghiệp tương xứng với không oai đức, tất phải chiu không oai đức; tạo tác nghiệp tương xứng với oai dức, tất được oai đức; tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi hạ tiện, tất phải sanh nhằm dòng dõi hạ tiện; tạo tác nghiệp tương xứng với dòng dõi tôn quý, tất được sanh vào dòng dõi tôn quý; tạo tác nghiệp tương xứng với không của cải, tất phải chiu không của cải; tạo tác nghiệp tương xứng với nhiều của cải, tất được nhiều của cải; tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ kém cỏi, tất phải bị trí tuệ kém cỏi; tạo tác nghiệp tương xứng với trí tuệ tốt đẹp, tất được trí tuệ tốt đẹp. Này Manạp, đó là những điều mà Ta đã nói từ trước rằng: "Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xứ cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt dẹp." Ma-nạp Anh Vũ Đô-đề-tử bạch:  Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện The, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thê Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Bạch đức Thế Tôn, bắt đầu ngày hôm nay, monẹ Ngài vào nhà Đô-đề như vào nhà ưu-bà-tắc khác tại Xá-vệ đê cho nhà Đô-đê được lợi nghĩa, được lợi ích, an ổn, khoái lạc lâu dài. Đức Phật thuyêt như vậy, Ma-nạp Anh Vũ Đô-đê-tử và vô lượng đại chúng Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP _  Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, tru trong Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề cũng tru ở thành Vương Xá, trong thiền thất Vô Y r Sự. Lúc ây, di học Bộ-la-đà-tử sau giờ trưa, ung dung đi đên chô Tôn giả Tam- di-đề, cùng chào hỏi rồi ngồi xuống một bên và hỏi:  Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng? Ton gia Tam-di-ae đáp:  Này Hiên giả Bộ-la-đà-tử, muôn hỏi xin tùy ý, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Di học Bộ-la-đà-tử bèn hỏi:  Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện đức Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: “Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng; chỉ có ý nghiệp là chân thật. Hoặc có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn có cảm giác." Ton gia Tam-di-đe đáp:  Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, ngài chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng đức The Ton, huy bang đức The Ton la bát thiên, The Ton không noi như vậy. Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: “Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói không phải là không thọ báo, hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nấu không cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác nghiệp đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.” Di học Bộ-la-đà-tử ba lần nhắc lại câu ấy với Tôn giả Tam-di-đề:  Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà nghe, tôi đối diện Sa-môn Cù-đàm mà ghi nhận rằng: "Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng; chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại định, Tỳ-kheo vào định đó không còn có cảm giác." Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp:  Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử5 ngài chớ có nói như vậy, chớ có hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thế Ton là bất thiện, Thế Tôn không nói như vậy. Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: “Nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta nói không phải là không thọ báo,

hoặc hiện tại thọ báo, hoặc đời sau thọ báo. Nêu không cô ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, Ta không nói chắc chắn phải thọ bO." Di học Bộ-la-đà-tử hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-đề, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, phải thọ báo gì? Ton giả Tam-di-đê đáp: —Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, nếu cố ý tạo tác nghiệp, khi tạo tác đã thành, tất thọ quả báo 1ÃỔ. Dị học Bộ-la-đà-tử lại hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-dề, ngài học đạo trong Pháp, Luật này đã bao lâu rồi? Ton gia Tam-di-đe đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử? tôi học đạo trong Pháp, Luật này mới có ba năm. Lúc ấy, dị học Bộ-la-đà-tử bèn suy nghĩ rằng: CÍTỳ-kheo niên thiếu mà vẫn CÓ thê bảo hộ Tôn sư như vậy, huông nữa là vị Thượng tôn cựu hoc?9 Roi dị học Bộ-la-đà-tử nghe Tôn giả Tam-di-đề nói, không cho là phải, cũng không cho là quấy, rời chỗ ngồi, lắc đầu mà đi. Lúc bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na cách chỗ nghỉ của Tôn giả Tam-di-đề không xa. Tôn giả Đại Châu-na nghe cuộc đối thoại giữa Tôn giả Tam-di-đề với dị học Bộ-la-đà-tử? ghi nhớ tất cả, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong roi ngôi xuông một bên, đem những lời thảo luận của Tôn giả Tam-di-đề và di học Bộ-la-đà-tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe. Tôn giả A-nan nghe xong bảo răng: -Này Hiền giả Châu-na, nhân câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp đức Phật và trình bày lên Thế Tôn. Hiền giả Châu-na, chúng ta hãy cùng đến nơi Thế Tôn và bạch lên Thế Tôn tất cả nghĩa này, hoặc nhân đây chúng ta được nghe những pháp nào khác của Thế Tôn. Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Chau-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Châu-na cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng qua một bên. Lúc đó, Tôn giả A-nan nói: Này Hiền giả Châu-na, Hiền giả nên nói đi! Hiền giả nên nói đi! TV Ạ _ • A_ Ạ fTi _ 2 • Bây giờ, The Ton hoi: Này A-nan, Ty-kheo Chau-na muôn nói điêu gì? Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thê Ton, The Ton sẽ nghe net câu chuyện! Rồi Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầu đuôi câu chuyện giữa Tôn giả Tam- di-đề và dị học Bộ-la-đà-tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo:



<1 .. r Này A-nan, hãy coi! Tỳ-kheo Tam-di-đê là người mê mờ không biêt đạo lý. Vì sao? Vấn đề dị học Bộ-la-đà-tử hỏi là không xác định, mà Tỳ-kheo Tam- di-dề, người mê mờ kia lại trả lời một chiều. Tôn giả A-nan bạch: -Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhân việc này mà trả lời rằng: "C6 cảm thọ, đó là cảm thọ kh6" thì có lỗi gì? Đức Thế Tôn trách Tôn giả A-nan: Coi kìa! Tỳ-kheo A-nan cũng không biêt đạo lý. Này A-nan, Tam-di-đê mê mờ ấy, kẻ dị học Bộ-la-đà-tử kia muốn hỏi tất cả ba cảm thọ: Khổ thọ? lạc thọ và không khô không lạc thọ. A-nan, nêu Tam-di-đê mê mờ ây được di học Bộ-la-đà-tử hỏi nên đáp như vầy: “Này Hiền giả Bộ-la-đà-tử, nếu cố ý tạo lạc nghiệp, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ lạc báo. Nêu cô ý tạo khô nghiệp, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ khổ báo. Nếu cố ý tạo nghiệp không khổ không lạc, khi tạo tác đã thành, sẽ thọ báo không khổ không lac?9 Này A-nan, nếu Tam-di-đề mê mờ ấy được dị học Bộ-la-đà-tử hỏi và đáp như vậy thì dị học Bộ-la-đà-tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề mê mờ ấy, huống nữa lại có thể hỏi đến chuyện như vậy. Này A-nan, nếu thầy muốn nghe Thế Tôn nói Kinh Phân biệt đại nghiệp. đối với Như Lai lại càng tăng thượng tâm tĩnh, được

sự hỷ. Bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc. Nấu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói Kinh Phăn biệt đại nghiệp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ ghi nhớ kỹ. The Ton bao:  Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy! Tôn giả A-nan bạch: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo vâng lời Thế Tôn dạy và lắng nghe. Đức Phật nói:  Này A-nan, ở đây, có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến. Với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Này A-nan, có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến tư bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, có trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ



tà kiến. Với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Này A-nan, có trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến. Với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có vi Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành; không có khâu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khâu và ý ác hành. Vì sao? Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi ve chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ây khi thân hoại mạng chung, nhát định đêu đi vê chôn lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến; ai thấy khác di, trí họ đi về nẻo tà?5 Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Nêu có Sa-môn9 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thây người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "Không có thân diệu hành, cũng không có quả báo của thân diệu hành; không có khâu và ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu CÓ trường hợp khác giông như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của

không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ai thấy vậy gọi là chánh kiến; thấy khác đi, trí họ đi về nẻo tà." Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiên roi nói một cách cô chập và một chiều: "Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung,

171. KINH PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP 985

họ đi vê chô ác, sanh vào địa ngục. Nêu có Sa-môn? Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thay người kia, thay roi bèn tự suy nghĩ: "C6 thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành; có khẩu và ý ác hành, cũng có quả báo của khâu và ý ác hành. Vì sao? Ta thây người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi ve chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi ve chỗ ác, sanh vào địa ngục. Ai thay như vậy là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà" Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Đây mới là chân thật, ngoài ra đều hư dối.,, Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "C6 thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu và ý diệu hành, cũng có quả báo của khẩu và ý diệu hành. Vì sao? Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi ve chốn lành, sanh vào cõi trời. Nêu có trường hợp khác tương tự như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đên từ bỏ tà kiên; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tát cả những người ây, khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về nẻo lành, sanh vào cõi trời. Ai thấy như vậy là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến roi nói một cách co chấp và một chiều: uĐây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i." Này A-nan, trong đó nếu có vị Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: "Không có thân ác hành, cũng không có quả báo của thân ác hành; không có khẩu và ý ác hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý ác hành"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói như thế này: "Ta thay người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lay của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi tr&i"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói như vầy: “Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát sanh,

không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không tò bỏ tà kiến; thì với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi tròd"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ai thấy như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí



họ đi vê nẻo tà” Ta không d6ng ý với vị ây. Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố châp và một chiều: "Bây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i"; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. NàyA-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: "Không có thân diệu hành, cũng không có quả báo của thân diệu hành; không có khẩu và ý diệu hành, cũng không có quả báo của khẩu và ý diệu hành,^; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dôi, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chỗ ác, sanh trong địa ngúc"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Nếu CÓ những trường hợp khác tương tự như vậy: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất đinh đều đi về chỗ ác, sanh vào địa ngúc"; Ta không đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy nói: "Thấy như vậy là chánh kiên; ai thây khác, trí của họ đi vê nẻo ta” Ta cũng không đông ý với vi ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư(tói"; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, trong đó nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: “C6 thân ác hành, cũng có quả báo của thân ác hành; có khâu và ý ác hành, cũng có quả báo của khâu và ý ác hành^,; Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy n6i: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chỗ ác, sanh vào địa ngúc"; Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy: Không từ bỏ sát r r sanh, không từ bỏ lây của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dôi, cho đến không từ bỏ tà kiến; thì với sự không tò bỏ và không thủ hộ này, tất cả những người ấy khi thân hoại mạng chung, nhất đinh đều đi về chỗ ác, vào địa _ > .ĩ .2 5 r : ngúc"; Ta không đông ý với vị ây. Nêu vị ây nói răng: "Thây như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà” Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cô bám vào những sở tri, sở kiên roi nói một cách cô châp và một chiêu: “Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i” Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này Anan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, trong đó nêu có Sa-môn5 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn nói như thế này: “C6 thân diệu hành, cũng có quả báo của thân diệu hành; có khẩu và ý diệu hành, cũng có quả báo của khau và ý diệu hành"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ lây của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dôi, cho đên từ bỏ tà kiên; với sự

từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời"; Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự: Từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiên; thì với sự từ bỏ và thủ hộ này, tát cả những người ây khi thân hoại mạng chung, nhất định đều đi về chốn lành, sanh vào cõi trời"; Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy mới là chánh kiến; ai thấy khác, trí họ đi về nẻo tà,9; Ta không đồng ý với vị ấy. Cũng như cố bám vào những sở tri, sở kiến rồi nói một cách cố chấp và một chiều: "Dây mới là chân thật, ngoài ra đều hư d6i"; Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao? Này A-nan, Như Lai biết khác với những người đó. Này A-nan, nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Người đó trước kia hoặc đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ cho nên người đó ở trong đời hiện tại thọ báo đã xong, họ sanh về nơi kia. Hoặc do hậu báo cho nên họ không vì nhân này, duyên này, khi thân hoại mạng chung vẫn đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc trước kia đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự từ bỏ và thủ hộ chưa tiêu hết nên được thọ báo ở chốn lành; họ do nhân này, duyên này cho nên khi thân hoại mạng chung, đi về chôn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc khi chét khởi thiện tâm, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiên; họ nhờ nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ lại đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc giả, trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi do từ bỏ và thủ hộ cho nên người kia trong đời hiện tại thọ báo đã xong, sanh về nơi đó. Hoặc do hậu báo nên họ không vì nhân này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung sanh về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ chưa tiêu hết nên phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này mà khi thân hoại mạng chung, đi ve nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc khi chết, họ sanh tâm bất thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với tà kiên; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nêu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ lấy của không cho, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối, cho đến không từ bỏ tà kiến; với sự không từ bỏ và không thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung,



họ đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục; họ do chính nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi vê nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp bất thiện, tạo tác đã thành, rồi do sự không từ bỏ và không thủ hộ chưa tiêu hết nên phải thọ báo ở địa ngục; họ do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về

nẻo ác, sanh vào địa ngục. Hoặc khi chết, họ sanh tâm bát thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với tà kiên; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về nẻo ác, sanh vào địa ngục. Anan, Như Lai biết người kia là như vậy. Này A-nan, nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến; với sự từ bỏ và thủ hộ này, khi thân hoại mạng chung, họ đi về chốn lành, sanh vào cõi trời; họ nhờ chính nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cối trời. Hoặc trước kia họ đã tạo tác nghiệp thiện, tạo tác đã thành, rồi nhờ Sự từ bỏ và thủ hộ chưa tiêu hét nên được thọ báo quả này; họ nhờ nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. Hoặc lúc chết, họ sanh tâm thiện, các pháp sở hữu của tâm tương ưng với chánh kiến; do nhân này, duyên này nên khi thân hoại mạng chung, đi về chốn lành, sanh vào cõi trời. A-nan, Như Lai biết người kia là như vậy. Lại nữa, có bốn hạng người: Hoặc có người không có mà giống như có, hoặc có mà giông như không có, hoặc không có giông như không có, hoặc có giống như có. Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài: Hoặc xoài không chín mà giống như chín, hoặc chín mà giống như không chín, hoặc không chín giống như không chín, hoặc chín giống như chín. Như vậy, A-nan, bốn thứ xoài được thí dụ với người: Hoặc có người không có mà giông như có, hoặc có mà giông như không có, hoặc không có giống như không có, hoặc có giống như có. Đức Phật nói như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

172. KINH TÂM Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo sống một mình ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: "Cái gì dẫn thế gian di, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tại?" Bấy giờ, vào lúc xế trưa, thầy Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa đứng dậy, đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay con sống một mình ở nơi yên tinh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: "Cái gì dẫn thế gian đi, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tai?" Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Cái gì dẫn thế gian di, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự i?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm nhiễm trước, tâm khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, chính nó dẫn thế gian di, chính nó nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không tùy tâm tự tại mà tâm tùy theo đa văn Thánh đệ tử. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, con đã thấu hiểu. Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo? được gọi là đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo?

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng:Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo; được gọi là đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Ty-kheo?99 Này Tỳ-kheo, nghi vân của thây có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: Này Tỳ-kheo, những điều được Ta thuyết giảng rất nhiều: Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha? Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh • A r : v r

xứ, Quảng giải, Vi tăng hữu pháp và Thuyêt nghĩa. Này Tỳ-kheo, nêu có thiện nam tử chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ biết nghĩa, biết pháp, tùy pháp, hành pháp, thuận theo Phạm hạnh; thì này Tỳ-kheo, nói đa văn Tỳ-kheo là chỉ nói như vậy, chứ không hơn nữa. Này Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo. Như Lai tuyên bố như vậy là đa văn Tỳ-kheo. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thây Tỳ-kheo ây, sau khi nghe Phật thuyêt giảng, hoan hỷ phụng hành, roi lại hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh dạt, được gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt, được gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh dạt?” Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: —Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thê Tôn noi: -Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ"kheo nghe rằng "Đây là kh6", tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy khổ đúng như thật; nghe "khổ táp”"khổ diet", ukhổ diệt dạo", tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy tập, diệt, đạo đúng như thật. Này Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bố, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt.

172. KINH TÂM 991

Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp: —Bạch Thế Tôn, thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng hiiệ5 được gọi là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Thế nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo? đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Thế nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng hue?” Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: -Nếu Tỳ-kheo không có niệm tự hại, không có niệm hại người, cũng không có niệm hại cả hai; Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót the gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích, phước lành, được

an ổn, khoái lạc. Này Tỳ-kheo, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Như Lai tuyên bố, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, khéo tụng tập, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời dạy của đức Thế Tôn, sống một mình ở nơi yên tĩnh, xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Thầy Tỳ- kheo ấy sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến mục đích mà một thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia dinh, sống không gia đình, học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vi Tôn giả ây đã biêt pháp roi cho đên chứng quả A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

173. KINH PHÙ-DI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Phù-di cũng ở tại thành Vương Xá, trong thiền thất Vô Sự. Lúc bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Phù-di khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Phù-di suy nghĩ rằng: "Hãy khoan vào thành Vương Xá khất thực, ta nên đến nhà Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên- na Đồng tử.” Rồi Tôn giả Phù-di đi đến nhà Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử. Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử từ xa trông thấy Tôn giả Phù-di đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di và nói như vầy: Kính chào Tôn giả Phù-di. Tôn giả Phù-di từ lâu không đến đây. Xin mời ngồi trên giường này! Tôn giả Phù-di ngồi xuống. Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả Phù-di, rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chăng?

Tôn giả Phù-di đáp: Này Vương Đông tử, muôn hỏi điêu gì xin tùy ý! Tôi nghe roi sẽ suy nghĩ. Vương Đồng tử liền hỏi: Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng: "Này Vương Đồng tử, người nào có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ây chác chăn sẽ chứng quả. Nêu người nào không có r • v" ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả?9 Đang Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có lập thuyết gì chăng? Tôn giả Phù-di nói: - Này Vương Đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe đức Thế Ton nói, cũng chưa được nghe các vị Phạm hạnh nói lại; nhưng này Vương Đồng tử, có thể đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người nào có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ây chác chăn sẽ chứng quả. Nêu người nào



không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc 7 7

chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả?9 Vương Đồng tử thưa: -Nếu đấng Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, lập thuyết như vậy thì r r ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ người đên trời trong thê gian này, Ngài quả là bậc Tôi Thượng. Thưa Tôn giả Phíbdi, xin mời ngài thọ trai tại đây luôn. Tôn giả Phù-di im lăng nhận lời. Sau khi biết Tôn giả Phù-di đã nhận lời roi, Vương Đông tử liên từ chô ngôi đứng dậy, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn ngon, sạch, mỹ diệu với đủ loại nhai, thức nuốt, tự tay hầu hạ khiên Tôn giả thọ dụng no đủ. Khi Tôn giả ăn xong, Vương Đông tử thu dọn chén bát, múc nước rửa, roi lây một cái giường nhỏ ngôi riêng một bên đê nghe pháp. Tôn giả Phù-di thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, đến chỗ đức Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên và đem những điều đã bàn luận với Vương Đồng tử thuật lại hết với đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói: - Này Phù-di, sao thầy không đem bốn ví dụ nói cho Vương Đồng tử rõ? Tôn giả Phù-di hỏi:  Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì?

Đức The Ton nói:  Này Phù-di, nêu có Sa-môn9 Phạm chí có tà kiên, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu họ không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ỉ r 7

ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chác chăn không thê chứng quả. Vì sao? Vì tìm cau quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện 9 7

vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chan không the chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có 9 7

ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng



phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vi một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, nêu có Sa-môn? Phạm chí có chánh kiên, định chánh kiên; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chan sẽ chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứnẹ quả. Vì sao? Vì tìm

cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lôi. Này Phti-di, ví như có người muôn lây sữa, cho trâu ăn no nê roi vát nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn lây sữa, cho trâu ăn no nê rồi vắt nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, nghĩa là vắt nơi vú trâu. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu có Sa-môn? Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chăc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vi một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di9 nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, đinh tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã, rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, nghĩa là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sam6n, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người khôiiệ có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lôi. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ẩy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn



sẽ chứng quả. Nấu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc, roi khuấy đều lên thì chắc chăn được tô. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô. Vì sao? Vì tìm cầu tô một cách chân chánh, nghĩa là khuấy lạc. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn5 Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải

không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vi một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di? nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chan không the chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, roi ép xuông thì chác chăn không có được dâu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có dầu lại đổ đầy cát vào đồ 6p, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua rồi ép xuống thì chắc chắn không có được dàu. Vì sao? Vì tìm cầu dầu một cách tà vạy, nghĩa là ép cát. Cũng vậy, này Phù- di, nêu có Sa-môn? Phạm chí có tà kiên, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người khônẹ có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường loi. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chan sẽ chứng quả. Nấu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép,



rưới nước sôi cho ri thâm qua roi ép xuồng thì chác chăn có được dâu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua rồi ép xuống thì chắc chắn có được dầu. Vì sao? Vì tìm cầu dầu một cách chân chánh, nghĩa là ép hạt mè. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không the chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như có n^ười muốn có lửa, bèn

lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt làm dùi thì chác chăn không có được lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có lửa mà lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắc chan không có được lửa. Vì sao? Vì tìm cầu lửa một cách tà vạy, nghĩa là dùng củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiên, đinh tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chan không the chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lôi. Này Phù-di5 nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ẩy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứnệ quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lôi. Này Phù-di9 ví như có người muốn có lửa, bèn lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nẹuyện muốn có lửa, lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chăn có được lửa. Vì sao? Vì tìm cầu lửa một cách chân chánh, nghĩa là dùng củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có



Sa-môn, Phạm chí có chánh kiên, định chánh kiên; người ây có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chăc chăn sẽ chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, nêu thây nói cho Vương Đông tử nghe bôn ví dụ này; Vương Đồng tử nghe xong, chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường thầy suốt đời như áo chăn, uống ăn5 ngọa cụ5 thuốc thang và đủ các thứ nhu dụng khác cho đời sống. Tôn giả Phù-di thưa: —Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này thì lấy đâu để nói lại? Duy chỉ hôm nay mới được nghe Thế Tôn nói mà thôi. Đức Phật thuyêt giảng như vậy, Tôn giả Phù-di và các Tỳ"kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

174. KINH THỌ PHÁP (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ; hoặc thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc; hoặc thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ; hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Thê nào là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khô? Hoặc có Sa- m6n, Bà-la-môn? Phạm chí ham thích vui đùa cùng với người con gái đẹp và tuyên

bố: uSa-môn, Phạm chí này, đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng!59 Vi ấy cùng với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hy trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ5 khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vây: "Sam6n, Phạm chí kia, đôi với dục, thây những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên nơi dục, cho nên mới lãnh Sự khô cùng cực như vậy, sự khô trọng đại như vay.^ Cũng như vào tháng cuôi mùa xuân, ban ngày rất nóng, hạt giống của dây leo tên là Chích bì bình rớt xuông góc cây sa-la. Bây giờ, thân cây sa-la nhân đó sanh ra sợ sệt. Bây giờ, các vị thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ cây lúa, cây cỏ, vốn là bà con, bằng hữu của thần cây kia, đối với hạt giống, vì thấy tương lai có sự sợ hãi, có đủ tai họa như vậy, liền đi đến chỗ thần cây mà an ủi rằng: "Thần cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Hạt giông này đây hoặc là bi nai ăn, hoặc chim không tước ăn, hoặc bi gió thổi di, hoặc bị lửa xóm đốt di, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ổn.,, Nhưng hạt giông này không bi nai ăn, chim không tước ăn, gió thôi di, lửa xóm đót, không bị lửa đồng thiêu, cũng không bi hư hoại thì không phải chẳng thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bi vỡ, không bị mưa, gió, nắng làm tôn thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liên nảy sanh nhanh chóng. Thân cây kia liền suy nghĩ như vầy: "Vi những lý do gì mà các thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuôc, vôn là thân băng quyên thuộc



và bằng hữu, đối với hạt giống, thấy tương lai có sự sợ hãi nào, tai họa gì, lại sang an ủi ta và nói: 'Thân cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Này thân cây, hạt giông này hoặc bi nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc bị gió thổi di, hoặc bi lửa xóm thiêu, lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ổn/ Nhimg hạt giống này không bị nai ăn, không bi chim khổng tước ăn? không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bi lửa đồng đốt, cũng không bi hư hoại không thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bi vỡ, chẳng bị mưa, gió, nắng làm tổn thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt liên nảy mâm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mem mại, thành đốt, sờ đến thích thú. Thân, cành, lá mềm mại, thành đốt này sờ đến thích thú, xúc chạm vui sướng.,, Nhờ duyên này, cây thành cành lá to lớn, quấn lấy thân kia, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên rồi, vi thần cây kia mới suy nghĩ như vầy: "Các thần cây chung quanh kia, nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuốc; các thần cây thân quyến, bằng hữu đối với hạt giốnệ này, thấy trong tương lai có sự sợ hãi và tai họa này mà đên an ủi ta răng: 'Thân cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Hạt giống này hoặc bị nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc bi gió thổi di, hoặc lửa xóm thiêu, hoặc lửa đồnẹ đốt, hoặc hư hại chăng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ôn/ Nhưng hạt giông này không bi nai ăn, không bị chim khổnệ tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bị lửa đồng đót, cũng không bi hư hoại chăng thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, cũng chẳng bị vỡ

bể, không bị mưa, gió, nắng làm thương tổn, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liền nảy sanh mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên vì hạt giống mà ta chịu sự khổ cùng cực này, sự khổ trọng đại nà* Cũng vậy, hoặc có Sa-môn, Phạm chí ham thích vui đùa cùng người con gái đẹp và nói như vày: "Sa-môn, Phạm chí này đoi với dục, thay có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai mà phải đoạn trừ dục, bày ra phương pháp đoạn dục? vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng !,9 Vị ấy cùng với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hy. Người đó thọ pháp lạc đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy: "Sa-môn, Phạm chí kia, đối với dục, thấy những sự sợ hãi và tai họa này trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên với dục, cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, trọng đại như vay!" Đó gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tươrng lai chịu quả báo khổ. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khô mà tương lai thọ quả báo lạc? Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục, nặng đắm nhuế, nặng đắm si; thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu, sầu; tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu, sầu. Người ấy vì khổ, vì ưu, mà trọn suốt cuộc sống tu hành Phạm hạnh, cho đến



khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp này đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, tất sanh đến chỗ lành, sanh vào cõi trời. Đó là thọ pháp hiện tại kho, tương lai thọ quả báo lạc. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu báu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng chén; không ăn những đồ giựt ra từ đao ệậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi; không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý; không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dơ, không uống gì cả, học hạnh không uống; học ăn một miếng và cho một miếng là đủ, học ăn hai miếng, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho là đủ. hoặc một lan nhận được và cho một lan nhận được là đủ, hoặc ăn một ngày một lân và cho một lân ăn là đủ, hoặc hai, ba, bôn, cho đên suôt bảy ngày, nửa tháng hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ; hoặc ăn rau cải, hoặc ăn hạt đang, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn lúa tạp huỳnh, hoặc ăn đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn của nai ăn; hoặc đến chỗ vô SỊT, nương ở chỗ vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rớt xuống; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc toàn da, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc áo da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc chỉ đứng không hề ngồi, hoặc đi chổng hông, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trên cỏ, lây cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc, hoặc thờ lửa, ngày đêm đót lên, hoặc thờ mặt trời, mặt trăne, thờ đang Tôn Hựu Đại Bức, ngày đêm chắp tay hướng về. Những sự thọ kho như vậy không the lường hết, học hạnh nónệ bức. Vị ấy thọ pháp này đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại

mạng chung, tất đen chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ vậy. Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc? Hoặc có nệười bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế, không nặng đăm ngu si. Vị ấy khôiiệ thường theo tâm dục mà thọ khô, sâu, lo; khônệ theo tâm sân nhuế mà thọ kho, sầu, lo; và không theo tâm ngu si mà thọ khổ, sau, lo. Vi ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành Phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan duyệt. Vị ấy thọ pháp này đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kiết sử dứt sạch thì hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi này. Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. ỉ r r Thê gian thật sự có bôn thứ thọ pháp như vậy, do đó mà Ta giảng thuyêt. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

175. KINH THỌ PHÁP (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu5 ở tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:  Thê gian này có ước muôn như vây, hy vọng như vây, yêu thích như vây, vui sướng như vầy và khởi ý như vầy: "Mong sao các pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt; còn pháp hỷ, ái, xứng ý sanh ra." Họ ước muốn như vậy, hy vọng như vậy, yêu thích như vậy, vui sướng như vậy và ý tưởng như vậy. Song, pháp chẳng hỷ, chẳng ái, chẳng xứng ý lại sanh; còn pháp có hỷ, có ái, có xứng ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Pháp của Ta rất sâu xa, khó trông thấy, khó hiểu, khó thông đạt. Pháp của Ta sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thông đạt là như vầy: Pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt; còn pháp có hỷ, có ái, có xứng ý được sanh. Đó là pháp không ngu si. Thế gian này quả thật có bốn thứ thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, hoặc có thọ pháp hiện tại kho mà tương lai cũng thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Thế nào là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh, do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình vui thích trong việc trộm cắp, tự mình vui thích trong việc tà dâm, nói láo cho đến tà kiến; nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc; bất thiện từ bất thiện mà sanh ra, không đi đến trí, không đi đến giác ngộ, không đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khô. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu trong việc đoạn trừ sát sanh; do sự đoạn trừ sát sanh mà sanh khổ, sanh mi. Người đó tự khổ, tự ưu trong việc đoạn trừ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến đoạn trừ tà kiến; do đoạn trừ tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; thiện từ thiện mà sanh, đi đến trí, đi đến giác, đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khô? Hoặc có người tự khổ, tự ưu trong việc sát sanh; do sát sanh mà sanh khổ, sanh ưu. Người đó tự khô, tự ưu trong việc trộm cap, tà dâm, nói láo cho đên tà kiên; do tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; bất thiện từ bất thiện

mà sanh, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Đó gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ lấy quả báo khổ. Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc đoạn trừ sát sanh; do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình : r  r jF

vui thích trong việc đoạn trừ trộm cap, tà dâm, nói láo cho đên đoạn trừ tà kiên; do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc; thiện tư thiện mà sanh, dẫn đến trí, dẫn đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Nhưng người kia do ngu si, chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc nhưng tương lai chịu lấy khổ báo. Khi không biết như thật nên tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Cũng như vi thuôc A-ma-ni, một phân có sác đẹp và mùi thơm nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống thì sắc đẹp và hương vi ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng roi lại chăng thành thuôc. Như vậy là thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chiu quả báo kho. Khi đã không biết như thật, liền tập hành, không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Nhưng người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo lạc. Khi đã không biết như thật, người kia liền không tập hành mà đoạn trừ; không tập hành mà đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng chịu quả báo khô. Nhimg người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại kho mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, người kia liền tập hành, không đoạn trừ. Khi đã tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ9 không ái, không xứng ý sanh; pháp ái, pháp hỷ, pháp xứng ý diệt. Cũng như đại tiểu tiện lại trộn lẫn độc; hoặc có người bị bệnh cho nên uống; khi uống thì nhơ nhớp, hôi thúi, không có mùi vị, không ngon miệng, mà lại tổn thương cuống họng, uông vào trong bụng lại chăng thành thuôc. Như vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si, không biết như thật rang thọ pháp này hiện tại kho, tương lai cũng chiu quả báo kho. Khi đã không biết như thật, bèn tập hành, không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

175. KINH THỌ PHÁP (B)  1005

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Nhung người kia ngu si, không biết như thật rang thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc. Khi đã không biết như thật nên người kia không tập hành mà đoạn trừ. Do không tập hành mà đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp

xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào nên tập hành và không biết như thật pháp nào không nên tập hành nên pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên tập hành lại không tập hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp có hỷ, có ái, xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo kho. Khi đã biết như thật nên vị ấy không tập hành nhưng đoạn trừ. Do không tập hành nhimg đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái9 có xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Người có trí tuệ biêt như thật răng thọ pháp này hiện tại khô nhưng tương lai thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như đại tiêu tiện có hòa với nhiêu thứ thuôc; hoặc có người bi bệnh uống; khi uống sắc xấu, hôi thúi, không mùi vị, không ngon miệng mà lại hại cho cuống họng, nhxmg uống vào trong bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hy, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khô. Người có trí tuệ biêt như thật răng thọ pháp này hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Khi đã biết như thật, vị ấy không tập hành nhtrng đoạn trừ. Do không tập hành nhtmg đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái, có xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc; hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng, uống vào bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp này hiện



tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biêt một cách như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vi ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hy, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Người đó biết như thật rằng đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Khi biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vị ấy tập hành pháp nên tập hành, không tập hành pháp không nên tập hành. Do tập hành pháp nên tập hành và không tập hành pháp không nên tập hành, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng thuyết. Đức Phật thuyết giảng

như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

176. KINH HÀNH THIỀN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. LÚC bây giơ, Thê Tôn bao các thay Tỳ-kheo: Trong thế gian quả thật có bốn loại người hành thiền. Những gì là bốn? Hoặc có người hành thiền xí thạnh mà gọi là suy thoái, hoặc có người hành thiền suy thoái mà gọi là xí thạnh, hoặc có người hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái, hoặc có người hành thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Thế nào gọi là người hành thiền xí thạnh mà cho là suy thoái? Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Tâm người đó tu tập chánh tư duy thì từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rang: "Tâm ta lìa bổn tướng, mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thắpg." Vị ấy do không biết như thật như vậy nên đối với sự như thật mà thối chuyển ý, bèn mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền, giác và quán đã tịch tịnh, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do đinh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thăng. Nhưng người hành thiên ây lại nghĩ răng: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ hai và diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: :Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đo là tịch tinh thu thắịg." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển ý, liền mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ly hỷ và dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân có cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là uxả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an tru. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba và diệt mất djnh." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh



tư duy, an lạc tịch tịnh, từ nơi Thiên thứ ba hướng đên Thiên thứ tư; đó là tịch tịnh thù tpắng." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển ý? liền mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu vốn có cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tương mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ tư và diệt mất djnh." Vi hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắpg." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển y, làm mất

định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu an trú nơi Vô lượng không xứ. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tinh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ: “Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ và diệt mất định.,, Vi hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển y, làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhimg vị hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Vô lượng thức xứ, diệt mất djnh." Người hành thiền ấy không biết như thật rang: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thang?9 Vị ấy không biết như thật nên đối với sự như thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Vô sở hữu xứ, diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ chỗ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng.,, Vị ấy do không biêt như thật nên đôi với sự như thật mà thôi chuyên ý, làm mát định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là suy thoái.

176. KINH HÀNH THIỀN  1009

Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là xí thạnh? Người hành thiền ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ hai. Nhimg người ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thang.^ Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ nhất, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ hai. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an tru. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ ba. Nhưng n^ười hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Thiên thứ hai, nhưng không thê bằng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào

Thiền thứ ba. Vi ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiên ly hỷ, ly dục, xả, vô câu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ tư. Nhưng nệười hành thiền ấy lại nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiên thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bàng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ tư. Vị ấy do khônẹ biết như thật nên không biết rõ tâm minh, vì vậy mà mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Người hành thiền ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng không xứ. Nhung người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tinh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật răng có thê tư duy băng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng không xứ. Vi ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.



Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không xứ, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng thức xứ. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô lượng không xứ, nhung không thê băng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng thức xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Vi ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ. Nhung người hành thiền ấy nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ây không biêt như thật răng có thê tư duy băng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Vô lượng thức xứ, nhưng không thê băng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm minh, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Nhimg người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh,

từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Vị ây do không biêt như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Thế nào là người hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái? Người hành thiên ây với sở hành, với đôi tượng và mục tiêu, vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Nhimg vi ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô sở hữu xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại huýng đến chỗ khác, mất Phi hữu tưởng phi vo tưởng xứ, diệt mất djnh.” Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

176. KINH HÀNH THIỀN  1011

Lại nữa, người hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Nhimg vị ây không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng thức xứ mà niệm tưởng tương img vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: :Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại huýng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ây không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng không xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng thức xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua r r L . ' . : .

tát cả các sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc sác mà niệm tưởng tương ưng vôn đã thôi thát săn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiên thứ tư, thành tựu an tru. Nhưng vị ây không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ây, chỉ hành trên Thiên thứ ba mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ tư, diệt mất djnh." Vị ấy biết

như thật rồi, đối với sự như thật không thối v, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên với sở hành, với đôi tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, xả? vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhung vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ hai mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba, diệt mất dinh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không



thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ nhất mà niệm tưởng tương ưng vôn đã thôi thát săn. Người hành thiên ây bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ hai, diệt mất djnh." Vi ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý? không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác, bát thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc dục mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ nhất, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Thế nào là người hành thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh? Người hành thiền ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đác Thiên thứ nhát, thành tựu an trú. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tinh thù thắng.” Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiên với giác quán đã dứt, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đác Thiên thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tinh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền ly hỷ, ly dục, xả5 vô cầu, an tru chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiên ây bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, roi

từ

176. KINH HÀNH THIỀN  1013

Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, roi từ Thiên thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Vô lượng không XÚT, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ây, thành tựu an trú. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, rồi tư Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: uTâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Thế gian quả thật có bốn loại người hành thiền như vậy, vì vậy mà Ta giảng thuyết. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

177. KINH THUYET Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm, Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe; vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa và vi diệu ở đoạn cuối; có văn, có nghĩa, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; đó là Kinh Tứ chủng thuyết. Sau dây, Ta sẽ phân biệt nghĩa lý của Kinh Tứ chủng thuyết. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm, Ta sẽ giảng! Khi ây, các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe. Đức Phật nói: -Thế nào gọi là phân biệt nghĩa lý của Kinh Tứ chủng thuyết? Nếu có Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng và tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất

thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với dục lạc, với sự thôi chuyên thì Tỳ-kheo ây phải nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, định này của ta không tồn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Và vị ấy thọ lãnh sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an tru với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ hai, với sự thăng tiên thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên



ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ hai." Thây Ty-kheo ay nen biêt như vạy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này có thể khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.,, Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Nhưng vị ây không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ nhất, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó? định này của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do đinh sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Và vi ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối, không tiến, cũng khôn^ nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chác chắn tồn tại lâu dài.” Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Nhưng

vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ ba." Thày Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an tru. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

177. KINH THUYẾT  1017

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú"chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bi thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dai.” Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an tru với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trh”, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai?9 Thầy Tỳ- kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an tru với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Nhtrng vị ấy không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ tư, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thôi, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng Thiền thứ tư." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú”, chứng đác Thiên thứ ba, thành tựu và an trú. Nhtrng vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên ta bị nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không

khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhimg vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, định này của ta không tồn tại lâu dàiy Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.



Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Và vị ây châp thọ sở hành này, suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do d6, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhưng vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với Vô lượng không xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc vô lượng không xú;" Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhung vị ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an tru Vô lượng không xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với ái lạc sắc, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thôi chuyên. Do đó, đinh này của ta không tôn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an tru Vô lượng không xứ. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đôi tượng, tiêu đích, vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc vô lượng thức xứ" Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tinh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhung vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dSi." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Và vị ây châp thọ sở hành này, suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không tiên, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này khiến ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu di." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô sở hữu xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa, sẽ chứng đắc Vô sở hữu xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhưng vị ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu



đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao

lâu nữa sẽ chứng quả lậu tānZ, Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự thối chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không tru, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ"kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an tru Vô sở hữu xứ. Và vi ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an tru với ý chuyên nhát thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tru, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Phi hữu tưởng phi vô tưởng XÚT." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với sự nhàm chán, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tậny Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Có tưởng và có thọ được biết ngang đến mức ấy, cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ là hành nghiệp lưu dư cao hơn hết trong sự hữu. Tỳ-kheo hành thiên hãy phát khởi theo như vậy, hãy thuyêt giảng lại cho người khác biêt! Đức Phật thuyêt như vậy, các thây Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

178. KINH LẠP sư 5

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca- lan-đa. Bay giờ, đức The Ton noi vơi các Tỳ-kheo:  Người thợ săn khi bây môi nai, không có tâm như vây: “Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu.” Nhưng nậười thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vầy: "By mồi là chỉ muốn chúng đến gân đê ăn, đã đên gân đê ăn thì sẽ buông lung phóng dật, đã buông lung phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ san?9 Người thợ ăn bẫy mồi nai với tâm như vậy. Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bi tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để

ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phónệ dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhát không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được cltông?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn c6, uông nước. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đêu hét, thân thê chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ: "Dàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau d6, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.,, Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng



dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Bàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài; sau khi bủa lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này.^, Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn bủa vòng lưới chạy dài, và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Dàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được; sau đó, hãy ăn đô môi của thợ săn mà đừng đên gân; đã ăn mà không đên gân thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; nương ở chỗ ấy roi liên ăn đô môi của thợ săn mà không đên gân; đã ăn mà không đên gân nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ tư này tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy, ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Này Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói những điều này, các thầy hãy quán sát nghĩa lý của chúng. Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm đặc tính của dục: sắc được biết bởi mắt, tiếng được . ji • e r • :L

nghe bởi tai, hương được biêt bởi mũi, vị được biêt bởi lưỡi và xúc được biêt bởi thân. Đô môi của thợ săn, nên biêt, đó chính là năm đặc tính của dục. Người thợ săn, nên biêt, đó chính là Ac Ma vương. Quyên thuộc của thợ săn, nên biêt, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Còn đàn nai, nên biết, đó chính là Sa- môn, Phạm chí vậy. z r y y y y \ Sa-môn9 Phạm chí thứ nhát đên gân đô môi của Ma vương, là đô môi của the gian tín thí. Những vị ấy sau khi đen gan đe ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-mon, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ nhất đến gần đê ăn đô môi của thợ săn; sau khi chúng đên gân đê ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc

178. KINH LẠP sư 1023

e r

thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhát không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Các thây hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí kia cũng giống như vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của thế gian tín thí. Những vị ấy sau khi đên gân đê ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; roi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thế gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ5 nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ đồ ăn của thê gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trói cây và rễ cây. Đen tháng cuối mùa xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vi ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn; vì khí lực hao mòn nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn; tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trô lại bi tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhát đên gân đê ăn đô môi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy ỉa đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được chăng?,, Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đo moi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uông nước. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đêu hêt5 thân thê chúng rát gây ôm, khí lực hao mòn; và roi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ: “Sa-m6n, Phạm chí thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa; sau đó, hãy ăn đồ môi

của thế gian tín thí mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không bi tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nhưng còn chấp thủ hai kiến chấp là hữu kiên và vô kiên. Những vị ây do châp thủ hai kiên châp này nên roi cũng bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ



91 •r • 9 -B < a 1 A -a ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyên thuộc Ma vương. Ví như đàn nai thứ ba suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhất và đàn nai thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bi tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn suy nghĩ: "Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh! Vì sao vậy? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài; sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ &, đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Sau khi suy nghi, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài, và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nen biết, đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết, đó chính là vô kiến. Các thầy hãy quán sát Sa-môn? Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy. Sam6n, Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ: uSa-môn, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đên gân; đã ăn mà không đên gân thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn5 Phạm chí thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được; sau đó, ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhát, thứ hai và thứ ba, tát cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gàn; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bị tùy

thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liên nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đên gân; đã ăn mà không đên gân nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bi tùy thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyên thuộc thợ săn lại suy nghĩ:

178. KINH LẠP sư  1025

"Đàn nai thứ tư này tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư nay?9 Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán Sa-môn, Phạm chí thứ tư cũng giông như vậy. Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy, để khiến Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được. Chô nào mà Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chô nào mà Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đến được? Đó là Tỳ-kheo có tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ biến khắp cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bôn hướng, phương trên, phương dưới, phô biên kháp cả, tâm đi đôi với xả? không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tưởng, cho đến thành tựu và an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ? nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiên mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Này Tỳ-kheo, chỗ &, đường lui tới như vậy khiến Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được. Các thây phải nên học như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ngũ Chi Vật Chủ, vào buổi sáng sớm, rời khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật để cúng dường, lễ bái. Ngũ Chi Vật Chủ suy nghĩ: "Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến vườn của kẻ dị học Nhất Sa-la-mat-lai?9 Rồi Ngũ Chi Vật Chủ bèn đến chỗ du hy hoan lạc gần hàng cây Cân-đầu-a-lê9 đi đến vườn kẻ di học Nhất Sa- la-mạt-lợi.

Bấy giờ, trong vườn kẻ dị học Nhất Sa-la-mạt-lợi có một dị học Sa-môn tên là Văn-kỳ-tử, là Đại Tông chủ của chúng dị học, là Tôn sư của mọi người, được mọi người kính trọng, thống lãnh một đại chúng gần năm trăm dị học; đang ở giữa đám đồ chúng ồn ào, cao giọng, luận bàn đủ mọi chuyện, như bàn chuyện bao nhiêu loại súc sanh, bàn chuyện vua, chuyện giặc, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện áo chăn, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ, chuyện dâm nữ5 chuyện the gian, chuyện tà đạo, chuyện trong biển; tất cả những chuyện chào xáo như the đều được tập hội luận bàn tại đây. Dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử trông thấy Ngũ Chi Vật Chủ từ xa tiến đến, liền ra lệnh hội chúng của mình im lặng và bảo: "Các người hãy im lặng, đừng nói nữa, hãy tự thu liễm. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Ngũ Chi Vật Chủ sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này, không ai hơn được Ngũ Chi Vật Chủ. Vì sao vậy? Vì ông ấy ưa thích sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm.,, Bấy giờ, di học Sa-môn Văn-kỳ-tử bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng. Khi ấy, Ngũ Chi Vật Chủ đi đến chỗ dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi xuống một bên. Dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói:  Này Vật Chủ, nêu người nào có bôn sự, ta chủ trương răng người ây thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Si, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa- môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, khẩu không nói ác, không sông băng tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật Chủ, nêu người nào có bốn sự này, ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

1028  KINH TRƯNG A-HÀM

Ngũ Chi Vật Chủ nghe dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy? bước đi với ý niệm: "Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này." Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và đem những điều đã bàn luận với dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử thuật lại hết với đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói:  Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sanh tay chân mem yêu, năm ngửa mà ngủ, cũng sẽ thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng vê thân, huông nữa là tạo nghiệp ác về thân, duy chỉ có động đậy thân hình. Này Vật Chủ, trè sơ sanh còn không có suy tưởng vê khâu, huông nữa là nói ác, duy chỉ biêt khóc. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng vê mạng, huông nữa là sông tà mạng, duy chỉ biết bập bẹ. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng về niệm, huống nữa là niệm ác, duy chỉ nghĩ đến sữa mẹ. Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương ràng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô Thượng Sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, khẩu không nói ác? không sống tà mạng và không suy niệm ác. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự này, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô Thượng Sĩ, không thể chứng đắc đệ

nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta chủ trương đó là giới. Này Vật Chủ, niệm, Ta chủ trương đó là tam sở hữu đi theo với tâm. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết giới bất thiện; nên biết giới bất thiện phát sanh từ đâu; nên biết giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết giới thiện; nên biết giới thiện phát sanh từ đâu; nên biết giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết niệm bất thiện; nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu; nên biết niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện. Này Vật Chủ, ta nói nên biết niệm thiện; nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu; nên biết niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chô nào; nên biêt Hiên thánh đệ tử làm thê nào để diệt trừ niệm thiện.

## 179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ  1029

Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới bất thiện? Thân hành bất thiện, khẩu, ý hành bất thiện; đó gọi là giới bất thiện. Này Vật Chủ, giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này Vật Chủ, giới bất thiện bi diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về khẩu, ý, tu tập nghiệp thiện về khẩu, ý; đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại khônệ còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ giới bát thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, khẩu, ý hành thiện; đó gọi là giới thiện. Này Vật Chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này Vật Chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không đắm trước nơi giới; đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nao để diệt trừ giới thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; đó gọi là niệm bất thiện. Này Vật Chủ, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong dục giới mà sanh niệm bất thiện tương img với dục giới; nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bát thiện tương ưng với dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong nhuế, hại giới, cho nên sanh niệm

bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới; nếu có tưởng, do nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới; đó là niệm bất thiện phát sanh từ nơi tưởng này. Này Vật Chủ, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác? bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú; đây là niệm bất thiện bi diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại khônẹ còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm bát thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện.



Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại; đó gọi là niệm thiện. Này Vật Chủ, niệm thiện phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tưởng, vô nhuế tưởng, vô hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong cõi vô dục, cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới; nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới, cho nên sanh niệm thiện tương ung với vô nhuế, vô hại giới; nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện tương ung với vô nhuế, vô hại giới; đó là niệm thiện phát sanh từ nơi tưởng này. Này Vật Chủ, niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bi bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã c6, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú; đây là niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đen quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Này Vật Chủ, đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát, biết đúng như thật giới bất thiện; biết đúng như thật giới bất thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật giới bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện; biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật giới thiện này đã bi diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm bất thiện; biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật niệm bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện; biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Vì sao vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh chí, nhân chánh chí nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh

nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh phương tiện, nhân chánh phương tiện nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Đó gọi là học kiến đạo

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ 1031

thành tựu tám chi và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi. Này Vật Chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến cho đến chánh đinh; như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi. Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí; như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi. Này Vật Chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương răng người áy thành tựu thiện, đệ nhát thiện, là bậc Vô Thượng Si, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Đức Phật thuyết như vậy, Ngũ Chi Vật Chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Thích-ki-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại. Bấy giờ, Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di đem một chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên rồi thưa rằng: Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho! Đức The Ton noi: Này Cù-đàm-di? hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di vẫn thưa: Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho! Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, đức Thế Tôn cũng vẫn nói: Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng phía sau đức Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật, liền thưa: Bạch Thế Tôn, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Thế Tôn sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời. _ f …

Đức The Ton noi: Này A-nan, thật sự như vậy. Này A-nan, thật sự như vậy. Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhirng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhờ Ta mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo; không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý và khổ, tập, diệt, đạo; thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ; xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn

1034 KINH TRƯNG A-HÀM

trừ nghiệp uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo; không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý và khổ, tập, diệt, đạo; thành

tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ; xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi, xa lìa nghiệp uông rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu; thì người này cúng dường lại người kia, cho đến suốt đời, nào là uông ăn, áo chăn, giường chõng, thuốc thang và đủ các thứ vật dụng cho đời sông, chăng lẽ lại không được đên ơn? Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng và có mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Này A-nan? thế nào gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo? Thiện nam tử hay thiện nữ nhân, khi Phật còn tại thế, Phật là vị cầm đầu, mà bố thí cho Phật và chúng Tỳ-kheo; như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Thiện nam tử, thiện nữ nhan, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng là bố thí cho chúng Tỳ-kheo, bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo và bạch với chúng răng: “Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí!" đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni và bạch với chúng răng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một sô Tỳ-kheo-ni đê chúng con được bố thí!" Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Này A-nan, trong tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn. Vị ấy đã không tinh tấn, không tinh cần mà vẫn được bố thí vì nương nơi chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhân nơi chúng. Ta nói, lúc bấy giờ, thí chủ sẽ được phước vô lượng, không thê đêm, không thê kê, được thiện, được lạc; huông nữa là bô thí cho các Tỳ-kheo hiện nay là những vi thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyễn, thành tựu cả chát trực và nhu nhuyễn, thành tựu nhân, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh ky, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du, thành tựu cả oai nghi và hành lai du, thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu tín, giới, đa văn, thí, tuệ ư? Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo? Là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn bố thí cho đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí



cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho tiên nhơn, ngoại đạo ly dục, bô thí cho người tinh tân, bô thí cho người không tinh tân, bô thí cho súc sanh. r y Z

Này A-nan, bô thí cho súc sanh được phước trăm lân hơn; bô thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn; bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn; bố thí cho tiên nhơn, ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn; bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được

phước vô lượng; bo thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng; bô thí cho vị đác Tư-đà-hàm được phước vô lượng; bô thí cho vi A-na-hàm hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đắc A-na-hàm được phước vô lượng; bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đác A-la-hán được phước vô lượng; huông nữa là bô thí cho đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ư? Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh. Những gì là bốn? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận; CÓ loại bô thí do người thọ nhận thanh tinh, không phải do thí chủ; có loại bô thí không phải do thí chủ thanh tinh, cũng không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì tinh tan, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: “C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.” Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Này Anan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Là thí chủ không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí đo người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ. Này A-nan5 thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Là thí chủ không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do



thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy? Là thí chủ tinh tấn, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng tinh tân, tu hành Diệu pháp, thây có đời sau, thây có quả báo; do thây như vậy nên nói như vây: "C6 sự bô thí, có quả báo của sự bô thí." Như vậy gọi là loại bo thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy. Lúc bay giơ, đức The Ton noi bai kê: Tinh tấn thí người không tinh tấn, Thí đúng pháp, được tâm hoan hỷ, Vì tin có nghiệp và quả báo Loại thí này, thí chủ thanh tịnh. Không tinh tấn thí người tinh tấn, Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ, Vì không tin nghiệp và quả báo, Loại thí này người nhận thanh tịnh. Người giải đãi thí không tinh tấn, Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ, Vì không tin nghiệp và quả báo, Loại thí này không được quảng báo. Người tinh tấn thí người tinh tấn, Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ, Vì tin có nghiệp và quả báo, Loại

thí này đạt được quảng báo. Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng, Hoan hỷ tự mình làm bô thí, Vì tin có nghiệp, có quả báo, Bố thí như vậy, thiện nhơn khen. Khéo léo giữ gìn cả thân miệng, Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp, Người ly dục thí người ly dục, Đó chính là tài thí đệ nhất. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

181. KINH ĐA GIỚI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: “Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ phải không từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tũệy Rồi Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật roi đứng sang một bên và bạch:  Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: "Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tue." Đức The Ton noi:  Thật vậy A-nan, thật vậy A-nan. Những ai có sợ hãi, tất cả những người ây đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai váp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lâu gác, cung điện, nhà cửa. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, iru não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong quá khứ, nêu những ai có sợ hãi, tát cả những người ây đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tát cả những người ây đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong thời vi lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan? trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, nghĩa là, ngu si có sợ hãi; trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vấp ngã, tai họa, ưu não; trí tuệ không có vấp ngã, tai họa, ưu não.



Này A-nan, những ai có sợ hãi, vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy có thể tìm thấy nơi ngu si, chứ không phải nơi trí tuệ. LÚC bây giờ, Tôn giả A-nan buôn râu, khóc lóc, nước mát chảy, chăp tay hướng vê đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ?

The Ton đáp:  Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ, phi xứ. Này A-nan, Tỳ"kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ. Tôn giả A-nan bạch:  Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si? The Ton đáp:  Này A-nan, Tỳ-kheo biết giói, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ

phi xứ. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới? The Ton đáp: -Này A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới như nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. A-nan, thây và biêt mười tám giới này một cách như thật. Lại nữa, này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như địa giới, thủy giới, : e r er hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. A-nan, thây và biêt sáu giới này một cách như thật. Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới như thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. Này A-nan, thây và biêt bôn giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật.



Lại nữa, A-ĩian, thấy và biết như thật về ba giới như sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như quá khứ giới, vi lai giới, r r hiện tại giới. Này A-nan, thây và biêt ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thây và biêt như thật vê ba giới như diệu giới, bát diệu giới, tning giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. Này A-nan, thây và biêt vê ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như học giới, vô học giới, phi học vô học giới. Này A-nan, thay và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới như hữu lậu giới, vô lậu giới. Này A-nan5 thấy và biết hai giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thây và biêt như thật vê hai giới như hữu vi giói, vô vi giới. Này A-nan, thay và biết hai giới này một cách như thật. Này A-nan, thây và biêt như thật vê sáu mươi hai giới này. Này A-nan, Tỳ- kheo biết giới như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ? The Ton đáp: -Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ như nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. A-nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ này. Này A-nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Nhimg bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên? The Ton đáp: Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp sanh khởi từ nhân duyên rằng: "Do cái này có nên cái kia có; cái này không nên cái kia không; cái này sanh nên cái kia sanh; cái này diệt nên cái kia diet." Tức là duyên vô minh có hành, cho đên duyên sanh có già chét. Nêu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt. Này A-nan, Ty-kheo biết nhân duyên như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ?

rr^-|_ Á A A- L The Ton đáp: Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển Luân Vương cung cai tri, trường hợp này hoàn toàn không có. Nấu trong đời có một Chuyển Luân Vương cai trị, trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu trong đời có hai đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu trong đời này có một đức Như Lai, trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà còn cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la- hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu cô ý hại cha mẹ, giêt A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu; trường hợp này tất có xảy ra. Anan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo; trường hợp này tất có. Nếu một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại dạo, mong cầu phước điền ở đó; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó; trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu một ngườd đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác, nói như vầy: "Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biếf9; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ngườd phàm phu theo các Sa-môn9 Phạm chí khác, nói rằng: uCác ngai thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết"; trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu nẹười phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung; trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu người đã thây đê lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có kho, có phiền não, không chân thật; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não, không chân thật; trường hợp này tất có. A-nan, nêu người đã thây đê lý mà phát sanh sự cực khô, hét sức khô, không thê ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở nẸoại đạo; hoặc có Sa-môn? Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, “Mong ệiải trừ sự khổ đau cho t6i"; đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự kho, mà nói là dứt khổ; trường hợp này hoàn toàn không có. Nấu một người phàm phu xả ly nội đạo này mà cầu cứu ngoại đạo; hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, "Mong giải trừ sự khổ đau cho t6i"; đó là đi tìm sự khô, tập khởi sự khô, dân đên sự khô, mà nói là dứt khô; trường hợp này tát có. A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu tái sanh lân thứ tám, trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu ai có thân ác hành, khâu và ý ác hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này, thân hoại



mạng chung đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến ác

xứ, sanh vào địa ngục; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân ác hành, khau và ý ác hành mà thọ lạc báo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ kho báo; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo; trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu ai không đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trú vững vàng trên bôn niệm xứ; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ; trường hợp này tất có. A-nan, nêu ai không đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, tâm an tru vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác chi; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, an tru vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; trường hợp này tất có. A-nan? nêu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, khônẹ tu bảy giác chi, không chứng đắc Vô thượng Chánh đang giác mà đoạn tận kho biên; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, đoạn tận khổ biên; trường hợp này tất có. Này A-nan, như vậy là Tỳ-kheo biêt thị xứ, phi xứ! Tôn giả A-nan bạch:  Bạch Thế Tôn, như vậy là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ! Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật:  Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào? The Ton đáp: -Này A-nan, hãy thọ trì pháp này, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ, là pháp kính, là tứ phẩm. Do đó, kinh này được gọi là

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Ty-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

182. KINH MA ÁP (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ9 cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã Ấp, ngụ tại Mã Lâm tự. Bay giơ, đức The Ton noi vơi các thay Ty-kneo: -Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn? là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thầy, những vi Sa-môn thì các thầy có tự xưng là Sa-môn chăng? Các thầy Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Phật lại nói:  Cho nên các thầy chính vì lẽ d6, chính vì là Sa-môn5 phải học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang và các thứ sinh hoạt khác, những người cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả

báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là pháp như thật Sa-mon và pháp như thật Phạm chí? Thân hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tư đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thây nghĩ răng: "Ta thân hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo5\ Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn. Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ ghì, không có tỳ vết; nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị * y y ợ @ Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thây nghĩ răng: "Ta thân, khâu hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty.kheo", Ta nói cho các thày biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

1044 KINH TRƯNG A-HÀM

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng lên trên đê sám hôi, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vét; nhân nơi ý hành thanh tinh này mà vân không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thây nghĩ răng: "Ta thân, khâu, ý hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty-kheo,95 Ta nói cho các thày biết, không để các thây mong câu cứu cánh của Sa-mon mà lạc mat cứu cánh của Sa-mon. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Ty-kheo nêu thân, khâu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành thanh tịnh, hướng lên trên sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự T'-kheo", Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-mon mà lạc mất cứu cánh của Sa-mon. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Tỳ-kheo nêu thân, khâu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Ty-kheo phải học thủ hộ các căn5 thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn minh dạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, thường muốn khởi ý nghĩ: Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bát thiện pháp, vì đê thú hướng đên nơi kia nên thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn. Nếu các tìiầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tinh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo9\ Ta nói cho các thây biêt, không đê các

thây mong câu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Tỳ-kheo nêu thân, khâu, ý, mạng đã thanh tinh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học biết rõ ràng sự ra vào, khéo quán sát, phân biệt; sự co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc; khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng, đều có chánh tri. Nếu các thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, biết rõ ràng sự ra vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty-kheo9\ Ta nói cho các thây biêt, không đê các thây mong câu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

182. KINH MÃ ẤP (A)  1045

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ- kheo phải học sông cô độc tại nơi xa văng, ở trong rừng văng, nơi góc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ây sau khi ở trong rừng văng, hoặc nơi gốc cây, những nơi vắng vẻ, thanh nhàn, yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không CÓ não hại, thây tài vật và các nhu dụng sanh sông của người khác mà không khởi lòng tham muốn khiến về mình; vi ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuê, thụy miên, trạo hôi; đoạn nghi trừ hoặc, đôi với các thiện pháp không có do dự; vi ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tinh trừ. Vi ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Tỳ-kheo với đinh tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động, thú hướng đến sự tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật: Đay là lậu, đây là lậu tập, đay là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vi Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Ta nói vị ây ỉa Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uê? là góc rê của sự hữu trong tương lai, là sự phiên nhiệt, là nhân của khô báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh. Thê nào gọi là Tịnh dục? Là người đã tăm rửa sạch các pháp ác, pháp bát thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tinh dục. Chính vì vậy nên gọi là Sa-môn5 là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MA ÁP (B) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ5 cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đên Mã Áp, ngụ tại Mã Lâm tự. Bây giơ, đức Thê Ton noi vơi các thay Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thây, những vị Sa-môn thì các thây có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các thầy Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Phật lại nói: Cho nên các thầy chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn9 phải học đạo hạnh của Sa-môn, đừng không phải là Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn5 bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, âm thực, giường chõng, thuôc thang, và các thứ sinh hoạt khác thì những người cung cấp mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn? Có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bon xẻn, không bỏ bon xẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến. Sa-môn đó gọi là Sa-môn ô uế, là Sa-môn du siểm, là Sa-môn trá ngụy, là Sa-môn bất chính; họ sẽ sanh đến chỗ ác, chưa học hết bổn phận, không phải là đạo hạnh Sa-môn, không phải là Sa-môn. Cũng như cái búa mới rèn rát bén, đâu có mũi nhọn, bỏ trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy. Nghĩa là có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bon xẻn, không bỏ bon xẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác



dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù họ khoác Tăng-già-lê5 Ta không nói họ là Sa-môn. Nêu ai đăp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì bỏ kết oán, có bon xẻn thì bỏ bon xẻn, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ây nên đên nói với người ây răng: "Này chú, chú hãy học cách đáp Tăng-già-lê. Này chú, nếu chú học cách đắp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì bỏ kết oán, có bon xẻn thì bỏ bon xẻn, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến.” Bởi vì Ta thấy người đắp Tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bon xẻn, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiến; cho nên người đắp Tăng-già"lê ấy, Ta không nói là Sa-môn. Cũng như vậy, lõa hình, bện tóc đứng thẳng, ăn

một bữa, thường tung nước, tắm nước; những Sa-môn có hạnh như vậy, Ta cũng không chấp nhận là Sa-môn. Nếu Sa-môn do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua ninh bỏ dua ninh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ấy nên đến bảo với người ấy: uNày chú, chú nên tắm nước, vì do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua ninh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến." Bởi vì Ta thấy có người tắm nước mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bon xẻn, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiên; cho nên người tăm nước ây, Ta không chấp nhận là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn9 không phải là Sa-môn. Thê nào là đạo hạnh của Sa-môn, chăng phải không là Sa-môn? Nêu có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua nịnh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiên bỏ tà kiên. Sự tật đô ây của Sa-môn, sự dua nịnh



của Sa-môn9 sự trá ngụy của Sam6n, sự tà kiến của Sa-môn đưa đến chỗ dữ đêu đã bi dứt sạch, roi học đạo hạnh của Sa-môn. Vi ây như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn. Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tinh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thụy miên, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi, trừ hoặc, chánh niệm, chánh trí, không ngu si. Tâm vi ấy đi đôi với từ, biên mãn một phương, thành tựu an tru. Cũng vậy, hai, ba, bôn phương, phương trên, phương dưới và bôn phương bàng, kháp tát cả, tâm của vị ấy đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng rất lớn, tu vô lượng thiện, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ đi đôi với xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng rát lớn, tu vô lượng thiện, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an tru. Vi ây tự nghĩ: "C6 tho, có diệu, có tưởng, đến trên, xuất yếu, biết như that." Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết mình đã giải thoát: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Vi ây biết đúng như thật. Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bi đói khát, mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tăm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến, bị đói khát, mệt mỏi, cỏd áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo

cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiên được nội tâm tĩnh chỉ. Vị này nội tâm tĩnh chí, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Phạm chí, cư sĩ, công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục. Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh.

1050 KINH TRUNG A-HÀM

Thế nào gọi là Tinh dục? Là người đã rửa sạch các pháp ác? pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tinh dục. Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) r . X Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngiru Giác Sa-la, cùng với số đông các Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức đại đệ tử như Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-naluật-dà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo đại đệ tử là những vi Thượng tôn tri thức như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu Giác Sa-la, ở gần bên tinh thất lá của Phật. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cadiếp, Tôn giả Đại Ca- chiên-diên? Tôn giả A-na-luật-đà? sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi, liền bạch: Hiền giả Ly-việt-đa5 nên biết các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lợi-tử. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cadiếp, Tôn giả Đại Ca- chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà9 Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả Xá-lợi- tử từ xa thấy các bậc Thượng tôn đã đến. Tôn giả Xá-lợi-tử nhân thấy các bậc Thượng tôn ấy nên nói: Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thi giả của Thê Tôn, hiêu được ý nghĩa, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giảA-nan, những hạng Tỳ- kheo nào làm rực sáng khu rừng

Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-nan đáp:  Tôn giả Xá-lợi-tử? nêu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiêu, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vi ấy học rộng, nghe nhiều, tập luyện



đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, thấy rõ? hiểu sâu. Vị ấy thuyết pháp gọn er gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiêt sử. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này. Tôn giả Xá-lợi-tử hỏi: Hiền giả Ly-việt-đa9 Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ly-việt-đa đáp: -Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:  Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền ^iả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiên giả A-na-luật-đà: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-na-luật-đà đáp:  Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trốnệ có một ngàn gò nông, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tát cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi:  Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ca-chiên-diên đáp: -Tôn giả Xá-lợi-tử? ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thau hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.



Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: -Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-dien Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:  Hiên giả Xá-lợi-tử, nêu có Tỳ-kheo tự mình vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri

túc, khen ngợi Sự tri túc; tư mình thích sông cô độc viên ly, khen ngợi sự thích sông cô độc viễn ly; tư mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: Hiền giả Mục-kiền-lien, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngiru Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát y VÍ như hoa trời. Hiên giả Mục-kiên-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, . có thê r biêt, X có thê thây, xuyên qua vách . đá như r hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đây dê như nước, đi trên nước như đi trên đát mà không bị chìm, bay lên không trung mà ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại phước hựu, có đại oai thân, vi ây đưa tay sờ được, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi: -Tôn giả Xá-lợi-tử, tôi và các bậc Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-tử: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

1054 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-tử đáp: Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nêu muôn an trú định vào buôi sáng, vị ây liên an tru định vào buôi sáng; nêu muôn an trú định vào buôi trưa hay buôi chiêu, vị ây liên an trú đinh vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rát nhiêu màu sác rực rỡ; nêu họ muôn mặc thứ nào vào buôi sáng, liên lây mặc vào; nêu họ muôn mặc thứ nào vào buôi trưa hay buôi chiều, liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buôi sáng, vị ây liên an trú đinh vào buôi sáng; nêu muôn an trú định vào buôi trưa hay buôi chiêu, vi ây liên an tru định vào buổi trưa hay buôi chiêu. Hiên giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử bảo: Hiên giả Mục-kiên-liên, tôi và chư Hiên môi người đã nói theo sự hiêu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chô Phật đê biêt trong những điêu vừa thảo luận ây, vị nào nói đúng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử9 Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giảA-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan? tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-tử

bạch:  Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà? Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buôi sáng sớm tát cả đêu đi đên chô con. Con thây chư Hiên đên, nhân đó mới nói rằng: "Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩ của Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi/9 Lúc ấy, con hỏi Hiền giả A-nan rằng: "Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la?” Tôn giả A-nan đáp: "T6n giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đau vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiêu, tập luyện đên ngàn lân, chú ý tư duy, quán sát, hiêu sâu; vị ây thuyết pháp gọn gàng, hm loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-tử? vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la nay/9

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A)  1055

Thế Tôn khen rằng: -Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:  Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ly- việt-đa: "Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây

1056  KINH TRƯNG A-HÀM

Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giálsada?” Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử? ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử? vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng:  Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là phân biệt Pháp sư. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch:  Bạch Thế Tôn? Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: "Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu m^NgmiGiac s^lar •

Tôn giả Đại Ca-diếp liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử? nếu có Tỳ- kheo tự mình ở nơi vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích sống cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập

chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh vô sự. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: uTôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiên giả Đại Ca-diêp5 những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?,

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) 1057

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử5 nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, có thể biết, có thể thấy, có thể xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đấờ



mình. Hiền giả Mục-kiền-liên5 chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói diing.” Bạch Thế Tôn, trong chúng con, ai nói đúng? The Ton đáp răng: Này Xá-lợi-tử9 tất cả đều đúng. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lợi-tử, hãy nghe Ta nói. Vi Tỳ-kheo như vầy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Này Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, qua khỏi đêm, vào buổi sáng sớm, vi ấy mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm; vị ấy sau khi khất thực xong, sau giờ ngọ, thâu xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ vô sự, hoặc nơi gốc cây hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết-già? ngồi luôn cho đến chứng Lậu tận mới giải kiết-già; vị ấy không giải kiết-già cho đến khi nào chứng được Lậu tận. Này Xá-lợi-tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa đến Na-ma-đề-sấu, ở tại tinh xá Kiền-kỳ. Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, đức Thê Tôn đáp y, câm bát, vào Na- ma-đê đê khát thực. Sau khi ăn xong, vào buôi chiêu, Ngài đi đên khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Lúc ấy, có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong rừng: Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Ba Tôn giả ấy làm như vầy: Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa; nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn, nếu còn dư thì cho vào đô chứa đậy kín cát; ăn xong,

cát bình bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát lên vai, vào nhà ngoi tĩnh tọa. Nấu ai khất thực về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn? nêu không đủ thì lây đô dư của người trước đem ăn cho đủ, nêu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch, rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, roi cát y bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát trên vai, vào nhà tĩnh tọa cho đến chiều. Trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đi lấy; nếu xách nổi thì tự xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vi ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc im lặng như các bậc Thánh. Bây giờ, người giữ rừng thây Thê Tôn từ xa đi đên, đón lại quở trách và nói: Này Sa-m6n, chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay, trong khu rừng này có ba người con dòng quý tộc ở là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-dề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy thầy, chắc họ không vui lòng. Đức Phật bảo: Này người giữ rưng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không vui lòng. Bấy giờ, Tôn giảA-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quở người giữ rừng: Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn! Này người giữ rừng, chớ có quở trách đức Thiện Thệ! Vì sao? Vì đó là đấng Tôn Quý của tôi đến, là đang Thiện Thê cua toi đen.



TI Ặ A _ _ • 9 __ 1 _ Ai J 4- > FT^1_ Á nn L _ 1 Á / J rri — _ • 9 "X T A Roi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước The Ton, đon lay y bát, Ton gia Nan-de trải giường ngồi, Tôn giả Kim-ty-la đi lấy nước. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Ngồi xong, Ngài hỏi: Này A-na-luật-đà, thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn! Thế Tôn lại hỏi: —Này A-na-luật-^à? vì sao thây được an ôn, không có gì thiêu thôn? Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công dức, vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khâu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thê Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả ny." Roi con xả bỏ tâm mình đê tùy theo tâm các Hiên giả này. Con chưa từng có một điêu gì mà không xứng ý. Bạch Thê Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ôn, không có gì thiêu thôn. Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: -Thầy có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: - Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn! Phật lại hỏi: Này Kim-tỳ-la, vì sao thầy thường được an ổn5 không có gì thiếu thốn? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vi Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vi Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.” Rồi con xả bỏ tâm mình

để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn5 không có gì thiếu thốn. Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà? các thây thường cùng nhau hòa hiệp, an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B) 1061

Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú đinh. Bạch Thế Tôn, chúng con xa lìa dục vọng, xa lìa pháp ác, bất thiện, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhát như nước với sữa, chứng đăc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú đinh. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, hãy bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân khác hơn, có sai biệt, an lạc, trú đinh chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, tru định. Bạch Thế Tôn, tâm của con cùng đi đôi với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi đôi với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm đi đôi với với xả, không kết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện, biến khắp tất cả thế gian, thành tựu và an tru. Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, tru định. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà? bỏ qua tru định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ trú đinh này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bạch Thế Tôn, chúng con vượt qua tất cả sắc tưởng, đạt đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an tru. Bạch Thế Tôn, bỏ tru định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ tru định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng?

1062 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua5 lướt qua, lại có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, tru định. Bạch Thê Tôn, chúng con đắc như ý túc, thiên nhĩ trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã hết, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sịt sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Bạch Thế Tôn, bỏ trú

định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Thế Tôn khen:  Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: r  Bạch Thê Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vầy: uChỗ an trú của người con dòng họ quý tộc này an ổn, khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe." Thế Ton nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan- dề, Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy đi về. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng đường rồi trở lại chỗ ở. Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng:  Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà? chúng tôi trước đây chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy: “Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vay." Nhimg nay Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn. Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la rằng:  Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe chư Hiền nói Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhung một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy. Bấy giờ, có vi trời Trường Quỷ hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi lui đứng một bên và bạch Thế Tôn:

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B)  1063

Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà? Nan-đề và Kim-tỳ-la. Các địa thần nghe trời Trường Quỷ nói, liền làm cho âm thanh vang lớn ra: "Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì co Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giảA-na-luật-đà, Nan-đề và Kim- tỳla." Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư Không thiên, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Lạc thiên, trong khoảnh khắc cũng đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có The Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na- luật-đà9 Nan-đề và Kim-tỳ-la." The Ton bao:  Đúng như vậy, này Trường Quỷ thiên, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na- luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳ-la. Này Trường Quỷ thiên, các địa thần nghe tiếng nói của ông rồi, liền làm vang lớn âm thanh: "Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật- đà? Nan-đề và Kim-tỳla." Nghe theo âm thanh vang lớn của địa thần, các cõi Hư Không thiên, Tứ Thiên Vương, Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu- suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Lạc thiên, trong khoảnh khắc cũng

đã làm cho âm thanh thấu đến Phạm thiên: "Bạch Đại Tiên Nhơn, dân chúng nước Bạt-kỳ được đại lợi ích vì có Thế Tôn và ba người con dòng dõi quý tộc hiện ở: Tôn giả A-na-luật-đà, Nan-đề và Kim-tỳla." Này Trường Quỷ thiên, nếu ba gia đình quý tộc kia có ba người con quý tộc này, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo thì ba gia đình quý tộc ấy sẽ nhớ lại nhân duyên và công hạnh của ba người con, họ sẽ được lợi ích lớn, an ổn, khoái lạc lâu dài. Và nếu thôn ấp, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, từ người đến trời mà nhớ nghĩ đến nhân duyên và công hạnh của ba người con dòng dõi quý tộc ấy, họ cũng sẽ được đại lợi ích, an ổn5 khoái lạc lâu dài. Này Trường Quỷ thiên, vì ba người con dòng dõi quý tộc ấy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Đức Phật thuyết giảng như vậy, ba người con dòng dõi quý tộc và Trường Quỷ thiên sau khi nghe những lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

186. KINH CÀU GIẢI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:  Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác thì không thể biết được sự giác ngộ Chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu Như Lai? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:  Bạch The Ton, The Ton la căn ban cua pháp, The Ton la chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có, ngưỡng mong Ngài thuyết giảng cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: _ _  Này các Tỳ-kheo, hãy lăng nghe rõ và khéo suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các thầy nghe! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Thế Tôn dạy: -Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai: 'Tháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nấu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: uPháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: 'Tháp bạch tinh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm hiểu nữa: uTôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thòd?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa: "Tôn giả ấy nhập vào thiền này vì danh dự và lợi lộc hay không vì danh dự và lợi 10C?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai họa. Nêu có người nói như vây: "Tôn giả ây thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận99 thì nên hỏi



người ấy rằng: uNày Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng: 'Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tan'?" Nếu người ấy trả

lời như vầy: y Tôi không biết tâm trí của vi ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vi Tôn giả ấy hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập hội, nơi đó hoặc có Thiện Thệ hay những người thọ hóa bởi Thiện Thệ, hoặc là bậc Tông Chủ, hoặc là được thấy bởi vật thực. Này Hiền giả, tôi không tự mình hiểu biết vị ây. Tôi nghe từ chính Tôn giả ây mà trực tiếp ghi nhận như vây: 'Ta thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận/Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng: 'Tôn giả ấy thực hành tinh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận.9,9 Trong trường hợp này, lại cần phải hỏi thêm nữa: "Trong pháp ấy của Như Lai, nêu có pháp ô nhiêm được biêt bởi măt và tai, có trường hợp pháp ây bi diệt tận, vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ây bị diệt tận, vô dư chăng? Nêu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ây bị diệt tận, vô dư chng?" Như Lai bèn trả lời: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mat và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nêu có pháp hôn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nho tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp, Luật này." CÓ một tín đệ tử đên thăm viêng Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; nghe như vậy, như vậy rồi, vi ấy vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tinh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đang Giác. ơ đây, lại cân hỏi thêm vị ây răng: “Này Hiên giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào đê Hiên giả có thê vĩnh viên đoạn trừ pháp một, đôi với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tinh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Gi§c?" Vị ấy sẽ trả lời như vầy: “Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tinh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Này Hiền



giả, đúng như những điêu mà Thê Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy, như vậy. Sau khi Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; và tôi nghe như vậy, như vậy rồi, vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn ràng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác vay.” Nếu ai có hành này, lực này, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã vững thì được

gọi là tín căn dựa trên kiến, không hủy hoại, tương ưng với trí Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các hàng the gian khác, không the tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai! Hãy như vậy mà nhận biết chánh đáng về Như Lai! Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

187. KINH THUYẾT TRÍ _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, đức The Ton noi với các Ty-kheo: Nếu có Tỳ-kheo nào đến trước các thầy nói lên trí mà họ đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng: “Sịt sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Ty-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thạnh ấm: sắc thạnh ấm, tho5 tưởng, hành và thức thạnh ấm. Này Hiền giả, biết và thấy năm thạnh ấm này như thế nào để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoat?99 Vị Ty-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp lại như vầy: "Này chư Hiền, sắc thạnh ấm là pháp khônệ hiệu quả, uống rỗng, không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thê nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thạnh am mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành và thức thạnh ấm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, là không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với thức thạnh ấm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thạnh ấm, tôi biết như vậy, thấy như vậy, nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Ty-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững thì nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vi ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy hỏi Tỳ- kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói có bốn loại thực, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Một là đoàn thực, có thô



và tế; hai là xúc thực; ba là ý niệm thực và bốn là thức thực. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại thực này như thế nào để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: “Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực, thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát

một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật răng: 'Sự sanh đã hét, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Này chư Hiên, tôi biêt như vậy, tôi thây như vậy, nên đối với bốn loại thực này, rõ biết là không còn chấp thủ, đã diệt sạch các lậu, tâm được giải thoát." Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết. Những gì là bốn? Thấy thì nói là thấy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại tuyên thuyết này như thế nào để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?” Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: "Này chư Hiền, đối với sự thấy thì nói là thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Cũng như vậy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ, không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa/ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoAt." Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng



hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, đức Thế Ton đã nói sáu pháp nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, biết và thấy sáu nội xứ này như thế nào để biết rõ là đã không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: “Này chư Hiền, đối với mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, cả hai, tôi biêt rõ hai pháp ây. Này chư Hiên, nêu mát và nhãn thức, nhãn thức biêt pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý vày thức, ý thức biết pháp, cả hai, tôi đã biết rõ hai pháp ấy. Đã biết rõ hai pháp ấy rồi, này chư Hiền, nếu ý vày thức, ý thức biết pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thây như vậy, đôi với sáu nội xứ được biêt rõ là không còn châp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, đức Thế Tôn nói về lục giới như địa giới, thủy giới, hỏa giói, phong giới, không ẹiới và thức giới. Này Hiền giả, biết và thấy lục

giới này như thế nào để rõ biết mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: uNày chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của địa giới; địa giới chăng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương địa giới mà tru và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của thức giới; thức giới chẳng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương nơi thức mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiên, tôi biêt như vậy, thây như vậy đối với lục giới ấy, biết mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biêt mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

1072 KINH TRUNG A-HÀM

Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi vi Tỳ- kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, biết và thấy bên trong thân này cùng với thức và tất cả các tướng bên ngoài như thế nào để có đoạn biến tri về tự ngã, về tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nūa?^ Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: "Này chư Hiên, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo, đã nhàm chán sự sanh, già, bệnh, chét, khóc than, khôn khô, sâu muộn, bi ai; tôi muôn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Này chư Hiền, sau khi đã nhàm chán, ghê sợ, tôi quán sát: 'Tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao; xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi, bao la. Nay ta sông đời tại gia bị xiêng xích quân chặt, không thê trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình mà học đạo/Này chư Hiền, sau đó tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền, sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải, họ hàng, rồi thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ biệt giải thoát giới, tôi lại cẩn thận, thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã hQC." "Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trỉr.” "Tôi từ bỏ lấy của không cho, đoạn trừ lấy của không cho, chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không luyến tiếc, không mong sự đáp lại; đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ.” "Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ tâm dục; đối với tâm phi Phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ." uNày chư Hiên, tôi từ bỏ nói láo, đoạn trừ nói láo, nói điêu chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự thật không sai trói, tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm nói láo, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hành không nói hai

lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia, người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng; đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô c, đoạn trừ lời nói thô ác; nếu có lời nói giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa, không mến, khiến họ khổ não, không định tâm, tôi đoạn trừ lời nói như vậy;

187. KINH THUYẾT TRÍ 1073

nếu có lời nói êm diu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lòd nói như vậy; đối với tâm nói lời thô ác, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tinh, ưa nói vê tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la măng; đôi với tâm nói thêu dệt, tôi đã tịnh trừ." "NÁy chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ nghề cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người; đối với tâm sinh hoạt buôn bán, tôi đã tịnh trừ." "NÁy chư Hiền, tôi đã từ bỏ sự nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ; đôi với tâm nhận đàn bà góa, con gái tho, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ; đối với tâm nhận nô tỳ, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận voi, ngựa, trâu, dê, tránh xa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đôi với tâm nhận voi, ngựa, trâu, dê? tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận gà, heo, tránh xa việc nhận gà? heo; đối với tâm nhận gà, heo, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận ruộng, nương, hàng, quán, tránh xa việc nhận ruộng, nương, hàng, quán; đối với tâm e /e v. nhận ruộng, nương, hàng, quán, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiên, tôi từ bỏ nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; đối với tâm nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tôi đã tịnh trừ.” “Này chư Hiên, tôi từ bỏ rượu, trinh xa rượu; đôi với tâm uông rượu, tôi đã tịnh trừ." "Này chư Hiền, tôi từ bỏ dùng giường cao, rộng lớn, tránh xa giường cao, rộng lớn; đối với tâm dùng giường cao, rộng lớn, tôi đã tinh trừ, Này chư Hiền, tôi từ bỏ trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phan sáp, tránh xa trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp; đối với tâm trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tránh xa sự ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe; đối với tâm ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận vàng bạc, tránh xa nhận vàng bạc; đối với tâm nhận vàng bạc, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá ngọ, ăn đúng ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời; đối với tâm ăn quá ngọ, tôi đã tịnh trừ.,, "Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào là mang theo y, bát, không có luyến tiếc. Ví như chim nhạn cùng với hai cánh bay liệng trong hư không, tôi cũng như vay."

1074 KINH TRUNG A-HÀM

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, lại chế ngự các căn, thường tâm niệm khép kín các căn, niệm mong câu sự minh dạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng tự khởi ý: Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ nhãn căn. Cũng như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ ý căn. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, khéo quán sát các cử chỉ co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung đĩnh đạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang y, bát; di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, tôi đều chân chánh nhận biết." "Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, rất tri túc và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào; rồi sống riêng một mình tại nơi xa văng, trong rừng văng hoặc đên nơi góc cây, nơi tĩnh mịch, vô sự, an nhàn, hoặc chỗ núi rừng, hang đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc ở giữa gò mã. Này chư Hiên, tôi đã ở nơi rừng văng hoặc dưới góc cây, nơi yên tĩnh, trải tọa cụ ngồi kiết-già, thân ngay thẳng, chánh nguyện phản niệm vào trong, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải và dụng cụ sinh hoạt của người khác, không khởi lòng tham lam, muốn được về mình; đôi với tâm tham lam, tôi đã tinh trừ. Cũng như vậy, đôi với tâm sân nhuê, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc; đối với các thiện pháp, tôi không còn do dự; đối với tâm nghi hoặc, tôi đã tịnh trừ." "Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, chúng làm tâm ô uế, làm tuệ yêu kém; xa lìa dục, lìa pháp ác, bát thiện, cho đên chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu và an trú." “Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiên nhiệt, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, được bát động tâm, hướng đến chứng ngộ trí Lậu tận thong?9 "Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng: 'Đay là khổ\ biết như thật: 'Đây là khổ tập\ biết như thật: 'Đây là khổ diệt9 và biết như thật: 'Đây là khổ diệt dạo'; biết như thật: 'Đây là lậu\ 'đây là lậu tập\ 'đây là lậu diệf và 'đây là lậu diệt đạo/ Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; khi đã giải thoát, liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa/ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với thân có thức bên trong và các tướng bên ngoài để có đoạn biến tri về tự ngã, tất cả của ta, ta và tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhổ tuyệt gốc rễ của chúng, không còn tái sanh nữa.,,

187. KINH THUYẾT TRÍ  1075

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thây sau khi nghe roi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên nói với vị Tỳ- kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài, vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa.,, Phật thuyết như vậy5 các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

188. KINH A-DI-NA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trú tại Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Lúc ấy, di học A-di-na? đệ tử của Sa-môn Mandầu, từ xa thấy đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi: -Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vi nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là “Ta có tri kiến toàn triệf\ nhung nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng nhận là lầm lẫn? Dị học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp: -Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trâm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn9 Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là uTa có tri kiến toàn triệf\ nhimg nếu có làm lẫn thì vị ấy cũng phải tự nhận là làm lẫn. Đức Thế Tôn lại hỏi:  Này A-di-na, thê nào là Sa-môn Man-đâu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "Ta có tri kiến toàn triệf\ nhimg nếu có lầm lẫn thì vị ấy tự nhận là lẩm lẫn? Di học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp: - Thưa Cù-đàm? Sa-môn Man-đầu nói như vầy: "Nếu khi di, khi dứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày thì vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhimg cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruồi nhanh, lính bại trận, con trai chạy, con gái chạy, hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu hung, chó dại, hoặc ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bi gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên trâu đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc vào thôn ấp phải hỏi tên, hỏi đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ, hỏi tên, hoặc nhìn



lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: 'ông ở đâu đến?' Ta đáp rằng: 'Này chư Hiền, tôi đi lộn đường.959 Thưa Cù-đàm, Sa- môn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa- mon? Phạm chí nào là bậc nhát thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho rằng: "Ta có tri kiến toàn triệf\ nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy. Rồi đức Thế Tôn đi kinh hành đến cuối đường, dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo: -Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo im lặng, không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần: -Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Lúc ây, có một Tỳ-kheo liên từ chô ngôi đứng dậy, trịch vai áo, chăp tay hướng đến Phật và bạch: —Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ thọ trì cẩn thận. Đức The Ton noi:  Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy niệm kỹ, Ta sẽ phân tích cặn kẽ cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch:  Chúng con kính vâng lời lắng nghe! Đức Phật dạy: —Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi ^)háp;và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp.

Người phi pháp ấy cam đau trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bang những lời hư vọnẹ, không chan thật mà hiển thi, phân biệt, thiết định hành vi, liru bố, tuần tự thuyet pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì không thể trả lời được; đối với trong Chánh pháp, Luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết, nhimg người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cảy ơ nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng như pháp, nói như pháp, và chúng ấy cũng làm đúng như pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng, mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, thiết đinh hành vi, lưu bô, tuân tự thuyêt pháp, muôn đoạn trừ sự xâu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được; đối với Chánh pháp, Luật, có thể xứng lập những điều chính mình đã biêt, và người ây đứng đâu trong chúng pháp tự cho là “Ta

188. KINH A-DI-NA  1079

CÓ trí tuệ, hiểu biết tất c"ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp. Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biêt pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa roi, các thây nên học pháp như thật và nghĩa như thật. Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền nên biết, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: 'Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa roi, các thây nên học pháp như thật và nghĩa như that.'" Họ lại nghĩ rang: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn t*t?" Họ lại nghĩ rằng: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt. Chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan mà yêu cầu nói ý nghĩa này. Nếu được tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ tri." Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và thưa:  Thưa Tôn giả A-nan? xin biết cho, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: "Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như that." Chúng tôi liền suy nghĩ: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả A-nan là thị giả Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?9 Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho! Tôn giả A-nan trả lời:  Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ thì hiểu rõ ý nghĩa! Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá? hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ9 thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá.

Những điều mà chư Hiền nói cũng ệiống như vậy, đức Thế Tôn đang còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi và tìm đến tôi để hỏi ý nghĩa này. Vì sao vậy? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là bậc Có Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Đe, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này: "Bạch Thế Tôn,



điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gi?" Đúng theo những lời Thế Tôn nói, chư Hiên hãy khéo léo thọ trì! Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: Thưa Tôn giả A-nan, vâng! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt? là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Đe, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Nhrnig Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. _ 9 _ _ _ _ ĩ Thưa Tôn giả A-nan, Tôn giả co the phan biệt rộng rãi y nghĩa ma đức The Ton đã giảng thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho! Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói! Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa. Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bát thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa. Này chư Hiền, sự kiện đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tinh thất tĩnh tọa: :Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghía roi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như that." Ý nghĩa mà đức The Ton chỉ nói van tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đúng ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói thì chư Hiền hãy thọ trì. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy9 nhiễu quanh Tôn gia A-nan ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và bạch: Bạch The Ton, vừa roi, The Ton chi noi van tát y nghĩa nay, không phan biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đức Thế Tôn nghe xong, khen: Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi; đệ tử bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đúng như những gì A-nan nói, các thày hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu, đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, dứt hét thông khô, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi. Thế nào là ở nơi Thánh chánh đinh nói tập, nói trợ và nói cụ bao gồm bảy chi? Đó là chánh

kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà CÓ tập, có trợ và có cụ khéo hướng đên, tâm được chuyên nhát, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Vì chánh kiến sanh ra chánh chí; chánh chí sanh ra chánh ngữ; chánh ngữ sanh ra chánh nghiệp; chánh nghiệp sanh ra chánh mạng; chánh mạng sanh ra chánh phương tiện; chánh phương tiện sanh ra chánh niệm; nhờ có chánh niệm sanh ra chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế lập tức biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Trong các chi ây, chánh kiên đứng ngay hàng đâu. Nêu thây tà kiên là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến; nếu thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến. Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện nghiệp, ác nghiệp, không có thiện báo, ác báo, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ; trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là tà kiên. Thế nào gọi là chánh kiến? Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện nghiệp, ác nghiệp, thiện báo, ác báo, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ; trên đời có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đen cõi kia, đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, tựu thành an trú. Như vậy gọi là chánh kiến. Đó gọi là thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiên; thây chánh kiên là chánh kiên thì đó cũng gọi là chánh kiên.

1082 KINH TRUNG A-HÀM

Khi biêt như thê rôi5 liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà kiên, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi đi theo chánh kiến, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí. Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí. Thế nào gọi là chánh chí? Đó là không niệm dục, không niệm nhuế, không niệm hại, được gọi là chánh chí. Đó gọi là thay tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí. Khi biêt như thê roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh niệm. Tát cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Thế nào gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ? Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Khi biêt như vậy roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện

của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp. Đó gọi là thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do kiến làm phương tiện, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; nếu thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng.

189. KINH THÁNH ĐẠO  1083

Thê nào gọi là tà mạng? Nêu có mong câu mà không biêt đủ, dùng các loại chú thuật súc sanh, sống theo lối tà mạng, sống không đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuôc thang và các nhu yêu sinh sông; dùng phi pháp như thê gọi là tà mạng. Thê nào là chánh mạng? Nêu sự mong câu biêt đủ, không dùng các loại chú thuật súc sanh, không sống theo lối tà mạng, sống đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuốc thang và các nhu yếu sinh song; dùng đúng pháp như thế gọi là chánh mạng. Đó gọi là thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng. Khi biêt như thê roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm đoạn trừ sự tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh mạng, do kiên làm phương tiện, vì thê cho nên bảo là chánh kiên đứng ở hàng đàu. Thế nào gọi là chánh phương tiện? Vị Tỳ-kheo đối với ác pháp đã sanh, vì để đoạn trừ nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với ác pháp chưa sanh, vì để nó không sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp chưa sanh, vì để sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần5 sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp đã sanh, vì để tồn tại không mất, không lui sụt, để tăng trưởng phát triển, tu tập đầy đủ, nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh càn, sách lệ mà tâm tiêu diệt. Đó gọi là chánh phương tiện. Thế nào gọi là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp như pháp. Đó gọi là chánh niệm. Thế nào gọi là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Đó gọi là chánh định. Thế nào gọi là chánh giải thoát? Tỳ-kheo tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào gọi là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh trí. Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi, Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Thế nào là Hữu học thành tựu tám chi? Đó là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là Hữu học thành tựu tám chi. Thế nào là Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là Vô học chánh kiến r * * J cho đên Vô học chánh .C trí. Đó là Lậu * srtận A-la-hán A thành e tựu mười chi. Vì sao như vậy? Vì chánh kiên là đoạn trừ tà kiên. Nêu nhân tà kiên mà sanh vô lượng pháp ác? bất thiện, vi ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng pháp thiện, vi ấy tu tập được sung

mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí mà sanh vô lượng pháp ảc, bất thiện, vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí mà sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.



ĐÓ là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Đó là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chặn đứng được, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác. Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn? Phạm chí nào phi bác, vi ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bi chỉ trích. Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiên, khen ngợi tà kiên. Nêu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích. Hoặc chê bai cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn5 Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vi ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích. Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bi chỉ trích, nếu có Sa- môn, Phạm chí nào đôi với bôn mươi đại pháp phàm mà Ta tuyên thuyêt, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác mà phi bác. Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm, sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp, nghĩa là đối với thiện, ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây; những người ấy đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

190. KINH TIỂU KHÔNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, một thời, Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp. Lúc ấy, con được nghe Thế Ton nói nghĩa như vầy: "Này A-nan, Ta phần nhiều an trú nơi Không!,9 Bạch Thế Tôn, có phải là con biết rõ? nhận rõ và nhớ kỹ không? Bay giơ, The Ton đáp: Này A-nan, những lời của Ta nói, thầy thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì từ trước đên nay, Ta phân nhiêu an trú nơi Không! Này A-nan, như giảng đường Lộc Tử Mau này trống không, không có voi, ngựa,

trâu, dê, tài vật, lúa, thóc, nô tỳ, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có chúng Ty-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu những gì không có ở trong giảng đường này thì vì thê mà Ta thây là không; nêu những thứ khác mà có thì Ta thấy thật sự là có. Này A-nan, đấy gọi là an trú chân thật tánh không, không điên đao. Này A-nan, Ty-kheo nào nếu muốn an tru nhiều trong tánh không, Ty-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về xóm làng, đừng suy niệm đến ý tưởng về người, mà hãy thường suy niệm đên một ý tưởng thuần nhát vê rừng văng. Vị ây nhận biêt như vây: "Trông không ý tưởng vê xóm làng, trông không ý tưởng vê người; nhimg có một cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhát vê rừng văng.,, Vi ây biêt răng: uNêu có sự phiên chán do ý tưởng vê xóm làng thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về rừng vang/9 Nêu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ây thây là trông không; nêu trong đó còn có cái khác thì vị ây thây là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nêu muôn an tru nhiêu trong tánh không, Tỳ- kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về người, đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về đất. Tỳ-kheo ây nêu thây đát này có cao, có tháp, có ô răn, có bụi gai, có cát, có đá, núi lởm



chởm, sông sâu thì chớ có suy niệm đên; nêu thây đát này băng phăng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Này A-nan, ví như da trâu, lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng ra thì rất thẳng, không nhăn, không rút lại. Nêu thây chô đát này có cao, có tháp, có ô răn, có bụi gai, có cát, có dá, có lởm chởm, sông sâu thì chớ có suy niệm đên; nêu thây chô đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Vị ấy biết như vậy, biết rằng: "Trống không ý tưởng về người, trống không về ý tưởng rừng vắng; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về đất.” Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiền chán do ý tưởng vê người thì ở đây ta không có sự áy. Nêu có sự phiên chán do ý tưởng về rừng vắng thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về đất" Nếu trong đó không có gì cả thì chíiứi do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Ty-kheo nêu muôn an trú nhiêu trong tánh không, Ty-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, đừng suy niệm đến ý tưởng về đất, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ. Vi ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về rừng vắng, trống không ý tưởng về đất; nhung có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứy Vị ấy biết rằng: “Nếu có sự phiên chán đo ý tưởng vê rừng văng thì ở đây ta không có sự áy. Nêu có sự phiên chán do ý tưởng vê đát thì ở đây ta cũng không có sự ây. ơ đây, chỉ có Sự phiên chán do ý tưởng thuần nhát vê Vô lượng không xứ.” Nêu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ấy thấy trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy ỉa chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Ty-kheo muôn an tru nhiêu trong tánh không, Ty-kheo M A n a . ), o \ c áy đừng suy niệm đên ý tưởng vê

dát, đừng suy niệm đên ý tưởng vê Vô lượng không xứ, mà hãy thường suy niệm đên ý tưởng thuần nhát vê Vô lượng thức xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về đất, trống không về ý tưởng Vô lượng không xứ; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vi ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có một cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. 5 k k f 1 • Ầ f \ Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nêu muôn an trú nhiêu trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng không xứ, đừng suy niệm về



VÔ lượng thức xứ, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ. Vi ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng không xứ, trông không ý tưởng vê Vô lượng thức xứ; nhung có một cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ." Vi ấy biết rằng: "Nêu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nấu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu xứ." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ây thây là trông không; nêu trong đó còn có cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan5 Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ- kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng thức xứ, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô sở hữu xứ, mà hãy thường suy niệm thuần nhất về Vô tưởng tâm đinh. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, trông không ý tưởng vê Vô sở hữu xứ; nhimg có cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô tưởng tâm định.,, Vi ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng ve Vô sở hữu xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý txrởng thuần nhất về Vô tưởng tâm djnh." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vi ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "V6 tưởng tâm đinh mà ta đã có đây, vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không nên an trú trên n6." Vi ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát roi thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Vị ây biêt như vầy: "Trống không dục lậu, trống không hữu lậu, trống không vô minh lậu; nhưng có cái không trông không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tôn tại.” Vị ây biêt răng: uNêu có sự phiên chán do dục lậu thì ta không CÓ sự ây. Nêu có sự phiên chán do hữu lậu và vô minh lậu thì ta cũng không có sự ấy. ở dây, chỉ có sự phiền chán do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tai." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái

khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an tru chân thật tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Này A-nan, trong quá khứ, nêu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác, các vi ấy đều an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.



Này A-nan, trong vị lai, nếu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ây đêu an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Này A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy! Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

191. KINH ĐẠI KHÔNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy- la-vệ, rừng Ni-câu-loại. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Ca-la-sai-ma-thỉch. Lúc bấy giờ, tại tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sáp đặt rát nhiêu giường chõng, có rát nhiêu Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích đi ra, đến tinh xá Già-la-thích. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già- la-thích đang làm y, Tôn giả A-nan từ xa trông thấy đức Phật sắp đến, liền ra nghinh tiếp, cầm y bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân. Phật rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi mà A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la- thích và nói: Này A-nan, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng? Tôn giả A-nan bạch: Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng và có rất nhiều Tỳ-kheo đang tru nghỉ ở trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: Tỳ-kheo không nên ham muôn nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự âỗnệ người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đônệ người, không thích sông cô độc ở nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đoi với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này không thể xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người,



muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vi ấy nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tinh,

hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đối với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này tất có xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muôn nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích cô độc nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ôn ào, tụ tập đê nói chuyện ôn ào, ham muôn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống ở nơi cô độc xa vắng; nếu vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này hoàn toàn không xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này tất có xảy ra. Vì sao vậy? Này A-nan5 Ta không thây có một sác nào khiên Ta ham muôn, hoan lạc; và khi sắc ấy bại hoại, biến dịch, đổi khác thì sanh ra sầu, bi, khóc lóc, ưu, khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trú nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trú nơi ngoại không. Này A-nan, Ta an trú nơi trú xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt; sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm, chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định; định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm, chánh trí. Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di nào tìm đên Ta, Ta sẽ vì họ mà an trú tâm như vậy, viên ly, an lạc, vô dục; Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ. Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn thường an trú trong tánh không, Tỳ-kheo ây sẽ giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiên được chuyên nhát và định. Vị ây sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: “T6i không giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chi, không khiến được chuyên nhất và djnh", thì này A-nan? nên biết vi ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc. Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an tru, tĩnh chí, khiến được chuyên nhất và định? Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, tham nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, bỏ bột tắm trong



y 2 r r \ 9 e r r y đô đựng roi đô nước vào, khuây rát đêu cho nôi bọt lên, thâm ướt, thâm nhuân khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín dáo, không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không có chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trú, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhát và định roi, hãy suy niệm vê nội không. Vị ây sau khi suy niệm vê nội không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về ngoại

không. Vị ấy sau khi suy niệm về ngoại không rồi, tâm di động, không hướng đên gân, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đôi với ngoại không. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo frong lúc quán, biêt răng mình đang suy niệm về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy nghĩ về nội ngoại không. Vi ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm vê nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đên gân, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về sự không di động. Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lăng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát, biết rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đoi với sự không di động; Tỳ- kheo ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tinh lạc trong sự viễn ly. Nếu vị ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rát tinh lạc trong sự viên ly roi, hãy băng nội không mà thành tựu an trú. Vi ấy sau khi nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội không. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, được giải thoát đối với nội không; đó là chánh tri. Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bàng ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi băng ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đên gân, được



lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không; đó là chánh tri. Này A-nan, Tỳ-kheo hãy băng nội ngoại không thành tựu an tru. Vị ây sau khi bằng nội ngoại không thành tựu an tru thì tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không. NàyA-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, hãy băng bát di động thành tựu an trú. Vị ây sau khi băng bát di động thành tựu an tru, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết bất di động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trên trú xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước.

Sau khi kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vị Tỳ-kheo ây với tâm an trú trong trú xứ này, nêu muôn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn? ngồi kiết-già. Sau khi ngồi vững vàng như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác pháp bất thiện; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vi Tỳ-kheo ấy với tâm an tru frong trú xứ này, nếu muốn có suy niệm, Tỳ-kheo ây đôi với ba sự suy niệm vê ác, bát thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác, bất thiện ấy; đối với ba suy niệm thiện này là niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ây. Sau khi suy niệm như vậy roi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri. Này A-nan9 vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trong tru xứ này, nếu muốn luận bàn, Tỳ-kheo ấy luận bàn những gì không phải là Thánh luận, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, đạo tặc, đấu tranh, ẩm thực, áo chăn, đàn bà, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, trong biển; vị ây không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nêu có những vân đê thuộc Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy, tức là vấn đề thí, giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tụ hội9 thiểu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi. Sau khi luận bàn những vân đê mà Sa-môn luận bàn như vậy roi, trong tâm không sanh tham lam, tru sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

## 191. KINH ĐẠI KHÔNG  1093

Lại nữa, này A-nan, có năm diệu dục, khả lạc, khả v, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là sác được biêt bởi mat, tiêng được biêt bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú, quán năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biêt năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ây trong tâm. Tỳ-kheo ấy với diệu dục này hay diệu dục kia, quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán xả ly. Nếu năm diệu dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bi tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết năm diệu dục này có dục và bi nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi; đó gọi là chánh tri. Lại nữa, này A-nan, có năm thạnh âm, săc thạnh âm, thọ, tưởng, hành, thức thạnh âm. Tỳ-kheo như vậy mà quán sát sự hưng suy, quán sát răng: Đây là sác, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành và thức; đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nấu năm thạnh ấm này có ngã mạn, nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết trong năm thạnh ấm, ngã mạn đã bi diệt rồi; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, vô thủ, mà không đên gân được, ác không thê đên gân được; các ác pháp bất thiện ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ; nhân gốc rễ không

phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đên các trợ đạo phàm. Cho nên, này A-nan, thầy phải học như vầy: "Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dat." Hãy học như vậy! Này Anan, do nghĩa lợi nào mà một tín đệ tử đi theo Thê Tôn và phụng sự cho đến trọn đời? Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:  Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp Chủ, pháp do Thế Tôn. Cui mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy. Đức Phật bèn nói:  Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ khéo phân biệt đầy đủ cho thày nghe! Tôn giả A-nan vâng lời lăng nghe.



Đức Phật nói:  Này A-nan, không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Nhimg này A-nan, hoặc từ •.£ r y lâu vị ây đã từng nghe pháp này, tụng tập đên cả ngàn lân, chuyên ý tư duy quán sát, thây rõ, thâu triệt sâu xa. Nêu vân đê này là Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiên tâm nhu hòa, không có những che lâp, tức các vân đê bô thí, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiên, tiệm giảm, không tụ hội, thiêu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi; những vân đê mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó; do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vi đồng Phạm hạnh. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư? ở đây, một vị Tôn sư xuất thế có sách lự tư duy, an tru nơi chỗ sách lự tư duy mà quán sát các loại phàm nhân có biện tài; vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, lánh xa, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh càn, sống an ổn, khoái lạc rồi, theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong áp, quôc nhơn. Vị ây sau khi theo đệ tử trở vê với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho Tôn sư và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy; vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không cổ sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong áp, quôc nhơn. Vị ây sau khi theo đệ tử trở vê với các Phạm chí, cư si, phong áp, quôc nhơn roi, bèn tự cao mà trở vê nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, nhân của phiên nhiệt, khô báo, sanh, già, bệnh, chét; đó là phiền lụy cho đệ tử. Này Anan, thế nào là phiền lụy cho các vi Phạm hạnh? ở đây, đức Như Lai xuất thế, Ngài là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thê Tôn, Ngài sông nơi rừng văng, trong rừng sâu, nơi góc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có

bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1095

Này A-nan, đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: —Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Ph Chil, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng nghĩa ấy. Đức Phật bèn nói: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy tư niệm, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe! Tôn giả A-nan vâng lời lăng nghe. Đức Phật nói: -Này A-nan, Như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sông nơi rừng văng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa: Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình; hai là từ mẫn đối với những người đòd sau. Hoặc giả, đời sau người người noi theo Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Như Lai sau khi được học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, cùng các vi Phạm hạnh mà trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tăc, ưu-bà-di. Như Lai sau khi cùng các vị Phạm hạnh trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tăc, ưu-bà-di roi, không tự cao mà không vê nhà. Này A-nan, nêu vị ây chứng ngộ bát động tâm giải thoát thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc bốn tăng thượng tâm, sống an lạc trong hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thời ở đây hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đẹ tử. Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống

1096 KINH TRƯNG A-HÀM

an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc roi, theo các vị Phạm hạnh mà trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị Phạm hạnh trở về với các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, iru-bà-di rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh và cũng là các pháp ác, bất thiện, là gốc rễ của Sự hữu trong tương lai, nhân của phiên nhiệt, khô báo, sanh, già, bệnh, chét; đó gọi là phiền lụy cho các vi Phạm hạnh. Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các vị Phạm hạnh rất là bất

khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ái, khả niệm. Cho nên này A-nan, các thày đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận! Này A-nan? thê nào là đệ tử đôi với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa? Nêu Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử là vì thương yêu, lo lăng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong càu sự an ổn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi ya nói rằng: “Bây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an lac?9 Nếu đệ tử ấy không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an tru nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ lãnh Chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được đinh; đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa. Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư hành sự từ hòa, không gây sự oán hận? Nếu Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử nghe, thương yêu, lo lăng, mong câu thiện lợi và an lành, mong câu sự an ôn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi và nói răng: "Dây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an 0C.” Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trói phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định; vị đệ tử như thê là đôi với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Cho nên này A-nan, các thầy đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vầy: "Nhu người thợ gốm làm đồ gốm.,, Nhưng này A-nan, Ta nói: "Nghiêm khắc, khắc khổ/5 Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

192. KINH CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa trong nước Ương-già cùng với đại chúng Tỳ-kheo đông đủ, đến A-hòa-na, ở tại tinh xá Kiền-nhã. Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y, cầm bát đi vào A-hòa-na khất thực. Ăn xong, sau buổi trưa, Ngài cất y, cất bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát lên vai, đi đên một khu rừng đê nghỉ. Tôn giả O-đà-di cũng sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát, đi vào A-hòa-na khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Tôn giả cất y bát, rửa tay chân, lấy tọa cụ vắt lên vai, đi theo hầu sau Phật mà nghĩ như vầy: "Nếu Thế Tôn nay đi nghỉ ở đâu, ta cũng đến nghỉ ở d6.” Rồi Thế Tôn vào trong rừng, đến nơi một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết- già. Tôn giả Ô-đà-di cũng đi vào khu rừng ấy, cách Phật không xa, đến nơi một gốc cây, trải tọa cụ và ngồi kiết-già. Bấy giờ, Tôn giả Ô-đà-di một mình ngồi tĩnh tọa chỗ thanh vắng và tư duy, trong tâm nghĩ rằng: "Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta; đức Thiện Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ được các pháp khô, làm tăng thêm pháp lợi ích, an lạc cho chúng ta; đức Thê Tôn trừ cho chúng ta vô lượng pháp ác, bất thiện, làm tăng thêm vô lượng pháp thiện vi diệu cho chúng ta." Vào lúc xế trưa, Tôn giả Ô-đà-di từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn bảo:  Này Ô-đà-di, thầy không mệt mỏi, được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường chăng? Tôn giả Ô-đà-di bạch:  Bạch Thế Tôn, con không có mệt mỏi, vẫn an ổn, khoái lạc và khí lực bình thường. Á rr^ A 1 • 1 2 • The Ton lại hỏi: Này Ô-đà-di, tại sao thầy không mệt mỏi, thường được an ổn, khoái lạc và khí lực bình thường? Tôn giả Ô-đà-di đáp:  Bạch Thế Tôn, con một mình ngồi tĩnh tọa ở chỗ thanh vắng và tư duy, trong tâm suy nghĩ: “Đức Thế Tôn làm lợi ích rất nhiều cho chúng ta;

bậc Thiện



Thệ mang lại sự an ổn rất nhiều cho chúng ta; đức Thế Tôn trừ các pháp khổ, làm tăng trưởng pháp lợi ích, an lạc cho chúng ta; đức Thê Tôn trừ vô lượng pháp ảc, bất thiện, làm tăng trưởng vô lượng pháp thiện vi diệu cho chúng ta." Bạch Thế Tôn, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: "Hãy dứt trừ việc ăn quá ngọ!" Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi nhưng không kham, không nhẫn, không muốn, không ưa và nghĩ rằng: "Nếu có Phạm chí, cư sĩ có tín tâm đi đen chúng viên bố thí rộng rãi, tạo phước thì chúng ta tự tay nhận lay đo ăn. Nhưng Thế Tôn hôm nay dạy chúng ta từ bỏ điều này, đức Thiện Thệ dạy chúng ta dứt tuyệt điều này.” Chúng con lại nói như vầy: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ an." Nhưng chúng con đối với oai thần, diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bất kham, cho nên chúng con cham dứt việc ăn sau giờ ngọ. Lại nữa, khi xưa Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo rằng: "Các thầy hãy dứt trừ việc ăn t6i!" Bạch Thế Tôn, chúng con nghe rồi nhưng không kham, không nhẫn, không muốn, không ưa. Chúng con nghĩ rằng: "Trong khi bữa ăn rất tối thượng, tối diệu, tối thắng, tối mỹ mà Thế Tôn nay dạy ta dứt tuyệt cảy Chúng con lại nói: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ n." Bạch Thế Tôn, khi xưa có một cư sĩ mang rất nhiều các thứ đồ ăn, thức uống ngon lành trở về nhà và bảo người nhà rằng: uCác ngươi hãy lấy đồ ăn này đem cát một chỗ. Ta sẽ tụ họp mọi người để ăn ban đêm, không ăn buôi sáng và buôi trưa.,, Bạch Thế Tôn, "Nấu các nhà bày soạn các món ăn rất ngon lành thượng diệu, chỉ ăn trong ban đêm mà ta thì buôi sáng và buôi trưa, nhung Thê Tôn nay dạy ta từ bỏ điều này, đức Thiện Thệ dạy ta dứt trừ điều này." Chúng con lại nói như vầy: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ an?9 Nhưng chúng con đối với oai thần, diệu đức của Thế Tôn, kính trọng, bất kham, cho nên chúng con cham dứt việc ăn ban đêm. Bạch Thế Tôn, con lại nghĩ rằng: "Nếu có Tỳ-kheo phi thời đi vào thôn ấp khất thực, hoặc có thể gặp kẻ đạo tặc đang hành sự hay chưa hành sự, hoặc gặp cọp, gặp nai, hoặc gặp cả cọp và nai, hoặc gặp beo, hoặc gặp gấu, hoặc gặp cả beo và gấu, hoặc qua những chỗ như vậy, hoặc gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu điên, chó dại, hoặc gặp ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bị gậy đánh, hoặc té vào mương rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc cưỡi lên trâu dang nằm, hoặc lọt xuống hầm sâu, hoặc vướng vào bụi gai, xem xét thay nhà trống mà bước vào nhà như vậy, khi vào trong đó rồi người con gái thấy rủ rê làm việc bất tịnh, hạnh xấu xa.” Bạch Thế Tôn, xưa có một Tỳ-kheo trong đêm tăm tối, trời mưa lâm râm, chớp lóe như lửa xẹt mà phi thời đi vào nhà người ta đê khát thực. Bây giờ, người đàn bà đi ra ngoài rửa chén bát. Khi ấy, nẹười đàn bà này trong cơn chớp lóe, trông xa thấy Tỳ-kheo tưởng là quỷ. Thấy roi, bà ta kinh hãi, lông tóc dựng ngược, thất thanh la lớn, tức thì ngã xuống, miệng nói rằng: uÔng là quỷ! Ông là quy!" Tỳ-kheo nói với người đàn bà đó rằng: “Này cô em, toi không phải là quỷ dâu, tôi là Sa-môn đến khất thực?5 Bấy giờ, người đàn bà ấy giận và mắng



vị Tỳ-kheo rất nhức nhối, rất dữ dằn: uSa-môn hãy chết gấp đi! Bố mẹ Sa-môn hãy chết gấp đi! Dòng họ Sa-môn hãy tuyệt diệt đi! Sa-môn hãy lòi ruột đi] Sa-môn trọc đầu, đen

thui, tuyệt tự, không con cái! Hãy cầm dao bén mà tự mổ bụng đi chứ đừng đi khất thực phi thời ban đêm. ôi chao! Tại Sa-môn mà tôi bị té/5 Bạch Thế Tôn, con nhớ vị ấy rồi tâm sanh hân hoan. Bạch Thế Tôn, con nhờ sự hân hoan này mà sung mãn châu thân, chánh niệm, chánh trí, phát sanh hỷ, khinh an, lạc, định. Bạch Thế Tôn, con nhờ định này, sung mãn châu thân mà được chánh niệm, chánh trí. Như vậy, bạch Thế Tôn, con không mệt mỏi, thường được an ổn, khoái lạc, khí lực bình thường. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này O-đà-di, ông nay không phải như kẻ mê mờ kia. Khi Ta nói với người mê mờ ấy rằng: :Các thay hãy từ bỏ điều này^ thì họ nói như vầy: “D6 là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhimg nay Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ việc ấy, Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt việc ấy." Và họ cũng nói như vầy: uVị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ n.” Roi họ không từ bỏ. Không phải chỉ với Ta mà họ không vừa ý, không nhẫn thọ; đối với các Tỳ- kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, họ cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, những kẻ mê mờ bi trói buộc rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao không thể đoạn tuyệt, không được giải thoát. Này Ô-đà-di, ví như có con ruồi bị dính dưới bãi nước mũi, nó ở trong đó hoặc khổ hoặc bị chết. Này Ô-đà-di, hoặc có người nói như vầy: "Con ruồi kia tuy bi dính mà không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao nên có thể đoạn tuyệt, có thể giải tho9t." Nói như vậy có đúng không? Ô-đà-di bạch: Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì con ruồi đã bi dính dưới bãi nước mũi, nó ở trong đó hoặc khổ hoặc bị chết. Thế nên, bạch Thế Tôn, con ruồi kia bị dính rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di9 những người mê mờ kia, Ta khuyên vị ấy rang: "Các ngươi hãy từ bỏ điều này" thì họ nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải từ bỏ việc ấy, Thiện Thệ muốn ta tư bỏ việc ấy." Và họ cũng nói như vầy: "Vi Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ n.” Rồi họ không từ bỏ. Họ không chỉ không vừa ý, không nhẫn thọ đối với Ta; mà đối với các Tỳ-kheo khéo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, họ cũng không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát. Này Ô-đà-di, nếu có một thiện nam tử nghe Ta nói rằng: "Các ngươi hãy từ bỏ điều nAy”, họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ nó. Nhưng Thế Ton nay dạy ta từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta từ bỏ việc ấy." Và cũng không nói như vầy: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăn.,, Rồi họ từ bỏ. Họ đối với Ta không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ; và đối với các Tỳ-kheo



khéo giữ gìn giới hạnh, cũng không sanh tâm không vừa ý, không nhẫn thọ. Này Ô-đà-di, thiện nam tử ấy bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, ví như con voi chúa to lớn sống đến sáu mươi năm, đã thành một Ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân sức tráng kiện; nó bị trói chặt, nhimg nó nỗ lực chuyển minh, sự trói chặt kia liền bị bứt và nó trở về chỗ cũ. Này O-đà-di, nêu có người nói như vây: "Con voi chúa to lớn kia sông đên sáu mươi năm, đã thành một Ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ v6c, gân sức tráng kiện; nó bị trói chặt, càng lúc càng găt gao, không thê đoạn tuyệt, không thể giải thoát.” Nói như vậy có đúng chăng? Tôn giả Ô-đà-di bạch: - Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì

con voi chúa to lớn kia sống đến sáu mươi năm, đã thành một Ma-ha-năng-già kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân cốt tráng kiện, bị trói chặt; nhtrng nó nỗ lực cựa mình, sự trói chặt kia liền bị bứt và nó trở về chỗ cũ. Bạch Thế Tôn, cho nên con voi chúa to lớn kia sống đến sáu mươi năm, đã trở thành một Ma-ha-năng-già kiêu ngạo, gân cốt tráng kiện, sự trói buộc kia cũng không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thoát.  Cũng như vậy, này O-đà-di, với thiện nam tử kia, Ta khuyên răng: “Các ngươi hãy từ bỏ điều này” thì họ không nói như vầy: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta từ bỏ?9 Và họ cũng không nói như vầy: "Vị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ n.” Và họ liền từ bỏ. Không chỉ đối với Ta vị ấy không sanh tâm không vừa ý9 không châp nhận; mà đôi với những Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cân thận, họ cũng không sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, thiện nam tử ây bị trói không chặt, không cứng, không càng lúc càng găt gao, có thê đoạn tuyệt, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, với người mê mờ mà Ta khuyên dạy rằng: "Các ngươi hãy từ bỏ điều này" thì họ bèn nói như vầy: “B6 là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta từ bỏ/9 Và cũng nói như vầy: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ M" Rồi họ không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta họ sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ giới hạnh cẩn thận, họ cũng sanh tâm không vừa ý, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, không thể giải thoát. A

Này O-đà-di, ví như người nghèo cùng, không có của cải, cũng không có thê lực. Người ây có một người vợ cặp mát bị mù, lại xâu xí, không khả ái; có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở được; lại có một cái giường bị gãy sập, không thể nằm; có một cái bình bị lủng, không dùng được. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ ngôi một góc cây mát mẻ, điêu hòa và tu tập tăng thượng tâm. Người ây thây



vậy, trong tâm nghĩ rằng: "Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Còn ta thật là xấu xa vô dức. Vì sao? Vì ta có một người vợ mà cặp mắt bị mù, lại xấu xí, không khả ái, nhưng không thể lìa bỏ được; có một cái nhà lại bi đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở, nhimg không thể bỏ; có một cái giường bị gãy sập, không thể nằm, nhưng không thể bỏ; có một cái bình bị lủng, không dùng được, nhung cũng không thể bỏ. Ta ưa thích Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dao." Này O-đà-di, nêu có người nói như vây: "Nguôi nghèo cùng kia không có tiền của, cũng không có thế lực, mà bi trói buộc không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn tuyệt, có thể giải thot." Nói như vậy có đúng chăng? - Không đúng, bạch Thế Tôn! Vì sao? Vì người nghèo cùng kia, không có tiền của, cũng không có thế lực; có một người vợ mù, xấu xí, không khả ái, mà lại không thể bỏ; chỉ có một cái nhà đổ nát, mưa dột, chim quạ bay đến đậu, không thể ở, mà không thể bỏ; chỉ có một cái giường bị gãy sập, không thể năm được, mà không thể bỏ; có một cái bình bị lủng, không dùng được, nhưng cũng không the bỏ; dù người

ấy ưa thích như vị Tỳ-kheo? cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, cho nên người nghèo cùng kia, không có tiền của, cũng không có thế lực, bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn tuyệt, cũng không thê giải thoát được. Cũng vậy, này O-đà-di, nêu có người mê mờ mà Ta khuyên răng: "Ngươi hãy từ bỏ điều ấy,9 thì người ấy lại nói: "Đó là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta dứt tuyet." Và người ấy cũng nói: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ an?9 Roi người ấy không đoạn trừ. Người ấy không chỉ đối với Ta sanh tâm không vừa y, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, người ấy cũng sanh tâm không vừa y, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên người mê mờ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không thể giải thoát. Này O-đà-di, nếu một thiện nam tử mà Ta khuyên họ rằng: “Các ngươi hãy từ bỏ điều này", vị ấy không nói như vầy: “E>6 là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn dạy ta phải đoạn trừ, Thiện Thệ dạy ta phải dứt tuyệt.Và cũng không nói: uVị Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ n.” Họ liền đoạn trừ. Đối với Ta, họ không sanh tâm không thích, không chấp nhận; và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận, họ cũng không sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này Ô-đà-di, cho nên thiện nam tử kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát. Này Ô-đà-di, ví như cư sĩ, con cư sĩ rất giàu sang, sung sướng, rất nhiều tiền của, sản nghiệp súc mục không thể tính được, phong hộ, thực ấp, lúa gạo, bao nhiêu những thứ dùng sinh sống đều rất đầy đủ, nô tỳ, voi ngựa nhiều không kể



xiết. Người ấy thấy vị Tỳ-kheo sau khi ăn xong, rửa sạch tay chân, trải tọa cụ ngồi nơi một gốc cây mát mẻ, điều hòa mà tu tập tăng thượng tâm. Thấy vậy, người ấy nghĩ rằng: "Sa-môn thật là khoái lạc, Sa-môn như Niết-bàn. Ta nên từ bỏ sự giàu sang, sung sướng, vàng bạc, châu báu, voi ngựa, nô tỳ; hâm mộ làm Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo.,^ Này Ô-đà-di? có người lại nghĩ rằng: "Người cư si, con người cư sĩ kia bị trói rất cứng, rất chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không được giải thoát.Nói như vậy có đúng không? Tôn giả Ô-đà-di bạch: Không đúng, bạch Thế Tôn. Vì sao? Vì người cư sĩ hay con người cư sĩ kia có the xa lìa, vứt bỏ sự giàu sang, phú quý, vàng bạc, châu báu, lúa, voi, ngựa, nô tỳ để theo thầy Tỳ-kheo, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo. Bạch Thế Tôn, cho nên người cư sĩ hay con người cư sĩ kia bị trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát được. Cũng như vậy, này O-dà-di, nêu thiện nam tử mà Ta khuyên răng: "Ngươi hãy từ bỏ điều ny” thì họ không nói như vầy: "B6 là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải đoạn trừ. Nhung Thế Tôn dạy ta phải đoạn trừ, Thiện Thệ muốn ta chấm dứt." Và họ cũng không nói rằng: Đại Sa-môn này cũng không tiêu hóa nổi đồ an.99 Rồi họ liền đoạn trừ. Đối với Ta họ không sanh tâm không thích, không chấp nhận; và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, họ cũng không sanh tâm không thích, không chấp nhận. Này Ô-đà-di9 cho nên thiện nam tử kia bị trói mà không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có the đoạn trừ, có thể giải thoát.

Này O-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ây tu hạnh xả roi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vi ấy ham thích nó, không đoạn, không trú, không vứt bỏ. Này O-đà-di, Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kiết sử bất thiện. Này O-dà-di, vì kiết sử bất thiện cho nên Ta nói đó là trói buộc, không nói là giải thoát. Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vi ấy tu hành xả rồi, phát sanh suy niệm tương ưng với dục, bị ái lạc ràng buộc. Vị ấy không ham thích nó, mà đoạn, trú, vứt bỏ. Này Ô-đà-di, Ta nói cũng là trói buộc, không nói là giải thoát. Vì sao? Vì các kiết sử bất thiện. Này 0-dà-di, vì kiết sử bất thiện cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát. Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy hạnh xả rồi, thỉnh thoảng lãng quên, đi đôi với suy niệm tương ung với dục, bị ái lạc ràng buộc; sự quán chậm nên bi diệt mau. Này Ô-đà-di, ví như hòn sắt hay lưỡi cày sắt trọn ngày bị đốt; nếu có người nhỏ lên đó hai hoặc ba giọt nước, nhỏ chậm, không liên tục, nước bèn tiêu tan mau chóng. Này Ô-đà-di? cũng vậy, Tỳ-kheo tu hạnh xả. Vị ấy tu hạnh xả rồi, thỉnh thoảng lãng quên, đi đôi với suy niệm tương ưng với dục, bị



ái lạc ràng buộc; sự quán chậm nên bị diệt mau. Này Ô-đà-di, Ta nói như thế là trói buộc, không phải là giải thoát. Vì sao? Vì các kiết sử là bất thiện. Này Ô-đà-di, vì kiết sử bất thiện cho nên Ta nói là trói buộc, không nói là giải thoát. Này Ô-đà-di, cùng ở nơi gốc rễ của khổ mà du hành không sanh tử, ở nơi vô thượng ái tận mà thiện tâm giải thoát. Này Ô-đà-di, Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc. Vì sao? Vì các kiết sử đã chấm dứt. Này Ô-đà-di, vì các kiết sử đã chấm dứt cho nên Ta nói là giải thoát, không nói là trói buộc. Này Ô-đà-di, có thứ lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, gốc rễ của tên đâm, có nhân duyên, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập. Này Ô-đà-di, có thứ lạc gọi là Thánh lạc, là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc thanh tịnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ây nên tu tập. Này O-đà-di, thê nào gọi là thứ lạc không phải là Thánh lạc mà là phàm phu lạc, là gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, là gốc rễ của tên dâm, có nhân duyên, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập. Z

Nêu nhân nơi ngũ dục mà sanh lạc, sanh hỷ? đó là thứ lạc không phải là Thánh lạc, mà là phàm phu lạc, l gốc rễ của bệnh hoạn, gốc rễ của mụt nhọt, gốc rễ của tên dâm, có nhân duyên, có sanh tử, không nên tu, không nên tập hành, không nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy không nên tu tập. Này O-đà-di, thê nào là có thứ lạc được gọi là Thánh lạc, là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tĩnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đoi với sự lạc ấy nên tu tập. Này Ô-đà-di, nếu có Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Đó là thứ lạc được gọi là Thánh lạc, là lạc vô dục, lạc viễn ly, lạc tịch tịnh, lạc chánh giác, không nhân duyên, không sanh tử, nên tu, nên tập hành, nên phát triển. Ta nói đối với sự lạc ấy nên tu tập. Này O-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bát thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục phát sanh, chứng đác Thiên thứ nhát,

thành tựu an tru. Bậc Thánh nói đó là di động. Trong đó, những gì mà bậc Thánh nói là di động? Trong đó có giác, có quán, bậc Thánh nói là di động. Trong đây những gì mà bậc Thánh nói là di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán đã trừ, nội tâm tĩnh chỉ, nhát tâm, không giác, không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Đó là điều mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động? Hỷ lạc được chứng đắc này mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà bậc Thánh nói là di động? Này Ô-đà-di? Tỳ-kheo ly hỷ dục, trú xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc mà bậc



Thánh gọi là "Thánh xả niệm lạc trú không59, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Đó là điều mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà bậc Thánh gọi là di động? Nếu đây nói di động tức là tâm lạc. Đó điều mà bậc Thánh nói là di động. Trong đó những gì mà Thánh nói không di động? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tinh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an tru. Đó là điều mà bậc Thánh nói là không di động. Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đác Thiên thứ nhát, thành tựu và an trú. Này O-đà-di, Ta nói ở đây chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Trong đó có những gì là vượt qua? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, đạt đến Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đây cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo ly hỷ dục, xả, an trú vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm thọ lạc, điêu mà Thánh gọi là Thánh xả niệm, lạc tru thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Đây là sự vượt qua được nói đên trong đó. Này O-đà-di, Ta nói ở đây cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo lạc diệt, khổ diệt, hỷ và ưu vốn có cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, đạt đến cối tứ thiền, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di5 Ta nói đó cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua? Này O-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua khỏi tát cả sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không tư duy đên bát cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu và an tru. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di, Ta nói đó cũng chưa đạt được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua? Này Ô-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di5 Ta nói đó cũng chưa đạt được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt • A qua. Vậy trong c — - v . đó những gì là vượt qua? Này O-đà-di, Tỳ-kheo vượt qua tát cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng đác Vô sở hữu xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đến trong đó. Này Ô-đà-di5 Ta nói đó cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua. Vậy trong đó những gì là vượt qua? Này Ô-đà-di9 Tỳ-kheo nhập qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng

xứ, thành tựu và an trú. Đây là sự quá độ được nói đên trong đó. Này O-đà-di, Ta nói cho đên Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ cũng chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua.

192. KINH CA-LÂƯ-Ô-ĐÀ-DI 1105

n .L 9 y \ e Này O-đà-di, có chăng một kiêt sử nào, hoặc ít hoặc nhiêu, tôn tại lâu dài mà Ta nói chưa được không, chưa được đoạn trừ, chưa được vượt qua; nghĩa là Ta nói không đoạn trừ? Tôn giả Ô-đà-di bạch: - Không có, bạch Thế Tôn! Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này O-đà-di? thây không phải như người mê mờ kia. Người mê mờ kia khi Ta khuyên rằng: "Các thầy hãy từ bỏ điều nay95 thì họ lại nói rằng: UĐÓ là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhxmg Thế Tôn nay bảo ta nên từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt.,, Và cũng nói rằng: “Vi Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ Ĩ1." Rồi họ không chịu từ bỏ. Không chỉ đối với Ta người ấy sanh tâm không thích, không chấp nhận; mà đối với các Tỳ- kheo giữ gìn giới hạnh cân thận, người ây cũng sanh tâm không thích, không châp nhận. Này O-đà-di5 cho nên người mê mờ kia bị trói rát cứng, rát chặt, càng lúc càng gắt gao, không thể đoạn trừ, không giải thoát được. Này O-đà-di, nêu có thiện nam tử nào mà Ta khuyên răng: "Các ngươi hãy từ bỏ điều ny", họ không nói như vầy: UĐÓ là việc nhỏ nhặt, đủ thiếu gì mà phải từ bỏ. Nhưng Thế Tôn nay dạy ta phải từ bỏ, Thiện Thệ muốn ta dứt tuyệt.99 Và họ cũng không nói như vầy: Đại Sa-môn này không tiêu hóa nổi đồ ăĩl.^, Rồi họ liền từ bỏ. Người ấy đối với Ta không sanh tâm không thích, không chấp nhận và đối với các Tỳ-kheo giữ gìn giới hạnh cẩn thận cũng không sanh tâm không thích, không châp nhận. Này O-đà-di, cho nên thiện nam tử kia bi trói không cứng, không chặt, không càng lúc càng gắt gao, có thể đoạn trừ, có thể giải thoát. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ô-đà-di sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

193. KINH MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ hội với các Tỳ-kheo-ni. Nếu có vi nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói xấu các Tỳ-kheo-ni thì thây ây nghe vậy liên sân hận, hãn học cho đên cãi vã. Hoặc có vị nào trước mặt Tỳ-kheo-ni nói xâu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quân-na thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Một số đông các Tỳ-kheo nghe vậy liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, ngồi qua một bên và thưa: Bạch đức Thế Tôn, Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thường tụ hội với các Tỳ-kheo-ni. Nêu có vị nào trước mặt Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quân-na nói xâu các Tỳ-kheo-ni thì thầy ấy nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Hoặc có vi nào trước mặt các Tỳ-kheo-ni nói xấu Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Đức Thế Tôn nghe rồi bảo một Tỳ-kheo: - Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na và nói: "Đức Thế Tôn cho gọi thầy.” Vi Tỳ-kheo ấy nghe bảo, bèn nói: -Kính vâng, bạch Thế Tôn! Rồi vi ấy đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân đức Phật, nhiễu quanh ba vòng và ra đi. Vị Tỳ-kheo đó đến chỗ Tỳ-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nói: Đức Thế Tôn cho gọi thầy! Ty-kheo Mâu-lê-phá-quần-na nghe vậy liền đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Mâu-lê-phá-quần-na,

có thật thầy thường tụ hội cùng với các Tỳ- kheo-ni? Và nêu có vị nào trước mặt thây nói xâu các Tỳ-kheo-ni? thây nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã; hoặc có vị nào trước mặt các Tỳ-kheo- ni nói xấu thầy thì các Tỳ-kheo-ni nghe vậy liền sân hận, hằn học cho đến cãi vã. Này Quần-na, có thật vậy không? Tỳ-kheo Quần-na thưa: -Bạch đức Thế Tôn, điều đó có thật!



Đức Thế Tôn lại hỏi: Này Phá-quân-na, thây không phải là chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình mà học đạo chăng? Phá-quần-na đáp: -Thưa phải, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn hỏi: Này Phá-quân-na, như vậy? người chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình mà học đạo thì hãy học như thế này: Nếu có dục, có niệm nương trên thế tục thì phải đoạn trừ chúng. Nếu có dục, có niệm nương trên vô dục thì hãy tu tập điều này, hãy phát triển điều này. Này Phá-quần-na, thay hãy học như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Các thầy có phải chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo chăng? Các vị Tỳ-kheo đáp: - Thưa phải, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn bảo các vi Tỳ-kheo: Các thầy chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo thì hãy học như thế này: Nếu có dục, có niệm nương trên thế tục thì hãy đoạn trừ chúng. Nếu có dục, có niệm nương trên vô dục thì hãy tu tập điều này, hãy phát triển điều này. Các thay hãy học như vậy. Một thời, Ta đã từng nói với các Tỳ-kheo: "Này các thầy, hoặc có Tỳ-kheo được biết đến nhiều, hoặc có Tỳ-kheo ít được biết đến, tất cả các thầy hãy học điều nhứt tọa thực; học nhứt tọa thực rồi, được vô vi, vô cầu, không bệnh tật, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, sảng kho" Các Tỳ-kheo ấy hoặc được biết đến nhiều, hoặc ít được biết đến, tất cả đều học theo điều nhứt tọa thực. Sau khi học theo điều nhứt tọa thực, họ được vô vi, vô cầu? không tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, sảng khoái. Những Tỳ-kheo ấy hài lòng Ta; và Ta cũng không phải khuyên giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ-kheo nhân đó mà sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành. Cũng như người điều khiển chiếc xe ngựa, tay trái cầm cương, tay phải cầm roi, nó theo tám con đường mà đi, muốn đến nơi nào cũng được. Các Tỳ-kheo như vậy rất hài lòng Ta; và Ta cũng không phải khuyến giáo, khiển trách nhiều. Các Tỳ- kheo nhân đó sanh khởi suy niệm pháp tùy pháp hành. Cũng như khoảng đất tốt có rừng cây sa-la. Người săn sóc rừng kia thông minh sáng suốt, không biếng nhác, tùy lúc săn sóc gốc rễ cây sa-la, thường cào bừa những rác rưới và luôn luôn tưới nước, san bằng chỗ cao, lấp bằng chỗ thấp; nếu cỏ dại mọc đầy hai bên thì nhổ bỏ đi; nếu cây nào cong queo, xấu xí, không ngay thẳng thì nhổ gốc bỏ ra ngoài; nếu có nhánh nào đâm ngang và cong thì chặt xuống hay uốn lại; nếu bên cạnh có mọc thêm cây nào đều dặn, ngay thẳng



thì tùy lúc mà sửa soạn, thường cào bừa những rác rưới và tưới nước. Như vậy, trên khu đất tốt kia, rừng cây sa-la càng ngày càng sầm uất. Cũng vậy, các Tỳ- kheo làm hài lòng Ta; và Ta cũng không phải khuyến giáo, khiển trách nhiều. Ta không nói các Tỳ-kheo là thiện ngữ, cung thuận do các nhu dụng sinh sống, y bát, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang. Vì sao vậy? Tỳ-kheo ấy nếu không nhận được các thứ ấy thì trả lại

bằng sự không thiện ngữ, cung thuận, thành tựu cái tính không thiện ngữ, cung thuận. Nếu có Tỳ-kheo là vị viễn ly, nương trên viễn ly, sống trong sự viễn ly, là vị thiện ngữ, cung thuận, thành tựu tánh thiện ngữ, cung thuận, Ta nói vị ấy thật sự là thiện ngữ, cung thuận. Vì sao vậy? ơ đây, một Tỳ-kheo thủ hộ cân thận mà sông; trong trường hợp gặp người khác, không nói thô ác. Nếu người khác nói thô ác, vị ấy cũng không phẫn nộ, cũng không thù ghét, cũng không ưu sầu oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo. Các Tỳ-kheo kia sau khi thây vậy bèn nghĩ răng: “Hiên giả đó thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chế, khéo đinh tĩnh, khéo tịch tjnh." Nấu người khác nói thô ác mà vị ấy giận dữ, thù ghét, ưu phiền, ôm hận, lộ vẻ hung dữ, các Tỳ-kheo kia thấy vậy ben nghĩ: "Hiền giả này ngoan cố, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tậih." Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, có một nữ cư sĩ tên là Bệ-đà-đề, rất giàu sang, sung sướng, có nhiều tiền tài, sản nghiệp súc mục không thể kể xiết, phong hộ thực áp, lúa gạo dây đây và nhiêu nhu dụng sinh sông khác. Bây giờ, nữ cư sĩ Bệ-đà- đê được vang danh kháp nơi với tiêng tót như vây: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đê là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tjnh.” Bấy giơ, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề có một nữ tỳ tên là Hắc Bổn, hầu hạ, ăn nói dịu dàng, ít nhiều hành thiện. Nữ tỳ Hắc Bổn nghĩ rằng: "'Chủ nhân ta, nữ cư sĩ Bệ- đà-đề9 được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy: 6Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự che, khéo định tinh, khéo tịch tịnh/ Nay ta hãy thử xem chủ nhân nữ cư sĩ Bệ-đà-đề thật sự có sân hay không san/9 Rồi nữ tỳ Hắc Bổn nằm ngủ, không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy: "Hắc tỳ, sao ngươi không dậy sớm?,, Hắc tỳ nghe vậy bèn nghĩ rằng: "Chil nhân ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, thật sự có sân chứ không phải không sân. Nhimg vì ta giỏi lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyên và chu tát, khiên cho chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đê, được vang danh khắp nơi với tiếng tốt như vầy: 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh.5 Nay ta hãy thử thách hơn nữa, xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, thật sự có sân hay không sân.” Rồi Hắc tỳ ngủ không dậy sớm. Phu nhân gọi dậy: "Hắc tỳ, sao ngươi dậy quá trễ vay?” Hắc tỳ nghe vậy bèn suy nghĩ: "Chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, thật sự có sân chứ không phải không sân. Nhưng vì ta khéo lo liệu việc nhà, giỏi quán xuyến và chu tất, khiến cho chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, được vang danh khắp nơi



với tiếng tốt như vầy: 'Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề là người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo đinh tinh, khéo tịch tịnh? Nay ta lại thử thách thật lớn, xem chủ ta, nữ cư sĩ Bệ-đà-đề, thật sự có sân hay không sân." Rồi Hắc tỳ ngủ đến xế trưa mới dậy. Phu nhân gọi nó: "Hắc tỳ, sao ngươi ngủ đên xê trưa mới dậy? Ngươi đã không chiu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Con Hác tỳ này không nghe ta dạy. Con Hăc tỳ này khinh mạn ta." Phu nhân thịnh nộ, han học, trán nôi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đên cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay câm gậy đánh vào đâu nữ tỳ vỡ đâu chảy máu. Rồi Hắc tỳ với cái đầu vỡ chảy máu, chạy qua nói với hàng xóm, lớn tiếng phân bua, nói xấu đủ điều rằng: "Này các ngài, hãy xem, việc làm của người nhẫn nhục, nhu thuận, ôn hòa, giỏi tự chế, khéo định tĩnh, khéo tịch tịnh là như vậy chăng? Người áy măng chửi tôi răng: 'Con Hác tỳ này, sao ngươi ngủ đên xế trưa mới dậy?

Ngươi đã không chịu làm việc, cũng không bảo người khác làm. Con Hắc tỳ này không nghe lời ta dạy. Con Hắc tỳ này khinh mạn ta.' Bà thịnh nộ, hằn học, trán nổi ba đường gân, mặt mày nhăn nhó, tự mình đi đến cánh cửa đang đóng, rút then cửa, tay cầm gậy đánh vào đầu tôi vỡ đầu chảy máu.^, Bây giờ, nữ cư sĩ Bệ-đà-đê được đôn xa kháp nơi với tiêng xâu như vây: "Nữ cư sĩ Bệ-đà-đề hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không tự chế, không định tĩnh, không tịch tjnh.” Cũng vậy? ở dây, một người khéo thủ hộ, khéo di, khéo đến là do người khác không nói lời thô ác. Khi người khác không nói lời thô ác thì vị ấy không phẫn nộ? không thù ghét, không ưu phiền, oán hận, không giận dữ, thù nghịch, không lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy bèn nghĩ rằng: "Hiền giả này là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, khéo tự chế, khéo đinh tĩnh, khéo tịch tịnh/9 Nếu khi người khác nói lời thô ác, vị ấy bèn phẫn nộ, hằn học, ưu phiền, oán hận, giận dữ, thù nghịch, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy bèn nghĩ rằng: "Hiền giả này hung dữ, nóng nảy, thô lỗ, không định tĩnh, không tự chế, không tịch tinh.” Lại nữa, có năm cách nói: Hoặc nói đúng thời hay phi thời, hoặc nói chân thật hay không chân thật, hoặc nói diu dàng hay cứng nhắc, hoặc nói từ hòa hay sân nhuế, hoặc nói có nghĩa hay không nghĩa. Với năm cách nói này, các thầy nếu khi người khác nói mà tâm bị biến đổi, có thể miệng phát ra lời nói thô ác9 Ta nói các thầy do đó tất bi suy thoái. Các thầy hãy học đối với năm cách nói này, khi người khác nói, tâm các thầy không bị biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác; hãy hướng đến kẻ thù nghịch, hãy duyên nơi kẻ thù nghịch mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuê, không tranh, rát rộng, rát lớn, vô lượng, khéo tu tập,



biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm tương img với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, VÔ lượng, khéo tu tập, biên mãn kháp tát cả thê gian, thành tựu an trú. Các thây hãy học như vậy. Cũng như một người cầm cái cuốc rất lớn đi đến và nói: "T6i có thể làm cho cả mặt đất này trở thành không phải dất." Nậười ấy bèn đào chỗ này, đào chỗ kia rồi nhổ nước miếng, nước tiểu để làm dơ bân và nói lời thô ác như vầy: “Mong cả mặt đất này không phải là đất!" Các thầy nghĩ sao? Nẹười ấy do phương tiện ấy có thể làm cho cả mặt đất này trở thành không phải đát được chăng? Các Tỳ-kheo trả lời: Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì cả mặt đất này rất sâu, rất rộng không thể lường được. Cho nên người ấy với phương tiện như thế không thể làm cho cả mặt đất này trở thành không phải đát. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tư gây phiền nhọc vô ích mà thôi. Cũng vậy, với năm cách nói này mà người khác nói, đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng nhắc, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không có nghĩa; các thầy đối với năm cách nói này, khi người khác nói mà tâm biến đổi hay miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các thầy do đó tất bị suy thoái. Các thay hãy học đối với năm cách nói này, khi người khác nói, tâm các thầy không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác; hãy hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như mặt đất, không kết, không oán, không nhuế,

không tranh, rát rộng, rát lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn khắp tát cả thê gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy học như vậy. Cũng như một người cầm cây đuốc bằng cỏ rất lớn mà nói như vầy: "Tôi với cây đuốc bằng cỏ này, sẽ đun nóng sông Hang cho sôi sục lên.,, Các thầy nghĩ sao? Người đó bằng phương tiện như vậy có thể làm cho sông Hằng nóng sôi lên chăng? Các Tỳ-kheo trả lời: Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì sông Hằng rất sâu, rất rộng không thê đo lường được. Cho nên người ây với phương tiện như thê không thể làm cho sông Hằng nóng và sôi sục lên được. Bạch Thế Tôn, người ấy chỉ tự gây phiền nhọc vô ích mà thôi. Cũng vậy, với năm cách nói này, nếu người khác nói đúng thời hay không đúng thời, nói chân thật hay không chân thật, nói dịu dàng hay cứng nhắc, nói từ hòa hay sân nhuế, nói có nghĩa hay không nghĩa, các thầy đối với năm cách nói này, khi người khác nói mà tâm biến đổi, hoặc miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các thày do đó tất bị suy thoái. Các thầy hãy học năm cách nói này, nếu khi người khác nói, tâm các thầy không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác; hãy hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm



hành như sông Hằng, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp tất cả thế gian, thành tựu an tru. Các thầy hãy học như vậy! Cũng như thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ cầm đủ các loại màu và nói như vầy: “d nơi hư không này, tôi vẽ lên các hình tượng.” Rồi người đó tô lên các loại r y màu. Các thây nghĩ sao? Thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ây băng phương tiện như thế có thể vẽ lên hư không các hình tượng rồi tô lên các loại màu chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, hư không này không phải là vật sắc, không thể thấy, không có đối ngại; do đó, thợ vẽ hay đệ tử của thợ vẽ ấy bằng phương tiện như vậy không thể vẽ lên hư không các hình tượng roi tô lên các loại màu. Thợ vẽ và đệ tử của thợ vẽ chỉ tự gây phiên nhọc vô ích mà thôi. Cũng vậy, bằng năm cách nói này mà người khác nói, hoặc đúng thời hay không đúng thời, hoặc chân thật hay không chân thật, hoặc diu dàng hay cứng nhắc, hoặc từ hòa hay sân nhuế, hoặc có nghĩa hay không có nghĩa; các thầy đối với năm cách nói này, khi người khác nói, tâm không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác; hãy hướng đến người nói ấy, duyên nơi người nói ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như hư không, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Các thay hãy học như vậy. Cũng như một cái túi bằng da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm mại, làm hết tiêng xì xọp, không còn tiêng xì xọp, và có một người hoặc năm tay đâm, hoặc lây đá chọi, hoặc dùng gậy đánh, hoặc lấy dao chém, hoặc đập xuống đất. Các thầy nghĩ sao? Cái túi da mèo đã được thuộc mềm, rất mềm mại, làm hết tiếng xì xọp, không còn tiếng xì xọp, bấy giờ lại phát ra tiếng kêu xì xọp nữa chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Không thể được, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn, cái túi bằng da mèo ây đã được thuộc mem, rát mem mại, làm hét tiêng xì xọp, không còn tiếng xì xọp; cho nên nó không còn phát ra tiếng xì xọp nữa. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có người khác hoặc nắm tay đấm, hoặc lấy đá chọi, gậy đánh, dao chém các thầy; nếu khi bị người khác nắm tay đấm, đá chọi, gậy đánh, dao chém mà

tâm các thầy biến đổi, hoặc miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các thầy nhân đó tất bị suy thoái. Các thầy hãy học như vầy: Nếu bị người khác lấy tay dấm, đá chọi, gậy đánh, dao chém, tâm các thầy không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác; hãy hướng đến người đánh đập, duyên nơi người đánh đập mà khởi tâm từ mẫn, tâm hành như cái túi da mèo, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn kháp tát cả thê gian, thành tựu an trú. Các thây hãy học như vậy!

193. KINH MÂƯ-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA 1113

r ĩ e 9 r y r Nêu có giặc cướp đên, lây lưỡi cưa bén cát xẻ tay chân chi tiêt các thây; nêu khi có giặc cướp đến, lấy lưỡi cưa bén cắt xẻ tay chân chi tiết mà tâm các thầy biến đổi, hoặc miệng phát ra lời nói thô ác, Ta nói các thầy nhân đó tất bị suy thoái. Các thây hãy học như vây: Nêu có giặc cướp đên, lây lưỡi cưa bén căt xẻ tay chân chi tiết, tâm các thầy không biến đổi, miệng không phát ra lời nói thô ác, hãy hướng đến người cắt xẻ ấy, duyên nơi người cắt xẻ ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy, trên, dưới, bao trùm tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn kháp tát cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, bi và hỷ, tâm tương ưng với xả5 không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rất r rộng, rát lớn, vô lượng, khéo tu tập, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Các thầy hãy học như vậy. Bấy giờ, đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Các thầy hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi r A \ cưa bén cho giáo huân Sa-môn. Các thây sau khi luôn luôn suy niệm vê thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huân Sa-môn roi, các thây lại còn thây răng: "Người kia nói lời thô ác, không khả ái đối với ta; sau khi ta nghe, không thể chịu đựng n6i" chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Không có, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại tán thán các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Các thầy hãy luôn luôn suy niệm về thí dụ lưỡi cưa r y . bén cho giáo huân Sa-môn. Các thây sau khi luôn luôn suy niệm vê thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, các thầy nếu đi đến ở phương Đông, chắc chăn được an lạc, không có các khô nạn. Nêu đi đên phương Nam, phương Tây, phương Bắc, cũng chắc chắn được an lạc, không có các khổ hoạn. Lành thay! Lành r thay! 5 Các thây a hãy luôn luôn suy niệm vê thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huân 9 Sa-môn. r Các ythây sauJF khi • luôn . <. niệm vê thí dụ lưỡi luôn suy cưa bén cho giáo huân Sa-môn roi, Ta còn không nói đôi với các pháp thiện mà các thầy đã an tru, huống nữa là nói đến sự suy thoái; chỉ còn sự tăng trưởng thiện pháp ngày đêm chứ không còn sự suy thoái nữa. Lành thay! Lành thay! Các thây hãy luôn luôn suy niệm vê thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huân Sa-môn. Các thây sau khi luôn luôn suy niệm vê thí dụ lưỡi cưa bén cho giáo huấn Sa-môn rồi, trong hai quả chắc chắn được một, hoặc ngay trong đời hiện tại mà chứng đắc Cứu cánh trí, hoặc chứng đắc A-na-hàm nếu còn hữu dư y. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc, cùng với đại chúng Tỳ-kheo an cư mùa mưa. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: Ta chỉ ăn trong một lần ngồi. Do chỉ ăn trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô câu, không có các tật binh, thân thê nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an 6n, khoái lạc. Các thây cũng nên ăn chỉ trong một lân ngôi. Do ăn chỉ trong một làn ngồi, các thầy sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật binh, thân thể nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ở trong đại chúng. Rồi Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về Đức Phật và bạch: Bạch Thế Ton, con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Đức Thế Tôn dạy: Này Bạt-đà-hòa-lợi5 khi Ta nhận lời mời, thầy cũng đi theo Ta. Và nếu Ta chập thuận cho thây mang đi đô ăn được mời ây, nhưng ăn chỉ trong một lân ngồi, như vậy cũng có thể sống được an lành. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi lại bạch: Bạch Thê Tôn, dù vậy, con cũng không thê kham nôi sự việc ăn chỉ trong một lân ngôi. Vì sao vậy? Vì nêu con ăn chỉ trong một lân ngôi, chăng khác nào làm một việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Đức Thế Tôn ba lần nói với các Tỳ-kheo: - Ta ăn chỉ trong một làn ngồi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, Ta vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an ôn5 khoái lạc. Các thây cũng nên học ăn chỉ trong một lân ngôi. Do ăn chỉ trong một lần ngồi, các thầy sẽ vô vi, vô cầu, không có các tật bệnh, thân thể nhẹ nhàng, thoải mái, khí lực khang cường, an ổn, khoái lạc.



Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ba lần từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Thế Tôn mà bạch: Bạch Thê Tôn, con không thê kham nôi sự việc ăn chỉ trong một lân ngôi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì không khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Đức Thế Tôn cũng ba lần dạy: Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi Ta nhận lời mời, thầy cũng đi theo. Và nếu Ta chấp thuận cho thầy mang đi đồ ăn được mời ấy, nhưng ăn chỉ trong một lần ngoi, như vậy cũng có the song được an lành. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi cũng ba lần bạch: Bạch Thế Tôn, mặc dù như vậy, nhưng con cũng không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Vì sao vậy? Vì nếu con ăn chỉ trong một lần ngồi thì chẳng khác nào làm một công việc chưa xong, cảm thấy ảo não, trong lòng hối tiếc. Bạch Thế Tôn, vì vậy con không thể kham nổi sự việc ăn chỉ trong một lần ngồi. Bấy giờ, đức Thế Tôn thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ trừ Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi tuyên bố là không thể kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy và bỏ đi. Vì sao vậy? Vì Tôn giả không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Rồi Ton giả Bạt-đà-hòa- lợi suốt trong một mùa mưa ấy lánh mình không gặp đức Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì Tôn giả không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của The Ton. Vào một

lúc, các Tỳ-kheo làm y cho đức Phật, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ? y được khâu vá xong, đức Thê Tôn sẽ thu xép y, ôm bát và du hành trong nhân gian. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi được nghe: "Các Tỳ-kheo đang làm y cho đức Phật,: đer sau ba thángỉ an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ• 5 y được khâu vá xong, đức Thê Tôn sẽ thu xép y, ôm bát và du hành trong nhân gian." Sau khi nghe như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bèn đi đến chỗ các Tỳ- kheo. Các Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đang đi đến, bèn nói như vầy: Hiền giả Bạt-đà-hòa-lợi nên biết, ở đây chúng tôi đang làm y cho Thế Tôn, để sau ba tháng an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, y được khâu vá xong, đức Thế Tôn sẽ thu xếp y, ôm bát và du hành trong nhân gian. Này Bạt-đà- hòa-lợi, hãy khéo tự gìn giữ trong trường hợp này, đừng để về sau xảy ra nhiêu sự phiên nhọc. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi nghe những lời ấy xong, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật và bạch:



Bạch Thế Tôn, con thật có lỗi! Con thật có lỗi! Con như ngu, như si, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy? Vì Thế Tôn thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi và từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Đức The Ton noi: Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết rằng một số đông các Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị ây biêt Ta, thấy Ta và biết: "C6 Tỳ-kheo tên Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế T6n." Này Bạt-đà- hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết có sự kiện như vậy chăng? Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết rằng một số đông ưu-bà- tắc và iru-bà-di tại nước Xá-vệ, những người này biết Ta, thấy Ta và biết: "C6 Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Thế Tôn, không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế T6n." Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết có sự kiện như vậy chăng? Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết rằng một số đông các Sa- môn? Phạm chí di học đang an cư mùa mưa tại nước Xá-vệ, những vị này biết Ta, thấy Ta và biết: "C6 Tỳ-kheo tên là Bạt-đà-hòa-lợi, đệ tử của Sa-môn Cù- đàm, một bậc danh dức, nhưng không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế T6ĩi." Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không biết có sự kiện như vậy chăng? Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu có Tỳ-kheo chứng câu giải thoát mà Ta nói với vị ấy rằng: "Ông hãy xuống vũng bùn.,^ Này Bạt-đà-hòa-lợi, ý thầy nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo há nên đứng im hay tránh đi chỗ khác chăng? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi thưa: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thê Ton nói: Này Bạt-đà-hòa-lợi, giả sử không phải là Tỳ-kheo câu giải thoát, nhưng là Tỳ-kheo tuệ giải thoát; hoặc giả sử không phải là Tỳ-kheo tuệ giải thoát, nhưng là thân chứng; hoặc giả sử không phải là thân chứng, nhung là kiến đáo; hoặc giả sử không phải là kiến đáo, nhung là tín giải thoát; hoặc giả sử không phải là tín giải thoát nhung là tùy pháp hành; hoặc giả sử không phải là tùy pháp hành, nhimg là tùy tín hành mà Ta nói với vị Tỳ-kheo ấy rằng: "Ong hãy xuống vũng Này Bạt-đà-hòa-lợi, thầy nghĩ sao? Ta dạy Tỳ-kheo ấy như vậy, Tỳ-kheo ấy há có nên đứng im hay tránh đi nơi khác chăng? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp:

-Bạch Thế Tôn, không!



_ rf-11 Ẩ nn A _ r •

Đức The Ton noi: Này Bạt-đà-hòa-lợi5 thầy nghĩ sao? Lúc bấy giờ thầy đã chứng đắc Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến đáo, Thân chứng, Tuệ giải thoát hay Câu giải thoát chăng? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi đáp: Bạch Thế Tôn, không phải vậy.

Đức The Ton noi: Này Bạt-đà-hòa-lợi, lúc bấy giờ thầy không phải như căn nhà trống chăng? Lúc ấy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi trước mặt, ngay vào mặt rồi, lại muốn làm cho được hoan hỷ, bèn nói: Này Bạt-đà-hòa-lợi, thây lúc bây giờ đôi với Ta mà không có sự tịch tịnh của sự tín pháp, không có sự tịch tịnh của ái pháp, không có sự tịch tinh của tĩnh pháp. Vì sao vậy? Trong lúc Ta thiết lập giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn thì chỉ riêng thầy tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì thay không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch: -Quả thật như vậy! Vì sao vậy? Vì trong lúc Thế Ton thiết lập học giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì con không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn nhận sự hối lỗi của con! Con đã thấy lỗi lầm, sẽ tự mình ăn năn hối cải, từ nay trở đi sẽ giữ gìn không tái phạm nữa. r Đức The Ton noi: -Này Bạt-đà-hòa-lợi, như vậy, thầy thật sự như mê mờ, như khờ dại, như bất thiện. Vì sao vậy? Vì trong lúc Ta thiết lập học giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng giữ học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn, chỉ thầy tuyên bố là không kham nổi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Vì sao vậy? Vì thầy không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Này Bạt-đà-hoa-lợi, nếu thầy có lỗi lầm, đã thấy và tự hối, từ nay về sau giữ gìn, không thể để tái phạm, thì này Bạt-đà-hòa-lợi? như vậy, ở trong Thánh Pháp, Luật có lợi ích, chớ không tổn hại. Nếu thầy có lầm lỗi, đã thấy và tự hối, từ nay về sau giữ gìn, không để tái phạm nữa, thì này Bạt-đà-hòa-lợi, thầy nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo không học theo giới Cụ túc, vi ấy sống trong rừng vắng,



dưới góc cây, hoặc ở trên sườn núi cao, văng bặt, không tiêng động, xa lánh sự dữ, không có bóng người, tùy thuận và tĩnh tọa; vi ấy sau khi sống tại một nơi xa vắng, tu hành tinh cần, chứng đắc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú. Nhưng vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn, khoái lạc như vậy mà xuyên tạc, chê bai học giới của Thế Tôn, xuyên tạc, chê bai chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc, chê bai học giới của chính mình. Vị ấy sau khi xuyên tạc học giới của Thế Tôn, xuyên tạc chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí, và cũng xuyên tạc học giới của chính mình rồi, liền

không sanh tâm hoan duyệt, do không sanh tâm hoan duyệt nên không sanh hy, do không sanh hỷ nên thân không khinh an, do thân không khinh an nên không cảm thọ lạc, do không cảm thọ lạc nên tâm bất định. Này Bạt-đa-hòa-lợi? Hiền thánh đệ tử sau khi tâm bất định rồi, không thể thấy như thật, biết như thật.  Này Bạt-đà-hòa-lợi, thầy nghĩ sao? Nếu có Tỳ-kheo học giới Cụ túc, sống trong rừng vắng, nơi gốc cây, ở trên sườn cao, vắng bặt, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; vị ấy sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, chứng đắc tăng thượng tâm, hiện tại lạc tru. Vị ấy sau khi sống tại nơi xa vắng, tu hành tinh cần, an ổn, khoái lạc rồi, không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình. Vị ấy sau khi không xuyên tạc học giới của Thế Tôn, không xuyên tạc chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí, cũng không xuyên tạc học giới của chính mình rồi, bèn sanh hoan duyệt, do sanh hoan duyệt nên hỷ, do sanh hỷ nên thân khinh an, do thân khinh an nên cảm thọ lạc, do cảm thọ lạc nên tâm định. Này Bạt-đà-hòa-lợi? Hiền thánh đệ tử tâm định rồi, bèn thấy như thật, biết như thật. Sau khi thấy như thật, biết như thật, vị ấy ly dục, ly ác, bát thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đăc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vi ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ nhất, ngay trong đời hiện tại, được sống an lạc, dễ được chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái lạc và thăng tiến đến Niết- bàn. Roi vị ây giác quán tịch tịnh, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do đinh sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an tru. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ hai, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn, khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh nói là Thánh xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an tru. Này Bạt-đà-hòa-lợi? vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ ba, ngay trong đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ổn? khoái lạc mà thăng tiến đến Niết-bàn. Rồi vi ấy lạc diệt, khổ diệt, ưu và hỷ vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc tăng thượng tâm thứ tư, ngay trong



đời hiện tại được sống an lạc, dễ được chứ không khó, an lạc sống trong vô úy, an ôn, khoái lạc mà thăng tiên đên Niêt-bàn. Vi ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không nhuế, không phiền, nhu nhuyến, an trủ vững vàng, đạt đến bất động tâm, học và chứng đắc túc mạng trí thông. Vị ấy với hành vi, với tướng mạo, nhớ lại về trước vô lượng trăm ngàn đời sống đã trải qua, một đời, hai đời, trăm đời, ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành kiếp hoại kiếp; chúng sanh ấy có tên như vậy, mà vi ấy xưa kia đã từng trải, biết rằng: “Ta đã từng sanh làm người ấy, với họ như vậy, tên như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, mạng chung như vậy, chết ở đây sanh chỗ kia, chết ở chỗ kia sanh ở đây; ta sanh tại chỗ này với họ như vậy, tên như vậy, tự như vậy, sanh như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ như vậy, sống lâu như vậy, tồn tại như vậy, mạng chung như vay." Này Bạt- đà-hòa-lợi? vị ấy lúc bấy giờ, chứng đắc minh

đạt trí thứ nhất này, do trước kia không phóng dật, ưa sông nơi xa văng, tu hành tinh cân, cho đên vô trí diệt mà trí tuệ phát sanh, bóng tối biến mất mà ánh sáng hiện thành, vô minh diệt mà minh phát sanh, tức là chứng ngộ minh đạt ức túc mạng trí. Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không ỉ r - i < phiên, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, đạt đên bát động tâm, học và chứng sanh tử trí thông. Vị ấy với thiên nhãn thanh tinh, vượt hẳn người thường, thấy chúng sanh này, lúc tử lúc sanh, sắc đẹp sắc xấu, diệu hay bất diệu, qua lại thiện xứ và z . \ 9 r * bát thiện xứ, đêu tùy theo tác nghiệp của chúng sanh này và thây đúng như vậy. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hành, khẩu và ý ác hành, phỉ báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu tà kiến; chúng sanh ấy do nhân duyên này, khi thân hoại r f r mạng chung, tát sanh đên ác xứ, sanh trong địa ngục. Nêu chúng sanh này thành tựu thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, không phỉ báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu chánh đinh; chúng sanh ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, tất đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vị ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt trí thứ hai, do trước kia không phóng dật, ưa sống nơi xa vắng, tu hành tinh cần, vô trí diệt và trí sanh, bóng tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng ngộ minh đạt Sanh tử trí. Vị ấy với sự chứng đắc định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyến, an trú vững vàng, đạt được bất động tâm, học và chứng ngộ Lậu tận trí thông. Vị ấy biết như thật rằng đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, biết như thật đây là khổ diệt đạo; biết như thật rằng đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu và vô minh lậu; đã giải thoát liền biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vi ấy lúc bấy giờ chứng đắc minh đạt trí thứ ba, do trước không phóng dật, ưa sông nơi xa văng, tu hành tinh cân, vô trí diệt và trí sanh, bóng



tối biến mất và ánh sáng hiện thành, vô minh diệt và minh sanh, tức chứng đắc minh đạt Lậu tận trí. Lúc bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trjch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, do nhân gduyên gì, khi các Tỳ-kheo cùng phạm giới, nhưng có trường hợp khổ trị, có trường hợp không khổ trị? Đức Thế Tôn dạy: Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc có Tỳ-kheo thường phạm giới; do bởi thường hay phạm giới cho nên bị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị ấy sau khi bị các đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn nói quanh co này kia, lãng sang vấn đề khác, sân hận, thù nghịch, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng và nói như vầy: "Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ và hài long?99 Và có ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới; và do bởi thường hay phạm giới nên bị các vị đông Phạm hạnh khiên trách qua những điêu được thây, được nghe, hay từ người khác mà nghi ngờ. Vị này sau khi bị các vị đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, bèn

nói quanh co này kia, lãng sang vấn đe khác, sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn, xúc nhiễu chúng Tăng, khinh mạn chúng Tăng và nói như vầy: 'Tôi phải làm gì để chúng Tăng hoan hỷ và hài lòng?999 Sau khi thấy vậy, các Tỳ-kheo bèn nói rằng: “Này các Hiền giả, hãy quán sát khiến để kéo dài một thời gian.” Hoặc có Tỳ-kheo thường hay phạm giới; do thường hay phạm giới cho nên bị các vi đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vi ấy sau khi bị các vi đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói quanh co này kia, lãng sang vấn đề khác, những sự việc ngoài vấn dề, không sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn? không xúc nhiễu chúng Tăng, không khinh mạn chúng Tăng và không nói như vầy: "Tôi phải làm gì để Tăng chúng hoan hỷ và hài long?99 Và không có ý nghĩ như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nhưng Hiền giả này thường hay phạm giới; do bởi thường hay phạm giới nên bị các vi đồng Phạm hạnh khiển trách qua những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ. Vi ây sau khi bị các vi đông Phạm hạnh khiển trách bằng những điều được thấy, được nghe hay từ người khác mà nghi ngờ, không nói quanh co này kia, lãng sang vấn đề khác, không sân hận, thù ghét, phẫn nộ, bất mãn, không xúc nhiễu chúng Tăng, không khinh mạn chúng Tăng và không nói như vây: 'Tôi phải làm gì đê chúng Tăng hoan hỷ và hài lòng?,^, Sau khi thấy như vậy, các Tỳ-kheo bèn nói rằng: "Này các Hiền giả, hãy quán sát khiên cho diệt sớm.,, Trường hợp phạm các câm giới nhẹ cũng vậy.

1122 KINH TRƯNG A-HÀM

Này Bạt-đà-hòa-lợi, hoặc giả có Tỳ-kheo có tín, có ái, có tinh. “Nay Tỳ- kheo này còn có tín, có ái, có tĩnh, nếu chúng ta khổ trị Hiền giả này thì Hiền giả này sẽ do đây mà dứt mất ải, tín và tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau cẩn thận gìn giữ dúm cho Hiền giả này.,, Rồi các Tỳ-kheo bèn cùng nhau gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như một người kia chỉ có một con mắt; bà con quyến thuộc vì thương tưởng, yêu mến, mong cầu cho được sự thiện lợi và hữu ích, sự an ổn, khoái lạc nên cùng nhau cẩn thận gìn giữ hộ5 không để cho người này bi lạnh, nóng, đói, khát, đau yếu, ưu sầu, vừa đau yếu, vừa ưu sầu, không để cho phải bụi, không để cho khói, không để cho phải bụi và khói. Vì sao vậy? Vì sợ người ấy mất luôn một con mắt nữa, cho nên thân thuộc cẩn thận gìn giữ hộ. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, với Tỳ-kheo chỉ còn một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh, các Tỳ-kheo bèn nghĩ rằng: "Nay Tỳ-kheo này chỉ còn một ít tín? một ít ái, một ít tĩnh; nếu chúng ta khổ trị Hiền giả này thì Hiền giả này sẽ do đây mà dứt mất một ít tín, một ít ái, một ít tĩnh ấy. Chúng ta hãy cùng nhau gìn giữ hộ cho Hiền giả này.,, Vì vậy, các Tỳ-kheo cùng nhau gìn giữ hộ, cũng như thân thuộc gìn giữ người còn một mắt vậy. Lúc bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật và bạch: —Bạch Thế Tôn, do nhân gì, duyên gì, ngày xưa ít có thiết lập học giới, nhưng được nhiều Tỳ-kheo vâng lĩnh phụng trì? Và do nhân gì, duyên gì, bạch Thế Tôn, ngày nay thiết lập nhiều học giới, nhưng ít có Tỳ-kheo vâng lãnh phụng trì? Đức Thế Tôn đáp: Này Bạt-đà-hòa-lợi, khi chúng Tỳ-kheo không được thịnh lợi, mọi người không có sự ham thích những điều tốt đẹp; nhưng khi chúng Tỳ-kheo được thịnh lợi, mọi người mới sanh tâm ham thích những điều tốt đẹp. Vì sự

ham thích những điều tốt đẹp đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ sự ham thích những điều tốt đẹp đó, bèn thiết lập học giới cho đệ tử. Cũng vậy, khi chúng Tỳ-kheo được tán thán, được lớn mạnh, có những bậc Thượng tôn được hàng vương giả biêt đên, phước đức lớn, học vân nhiêu. Này Bạt-đà-hòa-lợi? khi chúng Tỳ-kheo không có những người thông thái, mọi người không sanh tâm ham thích những điều tốt đẹp; nhimg khi chúng Tỳ- kheo có những người thông thái, mọi người bèn sanh tâm ham thích những điêu tốt đẹp. Vì sự ham thích những điều tốt đẹp đã phát sanh, Thế Tôn muốn đoạn trừ sự ham thích những điều tốt đẹp ấy, cho nên thiết lập học giới cho các đệ tử. Này Bạt-đà-hòa-lợi? không chỉ vì để đoạn trừ hữu lậu trong hiện tại mà Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Ta cũng vì để đoạn trừ hữu lậu ở trong đời sau nên Ta thiết lập học giới cho các đệ tử. Này Bạt-đà-hòa-lợi, vì vậy, Ta vì để đoạn trừ hữu lậu nên Ta thiết lập học giới cho đệ tử, khi đến vâng lãnh lời dạy của Ta.

194. KINH BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI  1123

Này Bạt-đà-hòa-lợi, trước kia Ta đã từng nói thí dụ về ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo. ở trong đỏ, do nhân gì, duyên gì, thầy có nhớ chăng? Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi bạch: -Bạch Thế Tôn, trong ấy có nguyên nhân. Vì sao vậy? Thế Tôn thiết lập học giới Nhất tọa thực cho chúng Tỳ-kheo; chúng Tỳ-kheo thảy đều vâng lãnh học giới và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Chỉ riêng con tuyên bố là không kham nổi, từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ di, vì không học theo giới Cụ túc và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó gọi là trong ấy có nguyên nhân. Đức Thế Tôn lại nói với Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi: —Trong đó không phải chỉ có nguyên nhân như vậy. Này Bạt-đà-hòa-lợi? khi Ta nói thí dụ về loài ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo thì thầy hẳn là không nhất tâm, không khéo cung kính, không tư niệm mà nghe. Này Bạt-đà-hòa-lợi9 đó gọi là trong ấy lại còn có nguyên nhân khác nữa vậy. Lúc bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo đang mặc, chắp tay hướng về đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói thí dụ về con ngựa thuần giống cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ cẩn thận ghi nhớ. Đức Thê Tôn noi: e 9 r r -Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng như người biêt cách huân luyện ngựa, được một con ngựa tót thuân giông. Người giỏi huân luyện ây trước hét trị cái miệng của nó. Sau khi trị miệng, tất nhiên nó sẽ không thích với sự chuyển động muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì nó chưa từng được trị. Này Bạt-đà-hòa-lợi? nêu con ngựa tót thuần thục tuân theo cách trị của người huân luyện, cách trị thứ nhất được thành tựu. Nhưng người huấn luyện lại phải trị bằng cách dam mõm, cùm chân; cùm chân, dam mõm, nhưng khiên nó sải, di, cân phải làm cho nó dừng lại, chạy đua, có thể để vua cưỡi; đi không gì hơn, trầm tĩnh không gì hơn; trị các chi thê khác, thảy đêu huân luyện cho thành tựu. Tát nhiên nó không thích với chuyển động, hoặc muốn hay không muốn. Vì sao vậy? Vì bị sửa trị nhiều lần. Này Bạt-đà-hòa-lợi, nếu con ngựa tốt thuần giống, với người huân luyện, được sửa tri nhiêu lân cho đên thành tựu; lúc bây giờ nó là con ngựa thuần thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng hành, đệ nhất hành, rồi sung vào cho vua cưỡi, ăn thóc của vua, được gọi là ngựa vua. Này Bạt-đà-hòa-lợi, cũng vậy, nêu bây giờ e r có mộtr người hiên minh, có trí, thành tựu mười pháp vô học, vô học chánh kiên cho đên vô học chánh trí;

người ây lúc bây giờ là một người thuân thục, khéo thuần thục, vô thượng thuân thục, được đệ nhất vô thượng thuần thục, vô thượng tĩnh chí, đệ nhất tĩnh chỉ, diệt trừ tất cả tà vạy, diệt trừ tất cả ô uế, diệt trừ tất cả sợ hãi, diệt trừ tất cả si ám, diệt



trừ tất cả siểm ninh, lắng đọng mọi trần lao, thanh tịnh mọi cấu trược, không còn gì để bị dính trước, đáng kính, đáng trọng, đáng phụng, đáng thờ, là ruộng phước cho hết thảy chư thiên và nhân loại. Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bạt-đà-hòa-lợi và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

195. KINH A-THẤP-BỐI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ca-thi cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật nói với các Tỳ-kheo: - Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không cầu mong gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy nên biết, một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì nên không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Lúc bấy giờ, đức Thế Ton vì chúng Tỳ-kheo mà thi thiết giới, một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn dòd đến Ba-la-nại, trú ở phía Bắc thôn Ca-la-nại5 rừng Thi-nhiếp-hòa. Lúc bấy giờ, tại Ca-la-lại có hai vị Tỳ-kheo, một vị tên là A-thấp-bối, một vị tên là Phất-na-bà-tu. Hai vị này là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị này sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá ngọ cũng ăn; sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ cũng ăn, không làm gì, không mong cầu gi, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Một số đông Tỳ-kheo nghe vậy, liền đến chỗ hai vị Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu và nói với hai vị ấy: Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn du hóa tại nước Ca-thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: "Ta một ngày chỉ ăn một làn. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có đau bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lac/9 Bấy giờ, đức Thế Tôn thi thiết giới này cho chúng Tỳ-kheo, một ngày chỉ ăn một lần. Các Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này và các pháp vi diệu trong cảnh giới của Thế Tôn. Này A-thấp-bối, Phất-na-bà-tu, các thầy cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gi, không có bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dôi dào, an 6n, khoái lạc. Các thây chớ trái nghịch với đức nnl Ẩ rr^ _ A _ 1 r rr\ y 1 l The Ton va chúng Tỳ-kheo.



A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền nói: -Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn5 chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn; sáng ăn, chiều ăn, toi ăn, quá ngọ ăn, xong roi, không làm gì, không mong cau gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an on, khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi về sau? Hai vị ấy nói như thế

ba lần. Chúnệ Tỳ-kheo không thể làm cho A-thấp- bối và Phất-na-bà-tu trừ bỏ ác tà kiến, liên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ di, đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, hai vị Tỳ-kheo ở Ca-la-lại này: Một người tên là A-thấp- bối và một người tên là Phất-na-bà-tu, là cựu chủ đất, chủ chùa, tông chủ. Hai vị ấy sáng cũng ăn, chiều cũng ăn, tối cũng ăn, quá ngọ cũng ăn. Họ sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Bạch đức Thê Tôn, chúng con nghe như vậy, liên đên chô hai vi Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu mà nói thế này: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn đang du hóa tại nước Ca-thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật bảo các Tỳ-kheo răng: 'Ta một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm ẹì5 không mong cầu gì, không bệnh, thân thê nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ôn, khoái lạc/ Bấy giờ? đức Thế Tôn thi thiết giới một ngày chỉ ăn một lần cho chúng Tỳ- kheo. Các Tỳ-kheo đều nghe theo học giới và cảnh giới của đức Thế Tôn cùng với các pháp vi diệu. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, các thầy cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Thế Tôn và chúng Ty-kheo?9 A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền nói như thế này với chúng con: "Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn? tối ăn9 quá ngọ ăn. Chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn, xong rồi, không làm gi, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn? khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ đợi về sau?" Hai vị ấy nói như vậy ba lần. Bạch đức Thế Tôn, như vậy, chúng con không thể làm cho A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu trừ bỏ ác tà kiến này nên chúng con từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi. Đức Thế Tôn nghe xong liền bảo một vị Tỳ-kheo: Thầy đến chỗ A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu mà nói như thế này: "Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn gọi hai thầy d6." Vi Tỳ-kheo nghe dạy vậy, liền từ chỗ ngồi đứnệ dậy, cúi đầu lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi. Vị Tỳ-kheo ây đến nơi hai vị Tỳ-kheo



A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu và nói: “Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, Thế Tôn gọi hai thầy d6.” A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu nghe vậy liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, chúng Tỳ-kheo thật có nói với các thầy như thế này: uNày A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, đức Thế Tôn du hóa tại nước Ca-thi cùng đại chúng Tỳ-kheo. Trong lúc dừng chân tại một nơi, đức Phật dạy các Tỳ-kheo rằng: 'Ta một nệày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong càu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực doi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy cũng nên một ngày chỉ ăn một lân. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gi, không mong câu gì, không bệnh, thân thê nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc? Lúc đó, đức Thế Tôn thi thiết giới ngày chỉ ăn một lần cho chúng Tỳ-kheo. Các vị Tỳ-kheo đều phụng trì theo học giới này và trong cảnh giới của Thế Tôn cùng các pháp vi diệu. Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu,

các thày cũng nên ngày chỉ ăn một lần. Một ngày chỉ ăn một lần xong, không làm gì, không mong cầu gi, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Các thầy chớ trái nghịch với Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo.„ Này A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu, các thầy nghe rồi lại nói với chúng Tỳ-kheo rằng: "Này chư Hiền, chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn. Chúng tôi sáng ăn, chiều ăn, tối ăn, quá ngọ ăn, xong rồi, không làm gì, không mong cầu gì, không bệnh, thân thể nhẹ nhàng, khí lực dồi dào, an ổn, khoái lạc. Chúng tôi vì duyên do gì mà bỏ hiện tại để phải chờ về sau?" Hai thầy nói như vậy ba lần. Này A-thấf)-bối và Phất-na-bà-tu5 rồi chúng Tỳ-kheo không thể làm hai thầy trừ bỏ ác tà kiến nên từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ di. Thật có vậy không? A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: Bạch Thế Tôn, thật có như vậy! Đức Thế Tôn dạy: Này A-thấp-bối và ất-na-bà-tu, các thầy có hiểu biết pháp Ta nói như vầy: “Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi người ây cảm thọ vê cảm thọ lạc roi thì các pháp ác, bất thiện tăng trưởng, các pháp thiện lại giảm? Nêu ai cảm thọ vê cảm thọ khô, và khi cảm thọ vê cảm thọ khô roi, pháp ác9 bát thiện giảm và các pháp thiện sanh trưởng?” A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: Quả vậy, bạch Thế Tôn, chúng con biết đức Thế Tôn nói pháp như vậy: "Nếu ai có cảm thọ ve cảm thọ lạc, và khi đã cảm thọ ve cảm thọ lạc roi, pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Nếu ai có cảm thọ ve cảm thọ kho, và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng tnrởng." Đức Thế Tôn quở trách Tỳ-kheo A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu: Các thầy là người si mê. Do đâu mà các thầy biết Ta nói pháp như vậy? Các thầy là người si mê. Từ miệng ai mà các thầy biết Ta nói pháp như vậy?



Các thây là người si mê. Ta không nói một chiêu mà các thây lại thọ trì một chiều. Các thầy là người si mê. Khi nào được các chúng Tỳ-kheo hỏi, các thầy phải đáp đúng như pháp rằng: "Chúng tôi chưa biết, sẽ hỏi lại các Ty-kheo.^ Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Các thầy cũng có hiểu biết pháp Ta nói như vậy: "Nếu ai cảm thọ về cảm thọ lạc, và khi đã cảm thọ về cảm thọ lạc rồi, pháp bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Nếu ai có cảm thọ về cảm thọ khô, và khi đã cảm thọ về cảm thọ khổ rồi, pháp bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng" chăng? Chúng Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, không phải vậy! Đức Thế Tôn lại hỏi: Các thầy hiểu biết pháp Ta nói như thế nào? Chúng Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu biết J)háp đức Thế Tôn nói như vầy: "Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nen ác pháp bất thiện pháp tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác, bất thiện lại gim, pháp thiện lại tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ, pháp ác? bất thiện lại tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng.,^ Bạch đức Thế Tôn, chúng con hiểu biết đưc Thế Tôn nói pháp như vạy. Đức Thế Tôn nghe nói thế, tán thán các vị Tỳ-kheo: -Lành thay! Lành thaỵ! Nếu các thầy biết như vầy: "Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác, bất thiện giảm, pháp thiện lại tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bất thiện giảm, pháp thiện tăng trưởng.^, Vì sao? Ta cũng nói như vầy: "Hoặc có cảm

thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ lạc nên pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khô nên pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm. Hoặc có cảm thọ về cảm thọ khổ nên pháp ác, bát thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm,, thì Ta không nói về sự đoạn trừ cảm thọ lạc. Nếu Ta không biết đúng như thật, không thấy, không liễu, không chứng đắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác, bất thiện giảm, pháp thiện tăng trưởng" thì Ta không nói về sự tu tập cảm thọ lạc. Nếu Ta không biêt đúng như thật, không thấy, khônậ liễu giải, không chứng dắc, không giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ khô mà pháp ác, bát thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm,9 thì Ta không nói về sự đoạn trừ cảm thọ khổ. Nếu Ta không biết đúng



như thật, không thấy, kh6ng liễu giải, khônệ chứng đắc, không giác ngộ cửu cánh: "Hoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác, bát thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng,, thì Ta không nói về sự tu tập cảm thọ khổ. Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác, bát thiện lại tang trưởng, pháp thiện lại giảm", cho nên ta nói đoạn trừ cảm thọ lạc. Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ lạc mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng”cho nên Ta nói tu cảm thọ lạc. Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng đắc, giác ngộ cứu cánh: "Hoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác, bát thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm”, cho nên Ta nói đoạn trừ cảm thọ khổ. Nếu Ta biết đúng như thật, thấy, liễu giải, chứng dắc, giác ngộ cứu cánh: uHoặc có cảm thọ khổ mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện lại tăng trưởng”, cho nên Ta nói tu cảm thọ khổ. Vì sao? Vì Ta không nói tu tập tất cả thân lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân lạc; Ta không nói tu tập tất cả thân khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả thân khổ; Ta không nói tu tập tất cả tâm lạc, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm lạc; Ta không nói tu tập tất cả tâm khổ, cũng không nói không nên tu tập tất cả tâm khổ. Thế nào là thân lạc mà ta nói là không nên tu tập? Nếu tu tập thân lạc mà pháp ác, bất thiện tănệ trưởng, pháp thiện lại giảm thì thân lạc như vậy, Ta nói không nên tu tập. The nào là thân lạc mà Ta nói phải tu tập? Nếu tu tập thân lạc mà pháp ác, bất thiện giảm, pháp thiện tăng lại trưởng thì thân lạc như vậy, Ta nói f)hải tu tập. Thế nào là thân khổ mà Ta nói không nên tu tập? Nếu tu tập thân khổ mà pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện lại giảm thì thân khổ như vậy, Ta nói không nên tu tập. The nào là thân khổ mà Ta nói phải tu tập? Nếu tu tập thân khổ mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng thì thân khổ như vậy, Ta nói phải tu tập. Thế nào là tâm lạc mà Ta nói không nên tu tập? Nếu tu tập tâm lạc mà các pháp ác, bất thiện tăng trưởng, pháp thiện giảm thì tâm lạc như vậy, Ta nói không nên tu tập. Thế nào là tâm lạc mà Ta nói phải tu tập? Nếu tu tập tâm lạc mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng thì tâm lạc như vậy, Ta nói phải tu tập. Thế nào là tâm kho mà Ta nói không nên tu tập? Nếu tu tập tâm khổ mà pháp ác, bất thiện tầng trưởng, pháp

thiện lại giảm thì tâm khổ như vậy, Ta nói không nên tu tập. The nào là tâm khổ mà Ta nói phải tu tập? Nếu tu tập tâm khổ mà pháp ác, bất thiện lại giảm, pháp thiện tăng trưởng thì tâm khổ như vậy, Ta nói phải tu tập. Người kia đối với pháp nên tu tập thì biết đúng như thật, đối với pháp không nên tu tập cũng biết đúng như thật. Và khi đã biết đúng như thật về pháp nên tu tập và pháp không nên tu tập, người ấy liền không tu tập pháp không nên tu tập, và tu tập pháp nên tu tập. Sau khi đã khônệ tu tập pháp không nên tu tập và tu tập pháp nên tu tập rồi, pháp ác, bất thiện liên giảm, pháp thiện tăng trưởng. Ta không nói tất cả các Tỳ-kheo đều thực hành sự không phóng dật, cũng không nói tất cả các Tỳ-kheo đều không thực hành sự không phóng dật.



Thế nào là Tỳ-kheo mà Ta nói không thực hành sự không phóng dật? Đó là khi có vị Tỳ-kheo nào chứng câu giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có câu giải thoát? Nếu có Tỳ-kheo đối với tâm giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiến mà diệt tận các lậu, đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có câu giải thoát. Vi Tỳ-kheo này Ta nói không thực hành sự khôn^ phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vôn đã thực hành sự không phóng dật. Nêu Hiên giả này vôn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật. Hoặc có Tỳ-kheo không phải câu giải thoát mà có tuệ giải thoát. Thế nào là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát? Đó là khi có Tỳ-kheo đối với bát giải thoát mà than không chứng, thành tựu an trủ, nhưng do tuệ kiến mà các lậu đã diệt tận, đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có tuệ giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói không thực hành sự không phóng dật. Vì sao? Vì Hiền giả này vốn đã thực hành sự không phóng dật. Nếu Hiền giả này vốn có phóng dật thì điều ấy không bao giờ có. Vì vậy Ta nói vị Tỳ-kheo này không thực hành sự không phóng dật. Hai hạng Tỳ-kheo này, Ta nói không thực hành sự không phóng dật. Này các Tỳ-kheo, tại sao Ta nói thực hành không phóng dật? Hoặc có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, cũng không có tuệ giải thoát mà có thân chứng. Thế nào là Tỳ-kheo có thân chứng? Đó là Tỳ-kheo đối với bát giải thoát, thân đã chứng, thành tựu an trú, không do tuệ kiến mà diệt tận các lậu, đã biết. Như vậy là Tỳ-kheo có thân chứng. Tỳ-kheo này Ta nói có thực hành sự không phóng dật. Ta thấy vi Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả gì khiến Ta nói vi Tỳ-kheo này hành không phóng dật? ơ đây, vị Tỳ-kheo này tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, các lậu đã diệt tận, đắc được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú và biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật, có được quả như thế, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật. Hoặc có vi Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, cũng không phải thân chứng, nhưng lại kiến đáo. Thế nào là Tỳ-kheo có kiến đáo? Đó là khi Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát kiên định đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe rồi do tuệ tăng thượng mà quán tăng thượng nhân. Như thế vi Tỳ-kheo này có kiến đáo. Vi Tỳ-kheo này, Ta nói không phóng dật. Ta thấy vi Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật? Đó là khi Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống bằng sự

an trú tùy thuận, các lậu đã tận diệt, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này thực hành không phóng dật.

195. KINH A-THẨP-BỐI 1131

CÓ Tỳ-kheo không phải câu giải thoát, không phải tuệ giải thoát, không phải thân chứng, cũng không phải kiên đáo, nhưng lại có tín giải thoát. Thê nào là Tỳ- kheo có tín giải thoát? Đó là khi nào Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tày theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà có quán nhận, không như kiến đáo. Như vậy là vi Tỳ-kheo này có tín giải thoát. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Đó là khi có vi Tỳ- kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo các vị thiện tri thức, sống bằng sự an trú tùy thuận, các lậu đã diệt tận, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong hiện tại, tự tri, tự giác, tự tác chứng thành tựu và an trú, biết một cách như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Vì Ta thấy VỊ Tỳ-kheo này hành không phóng dật, vì có quả như vậy, cho nên Ta nói vi Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, cũng không có tín giải thoát, nhưng lại có pháp hành. Thế nào là Tỳ-kheo có pháp hành? Nếu Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, roi do tuệ tăng thượng mà quán tăng thượng nhẫn. Như vậy, Tỳ-kheo này có pháp hành. Vị Tỳ-kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vi Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Đó là khi có Tỳ- kheo nào tìm cách chê ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sông băng sự an trú tùy thuận, đôi với trong hai quả, chăc chăn sẽ đạt được một: Hoặc ngay trong hiện tại được Cứu cánh trí, nếu còn hữu dư thì được A-na-hàm. Vì Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật có quả như vậy, cho nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Có Tỳ-kheo không có câu giải thoát, không có tuệ giải thoát, không có thân chứng, không có kiến đáo, không có tín giải thoát, không có pháp hành, nhưng lại có tín hành. Thế nào là Tỳ-kheo có tín hành? Nếu vi Tỳ-kheo nào có lòng tin dứt khoát đối với Phật, Pháp, Tăng, tùy theo pháp được nghe, rồi do tuệ mà quán nhẫn, không như pháp hành. Như vậy Tỳ-kheo này có tín hành. Vi Tỳ- kheo này Ta nói hành không phóng dật. Ta thấy vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Vì có quả gì khiến Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật? Đó là khi có vị Tỳ-kheo nào tìm cách chế ngự các căn, học tập theo thiện tri thức, sống bằng an trú, tùy thuận đối với trong hai quả chắc chắn sẽ đạt được một: Hoặc ngay trong hiện tại được Cứu cánh trí, nếu còn hữu dư thì đắc A-na-hàm. Vì Ta thấy vi Tỳ-kheo này hành không phóng dật, có quả như vậy nên Ta nói vị Tỳ-kheo này hành không phóng dật. Ta không nói tất cả các Tỳ-kheo được —Ư _ r Cứu cánh trí, cũng không nói tát cả các Tỳ«kheo vừa mới được Cứu cánh trí, song dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn, chịu khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được Cứu cánh trí, các Tỳ-kheo này sở đắc Cứu cánh trí.

Thế nào là dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, sau đó các Tỳ-kheo mới được Cứu cánh trí, các Tỳ-kheo này sở đắc Cứu cánh trí? Đó là khi có tín giả nào liền tìm đến, tìm đến rồi liền phụng tập, phụng tập rồi liền nhất tâm nghe pháp, nhất tâm nghe phái)rồi liền thọ trì pháp, thọ trì pháp rồi liền tư duy về pháp, tư duy về pháp roi liền bình lượng, bình lượng rồi liền quán sát về pháp, đệ tử Hiền thánh quán sát về ^háp rồi thì tự than tác chứng chân dế, và quán sát bằng tuệ tăng thượng. Vị ấy liên nghĩ: "Chơn đế này, tự thân ta chưa từng tác chứng, cũng không phải được quán sát bằng tuệ tăng thượng. Chơn đế này, tự thân tác chứng, được quán sát do tuệ tăng thuợng." Như vậy, dần dần học tập và thực hành, nhận lãnh giáo huấn và khiển trách, rồi sau đó, các Tỳ-kheo mới đắc Cứu cánh trí, các Tỳ-kheo này sở đắc Cứu cánh trí. Bây giơ, đức The Tôn bao: Này A-thấp-bối và Phất-na-ba-tu , có pháp được gọi là Tứ cú, Ta muốn cho các thầy nghe. Các thầy có muốn biết không? A-thấp-bối và Phất-na-bà-tu thưa: Bạch đức Thế Tôn, chúng con là hạng người nào và do đâu hiểu được pháp? Bấy giờ, đức Thế Tôn lại nghĩ: "Hạng người mê mờ này vượt quá sự chỉ dạy của Ta; đối với Pháp, Luật chân chánh này, còn cách biệt quá lâu dài. Nếu có vi thầy Pháp, Luật nào tham trước việc ăn uống, không xả ly việc ăn uống thì đệ tử của vi ấy còn không nên dục tốc, phóng dật, huống chi Ta lại là người không tham trước việc ăn uống, viễn ly sự ăn uống. Do đó, tín đệ tử của Ta nên nói như vầy: 'Đức Thế Tôn là bậc thầy của ta, ta là đệ tử của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói pháp cho ta nghe, đức Thiện Thệ nói pháp cho ta nghe, mong cho ta được thiện lợi, hữu ích, được an ôn, khoái lạc lâu dài/ Tín đệ tử kia, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giói của Thế Ton được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập trong cảnh giới của Thế Tôn, y chỉ trong cảnh giới của The Tôn; nếu đi đến ở phương Đông, chắc chắn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn; nếu đi đến ở phương Nam, phương Tây, phương Bác, chắc chăn sẽ được an lạc, không có các khổ hoạn. Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của Thế Tôn mà có nhiều điều phải làm, đối với cảnh ẹiới của Thế Tôn được nhiều điều lợi ích, đối với cảnh giới của Thế Tôn có nhiêu điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, y chỉ cảnh ệiới của Thế Tôn; tín đệ tử ấy, đối với pháp thiện đã trủ, Ta không còn nói, huông chi nói đến pháp suy thoái, nhưng ngày đêm vẫn tăng trưởng pháp thiện, chớ không suy thoái. Nếu tín đệ tử nào đối với cảnh giới của đức The Tôn có nhiều điều phải làm, đối với cảnh giới của đức Thế Tôn được nhiều lợi ích, đối với cảnh giới của đức Thế Tôn có nhiều điều phải hành, thể nhập cảnh giới của Thế Tôn, y chỉ trong cảnh giới của Thế Tôn; trong hai quả, chắc chắn sẽ đạt được một: hoặc hiện tại được Cứu cánh trí, nếu hữu dư, chứng được A-na-ham.99 Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo nghe xong, hoan hỷ phụng hành.

196. KINH CHÂU-NA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Bạt-kỳ, thôn Xá-di. Bấy giờ, Sa-di Châu-na kiết hạ ở Ba-hòa. Tại xứ Ba-hòa có một Ni-kiền tên là Thân Tử. Nơi đây, vị ấy qua đời. Sau khi qua đời không bao lâu, các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói lẫn nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng: “Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn ngươi

không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau, ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi l@i." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, nhimg không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiền Thân Tử thấy vậy, họ đều chán nản và tránh xa các đệ tử này của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác Pháp, Luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ, Sa-di Châu-na đã qua ba tháng an cư mùa mưa, sửa vá lại y áo, rồi mang y, cất bát đến thôn Xá-di, rồi qua phía Bắc thôn Xá-di, đến ở trong rừng Thi-nhiếp-hòa. Sa-di Châu-na đến chỗ Tôn giả A-nan; sau khi đến, đảnh lễ sát chân Tôn giả A-nan rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan hỏi: -Này Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây và an cư mùa mưa ở đâu? Sa-di Châu-na đáp:  Thưa Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến và an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Thưa Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền ten là Thân Tử. Nơi đó, Thân Tử mới qua đời không bao lâu thì đệ tử của Ni-kiền Thân Tử đã chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh đấu, kiện tụng, cột trói lẫn nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau rằng: “Ta biết pháp này, ngươi không biết. Ngươi biết pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn ngươi không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói



trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau, ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thể trả lời được. Ta đã chế phục, ngươi còn hỏi nữa. Nếu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại." Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, nhưng không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiền Thân Tử thấy vậy, họ đều chán nản và tránh xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác Pháp, Luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đấng Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi để nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Tôn giả A-nan nghe xong, nói:  Hiền giả Châu-na, nhân dịp này, chúng ta có thể đến yết kiến đức Thế Tôn, đem sự việc này trình bày lên Ngài. Này Hiền giả Châu-na? bây giờ chúng ta cùng đi đến đức Phật, đem tất cả sự việc này trình bày lên cho đức Thế Tôn; thảng hoặc có thể nhân đó mà chúng ta được nghe pháp khác nữa từ nơi đức The Ton. Rồi Tôn giả A-nan và Sa-di Châu-na cùng nhau đến chỗ đức Phật, chắp tay cúi đầu đảnh lễ sát dưới chân Ngài. Xong rồi Tôn giả A-nan đứng qua một bên và Châu-na ngồi xuống một bên. Tôn giả A-nan bạch với đức Thế Tôn:  Bạch Thế Tôn, hôm nay, Sa-di Châu-na đi đến chỗ con, cúi đầu đảnh lễ sát chân con rồi ngồi qua một bên. Và con hỏi: "Này Hiền giả Châu-na, từ đâu đến đây và an cư mùa mưa ở đâu?99 Sa-di Châu-na liền trả lời con: "Thua Tôn giả A-nan, con từ Ba-hòa đến và an cư mùa mưa ở Ba-hòa. Thưa Tôn giả A-nan, tại Ba-hòa có một Ni-kiền tên là

Thân Tử. Nơi đó, Thân Tử mới qua đòd không bao lâu thì các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử chia rẽ và phá hoại nhau, nói những lời chia rẽ và phá hoại nhau. Họ tranh dấu, kiện tụng, cột trói lẫn nhau, thù nghịch nhau, tranh luận với nhau răng: 'Ta biêt pháp này, ngươi không biêt. Ngươi biêt pháp sao bằng chỗ ta biết. Ta nói từ tốn, còn ngươi không từ tốn. Ta nói phù hợp, còn ngươi không phù hợp. Điều đáng nói trước, ngươi nói sau; điều đáng nói sau, ngươi nói trước. Ta nói là tối thắng, còn ngươi không bằng. Ta hỏi việc ngươi, ngươi không thê trả lời được. Ta đã chê phục, ngươi còn hỏi nữa. Nêu ngươi động thủ, ta sẽ cột trói ngươi lại.' Họ kiêu mạn và thách đố lẫn nhau; ai cũng chỉ mong mình nói hơn, nhưng không có người nào để khiển trách. Có những người bạch y tại gia đệ tử của Ni-kiên Thân Tử thây vậy, họ đêu chán nản và tránh xa các đệ tử của Ni-kiền Thân Tử. Vì sao vậy? Bởi vì những điều họ nói ấy đều là ác Pháp, Luật, không phải là pháp xuất yếu, không dẫn đến chánh giác, cũng không phải là lời dạy của đang Thiện Thệ; đó là sự băng hoại, không thể đứng vững, không nơi để nương tựa và cậy nhờ. Bởi vì bậc thầy mà họ tôn sùng không phải là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Gi^c."

196. KINH CHÂƯ-NA  1135

Bạch đức Thế Tôn, con nghe rồi kinh sợ hãi hùng, toàn thân lông tóc dựng đứng. Mong sao sau khi Thế Tôn nhập diệt, đừng có một vị Tỳ"kheo nào ở trong chúng mà gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời và loài người cũng phải chịu đau khổ và tai họa. Bạch đức Thế Tôn, khi con thấy một vị Tỳ- kheo ngồi trước Thế Tôn, chí tâm kính trọng đức Thế Tôn, kheo bảo vệ đấng Thiện Thệ, bạch Thế Tôn, con thấy như vậy rồi liền nghĩ: “Nếu sau này khi đức Thế Tôn nhập diệt mà vị Tỳ-kheo ấy ở trong chúng gây ra sự đấu tranh thì sự đấu tranh ấy không giúp gì được cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời, loài người cũng phải chiu đau kho và tai họa?9 Bay giơ, đức The Ton hỏi:  Này A-nan, thầy thấy những điều nào khiến chúng Tăng có sự đấu tranh; sự đấu tranh ấy không giúp ích gì được cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là sự an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai họa? Tôn giả A-nan thưa: - Bạch đức Thế Tôn, đó là do tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượnẹ quán mà phát sanh sự đấu tranh ở trong chúng. Bạch Thế Tôn, sự đấu tranh ây không giúp gì được cho ai mà chỉ gây khô cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là an ổn, khoái lạc, cho đến loài trời, loài người cũng phải chịu đau khổ và tai họa. Đức Thế Tôn dạy:  Này A-nan, nếu đấu tranh do bởi tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng quán thì sự đâu tranh ây quá nhỏ nhặt. Này A-nan, nêu có sự đâu tranh khởi lên trong chúng do đạo và đạo tích, thì này A-nan, sự đấu tranh ấy không giúp ích gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là sự an ổn, khoái lạc. Này A-nan, khi thầy thay ở trong đấy có hai vi Tỳ-kheo mà mỗi người có mỗi ý khác nhau, gây ra cuộc đâu tranh và nói răng: "Điêu này là pháp, điêu này không phải là pháp; điều này là luật, điều này

không phải là luật; điều này là phạm, điều này không phải là phạm; điều này là nhẹ, điều này là nặng; có the sám hoi, không thể sám hối; có thể thủ hộ, không thể thủ hộ; hữu dư, vô dư; thối, bất th8i"; thì này A-nan? ý thây nghĩ sao, đôi với pháp bôn chánh đoạn tụ của ta được tự tri, tự giác, tự thân chứng đắc, gồm bốn niệm xứ, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo? Này A-nan, Ni-kiền Thân Tử thật chẳng phải là bậc Nhất Thiết Trí mà tự xưng là Nhất Thiết Trí. Này A-nan, nếu Ni-kiền Thân Tử biết tất cả? thấy tất cả thì vị ấy đã vì đệ tử mà giảng giải sáu gốc rễ của đấu tranh. Điều đáng được nghe nhưng Ni-kiền Thân Tử lại không giảng.

1136 KINH TRUNG A-HÀM

Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Bạch đức Thế Tôn, nay thật là đúng lúc. Bạch đức Thiện Thệ, nay thật hợp thời. Nếu đức Thế Tôn dạy về sáu gốc rễ của sự đấu tranh cho các Tỳ-kheo, các Tỳ-kheo sau khi nghe The Tôn dạy sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này A-nan, hãy nghe kỹ, hãy suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì thầy mà phân biệt đầy đủ! Tôn giả A-nan đáp: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Phật dạy: Này A-nan, ở đây, có người bị kiêt sử phân và hận quân chặt. Này A-nan, người ấy bị kiết sử phẫn và hận quấn chặt, cho nên người đó không cung kính Tôn sư, không thấy được pháp, không giữ gìn giới luật. Người ấy đã không cung kính Tôn sư, không thấy được pháp, không giữ gìn ẹiới luật rồi, ở trong chúng, người ây gây ra sự đâu tranh như vậy. Sự đâu tranh ây không giúp gì cho ai mà chỉ gây kho cho mọi người; đó không phải là sự thiện lợi, không phải là sự hữu ích, không phải là sự an ổn? khoái lạc, cho đến loài trời, loài người phải chiu đau khổ và tai họa. Này A-nan, nếu thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không chấm dứt hết được; vậy, vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đót cháy đâu, cháy áo thì phải cap tóc tìm phương tiện đê chữa cháy đâu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu thầy thay sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không chấm dứt hết được; vậy, vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn, đừng để thối thất. Này A-nan, sự đấu tranh cũng như vậy, nếu thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong và bên ngoài chấm dứt được, thày phải hết sức thủ hộ cái tâm đó hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy vậy. Thầy phải đoạn trừ gốc rễ của sự đấu tranh ấy như vậy. Cũng giống như vậy, với các kiết sử phú tàng, bon xẻn, tật đố, dua ninh, dối trá, vô tàm, vô quý, ác dục, tà kiến và ác tánh, không biết phục thiện. Này A-nan, nếu có một người nào có ái dục, tà kiến, ác tánh, không thấy được pháp, không giữ gìn giới luật; người ấy đã không tôn kính Tôn sư, không thấy được pháp, không giữ gìn giới luật rồi, ở trong chúng, người ấy gây ra sự đấu tranh như vậy. Sự đấu tranh ấy không giúp gì cho ai mà chỉ gây khổ cho mọi người; không phải là thiện lợi, không phải là hữu ích, không phải là an ổn và khoái lạc, cho đến loài trời, loài người cũng phải chiu đau khổ và tai họa. Này A-nan, nếu thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay ở bên ngoài mà không chấm dứt được; vậy, vì để ngăn chặn sự đấu tranh ấy, thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cần, chánh niệm, chánh trí, kiên nhẫn,

đừng để thối thất. Này A-nan, ví như có người bị lửa đốt cháy đầu, cháy áo thì phải cấp tốc tìm phương tiện để chữa cháy đầu, chữa cháy áo. Cũng vậy, nếu thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong hay bên ngoài mà không chấm dứt được; vậy, vì để đoạn trừ sự đấu tranh ấy, thầy phải nhanh chóng tìm cầu phương tiện, học tập tinh cân, chánh niệm, chánh trí, kiên nhân, đừng đê thôi thất. Này A-nan, nếu thầy thấy sự đấu tranh như vậy ở bên trong và ở bên ngoài mà chấm dứt được, thầy phải hết sức thủ độ cái tâm kia hơn nữa, luôn luôn không buông lung, vì đê ngăn chặn sự đâu tranh ây vậy. Thây phải đoạn trừ góc rễ của sự đấu tranh ấy như vậy. Lại nữa, này A-nan, có bảy phương pháp diệt trừ đấu tranh. Một, ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật; hai, ưng dữ ức chỉ tránh luật; ba, img dữ bất si chỉ tránh luật; bốn, ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật; năm, ưng dữ quân chỉ tránh luật; sáu, ung dữ ưiển chuyển chỉ tránh luật; bảy, ưng dữ như khí phấn tảo chỉ trinh luật. Này A-nan, thế nào là img dữ diện tiền chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức là luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, hoặc một người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Một người đối với hai người, một người đối với nhiều người, một người đối với Tăng chúng mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Hai người đoi với nhiều người, hai người đối với Tăng chúng, hai người đối với một người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiều người đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Nhiêu người đối với Tăng chúng, nhiêu người đôi với một người, nhiều người đối với hai người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Tăng chúng đối với Tăng chúng mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Tăng chúng đối với một người, Tăng chúng đối với hai người, Tăng chúng đối với nhiều người mà khuyến giáo, khiển trách, thủ hộ bằng Pháp, Luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ diện tiền chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự hiện diện. Này A-nan, thế nào là ưng dữ ức chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự nhớ lại. Này A-nan, nếu có người nào phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm; các Tỳ-kheo thấy vậy, liền nói với vi ấy rằng: "Thầy đã phạm giới mà không nhớ lại giới mình đã phạm. Thầy hãy đến trong chúng mà xin luật ức niệm; Tăng chúng sẽ



ban cho Hiền giả luật ức niệm.,, Này A-nan? nếu tại một nơi nào đó có Tăng chúng đang hòa hợp mà nhóm họp, vi Tỳ-kheo kia phải đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong

chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, chắp tay quỳ xuống mà bạch với các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn: “Bạch chư Tôn, mong các ngài nghe cho! Con đã từng phạm giới mà không nhớ. Nay con từ nơi Tăng chúng cầu xin luật ức niệm. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho con luật ức niệm!^, Này A-nan, Tăng chúng hòa hợp và nhóm họp lại để ban cho vi Tỳ-kheo này luật ức niệm bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ dạy, với sự hiện diện khiến cho được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ ức chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự nhớ lại. Này A-nan, thế nào là ưng dữ bất si chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự không si cuồng. Này A-nan, nếu có một người do phát cuồng mà tâm điên đảo; người ấy do phát cuồng mà tâm điên đảo nên có quá nhiều bất tịnh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hạnh và nói vi phạm. Người ấy sau khi trở lại tâm trạng như trước, gặp các Tỳ-kheo và được bảo rằng: "Thầy đã phát cuông và tâm điên đảo; do phát cuông và tâm điên đảo nên có quá nhiêu bát tịnh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hạnh mà còn nói vi phạm. Này Hiền giả, nếu Hiền giả sau khi trở lại tâm trạng như trước, Hiền giả có thể đến nơi Tăng chúng cầu xin luật bất si; Tăng chúng sẽ ban cho Hiền giả luật bất si." Này A-nan9 nếu tại một nơi nào đó có Tăng chúng đang hòa hợp mà nhóm họp, vi Tỳ-kheo ấy nên đen đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, chắp tay quỳ xuống mà bạch với các Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn: "Bạch chư Tôn, xin nghe cho! Con đã từng phát cuồng và tâm điên đảo; do phát cuồng và tâm điên đảo nên có quá nhiều bất tinh hạnh, không phải là pháp của Sa-môn, không tùy thuận theo pháp hạnh mà còn nói vi phạm, về sau con trở lại tâm trạng như trước. Nay con từ nơi Tăng chúng cầu xin luật bất si. Mong Tăng chúng hòa hợp ban cho con luật bất si." Này A-nan, Tăng chúng cùng hòa hợp mà nhóm họp, ban cho vị Tỳ-kheo ấy luật bất si bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, đó gọi là ưng dữ bất si chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật châm dứt đâu tranh băng sự không si cuông. Này A-nan? thế nao là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đau tranh bang sự tự thú nhận. Này A-nan, nếu có một người phạm giới, hoặc nói ra hay không nói ra, hoặc có nhớ hay không nhớ. Này A-nan, nếu tại một nơi nào đó có Tăng chúng đang hòa hợp mà nhóm họp, vi Tỳ-kheo kia nên đến đó, trịch vai áo, bỏ guốc, vào trong chúng, cúi đầu đảnh lễ dưới chân các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, chắp tay quỳ xuống bạch: “Bạch chư Tôn, xin nghe cho! Con phạm giới



đó; con nay hướng về các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, chí tâm phát lồ, tự mình nói và trình bày rõ, không dám che giấu, từ nay về sau sẽ khéo léo hộ trì, không tái phạm.,, Này A-nan, chúng Tỳ-kheo nên hỏi vi ấy rằng: "Này Hiền giả, có tự thấy điều mình phạm khong?55 Vị Tỳ-kheo ấy đáp: "Con thật sự có thấy điều con phạm." Đại chúng cũng nên nói với vị ấy rằng: "Hiền giả nên cẩn thận giữ gìn, đừng tái phạm.,, Này A-nan, đó gọi là ưng dữ tự phát lồ chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ

như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự tự thú nhận. Này A-nan, thế nào gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân. Này A-nan, nếu có người không biết xấu hổ, không hối hận những tội bị thấy, bị nghe và bi người khác nghi ngờ là ác dục. Người ấy đã phạm giới rồi, nói là mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi; sau khi biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; sau khi thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi; ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là mình biết ở một nơi; nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi. Này A-nan, vì vị Tỳ- kheo ấy, Tăng chúng hòa hợp mà nhóm họp để ban cho luật đương nhân và nói rằng: "Thầy không đạo lý, thầy ác, bất thiện. Vì sao? Vì thầy đã phạm giới, lại nói mình biết ở một nơi, mình thấy ở một nơi; nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi; ở trong Tăng chúng mà nói là mình biết ở một nơi, ở trong Tăng chúng mà nói là mình thấy ở một nơi; nói mình biết ở một nơi rồi lại nói mình thấy ở một nơi; nói mình thấy ở một nơi rồi lại nói mình biết ở một nơi.” Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ quân chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật châm dứt đấu tranh bằng chính đương nhân. Này A-nan, thế nào là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đâu tranh ây? Tức là do luật châm dứt đâu tranh băng sự diên tiên. Này Anan, ở dâu, giữa hai vị Tỳ-kheo vì một số ý kiến mà gây ra sự đấu tranh như vầy: "Đây là pháp, đây là phi pháp; đây là luật, đây không phi là luật; đây là phạm, đây không phải là phạm; đây là nhẹ, đây là nặng; điêu này nên nói, điều này không nên nói; điều này đáng thủ hộ, điều nay khônệ đáng thủ hộ; điều này còn du, điều này không còn dư; điều này có thể sám hôi, điều này không thê sám h6i." Này A-nan, vi Tỳ-kheo kia ngay tại chỗ đang cãi vã ấy mà chấm dứt đấu tranh. Nấu ngay tại chỗ đang cãi vã mà chấm dứt đấu tranh thì sự đấu tranh này được tuyên bố là chấm dứt. Nấu ngay tại chỗ đang cãi vã mà không chấm dứt, có thể đưa sự đấu tranh ấy ra bạch với Tănẹ chúnệ. Nếu ở trong Tăng chúng mà chấm dứt thì sự đấu tranh ấy được tuyên bo là chấm dứt. Nếu ở trong Tăng chúng mà không chấm dứt, thì này A-nan, ở gần đó, trong đó có Tỳ-kheo giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận; các Tỳ-kheo kia cùng đến vị này thưa việc đấu tranh ấy. Nếu ngay trên đường đi mà chấm dứt thì sự đấu tranh ấy được tuyên



bố là chấm dứt. Nếu ngay trên đường đi mà không chấm dứt, lại hãy đem sự đấu tranh ấy nói trước Tăng chúng. Nấu ở trước Tăng chúng mà chấm dứt thì Sự đâu tranh ây được tuyên bô là châm dứt. Nêu ở trước Tăng chúng mà không chấm dứt, thì này A-nan, nếu có nhiều trợ bạn, giỏi kinh, giỏi luật, giỏi luận, thì này A-nan, các vị Tỳ-kheo này phải chấm dứt sự đấu tranh ấy bằng pháp và luật như Tôn sư đã chỉ giáo, với sự hiện diện khiến được hoan hỷ. Này A-nan, như vậy gọi là ưng dữ triển chuyển chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức là do luật chấm dứt đấu tranh bằng sự diễn tiến. Này A-nan, thế nào gọi là mig dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật? Làm thế nào để đoạn trừ sự đấu tranh ấy? Tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách. Này A-nan, nếu các vi Tỳ-kheo cùng ở chung một chỗ, tranh chấp,

kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau, này A-nan, do đó các Tỳ-kheo kia chia ra hai nhóm. Sau khi chia ra hai nhóm rồi, trong một nhóm, có bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, hay dưới Trưởng lão một bậc, hoặc có người làm Tông chủ hay nhỏ hơn Tông chủ một bậc. Này A-nan, vị Tỳ- kheo này nói với các vị Tỳ-kheo kia rằng: "Này chư Hiền, xin nghe cho! Chúng ta không có đạo lý; chúng ta là người ác, bất thiện. Vì sao vậy? Vì chúng ta đối với pháp và luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, học đạo; nhimg chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá và ngoại trừ tội tương img với hàng tại gia. Tôi vì chính mình và cũng vì chư Hiên nữa nên hướng đên chư Hiền chí tâm phát lồ, tự nói mà trình bày rõ ràng, không dám che giấu, lại cẩn thận giữ gìn, sau không tái phạm nữa." Này A-nan, nếu ở trong nhóm này mà không có vị Tỳ-kheo nào ứng theo, thì này A-nan, Tỳ-kheo ấy nên đi đến nhóm thứ hai. Đen nơi rồi, cúi đầu đảnh lễ các bậc Tỳ-kheo Trưởng lão Thượng tôn, chắp tay quỳ mọp và thưa rằng: “Thua chư Tôn, xin nghe cho! Chúng ta không có đạo lý, chúng ta là người ác? bất thiện. Vì sao? Vì chúng ta đối với pháp và luật được khéo giảng dạy mà chí tín, từ bỏ gia dinh, sống không gia đình dể, học đạo; nhưng chúng ta tranh chấp, kiện tụng nhau, thù nghịch nhau, oán ghét nhau, cãi vã nhau. Này chư Hiền, do sự tranh chấp này mà chúng ta đã phạm giới, ngoại trừ tội Thâu-lan-giá và ngoại trừ tội tương đương với hàng tại gia. Tôi vì chính mình mà cũng vì chính chư Hiền nữa nên hướng đến chư Hiền chí tâm phát 16, tự nói và trình bày rõ ràng, không dám che giau, lại cẩn thận giữ gìn, sau không tái phạm nữa." Này A-nan, các Tỳ-kheo kia nên nói với vị Tỳ-kheo này như vầy: uNày Hiền giả, thầy tự thấy mình phạm giới chang?^ Vị Tỳ-kheo này nên đáp: "Quả thật toi tự thấy đã phạm.,, Vị Tỳ-kheo kia nên nói: "Vậy hãy cẩn thận giữ gìn, đừng để tái ph@m." Nhóm thứ hai cũng làm như vậy. Này A-nan, như vậy gọi là img dữ như khí phấn tảo chỉ tránh luật. Sự đấu tranh ấy phải được đoạn trừ như vậy, tức do luật chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách.

196. KINH CHÂƯ-NA  1141

Này A-nan, nay Ta nói cho thây sáu pháp ủy lạo, hãy lăng nghe, hãy khéo suy nghĩ kỹ! Tôn giả A-nan bạch:  Kính vâng, con xin vâng lời lắng nghe!

Đức Phật dạy:  Thế nào gọi là sáu? Thân nghiệp từ hòa hướng đến các vị đồng Phạm hạnh, pháp ấy gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiên cho tôn trọng, khiên cho phụng sự, khiên cho cung kính, khiên cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhất tâm, được sự tinh cân, chứng đác Niêt-bàn. Khẩu nghiệp từ hòa; ý nghiệp từ hòa; có lợi lộc nào đúng theo pháp mà được, cho đến miếng cơm trong bình bát của mình, với phần lợi như vậy, mang chia sẻ cho các vị đồng Phạm hạnh; pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhát tâm, được sự tinh cân, chứng đác Niêt-bàn. Nếu có giới nào không bị sứt mẻ, không bi hư thủng, không bị dơ, không bi đen, vững vàng như mặt đất, được bậc Thánh khen ngợi, đầy đủ, thọ trì

cẩn thận, với giới phần như vậy, cùng chia sẻ với các vị đồng Phạm hạnh; pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiến cho ái niệm, khiến cho tôn trọng, khiến cho phụng sự, khiến cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn, được sự nhát tâm, được sự tinh cân, chứng đác Niết-bàn. Nếu có kiến giải của bậc Thánh, có sự xuất yếu, có sự thấy rõ, có sự thấu triệt, đưa đên sự chân chánh diệt khô, với kiên phân như vậy, cùng chia sẻ với các vị đồng Phạm hạnh; pháp đó gọi là pháp ủy lạo, là pháp khả ái, là pháp khả lạc, khiên cho ái niệm, khiên cho tôn trọng, khiên cho phụng sự, khiên cho cung kính, khiến cho tu tập, khiến cho hòa thuận, được là Sa-môn? được sự nhất tâm, được sự tinh cân, chứng đác Niêt-bàn. Này A-nan, Ta vừa nói sáu pháp ủy lạo; vì vậy mà Ta giảng giải. Này A-nan? nếu các thầy đối với sáu gốc rễ của sự đấu tranh mà đoạn tuyệt hoàn toàn, và với bảy pháp châm dứt đâu tranh, khi trong Tăng chúng khởi lên đâu tranh thì châm dứt bằng luật, chấm dứt đấu tranh như quăng bỏ giẻ rách, rồi lại thực hành sáu pháp ủy lạo ấy, thì này A-nan? như vậy sau khi Ta diệt độ, các thầy sống cộng đồng, hòa hợp, hoan hỷ, không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, an lạc du hành như lúc Ta còn tại thế. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

197. KINH ƯU-BÀ-LY Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Chiêm-ba, tru tại bờ ao Hằng-già. Bấy giờ, vào một buổi chiều, Tôn giả ưu-bà-ly từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật, ngồi sang một bên và thưa: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cung nhau hòa hiệp mà tác biệt kiếtma, thuyết biệt kiết-ma, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền nhưng lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm nhirng lại ban cho luật diện tiên, đó có phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly? không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm nhưng lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si nhung lại ban cho luật ức niệm, đó có phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thê Tôn, nêu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cân ban cho luật bất si nhưng lại ban cho luật tự phát lồ, cần ban cho luật tự phát lồ nhưng lại ban cho luật bất si, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: _ Này Ưu-bà-ly5 không đúng vậy!



Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lồ nhưng lại ban cho luật quân, cần ban cho luật quân nhưng lại ban cho luật tự phát lồ, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly? không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật quân nhưng lại khiển trách, cần khiển trách nhimg lại ban cho luật quân, đó có phải là

kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: - Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần khiển trách nhtmg lại dùng hạ trí, cần hạ trí nhưng lại dùng khiển trách, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hạ trí nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội nhimg lại dùng hạ trí, đó có phải là kiếtma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: —Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần cử tội nhưng lại diệt tẩn, cần diệt tẩn nhưng lại cử tội, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: - Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần diệt tẩn nhimg lại ban cho ức niệm, cần ban cho ức niệm nhimg lại diệt tẩn, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này ưu-bà-ly, không đúng vậy!

197. KINH ƯU-BÀ-LY 1145

Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: - Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho ức niệm nhưng lại do căn bản tri, cần phải do căn bản tri nhimg lại ban * r . cho ức niệm, đó có phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần phải do căn bản trị nhưng lại khu xuất, cần khu xuất nhưng lại do căn bản trị, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: - Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần khu xuất nhưng lại hành bất mạn, cần hành bất mạn nhưng lại khu xuất, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Ưu-bà-ly, không đúng vậy! Tôn giả ưu-bà-ly lại hỏi: - Bạch Thế Tôn, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần phải hành bất mạn nhimg lại trị, cần đến trị nhưng lại hành bất mạn, đó có phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Này Ưu-bà-ly? không đúng vậy! Này ưu-bà-ly? nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp mà tác biệt kiết-ma, thuyêt biệt kiêt-ma, đó không phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiền nhưng lại ban cho luật ức niệm, cần ban cho luật ức niệm nhưng lại ban cho luật diện tiền, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly9 nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật ức niệm nhưng lại ban cho luật bất si, cần ban cho luật bất si nhưng lại ban cho luật ức niệm, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật bất si nhimg lại ban cho luật tự phát lo, cần ban cho luật tự phát lồ

nhưng lại ban cho luật bát si, đó không phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly9 nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật tự phát lô nhưng lại ban cho luật quân, cân ban cho luật quân nhimg lại ban cho luật tự phát lồ, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật quân nhimg lại khiên trách, cân khiên trách nhưng lại ban cho luật quân, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần khiển trách nhưng lại dùng hạ trí, cần hạ trí nhimg lại khiển trách, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly? nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hạ trí nhưng lại dùng cử tội, cần cử tội nhưng lại dùng hạ trí, đó không phải là kiết- ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần cử tội nhưng lại diệt tẩn, cần diệt tẩn nhưng lại cử tội, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần diệt tẩn nhưng lại ban cho ức niệm, cần ban cho ức niệm nhưng lại diệt tẩn, đó không phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly9 nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho ức niệm nhưng lại do căn bản trị, can do căn bản trị nhưng lại ban cho ức niệm, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Uu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần do căn bản trị nhưng lại khu xuất, cân khu xuất nhung lại do căn bản tri, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp càn khu xuất nhimg lại hành bất mạn, cần phải hành bất mạn nhưng lại khu xuất, đó không phải là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly? nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần hành bất mạn nhưng lại trị, cần tri nhưng lại hành bất mạn, đó không phải là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng có tội. Này Ưu-bà-ly? nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, tùy theo loại kiết-ma nào mà thuyêt kiêt-ma đó; đó là kiêt-ma đúng pháp, kiêt-ma đúng luật, Tăng chúng cũng không có tội.

197. KINH ƯU-BÀ-LY  1147

Này ưu-bà-ly, nếu chúng Tỳ-kheo cùng hòa hiệp, trong trường hợp cần ban cho luật diện tiên, liên ban cho luật diện tiên; cân ban cho luật ức niệm, liên ban cho luật ức niệm; cần ban cho luật bất si, liền ban cho luật bất si; cần ban cho y - \ A A

luật tự phát lô, liên ban cho luật tự phát lô; cân ban cho luật quân, liên ban cho luật quân; cân khiên trách, liên khiên trách; cân hạ trí, liên hạ trí; cân cử tội, liên cử tội; cân diệt tân, liên diệt tân; cân ức niệm, liên ức niệm; cân dùng căn bản tri, liền dùng căn bản tri; cần khu xuất, liền khu xuất; cần hành bất mạn, liền hành bất mạn; cần trị, liền trị. Đó là kiết-ma đúng pháp, kiết-ma đúng luật, Tăng chúng cũng không có tội. Này ưu-bà-ly, thầy nên học tùy theo loại kiết-ma nào mà thuyết kiết-ma đó; cân ban cho

luật diện tiên, liên ban cho luật diện tiên; cân ban cho luật ức niệm, liên ban cho luật ức niệm; cân ban cho luật bát si, liên ban cho luật bát si; cân ban cho luật tự phát lô, liên ban cho luật tự phát lô; cân ban cho luật quân, liền ban cho luật quân; cần khiển trách, liền khiển trách; cần hạ trí, liền hạ trí; cân cử tội, liên cử tội; cân diệt tân, liên diệt tân; cân ức niệm, liên ức niệm; cân dùng căn bản trị, liên dùng căn bản trị; cân khu xuất, liên khu xuất; cân hành bát mạn, liền hành bất mạn; cần trị, liền tri. Này Uu-bà-ly, thầy nên học như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Ưu-bà-ly và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

198. KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA y

Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Sa-di A-di-na-hòa-đề cũng ở thành Vương Xá? tại một thiền thất trong khu rừng vang. Lúc bấy giờ, Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sau giờ trưa, thong dong đi đến Sa-di A-di-na-hòa-đề? cùng chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và nói: Hiền giảA-kỳ-xá-na, tôi có điều muốn hỏi, mong Hiền giả nghe cho chăng? Sa-di A-di-na-hòa-đề nói: Này Hiền vương đồng tử, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe rồi sẽ suy nghĩ! Vương đồng tử hỏi: A-kỳ-xá-na, phải chăng thật sự Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm? Sa-di đáp: Hiền vương đồng tử, thật sự như vậy, Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm. Vương đồng tử lại hỏi: Hiên giả A-kỳ-xá-na, mong Hiên giả theo những điêu đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho tôi rõ, như Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm! Sa-di đáp: -Hiền vương đồng tử, tôi không đủ sức để theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm. Hiền vương đồng tử, nếu tôi theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại hết cho Vương tử, như Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm thì e rằng Hiền vương đong tử không thể hiểu được. Như vậy thì tôi nhọc công vô ích. Vương đồng tử nói với Sa-di: Hiền giả A-kỳ-xá-na, Hiền giả chưa bị người khác nhiếp phục, vì ý gì mà đã tự mình rút lui? Hiền giả A-kỳ-xá-na, mong Hiền giả cứ theo những điều đã nghe, đã tụng tập, có the nói lại hết cho tôi, như Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này

1150 KINH TRƯNG A-HÀM

không phóng dật5 tu hành tiiứi càn, đạt đến nhất tâm. Nếu tôi hiểu được thì hay lắm nhưng nếu tôi không hiểu, sẽ không hỏi thêm về các pháp nữa. Rồi Sa-di A-di-na-hòa-đề theo những điều đã nghe, đã tụng tập, nói lại cho Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na, như Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cần, đạt đến nhất tâm. Bấy giờ, Vương đồng tử Kỳ-bà- tiên-na nói: Hiên giả A-kỳ-xá-na, nêu Tỳ-kheo ở trong Pháp, Luật này không phóng dật, tu hành tinh cân, đạt đên nhát tâm; không bao giờ có trường hợp này. Nói xong, Vương đông tử bèn từ chô ngôi đứng dậy, không nói lời từ giã mà bỏ đi. Vương đong tử Kỳ-bà-tiên-na đi chưa bao lâu, Sa-di A-di-na-hòa-đề đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, ngồi sang một bên và đem những điều đã thảo luận với Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na kể hết lại cho đức Phật. Đức Thế Tôn

nghe xong, nói với Sa-di:  A-kỳ-xá-na? thôi đủ rồi, làm sao có thể biết được khi Vương đồng tử Kỳ- bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bi dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục; tình trạng mà chỉ có bậc vô dục mới biêt, vô dục mới thây, vô dục mới chứng giác; tình trạng ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, không thể có trường hợp này. Vì sao? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên- na thường sống trong dục vọng vậy. r Ạ y Này A-kỳ-xá-na, cũng như trong bôn trường hợp là điêu ngự voi, điêu ngự ngựa, điều ngự bò, điều ngự người; trong đó, có hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự và hai trường hợp điều ngự có thể điều ngự. Này A-kỳ-xá-na, ý ông nghĩ sao? Nếu trong hai trường hợp điều ngự không thể điều ngự ấy, ở đây chưa điêu phục tình trạng chưa điêu phục, chưa được huân luyện mà tiêp nhận Sự huân luyện; trường hợp này không thê có. Nêu trong hai trường hợp điêu ngự có thê điêu ngự ây, ở đây điêu phục tình trạng chưa điêu phục, huân luyện để tiếp nhận sự huấn luyện; trường hợp này có thể có. Cũng vậy, này A-kỳ-xá- na, thôi đủ rồi, làm sao có thể biết được khi Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bị dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục, đoạn trừ ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục; tình trạng mà chỉ có bậc vô dục mới biết, vô dục mới thay, vô dục mới chứng giác; tình trạng ây mà Vương đông tử có thê biêt được, thây được, không thê có trường hợp này. Vì sao? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đong tử Kỳ-bà-tiên-na thường sống trong dục vọng vậy. Này A-kỳ-xá-na, cũng như cách xóm không xa, có một hòn núi đá lớn, không sứt, không thủng, không trống, bền chặt, không lung lay, hợp thành khối duy nhất. Giả sử có hai người đang muốn nhìn ngắm; trong đó, một người leo nhanh lên núi, người thứ hai đứng lại dưới chân núi. Người đứng trên núi đá



£ . r y 9 r nhìn thây bên kia núi đá có khoảng đát băng phăng, vườn tược, cây rừng, suôi trong, ao hoa, sông dài, nước lớn. Người trên núi sau khi thấy, bèn nói với người dưới núi rằng: “Bạn có thấy bên kia núi có khoảng đất bằng phẳng, vườn tược, cây rừng, ao hoa, suối trong, sông dài, nước lớn chng?" Người dưới núi đáp: "Nêu nói răng tôi thây hòn núi này với bên kia có khoảng đát băng phăng, vườn tược, cây rừng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn; trường hợp này không thể c6.” Roi người trên núi leo nhanh xuông, năm người dưới núi dân lên trên hòn núi đá? đến nơi rồi hỏi: “Bạn có thây bên kia núi có khoảng đát băng phăng, vườn tược, cây rưng, suối trong, ao hoa, sông dài, nước lớn chăng?" Người kia đáp: “Bây giờ tôi mới thấy." Lại hỏi người kia: “Vừa rồi bạn nói rằng không thể có trường hợp này, nay lại nói là thấy có, thế nghĩa là sao?” Người kia đáp: "Vừa rồi tôi vì bi hòn núi che khuất nên không thấy." Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, thôi đủ rồi, làm sao có thể biết được khi Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng, đắm trước trong dục vọng, bị dục ái nhai nuốt, bi dục vọng đốt cháy. Đối với sự đoạn trừ dục5 đoạn trừ dục ái, đoạn trừ sự đốt cháy của dục; tình trạng mà chỉ có vô dục mới biết, vô dục mới thấy, vô dục mới chứng giác; tình trạng ấy mà Vương đồng tử có thể biết được, thấy được, trường hợp này không thể có. Vì sao? Này A-kỳ-xá-na, vì Vương đồng tử Kỳ-bà-tiên-na sống trong dục vọng vậy. NàyA-kỳ-xá-na, thời xưa, Vua Sát-lợi Đảnh Sanh có một người thợ săn voi. Vua nói: "Này thợ săn voi, hãy bắt voi rừng

về đây cho ta. Nếu bắt được rồi, hãy báo cho ta hay!" Bấy giờ, thợ săn voi sau khi lãnh mạng của vua, bèn cưỡi con vương tượng đi đến một khu rừng già. ở trong khu rừng già này, người thợ săn trông thấy một con voi rừng rất lớn. Sau khi thấy, bèn bắt và cột vào cổ con vương tượng. Lúc bay giờ, con vương tượng dẫn voi rừng ra ngoài khoảng đất trống, còn người thợ săn voi thì đi đến Vua Sát-lợi Đảnh Sanh và thưa: "Tâu Thiên vương, đã bắt được con voi rừng, cột ở khoảng đất trống, xin tùy ý Thiên vương !,5



Vua Sát-lợi Đảnh Sanh nghe tâu, liền bảo: uNày nài voi giỏi, bây giờ ngươi lại huấn luyện nhanh chóng con voi rừng đó, khiến cho nó khuất phục, khiến nó thành con voi được huấn luyện kỹ. Nếu huấn luyện đã hoàn hảo rồi, hãy trở về báo cho ta bi&t." Rồi người huấn luyện voi giỏi sau khi vâng mạng vua, vác cây gậy lớn trên vai phải đi đên chô con voi rừng. Người ây căm cây gậy xuông đât? cột cô voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng của n6, trừ khử tâm niệm ham muôn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiên cho nó vui thích thôn áp, quen thói yêu nhân gian. Người huấn luyện voi giỏi trước hết cho nó ăn uống. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng bắt đầu nghe theo thợ huấn luyện voi giỏi mà chịu ăn uống, người huấn luyện voi giỏi bèn nghĩ rằng: "Bây giờ con voi rừng này có thể sống được rồi. Vì sao? Vì con voi rừng to lớn này bắt đầu chiu ăn u6ng.” Khi voi rừng bắt đầu nghe lời người luyện voi mà chiu ăn uống, người luyện voi mới nói với nó bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi t&i, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra. Khi người luyện voi nói với voi rừng bằng những lời dịu dàng khả ái, bảo nó nằm xuống, đứng dậy, đi tới, di lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra thì voi rừng làm y theo lời dạy của người luyện voi như vậy. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng nghe theo lời dạy của người luyện voi, bấy giờ người huấn luyện voi mới buộc hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, trán, tai, ngà và buộc cả vòi nó lại; rồi sai người cầm móc câu ngồi lên đầu nó, khiến một số đông người cầm dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, đứng phía trước, người luyện voi thì tay cầm một cây mâu nhọn đứng ngay trước voi rừng mà nói rằng: uBây giờ ta trị ngươi, khiên ngươi không di động. Ta trị ngươi, chớ có di động?9 Khi voi rừng nghe theo người luyện voi sửa trị không di động, nó không giở chân trước cũng không động đậy chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi9 xương sông, đâu, trán, tai, ngà và vòi, tát cả thảy đêu không động đậy. Voi rừng nghe theo người luyện voi đứng im bất động như vậy. A-kỳ-xá-na, khi voi rừng nghe theo người luyện voi mà không di động, lúc bấy giờ nó nhẫn chịu những dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiếng, hoặc gào thét, hoặc thổi tù và, đánh trông, dộng chuông, có thê nhân được tát cả. Khi voi rừng đã có thể kham nhẫn, bấy giờ nó là con voi điều ngự, tối thượng điều ngự, tối thượng nhanh nhẹn, có thể vào cho vua cưỡi, ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, nếu khi Như Lai xuất hiện thế gian, là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu. Vị ấy ở trong thế gian này, giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ người đến trời, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an tru. Vi ấy thuyết pháp phần đâu vi diệu, phân giữa vi diệu, phân cuôi cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đây đủ

thanh tịnh, hiên hiện Phạm hạnh. Pháp được vi ây nói, khi con nhà cư sĩ nghe được và sau khi nghe thì có tín tâm nơi pháp được Như Lai nói; người này sau khi có tín tâm, bèn cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa? chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học đạo. A-kỳ-xá-na, đó là lúc Thánh đệ tử ra nơi khoảng đất trống, cũng như vương tượng dẫn voi rừng ra. Cũng như voi rừng còn tham luyến, ái dục, ái lạc nơi đời sống trong núi rừng; A-kỳ-xá-na, cũng vậy, chư thiên và nhân loại tham luyến dục lạc ở nơi ngũ dục: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Như Lai bắt đầu điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy thủ hộ thân và mạng thanh tinh; hãy thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh?9 Khi Thánh đệ tử thủ hộ thân và mạng thanh tịnh; thủ hộ miệng, ý và mạng thanh tịnh, Như Lai lại điều phục Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp.” Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp thì bốn niệm xứ này, ở trong tâm của Hiền thánh đệ tử, buộc trói tâm của vị ấy lại, chế ngự tâm ý vui say theo thế tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt trừ sự mệt nhọc thê tục, khiên cho vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới. A-kỳ-xá-na? cũng như người luyện voi sau khi vâng mạng Vua Sát-lợi Đảnh Sanh rồi, vác cây gậy rất lớn trên vai phải, đi đến chỗ voi rừng, cắm gậy xuống đất, cột cổ voi rừng lại, chế ngự tâm ý vui thích núi rừng, trừ khử tâm niệm ham muốn núi rừng, dứt bỏ sự mệt nhọc núi rừng, khiến vui với thôn ấp, quen yêu thích nhân gian. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, bốn niệm xứ này ở trong tâm của Hiên thánh đệ tử, buộc frói tâm ây lại, chê ngự tâm ý vui say thê tục, trừ khử tâm niệm ham muốn thế tục, dứt bỏ sự mệt nhọc thế tục, khiến vui với Chánh pháp, tu tập Thánh giới. Khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán, thọ, tâm, pháp như pháp, Như Lai lại điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: uThầy hãy quán nội thân như thân, đừng suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp.99 Vi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, không suy niệm những tư niệm tương img với dục, cho đến quán thọ? tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương ưng với phi pháp. Vị Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người luyện voi, băng những lời diu dàng khả ái5 bảo nằm xuống, đứng dậy, đi tới, đi lui, lấy, bỏ, co lại, duỗi ra; voi rừng tuân theo lời dạy của người luyện voi như vậy. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử quán nội thân như thân, không suy niệm những tư niệm tương ưng với dục, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp, không suy niệm những tư niệm tương img với phi pháp; Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai như vậy. Khi Thánh đệ tử vâng theo lời dạy của Như Lai, Như Lai điều ngự Tỳ-kheo ấy rằng: "Thầy hãy ly dục, ly pháp ác, bất thiện cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú.” Như vậy, Thánh đệ tử vâng theo Như Lai, an trú không



di động. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng vâng theo sự sửa trị của người luyện voi, không di động, không giở hai chân trước, hai chân sau, hai bàn thối, hai sườn hông, đùi, xương sống, đầu, tai, ngà và vòi, thảy đều không di động; voi rừng nghe theo người

luyện voi, đứng im, không di động như vậy. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác, bát thiện cho đên chứng đác Thiền thứ tư, thành tựu an trú; như vậy, Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không di động. Khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an trú không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, nóng, lạnh, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách; tiếng dữ, gậy đánh cũng có thể kham nhẫn; thân gặp phải bệnh tật rất đau đớn gan như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, tất cả đều có the kham nhẫn. A-kỳ-xá-na, cũng như voi rừng nghe theo người luyện voi đứng im không di động, nó lúc bấy giờ nhẫn chịu được dao, thuẫn, sảo, mâu, kích, búa, việt, hô hoán to tiêng, hoặc gào thét, thôi tù và? đánh trông, dộng chuông, thảy đêu có thể kham nhẫn. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà an tru không di động, vị ấy lúc bấy giờ có thể kham nhẫn đói, khát, lạnh, nóng, muỗi, chí, rận, gió, nắng bức bách; tiếng dữ, gậy đánh cũng có thể kham nhẫn; thân gặp phải bệnh tật rất đau đớn gần như tuyệt mạng, và những điều không khả lạc, thảy đều có thể kham nhẫn. A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn, vị ấy lúc bấy giờ là vị điều ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tinh, tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hi, ngu si và siểm nịnh, thanh tịnh, lắng đọng các trần lao, không cấu nhiễm, không ô uế, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng được cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư thiên và nhân loại. A-kỳ-xá- na, cũn^ như voi rừng đã có the kham nhẫn, lúc bấy giờ nó là con voi điều ngự, thiện điêu ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điêu ngự, thượng nhanh nhẹn, tối thượng nhanh nhẹn, có thể sung vào cho vua cưỡi, được ăn lẫm của vua, được gọi là vương tượng. Cũng vậy, A-kỳ-xá-na, khi Thánh đệ tử vâng theo Như Lai mà có thể kham nhẫn, vi ây lúc bây giờ được gọi là điêu ngự, thiện điều ngự, được thượng điều ngự, tối thượng điều ngự, được thượng tịch tinh, tối thượng tịch tịnh, trừ bỏ các tà vạy, sợ hãi, ngu si và siểm ninh, thanh tinh, lăng đọng các trân lao, không câu nhiêm, không ô uê, xứng đáng tán thán, đáng thỉnh, đáng kính, đáng trọng, thật sự xứng đáng cúng dường, là ruộng phước cho hết thảy chư thiên và nhân loại. Này A-kỳ-xá-na9 con voi rừng còn nhỏ không được điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. Con voi rừng trung niên không được điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết không được điều ngự. A-kỳ-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu không được điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự. Thánh đệ tử trung niên không được điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung không được điều ngự.

198. KINH DIỀU NGU BIA  1155

A-kỳ-xá-na, con voi rừng còn nhỏ được thiện điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết thiện điều ngự. Con voi rừng trung niên được thiện điều ngự mà chết thì đó gọi là cái chết thiện điều ngự. A-kỳ-xá-na, Thánh đệ tử niên thiếu được thiện điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung thiện điều ngự. Thánh đệ tử trung niên được thiện điều ngự mà mạng chung thì đó gọi là mạng chung thiện điều ngự. Đức Phật thuyết như vậy, Sa-di A-di-na-hòa-đề và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

199. KINH SI TUỆ ĐỊA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ừong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói cho các thầy nghe về pháp ngu si và pháp trí tuệ. Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe, hãy suy nghĩ kỹ! Các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy: Thế nào là pháp ngu si? Người ngu si có ba sự tướng, tiêu thức ngu si và ấn tượng ngu si. Tức là người thành tựu sự ngu si thì được nói là ngu si. Những gì là ba? Người ngu si suy tư bằng tư niệm ác, nói bằng lời nói ác và làm việc làm ác. Do đó, người ngu si được gọi là ngu si. Nếu người ngu si không suy nghĩ ý nghĩ ác, không nói lời nói ác và không làm việc làm ác, như vậy thì làm sao người ngu si được gọi là ngu si? Vì người ngu si suy nghĩ ý nghĩ ác, nói lời nói ác và làm việc làm ác, cho nên người ngu si được gọi là ngu si. Người ngu si kia ngay trong đời hiện tại, thân tâm phải cảm thọ ba điều sầu khổ. Thế nào là thân tâm người n si phải cảm thọ ba điều sầu khổ? Người ngu si có những hành vi nào, hoặc ngôi nơi tụ hội, hoặc nơi đường cái, đường hẻm, hoặc nơi chợ quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những việc thích hợp với nẹười ngu si. Người ngu si mà làm việc sát sanh, from cắp, tà dâm, nói dối, cho đen tà kiến và thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện khác; đã thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện rồi, khi người khác thấy được, bèn nói sự ác của người ngu si kia. Người ngu si kia nghe rồi tự nghĩ: 6'Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện, khi n^ười ta thấy được, bèn nói sự ác của người đó. Ta cũng có vô lượng pháp ác, bát thiện, nếu có kẻ khác biết được, cũng sẽ nói điều ác của ta." Đây là điều sầu khổ thứ nhất mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người ngu si thấy người của vua bắt trói kẻ có tội, trị bằng các thứ hình phạt đau đớn như: chặt tay, chặt chân, chặt cả tay lẫn chân, xẻo tai, xẻo mũi, xẻo cả tai lân mũi, hoặc cat từng miêng thịt, nhô râu, bứt tóc, hoặc nhô cả râu tóc, hoặc nhốt trong củi, trùm trong áo rồi đốt, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào miệng heo sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sắt rồi đốt, hoặc bỏ trong chảo đồng, hoặc đặt trong chảo sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc lấy mũi nhọn đâm, hoặc dùng móc câu móc, hoặc đặt năm trên giường săt roi lây dâu sôi nhêu xuống, hoặc đặt ngôi trên côi săt



roi dùng chày sát giã, hoặc cho độc long mô, hoặc lây roi đánh, hoặc dùng gậy phang, hoặc lấy hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đầu, hoặc đem chém bêu đầu. Người ngu si kia thấy rồi tự suy nghĩ: “Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện, vua biết được bắt và khảo trị như thế. Ta cũng có vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu vua biết được, ta cũng sẽ bị khảo trị như vậy.,^ Đây là điều sầu khổ thứ hai mà thân tâm của kẻ ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người ngu si kia hành thân ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh; khi người ấy bệnh tật, chịu đau đớn, hoặc ngồi nằm trên giường, hoặc ngồi nằm trên ván, hoặc ngồi nằm trên đất, thân tâm cực kỳ đau khổ, nhẫn đến mạng sống gần dứt. Bấy giờ, những thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh của người đó treo ngược từ trên cao, như lúc xê chiêu, mặt trời lặn xuông núi cao, dóc ngược trên mặt đất; cũng vậy, những thân ác hạnh, khâu ác hạnh, ý ác hạnh của người ấy bây giờ đang treo ngược từ trên cao. Người kia tự nghĩ: "Đó là những thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh của ta đang treo ngược từ trên cao. Ta xưa kia làm ác nhiêu, không tạo phước;

nêu có nơi nào cho những người làm ác, hung bạo, làm việc phi lý, không làm lành, không tạo phước, không làm nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi thì ta đến chỗ ác d6." Rồi do đó mà sanh hối hận, và do hối hận mà chết không nhẹ nhàng, mạng chung chẳng an lành. Đây là điều sầu khổ thứ ba mà thân tâm của người ngu si lãnh thọ ngay trong đời hiện tại. Lại nữa, người ngu si kia hành thân hành ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh; và sau khi thân hành ác hạnh, khẩu, ý hành ác hạnh, do nhân duyên đó, thân hoại mạng chung chắc đến đường ác, sanh vào địa ngục. Đã sanh vào đó, người ấy lãnh thọ khổ báo, hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, không khả niệm. Nếu nói rằng cái gì hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý, không khả niệm thì cái đó là địa ngục. Vì sao? Vì trong địa ngục kia hoàn toàn không khả ái, không khả lạc, không khả ý? không khả niệm vậy. r Bây giờ, có một  vi Tỳ-kheo từy chô ngôi đứng dậy5 trịch vai áo bên phải, chăp tay hướng vê Phật mà bạch răng:  Bạch Thế Tôn, sự khổ trong địa ngục như thế nào?

The Ton đáp:  Này Tỳ-kheo? địa ngục không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự khổ trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, vì địa ngục chỉ có sự khổ mà thôi. Tỳ-kheo lại hỏi:  Đức Thế Tôn có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy chăng? Đức Thế Tôn đáp:  Cũng có thê dùng ví dụ đê làm rõ nghĩa ây. Này Tỳ-kheo? ví như người của nhà vua bát kẻ giặc đem vê chô Vua Sát-lợi Đảnh Sanh tâu răng: "Tâu Thiên vương, kẻ giặc này có tội, xin Thiên vương trị n6."



Vua Sát-lợi Đảnh Sanh bảo: "Các ông đem đi trị tội người này, buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.,, Người của vua lãnh lệnh bèn đem đi trị, buổi sáng dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Nhưng người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh hỏi: "Người kia thế naor Người của vua đáp: "Tâu Thiên vương, người kia còn song?9 Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: "Buổi trưa các ông cũng dùng một trăm cây giáo nhọn mà dâm." Người của vua thừa lệnh, giữa trưa dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Người kia vẫn còn sống. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: "Người kia thế nào”

Người của vua đáp: “Tâu Thiên vương, người kia còn song." Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại bảo: "Buổi chiều các ông cũng hãy dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm.,, Người của vua thừa lệnh, buổi chiều lại dùng một trăm cây giáo nhọn mà đâm. Người kia vẫn còn sống, nhưng thân thể người đó bi đâm thủng, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn đù nhỏ như lỗ đồng tiền. Vua Sát-lợi Đảnh Sanh lại hỏi: "Nguôi kia thế na?" Người của vua đáp: "T2u Thiên vương, người kia vẫn còn sống, nhưng thân thể người đó bi đâm thủnệ, rách nát hoàn toàn, không còn một chỗ nguyên vẹn dù nhỏ như lỗ đồng tiWn." Này Tỳ-kheo? ý thầy nghĩ sao? Nếu người kia một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm; người kia nhân đó, thân tâm có chịu sự ưu não, sầu khổ cực kỳ không? Tỳ-kheo ấy đáp:  Bạch Thế Tôn, bi một mũi giáo nhọn đâm còn chịu khổ lớn, huống nữa một ngày chịu ba trăm mũi giáo nhọn đâm; thân tâm người kia há không chiu sự sầu khổ, ưu não rất lớn? Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ như hạt đậu hỏi Tỳ-kheo ấy:  Thầy thấy tay Ta cầm viên đá nhỏ như hạt đậu chăng? Tỳ-kheo đáp:  Bạch Thế Tôn, con có thấy.

The Ton lại hỏi: - Này Tỳ-kheo, ý thầy nghĩ sao? Viên đá Ta cầm nhỏ bằng hạt đậu này đem so sánh với Tuyết Sơn vương, cái nào lớn hơn? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, viên đá cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu đem so sánh với Tuyết Sơn vương thì nhỏ thua gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn chẳng sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so sánh được. Chỉ nói là Tuyết Sơn vương rất lớn, cực lớn. The Ton bao: Này Tỳ-kheo? nếu viên đá Ta cầm trong tay nhỏ bằng hạt đậu đem so sánh với Tuyêt Sơn vương thì nhỏ thua gáp trăm lân, gáp ngàn lân, gáp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là núi Tuyết Sơn vương rất lớn, cực lớn. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, nếu người này một ngày bị ba trăm mũi giáo nhọn đâm; do nhân duyên đó, thân tâm người ấy chịu ưu não sầu khổ rất lớn. Dù vậy, nếu đem so sánh với sự khổ ở trong địa ngục thì thua gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn vạn lần, trọn không thể sánh kịp, không thể toán, không thể tính, không thể ví dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là trong địa ngục cực kỳ khổ sở mà thôi. r 9

Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, cầm búa sắt đốt cháy đỏ rực mà róc thân thể. Chỗ để hình phạt tội nhân hoặc xây tám góc, hoặc xây sáu góc, hoặc xây vuông vức, hoặc làm hình tròn, hoặc cao, hoặc thấp, hoặc tốt, hoặc xấu. Như vậy, tội nhân bị khảo tra thống khổ bức ngặt, trôi qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khô, cực kỳ thông khô, nhimg họ không thê chét được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó roi, ngục tót năm lây, tay câm búa sát nung đỏ rực mà róc thân thể. Chỗ để hình phạt tội nhân hoặc xây tám góc, sáu góc, hoặc vuông vức, hoặc hình tròn, hoặc cao, hoặc tháp, hoặc tót, hoặc xâu. Như vậy, tội nhân bi khảo trị thông khô bức ngặt, trải qua nhiêu năm cho đên trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhimg không thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó roi, ngục tót năm lây, roi lây cọc sát đót cháy đỏ rực, cưỡng ép ngôi lên, lây kem săt kẹp mở miệng tội nhân, roi lây hòn săt cháy hừng hực bỏ vào miệng kẻ tội nhân làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi chảy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy, tội nhân bị khảo trị thống khổ bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô



lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhimg họ không thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, rồi lấy cọc sắt đốt cháy đỏ rực, cưỡng ép ngồi lên, lấy kềm sắt kẹp mở miệng tội nhân, rồi lấy nước đồng sôi rót vào miệng tội nhân làm cháy môi, cháy lưỡi, cháy răng, cháy cổ, cháy tim, cháy bao tử, rồi chảy xuống dưới thân mà ra ngoài. Như vậy, tội nhân bị khảo trị thống kho bức ngặt, trải qua nhiều năm cho đen trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng

khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ khônạ thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khô địa ngục. Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó roi, ngục tót năm lây, roi với đát băng sát đót cháy đỏ rực, bát nằm ngửa lên, trói thân thể lại, lấy đinh sắt đóng xuống hai tay và hai chân, dùng một cái đinh riêng đóng ở bụng tội nhân. Như vậy, tội nhân bị khảo trị đau đớn đến cùnệ cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm như vậy, cảm thọ vô lượng kho, cực kỳ thống khổ, nhưng họ kh6ng the chết được, trừ phi tội ác, bát thiện của họ đã chấm dứt. Như vậy gọi là khô địa ngục. Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chiing sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt năm lây, với mặt đát bằng sắt đốt cháy đỏ rực, bắt tội nhân nằm xuống đất, từ miệng kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh căng thẳng, không nhăn, không dùn. Giống như da trâu dùng trăm đinh căng thẳng, không nhăn, không dùn. Cũng như vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, với mặt đất bằng sắt đốt cháy đỏ rực, bắt tội nhân nằm xuống đất, từ miệng kéo lưỡi ra, dùng trăm đinh căng thẳng không nhăn, không dùn. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ kh6ng thể chết được, trừ phi tội ác5 bất thiện của họ đã chấm dứt. Như the gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa nc? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy đau, lột da từ đầu đến chân, rồi lột ngược từ chân lên đầu, bèn dùng xe sắt đốt cháy đỏ rực buộc tội nhân vào; ở trên mặt đất bằng sắt, châm lửa cháy khắp rồi bắt tội nhân kéo qua kéo lại trên đó. Như vậy, kẻ kia bị khảo tri đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vo lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhimg họ không thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt lấy lửa đốt cháy đỏ rực rải khắp trên đất, lại bảo tội nhân lấy tay bốc lửa rải lên thân mình. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ khôĩiệ thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thê gọi là khô địa ngục.

1162 KINH TRƯNG A-HÀM

r 9

Này Tỳ-kheo, thê nào là khô địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó roi, ngục tót lây núi lửa đót cháy đỏ rực, bát tội nhân leo lên leo xuồng trên núi đó. Khi tội nhân giâm chân xuông thì da, thịt, máu của thân đều bị cháy sạch; nếu cất chân lên thì da, thịt, máu của người đó hoàn lại như cũ. Như vậy, kẻ kia bi khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đên trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khô, cực kỳ thông khô, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là khổ địa ngục. Này Tỳ-kheo5 thế nào là khổ địa ngục? Chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, dùng cái chảo sắt lớn đốt cháy đỏ rực, xách ngược thân tội nhân, chân quay lên trời, đầu quay xuống đất, rồi quăng vào trong chảo. Tội nhân trong chảo sôi sùng sục, thân nổi lên chìm xuống, hoặc

trôi dạt bốn bên, tự thân chảy ra bọt, trở lại nấu lấy thân. Cũng như các thứ đậu lớn, đậu nhỏ, đậu uẩn, đậu đắng, hạt cải, bỏ chung trong chảo có đổ đầy nước, đốt lửa cháy dữ, các hạt đậu trong chảo hoặc nổi lên chìm xuống, hoặc trôi dạt bốn bên, đậu tự ra bọt rồi lại nấu lấy. Cũng vậy, chúng sanh sanh vào địa ngục; khi đã sanh vào đó rồi, ngục tốt nắm lấy, dùng cái chảo sắt lớn đốt cháy đỏ rực, xách ngược thân tội nhân, chân quay lên trời, đầu quay xuống đất, rồi ném vào trong chảo. Tội nhân trong chảo sôi sùng sục, thân nôi lên chìm xuông, hoặc trôi dạt bôn bên, tự thân chảy ra bọt, trở lại nâu lây thân. Như vậy, kẻ kia bị khảo trị đau đớn đến cùng cực, trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, cảm thọ vô lượng khổ, cực kỳ thống khổ, nhưng họ không thể chết được, trừ phi tội ác, bất thiện của họ đã chấm dứt. Như thế gọi là khổ địa ngục. Này các Tỳ-kheo? thê nào là khô địa ngục? Trong địa ngục kia có ngục tên là Lục Xúc. Nếu chúng sanh sanh vào trong đó; khi đã sanh vào, hoặc sắc được thấy bởi mắt không khả hỷ, không khả ý? không phải khả hỷ? khả y, không nhuần ái, không phải nhuần ái, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc; hoặc tiêng được nghe bởi tai; hương được ngửi bởi mũi; vị được nêm bởi lưỡi; xúc chạm nơi thân và pháp được biết bởi ý không khả hỷ, không khả ý? không phải khả hỷ, khả ý9 không nhuần ái, không phải nhuần ái, ý không thiện lạc, không phải thiện lạc. Như vậy gọi là kho địa ngục. Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện nói cho các thầy về địa ngục, về sự việc ở địa ngục, nhưng sự kho ở địa ngục không thể nói hết được, chỉ có thể nói là địa ngục duy chỉ có khổ mà thôi. Này Tỳ-kheo? có lúc người ngu si kia ra khỏi địa ngục, sanh làm súc sanh thì súc sanh đó cũng rát khô. r 9 JF

Này Tỳ-kheo, thê nào là khô súc sanh? Nêu chúng sanh sanh vào loài súc sanh, tức loài sông trong tăm tôi, lớn lên trong tăm tôi và chét đi trong tăm tôi. Nó là loài gì? Là loài trùng sống trong đất. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vj, người đó hành động với thân ác hạnh, hành động với khẩu, ý ác hạnh.

199. KINH SI TUỆ ĐỊA  1163

Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh trong loài súc sanh, tức là loài sống trong tối tăm, lớn lên trong tối tăm và chết đi trong tối tăm. Như vậy gọi là khổ súc sanh. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh? Nếu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức loài sống trong thân, lớn lên trong thân và chết đi trong thân. Nó là loài gì? Là loài vi trùng ghẻ chóc. Người ngu si ây vì lúc xưa tham đăm thực vi, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khâu ác hạnh và ý ác hạnh roi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, tức là loài sống trong thân, lớn lên trong thân và chét đi trong thân. Như vậy gọi là khô súc sanh. Này Tỳ-kheo, thê nào là khô súc sanh? Nêu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức loài sống trong nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Nó là loài gì? Là loài cá kinh, rùa, cá sấu, bà-lưu-ni đẻ trứng, già-la. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó? khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, tức là loài sống trong

nước, lớn lên trong nước và chết đi trong nước. Như vậy gọi là khổ súc sanh. Này Tỳ-kheo9 thê nào là khô súc sanh? Nêu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức loài có răng đê căn, sông ăn cỏ, cây, lá. Chúng là loài gì? Là voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, nai, trâu và chó. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đắm thực vị? người đó hành động với than ác hạnh, khâu ác hạnh và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, tức là loài có răng để căn, sông ăn cỏ? cây, lá. Như vậy gọi là khô súc sanh. Này Tỳ-kheo, thế nào là khổ súc sanh? Nếu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức là loài súc sanh khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó, ăn loại đồ ăn đó. Cũng như trai, gái nghe được mùi ẩm thực liền chạy đến nơi và nói rằng: "Dây là đồ ăn, đây là đồ n.” Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu chúng sanh sanh trong loài súc sanh, tức là loài súc sanh khi nghe mùi đại tiểu tiện của người ta, liền chạy đến chỗ đó? ăn loại đồ ăn đó. Chúng là loài gì? Là gà5 heo, chó, chó sói, quạ, câu-lâu-la, câu-lăng-già. Người ngu si ấy vì lúc xưa tham đam thực vị, người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó sanh vào loài súc sanh, tức là loài ăn phân ô uế. Như vậy gọi là khổ súc sanh. Này các Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô lượng phương tiện để nói cho các thầy về súc sanh, nói ve sự việc của súc sanh, nhixng nỗi kho của súc sanh không làm sao nói hết được, chỉ có thể nói là súc sanh duy chỉ có khổ mà thôi.



Này Tỳ-kheo, nếu như người ngu si kia ra khỏi đường súc sanh, trở lại sanh lên làm người là việc cực kỳ khó khăn. Vì sao? Vì kẻ kia trong loài súc sanh không làm nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc lành; loài súc sanh lại ăn nuôi lân nhau, con mạnh ăn con yêu, con lớn ăn con nhỏ. Này Tỳ-kheo, như đát này tràn đây những nước, có một con rùa đui sông lâu vô lượng trăm ngàn năm. Trên mặt nước kia có miếng ván nhỏ nhẹ, chỉ có một lỗ duy nhất, bi gió thổi trôi. Này Tỳ-kheo, ý thầy nghĩ sao? Con rùa đui kia, đầu nó có thể chui vào cái lỗ duy nhất của miếng gỗ nhỏ nhẹ kia chăng? Tỳ-kheo ấy đáp: Bạch Thế Tôn, có thể chui được, nhimg thật lâu, thật lâu và rất khó.

The Ton bao: Này Tỳ-kheo, hoặc con rùa đui kia trải qua một trăm năm, rồi nó từ phía Đông đến, ngóc đầu lên một lần thì miếng ván nhỏ chỉ có một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Đông dời qua phương Nam; hoặc lúc con rùa đui qua một trăm năm, từ phương Nam đến, ngóc đầu lên một lần thì miếng ván có một lỗ kia lại bi gió thổi từ phương Nam dời đến phương Tây; hoặc lúc con rùa đui qua một trăm năm, từ phương Tây đến, ngóc đầu lên một lần thì miếng ván có một lỗ kia lại bị gió thổi từ phương Tây dời đến phương Bắc; hoặc lúc con rùa đui từ phương Bắc đến, ngóc đầu lên một lần thì miếng ván có một lỗ kia lại bị gió thoi từ phương Bắc dời tới các phương khác. Này Tỳ-kheo, ý thay nghĩ sao? Con rùa đui kia có chui vào được lỗ ván ấy chăng? Tỳ-kheo ấy đáp: -Bạch Thê Tôn, con rùa cũng có thê chui vào được lô ván ây, nhimg thật lâu, thật lâu và rất khó. -Này Tỳ-kheo, cũng vậy, người ngu si kia từ súc sanh ra mà trở lại làm

người thì cũng rất khó. Vì sao? Kẻ kia ở trong súc sanh không làm việc nhân nghĩa, không theo phép tắc lễ nghi, không làm việc lành; loài súc sanh lại ăn nuốt lẫn nhau, con mạnh ăn con yếu, con lớn ăn con nhỏ. Này Tỳ-kheo, nếu người ngu si kia có khi ra khỏi súc sanh, sanh lên làm người, hoặc sanh nhằm nhà thuộc giai cấp hạ tiện, xấu xí, bần cùng, ăn uống thiếu thốn, kiếm thức ăn rất khó. Họ là hạng người nào? Là ngục tốt, là thợ, nhà thủ công, nhà làm đồ gốm và các người hạ tiện khác, đại loại như vậy, xấu xí, bần cùng, ăn uông thiêu thôn, kiêm ăn rát khó. Họ sanh nhăm những nhà như vậy; khi sanh vào đó rồi, hoặc đui, hoặc què, hoặc khuỷu tay ngắn, hoặc gù? r r hoặc chỉ dùng tay trái, da xâu, mặt dê, xâu xí, đoản mạng, bị người khác sai sử. Người đó hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó trở lại chỗ ác, sanh vào địa ngục. Cũng như hai người cùng đánh bạc; một trong hai người đó, canh bạc đầu mất tôi tớ và mất



cả VỢ con, sau đó lại đến thân mình bi treo ngược trong nhà khói. Người đó tự nghĩ: "Ta không ăn không uống, song canh bạc đầu ta mất tôi tớ và mất cả vợ con, sau đó lại đến thân ta bi treo ngược trong nhà kh6i." Này Tỳ-kheo? canh ỉ 2 r 9 , r bạc ây thua rát ít, chỉ mát tôi tớ, mát vợ con và sau đó thân bị treo ngược trong nhà khói. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể, đó là hành động với than ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh; sau khi hành động với thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, người đó trở lại chỗ ác, sanh trong địa ngục. Này Tỳ-kheo, đối với các việc làm này, thật không thể vui, thật không thể thích, chẳng phải chỗ nghĩ đen. Này Tỳ-kheo, được nói như vậy há không đây đủ vê pháp ngu si chăng? Tỳ-kheo ấy đáp:  Bạch Thế Tôn, thật sự như vậy, đã nói hết các pháp ngu si kia. Đức Thế Tôn bảo:  Thế nào là pháp trí tuệ? Người trí tuệ có ba sự tướng, tiêu thức trí tuệ và ấn tượng trí tuệ; tức là người đã thành tựu trí tuệ nên được gọi là trí tuệ. Những gì là ba? Người trí suy nghĩ ý nghĩ thiện, nói lời nói thiện và làm việc thiện. Vì là người trí tuệ nên được gọi là trí tuệ vậy. Nếu người trí tuệ không nghĩ ý nghĩ thiện, không nói lời thiện và không làm việc thiện thì người trí làm sao biết được họ là kẻ trí? Và người có trí tuệ, nghĩ thì nghĩ thiện, nói thì nói thiện và làm thì làm thiện nên người có trí nói là kẻ trí. Người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc. Thế nào là người trí tuệ ngay trong đời hiện tại, thân tâm cảm thọ được ba điều hỷ lạc? Người trí tuệ có những hành vi nào, hoặc ngồi nơi tụ hội, hoặc tại đường cái, đường hẻm, hoặc tại chợ quán, hoặc đầu ngã tư đường, nói những việc thích hợp với người trí. Người trí tuệ thì từ bỏ sát sanh, từ bỏ việc lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, cho đến từ bỏ tà kiến mà được chánh kiên, thành tựu vô lượng pháp thiện. Nêu đã thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy được, bèn khen ngợi; người trí tuệ kia nghe được thì tự nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp thiện, khi người khác thấy bèn khen ngợi; ta đây cũng có vô lượng pháp thiện, nêu có người trí nào thây tát sẽ khen ngợi ta." Đây là điêu hỷ lạc thứ nhát mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được. Lại nữa, người trí tuệ kia thấy người của vua dùng các thứ hình phạt để trị giặc cướp như: Chặt tay, chặt chân, chặt cả tay lẫn chân, xẻo tai, xẻo mũi,

xẻo cả tai lân mũi, hoặc cat từng miêng thịt, hoặc nhô râu, bứt tóc, hoặc nhô cả râu tóc, hoặc bỏ vào củi, trùm trong áo rồi đốt cháy, hoặc lấy cát lấp, quấn cỏ rồi châm lửa, hoặc bỏ vào trong bụng lừa sắt, hoặc bỏ vào trong miệng heo sắt, hoặc bỏ vào miệng cọp sát roi đôt? hoặc bỏ vào chảo đông, hoặc đặt vào chảo



Sắt rồi nấu, hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng giáo nhọn đâm, hoặc lấy móc câu móc, hoặc đặt năm trên giường sát roi lây dâu sôi nhêu, hoặc đặt ngôi trên cối sắt rồi dùng chày sắt giã, hoặc cho độc long mổ, hoặc dùng roi quất, hoặc r w 5 '

dùng gậy đánh, hoặc lây hèo đập, hoặc xỏ lưỡi bêu đâu, hoặc đem chém bêu đầu. Người trí tuệ kia thấy rồi bèn nghĩ: "Nếu ai thành tựu vô lượng pháp ác, bất thiện, vua biết được, bắt và khảo trị như vậy. Ta không làm vô lượng pháp ác, bất thiện, nếu vua biết ta thì ta hoàn toàn chẳng bị các loại khổ trị như vậy.,, Đây là điều hỷ lạc thứ hai mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được. Lại nữa, người trí tuệ kia hành động với thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh. Người đó gặp lúc bệnh khô, hoặc năm ngôi trên giường, hoặc năm ngôi trên ván, hoặc năm ngôi dưới dát, hoặc thân đau nhức rát khô sở cho đên khi mạng sống gần dứt; những hành động với thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh của người kia, bấy giờ nơi họ, các việc làm ấy treo ngược từ trên cao. Ví như lúc xê chiêu, mặt trời lặng xuông, bóng núi cao đô ngược trên mặt đát. Cũng vậy, hành động với thân diệu hạnh, khâu diệu hạnh và ý diệu hạnh của người kia, bấy giờ nơi họ, các việc làm ấy treo ngược từ trên cao. Người ấy tự nghĩ: “Bây là những hành động với thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh treo ngược từ trên cao. Vì ta làm phước nhiêu, không làm ác; nêu có nơi nào cho những người không làm ác, không hung bạo, không làm điều phi lý, chỉ làm phước, chỉ làm thiện, tạo nơi quy mạng, nương tựa cho sự sợ hãi thì ta đến chỗ lành âỏy Do vậy, không sanh tâm hối hận, do không hối hận nên chết nhẹ nhàng, mạng chung an lành.” Đây là điều hỷ lạc thứ ba mà người trí tuệ ngay trong đời hiện tại thân tâm cảm thọ được. Lại nữa, người trí tuệ kia hành động với thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh. Người ấy sau khi hành động với thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, tất đến thiện xứ,: sanh lên cõi trời. Kẻ kia đã sanh lên đó roi, . thọ quả báo lành, hoàn toàn 'r cảm 5 .

khả ái5 hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm. Nêu ai nghĩ răng có nơi nào hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý? khả niệm thì nơi đó được gọi là thiện xứ. Vì sao? Vì chốn lành kia hoàn toàn khả ái, hoàn toàn khả lạc, khả ý, khả niệm. Bây giờ, có một vị Tỳ-kheo từ chô ngôi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chăp tay hướng vê Phật mà bạch răng: Bạch Thế Tôn, thiện xứ là thế nào? rrnl Ả rrn A J. f The Ton đáp: Này Ty-kheo, thiện xứ không thể nói hết được, nghĩa là nói về sự hoan lạc nơi thiện xứ; chỉ có the nói rang thiện xứ chỉ thuần hoan lạc. Ty-kheo ấy lại hỏi: Bạch Thế Tôn, xin Ngài có thể dùng ví dụ để dễ hiểu nghĩa ấy chăng?

The Ton đáp:  Cũng có thể dùng ví dụ để làm rõ nghĩa ấy. Ví như Chuyển Luân Vương thành tựu đầy đủ bảy báu và bốn như ý túc của loài người. Này Tỳ-kheo5 ý thây nghĩ sao? Chuyên Luân Vương kia thành tựu đây đủ bảy báu và bôn như ý túc của loài người thì nơi vua kia, nhân đó thân tâm có lãnh thọ hỷ lạc cùng cực chăng? Tỳ-kheo đáp:  Bạch Thế Tôn, thành tựu được một báu và một như ý túc của loài người còn lãnh thọ được hỷ lạc cùng cực, huông nữa là Chuyên Luân Vương thành tựu hết bảy báu và bon như ý túc của loài người, há chang phải là lãnh thọ hỷ lạc cùng cực đó sao? Bấy giờ, Thế Tôn tay cầm viên đá nhỏ bằng hạt đậu hỏi Tỳ-kheo ấy:  Thây có thây viên đá nhỏ băng hạt đậu mà Ta câm trong tay chăng? Tỳ-kheo ấy đáp: - Bạch Thế Tôn, có thấy! Thế Tôn lại hỏi: - Này Tỳ-kheo? ý thầy nghĩ sao? Viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyết Sơn vương, cái nào lớn hơn? Tỳ-kheo ấy đáp:  Bạch Thế Tôn, viên đá nhỏ như hạt đậu mà Thế Tôn cầm đem so với Tuyêt Sơn vương thật quá nhỏ, nhỏ gáp trâm, gáp ngàn, gáp vạn lân, frọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết Sơn vương rất lớn, quá lớn mà thôi. Thế Tôn lại bảo:  Này Tỳ-kheo, nếu viên đá nhỏ như hạt đậu mà Ta cầm đây đem so với Tuyêt Sơn vương, nó thật quá nhỏ, nhỏ gáp trăm, gáp ngàn, gáp vạn lân, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví du, không thể so sánh được, chỉ nói là Tuyết Sơn vương rất lớn, quá lớn mà thôi. Cũng vậy, này Tỳ- kheo, nêu Chuyên Luân Vương đã thành tựu đây đủ bảy báu và bôn như ý túc của loài người thì vị vua kia thân tâm lãnh thọ hỷ lạc cùng cực; nếu đem so sánh với hỷ lạc ở cõi trời thì thật quá nhỏ, nhỏ gáp trăm, gáp ngàn, gáp vạn lần, trọn không thể so sánh kịp, không thể tính toán, không thể ví dụ, không thể so sánh được, nghĩa là hoan lạc nơi thiện xứ; chỉ nói thiện xứ là hoàn toàn hoan lạc mà thôi. Này Tỳ-kheo? thế nào là sự hoan lạc nơi thiện xứ? Có thiện xứ gọi là Lục Xúc. Nếu chúng sanh sanh vào trong đó; khi đã sanh đến đó rồi, hoặc sắc được thấy bởi mắt, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc thì đó là thiện lạc; thanh được nghe bởi tai; lưỡi được ngửi bởi mũi; vị được



nếm bởi lưỡi; sự xúc chạm nơi thân; pháp được biết bởi ý, khả hỷ, khả ý, khả niệm, ý nhuần ái thì đó là nhuần ái, ý thiện lạc thì đó là thiện lạc. Như vậy gọi là sự hoan lạc ở thiện xứ. Này Tỳ-kheo, Ta đã dùng vô số phương tiện để nói về thiện xứ, nói sự việc ở nơi thiện xứ cho các thây nghe; song sự hoan lạc nơi thiện xứ kia không thê

nào nói hết được, chỉ nói là nơi thiện xứ hoàn toàn chỉ có hoan lạc mà thôi. Này Tỳ-kheo, nêu người trí tuệ kia có khi từ thiện xứ sanh xuống thì hoặc sanh nhăm nhà rát giàu sang, tiên tài vô s6, nuôi nhiêu tôi tớ và súc mục, phong hộ thực ấp, thóc lúa đầy dẫy và biết bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Họ là hạng người nào? Là nhà đại trưởng giả dòng Sát-lợi? nhà đại trưởng giả dòng Phạm chí, nhà đại trưởng giả cư sĩ và các nhà đại phú gia khác, tiền của vô số, nuôi nhiêu tôi tớ và súc mục, phong hộ thực áp, thóc lúa đây dây và biêt bao các thứ nhu dụng sinh tồn khác. Sanh nhằm nhà như vậy, đoan chánh, khả ái, nhiều người kính thuận, danh vang cùng khắp, có oai đức lớn, nhiều người kính mến, nhiều người nhắc đến. Rồi người ấy lại hành thân diệu hạnh,

khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại thiện xứ, sanh lên cõi trời. Ví như hai người đánh bạc; trong đó, một người ăn và tiếp tục đánh, ăn được nhiêu tiên tài. Người đó nghĩ răng: "Ta chăng làm ruộng, nhưng ván đâu ta ăn và tiêp tục canh bạc như vậy, ta lây được nhiêu tiên cha." Này Tỳ-kheo, canh bạc đó quá nhỏ mà người ây bát được nhiêu tiên của. Này Tỳ-kheo, canh bạc này mới đáng kể, đó là hành thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh. Sau khi hành thân diệu hạnh, khẩu diệu hạnh và ý diệu hạnh rồi, do nhân duyên đó, khi thân hoại mạng chung, trở lại thiện xứ, sanh lên cõi trời. Này Tỳ-kheo, các việc thiện này là sự việc rất đáng vui, rất đáng thích, rất đáng được thích ý. Này Tỳ-kheo, các pháp của người trí tuệ được nói như vậy há không đầy đủ chăng? Tỳ-kheo ấy đáp: Bạch Thế Tôn, thật sự các pháp của người trí tuệ kia được nói như vậy là đầy đủ. The Ton bảo: -Đó là pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Các thầy phải biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ. Đã biết pháp của người ngu si và pháp của người trí tuệ rồi thì phải xả bỏ pháp của người ngu si và chọn lấy pháp của người trí tuệ. Các thầy phải học như vậy! Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

200. KINH A-LÊ-TRA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ty-kheo A-le-tra, vốn là một người Già-đà-bà-lê, sanh ác kiến như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại.'" Các Tỳ-kheo nghe vậy, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi: Này A-lê-tra, thật thầy có nói như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại" chăng? Khi ấy, A-lê-tra đáp: -Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bi chướng ngại.^, Các Tỳ-kheo khiển trách A-lê-tra rằng: - Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn; xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt; đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này Alêtra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô lượng phương tiện để nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi. Tỳ-kheo A-lê-tra bị các Tỳ-kheo khiển trách, nhưng vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhát quyêt nói: "Dây là điêu chân thật, ngoài ra là hư vong", và lặp lại ba lần như vậy. Chúng Tỳ-kheo không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo A-lê-tra sanh ác kiến như vày: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bi chướng ngại." Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra hỏi: "Này A-lê-tra, thầy có thật nói như vày: 'Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngạichăng?9,9 Tỳ-kheo A-lê-tra trả lời chúng con răng: "Này chư Hiền, thật sự tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại. ”



Bạch Thế Tôn, chúng con khiển trách rằng: "Này A-lê-tra, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn; xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt; đức Thế Tôn cũng không nói như vậy. Này A-lê-tra, dục có chướng ngại. Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói dục có chướng ngại. Này A-lê-tra, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy di." Chúng con khiển trách

nhtmg Tỳ-kheo A-lê-tra vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: “Bây là điều chân thật, ngoài ra là hư vong”, và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo A-lê-tra xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về. Đức Thế Tôn nghe rồi bảo một thầy Tỳ-kheo: Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra nói như vầy: "Bức Thế Tôn gói thầy.” Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Khi đến chỗ Tỳ-kheo A-lê-tra, thầy Tỳ-kheo ấy liền nói: - Đức Thế Tôn gọi thầy! Tỳ-kheo A-lê-tra liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này A-lê-tra, thật thầy có nói như vầy: “T6i hiểu đức Thế Tôn nỏi pháp như vầy: 'Hành dục không bị chướng ngại"chăng? A-lê-tra đáp: Bạch Thế Tôn, thật sự con hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: "Hành dục không bi chướng ngại.,^ Đức Thế Tôn khiển trách: - Này A-lê-tra, bằng cách nào mà thầy hiểu Ta nói pháp như vậy? Thầy nghe từ miệng người nào mà nói Ta nói pháp như vậy? Thầy quả là người mê mờ. Ta không nói một chiều mà thây lại đi nói một chiêu. Thây là người mê mờ. Khi nghe các Tỳ-kheo khiển trách, bấy giờ thầy phải đúng như pháp mà trả lời. Nay để Ta hỏi lại các Tỳ-kheo. Rồi đức Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo: Các thây cũng hiêu Ta nói pháp như vây: "Hành dục không bị chướng ngại” chăng? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn? không! Đức Thế Tôn hỏi: Các thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Dục có chướng ngại; Thế Tôn nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô; Thế Tôn nói



dục như bộ xương khô. Dục như miếng thịt; Thế Tôn nói dục như miếng thịt. Dục như cây đuốc trong tay; Thế Tôn nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa; Thế Tôn nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc; Thế Tôn nói dục như rắn độc. Dục như mộnệ Thế Tôn nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn; Thế Tôn nói dục như đo vay mượn. Dục như trái cây; Thế Tôn nói dục như trái cây." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy. Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo9 các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vầy: uDục có chướng ngại; Ta nói dục có chướng ngại. Dục như bộ xương khô; Ta nói dục như bộ xương khô. Dục như miêng thịt; Ta nói dục như miêng thịt. Dục như cây đuôc trong tay; Ta nói dục như cây đuốc trong tay. Dục như hầm lửa; Ta nói dục như hầm lửa. Dục như rắn độc; Ta nói dục như rắn độc. Dục như mộng; Ta nói dục như mộng. Dục như đồ vay mượn; Ta nói dục như đồ vay mượn. Dục như trái cây; Ta nói dục như trái cây. Đức Thế Tôn lại khen: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhưng A-lê-tra là người mê mờ9 ghi nhớ và hiểu biết điên đảo nghĩa và văn. Thây này do tự ghi nhớ và hiêu biêt điên đảo, cho nên xuyên tạc Ta đê tự gây tổn hại cho mình; có phạm, có tội; đó là điều mà các vị Phạm hạnh có trí không hoan hỷ và là một đại tội. Này người mê mờ kia, có biết chỗ ác, bất thiện này chăng? Lúc ấy, Tỳ-kheo A-lê-tra bị đức Thế Tôn khiển trách ngay mặt, trong lòng rầu ri, cúi đầu im lặng, không lời để biện bạch, suy nghĩ mông lung. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Tỳ-kheo A-lê-tra rồi nói với các Tỳ-kheo: Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa được hiểu biết đầy đủ, tường tận thì nen thọ trì đúng như vậy. Nếu pháp Ta nói mà ý nghĩa không được hiểu biết đầy đủ,

tường tận thì phải hỏi lại Ta hay các vị Phạm hạnh có trí. Vì sao? Có thể có những người mê mờ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo nghĩa và văn. Họ do tự mình e 9 9 r e 9 .k . . ghi nhớ và hiêu biêt điên đảo cho nên hiêu biêt pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghia. Họ tranh luận răng mình hiêu ý nghĩa này, nhưng không chịu hiêu biêt thâu đáo ý nghĩa này. Sự hiểu biết của họ về pháp này không đạt đến ý nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ, luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì họ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp. Cũng như có người muốn bắt rắn5 bèn đi tìm rắn. Khi đi tìm rắn, người đó đi vào rừng hoang, thấy con rắn rất lớn, bèn bước tới, dùng tay nắm lấy lưng rắn; con rắn ngóc đâu quay lại, hoặc mổ vào tay, chân, hoặc các chi thể khác. Người



đó làm công việc tìm bắt rắn nhưng không đạt được mục dích, chỉ chuốc lấy cực khô, luông công, tự gây phiên nhọc. Vì sao? Vì người ây không biêt rõ phương pháp bắt ran. Cũng vậy, có the có những người mê mờ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo nghĩa và văn. Họ do tự mình ghi nhớ và hiểu biết điên đảo cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Họ tranh luận rằng mình hiểu ý nghĩa này, nhưng không chiu hiểu biết thấu đáo ý nghĩa này. Sự hiểu biết của họ về pháp này không đạt đến ý nghĩa này, chỉ chuốc lấy cực khổ, luống công, tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì họ ghi nhớ và hiểu biết điên đảo về pháp. Hoặc có một thiện nam tử ghi nhớ và hiên biêt không điên đảo nghĩa và văn. Người ấy do ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vi tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Người ấy không tranh luận là mình hiểu ý nghĩa này, nhưng hiểu biết thấu đáo ý nghĩa này. Sự hiểu biết về pháp của người ấy đạt đến ý nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ, luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp. __ r ĩ r

Cũng như có người muôn bát răn, bèn đi tìm răn. Khi đi tìm răn, người đó tay câm gậy săt đi vào rừng hoang, thây một con răn rát lớn, bèn lây gậy sát đè lên đầu con rắn, rồi lấy tay nắm đầu nó. Con rắn tuy ngoắt đuôi lại, hoặc quấn tay, chân, hoặc các chi thể khác, nhưng không thể mổ. Người ấy làm công việc tìm bắt rắn và đạt được mục dích, không chuốc lấy cực khổ, luống công, cũng không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy khéo biết cách bắt rắn. Cũng vậy, hoặc có một thiện nam tử ghi nhớ và hiêu biêt không điên đảo nghĩa và văn. Người ấy do ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo cho nên hiểu biết pháp kia như vậy, như vậy, tức Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha, Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh xứ, Quảng giải, Vị tằng hữu pháp và Thuyết nghĩa. Người ấy không tranh luận là mình hiểu ý nghĩa này, nhimg hiểu biết thấu đáo ý nghĩa này. Sự hiểu biết về pháp của người ấy đạt đến ý nghĩa này, không chuốc lấy cực khổ, luống công, không tự gây phiền nhọc. Vì sao? Vì người ấy ghi nhớ và hiểu biết không điên đảo về pháp. Ta thường nói cho các thầy nghe về thí dụ chiếc bè là

để cho các thầy biết 7 T r > xả bỏ chứ không phải đê châp thủ. Thê nào là Ta thường nói cho các thây nghe về thí dụ chiếc bè để các thầy biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ? Cũng như con nước từ núi đổ xuống, rất sâu, rất mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. ở khoảng giữa đó không có thuyền bè, cũng không có cầu ngang. Một người đi đến, có việc nên cần qua bờ bên kia. Người ấy bèn nghĩ răng: "O dây, con nước từ trên núi chảy xuông, rát sâu, rát mênh mông, chảy xiết và cuốn trôi nhiều thứ. ở khoảng giữa không có thuyền bè, cũng không có



Cầu ngang để có thể qua. Ta có công việc cần phải qua bờ bên kia, phải dùng phương tiện gì để ta đến bờ bên kia được yên ổn?,^ Rồi người đó lại tự suy nghĩ: “Nay ở bờ bên này, ta hãy góp nhặt cỏ cây, cột làm bè để bơi qua." Người ấy bèn ở bờ bên này góp nhặt cỏ cây, cột lại làm bè rồi bơi qua; đến bờ bên kia được yên ổn, bèn tự nghĩ rằng: "Chiếc bè này có nhiều lợi ích; nhờ nó mà ta đã yên ổn bơi từ bờ bên kia đến bờ bên này. Nay ta hãy vác nó trên vai phải hoặc đội trên đầu mà di." Người ấy bèn vác chiếc bè trên vai phải hoặc đội trên đầu mà đi. Ý các thầy nghĩ sao? Người ấy làm như vậy có thể có lợi ích gì đối với chiếc bè chăng? Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn lại nói: Người ấy phải làm thế nào mới có thể có lợi ích đối với chiếc bè? Người ấy nghĩ như vầy: "Chiếc bè này có nhiều lợi ích; nhờ nó mà ta an ổn từ bờ bên kia đến bờ này. Nay ta nên thả chiếc bè này trở lại trong nước, hoặc để nó trên bờ rồi bỏ đi chng?" Người ấy mang chiếc bè này thả lại trong nước, hoặc để nó bên bờ roi bỏ đi. Y các thây nghĩ sao? Người ây làm như vậy có thê có lợi ích gì đối với chiếc bè chăng? Bấy giờ, các thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Thế Tôn lại nói: Cũng vậy, Ta thường nói cho các thầy nghe về thí dụ chiếc bè là để cho các thầy biết xả bỏ chứ không phải để chấp thủ. Nếu các thầy biết Ta thường nói thí dụ vê chiêc bè thì đôi với pháp còn phải xả bỏ huông là phi pháp? Lại nữa, có sáu kiến xứ. Những gì là sáu? Tỳ-kheo đối với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gàn, hoặc xa đều thấy: :Tất cả sắc ấy không phải là sở hữu của ta, ta không là sở hữu của sắc ấy, sắc ấy cũng không phải là tự íigâL” Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về sắc. Những gì thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về kiến, đều thấy: "Chúng không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, ta sẽ không c6, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngẫL" Hãy với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật vê chúng. Những gì thuộc kiên này là thây, nghe, nhận thức, biêt, sở dc, sở quán, được tư niệm bởi ý, từ đời này đên đời kia, từ đời kia đên đời này: “Tát cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngỗL" Hãy với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Những gì thuộc kiến này: Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau, là pháp thường trụ, không biến dịch, là pháp hằng hữu,



không hủy hoại: "Tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã/9 Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật

về chúng. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng vê đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên trong mà có sợ hãi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Có! Tỳ-kheo ấy lại hỏi:  Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên trong mà có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp:  Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: "Nếu trước kia không giả thiết là tôi có thì không thể duve"; và đo thấy như vậy, nói như vậy, vi ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc5 đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo? như vậy là do bên trong mà có sợ hãi. Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn rồi lại hỏi: —Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên trong mà không có sợ hãi chăng? _  Ạ rr^ Ạ r _ _ r • Đức The Ton noi: -Có! Tỳ-kheo ấy lại hỏi:  Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên trong mà không có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp:  Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói như vầy: “Nếu trước kia không giả thiết là tôi có thì không thể được,9; và do không thấy như vậy, không nói như vậy, vi ây không ưu sâu, không phiên muộn, không khóc lóc, không đâm ngực, không phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên trong mà không có sợ hãi. Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn rồi lại hỏi: -Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên ngoài mà có sợ hãi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Có! Tỳ-kheo ấy lại hỏi: -Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp:  Tỳ-kheo thấy như vầy, nói như vầy: "Bây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau." Vi ấy thấy như vậy, nói như vậy; hoặc có khi gặp Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành



tựu trí tuệ; và bấy giờ, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt trừ tất cả tư thân cho nên nói pháp, xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt trừ kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp, người ấy bèn ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si mà nói như vầy: "Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa.,^ Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài, thường sống với những điều không khả ái, không khả lạc, không xứng ý niệm, cho nên người ấy ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, đấm ngực, phát cuồng si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà có sợ hãi. Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn rồi lại hỏi:  Bạch Thế Tôn, có sự kiện nào do bên ngoài mà không có sợ hãi chăng? Đức Thế Tôn đáp: -Có! Tỳ-kheo ấy lại hỏi:  Bạch Thế Tôn, thế nào là do bên ngoài mà không có sợ hãi? Đức Thế Tôn đáp:  Tỳ-kheo không thấy như vầy, không nói như vầy: "Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta sẽ hiện hữu ở đời sau.” Vị ấy không thấy như vậy, không nói như vậy; hoặc có khi vị ấy gặp Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai thông minh trí tuệ, nói năng khéo léo, thành tựu trí tuệ; và bay giờ, Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp. Người ấy được nghe Như Lai hoặc đệ tử của Như Lai vì diệt trừ tất cả tự thân cho nên nói pháp, vì xả ly tất cả lậu, tất cả ngã và hành vi của ngã, diệt kiết sử kiêu mạn cho nên nói pháp, người ây khônệ ưu sâu, không phiên muộn, không khóc lóc, không đâm ngực, không phát cuông si và không nói như vây: "Ta sẽ bị đoạn diệt, không còn tái sanh nữa.,^ Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì người ấy trong một thời gian dài thường sống

với những điều khả ái, khả lạc, xứng ý niệm, cho nên không ưu sâu, không phiên muộn, không khóc lóc, không đâm ngực, không phát cuông si. Này Tỳ-kheo, như vậy là do bên ngoài mà không có sự sợ hãi. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy ca tụng đức Thế Tôn: -Lành thay! Lành thay! Tán thán lành thay rồi vi ấy cẩn thận ghi nhớ, tụng tập những điều Phật dạy rồi im lặng. Bấy giờ, đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Này, Tỳ-kheo, thầy thọ trì những điều đáng được thọ trì như vậy và thọ trì xong, không sanh tru sầu, phiền muộn, khóc lóc, không đâm ngực, không phát cuông si chăng? Các thây có thây những điêu thọ



trì, những điều đáng được thọ trì ấy không sanh ưu sầu, phiền muộn, khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Các thây y cứ vào tri kiên như vậy, mà tri kiên được y cứ ấy lại không sanh ưu sầu, không phiền muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng?. Các thầy có thấy y cứ vào tri kiến như vậy, mà tri kiên được y cứ ây lại không sanh tru sâu, không phiên muộn, không khóc lóc, không đấm ngực, không phát cuồng si chăng? Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Các thầy có chấp thủ thân như vậy, mà thân sau khi được châp thủ ây là thường trú không biên dịch, là pháp không hoại diệt. Các thầy có thấy chấp thủ thân như vậy, mà thân sau khi được chấp thủ ấy là thường trú, không biến dịch, là pháp không hoại diệt chăng? Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nói là do tự ngã mà có ta, không có tự ngã thì không có ta; đó là tự ngã và sở hữu của tự ngã, đều không thể nắm bắt được, không thê niệm được; và kiên xứ ràng buộc với kiêt sử tùy miên ở trong tâm cũng không thê năm bát được, không thê niệm được. Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đày đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến giống như Tỳ-kheo A-lê-Ưa, vốn là một người Già-đà-bà-lê chăng? Tỳ-kheo đáp: -Thật sự như vậy, bạch Thế Tôn. Như vậy là đầy đủ để nói về kiến và tương tục bởi kiến, như Tỳ-kheo A-lê-tra, vốn là một người Già-đà-bà-lê. Lại nữa, có sáu kiên xứ. Những gì là sáu? Tỳ-kheo đôi với những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội, hoặc ngoại, hoặc tinh, hoặc thô, hoặc diệu, hoặc bất diệu, hoặc gần, hoặc xa đều thấy: uTất cả sắc ấy đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của sắc ấy, cũng không phải là tự ngã?9 Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về sắc. Những gì thuộc thọ, thuộc tưởng, những gì thuộc về kiến này đều thấy: "Chúng không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, ta sẽ không có, ta sẽ không hiện hữu, tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự nga." Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật



vê chúng. Những gì thuộc vê kiên này là thây, nghe, nhận thức, biêt, sở đác, sở quán, được tư niệm bởi ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngãL" Với tuệ quán sát như vậy mà biêt như thật vê chúng. Những gì thuộc kiến này: Đây là tự ngã, đây là thế gian, đây là ta, ta là hiện hữu của đời sau, là pháp thường trú,

không biến dịch, là pháp hằng hữu, không hủy hoại: “Tất cả chúng đều không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã/9 Với tuệ quán sát như vậy mà biết như thật về chúng. Này Tỳ-kheo, những gì thuộc vê sáu kiên xứ ây mà thây không phải là sở hữu của ta, ta không phải là sở hữu của chúng, cũng không phải là tự ngã; do không kiến chấp như vậy nên không chấp thủ thế gian này; do không chấp thủ thế gian này nên không có sợ hãi; do không sợ hãi mà chứng đắc Niết-bàn, biết như thật răng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^, Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ. Thế nào là Tỳ-kheo băng hào? Hào vô minh đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trò lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã băng hào. Thế nào là Tỳ-kheo vượt hào? Hào hữu ái đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã vượt hào. Thế nào là Tỳ-kheo phá đổ thành quách? Sanh tử vô cùng đã diệt tận, đã biên tri, nhô tuyệt góc rê, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ- kheo đã phá đổ thành quách. Thế nào là Tỳ-kheo không cửa? Năm hạ phần kiết sử đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được không cửa. Thế nào là Tỳ-kheo được gương Thánh trí tuệ? Ngã mạn đã diệt tận, đã biến tri, nhổ tuyệt gốc rễ, dẹp tan, không còn sanh trở lại nữa. Như vậy là Tỳ-kheo đã được gương Thánh trí tuệ. Đó gọi là Tỳ-kheo băng hào, vượt hào, phá đổ thành quách, không cửa, được gương Thánh trí tuệ. Như Lai chánh giải thoát như vậy, dù Nhơn-dê-la, dù Thiên-y-sa-na, dù Phạm thiên và quyến thuộc, không ai có thể tìm thấy thức sở y của Như Lai. Như Lai là Phạm, Như Lai là lãnh, Như Lai là không phiền nhiệt, Như Lai là bất dị. Ta nói như vậy; các Sa-môn, Phạm chí xuyên tạc Ta bằng những lời hư vọng không chân thật rằng: "Sam6n Cù-đàm chủ trương hư vô; quả thật có chúng sanh nhưng lại chủ trương là đoạn tận, hủy diet." Nhimg nếu trong đó không có thì Ta đã không nói rang: "Nhu Lai trong đời hiện tại được nói là Không Ưu Phiền. Nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai trong



trường hợp đó không sân hận, không thù hằn, trọn không có hại tâm.” Nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai thì ý Như Lai như thế nào? Như Lai tự nghĩ như vầy: "C6 hành vi tạo ác nào của Ta trong quá khứ để đưa đến sự kiện nàyy Đối với sự mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy. Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai không do đó mà vui thích, không do đó mà hoan hỷ, tâm không do đó mà hoan lạc. Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai thì ý Như Lai như thế nào? Như Lai tự nghĩ như vầy: “Ta nay do những gì được biết, do những gì được đoạn trừ mà đưa đến sự kiện này.^, Nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự Như Lai, Như Lai nghĩ như vậy. Bay giơ, The Ton bao các Tỳ-kheo:  Nếu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách mắng các thầy, hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các thầy, các thầy nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn, chớ có hại tâm, cũng chớ vui thích, hoan hỷ, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rang: "Ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã." Ví như nay đây, ngoài cửa Thắng Lâm này có cỏ khô,

cây khô; có một người mang đi đót, tùy ý mà dùng. Y các thây nghĩ sao? cỏ cây khô kia lại nghĩ răng: "Người ây mang ta đi đót, tùy ý mà dùng,, chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không!  Cũng vậy, nêu có ai mạ lỵ, đánh đập, sân hận, trách măng các thây, hay nếu có ai cung kính, cúng dường, lễ bái, tôn trọng, thừa sự các thầy, các thầy nhân đó cũng chớ nên sân hận, thù hằn5 chớ có hại tâm, cũng chớ vui thích, hoan hy, cũng đừng có tâm hoan lạc. Vì sao? Hãy nghĩ rằng: "Ta không có tự ngã, không có sở hữu của tự ngã?9 Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, r ĩ r \ r không có trông khuyêt, được lưu bô, tuyên truyên cho đên trời, người. Pháp của Ta được giảng thuyêt toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trông khuyêt, được lưu bô5 tuyên truyên cho đên trời, người như vậy; nêu có ai với chánh trí giải thoát mà mạng chung, với người ấy không giả thuyết có luân hồi. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trông khuyêt, được lưu bô, tuyên truyên cho đên trời, người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời, người như vậy; nếu có ai với [ • /y

năm hạ phân kiêt sử tận diệt mà mạng chung, sẽ sanh ở trong chô kia mà vào Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời, người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống



khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời, người như vậy; nếu có ai với kiêt sử đã tận diệt, dâm nộ si đã mỏng, chứng đác Nhát vãng lai, sau khi qua những nhân gian, thiên thượng một lân, sẽ chứng đăc Khô biên. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời, người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày? được quảng bá, không có trông khuyêt, được lưu bô, tuyên r truyên cho r đên trời, người như vậy; nêu có ai với ba kiêt sử đã tận diệt, đác Tu-đà-hoàn, không đọa vào pháp ác, quyêt đinh sẽ đến Chánh giác, chỉ còn bảy lần qua lại cõi trời, cõi người, sau bảy lần qua lại sẽ chứng đắc khổ biên. Pháp của Ta được giảng thuyêt toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trông khuyêt, được lưu bô, tuyên truyền cho đên trời, người. Pháp của Ta được giảng thuyết toàn thiện, được phơi bày, được quảng bá, không có trống khuyết, được lưu bố, tuyên truyền cho đến trời, người như vậy; nếu có ai với tâm tín lạc nơi Ta mà mạng chung, chắc chắn sẽ sanh vào thiện xứ. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

201. KINH TRÀ-ĐẾ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa-tử sanh ác kiến như vầy: uTôi hiểu đức Thê Tôn nói pháp như vây: 'O đây, thức này luân chuyên và tái sanh nhưng không đổi khác. 5 Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đi đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế hỏi:  Này Trà-đế? thầy thật có nói như vầy: “T6i hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhimg không đổi khác,,, chăng?

Tỳ-kheo Trà-đế đáp:  Này chư Hiền, tôi thực sự hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: “d dây, thức này luân chuyên và tái sanh nhimg không đôi khWc." Bấy giờ, các Tỳ-kheo khiển trách:  Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn; xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt; đức Thế Tôn cũng không nói íủiư vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà sanh khởi. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói thức này do duyên mà sanh khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy đi. Tỳ-kheo Trà-đế bị các Tỳ-kheo khiển trách nhimg vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: "Dây là điều chân thật, ngoài ra là hư vẹmg", và lặp lại ba lần như vậy. Các Tỳ-kheo không thể khuyên Trà-đế xả bỏ ác kiến ấy, liền đứng dậy ra về? đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi xuống một bên và bạch rằng:  Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo Trà-đế sanh ác kiến như vầy: "Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vây: 'ơ đây, thức này luân chuyên và tái sanh nhưng không đổi khác.'" Bạch Thế Tôn, chúng con nghe vậy, liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy và hỏi: uNày Trà-đế, thật thầy có nói như vầy: 'Tôi hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 4Ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhimg không đổi khác9 chăng?9,9 Trà-đê trả lời chúng con răng: uNày chư Hiền, tôi thật sự hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở đây, thức này luân chuyển và tái sanh nhung không đổi khac/^



Chúng con khiển trách rằng: "Thầy chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc đức Thế Tôn; xuyên tạc đức Thế Tôn là không tốt; đức Thế Tôn cũng không nói ĩỷiư vậy. Này Trà-đế, thức này do duyên mà sanh khởi. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói thức này do duyên mà sanh khởi, có duyên thì sanh, không duyên thì diệt. Này Trà-đế, thầy nên xả bỏ ác kiến ấy di." Chúng con khiển trách như vậy, nhimg Tỳ-kheo ấy vẫn cố chấp ác kiến của mình và nhất quyết nói: uĐây là chân thật, ngoài ra là hư vQĩig", và lặp lại ba lần như vậy. Bạch Thế Tôn, chúng con không thể khuyên Tỳ-kheo Trà-đế xả bỏ ác kiên ây, liên đứng dậy ra vê. Đức Thế Tôn nghe xong, bảo một Tỳ-kheo:  Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế nói như vầy: "Bức Thế Tôn gọi thầy." Lúc bấy giờ, Tỳ-kheo ấy vâng lời đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi ra đi, đến chỗ Tỳ-kheo Trà-đế và nói lại lời Phật dạy: - Đức Thế Tôn gọi thầy! Tỳ-kheo Trà-đế liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát chân Phật rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi:  Thầy có thật nói như vầy: "T6i hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: 'ở đây, thức này luân chuyên và tái sanh nhưng không đôi khác9,9 chăng? Tỳ-kheo Trà-đế đáp:  Bạch Thế Tôn, con thật sự hiểu đức Thế Tôn nói pháp như vầy: “Thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi khác.” Đức Thế Tôn hỏi: - Thế nào là thức? Tỳ-kheo Trà-đế đáp:  Thức này nói năng, cảm thọ, hành động và sai bảo hành động, đứng dậy và sai bảo đứng dậy. Nghĩa là nó tạo tác các nghiệp thiện ác chỗ này, chỗ kia để rồi thọ báo. Đức Thế Tôn khiển trách: - Này Trà-đế, do đâu mà thầy hiểu Ta nói pháp như vậy? Thầy nghe từ miệng người nào mà nói Ta nói pháp như vậy? Thầy là kẻ mê mờ. Ta không nói một chiêu mà thây lại nói một chiêu. Khi nghe các Tỳ-kheo khiên trách, thây bấy giờ đáng lẽ phải đúng như pháp mà trả lời. Nay Ta sẽ hỏi các Tỳ-kheo. Bay giơ, The Ton hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy cũng hiểu Ta nói pháp như vầy: "Thức này luân chuyển và tái sanh nhưng không đổi kh9c" chăng?

201. KINH TRÀ-ĐẾ« 1183

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, không!

Đức Thế Tôn hỏi:

Các thầy hiểu Ta nói pháp như thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp: - Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vầy: "Thức do duyên mà sanh khởi. Thế Tôn nói thức do duyên mà sanh khởi; thức có duyên thì sanh, không duyên thì diet." Chúng con hiểu Thế Tôn nói pháp như vậy. Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo? các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Vì sao? Ta cũng nói pháp như vầy: "Thức do duyên mà sanh khởi. Ta nói thức do duyên mà sanh khởi; thức có duyên thì sanh, không duyên thì diet." Và thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên ấy: Duyên mắt và sắc mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức; tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy; duyên pháp và ý mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức. Ví như lửa, tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên đó: Lửa duyên cây mà sanh khởi được gọi là lửa cây; lửa duyên cỏ, rác mà sanh khởi được gọi là lửa cỏ, lửa rác. Cũng vậy, thức tùy theo những gì nó duyên vào để sanh khởi mà gọi tên theo duyên đó: Duyên mắt và sắc mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là nhãn thức; tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy; duyên pháp và ý mà sanh khởi thức, thức sanh khởi ấy được gọi là ý thức.,, Đức Thế Tôn lại khen: Lành thay! Lành thay! Các thầy hiểu Ta nói pháp như vậy. Nhimg Tỳ- kheo Trà-đế này là người mê mờ, ghi nhớ và hiểu biết điên đảo văn và nghĩa; rồi do ghi nhớ và hiểu biết điên đảo cho nên xuyên tạc Ta để tự làm tổn thương; có phạm, có tội; đó là điều mà các vị Phạm hạnh có trí không hoan hỷ và cũng là một đại tội. Này người mê mờ, có biết chỗ ác, bất thiện này chăng? Bấy giờ, Tỳ-kheo Trà-đế bị Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không có lời đe biện bạch, suy nghĩ mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách trước mặt Tỳ-kheo Trà-đế rồi nói với các Tỳ-kheo rằng: Nay Ta sẽ nói pháp rốt ráo, không phiền, không nhiệt, hằng hữu, bất biến cho các thầy nghe. Những người có trí phải quán như vậy. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy khéo suy niệm! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Đức Phật nói: - Đây là một chơn thể, các thầy thấy chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, thấy!

1184 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Thê Tôn nói:

-Như Lai là một chơn thể, các thầy thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

Bạch Thế Tôn, thấy!

Đức The Ton noi:

Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các thầy thấy chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

Bạch Thế Tôn, thấy!
Đức Thế Tôn nói:
-Đây là một chơn thể, các thầy đã thấy chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, đã thấy!
Đức The Ton noi:
Như Lai là một chơn thể, các thầy đã thấy chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, đã thấy!
Đức Thê Tôn noi:
-Khi Như Lai diệt rồi. cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt.
các thầy đã thấy chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
-Bạch Thế Tôn, đã thấy!
Đức Thế Tôn nói:
Đây là một chơn thể, các thầy có nghi hoặc chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
- Bạch Thế Tôn, không!
Đức Thê Ton nói:
Như Lai là một chơn thể, các thầy có nghi hoặc chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
- Bạch Thế Tôn, không!
Đức The Ton noi:
Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các thầy có nghi hoặc chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, không!
201. KINH TRÀ-ĐẾ« 1185

Đức The Ton noi:
Đây là một chơn thể, do tuệ mà thấy chân thật như vậy thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?
Các Tỳ-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, bị tiêu diệt!
Đức The Ton noi:
Như Lai là một chơn thể; do tuệ mà thấy chân thật như vậy thì những gì nghi hoặc kia bị tiêu diệt chăng?
Các Ty-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, bi tiêu diệt!

T'X _ FT'I Á
Đức The Ton noi:
rr^ A _ _ .
Khi Như Lai diệt roi, cái được gọi là chơn thê áy cũng là pháp hủy diệt;
do tuệ mà thấy chân thật như vậy thì những gì nghi hoặc kia bi tiêu diệt chăng?
Các Ty-kheo đáp:
Bạch Thế Tôn, bi tiêu diệt!
Đức The Ton noi: Đây là một chơn thể, các thầy đã không còn nghi hoặc chăng?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không!

Đức The Ton noi: Như Lai ỉa một chơn thể, các thầy đã không còn nghi hoặc chăng?

Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn nói: Khi Như Lai diệt rồi, cái được gọi là chơn thể ấy cũng là pháp hủy diệt, các thầy đã không còn nghi hoặc chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây thây như vậy, biêt như vậy, tức là nói: "Tri kiên này của tôi thanh tinh như vậy nên châp trước nó, tiêc nuôi nó, thủ trì nó, không muốn xả bỏ 116"; và các thầy biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè; khi biêt roi, những gì bị bít kín có thê được mở cho chảy xuôi chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không!



Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, tức là nói: "Tri kiên này của tôi thanh tịnh như vậy, nhưng không châp trước n6, không tiếc nuối nó, không thủ trì nó, muốn xả bỏ n6"; và các thầy biết Ta thường nói thí dụ chiếc bè; khi biết rồi, những gì bị bít kín có thể được mở cho chảy xuôi chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ dị học đến hỏi các thầy: "Này Hiền giả, các ngài nếu có tri kiến thanh tinh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gi?" Các thầy sẽ trả lời như thế nào? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Ton, nếu có kẻ dị học đến hỏi chúng con: “Này Hiền giả, các ngài nếu có tri kiến thanh tịnh như vậy, nhưng nó có nghĩa lợi gì, có công đức gi?" thi chúng con sẽ đáp như sau: “Này chư Hiền, nghĩa lợi đó là yểm ly, nghĩa lợi đó là vô dục, nghĩa lợi đó là thấy biết như thát.” Bạch Thế Tôn, nếu có kẻ di học đen hỏi thì chúng con sẽ đáp như vậy. Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu có kẻ dị học đến hỏi các thầy, các thầy nên đáp như vậy. Vì sao? Đây được nói là sự quán sát: Một là thực phẩm phần đoạn, thô hoặc tế; hai là xúc; ba là ý niệm; bốn là thức. Bốn loại thực phẩm này lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Bốn loại thực phẩm ấy lấy ái làm nhân, do ái mà tập khởi, từ ái mà sanh, duyên ái mà có. Ái lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên gì mà có? Ái lấy thọ làm nhân, do thọ mà tập khởi, từ thọ mà sanh, duyên thọ mà có. Thọ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thọ lấy xúc làm nhân, do xúc mà tập khởi, từ xúc mà sanh, duyên xúc mà có. Xúc lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Xúc lấy sáu xứ làm nhân, do sáu xứ mà tập khởi, từ sáu xứ mà sanh, duyên sáu xứ mà có. Sáu xứ lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập

khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Sáu xứ lây danh sác làm nhân, do danh săc mà tập khởi, từ danh sác mà sanh, duyên danh sắc mà có. Danh sắc lấy gì làm nhân, lấy cái gì tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Danh sắc lấy thức làm nhân, do thức mà tập khởi, từ thức mà sanh, duyên thức mà có. Thức lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Thức lấy hành làm nhân, do hành mà tập khởi, từ hành mà sanh, duyên hành mà có. Hành lấy gì làm nhân, do cái gì mà tập khởi, từ đâu mà sanh, duyên đâu mà có? Hành lấy vô minh làm nhân, do vô minh mà tập khởi, từ vô minh mà sanh, duyên vô minh mà có. Đó là duyên

201. KINH TRÀ-ĐẾ 1187

VÔ minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái? duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khô, ảo não. Như vậy, toàn bộ khôi lớn đau khô phát sanh. Duyên sanh mà có già, chét; ở đây nói là duyên sanh mà có già, chét, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thê Tôn, duyên sanh mà có già, chét, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sanh mà có già, chết. -Duyên hữu mà có sanh; ở đây nói là duyên hữu mà có sanh, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên hữu mà có sanh, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hữu mà có sanh. Duyên thủ mà có hữu; ở đây nói là duyên thủ mà có hữu, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, duyên thủ mà có hữu, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thủ mà có hữu. -Duyên ái mà có thủ; ở đây nói là duyên ái mà có thủ, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên ái mà có thít, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên ái mà có thủ. Duyên thọ mà có ái; ở đây nói duyên thọ mà có ái, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên thọ mà có ái, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thọ mà có ái. Duyên xúc mà có thọ; ở đây nói duyên xúc mà có thọ, ý các thầy nghĩ sao?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên xúc mà có thọ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên xúc mà có thọ. Duyên sáu xứ mà có xúc; ở đây nói là duyên sáu xứ mà có xúc, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: r Bạch Thê Tôn, duyên sáu xứ mà có xúc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên sáu xứ mà có xúc.

1188 KINH TRUNG A-HÀM

r Duyên danh sác mà có sáu xứ; ở đây nói là duyên danh sác mà có sáu xứ, y ý các thây nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên danh sắc mà có sáu xứ, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên danh sắc mà có sáu xứ. Duyên thức mà có danh sắc; ở đây nói là duyên thức mà có danh sắc, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thê Tôn, duyên thức mà có danh săc, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên thức mà có danh sắc. Duyên hành mà có thức; ở đây nói là duyên hành mà có thức, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Duyên hành mà có thức, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên hành mà có thức. Duyên vô minh mà có hành; ở đây nói là duyên vô minh mà có hành, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, duyên vô minh mà có hành, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì duyên vô minh mà có hành. Đây là duyên vô

minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chét, sâu bi, khóc lóc, ưu khô, ảo não. Như vậy, toàn bộ khôi lớn khô đau này phát sanh. Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo, các thầy nói như vậy. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy. Duyên vô minh có hành, duyên hành có thức, duyên thức có danh sắc, duyên danh sắc có sáu xứ, duyên sáu xứ có xúc, duyên xúc có thọ, duyên thọ có ái, duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già, chét, sâu bi, khóc lóc, ưu khô, ảo não. Như vậy, toàn bộ khôi lớn đau khổ này phát sanh. Sanh diệt thì già, chết diệt; ở đây nói là sanh diệt thì già, chết diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, sanh diệt thì già, chết diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sanh diệt thì già, chết diệt.

201. KINH TRÀ-ĐẾ* 1189

Hữu diệt thì sanh diệt; ở đây nói là hữu diệt thì sanh diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, hữu diệt thì sanh diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì hữu diệt thì sanh diệt. Thủ diệt thì hữu diệt; ở đây nói là thủ diệt thì hữu diệt, ý các thầy nghĩ sao?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, thủ diệt thì hữu diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thủ diệt thì hữu diệt. Ái diệt thì thủ diệt; ở đây nói là ái diệt thì thủ diệt, ý các thầy nghĩ sao?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, ái diệt thì thủ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì ái diệt thì thủ diệt. Thọ diệt thì ái diệt; ở đây nói là thọ diệt thì ái diệt, ý các thầy nghĩ sao?

Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, thọ diệt thì ái diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thọ diệt thì ái diệt. Xúc diệt thì thọ diệt; ở đây nói là xúc diệt thì thọ diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, xúc diệt thì thọ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì xúc diệt thì thọ diệt. Sáu xứ diệt thì xúc diệt; ở đây nói là sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, sáu xứ diệt thì xúc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì sáu xứ diệt thì xúc diệt. Danh sắc diệt thì sáu xứ diệt; ở đây nói là danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế T6n, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì danh sắc diệt thì sáu xứ diệt. Thức diệt thì danh sắc diệt; ở đây nói là thức diệt thì danh sắc diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, thức diệt thì danh sắc diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì thức diệt thì danh sắc diệt.

1190 KINH TRUNG A-HÀM

Hành diệt thì thức diệt; ở đây nói là hành diệt thì thức diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, hành diệt thì thức diệt, ý chung con như vậy. Vì sao? Vì hành diệt thì thức diệt. Vô minh diệt thì hành diệt; ở đây nói là vô minh diệt thì hành diệt, ý các thầy nghĩ sao? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, vô minh diệt thì hành diệt, ý chúng con như vậy. Vì sao? Vì vô minh diệt thì hành diệt. Đây là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ

diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì gia, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não diệt. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ này bị diệt. Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, các thầy nói như vậy. Vì sao? Vì Ta cũng nói như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu xứ diệt, sáu xứ diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì gi chết diệt, sầu bi, khóc lóc, iru khổ, ao não diệt. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này bị diệt. Đức Thế Tôn lại khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây đối với quá khứ có nghĩ rằng: “Ta có trong thời quá khứ hay ta không có trong thời quá khứ? Ta có trong thời quá khứ như thế nào? Do đâu mà có trong thời quá khứ,9 chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, các thầy đoi với vị lai có nghĩ rang: "Ta sẽ có trong đời vị lai hay ta sẽ không có trong đòd vị lai? Ta có trong đời vị lai như thế nào? Do đâu mà có trong đời vj lai" chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, các thầy đối với bên trong mà có nghi hoặc rằng: "Đây là thế nào? Đây là cái gì? Chúng



sanh này từ đâu đến? Sẽ đi về đâu? Do nhân gì mà đã có? Do nhân gì mà sẽ c6” chăng? Các Ty-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, các thầy có giết cha mẹ, hại đệ tử Phật, A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, có ác ý đối với Phật, làm đổ máu Như Lai chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây có phạm giới, xả giới, bỏ đạo chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây có bỏ nội đạo mà tìm đến ngoại đạo để tìm ruộng phước chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây có đối với Sa-môn, Phạm chí mà nói như vầy: "Chu Tôn, các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết" chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, các thầy có cho lễ cát tường là thanh tịnh chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thầy biết như vậy, thấy như vậy, các thầy có thấy những kiến chấp liên hệ đến lễ cát tường của các Sa-môn, Phạm chí xen lẫn kho, xen lẫn độc hại, xen lẫn phiền nhiệt, xen lẫn ảo não là chân thật chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không!



Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây khi thân thể bệnh hoạn, rất là đau dơn, gần như tuyệt mạng, bèn bỏ nội dạo, tìm đến ngoại đạo, tìm đến những Sa-môn, Phạm chí kia, những người trì loại chú một

câu, chú hai câu, ba câu, bôn câu, nhiêu câu, trăm câu, nói răng: "Xin trì chú này để tôi thoát kh6" đó là tìm đến sự khổ, tập khởi sự khổ mà mong diệt tận khô được chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nếu các thày biết như vậy, thấy như vậy, các thầy có chấp thủ sự tái sanh chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Nêu các thây biêt như vậy, thây như vậy, các thây có nói như vầy: "Chúng ta cung kính Sa-môn, kính trọng Sa-môn9 Sa-môn Cù- đàm là bậc Tôn sư của chúng ta" chăng? Các Tỳ-kheo đáp: Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Các thầy bằng sự tự biết, tự thấy, tự giác đối với sự chứng đắc Tối chánh giác, các thầy có tùy theo những điều được hỏi mà trả lời chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Ta chân chánh điều ngự các thầy đối với pháp hoàn toàn rốt ráo, không phiền, không nhiệt, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí. Vì lý do đó mà Ta đã nói răng: "Ta sẽ nói cho các thây nghe vê pháp hoàn toàn rót ráo, không phiên, không nhiệt, thường hăng, không biên đôi, được biêt bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được giác ngộ bởi chánh trí." Lại nữa, có ba sự kiện hiệp hội để thác vào thai mẹ. Đó là cha mẹ tụ tập tại một chỗ, người mẹ trong thời kỳ có thể thọ thai và hương ấm đã đến. Do ba sự kiện này hiệp hội mà thác vào thai mẹ. Thai mẹ kéo dài chín tháng hay mười tháng roi sanh. Sanh roi được nuôi dưỡng băng máu; máu đó ở trong Thánh



pháp gọi là sữa mẹ. Rồi thì các căn lớn dần cho đến thành tựu, ăn cơm, ăn cháo, dầu tô thoa mình. Rồi mắt nó thấy sắc, ưa thích sắc đẹp, ghét bỏ sắc xấu; nó không lập niệm tại thân với một tâm nhỏ mọn; nó không như thật biêt tâm giải thoát, tuệ giải thoát; những pháp ắc, bất thiện được sanh ra, không bị diệt tận vô dư, không bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ý biết pháp, ưa thích cái đẹp, ghét bỏ cái xấu; nó không lập niệm tại thân với một tâm nhỏ mọn; nó không biết như thật tâm giải thoát, tuệ giải thoát; những pháp ác, bất thiện được sanh ra không bị diệt tận vô du, không bị hủy hoại không dư tàn. Nó tùy những gì ưa ghét mà lãnh nạp cảm thọ, hoặc lạc, hoặc kho, hoặc không lạc không khổ. Nó hoan lạc với cảm thọ ấy, tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ấy. Nó sau khi hoan lạc với cảm thọ ấy, tìm cầu, chấp trước, chấp thủ cảm thọ ây roi, nêu đó là cảm thọ lạc, vì do châp thủ và duyên thủ mà có hữu; duyên hữu mà có sanh; duyên sanh mà có già, chét, sâu bi, khóc lóc, ưu khô, ảo não. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh. Này Tỳ-kheo, như vậy há không phải là đây đủ đê sự tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa-tử chăng? Các Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ để sự tương tục bị trói buộc bởi ái như Tỳ-kheo Trà-đế Kê-hòa-đa-tư. Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, hiệu : là Phật, r* Chúng Hựu; mát vị ây thây .k sác, nhumg . đôi • với săc đẹp không hoan lạc, châp trước; đôi với săc xâu không ghét bỏ; vị ây lập niệm tại thân với một tâm vô lượng; biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát; các pháp ác? bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng như vậy. Ý biết pháp, đối với cái đẹp không hoan lạc, chấp trước; đôi với

cái xâu không ghét bỏ; vị ây lập niệm tại thân với một tâm vô lượng; biết như thật là tâm giải thoát, tuệ giải thoát; các pháp bất thiện đã sanh bị tận diệt vô dư, bị hủy hoại không dư tàn. Vi ấy như vậy, diệt những gì yêu ghét được lãnh nạp bởi thọ, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không lạc không khổ. Vị ấy không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không chấp trước, không chấp thủ cảm thọ ấy. Do không hoan lạc theo cảm thọ ấy, không tìm cầu, không châp trước, không châp thủ theo cảm thọ ây, nêu có cảm thọ lạc, nó liên diệt; lạc diệt thì thủ diệt; thủ diệt thì hữu diệt; hữu diệt thì sanh diệt; sanh diệt thì già, chết diệt, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não cũng diệt. Như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này đều diệt. Này Tỳ-kheo5 như vậy há không phải là đầy đủ về ái tận, giải thoát chăng? Các Tỳ-kheo đáp:  Bạch Thế Tôn, như vậy là đầy đủ về ái tận, giải thoát.



Khi nói pháp này, ba ngàn đại thiên thế giới ba lần chấn động, hết động lại động nữa, hét rung lại rung nữa, hết rền lại rền nữa; cho nên kinh này gọi là "Ai tận giải thoát." Đức Phật thuyêt giảng như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

202. KINH TRÌ TRAI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trú trong Đông Viên, Lộc Tử Mầu giảng đường. Bấy giờ, Lộc Tử Mau Tỳ-xá-khư, vào lúc sáng sớm, tắm gội, mặc chiếc áo trắng tinh, dẫn các con dâu với đoàn tùy tùng vây quanh đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ rồi đứng sang một bên. Đức Thế Tôn hỏi:  Này nữ cư sĩ, bà vừa tăm gội chăng? Nữ cư sĩ thưa:  Bạch Thế Tôn, hôm nay con trì trai. Bạch Thiện Thệ, hôm nay con trì trai. Đức Thế Tôn hỏi:  Này nữ cư si, hôm nay bà trì loại trai nào? Vì trai có ba loại. Những gì là ba? Thứ nhất, loại trai của mục đồng; thứ hai, trai của Ni-kiền và thứ ba, tám chi Thánh trai. Này nữ cư si, thế nào là trai của mục đồng? Mục đồng buổi sáng sớm thả trâu trong đầm, buổi xế trưa dẫn về thôn; khi trở về đến thôn nó nghĩ rằng: "Ngày hôm nay ta thả trâu ở chỗ này, ngày mai ta sẽ thả trâu ở chỗ kia. Ngày hôm nay ta cho trâu uống nước ở chỗ này, ngày mai ta sẽ cho trâu uống nước tại chỗ kia. Hôm nay ta cho trâu ngủ đêm tại chỗ này, ngày mai ta sẽ cho trâu ngủ đêm tại chô kia.” Này nữ cư sĩ, cũng vậy, nêu người trì trai nghĩ răng: "Ngày hôm nay ta ăn đồ ăn như vậy, ngày mai ta sẽ ăn đồ ăn như kia. Ngày hôm nay ta uống thức uống như vậy, ngày mai ta sẽ uống thức uống như kia. Ngày hôm nay ta dùng thức ăn như vầy, ngày mai ta dùng thức ăn như thế kia.” Người ấy ở trong ngày và đêm hoan lạc, đăm trước trong dục vọng như vậy. Đó là loại trai của mục đông. Nêu trì loại trai của mục đông như vậy thì không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không có đại công đức, không được phát triển. Này nữ cư sĩ, thê nào là loại trai của Ni-kiên? Nêu có người xuất gia học theo Ni-kiền, vị ấy khuyên người rằng: "Ngươi đối với chúng sanh ở ngoài một trăm do-diên về phía Đông, để ủng hộ chúng sanh ấy, hãy loại bỏ đao gậy. Cũng vậy, đối với phương Nam, phương Tây và phương Bắc, ngoài một trăm do-diên 9 A

mà có chúng sanh nào, vì đê ủng hộ chúng sanh ây, hãy loại bỏ đao gay." Người ấy khuyến khích, sách tấn người khác như vầy: "Hoặc chúng sanh có tưởng, được thủ hộ, hoặc chúng sanh không tưởng, không được thủ hộ? ngươi vào ngày

mười lăm là ngày nói biệt giải thoát, hãy cởi bỏ y phục, để mình trần truồng, đứng quay vê hướng Đông, nói như vây: 'Ta không có cha mẹ, không thuộc vê cha mẹ. Ta không vợ con, không thuộc về vợ con. Ta không nô tỳ, không thuộc về nô tỳ.'" Này nữ cư sĩ, người ấy không khuyến khích, sách tấn lời nói chân thật, nhung ngược lại, khuyến khích, sách tấn bằng những lời hư dối. Người ây ngày ngày gặp mặt cha mẹ mình và nghĩ răng: uĐây là cha mẹ ta." Cha mẹ người ây ngày ngày cũng thây con mình và cũng nghĩ răng: "Bây là con ta." Người ấy gặp mặt vợ con và nghĩ rằng: "Đây là vợ con ta." Vợ con cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: "Đây là tôn trưởng ta." Người ấy gặp mặt nô tỳ cũng nghĩ rằng: "Đây ỉa nô tỳ của ta." Nô tỳ cũng thấy người ấy và cũng nghĩ rằng: "Đây là chủ của ta." Người ấy thọ dụng dục lạc này, không được cho mà thọ dụng, chứ không phải được cho mà thọ dụng. Đó gọi là loại trai của Ni- kiền. Nếu thọ trì loại trai của Ni-kiền như vậy thì không thu hoạch được đại lợi, không được đại quả, không được đại công đức, không được phát triển. Này nữ cư sĩ, thế nào là tám chi Thánh trai? Đa văn Thánh đệ tử khi trì trai tư duy như vầy: uA-la-hán chân nhân trọn đời không sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ đao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Vi ấy đoi với sự sát sanh tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, dẹp bỏ đao gậy, có tàm, có quý, có tâm từ bi, làm lợi ích cho tất cả, cho đến côn trùng. Đối với việc sát sanh, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, cho nên nói là trai. Lại nữa, này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: uA-la- hán chân nhân trọn đời không lấy của không cho, đoạn trừ sự lấy của không cho, những ẹi được cho rồi mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bô thí, tâm vui thích sự phóng xả hoan hỷ, không bon xẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm minh, hay tự chế ngự. Vi ấy đối với việc không cho mà lấy, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự lay chỗ không cho, đoạn trừ sự lay của không cho, những gì được cho mới lấy, vui thích trong việc lấy của được cho, thường ưa bố thí, tâm vui thích sự phóng xả, hoan hỷ, không bon xẻn, không trông chờ báo đáp, không để sự trộm cắp che lấp tâm mình, hay tự chế ngự. Đối với việc không cho mà lấy, nay tôi tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai. Lại nữa, này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vây: "A-la- hán chân nhân trọn đời xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành, tâm tinh, sống không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Vị ấy đối với phi Phạm hạnh, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, tu hành Phạm hạnh, chí thành, tâm tinh, s6ng không xú uế, ly dục, đoạn dâm. Đối với phi Phạm hạnh, nay tôi tịnh trừ tâm ây." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai.



Lại nữa, này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la- hán chân nhân trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trú nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt thế gian. Vi ấy đối với sự

nói dối, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trọn đời không nói láo, đoạn trừ sự nói láo, chỉ nói lời chắc thật, vui thích sự thật, an trú nơi sự thật, được mọi người tin tưởng, không lừa gạt the gian. Đoi với sự nói láo, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai. Lại nữa, này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la- hán chân nhân trọn đời xa lìa sự uống rượu, buông lung, đoạn trừ sự uống rượu, buông lung. Vị ấy đối với việc uống rượu, buông lung, tâm đã tịnh trừ. Tôi cũng trọn đời xa lìa sự uống rượu, buông lung, đoạn trừ sự uống rượu, buông lung. Đối với việc uống rượu, buông lung, nay tôi tinh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai. Lại nữa, này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: uA-la- hán chân nhân trọn đời xa lìa giường lớn, cao, rộng; đoạn trừ giường lớn, cao, rộng; vui thích nằm chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Vị ấy đối với giường lớn, cao, rộng, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa giường lớn, cao, rộng; đoạn trừ giường lớn, cao, rộng; vui thích nằm chỗ thấp, hoặc giường hoặc trải cỏ. Đối với giường lớn, cao, rộng, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai. Lại nữa, này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: "A-la- hán chân nhân trọn đời xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe. Vị ấy đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe; đoạn trừ tràng hoa, anh lạc, hương bột, phấn sáp, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe. Đối với tràng hoa, anh lạc, hương bột, ca, vũ, xướng, kỹ, và đi đến xem nghe, nay tôi tịnh trừ tâm ấy.” Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau không khác, do đó gọi là trai. Lại nữa, này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy như vầy: uA-la- hán chân nhân trọn đời xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời, ngày ăn một bữa, không ăn đêm, vui thích sự ăn đúng thời. Vị ấy đoi với sự ăn phi thời, tâm đã tịnh trừ. Tôi nay trong một ngày một đêm này xa lìa sự ăn phi thời, đoạn trừ sự ăn phi thời. Đối với sự ăn phi thời, tôi nay tịnh trừ tâm ấy." Ta coi chi này như của A-la-hán, ngang nhau, không khác, do đó gọi là trai. Người ấy sau khi đến với tám chi Thánh trai này rồi, để tiến lên, lại nên tu tập năm pháp. Những gì là năm? Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Như Lai rằng: “Dức The Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chanh Giác,



Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu.” Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng bị diệt. Cũng như một người trên đầu có cáu bẩn, do mỡ, nước nóng, sức người tắm gội cho nên được sạch. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Như Lai rằng: "Thế Tôn là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo

Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, hiệu là Phật, Chúnẹ Hựu.^, Người ấy sau khi niệm tưởng Như Lai như vậy, ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Như Lai cho nên tâm tinh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng bi diệt. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì Phạm trai, cùng cộng hội với Phạm, nhân Phạm cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng diệt. Này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Pháp rằng: "Pháp này do Thế Tôn giảng thuyết, toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí.^, Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền bị diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng bị diệt. Này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Pháp nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người trong mình có cáu bân, nhờ bột tăm nóng và sức người tăm gội kỹ cho nên liên được sạch sẽ. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Pháp rằng: 'Tháp này do Thế Tôn giảng thuyết, toàn thiện, cứu cánh, thường hằng, không biến đổi, được biết bởi chánh trí, được thấy bởi chánh trí, được chứng giác bởi chánh trí." Người ấy sau khi niệm tưởng Pháp như vậy roi, ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng diệt. Này nữ cư sĩ, đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì Pháp trai, cùng cộng hội với Pháp, nhân Pháp cho nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ác, bát thiện nêu có cũng được diệt. Lại nữa, này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chúng Tăng rằng: “Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú; trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng; đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ; đó là Tăng chúng đệ tử Thế Tôn, thành tựu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho trời và người.,^ Người



ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi, ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một người nơi áo có cáu bẩn, bất tịnh, nhờ tro, bột kết, bột giặt, nước nóng, sức người giặt giũ nên nó được sạch sẽ. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng Tăng rằng: "Tăng là đệ tử Thế Tôn, khéo thú hướng, chất trực, hành yếu, hành thú; trong Tăng chúng của Như Lai thật sự có A-la-hán thú, A-la-hán quả chứng, A-na-hàm thú, A-na-hàm quả chứng, Tư-đà-hàm thú, Tư-đà-hàm quả chứng, Tu-đà-hoàn thú, Tu-đà-hoàn quả chứng; đó là bốn đôi, tám hạng Thánh sĩ; đó là Tăng chúng của Thế Tôn, thành tựu giới, đinh, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, xứng đáng mời gọi, xứng đáng thỉnh, xứng đáng cúng dường, xứng đáng phụng sự, xứng

đáng kính trọng, là ruộng phước tốt cho trời và người.^, Người ấy niệm tưởng Tăng như vậy, ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bát thiện nêu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi Tăng nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì Tăng trai, cùng Tăng cộng hội, nhân Tăng mà tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Lại nữa, này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, tư duy giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không uế, không ô, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng giới mình đang thọ rồi, ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bát thiện nêu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi giới nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Cũng như một tấm gương đóng bụi nhơ không sáng, nhờ đá, đá mài, ngọc oanh và sức người lau chùi, mài giũa mà được minh tinh. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng giới mình đang thọ trì, không sứt, không thủng, không ô, không uế, rất rộng, rất lớn, không trông chờ báo đáp, được bậc trí khen ngợi, khéo trọn đủ, khéo thú hướng, khéo thọ, khéo trì. Người ấy sau khi niệm tưởng giới mình đang thọ trì như vậy, ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bát thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi giới nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Đó gọi là đa văn Thánh đệ tử thọ trì giới trai, cùng giới cộng hội, nhân giới tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác, bất thiện nếu có cũng được diệt. Lại nữa, này nữ cư si, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chư thiên rằng: "Thật sự có Tứ Thiên Vương. Chư thiên ấy nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tín ấy. Chư thiên ấy nếu thành tựu giới,



văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Chư thiên ấy thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ây. Tôi cũng có tín ây. Chư thiên ây nêu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy." Người ấy sau khi niệm tưởng như vậy rồi và chư thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ; ác tham lam nếu có liền được diệt; pháp ô uế, ác bất thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử duyên nơi chư thiên nên tâm tĩnh, được hỷ; ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bát thiện nêu có cũng được diệt. Cũng như vàng ròng thượng sắc bi bụi đóng, bất tịnh, nhờ lửa, bài, kềm, chùy, đất đỏ, sức người lau chùi, mài giũa mà được minh tinh. Cũng vậy, đa văn Thánh đệ tử khi trì trai, niệm tưởng chư thiên rằng: "Thật sự có Tứ Thiên Vương. Chư thiên ấy nếu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi kia. Tôi cũng có tín ấy. Chư thiên nhân ấy nếu thành tựu giới, văn, thí, tuệ, mạng chung nơi đây được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy. Thật sự có Tam Thập Tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu-suất-đà thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại thiên. Chư thiên ấy nêu thành tựu tín, mạng chung nơi này được sanh nơi ây. Tôi cũng có tín ây. Chư thiên ây nêu thành tựu giới, văn, thí, tuệ,

mạng chung nơi này được sanh nơi ấy. Tôi cũng có tuệ ấy." Người ấy niệm tưởng như vậy và chư thiên có tín, giới, văn, thí, tuệ; ác tham lam nêu có liên được diệt; pháp ô uê, ác, bát thiện nếu có cũng được diệt. Này nữ cư sĩ, nêu hành trì tám chi Thánh trai như vậy và ở đây, với mười sáu đại quốc này: Một là Ương-già, hai là Ma-kiệt-đà, ba là Ca-thi, bốn là Câu-tát- * . r 9 \ la, năm là Câu-lâu, sáu là Ba-xà-la, bảy là A-nhiêp-bôi, tám là An-hòa-đàn-đê? chín là Chi-đề, mười là Bạt-kỳ, mười một là Bạt-ta, mười hai là Bạt-la, mười ba là Tô-ma, mười bốn là Tô-la-tra, mười lăm là Dụ-ni? mười sáu là Kiếm-phù. Trong các nước này, những sở hữu tiền tài bảo vật, kim ngân, ma-ni, trân châu, lưu ly, nẵng-già, bích ngọc, san hô, lưu thiệu, bệ-lưu, bệ-lặc, mã não, đồi mồi, xích thạch, tuyên châu, và giả sử một người làm vua trong đó, sẽ được sử dụng tự tại tùy ý. Nhưng người ấy so với người thọ trì tám chi Thánh trai, hoàn toàn không bằng một phần mười sáu. Này nữ cư si, Ta nhân đó mà nói như vây: “Lạc thú của nhơn vương không bang lạc thú của chư thiên." Nêu ở nhân gian năm mươi năm, ở Tứ Thiên Vương mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, năm trăm năm như vậy là tuổi thọ của Tứ Thiên Vương. Này nữ cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ sanh lên Tứ Thiên Vương. Này nữ cư sĩ, do đó mà Ta nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư thiên.,^ Nếu nhân gian sống một trăm tuổi thì ở Tam Thập Tam thiên mới một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai



tháng là một năm, và một ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tam Thập Tam thiên. Này nữ cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Tam Thập Tam thiên. Này nữ cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư thiên.Nếu ở nhân gian hai trăm năm, ở Diệm-ma thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, hai ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Diệm-ma thiên. Này nữ cư-sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Diệm-ma thiên. Này nữ cư si, Ta nhân đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư thiên." Nếu ở nhân gian bốn trăm năm, ở Đâu-suất-đà thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy ba mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, bôn ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Đâu-suât-đà thiên. Này nữ cư si, tất có trường hợp này, là một thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi _ J r e Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên Đâu-suât-đà thiên. Này nữ cư sĩ, Ta nhân đó mà nói như vầy: "Lạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư thiên.Nhân gian tám trăm tuổi, ở Hóa Lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tám ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Hóa Lạc thiên. Này nữ cư sĩ, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trong Hóa Lạc thiên. Này nữ cư si, Ta nhân nơi đó mà nói như vây: uLạc thú nhơn vương không bằng lạc thú chư thiên.,, Nhân gian một ngàn sáu trăm năm, ở Tha Hóa Lạc thiên mới là một ngày một đêm. Như vậy, ba

mươi ngày đêm là một tháng, mười hai tháng là một năm, một vạn sáu ngàn năm như vậy là tuổi thọ của Tha Hóa Lạc thiên. Này nữ cư si, tất có trường hợp này, là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn thọ trì tám chi Thánh trai, thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên trong Tha Hóa Lạc thiên. Lúc bấy giờ, Lộc Tử Mau Tỳ-xá-khư chắp tay hướng về đức Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn? tám chi Thánh trai thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, đại lợi, e r r : r đại quả, có đại công đức, có đại quảng bô. Bạch Thê Tôn, con từ nay cho đên trọn đời xin thọ trì tám chi Thánh trai này, tùy theo năng lực mà bố thí, tu phước. Rồi Lộc Tử Mau sau khi nghe những lời Phật dạy, khéo thọ trì, khéo tụng tập, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, đi quang ba vòng rồi lui về. Đức Phật thuyết như vậy, Lộc Tử Mau Tỳ-xá-khư và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

203. KINH BÔ-LỴ-ĐA Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại Na-nan-đại, trong khu rừng xoài của Ba-hòa-ly. Bấy giờ, cư sĩ Bô-lỵ-đa mặc chiếc áo trắng tinh, đầu quấn khăn trắng, chông gậy,/ câm dù,. mang ỉ guôc thê tục, đi r từ .vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đên quán kia, từ rừng đên rừng, du hành kháp nơi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí bèn nói rằng: “Chu Hiền nên biết, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự.,, Các Sa-môn5 Phạm chí nói lại bằng những lời dịu dàng rằng: "Vâng, cư sĩ Bô-lỵ-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục SỊT." Rồi cư sĩ Bô-lỵ-đa trong khi du hành khắp nơi, thong dong tản bộ đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, chống gậy đứng ngay trước Phật. Đức The Ton noi: Cư sĩ, có chô ngôi đó, muôn ngôi thì ngôi! Cư sĩ Bô-lỵ-đa thưa: Thưa Cù-đàm, không thể như vậy, không nên như vậy. Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự. Sao Cù-đàm gọi tôi là cư sĩ? The Ton noi: Ông có hình tướng, tiêu thức như cư sĩ, cho nên Ta gọi ông là cư sĩ. Có chỗ ngồi đó, muốn ngồi thì ngồi! Thế Tôn lại ba lần nói: Này cư si, có chô ngôi đó, muôn ngôi thì ngôi! Cư sĩ Bô-lỵ-đa cũng ba lần thưa: Thưa Cù-đàm, không thể như vậy, không nên như vậy. Vì sao? Vì tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự. Sao Cù-đàm gọi tôi là cư sĩ? The Ton tra lơi: Ong có hình tướng, tiêu thức như cư si, cho nên Ta gọi ông là cư sĩ. Có chô ngôi đó, muôn ngôi thì ngôi! Rồi Thế Tôn hỏi: Ông lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như thế nào?



Cư SĨ Bô-lỵ-đa đáp: -Tất cả những tài vật trong nhà, tôi đều mang cho hết rồi tôi sống vô vi, vô cầu, chỉ đi lấy thức ăn để duy trì mạng sống mà thôi. Tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục sự như vậy. The Ton noi: -Này cư sĩ, trong Thánh Pháp, Luật, sự đoạn diệt các tục sự không phải như vậy. Này cư sĩ, trong Thánh Pháp, Luật có tám chi đoạn tuyệt tục sự. Lúc bấy giờ, cư sĩ Bô-lỵ-đa bèn bỏ gậy, xếp dù, cởi guốc tục, chắp tay hướng về đức Phật và thưa: -Thưa Cù-đàm trong Thánh Pháp, Luật, thế nào là tám chi đoạn tuyệt tục sự? The Ton noi: Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát, y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho, y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm, y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo, y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước, y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế; y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch; y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát? Đa văn Thánh đệ tử tư

duy như vầy: “Ai giết chóc phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta giết chóc, ấy là gây hại mình và cũng xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai giêt chóc như vậy, chịu quả báo này trong đời này và đời sau. Như vậy, nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát chang?” Rồi vi ấy y cứ trên sự xa lìa sát hại mà đoạn trừ sát hại. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa sát mà đoạn trừ sát. Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: “Ai lấy của không cho tất phải chiu ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta lấy của không cho, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vi Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đon tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai lấy của không cho phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa lấy của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho chng?” Roi vị ây y cứ trên sự xa lìa lây của không cho mà đoạn trừ lây của không cho. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa lây của không cho mà đoạn trừ lấy của không cho.

203. KINH BÔ-LỴ-ĐA  1205

Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai tà dâm tất phải chịu ác báo ] r ương đời này và đời sau. Nêu ta tà dâm, ây là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương thảy đêu nghe đôn tiêng xâu của ta; thân hoại mạng chung tát phải đi đến ác thú, sanh vào địa ngục. Ai tà dâm phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm chng?“ Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa tà dâm mà đoạn trừ tà dâm. Này cư si, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: "Ai nói láo tất phải chịu ác báo trong đời này và đời sau. Nêu ta nói láo, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, phỉ báng người khác; chư thiên và các Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đêu nghe đôn tiêng xâu của ta; thân hoại mạng chung tát phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai nói láo tất phải chịu ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo chng?" Rồi vị ấy y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự xa lìa nói láo mà đoạn trừ nói láo. Này cư si, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: “Ai tham trước tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nêu ta tham trước, ây là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đêu nghe đôn tiêng xâu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai tham trước tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước chang?" Rồi vị ấy y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước. Như vậy là

đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tham trước mà đoạn trừ tham trước. Này cư si, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuế? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: “Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta hại nhuế, ấy là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất sẽ đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai hại nhuế tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không hại nhuế mà đoạn trừ hại nhuê chng?" Roi vị ây y cứ trên sự không hại nhuê mà đoạn trừ hại nhuê. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không hại nhuê mà đoạn trừ hại nhuế. Này cư si, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không đố kỵ, thù r : \ nghịch mà đoạn trừ sự đô kỵ, thù nghịch? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vây:



"Ai đố kỵ, thù nghịch tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta đố kỵ, thù nghịch, ấy là tự hại và cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đồn tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai đố kỵ, thù nghịch tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch chng?" Rồi vị ấy y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không đố kỵ, thù nghịch mà đoạn trừ đố kỵ, thù nghịch. Này cư sĩ, thế nào là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn? Đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: “Ai tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo trong đời này và đời sau. Nếu ta có tăng thượng mạn, ây là tự hại mà cũng là xuyên tạc, hủy báng người khác; chư thiên và các vị Phạm hạnh có trí sẽ chê bai học giới của ta; các phương đều nghe đon tiếng xấu của ta; thân hoại mạng chung tất phải đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục. Ai có tăng thượng mạn tất phải thọ ác báo này trong đời này và đời sau như vậy. Nay ta có nên y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn chăng?^ Roi vị ây y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Như vậy là đa văn Thánh đệ tử y cứ trên sự không tăng thượng mạn mà đoạn trừ tăng thượng mạn. Đó là tám chi đoạn tuyệt tục sự trong Thánh Pháp, Luật. Cư sĩ Bô-lỵ-đa hỏi: Thưa Cù-đàm, trong Thánh Pháp, Luật chỉ như vậy là đoạn tuyệt tục sự hay còn những điều khác nữa? The Ton noi: Trong Thánh Pháp, Luật không chỉ có chừng đó đoạn tuyệt tục SỊT, mà còn tám chi đoạn tuyệt tục sự khác đạt đến chứng ngộ. Cư sĩ Bô-lỵ-đa nghe xong, bèn cởi khăn trăng, chăp tay hướng vê đức Phật và bạch: Thưa Cù-đàm, thế nào nói là trong Thánh Pháp, Luật còn có tám chi đoạn r tuyệt tục sự khác đạt đên chứng ngộ? The Ton đáp: Này cư sĩ, cũng như một con chó đói, gầy ốm mệt mỏi, đến bên chỗ mổ bò. Người đồ tể hay đệ tử của người đồ tể quăng cho con chó một khúc xương đã rút tỉa hết thịt. Con chó gặm khúc xương, rồi chạy đến chỗ này chỗ kia mà gặm, rách môi, mẻ răng hoặc gây thương tổn đến cuống họng, nhimg con chó không vì vậy mà hết đói. Này cư si, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vầy: uDục vọng như khúc xương khô. Đức Thế Tôn nói dục vọng như khúc xương khô, vui ít, khổ nhiều, đầy dẫy nguy hiểm nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly

, r . , o M o A D A * . ác, bát thiện pháp này thì ở dây, tát cả vật dục của thê gian đêu vĩnh viên đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện d6." Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa, có một miếng thịt rớt trên khoảng đất trống, hoặc quạ, hoặc diều mang miếng thịt ấy đi. Rồi những con quạ, con diều khác đuổi theo tranh giành. Ý cư sĩ nghĩ sao? Nếu quạ, diều ấy không chịu xả bỏ tức khắc miếng thịt này thì các con quạ, con diều khác vẫn đuổi theo để giành giựt chăng? Cư sĩ đáp: Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm! -Y cư SĨ nghĩ sao? Nêu quạ, diêu ây có thê xả bỏ tức khác miêng thịt này thì các con quạ, con diều khác có còn đuổi theo để giành giựt chăng? Cư sĩ đáp: Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy như vây: "Dịic vọng như miêng thịt. Thế Tôn nói dục vọng như miếng thịt, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy nên xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác, bất thiện pháp này thì ở đây, tất cả vật dục thế gian đều vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy nên tu tập sự kiện này!" Này cư si, cũng như một người tay câm một bó đuốc đang cháy, ngược gió mà đi. Ý cư sĩ nghĩ sao? Nếu người ấy không liệng bỏ tức khắc thì nhất định sẽ bi cháy tay và các chi thể khác chăng? Cư sĩ đáp: Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm! -Ý cư sĩ nghĩ sao? Giả sử người ấy liệng bỏ tức khắc thì sẽ còn bị cháy tay hay các chi thể khác nữa chăng? Cư sĩ đáp: Không phải vậy, thưa Cù-đàm! A r

Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tư duy răng: uDục vọng như bó đuôc đang cháy. Thế Tôn nói dục vọng như bó đuốc đang cháy, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiêm, hãy xa lánh đi. Nêu ai có sự xả ly dục, ly ác, bát thiện pháp này thì ở dây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện này!,, Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một hầm lửa lớn. Trong đó đầy những lửa nhưng không có khói, không có ngọn. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm mình, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau khổ, rất ghét sự đau khổ, muốn sống chứ không muôn chét, rát ghét sự chét. Y cư sĩ nghĩ sao? Người áy lại nhảy vào hâm lửa này chăng?



Cư SĨ đáp Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Vì sao? Vì người ấy thấy hầm lửa liền nghĩ rằng: “Nếu rơi xuống hầm lửa, nhất định chết chứ không nghi ngờ, dù không chết, nhất định phải chịu đựng đau đớn vô címg." Người ấy thấy hầm lửa bèn nghĩ đến việc lìa xa, ước mong sự xả ly. -Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vây: "Dục vọng như hâm lửa. Thê Tôn nói dục vọng như hâm lửa, vui ít, khô nhiêu, đây những nguy hiêm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ly ác, bất thiện pháp thì ở dây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện này!,, Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một con rắn độc to lớn, rất dữ, rất độc, màu đen dễ sợ. Nếu một người đi đến, không ngu, không si, cũng không điên đảo, tự chủ với tâm minh, tự do tự tại, muốn hoan lạc chứ không muốn đau khổ, rất ghét sự đau khổ, muốn sống chứ không muốn chết, rất ghét sự chết. Ý cư sĩ nghĩ sao? Người ấy há lại thò tay hay các chi thể khác cho con rắn và nói rằng: "Này, mổ đi! Này, mổ di!" Cư sĩ đáp: Không phải vậy, thưa Cù-đàm! Vì sao vậy? Người ấy thấy con rắn độc bèn nghĩ rằng: "Nếu ta thò

tay hay các chi thể khác cho con rắn mổ, nhất định r  r r . chét chứ không nghi ngờ, dù không chét thì nhát định phải chịu đau đớn vô cùng." Người ấy thấy con rắn độc bèn nghĩ đến sự lánh xa, ước mong xả ly. Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: uDục vọng như rắn độc. Thế Tôn nói dục vọng như rắn độc, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự ly dục, ác bất thiện pháp thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện này!" Này cư si, cũng như một người năm mộng, thây mình sung túc năm thứ dục lạc thỏa thích, nhưng khi tỉnh dậy, một thứ cũng không thấy. Này cư si, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: "Dục vọng như giấc mộng. Thế Tôn nói dục vọng như giấc mộng, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bất thiện pháp này thì ở đây, tất cả vật dục thế gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện nay!” Này cư sĩ, cũng như một người vay mượn vật dụng hưởng lạc, hoặc cung điện, lầu các, hoặc vườn hào, ao tắm, hoặc voi, ngựa, xe cộ, hoặc chăn gấm, mền bông, hoặc nhẫn, vòng, xuyến, hoặc hương, anh lạc, vòng cổ? hoặc tràng hoa, vàng báu, hoặc danh y, thương phục; nhiều người trông thấy bèn ca ngợi rằng: "Nhu vậy tốt lành thay! Như vậy sung sướng thay! Nếu có tài vật gì thì nên hưởng thụ thỏa thích cho đến cùng như vay." Nhưng chủ nhân có thể lấy lại, hay sai người lấy lại bất cứ lúc nào mà họ muốn. Chủ nhân bèn tự mình lấy lại, hay sai người lấy lại; những người khác trông thấy, bèn nói với nhau rằng: "N6 là người vay mượn, thật sự là lừa gạt, chứ không phải không vay mượn. Vì sao? Vì chủ nhân của những thứ đó có thê lây lại, hay sai người khác lây lại bát



cứ lúc nào mà họ muôn; và họ sẽ tự mình lây lại, hay sai người khác lây lại." Này cư si, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vầy: uDục vọng như đồ vay mượn, vui ít, khổ nhiều, đầy những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nếu ai có sự xả ly dục, ác bát thiện pháp này thì ở đây, tát cả vật dục thê gian vĩnh viên đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện này!” Này cư sĩ, cũng như cách thôn không xa có một góc cây ăn trái to lớn. Cây ấy thường có nhiều trái ngon, đẹp mắt. Một người đi đến, đói, gầy ốm? mệt mỏi, muốn được ăn trái. Người ấy nghĩ rằng: "Cây này thường có nhiều trái ngon, đẹp mat. Ta đang đói, gây ôm, mệt mỏi, muôn được ăn trái, và dưới góc cây không có trái rụng để có thể ăn cho no và mang về. Nhưng ta biết leo cây. Bây giờ, ta có nên leo lên cây này chng?" Nghĩ xong, người đó bèn leo lên cây. Lại CÓ một người khác, đói, gây ôm, mệt mỏi muôn được ăn trái, câm một cái búa rát bén, nghĩ răng: uCây này thường có nhiêu trái ngon, đẹp mát, nhưng dưới góc cây không có trái rụng đê có thê ăn cho no và mang vê. Ta lại không biêt leo cây. Bây giờ, ta có nên đốn ngã cây này chng?” Người đó bèn đốn ngã cây ấy. Y cư sĩ nghĩ sao? Người ở trên cây nêu không xuông nhanh, khi cây ngã xuông đất, có bị gãy tay hoặc các chi thể khác chăng? Cư sĩ đáp:  Thật sự như vậy, thưa Cù-đàm! -Y cư SĨ nghĩ sao? Nêu người trên cây leo nhanh xuông, khi cây ngã xuông đất, há lại bị gãy tay hay các chi thể khác chăng? Cư-sĩ đáp: -Không phải vậy, thưa Cù-đàm!  Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử lại tư duy như vây: “Dục vọng như trái cây. Thế Tôn nói dục vọng như trái cây, vui ít, kho nhiều, đay những nguy hiểm, hãy xa lánh đi. Nêu ai có sự xả ly dục, ly ác, bát thiện pháp này thì ở đây, tát cả vật dục thế

gian vĩnh viễn đoạn tận, không dư thừa. Hãy tu tập sự kiện này!" Đó gọi là trong Thánh Pháp, Luật còn có tám chi đoạn tuyệt tục sự khác, đưa đến chứng ngộ. Này cư si, roi vị ây? giác quán đã dứt, nội tĩnh nhát tâm, không giác không quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng đăc Thiên thứ hai, thành tựu an trú. Roi vị ây ly hỷ dục, xả, vô câu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân thọ lạc, điêu mà Thánh gọi là Thánh sở xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba5 thành tựu an trú. Rồi vị ấy, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng diệt, không lạc, không kho, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Rồi vị ấy với định tâm thanh tịnh như vậy, không uế, không phiền, nhu nhuyên, an trú, vững vàng, đạt đên bát động tâm, tu học và chứng ngộ Lậu tận trí thông, biết như thật: "Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt dạo." Biết như thật: "Bây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu



diệt đạo.^ Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu, giải thoát rồi, liền biết mình đã giải thoát. Biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã xong, không còn tái sanh nữa." Khi đức Phật nói pháp này, cư sĩ Bô-lỵ-đa viễn ly trần cấu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc bây giờ, cư sĩ Bô-lỵ-đa thây pháp, đác pháp, chứng giác bạch tịnh pháp, đoạn nghi, trừ hoặc, không còn tôn thờ ai, không còn do ai, không còn do dự, đã an trú nơi quả chứng, đối với pháp của Thế Tôn đã được vô sở úy, bèn cúi đầu đảnh lễ chân Phật và bạch: -Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng! Cúi mong đức Thê Tôn nhận con làm im-bà-tăc, băt đâu từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Bạch Thế Tôn, trước đây con mặc chiêc áo trăng tinh, đâu quân khăn trăng, chông gậy, câm dù và mang guôc tục, đi từ vườn này sang vườn khác, từ quán nọ đến quán kia, từ rừng đến rừng, du hành khắp noi, thong dong tản bộ, nếu gặp các Sa-môn, Phạm chí, bèn nói như vầy: “Chu Hiền, tôi lánh tục, đoạn tục, xả các tục SỊT." Các Sa-môn5 Phạm chí ấy bằng những lời diu dàng nói với con rằng: "Vâng! Cư sĩ Bô-lỵ-đa lánh tục, đoạn tục, xả các tục SỊT." Bạch Thế Tôn, con lúc bấy giờ, các vị ấy thật sự vô trí, lại đặt vào chỗ trí, thật sự vô trí mà thờ tự, thật sự vô trí mà cúng thực, thật sự vô trí mà phụng sự như người trí. Bạch Thế Tôn, kể từ hôm nay, chúng Tỳ-kheo đệ tử Thế Tôn đây mới thật sự là có trí, xứng đáng đặt ở chỗ trí, thật sự có trí, xứng đáng thờ tự, thật sự có trí, xứng đáng cúng thực, thật sự có trí, xứng đáng phụng sự người trí tuệ. Bạch Thế Tôn, nay con lại lần nữa xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc kể từ hôm nay đến suốt đời, tự quy y cho đên lúc mạng chung. Bạch Thê Tôn, trước kia con kính tin, kính trọng các Sa-môn, Phạm chí ngoại đạo; kê từ hôm nay con đoạn tuyệt. Bạch Thê Tôn, nay lần thứ ba con xin tự quy y Phật, Pháp và Tỳ-kheo-tăng! Cúi mong đức Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc5 bắt đau từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến lúc mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Bô-lỵ-đa và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

204. KINH LA-MA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, đức Thế Tôn vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy,

bước xuống giảng đường và nói với Tôn giả A-nan:  Bây giờ, Ta và thầy đến sông A-di-la-bà-đề để tắm.

Tôn giả A-nan bạch: - Xin vâng, bạch Thế Tôn! Rồi Tôn giả A-nan cầm then cửa, tản bộ đi đến khắp các cốc, gặp thầy Tỳ- kheo nào cũng nói rằng: > r  Chư Hiên, hãy đi đên nhà Phạm chí La-ma! Các Tỳ-kheo nghe nói, bèn cùng nhau đến Phạm chí La-ma. The Ton dan Ton gia A-nan đi đen song A-di-la-ba-ae, cởi y đe trên bơ, roi xuống nước tăm; tăm xong, trở lên lau mình, mặc y. Bây giờ, Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về phía Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, nhà của Phạm chí La-ma rất tốt, ngăn nắp, rất khả ái. Cúi mong Thế Tôn vì từ mẫn, đi đến nhà của Phạm chí La-ma! The Ton im lặng nhạn lơi cua Ton gia A-nan. Roi The Ton dan Ton gia A-nan đi đến nhà của Phạm chí La-ma. Bấy giờ, tại nhà của Phạm chí La-ma, một số đông Ty-kheo đã tụ tập, ngồi lại để thuyết pháp. Đức Phật đứng ngoài cửa, đợi các Tỳ-kheo nói pháp xong. Khi số đông các Tỳ-kheo đã nói pháp xong, các vị ấy ngồi im lặng. Thế Tôn biết rồi, bèn lên tiếng gõ cửa. Các Ty-kheo nghe, tức thì đi ra mở cửa. Đức Thế Tôn bước vào nhà Phạm chí La-ma, trải chỗ ngồi trước chúng Tỳ-kheo mà ngồi và hỏi:  Các thày Tỳ-kheo vừa nói những gì vậy? Vì sự việc gì mà các thầy tụ tập, ngồi ở nơi này? Lúc ây, các Tỳ-kheo đáp:  Bạch Thê Tôn, vừa roi chúng con thuyêt pháp, do pháp sự này mà tụ tập ngồi ở đây.



Thế Tôn khen:  Lành thay, lành thay! Tỳ-kheo khi tụ tập ngôi lại nên làm hai việc: Một là thuyết pháp, hai là im lặng. Vì sao vậy? Ta sẽ giảng pháp cho các thầy. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy tư niệm kỹ! Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch:  Chúng con kính vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:  Có hai loại tìm cầu: Một là Thánh cầu, hai là phi Thánh cầu. Thế nào là phi Thánh cầu? Có một hạng người thật sự lệ thuộc tật bệnh nhưng lại tìm cầu sự tật bệnh; thật sự lệ thuộc sự chết, sầu, bi, ưu, não, thật sự lệ thuộc sự ô uế nhưng lại tìm cầu sự ô uế. Thế nào là thật sự lệ thuộc tật bệnh nhimg lại tìm cầu tật bệnh? Thế nào là tật bệnh? Con cái, anh em, đó là bệnh vậy. Voi, ngựa, bò? dê, nô tỳ, tiền tài, trân bảo, lúa gạo, là bệnh hại. Chúng sanh ở trong đó xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính trước, kiêu ngạo và lăn xả vào, thọ dụng mà không thây sự nguy hiêm, không thây sự xuất yêu. Thê nào là sự già, sự chét, sự sâu, bi, ưu, não, sự ô uê? Con cái, anh em, đó là sự ô uê. Voi, ngựa, bò, dê, tiên tài, trân bảo, lúa gạo; đó là sự ô uế, là sự tổn hại. Chúng sanh ở trong đó đắm nhiễm, xúc chạm, tham ải, dính trước, kiêu ngạo, lăn xả, thọ dụng mà không thây sự nguy hiêm, không thây sự xuất yêu. Người đó muôn tìm câu cái không tật bệnh, an ổn Vô thượng Niết-bàn, nhưng đạt được không tật bệnh Vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp không thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn; nhimg đạt được không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn là trường hợp không thể có. Đó gọi là phi Thánh cầu. Thế nào là Thánh cầu? Có một hạng người suy nghĩ như thế này: "Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh nhxmg không bỏ tìm cầu bệnh tật. Ta thật sự lệ thuộc già, chết, sầu, bi, ưu, não, ô uế, nhưng không bỏ sự tìm cầu ô uế. Vậy ta hãy tìm

cầu cái không bệnh, Vô thượng an ôn Niêt-bàn, tìm câu cái không già, không chét, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn." Người ấy bèn tìm cầu cái không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn; đó là trường hợp có thể có. Tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn và đạt được không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn; đó là trường hợp có thể có. Ta trước kia khi chưa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác cũng suy gẫm như vầy: “Ta thật sự lệ thuộc tật bệnh nhưng không bỏ tìm cầu tật bệnh. Ta thật sự lệ thuộc già, chết, sầu, bi, ưu, não, ô uế, nhưng không bỏ tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế. Vậy ta có nên tìm cầu cái không bệnh, Vô thượng an ổn Njết-bàn, tìm cầu cái không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn chng?"

204. KINH LA-MA  1213

Ta vào thời thiếu niên, trong trắng, mái tóc xanh mướt, cho đến thời tráng niên, năm hai mươi chín tuổi, bấy giờ sống cực kỳ hoan lạc, thích trang sức, du hành. Ta vào lúc ấy, mặc dù cha mẹ khóc 16c, thân thuộc không ai vui, nhimg Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình để học dạo, thủ hộ thân mạng thanh tinh, thủ hộ khẩu và ý mạng thanh tịnh. Ta đã thành tựu giới thân ấy rồi, lại muốn tìm cầu sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn, cho nên lại tìm đến nơi A-la-la-già-la-ma và hỏi ràng: -Này A-la-la, Tôi muôn theo pháp của người đê tu hành Phạm hạnh được chăng? A-la-la trả lời:  Này Hiền giả, không có gì là không được. Hiền giả muốn hành thì hành!

Ta lại hỏi:  Làm thê nào đê pháp của người được tự tri, tự giác, tự tác chứng? A-la-la đáp: -Tôi vượt qua tất cả Thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Do đó, pháp của tôi được tự tri, tự giác, tự tác chứng. Ta lại suy nghĩ như vầy: "Không chỉ riêng A-la-la mới có niềm tin này; Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng A-la-la mới có sự tinh tấn này; Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng A-la-la mới có tuệ này; Ta cũng có tuệ :_ r này. A-la-la đôi với pháp này đã tự tri, tự giác, tự tác chứng.,, Ta muôn chứng pháp này, cho nên bèn sông cô độc tại một nơi xa văng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cân. Sau khi Ta sông cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần, không bao lâu Ta chứng pháp ấy. Sau khi chứng pháp ấy, Ta lại tìm đến chỗ A-la-la-gia- la-ma và hỏi:  Này A-la-la, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú? A-la-la trả lời Ta:  Này Hiên giả, đó là pháp tôi tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, đạt được Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. A-la-la-già-la-ma lại nói với Ta:  Này Hiền giả, ấy là cũng như sự tác chứng của tôi đối với pháp này, Hiền giả cũng vậy. Cũng như sự tác chứng của Hiền giả đối với pháp này, tôi cũng vậy. Này Hiền giả, Người hãy đến đây cùng tôi lãnh đạo đồ chúng này. Đó là A-la-la-già-la-ma đối xử Ta với địa vi Tôn sư, coi Ta ngang hàng, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan

hỷ. Ta lại suy nghĩ như vầy: “Pháp này không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến



Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này để tìm cầu thêm nữa sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niếtbàn." Ta bèn xả bỏ pháp này để đi tìm câu sự không bệnh, Vô thượng an ôn Niêt-bàn, tìm câu sự không già, không chét, không sâu, bi, ưu, não, không ô uê5 Vô thượng an ôn Niêt-bàn. Rồi Ta đi đến chỗ uất-đầu-la La-ma-tử, hỏi rằng: - uất-đầu-la? Tôi muốn ở trong pháp của người mà học hỏi, có thể được chăng? uất-đầu-la La-ma-tử trả lời Ta rằng: Này Hiền giả, không có gì là không được. Người muốn học thì học!

Ta lại hỏi: Này La-ma-tử, người tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp gì? Uất-đâu-la La-ma-tử đáp: Hiền giả, tôi vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an tru. Hiền giả, điều mà cha tôi là La-ma tự tri, tự giác, tự tác chứng, là pháp này. Ta lại suy nghĩ như vày: uKhông riêng chỉ La-ma mới có niềm tin này; Ta cũng có niềm tin này. Không chỉ riêng La-ma mới có sự tinh tấn này; Ta cũng có sự tinh tấn này. Không chỉ riêng La-ma mới có tuệ này; Ta cũng có tuệ này. La-ma đã tự tri, tự giác, tự tác chứng pháp này. Tại sao Ta lại không tư tri, tự giác, tự tác chứng pháp này?" Vì Ta muôn chứng pháp này, cho nên sông cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Sau khi Ta sống cô độc tại một nơi xa vắng, thanh nhàn, yên tĩnh, không bao lâu chứng được pháp ấy. Khi chứng pháp ấy rồi, Ta lại đến uất-đầu-la La- ma-tử và hỏi: Này Uât-dâu-la, thân phụ người là La-ma, phải chăng pháp này được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú? uất-đầu-la La-ma-tử trả lời Ta rằng: Hiền giả, thân phụ tôi là La-ma, đây là pháp được tự tri, tự giác, tự tác chứng, nghĩa là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, đạt được Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. uất-đầu-la lại nói với Ta rằng: Cũng như sự tác chứng của thân phụ tôi về pháp này, Hiền giả cũng vậy. A Cũng như sự tác chứng của Hiên giả vê pháp này, thân phụ tôi cũng vậy. Hiên giả, Người hãy đến đây cùng tôi lãnh đạo đồ chúng này. uất-đầu-la đối xử Ta ngang địa vi Tôn sư, coi Ta cũng như bậc thầy, tối thượng cung kính, tối thượng cúng dường, tối thượng hoan hỷ. Ta lại suy nghĩ như vây: "Pháp này không đưa đên trí, không đưa đên giác, không dân đên



Niết-bàn. Vậy Ta hãy xả bỏ pháp này, để tìm cầu thêm nữa sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niếtbàn.” Ta liền xả bỏ pháp ấy để đi tìm câu sự không bệnh, Vô thượng an ôn Niêt-bàn, tìm câu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn. Rồi Ta đi về phía Nam núi Tượng Đảnh, đến tại uất-bệ-la? một ngôi làng của Phạm chí tên là Tư-na. Đây là một khoảnh đất xinh xắn, khả ái; núi rừng sầm uất; sông Ni-liên-thiền với dòng nước trong xanh chảy tràn lên

bờ. Ta thấy khoảnh đất ấy bèn nghĩ rằng: "Khoảnh đất này xinh xắn, khả ái; núi rừng sầm uất; sông Ni-liên-thiền với dòng nước trong xanh chảy tràn lên bờ. Nếu một thiện nam tử muốn học đạo nên ở nơi này mà học; Ta cũng học dạo, vậy Ta hãy ở nơi này mà hoc." Rồi Ta ôm cỏ đến cây Giác. Đen nơi, Ta rải cỏ xuống, trải ni-sư-đàn lên và ngồi kiết-già, kỳ hẹn sẽ không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi nào chứng đắc Lậu tận. Và Ta không rời khỏi chỗ ngồi cho đến khi chứng đắc Lậu tận. Ta tìm cầu sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, liền đạt được sự không bệnh, Vô thượng an ôn Niêt-bàn; tìm câu sự không già, không chét, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn? liền đạt được sự không già, không chét, không sâu, bi, ưu, não, không ô uê, Vô thượng an ôn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Ta khi vừa chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác liền nghĩ như vầy: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?" Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Ta có nên đi đến thuyết pháp cho A-la-la-già-la-ma trước nhất chng?” Lúc bấy giờ có thiên thần trú trong hư không nói với Ta rằng: uĐại Tiên Nhơn, xin biết cho, A-la-la-già-la- ma vừa mạng chung, đến nay đã được bảy ngày.” Ta cũng tự biết A-la-la-già- la-ma mạng chung đã được bảy ngày. Ta lại nghĩ như vầy: 66A-la-la-già-la-ma, thiệt thòi thay cho người ây, không nghe được pháp này! Nêu được nghe pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy phap." Ta khi vừa chứng đác Vô thượng Chánh đăng giác liên nghĩ như vây: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất?" Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Ta có nên thuyết pháp cho uất-đầu-la La-ma-tử trước hết chDg?” Thiên thần lại trú trong hư không nói với Ta răng: "Đại Tiên Nhơn, xin biêt cho, Uât-đâu-la La-ma-tử mạng chung đến nay đã hai tuần thất. Ta cũng tự biết uất-đầu-la La-ma-tử mạng chung đã hai tuần thất. Ta lại nghĩ như vầy: Uuất-đầu-la La-ma-tử, thiệt thòi thay cho người ấy, không nghe được pháp này! Nấu được nghe pháp này, người ấy sẽ nhanh chóng biết rõ pháp tùy ph” Ta khi vừa mới chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, liền suy nghĩ như vầy: "Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước nhất? Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Xua kia, năm thầy Tỳ-kheo hầu hạ Ta, giúp Ta nhiều điều hữu ích. Khi Ta tu hành khổ hạnh,



năm thầy Tỳ-kheo ấy đã thừa sự Ta. Nay Ta có nên thuyết pháp cho năm thầy Tỳ-kheo trước chăng?^ Rồi Ta lại nghĩ rằng: "Năm thầy Tỳ-kheo thuở xưa ấy bây giờ đang ở dâu?” Bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hẳn người thường, Ta thấy năm thầy Tỳ-kheo đang ở tại Ba-la-nại, chỗ tiên nhơn trụ xứ, trong vườn Lộc Dã. Ta tùy thuận trú dưới gốc cây Giác. Sau đó, Ta thu vén y, om bát, đi về Ba- la-nại, đến đô ấp Ca-thi. Bấy giờ, dị học Ưu-đà từ xa trông thấy Ta đi đến, bèn nói với Ta: Hiền giả Cù-đàm các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt ngời sáng. Hiền giả Cù-đàm, ai là Tôn sư? Theo ai học đạo để tin tưởng thủ hộ pháp? Ta lúc bấy giờ liền nói bài kệ để trả lời Ưu-đà: Ta tối thượng tối thắng, Không nhiễm trước tất cả, Giải thoát, ái diệt tận, Tự giác, ai Tôn sư? Bậc Vô Đẳng, Đại Hùng, Tự giác, Vô Thượng giác, Như Lai, thầy thiên nhơn, Biến tri, thành tựu lực. Ưu-đà hỏi Ta: Hiền giả Cù-đàm tự cho là tối thắng chăng?

Ta lại nói bài kệ trả lời:

Đấng Tối Thắng như vậy, Các lậu đã tận trừ,
Ta sát hại ác pháp, Nên tối thắng là Ta.
Ưu-đà lại hỏi Ta rằng:
Hiền giả Cù-đàm, bây giờ muốn đi về đâu?
Ta bay giơ noi bai kẹ tra lơi: Ta đến Ba-la-nại, Gióng trống diệu cam lồ, Chuyển pháp luân vô thượng, Chưa ai chuyển trong đời. Ưu-đà nói với Ta: Hiền giả Cù-đàm có thể làm như vậy. Rồi vị ấy bước sang con đường tắt mà đi trở lui. Ta một mình đi đến tiên nhơn tru xứ, trong vườn Lộc Dã. Bấy giờ, năm Tỳ-kheo từ xa trông thấy Ta đi đên, ai cũng lập giao ước với nhau răng: “Chu Hiên nên biêt, đó là Sa-môn Cù- đàm đang đi đến. Người ấy đa dục, đa cầu, ăn với loại ẩm thực thù diệu bằng cơm gạo trắng, thơm ngon cùng với bột, tô, mật, và bôi xoa thân thể bằng dầu mè, nay lại đên đây. Các người cứ ngôi, chớ nên đứng dậy tiêp đón, cũng đừng làm lễ, dành sẵn cho một chỗ đó, nhimg đừng mời ngồi, đến rồi hãy nói: 'Nếu bạn muốn ngồi, xin cứ tùy y!,?, Rồi Ta đi đến chỗ năm Tỳ-kheo. Bấy giờ, năm Tỳ-kheo không kham nổi uy đức tối thắng, thù diệu của Ta, tức thì rời chỗ ngồi đứng dậy; người thì ôm y bát của Ta; người thì trải chỗ ngồi; người thì lấy nước cho Ta rửa chân. Ta nghĩ rằng: "Những người mê mờ này sao lại không bền chí,



đã tự mình ước lập điêu ước hẹn, roi lại làm trái điêu giao hen.55 Ta biêt như vậy rồi, bèn ngồi trên chỗ ngồi mà năm Tỳ-kheo đã dọn sẵn. Khi ấy, năm Tỳ-kheo gọi thẳng tên Ta và xưng hô với Ta là "bạn." Ta nói với họ: -Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, các thầy đừng gọi thẳng tên họ Ta, cũng đừng gọi Ta là "bạn." Vì sao vậy? Ta đã tìm cầu sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn; Ta tìm cầu sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn; đã sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữra." Họ nói với Ta: -Này bạn Cù-đàm, trước kia bạn hành như vậy, đạo tích như vậy, khổ hạnh như vậy, mà còn chưa chứng được pháp thượng nhân, gần kề với Thánh tri, Thánh kiên, huông gì ngày hôm nay đa dục, đa câu, ăn với thực phàm thù diệu, với gạo trắng thơm ngon, cùng với bột, tô, mật, bôi xoa thân thể bằng dầu mè? Ta lại nói: Này năm Tỳ-kheo? các thầy trước kia có bao giờ thấy Ta như vậy, với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời chăng? Bấy giờ, năm Tỳ-kheo lại trả lời Ta: - Trước kia chúng tôi chưa từng thấy bạn với các căn thanh tịnh, rạng rỡ sáng ngời. Này bạn Cù-đàm, nay bạn với các căn thanh tịnh, hình sắc thù diệu, khuôn mặt sáng ngời. Ta lúc ấy nói với họ rằng: Này năm Tỳ-kheo, có hai lối sống cực đoan mà những người học đạo không nên học: Một là đăm trước dục lạc, nghiệp hèn hạ? là lôi sông của phàm phu; hai là tự gây phiền, tự gây khổ, không phải là pháp Hiền thánh, không tương img với cứu cánh. Này năm Tỳ-kheo, xả bỏ hai cực đoan ấy, có con đường giữa tạo thành minh, thành trí, thành tựu định, đạt đến tự tại, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Đó là bát chánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định là tám. Rồi Ta lần

lượt giáo hóa năm Tỳ-kheo. Khi giáo hóa cho hai người thì ba người khất thực; ba người mang thức ăn về? đủ cho sáu người ăn. Khi giáo hóa cho ba người thì hai người đi khất thực; hai người mang thức ăn về, đủ cho sáu người ăn. Ta giáo hóa như vậy; họ tìm cầu sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn, và đạt được sự không bệnh, Vô thượng an ổn Niết-bàn; tìm cầu sự không già, không chét, không sâu, bi, ưu, não, không ô uê9 Vô thượng an ôn



Niêt-bàn? và đạt được sự không già, không chét, không sâu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn, sanh tri, sanh kiến, định đạo phẩm pháp, biết như thật: “Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Rồi Thế Tôn lại nói với họ:  Này năm Ty.kheo, có năm thứ diệu dục, khả ái? khả lạc, khả ý? khả niệm, hoàn toàn tương ưng với dục; đó là sác được biêt bởi mat, thanh được biêt bởi tai, hương được biêt bởi mũi, vị được biêt bởi lưỡi, xúc được biêt bởi thân. Này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp; họ xúc chạm, đăm chiêu, tham ái, dính măc, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng, không biêt sự nguy hiêm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị cùm ma khóa chặt, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo, cũng như nai rừng bi dây buộc chặt, nên biết nó phải nghe theo thợ săn, làm theo thợ săn, rơi vào tay thợ săn, bị lưới thợ săn quấn chặt; khi thợ săn đến, không thể trốn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện hữu, không biết Thánh pháp, không điều ngự trong Thánh pháp; họ đối với năm thứ diệu dục và xúc chạm, đắm nhiễm, tham ái, dính mắc, kiêu ngạo, lăn xả vào, thọ dụng, không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ phải nghe theo ác ma, làm theo ác ma, rơi vào tay ác ma, bị lưới ma quấn chặt, bị dây ma trói siết, không thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo5 đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp; những vị ấy đối với năm diệu dục không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, không kiêu ngạo, không lăn xả vào, không thọ dụng mà không thấy sự nguy hiểm, không thấy sự xuất yếu. Nên biết, họ không nghe theo ác ma, không làm theo ác ma, không rơi vào tay ác ma, không bi lưới ma quấn chặt, không bi dây ma buộc siết, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Tỳ-kheo? cũng như nai rừng thoát khỏi sự trói buộc; nên biết, nó không phải nghe theo thợ săn, không rơi vào tay thợ săn, không bi lưới thợ săn quân chặt, không bị dây thợ săn trói siêt; khi thợ săn đên, nó có thê trôn thoát. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo? đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, hiểu biết Thánh pháp, điều ngự trong Thánh pháp; vị ấy đối với diệu dục không xúc, không nhiễm, không tham, không trước, không kiêu ngạo, không lăn xả vào, không thọ dụng mà không thây sự nguy hiêm, không thây sự xuất yêu. Nên biêt, những người ây không phải nghe theo ác ma, không phải làm theo ác ma, không rơi vào tay ma, không bị lưới ma quấn chặt, không bị dây ma buộc siết, thoát khỏi sự trói buộc của ma. Này năm Ty.kheo, nếu lúc Như Lai xuất hiện ở thế gian, là bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Vị áy với định tâm thanh tinh như vậy, không ue, không phiên, nhu nhuyen, an trú vững vàng, đạt đến bất động tâm, tu học và tác chứng Lậu tận trí thông; vị ấy biết như thật: "Dây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo9\ biết như thật: "Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt, đây là lậu diệt dạo." Vị ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi, biết mình đã giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^, Vi ấy bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Vì sao vậy? Vi ấy tự mình thấy rõ vô lượng pháp ác, bất thiện đã diệt tận. Cho nên, vi ây tự tại đi, tự tại dứng, tự tại ngôi, tự tại năm. Này năm Tỳ-kheo, cũng như trong khu rừng vắng, nơi không có bóng người, ở đó nai rừng tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngôi, tự tại năm. Vì sao vậy? Nai rừng ây không năm trong cảnh giới của thợ săn; cho nên nó tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Cũng vậy, này năm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo lậu tận, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật: “Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^^ Vị ây lúc bây giờ tự tại đi, tự tại đứng, tự tại ngôi, tự tại năm. Vì sao vậy? Vì vị ấy tự mình thấy vô lượng pháp ác, bất thiện đã diệt tận; cho nên tự tại di, tự tại đứng, tự tại ngồi, tự tại nằm. Này năm Tỳ-kheo, đó gọi là giải thoát vô dư; đó gọi là sự không bệnh, Vô thượng an ôn Niêt-bàn; đó gọi là không già, không chết, không sầu, bi, ưu, não, không ô uế, Vô thượng an ổn Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KIẾT Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-ve, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Ta đã từng nói năm hạ phần kiết SÍT, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Thế Tôn hỏi lại đến lần thứ ba: Ta đã từng nói năm hạ phần kiết sử, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo cũng im lặng, không trả lời đến lần thứ ba. Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng Tử từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về Phật và bạch: Thế Tôn đã từng nói năm hạ phần kiết sử, con có thọ trì.

The Ton hỏi: -Này Man Đồng Tử, Ta đã từng nói năm hạ phần kiết sử, thầy có thọ trì chăng? Tôn giả Man Đồng Tử đáp: Thế Tôn đã nói dục là hạ phần kiết sử thứ nhất, con thọ trì như vậy; sân nhuế, thân kiến, giới thủ và nghi; Thế Tôn đã nói nghi là hạ phần kiết sử thứ năm, con thọ trì như vậy. The Ton quở: Man Đồng Tử, sao thầy lại thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kiết sử như vậy? Man Đồng Tử, thầy nghe từ miệng ai mà thọ trì rằng Ta nói năm hạ phần kiết sử như vậy? Này Man Đồng Tử, không phải số đông các người di học cật vấn, chỉ trích thầy với thí dụ này chăng: uNày Man Đồng Tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, trong ý còn không có y tưởng về dục tưởng, há lại tâm có triền phược nơi dục chăng? Nhưng do kiêt sử nơi bản tánh của nó nên nói là dục sử. Man Đồng Tỉr, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý

tưởng về chúng sanh còn không có, há lại có tâm về triền phược nơi sân nhuế chăng? Nhưng do kiết sử nơi bản tánh của nó nên nói là nhuế sử. Man Đồng Tử? con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về tự thân còn không có, há lại có tâm triền phược nơi thân kiến chăng? Nhung do kiết sử nơi bản tánh của nó nên nói là thân kiến sử. Man Đồng Tử, con nít mới sanh mềm yếu, nằm ngửa mà ngủ, ý tưởng về giới còn không có, há lại có tâm triền phược nơi giới thủ chăng? Nhimg do kiêt sử nơi bản tánh của nó nên nói là giới thủ sử. Man Đồng Tử, con nít mới sanh mềm yếu, ý tưởng về pháp còn không có, há lại có tâm



triền phược nơi nghi pháp chăng? Nhimg do kiết sử nơi bản tánh của nó nên nói là nghi sử." Không phải số đông các dị học đem thí dụ về con nít mới sanh này mà chỉ trích, cật vấn thầy chăng? Lúc bấy giờ, Man Đồng Tử bi Thế Tôn quở trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghi mông lung. Đức Thế Tôn sau khi quở trách Tôn giả Man Đồng Tử rồi, ngoi im lặng. Lúc ấy, Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật. Rồi Tôn giả A-nan chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, nay thật đúng lúc. Bạch Thiện Iliệ, nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe năm hạ phần kiết sử, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn, sẽ thọ trì cẩn thận. Thế Tôn dạy: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tu niệm!

Tôn giả A-nan bạch: Xin vâng lời lắng nghe!

Phật dạy: -Này A-nan, ở đây, có một hạng người bị dục triền phược, tâm dục sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do người đó không biết như thật về sự xả ly nên tham dục càng tăng thạnh, không thê chê ngự đoạn trừ; đó là hạ phân kiêt sử. Này A-nan, ở đây, có một hạng người bị nhuê triên phược, tâm nhuê sanh roi mà không biết như thật về sự xả ly; do người đó không biết như thật về sự xả ly nên sân nhuế càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan, ở đây, có một hạng người bị thân kiên triên nhược, tâm thân er * A .d.. • L kiên sanh roi mà không biêt như thật vê sự xả ly; do người đó không biêt như thật về sự xả ly nên thân kiến càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan, ở dây, có một hạng người bi giới thủ triền phược, tâm giới thủ sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do người đó không biết như thật vê sự xả ly nên giới thủ càng tăng thạnh, không thê chê ngự đoạn trừ; đó là hạ phần kiết sử. Này A-nan, ở đây, có một hạng người bị nghi phiền trược, tâm nghi sanh rồi mà không biết như thật về sự xả ly; do người đó không biết như thật về sự xả ly nên nghi càng tăng thạnh, không thể chế ngự đoạn trừ; đó là hạ phàn kiết sử. Này Anan, y trên dạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết SÍT, trường hợp này không thể có. Này A-nan, cũng như một người muốn tìm lõi cây; vì để tìm lõi cây nên xách búa vào rừng; người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nhưng nếu người ấy không chặt nơi rễ, nơi thân mà tìm được lõi cây mang vê, trường hợp này không thê có. Cũng vậy, A-nan?

phải y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Nếu không y trên đạo này, không y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết SÍT, trường hợp này không thể có. Này A-nan, y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Nếu ai y trên đạo này? y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, trường hợp này tất có. Này A-nan, cũng như một người muốn tìm lõi cây; vì để tìm lõi cây nên xách búa vào rừng; người ấy thấy một gốc cây đã đầy đủ rễ, thân, cành, lá và lõi. Nếu người ấy chặt nơi rễ? nơi thân và được lõi cây để mang về, trường hợp này chắc có. Cũng vậy, A-nan? y trên đạo, y trên tích để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. Nếu ai y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, trường hợp này tất có. Này A-nan, y trên đạo nào, y trên tích nào để đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? Này A-nan, ở đây, một hạng người không bị dục ưiền phược; nếu dục triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi, dục triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan? ở dây, một người không bị nhuế triền phược; nếu nhuê triên phát sanh, liên biêt như thật vê sự xả ly; biêt như thật vê sự xả ly roi, nhuế triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, ở đây, một người không bị thân kiên triên phược; nêu thân kiên triên phát sanh, liên biêt như thật vê sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi, thân kiến triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, ở đây, một người không bị giới thủ triền phược; nếu giới thủ triền phát sanh, liền biêt như thật vê sự xả ly; biêt như thật vê sự xả ly roi, giới thủ triên nơi người ấy liền diệt. Này Anan, ở đây, một người không bị nghi triền phược; nếu nghi triền phát sanh, liền biết như thật về sự xả ly; biết như thật về sự xả ly rồi, nghi triền nơi người ấy liền diệt. Này A-nan, y trên đạo này, y trên tích này mà đoạn trừ năm hạ phần kiết sử. NàyA-nan, cũng như sông Hăng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nêu có một người đến, có công việc ở bên bờ kia nên muốn qua sông, người ấy suy nghĩ rằng: "Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Nhưng tự thân ta không đủ sức để bình an lội sang bờ bên kia." Này A-nan, nên biêt răng người ây không đủ sức. Cũng vậy, này A-nan, nêu ai đôi với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niêt-bàn mà tâm không thú hướng, không thanh tịnh, không trú nơi giải thoát, này A-nan nên biêt, người ây cũng giống như người gầy yếu, không sức lực kia. Này A-nan cũng như sông Hăng-già với nước chảy tràn lên bờ. Nêu có một người đến, có công việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông, người ấy nghĩ rằng: "Sông Hằng-già này nước chảy tràn lên bờ. Ta có việc ở bờ bên kia nên muốn qua sông. Tự thân ta đủ sức để bình an lội qua bờ bên kia." Này A-nan, nên biết rằng người ấy đủ sức. Cũng vậy, này A-ĩian, nếu ai đối với sự chứng giác, với tịch diệt, với Niết-bàn mà tâm thú hướng, thanh tịnh mà an trú nơi giải thoát, này A-nan nên biết, người này cũng như người có sức lực kia.



Này A-nan5 cũng như dòng nước lũ rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi nhiêu thứ mà ở quãng giữa lại không thuyên, không câu. Giả sử có một người r ca..—: . 9 .

đên, có công việc ở bờ bên kia nên tìm cách đê qua. Khi tìm cách đê qua, người ấy suy nghĩ rằng: "Nay dòng nước lũ này rất sâu, rất rộng, chảy xiết, cuốn trôi mọi thứ mà ở

quãng giữa lại không thuyền, không cầu để có thể qua. Ta có công \ 9

việc ở bờ bên kia cân đi qua. Với phương tiện nào đó ta có thê bình an sang bờ bên kia?" Rồi người đó lại nghĩ rằng: "Bây giờ, ở bờ ben này, ta hãy thu lượm cỏ cây, buộc lại mà làm chiếc bè để bơi sang." Người ấy bèn ở bờ bên này thu lượm cỏ cây, buộc lại làm thành chiếc bè rồi bình an bơi sang bờ bên kia. Cũng vậy, này A-nan, nêu có Tỳ-kheo phan duyên vào sự yêm ly, y trên sự yêm ly, an trú nơi yểm ly, do chấm dứt thân ác hạnh, do tâm nhập ly định, ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Vi ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đỏ, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì người đó tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ. Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy giác quán đã tịch tịnh, nội tĩnh, nhất tâm? không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự himg suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì vi ấy sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ. Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tinh xứ? Vị ấy ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh sở xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Vi ấy y trên xứ này mà quán sát sự himg suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì vị ấy sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ. Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy diệt lạc, diệt khổ, ưu hỷ vốn có cũng đã diệt, không lạc, không khổ, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vi ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì vi ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tinh xứ. Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ? Vi ấy vượt qua sắc tưởng, diệt hữu ngại tưởng, không suy niệm đến bất cứ loại tưởng nào, nhập vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Vị ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vị ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó, tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì vị ấy sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ.

205. KINH NGŨ HẠ PHẦN KIẾT 1225

Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ? Vị ấy vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an tru. Vi ấy y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ. Vi ấy sau khi y trên xứ này mà quán sát sự hưng suy của thọ rồi, an trú nơi đó5 tất chứng đắc lậu tận. Giả sử an trú nơi đó mà không chứng đắc lậu tận thì vị ấy tất sẽ thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ. Thế nào là thăng tiến đạt đến tịch tịnh xứ? Vi ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Nơi vi ấy, nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không khổ, không lạc, vị ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục,

quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, vị ấy không sợ hãi; do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn và biết như thật: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Cũng như cách thôn không xa, có một cây chuối lớn. Nếu có người xách búa đến đốn ngã cây chuối, xẻ thành mảnh, xẻ làm mười phần hay làm trăm phần. Sau khi xẻ làm mười phần hay làm trăm phần rồi, bèn vạch từng sợi, nhưng mắt chuối còn không tìm thấy, há lại tìm thấy lõi được sao? Này A-nan, cũng vậy, Tỳ-kheo nếu có những cảm thọ nào, hoặc lạc, hoặc khổ, hoặc không kho, không lạc, vi ấy quán cảm thọ này là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả. Vị ấy sau khi như vậy quán thọ này là vô thường, quán sự hưng suy, quán vô dục, quán diệt, quán đoạn, quán xả rồi, liền không còn chấp thủ đối với thế gian này. Sau khi không còn chấp thủ đối với thế gian này, vị ấy không sợ hãi; do không sợ hãi mà nhập Niết-bàn và biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?9 LÚC bây giờ, Tôn giả A-nan chăp tay hướng vê đức Phật và bạch:  Bạch Thế Tôn, kỳ lạ thay, hy hữu thay! Thế Tôn vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu; nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc Vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Thế Tôn dạy:  Thật vậy, này A-nan. Thật vậy, này A-nan. Thật là kỳ lạ! Thật là hy hữu! Ta vì các Tỳ-kheo, y trên y, thiết lập y, nói về sự xả ly lậu, nói về sự vượt qua lậu; nhưng các Tỳ-kheo không nhanh chóng chứng đắc Vô thượng, nghĩa là đạt đến cứu cánh diệt tận. Vì sao? Vì sự thắng, liệt nơi mỗi người cho nên sự tu đạo có tinh, có thô. Do sự tu đạo có tinh, có thô cho nên mỗi người có sự thắng, liệt khác nhau. Này A-nan, vì vậy Ta nói mỗi người có sự thắng, liệt khác nhau. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

206. KINH TÂM UẾ

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ5 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bay giờ, The Ton noi vơi các Ty-kheo:

z 9 -r

Nêu Tỳ-kheo hay Ty-kheo-ni nào không nhô sạch năm thứ ô uê trong tâm, không cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm thì Ty-kheo hay Ty-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối. Thế nào là không nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm? ở đây, có người nghi ngờ Thế Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín. Nêu hạng người nào nghi ngờ Thê Tôn, do dự, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín thì người đó gọi là không nhổ sạch loại tâm ô uế thứ nhất, nghĩa là đối với Thế Tôn. Cũng vậy, ai đối với Chánh pháp, đôi với học giới, đôi với giáo huân, hoặc đôi với những vị đông Phạm hạnh được Thê Tôn khen ngợi mà sân nhuê, mạ ly, lăng nhục, xúc não, xâm hại, không ngộ nhập, không quyết đoán, không tịnh tín thì đó gọi là loại tâm ô uế thứ năm không được nhô sạch, nghĩa là đôi với các vi đông Phạm hạnh. Thế nào là

không cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm? ở dây, có một hạng người thân không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát. Nêu ai thân không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nô lực tinh tân và chuyên cân tĩnh tọa. Nêu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là loại tâm phược thứ nhất, nghĩa là nơi thân. Lại nữa, có một hạng người đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát. Nếu ai đối với dục mà không ly nhiễm, không ly dục, không ly ái, không ly khát, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là loại tâm phược thứ hai, nghĩa là nơi dục. Lại nữa, có một hạng người đối với điều được nói tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyến, không triền cái nghi hoặc, nghĩa là nói về giới, định, tuệ,



giải thoát, giải thoát tri kiến, nói về tổn giảm, nói về sự không tụ hội, nói về thiêu dục, nói vê tri túc, nói vê đoạn trừ, nói vê vô dục, nói vê diệt, nói vê tĩnh tọa, nói về duyên khởi; những điều như vậy được Tỳ-kheo hay Sa-môn nói, nhưng người ấy tâm không thú hướng, không đinh tín, không an trú, không thăng giải trong nô lực tinh tân và chuyên cân tĩnh tọa. Nêu ai có tâm này, không thú hướng, không tinh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là loại tâm phược thứ ba, nghĩa là đối với thuyết. Lại nữa, có một hạng người thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu sa, không học hỏi. Nếu ai thường tụ hội chung với đạo hay tục, náo loạn, kiêu sa, không học hỏi, người ấy tâm không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là loại tâm phược thứ tư, nghĩa là đối với sự tụ hội. Lại nữa, có một hạng người với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại, không mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc mà nửa đường dừng lại, không mong cầu thăng tiến, người ấy tâm không thú hướng, không tinh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, không thú hướng, không tịnh tín, không an trú, không thắng giải trong nỗ lực tinh tấn và chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là loại tâm phược thứ năm, nghĩa là đối với sự thăng tiến. Nêu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào không nhô sạch năm thứ ô uê trong tâm và không cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp tất thối vậy. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm và khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm thì Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tịnh. Thế nào là Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm? ở đây, có một hạng người không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự những ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín. Nếu ai không nghi ngờ Thế Tôn, không do dự những nệộ nhập, quyết đoán, tịnh tín thì đó gọi là hạng người thứ nhất khéo nhổ sạch ô ue trong tâm, nghĩa là đối với Thế Tôn. Cũng vậy, đối với Chánh pháp, đối với học giới, đối với giáo

huấn, hoặc đối với những vị đồng Phạm hạnh được Thế Tôn khen ngợi mà không sân nhuế, không lăng nhục, không xúc não, không xâm hại, có ngộ nhập, quyết đoán, tịnh tín thì đó gọi là hạng người thứ năm khéo nhổ sạch ô uế trong tâm, nghĩa là đối với các vị đồng Phạm hạnh. Thế nào là khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm? ở dây, có một hạng người thân ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai thân ly nhiễm, ly dục, ly ái5 ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tinh tín, an trú, thắng



giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tinh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là hạng người thứ nhất khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, nghĩa là đoi với thân. Lại nữa, có một hạng người đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát. Nếu ai đối với dục mà ly nhiễm, ly dục, ly ái, ly khát, người ấy có tâm thú hướng, tinh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai CÓ tâm này, thú hướng, tinh tín, an trú, thăng giải, nô lực tinh tân, chuyên cân tĩnh tọa thì đó gọi là hạng người thứ hai khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với dục. Lại nữa, có một hạng người đối với những điều được thuyết giảng tương ưng với Thánh nghĩa, nhu nhuyên, không triên cái nghi hoặc, nghĩa là nói vê giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiên, nói vê tôn giảm, nói vê sự không tụ hội, nói về thiểu dục, nói về tri túc, nói về đoạn trừ, nói về vô dục, nói về diệt, nói về tĩnh tọa, nói về duyên khởi; những điều như vậy được thuyết giảng bởi Sa-môn hay Tỳ-kheo và người ấy tâm thú hướng, tinh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trú, thăng giải, nô lực tinh tân, chuyên cân tĩnh tọa thì đó gọi là hạng người thứ ba khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đôi với thuyêt. Lại nữa, có một hạng người không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu sa, nhưng học hỏi. Nếu ai không thường tụ hội với đạo hay tục, không náo loạn, không kiêu sa nhưng học hỏi, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là hạng người thứ tư khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự không tụ hội. Lại nữa, có một hạng người với một ít sở đăc5 nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến. Nếu ai với một ít sở đắc, nửa đường không dừng lại nhưng mong cầu thăng tiến, người ấy tâm thú hướng, tịnh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa. Nếu ai có tâm này, thú hướng, tinh tín, an trú, thắng giải, nỗ lực tinh tấn, chuyên cần tĩnh tọa thì đó gọi là hạng người thứ năm khéo cởi mở sự trói buộc trong tâm, tức là đối với sự thăng tiến. Nếu Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào khéo nhổ sạch năm thứ ô uế trong tâm, khéo cởi mở năm thứ trói buộc trong tâm, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni ấy được nói đến với pháp thanh tinh. Vị ấy an trú nơi mười chi này rồi, lại tu tập thêm năm pháp. Thế nào là năm? Tu dục định tâm, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm; tu tinh tan đinh; tâm đinh; tư duy định, thành tựu đoạn như ý túc, y trên viễn ly, y trên vô dục, y diệt, y xả, thú hướng phi phẩm; và kham nhiệm là thứ năm. Vị ấy thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, thành tựu tự thọ, chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng

. r y jT e r giác, đên cửa cam lô, cận trú Niêt-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đên Niết-bàn. Cũng như con gà sanh mười trứng hoặc mười hai trứng, luôn luôn ấp ủ, luôn luôn sưởi ấm, luôn luôn trông chừng. Giả sử con gà mái ấy buông trôi, nhưng bên trong đã có gà con, nó sẽ lây chân mà chọi, lây mỏ mà mô vỏ trưng, tự nó bình an chui ra. Nó là con gà con bậc nhất. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo thành tựu kham nhiệm cho đến mười lăm pháp này, tự thọ, chắc chắn đạt đến tri, đến kiến, đến Chánh đẳng giác, đến cửa cam lồ, cận trú Niết-bàn. Ta nói không có sự kiện không đi đến Niết-bàn. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

207. KINH TIỄN MAO (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa (Kalandakanivàpa), cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị đang an cư mùa mưa. Bấy giờ, trải qua đêm, vừa lúc sáng, đức Thế Tôn mặc y, cầm bát vào thành Vương Xá để khất thực; khất thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn dị học trong rừng Khổng Tước. Tại rừng Khổng Tước, trong vườn dị học, bấy giờ, có một người dị học tên là Tiễn Mao, là một vị danh dức, là bậc Tông chủ, được mọi người tôn làm bậc thầy, CÓ tiêng tăm lớn, mọi người kính trọng, thông lãnh đô chúng đông đảo, được năm trăm vị dị học tôn trọng. Vị này đang ở giữa đại chúng đang ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiếng, bàn luận đủ mọi vấn đề súc sanh, tức là các vấn đề về vua chúa, vê giặc, vê việc đâu tranh, vê ăn uông, vê y phục, vê đàn bà, vê con gái, về dâm nữ, về thế gian, về đồng trống, về việc dưới biển và việc nước, việc nhân dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp bàn luận về những vấn đề súc sanh như vậy. Di học Tiễn Mao thấy Phật từ xa đến, dặn đồ chúng của mình rằng: Này các ông, hãy ngồi im lăng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. ĐÔ chúng của ông ây im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Nêu ông ấy thấy chúng ta im lặng, có thể sẽ đến thăm. Dị học Tiễn Mao dặn chúng im lặng, chính mình cũng im lặng mà ngồi. Đức Thế Tôn đi đến chỗ dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chăp tay và bạch Phật: Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến đây, mời Ngài ngôi xuống chô này. Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi mà Tiễn Mao đã trải sẵn. Di học Tiễn Mao cùng Thế Tôn chào hỏi rồi lui ngồi một bên. The Ton hỏi: Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây?



Dị học Tiễn Mao thưa: Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa- môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này, để sau này nghe cũng không khó gì. The Ton hoi ba lan như vạy: Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp ở đây? • Dị học Tiên Mao cũng đáp lại ba lân răng: Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vân đê này, vân đê này không hay ho gì. Sa- môn Cù-đàm nếu muốn nghe sau này nghe cũng không khó. Nhung Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói. Bạch Cù-đàm, chúng tôi với số đông các Phạm chí nước Câu-tát-la cùng tụ tập ngồi ở học đường Câu-tát-la bàn luận như vầy: "Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương-già Ma-kiệt-đà! Thật tốt đẹp và lợi ích cho dân nước Ương- già Ma-kiệt-đà! Chúng đại

phước điền như thế cùng an cư mùa mưa tại thành Vương Xá. Đó là ngài Phất-lan Ca-diếp. Vì sao? Bạch Cù-đàm, Phất-lan Ca-diếp là bậc danh đức, Tông chủ, làm thây mọi người, có tiêng tăm lớn, mọi người đêu kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trăm dị học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá này. Cũng vậy, Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi-tử, Sa-nhã Bệ-la-trì-tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú Ca-chiên? A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê- xá Kiếm-bà-lợi là bậc danh dức, Tông chủ, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều kính trọng, thống lãnh đồ chúng lớn, được năm trâm di học tôn trọng, cùng an cư mùa mưa ở thành Vương Xá này. Vừa rồi, chúng tôi cùng bàn đến Sa-môn Cù-đàm rằng: uSa-môn Cù-đàm này là bậc danh dức, Tông chủ, làm thầy mọi người, có tiếng tăm lớn, mọi người đều kính trọng, thống lãnh đại chúng Tỳ-kheo, được một ngàn hai trăm năm mươi người tôn trọng, cùng nhau an cư mùa mưa tại thành Vương Xá này.” Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Nay trong các Sa-môn, Phạm chí được tôn sùng này, ai là người được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; không bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc; cũng không bi đệ tử vấn nạn thầy rằng: 'Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng/ Họ nói rồi liền bỏ di?" Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc; rất nhiều đệ tử vấn nạn ông ta rằng: 'Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng.5 Họ nói rồi liền bỏ di." Bạch Cù-đàm, thuở xưa, Phất-lan Ca-diếp đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn: "Các ông hãy đứng yên! Không có ai đến hỏi các ông, người ta



hỏi ta. Các ông không thể giải quyết được việc này, chỉ ta mới có thể giải quyết được việc nay/9 Nhimg các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận những việc khác, không chờ thầy nói xong vấn đề. Bạch Cù-đàm? chúng tôi lại nghĩ: "Nhu vậy, Phất-lan Ca-diếp này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; bị đệ tử dùng pháp mắng nhiêc đê măng nhiếc; rát nhiều đệ tử vấn nạn ông ta răng: 'Điêu đó hoàn toàn không thê, không tương ưng, không chính đáng/ Họ nói rồi liền bỏ di." Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi-tử, Sa-nhã Bệ-la-trì-tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi cũng vậy. Bạch Cù-đàm5 chúng tôi lại nghĩ: uA-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi này kh6ng được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; bi đệ tử dùng pháp măng nhiếc để mắng nhiếc; rất nhiều đệ tử vấn nạn ông ta rằng: 'Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng.9 Họ nói rồi liền bỏ di." Bạch Cù-đàm, thuở xua, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi đã có lần ở trong chúng đệ tử giơ tay la lớn rằng: "Các ông hãy đứng yên! Không có ai đến hỏi các ông, người ta hỏi ta. Các ông không thể giải quyết được việc này? chỉ ta mới có thể giải quyết được việc này.” Nhưng các đệ tử ngay trong lúc đó lại bàn luận việc khác, không chờ thầy nói xong vân đề. Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: "Nhu vậy, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi này không được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc; rất nhiều đệ tử vấn nạn ông ta rằng: 'Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính đáng/ Họ nói rồi liền bỏ di.” Bạch Cù-đàm, chúng tôi lại nghĩ: uSa-môn Cù-đàm này được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; không bị

đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc; cũng không bi đệ tử vấn nạn rằng: 'Điều đó hoàn toàn không thể, không tương ưng, không chính dáng.' Do đó, không có sự việc họ nói rồi liền bỏ di.” Bạch Cù-đàm, thuở xưa, Sa-môn Cù-đàm đã có lần nói pháp tại đại chúng, vô lượng trăm ngàn người vây quanh. Ngay bấy giờ, có một người ngủ mà ngáy; lại có một người bảo người kia rằng: “Bừng có ngủ ngáy! Ông không muôn nghe Thế Tôn nói pháp vi diệu như cam lô sao!" Người đó liền im lặng, không gây tiếng động nữa. Bạch Cù-đàm? chúng tôi lại nghĩ: "Nhu vậy, Sa-môn Cù-đàm này được đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự; không bị đệ tử dùng pháp mắng nhiếc để mắng nhiếc; cũng không bị đệ tử vấn nạn thầy rằng: 'Điêu đó hoàn toàn không thê, không tương ưng, không chính dáng.' Do đó, không có sự việc họ nói rồi liền bỏ di." Thế Tôn nghe rồi liền hỏi dị học Tiễn Mao rằng:  Ưu-đà-di, ông thấy Ta có bao nhiêu pháp khiến cho các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời?



Dị học Tiễn Mao đáp: -Tôi thấy Cù-đàm có năm pháp khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Những gì là năm? Sa-môn Cù-đàm tri túc vê áo thô, khen ngợi tri túc vê áo thô. Nêu Sa-môn Cù-đàm tri túc vê áo thô, khen ngợi tri túc về áo thô thì đó là pháp thứ nhất mà tôi thấy Sa-môn Cù- đàm có, khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về ăn uống đạm bạc, khen ngợi tri túc về ăn uông đạm bạc. Nêu Sa-môn Cù-đàm tri túc vê ăn uông đạm bạc, khen ngợi tri túc vê ăn uông đạm bạc thì đó là pháp thứ hai mà tôi thây Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn ít. Nếu Sa-môn Cù-đàm ăn ít, khen ngợi sự ăn itthī đó là pháp thứ ba mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, thường đi theo không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ; khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ. Nếu Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chống thô sơ; khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ thì đó là pháp thứ tư mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Lại nữa, Sa-môn Cù-đàm tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tọa. Nếu Sa-môn Cù- đàm tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tọa thì đó là pháp thứ năm mà tôi thấy Sa-môn Cù-đàm có, khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Đó là năm pháp mà tôi thây Sa-môn Cù-đàm có, khiên các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng SỊT, thường đi theo không rời. Đức Thế Tôn bảo:  Này Ưu-đà-di, Ta không phải do năm pháp ấy mà khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường đi theo không rời. Này Ưu- đà-di, áo Ta mặc được căt bởi con dao Thánh và nhuộm màu sác xâu xa. Như vậy, áo Thánh được nhuộm màu sắc xấu xa. Này Ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trọn đời chỉ mặc áo phấn tảo do người ta bỏ và cũng nói như vầy: "Thế Tôn của ta tri túc về áo thô, khen ngợi sự tri túc về áo th&" Này Ưu-đà- di, nêu đệ tử của Ta nhân sự tri túc vê áo thô mà khen ngợi Ta thì người ây đo sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không

theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta ăn đồ ăn gạo nếp nấu chín và không có hạt lép, vô lượng tạp vị. Này Ưu-đà-di, nhimg đệ tử của Ta có người trọn đời khất thực, ăn đồ ăn đã bỏ và cũng nói như vầy: “Thế Tôn của Ta tri túc về ăn đạm bạc, khen



ngợi tri túc về ăn đạm bạc." Này ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhân sự tri túc về ăn uông đạm bạc mà khen ngợi Ta thì người ây do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta chỉ ăn bằng một trái cây Bệ-la hoặc bằng nửa trái Bệ-la. Này ưu-đà-đi, nhưng đệ tử của Ta có người ăn bằng một câu-tha hoặc bằng nửa câu-tha và cũng nói như vầy: "Thế Tôn của Ta ăn ít, khen ngợi ăn ít.” Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhân sự ăn ít mà khen ngợi Ta thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta hoặc ở trên lầu cao, hoặc ở trên nhà rạp. Này ưu-đà-di, nhưng đệ tử của Ta có người trải qua chín mười tháng, sướt đêm ngủ ngoài trời và cũng nói như vầy: "Thế Tôn của Ta tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ; khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô SO." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhân sự tri túc về chỗ nghỉ ngơi, giường chõng thô sơ mà khen ngợi Ta thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta thường sống trong sự náo nhiệt giữa Tỳ-kheo? Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Nhưng đệ tử của Ta có người qua nửa tháng mới nhập chúng một lần vì pháp thanh tịnh và cũng nói như vầy: "Thế Tôn của Ta tĩnh tọa và khen ngợi tĩnh tga." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử của Ta nhân sự tĩnh tọa mà khen ngợi Ta thì người ấy do sự kiện này đã không cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, cũng không theo Ta. Này Ưu-đà-di, Ta không có năm pháp này khiến hàng đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự, thường theo không rời. Này Ưu-đà-di, Ta lại có năm pháp khác khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Những gì là năm? Này Ưu-đà-di? Ta có đệ tử do vô thượng giới mà khen ngợi Ta: "Thế Tôn hành giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời n6i." Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta nhân giới vô thượng mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân điều này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng trí tuệ mà khen ngợi Ta: 'Thế Tôn có trí tuệ, cực đại trí tuệ. Nếu có ai đến bàn luận hay đối đáp thì Ngài đều khuất phục dugc.” Nghĩa là đối vơi Chánh pháp, Luật không thể nói, đối với điều chính mình nói, cũng không thể nói. Này Ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta do vô thượng trí tuệ mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-dà-di? Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta rằng: "Thế Ton biết khắp chứ không phải không biết, thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân,



CÓ duyên chứ không phải không duyên, có thể đáp chứ không phải không thể đáp, có xả ly chứ không phải không xả ly. Này ưu-đà-di5 nếu đệ tử Ta nhân vô thượng tri kiến mà khen ngợi Ta thì người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường,

phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do nhàm chán mũi tên ái dục mà đến hỏi Ta về: Khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo. Ta liền trả lời về: Khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo ỉa đạo. Này Uu-dà-di, nếu có đệ tử đến hỏi Ta, được Ta trả lời xứng ý, khiên được hoan hỷ thì người ây nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta vì các đệ tử hoặc nói Túc mạng trí thông tác chứng minh đạt, hoặc nói Lậu tận trí thông tác chứng minh đạt. Này ưu-đà-di, nếu đệ tử Ta ở trong Chánh pháp, Luật này, được thọ, được độ, được đến bờ bên kia, không nghi không hoặc, ở trong thiện pháp không có do dự thì người ấy nhân sự kiện này mà cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Này Ưu-đà-di, đó là năm pháp mà Ta có khiến các đệ tử cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Ta, thường theo Ta không rời. Bấy giờ, dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về phía Phật và bạch:  Kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Ngài khéo nói những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể con cũng như cam lồ. Bạch Cù-đàm, cũng như mưa lớn, cõi đất này từ cao đên tháp đêu được thâm nhuần kháp cả. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm nói cho chúng con những điều vi diệu, thấm nhuần thân thể chúng con cũng như cam lồ. Bạch Thế Tôn, con đã hiểu! Bạch Thiện Thệ, con đã rõ! Bạch Thế Tôn, con nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, dị học Tiễn Mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

208. KINH TIỂN MAO (B) Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, đêm đã qua, lúc vừa sáng, đức Thế Tôn mặc y, cầm bát, vào thành Vương Xá đê khát thực; khát thực xong, thu dọn y bát, rửa chân tay, Ngài khoác ni-sư-đàn trên vai và đi đến vườn dị học trong rừng Khổng Tước. Tại rừng Khổng Tước, trong vườn di học, bấy giờ có một người di học tên là Tiễn Mao, là một danh đức, là bậc Tông chủ, được mọi người tôn là thầy, có tiếng tăm lớn, mọi người kính trọng, thống lãnh đồ chúng đông đảo, được năm trăm vị di học tôn trọng. Vi này đang ở giữa một đại chúng ồn ào, nhiễu loạn, nói năng lớn tiêng, bàn luận đủ mọi vân đê súc sanh, tức các vân đê vê vua chúa, về giặc, về việc đấu tranh, về việc ăn uống, về y phục, về đàn bà, về con gái, vê dâm nữ, vê thê gian, vê đông trông, vê dưới biên và việc nước, việc nhân dân. Những người ấy cùng nhau nhóm họp, ngồi bàn luận về những vấn đề súc sanh như vậy. Dị học Tiên Mao thây Phật từ xa đên, dặn đô chúng của mình răng:  Này các ông, hãy ngồi im lặng. Người đang đến kia là Sa-môn Cù-đàm. Đồ chúng của ông ấy im lặng, thường ưa sự im lặng, khen ngợi sự im lặng. Nếu thấy chúng ta im lặng, ông ấy có thể đến thăm. Di học Tiễn Mao dặn chúng im lặng và chính mình cũng im lặng mà ngồi. Đức Thế Tôn đi đến chỗ dị học Tiễn Mao. Dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên phải, chắp tay hướng về đức Phật và bạch: Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Sa-môn Cù-đàm đã lâu không đến dây, mời Ngài ngồi xuống chỗ này. Thế Tôn liền ngồi xuống chỗ ngồi mà Tiễn Mao đã trải sẵn. Dị học Tiễn Mao cùng Thế Tôn chào hỏi rồi lui ngồi một bên. The Ton hỏi:  Này Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp ngồi ở đây? Dị học Tiễn Mao

thưa: Bạch Cù-đàm9 xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa- môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này, để sau này nghe cũng không khó.



rrM A rpi 2 : 1 L 1À The Ton hoi như vạy ba lan: Này Ưu-đà-di, các ông vừa bàn luận những gì? Do việc gì mà cùng nhóm họp ngồi ở đây? Di học Tiễn Mao cũng lại đáp ba lần: - Bạch Cù-đàm, xin bỏ qua vấn đề này, vấn đề này không hay ho gì. Sa- môn Cù-đàm nếu muốn nghe vấn đề này, để sau này nghe cũng không khó. Nhưng nếu Sa-môn Cù-đàm ba lần muốn nghe, nay tôi phải nói. Bạch Cù-đàm5 tôi có sách lự, có tư duy, trú trong trạng thái sách lự, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Khi nghe có người nói: "Thật sự có Tát- vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không tì^ấy", tôi liền đến vấn sự, nhimg vi ấy không biết. Bạch Cù-đàm? tôi nghĩ như vầy: “Bây là thế no?” The Ton hỏi: Này Ưu-đà-di, ông có sách lự, có tư duy, trú trong trạng thái sách lự, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Nhưng ai nói: "Thật sự có Tát- vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy", nhimg khi ông đến vấn sự thì vị ấy không biết? Di học Tiễn Mao thưa: Bạch Cù-đàm, đó là Phất-lan Ca-diếp. Vì sao? Bạch Cù-đàm, vì Phất-lan Ca-diếp tự cho là thật có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả? không có gì không biết, không có gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, trú trong trạng thái sách lự, trú trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Tôi đến vấn sự nhimg vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế này: “Bây là thế nao?^ Ma-tức-ca-lợi Cù-xá-lợi-tử, Sa-nhã Bệ-la-trì-tử, Ni-kiền Thân Tử, Ba-phú Ca-chiên, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi, các vị này cũng vậy. Bạch Cù-đàm, A-di-đa Kê-xá Kiếm-bà-lợi tự cho là thật có Tát-vân-nhiên, biết tất cả, thấy tất cả, không có gì không biết, không có gì không thấy. Tôi có sách lự, có tư duy, tru trong trạng thái sách lự, tru trong trạng thái tư duy, có trí tuệ, có biện tài. Tôi đến vấn sự nhung vị ấy không biết. Bạch Cù-đàm, vậy nên tôi nghĩ thế này: "Đây là thế nảo?95 Bạch Cù-đàm, tôi lại suy nghĩ: “Nhu vậy, ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc quá khứ; Sa-môn Cù-đàm ắt có thể đáp những việc quá khứ của ta. Ta phải đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi những việc vi lai; Sa-môn Cù- đàm ắt có thể đáp những việc vi lai của ta. Lại nữa, ta tùy những việc mà hỏi Sa-môn Cù-đàm; ắt Sa-môn Cù-đàm cũng tùy mà trả lời những việc ta hỏi?9 The Ton đáp: -Này Ưu-đà-di? thôi! Thôi! ông luôn luôn dị kiến, dị nhẫn, di lạc, dị dục, dị ý nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Này ưu-đà-di9 Ta có đệ tử có



nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sông vê trước trong quá khứ, nghĩa là một dời, hai dời, trâm dời, ngàn dời, thành kiêp, bại kiêp, vô lượng thành bại kiêp, chúng sanh có tên như vậy, ta từng sanh ở đó, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy, chết ở chỗ này, sanh ở chỗ kia, chết ở nơi kia, sanh ở nơi này. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uống như vậy, thọ khổ lạc như vậy, sống lâu như vậy, tru lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy. Người ấy đến hỏi Ta việc quá khứ, Ta đáp việc quá khứ cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc quá khứ, người

ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy sự việc Ta hỏi mà đáp. Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử với thiên nhãn thanh tịnh vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi sanh khi chết, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh r jT

này mà thây họ đúng như vậy. Nêu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khâu ác hạnh, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiên, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu diệu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, người ấy do duyên này, khi thân hoại mạng chung, ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên cõi trời. Người ấy đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vi lai cho người ấy. Ta cũng đến hỏi việc vị lai, người ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy việc Ta hỏi mà đáp. Dị học Tiễn Mao bạch: -Bạch Cù-đàm? nếu như vậy, tôi trở thành không biết, không thấy, trở thành ngu si, rớt vào ngu si; nghĩa là, vì Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Nầy Ưu-đà-di, thôi! Thôi! Ông luôn luôn dị kiến, dị nhẫn, dị lạc, di dục, dị ý nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Này ưu-đà-di, Ta có đệ tử có nhân, có duyên, nhớ được vô lượng đời sống về trước trong quá khứ, nghĩa là một đời, hai đời, trăm dời, ngàn đời, thành kiếp, bại kiếp, vô lượng thành bại kiếp, chúng sanh có tên như vậy, Ta từng sanh ở đó, họ như vậy, tên như vậy, sống như vậy, ăn uông như vậy, thọ khô lạc như vậy, sông lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng chấm dứt như vậy, chết ở chỗ này, sanh ở chỗ kia, chết ở nơi kia, sanh ở nơi này. Ta sanh tại đây, họ như vậy, tên như vậy, sông như vậy, ăn uông như vậy, thọ khô lạc như vậy, sông lâu như vậy, trú lâu như vậy, thọ mạng châm dứt như vậy Người ấy đến hỏi Ta việc quá khứ, Ta đáp việc quá khứ cho người ấy. Ta cũng đến hỏi người ấy việc quá khứ, người ấy cũng đáp việc quá khứ cho Ta. Ta theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy sự việc Ta hỏi mà d" Lại nữa, này Ưu-đà-di, Ta có đệ tử với thiên nhãn thanh tinh vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi sanh khi chết, sắc đẹp sắc xấu, sắc diệu hay



bất diệu, qua lại chỗ thiện hay bất thiện, tùy theo sự tạo nghiệp của chúng sanh này mà thấy họ đúng như vậy. Nếu chúng sanh này thành tựu thân ác hạnh, thành tựu khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, vu báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến, người ấy do nhân duyên này, khi thân hoại mạng chung, ắt đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Nếu chúng sanh này thành tựu thân diệu hạnh, thành tựu khẩu diệu, ý diệu hạnh, không vu báng Thánh nhân, có chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến, người ấy do duyên này, khi thân hoại mạng chung, ắt sanh lên chỗ thiện, được sanh lên cõi trời. Người ấy đến hỏi Ta việc vị lai, Ta đáp việc vi lai cho người ấy. Ta cũng đến hỏi việc vị lai, người ấy cũng đáp việc vị lai cho Ta. Ta tùy theo việc người ấy hỏi mà đáp, người ấy cũng tùy việc Ta hồi mà đáp. Bạch Cù-đàm, tôi đối với đời sống này, làm những gì đã làm, được những gì đã được còn không thể nhớ được thì làm sao có thể nhớ sự việc trong vô

lượng đời sống về trước có nhân, có duyên! Bạch ctbdàm, tôi còn không thể thấy con quỷ phiêu phong thì làm gì mà được thiên nhãn thanh tinh vượt quá người thường, thấy chúng sanh này khi chết khi sanh, sắc tốt sắc xấu, đẹp hoặc không đẹp, đưa đến chỗ thiện hoặc chỗ bất thiện, tùy sự tạo nghiệp của chúng sanh mà thấy họ đúng như thật! Bạch Cù-đàm? tôi lại nghĩ như vầy: "Nếu Sa-môn Cù-đàm hỏi ta vấn đề theo thây học pháp, hoặc giả ta có thê đáp khiên Ngài vừa The Ton hỏi:  Này Ưu-đà-di? ông theo thầy học những pháp gì?

Dị học Tiễn Mao đáp:

Bạch Cù-đàm, người đó nói: “sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.99

The Ton hỏi:

Này Ưu-đà-di, những sắc gì?

Di học Tiễn Mao đáp: -Bạch Cù-đàm, nếu sắc nào mà không có sắc khác tối thượng, tối diệu thì là tối thắng. Vậy sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng. The Tôn hỏi:  Này Ưu-đà-di, cũng như có người nói như vầy: "Nếu trong nước này có người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái d6." Nấu có người hỏi người đó như vầy: "Ông biết trong nước có người con gái rất đẹp, nhimg có biết tên gi, họ gì, sanh sống như thế nào; là cao, thấp, thô, tế, là trắng, đen, là không trăng, không đen; là con gái của Sát-lợi, Phạm-chí5 cư sĩ hay người thợ; ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc không?^ Người đó đáp rằng: "Tôi không bi&t." Người kia lại hỏi người đó: "ông không biết,



không thây trong nước có người con gái rát dẹp, tên họ như vậy, sanh sông như vậy; cao, thấp, thô, tế, trắng, đen, không trắng, không đen; con gái của Sát-lợi9 Phạm chí, cư sĩ hay người thợ; ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bác mà lại nói như vây: 'Tôi muôn được người con gái đó\ được u?” Cũng vậy, này Ưu-đà-di, ông nói như vầy: "Nguồi đó nói sắc vượt quá sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thuợng." Nhimg khi được hỏi sắc đó thì ông lại không biết. Di học Tiễn Mao đáp:  Bạch Cù-đàm9 cũng như tử ma là thứ cực diệu; người thợ vàng khéo mài giũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng bạch luyện đem để giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói: "Sắc đó vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thuợng." The Ton bảo:  Này Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, tùy theo chỗ hiểu mà đáp. Này ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng bạch luyện để giữa nắng mà sắc của nó cực diệu, chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối sáng lấp lánh, trong hai ánh sáng đó, cái nào sáng hơn? Dị học Tiễn Mao đáp:  Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đối với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm sáng hơn. The Ton hoi: - Này ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Tiễn Mao đáp: -Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng đom đóm thì ánh sáng đèn dầu sáng hơn. Thê Tôn hỏi:  Này ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đông cây lớn trong đêm tôi, trong hai ánh sáng ây, cái nào sáng hơn? Di học Tiễn Mao đáp:  Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đông cây

lớn đôi với ánh sáng đèn dâu thì ánh sáng lửa đông cây lớn sáng hơn. FT^1_ A rin A 2 • The Ton hỏi: Này ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lửa đống cây lớn trong đêm tối và ánh sáng của sao Thái Bạch vào buổi sáng trời không u ám, trong hai ánh sáng ây, cái nào sáng hơn hét?



Dị học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng của sao Thái Bạch đôi với ánh sáng lửa đông cây lớn thì ánh sáng sao Thái Bạch sáng hơn. The Ton hỏi: Này ưu-đà-di, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của sao Thái Bạch vào buổi sáng trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trăng đoi với ánh sáng sao Thái Bạch thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn. rry rwni_ Á Ạ 2 • The Ton hỏi: Này ưu-đà-di? ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu đứng ngay giữa bầu trời trong suốt không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Di học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh sáng mặt trời sáng hơn. The Ton hỏi: Này ưu-đà-di, có rất nhiều chư thiên. Nay ánh sáng mặt trời và ánh sáng mặt trăng này tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thân, nhưng ánh sáng đó cũng không băng ánh sáng chư thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư thiên tụ tập luận sự. Những điều ta nói đều vừa ý chư Thiên ấy, tuy vậy Ta không nói: "Sắc đó vượt qua sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.,, Này Ưu-đà-di, còn ông, với ánh sáng lửa đom đóm, lửa sắc rất tệ, rất xấu mà nói: "Sắc đó vượt qua sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thuợng.” và khi được hỏi lại không biết. Dị học Tiễn Mao thưa: Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này! Á FT^ l 9 _

The Ton hoi: -Này Ưu-đà-di, ý ông thế nào mà nói như vầy: "Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này!" Dị học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm9 con nói như vầy: "S*c kia vượt sắc, sắc kia tối thắng, sắc kia tối thuợng." Sa-môn Cù-đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và khéo quở trách con, khiến sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm, vậy nên con nói như vầy: "Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói nay!99

## 208. KINH TIỄN MAO (B) 1243

Dị học Tiễn Mao lại thưa: Bạch Cù-đàm, hậu thế tuyệt đối lạc, có một đạo tích để chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc. Thế Tôn hỏi: Này Ưu-đà-di, thế nào gọi là hậu thế tuyệt đối lạc? Thế nào là có một đạo tích để chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc? Dị học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm? giả sử có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, xa lìa trộm cắp, tà dâm, nói láo, cho đen xa lìa tà kiến, được chánh kiến. Bạch Cùdàm, đó gọi là đời sau tuyệt đối lạc; đó gọi là có một đạo tích chứng đắc hậu thế tuyệt đồi lạc. Thế Tôn lại bảo: Này Ưu-đà-di, nay Ta hỏi ông, tùy theo sự hiểu biết mà đáp. Này ưu-đàdi, ý ông nghĩ sao? Nếu có một người xa lìa sát sanh, đoạn trừ sát sanh, người ấy tuyệt đối lạc hay là hỗn tạp khổ? Di học Tiễn Mao đáp: - Bạch Cù-đàm? là hỗn tạp khổ.

Nêu có một người xa lìa trộm cap, tà dâm, nói láo, cho đên xa lìa tà kiên, có chánh kiến, người ấy tuyệt đối lạc hay là hỗn tạp khổ? Dị học Tiễn Mao đáp: - Bạch Cù-đàm, là hỗn tạp khổ. The Ton hoi: Này Ưu-đà-di5 như vậy há không phải rằng hỗn tạp khổ lạc là đạo tích chứng đắc hậu thế? Di học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm, như vậy thì hỗn tạp khổ lạc là đạo tích chứng đắc hậu thế vậy. Dị học Tiễn Mao thưa: -Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này! nnl _ Á rfn Ạ 19*

The Ton hoi: Này Ưu-đà-di, ông nghĩ thế nào mà nói như vày: uBạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi về lời nói này!" Di học Tiễn Mao đáp: Bạch Cù-đàm9 con vừa nói: uĐời sau tuyệt đối lạc, có một đạo tích chứng đắc hậu thế tuyệt đối [ạc." Nay Sa-môn Cù"đàm khéo tra xét con, khéo dạy dỗ và quở trách con, khiến sự hư vọng của con không còn nữa. Bạch Cù-đàm? do



đó con nói: "Bạch Thế Tôn, con xin hối lỗi về lời nói này! Bạch Thiện Thệ, con xin hối lỗi lời nói này r The Tôn bao: Này ưu-đà-di9 trên đời quả có tuyệt đối lạc, có một đạo tích để chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc. Di học Tiễn Mao lại thưa: Bạch Cù-đàm, vì sao trên đời quả có tuyệt đôi lạc? Vì sao có một đạo tích chứng đắc hậu thế tuyệt đối lạc? The Ton đáp: Này ưu-đà-di, nếu khi Như Lai xuất hiện ở đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thiện The, Thế Gian Giải, Vo Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, hiệu là Phật, Chúng Hựu; người ấy đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, làm tuệ yêu kém, ly dục, ly ác, bát thiện pháp, có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đăc Thiên thứ nhát, thành tựu an trú, không cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến vậy. Người ấy giác quán đã tịch tĩnh, nội tinh, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú, không cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, vê tâm và vê kiên vậy. Người đó ly hỷ dục, an trú xả, vô câu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc tru thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú, không cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến. Này Ưu-đà-di, đó gọi là thế giới tuyệt đối lạc. Dị học Tiễn Mao hỏi: Bạch Cù-đàm? thế giới tuyệt đối lạc này là cao nhất chăng?

The Ton đáp: Thê giới tuyệt đôi lạc này chưa phải là cao nhát, lại còn có một đạo tích để chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc khác. Di học Tiễn Mao lại hỏi: Thế nào là còn có một đạo tích để chứng đắc tuyệt đối lạc?

The Ton đáp: Này Ưu-đà-di, Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú, cùng với chư thiên kia tương đông vê giới, vê tâm và vê kiên. Vị Tỳ-kheo ây giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an tru, cùng với chư thiên kia tương đồng về giới, về tâm và về kiến. Vi Tỳ-kheo ấy ly hỷ dục, an trú xả, vô cầu, chánh niệm, chánh trí, thân cảm thọ lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú thất, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú, cùng với chư

thiên kia tương đồng về tâm, về giới và về kiến. Này Ưu-đà-di, đó gọi là có đạo tích để chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc.

208. KINH TIÊN MAO (B) 1245

Dị học Tiễn Mao hỏi: Bạch Cù-đàm, phải chăng đệ tử của Sa-môn Cù-đàm vì thế giới tuyệt đối lạc và vì một đạo tích chứng đác thê giới tuyệt đôi lạc ây mà theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh chăng? The Ton đáp: -Đệ tử của Ta không phải chỉ vì thế giới tuyệt đối lạc và vì một đạo tích chứng đắc thế giới tuyệt đối lạc ấy mà theo học Phạm hạnh; nhưng còn có sự tối thắng, tối diệu, tối thượng khác để chứng đắc nữa mà đệ tử của Ta theo Ta học Phạm hạnh. Bây giờ, cả đại chúng này cùng lớn tiêng nói: Chính vì sự tối thượng, tối diệu, tối thắng kia mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh. Bấy giờ, di học Tiễn Mao bảo đại chúng của mình im lặng, rồi lại thưa: Bạch Cù-đàm, thế nào là sự tối thượng, tối diệu, tối thắng, vì để chứng đắc như vậy mà đệ tử Sa-môn Cù-đàm theo Sa-môn Cù-đàm học Phạm hạnh? The Ton đáp: Này Ưu-đà-di, Tỳ-kheo diệt lạc, diệt khổ, hỷ và tru đã có từ trước cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành . * e r 9 L . 9

tựu an trú. Này Ưu-đà-di, đó gọi là tôi thượng, tôi diệu, tôi thăng, vì đê chứng đắc như vậy mà đệ tử Ta theo Ta học Phạm hạnh. Bấy giờ, dị học Tiễn Mao liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu sát chân Phật. Ngay lúc đó, các đệ tử di học Phạm hạnh của di học Tiễn Mao thưa với di học Tiễn Mao rằng: -Tôn giả nay đáng làm bậc thầy mà muốn làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm ư? Khi nào Tôn giả không đồng ý làm thầy rồi hãy làm đệ tử Sa-môn Cù-đàm. Đó là đệ tử của dị học Tiễn Mao làm chướng ngại dị học Tiễn Mao đối với sự tu học Phạm hạnh, nghĩa là theo Thế Tôn học Phạm hạnh. • • «7 • • •

Đức Phật thuyết như vậy, dị học Tiễn Mao nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

209. KINH BỆ-MA-NA-TU

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc.

Bấy giờ, di học Bệ-ma-na-tu sau giờ ngọ, thung dung đến chỗ Phật, chào hỏi xong, lại hỏi rằng:

Bạch Cù-đàm, sác này hơn, sác này hơn. Bạch Cù-đàm, sác này hơn.

Ạ FT1 L 2 !

The Tôn hỏi:

Này Ca-chiên, đó là những sắc nào?

Dị học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, nêu sác nào không có sác khác tôi thượng, tôi diệu, tôi thắng hơn, bạch Cù-đàm, sắc đó là tối thắng, sắc đó là tối thượng. _ A HP _ L 2 The Ton bao: - Ca-chiên, cũng như có người nói như vầy: "Trong nước này có một người con gái rất đẹp, ta muốn được người con gái ấy." Nếu có người hỏi người ấy như vây: "Ong biêt trong nước có người con gái rát dẹp, nhưng có biêt tên gì, họ gì; là cao, thấp, thô, tế, là trắng, đen, hoặc không trắng, không đen; là con gái của Sát-lợi,

Phạm-chí, Cư sĩ hay Công sư; ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc kh6ng?" Người đó đáp: 'T6i không biết." Người kia lại hỏi người đó rằng: “Ong không biết, không thấy trong nước có người con gái rát đẹp, tên họ như vậy; cao, tháp, thô, tê, trăng, đen, hoặc không trăng, không đen; con gái của Sát-lợi, Phạm chí, Cư sĩ hay Công sư; ở phương Đông, phương Tây, phương Nam hay phương Bắc mà lại nói như vầy: 'Tôi muốn người con gái ấy', được u?" Cũng vậy, Ca-chiên, ông nói như vầy: "Người đó nói sắc vượt hơn sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thuợng." Nhưng khi được hỏi sắc đó thì ông lại không biết. Dị học Bệ-ma-na-tu thưa: Bạch Cù-đàm5 cũng như tử ma là thứ cực diệu, người thợ vàng khéo mài giũa, sửa sang khiến cho trong suốt, nhờ dùng bạch luyện đem để giữa nắng, sắc của nó cực diệu, ánh sáng chiếu lấp lánh. Cũng vậy, bạch Cù-đàm, tôi nói: “Sắc đẹp đó vượt hơn sắc đẹp, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng.,^

1248 KINH TRƯNG A-HÀM

nrM Á rr^ A l 2 _ _ The Ton bao: Này Ca-chiên, nay Ta hỏi ông, tùy theo chô hiêu mà đáp. Này Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Vàng ròng tử ma nhờ dùng bạch luyện đe giữa nang mà sắc của nó cực diệu, chiếu sáng lấp lánh, và ánh sáng con đom đóm trong đêm tối chiếu lấp lánh, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng con đom đóm đôi với ánh sáng của vàng ròng tử ma thì ánh sáng đom đóm sáng hơn. The Ton hỏi: Này Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng lấp lánh của con đom đóm trong đêm tối và ánh sáng lấp lánh của đèn dầu trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Di học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng đèn dầu đối với ánh sáng con đom đóm thì ánh sáng đèn dầu sáng hơn. The Ton hỏi: Này Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng đèn dầu trong đêm tối và lửa đống cây lớn trong đêm tối, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng lửa đông cây lớn đôi với ánh sáng đèn dâu thì ánh sáng lửa đống cây lớn sáng hơn. The Ton hỏi: Này Ca-chiên9 ý ông nghĩ sao? Anh sáng lửa đông cây lớn trong đêm tôi và ánh sáng của sao Thái Bạch vào buổi sáng trời không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cíi-dàm, ánh sáng của sao Thái Bạch đối với ánh sáng lửa đống cây lớn thì ánh sáng sao Thái Bạch sáng hơn. The Ton hỏi: -Này Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Anh sáng chiêu tỏa của sao Thái Bạch vào buôi sáng trời không u ám và ánh sáng chiêu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám? trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Dị học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trăng đối với ánh sáng sao Thái Bạch thì ánh sáng mặt trăng sáng hơn.

209. KINH BỆ-MA-NA-TƯ 1249

rwn-|_ Á FT1 2 •

The Ton hoi: Này Ca-chiên, ý ông nghĩ sao? Ánh sáng chiếu tỏa của mặt trăng nửa đêm trời không u ám và ánh sáng chiếu tỏa của mặt trời vào mùa thu đứng ngay giữa bầu trời trong suốt không u ám, trong hai ánh sáng ấy, cái nào sáng hơn? Di học Bệ-ma-na-tu đáp: Bạch Cù-đàm, ánh sáng mặt trời so với ánh sáng mặt trăng thì ánh

sáng mặt trời sáng hơn. Thế Tôn bảo:  Này Ca-chiên9 có rất nhiều chư thiên; nay ánh sáng mặt trời và ánh sáng mặt trăng này tuy có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, nhimg ánh sáng đó cũng không bằng ánh sáng chư thiên. Ta ngày xưa đã từng cùng chư thiên tụ tập luận sự. Những điều Ta nói đều vừa ý chư thiên ấy, nhimg Ta không nói: "Sắc đẹp đó vượt qua sắc đẹp, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng." Này Ca-chiên, còn ông, với đốm lửa, lửa sâu, sắc rất tệ, rất xấu mà nói: "Sắc đó vượt qua sắc, sắc đó tối thắng, sắc đó tối thượng59 và khi được hỏi ông lại không biết. Ngay lúc đó, dị học Bệ-ma-na-tu bị Thê Tôn quở trách trước mặt, trong lòng buồn bã, cúi đầu im lặng, không còn lời nào biện bạch, nghĩ ngợi mông lung. Thế Tôn sau khi quở trách, muốn khiến cho ông ta hoan hỷ nên bảo:  Này Ca-chiên, có năm lạc tánh dục khả hỷ, khả ái, khả niệm, khả lạc, tương ưng, lạc dục: Mắt biết sắc, tai biết tiếng, mũi biết hương, lưỡi biết mùi vi và thân biết cảm xúc. Này Ca-chiên, sắc hoặc có ái hoặc không ái, nếu có một người đối với sắc này mà khả ý, xứng ý, thích ý, thỏa ý, mãn nguyện ý, người đó đối với các sắc khác dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cầu; người đó cho sắc này là tối thượng, tối thắng. Này Ca-chiên, thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy. Này Ca-chiên, xúc hoặc có ái hoặc không ái, nếu có một người đối với xúc này mà khả ý? xứng ý, thích ý, thỏa y, mãn nguyện ý, người đó đối với những xúc khác dù tối thượng, tối thắng vẫn không ham muốn, không tư duy, không nguyện, không cầu; người đó cho xúc này là tối thượng, tối thắng vậy. Bấy giờ, di học Bệ-ma-na-tu chắp tay hướng Phật và bạch:  Bạch Cù-đàm, thật là kỳ diệu thay! Hy hữu thay! Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói: uDục lạc, dục lạc đệ nhát." Bạch Cù-đàm? cũng như do lửa cỏ mà đốt lửa cây; do lửa cây mà đốt lửa cỏ. Cũng vậy, Sa-môn Cù-đàm vì tôi mà dùng vô lượng phương tiện nói: uDục lạc, dục lạc đệ nhất.” Đức Thế Tôn bảo:  Thôi! Thôi! Này Ca-chiên9 ông là người vì luôn luôn theo dị kiến, dị nhẫn, di lạc, dị dục, dị ý, cho nên không thấu triệt ý nghĩa những điều Ta nói. Này



Ca-chiên? đệ tử Ta đầu đêm và cuối đêm thường không nằm ngủ, chánh định, chánh ý, tu tập đạo phẩm, biết như thật: "Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.^, Những người ấy biết thấu triệt được những điều Ta nói. Ngay lúc đó, dị học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Phật, nổi ghen ghét, không vừa ý, muốn vu báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn; và ông vu báng Thế Tôn như vầy, hạ nhục Thế Tôn như vầy:  Cù-đàm9 có Sa-mon? Phạm chí không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật: uSự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong,  *

không còn tái sanh nữa.” Cù-đàm? tôi nghĩ như vây: "Vi sao Sa-môn9 Phạm chí này không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật: 'Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?"' Lúc đó, Thế Tôn liền nghĩ rằng: "Dj học Bệ-ma-na-tu nổi giận đối với Ta, nôi ghen ghét, không vừa ý, muôn vu báng Ta,

muôn hạ nhục Ta, và vu báng Ta như vây, hạ nhục Ta như vây, nói với Ta răng: 'Cù-đàm, có một loại Sa-môn9 Phạm chí không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng được Cứu cánh trí, biết như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Cíbdàm, tôi nghĩ như vầy: "Vi sao Sa-môn, Phạm chí này không biết biên tế đời trước, r không ebiêt r biên tê đời sau, không biêt sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đác Cứu cánh trí, biêt như thật: Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa?9,9 Thê Ton biêt roi, bảo răng: Này Ca-chiên, nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết biên tế đời trước, không biết biên tế đời sau, không biết sanh tử vô cùng mà tự cho là chứng đắc Cứu cánh trí, biết như thật: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa" thì người đó phải nói như vầy: "Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau.” Nhưng này Ca-chiên, Ta cũng nói như vây: "Hãy gác qua biên tê đời trước, hãy gác qua biên tê đời sau, dẫu một đời cũng không nên nhóư' Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp. Này Ca-chiên, cũng như một đứa trẻ nhỏ thân còn yêu, năm ngửa. Cha mẹ nó buộc tay chân nó lại. Đứa trẻ đó sau lớn lên, các căn thành tựu; cha mẹ lại cởi trói tay chân nó ra; nó chỉ nhớ khi được cởi trói chứ không nhớ khi bi trói. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vày: "Hãy gác qua biên tế đời trước, hãy gác qua biên tế đời sau, dẫu một đời cũng không nên nhóc’ Khi đệ tử Tỳ-kheo



ĩ 7 . của Ta đên, không nịnh hót, không lừa gạt mà thăng thăn thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp. Này Ca-chiên, cũng như do dầu, do tim mà đốt đèn; không có người thêm dầu, cũng không đổi tim; dầu trước đã hết, sau không rót thêm thì lửa không thể còn mà chóng tự tắt vậy. Cũng vậy, này Ca-chiên, Ta nói như vầy: "Hãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, dù một đời cũng không nên nhớ.,, Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết được Chánh pháp. Này Ca-chiên, cũng như có mười đống cây, hoặc hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi hay sáu mươi đông cây, dùng lửa mà đót; tát cả cùng bừng cháy, bèn thấy ngọn lửa. Đống lửa ấy nếu không có người thêm cỏ? cây, hoặc đổ thêm vỏ trấu vào, củi trước đã hết, sau không thêm nữa thì không thể còn mà chóng tự tắt vậy. Này Ca-chiên, Ta nói như vầy: uHãy gác lại biên tế đời trước, hãy gác lại biên tế đời sau, dù một đời cũng không nên nh&." Khi đệ tử Tỳ-kheo của Ta đến, không nịnh hót, không lừa gạt mà thẳng thắn thì Ta giáo hóa họ; nếu họ cứ theo sự giáo hóa của Ta mà thực hành đúng như vậy thì nhất định biết Chánh pháp. Khi bài pháp này được thuyêt, dị học Bệ-ma-na-tu xa lìa trân câu, pháp nhãn về các pháp phát sanh. Lúc đó5 di học Bệ-ma-na-tu thấy pháp, chứng pháp, giác ngộ bạch tịnh pháp, không còn thấy ai hơn, lại không do kẻ khác mà đoạn nghi, trừ hoặc, không còn do dự, đã an trú quả chứng; đối với pháp của Thế Tôn, chứng được vô sở úy; cúi đầu sát chân Phật và thưa: Bạch

Thế Tôn, con xin được theo Phật xuất gia học dạo, thọ giới Cụ túc, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh! Đức Thế Tôn dạy: Thiện lai Tỳ-kheo! Hãy hành Phạm hạnh. Dị học được theo Phật xuất gia học đạo, thọ Cụ túc giới, được làm Tỳ-kheo, thực hành Phạm hạnh. Tôn giả Bệ-ma-na-tu xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc roi, biêt pháp, thây pháp, cho đên chứng được quả vị A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả Bệ-ma-na-tu và chư Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

210. KINH PHÁP LẠC TỲ-KHEO-NI Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, có ưu-bà-di Tỳ-xá-khư, đến chỗ Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc, cúi đầu lễ dưới chân rồi lui ngồi một bên và thưa với Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc: Bạch Ni sư, tôi có điều muốn hỏi, mong Ni sư nghẹ tôi hỏi.

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

Tỳ-xá-khư, có điều gì xin cứ hỏi, sau khi nghe xong tôi sẽ suy nghĩ.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư liền hỏi:

Thưa Ni su, tự thân, nói là tự thân. Thế nào là tự thân?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Thế Tôn nói năm thạnh ấm; tự thân là sắc thạnh ấm, là thọ, tưởng, hành, thức thạnh ấm. Đó là năm thạnh ấm được Thế Tôn nói. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, sao gọi là tự thân kiến?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Phàm phu ngu si, không đa văn, không gặp thiện tri thức, không biết Thánh pháp, không chế ngự trong Thánh pháp. Kẻ ấy thấy sắc là ngã, thấy ngã có sắc, thấy trong ngã có sắc, thấy trong săc có ngã; thấy thọ, tưởng, hành, thức là ngã, thấy ngã có thức, thấy trong ngã có thức, thấy trong thức có ngã. Đó gọi là tự thân kiến. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, sao gọi là không thân kiến?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Đa văn Thánh đệ tử gặp thiện tri thức, biết Thánh pháp, khéo léo chế ngự trong Thánh pháp. Kẻ ấy không thấy sắc là ngã, không thấy ngã có sắc, không thấy trong ngã có sắc, không thấy trong sắc có ngã; không thấy thọ, tưởng,



hành, thức là ngã, không thấy ngã có thức, không thấy trong ngã có thức, không thây trong thức có ngã. Đó gọi là không có thân kiên. ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, sao gọi là tự thân diệt? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Sắc thạnh ấm bị đoạn trừ hoàn toàn, xả, nhổ sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh; thọ, tưởng, hành, thức cũng bị đoạn trừ hoàn toàn, xả, nhổ sạch, không ô nhiễm, diệt, tịch tịnh. Đó gọi là tự thân diệt. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, thạnh ấm gọi là ấm; ấm gọi là thạnh ấm; ấm tức là thạnh ấm; thạnh âm tức là âm chăng? Am khác, thạnh âm khác chăng? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Hoặc ấm tức là thạnh ấm, hoặc ấm chẳng phải là thạnh ấm. Sao gọi ấm tức là thạnh ấm? Nếu sắc hữu

lậu, hữu thọ; thọ, tưởng, hành, thức hữu lậu, hữu thọ thì ấm tức là thạnh ấm. Sao gọi ấm chẳng phải là thạnh ấm? Nếu sắc vô lậu, vô thọ; thọ, tưởng, hành, thức vô lậu, vô thọ thì ấm chẳng phải là thạnh ấm. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, thế nào gọi là tám chi Thánh đạo?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tám chi Thánh đạo là từ chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó gọi là tám chi Thánh đạo. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, tám chi Thánh đạo là hữu vi chăng?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

Đúng vậy, tám chi Thánh đạo là hữu vi.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:

Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!



ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, có bao nhiêu tụ? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: -Có ba tụ là giới tụ, định tụ và tuệ tụ. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, tám chi Thánh đạo nhiếp ba tụ hay là ba tụ nhiếp tám chi Thánh đạo? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Không phải tám chi Thánh đạo nhiêp ba tụ, mà ba tụ nhiêp tám chi Thánh đạo. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, ba chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh giới tụ chánh niệm, chánh đinh, hai chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh định tụ; chánh kiến, chánh chí, chánh phương tiện, ba chi Thánh đạo này được thâu nhiếp vào Thánh tuệ tụ. Đó là nói rằng không phải tám chi Thánh đạo nhiếp ba tụ, mà ba tụ nhiếp tám chi Thánh đạo. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, diệt là hữu đối chăng?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:

Diệt là vô đối.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:

Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:

Bạch Ni sư, Thiền thứ nhất có bao nhiêu chi?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Thiền thứ nhất có năm chi là giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm. Đó là năm chi ở Thiền thứ nhất. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, sao gọi là định? Sao gọi là định tướng? Sao gọi là định lực? Sao gọi là đinh công? Sao gọi là tu đinh?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Nếu thiện tâm thuần nhất thì được gọi là đinh. Tứ niệm xứ được gọi là định tướng. Tứ chánh đoạn được gọi là đinh lực. Tứ như ý túc được gọi là định công. Nấu tu tập các thiện pháp này, rồi lại thường chuyên tu tập tinh cần thì đó gọi là tu định. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, có bao nhiêu sự kiện mà sanh thân sau khi chết rồi, thân bi liệng ngoài gò nồng như cây gỗ vô tình? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Có ba sự kiện khiên sanh thân sau khi chét, thân bi liệng ngoài gò nông như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Đó là ba sự kiện khiến sanh thân sau khi chết, thân bi liệng ngoài gò nồng như cây gỗ vô tình. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Ni su, người chết và người nhập Diệt tận đinh khác nhau như thế nào? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Chét là mạng đã dứt, hơi âm đã rời thân, các căn hư hoại; còn Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tuổi thọ chưa dứt, hơi ấm cũng không lìa thân, các căn không hư hoại. Đó là sự khác biệt giữa người chét và người nhập Diệt tận định. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Bạch Ni sư, người nhập Diệt tận đinh và người nhập Vô tưởng định khác nhau như thế nào? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và tri đều diệt; còn người nhập Vô tưởng định thì tưởng và tri không diệt. Đó là sự khác biệt giữa người nhập Diệt tận đinh và người nhập Vô tưởng định. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, một người từ Diệt tận đinh ra và một người từ Vô tưởng định ra khác nhau như the nào?



Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tỳ-kheo khi từ Diệt tận định ra, không khởi suy nghĩ này: "Ta từ Diệt tận định ra.” Tỳ-kheo khi từ Vô tưởng định ra, khởi ý nghĩ này: “Ta là hữu tưởng, ta là vô tưởng." Đó là sự khác biệt giữa người từ Diệt tận đinh ra và người từ Vô tưởng định ra. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định, có khởi ý nghĩ rằng: "Ta nhập Diẹt tận “ không? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tỳ-kheo khi nhập Diệt tận định, không khởi ý nghĩ rằng: "Ta nhập Diệt tận dinh", nhimg do theo tâm đã tu tập từ trước, y như vậy tiến tới. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, Tỳ-kheo khi từ Diệt tận đinh ra, có khởi ý nghĩ rằng: “Ta từ Diệt tận định ra" khòng? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tỳ-kheo khi từ Diệt tận đinh ra, không khởi ý nghĩ rằng: "Ta từ Diệt tận định ra", nhưng bởi thân này và sáu xứ duyên mạng căn cho nên từ đinh mà ra. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: - Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, Tỳ-kheo từ Diệt tận định ra rồi, tâm lạc những gì, thú hướng những gì và thuận những gì? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Tỳ-kheo từ Diệt tận định ra rồi, tâm lạc đối với viễn ly, thú hướng viễn ly và thuận viễn ly. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, có bao nhiêu giác? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Có ba giác là cảm giác lạc, cảm giác khổ và cảm giác không khổ không lạc. Chúng duyên vào đâu mà có? Duyên vào cánh lạc.



ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, thế nào giác là cảm giác lạc? Thế nào giác là cảm giác khổ? Và thê nào giác là cảm giác không khô không lạc? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Nếu lạc được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác rất khoái lạc thì giác này gọi là cảm giác lạc. Nếu khổ được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác khổ, không khoái lạc thì giác này gọi là cảm giác khổ. Nếu không khổ không lạc được cảm xúc bởi cánh lạc mà sanh, thân và tâm cảm giác không khổ không lạc, không phải khoái cảm hay không khoái cảm thì cảm giác này gọi là cảm giác không khổ không lạc. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, đôi với cảm giác lạc, thê nào là lạc, thê nào là khô, thê nào là vô thường, thế nao là tai họa, thế nào là sử? Đối với cảm giác khổ, thế nào là lạc, thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai họa, thế nào là sử? Đối với cảm giác không khổ không lạc, thế nào là lạc5 thế nào là khổ, thế nào là vô thường, thế nào là tai họa, thế nào là sử? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Đối với cảm giác lạc, sanh là lạc, trụ là lạc, biến dịch là khổ, vô thường tức là tai họa, dục là sử vậy. Đôi với cảm giác khô, sanh là khô, trụ là khô, biên dịch là lạc, vô thường tức là tai họa, giận dữ là sử vậy. Đối với cảm giác không khô không lạc, khô hay lạc không được biêt dèn, vô thường tức là biên dịch và vô minh là sử vậy. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni sư, phải chăng tất cả cảm giác lạc thì dục là sử; tất cả cảm giác khổ thì nhuế là sử; tất cả cảm giác không khổ không lạc thì vô minh là sử? Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Khôngẹ phải tất cả cảm giác lạc thì dục là sử; không phải tất cả cảm giác khổ thì nhue là sử; không phải tất cả cảm giác không khổ không lạc thì vô minh là sử. Vì sao cảm giác lạc không phải là dục sử? Khi Tỳ-kheo ly dục, ly ác và bất thiện pháp, có giác, có quán, hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an tru. Cảm giác lạc này không phải là dục sử. Vì sao? Vì nó đoạn dục. Vì sao cảm giác khô không phải là nhuê sử? Như mong câu thượng



giải thoát lạc, do sự mong cầu canh cánh mà sanh ra ưu khổ. Cảm giác khổ này chẳng phải là nhuế sử. Vì sao? Vì nó đoạn sân nhuế. Vì sao cảm giác không khổ không lạc chẳng phải là vô minh sử? Khi lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã có trước cũng diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tinh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Cảm giác không khổ không lạc này chẳng phải là vô minh sử. Vì sao? Vì nó đoạn vô minh. Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng: Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư! Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Bạch Ni su, cảm giác lạc đối đãi với cái gì?

Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
Cảm giác lạc lấy cảm giác khổ làm đối.
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:
Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Ni su, cảm giác khổ đối đãi với cái gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
Cảm giác khổ lấy cảm giác lạc làm đối.
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:
Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Ni su, vừa cảm giác lạc vừa cảm giác khổ đối đãi với cái gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
Cảm giác lạc cảm giác khô lây không khô không lạc làm đôi.
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:
Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Ni su, không khổ không lạc đối đãi với cái gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
- Không khổ không lạc lấy vô minh làm đối.
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:
-Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Ni sư, vô minh đối đãi với gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Vô minh lấy minh làm đối.

1260 . KINH TRƯNG A-HÀM

ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rằng:
Hay thay! Hay thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
-Bạch Ni sư, minh đối đãi với gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp:
Minh lấy Niết-bàn làm đối.
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư nghe xong, khen rang:
Lành thay! Lành thay, bạch Ni sư!
Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Bạch Ni sư, Niết-bàn đối đãi với cái gì?
Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc đáp: Bà muốn hỏi những việc vô cùng, nhưng việc bà hỏi không thể cùng tận giới hạn của tôi được. Niết-bàn không có đối đãi; Niết-bàn không có quái ngại, vượt qua quái ngại, diệt trừ quái ngại. Do nghĩa này nên tôi theo Thế Tôn hành

Phạm hạnh. Bấy giờ, ưu-bà-di Tỳ-xá-khư sau khi nghe Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc nói, khéo léo thọ trì, khéo léo tụng tập, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ dưới chân Tỳ- kheo-ni Pháp Lạc, đi nhiễu ba vòng và lui về. Bấy giờ, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc sau khi đưa tiễn ưu-bà-di Tỳ-xá-khư di, cách đó khổuig lâu, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật rồi lui đứng một bên, đem hết những điều vừa thảo luận với ưu-bà-di Tỳ-xá-khư bạch lại với Phật, chắp tay thưa rằng: - Bạch Thế Tôn, con nói như vậy, đáp như vậy, không vu báng Thế Tôn chăng? Nói chân thật, nói đúng pháp, nói pháp theo thứ lớp của pháp; đối với sự như pháp, không chống trái nhau, không có tranh cãi, không có lỗi chăng? Đức Thế Tôn đáp:  Này Tỳ-kheo-ni, ngươi nói như vậy, đáp như vậy là không vu báng Ta. Ngươi nói chân thật, nói như pháp, nói pháp theo thứ lớp của pháp; đối với như pháp, không chống trái nhau, không có tranh cãi, không có lỗi vậy. Này Tỳ- kheo-ni, nếu ưu-bà-di Tỳ-xá-khư đến hỏi Ta, Ta cũng bằng những văn cú như vậy, Ta cũng trả lời ưu-bà-di Tỳ-xá-khư bằng nghĩa này, bang văn cú này. Này Tỳ-kheo-ni, nghĩa này đúng như ngươi đã nói; ngươi cứ như vậy mà thọ trì. Vì sao? Những lời nói này tức là giáo nghĩa vậy. Phật thuyết như vậy, Tỳ-kheo-ni Pháp Lạc và chư Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, hoan hỷ phụng hành.

211. KINH ĐẠI CÂU-HY-LA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Calan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả Đại Câu-hy-la9 chào hỏi nhau xong rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Xá-lợi-phất nói:  Này Hiền giả Đại Câu-hy-la, tôi có điều muốn hỏi, Hiền giả nghe cho chăng?

Tôn giả Đại Câu-hy-la thưa:  Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, muôn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ? Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la, bất thiện được nói là bất tìiiện; bất thiện căn được nói là bất thiện căn. Thế nào là bất thiện? Thế nào là bất thiện căn? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Thân ác hành, khẩu ác hành và ý ác hành, đó là bất thiện vậy. Tham, nhuế, si, đó là bất thiện căn vậy. Đó gọi là bất thiện và bất thiện căn. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiên giả Đại Câu-hy-la, thiện được nói là thiện; thiện căn được nói là thiện căn. Thế nào là thiện? Thế nào là thiện căn? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:  Thân diệu hành, khẩu diệu hành và ý diệu hành, đó là thiện vậy. Không tham, không nhuế, không si, đó là thiện căn vậy. Đó gọi là thiện và thiện căn. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Trí tuệ được nói là trí tuệ. Thế nào là trí tuệ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Biết như vậy cho nên noi là trí tuệ. Biết những gì? Biết như thật: "Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt dO."Biết như vậy cho nên được nói là trí tuệ.

1262  KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:  Lành thay! Lành thay, Tôn giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại

Câu-hy-la, thức được nói là thức. Thế nào là thức?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thức là nhận thức cho nên nói là thức. Nhận thức những gì? Nhận thức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thức là nhận thức cho nên được nói là thức. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câuhyla, trí tuệ và thức, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể cho rằng hai pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt; không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Vì sao vậy? Những gì được biết bởi trí tuệ thì cũng được nhận thức bởi thức. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt; và không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiên giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, biết, Hiền giả lấy gì để biết?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:
Biết, tôi do trí tuệ mà biết.
Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:
Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!
Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ có nghĩa lợi gì, có sự thù thắng gì, có công đức gì? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Trí tuệ có nghĩa lợi nhàm chán, có nghĩa lợi vô dục, có nghĩa lợi thây như thật. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là chánh kiến?



Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Biết như thật về khổ, biết như thật về khổ tập, khổ diệt, khổ diệt đạo. Đó gọi là chánh kiến. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền gi Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, có bao nhiêu duyên để sanh ra chánh kiên? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, có hai duyên sanh ra chánh kiến. Những gì là hai? Một là nghe từ người khác; hai là nội tâm tư duy. Đó gọi là có hai nhân, có hai duyên sanh ra chánh kiến. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có năm chi thâu nhiếp chánh kiên đê đạt được tâm giải thoát quả, tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công dức, tuệ giải thoát công đức. Những gì là năm? Một là được thâu nhiếp bởi sự thật, hai là được thâu nhiếp bởi giới, ba là được thâu nhiếp bởi bác văn, bốn là được thâu nhiếp bởi chỉ, năm là được thâu nhiếp bởi quán. Đó gọi là có năm chi thâu nhiếp chánh kiến để đạt

được tâm giải thoát quả? tuệ giải thoát quả, đạt được tâm giải thoát công đức, tuệ giải thoát công đức. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, vì sao phát sanh sự hữu trong tương lai?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Phàm phu ngu si, vô tri, không đa văn, bị vô minh che lấp, bị ái kết trói chặt, không gặp thiện tri thức, không hiểu biết Thánh pháp, không được điều ngự bởi Thánh pháp. Đó gọi là phát sanh sự hữu trong tương lai. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, thế nào là không phát sanh sự hữu trong tương lai?



Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Nếu vô minh đã diệt, minh đã sanh, tất diệt tận khổ. Đó gọi là không phát sanh sự hữu trong tương lai. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu thọ?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có ba thọ là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Thọ này duyên đâu mà có? Duyên xúc mà có. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiên giả Đại Câu-hy-la, thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhát hay riêng biệt? Có thể cho rằng ba pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhát chứ không riêng biệt; không thê cho rằng ba pháp này riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ cũng được tưởng bởi tưởng và cũng được tư bởi tư. Cho nên ba pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt; và không thể cho rằng ba pháp này riêng biệt. Tôn giả Xá-lợi-phât nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Diệt có sự đối ngại gì?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Diệt không có sự đối ngại.

Tôn giả Xá-lợi-phât nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câuhy-la, có năm căn với hành tướng di biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn; năm căn này với hành tướng dị biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Vậy cái gì lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng? Cái gì làm sở y cho chúng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Năm căn với hành tướng di biệt, cảnh giới dị biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng. Nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn; năm căn này với hành



tướng dị biệt, cảnh giới di biệt, mỗi căn lãnh thọ cảnh giới riêng; ý căn lãnh thọ tất cả cảnh giới cho chúng; ý căn làm sở y cho chúng. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong,

hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Ý nương vào đâu mà tồn tại?

Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:
Y nương vào tuổi thọ, nương vào tuôi thọ mà tôn tại.
Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:
Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!
Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:
Hiền giả Đại Câu-hy-la, tuổi thọ nương vào đâu mà tồn tại?
Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Tuổi thọ nương vào hơi âm, nương vào hơi âm mà tôn tại. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la? tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thê cho răng hai pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: - Tuổi thọ và hơi ấm, hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt; không thể cho rằng hai pháp này riêng biệt. Vì sao? Nhân tuôi thọ mà có hơi ấm; nhân hơi ấm mà có tuổi thọ. Nếu không có tuổi thọ thì không có hơi ấm; nếu không có hơi ấm thì không có tuổi thọ. Cũng như do dầu, do bấc mà đốt được đèn. Và ở đây, do ngọn mà có ánh sáng; do có ánh sáng mà có ngọn. Nếu không có ngọn thì Idiông có ánh sánẹ; nếu không có ánh sáng thì không có ngọn. Cũng vậy, nhân tuổi thọ mà có hơi âm; nhân hơi ấm mà có tuôi thọ. Nêu không có tuôi thọ thì không có hơi ấm; nếu không có hơi ấm thì kh6ng có tuổi thọ. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt; và không thê cho răng hai pháp này riêng biệt. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu pháp sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:  Có ba pháp sau khi sanh thân chết roi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình. Những gì là ba? Một là tuổi thọ, hai là hơi ấm, ba là thức. Ba pháp này sau khi sanh thân chết rồi, bỏ xác ngoài bãi tha ma như cây gỗ vô tình.

1266  KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phât nghe xong, khen răng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la, chết và nhập Diệt tận đinh khác nhau như thế nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:  Chết là thọ mạng đã diệt, hơi ấm đã di, các căn tan rã; còn Tỳ-kheo nhập Diệt tận đinh thì tuổi thọ chưa hết, hơi ấm cũng chưa di, các căn không tan rã. Chết và nhập Diệt tận đinh khác nhau như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phât nghe xong, khen răng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la, nhập Diệt tận định và nhập Vô tưởng định khác nhau như thế nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp:  Tỳ-kheo nhập Diệt tận định thì tưởng và thọ đều diệt; Tỳ-kheo nhập Vô tưởng định thì tưởng và thọ không diệt. Nhập Diệt tận định và nhập Vô tưởng đinh khác nhau như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phât nghe xong, khen răng:  Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi:  Hiền giả Đại Câu-hy-la, ra khỏi Diệt tận định và ra khỏi

Vô tưởng định khác nhau như thế nào? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Tỳ-kheo ra khỏi Diệt tận định không nghĩ như vầy: "Ta ra khỏi Diệt tận định.^, Tỳ-kheo ra khỏi Vô tưởng định suy nghĩ như vây: "Ta có tưởng hay ta không có tưởng.,, Ra khỏi Diệt tận định và ra khỏi Vô tưởng định khác nhau như vậy. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la9 Tỳ-kheo nhập Diệt tận đinh trước hết diệt pháp nào, thân hành, khau hành hay ý hành? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Tỳ-kheo nhập Diệt tận đinh trước hết diệt thân hành, kế đến khẩu hành và sau hết là ý hành.

211. KINH ĐẠI CÂƯ-HY-LA 1267

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, pháp nào phát sanh trước hết, thân hành, khẩu hành hay ý hành? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, trước hết sanh ý hành, kế đến sanh khẩu hành và sau cùng sanh thân hành. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận đinh, xúc bao nhiêu loại xúc? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận đinh, xúc ba loại xúc. Những gì là ba? Một là xúc không di động; hai là xúc vô sở hữu; ba là xúc vô tướng. Tỳ-kheo khi ra khỏi Diệt tận định, xúc ba loại xúc này. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câuhy-la, không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn hay cùng một nghĩa mà khác văn? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Không, vô nguyện, vô tướng, ba pháp này khác nghĩa, khác văn. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh bất động định? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có bốn nhân, bốn duyên phát sanh bất động đinh. Những gì là bốn? Nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là bốn nhân, bốn duyên phát sanh bất động định. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la!

1268 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la? có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát sanh Vô sở hữu đinh? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: - Có ba nhân, ba duyên phát sanh Vô sở hữu đinh. Những gì là ba? Nếu Tỳ-kheo vượt tất cả sắc tưởng, cho đến chứng đắc Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Đó gọi là ba nhân, ba duyên phát sanh Vô sở hữu định. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen rằng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: -Hiền giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên phát

sanh Vô tưởng định? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên phát sanh Vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không suy niệm tất cả tưởng; hai là suy niệm vô tưởng giới. Đó gọi là hai nhân, hai duyên phát sanh Vô tưởng định. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: —Hiên giả Đại Câu-hy-la, có bao nhiêu nhân, bao nhiêu duyên trú Vô tưởng đinh? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Có hai nhân, hai duyên trú Vô tưởng định. Những gì là hai? Một là không niệm tất cả tưởng; hai là niệm vô tưởng giới. Đó gọi là hai nhân, hai duyên tru Vô tưởng định. Tôn giả Xá-lợi-phất nghe xong, khen răng: Lành thay! Lành thay, Hiền giả Đại Câu-hy-la! Tôn giả Xá-lợi-phất khen xong, hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la. có bao nhiêu nhân. bao nhiêu duyên ra khỏi Vô tưởng đinh? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: -Có ba nhân, ba duyên ra khỏi Vô tưởng định. Những gì là ba? Một là niệm tất cả tưởng; hai là không niệm vô tưởng giới; ba là do thân này và do sáu xứ duyên mạng căn. Đó gọi là ba nhân, ba duyên ra khỏi Vô tưởng đinh. Như vậy, hai vi Tôn giả tán thán lân nhau răng: “Lành thay! Lành thay!" và với những điều được thảo luận, hoan hỷ phụng hành rồi rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

212. KINH NHẤT THIẾT TRÍ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước uất-đầu-tùy-nhâ9 trong rừng Phổ-cức-thích. Bấy giờ, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc nghe Sa-môn Cù-đàm du hóa tại uất-đầu-tùy-nhã, trong rừng Phổ-cức-thích. Sau khi nghe như vậy, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc bảo một người rang: "Ong đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm5 thay ta mà thăm hỏi: 'Thánh thể khang cường, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?9 Rồi nói như thế này: 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi, Thánh thể được khang cường, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?9 Ông lại nói thêm: 'Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp g&.'" Người ấy lãnh giáo rồi đến chỗ Phật, cùng Ngài chào hỏi, rồi lui ngồi một bên và thưa: -Bạch Cù-đàm, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc kính lời thăm hỏi Thánh thể được khang cường, an lạc, không bệnh tật, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng? Vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc muốn đến gặp gỡ Ngài. Đức Thế Tôn đáp: Mong vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc được an ổn? khoái lạc! Mong cho trời, người, a-tu-la, kiền-tháp-hòa, la-sát và mọi loài khác cũng được an ổn? khoái lạc! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nếu muốn đến, cứ tự tiện, tùy ý! Lúc đó, sứ giả nghe Phật nói, ghi nhớ kỹ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu ba vòng, roi lui vê. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng sau limg đức Thế Tôn quạt hầu Phật. Sau khi người sứ giả đi rồi, Thế Tôn lại bảo: -Này A-nan, thầy cùng Ta sang phía Đông ngôi nhà lớn, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, vào trong chỗ kín đáo ấy. Hôm nay, Vua Ba-tư-nặc nước Câu- tát-la nhát tâm, không loạn động, muôn nghe và thọ lãnh Chánh pháp. Tôn giả A-nan bạch: _ Kính vâng! Rồi đức Thế Tôn dẫn Tôn giả A-nan sang phía Đông ngôi nhà lớn, mở cửa sổ ra và đóng cửa lớn lại, dọn chỗ ngồi ở chỗ kín đáo, trải ni-sư-đàn và ngồi kiết-già.

LÚC đó, sứ giả trở về chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thưa: Tâu Thiên vương, tôi đã thông báo cho Sa-môn Cù-đàm, Sa-môn Cù-đàm đang chờ Thiên vương, cúi xin Thiên vương nên biết đúng giờ. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bảo người đánh xe: Ong hãy sửa soạn xa giá! Hôm nay, ta muôn đên thăm Sa-môn Cù-đàm. Người đánh xe lãnh giáo, tức thì sửa soạn xa giá. Bấy giờ, chị em Hiền và Nguyệt đang ngồi ăn với Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, nghe nói hôm nay Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la sẽ đến thăm Phật, liền tâu: Tâu Đại vương, nêu hôm nay ngài đên thăm đức Thê Tôn, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi đức Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thuơng chăng. Đại vương nói như vầy: "Chj em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi The Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chng?" Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la im lặng nhận lời của chị em Hiền và Nguyệt. Lúc đó, người đánh xe sửa soạn xa giá đã xong, đến tâu: -Tâu Thiên vương, xa giá đã trang hoàng xong, xin tùy ý Thiên vương! Vua nghe xong, liên lên xe, từ Uât-đâu-tùy-nhã, đi đên rừng Phô-cức-thích. Lúc đó, ngoi rừng Phổ-cức-thích, một số đông các Tỳ-kheo đi kinh hành trên khoảng đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến hỏi các Tỳ-kheo: Bạch chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm hôm nay ở đâu? Tôi muốn đến thăm. Các Tỳ-kheo đáp: Tâu Đại vương, nơi phía Đông kia, tại ngôi nhà lớn có cửa sổ mở và cửa lớn đóng, đức Thế Tôn đang ở trong đó. Đại vương muốn thăm thì đến nhà ấy, đứng ngoài mà tằng hắng và gõ cửa, đức Thế Tôn ăt sẽ mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la liên xuông xe, với người tùy tùng vây quanh, đi bộ đến phía Đông ngôi nhà lớn ấy. Đen nơi, vua đứng ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, liền mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la vào trong ngôi nhà ấy, đến trước và bạch: Bạch Cù-đàm? chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn: "Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chng?" The Ton hỏi: Chi em Hiền và Nguyệt không có người sai sao? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bạch: Bạch Cù-đàm, mong Ni biết cho, hôm nay chị em Hiền và Nguyệt cùng ngồi ăn với con, nghe con muốn đến thăm Phật, bèn thưa rằng: "Bại vương, nếu ngài đến thăm Phật, xin thay chúng tôi cúi đầu thăm hỏi đức Thế Tôn, Thánh



thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chang?5 Nên con bạch lại như vậy cùng Thế Tôn rằng: "Chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn, Thánh thể Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chng?" Bạch Cù-đàm? chị em Hiền và Nguyệt cúi đầu thăm hỏi Thế Tôn: "Thánh the Ngài khỏe mạnh, an lạc, không tật bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng?" Á FT1 g <___ The Ton đáp: Này Đại vương, mong cho chị em Hiền và Nguyệt an ổn, khoái lạc! Mong cho trời, người, atula, kiền-tháp-hòa, la-sát, cùng mọi loài khác an ổn, khoái lạc! Bấy giờ, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói lời thăm hỏi Phật, rồi lui về một bên và bạch: Bạch cti-dàm, con có điêu muôn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày! The Ton đáp: Này Đại vương, có điều gì muốn hỏi, cứ tự ý mà hỏi! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm? con nghe Sa-môn Cù-đàm nói như vây: "Trong quá khứ không c6, trong tương lai không có và

hiện tại cũng không có, không có Sa- môn, Phạm chí nào khác là bậc Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Kiến." Ngài có nhớ là đã nói như vậy chăng? The Ton đáp: Này Đại vương, Ta không nhớ là đã nói như vậy: "Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và hiện tại không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào là bậc Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Kiến." Lúc đó, Đại tướng Bệ-lmi-la đứng sau lưng Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, cầm phất trần hầu vua. Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la quay lại nói với Đại tướng Bệ-lưu-la răng: Hôm trước, ta ngồi với đại chúng, ai là người đầu tiên nói: "Sa-môn Cù- đàm nói như vầy: 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn5 Phạm chí nào là bậc Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Kiến?,,r Đại tướng Bệ-lưu-la đáp: Tâu Thiên vương, có Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử là người đầu tiên nói như vậy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, bảo một người: Ông đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử nói như vầy: “Vua Ba-tư- nặc nước Câu-tát-la cho gọi 6ng."



Người ấy lãnh giáo, đi đến chỗ Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử bảo như vầy: "Này Niên Thiếu, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cho gọi 6ng." Sau khi người ấy đi, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bạch Thế Tôn: Bạch Sa-môn Cù-đàm5 có thê có những lời nói khác, nhưng được hiên khác. Bạch Sa-môn Cù-đàm? Ngài có nhớ đã nói những gì chăng? The Ton đáp: Này Đại vương, Ta nhớ đã từng nói như vây: "Trong quá khứ không c6, trong tương lai không có và trong hiện tại không có, không có Sa-môn, Phạm chí nào trong một thời biết tất cả, trong một thời thấy tất cNày Đại vương, Ta nhớ đã nói như vậy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán: - Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc Thầy, những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, mong Ngài cho phép hỏi! The Ton đáp: Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, ở đây có bốn chủng tộc: Sát-lợi9 Phạm chí, cư si, công sư. Bôn chủng tộc này có sự hơn kém nào chăng? Và có sự sai biệt nào chăng? Đức Thế Tôn đáp: Bốn chủng tộc này: Sát-lqi, Phạm chí, cư sĩ, công sư, có hơn kém và sai biệt. Hạng Sát-lợi và Phạm chí ở trong nhân gian được coi là tối thượng. Hạng cư sĩ và công sư ở trong nhân gian được coi là hạ liệt. Trong bốn hạng này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, có sự hơn kém và có sự sai biệt. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen: Những gì Sa-môn Cù-đàm nói như bậc Thầy, những gì Sa-môn Cù-đàm nói ra như bậc thầy giỏi. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại bạch: Bạch Cù-đàm5 con không những hỏi vấn đề trong hiện tại mà con muốn hỏi cả những vấn đề đời sau nữa. Ngài nghe con hỏi chăng? The Ton đáp: Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, ở đây, có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, có sự hơn kém nào và có sự sai biệt nào ở đời sau chăng? The Ton đáp: ỉ Bôn hạng này: Sát-lợi5 Phạm chí, cư sĩ và công sir, có sự hơn kém và có sự sai biệt cả trong đời sau nữa. Bốn hạng này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công

sư, nếu thành tựu được năm đoạn chi này, chắc chắn sẽ được gặp bậc thầy tốt là Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, chắc chắn được vừa ý, không có điều gì không vừa ý, và cũng luôn luôn được thiện lợi hữu ích, an ổn khoái lạc. Nhímg gì là năm chi? Đa văn Thánh đệ tử đối với Như Lai đã gieo trồng tín căn, quyết định vững bền, không ai có thể tước đoạt, dù là Sa-môn, Phạm chí, Thiên, Ma, Phạm và các loài thế gian khác. Đó gọi là đoạn chi thứ nhất. Lại nữa, này Đại vương, đa văn Thánh đệ tử ít bệnh, không bệnh, thành tựu sự điều hòa thực đạo, không quá lạnh, không quá nóng, dễ chịu, không bị bực dọc. Nghĩa là sự ăn uống được tiêu hóa dễ dàng, an ổn. Đó gọi là đoạn chi thứ hai. Lại nữa, này Đại vương, đa văn Thánh đệ tử không nịnh hót, không dối gạt, thẳng thắn, tự bộc lộ sự chân thật đối với Thế Tôn và các vi Phạm hạnh. Đó gọi là đoạn chi thứ ba. Lại nữa, này Đại vương, đa văn Thánh đệ tử thường thực hành hạnh tinh tấn, đoạn trừ ác và bất thiện pháp, siêng tu các thiện pháp, thường tự khởi ý5 chuyên nhất, kiên cố, đối với gốc rễ các thiện pháp, không hề từ bỏ phương tiện. Đó gọi là đoạn chi thứ tư. Lại nữa, này Đại vương, đa văn Thánh đệ tử tu hành trí tuệ, quán pháp hưng suy và chứng đắc trí tuệ như vậy, Thánh tuệ minh đạt, phân biệt thấu triệt, do đó mà chơn chánh diệt tận khổ. Đó gọi là đoạn chi thứ năm. Có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, bốn hạng này nếu thành tựu được năm đoạn chi này, nhất định được gặp bậc thầy giỏi là Như Lai, Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, được vừa ý, không có điều gì không vừa ý5 luôn luôn được thiện lợi và hữu ích, an ổn khoái lạc. Có bốn chủng tộc này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư. Đó gọi là hơn kém, đó gọi là sự sai biệt ở đời sau vậy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán: Những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc Thầy, những lời Sa-môn Cù-đàm nói như bậc thầy giỏi. Con lại muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Đại vương, muốn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, có bốn chủng tộc: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, bốn hạng này có sự hơn kém và có sự sai biệt nào đoi với đoạn hành chăng? Đức Thế Tôn đáp: Bốn chủng tộc này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, bốn hạng này có sự sai biệt và hơn kém đối với đoạn hành. Này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Những gì được đoạn trừ bởi bất tín, trường hợp đó hoàn toàn không thể có. Những gì được đoạn trừ bởi ít bệnh, mà chúng cũng được đoạn trừ bởi nhiều



bệnh; trường hợp đó hoàn toàn không có. Những gì nếu được đoạn trừ bởi sự không siêm nịnh, không lừa dôi, mà chúng cũng được đoạn trừ bởi siêm nịnh, lừa dối; trường hợp này không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi tinh cần, mà cũng được đoạn trừ bởi giải đãi; trường hợp này không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi trí tuệ, mà cũng được đoạn trừ bởi ác tuệ; trường hợp này không thê có. Cũng như chê ngự bôn thứ, là chê ngự voi, chê ngự ngựa, chê ngự trâu, chế ngự người. Trong đó, có hai trường hợp không thể điều phục, không thê chê ngự, và hai trường hợp có thê điêu ngự. Đại vương, ý Đại vương nghĩ sao? Hai trường hợp không thể điều phục, không thể chế ngự ấy, mà lại đi đến chỗ được điều phục, được chế ngự, thọ nhận sự điều ngự; trường hợp này không thê có. Nêu hai trường hợp có thê điêu phục, có thê chê ngự và đi đên chỗ được điều phục, được chế ngự, thọ nhận sự điều ngự, việc này có thể vậy. Cũng vậy, này Đại vương, Đại vương nghĩ sao? Nếu những gì được đoạn trừ bởi tín mà

cũng được đoạn trừ bởi bát tín chăng? Việc này không thê có. Nêu những gì được đoạn trừ bởi ít bệnh mà cũng được đoạn trừ bởi nhiêu bệnh chăng? Việc này không thể có. Nếu những gì được đoạn trừ bởi sự không siểm nịnh, không dối trá, mà cũng được đoạn trừ bởi siểm nịnh, dối trá chăng? Việc này không thể có. Nấu những gì được đoạn trừ bởi tinh cần mà cũng được đoạn trừ bởi giải đãi chăng? Việc này không thể có. Nếu những gì do trí tuệ đoạn mà cũng do ác tuệ đoạn chăng? Việc này không thê có. Như vậy, bôn hạng này: Sát- lợi, Phạm chí, cư sĩ và công su, đó là sự hơn kém, là sự sai biệt về đoạn hành. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen: -Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như bậc Thầy, những điều Ngài nói như bậc thầy giỏi. Con lại muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng? Đức Thế Tôn đáp: Này Đại vương, nếu có điều muốn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Sa-môn Cù-đàm, có bốn chủng tộc này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, bốn hạng này có sự hơn kém, có sự sai biệt đối với đoạn chăng? Đức Thế Tôn đáp: Có bốn chủng tộc này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, họ bình đẳng r # íe _ đôi với đoạn, không hơn kém, không sai biệt đôi với đoạn vậy. Này Đại vương, cũng như một đứa nhỏ dòng Sát-lợi từ phương Đông đến, lấy sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Phạm chí từ phương Nam đến, nó lấy cây sa-la khô làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa dòng Cư sĩ từ phương Tây đến, nó lấy chiên-đàn làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa. Một đứa bé dòng công sư từ phương Bác đên, nó lây cây Bát-đâu-ma khô làm môi lửa và cọ xát cho bóc lửa. Này Đại vương, ý ngài nghĩ sao? Những người khác chủng tộc kia mang các loại cây khác nhau làm mồi lửa, cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó,



CÓ người châm vào cây cỏ khô, làm bốc khói, bốc lửa ngọn, và phát sanh màu lửa. Này Đại vương, giữa khói với khói, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa sắc lửa với sắc lửa, có những sai biệt nào chăng? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đáp: Bạch Cù-đàm, những người khác chủng tộc đó lấy các thứ cây khác nhau làm mồi lửa và cọ xát cho bốc lửa; rồi trong số đó, có người châm lửa vào cỏ cây khô làm bốc khói, bốc lửa ngọn và phát sanh màu lửa. Bạch Cù-đàm, con không nói rằng giữa khói và khói, giữa ngọn lửa và ngọn lửa, giữa sắc lửa và sắc lửa có sự sai biệt. Cũng vậy, này Đại vương, bốn chủng tộc này: Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ và công sư, họ hoàn toàn bình đẳng đoi với đoạn, không có hơn kém, không có sai biệt đoi với đoạn. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen: Bạch Sa-môn Cù-đàm, những điều Ngài nói như bậc Thầy. Bạch Sa-môn Cù-đàm9 những điều Ngài nói như bậc thầy giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, Ngài nghe cho chăng? The Ton đáp: Nêu Đại vương có điêu muôn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, có chư thiên chăng? Đức Thế Tôn hỏi: Này Đại vương, ngài hỏi có chư thiên không với ý gì? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đáp: Bạch Cù-đàm, chư thiên nào có não hại, ưa não hại thì chư thiên ấy phải sanh lại thế gian này; nếu chư thiên nào không có não hại, không ưa não hại thì sẽ không sanh lại thế gian này. Bây giờ, Đại tướng Bệ-lưu-la đứng sau lưng Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát- la, câm phát trân hâu vua. Đại tướng Bệ-lưu-la bạch: Bạch Cù-đàm? chư thiên nào không có não hại, không ưa não hại, thì không đến thế gian này; hãy gác lại chư thiên đó. Giả như chư thiên nào có não hại, ưa não hại, thì đên thê gian này; Sa-môn Cù-đàm tát phải

nói răng, chư thiên đó có phước hơn, có Phạm hạnh hơn; chư thiên này được tự tại nên đẩy lui chư thiên kia, đuổi chư thiên kia đi vậy. Lúc đó, Tôn giả A-nan đứng sau Thế Tôn, cầm phất trần hầu Phật. Tôn giả A-nan nghĩ rang: “Dại tướng Bệ-lưu-la này là con của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, còn ta là con của đức Thế Tôn; bây giờ chính là lúc con và con thảo man." Roi Tôn giả A-nan nói với Đại tướng Bệ-lưu-la răng:



-Tôi muôn hỏi ngài. Xin tùy theo sự hiêu biêt mà ngài trả lời! Thưa Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Trong phần ranh giới thuộc về Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la được tự do đuổi đi những vi có phước đức hơn, có Phạm hạnh hơn chăng? Đại tướng Bệ-lưu-la đáp: Này Sa-môn, trong phần ranh giới thuộc về Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh có thể truyền đến, thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la được quyền tự do đuổi những vị có phước hơn và có Phạm hạnh hơn đi khỏi vậy. Này Đại tướng, ngài nghĩ sao? Nêu không phải trong ranh giới Vua Ba- tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh không thể truyền đến, thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được tự ý đuổi những vi có phước hơn, có Phạm hạnh hơn đi khỏi chăng? Đại tướng Bệ-lưu-la đáp: Này Sa-môn5 nếu không phải ranh ẹiới thuộc về Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la mà giáo lệnh không thể truyền đen, thì Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát- la không được tự do xua đuổi những vị có phước hơn và có Phạm hạnh hơn đi khỏi vậy. Tôn giả A-nan lại hỏi: Này Đại tướng, ngài có nghe nói đến chư thiên ở Tam Thập Tam thiên chăng? Đại tướng Bệ-lưu-la đáp: -Khi tôi cùng Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la dạo chơi, có nghe nói chư thiên trên Tam Thập Tam thiên. Này Đại tướng, ngài nghĩ thế nào? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có được tự do xua đuổi chư thiên có phước hơn và có Phạm hạnh hơn ở Tam Thập Tam thiên khỏi chỗ ấy chăng? Đại tướng Bệ-lưu-la đáp: Này Sa-môn, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la còn không thể thấy được chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, huống gì lại đuổi họ ra khỏi. Đuổi chư thiên ở Tam Thập Tam thiên, việc ấy chắc chắn không thể có vậy. Cũng vậy, này Đại tướng, nếu có chư thiên nào không não hại, không ưa não hại, không đến thế gian này thì chư thiên ấy có phước đức hơn và Phạm hạnh hơn. Nếu chư thiên nào có não hại, ưa não hại, sanh đến thế gian này thì chư thiên này đối với chư thiên kia còn không thể thấy được, huống gì lại đánh đuổi ư? Việc đánh đuổi chư thiên kia chắc chắn không thể có. Lúc đó, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, Sa-môn này tên gì? Đức Thế Tôn đáp: -Này Đại vương, Tỳ-kheo này tên A-nan, là thi giả của Ta.



Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, tán thán: Những điêu A-nan nói như bậc Thây, những điêu A-nan nói như bậc thây giỏi. Con lại có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chăng? Đức Thế Tôn bảo: Này Đại vương, nêu ngài có điêu muôn hỏi, cứ tùy ý! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: Bạch Cù-đàm, có Phạm thiên chăng? Đức Thế Tôn hỏi: Này Đại vương, Đại vương hỏi có Phạm thiên không với ý gì? Này Đại vương, nếu Ta chủ trương có Phạm thiên thì đó là Phạm Thanh Tịnh. Trong lúc đức Thế Tôn cùng Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đang luận việc này nửa chừng thì người sứ giả dẫn Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử trở lại, đến chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, thưa:

-Tâu Thiên vương, Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đã đến đây. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe nói, liền hỏi Tưởng Niên Thiếu Cát Tương Tư: Hôm trước, ta cùng hội chúng đang hội tọa, ai là người trước tiên nói răng: uSa-môn Cù-đàm nói như vây: 'Trong quá khứ không có, trong tương lai không có và trong hiện tại cũng không có, không có Sa-môn5 Phạm chí nào là bậc Nhất Thiết Trí, Nhất Thiết Kiến?* Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử đáp: -Tâu Thiên vương, chính Đại tướng Bệ-lưu-la là người đã nói trước tiên. Đại tướng Bệ-lưu-la nghe xong, thưa: -Tâu Thiên vương, chính Tưởng Niên Thiếu Cát Tường Tử này là người nói trước. Cứ như vậy, hai người đó cãi nhau vê vân đê này. Ngay trong lúc đó, người đánh xe liền sửa soạn xa giá, đến chỗ Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la tâu: -Tâu Thiên vương, nghiêm giá đã đến! Tâu Thiên vương, mong ngài biết đã đến thời! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, bạch với Thế Tôn: Con hỏi Sa-mon Cù-đàm về vấn đề Nhất Thiết Trí, Sa-mon Cù-đàm đã trả lời con về vấn đề Nhất Thiết Trí. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm bốn chủng tánh thanh tịnh, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con vê vân đê bôn chủng tánh thanh tịnh. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm về sở đắc, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời con về sở đắc. Con hỏi Sa-môn Cù-đàm có Phạm thiên hay không, Sa-môn Cù-đàm đã trả lời cho con, có Phạm thiên. Nếu con còn hỏi Sa-môn Cù-đàm các vấn đề khác, chác Sa-môn Cù-đàm cũng sẽ trả lời con các vân đê ây.

1278 KINH TRƯNG A-HÀM _____

Bạch đức Cù-đàm, hôm nay con có nhiêu việc phải trở vê, xin kiêu từ Ngài! Đức Thế Tôn đáp: Đại vương, ngài hãy làm những gì ngài nghĩ là đúng lúc! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la sau khi nghe những gì Thế Tôn nói, ghi nhớ kỹ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh Thế Tôn ba vòng rồi ra về. Phật dạy như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, Tôn giả A-nan và tất cả đại chúng nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa giữa những người họ Thích, tru tại một đô ấp của Thích gia tên là Di-lũ-ly. Bấy giờ, vua nước Câu-tát-la là Ba-tư-nặc và Trường Tát, vì có những việc cần làm nên cùng đi đến một thi trấn tên là Thành. Ba-tư-nặc, vua nước Câu- tát-la, đến một khu vườn nơi ấy, nhìn thấy những gốc cây vắng vẻ, không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Sau khi nhìn thấy như vậy, nghĩ nhớ đức Thế Tôn, Vua Ba-tư-nặc nước Câu- tát-la nói: - Này Trường Tát, ở dây, những gốc cây này vắng vẻ, không có tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, thích hợp cho sự tĩnh tọa. Tại chỗ này, ta đã nhiều lần đến thăm viếng đức Thế Tôn. Này Trường Tát, đức Thế Tôn hiện giờ đang ở đâu? Ta muốn đến thăm. Trường Tát trả lời: Toi nghe nói đức Thế Tôn đang du hóa giữa những người họ Thích, trú tại một đô ấp của Thích gia tên là Di-lũ-ly. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này Trường Tát, Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia, cách đây bao xa? Trường Tát đáp: -Tâu Thiên vương, cách đây ba cu-lô-xá. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói: Này Trường Tát, ông hãy ra lệnh cho sửa soạn xa giá, Ta muốn đến chỗ Thế Tôn! Trường Tát vâng lời, ra lệnh cho sửa soạn xa giá rồi tâu: -Tâu Thiên vương, xa giá đã sửa soạn xong. Xin vâng ý Thiên vương! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn lên xe, đi ra khỏi thành ngoài, đi đến Di-lũ-ly, đô ấp của Thích gia. Bây giờ, ngoài công Di-lũly, một sô đông các Tỳ-kheo đang đi kinh hành trên

một khoảng đất trống. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đến nơi các Tỳ-kheo va hỏi: Thưa các Tôn giả, đức Thế Tôn hiện đang nghỉ ban ngày ở đâu?



Một số đông các Tỳ-kheo ấy trả lời: Thưa Đại vương, ngôi nhà lớn hướng Đông kia, với cửa so mở và cửa lớn đóng ấy, đức Thế Tôn hiện đang nghỉ ban ngày trong đó. Đại vương, nếu muốn đến thăm, có thể đi đến nơi đó; đến nơi, hãy đứng bên ngoài, rồi tằng hắng và gõ cửa. Đức Thế Tôn nghe, tất sẽ mở cửa. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn xuông xe. Khi một vi Vua Sát-lợi Đảnh Sanh xuất hiện để cai tri nhân dân và ban hành giáo lệ cho cõi đất thì có năm nghi trượng. Đó là kiêm, lọng, tràng hoa, phát cán ngọc và giày thêu. Vua cởi bỏ tất cả, trao cho Trường Tát. Trường Tát nghĩ rằng: "Thiên vương nay tất chỉ đi vào một mình. Chúng ta nên đứng ở đây mà đợi vay/9 Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la với đám tùy tùng vây quanh, bước tới ngôi nhà hướng Đông kia. Đen nơi, vua đứng ngoài tằng hắng và gõ cửa. Đức Thê r Tôn nghe roi, bèn mở y cửa. Vua Ba-tư-nặc ye nước Câu-tát-la đi vào trong nhà, đên trước đức Phật, cúi đâu lê sát chân roi ba lân tự xưng tên họ: Con là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la. Con là Ba-tư-nặc, vua nước Câu- tát-la. Đức Thế Tôn đáp: Như vậy, Đại vương, ngài là Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la. Ngài là Ba- tư-nặc, vua nước Câu-tát-la. Sau ba làn tự ximg tên họ? Vua Ba-tư-nặc đảnh lễ dưới chân Phật và lui ngồi một bên. Đức Thế Tôn hỏi: Này Đại vương, Đại vương thấy Ta có những nghĩa lợi nào mà tự hạ mình đảnh lễ dưới chân và cúng dường cung kính vậy? Vua Ba-tư-nặc thưa: Bạch Thế Tôn, con có pháp tịnh đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: “Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật khéo thú hướng.,, Bạch Thế Tôn, khi con ngồi trên đô tọa, con nhìn thấy mẹ tranh chấp với con, con tranh chấp với mẹ; cha tranh chấp với con, con tranh chấp với cha; cho đến anh em, chị em, thân bằng quyến thuộc tranh giành lẫn nhau. Trong khi tranh châp, mẹ nói con xâu, con nói mẹ xâu; cha con, anh em, chị em, thân băng quyến thuộc nói xấu lẫn nhau. Người thân thích trong nhà còn như thế, huống nữa người ngoài. Còn ở đây, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn, theo Thê Tôn tu hành Phạm hạnh; hoặc nêu có Tỳ-kheo nào gây ra ít nhiêu tranh chap, xả giới, bỏ đạo, cũng không nói Phật xâu xa, không nói Pháp xâu xa, không nói chúng Tăng xấu xa, mà chỉ tự chê trách rằng: uTôi xấu xa, thiếu đức hạnh. Tại sao như vậy? Vì tôi không thể theo Thế Tôn trọn đời tu hành Phạm hạnh.^ Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó9 con nghĩ rằng: 'Tháp



được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.” Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn5 Phạm chí khác, đã ít nhiều học hành Phạm hạnh, hoặc chín tháng, hoặc mười tháng, nhưng lại xả bỏ để theo sắc phục trước kia; rồi lại bị nhiễm ô bởi dục vọng, nhiễm dục, dính trước dục, bị dục trói chặt, kiêu ngạo, chấp thủ, thâm nhập, sống hoan lạc trong sự hành dục mà không thấy tai họa, không thấy xuất yếu. Bạch Thế Tôn, con thấy ở đây, chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn, tự nguyện trọn đời tu tập Phạm hạnh cho đến ức số. Ngoài đây ra, con không thấy ở đâu có Phạm hạnh thanh tịnh như vậy,

như mái nhà của Thế Tôn. Đó là pháp tinh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.^, Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn9 Phạm chí, thân thể gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vảy trắng, không ai muốn nhìn. Con tự nghĩ rang: "Các Tôn giả này vì sao thân thể lại gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, thân nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Các Tôn giả này ắt không tu hành Phạm hạnh, hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa. Cho nên các Tôn giả này thân hình gầy còm, tiều tụy, hình sắc xấu xa, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhùi" Con đến hỏi họ: "Các Tôn giả, vì sao các Tôn giả có thân thể gầy còm, tiều tụy, tướng mạo xấu xí, mình nổi vẩy trắng, không ai muốn nhìn? Có phải các Tôn giả không thích tu hành Phạm hạnh chăng? Hoặc vì bệnh hoạn hay lén lút làm việc xấu xa, cho nên các Tôn giả có thân thể gầy còm, tiều tụy?" Những vị ấy đáp: "Bại vương, đây là bệnh trắng. Đại vương, đây là bệnh trắng?9 Bạch Thế Tôn, con thấy chúng Tỳ-kheo, đệ tử của Thế Tôn, sống hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh. Thấy vậy, con nghĩ rằng: uCác Tôn giả này vì sao được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tinh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh? Các Tôn giả này hoặc đã đạt đến ly dục, hoặc chứng đắc Tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú, chứng đạt dễ dàng, không khó. Cho nên các Tôn giả này mới được hân hoan, đoan chánh, sắc mặt vui tươi, hình thể tinh khiết, vô vi, vô cầu, sống đời tinh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành Phạm hạnh. Nếu sống trong dục lạc mà được hân hoan, đoan chánh, thì chính ta phải được đời sống hân hoan, đoan chánh ấy. Vì sao? Vì ta hưởng thụ đủ năm thứ diệu dục, được một cách dễ dàng, không khó. Nhưng các Tôn giả này đạt đến sự ly dục, chứng đắc Tăng thượng tâm, đối với hiện pháp lạc trú, thành tựu dễ dàng, không khó. Vì vậy, các Tôn giả này sông hân hoan, đoan chánh, sác mặt vui tươi, hình thê tinh khiêt, vô vi, vô cầu, sống đời tịnh hạnh, ăn uống như loài nai rừng, tự mình trọn đời tu hành



Phạm hạnh. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: 'Tháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hirớng." Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí, thông minh, trí tuệ, tự xưng mình thông minh, trí tuệ, bác văn quyết đinh, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người ai cũng đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng: "Chúng ta hãy đến chỗ Sa- môn Cù-đàm mà hỏi Ong những điêu như vây, như vây. Nêu Ong trả lời được như thê này, thì ta lại vặn hỏi thê kia. Nêu Ong không trả lời được, ta cũng vặn hỏi rồi bỏ di.” Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến, nhimg khi gặp Phật thì lại chăng dám hỏi lời nào, huông nữa là vân nạn. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hu^ng." Lại nữa, bạch Thế Tôn,

con thấy một số Sa-môn5 Phạm chí, thông minh, trí tuệ, tự xưng là thông minh, trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chê phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù- đàm đê hỏi Ong những diêm như vây, như vây. Nêu Ong trả lời được như thê này, ta lại vặn hỏi Ong cách kia. Nêu Ong trả lời không được, ta cũng văn hỏi Ông rồi bỏ di." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền tìm đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, các Sa-môn, Phạm chí này rất vui mừng, phấn khởi, cúi đầu lễ sát chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui. Đó là pháp tinh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.59 Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí khác, thông minh, trí tuệ, tự xưng là thông minh, trí tuệ, bác văn quyết định, thuộc làu các kinh, chế phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, mà tự lập luận điểm của mình và nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa- môn Cù-đàm để hỏi Ông những điều như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi Ông cách kia. Nếu Ông trả lời không được, ta cũng vặn hỏi Ông rồi bỏ di." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền đến hỏi, được The Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, các Sa-môn, Phạm chí này vui mừng, phấn khởi, liền tự quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, được Thế Tôn thu nhận làm ưu-bà-tắc trọn đời, tự quy y cho đến mạng chung. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước,



Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng?9 Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy một số Sa-môn, Phạm chí khác, tự xưng là thông minh, trí tuệ, bác văn quyêt định, thuộc làu các kinh, chê phục cường địch, đàm luận thông suốt, danh tiếng đồn khắp, mọi người đều nghe biết, đi đến nơi nào, thảy đều đả phá chủ trương, tông chỉ của người, lập luận điểm của mình và nói rằng: "Chúng ta hãy đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm để hỏi Ông những điều như vầy, như vầy. Nếu Ông trả lời được như thế này, ta lại vặn hỏi Ông cách kia. Nêu Ong trả lời không được, ta cũng vặn hỏi Ong roi bỏ di." Họ nghe Thế Tôn du hóa tại làng nọ, liền đến hỏi, được Thế Tôn trả lời rõ ràng. Nghe xong, các Sa-môn, Phạm chí này vui mừng, phấn khởi, bèn theo Thế Tôn cầu xin xuất gia, thọ giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Thế Tôn bèn độ cho và truyền trao giới Cụ túc, đắc pháp Tỳ-kheo. Khi các Tôn giả ấy xuất gia học đạo, thọ giới Cụ túc, đăc pháp Tỳ-kheo roi, sông cô độc một nơi xa văng, tâm không buông lung, tinh cân tu tập. Các Tôn giả ây sau khi sông cô độc tại một nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tinh cần tu tập, đạt đến mục đích mà một thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ để thành tựu Vô thượng Phạm hạnh, ngay trong đời hiện tại mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, an trú, biêt một cách như thật răng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,^ Khi các Tôn giả ấy biết pháp rồi, cho đến chứng đắc A-la- hán, chứng đắc A-la-hán rồi, bèn nói rằng: "Này chư Hiền,

trước kia tôi gần bi suy vong, gần bi hủy diệt. Vì sao vậy? Trước kia tôi không phải là Sa-môn, lại tự xưng là Sa-môn; không phải Phạm hạnh, tự ximg Phạm hạnh; không phải A-la-hán, tự ximg A-la-hán. Bây giờ tôi mới thật sự là Sa-môn, thật sự là Phạm hạnh, thật sự là A-la-h9n." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: 'Tháp được Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng." Lại nữa, bạch Thê Tôn, con tự do trong quôc thô của mình, muôn giêt kẻ không lỗi lầm thì ra lệnh giết, nếu muốn giết kẻ có lỗi lầm thì ra lệnh giết. Nhxrng khi con ngồi trên đô tọa, con vẫn không được tự do mà nói như vầy: "Các khanh hãy giữ im. Không ai hỏi việc nơi các khanh, mà chính là hỏi việc nơi ta. Các khanh không thể quyết đoán việc này, chỉ ta mới có thể quyết đoán việc này." Nhưng ở trong đó vẫn có người bàn cãi những việc khác, không đợi người trước nói xong. Con đã nhiều lần thấy Thế Tôn thuyết pháp với đại chúng r • r r vây quanh. Bây giờ, có một người ngủ gật mà ngáy. Thây gây tiêng động, một người khác bèn nói răng: "Ngài chớ có ngáy gây tiêng động. Ngài không muôn nghe pháp được Thê Tôn nói như cam lô cháng?" Người kia nghe roi, tức thì im lặng. Con nghĩ rằng: "Nhu Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, là bậc Điều Ngự đại chúng. Thật kỳ diệu thay! Thật hy hữu thay! Vì sao vậy? Vì Ngài



\ r A

không cân dùng dao, dùng gậy, nhimg tát cả đêu đúng như pháp mà được an ổn khoái lạc." Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó, con nghĩ rằng: 'Tháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.,, Lại nữa, bạch Thế Tôn, hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu được con ban phát tiền tài, và con thường khen ngợi họ; đời sống họ do nơi con. Nhưng con không thể khiến cho hai vị thần tá này hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự con như họ hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn. Đó là pháp tinh của con đối với Thế Tôn. Do đó? con nghĩ rằng: "Pháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng?9 Lại nữa, bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong lúc xuất chinh, ngủ đêm trong một ngôi nhà nhỏ, con muốn thử hai viên thần tá Tiên Dư và Túc Cựu khi ngủ quay đầu về phía nào, quay về phía con hay quay về phía Thế Tôn ở. Rồi hai vị thần tá Tiên Dư và Túc Cựu, vào lúc đầu hôm, ngồi kiếgià, im lặng, tĩnh tọa. Đen nửa đêm, họ nằm ngủ, đầu hướng về phía mà họ biết Thế Tôn đang ở, còn chân thì quay vê phía con. Thây thê con suy nghĩ răng: "Hai viên thân tá Tiên Dư và Túc Cựu này không quan tâm đến sự thù thắng trước mắt. Cho nên họ không hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự ta như họ hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn. Đó là pháp tịnh của con đối với Thế Tôn. Do đó5 con nghĩ rằng: 'Tháp được Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Chánh Đẳng Giác giảng dạy thật là toàn thiện. Chúng đệ tử của Thế Tôn thật là khéo thú hướng.,^ Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là quốc vương, Thế Tôn cũng là Pháp vương. Con thuộc dòng Sát-đế-lợi, Thế Tôn cũng thuộc dòng Sát-đế-lợi. Con là người Câu-tát-la, Thế Tôn cũng là người Câu-tát-la. Con đã tám mươi tuổi, Thế

Tôn cũng tám mươi tuôi. Bạch Thê Tôn, vì lẽ đó, con có thê trọn đời hạ ý cung kính, tôn trọng, cúng dường, phụng sự Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, hôm nay con có nhiều công việc, con xin phép lui ve! Đức Thế Tôn bảo: Đại vương, mong Đại vương tự biết đúng thời! Rồi Ba-tư-nặc vua nước Câu-tát-la sau khi nghe những lời Phật nói, khéo léo ghi nhớ, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui về. Lúc đó, Tôn giả A-nan cầm quạt, đứng hầu sau Phật. Thế Tôn bảo: Này A-nan, nêu có Tỳ-kheo nào đang sông tại rừng Di-lũ-ly này, thây hãy tập họp tát cả vê giảng đường. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, nếu gặp Tỳ-kheo đang sống tại rừng Di-lũ-ly đều bảo tụ họp về giảng đường, roi trở lại chỗ Phật bạch rằng:

213. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM 1285

Bạch Thế Tôn, những Tỳ-kheo tại rừng Di-lũ-ly này, tất cả đều đã tụ tập tại giảng đường rồi, mong Thế Tôn biết thời! Bấy giơ, Thế Ton cùng Tôn giả A-nan đi đến giảng đường. Đen noi, Ngài trải chỗ ngồi mà ngồi trước đại chúng và nói: Này các Tỳ-kheo? hôm nay, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la đã ở trước Ta nói Kinh Pháp trang nghiêm xong, liền đứng dậy cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ta, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Này các Tỳ-kheo, các thầy nên thọ trì Kinh Pháp trang nghiêm này, hãy khéo léo tụng đọc! Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì Kỉnh Pháp trang nghiêm này là như pháp, là như nghĩa, là căn bản của Phạm hạnh, dẫn đến trí tuệ, dẫn đến giác ngộ, dẫn đến Niết-bàn. Nếu một thiện nam tử đã chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học dạo, hãy nên thọ trì, hãy khéo tụng tập Kỉnh Pháp trang nghiêm này! Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

214. KINH BỆ-HA-ĐÈ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan tru tại Xá-vệ? có chút việc tại Đông Viên, Lộc Mau giảng đường. Lúc đó, Tôn giả A-nan dẫn một thầy Tỳ-kheo ra khỏi Xá-vệ9 đến Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường. Công việc xong, Tôn giả dẫn thầy Tỳ-kheo trở về vườn cấp Cô Độc, trong rừng Thắng Lâm. Khi ấy, Ba-tư-nặc, vua nước Câu-tát-la, cưỡi trên con voi Nhất-bôn-đà-lợi cùng với đại thần Thi-lợi-a-đồ từ thành Xá-vệ đi ra. Ton giả A-nan khi ấy nhìn thấy Vua Ba-tư-nặc từ xa đi đến, bèn hỏi vị Tỳ-kheo đồng hành rằng: Có phải là Batưnặc, vua nước Câu-tát-la đấy không? Vi này đáp: Đúng vậy! Tôn giả A-nan liên rẽ xuông đường, lánh vào một góc cây. Vua Ba-tư-nặc từ xa nhìn thấy Tôn giả A-nan nơi gốc cây, bèn hỏi: Này Thi-lợi-a-đồ, có phải là Sa-môn A-nan đấy không? Thi-lợi-a-đồ đáp: Đúng vậy! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bảo đại thần Thi-lợi-a-đồ: Khanh hãy giục voi đến chỗ Sa-môn A-nan. Thi-lợi-a-đồ vâng lệnh, bèn giục voi đến chỗ A-nan. Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la vui mừng hỏi: Này A-nan, từ đâu đến đây và muốn đi đâu bây giờ? Tôn giả A-nan trả lời: -Này Đại vương, tôi từ Đông Viên, Lộc Mau giảng đường đến, và muốn trở về vườn cấp Cô Độc trong rừng Thắng Lâm. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nói: Này A-nan, nêu tại Thăng Lâm không có việc gì gáp, xin ngài từ mân đi cùng tôi đến sông A-di-la-bà-đề!

1288 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả A-nan nhận lời Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la. Tôn giả A-nan đi trước, cùng vua đến sông A-di-la-bà-đê. Đến noi, vua bước xuống, lây yên voi gấp làm tư, trải lên đất và mời Tôn giả A-nan: Này A-nan, xin mời ngôi trên chô ngôi này! Bấy giờ, Tôn giả A-nan đáp: Thôi được rồi, Đại vương! Trong lòng thỏa mãn là đủ. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại ba lân mời Tôn giả A-nan: Này A-nan, xin mời ngôi lên chô này! Tôn giả A-nan cũng đáp lại ba lân: Thôi được rồi, Đại vương! Trong lòng thỏa mãn là đủ. Tôi đã có sẵn tọa cụ5 tôi sẽ ngồi nơi đây. Nói xong, Tôn giả A-nan trải tọa cụ và ngôi kiêt-già. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la chào hỏi A-nan rồi ngồi xuống một bên và nói: Này A-nan, tôi có điều muốn hỏi5 mong ngài cho phép! Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, ngài muôn hỏi điêu gì cứ hỏi, tôi nghe roi sẽ suy nghĩ! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi: - Này A-nan, đức Thế Tôn có hành những thân hành như vầy, tức thân hành bị hàng Sa-môn, Phạm chí gớm ghét chăng? Tôn giả A-nan đáp: Này Đại vương, Như Lai không có thân hành như vậy, tức thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và hàng thế gian khác gớm ghét. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe xong, khen: Lành thay! Lành thay! A-nan, điều mà tôi không đủ khả năng để nói, kể cả những người thông minh, trí tuệ và những hàng thế gian khác, thì A-nan đủ khả năng để nói. Này A-nan, nếu ai không nhận đinh kỹ mà đã chê bai hay khen ngợi, tôi không coi đó là chân thật. Này A-nan? nếu ai đã nhận định kỹ rồi mới chê bai hay khen ngợi, thì tôi coi đó là chân thật. Này A-nan, đức Thế Tôn có hành những thân hành như vầy, những thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ, và những hàng thế gian khác gớm ghét chăng? Tôn giả A-nan trả lời: Này Đại vương, Như Lai không bao giờ hành những thân hành như vậy, tức những thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ, và những hàng thế gian khác gớm ghét.

## 214. KINH BỆ-HA-ĐỀ 1289

Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: - Này A-nan, thế nào là thân hành? Tôn giả A-nan đáp: -Đó là những thân hành bất thiện. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Thế nào là thân hành bất thiện? A-nan đáp: Đại vương, đó là những thân hành có tội. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan, thế nào là thân hành có tội? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, đó là những thân hành bị người trí gớm ghét. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: ỉ Này A-nan, thê nào là thân hành bị người trí gớm ghét? Tôn giả A-nan đáp: -Đại vương, đó là những thân hành hại minh, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, hỗ trợ sự ác, không chứng đắc Niết-bàn? không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Người ấy đối với pháp nên hành, không biết như thật; đối với pháp không nên hành, không biết như thật. Khi đối với pháp nên hành đã không biết như thật, và đối với pháp không nên hành cũng không biết như thật; người ấy đối với pháp nên thủ không biết như thật, đối với pháp không nên thủ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã không biết như thật, đối với pháp không nen thủ cũng không biết như thật; người ấy đối với pháp nên đoạn trừ không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên đoạn trừ đã không biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng không biết như thật; người ấy đối với pháp nên thành tựu không biết như thật, và đối với pháp

không nên thành tựu cũng không biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thành tựu đã không biết m er như thật, và đôi với pháp không nên thành tựu cũng không biêt như thật; người ấy đối với pháp nên hành lại không hành, và đối với pháp không nên hành lại hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì không hành, và đối với pháp không nên hành lại hành; người ấy đoi với pháp nên thủ lại không thủ, và đoi với pháp không nên thủ lại thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ lại không thủ, và đối với pháp không nên thủ lại thủ; người ấy đối với pháp nên đoạn trừ lại không đoạn trừ, và đôi với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ. Sau khi đôi với pháp nên đoạn trừ lại không đoạn trừ, và đối với pháp không nên đoạn trừ lại đoạn trừ; người ấy đối với pháp nên thành tựu lại không thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu lại không thành



tựu, và đối với pháp không nên thành tựu lại thành tựu; pháp bất thiện càng tăng và pháp thiện càng giảm. Vì vậy, Như Lai không bao giờ hành những pháp ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan, tại sao Như Lai lại không bao giờ hành những pháp ấy? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đoạn trừ tất cả pháp bất thiện, thành tựu tất cả pháp thiện, là bậc Thầy Khuyến Giáo, bậc Thầy Vi Diệu, bậc Thầy Khéo Tùy Thuận, là vi Dan Dắt Điều Ngự, Tùy Thuận Điều Ngự, là vị Nói Năng Toàn Thiện, Nói Năng Vi Diệu, Nói Năng Khéo Tùy Thuận. Cho nên Như Lai trọn không bao giờ hành những pháp bất thiện ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! A-nan? Như Lai không bao giờ hành những pháp không nên hành. Vì sao vậy? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, là bậc Đẳng Chánh Giác. Này A-nan, Ngài là đệ tử của đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn, an ổn vô thượng, mà còn không hành các pháp ấy; huống nữa đức Như Lai lại hành các pháp ấy sao? Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: -Này A-nan, Như Lai có hành những thân hành như vầy, tức thân hành mà các Sa-môn? Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và các hàng thế gian khác không gớm ghét chăng? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, Như Lai tất nhiên hành những thân hành như vậy, tức thân hành mà các Sa-môn, Phạm chí, những người thông minh, trí tuệ và các hàng thế gian khác không gớm ghét. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: - Này A-nan, thân hành đó là thế nào? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, đó là những thân hành thiện. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan, thế nào là thân hành thiện? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, đó là thân hành không có tội. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan, thế nào là thân hành không có tội? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, đó là những thân hành mà kẻ trí không ghê tởm.



Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan? thế nào là những thân hành mà kẻ trí không ghê tởm? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, đó là những thân hành không hại mình, không hại người, không hại cả hai, có giác, có tuệ, không hỗ trợ sự ác, chứng đắc Niết-bàn, đưa đến trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Đoi với pháp nên hành,

vị ấy biết như thật; và đối với pháp không nên hành, cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên hành đã biêt như thật, và đôi với pháp không nên hành cũng biêt như thật, vị ấy đối với pháp nên thủ biết như thật, và đối vơi pháp không nen thủ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp nên thủ đã biết như thật, và đối với pháp không nên thủ cũng biêt như thật, vi ây đôi với pháp nên đoạn trừ biêt như thật, và pháp không nên đoạn trừ cũng biết như thật. Sau khi đối với pháp đoạn trừ đã biết như thật, và đối với pháp không nên đoạn trừ cũng biết như thật, vị ấy đối với pháp nên thành tựu biết như thật, và đối với pháp không nên thành tựu cũng biêt như thật. Sau khi đôi với pháp nên thành tựu đã biêt như thật, và đối với pháp không nên thành tựu cũng biết như thật rồi, vi ấy đối với pháp nên hành thì hành, và đối với pháp không nên hành thì không hành. Sau khi đối với pháp nên hành thì hành, và đối với pháp không nên hành thì không hành, vị ấy đối với pháp nên thủ thì thủ, và pháp không nên thủ thì không thủ. Sau khi đối với pháp nên thủ thì thủ, và pháp không nên thủ thì không thủ, vi ấy đối với pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ. Sau khi biết pháp nên đoạn trừ thì đoạn trừ, và pháp không nên đoạn trừ thì không đoạn trừ, vị ây đôi với pháp nên thành tựu thì thành tựu, và đôi với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu. Sau khi đối với pháp nên thành tựu thì thành tựu, và đối với pháp không nên thành tựu thì không thành tựu, pháp bất thiện càng giảm, pháp thiện càng tăng trưởng. Cho nên Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại hỏi: Này A-nan, tại sao Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy? Tôn giả A-nan trả lời: Đại vương, ly dục và dục đã diệt tận, ly nhuế và nhuế đã diệt tận, ly si và si đã diệt tận, Như Lai đã thành tựu tất cả các pháp thiện và đoạn trừ tất cả các pháp bất thiện. Ngài là bậc Thầy Khuyến Giáo, bậc Thầy Vi Diệu, bậc Thầy Khéo Tùy Thuận, là vị Tướng Điều Ngự, Tùy Thuận Điều Ngự, là vi Nói Năng Toàn Thiện, Nồi Năng Vi Dieu, Nói Nấng khéo Tuy Thuận. Cho nến Như Lai tất nhiên hành những pháp ấy. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la khen ngợi: Hay thay! Hay thay! A-nan, Như Lai tất nhiên hành những pháp nên hành. Vì sao vạy? Vì Như Lai là bậc Vô Sở Trước, là bậc Đẳng Chanh Giác. Này



A-nan, Ngài là đệ tử của đức Đạo Sư ấy, học đạo để chứng đắc Niết-bàn, an ổn VÔ thượng, mà còn hành những pháp ây; huông nữa Như Lai lại không hành những pháp ấy sao? A-nan nói khéo léo, khiến tôi hoan hỷ! A-nan nói thật là thích thú, khiến tôi rất hoan hỷ. Nếu A-nan được phép thâu nhận thuế tô trong làng thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí thuế tô đó. Nếu A-nan được phép thâu nhận voi, ngựa, trâu, dê thì tôi sẽ vì pháp mà bô thí voi, ngựa, trâu, dê đó. Nêu A-nan được phép thâu nhận đàn bà, con gái thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí đàn bà, con gái. Nếu A-nan được phép thâu nhận vàng bạc, châu báu thì tôi sẽ vì pháp mà bố thí vàng bạc, châu báu. Nhưng A-nan không được phép thâu nhận những việc như thế. Vương gia Câu- tát-la tôi có một chiếc áo tên là Bệ-ha-đề rất tốt. Tôi đặt nó trong ống cán dù, được gửi đến để làm tín. Trong các loại áo kiếp-bối của vương gia Câu-tát-la, áo này là bậc nhất trong tất cả. Vì sao vậy? Áo Bệ-ha-đề dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay. Tôi nay vì pháp đem chiếc áo này bố thí cho A-nan. Ngài sẽ dùng nó mà may thành ba y để vương gia Câu-tát-la được mãi mãi tăng ích

phước lành. Tôn giả A-nan đáp: Thôi đủ rồi Đại vương! Trong tâm thỏa mãn là đủ. Tôi đã có đủ ba y rồi. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la thưa: Này A-nan, xin nghe tôi nói một ví dụ, người có trí tuệ nghe ví dụ sẽ thấu rõ ý nghĩa. Ví như sau trận mưa lớn, nước đầy cả sông A-di-la-bà-đề? ngập cả hai bên bờ và chảy tràn ra ngoài. A-nan có thấy vậy không? Tôn giả A-nan đáp: Đại vương, tôi có thấy! Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la lại thưa: Cũng thê, này A-nan, nêu có ba y thì hãy đem cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo- ni hay các vi tiệm học, xá-la9 xá-la-ma-ni-ly. Còn A-nan đem Bệ-ha-đề này làm thành ba y để dùng, khiến vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành. Tôn giả A-nan im lặng nhận lời. Khi biết Tôn giả A-nan chấp nhận rồi, vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la y theo pháp bố thí chiếc y Bệ-ha-đề. Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh ba vòng rồi ra về. Sau khi trở về không bao lâu, Tôn giả A-nan bèn đem chiếc y Bệ-ha-đề đến trước Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đứng một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn, hôm nay, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la vì pháp mà bố thí chiếc y Bệ-ha-đề. Vậy con xin Thế Tôn đặt đôi chân lên y Bệ-ha-đe để vương gia Câu-tát-la được tăng ích phước lành! Khi ấy, Thế Tôn để hai chân lên y Bệ-ha-đề rồi bảo: Này A-nan, thây đã bàn luận những gì với Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la? hãy kể lại cho Ta nghe!

214. KINH BỆ-HA-ĐỀ 1293

Khi ấy, Tôn giả A-nan kể lại hết những điều đã luận bàn cùng vua nước Câu-tát-la cho Thế Tôn nghe rồi chắp tay thưa: Con nói như vậy không xuyên tạc Thế Tôn chăng? Con nói đúng như thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm chăng? Đức Thế Tôn bảo: Thầy nói như vậy là không xuyên tạc Ta, là nói sự thật, nói đúng như pháp, nói đúng pháp như pháp, đối với pháp như pháp không có điều gì sai lầm. Này A-nan, nếu Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi Ta bằng nghĩa này, với câu này, với văn này, thì Ta cũng trả lời bằng nghĩa này, với câu này, với văn này mà trả lời cho nhà vua. Này A-nan, nghĩa ây đúng như những điêu thây đã nói, thầy nên theo đúng như thế mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì nói như vậy chính là nghĩa như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

215. KINH ĐỆ NHẤT ĐẮC Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Thê Ton bao các Ty-kheo: Trong cảnh giới nào mà giáo lệnh của Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có thể ban hành đến, trong cảnh giới đó, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la là đệ nhất. Tuy vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la cũng lệ thuộc sự biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm chán cái đệ nhất ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không ham muốn, huống nữa là cái hạ tiện. Những cảnh ệiới mà ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến, những phương được chiêu đến, tức thế giới ngàn; trong thế giới ngàn đó có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, một ngàn Phất-vu-đãi, một ngàn Diêm-phù-đề châu, một ngàn Câu-đà-ni châu, một ngàn uất-đơn-việt, một ngàn Tu-di sơn, một ngàn Tứ Đại Thiên Vương, một ngàn Tứ Đại Thiên Vương tử, một ngàn Tam Thập Tam thiên, một ngàn Thích thiên Nhân-đà-la, một ngàn Diệm-ma thiên, một ngàn Tu-diệm-ma thiên tử, một ngàn Đâu-suất-đà thiên, một ngàn Đâu-suất-đà thiên tử, một

ngàn Hóa Lạc thiên, một ngàn thiên Hóa Lạc thiên tử, một ngàn Tha Hóa Lạc thiên, một ngàn Tự Tại thiên tử, một ngàn Phạm thế giới và một ngàn Biệt Phạm. Trong đó, có Phạm Đại Phạm là đấng Phú hựu, là Tạo hóa tôn, là Tổ phụ các loài chúng sanh đã sanh và sẽ sanh. Nhưng Đại Phạm ấy cũng lệ thuộc biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải nhàm chán cái đệ nhất ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất không còn ham muốn, huống là cái hạ tiện. Một thời gian sau, thế giới này hủy diệt. Khi thế giới này hủy diệt, chúng sanh sanh lên cõi trời Quang Âm. Trong ấy chỉ có sắc nương theo ý mà sanh, các chi thể đầy đủ, không thiếu, các căn không bị hư hoại, nuôi sống bằng hỷ thực, hình sắc thanh tinh, thân chiếu sáng, phi hành trong hư không, sống ở đó một thời gian lâu dài. Nhưng cõi trời Quang Âm cũng lệ thuộc biến dịch, thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh ra nhàm chán sự ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không muốn, huống nữa là hạ tiện. Lại nữa, có bốn sự tưởng. Tỳ-kheo suy tưởng về tiểu tưởng, về đại tưởng, về vô lượng tưởng và vô sở hữu. Chúng sanh có thắng ý nơi lạc tưởng như vậy



cũng lệ thuộc vào sự biên dịch, thay đôi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt phải sanh nhàm chán đối với sự ấy; nhàm chán rồi, đối với cái đệ nhất còn không muôn, huông nữa là cái hạ tiện. Lại có tám thắng xứ. Thế nào là tám? Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sác lượng nhỏ, hoặc săc đẹp, hoặc sác xâu, đôi với các sác ây đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ nhất thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sác đẹp, hoặc săc xâu, đôi với các sác ây đã thăng tri, đã thăng kiên; tưởng như vậy được gọi là đệ nhi thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ tam thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng, hoặc sắc đẹp, hoặc sắc xấu, đối với các sắc đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ tứ thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang. Cũng như hoa thanh thủy màu xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang; cũng như chiếc áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng, tươi mát, hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc xanh, xanh hiển, xanh hiện, xanh quang, vô lượng, vô lượng tinh ý? nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ ngũ thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc vàng, vàng hiên, vàng hiện, vàng quang. Cũng như hoa Tân-đâu-ca-la màu vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang; cũng như chiếc áo bằng lụa Ba- la-nại được giặt, được vô, được nhôi, được vo kỹ cho đên sạch tinh, sác sáng, tươi mát, màu vàng, vàng hiển, vàng hiện, vàng quang. Cũng vậy, Tỳ"kheo bên  y ọ trong không có sác tưởng, bên ngoài quán các săc, hoặc vàng, vàng hiên, vàng hiện, vàng quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý, nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đôir với các sác ây đã thăng tri, đã thăng kiên; tưởng như vậy được gọi là đệ lục thăng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài

quán các sắc hoặc đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng như hoa Ca-ni-ca-la màu đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang; cũng như chiêc áo băng lụa Ba-la-nại được giặt, được vô, được nhôi, được vo kỹ cho đên sạch tinh, sác sáng, tươi mát, màu đỏ, đỏ hiên, đỏ hiện, đỏ quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc, hoặc đỏ, đỏ hiển, đỏ hiện, đỏ quang, vô lượng, vô lượng tịnh ý,



nhuận ý, ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ thất thắng xứ. Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong không có sắc tưởng, bên ngoài quán các sắc hoặc trắng, trắng hiển, trắng hiện, trắng quang. Cũng như sao Thái Bạch màu trắng, trắng hiển, trắng hiện, ưắng quang; cũng như chiếc áo bằng lụa Ba-la-nại được giặt, được vỗ, được nhồi, được vo kỹ cho đến sạch tinh, sắc sáng, tươi mát, màu trắng, trắng hiển, trắng hiện, trắng quang. Cũng vậy, Tỳ-kheo bên trong không có sác tưởng, bên ngoài quán các sác, sác trăng, trăng hiên, trăng hiện, trắng quang, vô lượng, vô lượng tinh v, nhuận ý? ái lạc, không ghê tởm; đối với các sắc ấy đã thắng tri, đã thắng kiến; tưởng như vậy được gọi là đệ bát thắng xứ. Chúng sanh có thắng ý nơi lạc thắng xứ như vậy cũng lệ thuộc sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy, ắt sanh ra nhàm chán sự ấy; nhàm chán rồi, đối với các đệ nhất còn không muốn, huống nữa là cái hạ tiện. Lại nữa, có mười biến xứ. Thế nào là mười? Các Tỳ-kheo tu tập nơi một địa biến xứ, tư duy trên, dưới, các phương là vô nhi, vô lượng. Tu tập nơi một thủy biến xứ, một hỏa biến xứ, một phong biến xứ, một xanh biến xứ, một vàng biên xứ, một đỏ biên xứ, một.ktrăng biên xứ, một không biên xứ, một thức biên xứ là thứ mười; tu tập một biên xứ, tư duy trên, dưới, các phương là vô nhị, vô lượng. Nhưng các chúng sanh có thăng ý nơi biên xứ lạc này cũng lệ thuộc sự biến dịch, lệ thuộc sự thay đổi. Đa văn Thánh đệ tử quán tưởng như vậy, ắt sanh ra nhàm chán sự ây; nhàm chán roi, đôi với cái đệ nhát còn không muôn, huông nữa là cái hạ tiện. Và đây là thuyết Thanh tịnh đệ nhất, là sự thi thiết tối đệ nhất, tức là "ta không c6, ta không hiện hữu", và để chứng đắc điều này mà thiết lập nơi đạo. Và đây là đệ nhát ngoại y kiên xứ, tôi y kiên xứ, tức là vượt qua tát cả sác tưởng, cho đến chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng, thành tựu an trú. Và đay là đệ nhất thú hướng Niết-bàn ngay trong hiện tại, là thi thiết tối thượng về Niết-bàn ngay trong hiện tại, tức là sáu xúc xứ, sự tập khởi, hoại diệt, vị ngọt, tai hoạn và xuất ly của chúng được thấy như thật bằng tuệ, và để chứng đắc điều này mà thi thiết nơi đạo. Lại nữa, có bốn thông hành. Thế nào là bốn? Có lạc trì thông hành, có lạc tốc thông hành, có khổ trì thông hành, có khổ tốc thông hành. Trong đó, lạc trì thông hành là lạc đưa đến đoạn trừ chậm chạp, cho nên nói là thấp kém. Trong đó, lạc tốc thông hành là lạc đưa đến đoạn trừ một cách mau chóng, cho nên thông hành này cũng được nói là thấp kém. Trong đó, khổ trì thông hành là khổ đưa đen đoạn trừ một cách chậm chạp, cho nên thông hành này cũng được nói là thấp kém. Trong đó, khổ tốc thông hành là khổ đưa đến đoạn trừ một cách

mau chóng, cho nên thông hành này không phải là sự phát triển, không được lưu bố, cho đến chư thiên và nhân loại cũng không tán thán và phát triển. Thông hành của Ta được phát triển, được lưu bố, cho đến chư thiên và nhân loại cũng tán thán, phát triển. Thê nào là thông hành của Ta được phát triển, được lưu bô, cho đên chư thiên và nhân loại cũng tán thán, lưu bố? Đó là tám chi Thánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó là thông hành của Ta được phát triển, được lưu r ỉ o r bô, cho đên chư thiên và nhân loại cũng tán thán, lưu bô. Ta như vậy nhưng các Sa-môn, Phạm chí hư ngụy, nói láo, bất thiện, không y. chân thật, xuyên tạc và hủy báng Ta răng: uQuả thật có chúng sanh chủ trương sự đoạn hoại, Sa-môn Cù-đàm không có chủ trương gi." Quả thật, có chúng sanh chủ trương sự đoạn hoại; nếu không, Ta đã không thuyết giảng như vậy. Như Lai ngay trong đời hiện tại đã vĩnh viễn đoạn trừ tất cả mà chứng đắc Niết- bàn tịch tĩnh, diệt tận. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

216. KINH ÁI SANH y

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, có một người Phạm chí, chỉ có độc nhát một đứa con, trong lòng hết sức yêu thương, tâm ý khắng khít, chiều chuộng. Sau khi đứa con mạng chung, người Phạm chí ấy ưu sầu, không thể ăn uống được, quên cả áo chăn, quên cả trang sức, chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm. Rồi Phạm chí lang thang khắp nơi, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi xuong mọt ben. The Ton hỏi: Ong nay sao hình như các căn không trú tự tâm? Phạm chí đáp: -Tôi làm sao các căn có thể an tru tự tâm được? Vì sao vậy? Tôi chỉ có một đứa con độc nhất, trong lòng hết sức thương yêu, tâm ý khắng khít, chiều chuộng, nhìn hoài không chán. Bỗng nhiên nó mạng chung. Sau khi nó mạng chung, tôi ưu sầu, không thể ăn uống được, quên cả áo chăn, quên cả trang sức, chỉ biết đi ra bãi tha ma mà khóc, nhớ tưởng chỗ con nằm. The Ton hỏi: Thật vậy, này Phạm chí! Thật vậy, nay Phạm chí! Nấu khi ái sanh thì phát sanh những sâu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Phạm chí nói: Cù-đàm, sao lại nói khi ái sanh thì cũng phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc. rp-l Á r-p A 4. Ấ r • 1 1 A 1 x Thê Ton đen ba lan noi như vay: -Thật vậy, này Phạm chí! Thật vậy, nay Phạm chí! Khi ái sanh thì liền phát sanh những sâu bi, khóc than, ưu khô, phiên muộn, ảo não. Phạm chí cũng đến ba lần nói: Cù-đàm5 sao lại nói khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Cù-đàm nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc. Lúc bấy giờ, Phạm chí nghe những lời Phật nói, không cho là phải, mà lại bác bỏ, rồi rời chỗ ngồi, đứng dậy, lắc đầu bỏ đi.

1300 KINH TRUNG A-HÀM

Bây giờ, ở trước công Thăng Lâm có một sô người thị dân đang đánh bạc. Phạm chí từ xa trông thây, bèn nghĩ răng: "Trong đời, nêu có những người thông minh, trí tuệ, cũng không thể hơn được những kẻ đánh bạc. Ta hãy đến đó. Những gì vừa được thảo luận với Cù-đàm, ta sẽ kể lại hết cho họ nghe." Rồi Phạm chí đi đến số đông những người đang đánh bạc ấy và đem những gì vừa được thảo luận với Thế Tôn kể lại hết cho họ

nghe. Những người thị dân đang đánh bạc này nghe xong, nói rằng: x x

Này Phạm chí, sao lại nói khi ái sanh thì liên phát sanh những sâu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não? Phạm chí nên biết, khi ái sanh thì hỷ cũng sanh, tâm hoan lạc. Phạm chí nghe xong, bèn nghĩ rằng: "Diều mà ngườd đánh bạc nói thật hết sức phù hợp với ta." Rồi ông gật đầu và đi. Rồi vấn đề này lần lượt truyền rộng ra, cho đến lọt vào vương cung. Ba-tư- nặc, vua nước Câu-tát-la, nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo no.” Vua bèn nói với Hoàng hậu Mạt-lỵ rằng: -Tôi nghe đồn Sa-môn Cù-đàm nói như vầy: "Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.55 Hoàng hậu nghe xong, thưa:  Thật vậy, Đại vương! Thật vậy, Đại vương! Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Vua Ba-txr-nặc nước Câu-tát-la nói với Hoàng hậu Mạt-lỵ:  Nghe Tôn sư nói gì thì đệ tử nhất định đồng ý. Sa-môn Cù-đàm là Tôn sư của khanh cho nên khanh nói như vậy. Khanh là đệ tử của Ngài nên khanh nói như vày: “Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não/9 Hoàng hậu Mạt-lỵ thưa:  Đại vương, nếu không tin, hãy đích thân đến mà hỏi, hoặc hãy sai sứ đi! Rồi Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la bèn gọi Phạm chí Na-lỵ-ương-già đến và bảo:  Ông đi đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, thay ta mà chào hỏi Sa-môn Cù-đàm Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Rồi nói như vầy: “Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể khỏe mạnh, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói rằng: 'Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sâu bi, khóc than, ưu khô, phiên muộn, ảo não9 chng?" Này Na-lỵ-ương-già? nếu Sa-môn Cù-đàm có nói những gì, ông hãy khéo ghi nhớ và thuộc kỹ. Vì sao? Vì những người như vậy không bao giờ nói láo.

216. KINH ÁI SANH  1301

Phạm chí Na-lỵ-ương-già vâng lời vua, đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong, ngồi sang một bên và bạch:  Bạch Cù-đàm5 Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la có lời thăm hỏi Thánh thể mạnh khỏe, bình an, không bệnh, đi đứng thoải mái, khí lực bình thường chăng. Sa-môn Cù-đàm có thật sự nói như vầy: "Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não chang?99 The Ton noi:  Này Na-lỵ-ương-già, Ta nay hỏi ông, hây tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Na-lỵ-ương-già? ông nghĩ sao? Giả sử một người có mẹ đã chết; người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo, cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường và nói như vầy: "Này các người, có thấy mẹ tôi chăng? Này các người, có thấy mẹ tôi chăng?95 Này Na-lỵ-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng: Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Cũng vậy, nếu cha chết, anh, chi, em chết, con cái chết, vợ chết, người ấy phát cuồng, loạn trí, cởi áo, cởi quần, trần truồng mà chạy rong khắp các ngõ đường và nói rằng: “Này các người, có thấy vợ con tôi chăng? Này các người, có thây vợ con tôi chăng?^ Này Na-lỵ-ương-già5 do sự kiện này mà biết rằng: Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Này Na-lỵ-ương-già, thuở xưa, có một người đàn bà về thăm gia đình, các thân tộc của người này muốn cưỡng bức cải

giá. Người đàn bà ấy tức tốc trò về bên nhà chồng, nói với chồng rằng: “Này ông, hãy biết cho, thân tộc của tôi muốn cướp đoạt vợ của ông để gả cho người khác. Ong có mưu kế gì chăng?" Người ấy bèn nắm cánh tay bà vợ dẫn vào trong nhà, nói rằng: "Chết chung, sang đời khác với nhau. Chết chung, sang đời khác với nhau", rồi lấy con dao bén chém chết vợ, và mình cũng tự sát luôn. Này Na-lỵ-ương-già, do sự kiện này mà biết rằng: Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Phạm chí Na-lỵ-ương-già sau khi nghe những điều Phật nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi quanh ba vòng rồi trở về. về đến chỗ vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la, tâu:  Tâu Thiên vương, Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói như vầy: “Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não.^, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la nghe rồi, nói với Hoàng hậu Mạt-lỵ:  Sa-môn Cù-đàm quả thật có nói như vầy: “Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, tru khổ, phiền muộn, ảo nỗk).” Hoàng hậu Mạt-lỵ tâu:  Đại vương, tôi hỏi Đại vương, hãy tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có thương yêu Đại tướng Bệ-liru-la chăng?



-Thật sự có thương yêu. Mạt-lỵ lại hỏi:  Nếu Đại tướng Bệ-lưu-la bị biến dịch, đổi khác thì Đại vương sẽ như thế nào?  Mạt-lỵ? nếu Đại tướng Bệ-lưu-la bi biến dịch, đổi khác thì tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Mạt-lỵ tâu:  Do sự kiện này mà biết rằng: Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Mạt-lỵ lại hỏi:  Đại vương có yêu Đại thân Thi-lợi-a-đô, yêu con voi Nhât-bôn-đà-lỵ? yêu đồng nữ Bà-di-ly, yêu Vũ-nhật-cái, yêu nước Ca-thi và Câu-tát-la chăng?  Thật sự có thương yêu. Mạt-lỵ lại hỏi:  Nếu nước Ca-thi và Câu-tát-la bị biến dịch, đổi khác thì Đại vương sẽ ra sao?  Mạt-lỵ, tôi được hưởng thụ thỏa mãn năm thứ diệu dục là do ở hai nước này. Nếu Ca-thi và Câu-tát-la mà bị biến dịch, đổi khác thì mạng sống của tôi cũng không còn, nói gì đến những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Mạt-lỵ tâu:  Do sự kiện này mà biết rằng: Nếu khi ái sanh thì liền phát sanh những sầu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Mạt-lỵ lại hỏi vua:  Ý Đại vương nghĩ sao? Đại vương có yêu thương thần thiếp chăng? Vua lại đáp: _ Thật sự tôi yêu thương khanh. Mạt-lỵ lại hỏi: -Nếu thần thiếp bất thần bị biến dịch, đổi khác thì Đại vương sẽ ra sao?  Mạt-ly, nếu khanh bất thần bi biến dịch, đổi khác, thì tôi tất sanh sầu bi, khóc than, ưu khô, phiến muộn, ảo não. Mạt-lỵ tâu:  Do sự kiện này mà biêt răng: Nêu khi ái sanh thì liên phát sanh những sâu bi, khóc than, ưu khổ, phiền muộn, ảo não. Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la hỏi:  Này Mạt-ly, kể từ hôm nay, Sa-môn Cù-đàm do sự kiện này là Thầy của tôi, tôi là đệ tử của Ngài. Này Mạt-ly, tôi nay xin tự quy y Phật, Pháp và chúng



Tỳ-kheo! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kể từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Đức Phật thuyết như vậy, Vua Ba-tư-nặc nước Câu-tát-la và Hoàng hậu Mạt-lỵ sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

217. KINH BÁT THÀNH _ Tôi nghe như vây: Một thời, sau khi Phật nhập Niết-bàn không lâu, một số lớn các Tỳ-kheo danh đức, Thượng tôn, đến thành Ba-lợi-tử, trú tại Kê viên. Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành, mang nhiều hàng hóa quý đến thành Ba-la-lị-phất để buôn bán, đổi chác, số hàng hóa đó bán hết rất mau, được lời lớn. Cư sĩ Đệ Thập, ngưòd Bát Thành, hết sức vui mừng, bèn rời Ba-la-lị- phất, đến Kê viên, tìm đến các Tỳ-kheo Thượng tôn, danh đức, cúi đầu lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên. Các Tỳ-kheo Thượng tôn, danh đức thuyết pháp cho cư sĩ nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi đã dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho cư si, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, các ngài ngồi im lặng. Rồi cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, bạch rằng: Bạch chư Thượng tôn, Tôn giả A-nan hiện giờ ở đâu? Con muốn được gặp. Các Tỳ-kheo Thượng tôn đáp: Này cư si, Tôn giả A-nan đang ở tại thành Bệ-xá-ly, bên bờ sông Di-hầu, tại Cao Lâu Đài Quán. Nếu muốn thăm thì có thể đi đến đó. Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ sát chân các Tỳ-kheo Thượng tôn, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Cư sĩ tìm đến chỗ Tôn giả A-nan? cúi đàu lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch: Bạch Tôn giả A-nan? con có điều muốn hỏi, ngài có cho phép chăng? Cư sĩ cứ hỏi, tôi nghe rồi, sẽ suy nghĩ! Cư sĩ hỏi: - Bạch Tôn giả, đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thành Tựu Tuệ Nhãn, Thấy Đệ Nhất Nghĩa, Ngài có dạy một pháp nào mà Thánh đệ tử nếu an trú vào đó sẽ đoạn trừ các lậu, được tâm giải thoát chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Đúng vậy, đức Thế Tôn có dạy pháp ấy! Cư sĩ hỏi: Đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thành Tựu Tuệ Nhãn, Đã Thấy Đệ Nhất Nghĩa, Ngài dạy như thế nào về pháp



ây mà Thánh đệ tử nêu an trú ở đó sẽ dứt sạch các lậu, được tâm giải thoát? Pháp ấy như thế nào? Tôn giả A-nan đáp: Này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Vi ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vi ấy an tru vào đó mà dứt sạch các lậu thì nhờ nơi pháp này, do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết sử, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này. Lại nữa, này cư sĩ, đa văn Thánh đệ tử tâm cùng đi đôi với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, bốn phương bàng, phương trên và phương dưới, kháp cả mọi noi, tâm cùng đi đôi với từ, không kết, không oán, khôn^ nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm cùng đi đôi với bi, hỷ và xả, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, quảng đại, vô biên, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an tru. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy có thể an trú vào đó mà dứt sạch được các lậu hoặc. Nhưng nếu chưa dứt sạch các lậu, hoặc nhờ pháp này, do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc hoan hỷ, vi ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiêt sử, hóa sanh vào cõi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn tái sanh lại đời này nữa. Đây là pháp mà đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, bậc Đã Thành Tựu Tuệ Nhãn, Đã Thấy Đệ

Nhất Nghĩa, nói rằng có một pháp mà nếu đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Lại nữa, này cư si, đa văn Thánh đệ tử vượt qua tất cả sắc tưởng cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Vị ấy y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp. Do có thể y cứ nơi đây mà quán pháp như pháp, vị ấy an trú vào đó mà dứt sạch các lậu hoặc. Nhưng nếu không dứt sạch các lậu hoặc, thì nhờ pháp này, do có dục pháp, ái pháp, lạc pháp, tịnh pháp, ái lạc, hoan hỷ, vị ấy đoạn trừ ngũ hạ phần kiết SÍT, hóa sanh nơi kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, vĩnh viễn không còn trở lại đời này nữa. Đây là pháp mà đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vo Sở Trước, Chánh Đẳng Giác, bậc Đã Thành Tựu Tuệ Nhãn, Đã Thấy Đệ Nhất Nghĩa, nói rằng có một pháp mà nếu đa văn Thánh đệ tử an trú vào đó sẽ dứt sạch các lậu hoặc, tâm được giải thoát. Bấy giờ, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo vai hữu, chắp tay và bạch:  Kỳ diệu thay, hy hữu thay, Tôn giả A-nan! Con chỉ hỏi một cánh cửa cam lồ? nhimg Tôn giả đã nói cho con nghe một lần đến mười hai pháp môn cam



lồ. Y theo pháp môn nào trong mười hai pháp môn ấy mà tu tập cũng đều được giải thoát an ổn. Bạch Tôn giả A-nan, cũng như cách làng không xa, có một ngôi nhà lớn được mở ra với mười hai cánh cửa. Một người có việc cần nên đã vào trong nhà ấy. Lại có một người khác đứng đó, nhưng không muốn đem lại sự lợi ích và phước lạc, không muôn sự an ôn cho người ây nên nôi lửa đót nhà. Bạch Tôn giả A-nan? người ấy có thể theo một trong mười hai cửa mà ra khỏi ngôi nhà bị cháy một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con chỉ hỏi một cửa cam lồ mà ngài nói cho con nghe một lần đến mười hai cửa pháp cam lồ. Y theo một trong mười hai cửa pháp cam lồ này thì có thể được an ổn giải thoát. Bạch Tôn giả A-nan, trong pháp luật của Phạm chí, nói về pháp luật bất thiện mà còn có sự cúng dường thầy của họ, huống chi con lại không cúng dường bậc Đại sư Tôn giả A-nan. Rồi ngay trong đêm ấy, cư sĩ Đệ Thập, người ở Bát Thành, bày dọn các món ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt. Sau khi bày biện thức ăn xong, vào lúc sáng sớm, trải dọn chỗ ngồi, cư sĩ cung thỉnh chúng Tăng ở Kê viên và thành Tỳ-xá-ly hợp lại, rồi tự tay mình dâng nước rửa, dâng các thức ăn thơm ngon, tinh khiết, đầy đủ các loại nhai và nuốt; tự tay mời mọc cho đến khi chúng Tăng no đủ, phân chia các thức ăn đầy đủ cho chúng Tăng. Sau khi chúng Tăng thọ thực, thâu bát, rửa tay, cư sĩ đem năm trăm vật phẩm mua một ngôi nhà cúng riêng cho Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nhận lãnh, sau đó cúng cho chiêu-đề Tăng. Tôn giả A-nan thuyết như vậy, cư sĩ Đệ Thập, người Bát Thành, sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, hoan hỷ phụng hành.

218. KINH A-NA-LUẬT-ĐÀ (A) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, các Tỵ-kheo vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà, cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch:  Chúng tôi có điêu muôn hỏi, mong ngài nghe cho mới dám trình bày! Tôn giả A-na-luật-đà nói:  Chư Hiền, muốn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn bạch:  Làm thê nào mà một Tỳ-kheo chét an lành, mạng

chung an lành? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: -Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư; đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành. Các Tỳ-kheo lại hỏi: -Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chét an lành, mạng chung an lành chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp:  Chư Hiền, Tỳ-kheo không phải chỉ cùnẹ đích như vậy là chết an lành, mạng chung an lành. Lại nữa, này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo chứng đác như ý túc về thiên nhĩ, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, lậu tận trí, chứng đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật rằng: “Sụ* sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn i sanh nữa." Đó gọi là Tỳ-kheo chết an lành, mạng chung an lành. Các Tỳ-kheo lại hỏi:  Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chét an lành, mạng chung an lành chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp:  Chư Hiên, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chét được an lành, mạng chung được an lành. LÚC bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe nhữnẹ điêu Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, rồi từ chỗ ngôi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng và lui ra.

1310  KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

219. KINH A-NA-LUẠT-ĐA (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, các Tỵ-kheo vào lúc xế trưa, từ thiền tọa dậy, đi đến chỗ Tôn giả A-na-luật-đà5 cúi đầu đảnh lễ sát chân rồi ngồi xuống một bên và bạch:  Chúng tôi có điều muốn hỏi, mong Ngài nghe cho mới dám trình bày! Tôn giả A-na-luật-đà nói: \ r  Chư Hiên, muôn hỏi xin cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Khi ấy, các Tỳ-kheo bèn hỏi:  Làm thê nào mà một Tỳ-kheo chét không phiên nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt? Tôn giả A-na-luật-đà đáp:  Nếu Tỳ-kheo có tri kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới thì đó là Tỳkheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Các Tỳ-kheo lại hỏi:  Tỳ-kheo cùng dh như vậy là chét không phiên nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán như thọ, tâm, pháp như pháp thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Các Tỳ-kheo lại hỏi:  Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, Tỳ-kheo tâm tương ưng với từ, biến mãn một phương, thành tựu an trú; hai, ba, bốn phương, bốn duy, trên, dưới, bao trùm tất cả; tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến

1312 < KINH TRƯNG A-HÀM

mãn tất cả thế gian, thành tựu an tru. Cũng vậy, với bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhue, không tranh, rất rộng, rất lớn, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu an trú. Đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chét không phiên nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiên nhiệt. Lại nữa, này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo vượt qua tát cả sác tưởng, cho đên chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an tru thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo không chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Lại nữa, này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ? tưởng thọ diệt, thân chứng, thành tựu an tru, và do tuệ quán mà các lậu diệt tận thì đó là Tỳ-kheo chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Các Tỳ-kheo lại hỏi: Tỳ-kheo chỉ cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt chăng? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Chư Hiền, Tỳ-kheo cùng đích như vậy là chết không phiền nhiệt, mạng chung không phiền nhiệt. Bây giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điêu Tôn giả A-na-luật-đà nói, khéo ghi nhớ và thuộc kỹ xong, từ chỗ ngoi đứng dậy, cúi đau đảnh lễ sát chân Tôn giả A-na-luật-đà, đi quanh ba vòng rồi lui ra. Tôn giả A-na-luật-đà thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Tôn giả A-na-luật-đà dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

220. KINH KIẾN _ Tôi nghe như vây: Một thời, sau khi Phật Niết-bàn không lâu, Tôn giả A-nan trú tại thành Vương Xá, trong Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. LÚC bây giờ, có một Phạm chí dị học, vôn là bạn của Tôn giả A-nan trước khi xuất gia, sau giữa trưa, thong dong tản bộ, đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và nói với Tôn giả A-nan: A-nan, tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chăng? Tôn giả A-nan đáp: Phạm chí, muốn hỏi cứ hỏi, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ! Phạm chí di học bèn hỏi: Sự kiện này, những quan điểm này bi gác lại, bị loại bỏ? không được giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet?" Sa- môn Cù-đàm biêt rõ các quan diêm này đúng như lý cân phải biêt chăng? Tôn giả A-nan đáp: -Phạm chí, đối với những quan điểm này, Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, đã gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không Ạiyẹt diet?" Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, biết quan điểm này đúng như lý cần phải biết. Phạm chí dị học lại hỏi: Những quan điểm này, Sa-môn Cù-đàm gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: “Thế giới hữu thường hay

thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũĩiệ không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?,, Sa-môn Cù-đàm biết rõ các quan điểm này đúng như lý cần phải biết như thế nào?



Tôn giả A-nan đáp: Phạm chí, những quan điểm này được đức Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: “Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet?" Này Phạm chí dị học, kiến như vậy, thủ như vậy, sanh như vậy, đến đời sau như vậy, những vấn đề như vậy là điều mà Thế Tôn, Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gác qua một bên, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là: "Thế giới hữu thường hay thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay thế giới vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet?" Những quan diêm ây được biêt như vậy. Các quan diêm ây phải được biêt như vậy. Phạm chí dị học bạch: Nay tôi tự quy y Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan nói: Phạm chí, ông đừng tự quy y nơi tôi! Cũng như tôi tự quy nơi Phật, ông cũng nên tự quy như vậy. Phạm chí dị học nói: -A-nan, nay tôi xin tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo-tăng! Cúi mong Thế Tôn nhận con làm ưu-bà-tắc, kê từ hôm nay, trọn đời nguyện đem mình quy y cho đến khi mạng chung! Tôn giả A-nan thuyết giảng như vậy, Phạm chí dị học nghe Tôn giả A-nan nói xong, hoan hỷ phụng hành.

221. KINH TIEN DỤ Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả Man Đồng Tử sống một mình tại một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Sự kiện như vầy: Những quan điểm này bị đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là 'Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng khôn^ phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?9 Ta không hài long với điêu này; ta Idiông nhẫn khả với điều này. Nêu đức Thế Tôn xác quyết cho ta biết rằng 'thế giới hữu thường9 thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng 'thế giới hữu thường9 thì ta sẽ cật vấn Ngài, rồi bỏ Ngài mà đi. Cũng vậy, 'thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệf; nếu đức Thế Tôn xác quyết cho ta rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng5 thì ta sẽ theo Ngài tu học Phạm hạnh. Còn nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: 'Điều

này là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng9 thì ta sẽ cật vấn Ngài, rồi bỏ Ngài mà di." Rồi Tôn giả Man Đồng Tử, vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi qua một bên và bạch:  Bạch Thê Tôn, hôm nay con sông một mình tại một nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: "Sự kiện như vay: Những quan điểm này bị đức Thế Tôn gác lại, loại bỏ, không giải thích tường tận; đó là 'Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet?9 Ta không hài lòng với điêu này; ta không nhẫn khả với điều ny." Nếu Thế Tôn biết rõ uthế giới hữu thương thì bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết. Còn nếu Thế Tôn không biết rõ "thế giới hữu thường,, thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh



mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt ảiệty Nếu đức Thế Tôn xác quyết biết rõ rằng: "Điều này là chơn thật, ngoài ra đều hư vqng" thì bạch Thế Tôn, mong Ngài hãy nói cho con biết; con nếu Thế Tôn không xác quyết biết rõ rằng: "Điều này là chơn thật, ngoài ra đều hư vẹ)ng" thì Ngài hãy nói thẳng là không biết. Đức Thế Tôn hỏi:  Này Man Đồng Tử, trước kia Ta có nói với thầy rằng: "Hy đến đây. Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh, rồi Ta sẽ nói cho nghe: 'Thế giới hữu thường,,, chăng? Man Đồng Tử đáp: - Bạch Thế Tôn, không!  Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet." Trước kia, Ta có nói với thầy rằng: "Hy nghe đây! Hãy theo Ta tu học Phạm hạnh, rồi Ta sẽ nói cho nghe: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra đều hư vQĩig" chăng? Man Đồng Tử đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Y Này Man Đồng Tử, trước kia, thầy có nói với Ta rằng: 'Nếu Thế Tôn xác quyết cho con biết: 'Thế giới hữu thường9 thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạnh" chăng? Man Đồng Tử đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Cũng vậy, với uthế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet." Này Man Đồng Tử, trước kia, thầy có nói với Ta rằng: "Nếu Thế Tôn xác quyết cho con biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra đều hư vọng9 thì con sẽ theo Thế Tôn tu học Phạm hạĩih" chăng? Man Đồng Tử đáp: - Bạch Thế Tôn, không! Đức Thế Tôn nói:  Này Man Đồng Tử, trước kia Ta không có nói với thầy và thầy cũng không có nói với Ta. Thầy quả là kẻ mê mờ. Vì sao lại hư vọng xuyên tạc Ta? Lúc bấy giờ, Tôn giả Man Đồng tử bị đức Thế Tôn khiển trách trước mặt, trong lòng rầu rĩ, cúi đầu im lặng, không còn lời biện bạch, suy nghĩ mông lung.

Đức Thế Tôn sau khi khiển trách ngay mặt Man Đồng Tử, nói với các Tỳ-kheo: - Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: "Bức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: 'Thế giới hữu thường9 thì ta sẽ không theo Thế Tôn tu học Phạm h@nh." Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung. Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuy ét diet.” Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: uNấu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng9 thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh." Nhưng người mê mờ ây chưa biêt được gì thì nửa chừng đã mạng chung. Ví như một người bị trúng tên độc, do bi trúng tên độc nên đau đớn cùng cực. Người ấy được các thân thuộc khởi tình thương xót, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc nên tìm cầu y sĩ nhổ tên. Nhưng người ấy lại nói rằng: "Hy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết người bắn tôi, họ gì, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, thuộc dòng Sát-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay là công su, là người ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương Bắc. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết cây cung ấy làm bằng gỗ chá, bằng gỗ dâu, bằng gỗ quỳ hay làm bằng sừng. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biêt dây cung làm băng gân bò, băng gân hun nai hay làm băng tơ. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết cây cung đó màu đen, màu trắng, màu đỏ hay màu vàng. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết dây cung đó làm băng gân, băng tơ, băng sợi gai hay băng vỏ gai. Hãy khoan nhô tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết cán tên này làm bằng gỗ hay bằng tre. Hãy khoan nhô tên! Trước tiên, hãy cho tôi biêt tên được quân băng gân bò, gân hưu nai hay làm bằng tơ. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết đuôi tên này kết bằng lông chim phiêu lăng, lông kên kên, lông gà trống hay lông hạc. Hãy khoan nhổ tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết mũi ten này thuộc loại mũi răng cua, mũi nhọn hay mũi hình phi đao. Hãy khoan nho tên! Trước tiên, hãy cho tôi biết người thợ vót tên này họ gi, tên gì, sanh ở đâu, cao hay thấp, mập hay gầy, da đen hay trắng, hay da không đen không trắng, ở phương Đông, phương Nam, phương Tây hay phương b3c." Nhimg người ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung. Cũng vậy, nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: “Nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: 'Thế giới hữu thường9 thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh.” Nhimg người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung.

1318 KINH TRUNG A-HÀM

Cũng vậy, với "the giới vô thường, thê giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuy ét diet.” Nếu có người mê mờ nghĩ như vầy: “Nếu đức Thế Tôn không xác quyết cho ta biết rằng: 'Điều này là chơn thật, ngoài ra đều là hư vọng5 thì ta sẽ không theo đức Thế Tôn tu học Phạm hạnh." Nhưng người mê mờ ấy chưa biết được gì thì nửa chừng đã mạng chung. "Thế giới hữu thuơng”, nhân nơi quan điểm này mà

theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, với “thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt.,, Nhân nơi những quan điểm này mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. "Thê giới hữu thuơng”, vì có quan diêm này mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet." Vì có những quan điểm này mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. "Thê giới hữu thuơng", vì không có quan diêm này mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt.,, Vì không có những quan điểm này mà theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. "Thê giới hữu thuơng", vì không có quan diêm này mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Cũng vậy, với "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet." Vì không có những quan điểm này mà không theo Ta tu học Phạm hạnh; sự kiện không phải là như vậy. Dù thế giới hữu thường thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn khối lớn khổ đau này phát sanh. Cũng vậy, dù thê giới vô thường; thê giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt



diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt thì vẫn có sanh, có già, có bệnh, có chết, sầu bi, khóc lóc, ưu khổ, ảo não; như vậy, toàn bộ khối lớn khổ đau này phát sanh. "Thế giới hữu thuơng”, Ta không xác quyết nói điều này. Vì sao Ta không xác quyêt nói điêu này? Vì điêu này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản Phạm hạnh, không đưa đến trí, không đưa đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Vì thế Ta không xác quyết nói điều này. Cũng vậy, "thế giới vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác với thân; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diet.” Ta không xác quyết nói rửiững điều này. Vì sao Ta không xác quyết nói những điều này? Vì những điều này không tương ưng với cứu cánh, không tương ưng với pháp, không phải căn bản Phạm hạnh, không đưa đên trí, không đưa đên giác, không dân đên Niêt-bàn. Vì thế Ta không xác quyết nói những điều này. Những pháp nào được Ta xác quyết nói đến? Đây là khổ,

khổ tập, khổ diệt, khô diệt đạo tích; Ta xác quyết nói. Vì sao Ta xác quyết nói những điêu này? Vì những điều này tương ưng với cứu cánh, tương ưng với pháp, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Vì thế, Ta xác quyết nói những điều này. Đó là những gì nên nói thì Ta nói, những gì không nên nói thì Ta không nói. Hãy thọ trì như vậy, hãy học như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

222. KINH LẸ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rưng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu bôn niệm xứ? Nêu khi đức Như Lai xuât thê, là bậc Vồ Sở Trước, Đẳng Chánh Giác Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, The Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ây đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê9 tuệ yêu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì phải nên tu bốn niệm xứ. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn niệm xứ. Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi đức Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi lòng mong muôn tìm câu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên cố, không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng dại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là muôn



đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn chánh đoạn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn chánh đoạn? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chung Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp

ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện đã sanh, vì muôn kiên cô, không vong thát, không suy thôi, tăng trưởng, quảng dại, tu tập viên măn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu bon chánh đoạn. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu bôn như ý túc. Thê nào gọi là muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn như ý túc? Nếu Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê? tuệ yêu kém; tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm đinh, tu tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn như ý túc. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm định, tu tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. ĐÓ gọi là nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu bôn như ý túc. Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn thiền. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bốn thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng



Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; ly dục, ly pháp ác bát thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ VÔ minh thì nên tu bôn thiên. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ? bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vo minh thì nên tu bốn thiền. Thế nao gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bốn thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đên chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu và an trú. Đó gọi là nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu bốn thiền. Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh

Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê? tuệ yêu kém; tu tín căn, tinh tân, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm căn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri va biết tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm căn. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém, tu tín căn, tinh tân, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu năm căn. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm lực. Thê nào gọi là muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chung Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu năm lực. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm lực. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giai, Vô Thượng Sĩ? Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê? tuệ yêu kém; tu tín lực, tinh tân, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu năm lực.



Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ5 khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó gọi là nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu bảy giác chi. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tan, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó gọi là nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu bảy giác chi. Nêu muôn đoạn trừ vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thê nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,

Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến cho đến chánh đinh là tám. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu tám chi Thánh đạo. Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; thứ nhất là tu địa . r r ỉ biên xứ, bôn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng; tu thủy biên xứ, hỏa biên



xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu vô lượng thức xứ biến xứ, bon duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười biên xứ. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nêu muôn biệt tri vô minh thì nên tu mười biên xứ. Thê nào gọi là muôn biệt tri vô minh thì nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; thứ nhất là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biên xứ, phong biên xứ, thanh biên xứ, hoàng biên xứ, xích biên xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu vô lượng thức xứ biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười biến xứ. Nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ vô minh thì nên tu mười pháp vô học. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn biệt tri vô minh thì nên tu mười pháp vô học. Như vô minh, hành cũng như vậy. Như hành, thức cũng như vậy. Như thức,

danh sắc cũng như vậy. Như danh sắc, sáu xứ cũng như vậy. Như sáu xứ, xúc cũng như vậy. Như xúc, thọ cũng như vậy. Như thọ, ái cũng như vậy. Như ái, thủ cũng như vậy. Như thủ, hữu cũng như vậy. Như hữu, sanh cũng như vậy. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn niệm xứ? Nấu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; quán nội thân như thân, cho đên quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nêu muôn đoạn trừ lão tử thì



nên tu bôn niệm xứ. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn niệm xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn niệm xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp.rNgự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô u, tuệ yêu kém; quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn niệm xứ. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu r r r r muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu bôn chánh đoạn? Nêu khi Như Lai xuất thê, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Su, Phật, Chung Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm câu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đôi với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm câu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đôi với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi dục tâm, tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đoi với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên c6 không vong thất, không suy thối, tăng trưởng, quảng dại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cân, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là nêu muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu bôn chánh đoạn. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn chánh đoạn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn chánh đoạn? Nấu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chung Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn trừ, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp ác bất thiện chưa sanh, vì muốn không sanh, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện chưa sanh, vì muốn sanh khởi, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cần, khích lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn; đối với pháp thiện đã sanh, vì muốn kiên c6 không vong thất, không suy

thối, tăng trưởng, quảng đại, tu tập viên mãn, cho nên phát khởi lòng mong muốn tìm cầu phương tiện, tinh cân, khíchr lệ và kiên trì tâm, chánh đoạn. Đó gọi là nêu muôn biệt tri lão tử thì nên tu bôn chánh đoạn.

222. KINH LỆ 1327

r r r r r r Nêu muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu bôn như ý túc. Thê nào gọi là nêu muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm đinh, tu tư duy đinh như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn như ý túc. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn như ý túc. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn như ý túc? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu dục định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu tinh tấn định, tâm đinh, tu tư duy định như ý túc, thành tựu đoạn hành, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn như ý túc. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn thiền. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn thiền? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bốn thiền. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ5 bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn thiền. Thế nào gqi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu bốn thiền? Nếu khi Như Lai xuất the, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đên chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu an tru. Đó gọi là nêu muôn biệt tri lão tử thì nên tu bốn thiền. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm căn? Nấu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ? Đạo Pháp Ngu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín căn, tinh tấn, niệm, đinh, tuệ căn. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm căn. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri.

Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm căn. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lo tử thì nên tu năm căn? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giai, Vô Thượng Si, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ, cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; tu tín căn, tinh tân, niệm, định, tuệ căn. Đó gọi là nêu muôn biệt tri lão tử thì nên tu năm căn. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thuyng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu tín lực, tinh tấn, niệm, đinh, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu năm lực. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm lực. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm lực? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; tu tín lực, tinh tân, niệm, định, tuệ lực. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu năm lực. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu bảy giác chi. Cũng vậy, tinh cần, thắng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nấu muốn biệt tri lão tử thì nên tu Bảy giác chi. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu Bảy giác chi? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; tu niệm giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phẩm. Cũng vậy, tu trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định; tu xả giác chi, y trên viễn ly, y trên vô dục, y trên diệt tận, thú hướng phi phàm. Đó gọi là nêu muôn biệt tri lão tử thì nên tu bảy giác chi. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo? Nếu khi Như Lai xuất thế,



bậc VÔ Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê9 tuệ yêu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Cũng

vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ? bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê5 tuệ yêu kém; tu chánh kiến cho đến chánh định là tám. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu tám chi Thánh đạo. Nêu muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười biên xứ. Thê nào gọi là nêu muôn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; thứ nhát là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng; tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biến xứ, vô lượng không xứ biến xứ; thứ mười là tu vô lượng thức xứ biến XÚT, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười biên xứ. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười biến xứ. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười biến xứ? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Su, Phật, Chúng Hựu; vị ấy đoạn trừ cho đên năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yêu kém; thứ nhát là tu địa biến xứ, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Cũng vậy, tu thủy biến xứ, hỏa biến xứ, phong biến xứ, thanh biến xứ, hoàng biến xứ, xích biến xứ, bạch biên xứ, vô lượng không xứ biên xứ; thứ mười là tu vô lượng thức xứ biên xú*, bốn duy, trên dưới, là không hai, là vô lượng. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười biến xứ. Nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đen năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn đoạn trừ lão tử thì



. r /x /x • .«>. r /x A e nên tu Mười pháp vô học. Cũng vậy, tinh cân, thăng giải, quá độ, bạt tuyệt, tịch diệt và tĩnh chỉ; đó là tổng tri và biệt tri. Nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười pháp vô học. Thế nào gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười pháp vô học? Nếu khi Như Lai xuất thế, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện The, Thế Gian Giải, Vô Thưcmg Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu; vi ấy đoạn trừ cho đến năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém; tu vô học chánh kiến, cho đến tu vô học chánh trí. Đó gọi là nếu muốn biệt tri lão tử thì nên tu mười pháp vô học. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

KINH TRUNG A-HÀM TRỌN Bô

HẾT

PHỤ LỤC QUY CÁCH BIÊN TẬP TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO Bồ PHÁI

L NGUỒN HÁN VĂN Nguồn tư liệu gốc để dịch, dò bản và tham khảo dựa theo Đại Chảnh tân tu 2. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MÔT SỐ DỊCH GIẢ • , • • Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản su”"chính niêm", "chúng sinh”., đối với các dịch giả miền Bắc; "Bẩn su', “chánh niệm,\ "chúng sanh”.. đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tinh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khiru (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ- khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyên), Níp-bàn (đôi với một sô dịch giả Nam truyen). 3. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa. 3.1. Thuật ngữ, giai vi, giổi phẩm, địa vi, chức vụ 3.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết -Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v... -Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhi đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uân, ngũ căn, lục căn, lục độ, thát bảo, thát giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v... -Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "V6 nhân luân”, thuyết “Luân hồi tịnh h6a", v.v...

1332 KINH TRUNG A-HÀM

3.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (citta), ý (mană). thức (yiññāna). giới (silă), định (samādhi), tuệ (paññā), v.v... 3.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tô và giữa chúng có gạch nôi. Ví dụ: na-do-tha, do-tuân, yêt-ma, thiên-na, đàn-việt, đàn-tín, kiêt-già, v.v... 3.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử? Xá-lợi-tử5 v.v... 3.1.5. Các từ chỉ quả vi đặc biệt, giai vi, địa vi, chức vụ, học VẼ Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v... Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dưNiết-bàn, v.v... 3.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo? Ta nhắc các ông rằng.. 3.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật Ví dụ: Như Lai, ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,... 3.2. Danh từ riêng 3.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Au, miền Tây Nam, hướng Đông Bác, phía Bắc. 3.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa

thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca5 Bo-tat Di-lặc, Đại Cadiếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ? nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù- sa, chim Ca-lăng-tần-già5... 3.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Ke) thuộc gandhabbā (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc). 3.2.4. Các danh từ phiên âm bi tỉnh lược “ti2p đầu ngữ55 được viết lại chuẩn mực để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: “Di-dà" sửa thành "Adi-dà”. 3.3. Mạo từ tôn xưng Viết thường các mạo từ tôn xưng như 64đức,\ "bác", “đấng thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết



3.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm 3.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành, 3.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: Kỉnh Trường bộ, Kỉnh Dược Sư, Kỉnh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chỉ lược. 3.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics (Ả Translation of the Dhammasañganī), 4. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN 4.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn? một ngàn hai trăm năm mươi vi Tỳ-kheo. 4.2. Viết bằng số ờ cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách. 4.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963. 4.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963). • 4.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cting một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32. 4.6. Tỉnh lược sổ kệ, số trang (trong cước chú)  Các kệ từ 108-115 được viết 108-15. -Trang 254-256 được viết là 254-56. -M. I. 276-278 được viết là M. L 276-78. 5. CÁCH CHÚ THÍCH 5.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS 5.1.1. Tên tập + số tập + số trang. . S. L 70 (Samyutta Nikāya, tập I, trang 70). -Sn. 140 (Suttanipāta, trang 140). -J. L 389 ựātaka. tập I, trang 389). -Vìn. II. 287 (Vinaya. tập II, trang 287). -Vbh. 351 (Vibhañga, trang 351). -Kv. 401 (Kathāvatthu, trang 401). -DA. L 41-2 (Dīghā Nikāya Atthakathaṃ tập I, trang 41 đến 42).



5.1.2. Tên tập + số kệ -Dh. v. 10 (Dhammapadaṃ kệ số 10). -Sn. v. 600 (Suttanipāta, kệ số 600). -Thag, v. 1196 (Theragāthā. kệ số 1196). 5.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kỉnh + đoạn -S. 56.25: l (Samyutta Nikāya. nhóm 56, kinh 25, đoạn 1). 5.1.4. Tên tập + số chương + số kỉnh - số tập + số trang -A. 8.21 - IV. 208. Nghĩa là Anguttara Nỉkãya, chương 8, kinh số 21; tập IV, trang 208 (theo bản Pali PTS). 5.2. Chú thích theo ấn bản

tiếng Anh Tất cả bản kinh, luật, luận bằn^ tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượnẹ Tọa bộ đều do PTS xuat bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phân Phụ lục. -GS. II. 42 nghĩa là The Book of the Gradual Sayings, vol. II, p. 42. -PC. 338, n. l nghĩa là Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), p. 338, note 1. 5.3. Chú thích tên bài kỉnh kết hợp với tên tập kỉnh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh Kỉnh Tham ái (//. L L § 1) nghĩa là Kỉnh Tham ải này nằm trong Kinh Phật thuyết như vây, chương I, phẩm L kinh số 1. Kinh Châu báu (Sn. II. §1) nghĩa là Kinh Châu bảu này nằm trong Kỉnh tập. phẩm II, kinh số 1. Kỉnh Bāhiya (Ud, I. §10) nghĩa là Kinh Bāhiya này nằm trong Kỉnh Phật tự thuyết, phẩm I, kinh so 10. 5.4. Chú thích tên kỉnh: Kết hợp ấn bản Pali và tiếng Việt -D. 22, Mahāsatipatthāna Sutta (Kinh Đại niệm xứ). Nghĩa là Trường bộ. kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pali là Mahāsatipatthāna Suttaf tên tiếng Việt là “Kinti Đại niệm xứy -D. L 113, Sonadanda Sutta (Kỉnh Chủng Đức). Nghĩa là Trường bộ, tập I, trang 113, Kinh Sonadanda Sutta bằng tiếng Pali và Kinh Chủng Đức bằng tiếng Việt. 5.5. Trật tự của chú thích trong kỉnh có nguồn gốc Pali Pali (viết tắt là P), Sanskrit (vieHat là s.), Hán (viết tắt là H), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassarā, s. Ābhāsvara, H.E. The Radian gods). Bốn bộ A-ham có nhiều kinh tương đương với các kinh Pali nên trong các chú thích của dịch giả đều chú Pali và chữ Hán trong ngoặc đơn nhưng không ghi P. Trong một số trường hợp cần sử dụng từ Sanskrit, dịch giả viết s.



5.6. Chú thích theo Hán văn 5.6.1. Tên kỉnh biệt dịch được nêu ra trước -Phạm võng lục thập nhỉ kiến kỉnh (roi. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20. -Phật thuyết Nguyệt dụ kinh (r.O2. 0121. 0544bl2). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12. 5.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ Trường A-hàm kinh và Trung A-hàm kinh. -Phạm động kỉnh (TOI. 0001.21. 0088bl2). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ Trường A-hàm kinh. 21 là số thứ tự của kinh trong bộ Trường A-hàm kinh; trang 0088, cột b, dòng thứ 12. -Cầu pháp kinh (roi, 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 01; 0026 là số hiệu của bộ Trung A-hàm kinh, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ Trung A-hàm kinh; trang 0569, cột c, dòng thứ 23. 5.6.3. Tên bộ kỉnh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ A-hàmf Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm. vì nội dung kinh chỉ đề cập số thứ tự, không có tựa đề kinh. -Tạp. (7.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ Tạp A-hàm kinh; trang 0299, cột c, dòng thứ 06. -Biệt Tạp.(r.02. 0100.111. 0414al8). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCTf tập 02; 0100 là số hiệu của bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kỉnh, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ Biệt dịch Tạp A-hàm kinh; trang 0414, cột a, dòng thứ 18. 5.6.4. Tên kỉnh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như Pháp củ kinh hoặc các bộ kinh Đại thừa. -Pháp củ kinh "Nê-hoàn phẩm” (04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc DCT, tập 04, 0210 là số hiệu của Pháp củ kinh. “Nê-hol phẩm,, thứ

36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23. 5.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phân lớn áp dụng cho các bộ luận. -A-tỳ-đạt-ma Tập dỉ môn túc luận ,(7.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc DCT, tập 26; 1536 là số hiệu của A-tỳ- đạt-ma Tập di môn túc luận, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22. 5.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng -Tăng.(T.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0125 là số hiệu của Tăng nhất A-hàm kinh, 11 là số thứ tự của “Bất di phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

1336 KINH TRƯNG A-HÀM

-Tạp.(02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc ĐCT, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ Tạp A-hàm kinh, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12. 6. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sác và bô túc thêm một sô từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm. Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào bởi dịch giả. Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN. Mọi sự góp ý, xin gởi ve địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com. Trân trọng cảm ơn. BAN BIÊN TẬP

SÁCH DẪN

A ác dục 370, 515, 516, 517, 519, 520, 521, ái ngữ 99, 101, 102, 227 • 522,523,525,526,531,532,588,590, ái niệm 350, 531, 532, 533, 579, 687, 788, 682, 683 1047, 1048, 1136, 1139 789, 820, 1141 ác huệ 145, 522, 523, 535, 536 538, 590, ái tận 663,745,780, 1103, 1193 592,613 ái thân 490 ác kiến 87, 519, 520, 525, 526, 843, 844, A-la-hán 6, 198, 206, 215, 221, 226, 286, 1169, 1170,1181,1182 373, 421, 429, 445, 484, 493, 550, ác nghiệp 64, 65 83, 86, 87, 138, 139, 309, 551, 601, 651,662, 672, 706, 734, 334, 338, 339, 359, 362, 367, 563 569, 784, 807, 809, 869, 884, 885 991, 570,686,719,720,721,723,725,1081 1031, 1034, 1035, 1040, 1083, 1191, ác pháp 14, 18, 19, 20, 42, 73, 74, 94, 95, 1196,1197,1198,1199,1251 233,316,317,318,319,320,432,435, A-la-hán hướng 206, 215, 221, 226, 682, 436 437, 513 614,681,683,756, 875, 1034, 1035 876, 878, 1035, 1083, 1092, 1093, A-la-hán quả 682, 1198, 1199 1128, 1216 A-na-hàm 64, 65, 105, 106, 144, 145, 146, ác xứ 17,18,19,20,21,22,74, 75,128,137, 206,215,221,226,418,429,493, 559, 138,144,145,146,375,376,527,695, 679, 748, 884, 885, 922, 1034, 1035, 697,1041, 1120, 1204, 1205, 1206 1113, 1131, 1132,1198,1199 ái dục 33, 558, 692, 735, 747, 905, 906, A-na-hàm hướng 206,215,221,226,682,1035 1136, 1153, 1236 A-na-hàm quả 682, 1198, 1199 ái hỷ 531,532 a-tu-la 143, 203, 204, 205, 207, 447, 736, ái lạc 115,531, 532,617, 627,683,699, 706, 737, 739, 747, 825, 918, 1269, 1271 737,739,740,741,771,785, 855,932, A-tỳ-đàm 110, 133,486, 638, 639, 738, 919, 1011, 1012, 1018, 1071, 1087, 1093, 1052, 1056 1102,1103,1153

bậc Chánh Đẳng Giác 1332 910,916, 917, 924, 1094, 1152, 1193, bạc Chánh Giác 700,919 1198,1218 bậc Đạo Pháp Ngự 34, 67, 93, 281, 304, bậc Nhân chủ 287, 324 328, 329, 342, 352, 583, 595, 667, bậc Phạm hạnh 124,125,173,249,251,473, 668, 682, 703, 735, 737, 813, 886, 474, 658, 659, 861, 938, 946 906, 909, 910, 916, 917, 924, 1152, bậc Thánh 6, 9, 10, 50, 90, 91, 105, 106, 1193,1198, 1219, 1244 177, 178, 180, 266, 267, 269, 270, bậc Đa văn 373 405, 426, 578, 738 757, 758 759, bạc Minh Hạnh Thành 34, 67, 93, 281, 304, 789, 816, 872, 892, 914, 929, 931, 328,329,342,352,583,595,667,668 932, 934, 935, 939, 940, 961, 968, 682,703,735,737,813 886 906,909, 970, 1007, 1009, 1011, 1012, 1017,

1338KINH TRUNG A-HÀM

1059, 1089, 1090, 1103, 1104, 1119, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác 34, 67, 1141, 1224, 1244 141,173,211,271,273,274,276,281, bậc Thế Gian Giải 34, 67, 93, 281, 304, 328, 293,296,297,298,299,302,303 304, 329, 342, 352, 583, 595, 667, 668, 333 342,352,443,553 579,581,583, 682, 703, 735, 737, 813, 886, 906, 595,641,642 682,696,697,698,699, 909, 910, 916, 917, 924, 1094, 1152, 703 732,735,737,746,749,804, 805, 1193,1198, 1218, 1244 806,807,809, 811, 812,813 816, 859, bậc Thiên Nhơn Sư 34, 67, 93, 281, 304, 862,866,867,874 885,906,909,910, 328, 329, 342, 352, 583, 595, 667, 911,914,915,916,917,919 924,929, 668, 682, 703, 735, 737, 813, 886, 1035, 1087, 1088, 1093, 1094, 1133, 906, 909, 910, 916, 917, 924, 1094, 11341152,1193, 1244 1152, 1193, 1198, 1219, 1244, 1321, bậc Xuất Thế 34,281,304,342,352, 886,906 1322, 1323, 1324, 1325, 1326, 1327, Bản khởi 1,990, 1171, 1172 1328, 1329, 1330 bát chánh đạo 1217 bậc Thiện Thệ 34, 51, 67, 71, 81, 93, 94, bất diệu giới 1039 95, 281, 302, 304, 325, 328, 329, 331, Bất động pháp 679 352, 405,440,489,498,529, 583, bất khổ bat lạc thọ 117,159, 542, 544 595, 620, 646, 654, 667, 668, 682, Bích-chi Phật 323, 324, 885 684, 703 732, 735, 737, 739, 740, biên kiến 589, 592 741,742,743, 744,745, 813,859, 886, Biến Tịnh Quang thiên 442, 449, 452, 453 889,900,906,909,910,916,917,924, Biến Tịnh thiên 211, 548, 549, 962 929, 944, 954, 983, 1059, 1066, 1078, biệt giải thoát giới 213, 214, 657, 658, 765, 1094, 1097, 1098, 1099, 1100, noi, 766, 801072 1102, 1105, 1123, 1132, 1133, 1134, bốn đôi tám bậc 683 1135, 1136, 1152, 1193, 1195, 1198, bốn Phạm thất 33, 141, 352, 692, 693, 906 1218,1222, 1242, 1243, 1244 C cảm thọ lạc 90,100,101,102,105,106,493, câu giải thoát 551, 654, 679, 1117, 1118, 494, 517, 616, 700, 1104, 1119, 1127, 1130, 1131 1128,1129, 1193, 1224, 1244 Câu-lâu-sấu 41, 261, 423, 539, 553, 581, Cấp Cô Độc l, 5, 7, 13, 23, 36, 45, 53, 63, 615, 691, 703, 714, 715, 861, 1003, 105,109,115,121 127,135,143,144, 1015, 1065, 1081 149, 151, 165, 173, 181, 235, 237, Ca vịnh 1,990, 1094, 1171, 1172 239 241, 243 245 247, 249, 251, chánh định 55, 75, 91, 154, 155, 156, 157, 253, 255 259, 263, 269, 271, 273, 158,159,160,161,162,163,179,180, 277, 283, 305, 439 447, 455, 485, 317,318,319,320,342,497,513,535 489, 525, 535, 537, 561, 573, 577, 579,615,616,617 618,646,649,741, 599,603,605,609,611,613,625,627, 777,869,965,1030,1031,1081,1083, 643,649,651,661,667,671,675,677, 1120, 1217, 1250, 1254, 1255 679,681,684,685,689,706,761,769, chánh giác 14, 42, 435 436, 437, 470, 596, 771,775,777, 779,791, 811,812, 819, 683, 716, 821, 919, 968, 970, 1089, 823, 827, 837, 883, 887, 895, 899,901, 1090, 1103,1133, 1134, 1192 922,931,937,951,952,953,957,961, chánh giải thoát 145, 324, 421, 546, 654, 973 975, 989, 999, 1007, 1027, 1037, 1083, 1177 1069, 1107, 1115,

1157, 1169, 1181, chánh kiến 69, 70, 74, 75, 91, 98, 99, 100, 1221,1227, 1247, 1253 101,102,145,153,154,155,156,157, cấp thí 99, 101, 102 158 159 160 161 162 163,173,179,

SÁCH DẦN 1339

290,305,306,342,460,579,594,615, 1012, 1017, 1031, 1049, 1053, 1056, 616, 617, 618, 668, 693, 741, 869, 1080, 1083, 1084, 1090, 1096, 1099, 873, 893 965, 984, 985, 986, 987, 1103, 1104, 1119, 1123, 1136, 1137 988, 995, 996, 997, 998, 1030, 1031, 1178,1192, 1198, 1209, 1224, 1244 1080, 1081, 1082, 1083, 1084, 1120, chánh tư duy 41, 42, 179, 241, 243, 253, 1123, 1165, 1217, 1239 1240, 1243, 254, 255, 256, 257, 258, 259, 260, 1254, 1255, 1262,1263 261, 262, 263, 264, 497, 1007, 1008, Chánh kinh 1,990, 1094, 1171, 1172 1009, 1010, 1012, 1013 chánh mạng 179, 497, 1030, 1081, 1082, chấp thủ 165, 166, 167, 168, 169, 170, 425, 1083, 1255 426, 481, 545, 627, 798, 815, 867, chánh nghiệp 179,497,1030,1081,1082,1255 937, 938, 941, 948, 1023, 1044, 1069, chánh ngữ 179,497, 1030, 1081, 1082 1070, 1071, 1074, 1172, 1173, 1176, chánh niệm 6, 8, 9, 10, 35, 36, 51, 53, 54, 1177,1192,1193, 1225 60 64, 69, 89, 99, 100, 101, 102, 103, Chiên-đà-la 122, 895, 898 131,132, Ì34,166,168,169,171,179, chiên-đàn 183,330,336,354,643,779, 801, 180,194,195,239,241,243,253,254, 835,840 255,256,257,258,259 260,261,262, Chuyển Luân Vương 148, 197, 225, 271, 263,264,316,317,318,319,320,325, 273, 274, 276, 277, 315, 326, 327, 354,355,356,357,406,417,419,420, 333 339, 340, 342, 345 352, 359, 427,428,456,469 480,497,504,507, 361, 362 371 641, 642, 654, 655, 508,511,529,535,536,537,538,578, 690,780,902,909,910,911,914,919, 590,592 605,606,607,611,613,651, 1040, 1167 696,775,777,807,816,892,934,935, cõi trời Đoàn Thực 105, 106, 109, 110, 111 939, 940, 961, 968, 1007, 1009, 1011, cõi trời Hoảng Dục 283, 692, 693, 771, 874, 1012, 1017, 1030, 1049, 1053, 1056, 875, 961 1081, 1082, 1083, 1090, 1099, 1103, cõi ươi Ý Sanh 105, 106, 109, 110, 111 1104, 1119, 1136, 1137, 1209, 1224, Cù-đàm-di Đại Ái Đạo 635, 636, 637, 638, 1244, 1255 639,640 chánh tinh tấn 179, 180, 497 Cụ túc 297, 298, 583, 584, 599, 600, 638, chánh trí 2, 6, 9, 10, 44, 51, 53, 54, 55, 60, 639, 640, 704, 706, 869, 916, 1116, 64, 69, 70, 132,146, 195, 239, 241, 1117, 1118, 1119, 1123, 1251 243, 253, 254, 255, 256, 257, 258, cứu cánh bạch tịnh 481, 745 259, 260, 261, 262, 263, 264, 317, cứu cánh Niết-bàn 425, 799, 801 318 319, 320 406, 421, 427, 428, cứu cánh Phạm hạnh 481, 745 456,458,480,493,504,507, 508, 511, cứu cánh tịch diệt 791, 819 529 536,537,538,578,590,592,611, Cứu cánh trí 105, 106, 109, 110, 111, 418, 613,654,816,825,826,892,934 935, 429,434,435,559,596,654,662,664, 939, 940, 961, 968, 1007, 1009, 1011, 665, 748, 799,1113, 1131, 1132, 1250 D dị dục 1238, 1239, 1249 940, 962, 1017, 1018, 1030, 1141, Diệm-ma thiên 141, 211, 900, 906, 1063, 1224, 1245 1200, 1201 diệt lạc 6, 9, 11, 578, 892, 926, 939, 962, Diêm-phù-đề 28, 31, 204, 206, 216, 277, 1017,1018,1030, 1224, 1245 278, 279, 280, 325, 370, 393 394, diệu giới 1039 689, 690, 761, 762, 763 764, 765, diệu hạnh 68, 78, 154, 179, 254, 256, 257, 766, 767, 884, 885, 902 258, 260, 294, 300, 306, 376, 377 diệt khổ 6, 9, 11, 578, 789, 892, 926, 939, 378, 379, 380, 457, 460, 522, 523,

1340 KINH TRUNG A-HÀM

570, 594, 814, 896, 1072, 1166, 1168, dị ý 1238, 1239, 1249 1239, 1240 dục ái 542, 693, 863, 864, 865, 866, 947, dị học 107,136,192,193,196,199,201,585, 948, 1150, 1151 801, 811, 812, 813, 817, 981,982, 983, dục giới 1029, 1030, 1038 1027, 1028, 1077, 1078, 1117, 1186, dục lạu 15, 41, 90, 320, 426, 460, 579, 595, 1216, 1222, 1231, 1232, 1233, 1236, 651, 816, 880, 881, 893, 1045, 1049, 1237 1245, 1247, 1249, 1250,1251 1074,1087,1120,1210,1219 dị kiến 14, 42, 146, 151, 206, 221, 226,435, dục niệm 43,470 436,437,470,493,600,681,683 700, dục sử 630, 631,632, 1221, 1258 748, 821, 884, 885, 1035, 1179, 1198, dục tưởng 199,200,424,426,1029,1030,1221 1199,1238,1239, 1249 duyên khởi i 72, 267, 269, 270 491, 498, dị lạc 1238, 1239, 1249 539,1092, 1094, 1228, 1229 di nhẫn 1238, 1239,1249

Đ Đại giác đạo 735 291, 423, 424, 426, 473, 494, 495, 496, Đại sư Thiện Nhãn 33, 692 498, 517 522 523, 569 571, 617, 644, đại tâm giải thoát 448, 449 806, 812, 819, 820, 821, 933 989, 990, Đẳng Chanh Giác 34,67,80,93,95,141,173, 1029,1030,1033,1034,1055,1196,1197, 191, 196,210,211,221,226,271,273, 1198,1199,1200,1204,1205,1206,1207, 274,276, 281,293,296,297,298,299, 1208 1209,1218,1253,1263,1273,1306 302, 303 304,328, 329 330,333, 342, Đề-bà-đạt-đa 619,620 352,443,445, 526, 553, 579, 581, 583, địa giới 55, 165, 175, 176, 177, 178, 467, 595 641,642,667, 668, 682, 696, 697 490, 556, 924, 925, 1038, 1071 698,699,703 713 716, 731,732 735, điệu hối 320,459,558,905 737, 746, 749, 804, 805, 806, 807, 809, Định Căn Lạc 738 811, 812 813, 816, 859, 862, 866, 867 định có giác có quán 411, 412, S427, 428 874, 885, 906,909,910,911,914,915, định đạo phẩm pháp 1215, 1217, 1218 916, 917, 919, 924, 929, 1035, 1087, đinh đi đôi với hỷ 427, 428 1088, 1090, 1093, 1094 1133, 1134, định đi đôi với lạc 427, 428 1152, 1193, 1197, 1198,1244 đinh đi đôi với xả 427, 428 đấng Chúng Hựu 34, 67, 93, 281, 304, 328, định giác chi 271 329, 342, 352, 583, 595, 667, 668, định không giác không quán 411, 412, 427, 682, 703, 735, 737, 813, 886, 907, 428, 793 909, 910, 916, 917, 924, 1152, 1193, định lực 787, 961, 1255,1256 1198,1219, 1244 định mạng vi diệu 90 đấng Tôn Hựu 80, 90, 587, 1001 định Tưởng tri diệt 109, HO, 111 đảnh pháp 497, 498 đoạn dục 89, 105, 141, 267, 269, 270, 564, đảnh pháp thối 497,498 865, 999, 1000, 1258 Đạo phẩm pháp 468 đoạn nghi 64, 89, 103, 149, 291, 320, 727, đạo Thánh đế 165, 174, 179, 180, 492 739,740,741,742,743,744, 745,799, đạo tích 37, 38, 39, 650, 747, 769, 791, 792, 869, 873, 905, 919, 1045, 1049, 1074, 794,795,1135,1217,1243,1244,1245 1210, 1251 Đâu-suất-đà thiên 141, 900, 906, 1063, đoạn sát 99, 100, 101, 102 1200, 1201 đoạn trừ dục 267, 516, 517, 561, 563, 583, đa văn 10,14,15,41,51,68,69,70,71,75,100, 999, 1000, 1150, 1151 101, 102, 111 141, 145, 166, 167, 169, đoạn trừ sắc 561, 565 170, 177, 178, 236, 238, 285, 286, 290, đồng sự 227, 759

SÁCH DÀN 1341

giác ngộ 55, 103, 177, 178, 180, 291, 406, 651,816,880,1045,1049,1074,1087, 513, 526, 553, 633, 682, 734, 747, 1210, 1219 749, 769, 943, 944, 952, 953, 965, giải thoát hữu lậu 90,426,460,595,816,880, 966, 969, 1003, 1065, 1093, 1128, 1045, 1049, 1074,1087, 1210,1219 1129,1192, 1251 giải thoát tri kiến 236, 249, 266, 267, 269, Gia gia 679, 684 270,286,683,1092,1094,1198,1199, giải đãi 132, 473, 493, 508, 522, 523, 535, 1228, 1229 590, 592,613,759, 801, 1036 giới thủ 14, 15, 42, 158, 221, 855, 1221, giải thoát dục lậu 90,

426, 460, 579, 595, 1222, 1223 H hại giới 1029, 1030, 1038 Hữu học 193, 194, 197, 679, 1083 hại niệm 43, 470 hữu kiến 583, 1023, 1024 hạ liệt 830,831 hữu kiết 654, 663, 673, 966, 967 hạnh bất liễu khả tang ố 587 hữu lậu 15,41,42,43,44, 90,155, 320,426, Hành Bát-niết-bàn 679 460, 579, 595,615,655, 816, 880, 881, hành giới 879, 1038, 1235 893, 1039, 1045, 1049, 1074, 1087, hỏa giới 168,467,556,924, 925,1038,1071 1120, 1122, 1210, 1219, 1254 Hóa Lạc thiên 141, 211, 900, 906, 1063, hữu lậu giới 1039 1200, 1201 hữu sử 630, 631, 632 Hoảng Dục thiên 211, 548, 549, 906 Hữu tưởng vô tưởng xứ 425 học giới 106, 111, 112, 266, 267, 371, 456, hữu vi giới 1039 663, 792, 806, 814, 1039, 1116, 1117, hỷ giới 1038 1118, 1119, 1122, 1123, 1125, 1126, hy lạc 5, 6, 9, 10, 184, 348, 465, 554, 578, 1127, 1204, 1205, 1206, 1227, 1228 644,652, 700, 816, 856, 875,892,939 Hộ pháp 679 940, 961, 966, 969, 1009, 1012, 1015, Hộ tất bất thối Bất hộ tất thối 679 1016, 1029, 1090, 1091, 1103, 1104, huệ thí 101, 102, 145, 924, 928 1119, 1165, 1166, 1167, 1209, 1224, hương giới 1038 1244, 1258 hương xứ 1039 hý luận 723, 732, 741, 742, 743, 744 hữu dục 417, 419 hỷ thức 926 Hữu hành Bát-niết-bàn 24 K Kệ-tha 1,990 khâu nghiệp 61, 405, 406, 720, 721, 788, khả ái 90, 175, 176, 177, 313, 485, 532, 533, 981,1028, 1060 573, 616, 759, 775, 788 789, 807, 808, khẩu tịnh hạnh 127 855, 863, 864, 916, 932, 1096, 1100, khảy 771,855,863,864,932,947,1093,1158, HOI, 1113,1141,1152,1153,1158,1166, 1162,1166,1167,1168,1218,1249 1168,1175,1211,1215,1218,1249 khổ biên tế 83, 84, 85 khả hỷ 313, 532, 533 616, 932, 947, 1162, khổ diệt 146, 151, 155, 178, 206, 215, 221, 1167, 1168, 1249 226,435,436,437,470,493,600,681, khả lạc 176, 177, 532, 533, 616, 788, 789, 683, 700, 748, 821, 884, 885, 1008, 855,863,864,1093,1096,Í141,1154 1009, 1011, 1013, 1035, 1104, 1119, 1158, 1166, 1175, 1218, 1249 1179, 1198, 1199, 1259 khẩu ác hạnh 1158, 1163, 1164, 1165, khổ diệt đạo 14,15,42, 55,90,155,156,165, 1239* 1240 ì 74, 179, 180, 261, 320,460, 579, 595,

1342 < KINH TRƯNG A-HÀM

615, 618, 816, 869, 893, 990, 1045, khổ thức 926 1074,1120,1209,1219,1261,1263 khổ xúc 160, 166, 167, 169, 170, 926 khổ diệt Thánh đế 178 kiến chấp 53, 54, 521, 544, 545, 546, 547, khổ dục 866 548, 1023,1177, 1191 khổ hạnh 78, 79, 80, 83, 84, 85, 86, 88, 89, kiến đáo 1117, 1118, 1130, 1131 570, 588, 589, 590, 591, 592, 693, kiến đạo 1030, 1031 719, 720, 721, 722, 723, 727, 728 kiến giải thoát 238, 291,517 729, 852, 857, 879, 965, 966, 967, kiến sử 630,631,632 969,1215, 1217 kiến thủ 158,589, 592 không đinh 459, 508, 537, 557, 613, 801, kiến vi diệu 90 1072,1109,1110, 1228 kiết-già 17, 36, 89, 148, 184, 198, 201, 228, không giới 467,556,924,926,934,1038,1071 229,230,266,287,302,303,320,349 khôngniệm 41, 70, 313, 350,412, 515, 516, 404,459,461,463,480,513,629,644, 537, 575, 590, 798, 801, 1082, 1268 695,696,710,729,730,775,793 798, không trí 672,933 815, 861, 862, 892, 923, 951, 952, khổ tạp 14, 15, 42, 55, 90, 155, 156, 165, 1045, 1053, 1057, 1058, 1074, 1078, 174, 177, 178, 261, 320, 460, 579, 1092, 1097, 1215 595, 637, 816, 869, 893, 990, 1045, kiết sử 14,22,42,44,105,106,107,119,221, 1074, 1120, 1209, 1219, 1261, 1263 435,436,437,626,646,655, 669, 739, khổ, tập, diệt, đạo 149, 289, 294, 300, 727, 747, 966, 967, 969, 1052, 1054, 1071, 1033, 1034 1072, 1074, 1102, 1103, 1105, 1136, khổ Thánh đế 165, 174, 177,492 1175,1176,1179,1221,1222 khổ thọ 117, 159, 542, 544, 926, 1264 Ký thuyết 1,990, 1094, 1171, 1172

lạc giới 1038 644,693,737,738,799,809,814,816, ỉạcứìọ 117,159,542,544,816,926,983,1264 821,856,863,864,865,866,892,939 lạc thức 926 940, 961, 968, 970, 1007, 1009, 1011, lậu hoặc 433,470, 600, 628, 799 1012, 1015, 1016, 1025, 1029, 1035, Lậu tận trí 893, 1121 1036, 1045, 1065, 1066, 1069, 1071, Lậu tận trí thông 133, 320, 460, 461, 611, 1083, 1090, 1091, 1103, 1104, 1119, 613,816,1045,1120,1209,1219,1236 1153, 1154, 1196, 1206, 1207, 1208, Lệ-xế 483, 484 1209, 1219, 1224, 1227, 1228, 1229, lợi hành 99, 101, 102, 227, 759 1244, 1258, 1267 luật bất si 788, l Ì38,1143,1145,1146,1147 ly hỷ 6, 9, 10, 465, 466, 555, 578, 816, 892, ly ái 906, 1227, 1228, 1229 939 940, 961, 962, 1007, 1009, 1011, ly dục 5, 9, 10, 33, 68, 89, 106, 184, 193, 1012, 1017, 1103, 1104, 1119, 1209, 197, 226, 233, 320, 348, 376, 378, 1224, 1244 381, 382, 384, 385 417, 420, 432 ly sắc 133,470,565,600,821, 863,933,941 459, 465, 470, 492, 495, 496, 497, ly sát 99, 100, 101, 102 521,554,563,565,595,600,629,630, M Ma Ba-tuần 330, 331, 439, 440, 444, 445, mạn sử 630, 631, 632 468, 469, 470, 579, 695, 696, 697, Ma vương 8,9,186,331,372,444,597,641, 698, 699, 701 642, 695, 1022, 1023, 1024, 1025 mạng thanh tịnh 797, 798, 1153, 1213 minh giải thoát 253,254,256,257,258,260

SÁCH ĐẢN 1343

N năm hạ phần kiết sử 15, 23, 24, 221, 434, nhiêu ích 99, 101, 102 435, 436, 437, 470, 600, 821, 922, nhĩ giới 262, 1038 1001, 1177, 1178, 1221, 1222, 1223 nhị thiền 6, 9, 10 năm triền cái 89, 253, 255, 256, 259, 260, nhĩ thức giới 1038 320, 459, 553, 558, 595, 673, 799, nhĩ xứ 1039 816, 1041, 1045, 1074, 1219, 1244 nhĩ xúc 924,931 não hại 64, 69, 70,71, 89,94,100,101,102, nhuế giới 1038 122, 123, 124, 141, 320, 492, 495, nhuế hận 519,520,525,526 496, 522, 523, 593, 646, 697 798 nhuế niệm 470 815, 864, 866, 889, 905, 1045,1074 nhuế sử 630, 631, 632, 1221, 1258, 1259 ngã sở 290, 424, 426 như kỳ tượng định 190, 197, 417, 419, 439, nghiệp ác 59, 87, 98, 99,101,102, 307, 308, 479 600, 657, 695, 821 309, 310, 311, 312, 313, 1027, 1028 như ý túc 33, 181, 182, 183, 184, 185, 206, nghiệp bất thiện 45, 46, 47, 59, 63, 64, 65, 209, 210, 215, 278, 279, 280, 285, 74, 88, 309, 529, 570, 987, 988, 1029 288, 356, 371, 403, 442, 444, 453, nghiệp thiện 59, 64, 75, 98, 100, 668, 987, 459, 461, 471, 483, 484, 491, 492, 988,1029,1182 587, 600, 641, 691, 692, 695, 710, nghi hoặc 87, 89, 90, 91, 99, 100, 101, 102, 724 725, 737, 773, 781, 793 794, 103,115,294,300,320,407,408,409, 795,821,846,856,911,918,919,920, 459,522,523 527,528,535,536,537, 1053, 1057, 1062, 1063, 1135, 1167, 538,613,619,746,749,799,808,815, 1229,1242, 1249, 1256 905, 918, 921, 928, 1045, 1074, 1184, niệm ác 70, 464,553,554,573,574,575,579, 1185,1190, 1227, 1229 600, 820, 821, 1027, 1028, 1092, 1157 ngoại địa giới 165, 166, 925 niệm dục 350, 351, 352, 515, 516, 517, 521, ngoại hỏa giới 168, 925 522, 577, 578, 579, 600, 775, 821, ngoại phong giới 170, 926 1029, 1082, 1092 ngoại thủy giới 167, 925 niệm hại 350, 351, 577, 578, 579, 600, 820, ngũ căn 693 821,991, 1029, 1082, 1092 nhãn ái 490 niệm lực 787 nhãn căn 42, 412, 458, 798, 815, 862, 918, niệm nhuế 350, 351, 577, 578, 579, 600, 1044, 1074 820, 821, 1029, 1082, 1092 nhân duyên 1,498,990, 1171, 1172 niệm tham dục 513 nhãn giới 1038 niệm thân 463,464,465,466,467,468,469, nhẫn nhục 402, 900, 1109, 1110 • 470,471 nhãn thọ 490 niệm tưởng dục 588, 590 nhãn thức 171, 172, 631, 632, 948, 1038, niệm vô dục 577, 578, 1030, 1092 1071,1183 niệm vô hại 577, 578, 579, 1030, 1092 nhãn tư 490 niệm vô nhuế

577, 578, 579, 1030, 1092 nhãn tưởng 490 Niết-bàn 10, 11, 15, 23, 37, 121, 179, 180, nhãn xứ 55,161,175,176,177,178,931,1039 197,199,201,210,223,239,241,243, nhãn xúc 542, 924, 931 245,247,249,251,263,264,268,270, Nhất chủng 679 325,343,356,420,421,425,426,434 nhĩ căn 918, 1264 435,436,437,462,470,481,493,494, nhiếp niệm nội tâm 798 509, 510,511,513,519,520,526,531, nhiếp trì 99, 101, 102, 423, 531, 532, 533, 532,533, 573,574,577,578,584,600, 700, 779 605,606,607,624,626,633,663 673,



684,748,769,780,788,789,799,800, 463,480,629,695,696,775,798, 815, 801,804,805,806,828,855,866,867, 892, 916, 922, 923, 951, 1045, 1058, 868 892, 900, 922, 928, 943, 944, 1092, 1215, 1231, 1237 952, 953, 965, 966, 969, 1001, 1003, nội địa giới 165, 925 1004, 1034, 1101, 1102, 1119, 1120, nội hỏa giới 168, 925 1141, 1177, 1178, 1212, 1213, 1214, nọi phong giới 170, 925, 926 1215, 1217, 1218, 1219, 1223, 1225, nội thủy giới 167, 925 1230, 1260 nội xứ 489, 498, 1071 ni-sư-đàn 17, 36, 89, 148, 184, 185, 194, 265, 266, 287, 320, 404, 455, 459,

phá giới 460, 461 pháp vị tằng hữu 181, 182, 183, 184, 185, Phạm chí Chiên-đà-la 895, 898 186,187,191,192,193,194,195,197 phạm giới 17, 18, 19, 20 21, 22, 59, 205, 198,200,201,203,204,205,206,207, 214, 220, 245, 247, 460, 461, 501, 210,211,214,215,216,218,219,222 502, 504, 505, 531, 533, 1040, 1121, 229, 230 231, 233, 234 1137, 1138, 1139, 1140, 1191 pháp xứ 490, 1039 phàm phu 38,41,42, 80,144,145,146,166, phát lồ 59, 124, 125, 515, 516, 517, 788, 167, 169, 170, 290, 617, 884, 885, 929, 1137, 1138, 1139, 1140, 1143, 933, 965, 966, 968, 969, 970, 1040, 1144, 1145,1146, 1147 1103, 1217, 1218 phiền nhiệt 78, 79, 90, 148, 317, 433, 489, Phạm Thân thiên 211 490,491,492,493,494,497,498,622 Phạm thiên 8, 9, 32, 33, 141, 142, 275, 352, 686, 876,893,1045,1049,1050,1074, 439,440,441,442,443,444,445,459, 1093, 1094, 1096,1177, 1191 548,549,603,641,642,692,693,696, Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ 487, 492, 700, 738, 749, 750, 771, 773, 793, 521, 549, 550,551,603,604,627,927, 794, 795, 828, 837 838 839, 840, 933 935 941, 963, 1008, 1010, 1013, 841, 842, 843, 844 845, 858 859, 1020, 1025, 1061, 1104, 1214 871, 872, 873, 874, 881 895, 896, phi Phạm hạnh 68, 206, 216, 294, 300, 334, 900, 906, 913, 961, 974, 1053, 1057, 338,339,359,362,457,522,523 814, 1063, 1177 1072, 1196 pháp bất thối 15, 434, 435, 436, 437, 470, phóng dật 64, 65, 139, 307, 308, 309, 310, 600, 922, 1001, 1178 314,353,357,407,408,409,410,413, pháp chân đế 485, 486, 487 414,415,420,426,427,429,464 465, pháp diệt tránh 788 466,467,468,498,513,524, 527, 528, pháp đối trị 523 577, 578, 579, 589,592,600,619,624, pháp giác đạo 834, 835, 836 628,644,662,706,746,779,780,786 pháp giới 120, 1038, 1041 836, 893, 907, 928, 991, 1021, 1022, pháp hữu vi 780, 927 1023, 1024, 1093, 1095, 1120, 1129, pháp lạc tướng 939 1130, 1131, 1132, 1149, 1150, 1213, pháp thiện thú 834, 835, 836 1214 pháp tịch diệt 834, 835, 836 phong giới 170, 467, 556, 924, 925, 926, pháp tịch tịnh 107, 834, 835, 836 1038, 1071 pháp tiệm giảm 521, 523 phú kết 519, 520, 525, 526, 527, 528, 531, pháp tướng 798, 815, 939, 1044 533, 589, 590, 592 pháp tương vi 121, 122 phú tàng 515,517, 650, 1136 pháp tùy pháp hành 1096, 1108

Q Quảng giải 1,990, 1171, 1172 quán thân như thân 553,554,555,556,557,798 quang minh tưởng 456, 466, 511, 555 quán thọ như thọ 557 quán pháp như pháp 491, 553, 558, 1083 Quả Thát thiên 211,962 quán tâm như tâm 553, 557 quý lực 787

sắc ái 159, 628, 863, 932, 941, 1093 sân triền 519, 520, 525, 526, 527, 528, 531, Sắc Cứu Cánh thiên 748 533, 589, 590, 592 sắc giới 1038, 1039 Sát-lợi 2, Ì7,18,19,20,21,22,197,206,207, sắc tướng 73, 181, 203, 210, 211, 228, 229, 210, 216, 284, 287,313, 333, 360 361, 748, 749, 798, 815, 874, 875, 877, 362 363 364, 365,371,402, 508, 640, 939, 943, 944, 952, 1044 748, 772, 773, 812, 827 829 830, 831, sắc vị 798,815, 891, 1044 832, 833, 834, 835, 838, 839, 840, 841 sắc xứ 1039 842, 843 845, 856, 861, 872, 873 879, Sanh Bát-niết-bàn 24, 679 880, 881, 889, 897, 898, 1158, 1159, sanh nhuế niệm 43 1168,1240, 1241, 1247 Sanh tử trí 460, 461, 471, 600, 821, 893, sáu giới tụ 924 1062, 1120 sáu xúc xứ 627, 628, 924, 931 Sanh xứ 1,990, 1171, 1172 Soạn lục 1,990, 1171, 1172 sân nhuế 15, 64, 69, 70, 79, 89, 90,91, 100, sở hành 186, 543, 747, 801, 1010, 1011, 101,102,122,123,124,221,266,267, 1012, 1015, 1016, 1017, 1018, 1019, 269,320,370,385,389,403,423,432, 1020, 1087 459 492, 495, 513, 523, 535, 536, sở kiến 64, 91, 98, 99, 177, 178, 180, 603, 537, 558, 593, 613, 650, 663, 685, 604, 650, 984, 985, 986, 987 686, 687 693, 775, 799, 808, 815, sơ thiền 5, 9, 10, 184 823, 824, 855, 905, 974, 1001, 1045, sở tri 91, 98, 99, 177, 178, 180, 603, 604, 1049, 1074, 1110, lin, 1112, 1221, 650, 684, 984, 985, 986, 987 1222, 1227, 1228, 1259 sổ tức 267, 269, 270 T tà giải thoát 145 tâm sở hữu pháp 794, 795 tà kiến 42,53,54,64,69,73,74,75,99,100, Tam Thập thiên 5,6,33,141,211,228, 101, 102, 145, 290, 305, 306, 366, 229,279,280,325,340, 341,342,379, 370, 439, 460, 521, 527, 528, 579, 380,691,692,700,733, 735, 736,737, 589, 592, 594, 667, 693 754, 872, 738, 746 747,749, 750,900,906,944, 873, 893, 983, 984, 985, 986, 987, 1063, 1200, 1201 988 994, 995, 996, 997, 1003, 1004, tam thiền 6, 9, 10 1047, 1048, 1049, 1080, 1081, 1082, Tăng-già-bà-thi-sa 638, 639 1083, 1084, 1120, 1126, 1127, 1136, tăng thượng mạn 522, 523, 665, 975, 1157,1165, 1239, 1240, 1243 1204, 1206 tám chi Thánh đạo 55,75,91, 155, 156,157, tăng thượng tâm 8, 9, 417, 418, 521, 573, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 206, 574, 575, 681, 983, 1094, 1095, 1100, 215, 497, 513, 615, 616, 617, 618, 1102, 1119,1135 741,869, 965, 1135, 1254, 1255 tập khởi 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, tàm lực 787 161,162,163,443, 540,541, 542, 543 tam minh 654, 732 549,583 626 627,769 779,863, 864, tâm pháp 794 927 1040, 1093,1186, 1192



tật đố 366, 369, 370, 515, 516, 517, 525, Tha tâm trí 192,196,213,214,404,417,439, 526, 527, 528, 531, 533, 588, 589, 459,461,471,600,619,620,621,622 591,650, 978,1047,1048,1136 623 624 657, 661, 821, 920, 1062 tà trí 146, 1080, 1083, 1084 Tha tâm trí thông 146, 375, 376 Tha Hóa Lạc thiên 141, 211, 900, 906, Thật trụ pháp 679 1063,1201 Thich-ca 1332 tham dục 15, 179, 221, 362, 474, 475, 476, Thiên Đế-thích 280,284,340,341,641,642, 477,513,557,617,644,650,663,671, 691,692, 771 672, 775, 777, 808, 869, 1069, 1222 thiền định 27, 99, 100, 101, 102, 325, 599, thân ác hạnh 78, 79, 305, 306, 1158, 1162, 600, 673, 735 1163, 1164, 1165, 1224, 1239, 1240 Thiện Hiện thiên 211

thân căn 458, 696, 1264 Thiện Kiến thiên 211 thân chứng 326, 327, 328, 329, 420, 429, thiên nhãn trí 600 550,551,579,595,596,600,611,613 thiên nhĩ 49, 273, 325, 459, 461, 463, 471, 649,662,663,679 721,909,910,917, 821,862,1062 935, 1117, 1118, 1130, 1131, 1135 thiền tịnh 585, 624, 1027 thắng giải 423,424,425, 1227, 1228, 1229 thiền tọa 579, 585, 586, 595, 596, 599, 600, thân giai 925,926, 1038 628, 629, 661, 734, 871, 989, 1085 Thăng tấn pháp 679 thiện xứ 18, 19, 20, 21, 22, 64, 69, 70, 73, Thánh đệ tư 5 6, 8, 9, 10, 11,41,42, 51, 64, 74,75,78,98,100,129,290,376,377, 65, 68, 69 70, 71, 99, 100, 101, 102, 378,379,380,381,382 383,384 385, 141, 166, 167, 169, 170, 177, 178, 527,528,651,668,684,698,752, 896, 179, 180, 236, 238, 285, 286, 290, 1040, 1041, 1081, 1120, 1166, 1167, 291 423, 424, 426, 494, 495, 496, 1168,1179 498, 517, 569, 571, 651, 681, 682, thiệt căn 1264 683, 819, 820, 821, 989, 1029, 1030, thiệt giới 1038 1153, 1154, 1155, 1196, 1197, 1198, thiệt thức giới 1038 1199, 1200, 1204, 1205, 1206, 1207, thiệt xứ 1039 1208, 1209, 1218, 1253 thiệt xúc 924, 931 Thánh giáo 535 thiểu dục 35 36, 233, 266, 267, 269, 270, thanh giới 1038 317, 318, 319, 320, 509, 510, 1053, Thánh giới 458, 815,1073,1074,1153,1255 1056, 1092, 1094, 1228, 1229 Thánh pháp 41, 42, 95, 314, 617, 672, 673, Thiểu Quang thiên 211 683,693, 1192, 1218, 1253, 1263 Thiểu Tịnh thiên 211 Thánh Pháp, Luật 125, 521, 1118, 1204, thọ giới 28, 297, 584, 638, 639, 640, 704, 1206, 1209 706, 869, 885, 1038, 1251 Thánh trí tuệ minh đạt 111, 112 Thối pháp bất thối pháp 679 thanh xứ 1039 Thọ Phước thiên 211 thân kiến sử 1221 thọ thân 166, 167, 168, 169, 170, 171, 490, thân nghiệp 59, 88, 405, 406, 720, 721, 653,928,976 1028, 1060 thức thân 490 thân thọ 557,616, 1209 Thức trí 940, 941 thân thức giới 1038 Thức xứ 484,487, 1213 thân tịnh hạnh 127, 128, 129 thủ hộ 49, 50, 99, 101, 102, 106, 112, 118, thân tránh 535, 536, 537, 538,613 119,132,229,230,266,267,269,270, thân xứ 1039 285,316,336,354,371,456,463,473 thân xúc 924, 931 474,480,484,498,540, 541,612,614,



659, 664, 693,696, 742, 743, 773, 442, 451, 499, 501, 594, 595, 651, 797 798, 806,814, 815, 825, 857, 655, 677, 712, 780, 791, 792, 794, 862, 879 887889, 924, 983, 984, 795, 822, 856, 864, 894, 963, 1098, 985, 986, 987, 988, 1044, 1045, 1058, 1133, 1134, 1216, 1240, 1241, 1242, 1072, 1074, 1109, 1110, 1135, 1136, 1245, 1247, 1249 1137,1139,1153,1195,1213,1216 tối thượng 148, 165, 173, 178, 180, 207, Thượng lưu sắc Cứu Cánh 679 32Í 330, 378, 403, 439, 440, 441, Thử thuyết 1,990, 1171, 1172 442,493,513,594,595,611,620,625 Thuyết nghĩa 1,990, 1171, 1172 626,646, 651, 676, 677,712,732 thủy giới 167,467,556,924,925,1038,1071 735, 748, 780, 791, 792, 794, 795, thụy miên 89, 90, 91, 320, 432, 453, 459, 801, 822, 856, 866, 867, 894, 900, , 522, 523, 527, 528, 535, 536, 537, 919,924, 932, 963, 1098, 1152, 1154, 558,613, 787, 799, 808, 815, 1045 1213, 1214, 1216, 1240, 1241, 1242, tịch diệt 55, 167, 168, 170, 171, 653, 667, 1245, 1247, 1249 668, 707, 769, 791, 819, 900, 928, Tôn giả A-na-luật-đà 189, 323, 324, 325, 932 933, 1016, 1017, 1018, 1019, 404,405,406,412,417,419,421,431 1020, 1223 432,433,434,438,447,448,449,450, tín căn 8, 9, 1067 451,452,453,454,455,456,461,462 Tín giải thoát 679 1051, 1052, 1054, 1059, 1060, 1061, Tín hành 679 1062, 1063 Tịnh bất động đạo 423, 424, 426 Tôn giảA-nan 110, 111, 122, 181, 187, 190, tĩnh chỉ 90, 100, 101, 102, 235, 236, 237, 191,192,193,194,195,196,197,198, 241, 243, 245, 247, 251, 263, 406,

209,210,211,223,224,225,226,235, 411412,418,432,433,465,554, 573, 236,238,277,281,293,304, 330 333 574, 575,578 611,627,650,664, 862, 342,343,352,419,425,426,455,461, 869 926, 927, 928, 1049, 1090, 1091, 489,497,498,509,526,539,544 545, 1103, 1123 546, 547,551,619,620,621,622,623, Tịnh Quang thiên 442, 449, 451, 452 624,633,636,639,640,642,782,783 tinh tấn lực 787 784, 785, 791, 792, 795, 803, 804 tĩnh tọa 43, 111, 119, 153, 174, 181, 185, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 957, 192, 196, 325, 353, 404, 405, 417, 958, 959, 982, 983, 988, 1033, 1036 426, 433, 434, 463, 479, 480, 483, 1037, 1038, 1039, 1041, 1051 1054, 484 489, 498, 509, 510, 521, 524, 1079, 1080, 1085, 1088, 1089, 1093, 532, 533, 539 619, 630, 631, 632, 1095, 1096, 1133, 1134 1135, 1136, 645, 733, 746, 786, 806, 862, 901, 1141,1211,1219,1222, 1225 902, 907, 916 923, 937, 938, 942, Tôn giả Bàng-kỳ-xá 654, 655 945, 946, 948, 949, 1037, 1055, 1059, Tôn giả Ca-chiên-diên 1052 1077, 1079, 1080, 1092, 1094, 1095, Tôn giả Ca-diếp 383, 384, 386, 387, 388, 1097, 1119, 1143, 1211, 1227, 1228, 389, 390, 391,392, 509 1229,1234, 1235, 1261 Tôn giả Châu-na 519, 520, 982 Tinh vô sở hữu xứ đạo 424, 426 Tôn giảĐàm-di 689, 690, 692, 693 tín lực 787 Tôn giả Da-xá 189, 190 tối diệu 378, 439, 440, 441, 594, 595, 627, Tôn giả Lệ-việt 509 651, 677, 766, 767, 780, 791, 792, Tôn giả Mãn Từ Tử 35, 36, 37, 38, 39, 40 794, 795, 822, 856, 864, 963, 1098, Tôn giả Ô-đà-di 109, 110, 645, 646, 647, 1240, 1245, 1247 1097,1100, 1102, 1105 tối thắng 141, 207, 288, 378, 439, 440, 441, Tôn giả Sa-môn Nhị Thập ức 661,662, 664

1348 KINH TRUNG A-HÀM

Tôn giảưu-ba-ly 1143, 1144, 1145, 1147 147, 148, 153, 199, 315, 325, 353, TôngiảXá-lê-tír 35,36 37,39,40, i35,136, 421, 473, 515, 585, 653 803, 807, 137, 139, 140 141, 142,243,244, 247 808, 829, 849, 943 944, 951, 953 Tôn giảXá-lợi-phất 105, 106,109,110, 115, 981,993, 1149, 1231,1237, 1261 116, 117,118,119,120,121,122,125, trừ hoặc 89, 103, 149, 320, 727, 739, 740, 127,129,143,144,146,147,148,149, 741, 742, 743, 744, 745, 869, 873, 150,151 153 154 155 156 157 158 1045, 1049, 1210, 1251 159,160,161,162,163,165,172,174, Trung Bát-niết-bàn 23, 24, 679 180,189,193,194,353,357,499,501, trung giới 1039 507,508,509,510,511,513,537, 538, tứ chánh đoạn 1256 653 654 681, 684, 1261, 1262, 1263, Tư-đà-hàm 144,145,146,206,215,221,226, 1264, 1265, 1266, 1267, 1268 493, 679, 884, 885,1035,1198, 1199 Tôn giả Xá-lợi-tử 131, 134, 1051, 1052, Tư-đà-hàm hướng, Tư-đà-hàm quả 682 1053, 1Ở54, 1055, 1056, 1057 tuệ giải thoát 6,111,113,371, m l, 550,586, trạch pháp giác chi 271 600,654,663,664,679,792,794,795, trai phước 64, 69 807, 809, 821,1023,1062,1117, 1118, trai tế 98,99, 100, 101, 102 1130.1131, 1193, 1219, 1263 trạo cử 64, 69,480,481, 522, 523, 527, 528, tuệ lực 787 535, 536, 537, 1049 tự giác 6, 54, 55, 64, 67, 69, 81, 88, 93, 98, trạo hối 89, 90, 91, 453, 613,629, 630, 799, 100,111,113, 198,225,314, 326, 327, 815,1045, 1074 328, 329, 371, 420, 427, 429, 471, trì giới 14, 15, 94, 269, 289, 300, 323, 434, 600, 662, 663, 668, 703, 706, 792, 435,436,437,438,484,531,533,637, 794,795,807,813,821,852,853,909, 727, 801, 825, 826, 846, 1029, 1199 910.917.991.1062.1081.1130.1131, tri túc 266, 267, 269, 270, 317, 318, 319, 1135, 1152, 1192, 1213, 1214,1219 320,417,419,420,458,509,510,677, tự giác đạo tích 769 806, 815, 1053, 1056, 1073, 1074, tứ như ý túc 1256 1092, 1094, 1228, 1229, 1234, 1235 tứ niệm xứ

1256 trí tuệ 9, 10, 14, 15, 35, 36, 50, 53, 75, 111, tưởng giới 1038, 1199, 1268 112,1Ì5,116,191,192,267,269,270, tưởng thân 407,408, 409,410,490 273,274,276,277,286,291,294 300, Tưởng tri diệt định 484 319,320, 326, 327, 333, 336 337, 345 Tư pháp 679 354 355,356 359 362 371,372 380, tự tác chứng 6, 64, 67, 69, 111, 216, 471, 381 385,388 417,419,420,434 435 668, 723, 792, 794, 795, 807, 813, 436,437,438,535,577,578,579,631, 821, 852, 853,991, 1062, 1081, 1130, 637,640,672,683,684,690,701,716, 1131,1213,1214, 1219 721,723,730 731 755,761,762,763, từ tâm 283, 402, 484, 771, 773, 834, 839, 764, 765, 780, 801, 807, 811, 812, 825, 857,885 826, 827, 828, 831, 832, 855, 861,902, từ tâm giải thoát 64 909,910,911,914,919,924,925,926, tu tập đạo tích 769 933,943,944 947,952,953,969,976, tư than 490 979,980,990,1005,1006,1033,1034, tứ thiền 6,9,11,89,226,233,809,821,1104 1037, 1038, 1051, 1053, 1054, 1056, Tứ Thiên Vương 33, 141, 148, 210, 394, 1066, 1067, 1075, 1078, 1079, 1120, 692, 899, 900, 906,1063, 1199, 1200 1157, 1165, 1166, 1168, 1174, 1175 tự tri 6, 54, 55, 64, 67, 69, 81, 88, 93, 98, 1177 1210, 1235, 1238, 1261, Ì262 100,111, Ì13,198,225,326, 327, 328, Trúc Lâm 35, 57, 131 135, 136, 140, 141, 329,371,420,427,429,471,600,662,



663,668,703,706,792,794,795, 807, 435,436,492,493,494,503,506,537, 813,821, 838, 839, 840,841,852, 853, 557,558,559,638,639,640,641,667, 909 910, 917, 991, 1062, 1081, 1130, 722, 723, 726, 727, 728, 729, 1034, 1131, 1135,1152, 1213, 1214, 1219 1090, 1095, 1096, 1107, 1117, 1227, tùy tín hành 1117, 1118 1228, 1229, 1235, 1253 1254, 1255, tỷ căn 1264 1256, 1257, 1258, 1259, 1260 ty giới 1038 tỷ thức giới 1038 Ty-kheo Chất-đa-la Tượng Tử 473, 477 Tỳ-xá-ly 77 Ty-kheo-ni 81,135,192,196,197,200,205, tỷ xứ 1039 214,318,324,353 354,355,356,357,

U ức niệm 180, 788, 1137, 1138, 1143, 1144, 684, 689, 690, 722, 723, 726, 727, 1145,1146,1147 728,729,980,1090,1095,1096,1117, ức túc mạng trí thông 459 1210, 1235 ưu-bà-di 81, 135, 192, 196, 197, 205, 214, mi giới 1038 324, 437, 438, 503, 506, 667, 722, tru hỷ 578, 816, 939, 1017, 1018, 1030, 723, 726, 727, 728, 729, 737, 1090, 1224, 1259 1095, 1096, 1117, 1235, 1253, 1260 ưu thắng 830, 831, 872 ưu-bà-tắc 81, 135, 192, 196, 197, 205, 214, iru thức 926 324, 436, 437, 503, 506, 667, 681, V viên quán 75, 313, 314, 315, 336, 337, 356, Vô Lượng Quang thiên 211 643,699 vô lượng tâm giải thoát 448, 449 vị giới 1038 Vô lượng thức xứ 548, 550, 603, 604, 927, Vị tằng hữu pháp 1,990, 1171, 1172 933, 935, 940, 941, 962, 1008, 1010, vị xứ 1039 1011, 1013, 1019, 1020, 1086, 1087, vô cầu 6,9,10,231,578,816,892,939,940, 1104,1213, 1225 961, 1007, 1009, 1011, 1012, 1017, Vô Lượng Tịnh thiên 211 1103, 1104, 1108, 1115, 1119, 1204, vô minh giới 1038 1209, 1224, 1244 vô minh lậu 15,41,90, 155, 320, 426, 460, vô định 522,523535 579 595, 615, 651, 816, 880, 881, vô dư 38, 655, 1066, 1135, 1193, 1219 893, 1045, 1049, 1074, 1087, 1120, vô dục giới 1030, 1038 1210, 1219 Vô dư Niết-bàn 23, 25, 37, 38, 39, 325,420, vô minh sử 630, 631,632, 1259 421,426,519, 520, 769 vô ngã sở 425, 426 vô hại giới 1030, 1038 Vô Nhiệt thiên 211,443, 603 Vô hành Bát-niết-bàn 24, 679 vô nhuế giới 1038 vô học căn 663 vô niệm 522, 523, 535 vô học giới 663, 1039 Vô Phiền thiên 211,443, 603 vô kiến 583,

1023, 1024 Vô Quái Ngại thiên 211 vô ký giới 1039 vô quý 513, 515, 516, 517, 519, 520, 522, vô lậu giới 1039 523, 525, 526, 527, 528, 531, 533, Vô lượng không xứ 548, 549, 550, 603, 604, 589, 590, 592, 1136 927, 933, 935, 939, 940, 941, 962, vô sắc ái 159, 628 1008, 1009, 1010, 1011, 1013, 1018, vô sắc định 133 1019,1086,1087,1104, 1224,1225 vô sắc giới 1038, 1039



vô sở hữu tưởng 492 Vô Thượng Sĩ 34, 67, 93, 281, 304, 328, Vô sở hữu xứ 424, 426, 484, 487, 549, 550, 329, 342, 352, 583, 595, 667, 668 551, 603, 604, 616, 927, 933, 935, 682,703,735,737,813,886,906,909, 940, 941, 962, 963, 1008, 1010, 1011, 910, 916,917, 924, 1027, 1028, 1031, 1013, 1019, 1020, 1087, 1104, 1213, 1094,1152, 1193, 1198, 1218, 1244 1214,1225, 1268 vô tín 801 Vô sở hữu xứ tưởng 424,426, 963 vô tránh 663, 664, 965, 969, 970, 971 vô sởúy 103,291,749,869,873,1210,1251 vô trước 179, 180,654 vô tàm 513, 515, 516, 517, 519, 520, 522, Vô tưởng tâm định 477, 1087 523, 525, 526, 527, 528, 531, 533 Vô tưởng trí 940, 941 589, 590, 592, 1136 Vô tưởng xứ 425 vô thường 31, 32, 118, 156, 166, 167, 169, vô vi giới 1039 170, 175, 267, 268, 269, 270, 285, vườnCa-lan-đa 57, 131, 135, 136, 140, 141, 290, 291, 423, 424 426, 481, 493 147,148,153,199,315,353 473,515, 498, 544, 565, 626, 627, 651, 698, 585,653,803,807,829,849,943,944, 713, 714 715, 820, 867, 885, 927, 951,953, 981, 993, 1021, 1149, 1231, 932, 933, 966, 967, 1093,1225,1258 1237, 1261 Vô thượng Chánh tận 553, 577 vườn Cù-sư-la 395, 519, 521

xả dục niệm 141 777,779,791,797,811,819,823, 827, xả giác chi 271,497, 558, 788 837, 871,883,887,895 899,901,922, xả giới 22, 115, 474, 475, 476, 477, 661, 931,937,951,952,953 957,961,973, 707, 708, 711, 1038, 1040, 1191 974, 975, 980, 989, 999, 1007, 1027, xả niệm thanh tịnh 6, 9, 11, 578, 816, 892, 1037, 1069, 1077, 1085, 1107, 1115, 939,940,962,1008,1009,1011,1013, 1116, 1117, 1157, 1169, 1181, 1195, 1017, 1018, 1030, 1104, 1119, 1209, 1211, 1221, 1227, 1247, 1253 1224,1245, 1259 xích chiên-đàn 643, 779, 801 xả thức 926 xí thạnh 55, 1007, 1008, 1009, 1010, 1012, Xá-vệ l, 5, 7, 13, 23, 36, 38, 39, 45, 53, 63, 1013 105,109,115,121,127,135,136,143, xuất yếu 43, 142, 151, 173, 439, 440, 441, 149, 150, 165, 173, 181, 193, 235, 494, 495, 496, 497, 498, 549, 550, 237 239, 241, 243 245, 247, 249, 561,563,564,565,583,626,627,654, 251, 253, 255, 259, 263, 269 271, 676,677,788,789,808,855, 863,864, 273 277, 283, 305, 315 343 439 1049,1133,1134,1141, 1212,1218 447, 448, 455, 485, 489, 525, 531, xúc giới 1038 535 537, 561, 573, 577, 599, 603, xúc thân 490 605,609,611,613,625,627,643,645, xúc xứ 627, 628, 924, 931, 1039 649,651,661,667,671,675,679,681, xuyên lậu giới 460, 461 685,689,706,737,761,769,771,775, Y ý ác hạnh 78, 79, 153,305, 306, 1158, 1162, yểm túc 68 1163,1164, 1165, 1239, 1240 y giới 1038 ý ái 490 y nghiệp 50, 60, 61, 88, 405, 406, 720, 721, y bất mạn 486 724, 788, 981, 1060, 1141 y căn 42,458,798,815,862,1044,1074,1265 y Tăng-già-lê 195, 343,456,458, 480, 511 yểm ly 517, 1009, 1010, 1186, 1224 ý thọ 490, 641



ý thức giới 1038 y uất-đa-la-tăng 343,480 ý tinh hạnh 127, 128, 129 y Ưu-đa-la-tăng 456, 511 y tư 111,112,154,490,806,1052,1054,1094 y xứ 55, 161, 172, 175, 176, 177, 178, 489, y

tưởng 192, 195, 199, 200, 209, 210, 266, 931, 1039, 1071 480, 490, 793, 794, 795, 866, 1003, ý xúc 490,542,924,931 1085, 1086,1087, 1221

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC CÚNG DƯ0NG PHÁP BẢO CAO QUÝ

z trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử í đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

-Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: 3.000 bộ. -Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: 1.500 bộ. -Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: 500 bộ. -Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu trí thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn. Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thực hiện

VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM 750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIÊT NAM  TẬP 18
TAM TẠNG PHẬT GIÁO BỘ PHAI - 02
KINH TRUNG A-HAM
()
Việt dịch: VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC HẢI ĐỨC- NHA TRANG
Hiệu đính: Hòa thượng THÍCH THIỆN SIÊU
Chiu trách nhiệm xuất bản Giám đốc - Tổng Biên tập ĐINH THỊ THANH THUÝ

Biên tập Nguyễn Thị cẩm Hồng, Nguyễn Thị Kim Phước

Sửa bản in ĐĐ. Thích Tâm Kính, se. Huệ Tịnh, Ngọc Thanh, Thủy Tiên, Khánh Ly, Ngọc Hạnh, Liên Nguyệt, Yên Nhiên, Hồng Anh

Trình bày Đặng Thái Trung, Văn Dũng

Bìa Đặng Thái Trung

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ Hồ CHÍ MINH
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q l, TP.HCM
ĐT: (028) 38225340 - 38296764  38247225 - Fax: 84.28.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP l
62 Nguyễn Thị Minh Khai, p. Đa Kao, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 256 804
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2 86 - 88 Nguyễn Tất Thành, p. 12, Q.4, TP.HCM - ĐT: 39 433 868

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 3 88-90 Ký Con, p. Nguyễn Thái Bình, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 216 009

GIAN HÀNG MOI- ĐƯỜNG SÁCH TP.HCM Đường Nguyễn Văn Bình, p. Ben Nghé, Q.l, TP.HCM - ĐT: 38 238 191

Thực hiện liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh
In: 6.000 bản, khô: 19 x 27 em, tại Công ty cp In Khuyên học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu cổng nghiệp Tân Phủ Trung, Củ Chi, TR HCM.
ISBN 978-604-335-726-4
XNĐKXBsố: 613-2022/CXBIPH/04-47/THTPHCM
QĐXB số: 104/QĐ-THTPHCM-2022 ngày 08 thảng 3 năm 2022
ISBN: 978-604-335-726-4
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*